

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG - TẬP 31/3

PHẬT LỊCH 2560 - 2016

LUẬN TẶNG PHẬT GIÁO
TUỆ QUANG

TẬP 31/3 - No. 1597 - 1604

SỐ 1598
NHIỆP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
Quyển 6

*Vô Tính Bồ-tát tạo luận
Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

4 - Ngộ nhập tướng sở tri

Luận nói: Như vậy là đã nói về tướng sở tri, còn ngộ nhập tướng sở tri thì như thế nào?

Phải thấy rằng sở y của đa văn huân tập không thuộc về thức A-lại-da mà như là thức A-lại-da huân tập thành chủng tử. Cái đa văn huân tập đó thuộc về tác ý đúng lý, từ pháp tương tự, nghĩa tương tự mà sinh ra có sở thủ tương tự hữu kiến ý ngôn.

Giải thích: Bồ-tát tu tập nghiệp như vậy rồi, nếu nhập hiện quán phải biết tướng. nay sẽ nói rõ. Sở y của đa văn huân tập, nghĩa là nơi Đại thừa mà khởi đa văn, nghe pháp nghĩa rồi huân tâm tâm pháp liên tục sở y. Người ít nghe không được nhập hiện quán này. Như Kinh Bạc-già-phạm Giáo Thụ Tôn Giả La-hỗ-la nói như vậy: Nguyễn xin Thế Tôn dạy cho con pháp hiện quán. Thế Tôn bảo rằng: Ông đã thụ trì chính pháp tạng chưa? La-hỗ-la nói: Thưa Thế Tôn chưa. Thế Tôn bảo: Ông nay hãy thụ trì pháp tạng. Những pháp tạng này chẳng phải thau nhiếp trong thức A-lại-da. Nghĩa là chỗ sở y này

là từ nơi pháp giới rất thanh tịnh lưu xuất, đối trị chúng nên chẳng phải gồm trong tính của chúng vì mâu thuẫn với chúng. Như thức A-lại-da thành chủng tử, nghĩa là như thức A-lại-da có thể làm nhân cho tất cả pháp tạp nhiễm. Tính sở y này có thể làm nhân cho tất cả pháp thanh tịnh. Chỉ có tính nhân giống nhau cho nên được làm dụ, chẳng phải nhất thiết chủng, như có tụng rằng:

*Vì muốn lợi ích thường phóng dật,
Mù bả sinh chẳng quán tự lực,
Chư Phật giáng linh hiện thế gian,
Vì chúng tuyên thuyết vi diệu pháp.
Vị như vô giá ngọc Ma-ni,
Trừ được các độc, không nghĩ bàn.*

Nói pháp tương tự, nghĩa là khế kinh v.v...như 10 địa v.v... Nói nghĩa tương tự, nghĩa là tính vô ngã sở thuyên v.v... của chúng, tương tự hành tướng của chúng mà sinh khởi, cho nên nói là tương tự pháp tương tự nghĩa mà sinh. Tương tự sở thủ, nghĩa là như sở thủ của chúng mà hiển hiện. Nói hữu kiến, nghĩa là chung cả nhĩ thức. Nói ý ngôn, tức là ý thức. Hoặc cùng với tính sở thủ năng thủ của kiến phần. Đây tức an lập tự tính sở y của sở thủ năng thủ, như trước đã nói.

Luận nói: Ở đây ai là người có thể ngộ nhập tướng sở tri?

Là Bồ-tát có sự huân tập đa văn liên tục pháp nghĩa Đại thừa, đã được gặp và phụng sự vô lượng chư Phật xuất hiện ở thế gian, đã được hoàn toàn quyết định thắng giải, đã khéo tích chứa các thiện căn, khéo cụ bị hành trang phúc đức và trí tuệ.

Giải thích: Dụng và dụng cụ đều đợi người làm, cho nên hỏi ai là người có thể ngộ nhập. Đáp câu hỏi này nói là Đại thừa đa văn huân tập liên tục. Nghĩa là y theo pháp Đại thừa mà khởi đa văn huân tập liên tục. Đã được gặp và phụng sự vô lượng chư Phật xuất thế,

nghĩa là do sự liên tục này nên được hiện tiền gặp và phụng sự chư Phật xuất thế. Đã được hoàn toàn quyết định thắng giải, nghĩa là do gặp và phụng sự Phật nên sinh tin hiểu sâu sắc Đại thừa, không bị ác hữu dẫn dắt khiến sinh do dự. Do 3 nhân duyên đa văn Đại thừa này nên khéo tích chứa vô lượng thiện căn. Đó là Bồ-tát khéo cụ bị hành trang phúc đức.

Luận nói: Từ đâu có thể ngộ nhập?

Tức là từ nơi cái thấy tương tự pháp, tương tự nghĩa của pháp tướng Đại thừa sinh khởi thắng giải hành, trải qua trong các giai đoạn kiến đạo, tu đạo, cứu cánh đạo, tất cả các pháp chỉ có tính duy thức, tùy theo chỗ nghe mà hiểu rõ vượt trội, thông thấu đúng như lý, đối trị tất cả chướng và lìa tất cả chướng.

Giải thích: Từ đâu có thể ngộ nhập, đó là hỏi cảnh sở nhập và vị năng nhập. Nghĩa là nơi hữu kiến kia v.v...nghĩa là nơi Đại thừa pháp tướng sở sinh, quyết định hành tướng ý thức tương tự pháp tương tự nghĩa có thể nhập cảnh giới này. Năng nhập là dụng. Cảnh giới sở nhập là nghiệp, là tri. Nơi ý thức này hoặc có thể ngộ nhập tại thắng giải hành địa. Trong tính duy thức nơi tất cả các pháp, chỉ tùy theo nghe mà sinh thắng giải, nên hoặc có thể ngộ nhập trong kiến đạo vì ý thức thông đạt như lý. Trong đây thông đạt như lý, nghĩa là thông đạt chúng là phi pháp phi nghĩa phi sở thủ phi năng thủ. Hoặc có thể ngộ nhập trong lúc tu đạo, do tu tập này đối trị các chướng phiền não sở tri. Hoặc có thể ngộ nhập trong cứu cánh đạo, vì cực kỳ thanh tịnh lìa các chướng. Như vậy 4 thứ là năng nhập vị.

Luận nói: Do cái gì có thể ngộ nhập?

Do sức thiện căn trụ vững duy trì, nghĩa là 3 thứ tướng mài luyện tâm, đoạn dứt 4 xứ, duyên cảnh của pháp và nghĩa, thường xuyên gia hành tu chỉ quán một cách cẩn trọng không buông lung phóng túng.

Giải thích: Do cái gì có thể ngộ nhập, đây là hỏi nguyên nhân ngộ nhập. Nghĩa là do nguyên nhân gì có thể ngộ nhập. Do sức thiện căn duy trì v.v..., nghĩa là tuy có sức thiện căn mà tâm hoặc thoái khuất, cho nên nói 3 thứ tướng luyến mài cái tâm v.v...

Luận nói: Trong vô lượng thế giới có vô lượng vô số nhân loại hữu tình mỗi sát-na mỗi sát-na chứng giác ngộ vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Đó là sự mài luyến tâm thứ nhất. Do niềm vui này mà có thể hành thí v.v... các Ba-la-mật-đa. Ta đã được niềm vui này ta sẽ dụng công tu tập bố thí v.v... thêm chút nữa sẽ được viên mãn các Ba-la-mật-đa. Đó là sự mài luyến tâm thứ hai. Nếu có người thành tựu các thiện còn chướng ngại, khi mạng chung được viên mãn thụ sinh vào tất cả các tự thể nào yêu thích, vậy ta có cái thiện vi diệu, cái thiện không chướng ngại, bây giờ sao lại không thể được viên mãn tất cả ! Đó là sự mài luyến tâm thứ ba.

Giải thích: Vô lượng các thế giới v.v..., câu này hiển thị sự luyến mài cái tâm đầu tiên. Dẫn các thí dụ khác để khiến tâm tăng sức mạnh. Do ý lạc này không có thoái khuất, là hiển thị sự luyến mài cái tâm thứ hai. Ta đã đạt được ý lạc này, là hiển thị cái ý lạc lia các ngăn che trói buộc. Nghĩa là ý lạc này xa lia xan lẫn, xa lia đục tầm, xa lia nhuế tầm, xa lia giải đãi, xa lia hôn trầm và thụy miên, xa lia vô minh. Ta do đây mà sử dụng ít công lực tu tập thí v.v... các Ba-la-mật-đa sẽ được viên mãn, nghĩa là đã đạt được ý lạc thù thắng, lại có thể tự do tự tại tu hành thí v.v... khiến mau viên mãn. Nếu có thành tựu v.v..., là hiển thị sự luyến mài cái tâm thứ ba. Có các chướng ngại, nghĩa là có thành tựu các thiện thế gian, chưa thể vĩnh viễn đoạn trừ sở tri chướng, cho nên nó có chướng. Ta có diệu thiện v.v... nghĩa là ta có thể vĩnh viễn đoạn sở đối tri chướng, do không chướng ngại thiện mà thành tựu thiện ấy, làm sao tương lai không chứng được Phật quả viên mãn? Luyến mài tâm, nghĩa là xúc tiến cái tâm khiến nó mạnh mẽ nhạy bén đối trị sự thoái khuất.

Luận nói: Ở đây có bài tụng như sau:

*Hữu tình trong loài người,
Xử sở nhiều vô lượng.
Mỗi niệm chứng đẳng giác,
Vậy không nên thoái lui.
Ai tâm tịnh, ý lạc,
Có thể tu lục độ.
Thù thắng này đã được,
Cũng tu lục độ được.
Người thiện khi lâm chung,
Mãn nguyện theo ý mình.
Vĩnh đoạn, được thắng thiện
Viên mãn, sao lại không?*

Giải thích: Lại dùng Già-tha thâm nhiếp nghĩa như vậy. Hữu tình trong loài người v.v..., nghĩa là nếu tâm khiếp nhược gọi là thoái khuất. Khuyến chúng tâm không nên thoái khuất, nghĩa là tự cho mình không thể chứng giác vô thượng chính đẳng Bồ-đề gọi là tâm khiếp nhược. Khuyến chúng không nên cho mình là không có công năng, nên gọi là không thoái khuất. Như có tụng nói:

*Vô lượng mười phương các hữu tình,
Niệm niệm đã chứng quả Thiện thế.
Kia đã Trọng phụ ta cũng vậy,
Không nên tự khinh mà thoái khuất.*

Các ý lạc tịnh tâm có thể tu hành thí v.v..., nghĩa là chẳng phải tâm bất thiện và vô ký mà hành thí v.v... Chỉ là thiện tâm nên gọi là tịnh tâm. Như có tâm thế gian bất thiện, vô ký, tán loạn cũng hành thí v.v...mong cầu các hữu và tài vị, nên Bồ-tát không như vậy chỉ cầu vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Nói ý lạc, nghĩa là có thể vô ngại tu các nhân bố thí v.v... như trước đã nói. Đây các bậc

thắng giả đã được, cho nên có thể tu thí v.v..., nghĩa là các Bồ-tát gọi là thắng giả, trước đã được ý lạc thù thắng này, do đó thí v.v... Ba-la-mật-đa tự nhiên vận chuyển. Tu tập đúng như nói, nên gọi là đã được. Do đây quyết định xả sở đối trị. Xả sở trị nên do không dụng công đối với thí v.v... tự nhiên vận chuyển. Nói v.v..., là lấy hết cả giới cho đến tuệ Ba-la-mật-đa. Người thiện khi chết, nghĩa là do cái thiện thế gian mà thành người thiện, khi mạng chung được tùy thích tự mãn, tức là được quả viên mãn tùy theo chỗ ưa thích của thế gian, cho đến được sinh trời Hữu đỉnh. Thắng thiện do vĩnh đoạn, tức là do vĩnh đoạn chướng thiện mà thành nghĩa thiện. Viên mãn sao lại không, tức là tùy sở thích viên mãn Phật quả sao lại không có nghĩa?

Luận nói: Do dứt trừ tác ý, lìa các tác ý của Thanh Văn Độc Giác, do lìa bỏ cái nghi của các nghi ngờ đối với Đại thừa, do vĩnh viễn đoạn trừ cái nghi của tà trí, do được nghe và tư duy trong chính pháp lìa chấp ngã và ngã sở mà đoạn trừ pháp chấp, do hiện tiền trụ trong sự an lập tất cả tướng nên đoạn trừ phân biệt, không còn tác ý không còn phân biệt. Ở đây có bài tụng như sau:

*Hiện tiền trụ tự nhiên,
An lập tất cả tướng.
Người trí không phân biệt,
Được tối thượng Bồ-đề.*

Giải thích: Nay sẽ hiển thị đoạn trừ 4 chỗ. Đoạn tác ý, là đoạn trừ phân dẫn tác ý của Nhị thừa. Bởi có thể vĩnh viễn đoạn diệt tuệ nghi, nghĩa là đối với Đại thừa sâu xa rộng lớn không khởi nghi và các diệt tuệ điên đảo. Đoạn pháp chấp, nghĩa là đối với các pháp được nghe và tư duy có thể vĩnh viễn đoạn trừ chấp ngã và ngã sở. Nghĩa là ta có thể nghe, ta có thể tư duy giác ngộ. Ta nghe văn, ta tư duy nghĩa lý, như vậy mọi chấp trước đều không, trong thắng nghĩa chứng được

hiện quán. Đoạn phân biệt, nghĩa là nơi hiện tiền tự nhiên mà chuyên, sắc v.v.. hiện trụ và làm công dụng. Các cốt tủa v.v...tịnh định an lập tất cả các tướng cảnh giới sở duyên, phân biệt tác ý đều có thể vĩnh đoạn, cho đến đều có thể vĩnh viễn lìa bỏ phân biệt chấp trước. Nghĩa của bài tụng đã rõ không phải giải thích nữa.

Luận nói: Do cái gì và làm thế nào được ngộ nhập?

Giải thích: Trong đây có 2 câu hỏi là tác tức là làm và cụ sở tác là công cụ phương tiện để làm. Do có người làm nhập sở tác nghiệp, nên biết chắc chắn có phương tiện năng nhập. Tự hiện quán tướng là sở tác sự. Chắc chắn phải có phương tiện sở tác như vậy như vậy. Cho nên nay sẽ giải thích cả hai.

Luận nói: Do chủng loại được đa văn huân tập, nhiếp thuộc trong tác ý như lý mà hiển hiện hữu kiến ý ngôn tương tự pháp, tương tự nghĩa.

Giải thích: Trong đây trước biện minh về các phương tiện năng nhập như âm thanh v.v... Tức nhân nơi ngôn thuyết, là nghĩa của nhân.

Luận nói: Do 4 tầm tư, tức là do danh, nghĩa, tự tính, sai biệt mà giả lập ra tầm tư. Và do 4 như thật biến trí, tức là do danh, nghĩa, tự tính, sai biệt mà giả lập ra như thật biến trí. Như vậy cả 4 tầm tư và 4 như thật biến trí đều không thể được. Bởi chư Bồ-tát vì muốn ngộ nhập duy thức nên siêng tu gia hành như thật như vậy, tức với cái ý thức tương tự văn tương tự nghĩa mà suy tìm văn, cái tên chỉ là ý thức, dựa vào đó mà suy tìm cái nghĩa của văn, danh cũng chỉ là ý thức, suy tìm danh, nghĩa, tự tính, sai biệt chỉ là sự giả lập. Khi nào sự chứng đắc chỉ có ý thức thì khi ấy sự chứng biết như danh, nghĩa, tự tính, sai biệt đều là giả lập. Vì thật tướng không có tự tính sai biệt, nên đều không thể được. Do 4 tầm tư và do 4 như thật biến trí, đối với ý thức tương tự văn, tương tự nghĩa này mà có thể ngộ nhập lý duy thức.

Giải thích: Do 4 tâm tư và do 4 thứ như thật biến trí, nghĩa là y như trước nói có thể ngộ nhập phát khởi đầy đủ phương tiện như thật. Trong khi gia hành suy cầu thấy có giả không có thật. Cái tướng nhân phương tiện, gọi là tầm tư, biết rõ là giả có, thật không có gì sở đắc. Quyết định hành trí, phương tiện quả tướng là trí như thật. Trong đây danh, tức là sắc, thụ v.v... cũng bao gồm gọi là nhân. Câu gọi là quả v.v..., tầm tư tên này chỉ có tính ý thức, chỉ giả chẳng phải thật. Cái tên gọi không lìa ý thức, gọi là tầm tư. Tầm tư, nghĩa là như danh thân v.v.. các sở thuyên biểu thị uẩn, giới, xứ v.v... Suy tìm tính này chỉ có giả chẳng phải thật. Nếu như có được sự sai biệt giữa chủng loại và chủng loại tương ưng, như vậy sở thuyên năng thuyên tương ưng là không hợp lý. Suy tìm dựa vào nghĩa của văn danh này cũng chỉ là ý thức, nghĩa là tầm tư dựa vào tên gọi được biểu thị bên ngoài. Chỉ có tính của ý thức tư duy nghĩa này, tựa như tướng chuyển bên ngoài, thật sự chỉ ở bên trong. Tìm kiếm cái tự tính sai biệt của danh nghĩa chỉ là giả lập, nghĩa là 2 thứ tự tính của danh nghĩa tầm tư chỉ là tướng giả lập. Nghĩa là sắc, thụ v.v... tự tính của danh nghĩa thật sự là không có. Tự tính giả lập ví như giả lập Bồ-đặc-già-la. Hai thứ danh nghĩa sai biệt của tầm tư cũng là tướng giả lập. Nghĩa là danh nghĩa sai biệt của vô thường v.v... chỉ là giả lập. Hoặc là danh, hoặc là nghĩa, tự tính sai biệt đều là giả lập, nghĩa là chúng biết 4 thứ hư vọng hiển hiện y tha khởi nhiếp nghĩa tướng tự tính sai biệt là không. Điều bất khả đắc, nghĩa là hiểu rõ 4 thứ nghĩa của biến kế chấp đều không thể được. Nên biết rằng trong đây 4 thứ phương tiện là tầm tư, 4 thứ quả trí là 4 thứ như thật biến trí. Nghĩa là tìm kiếm danh, chỉ là giả lập, thật không thể được, gọi là tầm tư. Nếu khi quả trí này sinh, quyết định hiểu rõ là giả hữu thật vô, gọi là như thật trí. Như vậy đối với sự, tự tính sai biệt là giả hữu thật vô, suy tìm quyết định cũng phải như vậy.

Luận nói: Trong sự ngộ nhập lý duy thức này là ngộ nhập cái gì, ngộ nhập như thế nào?

Ngộ nhập duy thức là ngộ nhập 2 tính tướng và kiến và nhiều thứ tính như danh, nghĩa, tự tính của danh, sai biệt của danh, tự tính của nghĩa, sai biệt của nghĩa, 6 thứ nghĩa như vậy đều không, cho nên cái tính của sở thủ năng thủ chỉ có hiện tiền. Một khi hiện lên thì như các nghĩa tướng tương tự mà sinh khởi. Như trong tối sợi dây hiển hiện tựa con rắn. Ví như trên sợi dây, con rắn là chẳng thật có. Vì nó là không, cho nên nếu đã biết rõ nó là không rồi, thì tuy cái biết nó là con rắn diệt mất, nhưng cái biết là sợi dây vẫn còn. Nếu phân tích một cách vi tế cái hư vọng này, thì cái tướng của sợi dây kia cũng chỉ là giả hợp của sắc hương vị xúc, do đó cái biết là sợi dây cũng diệt mất. Như vậy cái ý thức về 6 nghĩa tướng như tương tự văn, tương tự nghĩa, khi dẹp trừ 6 nghĩa tướng phi thật, thì cái tính biết duy thức cũng sẽ loại bỏ như cái biết về con rắn. Cái biết này do từ tính biết của tự tính viên thành thật.

Giải thích: Ở đây trong sự ngộ nhập tính duy thức, muốn hiển thị sở nhập và thí dụ về nhập, nên lập câu hỏi này. Nếu không có nghĩa thì ngộ nhập tính duy thức này là cái gì nhập? Ý này khó nói. Tính duy thức này tức là nghĩa đó. Vì sao nghĩa không có là để ngăn câu hỏi này nên nói trước? Nhập tính duy thức nghĩa là nghĩa của thức này cũng có tính vô nghĩa chứ không phải chỉ nghĩa bên ngoài là không có.. Nếu tính vô nghĩa, làm sao nói có 12 xứ? Làm sao thế gian có nghĩa ngôn thuyết? Để ngăn câu hỏi này nên tiếp nói 2 tính tướng và kiến tuy không thật nghĩa, mà thức tựa như hiển hiện 2 nghĩa trong và ngoài. Vì sức huân tập ngôn thuyết từ vô thủy nên nghĩa tương tự của thức chuyển tương tự hiểu biết, gọi đó là kiến. Cho nên không mâu thuẫn là chỉ ngộ nhập tương tự tướng, tương tự kiến. Chủng loại khác của thức không như vậy sao? Để đáp câu hỏi

này nên nói ngộ nhập và chủng chủng tính. Nghĩa là duy chỉ một thức, vì tính sở thủ năng thủ khác nhau nên trong một thời gian chia làm 2 thứ. Lại trong một thức tựa như có 3 tướng hiện. Sở thủ năng thủ và tự chứng phần gọi là 3 tướng. Một nghĩa phần của thức chẳng phải một chẳng phải khác, như những chỗ khác đã nói. Trên một thức có nhiều tướng hiện, nên gọi chủng chủng. Danh v.v... 6 tướng không có nghĩa v.v... giải thích 3 thứ trước. Để đáp câu hỏi trước ngộ nhập như thế nào, nên lại nói như trong tối sọi dây hiện hiện tựa con rắn. Do thí dụ này thành lập thông đạt 3 thứ tự tính. Ví như trên sọi dây không thật có con rắn. Vì không có nên tương tự danh tương tự nghĩa là như vậy. Trên y tha khởi, danh v.v... 6 thứ. Biến kế sở chấp cũng chẳng phải chân thật, vì không có nên nơi đây như dựa vào sự biết cái dây mà bỏ cái biết con rắn. Như vậy dựa vào duy thức hiện hiện, cái biết y tha khởi xả bỏ 6 nghĩa cái biết biến kế sở chấp như dựa vào sắc v.v... Cái biết phần vi tế từ bỏ cái biết về sọi dây. Như vậy dựa vào cái biết viên thành thật khiến trừ cái biết mê loạn của y tha khởi. Như có tụng nói:

*Trí thấy dây là rắn,
Biết dây, rõ nghĩa không.
Khi chứng kiến lúc ấy,
Biết rắn là trí loạn.*

Khi dẹp trừ nghĩa của 6 tướng phi thật, tức là nghĩa phi hữu, vì phi hữu là tướng của 6 thứ nghĩa phi thật.

Luận nói: Như vậy Bồ-tát ngộ nhập cái ý thức nghĩa tướng tương tự nên ngộ nhập tính biến kế sở chấp, ngộ nhập duy thức nên ngộ nhập tính y tha khởi. Còn tính viên thành thật thì ngộ nhập như thế nào?

Nếu đã diệt trừ cái ý thức chỉ còn cái ý tướng duy thức do các chủng loại nghe pháp huân tập, bấy giờ Bồ-tát đã loại trừ nghĩa tướng, các nghĩa tương tự không sinh được, cho nên cái tương tự

duy thức cũng không sinh được. Do nhân duyên này Bồ-tát trụ nơi vô phân biệt danh của tất cả nghĩa, được trụ nơi hiện thấy tương ưng trong pháp giới. Bấy giờ Bồ-tát được bình đẳng, bình đẳng sở duyên với năng duyên, trí vô phân biệt đã sinh khởi, do đó gọi là Bồ-tát đã ngộ nhập tính viên thành thật.

Giải thích: Ngộ nhập cái ý thức nghĩa tương tự nên ngộ nhập tính biến kế sở chấp, nghĩa là hiểu biết cái ý thức nghĩa tương tự hiện, không có thật nghĩa biến kế sở chấp. Do đó nên gọi là ngộ nhập tự tính biến kế sở chấp. Ngộ nhập duy thức nên ngộ nhập tính y tha khởi, nghĩa là hiểu biết duy thức không rõ ràng, nên trong vô nghĩa, nghĩa tương tự hiện. Do đó ngộ nhập tính y tha khởi là hiển thị ngộ nhập tính viên thành thật. Cho nên lại nói đã khiến trừ nghĩa tướng. tức là đã có thể trừ nghĩa của nghĩa tướng. Tất cả nghĩa tương tự không được sinh, tức là đều không có khả năng nghĩa tương tự mà sinh khởi nghĩa. Cho nên tương tự duy thức cũng không được sinh, nghĩa là không có sở thủ nên năng thủ cũng không, tức là thành nghĩa duy thức. Cũng không chuyển nghĩa, trụ tất cả nghĩa không phân biệt tên, nghĩa là tất cả pháp là khế kinh v.v... Danh sở y hành xứ gọi là nhất thiết nghĩa. Tên có 10 thứ. Chín thứ tên trước có phân biệt. Tên thứ mười thì đối với tất cả nghĩa không có phân biệt. An trụ như vậy nơi tất cả nghĩa không phân biệt tên. Như nói tất cả chỉ có cái tên, tức là như vậy tên có thể khởi tất cả, nghĩa là trong đây cái tên tương tự hiển hiện thức v.v... giả gọi là tên. Trong pháp giới liền được hiện thấy tương ưng mà trụ, nghĩa là trong pháp giới chứng tương ưng mà khởi thắng giải. Bình đẳng bình đẳng, nghĩa là nếu sở duyên đều không có thì như vậy năng duyên cũng không có. Cho nên hai thứ sở duyên năng duyên đều bình đẳng bình đẳng. Do đó nói Bồ-tát đã ngộ nhập tính viên thành thật, tức là ngộ nhập tự tính biến kế sở chấp. Tính y tha khởi là hữu dư nên còn có tác giả. Tác dụng chưa dứt chỉ gọi là ngộ

nhập. Nay trong đây tác giả, tác dụng đều dứt rốt ráo nên gọi là đã ngộ nhập.

Luận nói: Ở đây có bài tụng như sau:

*Pháp, Bồ-đặc-già-la,
Pháp, nghĩa, lược, rộng, tính,
Bất tịnh, tịnh, cứu cánh,
Tên, hành tướng, sai khác.*

Giải thích: Như trước đã nói trụ tất cả nghĩa không phân biệt tên, nay dùng Già-tha hiển thị đây gọi là tự cảnh sai biệt. Trước tiên tên pháp, nghĩa là sắc, thụ v.v... Tên Bồ-đặc-già-la, nghĩa là Thiên thụ v.v... tùy tín hành v.v... tên trong Phật giáo. Tên pháp sau, nghĩa là khế kinh, tụng v.v... Tên nghĩa, nghĩa là đây sở thuyên sát hại cha mẹ, tru diệt quốc gia và tùy hành v.v... Tên lược, nghĩa là tất cả pháp đều vô ngã v.v... Tên rộng, nghĩa là sắc vô ngã v.v... Tên tính, nghĩa là A v.v... các chữ là nhân của câu. Tên bất tịnh, nghĩa là các dị sinh, bị nhiễm các bản phiền não. Tên tịnh, nghĩa là các hiền thánh đã vĩnh đoạn cấu uế. Tên cứu cánh, nghĩa là nói chung các sở duyên, tức Bát-nhã Ba-la-mật-đa và 10 địa v.v... để tổng lược nghĩa làm sở duyên.

Luận nói: Như vậy là Bồ-tát ngộ nhập duy thức, tức ngộ nhập tướng sở tri, ngộ nhập tướng sở tri là nhập vào Cực hỷ địa, thông đạt pháp giới, sinh vào nhà Như Lai, được tâm bình đẳng với tất cả chúng sinh, được tâm bình đẳng với tất cả Bồ-tát, được tâm bình đẳng với tất cả chư Phật. Đó gọi là Bồ-tát kiến đạo

Giải thích: Thông đạt pháp giới, nghĩa là chứng pháp giới này một cách sâu sắc. Sinh nhà Như Lai, nghĩa là pháp giới của Phật gọi là nhà Như Lai. Chứng hội đây nên gọi là sinh, vì đây duyên thắng trí sinh, chuyển các sở y trước sinh các sở y khác, nối tiếp giống Phật khiến không đoạn tuyệt, như các nối sinh các chúng đồng phần, sở

sinh năng sinh tiếp nối nhau không dứt, thác vào nhà sở sinh như vậy Bát-nhã Ba-la-mật-đa chứng pháp giới của Phật gọi là sinh, là chân Phật tử. Do Bát-nhã Ba-la-mật-đa này có thể chính tác chứng nơi pháp giới của Phật. Thụ tự tương tục tự tại hiện tiền nên gọi là sinh. Như nói:

*Tất cả hùng mạnh,
Lợi lạc người khác.
Mẹ sinh mẹ nuôi,
Được sinh được dưỡng.*

Được tâm tính bình đẳng tất cả hữu tình, nghĩa là khắp thấy tất cả bình đẳng vô ngã, cho nên như nói tất cả các pháp đều Như Lai tạng. Như vậy được tâm tính bình đẳng của tất cả BỒ-tát, nghĩa là được tính bình đẳng ý lạc của BỒ-tát. Được tâm tính bình đẳng của tất cả Phật, nghĩa là được tính pháp thân bình đẳng của chư Phật. Đây tức gọi là BỒ-tát kiến đạo, nghĩa là thấy thắng pháp giới trước chưa thấy. Ví như Thanh Văn Độc Giác kiến đạo.

Luận nói: Lại nữa vì nghĩa gì mà ngộ nhập duy thức?

Do cái trí chỉ quán xuất thế duyên tổng pháp, do đó sau được cái trí của các tướng thức để đoạn trừ và đem chủng tử các tướng của thức A-lại-da làm tăng trưởng các chủng tử có khả năng chạm đến pháp thân, để chuyển đổi sở y, vì muốn chứng đắc tất cả Phật pháp, vì muốn chứng đắc trí nhất thiết trí, nhập vào duy thức tính. Lại nữa, cái trí hậu đắc đối với tất cả các tướng hiểu biết phân biệt phát sinh trong thức A-lại-da đều thấy như ảo hóa mà không bị chuyển đảo. Cho nên BỒ-tát ví như nhà ảo thuật, không bao giờ diên đảo đối với các tướng ảo hóa cũng như khi nói về nhân quả.

Giải thích: Lại nữa vì nghĩa gì v.v..., nghĩa là hỏi nhập duy thức cần phải thế nào. Tiếp nên trả lời rằng vì muốn chứng đắc trí nhất thiết trí mà như trước nói là phương tiện, là vì muốn khai thị

lần lượt nói, vì muốn làm lợi ích mà kham nhận các loại như vậy để hóa độ. Do duyên tổng pháp, nghĩa là duyên tổng tướng tất cả pháp. Sở hiển chân như làm cảnh, nghĩa là tất cả các pháp được nói trong Đại thừa giáo đều chân như làm tính. Cho nên duyên chân như tức là hiểu rõ tính của tất cả pháp. Nếu không như vậy thì dù trải nhiều thời gian trí vô phân biệt cũng không thể sinh. Nói xuất thế, nghĩa là vô lậu, vô phân biệt. Trí chỉ quán, nghĩa là do Tam-ma-hứ-đa trí không điên đảo. Chủng chủng thức tướng, nghĩa là an lập các pháp nhân tính, quả tính, hữu thượng vô thượng v.v..., tức là phân nghĩa của sở thủ năng thủ. Để đoạn trừ và đem chủng tử các tướng của thức A-lại-da, nghĩa là để đoạn trừ chủng tử các tướng của các pháp tương tự sắc v.v... trong thức A-lại-da và tướng năng huân. Đây tức là nói đoạn nhân quả của chủng tử. Để làm tăng trưởng các chủng tử có khả năng chạm đến pháp thân, nghĩa là muốn tăng trưởng tất cả Đại thừa đa văn huân tập, do đây trước được pháp thân. Để chuyển đổi sở y, nghĩa là thông đạt chân như, các tâm tâm pháp lia cấu uế, hoặc lại được chân như thanh tịnh. Vì muốn chứng đắc tất cả Phật pháp, nghĩa là vì muốn sinh khởi các Phật pháp như lực, vô úy v.v... Vì muốn chứng đắc trí nhất thiết trí, nghĩa là muốn chứng đắc trí vô cầu vô ngại của chư Phật. Lại nữa trí hậu đắc, là hiển thị trí hậu đắc có chỗ tác dụng. Đối với tất cả được sinh nơi thức A-lại-da, nghĩa là đây nêu được sinh tức lấy nghĩa nhân của nó. Trong tất cả tướng liễu biệt, tức là đây hiển thị cái quả của nó là trong phần sở thủ năng thủ. Thấy như ảo hóa mà không bị chuyển đảo, nghĩa là như thật quán thấy tính y tha khởi như chuyện ảo hóa v.v... vì không mê loạn. Ví như nhà ảo thuật đối với các trò ảo thuật, nghĩa là đối với cỏ cây v.v... trong nhân huyền hoặc không điên đảo, thấy như thật. Như vậy Bồ-tát thấy chân thật, nghĩa là hiện thấy như thật, không có tự tính sở thủ năng thủ. Viên thành thật đã khởi nơi hậu đắc, có thể phát ngôn ngữ thế tục tịnh trí. Khi biết nhân quả và khi thuyết pháp thường không điên đảo. Người nghe tuy có điên đảo nhưng cái văn

huân tập liên tục nên dần dần được không điên đảo. Do làm xong những gì nên làm nên trí hậu đắc này cũng không sai biệt không nhiễm ô.

Luận nói: Khi ngộ nhập tính duy thức thì có 4 thứ Tam-ma-địa làm chỗ dựa cho 4 thứ thuận quyết trạch phần.

Làm sao biết?

Do 4 tầm tư trong hạ phẩm vô nghĩa nhãn có minh đắc Tam-ma-địa là chỗ dựa của noãn thuận quyết trạch phần. Trong thượng phẩm vô nghĩa nhãn có minh tăng Tam-ma-địa là chỗ dựa của đỉnh thuận quyết trạch phần. Lại do 4 thứ như thật biến trí đã nhập duy thức, trong vô nghĩa đã được quyết định, có nhập một phần chân nghĩa Tam-ma-địa là chỗ dựa của đế thuận nhãn. Từ đó không gián đoạn dẹp bỏ ý tưởng duy thức, được Tam-ma-địa không gián đoạn là chỗ dựa của pháp Thế đệ nhất. Phải biết các Tam-ma-địa này đang ở bên cạnh hiện quán.

Giải thích: Khi nhập hiện quán trong nhất thiết xứ đều có 4 thứ thuận quyết trạch phần. Đó là tiền tướng, cho nên hiện quán đã rõ rồi không giải thích nữa. Do 4 tầm tư, nghĩa là như trước nói suy tìm danh nghĩa tự tính sai biệt, giải lập làm thể. Trong hạ phẩm vô nghĩa nhãn, nghĩa là ở giác tuệ hạ phẩm, ái lạc các nghĩa vô sở hữu. Minh nghĩa là cái trí có thể chiếu soi cái không có nghĩa. Đạt được cái quả mong cầu gọi là đắc. Định này được cái trí minh vô nghĩa, cho nên có tên là Minh đắc Tam-ma-địa. Ví như lần đầu tiên tìm được lửa v.v... Cái nóng tức là noãn phẩm thiện căn. Ví như dùi lửa nóng là tiền tướng. Đây cũng vậy, chân trí là tiền tướng. Nói y chỉ, nghĩa là nghĩa của nhân. Nói quyết trạch, tức là hiện quán. Phần này tức là pháp vô ngã nhãn. Dẫn các thiện căn này gọi là thuận. Ở trên cao tột nên gọi là đỉnh. Lại do 4 thứ như thật biến trí, nghĩa là như trước đã nói trong cái danh, sự v.v... không thể được, đã được quyết định. Như

vậy khi chuyển thì ngộ nhập duy thức. Những tên gọi tương tự v.v... hiện thì quyết định hiểu rõ đều không có nghĩa. Nhập một phần chân nghĩa Tam-ma-địa, nghĩa là chỉ có thể thông đạt sở thủ là không, nên nói nhập một phần. Do trong đó hiểu rõ nghĩa không, chưa thể khắc phục được hành tướng duy thức của năng thủ khiến thành không. Vì vậy cho nên đây gọi là đế thuận nhãn. Sở y chỉ định thuận nghĩa là thân cận y sở thủ là không, khiến năng thủ là không. Phải biết như vậy các Tam-ma-địa là ở bên cạnh hiện quán, nghĩa là phải biết tức là gần cái nghĩa chuyển của nó.

Luận nói: Như vậy là Bồ-tát đã bước vào các địa, đã được kiến đạo, đã ngộ nhập duy thức. Vậy đối với tu đạo phải tu hành như thế nào?

Như giáo pháp 10 địa đã được Phật nói, an lập hiện diện trong tất cả các kinh, do duyên tổng pháp xuất thế, sau được cái trí chỉ quán, nên trải qua vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa kiếp số tu tập nên được chuyển y. Vì muốn chứng đắc 3 thứ Phật thân nên siêng năng tu hành.

Giải thích: Như đã nói an lập 10 địa, nghĩa là tùy các ngôn thuyết hý luận kia, trong tự tướng cộng tướng của 10 địa. Do duyên tổng pháp, nghĩa là duyên xen lẫn nhau không duyên pháp riêng biệt mà tu chính trí. Nếu không như vậy, trí vô phân biệt tập hợp tư lương sẽ không có được. Xuất thế, tức là trí vô phân biệt hậu đắc. Tức là cái trí có thể an lập thế gian thanh tịnh. Cái trí này là được sau, cho nên có tướng cảnh thanh tịnh. Thế gian có thể chuyển y được, nghĩa là trải nhiều kiếp tu trí vô phân biệt hậu đắc, nên được chuyển y. Nghĩa là tâm tâm pháp liên tục thanh tịnh. Vì muốn chứng đắc 3 thứ Phật thân mà siêng năng tu hành, sau sẽ giải thích rộng.

Luận nói: Hiện quán của Thanh Văn với hiện quán của Bồ-tát có gì sai khác?

Phải biết do 11 thứ sai biệt mà hiện quán của Bồ-tát khác với hiện quán của Thanh Văn. Một là do sở duyên khác nhau, vì lấy pháp Đại thừa làm sở duyên. Hai là do nuôi dưỡng bảo trì khác nhau, vì lấy 2 thứ tư lương là đại phúc đức và đại trí tuệ mà nuôi dưỡng bảo trì. Ba là do sự thông suốt khác nhau, vì có thể thông suốt nhân vô ngã và pháp vô ngã. Bốn là do Niết-bàn khác nhau, vì nhiếp thụ vô trụ Đại Niết-bàn. Năm là do địa vị khác nhau, vì thoát ly bằng 10 địa. Sáu và bảy là do thanh tịnh khác nhau, vì đoạn phiền não tập khí làm cõi Phật thanh tịnh. Tám là do tâm tự tha bình đẳng khác nhau, vì không ngừng nghỉ gia hành để thành thực chúng sinh. Chín là do nơi sinh khác nhau, vì sinh vào nhà Như Lai. Mười là do thụ sinh khác nhau, vì thường sinh ở những nơi có đại tập hội của chư Phật. Mười một là do quả khác nhau, vì 10 lực, 4 không sợ hãi, 18 pháp không chung, vô lượng công đức đều được kết quả viên mãn.

Giải thích: Hiện quán của Thanh Văn và Bồ-tát có khác nhau. Sơ lược có 10 thứ hoặc 11 thứ. Trong sở duyên sai biệt, hiện quán của Bồ-tát lấy pháp Đại thừa là văn tuệ v.v... 3 thứ sở duyên, hiện quán của Thanh Văn là pháp Thanh Văn thừa làm sở duyên. Trong tư trì sai biệt, phúc tư lương là thí, giới, nhẫn 3 thứ gia hành, trí tư lương là tinh tiến, tĩnh lự và văn tuệ v.v... Nói tư lương, là vận tập trải vô lượng kiếp. Trong thông đạt sai biệt, hiện quán của Thanh Văn chỉ có thể thông đạt lý không vô ngã của Bồ-đặc-già-la. Hiện quán của Bồ-tát đều có thể thông đạt pháp không vô ngã của Bồ-đặc-già-la. Trong Niết-bàn sai biệt, hiện quán của Bồ-tát nhiếp thụ bi tuệ phương tiện tư lương, lấy sự không trụ trước sinh tử Niết-bàn làm Niết-bàn. Hiện quán của Thanh Văn chỉ trụ vô vi làm Niết-bàn. Trong địa sai biệt, hiện quán của Bồ-tát y vào 10 địa mà được xuất ly. Trong Thanh Văn thừa không có thiết lập các địa như vậy. Trong thanh tịnh sai biệt, hiện quán của Bồ-tát vĩnh đoạn phiền não và các tập khí và có thể làm thanh tịnh các cõi Phật. Hiện quán của Thanh

Văn tuy đoạn phiền não, chưa trừ tập khí, hoàn toàn không thể thanh tịnh Phật độ. Nói tập khí, là tuy không phiền não, nhưng việc làm tựa như có phiền não. Trong tâm tự tha bình đẳng sai biệt, hiện quán Bồ-tát chứng đắc pháp tính tự tha bình đẳng, thành thực hữu tình, già hành không ngớt. Hiện quán Thanh Văn thì phân biệt tự tha, chỉ tu tự lợi không tu lợi tha. Trong sinh sai biệt, hiện quán Bồ-tát sinh trong pháp giới nhà của Như Lai, là con đích thực của Phật, như nhà Chuyển luân vương sinh đứa con có rường Chuyển luân vương. Chẳng phải như Thanh Văn đồng với con nhà thấp kém. Trong thụ sinh sai biệt, hiện quán Bồ-tát thường ở trong Đại tập hội chư Phật ngồi kết già trên đài hoa sen, cho đến thành Phật hằng thụ hóa sinh. Nói Đại tập hội chư Phật, nghĩa là các cõi Phật trong thế giới vô lậu. Chẳng phải như Thanh Văn sinh ở trong thai mẹ. Quá sai biệt, nghĩa là hiện quán Bồ-tát được trang nghiêm bởi vô lượng công đức như lực, vô úy v.v... có thể từ chỗ không dụng công khởi làm tất cả việc lợi ích hữu tình, chứng đắc pháp thân làm thắng quả, các dụng vô lậu chuyển sinh làm quả.

Luận nói: Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Danh, sự, khách của nhau,
Phải tâm tư tính ấy.
Phải suy xét cả hai,
Duy lượng và duy giả.
Thật trí quán vô nghĩa,
Chỉ có 3 phân biệt.
Kia không, nên đây không,
Tức ngộ nhập 3 tính.*

Giải thích: Dùng 2 Già-tha tóm thâu chung cả tâm tư và quả của tâm tư khiến dễ hiểu rõ. “*Danh, sự, khách của nhau, Phải tâm tư tính ấy*”, nghĩa là danh là khách đối với sự, sự đối với danh cũng vậy. Chẳng phải như một loại, nghĩa là thanh và nghĩa tương xứng

mà sinh, hệ thuộc lẫn nhau. “*Phải suy xét cả hai, Duy lượng và duy giả.*” Nghĩa là trong tự tính và sai biệt cũng phải suy tìm chỉ có phân biệt, chỉ có giả lập. Điều đó là như thế nào? Nghĩa là 2 thứ này chỉ có phân biệt, chỉ có giả lập sai biệt mà nói, đều không có chân thật tự tính sai biệt. Nói thật trí, nghĩa là từ tầm tư sinh ra 4 thứ như thật biến trí. “*Quán vô nghĩa*”, nghĩa là quán sát nghĩa của nó bản lại vô hữu. “*Chỉ có 3 phân biệt*”, nghĩa là quán thấy chỉ có 3 phân biệt, đó là danh phân biệt, tự tính giả lập phân biệt và sai biệt giả lập phân biệt. “*Kia không, nên đây không*”, nghĩa là nghĩa không, nên quán 3 thứ phân biệt cũng không. “*Tức ngộ nhập 3 tính.*”, nghĩa là như trên đã nói là ngộ nhập 3 thứ tự tính. Nghĩa là nửa trước của bài tụng đầu quán danh và sự làm khách của nhau, tức là ngộ nhập biến kế sở chấp tự tính. Nửa sau của bài tụng đầu quán 2 thứ tự tính sai biệt kia chỉ có phân biệt, chỉ có giả lập, tức là ngộ nhập y tha khởi tự tính. Trong bài tụng thứ hai tức là ngộ nhập viên thành thật tự tính. Trong đây chỉ khiến trừ tâm cảnh các biệt của biến kế sở chấp. Dẹp trừ phân biệt phải chăng không có việc đó? Nếu không như vậy thì trói buộc hay giải thoát đều không thành. Vì tịnh và bất tịnh đều không có.

Luận nói: Lại có 2 bài tụng như được nói trong Phân Biệt Du-già Luận như sau:

*Bồ-tát ở trong định,
Quán ảnh chỉ là tâm.
Nghĩa tướng đã diệt trừ,
Quán sát chỉ tự tướng.
Như vậy trụ nội tâm,
Biết sở thủ phi hữu,
Tiếp năng thủ cũng không,
Sau xúc không sở đắc.*

Giải thích: Ai có thể như vậy tầm tư đắc quả? Giáo thụ như vậy vì ai? Để đáp câu hỏi này nên nói trong 2 bài tụng. “*Bồ-tát ở trong*

định, Quán ảnh chỉ là tâm.”, nghĩa là quán các pháp tương tự, nghĩa tương tự, định sở hành ảnh chỉ là nội tâm. Như kinh nói: Ta nói thức duyên, duy thức hiện. Nói “*Bồ-tát*”, tức nói năng quán. “*Ở trong định vị*”, nghĩa là tâm trụ vào một cảnh. “*Nghĩa tướng đã diệt trừ*”, nghĩa là do ảnh kia khiến trừ nghĩa tướng. “*Quán sát chỉ tự tướng*“, nghĩa là quán sát kỹ tướng của pháp tương tự, nghĩa tương tự như vậy chỉ định tâm của ta biến hiện. “*Biết sở thủ phi hữu, Tiếp năng thủ cũng không*“, nghĩa là trước đã rõ sở thủ là không. Nếu tính sở thủ đã vô sở hữu thì trên tính sở thủ, tính năng thủ cũng không thành. “*Sau xúc không sở đắc.*”, nghĩa là từ sau đây chúng tính không hai, được chân như.

Luận nói: Lại nữa có 5 bài tụng về hiện quán như được nói trong Đại Thừa Kinh Trang Nghiêm Luận như sau:

*Phúc đức trí tuệ hai tư lương,
Bồ-tát chuẩn bị vô biên tế.
Đối pháp tư duy khéo quyết định,
Hiểu rõ nghĩa thú chỉ ý ngôn.
Nếu biết các nghĩa là ý ngôn,
Tức trụ tựa nghĩa trong duy thức.
Liên hay hiện chứng chân pháp giới,
Cho nên hai tướng đều trừ diệt.
Biết thể là tâm là không có,
Do đây liền biết tâm phi hữu.
Người trí biết hai đều vô đẳng,
Trụ ở hai không: chân pháp giới.
Người tuệ không phân biệt trí lực,
Bình đẳng biến khắp thường thuận hành.
Diệt khỏi tội lỗi rất um tùm,
Như phương thuốc hay tiêu bệnh độc.
Phật nói diệu pháp khéo thành lập,
An lập tuệ, căn trong pháp giới.*

*Hiểu rõ ý thú là phân biệt,
Dùng mãnh mau về bờ biển đức.*

Giải thích: “*Phúc đức trí tuệ hai tư lương, Bồ-tát chuẩn bị vô biên tế.*”, nghĩa là thí v.v... 3 Ba-la-mật-đa gọi là phúc tư lương. Thứ 6, Bát-nhã Ba-la-mật-đa là trí tư lương. Tỉnh tiến tu đủ nên thông cả 2 thứ. Tỉnh lự cũng vậy. Nếu duyên vô lượng thì thuộc phúc tư lương, ngoài ra thuộc trí. Chứa nhóm phúc trí nên gọi tư lương. Nói “*khéo chuẩn bị*” là nghĩa viên mãn. Trái vô số thời sai biệt viên mãn là “*vô biên tế*”. “*Đối pháp tư duy khéo quyết định*”, nghĩa là đối với các pháp trong tất cả khế kinh do định hậu trí rất khéo quyết định không do dự. “*Hiểu rõ nghĩa thú chỉ ý ngôn*”, nghĩa là vì vậy cho nên có thể hiểu rõ tất cả nghĩa thú chỉ dùng ý ngôn phân biệt làm nhân. “*Nếu biết các nghĩa là ý ngôn, tức trụ tựa nghĩa trong duy thức*”, nghĩa là nếu biết tất cả nghĩa tướng chỉ là ý ngôn, tức có thể an tâm trụ nghĩa tướng tương tự chủng chủng biến hiện chỉ trong tâm thức, được quyết định. Nửa đầu bài tụng thứ hai này hiển thị Bồ-tát tại thuận quyết trạch phần vị. Bài tụng đầu hiển thị vị này gia hành. “*Liên hay hiện chứng chân pháp giới, Cho nên hai tướng đều trừ diệt*”, nghĩa là do trước hiểu rõ nghĩa vô sở hữu, trụ duy tâm nên có thể trừ 2 tướng sở thủ năng thủ, hiện chứng pháp giới chân thật không hai, trí khéo quyết định dựa vào đây sinh. Nửa bài tụng trước này và sau thứ ba hiển thị kiến đạo vị. Như sở hiện chứng, tiếp theo sẽ hiển thị. “*Biết thể lìa tâm là không có, Do đây liền biết tâm phi hữu*”, nghĩa là biết lìa tâm không có tất cả cảnh giới sở duyên nào khác. Do kia là không, nên tâm tính năng duyên cũng không thành. “*Người trí biết rõ hai đều không*”, nghĩa là thắng tuệ tương ưng gọi là người trí. Đối với 2 vô tính có thể quyết định biết, nên gọi là liễu đạt biến kế sở chấp. Sở duyên năng duyên bản lai vô tính, gọi là hai đều vô đẳng. “*Trụ ở hai không: chân pháp giới*”, nghĩa là bình đẳng an trụ, nên gọi là đẳng trụ. Sở thủ năng thủ đều xa lìa, nên nói là 2

không. Như vậy pháp giới hiện chứng chẳng phải trống rỗng, nên gọi là *chân pháp giới*. “*Người tuệ không phân biệt trí lực*”, nghĩa là trí vô phân biệt của Bồ-tát có công năng. “*Bình đẳng biến khắp thường thuận hành*”, nghĩa là chung cả trong ngoài, nên gọi là *biến khắp*. Như sở thủ năng thủ cũng vậy, nên gọi là *bình đẳng*. Tùy thuận quan sát các pháp trong khế kinh, tính ấy bình đẳng. Ví như hư không, nên gọi là *thuận hành*. Thời gian luôn luôn là *thường*. *Diệt* là trừ. Ý nghĩa là tất cả pháp nhân tạp nhiễm khó có thể ngộ nhập, dụ cho *gai góc um tùm*. Các pháp tạp nhiễm, gọi là *tội lỗi*. Tập khí chứa nhóm, gọi là *tụ*. “*Như phương thuốc hay tiêu bệnh độc*”, nghĩa này dễ rõ. Có thể trừ xa các tội lỗi cho nên nói như không có bệnh. Bài tụng thứ 6 này hiển thị tu đạo. “*Phật nói diệu pháp khéo thành lập*”, nghĩa là đức Mâu-ni nói chính pháp rất khéo thành lập. “*An lập tuệ, căn trong pháp giới*”, nghĩa là an tuệ nơi Phật thuyết khéo thành lập pháp và căn bản trong chân pháp giới. *Căn*, nghĩa là đây là giác nhân, cho nên tông duyên pháp, gọi là căn bản. Nghĩa là tất cả kinh đều lấy 10 địa làm căn bản. Pháp dựa vào đó mà chuyển, nên gọi là pháp giới, tức các pháp không. “*Hiểu rõ ý niệm là phân biệt*”, nghĩa là trí hậu đắc dựa vào pháp giới mà chuyển. Hiểu rõ ý niệm là phân biệt, lia phân biệt không có một niệm pháp. Nghĩa là chỗ sở niệm các pháp trong khế kinh kia và chỗ nên niệm Ba-la-mật-đa cùng với quả của chúng v.v... Tính biến kế sở chấp đều không, cho nên “*Dùng mãnh mau về bờ biển đức*”, nghĩa là các Bồ-tát do trước làn lượt tu tập hiện quán trí vô phân biệt, trí hậu đắc cho nên mau chóng có thể chứng được tất cả công đức viên mãn của Phật quả. Nghĩa là Như Lai địa siêu việt vô biên nhân vị công đức, gọi là *bờ biển đức*. Như có tụng nói:

*Nằm mơ đã nhiều năm,
Tỉnh dậy trong phút chốc.
Thời gian tuy vô lượng,
Chỉ ở trong sát-na.*

Lại tinh tiến của Phật cực kỳ mãnh liệt, nên tuy trải nhiều kiếp mà gọi là thiếu thời. Như có tụng nói:

*Người ngu tuy tu ngắn
Tâm lười nghi đã lâu.
Phật trong vô lượng kiếp,
Dững mãi chỉ phút giây.*

Nói dững mãi, tức sức trí tuệ thành trí vô phân biệt hậu đắc, cho nên không có gì khiếp sợ, gọi là dững mãi. Bài tụng này hiển thị đến cứu cánh đạo vị đệ nhất nghĩa rất cao tột.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

QUYỀN 7

5 – Ngộ nhập nhân quả

Luận nói: Như vậy là đã nói về sự ngộ nhập tướng sở tri, vậy làm sao có thể thấy sự ngộ nhập nhân quả ấy?

Do 6 thứ Ba-la-mật-đa là thí, giới, nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát-nhã.

Vì sao do 6 Ba-la-mật-đa được ngộ nhập duy thức? Và vì sao 6 Ba-la-mật-đa thành tựu kết quả của sự ngộ nhập ấy?

Nghĩa là Bồ-tát này không tham đắm tiền của địa vị, không phạm tịnh giới, cái khổ không làm dao động, tu hành không biếng trễ, trong các nhân tán động như vậy, khi không hiện hành thì tâm chuyên vào một cảnh là có thể quyết trạch các pháp đúng như lý được ngộ nhập duy thức. Bồ-tát dựa vào 6 Ba-la-mật-đa, ngộ nhập duy thức rồi, chứng được 6 thứ ý lạc thanh tịnh tăng thượng trong Ba-la-mật-đa, cho nên dẫn rồi 6 thứ Ba-la-mật-đa hiện khởi gia hành, nhưng do hiểu rõ giáo pháp của Phật và do tâm quý trọng, tùy hỷ, ưa thích, thường xuyên tu tập không gián đoạn các phương tiện tương ưng, mà 6 thứ Ba-la-mật-đa mau chóng được viên mãn.

Giải thích: Nhập duy thức nhân, nghĩa là khi gia hành thì 6 thứ Ba-la-mật-đa thế gian sẽ hiển thị. Nghĩa là Bồ-tát không đắm

trước tiên của địa vị. Không tham cầu, nên gọi không tham trước, tức xả bỏ sở đối trị. Đây tức là cái chướng ngại sự đối trị của thí Ba-la-mật-đa. Năm cái sau cũng vậy. Không phạm Thi-la, nghĩa là hủy phạm, là chướng ngại cái đối trị của giới Ba-la-mật-đa. Đối với khổ không động, nghĩa là như giận mà động là chướng ngại cái đối trị của nhẫn Ba-la-mật-đa. Đối với sự tu hành không biếng trễ. Biếng trễ là chướng ngại sự đối trị của tinh tiến Ba-la-mật-đa. Tâm chuyên vào một cảnh, nghĩa là đối trị cái chướng ngại của tĩnh lự Ba-la-mật-đa. Trong nhân tán động, xa lìa cái tâm không chuyên trì, khiến định mới có thể như lý giản trách các pháp, tức là Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Do 6 thứ Ba-la-mật-đa được ngộ nhập duy thức. Được ngộ nhập rồi, chúng đặc ý lạc thanh tịnh tăng thượng gồm sáu quả phần 6 thứ Ba-la-mật-đa. Vì vậy cho nên dầu rời Ba-la-mật-đa vẫn hằng thường khởi gia hành tu tập 6 thứ Ba-la-mật không gián đoạn. Mau được viên mãn là không phải sao? Nếu đối với Thi-la Ba-la-mật-đa mà không khởi gia hành thì phải là phạm giới. Nghĩa này không phải vậy, vì không khởi sự cố gắng gia hành. Nếu đối với Thi-la mà không khởi gia hành thì phải có lỗi này, chứ không phải không phát khởi cố gắng gia hành mà có lỗi này. Do đối với Thánh giáo được thắng giải v.v... tự nhiên gia hành, cho nên không lỗi. Trong đây, đối với Thánh giáo, được thắng giải, nghĩa là đối với Thánh giáo tương ứng với Ba-la-mật-đa, tuy rất sâu xa nhưng có thể tin hiểu. Ái trọng tác ý, nghĩa là đã được thụ mùi vị công đức của Ba-la-mật-đa. Tùy hỷ tác ý, nghĩa là đối với 10 phương thế giới, trong liên tục khác, hoặc đối với sự tự tương tục riêng biệt trong Ba-la-mật-đa, thâm tâm vui mừng. Hân lạc tác ý, nghĩa là đối với đời vị lai nguyện ta cùng pháp này hằng không rời nhau và chuyển thành thù thắng.

Luận nói: Ở đây có 3 bài tụng như sau:

*Đã viên mãn bạch pháp,
Và được nhẫn sắc bén.*

*Bồ-tát nơi Đại thừa,
Giáo pháp sâu rộng lớn.
Đẳng giác chỉ phân biệt,
Được vô phân biệt trí,
Mong cầu thắng giải tịnh,
Nên ý lạc thanh tịnh.
Trước và dòng pháp này,
Đều được thấy chư Phật.
Đã biết gần Bồ-đề,
Chứng đắc thật không khó.*

Do 3 bài tụng này tổng quát làm rõ cái ý lạc thanh tịnh tăng thượng. Có 8 thứ tướng: Đó là tư lương, kham nhẫn, sở duyên, tác ý, đối trị, tự thể, thụy tướng, thắng lợi, đúng như thứ tự các câu kệ tụng biểu thị.

Giải thích: Trong đây nói rõ ý lạc tăng thượng thanh tịnh gồm có tư lương, kham nhẫn, sở duyên, tác ý, đối trị, tự thể, thụy tướng, thắng lợi. “*Đã viên mãn bạch pháp*”, nghĩa là trước ở thắng giải hành địa đã khéo chuẩn bị tư lương. Bạch pháp viên mãn, gọi là tư lương. “*Và được nhẫn sắc bén*”, nghĩa là trong nguyên chỉ lựa chọn lấy thượng phẩm. Quán sát kỹ pháp nhẫn, khi nhẫn này chuyển tức là kham nhẫn. “*Bồ-tát nơi tự thừa, kham đại giáo sâu rộng*“, nghĩa là duyên Thánh giáo Đại thừa sâu rộng. Nghĩa vi tế, gọi là rất sâu, tức pháp vô ngã thù thắng. Oai đức tương ưng, gọi là rộng lớn, tức là Hư không tạng v.v... Các Tam-ma-địa gọi là sở duyên. “*Đẳng giác chỉ phân biệt*”, nghĩa là biết tất cả pháp chỉ có phân biệt, gọi là tác ý. “*Được vô phân biệt trí*”, tức là đối trị. “*Mong cầu thắng giải tịnh, nên ý lạc thanh tịnh*”, tức là tự thể. Vì ý lạc này lấy tín và dục làm tự thể. “*Trước và dòng pháp này, đều được thấy chư Phật*”, tức là thụy tướng. *Trước*, tức là ý lạc thanh tịnh vị. Trước đây, nghĩa là trong Tam-ma-địa này. *Dòng pháp*, nghĩa là thấy chư Phật trong định nơi

Tam-ma-địa. Cho nên “*Biết đã gần Bồ-đề*” thì “*Chứng đắc là không khó*”, nghĩa là nhân thấy Phật biết đã gần Bồ-đề. Giải thích nghĩa này nói là không khó chứng đắc, tức là *thắng lợi*. Ở trong địa vị này thấy gần được Bồ-đề. Đây có thể được phương tiện tốt nên chứng đắc là không khó. Tu tập tư lương, thể lực thành thực có thể kham năng. Như vậy 3 tụng giải thích chung 8 tướng sai biệt của ý lạc tăng thượng thanh tịnh.

Luận nói: Vì nhân duyên gì mà Ba-la-mật-đa chỉ có 6 thứ?

Vì thành lập các đối trị để đối trị các hoặc chướng, vì làm chỗ dựa để chứng đắc pháp của chư Phật, vì tùy thuận thành thực các hữu tình, vì muốn đối trị cái nguyên nhân không phát tâm nên lập thí Ba-la-mật-đa và giới Ba-la-mật-đa, nguyên nhân không phát tâm là do tham đắm tiền của địa vị và nhà cửa vợ con, vì muốn đối trị cái nguyên nhân đã phát tâm mà lại thoái lui, nên lập nhẫn Ba-la-mật-đa và tiến Ba-la-mật-đa, nguyên nhân của thoái lui là vì chúng sinh ở trong sinh tử vi phạm mà sinh các khổ và mệt mỏi vì thời gian dài gia hành tu tập thiện pháp, vì muốn đối trị cái nguyên nhân tuy đã phát tâm và không thoái lui nhưng thất bại hỏng mất, nên lập định Ba-la-mật-đa và tuệ Ba-la-mật-đa, nguyên nhân của thất bại hỏng mất là do các tán động và tà trí. Như vậy là thành lập các pháp đối trị để đối trị các hoặc chướng cho nên chỉ lập 6 pháp. Lại nữa 4 Ba-la-mật-đa trước là nhân không tán động. Một Ba-la-mật-đa kế tiếp là thành tựu sự không tán động. Sự không tán động này làm chỗ dựa nên hiểu biết bình đẳng như thật chân nghĩa của các pháp mới có thể chứng đắc tất cả Phật pháp. Như vậy vì là chỗ dựa để chứng đắc pháp của chư Phật nên chỉ lập 6 pháp. Do thí Ba-la-mật-đa mà có thể tiếp nhận chúng sinh, do giới Ba-la-mật-đa mà không làm hại chúng sinh, do nhẫn Ba-la-mật-đa mà khi bị hại có thể chịu đựng được, do tiến Ba-la-mật-đa mà có thể trợ giúp những việc đáng làm. Do đó bao gồm các nhân duyên lợi ích khiến chúng sinh thành thực những gì có

thể kham nhiệm. Từ đó về sau người tâm chưa định thì làm cho tâm định, người tâm đã định thì khiến được giải thoát. Khi khai ngộ thì họ được thành thực. Cứ như vậy mà tùy thuận thành thực tất cả chúng sinh, nên chỉ lập 6 pháp.

Giải thích: Tiếp đến khai thị trong bài tụng sau cùng. Các nghĩa về số tướng v.v... trước là dựa vào sự lập số mà nói thành lập đối trị các chướng sở trị v.v... Nghĩa là 3 nhân duyên Ba-la-mật-đa, con số chỉ có 6 không nhiều không ít. Trước phải khai thị sự thành lập đối trị các chướng phải đối trị nên để đối trị cái nhân không phát thú, nên lập thí, giới Ba-la-mật-đa. Cho đến để đối trị mà không làm hỏng mất nhân, nên lập định, tuệ Ba-la-mật-đa. Hỏng mất nhân, nghĩa là các tán động và tà ác tuệ điên đảo. Cái trí chấp lấy các xấu ác gọi tà tà ác tuệ. Như các ngoại đạo là nhân hỏng mất. Các câu khác văn rõ ràng dễ hiểu. Chúng chỗ sở y các Phật pháp, nghĩa là thứ hai nhân duyên thiết lập 6 số. Vì đó là nhân c của tất cả Phật pháp, nên Ba-la-mật-đa chỉ số 6 số không tăng không giảm. Nghĩa ấy như thế nào? Nghĩa là 4 Ba-la-mật-đa trước là nhân không tán động. Có thể khiến sở trị tán động không, nên tĩnh lự Ba-la-mật-đa không tán động thành tựu. Khiến không tán động được viên mãn, nên dựa vào tĩnh lự Ba-la-mật-đa này như thật đẳng giác các pháp chân nghĩa có thể được chính biến tri nơi sở duyên. Các Phật pháp, là 10 lực v.v... Chúng, nghĩa là làm xong. Tùy thuận thành thực các hữu tình, nghĩa là thứ ba nhân duyên thành lập 6 số, do thí Ba-la-mật-đa đối các hữu tình có thể chính nhiếp thụ. Do giới Ba-la-mật-đa đối các hữu tình không hủy hoại, không gây nhiễu loạn. Do nhẫn Ba-la-mật-đa, tuy gặp sự hủy hoại có thể chịu đựng, vì nhịn chịu được nên có thể lợi ích cho người, không trả báo. Do tinh tiến Ba-la-mật-đa trợ giúp người làm. Do tĩnh lự Ba-la-mật-đa khiến người tâm chưa định được định. Do tuệ Ba-la-mật-đa khiến người tâm đã định được giải thoát. Khi khai ngộ, nghĩa là khi dạy

dễ người khiến được ngộ nhập cảnh giới. Người được thành thực, nghĩa là người đã được thành thực đối với cảnh. Nói thành thực, tức là các chướng sở tri đã bị phá vỡ tiêu tan như ung nhọt đã bị phá. Hoặc năng đối trị đầy đủ có thể ứng dụng được, như thức ăn đã chín.

Luận nói: Làm sao thấy tướng của 6 pháp này?

Vì có 6 thứ vượt trội hơn hết. Một là do chỗ dựa vượt trội, vì tâm Bồ-đề là chỗ dựa. Hai là do sự vượt trội, vì hiện hành đầy đủ. Ba là do xứ vượt trội, vì dựa vào sự an vui lợi ích cho tất cả chúng sinh. Bốn là do phương tiện khéo léo vượt trội, vì do trí vô phân biệt nhiếp thụ. Năm là do hồi hướng vượt trội, vì hồi hướng vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Sáu là do thanh tịnh vượt trội, vì phiền não chướng và sở tri chướng không còn khởi lên.

Thí là Ba-la-mật-đa hay Ba-la-mật-đa là thí?

Có cái thí chẳng phải Ba-la-mật-đa, nên lập 4 câu. Nếu như thí là như vậy, thì các Ba-la-mật-đa khác cũng làm 4 câu như vậy.

Giải thích: Lập tướng của sở y mà nói như vậy. Nghĩa là do 6 thứ vượt trội hơn cả. Sáu thứ tối thắng này dễ hiểu không phải giải thích nữa. Vì hiện hành đầy đủ, tức là đối với tất cả chủng loại các việc trong ngoài đều có thể xả ly. Vì do trí vô phân biệt nhiếp thụ, nghĩa là tam luân thanh tịnh vì xa lìa sự phân biệt người bố thí, người nhận bố thí và của bố thí. Ngoài ra vẫn dễ hiểu. Có cái thí chẳng phải Ba-la-mật-đa, nghĩa là lìa 6 thứ tối thắng mà tu bố thí. Có Ba-la-mật-đa mà chẳng phải thí, nghĩa là 6 thứ tối thắng tập trung vào giới v.v... Có cũng thí cũng Ba-la-mật-đa, nghĩa là 6 thứ tối thắng tập trung vào bố thí. Có chẳng phải thí chẳng phải Ba-la-mật-đa, nghĩa là lìa 6 thứ tối thắng mà tu giới v.v... Lập ra 4 câu như vậy đối với thí và cũng lập như vậy trong 5 cái khác như giới v.v... Tùy thích ứng đều có thể an lập, nên có tụng như sau:

*Lân giác dụ vô hữu,
Sáu Ba-la-mật-đa.
Duy ngã tối thắng tôn,
Thượng phẩm đạo bí ngạn.*

Luận nói: Vì lý do gì 6 thứ Ba-la-mật-đa được lập theo thứ tự như vậy?

Vì Ba-la-mật-đa trước tùy thuận sinh Ba-la-mật-đa sau.

Giải thích: Tùy thuận sinh Ba-la-mật-đa sau, nghĩa là đối với tiền tài địa vị không tham đắm rồi mới có thể giữ giới, đủ giới rồi mới có thể nhẫn chịu, có thể nhẫn chịu rồi mới kham nổi những trái ngang mà phát tinh tiến, phát tinh tiến rồi tâm mới định, tâm định rồi mới biết được như thật. Cho nên 6 thứ này theo tuần tự như vậy.

Luận nói: Lại nữa làm sao thấy sự giải thích danh nghĩa các Ba-la-mật-đa?

Đối với Thanh Văn Độc Giác trên thế gian thì thiện căn bố thí v.v... là vượt trội hơn hết có thể đến bờ kia. Cho nên gọi chung là Ba-la-mật-đa. Lại có thể phá vỡ sự keo kiệt bần cùng và có thể dẫn phát tài lộc địa vị và các phúc đức rộng lớn, nên gọi là thí. Lại có thể đoạn diệt giới ác cõi ác và có thể hướng đến đẳng trì cõi thiện, nên gọi là giới. Lại có thể diệt hết giận dữ oán thù, và có thể mình và người sống trong an ổn, nên gọi là nhẫn. Lại có thể xa lìa mọi sự biếng nhác, các pháp ác và bất thiện, có thể sinh xuất vô lượng thiện pháp và khiến tăng trưởng, nên gọi là tinh tiến. Lại có thể tiêu trừ các tán động, và dẫn đến an trụ nội tâm, nên gọi là tĩnh lự. Lại có thể trừ bỏ mọi kiến chấp, tà trí ác tuệ và có thể phân biệt phẩm loại các pháp biết được như thật, nên gọi là tuệ.

Giải thích: Giải thích tên chung là đối với thế gian và Thanh Văn Độc Giác thì thí v.v... là các thiện căn thù thắng hơn cả, có thể đến bờ kia, cho nên gọi tên chung là Ba-la-mật-đa. Tên Ba-la-mật-đa

là nghĩa tối thắng. Giải thích tên riêng thì khi tu nhân có thể phá trừ xan lẫn, cũng có thể đưa đến phúc đức tư lương rộng lớn., và đối với quả thì có thể phá trừ sự nghèo cùng được tài vị lớn , nên gọi là thí. Ngoài ra giải thích các tên riêng khác vẫn nghĩa dễ hiểu.

Luận nói: Nên biết phải tu tập các pháp Ba-la-mật-đa như thế nào?

Nên biết đại khái 5 việc: Một là hiện khởi tu gia hành. Hai là tu thắng giải. Ba là tu tác ý. Bốn là tu phương tiện khéo léo. Năm là tu hoàn thành công việc. Trong đây 4 pháp tu như trước đã nói. Còn tu hoàn thành công việc nghĩa là chư Như Lai vận dụng Phật sự một cách tự nhiên tự tại không ngừng nghỉ, viên mãn các Ba-la-mật-đa rồi lại tu tập 6 pháp đến bờ kia. Lại nữa tu tác ý, nghĩa là tu 6 thứ ý lạc bao gồm các tác ý mến trọng, tùy hỷ, vui vẻ như một là ý lạc rộng lớn, hai là ý lạc dài lâu, ba là ý lạc hoan hỷ, bốn là ý lạc chịu ơn, năm là ý lạc chí lớn, sáu là ý lạc thuần thiện.

Nếu các Bồ-tát trải qua vô số đại kiếp cho đến hiện chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề, trong thời gian ấy mỗi một sát-na giả sử xả bỏ thân mạng, cho đến 7 báu chứa đầy trong thế giới như cát sông Hằng đem phụng sự cúng dường Như Lai cho đến khi an tọa trên tòa Bồ-đề, mà ý lạc về sự bố thí của Bồ-tát ấy còn chưa chán đủ; lại cũng trong thời gian ấy, mỗi mỗi sát-na giả sử lửa đốt cháy 3 ngàn đại thiên thế giới, trong 4 oai nghi thường thiếu tất cả mọi phương tiện sống mà tâm vẫn thường giữ giới, nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát-nhã, cho đến khi an tọa trên tòa Bồ-đề, vậy mà ý lạc của Bồ-tát ấy về giới, nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát-nhã vẫn không chán đủ. Đó gọi là ý lạc rộng lớn của Bồ-tát. Lại nữa các Bồ-tát ở trong cái ý lạc không chán đủ, cho đến khi an tọa tòa Bồ-đề, thường không gián đoạn hay ngừng nghỉ, gọi là ý lạc dài lâu của Bồ-tát. Lại các Bồ-tát dùng 6 Ba-la-mật-đa làm lợi ích chúng sinh, do làm việc lợi ích mà tâm sinh hoan hỷ còn hơn nỗi vui mừng của chúng sinh được lợi ích, gọi là ý lạc hoan

hỷ của Bồ-tát. Lại các Bồ-tát dùng 6 Ba-la-mật-đa làm lợi ích chúng sinh, thấy họ có ơn đức lớn đối với mình chứ không thấy mình có ơn đối với họ, đó là ý lạc chịu ơn của Bồ-tát. Lại nữa các Bồ-tát dùng 6 pháp đến bờ kia, nhóm họp các thiện căn, thâm tâm đem hiến cho tất cả chúng sinh khiến được quả báo khả ái thù thắng, gọi là ý lạc chí lớn của Bồ-tát. Lại các Bồ-tát lại dùng 6 pháp Ba-la-mật-đa nhóm họp các thiện căn cùng các chúng sinh trở về cầu vô thượng chính đẳng Bồ-đề, gọi là ý lạc thuần thiện của Bồ-tát. Như vậy Bồ-tát tu 6 thứ ý lạc này bao gồm tác ý ái trọng. Lại các Bồ-tát đối với 6 thứ ý lạc của các Bồ-tát khác tu tập tương ưng vô lượng thiện căn, thâm tâm tùy hỷ, như vậy là Bồ-tát tu 6 thứ ý lạc này bao gồm ý tác tùy hỷ. Lại các Bồ-tát thâm tâm hân hoan vui thích 6 thứ ý lạc của tất cả chúng sinh bao gồm tu 6 thứ đến bờ kia, cũng nguyện tự mình cùng tu tập 6 thứ đến bờ kia thường xuyên không rời bỏ, cho đến khi an tọa tòa Bồ-đề, như vậy là Bồ-tát tu 6 thứ ý lạc bao gồm tác ý hân lạc. Nếu có người nghe Bồ-tát tu 6 thứ ý lạc này bao gồm tác ý, chỉ cần khởi một niệm tín tâm sẽ được phát sinh vô lượng phúc, nghiệp chướng ác cũng sẽ tiêu diệt, hưởng chi là Bồ-tát.

Giải thích: Tập nhiều lần gọi là tu. Hiện khởi tu có 5 sự sai biệt. Hiện khởi tu gia hành, nghĩa là đối với thí v.v... không điên đảo chuyên, như tụng nói:

*Thí là thù thắng,
Đầy đủ lòng tin,
Cung kính đúng thời,
Tự tay hành thí.*

Lại như tụng nói:

*Lợi tha gia hạnh đối hữu tình,
Chẳng kể có sức hay không sức.
Tất cả mọi thời thí tất cả,
Tùy sức mà làm rộng lợi ích.*

Thắng giải tu, nghĩa là do tín, dục mà sinh thắng giải đối với kinh giáo của Phật tin sâu tùy thuận sinh lòng yêu thích, như có tụng nói:

*Tuy nơi lợi nghiệp không dụng công,
Mà nơi Phật dạy sinh thắng giải.
Do tin và yêu cùng tương ưng,
Ý lạc thường tu không phé bỏ.*

Tác ý tu, nghĩa là sự tu tập gồm có sự tác ý vui vẻ thích thú tùy hỷ ái trọng, như trước đã nói.

Phương tiện thiện xảo tu, nghĩa là sự tu tập gồm có sự hiệp thụ của trí vô phân biệt như trước đã nói.

Thành sở tác sự tu, nghĩa là pháp đáo bỉ ngạn của chư Như Lai tuy rất viên mãn, vì sức bản nguyện làm lợi tha nên không nghĩ đến sự dụng công, làm việc tùy theo khả năng hành thí. Đây là tu trong nghĩa vì người mà tu cũng gọi là tu. Lại nữa như trước muốn nói có nghĩa sai biệt của tác ý tu, tức là gồm có 6 thứ ý lạc, cho đến ý lạc còn không nhầm chán. Văn dễ hiểu, chỗ ít nói ít. Không nhầm chán, nghĩa là không mỗi mệt. Mỗi một sát-na trong thời gian ấy, hoặc có thuyết nói trải qua thời gian ấy làm một sát-na, nghĩa là trải qua 3 vô số kiếp đem làm một sát-na. Số sát-na tích tập như vậy cho đến được Đại Bồ-đề. Mỗi một sát-na trong thời gian ấy, nghĩa này dễ hiểu. Đây cả lửa cháy dữ dội, nghĩa là hiển thị sự thiếu thốn thắng xứ. Thường thiếu thốn các phương tiện cho đời sống, nghĩa là hiển thị sự không có phương tiện cho đời sống đối trị cái khổ mà phải chịu nhận lấy các khổ. Trong 4 oai nghi, là hiển thị chí rộng lớn. Tuy thiếu chỗ thuận lợi và các phương tiện cho đời sống mà trong tất cả 4 oai nghi tâm tu hành giới v.v... đáo bỉ ngạn thường hiện tiền. Ý lạc dài lâu, nghĩa là trong thời gian dài không nghỉ không gián đoạn. Ý lạc mang ơn, nghĩa là tin hiểu sâu sắc những người đến cầu đó là những thiện hữu. Đây tức là tin họ những người đến cầu, bổ thí diệu

quả dị thực khả ái của mình, cho nên chịu ơn. Ý lạc chí lớn, nghĩa là ý lạc này tương ứng với chí lớn vì muốn lợi ích hữu tình cho nên đem những thiện căn củ mình thí cho tất cả. Ý lạc như vậy rất là thù thắng, cho nên nói là ý lạc chí lớn. Ý lạc thuần thiện, ý nghĩa cũng là một mà lập tên khác, nghĩa là nếu đem sự bố thí v.v... mà cầu tài vị đầy đủ trong 3 cõi, ý lạc như vậy là mong cầu các khổ, tương tự có tội nên không gọi là thuần thiện. Nếu đem sự bố thí v.v... cùng các chúng sinh hướng cầu Phật quả thì ý lạc như vậy là ý lạc không cầu các khổ, tất cả đều không có tội nên gọi là thuần thiện. Tu 6 thứ ý lạc này bao gồm 3 thứ tác ý, văn dễ hiểu khỏi phiền giải thích nữa. Các ác nghiệp chương cũng sẽ tiêu diệt, nghĩa là khiến không có quả hoặc trị các ác thú.

Luận nói: Làm sao thấy được sự sai biệt của các Ba-la-mật-đa này?

Nên biết mỗi Ba-la-mật-đa đều có 3 phẩm. Ba phẩm của thí là: 1. pháp thí, 2. tài thí, 3. vô úy thí. Ba phẩm của giới là: 1. giới về luật và oai nghi, 2. giới gồm thân các thiện pháp, 3. giới làm lợi ích hữu tình. Ba phẩm của nhẫn là: 1. nhẫn chịu oán hại, 2. nhẫn an tâm thụ khổ, 3. nhẫn nại quan sát các pháp. Ba phẩm của tinh tiến là: 1. tinh tiến như người mặc áo giáp ra trận, 2. tinh tiến gia công tu hành, 3. tinh tiến không run sợ, không chao đảo thoái lui, không vui mừng thỏa mãn. Ba phẩm của tĩnh lự là: 1. tĩnh lự an trụ, 2. tĩnh lự dẫn phát, 3. tĩnh lự hoàn thành công việc. Ba phẩm của tuệ là: 1. tuệ gia hành vô phân biệt, 2. tuệ vô phân biệt, 3. tuệ vô phân biệt hậu đắc.

Giải thích: Do mỗi một Ba-la-mật-đa này đều có 3 phẩm hiển thị sai biệt. Nói pháp thí, nghĩa là tâm không nhiễm, như thật tuyên thuyết kinh pháp. Nói tài thí, nghĩa là tâm không nhiễm, xả bỏ vật dụng tư sinh. Vô úy thí, nghĩa là ngăn chặn sự tổn hại, cứu giúp nỗi sợ hãi. Lại nữa pháp thí là vì muốn làm tăng thêm thiện căn cho người. Tài thí là vì muốn tăng thêm lợi ích cho người. Vô úy thí là vì

muốn trợ giúp tâm người. Luật nghi giới, nghĩa là pháp có thể xa lìa bất thiện, phòng hộ thụ trì. Do có thể phòng hộ các ác bất thiện thân ngữ nghiệp v.v... nên gọi là luật nghi. Đây tức là giới có thể kiến lập 2 Thi-la sau. Do tự phòng hộ có thể tu các thiện căn cúng dường Phật và có thể lợi ích hữu tình, cho nên nhiếp thiện pháp giới có thể khiến chúng đắc lực vô úy v.v... tất cả Phật pháp. Nhiều ích hữu tình giới có thể trợ giúp hữu tình làm việc đúng như pháp, bình đẳng phân bố vô tội tác nghiệp. Thành thực hữu tình nhẫn chịu oán hại, là các hữu tình thành thực chuyển nhân, an thụ khổ nhẫn là nhân thành Phật. Lạnh nóng đói khát các việc khổ đều có thể nhẫn chịu không thoái chuyển. Quán sát pháp nhẫn là chỗ y chỉ của 2 nhẫn trước vì là pháp kham nhẫn sâu xa rộng lớn. Tinh tiến mặc áo giáp, nghĩa là lúc ban đầu tự cố gắng. Ta sẽ làm việc như vậy, tức là giải thích câu nói sơ hữu thể trong khế kinh. Tinh tiến gia hành, nghĩa là khi gia hành có ý lạc siêng tu gia hành. Tức là giải thích câu nói thứ hữu cần trong khế kinh. Tinh tiến không khiếm nhược, không thoái chuyển không mừng đủ, nghĩa là tùy ý lạc ra làm các việc thiện, cho đến an tọa nơi tòa Bồ-đề mà không buông bỏ. Đối với sự mệt nhọc lao khổ, tâm không thoái khuất là không khiếm nhược. Đối với sự bị bức não, tâm không lay chuyển là không thoái chuyển cho đến khi được Bồ-đề. Tiến tu các thiện phẩm, thường không lười biếng phế bỏ là không mừng đủ. Như vậy là 3 câu theo như số giải thích câu nói trong khế kinh là có dũng mãnh kiên cố, đối với các thiện pháp không bỏ gánh nặng. Tĩnh lự an trụ là được hiện trụ pháp lạc vì lìa mạn, kiến, ái được thanh tịnh. Tĩnh lự dẫn phát là có thể dẫn phát 6 thần thông v.v... các công đức thù thắng. Tĩnh lự hoàn thành công việc là vì muốn làm lợi ích hữu tình, bởi có thể ngăn chặn dứt các sự khổ đau như đói khát tật dịch sợ hãi v.v... Tuệ gia hành vô phân biệt, là chân quán tiên thắng phương tiện trí. Tuệ vô phân biệt, là chân quán trí. Tuệ vô phân biệt hậu đắc, là hiện quán biên các thế tục trí, có thể khởi các việc thuyết pháp v.v...

Luận nói: Làm sao thấy được sự nhiếp thuộc lẫn nhau?

Do 6 pháp này có thể gồm thâu tất cả thiện pháp vì tướng của chúng, vì sự tùy thuận của chúng, vì tính đẳng lưu của chúng.

Giải thích: Do đây có thể thâu nhiếp tất cả thiện pháp, là câu đáp này phi lý không như câu hỏi, cho nên trước hỏi chung rằng làm sao thấy được sự nhiếp thuộc lẫn nhau. Không có lỗi này thì nói có thể nhiếp thuộc tất cả thiện pháp. Nghĩa này đã nói rồi. Kia cũng thâu nhiếp tất cả thiện pháp đây, nghĩa là thí v.v..., tín v.v..., các niệm trụ v.v..., lục v.v... là sau. Là tướng của nó, nghĩa là thâu nhiếp thể tướng. Nghĩa là thí v.v... này với thí v.v... kia thâu nhiếp lẫn nhau. Là tùy thuận, nghĩa là thâu nhiếp tùy thuận tín v.v... thiện pháp, thí v.v... thiện tâm kia tu tập nên trong thí v.v... kia tùy chuyên. Tín v.v... tức các thiện. Đại thí và niệm trụ v.v... là các pháp Bồ-đề phần. Là đẳng lưu, nghĩa là thâu nhiếp đẳng lưu, có nghĩa là vô tránh v.v... và 10 lục v.v... là quả đẳng lưu đáo bỉ ngạn. Như có tụng nói:

*Địa và đáo bỉ ngạn,
Chỗ y các Phật pháp.
Chuyên y pháp thân v.v...
Các công đức là quả.*

Luận nói: Làm sao thấy được các tạp nhiễm là những thứ bị 6 pháp này đối trị?

Đó là tướng, là nhân, là quả của chúng.

Giải thích: Như vậy những thứ sở trị như xan lẫn, phạm giới, giận tức, biếng nhác, tán động ác tuệ, làm sao có thể thâu nhiếp tất cả tạp nhiễm? Là tướng này, nghĩa là thâu nhiếp xan v.v.. sai biệt tự tính lìa tha tính. Là nhân này, nghĩa là bất tín v.v... tà kiến là nhân sau của xan v.v...

Luận nói: Làm sao thấy được lợi ích thù thắng của 6 Ba-la-mật-đa đạt được?

Nghĩa là các Bồ-tát khi đang lưu chuyển trong sinh tử thì sinh trong nhà giàu sang, tộc họ lớn, nhiều bà con bạn bè, thành tựu sự nghiệp lớn, không bị tai hại quấy nhiễu, nhẹ đường trần tục, biết nhiều kiến thức giỏi kỹ năng, sống tốt không tội lỗi, cho đến khi an tọa tòa Bồ-đề thường có thể hiện làm các việc lợi ích chúng sinh, đó là lợi ích thù thắng.

Giải thích: Nay sẽ nói rõ công đức thù thắng của Ba-la-mật-đa. Sinh vào nhà phú quý, là được thù thắng do thí Ba-la-mật-đa, cho đến thắng sinh vô tội nên gọi là thù thắng. Sinh nhà tộc họ lớn, là được sự thù thắng do giới Ba-la-mật-đa, nhiếp thuộc thắng thiện thú nên gọi là đại sinh. Nhiều bà con bạn bè thuộc hạ, là được sự thù thắng do nhẫn Ba-la-mật-đa. Nguyên văn dùng chữ bằng có nghĩa là thân tộc. Nguyên văn dùng chữ thuộc có nghĩa là thuộc hạ nô tì. Thành tựu sự nghiệp lớn, là được sự thù thắng do tinh tiến Ba-la-mật-đa. Sự nghiệp to lớn nghĩa là như Luân vương v.v... Trong đó sự cố gắng gọi là gia hành, Các việc làm đều hoàn thành gọi là thành tựu. Không bị tai hại quấy nhiễu, nhẹ đường trần tục, là được sự thù thắng do tĩnh lự Ba-la-mật-đa, nhờ tính lự Ba-la-mật-đa nên cảm được uy lực này. Biết nhiều kiến thức giỏi kỹ năng, là được sự thù thắng do tuệ Ba-la-mật-đa. Sống tốt không tội lỗi, nghĩa là tuy đồng là thế gian nhưng có cuộc sống tốt không như cuộc sống tội lỗi của thế gian. Đã không có tội lỗi và thời gian liên tục không gián đoạn cho đến khi được Bồ-đề thường có thể hiện làm tất cả các việc lợi ích chúng sinh, không như thế gian chỉ biết tự lợi.

Luận nói: Làm sao thấy được sự quyết định lựa chọn đối với 6 thứ Ba-la-mật-đa?

Thế Tôn đối với tất cả 6 thứ Ba-la-mật-đa này, có nơi lấy thí mà nói, có nơi lấy giới mà nói, có nơi lấy nhẫn nói, có nơi lấy cần nói, có nơi lấy định nói, có nơi lấy tuệ nói.

Nói như vậy là có ý gì?

Vì ý nghĩa, là trong khi gia hành tu tất cả Ba-la-mật-đa, thì đều được tất cả Ba-la-mật-đa hỗ trợ cho thành tựu.

Giải thích: Nghĩa là đối với tất cả Ba-la-mật-đa trong khi tu gia hành đều có tất cả Ba-la-mật-đa hỗ trợ nhau thành tựu. Ý thú như vậy, nghĩa là trong khi tu mỗi một gia hành thì tất cả đều tương trợ cho nhau. Nghĩa là khi tu thí, thì cấm ngăn ngừa, nhẫn chịu, cố gắng, chuyên tâm, có thể biết rõ nghiệp quả tùy thuộc. Như vậy trong thí có những cái khác chuyên. Nếu khi tu giới, xa lìa xan lẫn, giận tức, biếng nhác, tán động, tà kiến. Như vậy trong giới có những cái khác chuyên. Và tu tập các Ba-la-mật-đa khác cũng như vậy. Như có tụng nói:

*Khi thí không tham không phạm giới,
Không ghét không giận khởi từ tâm.
Ai đến cầu xin liền bố thí,
Không chán không loạn không dị kiến.*

Lại có bài tụng như sau:

*Trong tính thí hiện có,
Sáu Ba-la-mật-đa.
Tài thí vô úy thí,
Pháp thí cũng gồm thâu.*

Luận nói: Ở đây có bài tụng như sau:

*Số, tướng và thứ lớp,
Tên, tu tập, sai biệt.
Nhiếp, trị và công đức,
Hỗ trợ nhau thành tựu.*

Giải thích: Gồm các văn trước giải thích như trên.

6 – Tu tập sai biệt

Luận nói: Như vậy là đã nói về ngộ nhập nhân quả, vậy làm sao thấy sự tu tập sai biệt?

Thấy được qua 10 địa của Bồ-tát. Những gì là 10? Một là cực hỷ địa, hai là ly cấu địa, ba là phát quang địa, bốn là diệm tuệ địa, năm là cực nan thắng địa, sáu là hiện tiền địa, bảy là viễn hành địa, tám là bất động địa, chín là thiện tuệ địa, mười là pháp vân địa.

Làm sao có thể thấy 10 thứ bậc được an lập như vậy?

Vì muốn đối trị 10 thứ vô minh là những chướng ngại bị đối trị. Bởi vì sao? Bởi vì nơi 10 tướng của pháp giới sở tri có 10 vô minh chướng ngại bị đối trị.

Những gì là 10 tướng của pháp giới sở tri?

Trong địa thứ nhất là biên hành, trong địa thứ hai là tối thắng, trong địa thứ ba là thắng lưu, trong địa thứ tư là không nhiếp thụ, trong địa thứ năm là liên tục không sai biệt, trong địa thứ sáu là thanh tịnh không tạp nhiễm, trong địa thứ bảy là các pháp không sai biệt, trong địa thứ tám là không thêm không bớt, tự tại tại y chỉ, cõi tự tại tại y chỉ, trong địa thứ chín là trí tự tại tại y chỉ, trong địa thứ mười là nghiệp tự tại tại y chỉ, Đà-la-ni môn, Tam-ma-địa môn tự tại tại y chỉ. Ở đây có 3 bài tụng như sau:

*Biên hành và tối thắng,
Cùng với nghĩa thắng lưu,
Như vậy không nhiếp thụ,
Liên tục không sai biệt,
Thanh tịnh không tạp nhiễm,
Các pháp không sai biệt,
Không tăng cũng không giảm,
Bốn tự tại tại y chỉ,*

*Trong pháp giới có mười,
Không nhiễm ô vô minh,
Đổi trị các chướng ngại,
Nên an lập mười địa.*

Lại nữa phải biết rằng 10 vô minh như vậy, đối với Thanh Văn v.v... thì không phải nhiễm ô, nhưng đối với Bồ-tát là nhiễm ô.

Giải thích: Vì muốn hiển thị nhân quả của sự ngộ nhập tướng sở tri bao gồm trong Ba-la-mật-đa. Tùy sự thích hợp khéo tu tập có thể trừ kiến đoạn chướng. Cho nên nói rõ các tu vị sai biệt của nhân quả. Nói do 10 địa Bồ-tát, nghĩa là các Bồ-tát tu tập hiện quán trong địa này, lia lỗi, lia tham, tu Bồ-đề phần, quán sát các đế, quán sát duyên khởi, trong vô tướng hoặc có dụng công hoặc không dụng công được biện tài thù thắng đạt đến chân quán đỉnh, trừ diệt sở tri chướng phiền não chướng v.v... Cho nên tu vị này có 10 địa khác nhau. Bởi vì trong 10 tướng, tức là biến hành v.v... Pháp giới sở tri, nghĩa là do 10 tướng mà hiển thị pháp giới. Có 10 vô minh chướng ngại bị đổi trị, nghĩa là trong 10 tướng có 10 vô minh là 10 chướng phải đổi trị. Tu 10 tướng trí để đoạn chướng này. Do 10 tướng trí được trí vô ngã ngộ nhập pháp 10 địa. Phần vị gọi là địa.

Trong địa thứ nhất do biến hành, nghĩa là trong sơ địa tất cả pháp không, không một pháp nhỏ mọn nào chẳng phải không, nên gọi là biến hành. Hiểu rõ nghĩa này được ngộ nhập địa thứ nhất.

Trong địa thứ hai là tối thắng, nghĩa là lý không này là thù thắng bậc nhất trong tất cả pháp. Như nói lia dục là thù thắng bậc nhất. Hiểu rõ nghĩa này được ngộ nhập địa thứ hai.

Trong địa thứ ba là thắng lưu, nghĩa là đây là giáo pháp lưu hành thù thắng nhất. Xả bỏ thân mạng để cầu nói pháp này chẳng lầy làm khó. Hiểu rõ nghĩa này được ngộ nhập địa thứ ba.

Trong địa thứ tư là không nhiếp thụ, nghĩa là khế kinh v.v... các pháp đoạn ái, không chấp ngã sở, quán đây không phải tự không phải tha. Hiểu rõ nghĩa này được ngộ nhập địa thứ tư.

Trong địa thứ năm là liên tục không sai biệt, nghĩa là hiểu rõ đây không phải như sắc v.v... liên tục sai biệt. Hiểu rõ nghĩa này được ngộ nhập địa thứ năm.

Trong địa thứ sáu là thanh tịnh không tạp nhiễm, nghĩa là biết tự tính vốn không tạp nhiễm cũng không thanh tịnh, vì tạp nhiễm là trước sau có thể tịnh. Hiểu rõ nghĩa này được ngộ nhập địa thứ sáu.

Trong địa thứ bảy là các pháp không sai biệt, như các pháp sai biệt trong khế kinh, đây không phải nghĩa như vậy. Hiểu rõ nghĩa này được ngộ nhập địa thứ bảy.

Trong địa thứ tám là không thêm không bớt, nghĩa là không dùng ngoài pháp vì vậy mà không tăng, các pháp không hư hoại vì vậy mà không giảm. Hoặc khi nhiễm pháp giảm đây không giảm. Hoặc khi tịnh pháp tăng đây không tăng.

Tướng tự tại y chỉ, cõi tự tại y chỉ, nghĩa là trong địa thứ tám này chứng pháp giới có 2 tự tại. Chỗ sở y chỉ, tùy tướng sở cầu sẽ được hiển hiện. Nếu thắng giải tức có thể hiện tiền tên và tướng tự tại. Tùy chỗ mong cầu cõi nước bằng vàng ròng v.v... Nếu thắng giải thì có thể hiện tiền tên và cõi nước tự tại. Ở các địa trước tuy cũng được trụ vô sai biệt này, nhưng phải dụng công sau mới thành được. Còn ở địa này có thể không dụng công, chỉ tùy ý muốn liền được thành tựu nên gọi là tự tại. Hiểu rõ nghĩa này được ngộ nhập địa thứ tám.

Trong địa thứ chín là trí tự tại y chỉ, nghĩa là trong địa này được vô ngại biện sở y chỉ, nên một phần chứng được trí Ba-la-mật-đa. Đối với tất cả pháp không tùy ngôn thuyết, có thể hiểu biết các ý nghĩa, như thật thành thực tất cả hữu tình, thụ thắng pháp lạc. Hiểu rõ nghĩa này được ngộ nhập địa thứ chín.

Trong địa thứ mười là nghiệp tự tại y chỉ, nghĩa là tùy theo ý muốn được nghiệp dụng tự tại của thân ngữ ý, dựa vào 5 thần thông tùy theo tác nghiệp đều có thể làm thành, vì được sức tự tại văn nghĩa, trì các Đà-la-ni, có thể gìn giữ không quên tất cả văn nghĩa Phật đã nói. Vì được sức tự tại của Tam-ma-địa nên đối với các định có thể trì có thể đoạn, tùy theo ý muốn như Hư không tạng v.v... các Tam-ma-địa Tam-ma-bát-đề có thể hiện tiền. Pháp giới chứng được trong địa thứ mười có các sở y tự tại như vậy. Hiểu rõ nghĩa này được ngộ nhập địa thứ mười. Như vậy vô minh đối với Thanh Văn v.v... không phải nhiễm ô, là vì không phải chỗ đoạn trừ của Thanh Văn, không phải chỗ đoạn trừ nên không ngộ nhập được vào địa vị năng trị kia. Vì vậy đối với Niết-bàn của họ không bị chướng ngại. Còn đối với Bồ-tát đó là nhiễm ô, vì đó là chỗ phải đoạn trừ, vì là chỗ đoạn trừ nên chính phải ngộ nhập địa vị năng trị. Bồ-tát cầu nhất thiết chủng trí. Như vậy vô minh có thể làm chướng ngại. Khi nhập sơ địa đã thông đạt tất cả pháp giới. Vì sao còn lập các sai biệt sau này? Vì muốn hiển thị các trụ hiện hành nên lập các địa sai biệt sau này. Nghĩa là để an trụ chỗ sở đắc pháp giới thắng trụ phẩm hiện riêng biệt, chứ chẳng phải chỉ chứng đắc là sinh thỏa mãn an trụ một cách thân nhiên.

Luận nói: Lại nữa, vì sao địa thứ nhất gọi là cực hỷ?

Vì ở địa này lần đầu tiên được cái năng lực thù thắng có thể làm thành mọi sự nghĩa lợi cho mình và người.

Vì sao địa thứ hai gọi là ly cấu?

Vì ở địa này hết sức xa lìa cấu bần của sự phạm giới.

Vì sao địa thứ ba gọi là phát quang?

Vì địa này là chỗ dựa của đảng trì và đảng chí không thoái chuyển, là chỗ dựa của chính pháp đại quang minh.

Vì sao địa thứ tư gọi là diệm tuệ?

Vì ở đây các pháp Bồ-đề phân đốt cháy tiêu tất cả chướng ngại.

Vì sao địa thứ năm gọi là cực nan thắng?

Vì trí chân đế với trí thế gian mâu thuẫn nhau mà hợp hai thứ khó hợp làm cho tương ưng là rất khó.

Vì sao địa thứ sáu gọi là hiện tiền?

Vì ở đây cái trí duyên khởi làm chỗ dựa, có thể khiến Bát-nhã Ba-la-mật-đa hiện ra trước mắt.

Vì sao địa thứ bảy gọi là viên hành?

Vì ở đây là đã đến giới hạn cuối cùng của công dụng hành.

Vì sao địa thứ tám gọi là bất động?

Vì ở đây tất cả các tướng có dụng công đều không còn hoạt động.

Vì sao địa thứ chín gọi là thiện tuệ?

Vì ở đây được trí vô ngại thù thắng nhất.

Vì sao địa thứ mười gọi là pháp vân?

Vì ở đây được cái trí tổng duyên tất cả pháp, hàm chứa tất cả Đà-la-ni môn, Tam-ma-địa môn, ví như đám mây lớn che được chướng ngại rộng lớn như hư không, lại có thể viên mãn pháp thân.

Giải thích: Y thanh chuyển nhân, nên nói như vậy. Do đây ban đầu có thể làm xong tự tha nghĩa lợi. Thắng công năng, nghĩa là như Bồ-tát khi nhập hiện quán được công năng làm xong tự tha nghĩa lợi. Công năng tối thắng làm phát sinh cực kỳ hoan hỷ. Không phải như Thanh Văn v.v... khi nhập hiện quán chỉ làm được công năng tự lợi. Sinh niềm hoan hỷ như vậy nên không nói đó là cực hỷ địa. Nếu trong sơ địa không tương ưng thì các địa sau cũng không tương ưng. Đây là điểm trước tiên nên do xa lìa cầu uế của sự phạm giới, tức trong địa này thành tựu tính giới, nên xa lìa tất cả cầu uế của sự phạm giới. Do chỗ y chỉ của không thoái chuyển, đẳng trì, đẳng chí, nghĩa

là trong địa này chứng hy hữu định, có thể phát trí chiếu sáng hiểu rõ các pháp nên gọi là phát quang. Được rồi không mất gọi là không thoái chuyển. Các định tĩnh lự gọi là đẳng trì. Các định vô sắc gọi là đẳng chí. Hoặc đẳng trì nghĩa là tâm một cảnh tướng, nói đẳng chí là chính thụ hiện tiền. Nói chỗ y chỉ của đại pháp quang minh, nghĩa là tương ứng với định trong địa này không thoái chuyển, nên được trí sáng suốt đối với các pháp khác kinh Đại thừa. Địa này là nhân sở y của kia nên gọi là phát quang. Nói diệm tuệ, nghĩa là trong địa này có ngọn lửa tuệ nên gọi là diệm tuệ. Đây tức là tất cả pháp Bồ-đề phần đều gọi là diệm. Đốt cháy các chướng nên khi Bồ-đề phần này an trú khiến các phiền não đều cháy thành tro. Cực nan thắng, nghĩa là rất khó thắng. Nghĩa là chân đế trí là vô phân biệt, cái trí thế gian như sách vở công luận v.v... là hữu phân biệt. Trí chân đế và trí tục đế có mâu thuẫn nhau khó có thể dẫn phát khiến tương ứng. Đây có thể làm cho hòa hợp không mâu thuẫn cho nên là cực nan thắng. Nói hiện tiền, là tối thắng Bát-nhã đáo bỉ ngạn trụ tại hiện tiền. Nghĩa là trong địa này chứng duyên khởi trụ. Sức của trí duyên khởi khiến vô phân biệt, tối thắng Bát-nhã đáo bỉ ngạn trụ tại hiện tiền biết tất cả pháp không nhiễm không tịnh. Nói viển hành, là đến biên giới cuối cùng của công dụng hạnh. Cho nên gọi các công dụng hạnh trong địa này là tốt cùng cứu cánh. Tất cả pháp tướng tuy không thể động mà nơi vô tướng cũng có công dụng. Nói không động, nghĩa là tất cả tướng và tất cả hành đều không thể làm động tâm kia. Trong địa thứ bảy tuy tất cả tướng không thể làm động vì không hiện hành. Nhưng không tự do tự tại chuyển vì không có công dụng làm gia hành. Đó là chỗ sai biệt giữa địa thứ bảy và thứ tám. Nói thiện tuệ, là được tối thắng 4 vô ngại giải. Trí vô ngại giải lán thù thắng nhất trong các trí. Trí tức là tuệ, nên gọi là thiện tuệ. Bốn vô ngại là pháp nghĩa từ biện. Do pháp vô ngại, nên hiểu biết một cách tự tại tất cả pháp. Do nghĩa vô ngại, nên thông đạt một cách tự tại tất cả nghĩa lý. Do từ vô ngại, nên phân biệt một cách tự tại tất cả ngôn từ. Do biện tài vô

ngại, nên khắp 10 phương tùy chỗ thích nghi mà biện thuyết tự tại. Ở trong địa này lúc mới chúng đắc ban đầu, trước chưa từng được trí vô ngại giải, nên gọi là thiện tuệ. Nói pháp vân, là do được cái trí duyên chung tất cả pháp, duyên chung tất cả pháp khế kinh, không lia chân như. Cảnh trí cộng tướng của tất cả pháp này ví như đám mây lớn Đà-la-ni môn Tam-ma-địa môn. Trí như nước trong sạch có thể tàng chứa, như mây ngậm nước có thể sinh công năng thù thắng kia. Lại như đám mây lớn kéo che hư không. Như vậy cái trí duyên chung tất cả pháp che lấp 2 chướng hoặc chướng rộng lớn như hư không. Nói che lấp, là nghĩa cách ly gián đoạn. Lại như đám mây lớn mưa nước trong mát đầy khắp hư không. Như vậy cái trí duyên chung tất cả pháp, xuất sinh vô lượng công đức thù thắng làm sung mãn pháp thân sở chứng sở y.

Luận nói: Làm sao thấy được sự chứng đắc các địa này?

Thấy được do 4 thứ tướng. Một là được thắng giải. Nghĩa là được tin hiểu sâu sắc đối với các địa. Hai là được chính hạnh. Nghĩa là được 10 thứ chính pháp hạnh tương ưng với các địa. Ba là được thông suốt. Nghĩa là khi ở địa thứ nhất thông suốt pháp giới là có thể thông suốt cùng khắp các địa. Bốn là được thành tựu viên mãn. Nghĩa là tu các địa đến chỗ rốt ráo.

Giải thích: Y được các địa nên nói như vậy. Do 4 thứ tướng. Một là được thắng giải, nghĩa là được các địa, tin hiểu sâu đối với giáo pháp trong địa, quyết định ẩn khả chân thật như vậy. Hai là được chính hạnh, nghĩa là được các địa tương ưng 10 thứ chính pháp hạnh, được 10 thứ pháp hành trong giáo pháp. Tức là sao chép các giáo pháp tương ưng trong các địa cúng dường và chuyên thí cho người nghe đọc thụ trì, khai thị tư duy tu tập. ba là được thông đạt, nghĩa là ở sơ địa khi đạt pháp giới có thể thông đạt khắp tất cả địa. Nếu ở sơ địa chính khi thông đạt có thể thông đạt nhanh chóng tất cả địa sau. Cho nên có bài tụng như sau:

*Như chẻ tre một đốt,
 Các đốt khác bị chẻ.
 Được chân trí sơ địa,
 Các địa khác chóng thành.*

Bốn là được thành tựu viên mãn, nghĩa là tu các địa đến cứu cánh, tức trong mỗi địa mỗi địa, quả đầy đủ từng phần hoặc sau cùng viên mãn.

Luận nói: Làm sao thấy được sự tu tập các địa này?

Nghĩa là các Bồ-tát trong mỗi địa tu Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na do 5 tướng tu tập.

Những gì là năm?

Là tu tổng tập, tu vô tướng, tu không dụng công, tu mạnh mẽ, tu không vui mừng cho là đủ. Năm sự tu tập này làm cho các Bồ-tát thành tựu 5 quả. Đó là trong mỗi niệm tiêu tan chỗ dựa của tất cả pháp thô nặng, lìa các thứ tướng, được cái vui như ở trong vườn chính pháp, có thể hiểu biết đúng đắn ánh sáng của chính pháp lớn lao, biến khắp vô lượng không giới hạn, hiện hành vô tướng, thuận thanh tịnh phần không còn phân biệt, vì để viên mãn thành tựu pháp thân có thể nhiếp thụ đúng đắn các nhân thù thắng sau này.

Giải thích: Nói trong mỗi địa mỗi địa, tức là trong các địa chứ không phải một. Xa-ma-tha, là định có thể đối trị các tán động. Tì-bát-xá-na, là tuệ có thể đối trị các điên đảo. Trong mỗi địa mỗi địa tu 2 thứ này đều do tu tập 5 tướng nhiều lần. Năm tướng tức là gồm chung mà tu. Gồm chung mà tu, nghĩa là gom tất cả chung làm một lựa chọn chỗ cốt yếu mà tu tập. ngoài ra các cảnh giới quán như cốt tủa v.v... cũng gom chung làm một tu tập lướt qua. Để lựa chọn nên nói tu vô tướng. Lìa các tướng trong chân pháp giới, khiến trừ sự sai biệt mà tu tập. Tuy tu vô tướng mà hoặc có dụng công là để hiển

thị sự tu tập này không nhờ công sức mà chuyển tự nhiên. Lại nữa nói tu không dụng công, lia các dụng công tự nhiên mà chuyển, tuy không dụng công mà tu một cách tự nhiên. Hoặc hơn hoặc kém 2 thứ không nhất định. Lại nữa thứ tư nói tu mạnh mẽ, nói mạnh mẽ tức là tăng thắng. Tuy tu mạnh mẽ mà hoặc sở đắc chút ít liền sinh vui mừng cho là đủ. Nghĩa là tu như thế thì dùng được gì khác. Cho nên sau cùng nói tu không vui mừng cho là đủ, chẳng phải chỉ vô tướng và vô công dụng mạnh mẽ mà tu. Những gì làm chứng là phải siêng năng tu tập để chứng Phật quả cao tốt? Tiêu tan chỗ dựa của tất cả pháp thô nặng, là thức A-lại-da là chỗ dựa của các pháp thô nặng. Làm tổn hoại nó gọi là tiêu tan. Như phương thuốc hay làm lành các bệnh. Lia các thứ tướng, được cái vui như ở trong vườn chính pháp, nghĩa là lia các tướng tướng ngã, pháp, Phật v.v... Vườn, là nói trong đó có thể du ngoạn. Pháp là pháp giới, pháp là vườn, nên gọi vườn chính pháp. Ở đây vui mừng gọi là vui như ở trong vườn chính pháp. Chứng được pháp này nên gọi là được vui như ở trong vườn chính pháp. Như bên ngoài vương cung có vườn thượng uyển, dạo chơi trong đó được vui thù thắng. Pháp giới cũng vậy. Hiểu đúng được như vậy thì chung quanh có vô lượng tướng không giới hạn. Đại pháp quang minh, nghĩa là chính thông đạt tướng 10 phương vô biên không giới hạn, hiển thị chiếu sáng nên gọi là pháp quang minh, như khéo tụng tập văn tự gọi là quang minh. Thuận thanh tịnh phần, không phân biệt không tướng hiện hành, nghĩa là Phật quả đương lai gọi là thanh tịnh phần. Cái này có thể dắt dẫn cái kia, gọi là thuận. Không phân biệt, không tướng hiện hành, như chiếc lọng trắng của Phật của Luân vương v.v... là khiến pháp thân viên mãn thành tựu. Có thể chính nhiếp thụ các thắng nhân về sau, nghĩa là địa thứ mười gọi là viên mãn. Nếu ở Phật địa thì gọi là thành tựu. Cảm cái nhân này là cực kỳ thù thắng nên gọi là thắng nhân. Chiêu tập các nhân về trước, nên gọi là về sau. Như vậy 5 pháp tu, tùy theo số lượng mà được 5 thứ quả.

Luận nói: Đề tăng thêm sức vượt trội nên nói trong 10 địa tu riêng 10 thứ Ba-la-mật-đa. Ở 6 địa trước tu 6 thứ Ba-la-mật-đa như trước đã nói. Trong 4 địa sau tu 4 thứ là: Một là phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa, nghĩa là lấy các thiện căn tập hợp được của 6 Ba-la-mật-đa trước, hồi hướng cầu vô thượng Bồ-đề cùng tất cả chúng sinh. Hai là nguyện Ba-la-mật-đa, nghĩa là phát các thứ đại nguyện vì điều dẫn đến các duyên thù thắng cho các Ba-la-mật-đa về sau. Ba là lực Ba-la-mật-đa, nghĩa là do 2 sức là sức tư duy chọn lựa và sức tu tập, khiến cho 6 thứ Ba-la-mật-đa trước hiện hành không gián đoạn. Bốn là trí Ba-la-mật-đa, nghĩa là do 6 Ba-la-mật-đa trước thành lập điều trí, thụ dụng pháp lạc thành thực chúng sinh.

Lại nữa phải biết 4 thứ Ba-la-mật-đa này gồm vô phân biệt trí và hậu đắc trí. Lại trong tất cả các địa không địa nào là không tu tập tất cả Ba-la-mật-đa. Pháp môn như vậy được thâm nhiếp trong kho tàng Ba-la-mật-đa.

Giải thích: Do tăng thắng nên nói trong 10 địa tu riêng 10 thứ Ba-la-mật-đa, tức quyết định nói tu nghĩa sai biệt là không phải sao? Trong mỗi một địa tu đủ 10 thứ Ba-la-mật-đa. Cho nên không nên chỉ quyết định nói địa này là tu Ba-la-mật-đa này. Do tăng thắng nên nói không có lỗi này. Trong đây chỉ nói nghĩa tăng thắng tu không cản trở tu những cái khác. Như Khế kinh nói sơ địa tu bố thí Ba-la-mật-đa là tăng thắng hơn hết. Ngoài ra tất cả Ba-la-mật-đa khác không phải không tu tập. Tùy sức tùy phần cho đến nói rộng. Ở 6 địa trước tu 6 Ba-la-mật-đa như trước đã nói. Nghĩa là như cực hỷ v.v... trong 6 địa trước tu bố thí v.v... 6 đáo bỉ ngạn. Trong 4 địa sau tu tập 4 thứ là viễn hành v.v... trong 4 địa sau tu phương tiện v.v... 4 đáo bỉ ngạn. Phương tiện thiện xảo là không bỏ sinh tử mà cầu Niết-bàn. Đó tức gọi là phương tiện thiện xảo. Nếu từ 6 Ba-la-mật-đa trước tập hợp nhiều thiện căn là vì muốn làm lợi ích các hữu tình nên không bỏ hữu tình. Phải biết đó tức là không bỏ sinh tử. Nếu đem các thiện

căn này cầu vô thượng chính đẳng Bồ-đề vì muốn chứng vô thượng Phật Bồ-đề nên phải biết đó tức là mong cầu Niết-bàn. Nghĩa là phát rất nhiều vi diệu đại nguyện dẫn nhiếp các duyên đương lai Ba-la-mật-đa thù thắng, tức là cầu cái duyên đáo bỉ ngạn đời vị lai, cũng là để lợi ích hữu tình cho nên muốn mau chứng Phật quả Niết-bàn phát nguyện nói: Nếu nơi đó có duyên đến bờ kia tôi nguyện đời sau sinh về nơi đó. Những nguyện như vậy vô lượng vô biên nên nói là nhiều thứ. Nói do 2 sức tư duy lựa chọn tu tập, là nơi sức này chỉ nói 2 thứ, ngoài ra các sức khác cũng bao gồm trong đó. Nói do 6 Ba-la-mật-đa trước thành lập diệu trí thụ dụng pháp lạc thành thực hữu tình, là do thí v.v... 6 pháp thành lập trí này. Lại do trí này thành lập 6 thứ, nghĩa là số, tướng v.v... các thứ phẩm loại tức gọi là thụ dụng pháp lạc. Do diệu trí này có thể hiểu rõ đúng đắn thí này, giới này, nhẫn, tiến này v.v... như đã nghe pháp các loại lợi ích hữu tình, đó gọi là lợi ích hữu tình. Lại nữa 4 thứ ba-la-mật-đa này cho đến thâu nhiếp trong trí hậu đắc, nghĩa là 4 thứ phương tiện v.v... nói đây là thâu nhiếp trong trí vô phân biệt hậu đắc. Nếu lập 10 thứ Ba-la-mật-đa thì cái thứ 6 Bát-nhã chỉ là trí căn bản vô phân biệt. Nếu lập 6 thứ Ba-la-mật-đa thì cái thứ 6 Bát-nhã gồm cả 2 trí là vô phân biệt trí và hậu đắc trí. Trong trí hậu đắc 4 đáo bỉ ngạn cũng thâu nhiếp trong cái thứ 6 là Bát-nhã. Pháp môn như vậy là thâu nhiếp trong kho tàng Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tức tất cả giáo pháp Đại thừa đều gọi là Ba-la-mật-đa tạng. Như vậy pháp môn 10 địa thâu nhiếp trong tạng ấy. Do mỗi mỗi địa đều tất cả thâu nhiếp trong Đáo bỉ ngạn tạng cho nên đây chứng minh rằng trong tất cả địa đều tu đủ tất cả Ba-la-mật-đa.

Luận nói: Lại nữa, trải qua bao nhiêu thời gian tu hành mới có thể viên mãn các địa?

Có 5 loại Bồ-đặc-già-la tu trải qua 3 vô số Đại kiếp. Đó là Thắng giải hành Bồ-đặc-già-la trải vô số Đại kiếp đầu tiên tu hành viên mãn. Thanh tịnh tăng thượng ý lạc hành Bồ-đặc-già-la và Hữu

tướng hành, Vô tướng hành Bồ-đặc-già-la ở 6 địa trước và địa thứ 7 trải vô số Đại kiếp thứ hai tu hành viên mãn. Tức Vô công dụng hành Bồ-đặc-già-la. Từ đây trở lên đến địa thứ 10, trải vô số Đại kiếp thứ ba tu hành viên mãn. Ở đây có bài tụng như sau:

*Sức thanh tịnh, tặng thượng,
Tâm kiên cố, thắng tiến,
Là Bồ-tát sơ tu,
Vô số 3 đại kiếp.*

Giải thích: Có 5 loại Bồ-đặc-già-la tu trải qua 3 vô số Đại kiếp, nên biết rằng chỉ có một Bồ-đặc-già-la, vị sai biệt nên thiết lập 5 thứ. Sau sẽ nói thắng giải hạnh v.v... Thắng giải hạnh, nghĩa là chưa chứng chân như chỉ dựa vào thắng giải siêng tu các hạnh. Đây trải qua vô số Đại kiếp thứ nhất tu hành viên mãn. Thanh tịnh tặng thượng ý lạc hạnh, nghĩa là được ý lạc thanh tịnh tặng thượng, siêng tu các hạnh. Trong 6 địa đây gọi là hữu tướng hạnh. Trong địa thứ 7 gọi là vô tướng hạnh. Như vậy 2 thứ Bồ-đặc-già-la trải vô số Đại kiếp thứ 2 tu hành viên mãn. Trở lên cho tới địa thứ 10 sự chuyển hóa này gọi là vô công dụng hạnh trải vô số Đại kiếp thứ 3 tu hành viên mãn. Trong địa thứ 8, vô công dụng hạnh còn chưa thành tựu viên mãn. Trong địa thứ 9 thứ 10 hạnh này mới được viên mãn. Đây chỉ là một Bồ-đặc-già-la do khác vị tương ưng sai biệt thành ra năm. Như dự lưu v.v...từ vô thủy sinh tử lưu chuyển đến đâu nói là bắt đầu tu hành 3 vô số kiếp? Để đáp câu hỏi này nên nói Già-tha. Sức thanh tịnh tặng thượng, nghĩa là sức thiện căn gọi là sức thanh tịnh. Đây tức nói người có sức thiện căn. Có sức thiện căn nên có thể hàng phục các sở tri. Có nguyện lực lớn nên thường gặp thiện tri thức. Tâm kiên cố thắng tiến thì dù gặp bạn xấu phương tiện phá hoại cũng không lìa bỏ tâm Bồ-đề. Đời này đời sau tu tập thiện pháp liên tục tăng trưởng không thoái giảm. Như vậy khi đủ sức thiện căn và sức Đại nguyện, tâm Đại Bồ-đề kiên cố không thoái lui, các thiện pháp tu tập luôn

tăng tiền không sinh mừng đủ thuận như trước mà tu hành gọi là bắt đầu tu hành 3 vô số kiếp.

7 - Tăng thượng giới học

Luận nói: Như vậy là đã nói về tu nhân quả sai biệt. Vậy làm sao thấy được sự thù thắng của giới tăng thượng?

Có thể thấy như trong Bồ-tát Địa Chính Thụ Bồ-tát Luật Nghi có nói.

Lại nữa có thể biết đại lược 4 thứ thù thắng sau đây nên gọi là thù thắng: một là thù thắng về chỗ khác nhau, hai là thù thắng về chỗ học có chung và không chung, ba là thù thắng về tính rộng lớn, bốn là thù thắng về tính sâu xa.

Giải thích: Y vào giới tăng thượng mà học gọi là tăng thượng giới học, như nói trong Bồ-tát Địa Chính Thụ Bồ-tát Luật Nghi. Nghĩa là như trong phẩm Thi Ba-la-mật-đa của luật nghi ấy nói rõ. Lại nữa nên biết rằng vì đại lược có 4 thứ thù thắng. Các thù thắng này sau sẽ giải thích rõ.

Luận nói: Thù thắng về chỗ khác nhau nghĩa là giới Bồ-tát có 3 phẩm khác nhau: 1.giới luật nghi, 2.giới gồm thân thiện pháp, 3.giới làm lợi ích hữu tình.

Trong đây nên biết giới luật nghi có nghĩa là 2 giới, giới gồm thân thiện pháp có nghĩa là tu tập tất cả Phật pháp, giới làm lợi ích hữu tình có nghĩa là làm thành thực tất cả hữu tình.

Giải thích: Thù thắng về chỗ khác nhau, nghĩa là các Bồ-tát đủ 3 thứ giới. Tức luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiều ích hữu tình giới. Thanh Văn thừa v.v... chỉ có một thứ luật nghi Thi-la. Cho nên Bồ-tát thù thắng hơn kia. Luật nghi giới, là chính thụ xa lìa tất cả phẩm ác và pháp bất thiện. Nhiếp thiện pháp giới, là chính tu tập tất cả Phật pháp như lục, vô úy v.v... Nhiều ích hữu tình giới, là không

kể cái vui riêng mình, tùy sức kham năng khiến nhập 3 thừa, bỏ khổ sinh tử chứng vui Niết-bàn. Về luật nghi giới nên biết rằng thiết lập nghĩa của 2 giới. Đó là nhân của 2 giới, nghĩa là nếu giữ gìn thân miệng ý thì có thể không điên đảo trong việc tu tập tất cả pháp Phật thanh tịnh, cũng có thể thành thực tất cả hữu tình khiến nhập 3 thừa. Ngoài cái gì khác thì không như vậy.

Luận nói: Thù thắng về chỗ học có chung và không chung nghĩa là các Bồ-tát tất cả tính tội đều không hiện hành nên chung với Thanh Văn, còn tương tự giá tội thì có trường hợp hiện hành nên không chung với Thanh Văn. Vì vậy đối với học xứ giá tội này, có trường hợp là Thanh Văn thì phạm nhưng Bồ-tát thì không phạm, có trường hợp là Bồ-tát thì phạm mà Thanh Văn thì không phạm. Giới của Bồ-tát là gồm cả thân miệng ý, còn Thanh Văn chỉ có 2 giới thân và miệng. Vì vậy với Bồ-tát thì có ý nghĩ xấu cũng đã phạm rồi, đó là điểm khác với Thanh Văn. Nói tóm lại, vì tất cả lợi ích hữu tình, nghiệp thân miệng ý đều vô tội, Bồ-tát đều phải học, tu và thực hành tất cả. Đó là thù thắng về chỗ học có chung và không chung.

Giải thích: Giết chóc, trộm cắp, dâm dục v.v... do tham v.v... sinh ra gọi là tính tội. Chặt cây cỏ v.v... không phải do tham sinh ra gọi là giá tội. Bồ-tát trong các thứ đó quán thấy có lợi ích mà không tội thì nên làm. Thanh Văn thì không thể. Lại đối với Bồ-tát, tâm cũng phạm tội, không như Thanh Văn. Nghĩa là chỉ khởi suy nghĩ xấu ác trong tâm như tham dục, sân nhuế hay não hại v.v... chứ không phải đợi phát khởi 2 nghiệp thân, miệng. Nói tất cả lợi ích hữu tình thì thân ngữ ý nghiệp đều không tội, nghĩa là nếu có thể đem an lạc lợi ích hữu tình mà không phát sinh phiền não cho mình và người như tham v.v... như vậy tất cả Bồ-tát nên làm.

Luận nói: Thù thắng về tính rộng lớn do có 4 thứ gọi là rộng lớn: Một là rộng lớn do chỗ học có đủ loại và vô lượng. Hai là rộng lớn do tiếp nhận vô lượng phúc đức. Ba là rộng lớn do tiếp nhận ý lạc

làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh. Bốn là rộng lớn do kiến lập vô thượng chính đẳng Bồ-đề.

Giải thích: Chỗ học rộng lớn nhiều loại và vô lượng, nghĩa là Bồ-tát học Thi-la có nhiều phẩm loại sai biệt nên là rộng lớn. Rộng lớn do tiếp nhận vô lượng phúc đức, nghĩa là Thi-la này có thể thu nhận vô lượng tư lương phúc đức nên là rộng lớn. Rộng lớn do tiếp nhận ý lạc làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh, nghĩa là Thi-la này thâm nhiếp các hữu tình đời này đời khác bỏ các ác thân các thiện thế gian và xuất thế gian ý lạc lợi ích nhân cũng như quả nên là rộng lớn. Rộng lớn do kiến lập vô thượng chính đẳng Bồ-đề, nghĩa là Thi-la này kiến lập Đại Bồ-đề nên là rộng lớn. Các Thanh Văn v.v... không có được như vậy cho nên thù thắng.

Luận nói: Thù thắng về tính sâu xa nghĩa là các Bồ-tát do phương tiện khéo léo, làm việc sát sinh v.v... 10 thứ tác nghiệp mà không có tội lại sinh vô lượng phúc, mau chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Các Bồ-tát lại còn hiện hành biến hóa thân miệng 2 nghiệp, nên biết đó cũng là Thi-la sâu xa. Do nhân duyên này mà có khi Bồ-tát hoặc làm quốc vương hiện làm các việc bức hại hữu tình để đặt chúng vào trong pháp Tì-nại-da, hoặc hiện làm các việc bản sinh, hiện làm các việc bức bách các hữu tình mà thực sự là để hóa độ các hữu tình khác, trước hết khiến thâm tâm chúng được tín tâm thanh tịnh sau rồi thành thực. Đó gọi là thù thắng về tính sâu xa của Bồ-tát tu học giới luật.

Giải thích: Do các phẩm loại phương tiện khéo léo này, nghĩa là bi nguyện các Bồ-tát tương ưng với diệu trí hậu đắc. Hành sát sinh v.v... 10 thứ tác nghiệp mà không có tội v.v..., nghĩa là yêu thích pháp thiện, ghét bỏ pháp bất thiện, thấy các tính tà gọi là 3 cái sau, y chỉ đây nên hành sát v.v... 7 mà không có tội, sinh vô lượng phúc, mau chứng Bồ-đề. Hoặc hành 7 cái trước không khởi 3 cái sau. Nói số lớn là 10 hoặc đã dẹp trừ, vì thử sức ấy nên tâm tạm khởi, không

thể chiêu khổ báo nên không có tội, có thể trợ đạo nên sinh vô lượng phúc. Hiện hành biến hóa thân ngữ 2 nghiệp, nghĩa là y hóa thân phát khởi 2 nghiệp. Hoặc y thật thân, do hóa tâm phát thân ngữ 2 nghiệp. Ý nghiệp vô hình không thể biến hóa. Hoặc tuy hiện có các việc tham sân v.v...nhưng đối với việc hóa độ hữu tình không có nghĩa lợi lớn nên không nói. An lập hữu tình trong Tì-nại-da, nghĩa là làm vua trong nước chế các pháp luật, trong đó có làm các việc bức nã. Hoặc tất cả thiện có thể diệt các ác. Hoặc Đại Niết-bàn diệt trừ sinh tử gọi là Tì-nại-da. Hoặc hiện các việc bản sinh, nghĩa là các việc bản sinh của các Bồ-tát do hóa tâm thị hiện. Hoặc thành Phật đã lâu lại thị hiện các việc bản sinh, lợi ích hữu tình khiến học Bồ-tát, cho nên sau nói là Bồ-tát học Thi-la.

Luận nói: Do sơ lược nói 4 thứ thù thắng này nên biết Thi-la luật nghi của Bồ-tát là thù thắng bậc nhất.

Như vậy nên biết rằng học xứ Bồ-tát còn rất nhiều sai khác, như được nói trong Kinh Phương Quảng Tì-nại-da Cù-sa.

Giải thích: Trong đây lược nói 4 thứ tướng thù thắng. Trong Kinh Tì-nại-da Cù-sa có nói rõ lại có vô lượng thù thắng. Kinh này tức bao gồm Bồ-tát tạng nên gọi là Phương quảng.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

QUYỂN 8

8 - Tăng thượng tâm học

Luận nói: Như vậy là đã nói về sự thù thắng của giới tăng thượng, vậy làm sao thấy sự thù thắng của tâm tăng thượng?

Đại khái có 6 thứ sai biệt cần phải biết: một là do sở duyên sai biệt, hai là do chủng loại sai biệt, ba là do đối trị sai biệt, bốn là do năng lực sai biệt, năm là do dẫn phát sai biệt, sáu là do tác nghiệp sai biệt.

Giải thích: Như tăng thượng giới khác với Thanh Văn thì tăng thượng tâm cũng phải có khác nên có câu hỏi này. Sáu thứ sai biệt lược đáp câu hỏi này. Sau đây sẽ giải thích riêng.

Luận nói: Sở duyên sai biệt là lấy pháp Đại thừa làm đối tượng sở duyên.

Giải thích: Pháp Đại thừa là giáo pháp rất sâu xa rộng lớn trong Bồ-tát tạng. Thanh Văn v.v... chắc chắn không duyên được cho nên thù thắng.

Luận nói: Chủng loại sai biệt là Đại thừa quang minh, Tập phúc định vương, Hiền thủ, Kiện hành v.v... vô lượng các chủng loại Tam-ma-địa.

Giải thích: Bồ-tát được các Tam-ma-địa sai biệt nhiều vô lượng. Trong đây sơ lược nói là thượng thủ. Nói v.v... nghĩa là các

Thanh Văn thừa v.v... còn không nghe đến tên hưởng chi là có thể đạt được.

Luận nói: Đối trị sai biệt là cái trí duyên cái tướng chung của các pháp như cách dùng cây nêm để tháo một cây nêm. Đó là đạo lý khiến trừ tất cả các chướng thô nặng trong thức A-lại-da.

Giải thích: Vô phân biệt trí duyên chân như. Đó là hiện thị tướng chung của các pháp. Cho nên nói trí này gọi là duyên tướng chung. Định có thể phát sinh cái trí năng đối trị này, nên cũng gọi là đối trị. Thánh đạo vi diệu cho nên như cây nêm nhỏ. Trị các chủng tử có tính thô trọng nên như cây nêm lớn.

Luận nói: Năng lực sai biệt là an trụ trong cái vui tĩnh lặng, tùy ý thụ sinh.

Giải thích: Do tính của tĩnh lặng này điều hòa nhu thuận nên có khả năng làm được. Tùy nơi muốn làm lợi ích hữu tình thì qua đó thụ sinh mà không thoái mất tĩnh lặng. Trong Thanh Văn thừa không có được như vậy. Vì vậy nên thù thắng.

Luận nói: Dẫn phát sai biệt là có thể dẫn phát thần thông vô ngại trong tất cả thế giới.

Giải thích: Do sức của định này dẫn phát các thứ thần thông vô ngại trong tất cả thế giới.

Luận nói: Tác nghiệp sai biệt là có thể làm chấn động khắp cả, hiển thị các chuyển biến đi lại co duỗi, tất cả sắc tượng đều nhập trong thân, ở trong đồng loại hoặc hiện hoặc ẩn, việc làm tự tại, chế ngự các thần thông của người khác, làm cho người được tài hùng biện, phóng ánh sáng lớn, dẫn phát các thần thông lớn như vậy.

Giải thích: Do sức định này dẫn phát các thứ thần thông. Hiển nghĩa là hiển hiện. Ẩn nghĩa là ẩn giấu. Việc làm tự tại, nghĩa là như biến ma vương làm thân Phật v.v... Chế ngự thần thông người khác,

nghĩa là có thể đoạt lấy sức thần thông của người khác. Không có biện tài thì làm cho có biện tài, không có niềm vui làm cho có niềm vui. Để mời gọi Bồ-tát ở xa các phương khác phóng đại quang minh. Dẫn phát các thần thông lớn như vậy, là dẫn các thứ thần thông đã nói ở trước. Những chủng loại như vậy Thanh Văn v.v... hoàn toàn không có nên gọi là thù thắng.

Luận nói: Lại có thể dẫn phát thực hiện các việc khó làm. Có 10 việc khó làm. Mười việc khó làm là: Một, tự thệ là khó làm, vì thệ nguyện thụ vô thượng Bồ-đề. Hai, không thoái lui là khó làm, vì các khổ sinh tử không thể làm thoái lui. Ba, không bỏ là khó làm, vì chúng sinh tuy làm tà hạnh cũng không bỏ. Bốn là những điều khó làm trước mắt, vì với những kẻ oán thù vẫn phải làm điều lợi ích cho họ. Năm, không nhiễm là khó làm, vì sống trong thế gian không bị pháp thế gian làm ô nhiễm. Sáu, thắng giải là khó làm, vì đối với Đại thừa tuy chưa thể liễu đạt nhưng phải sinh tin hiểu giáo pháp rộng lớn sâu xa. Bảy, thông suốt là khó làm, vì có thể thông suốt nhân vô ngã pháp vô ngã. Tám, tùy giác khó làm, vì đối với các ngôn từ bí mật rất sâu của chư Như Lai nói có thể tùy theo đó mà hiểu. Chín, không lìa không nhiễm là khó làm, vì không bỏ sinh tử mà không nhiễm. Mười, gia hành khó làm, vì có thể tu giải thoát tất cả chương ngại như chư Phật, cho đến tận cùng sinh tử, không dụng công mà vẫn thường xuyên làm việc nghĩa lợi cho tất cả hữu tình.

Giải thích: Như nói Bồ-tát tu các hạnh khó làm, là hiển thị tất cả hạnh khó làm có 10 thứ. Tự thệ là khó làm, vì thệ nguyện thụ vô thượng Bồ-đề, là không đoái tưởng đến sự an vui cho mình mà thệ nguyện làm việc lợi ích cho hữu tình nên rất là khó. Không thoái lui là khó làm, vì các khổ sinh tử không thể làm thoái lui, là ở lâu trong sinh tử chịu các khổ như gió rét cũng không thoái lui là rất khó. Không bỏ là khó làm, vì chúng sinh tuy làm tà hạnh cũng không bỏ chúng sinh, là đối với cha mẹ v.v... làm các tà hạnh ác hạnh, như

hoặc đùa giỡn xin trông con mắt rồi bỏ xuống hai chân dẫm đạp mà không thấy tội lỗi ấy, chỉ làm việc lợi ích là rất khó. Những điều khó làm trước mắt, vì với những kẻ oán thù vẫn phải làm điều lợi ích cho họ, là tuy hiện có oán nặng mà vẫn làm việc lợi ích cho họ là rất khó. Không nhiệm là khó làm, vì sống trong thế gian không bị pháp thế gian làm ô nhiễm, nghĩa là thường ở trong 8 pháp của thế gian như lợi v.v... mà không nhiễm trước là rất khó. Thắng giải là khó làm v.v..., là đối với nghĩa vi diệu của thần lực thù thắng tuy chưa có thể hiểu mà thâm tín là rất khó. Thông suốt là khó làm, là thông đạt hiện quán v.v..., hiểu nhất thiết nghĩa đầy đủ thông suốt, biến kế sở chấp, Bồ-đặc-già-la, tất cả pháp tính đều vô sở hữu là rất khó. Tùy giác khó làm v.v..., là đối với ngôn từ bí mật do Phật nói, xả bỏ cái nghĩa theo mình nghe được hiểu cái nghĩa mà mình không nghe thấy, là rất khó. Không lìa không nhiễm là khó làm v.v..., là không bỏ sinh tử mà không nhiễm tội lỗi của sinh tử là rất khó. Gia hành khó làm v.v..., là đã đoạn đã thoát tất cả phiền não chướng và sở tri chướng mà thường xuyên hiện tiền khởi làm tất cả các việc lợi ích hữu tình, cho đến tận đời vị lai vui thích tu hạnh này không ngừng nghỉ là rất khó.

Luận nói: Lại nữa, trong tùy giác khó làm là Phật có những ngôn từ bí mật, các Bồ-tát có thể tùy theo đó hiểu. Như kinh có nói.

Giải thích: Nghĩa khó làm thứ 8 chưa rõ nên giải thích nữa.

Luận nói: Thế nào là Bồ-tát có thể hành bố thí v.v...?

Là nếu Bồ-tát không có chút gì để bố thí, mà rộng làm việc bố thí trong 10 phương vô lượng thế giới.

Thế nào là Bồ-tát vui làm việc bố thí?

Là nếu các Bồ-tát đối với tất cả việc bố thí đều không ưa muốn.

Thế nào là Bồ-tát tin hiểu sâu xa trong việc bố thí?

Là nếu các Bồ-tát không tin Như Lai mà hành bố thí.

Thế nào là BỒ-tát khích lệ việc bố thí?

Là nếu các BỒ-tát không tự khích lệ trong việc bố thí.

Thế nào là BỒ-tát đăm mê sự bố thí?

Là nếu BỒ-tát không tạm thời có chút bố thí.

Thế nào là BỒ-tát có sự bố thí rộng lớn?

Là nếu BỒ-tát trong sự bố thí lia tưởng Sa-lạc.

Thế nào là BỒ-tát có sự bố thí thanh tịnh?

Là nếu BỒ-tát xan lẫn Ót-ba-đà.

Thế nào là BỒ-tát có sự bố thí cứu cánh?

Là nếu BỒ-tát không trụ cứu cánh.

Thế nào là BỒ-tát có sự bố thí tự tại?

Là nếu BỒ-tát không tự tại trong sự bố thí.

Thế nào là BỒ-tát có sự bố thí vô tận?

Là nếu BỒ-tát không trụ vô tận. Như trong bố thí, nên biết giới là đầu tiên cho đến sau cùng là tuệ tùy sự thích hợp phải như vậy.

Giải thích: Nếu chư BỒ-tát không có chút gì bố thí v.v..., nghĩa là chư BỒ-tát thâm nhiếp tất cả hữu tình làm tự thể của mình, thông đạt tính bình đẳng giữa mình và người, cho nên khi người hành thí tức BỒ-tát hành thí. Không chút gì bố thí, nghĩa là có thể hành thí. Lại có nghĩa là dùng của tất cả bố thí cho tất cả, nên gọi là không có chút gì bố thí. Lại có nghĩa là người hành thí, vật thí và người nhận thí cả ba đều thanh tịnh vắng lặng, nên nói không có chút gì bố thí. Nếu chư BỒ-tát trong tất cả sự bố thí không dục lạc, nghĩa là đây đã là câu nói ngăn cản không có nghĩa dục lạc. Đối với người đến cầu xin bố thí, sự hành thí, ta hành thí, hành thí trước ta hành thí v.v... những điều này đều không có dục lạc. Chỉ mỗi một niềm vui thích là duyên an

trụ Niết-bàn mà hành thí. Nói chư Bồ-tát không tin Như Lai mà hành bố thí, nghĩa là chứng pháp tính, tự hiểu, tự tin mà hành bố thí, không phải chỉ tin ở Như Lai. Nếu chư Bồ-tát trong việc hành thí không tự sách lệ, nghĩa là có thể thường hành bố thí một cách tự nhiên, không cần phải tự mình cố gắng mới có thể khuyến khích người hành thí. Nếu chư Bồ-tát không tạm thời có chút bố thí, thì đó là tất cả nghĩa bố thí, mọi lúc bố thí. Nếu chư Bồ-tát trong khi hành thí lia tưởng Sa-lạc. Đây nói Sa-lạc là gồm có hiền, mục kiên thật, mật, thiên lưu tán. Nay lấy nghĩa mật, lia tưởng lưu tán, tức là Tam-ma-địa, là tâm trụ nơi định mà hành bố thí. Nếu chư Bồ-tát Ôt-ba-đà xan, nghĩa là Ôt-ba-đà là hiền mục sinh khởi, mật thuyên bạt túc. Nay lấy nghĩa mật đánh bạt trừ bỏ xan túc mà hành bố thí. Nếu chư Bồ-tát không trụ cứu cánh, nghĩa là không đồng với Thanh Văn một bề hướng tới tịch diệt, an trụ vô dư Niết-bàn cứu cánh. Nếu chư Bồ-tát trong việc bố thí không tự tại chuyển, nghĩa là khiến xan lẫn v.v... thí trị chướng không tự tại chuyển. Nếu chư Bồ-tát không trụ vô tận, nghĩa là được viên mãn vô tận tăng thượng quả Phật cứu cánh mà không an trụ thì cái gì khởi hóa độ vị tha thường hành bố thí? Như đối với bố thí, cho đến đối với giới nên biết cũng phải như vậy, nghĩa là thông cả 5 thứ khác, như kinh nói. Thế nào là Bồ-tát có thể đầy đủ Thi-la? Nếu chư Bồ-tát không hộ một chút giới, nghĩa là thấy mình và người tính đều bình đẳng, nên người hộ tịnh giới tức là mình đã đầy đủ Thi-la.

Luận nói: Thế nào là có thể sát sinh?

Là nếu đoạn dứt sự sinh tử lưu chuyển của chúng sinh.

Thế nào là không cho mà lấy?

Là nếu các hữu tình không cho mà tự nhiên lấy.

Thế nào là dục tà hạnh?

Là nếu đối với các dục hiểu rõ là tà, mà tu chính hạnh.

Thế nào là có thể vọng ngữ?

Là nếu ở trong vọng có thể nói được là vọng.

Thế nào là Bối-thú-ni?

Là nếu có thể thường trụ không tịch tối thắng.

Thế nào là Ba-lỗ-sur?

Là nếu biết khéo an trụ bờ kia.

Thế nào là nói thêu dệt?

Là nếu nói pháp đúng phẩm loại sai biệt.

Thế nào là có thể tham dục?

Là nếu luôn luôn muốn mình chứng được vô thượng tinh lự.

Thế nào là có thể giận dữ?

Là nếu trong tâm ghét và làm hại tất cả phiền não, một cách đúng đắn.

Thế nào là có thể tà kiến?

Là nếu tà tính ở khắp tất cả mọi nơi đều thấy đúng như thật.

Giải thích: Như trong kinh nói: Bí-sô ! Ta là người có thể sát v.v... Trong đây hiển thị ý nghĩa của câu nói ấy. Nếu đoạn cái sinh tử lưu chuyển của chúng sinh, nghĩa là đoạn lằnghĩ của sát. Tương ứng với câu hỏi. Không có người cho, tự nhiên mà lấy, nghĩa là nghĩa của không có người cầu mà vẫn làm việc lợi ích. Nếu trong các dục hiểu rõ là tà mà tu chính hạnh, tức là biết cảnh giới như thật. Nếu cảnh giới dục nếu phân biệt dục chỉ là tà loạn, như có tụng nói:

*Phật nói tham sân si,
Đều từ phân biệt khởi.
Tịnh bất tịnh điên đảo,
Đây cũng là duyên sinh.
Tịnh bất tịnh điên đảo,
Chính do duyên mà có.*

*Tự tính kia đều không,
Nên đục chẳng chân thật.*

Nếu ở trong vọng mà có thể nói là vọng, nghĩa là nói vọng là vọng nên gọi vọng ngữ, như có tụng nói:

*Tất cả pháp hư vọng,
Thế Tôn như thật nói.
Ở trong pháp hư vọng,
Các hành rất hư vọng.*

Nếu có thể thường ở trong tối thắng không trụ, nghĩa là y theo giải thích thích văn từ đạo lý ở đời đáp câu hỏi trên. Bối-thú-ni là nói lời ly gián. Mật thuyên thường thắng không là biểu hiện đầy đủ thắng nghĩa. Thú là biểu hiện không nghĩa. Ni là biểu hiện thường nghĩa. Nay lấy mật nghĩa vấn đáp phù hợp nhau. Còn hiển thì không như vậy. Ba-lỗ-sur v.v...giải thích văn từ đạo lý cũng vậy. Ba-lỗ-sur đây hiển là lời thô ác. Mật thuyên trụ bỉ ngạn. Nay lấy mật nghĩa cho nên nói nếu khéo an trụ sở tri bỉ ngạn. Sở tri bỉ ngạn là nhất thiết trí. Phật khéo an trụ trong đó gọi là Ba-lỗ-sur. Nói chính thuyết pháp phẩm loại sai biệt, là giải thích ý gián ngữ, nghĩa này dễ hiểu. Nếu có thường thường muốn tự chứng đắc vô thượng tinh lự, là như trên giải thích văn từ đạo lý. Trong thân chư Phật có tinh lự nói là vô thượng. Nếu ở trong tâm có thể tu chính tất cả phiền não như ganh ghét, làm hại, nghĩa là đã diệt đã đoạn cái nghĩa ganh ghét, làm hại này. Nếu khắp các nơi tà tính đều thấy như thật, nghĩa là thấy tính của tất cả hư vọng phân biệt là tà loạn.

Luận nói: Pháp của Phật rất sâu. Thế nào là pháp của Phật rất sâu?

Ở đây nên giải thích như sau:

Pháp thường trụ là pháp của chư Phật, vì pháp thân là thường trụ. Pháp đoạn diệt là pháp của chư Phật, vì vĩnh viễn đoạn diệt các chướng. Pháp sinh khởi là pháp của chư Phật, vì biến hóa thân hiện

các sinh khởi. Pháp có sở đắc là pháp của chư Phật, vì là pháp có thể đối trị được các hành nghiệp của 8 vạn 4 ngàn chúng sinh. Pháp có tham là pháp của chư Phật, vì tự thể nguyên tiếp thụ chúng sinh có tham làm tự thể của mình. Pháp có giận dữ là pháp của chư Phật, pháp có si là pháp của chư Phật, pháp dị sinh là pháp của chư Phật, cũng nên biết như vậy. Pháp không nhiễm ô là pháp của chư Phật, vì viên mãn thành tựu chân như, tất cả chướng cấu bản không thể làm nhiễm ô. Pháp không ô uế là pháp của chư Phật, vì sinh tại thế gian mà các pháp thế gian không thể làm ô uế. Cho nên vì thế mà nói pháp Phật là rất sâu.

Giải thích: Khế kinh nói nghĩa Phật pháp rất sâu như thế nào? Nghĩa là các kinh nói như thường trụ pháp là các Phật pháp. Nói rộng cho đến pháp không nhiễm ô là Phật pháp. Nay sẽ hiển thị mật ý trong đó. Vì pháp thân là thường trụ, nghĩa là pháp thân tức là chuyển y làm tướng, lia tất cả chướng, vì chân như thường trụ không biến đổi, là diệu trí vô thượng không cấu uế không quái ngại, như cõi vô sắc mà chẳng phải dị thực ví vô lậu. Đây cũng ở trong pháp thân thường trụ vì vô sai biệt, vì không phải nghiệp phiền não có thể tạo ra. Có thể đối trị tất cả tám vạn bốn ngàn các hành của hữu tình, nghĩa là tám vạn bốn ngàn pháp uẩn có thể đối trị các hành của hữu tình như tham, sân, si v.v... Bốn thứ mỗi thứ đều có hai vạn một ngàn. Lại pháp vô nhiễm là các Phật pháp, là thiện tịnh chân như tất cả chướng cấu không thể nhiễm. Các nghĩa khác dễ hiểu không phải giải thích.

Phật nói những lời mật ngữ như vậy còn có quả gì? Nghĩa là cho người nói có thể dễ an lập. Vì nghĩa chung tổng quát nên dễ cho người nói. Tức đây là nhân có thể khiến người nghe dễ thụ trì, tư lương dễ đầy đủ. Thụ trì giáo pháp nên dễ đạt pháp tính. Tư lương đầy đủ nên được Phật chứng tịnh, được Đại ngã. Pháp tăng cũng vậy, đều tối thắng. Do đây chúng được hiện pháp lạc trụ. Biết rõ đó nên đối với người trí theo luận nghĩa mà thông tỏ quyết đoán lựa chọn. Vì

10 sự ích lợi này mà nói lời bí mật. Trong Thanh Văn thừa cũng nói những lời mật ý như sát hại phụ mẫu v.v... Mười sự lợi ích cũng vậy.

Luận nói: Lại nữa còn có thể dẫn phát sự tu hành đến bờ kia, thành thực chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật. Vì vậy nên biết các pháp của Phật cũng là các tác nghiệp sai biệt đẳng trì của Bồ-tát.

Giải thích: Bồ-tát được các Tam-ma-địa còn có 4 thứ tác nghiệp sai biệt. Nghĩa là y vào định này có thể tu tất cả Ba-la-mật-đa, thành thực tất cả các loại hữu tình, phát các thứ thần thông phương tiện dẫn nhập chính pháp, có thể làm thanh tịnh cõi Phật, tùy theo ý muốn mà biến thành vàng ròng báu vật, có thể chính tu tập lực, vô úy v.v... tất cả Phật pháp. Chẳng phải rời bỏ đó mà nói đẳng trì có thể tu tập đến bờ kia v.v... 4 thứ tác nghiệp như Thanh Văn v.v...

9 - Tăng thượng tuệ học

Luận nói: Như vậy là đã nói về sự thù thắng của tăng thượng tâm học. Vậy làm thế nào thấy được sự thù thắng của tăng thượng tuệ học?

Đó là trí vô phân biệt như tự tính, sở y, nhân duyên, sở duyên, hành tướng, nhiệm trì, trợ bạn, dị thực, đẳng lưu, xuất ly, đến cứu cánh, được thắng lợi sau khi gia hành vô phân biệt, sai biệt, thí dụ, tác sự vô công dụng, thậm thâm. Nên biết rằng trí vô phân biệt được gọi là sự thù thắng của tuệ tăng thượng.

Giải thích: Tâm đã ở trong định thì có thể biết như thật. Cho nên đẳng trì, vô gián nói là tăng thượng tuệ học không phải sao? Tiếp thụ sự sáng suốt tức gọi là học. Tuệ và học phải là hai cái không khác nhau. Nếu như vậy là dựa vào một chỗ mà giải thích. Nghĩa là tăng thượng tuệ tức vلا cái học đó. Nếu vậy thì trong đây không nên có nghĩa dựa vào. Nghĩa là dựa vào các tuệ khác mà khởi cái học. Cho nên gọi tên là tăng thượng tuệ học. Như trước 2 cái học là dựa vào

giới mà học, dựa vào định mà học, chẳng phải như ở đây dựa vào tuệ mà học, vì tuệ tức là học, phải nói như vậy. Gia hành tuệ kia dựa vào căn bản học. Căn bản tuệ kia dựa vào hậu đắc học. Hậu đắc tuệ kia dựa vào 2 vô gián mà khởi tu học. Những gì gọi là tăng thượng tuệ học? Nghĩa là trí vô phân biệt. Nay trong đây trước tiên là tự tính, sau cùng là rất sâu, giải thích rộng trí này.

Luận nói: Trong đây tự tính của trí vô phân biệt lia 5 tướng: một là lia sự không tác ý, hai là lia lỗi có tâm có tứ, ba là lia tướng thụ diệt, tịch tĩnh, bốn là lia sắc tự tính, năm là lia các phân biệt đối với nghĩa của chân như. Phải biết rằng lia 5 tướng này gọi là trí vô phân biệt.

Giải thích: Dựa vào trí tự tính nói lia 5 tướng. Do giá thuyên môn nói trí thể tướng. Bởi biểu hiện thuyên môn không thể nói nên khiên trừ phân biệt môn. Trí vô phân biệt, tướng của nó có thể rõ. Nếu khác trí này thì phải có phân biệt. những phân biệt gì? Nghĩa là sau nói rõ, không tác ý v.v... nếu không tác ý là trí vô phân biệt thì ngũ say v.v...không có tác ý cũng phải thành trí vô phân biệt. Nhưng không được nhận do lia công dụng, phải được không điên đảo. Nếu quá trạng thái tầm, tứ là trí vô phân biệt thì các địa từ đệ nhị tĩnh lự trở lên tất cả dị sinh và Thanh Văn v.v...phải thành trí vô phân biệt. Nhưng kia không có trí vô phân biệt. Nếu tướng thụ diệt là trí vô phân biệt thì thể tướng trí này khó có thể thành lập trong Vô tướng v.v... vì tách rời tâm không có các tâm pháp. Do ý thức diệt nói nó là vô tâm, như trước đã nói nếu như sắc của nó là trí vô phân biệt thì sẽ không thành được trí vô phân biệt. Ví như đại chúng tạo ra sắc. Nếu ở nơi chân nghĩa kế chấp khác tướng nói đây đúng là vô phân biệt vì có phân biệt.

Luận nói: Đối với sự thành lập các tướng của trí vô phân biệt như đã nói. Ở đây còn có nhiều tụng như sau:

Giải thích: Dựa theo trí vô phân biệt đã nói ở trước, có nhiều tụng nói về thành lập tướng. lần lượt sẽ nói rõ. Bài tụng đầu nói về tự tính.

Luận nói:

*Tự tính các Bồ-tát,
Xa lìa 5 thứ tướng,
Là trí vô phân biệt,
Không chấp trước chân nghĩa.*

Giải thích: Trong bài tụng này do 3 câu trước ngăn 5 thứ tướng, phương tiện hiển thị trí vô phân biệt. Do câu thứ tư chính thuyết tự tính. Không chấp trước khác chân nghĩa, nghĩa là đối với chân nghĩa không chấp trước khác cho là tự tính. Tự tính và tự thể nghĩa không sai biệt nhau. Như nói vòng xuyên thì vàng là tự thể. Một bài tụng sau nói chỗ sở y của trí.

Luận nói:

*Sở y các Bồ-tát,
Chẳng phải tâm mà tâm,
Là trí vô phân biệt,
Phi chủng loại tư lường.*

Giải thích: Trí là tâm pháp nên phải dựa vào tâm, y chỉ nơi tâm mà vô phân biệt là không hợp đạo lý vì tâm và thanh là tướng tư lường. Nếu dựa vào phi tâm, ví như các sắc thì không thành trí. Để giải 2 cái lỗi như vậy nên nói nửa tụng. Phi chủng loại tư lường, nghĩa là sở y của trí vô phân biệt là phi tâm vì chẳng phải nghĩa tư lường. Cũng chẳng phải phi tâm vì chỗ y chỉ là chủng loại của tâm. Lấy tâm làm nhân, do sức huân tập nhiều lần được trạng thái này nên gọi là chủng loại của tâm. Đây tức hiển thị trí dựa vào tâm, ra khỏi mọi tư lường phân biệt. Tiếp có một tụng hiển thị nhân duyên của trí.

Luận nói:

*Nhân duyên các Bồ-tát,
Do đa văn huân tập,
Là trí vô phân biệt,
Và tác ý đúng lý.*

Giải thích: Nhân duyên và nhân duyên có khả năng tạo tác là một nghĩa. Nói có nghe đa văn huân tập, nghĩa là ở nơi các vị ấy có tiếng nói của Đại thừa, nên nói là có nghe các vị ấy chứ không phải ai khác. Do đây dẫn xuất công năng sai biệt gọi là huân tập. và như lý tác ý, nghĩa là đây là nhân sinh ý thức. Như lý tác ý, tức thuận lý thanh tịnh nên gọi như lý. Có trí ắt có cảnh, nên tiếp đến một tụng nói sở duyên của trí.

Luận nói:

*Sở duyên các Bồ-tát,
Là pháp tính ly ngôn,
Là trí vô phân biệt,
Tính chân như vô ngã.*

Giải thích: Không thể nói pháp tính, nghĩa là có thể nói tính của pháp là không tự tính. Tức có nghĩa là lia cái tự tính có thể nói là biến kế sở chấp. Tính chân như vô ngã, là thành nghĩa này khiến sáng tỏ, tức tất cả Bồ-đặc-già-la các pháp không tự tính hiển hiện chân như, giải thoát khỏi tăng ích tồn giảm hai bên. Trí vô phân biệt duyên cảnh giới, vì có pháp sở duyên nên quyết chắc có hành tướng. Tiếp đến là một tụng hiển thị hành tướng của trí.

Luận nói:

*Hành tướng các Bồ-tát,
Lại ở trong sở duyên,
Là trí vô phân biệt,
Sở tri kia vô tướng.*

Giải thích: Tương tự khởi hiện hành trong cảnh sở duyên gọi là hành tướng. Trí vô phân biệt khởi hiện hành tương tự trong cảnh chân như. Sở tri vô tướng kia, là nói trí này khởi hiện hành trong cảnh chân như. Ý này nói trí vô phân biệt duyên cảnh chân như, là tất cả hành tướng của tướng tác ý làm tướng. Tiếp nói 2 tụng giải thích các nghi thông thường về hành tướng của trí và sở duyên ở trên.

Luận nói:

*Tự tính nghĩa tương ưng,
Chỉ là sở phân biệt,
Các chữ tương ưng nhau,
Là nghĩa của tương ưng.
Chẳng lia năng thuyên kia,
Mà sở duyên trí chuyển,
Chẳng phải thuyên không đồng,
Tất cả không thể nói.*

Giải thích: Nếu thật không có nghĩa phân biệt thì lấy gì phân biệt mà nói như vậy? Tương ưng với nghĩa của tự tính là phân biệt chứ không gì khác. Nghĩa là các văn tự lần lượt tương ưng, tuyên xướng không dứt. Các tâm biến kế duyên đây mà thành lập nghĩa biến kế làm sở phân biệt chứ không có một thật nghĩa nào riêng khác làm sở phân biệt, nên nói là không gì khác. Nếu không có văn tự liên tục tuyên xướng, vì không có phân biệt. Thế nào là các pháp đều không thể nói? Vì để hiển thị lý này nên nói như vậy, chứ chẳng phải lia trí năng thuyên kia nơi sở thuyên chuyển v.v... Nếu thật có nghĩa có thể nói, thì lia cái tên năng thuyên thì nơi kia phải khởi cái trí tương tự lời nói. Chẳng phải chưa hiểu rõ danh ngôn của năng thuyên mà đã khởi cái trí của nghĩa sở thuyên, cho nên là không thể nói. Hoặc nói ngoài nghĩa tuy chắc chắn thật có nhưng phải đợi trí năng thuyên sở thuyên khởi. Vì để ngăn chặn điều này nên nói như

vậy chứ chẳng phải thuyên không đồng nhau. Nghĩa là khác nhau nên chẳng phải thật năng thuyên, vì cái tên năng thuyên với nghĩa sở thuyên là hai cái riêng biệt, tướng của chúng khác nhau làm sao biểu thị được thật thuyên. Tất cả không thể nói, nghĩa là do đạo lý này tất cả những gì là năng thuyên sở thuyên đều không thể nói. Trí vô phân biệt nhiệm trì như thế nào?

Luận nói:

*Nhiệm trì các Bồ-tát,
Là trí vô phân biệt,
Các hạnh hậu sở đắc,
Làm tiến thú tăng trưởng.*

Giải thích: Các hạnh hậu sở đắc, nghĩa là các hạnh Bồ-tát trong trí vô phân biệt hậu sở đắc. Các hạnh này đều lấy trí làm sở y. Làm tiến thú tăng trưởng, nghĩa là làm tăng trưởng các hạnh Bồ-tát. Đây nói nhiệm trì là phải có chỗ dụng. Vì không điên đảo nên có thể duy trì các hạnh. Không có trí phân biệt thì ai làm trợ bạn, nếu chỉ có một sẽ không có khả năng,

Luận nói:

*Trợ bạn các Bồ-tát,
Nói có 2 thứ đạo,
Là trí vô phân biệt,
Năm tính đến bờ kia.*

Giải thích: Hai thứ đạo là: một, tư lương đạo, hai, y chỉ đạo. Lấy 5 đến bờ kia làm tự tính. Trong đây 4 Ba-la-mật-đa trước là tư lương đạo. Tính lự thứ 5 Ba-la-mật-đa là y chỉ đạo. Nếu ở trong định tâm thì 4 thứ Ba-la-mật-đa nói ở trước là các trợ thiện khiến sinh trưởng trí vô phân biệt. Trí này gọi là tuệ Ba-la-mật-đa. Cho đến từ chưa được Phật quả đến nay trí vô phân biệt cảm quả dị thực ở đâu?

Luận nói:

*Dị thực các Bồ-tát,
Ở trong 2 Phật hội,
Là trí vô phân biệt,
Do gia hành chứng đắc.*

Giải thích: Trong 2 Phật hội, là 2 thân tức biến hóa thân và thụ dụng thân của chư Phật trong các hội. Do gia hành chứng đắc, là hiển ghị nghĩa năng cảm quả dị thực. Đây không phải nhân dị thực vì có thể đối trị kia, tức quả tăng thượng giả danh là dị thực. Do sự huân tập này các nghiệp hữu lậu khiến cảm dị thực nên lập tên này. Nếu khi tu gia hành vô phân biệt sinh trong chúng hội chư Phật hiện biến hóa thân, nếu khi ấy chứng đắc trí vô phân biệt thì liền sinh trong chúng hội chư Phật hiện thụ dụng thân. Trí vô phân biệt ai là đẳng lưu?

Luận nói:

*Đẳng lưu các Bồ-tát,
Trong các đời về sau,
Là trí vô phân biệt,
Tự thể thắng hơn lên.*

Giải thích: Trí vô phân biệt trong các đời trước lần lượt tăng thắng trong các đời sau là quả đẳng lưu. Trí vô phân biệt xuất ly như thế nào?

Luận nói:

*Xuất ly của Bồ-tát,
Được thành tựu tương ưng,
Là trí vô phân biệt,
Nên biết trong 10 địa.*

Giải thích: Khi kiến đạo nhập sơ cực hỷ địa thấy lý vô phân biệt của tất cả các địa. Ban đầu được xuất ly, sau trong tu đạo mới

được thành tựu trong các địa tương ứng với trí vô phân biệt. Ai là cứu cánh?

Luận nói:

*Chư Bồ-tát cứu cánh,
Được thanh tịnh 3 thân,
Là trí vô phân biệt,
Được tự tại cao tột.*

Giải thích: Thanh tịnh ba thân, nghĩa là trong sơ địa tuy được ba thân mà chưa thanh tịnh, đến địa thứ 10 mới được thanh tịnh, mới gọi là cứu cánh. Cho nên nói bấy giờ được ba thân thanh tịnh. Được tự tại cao tột, nghĩa là lúc bấy giờ trí vô phân biệt không phải chỉ được ba thân thanh tịnh mà còn được 10 thứ tự tại cao tột. Cho nên nói là trí vô phân biệt cứu cánh. Như cái gì, từ cái gì, do cái gì không nhiễm?

Luận nói:

*Như hư không không nhiễm,
Là trí vô phân biệt,
Các ác nghiệp cực nặng,
Chỉ nhờ tin và hiểu.*

Giải thích: Ban đầu nói không nhiễm như cái gì, đáp không nhiễm như hư không. Tiếp hỏi từ cái gì được không nhiễm, đáp từ các thứ ác cực nặng. Sau hỏi do cái gì được không nhiễm, đáp chỉ do tin và hiểu. Nghĩa là chỉ do tin, do tuệ hiểu làm nhân, nên được không nhiễm.

Luận nói:

*Như hư không không nhiễm,
Là trí vô phân biệt,
Giải thoát tất cả chướng,
Được thành tựu tương ứng.*

Giải thích: Giải thoát tất cả chướng, là giải thoát phiền não chướng và sở tri chướng. Được thành tựu tương ưng, nghĩa là ở sơ địa được tương ưng, đến Phật địa thì sự tương ưng thành tựu.

Luận nói:

*Như hư không không nhiễm,
Là trí vô phân biệt,
Thường ở trong thế gian,
Không bị thế gian nhiễm.*

Giải thích: Thường hành trong thế gian không bị pháp thế gian nhiễm, là đây hiển thị sinh khắp trong các loài sinh, ở trong 8 pháp thế gian như lợi v... mà không nhiễm, như hoa sen đỏ xuất hiện trong thế gian. Như vậy 3 tụng hiển thị 3 trí được thắng lợi. Gia hành căn bản và hậu đắc, 3 thứ trí vô phân biệt có những khác biệt gì?

Luận nói:

*Như người tâm muốn biết,
Đúng như người tâm biết,
Như người không tâm biết,
Ba trí ví như vậy.
Như người ngu muốn biết,
Đúng như người ngu biết,
Như người không ngu biết,
Ba trí ví như vậy.
Như 5 thức muốn biết,
Đúng như 5 thức biết,
Và như Mạt-na biết,
Ba trí ví như vậy.
Như người chưa hiểu luận,
Muốn hiểu được nghĩa luận,*

*Lần lượt ví 3 trí,
Như gia hành vân vân.*

Giải thích: Để làm rõ hành tướng sai biệt của 3 trí nên nói thí dụ này. Như người cảm muốn biết, nghĩa là như người cảm muốn cầu thụ cảnh giới mà chưa chưa thụ được cũng không thể nói ra. Cũng như vậy, trí gia hành vô phân biệt cầu chứng chân như mà chưa thể chứng được. Phải biết như tuyệt không nói năng. Đúng như người cảm biết, ví như người cảm chính khi thụ cảnh giới không ngôn thuyết. trí căn bản vô phân biệt cũng vậy. Phải biết chính chứng chân như là lia tất cả hý luận. Như người không cảm biết, nghĩa là như người không cảm thụ các cảnh giới cũng khởi ngôn thuyết. Cũng như vậy đó là trí hậu đắc vô phân biệt. Phải biết, phản chiếu chân như hiện chứng cảnh giới có thể khởi ngôn giáo cũng như vậy. Do đạo lý này giải thích bài tụng về người ngu. Như 5 cầu muốn biết, nghĩa là ví như 5 thức muốn cầu thụ cảnh giới. Tuy có sở cầu mà không phân biệt. Phải biết trí gia hành vô phân biệt cũng như vậy. Đúng như 5 biết, nghĩa là chính khi 5 thức thụ cảnh giới lia các phân biệt. Phải biết trí căn bản vô phân biệt cũng như vậy. Như Mạt-na biết, là ví như ý thức có thể thụ cảnh giới cũng có thể phân biệt. Phải biết trí hậu đắc vô phân biệt cũng như vậy. Như người chưa hiểu luận, muốn hiểu được nghĩa luận, nghĩa là như chưa hiểu luận muốn hiểu nghĩa luận mà chưa thể hiểu. Phải biết trí gia hành vô phân biệt cũng như vậy. Như ôn tập lãnh thụ luận văn, phải biết trí căn bản vô phân biệt cũng như vậy. như đã nghe, tập thông suốt pháp nghĩa, phải biết trí hậu đắc vô phân biệt cũng như vậy. Do các thí dụ như vậy lần lượt ví dụ cho gia hành v.v... sự sai biệt của 3 trí. Tiếp đến thí dụ hiển thị sự sai biệt của 2 trí căn bản và hậu đắc.

Luận nói:

*Như lúc người nhắm mắt,
Là trí vô phân biệt,*

*Lúc người ấy mở mắt,
Là trí của hậu đắc.
Phải biết như hư không,
Là trí vô phân biệt,
Trong đó hiện sắc tượng,
Trí hậu đắc cũng vậy.*

Giải thích: Do 2 tụng này hiển thị sự sai biệt của căn bản và hậu đắc. Nhắm mắt mở mắt, hư không sắc tượng đều hiển thị 2 trí là không phân biệt, là có phân biệt, là bình đẳng, là bất bình đẳng. Về trí gia hành chưa có sở chứng nên lược không nói. Lại nữa trí gia hành là nhân của bản trí. Về trí hậu đắc là quả của bản trí, vì vậy nên nói trí vô phân biệt thành sở tác sự. Trí vô phân biệt tu thành Phật quả đã không phân biệt làm sao có thể làm lợi hữu tình?

Luận nói:

*Như Mạt-ni, nhạc trời,
Vô tư mà thành sự,
Rất nhiều Phật sự thành,
Cũng thường từ vô tư.*

Giải thích: Nay trong tụng này dẫn ngọc Ma-ni và nhạc trời 2 dụ thành lập sở đắc của trí vô phân biệt. Tuy vô phân biệt, không làm dụng công mà thành các việc như ngọc Như ý và nhạc trời. Tuy không có ý niệm ta phải phóng quang, ta phải phát âm thanh, hoàn toàn không có ý nghĩ nhưng do sinh hữu tình kia, thế lực ý lạc phúc nghiệp không đợi phải tấu lên hay phóng các thứ ánh sáng mà phát ra các thứ âm thanh. Phải biết trí vô phân biệt của chư Phật Bồ-tát cũng vậy. Tuy lìa phân biệt không làm công dụng mà có thể tùy nghi lạc phúc lực hóa độ hữu tình ấy hiện làm các việc lợi lạc. Tiếp sẽ hiển thị trí vô phân biệt rất sâu. Cảnh giới của trí vô phân biệt như thế nào? Là duyên phân biệt tính y tha khởi. Là duyên tự thể các cảnh cũng vậy.

Là trí phi trí. Nếu vậy có lỗi gì? Nếu duyên phân biệt tính y tha khởi thì làm sao thành trí vô phân biệt được? Nếu duyên các cảnh khác, các cảnh khác chắc chắn là không, làm sao duyên? Nếu là trí thì trí ấy phải có sở tri. Nếu là phi trí thì làm sao gọi là trí vô phân biệt được? Để lìa tất cả các lỗi ấy cho nên nói tụng như sau.

Luận nói:

*Chẳng đây chẳng đâu khác,
Chẳng phải trí mà trí,
Với cảnh nào có khác,
Trí thành vô phân biệt.*

Giải thích: Trí vô phân biệt không duyên tính phân biệt y tha khởi vì nó vô phân biệt. Chẳng phải duyên phân biệt thành vô phân biệt, cũng không duyên những gì khác để làm cảnh giới vì duyên ngay phân biệt pháp tính này làm cảnh giới. Pháp cùng pháp tính đều không thể nói là một hay khác. Cho nên trí này không không thể nói nhất định là duyên cảnh phân biệt hay phi phân biệt. Tự thể cũng vậy, không thể nói quyết định là trí. Như trí gia hành và trí hậu đắc vì không phân biệt nên cũng không thể nói quyết định là phi trí. Bởi trí gia hành là nhân trước. Với cảnh không có trí khác thành vô phân biệt, nghĩa là không thể phân biệt đây là năng tri đây là sở tri, vì không có phân biệt năng thủ sở thủ. Trí này cùng với cảnh tương không sai biệt, ví như hư không với ánh sáng trong hư không. Vì vậy trí này thành vô phân biệt. Trong các kệ kinh khác nói tính của tất cả pháp là vô phân biệt. Nay sẽ giải thích.

Luận nói:

*Phải biết tất cả pháp,
Bản tính vô phân biệt,
Vì sở phân biệt không,
Trí vô phân biệt không.*

Giải thích: Vì sở phân biệt không, nghĩa là vì hằng không có nghĩa biến kế sở chấp nên trong các khế kinh khác nói tính của tất cả pháp là vô phân biệt. Nếu tự tính bản lai của tất cả pháp là vô phân biệt thì sao tất cả loài hữu tình từ xưa đến nay không dụng công không tự nhiên giải thoát? Vì chúng không có trí vô phân biệt. Do chúng hữu tình kia đối với tính vô phân biệt của tất cả pháp chưa sinh hiện chứng chân trí bản lai. Các Bồ-tát v.v... đối với tính vô phân biệt của tất cả pháp, chủng tính là nhân, chứng trí đã sinh. Do đạo lý này các Bồ-tát v.v... có thể được giải thoát không phải như các hữu tình khác. Tiếp đến sẽ hiển thị trí gia hành v.v..., mỗi mỗi đều có 3 thứ 5 thứ khác nhau.

Luận nói: Ở đây gia hành của trí vô phân biệt có 3 thứ là nhân duyên, dẫn phát và thường tập, nên sinh sai biệt.

Giải thích: Trí gia hành này sinh khởi sai biệt do 3 thứ sức: Một là sức nhân duyên. Hai là sức dẫn phát. Ba là sức thường tập. Sức nhân duyên là sức chủng tính. Hoặc có chủng tính gặp duyên mạnh mau khởi gia hành. Như vậy chủng tính gia hành là nhân mà được sinh khởi. Nói chủng tính, là 6 chỗ thù thắng từ vô thủy đến nay có thể được công năng pháp nhĩ của Phật quả. Sức dẫn phát, nghĩa là trong đời trước những gì đã tập, làm nhân phát khởi gia hành. Sức thường tập, nghĩa là đời hiện tại thường tu tập, do sức sĩ dụng phát khởi gia hành.

Luận nói: Căn bản của trí vô phân biệt cũng có 3 thứ là mừng đủ, không điên đảo và không hý luận, nên vô phân biệt sai biệt.

Giải thích: Mừng đủ vô phân biệt, nghĩa là ở nghĩa thấp kém mà sinh vui mừng cho là đủ, không mong cầu thắng tiến, gọi là vô phân biệt, như được 2 trí văn, tư của thế gian, đối với một ít nghĩa lý hoặc đã tin hiểu hoặc đã quyết định liền sinh vui mừng cho là đủ. Hoặc như đã được tu tuệ thế gian chứng đệ nhất hữu, dứt thô

trọng phiền não, trong đó chấp cho là cứu cánh giải thoát liền sinh mừng đủ. Những loại như vậy đều gọi là trí hỷ túc vô phân biệt. Vô điên đảo vô phân biệt, nghĩa là Thánh đệ tử v.v... chúng do tu tuệ đối với khổ đế v.v... khởi vô thường v.v... 4 vô đảo hạnh, không khởi thường v.v... điên đảo phân biệt, gọi là trí vô điên đảo vô phân biệt. Vô hỷ luận vô phân biệt, nghĩa là các Bồ-tát đối với vô thường v.v... cũng không phân biệt, cho đến Bồ-đề cũng lìa hỷ luận. Do lý tất cả pháp là vô phân biệt mà ra khỏi tất cả đường danh tự ngôn thuyết, siêu độ cảnh nhất thiết thế trí. Do hỷ luận gọi là thế tục thanh, gồm thế tục trí. Vì xa lìa đây nên gọi là trí vô hỷ luận vô phân biệt.

Luận nói: Hậu đắc của trí vô phân biệt có 5 thứ là thông đạt, tùy niệm, an lập, hòa hợp, như ý, vì tư duy lựa chọn mà sai biệt.

Giải thích: Trí hậu đắc này tác sự sai biệt có 5 thứ là thông đạt v.v... Thanh của tư trạch mỗi mỗi đều có. Thông đạt tư trạch, nghĩa là trong chân quyết định trong chân hiện quán nên gọi là thông đạt. Do trí hậu đắc tư trạch như vậy được thông đạt. Nghĩa là ngay trong tự nội thẩm sát việc này như vậy, cho nên gọi là thông đạt tư trạch.. Tùy niệm tư trạch, nghĩa là vào lúc sau tùy niệm thông đạt, nghĩ rằng ta từng thông suốt việc này, cho nên gọi là tùy niệm tư trạch. An lập tư trạch, nghĩa là từ đây ra, như chỗ thông đạt vì người khác nói rõ, cho nên gọi là an lập tư trạch. Hòa hợp tư trạch, nghĩa là tổng tướng quán duyên tất cả pháp. Do quán này nên tiến thú chuyển y, hoặc chuyển y rồi trở lại khởi quán này, cho nên gọi là hòa hợp tư trạch. Như ý tư trạch, nghĩa là trí hiện tiền tùy chỗ tư duy, tất cả như ý. Như khiến đất v.v... biến thành vàng v.v..., cho nên gọi là như ý tư trạch. Cái thanh tư trạch này, ý nói là trí, vì trước nói tất cả pháp bản tính là vô phân biệt vì sở phân biệt là không. Làm sao biết được nghĩa của sở phân biệt là thật vô sở hữu? Vì muốn thành lập cái vô sở hữu của chúng nên nói nhiều bài tụng.

Luận nói:

*Quý, bàng sinh, người, trời,
 Mỗi loại tùy thích ứng,
 Đồng cảnh do tâm khác,
 Nên nghĩa không chân thật.
 Cảnh quá khứ, vị lai,
 Chiêm bao, hai ảnh tượng,
 Tuy sở duyên chẳng thật,
 Mà cảnh tượng hiện tiền.
 Nếu nghĩa thành nghĩa tính,
 Không trí vô phân biệt.
 Trí này nếu không có,
 Chứng Phật quả vô lý.
 Bỏ-tát được tự tại,
 Là do sức thắng giải.
 Như muốn được thứ gì,
 Được định thì được cả.
 Người thành tựu giản trạch,
 Có trí mà được định.
 Tư duy tất cả pháp,
 Như nghĩa đều hiển hiện.
 Trí vô phân biệt hiện,
 Các nghĩa đều không hiện.
 Nên biết không có nghĩa,
 Thì thức cũng là không.*

Giải thích: Quý, bàng sinh, người, trời v.v..., nghĩa là đối với người v.v... thấy chỗ có nước, ngựa quý thấy đó là lục địa, cao nguyên, đối với người thấy chỗ có phân nhơ, bàng sinh thấy là thức ăn uống ngon sạch, đối với người thấy vật không sạch thì ngựa quý súc sinh thấy là sạch, đối với người thấy là thức ăn uống ngon sạch thì chư

thiên thấy là hôi hám bất tịnh. Những việc trái nhau như vậy không phải có cùng một chỗ cho nên biết rằng nghĩ của biến kế sở chấp là không. Nếu không có nghĩa thì làm sao không cảnh mà thức hiện hành được? Vì có gì hỏi như vậy? Ông là kinh bộ sư, cảnh giới quá khứ vị lai là phi hữu, làm sao trong đó có trí chuyển được? Lại nữa ở trong chiêm bao, cảnh tượng chiêm bao thật sự là không, làm sao trí khởi, chẳng phải ngủ yên một chỗ trong căn nhà nguy hiểm mà có được trí chiêm bao duyên cảnh tượng thật của núi sông v.v... Lại nữa chưa từng trải qua cảnh mình bị chặt đầu làm sao chiêm bao thấy, chẳng phải không nhớ được việc đời trước? Lại ở trong gương v.v..., trong Tam-ma-địa, sở hành hai ảnh tượng chẳng phải chân thật có, làm sao hiểu rõ là tâm hiển hiện. Cho nên biết ảnh tượng của cái tâm tự duyên mà cảnh tượng thành tựu. Đó là tổng kết các cảnh quá khứ vị lai v.v... tuy chẳng phải thật có mà cảnh tượng thành tựu nơi tự tâm. Nếu nghĩa thành nghĩa tính, không trí vô phân biệt, nghĩa là nếu nghĩa tính của nghĩa các cảnh là thành thật thì trí vô phân biệt phải không thành vì có phân biệt. Còn nếu đây không có thì việc chứng đắc Phật quả là vô lý, nghĩa là nếu cái thể của trí vô phân biệt là không có thì chứng đắc Phật quả là không đúng đạo lý. Thế thì có lỗi. Vì vậy phải biết rằng nghĩa của sở phân biệt chắc chắn chẳng phải thành thật. Lại nữa nghĩa của cảnh này chắc chắn chẳng phải thật có. Bởi vì sao? Bồ-tát được tự tại, nghĩa là các Bồ-tát được đại tự tại. Do sức thắng giải, nghĩa là do sức ý giải. Như muốn được thứ gì, nghĩa là như biến đất thành vàng v.v... Người được định cũng vậy, nghĩa là trừ Bồ-tát, các Thanh Văn v.v... là người được tĩnh lự. Người thành tựu giản trạch, nghĩa là người có tuệ thành mãn. Nói người có trí, nghĩa là tương ưng với thành mãn chính trí. Cho nên gọi Bồ-tát là người có trí. Người được định, nghĩa là được Tam-ma-địa. Tư duy tất cả pháp, nghĩa là chính tư duy các pháp trong tất cả khế kinh. Như nghĩa đều hiển hiện, nghĩa là các hạnh vô ngã v.v... như như tư duy các pháp trong khế kinh. Nghĩa như thị như thị hiển hiện.

Cho nên phải biết rằng đây là tâm tác ý đúng lý. Tương tự tương sở thủ năng thủ hiện, tất cả ngoại nghĩa đều không có. Trí vô phân biệt hành các nghĩa đều không hiện, tức trong đây tiếp tục chấp nhận các nghĩa trước nói là chẳng phải chân thật. Bởi khi trí vô phân biệt của các Bồ-tát khởi hiện hành, nghĩa của tất cả cảnh đều không hiển hiện. Cho nên phải biết rằng có bao nhiêu nghĩa của cảnh đều chẳng phải thật có. Nên biết không có nghĩa, do đây không, nên thức cũng không, tức kết lại khuyên phải biết không có nghĩa của cảnh. Do đây năng thức cũng là vô sở hữu. Chẳng phải không sở thức mới có năng thức là đúng đạo lý. Trước trong phần giải thích rộng tương sở tri đã biện chiết lý lẽ như vậy.

Luận nói: Bát-nhã Ba-la-mật-đa với trí vô phân biệt không sai khác gì nhau. Như nói: Bồ-tát an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nơi phi xứ tương ưng, có thể tu tập viên mãn các Ba-la-mật-đa khác. Thế nào là phi xứ tương ưng mà tu tập viên mãn?

Nghĩa là do xa lìa 5 chỗ: Một là xa lìa chỗ chấp ngã của ngoại đạo. Hai là xa lìa chỗ phân biệt của Bồ-tát chưa thấy chân như. Ba là xa lìa 2 cực đoạn của sinh tử Niết-bàn. Bốn là xa lìa chỗ sinh tâm vui mừng cho rằng chỉ đoạn trừ chướng phiền não là đủ. Năm là xa lìa chỗ cảnh giới vô dư y Niết-bàn, an trụ ở đó mà không đoái tưởng lợi ích chúng sinh.

Giải thích: Bát-nhã Ba-la-mật-đa với trí vô phân biệt không có sai khác, nghĩa là vì tính tương bình đẳng. Nghĩa là các sở hữu trí vô phân biệt tức là Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Trong kinh ấy nói như vậy. Bồ-tát an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa, phi xứ tương ưng thì có thể ở trong các Ba-la-mật-đa khác tu tập viên mãn. Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là do xa lìa 5 xứ, tức là xa lìa 5 chỗ sai biệt như ngoại đạo ngã chấp v.v... Trong đây có thể ở nên gọi là xứ. Xa lìa chỗ ngoại đạo, ngã chấp, nghĩa là các ngoại đạo an trụ ngã chấp, nghĩ rằng ta có thể hiểu rõ, đây là trí tuệ của ta. Bồ-tát xa lìa các xứ sở như vậy, không

chấp ngã và ngã sở mà khởi Ba-nhã. Bồ-tát xa lìa những xứ sở như vậy, cho nên gọi là phi xứ tương ưng. Xa lìa chỗ phân biệt của Bồ-tát chưa thấy chân như, nghĩa là các chúng Bồ-tát chưa kiến chân, trí vô phân biệt khởi các phân biệt đối với Bát-nhã Ba-la-mật-đa rằng đây là Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Bồ-tát xa lìa các xứ sở như vậy, cho nên gọi là phi xứ tương ưng. Như có bài tụng rằng:

*Nếu có sở kiến,
Ông bị nó trôi.
Nếu không sở kiến,
Liên được giải thoát.*

Xa lìa chỗ sinh tử Niết-bàn nhị biên, nghĩa là như thế gian trụ bên sinh tử vì có ngã chấp. Như đệ tử Phật trụ bên Niết-bàn vì đoạn phiền não. Bồ-tát không như vậy, cho nên nói là xa lìa 2 bên phi xứ tương ưng. Xa lìa chỉ đoạn phiền não chướng sinh chỗ mừng đủ, nghĩa là Thanh Văn v.v... chấp sức tu tập đoạn phiền não chướng cho như vậy là đã làm xong tất cả những gì phải làm. Bồ-tát xa lìa chỗ như vậy vì nó có thể làm chướng ngại sự lợi ích an lạc hữu tình. Cho nên có bài tụng nói rằng:

*Chẳng qua nơi ác thú,
Chướng ngạo Đại Bồ-đề.
Như trụ ở Thanh Văn,
Và trụ Độc Giác địa.*

Bồ-tát xa lìa chỗ như vậy cho nên gọi là phi xứ tương ưng. Xa lìa không đoái tưởng lợi ích an lạc hữu tình, trụ trong cảnh giới vô dư y Niết-bàn, nghĩa là như Thanh Văn v.v... chẳng đoái tưởng lợi ích an lạc hữu tình, trụ trong cảnh giới vô dư y Niết-bàn như lửa đốt cháy củi, rất ráo tịch diệt. Bồ-tát xa lìa chỗ như vậy vì đều đầy đủ Bát-nhã và đại bi, có thể chính an trụ vô trụ Niết-bàn. Do xả bỏ chỗ như vậy cho nên gọi là phi xứ tương ưng.

Luận nói: Trí Thanh Văn v.v... với trí Bồ-tát có gì khác nhau?

Do tương ứng 5 thứ mà biết có khác nhau. Một là khác vì không phân biệt. Nghĩa là vì không phân biệt các pháp 5 uẩn. Hai là không phải sai khác một phần nhỏ. Nghĩa là thông đạt chân như, nhập vào tất cả cảnh giới sở tri, khắp vì độ thoát hữu tình, đó chẳng phải là chuyện nhỏ. Ba là khác nhau vì vô trụ. Nghĩa là lấy vô trụ xứ Niết-bàn làm trụ xứ. Bốn là khác nhau về tính rốt ráo. Nghĩa là trong Niết-bàn vô dư y không đoạn diệt tận. Năm là khác nhau về vô thượng. Nghĩa là cái trí vô phân biệt của Đại thừa này không còn thừa giáo nào hơn. Ở đây có bài tụng như sau:

*Các đại bi làm thế,
Do 5 tướng thắng trí,
Đây thế, xuất thế gian,
Đây là cao xa nhất.*

Giải thích: Trong đây hiển thị 5 tướng sai biệt giữa trí Thanh Văn v.v... và trí Bồ-tát. Vô phân biệt sai biệt, nghĩa là trí Thanh Văn v.v... đối 4 diên đảo gọi là vô phân biệt. Trí các Bồ-tát thì đối tất cả pháp cho đến Bồ-đề đều vô phân biệt. Về phi thiếu phần sai biệt lại có 3 thứ. Một là thông đạt chân như phi thiếu phần sai biệt, nghĩa là Thanh Văn v.v... khi nhập chân quán chỉ có thể thông đạt lý không vô ngã của Bồ-đặc-già-la. Các Bồ-tát khi nhập chân quán thì đầy đủ thông đạt lý không, vô ngã của Bồ-đặc-già-la và tất cả pháp. Hai là sở tri cảnh giới phi thiếu phần sai biệt, nghĩa là Thanh Văn v.v... chỉ sinh trí trong khổ đế v.v...liên gọi là đã làm xong việc tu tập. Còn các Bồ-tát thì sinh trí không diên đảo đối với khắp tất cả cảnh giới sở tri mới gọi là làm xong việc tu tập. Ba là sở độ hữu tình phi thiếu phần sai biệt, nghĩa là Thanh Văn v.v... chỉ cầu tận trí vô sinh tự lợi mà siêng năng tu hành. Còn các Bồ-tát thì cầu Đại Bồ-đề là khắp vì tế độ tất cả hữu tình. Đối với 3 thứ này chẳng phải là sai biệt một phần nhỏ. Trí của Thanh Văn và Bồ-tát có sai biệt. Vô trụ sai biệt, nghĩa

là Thanh Văn v.v... chỉ trụ Niết-bàn. Còn các Bồ-tát đầy đủ sức tăng thượng của từ bi trí tuệ nên lấy vô trụ Niết-bàn làm trụ xứ. Tất cảnh sai biệt, nghĩa là cho thấy rõ Thanh Văn v.v... với các Bồ-tát ở trong Niết-bàn có sự sai biệt lớn. Nghĩa là Thanh Văn v.v... trụ trong cảnh giới vô dư y Niết-bàn, thân trí vĩnh tận như ngọn đèn đã tắt. Còn các Bồ-tát khi được thành Phật, pháp thân đã chứng đến tận cùng sinh tử cũng không dứt hết, như cội vô sắc liên tục không hoại. Do đó trí sai biệt có khác nhau. Vô thượng sai biệt, nghĩa là trên Thanh Văn thừa có Độc Giác, trên Độc Giác thừa lại có Đại thừa. Còn Bồ-tát thừa tức là Phật thừa, không còn gì trên nữa. Do 5 tướng này, phải biết rằng trí của Thanh Văn và Bồ-tát có sai biệt. Lại dùng Già-đà gồm thâm nghĩa như vậy. Nói 5 tướng, tức như trước đã nói 5 tướng sai biệt. Đầy thể, xuất thể gian, nghĩa là tĩnh lự Vô sắc gọi là đầy khắp thể gian. Thanh Văn thừa v.v... sở đắc Niết-bàn gọi là đầy khắp xuất thể gian. Đầy đều hơn kia nên nói là cao tốt.

Luận nói: Nếu các Bồ-tát thành tựu Thi-la tăng thượng, Chí-đà tăng thượng, Bát-nhã tăng thượng thì công đức viên mãn, tiền của địa vị được đại tự tại, vì sao hiện thấy có những người thiếu thốn tiền của địa vị?

Vì thấy người ấy có nghiệp chướng nặng đối với tiền của địa vị. Vì thấy nếu cho người ấy tiền của địa vị, sẽ trở ngại cho sự phát sinh thiện pháp. Vì thấy người ấy nếu thiếu thốn của cải địa vị, sẽ chán bỏ hiện hữu. Vì thấy nếu cho người ấy tiền của địa vị, tức sẽ góp phần tạo nhân các pháp bất thiện. Vì thấy nếu cho người ấy tiền của địa vị, tức sẽ tạo nhân cho vô lượng chúng sinh bị tổn hại. Vì thế mà hiện thấy có người thiếu thốn tiền của địa vị. Ở đây có bài tụng như sau:

*Thấy nghiệp chướng hiện tiền,
 Vì tích tập tổn hại,
 Nên thấy có hữu tình,
 Không cảm Bồ-tát thí.*

Giải thích: Nay sẽ nói rõ do nhân duyên ấy Bồ-tát tuy có của cải địa vị tự tại mà không thí cho người. Vì thấy chúng hữu tình kia đối với của cải địa vị có nghiệp chướng nặng, nghĩa là các Bồ-tát thấy chúng hữu tình kia đối với của cải địa vị ấy có nghiệp chướng nặng nên không thí cho. Không để cho sự huệ thí thành không có quả. Dầu có thí cho, chúng cũng không thể nhận thì thí làm gì. Như có tụng nói:

*Như mẹ cho con bú,
 Một tháng không mệt mỏi.
 Họng đứa con nếu nghẹt,
 Cho cũng không bú được.*

Thấy chúng hữu tình kia nếu cho của cải địa vị sẽ phát sinh chướng ngại thiện pháp, nghĩa là các Bồ-tát thấy các hữu tình kia tuy đối với của cải địa vị không có nghiệp chướng nặng nhưng nếu chúng được của cải địa vị đầy đủ thì sẽ nhiều phóng túng không khởi thiện pháp. Suy nghĩ như vậy nên thà để chúng ở trong hiện pháp tạm thời nghèo thiếu, chớ để chúng đời sau chịu nhiều nghèo thiếu, cho nên không thí cho chúng có của cải địa vị. Vì thấy chúng hữu tình kia nếu thiếu của cải địa vị hiện tại, nghĩa là các Bồ-tát thấy chúng hữu tình kia nếu thiếu của cải địa vị sẽ sinh tâm chán bỏ sinh tử hiện tại mong muốn xuất ly, nếu được giàu sang ắt sinh kiêu căng phóng túng, cho nên không thí cho chúng của cải địa vị, nghĩ rằng thà chúng nghèo khổ mà sinh tâm chán sinh tử hiện tại, chớ để chúng giàu sang thụ hưởng khoái lạc phóng túng mà không chán sinh tử, không sinh thiện pháp. Vì thấy chúng hữu tình kia nếu thí cho chúng của cải địa vị ắt sẽ làm nhân cho chúng tích chứa pháp bất thiện, nghĩa là các Bồ-tát thấy chúng hữu tình kia nếu thí cho chúng của cải địa vị đầy đủ ắt sinh phóng túng tích chứa các ác và nghiệp bất thiện, nên không thí cho chúng có của cải địa vị, nên có tụng nói:

*Thà nghèo thiếu của cải địa vị,
Xa lìa ác thú các ác hạnh.
Chớ để giàu sang loạn các căn,
Khiến cảm mai sau nhiều khổ quả.*

Vì thấy chúng hữu tình kia nếu thí cho của cải địa vị ắt sẽ làm nhân tổn hại vô lượng hữu tình khác, nghĩa là các Bồ-tát thấy chúng hữu tình kia nếu được giàu sang ắt làm tổn hại vô số hữu tình nên không thí cho chúng của cải địa vị, suy nghĩ rằng thà chúng một thân chịu nghèo khổ, chớ khiến chúng làm tổn hại nhiều hữu tình khác. Lại dùng Già-tha tóm thâu nghĩa ấy nên ói thấy nghiệp chướng hiện tiền v.v... văn dễ hiểu không phải giải thích nữa.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

QUYÊN 9

10 - Quả đoạn

Luận nói: Như vậy là đã nói về sự thù thắng của tuệ tăng thượng, vậy làm thế nào thấy sự thù thắng của quả đoạn?

Đoạn nghĩa là Niết-bàn vô trụ của BỒ-tát, vì xả bỏ tạp nhiễm mà không xả bỏ sinh tử. Chuyển y 2 chỗ y chỉ làm tướng. Trong đó sinh tử là phần tạp nhiễm của tính y tha khởi, Niết-bàn là phần thanh tịnh của tính y tha khởi. Hai chỗ y chỉ là 2 phần của tính y tha khởi. Chuyển y là tính y tha khởi, khi khởi đối trị thì chuyển bỏ phần tạp nhiễm được phần thanh tịnh.

Giải thích: Trí vô phân biệt có thể trị tất cả sở trị đã sinh, quyết định phải đoạn cho nên kia luôn luôn nói đoạn thù thắng. Vô trụ Niết-bàn, là không đồng như thế gian, Thanh Văn, Độc Giác an trụ sinh tử hoặc Niết-bàn. Bởi xả bỏ tạp nhiễm mà không bỏ sinh tử, nghĩa là làm hại cái thế lực kia như nguyên rửa, rắn độc, tuy không xả bỏ mà không nhiễm. Hai sở y chỉ, chuyển y làm tướng, nghĩa là hoặc y chủ thích hoặc tri nghiệp thích. Trụ chuyển y này như cõi Vô sắc. Nếu y lợi với thù thắng tuệ cùng tương ưng thì không có phiền não. Nếu y lợi tha, do cùng tương ưng với đại bi nên hiện ở sinh tử mà không xả bỏ Trong đây cái gì là sinh tử Niết-bàn? Y chỉ chuyển y đều phải nói rõ. Sinh tử là phần tạp nhiễm của tính y tha, nghĩa là tâm tâm

pháp phiền não mê loạn, lỗi lầm sinh tử tiếp nối không dứt phần biên kế sở chấp. Niết-bàn là phần tghanh tịnh của tính y tha khởi, nghĩa là rốt ráo chuyển biến kế sở chấp thành phần viên thành thật. Hai sở y chỉ, là thông hai phần tính y tha khởi, nghĩa là hai sở y tính y tha khởi. Chuyển y là tính y tha khởi, nghĩa là tâm tâm pháp y tính y tha khởi. Là các tạp nhiễm chuyển diệt sở y. Cũng là sở y của tất cả Phật pháp. Như có thuyết nói đây là tất cả Phật pháp, quả của các địa Ba-la-mật-đa. Sở y v.v... thế nào là chuyển y? Chuyển y những gì? Nghĩa là ngay khi khởi đối trị tính y tha khởi, khi khởi trí vô phân biệt. Chuyển xả phần tạp nhiễm là chuyển diệt tất cả phần mê loạn của sở thủ năng thủ. Chuyển được phần thanh tịnh, là xả bỏ tính sở thủ năng thủ kia nên được xa lìa sở thủ năng thủ do tự nội chứng, là phần thanh tịnh nhất tuyệt dứt các hý luận.

Luận nói: Lại nữa sự chuyển y này đại lược có 6 thứ. Một là chuyển bớt sức lực thêm khả năng. Nghĩa là do sức thắng giải trụ trong đa văn huân tập và do có sự biết hổ thẹn nên khiến một phần ít phiền não hiện hành, hoặc không hiện hành. Hai là chuyển sự thông đạt. Nghĩa là các Bồ-tát đã nhập địa, cho đến địa thứ 6, hiện tiền trụ trước mắt là chân thật thì hiển hiện, phi chân thật thì không hiển hiện. Ba là chuyển sự tu tập. Nghĩa là cho đến địa thứ 10 vì còn chướng ngại, tất cả tướng không hiển hiện, chỉ chân thật hiển hiện. Bốn là chuyển quả viên mãn. Nghĩa là vĩnh viễn không còn chướng ngại, tất cả tướng không hiển hiện, chỉ hiển hiện chân thật thanh tịnh cùng tột, được tự tại đối với tất cả tướng. Năm là chuyển sự thấp kém. Nghĩa là Thanh Văn v.v... chỉ có thể thông đạt tính nhân không vô ngã, một bề quay lưng xả bỏ sinh tử. Sáu là chuyển một cách rộng lớn. Nghĩa là các Bồ-tát gồm thông đạt pháp không vô ngã, nên ngay nơi sinh tử mà thấy là thanh tịnh vắng lặng, tuy đoạn trừ tạp nhiễm mà không bỏ sinh tử.

Các Bồ-tát trụ ở địa vị thấp kém, đối với sự chuyển y có lỗi gì?

Có lỗi là không đoái tưởng đến sự lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh, trái với tất cả các pháp Bồ-tát, chỉ giải thoát bản thân đồng với các thừa thấp kém.

Nếu các Bồ-tát trụ ở địa vị chuyển đổi rộng lớn thì có công đức gì?

Ở trong pháp sinh tử lấy sự tự chuyển y làm chỗ dựa nên được tự tại. Thị hiện thân chúng sinh trong tất cả mọi nẻo luận hồi, nếu sinh vào hàng chúng sinh tối thấp và trong 3 thừa thì có thể dùng các phương tiện khéo léo điều phục an lập giáo hóa chúng sinh. Đó là công đức.

Giải thích: Chuyển bớt sức lực thêm khả năng, nghĩa là do sức thắng giải và sức đa văn huân tập tổn giảm phiền não huân tập bám phụ trong thức dị thực, tăng thêm huân tập công năng tịnh pháp, lại do thắng giải văn huân tập nên có sự biết hổ thẹn khiến một phần ít phiền não hiện hành, hoặc không hiện hành. Chuyển sự thông đạt, nghĩa là các Bồ-tát đã chứng nhập đại địa, đối với chân phi chân hoặc hiện hoặc không hiện, trí vô phân biệt hiện hành có hoặc không có gián đoạn. Cho nên có khi chân hiện là khi nhập quán. Có khi phi chân hiện là khi xuất quán. Phi chân và chân trong hai lúc ấy như tuần tự nói là hiện không hiện. Sự kiện hiện không hiện này diễn ra cho đến địa thứ 6. Chuyển sự tu tập, nghĩa là do sở tri chướng gọi là có chướng. Vị chuyển y này cho đến địa thứ 10 các tướng không hiển hiện, chỉ chân thật hiển hiện. Chuyển quả viên mãn v.v..., nghĩa là do tất cả chướng mà gọi là không chướng, bởi tất cả chướng vĩnh viễn không còn nên được tất cả tướng đều không hiển hiện, được hiển hiện chân thật thanh tịnh cùng tột. Y vào chuyển y này, được tự tại đối với tất cả tướng. Vì được tự tại đối với các tướng nên tùy theo sở thích mà lợi lạc hữu tình. Chuyển sự thấp kém v.v... các câu này dễ hiểu không phải giải thích nữa. Chuyển một cách rộng lớn, nghĩa là đối với tạp nhiễm thì đoạn mà không xả bỏ, vì trong sinh tử đạt

được vô ngã. Đoạn các tạp nhiễm, tức là trong đó thấy nó vắng lặng cho nên không có xả bỏ. Trụ ở hạ liệt chuyển có lỗi gì v.v...vấn đây dễ hiểu. Trụ ở quảng đại chuyển có công đức gì, nghĩa là vì đối với tất cả pháp được tự tại nên trong tất cả các nẻo thú thị hiện thân đồng phần dùng phương tiện khéo léo điều phục tất cả, đem các chúng hữu cảm, hữu tình được hóa độ an trí nơi tối thắng sinh và trong 3 thừa. Tối thắng sinh, nghĩa là sinh nơi an lạc trong các thế gian. Phải biết rằng đây là công đức thuyết pháp.

Luận nói: Ở đây có các bài tụng như sau:

*Phàm phu chân thật che,
Chỉ hiển lộ hư vọng.
Các Bồ-tát xả vọng,
Chỉ hiển lộ chân thật.
Phải biết hiển, không hiển,
Chân nghĩa, phi chân nghĩa.
Chuyển y tức giải thoát,
Tùy ý được tự tại.
Nơi sinh tử Niết-bàn,
Nếu khởi trí bình đẳng,
Bấy giờ do chứng đắc,
Sinh tử tức Niết-bàn.
Do đó với sinh tử,
Chẳng bỏ, chẳng chẳng bỏ.
Cũng giống như Niết-bàn,
Chứng đắc, chẳng chứng đắc.*

Giải thích: Để làm rõ nghĩa chuyển y nên lại nói một số tụng. Các phàm phu chân thật che v.v..., nghĩa là như phàm phu chưa đoạn trừ vô minh, chân nghĩa không hiển lộ nên nói là che. Vì sức vô minh nên tất cả hư vọng đều hiển hiện. Bồ-tát không như vậy vì đoạn trừ vô minh nên hiểu rõ hư vọng đều vô sở hữu, nên gọi là xả

vọng. Chỉ có chân nghĩa hiển hiện mà thôi. Do đạo lý này phải biết hiển không hiển, chân nghĩa phi chân nghĩa, nghĩa là chân nghĩa viên thành thật hiển hiện, biến kế sở chấp phi chân thật nghĩa đều không hiển hiện. Nói chuyển y, là phi chân nghĩa đều không hiển hiện, các chân nghĩa thấy đều hiển hiện, nên gọi là chuyển y. Tức giải thoát, nghĩa là chuyển y tức là giải thoát. Tùy theo ý muốn mà làm được tự tại, nghĩa là chuyển y giải thoát tự tại này, được làm theo ý muốn một cách tự tại trong các thế gian. Do làm được tự tại theo ý muốn nên gọi là giải thoát. Không phải như chặt đầu lia bỏ thân mạng mà gọi là giải thoát. Đối với sinh tử Niết-bàn, nếu khởi trí bình đẳng v.v..., nghĩa là tự tính biến kế sở chấp gọi là sinh tử. Đây tức vô tính. Vô tính tức không. Không tức Niết-bàn. Tính viên thành thật, do đây đối với sinh tử phi xả phi bất xả v.v..., nghĩa là ngay nơi sinh tử là Niết-bàn nên gọi là phi xả, không có tướng sinh tử chuyển nữa nên gọi là phi bất xả. Chẳng phải lìa sinh tử riêng được Niết-bàn nào khác, nên gọi là phi đắc. Ngay ở trong đó chứng Niết-bàn nên gọi là phi bất đắc.

11 - Quả trí

Luận nói: Như vậy là đã nói về sự thù thắng của quả đoạn, vậy làm thế nào thấy sự thù thắng của quả trí?

Nên biết do 3 thứ Phật thân mà biết sự thù thắng của quả trí: một là do tự tính thân, hai là do thụ dụng thân, ba là do biến hóa thân.

Trong đây tự tính thân là pháp thân Như Lai, chuyển đổi chỗ y chỉ tự tại đối với tất cả pháp. Thụ dụng thân là y vào pháp thân hiển hiện các chúng hội chư Phật trong các cõi Phật thanh tịnh, thụ dụng pháp lạc của Đại thừa. Biến hóa thân là cũng y vào pháp thân từ cung trời Đô-sử-đa ẩn mình, thị hiện thụ sinh, thụ dụng lạc,, vượt thành xuất gia, đến nơi ngoại đạo tu các khổ hạnh, chứng Đại Bồ-đề, chuyển Đại pháp luân, nhập Đại Niết-bàn.

Giải thích: Do đoạn sở đoạn đạt được trí vô cấu vô ngại nên đoạn thù thắng không gián đoạn. Tiếp nói sự thù thắng của quả trí. Trong tự tính thân không phải do giả lập nên gọi là tự tính. Là chỗ y chỉ nên gọi là thân. Pháp tính tức thân nên gọi pháp thân. Hoặc là chỗ y chỉ của các pháp nên gọi pháp thân. Nói chỗ y chỉ của tất cả pháp tự tại chuyển, nghĩa là đối với tất cả pháp được tự tại chuyển và cũng là chỗ y chỉ nên gọi là chỗ y chỉ của tất cả pháp tự tại chuyển. Hoặc y trì nghiệp thích, trong thụ dụng thân y pháp thân, nghĩa là do có kia nên có được đây. Hiện thị trong các Phật hội, nghĩa là các chúng đại Bồ-tát vân tập nơi cõi Phật. Do đây mà biết, nên gọi là sở hiển, tức như cõi Cực lạc phương Tây v.v... Được thụ pháp lạc Đại thừa nơi cõi Phật thanh tịnh, nghĩa là ở trong cõi Phật thanh tịnh, thụ dụng các thứ pháp lạc Đại thừa lĩnh thụ hiểu rõ nghĩa lý, cho nên hoặc ở trong cõi Phật thanh tịnh thụ dụng các thứ vàng bạc báu vật v.v..., chư Phật Bồ-tát lần lượt thụ dụng diệu sắc thân v.v... và thụ pháp nghĩa các kinh v.v..., an lập tự tướng và cộng tướng. Cái gì là sở y và ai là năng y? Nghĩa là cái trí vô cấu vô ngại trước, do sức tăng thượng của diệu trí này cho nên có thể khiến an trụ giải thoát không thể nghĩ bàn. Các đại Bồ-tát đã nhập đại địa, pháp lạc Đại thừa, cõi Phật thanh tịnh, tướng hiện trí sinh. Trong biến hóa thân y pháp thân, là như trước đã nói. Nghĩa là do sức thù thắng của quả trí, từ cung trời Đô-sử-đa hiện mất, cho đến Niết-bàn. Đây tức có thể khiến trong các liên tục sinh khởi thức tướng đồng phần với con người.

Luận nói: Ở đây có một bài tụng như sau:

*Tướng, chứng đắc, tự tại,
Y chỉ và nhiếp trì,
Sai biệt, đức, thậm thâm,
Niệm, nghiệp rõ chư Phật.*

Giải thích: Lược nêu nghĩa chung gọi là Ôt-đà-nam. Tướng chứng đắc v.v... là nêu nghĩa.

Luận nói: Pháp thân chư Phật lấy gì làm tướng?

Nên biết pháp thân chư Phật lược nói có 5 tướng.

Giải thích: Ban đầu nêu chung tướng có 5 thứ , sau chuyển y v.v... giải thích riêng 5 tướng.

Luận nói: Một là tướng chuyển y. Nghĩa là chuyển diệt tất cả chương của phần tạp nhiễm trong tính y tha khởi, chuyển được giải thoát tất cả chúng, tự tại đối với pháp, chuyển hiện phần thanh tịnh trong tính y tha khởi.

Giải thích: Chuyển diệt phần tạp nhiễm tất cả chương của tính y tha khởi, nghĩa là chuyển phần tạp nhiễm tính y tha khởi tương tự tướng sở thủ và tướng năng thủ khiến vĩnh viễn không sinh, cho nên chuyển được giải thoát tất cả chương. Đối với pháp tự tại chuyển phần thanh tịnh hiện tiền tính y tha khởi, nghĩa là chuyển được sở thủ năng thủ, vô tính hiển hiện tính viển thành thật vô cấu chân như, và được tất cả pháp tự tại mà chuyển vì hiển hiện ra trước nhân của phần cực thanh tịnh của tính y tha khởi.

Luận nói: Hai là tướng do bạch pháp thành tự. Nghĩa là viên mãn 6 Ba-la-mật-đa , được 10 tự tại. Trong đây thọ mạng tự tại, tâm tự tại, phương tiện sinh hoạt tự tại là do viên mãn thí Ba-la-mật-đa. Nghiệp tự tại, sinh tự tại là do viên mãn giới Ba-la-mật-đa. Nghiệp tự tại và sinh tự tại là do viên mãn giới Ba-la-mật-đa. Thắng giải tự tại là do viên mãn nhẫn Ba-la-mật-đa. Nguyện tự tại là do viên mãn tinh tiến Ba-la-mật-đa. Thần lực tự tại gồm 5 thần thông là do viên mãn tĩnh lự Ba-la-mật-đa. Trí tự tại và pháp tự tại là do viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Giải thích: Bạch pháp tạo thành là tướng v.v..., nghĩa là các Thanh Văn được chuyển y là chỉ hiện cái vĩnh đoạn phiền não, không có bạch pháp tạo thành tướng. Nếu các Bồ-tát được chuyển y, tu tập 6 thứ Ba-la-mật-đa hoàn toàn viên mãn, cho nên bạch pháp tự tính

10 thứ tự tại làm tướng. Trong lúc ấy không có một niệm là phần vô ký hưởng chi là phần nhiệm ô. Trong đây trở xuống là giải thích 10 tự tại. Thọ tự tại, nghĩa là tùy ý muốn có thể xả mạng sống. Tâm tự tại, nghĩa là vì ở trong sinh tử không nhiễm ô cho nên tùy ý muốn có thể vì người dẫn nghiệp các thứ. Trong đó vận chuyển cái tâm được tự tại nên gọi là tâm tự tại. Chúng cụ tự tại, nghĩa là việc ăn uống v.v... các thứ cần cho đời sống, tùy ý muốn có thể góp chừa. Các thứ, cùng một nghĩa với của cải tài vật. Do thí Ba-la-mật-đa viên mãn, nghĩa là do pháp thí, vô úy thí, tài thí viên mãn, do sở ứng được quả này. Nghiệp tự tại, nghĩa là được đại tự tại đối với các nghiệp. Chỉ tạo thiện nghiệp không có ác hay vô ký, và trong đó còn khuyến khích người khác làm. Sinh tự tại, nghĩa là đối với những nơi được sinh ra, nếu muốn là được hiện thụ sinh. Do giới Ba-la-mật-đa viên mãn, nghĩa là hai tự tại là quả của Thi-la. Bởi người đầy đủ giới chỉ tạo thiện nghiệp. Lại nữa người đầy đủ giới có nguyện gì đều được thành tựu. Thắng tự tại, nghĩa là ở trong địa v.v... phát khởi thắng giải khiến thành vàng v.v..., như chỗ thắng giải, đất v.v..., vàng v.v... tùy thắng giải mà chuyển. Do nhẫn Ba-la-mật-đa viên mãn, nghĩa là tự tại này là do quả của nhẫn. Như nhân xưa thích tu nhẫn, cho nên tùy tùy tam hữu tình thích mà chuyển, cho nên nay được đất v.v..., vàng v.v... tùy thắng giải chuyển. Nguyện tự tại, nghĩa là tùy nguyện mọi việc đều thành tựu. Do tinh tiến Ba-la-mật-đa viên mãn, nghĩa là tự tại này là quả của tinh tiến. Do xưa khi tu nhân tinh tiến, đối với các hữu tình không mệt mỏi phé bỏ các việc lợi lạc, cho nên các nguyện thời nay được tự tại. Thần lực tự tại gồm 5 thần thông, nghĩa là tùy ý lạc, dẫn phát các thứ thần thông tối thắng. Do tĩnh lự Ba-la-mật-đa viên mãn, nghĩa là tự tại này là quả của tĩnh lự. Do xưa khi tu nhân, thích tu định, nên tùy các hữu tình muốn làm việc gì, chứng nhập các thứ tĩnh lự đẳng chí, cho nên ngày nay được định làm các thần thông tự tại. Trí tự tại, nghĩa là tùy có các thứ ngôn ngữ âm thanh, trí hiện tiền. Pháp tự tại, nghĩa là tùy ý lạc tuyên thuyết các tụng của khế kinh

v.v... Do Bát-nhã Ba-la-mật-đa viên mãn, nghĩa là tự tại này là quả của Bát-nhã. Do xưa khi tu nhân thích tu tuệ, tùy loại âm thanh mà nói chính pháp, cho nên nay chứng đắc thù thắng Bát-nhã. Do xưa khi tu nhân thích tu tuệ, tùy loại âm thanh mà vì nói chính pháp, cho nên nay chứng đắc thù thắng Bát-nhã, diệu đạt ngôn ngữ âm thanh khéo nói chính pháp.

Luận nói: Ba là tướng không hai. Nghĩa là không có 2 tướng có và không. Do tất cả pháp là vô sở hữu mà tướng hiển lộ của không, là thật có cho nên tướng hữu vi vô vi là không hai. Do nghiệp phiền não chẳng phải sở vi mà tự tại thị hiện là tướng hữu vi. Khác tính một tính là tướng không hai. Do chỗ sở y của tất cả chư Phật là không sai biệt cho nên vô lượng liên tục hiện thành đẳng giác. Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Vì không có ngã chấp,
Không chỗ nương riêng biệt.
Nhưng tùy thân chứng đắc,
Nên thiết lập có khác.
Chủng tính khác, không rỗng,
Vì viên mãn không đầu,
Vô cấu y không khác,
Nên chẳng một, chẳng nhiều.*

Giải thích: Có không không hai là tướng, nghĩa là phi hữu tướng, bởi tất cả pháp biến kế sở chấp đều vô hữu, cho nên cũng phi vô tướng, bởi không hiển tự tính hữu. Hữu vi vô vi không hai là tướng, nghĩa là bởi nghiệp phiền não là phi sở vi, cho nên phi hữu là tướng. Đối với năng thị hiện tương tự hữu vi pháp được đại tự tại. Thường thường thị hiện tương tự hữu vi, cho nên phi vô vi tướng. Khác tính một tính không hai là tướng, nghĩa là bởi pháp thân Phật, thể là một cho nên không phải khác tướng. Vô lượng y chỉ, chứng đắc riêng biệt cho nên không phải một tướng. Đều một không cho

nên gọi là không hai tướng. Lại dùng 2 tụng gồm thâm nghĩa như vậy khiến dễ hiểu. Nói ngã chấp không có v.v..., nếu ở đó có ngã chấp, chấp mình là ngã, chấp ngoài mình là người khác, tức trong đó phân biệt tự tha, đây kia đều khác. Trong pháp thân không có ngã chấp, nên không phân biệt đây kia có khác. Nếu vậy thì sao nói có nhiều Phật? Vì tùy theo trước năng chứng có sai biệt. Thi thiết có khác, nghĩa là tùy địa vị năng chứng của Bồ-tát khác mà thi thiết có khác. Tùy thuận theo ngôn thuyết thế gian cho nên nói đây là Phật Thích-ca Mâu-ni, đây là Phật Thắng Quán v.v... Vì chủng tính khác, nghĩa là vốn nhân tính có sai biệt, cho nên chẳng phải duy nhất một Phật. Chủng tính có hai: Một là bản tính trụ chủng tính, nghĩa là vô thủy đến nay, 6 chỗ thù thắng lần lượt liên tục pháp nhĩ sở đắc. Hai là tập sở thành chủng tính, nghĩa là từ trước đến giờ tập theo sức của thiện hữu mà thành. Bản tính trụ tính có sai biệt nên tập sở thành tính có nhiều thứ. Vì chủng tính nhiều cho nên chấp chỉ có một Phật duy nhất mà không có các Phật khác là không đúng đạo lý. Nói không phải trống rỗng, nghĩa là có nhiều Bồ-tát y chủng tính trước tu tập riêng biệt Bồ-đề tư lương. Nếu duy nhất một Phật chứng một Bồ-đề, các vị khác không chứng thì sự tu tập tư lương thành không có quả, thế là không đúng đạo lý. Vì viên mãn, nghĩa là chư Như Lai đều biến khắp giáo hóa hữu tình. Thành lập các việc an lạc chân chính lợi ích, nghĩa là như an lập 3 thừa. Nếu chỉ một Phật thì không thể an lập hữu tình nơi Phật thừa. Bởi vì không có vị Phật thứ hai. Như vậy là Như Lai làm Phật sự sẽ không viên mãn. Cho nên chắc chắn phải có nhiều Phật. Nói không đầu, nghĩa là chư Như Lai xuất thế từ trước trước, cũng như sinh tử không có cái bắt đầu. Là tu tập tư lương, tự nhiên thành Phật là không đúng lý. Là gặp Phật mà có thể tập hợp tư lương là không đúng lý. Do đó quyết định không phải chỉ có một Phật. Lại không nên chấp chặt có nhiều Phật vì vô cấu sở y là không sai biệt. Pháp giới vô lậu gọi là vô cấu y, vì do trí thù thắng rốt ráo khiến trừ khách trần cấu. Ở trong chân pháp giới vô lậu không

thể định chấp chư Phật có khác. Vì vậy chư Phật là chẳng phải một chẳng phải nhiều.

Luận nói: Bốn là tướng thường trụ. Nghĩa là vì tướng chân như thanh tịnh nên do bản nguyện dẫn xuất làm các việc phải làm, không có thời kỳ thôi nghỉ.

Giải thích: Hằng không thay đổi, liên tục không gián đoạn. Cho nên nói thường trụ là tướng. Do 3 nhân duyên thành lập tướng này. Vì tướng chân như thanh tịnh, nghĩa là đây hiển thị tính chân như là thường không biến đổi, hiển thị thành Phật quả gọi là tính pháp thân. Nếu thay đổi tức chẳng phải chân như. Vì vậy cho nên bản nguyện thường trụ dẫn xuất, nghĩa là chư Như Lai đều trước phát khởi đại nguyện như vậy: Ta sẽ độ thoát vô lượng hữu tình khiến Bát-niết-bàn. Các loài hữu tình chưa Bát-niết-bàn thì nguyện dẫn quả liên tục không dứt nên là thường trụ. Nguyện dẫn này tách rời tính liên tục thường, là không đúng đạo lý. Việc phải làm không có thời kỳ làm xong, nghĩa là đại nguyện làm việc độ thoát hữu tình không có thời kỳ hoàn tất, vì hữu tình là vô số lượng. Cho nên cho đến khi hữu tình còn liên tục hiện hữu không dứt thì việc Phật độ thoát cũng không dứt, nên nói là thường.

Luận nói: Năm là tướng không thể nghĩ bàn. Nghĩa là chân như thanh tịnh chứng đắc từ bên trong, không có ví dụ nào trong thế gian có thể ví dụ được, không phải chỗ mà sự suy tư tìm kiếm có thể đến được.

Giải thích: Nói nghĩ bàn, nghĩa là dựa vào đạo lý mà tư duy thẩm xét, khởi trí phân biệt, thuộc lãnh vực tầm tư thí dụ sở hiển. Chẳng phải chỗ sở hành của chư Phật. Không thể nghĩ bàn, là vượt quá tất cả phạm vi của tư duy suy tìm, cho nên chỉ nên tin hiểu không nên luận bàn.

Luận nói: Lại nữa pháp thân như thế đầu tiên làm sao chứng đắc?

Nghĩa là duyên cái tổng tướng của pháp Đại thừa, trí vô phân biệt và trí hậu đắc khéo tu tập 5 tướng, khéo tập hợp tư lương nơi tất cả các địa. Kim cương dụ định phá diệt các chướng vi tế khó phá, định này liên tục không gián đoạn, lia tất cả chướng nên chứng đắc chuyển y.

Giải thích: Tín giải cũng gọi là sơ đắc pháp thân. Pháp hành cũng vậy. Để giản lược chúng nên nói hiện chứng đắc. Chỉ nói chứng đắc chẳng phải sinh khởi, nghĩa là vì thể là thường. Duyên tướng chung v.v..., nghĩa ấy dễ hiểu. Khéo tu 5r tướng, nghĩa là không sinh không diệt, bản lại vắng lặng, tự tính Niết-bàn và không tự tính gọi là 5 tướng. Lại nữa hợp chung 5 tướng khéo tu, làm xong 5 quả, nghĩa là trong mỗi niệm tiêu tan tất cả các y chỉ thô nặng, lia các tướng, được pháp lạc, có thể hiểu biết đúng khắp vô lượng tướng không phân chia giới hạn. Đại pháp quang minh thuận thanh tịnh phần, hiện hành vô tướng vô phân biệt. Để hoàn thành pháp thân viên mãn, có thể chính nhiếp thụ các thắng nhân về sau. Phá diệt các chướng vi tế khó phá trừ, nghĩa là hiển thị định này dụ cho Kim cương làm nhân. Ví như kim cương tính cứng có thể phá vỡ những gì khó phá vỡ. Như vậy định này vượt hơn các loại thấp, có thể phá các thứ khó phá bất nhiệm vô tri, có thể phát trí thanh tịnh vô thượng cho nên ví với kim cương, vì định này không ngừng lia tất cả chướng. Được chuyển y, nghĩa là do trí vô phân biệt và trí hậu đắc, nên chứng chuyển y được pháp thân Phật.

Luận nói: Lại nữa, pháp thân do bao nhiêu thứ tự tại mà được tự tại?

Đại lược do 5 thứ. Một là tự tại của cõi Phật, tự thân, tướng tốt, âm thanh vô biên, vô kiến đỉnh tướng, do chuyển y của sắc uẩn. Hai là tự tại về an vui rộng lớn, không tội lỗi, do chuyển y của thụ uẩn. Ba là tự tại về biện luận giảng nói tất cả danh, cú, văn thân, do chuyển y của tưởng uẩn. Bốn là tự tại hóa hiện, biến đổi, dẫn dắt đại

chúng tiếp thụ bạch pháp, do chuyển y hành uẩn. Năm là tự tại bởi đại viên kính trí, bình đẳng tính trí, diệu quan sát trí, thành sở tác trí, do chuyển y thức uẩn.

Giải thích: Do chuyển y 5 uẩn, nên được 5 tự tại. Các Thanh Văn v.v... sợ khổ nên vĩnh đoạn các uẩn. Như người ngu hủi lác tự xả thân mạng. Nếu các Bồ-tát thì có phương tiện khéo léo chuyển diệt các uẩn có tội như sắc v.v..., chuyển khởi các uẩn như sắc v.v... thành vô tội. như người trí hủi lác tìm các thuốc hay, chuyển đổi được thân có bệnh thành thân không bệnh. Trong đây do chuyển y sắc uẩn, được năng lực thị hiện cõi Phật tự tại. Như muốn hiện các cõi Phật thành vàng bạc v.v... có thể thị hiện tự thân tự tại, tùy tâm suy nghĩ đều có thể thị hiện. Ở trong các đại tập hội, tùy theo có nghi hóa độ hữu tình mà hiện khác nhau, có thể thị hiện tướng hảo tự tại. Tùy chỗ ưa thích, thị hiện các diệu tướng hảo, có thể thị hiện vô biên âm thanh, vô kiến đỉnh tướng hai thứ tự tại. Hiện âm thanh Phật vô biên. Hiện đỉnh tướng Phật không thể trông thấy. Do chuyển y thụ uẩn nên được vô tội, trụ đại an lạc tự tại rộng lớn vô lượng. Trong đây lìa phiền não nên gọi là vô tội. Có nhiều nên gọi là vô lượng. Vượt quá cái an vui tất cả ba cõi nên gọi là rộng lớn. Do chuyển y tướng uẩn, được năng lực biện thuyết tất cả danh thân cú thân văn thân một cách tự tại, bởi có thể thủ tướng là tự tính của tướng. Do gồm thâu các nhân tư lương như vậy, chuyển được công năng sai biệt như vậy. Do đó có thể đối với danh thân v.v... các việc, tùy theo ý muốn mà được tự tại. Do chuyển y hành uẩn được khả năng biến đổi hóa hiện dắt dẫn đại chúng, hướng dẫn bạch pháp một cách tự tại. Nghĩa là trong hành uẩn, tư duy là rất ưu việt. Do tư duy này nên hóa hiện được tự tại. Có thể chuyển biến hóa hiện tự tại, nghĩa là có thể hóa hiện như ý muốn. Có thể biến đổi tự tại, nghĩa là như muốn biến đổi đất thành vàng v.v... Dắt dẫn đại chúng một cách tự tại, nghĩa là dắt dẫn đại chúng, chư thiên như ý muốn. Hướng dẫn bạch pháp tự tại, nghĩa là khiến pháp vô lậu hiện tiền như ý muốn.

Do chuyển thức A-lại-da v.v...8 sự thức uẩn được trí đại viên kính v.v...4 thứ diệu trí. Như nhiều lần, tuân tự hoặc tùy ý, phải biết trong đây chuyển thức A-lại-da nên được trí đại viên kính. Tuy sở thức, cảnh không hiện ra trước mà có thể không quên, không giới hạn thời gian, nơi chốn, đối với tất cả cảnh thường không ngu mê, hạnh vô phân biệt có thể khởi thụ dụng Phật trí ảnh tượng. Chuyển Mạt-na nhiễm ô nên được trí tính bình đẳng. Khi mới hiện quán trước đã chứng đắc, trong tu đạo vị chuyển được thanh tịnh. Do đó an trụ vô trụ Niết-bàn, hằng tương ưng với đại từ đại bi, có thể tùy ý muốn hiện ảnh tượng Phật. Vì chuyển ý thức, nên được trí diệu quan sát, đầy đủ tất cả Đà-la-ni môn. Tam-ma-địa môn như kho báu. Trong đại chúng hội có thể hiện tất cả tác dụng một cách tự tại..., có thể đoạn các nghi, có thể xuống cơn mưa pháp. Chuyển 5 thức, nên được trí thành sở tác, khắp tất cả thế giới 10 phương có thể hiện biến hóa mất từ thiên cung trời Đô-sử-đa cho đến Niết-bàn, có thể hiện trụ giữ tất cả các việc lợi lạc hữu tình.

Luận nói: Lại nữa, pháp thân có mấy trụ xứ?

Nên biết đại lược có 3 chỗ y chỉ. Một là chỗ trụ xứ y chỉ của chư Phật. Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Chư Phật chứng được 5 tính hỷ,
Đều do đẳng chứng tự giới tính.
Không hỷ đều do không chứng đây,
Nên người cầu hỷ phải đẳng chứng.
Một do năng lực, hai sự thành,
Pháp vị nghĩa đức đều viên mãn.
Được hỷ tối thắng không tội lỗi,
Là chư Phật thấy thường vô tận.*

Hai là chỗ y chỉ của các thụ dụng thân, chỉ để thành thực cho các Bồ-tát. Ba là chỗ y chỉ của các biến hóa thân, phần nhiều để thành thực cho các Thanh Văn v.v...

Giải thích: Phải biết y chỉ do bao nhiêu chỗ? Đây hỏi pháp thân với bao nhiêu pháp làm chỗ y chỉ. Lược do 3 chỗ, rộng thì vô lượng công đức y chỉ. Nay chỉ lược nói do 3 chỗ. Do các Phật trụ y chỉ, nghĩa là do chư Như Lai sở đắc pháp thân cùng với các chỗ an trụ như thiên trụ, thánh trụ, phạm trụ làm chỗ y chỉ. Trong các thiên trụ, Như Lai phần nhiều trụ ở đệ tứ tinh lự. Trong các thánh trụ, Như Lai phần nhiều trụ ở không giải thoát môn. Trong các phạm trụ, phần nhiều trụ nơi bi. Như vậy Như Lai có nhiều chỗ trụ hơn Thanh Văn v.v... Để hiển thị chỗ chứng Niết-bàn của Như Lai hơn sở đắc Niết-bàn của Thanh Văn v.v... nên nói chư Phật chứng đắc 5 tính hỷ v.v... Chứng tự giới, nghĩa là chứng tự pháp giới. Ở đây tu trị tác chứng gọi là đẳng chứng. Nói lia hỷ, nghĩa là chư Như Lai chứng tự pháp giới, an trụ 5 hỷ. Các Thanh Văn đẳng chứng như bị chặt đầu, vĩnh viễn Niết-bàn lia xa, như vậy là niềm hoan hỷ cao tột. Cầu hỷ là phải đẳng chứng, nghĩa là các Bồ-tát cầu 5 hỷ phải cầu chứng chân pháp giới này. Những gì là 5? Sở cầu thắng hỷ nên tiếp nói do năng vô lượng và sự thành. Do nhân khác nên sở hỷ khác. Năng nghĩa là kham năng. Nói vô lượng, nghĩa là quá hơn số cát sông Hằng. Chư Phật Như Lai sở hữu kham năng đồng y vào pháp thân, tất cả hòa tạp bình đẳng không khác. Do thấy kham như vậy là vô lượng nên sinh đại hoan hỷ. “Và” là tập nghĩa. “Sự” là sở tác tất cả việc lợi lạc hữu tình, tùy sở năng kia không điên đảo mà an lập nơi 3 thừa. “Thành” nghĩa là làm xong, vì trái vô lượng thời gian việc làm này tùy chuyển không trở ngại. Do thấy kham năng nên việc làm cũng vô lượng mà sinh đại hoan hỷ. Nói pháp vị, nghĩa là pháp vị vô thượng của các khế kinh. Nghĩa là cái lý vị do chứng được chân đế. Nghĩa viên mãn, nghĩa là nghĩa sở thuyên của các pháp trong khế kinh, tùy ý muốn mà hiện ra trước. Đức viên mãn, nghĩa là công đức thân thông v.v... viên mãn. Do thấy pháp vị cũng vô lượng, thấy nghĩa viên mãn cũng vô lượng, thấy đức viên mãn cũng vô lượng nên sinh đại hoan hỷ. Lại có thuyết nói rằng nghĩa, nghĩa là Niết-bàn, đức nghĩa là tùy ý muốn mà khởi

công đức, đầy đủ viên mãn nên sinh đại hoan hỷ, được niềm vui tối thắng không tội lỗi. Ra khỏi 3 cõi nên gọi là tối thắng. Phiền não sở tri 2 chướng và các tập khí đều vĩnh đoạn, nên gọi là không tội lỗi. Do các thứ thụ dụng thân y chỉ, nghĩa là do pháp thân làm duyên tăng thượng mà kia được chuyển, nên gọi là y chỉ, không phải đạo lý như ánh sáng mặt trời y chỉ mặt trời. Nghĩa làm chỗ y chỉ cho biến hóa thân cũng như vậy. Nói phần nhiều làm, nghĩa là nhiếp thủ thắng giải của hành địa Bồ-tát. Bởi tín giải của các Thanh Văn v.v... thấp kém tuy thấy Phật thân mà không thành thực. Phải biết rằng Bồ-tát sơ nghiệp cũng vậy. Đã nhập vào đại địa các Bồ-tát, không do hóa thân mới được thành thực, vì thông đạt đại pháp rất sâu rộng.

Luận nói: Nên biết pháp thân do bao nhiêu Phật pháp nhiếp trì?

Đại lược do 6 thứ: Một là do thanh tịnh. Nghĩa là chuyển thức A-lại-da được pháp thân. Hai là do dị thực. Nghĩa là chuyển sắc căn được trí dị thực. Ba là do an trụ. Nghĩa là chuyển các dục hành v.v... được trụ vô lượng trí. Bốn là do tự tại. Nghĩa là chuyển sự tự tại các nghiệp nhiếp thụ được sự tự tại của trí thần thông vô ngại trong tất cả thế giới. Năm là do ngôn ngữ. Nghĩa là chuyển ngôn ngữ hý luận của tất cả thấy nghe hay biết được sự tự tại của trí biện luận giảng thuyết, khiến tất cả chúng sinh sinh tâm hoan hỷ. Sáu là do cứu tế. Nghĩa là chuyển sự cứu vớt tất cả tai họa lỗi lầm được cái trí cứu vớt tất cả tai họa lỗi lầm cho tất cả chúng sinh. Nên biết pháp thân do 6 thứ Phật pháp nói trên gồm thấu.

Giải thích: Lấy tự tính nhiếp để hiển thị sự nhiếp trì tự tính pháp thân. Do thanh tịnh, nghĩa là do Phật pháp thanh tịnh nhiếp trì tự tính pháp thân. Bởi thể của pháp thân thanh tịnh. Nói tịnh là ai chuyển cho ai mà được thanh tịnh? Để đáp câu hỏi ấy thì nói như thế này. Chuyển thức A-lại-da được pháp thân. Bởi thức A-lại-da chấp trì tất cả chủng tử tạp nhiễm. Khi khởi đối trị chuyển diệt tất cả chủng tử tạp nhiễm ấy. Chuyển được tùy thuận tất cả vô tội, công đức viên

mãn. Ví như thuốc A-yết-đà của thế gian có thể biến có độc thành không độc, nên gọi là chuyển. Do dị thực, nghĩa là do dị thực Phật pháp nhiếp trì. Tự tính pháp thân chuyển sắc căn, nghĩa là chuyển nhãn v.v... các căn hữu sắc. Được trí dị thực, nghĩa là chuyển xả bỏ dị thực này nên giả nói chuyển được, cũng gọi dị thực. Như xưa được các căn dị thực, nay được thiện trí tạm nói dị thực. Do an trụ, nghĩa là do an trụ Phật pháp nhiếp trì tự tính pháp thân. Chuyển dục hành v.v..., nghĩa là đẳng thủ thắng giải hạnh v.v... Do chuyển kia nên chứng đắc vô ngại thân thông tự tại. Do ngôn thuyết, nghĩa là do ngôn thuyết Phật pháp nhiếp trì tự tính pháp thân. Do chuyển cái thấy v.v... ngôn thuyết thế gian chứng đắc cái thấy nghe hay biết tự tại. Do đây đạt được cái tâm hỷ diệu trí của tất cả hữu tình. Do cứu tế, nghĩa là do cứu tế Phật pháp nhiếp trì tự tính pháp thân. Tai họa v.v..., nghĩa là như quốc vương v.v... trong thế gian làm các ưu khổ, hoặc sức của người thân bạn bè, hoặc sức của tiền bạc của cải mà có thể dứt trừ. Do chuyển đây nên chứng đắc dứt trừ tất cả tai họa tội lỗi của tất cả hữu tình. Diệu trí chuyển xả 6 thứ thế pháp như vậy được 6 thứ Phật pháp như vậy.

Luận nói: Pháp thân chư Phật nên nói là có khác nhau, hay nên nói là không khác?

Vì y chỉ, vì ý lạc, vì nghiệp dụng không khác nên nói là không khác. Nhưng vô lượng thân chúng sinh hiện thành đẳng chính giác nên nói là có khác. Nói pháp thân Phật như vậy thì thụ dụng thân cũng vậy. Vì ý lạc và nghiệp dụng không khác nên phải nói là không khác. Nhưng không do chỗ y chỉ không sai biệt mà do vô lượng y chỉ sai biệt chuyển. Phải biết biến hóa thân nên nói như thụ dụng thân.

Giải thích: Pháp thân chư Phật y chỉ, ý lạc, tác nghiệp, không khác nên nói không khác, vì chân như chư Phật không khác. Y chỉ không khác. Tất cả đều vì lợi ích an lạc tất cả hữu tình. Ý lạc cũng giống như vậy nên ý lạc không khác. Tất cả đều cùng lợi tha là hơn

cả. Hiện đẳng chính giác, Bát-niết-bàn v.v... có nhiều thứ tác nghiệp nên nghiệp không khác, vì y vô lượng thân hiện đẳng chính giác. Nên nói có khác, nghĩa là do y vô lượng thân riêng biệt mà Bồ-đề-tát-đỏa hiện thành Phật. Chẳng phải không có khác như trước đã nói rõ. Nói như pháp thân thì thụ dụng thân cũng vậy. Đây nói ý lạc và nghiệp không khác, không nói y chỉ không có sai biệt, vì y chỉ vô lượng sai biệt mà chuyên. Nghĩa là trong tất cả thế giới sai biệt, các cõi Phật, chúng hội, danh hiệu, gthân lượng, tướng hảo, thụ pháp lạc v.v... đều không đồng nhau. Phải biết biến hóa thân của Phật cũng vậy.

Luận nói: Pháp thân tương ưng với bao nhiêu đức?

Tương ưng với 4 vô lượng rất thanh tịnh, giải thoát, thắng xứ, biến xứ, vô tránh, nguyện trí, 4 vô ngại giải, 6 thần thông, 32 tướng Đại sĩ, 80 vẻ đẹp, 4 tất cả tướng thanh tịnh, 10 lực, 4 vô úy, 3 bất hộ, 3 niệm trụ, nhổ trừ tập khí, pháp không quên mất, đại bi, 18 pháp không chung và tất cả tướng diệu trí v.v...

Giải thích: Trong đây nói rõ chư Phật Thế Tôn cùng Thanh Văn v.v... có các công đức thanh tịnh thù thắng. Rất thanh tịnh, nghĩa là hiển thị công đức này vĩnh đoạn phiền não chướng và sở tri chướng khởi trong thân. Như vậy nói rất thanh tịnh là khắp mỗi mỗi công đức. Bốn vô lượng, nghĩa là duyên vô lượng hữu tình làm cảnh từ, bi, hỷ, xả. Nói giải thoát, nghĩa là 8 giải thoát. Tức là hữu sắc quán các sắc v.v... Nói thắng xứ là 8 thắng xứ. Nói biến xứ là 10 biến xứ. Vô tránh nguyện trí lại không sai biệt. Bốn vô ngại giải, là pháp vô ngại giải, nghĩa vô ngại giải, huẩn từ vô ngại giải, biện thuyết vô ngại giải. Sáu thần thông là đầu tiên là như ý thông và sau cùng là trí lậu tận. Ba mươi hai tướng của đại sĩ là ấn diệu luân tướng nơi tay chân v.v... Tám mươi vẻ đẹp là mũi thẳng v.v... Bốn tất cả thanh tịnh, là sở y thanh tịnh, sở duyên thanh tịnh, tâm thanh tịnh, trí thanh tịnh. Nói 10 lực là xứ phi xứ trí lực, nghiệp dị thực trí lực, tĩnh lực, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí trí lực, căn thắng liệt trí lực, các thứ thắng

giải trí lực, các thứ giới trí lực, biến thú hành trí lực, túc trụ tùy niệm trí lực, tử sinh trí lực, lậu tận trí lực. Bốn vô úy, là Phật Thế Tôn tự phát lời thành thật nói ta là chân thật chính đẳng chính giác. Nếu có người hỏi rằng đối với pháp như vậy là không có đẳng giác. Ta đối với câu hỏi kia, chính kiến vô duyên, là vô úy thứ nhất. Lại nói lời thành thật rằng ta là chân thật các lậu đã hết. Nếu có người hỏi nói rằng như vậy như vậy là các lậu chưa hết. Ta đối với câu nạn vấn kia chính kiến vô duyên, là vô úy thứ hai. Lại phát lời thành thật rằng ta vì đệ tử dạy đạo xuất ly. Nếu có người hỏi rằng tu đạo như vậy chẳng phải chân chính ra khỏi khổ. Ta đối với câu nạn vấn kia chính kiến vô duyên, là vô úy thứ ba. Lại phát lời thành thật rằng ta vì đệ tử nói chướng ngại pháp, nhiễm tức là chướng. Nếu có người hỏi rằng tuy nhiễm pháp ấy không thể là chướng. Ta đối với câu nạn vấn kia chính kiến vô duyên, là vô úy thứ tư. Đối với 4 thứ này đều phải nói rõ. Chính vì thấy vấn nạn kia không có duyên, nên được đại an ổn. Được đại an ổn nên đều vô úy. Ba bất hộ, nghĩa là chư Như Lai có thân nghiệp thanh tịnh, hiện hành không gì không thanh tịnh. Hiện hành thân nghiệp sợ người khác biết phải phòng hộ. Như vậy gọi là bất hộ thứ nhất. Như nói thân nghiệp ngữ nghiệp ý nghiệp, cũng nói 3 bất hộ như vậy. Ba niệm trụ, là chư Như Lai khi thuyết pháp, có một loại đệ tử cung kính nghe, tâm tinh tiến tu hành, đối với họ Phật không sinh tâm vui mừng. Có một loại đệ tử không sinh tâm cung kính, Như Lai cũng không giận. Có một loại đệ tử cũng có cung kính cũng có không cung kính. Như Lai đối với họ tâm không hai, nghĩa là không vui cũng không giận. Đối với họ đều hỷ xả. Nhỏ trừ tập khí, nghĩa là vĩnh viễn trừ bỏ, tuy không phiền não nhưng có những việc làm tương tự như phiền não xảy ra. Pháp không quên mất, nghĩa là đối với những việc lợi lạc hữu tình thì chính niệm, chính tri, không quá thời phần. Nói đại bi, nghĩa là đối với hữu tình phải nói nghĩa lớn của lợi lạc, ý lạc. Mười tám Phật pháp không chung, nghĩa là nghĩa không đồng tức là nghĩa không chung. Tức chư Như Lai không có

sai lầm như A-la-hán. Tuy hết các lậu, vì khát thực nên xuất du vào thành ấp. Hoặc nhất thời với voi dữ, ngựa dữ, bò dữ, chó dữ cùng đi, hoặc nhất thời chân dậm đạp gai góc, rắn độc đi ngang nhau hay nhảy lên xuống, hoặc nhất thời vào nhà cùng các bà nói chuyện mà không y chính lý, hoặc nơi rừng núi đồng nội bỏ con đường tốt mà đi con đường xấu, hoặc cùng oán tặc, sư tử, thú dữ và vợ người v.v... cùng đi. Có các loại A-la-hán có lầm lỗi như vậy, chư Phật thì hoàn toàn không. Lại chư Như Lai không có cách nói đột ngột mạnh bạo như A-la-hán. Hoặc nhất thời lạc đường trong rừng núi hay đồng nội. Hoặc vào nhà trống lớn tiếng kêu gọi. Hoặc nhân không nhiệm tập khí lỗi lầm, chầu mỏ nhe răng cười lớn. Các loại như vậy, các A-la-hán có đột ngột phát âm thanh mạnh bạo, nhưng chư Phật hoàn toàn không. Lại chư Như Lai không quên mất niệm. Như A-la-hán có không niệm ô từ lâu đã làm, từ lâu đã nói. Những sự quên mất niệm, chư Phật đều không. Lại chư Như Lai không có các tướng như A-la-hán, đối với hữu dư sinh tử một bề khởi nghịch tướng rất chán ghét, đối với Niết-bàn vô dư một bề tướng rất vắng lặng. Như Lai đối với sinh tử hữu dư, Niết-bàn vô dư, không có tướng sai biệt, trụ tối thắng xả. Lại chư Như Lai không lúc nào không định tâm, còn A-la-hán thì giữ tâm mới định, xuất thì bất định. Như Lai đối với tất cả phần vị không phần vị nào không định tâm. Lại chư Như Lai không gì không trách xả. Còn A-la-hán không dùng trí tuệ gián trách các việc lợi lạc hữu tình mà lại khí xả. Như Lai không có các trườn hợp không trách mà xả. Lại chư Như Lai không có 6 thứ thoái mất như dục v.v... Còn A-la-hán trong sự vĩnh tịnh sở tri chướng chưa có được mất, nghĩa là chí muốn thoái tinh tiến, thoái niệm, thoái định, thoái tuệ, thoái giải thoát. Thoái như vậy 6 thứ chư Phật đều không. Lại chư Như Lai thân ngữ ý nghiệp, trí là tiền đạo, theo trí mà chuyển. Còn A-la-hán hoặc nhất thời thiện thân nghiệp chuyển, hoặc nhất thời vô ký nghiệp chuyển, ngữ nghiệp ý nghiệp cũng vậy. Như Lai thì 3 nghiệp trí là tiền đạo cho nên theo trí chuyển không có vô ký. Trí đẳng khởi nên

nói trí là tiền đạo. Trí câu hành nên nói theo trí chuyên. Lại chư Như Lai đối với cảnh 3 đời biết, thấy đều không trụ trước không chướng ngại. Còn A-la-hán thì đối với việc 3 đời không có tâm tạm khởi là giải thoát, cho nên cái biết, cái thấy có trụ trước, không thể hiểu biết tất cả, vì vậy mà thấy biết có chướng ngại. Như Lai đối với việc 3 đời khi tâm tạm khởi tức biết khắp tất cả cảnh giới nên cái biết cái thấy không trụ trước không chướng ngại. Do nhân duyên 18 thứ này, mỗi mỗi đều gọi là Phật pháp không chung. Tất cả tướng diệu trí, nghĩa là trong tất cả uẩn, giới, xứ khéo hiểu biết rõ. Tất cả hành tướng v.v... là các công đức vô lượng khác tương ưng với pháp thân.

Luận nói: Ở đây có nhiều bài tụng như sau:

*Kính lễ đáng xót thương,
Khởi 4 thứ ý lạc:
Hòa, viễn ly, không bỏ,
Lợi lạc chúng hữu tình.*

Giải thích: Trong bài tụng này hiển thị 4 vô lượng. Thương xót ccs hữu tình, là câu tổng quát. Khởi ý lạc hòa hợp, là hiển thị từ vô lượng, muốn khiến hữu tình an vui hòa hợp. Khởi ý lạc viễn ly, là hiển thị bi vô lượng, muốn khiến hữu tình xa lìa khổ. Khởi ý lạc thường bất xả, là hiển thị hỷ vô lượng, muốn khiến hữu tình bất xả lạc. Khởi ý lạc lợi lạc, là hiển thị xả vô lượng, muốn khiến hữu tình được lợi ích và an lạc. Xả là xả bỏ, muốn khiến hữu tình xả lạc thụ v.v... phiền não tùy miên, không xả bỏ hữu tình lại trụ trong đó gọi là xả. Duyên công đức này quy y kính lễ pháp thân chư Phật, nên nói quy lễ. Các tụng khác nên biết dựa theo đây.

Luận nói:

*Giải thoát tất cả chướng,
Mâu-ni thắng thế gian.
Trí châu biến sở tri,
Kính lễ tâm giải thoát.*

Giải thích: Giải thoát tất cả chướng, nghĩa là câu này hiển thị chư Phật giải thoát hơn Thanh Văn v.v...Mâu-ni thắng thế gian, nghĩa là câu này hiển thị thắng xứ của Phật hơn cả Thanh Văn v.v... Trí chu biến sở tri, nghĩa là câu này hiển thị biến xứ của chư Phật hơn cả Thanh Văn v.v...Không như Thanh Văn thừa chỉ có 8 thứ giải thoát, 8 thứ thắng xứ, 10 thứ biến xứ. Giải thoát là trước mà có thắng xứ. Thắng xứ là trước mà có biến xứ. Do môn này nên tác ý tư duy, giải thoát tất cả chướng, hơn tất cả thế gian. Trí biến khắp tất cả cảnh, tâm giải thoát, là đủ 3 đức trên thì tâm thoát khỏi trói buộc.

Luận nói:

*Trừ diệt cho hữu tình,
Tất cả hoặc không sót.
Hại, phiền não, hữu nhiễm
Kính lễ đáng xót thương,*

Giải thích: Tụng này hiển thị không tranh giành. Trí thế tục là tính, không đồng với sở đắc không tranh giành của Thanh Văn vào thành ấp trước quán sát kỹ. Nếu có một hữu tình duyên thân ta, theo đó khởi một thứ phiền não tranh chấp thì liền không vào. Như Lai quán thấy tuy các hữu tình sẽ duyên Phật thân khởi các phiền não, nhưng nếu hữu tình đó kham nhiệm sự giáo hóa của Phật thì liền đến với hữu tình ấy mà phương tiện điều phục, khiến diệt phiền não. Có thể diệt cho hữu tình tất cả hoặc không sót, nghĩa là chẳng phải như Thanh Văn trụ vô tránh định, phương tiện xa lìa không để tự thân gây cho hữu tình sinh chút phiền não, chỉ điều phục hữu sự phiền não của cõi Dục, không phải các phiền não khác. Chư Phật không như vậy, phương tiện có thể diệt cho tất cả hữu tình, tất cả phiền não không sót. Hại, phiền não, nghĩa là chỉ hại phiền não, không hại hữu tình hữu nhiễm. Thường xót thương, nghĩa là nếu các hữu tình có phiền não nhiễm, Phật thường thương xót mà không trách hại. Như có tụng nói:

*Như chú quỷ, thuốc hay,
 Trị các loài quỷ mị.
 Chỉ trách hại quỷ mị,
 Không trách bị quỷ hại.
 Đại Từ Tôn như vậy,
 Trị phiền não làm hại,
 Chỉ trách hại phiền não,
 Không trách hại hữu tình.*

Luận nói:

*Vô công dụng vô trước,
 Vô ngại thường tịch định.
 Với tất cả vấn nạn,
 Kính lễ hay giải thích.*

Giải thích: Tụng này hiển thị nguyện trí hơn Thanh Văn v.v... do 5 tướng. Nghĩa là không công dụng nên không trụ trước, không ngại nên thường vắng lặng ở trong định, tất cả nghi nan đều có thể giải thích. Nguyện trí của các Thanh Văn đạt được là tùy sở nguyện mà nhập vào định, chỉ có thể biết đây không biết cái khác. Phật thì không như vậy, do trí vô công dụng không làm sự dụng công. Như ngọc Ma-ni, nhạc trời, tùy nguyện đều có thể biết tất cả cảnh giới. Do trí vô trước nên đối với cảnh sở tri đều không trở trệ. Do trí vô ngại đoạn phiền não chướng và các tập khí. Do thường tịch định, đoạn sự chướng ngại của định. Như có tụng nói:

*Na-già hành tịch định,
 Na-gì trụ tịch định.
 Na-già tọa tịch định,
 Na-già ngọa tịch định.*

Luận nói:

*Về sở y, năng y,
 Sở thuyết lời và trí.*

*Năng thuyết tuệ vô ngại.
Kính lễ đáng thường nói.*

Giải thích: Tụng này hiển thị 4 vô ngại giải. Nói sở y, tức là các pháp pháp khế kinh v.v... Nói năng y, tức là nghĩa sở thuyết. Như vậy 2 thứ đều gọi là sở thuyết, vì là nghiệp sở tác. Nói trí 2 thứ đều là năng thuyết, vì người làm và công cụ làm, khởi lên. Tuệ vô ngại, tức là trong đây trí không thoái chuyển. Thường thiện thuyết, là vì đủ 4 thứ vô ngại giải nên thường thiện thuyết. Nếu với giác tuệ sở y vô ngại thì gọi là pháp vô ngại, vì đối với pháp khác môn không quá ngại. Nếu với giác tuệ năng y vô ngại thì gọi là nghĩa vô ngại, vì trong tất cả pháp tự tướng cộng tướng không quá ngại, hoặc trong các pháp biệt nghĩa, ý thú không quá ngại. Nếu với giác tuệ ngôn ngữ vô ngại thì gọi là huấn từ vô ngại, vì trong các nước cảnh giới riêng biệt có ngôn ngữ khác biệt tùy tự lần lượt tùy tướng tùy nói không quá ngại, hoặc với ngôn ngữ giải thích các pháp không trở ngại. Nếu với giác tuệ trong trí phân tích các pháp vô ngại thì gọi là biện thuyết vô ngại, vì trí có thể biện chiết các pháp không trở ngại.

Luận nói:

*Vì các hữu tình kia,
Hiện tại tri, ngôn, hành,
Vãng, lai và xuất ly.
Kính lễ đáng thiện giáo,*

Giải thích: Tụng này hiển thị 6 thứ thần thông. Vì các hữu tình kia, đây là câu tổng quát. Đáng khéo dạy, nghĩa là nói mỗi mỗi đều có. Khéo là giỏi, tốt. Dạy là nói. Vì để thắng tiến nói lời vi diệu gọi là người khéo dạy. Hiện thiện giáo, là như ý thông, tùy chỗ ứng hóa nên đến đó hiện đại thần thông khéo dạy họ. Tri ngôn thiện giáo, là thiên nhĩ thông, nghe từ xa hiểu nghĩa tất cả âm thanh, tùy chỗ thích ứng mà vì nói pháp. Tri hành thiện giáo, là tâm sai biệt thông. Biết tâm thắng hay liệt mà khéo giáo hóa họ. Tri vãng thiện giáo, là túc trụ tùy

niệm trí thông, rõ thấu quá khứ khéo giáo hóa họ. Tri lai thiện giáo, là tử sinh trí thông, hiểu rõ vị lai mà giáo hóa họ. Tri xuất ly thiện giáo, là lậu tận trí thông biết đoạn phiền não mà giáo hóa họ.

Luận nói:

*Các chúng sinh tôn quý,
Biết là bậc Thiện sĩ.
Thấy được liền tin sâu.
Kính lễ đáng khai đạo.*

Giải thích: Tụng này hiển thị các tướng tùy hảo. Pháp thân là sở y các tướng tốt. Đến với tướng hảo kính lễ pháp thân. Các chúng sinh thấy tôn nhan biết là bậc thiện sĩ, nghĩa là tất cả thế gian do thấy Thế Tôn đầy đủ tướng hảo đều biết đây là bậc Đại thiện sĩ. Các chúng sinh, là nói chung những người đương thời và sau này kham thụ giáo hóa. Vừa thấy liền tin sâu, nghĩa là vừa thấy Thế Tôn đầy đủ tướng tốt liền sinh tịnh tín, biết là bậc khéo khai đạo thế gian.

Luận nói:

*Nhiếp thụ trụ trì, xả,
Hiện hóa và biến đổi,
Trí đấng trụ tự tại.
Kính lễ đáng chứng đắc.*

Giải thích: Tụng này hiển thị 4 nhất thiết tướng thanh tịnh. Nhiếp thụ trụ trì xả, là hiển thị sở y thanh tịnh. Y chỉ tĩnh lự như ý muốn. Thân cao thấp tùy theo ý muốn. Tiếp nhận, giữ lại hay xả bỏ được tự tại. Hiện hóa và biến đổi, là hiển thị sở duyên thanh tịnh. Hóa làm các thứ sắc chưa từng sinh gọi là hóa hiện. Biến đổi các thứ sắc đã sinh, thành vàng bạc v.v... gọi là biến đổi. Đối với tất cả các phẩm loại biến hóa này đều được tự tại. Đấng trụ tự tại, là hiển thị tâm thanh tịnh. Tùy theo ý muốn chuyển Tam-ma-địa môn được tự tại. Mỗi mỗi sát-na tùy theo ý lạc có nhập vào các định. Trí tự tại, là hiển thị trí

thanh tịnh. Nhiệm trì Đà-la-ni môn tự tại như ý muốn. Tùy chứng đắc, nghĩa là tùy thuận chứng đắc 4 thanh tịnh trên.

Luận nói:

*Phương tiện, quy y, tịnh,
Và Đại thừa xuất ly.
Bọn lừa dối chúng sinh.
Kính lễ đáng phá ma.*

Giải thích: Tụng này hiển thị 10 lực. Nghĩa là trong thiện thú ác thú phương tiện các nghiệp, quy y thể xuất thế tịnh, trong 4 thứ nghĩa xuất ly của Đại thừa. Ma lừa dối chúng sinh, trong đây hiển thị nghiệp dụng của 10 lực có thể phá ma kia. Nói phương tiện, là thiện thú phương tiện, nghĩa là các thiện nghiệp. Ác thú phương tiện, là bất thiện nghiệp. Khi tuyên thuyết thú phương tiện như vậy, ma lừa dối nói không như vậy, nói trái với đây, nói bất thiện nghiệp là thiện thú phương tiện, nói các thiện nghiệp là ác thú phương tiện. Hoặc nói tất cả đều không có nhân. Hoặc nói trời Tự Tại là nhân của tất cả. Xứ phi xứ lực có thể xô ngã thuyết kia. Huấn thích từ, nghĩa là xứ là sở dĩ, có chỗ dung nạp. Nếu không sở dĩ, không chỗ dung nạp, gọi là phi xứ. nghĩa là không có chỗ, không dung chứa các loại chúng sinh, không nhân, nhân ác mà sử có được. Đây là thể nào? Do đây có nên kia có, đây sinh nên kia sinh. Nghĩa là vô minh duyên hành v.v..., chẳng phải trời Tự Tại v.v... khiến lần lượt được sinh. Nói quy y, như nói các nghiệp, như nói thế gian đều do tự nghiệp. Nghiệp làm y chỉ, nghiệp làm quy y. Khi nói nghiệp này là có ma ở trong lừa dối, như trước đã nói rõ. Do trí lực của đệ nhị nghiệp dị thực có thể xô ngã thuyết kia không trở ngại. Nghĩa là nghiệp của hữu tình được phân biệt cao thấp hơn kém, không do vô nhân hay trời Tự Tại v.v... như trước đã nói rõ. Nói tịnh, là thế gian tịnh và xuất thế tịnh. Tạm thời dẹp hết các phiền não, hằng hại tùy miên do các tĩn lực, đẳng trì, đẳng chí và Thánh đạo. Khi nói tịnh

này là có ma lừa dối ở trong đó, như trước đã nói rõ. Do trí lực của tinh lực, đẳng trì, đẳng chí có thể xô ngã thuyết kia không trở ngại. Và Đại thừa xuất ly, là đây hiển thị các lực khác tạo nghiệp dụng. Nghĩa là khi nói Đại thừa cứu cánh xuất ly, quả đức của Phật là có ma ở trong đó lừa dối nói cái vô thượng chính đẳng Bồ-đề này rất khó có thể được, hãy cầu Thanh Văn cứu cánh xuất ly. Do 7 lực khác có thể xô ngã thuyết kia không trở ngại.

Luận nói:

*Năng thuyết trí và đoạn,
Xuất ly và chướng ngại,
Vì đối trị tự tha.
Kính lễ trừ ngoại đạo.*

Giải thích: Tụng này hiển thị 4 vô sở úy. Năng thuyết trí, nghĩa là Phật nói lời thành thật rằng ta là chân thật chính đẳng giác, tức là trí biết khắp tất cả pháp. Năng thuyết đoạn, nghĩa là Phật thành thật nói rằng ta chân thật các lậu đã hết, tức là các lậu phiền não vĩnh viễn hết rồi. Như vậy 2 thứ đó là y vào tự lợi mà nói. Năng thuyết xuất ly, nghĩa là Phật thành thật nói ta vì đệ tử nói pháp xuất ly, chân thật xuất ly. Năng thuyết năng chướng ngại, nghĩa là Phật thành thật nói ta vì đệ tử nói pháp năng chướng, chân thật năng ngại. Như vậy 2 thứ đó là y vào lợi tha mà nói. Bốn thứ như vậy gọi là tự tha lợi. Không phải hàng phục các ngoại đạo, là hiển thị nghĩa xa lìa sự bố úy, giải thích nghĩa vô úy. Không phải các ngoại đạo có thể làm cho hàng phục chúng, cho nên là vô úy.

Luận nói:

*Trong chúng thuyết phục được,
Xa lìa hai tạp nhiễm.
Bất hộ, không quên mất.
Kính lễ đáng thuyết phục.*

Giải thích: Tụng này hiển thị bất hộ niệm trụ. Ở trong chúng có thể thuyết phục, nghĩa là ở trong đại chúng có thể thuyết phục mọi người. Bởi thân nghiệp v.v... và các oai nghi đều không có gì xấu ác phải che giấu phòng hộ sợ người chê bai. Cho nên ở trong chúng có thể thuyết phục mọi người. Như vậy tức nói rõ 3 thứ bất hộ. Xa lìa 2 tạp nhiễm, nghĩa là cung kính nghe hay không cung kính nghe, trong chúng đệ tử trụ trong thiện niệm nên xa lìa thương, giận. Như vậy tức rõ 3 thứ niệm trụ. Do không phòng hộ, không quên mất này có thể khéo điều khiển chúng đệ tử.

Luận nói:

*Trong những lúc đi đứng,
Trí giác đều viên minh.
Biết khắp cả mọi thời,
Kính lễ đáng thật nghĩa*

Giải thích: Tụng này hiển thị sự nhỏ trừ tạp khí. Trong những lúc đi đứng, nghĩa là vì khát thực vào làng xóm hay thành ấp, đi về, kinh hành dưới gốc cây v.v... thân trụ trong 4 oai nghi vắng lặng. Trí trọn vẹn mọi sự, nghĩa là Thanh Văn v.v... tuy hết phiền não nhưng còn tạp khí trói buộc nên có những việc như trạo cử v.v... Như tôn giả Đại Mục-kiền-liên kia trong 5 trăm kiếp thường làm thân con khỉ. Do tạp khí đó còn bám theo nên tuy lìa phiền não mà khi nghe nhạc thì nhảy nhót làm như con khỉ. Có một vị Độc Giác nhiều kiếp xưa từng làm dâm nữ, nay vẫn còn tạp khí sót lại nên hay trang điểm mặt mày. Những loại sự việc như vậy người được nhất thiết trí không làm. Thế Tôn đều không có, cho nên gọi là Như Lai bất cộng công đức. Tất cả mọi thời biết khắp thật nghĩa, nghĩa là chẳng phải như ngoại đạo Phẫu-thích-noa v.v... chẳng phải là chân thật nhất thiết trí. Cho nên nói Như Lai là thật nghĩa nhất thiết trí. Thuận kết tụng pháp nên nói điên đảo, hoặc nghĩa câu này trước sau khác nhau. Biết khắp mọi thời, là đây hiển thị Phật là bậc nhất thiết trí. Thật nghĩa, là

hiển thị Phật là bậc có thật nghĩa. Như người có gậy thì nói là người chống gậy.

Luận nói:

*Lợi lạc các hữu tình,
Việc làm không bỏ lỡ,
Và cũng không trống rỗng.
Kính lễ đáng không quên,*

Giải thích: Tụng này hiển thị pháp không quên mất. Các hữu tình lợi lạc, sở tác không quá thời, nghĩa là Phật Thế Tôn nếu có giáo hóa, nếu lúc bấy giờ nên làm thì liền làm ngay khi ấy. Việc làm không để mất thời gian. Như có tụng nói:

*Vì như nước biển lớn,
Nổi sóng đều đúng lúc.
Phật thương xót chúng sinh,
Phó cảm thường không mất.*

Việc làm thường không trống rỗng, nghĩa là việc làm của Phật không có trống không không quả. Không quên mất, nghĩa là việc làm kịp thời gian, thường không bỏ lỡ hay quên mất.

Luận nói:

*Ngày đêm thường 6 thời,
Quán sát khắp thế gian.
Cùng đại bi tương ứng,
Kính lễ ý lợi lạc.*

Giải thích: Đây hiển thị đại bi, lợi ích an lạc ý lạc làm thể. Đây nói đại, nghĩa là chứng phúc trí tư lương viên mãn nên khiến thoát 3 khổ làm hành tướng, hữu tình 3 cõi làm sở duyên, tâm bình đẳng đối với các hữu tình, quyết định không có ai hơn đây. Ngày đêm thường 6 thời quán tất cả thế gian, đây là hiển thị đại bi làm nghiệp dụng.

Nghĩa là Phật Thế Tôn trong ngày và đêm đều 3 thời quán tất cả thế gian, ai thiện pháp tăng ai thiện pháp giảm, ai thiện căn thành thực, ai thiện căn chưa thành thực, ai có thể thụ thắng sinh pháp khí, ai có thể thụ định thắng pháp khí, ai là Phật thừa khí, ai là dư thừa khí, v.v...

Luận nói:

*Do hành và do chứng,
Do trí và do nghiệp,
Hơn tất cả 3 thừa.
Kính lễ đáng tối thắng,*

Giải thích: Đây hiển thị 18 bất công Phật pháp. Nói do hành, là nói khi hành tất cả sự nghiệp, tức là Như Lai không có sai lầm, cho đến không có cái gì không lựa chọn mà bỏ. và do chứng, tức là khi trụ 6 thứ không thoái lui. Nghĩa là dục vô thoái cho đến thứ 6 giải thoát không thoái lui. Nói do trí, nghĩa là trong 3 đời trí kiến không trụ trước, không trở ngại mà chuyển. và do nghiệp, tức là thân ngữ ý nghiệp của Như Lai, trí là tiền đạo, tùy theo trí mà chuyển. Tối thắng trong 3 thừa, đây là hiển thị Phật ở trong tất cả Thanh Văn và Độc Giác thừa là tối thắng hơn cả, vì do tương ứng đầy đủ với 18 công đức không chung.

Luận nói:

*Nghi hoặc cho mọi người,
Do chứng đắc 3 thân,
Đủ tướng Đại Bồ-đề.
Kính lễ đáng tối thắng.*

Giải thích: Tụng này hiển thị tính của tất cả tướng diệu trí. Tất cả hành tướng đều chính liễu tri gọi là tất cả tướng diệu trí. Cái thể của diệu trí này gọi là tính của tất cả tướng diệu trí. Tức là tất cả cảnh giới sở tri, thể của tất cả hành tướng thù thắng trí. Nói 3 thân, là tự tính v.v... Do 3 thân này đến được tự tính quả Đại Bồ-đề đầy đủ

tướng vô cầu vô ngại diệu trí. Nói đủ tướng, là đầy đủ tất cả tướng. Có thuyết nói vô thường v.v... 16 thứ hành tướng gọi là tất cả tướng, vì Bồ-đề lấy nó làm nhân trước. Có những thuyết khác lại nói tức đây và tất cả các pháp khác đều vô tự tính, vô sinh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tính Niết-bàn tướng vô sở đắc gọi là tất cả tướng. Có các thuyết khác lại nói chẳng phải ở đây nói tướng của các phẩm loại trí sở tri, nhưng nói tất cả nghĩa lợi viên mãn, như ngọc như ý đủ tất cả tướng. Ta nay quán tất cả tướng này, tức là tất cả phẩm loại chướng đoạn. Bởi vì sao? Vì vĩnh đoạn phẩm loại tất cả chướng. Nghĩa là đoạn tất cả phẩm sở tri chướng và đoạn phẩm tất cả tập khí. Lại nữa đây đủ tướng Đại Bồ-đề, tức là chính tri tất cả cảnh tướng. Vì vậy cho nên có thể đoạn tất cả những nghi khác. Tất cả mọi nơi là những nghi khác của tất cả thế gian, tức là có tất cả nghi hoặc của người và trời. Ở đây những nghi khác đều có thể đoạn trừ. Do đây có thể đoạn tất cả tác dụng nghi hoặc của người và trời, hiển thị cái thù thắng của tất cả tướng diệu trí.

Luận nói: Pháp thân chư Phật tương ưng với các công đức như vậy, lại còn tương ưng với các công đức khác như tự tính, nhân quả, nghiệp và chuyển y. Do đó phải biết pháp thân chư Phật công đức vô thượng. Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Phật thành thật thắng nghĩa,
Tất cả địa xuất ly.
Trên tất cả chúng sinh,
Giải thoát các hữu tình.
Đức vô tận, vô đẳng,
Tương ưng. Hiện thế gian,
Và chúng hội thấy được,
Người trời không thể thấy.*

Giải thích: Pháp thân tương ưng với công đức này. Lại cùng tương ưng với 6 công đức khác. Đây lược nêu nghĩa. Hai tụng giải

thích rộng. Phật thành thật thắng nghĩa, nghĩa là pháp thân Phật thành thật thắng nghĩa. Chân như sở hiển tức tuyên thuyết công đức của pháp thân tự tính. Tương ưng nói lực sai biệt, tương ưng không mất. Ví như nói tương ưng với cái đức của lửa nóng. Tất cả địa đều xuất ly, tức là cực hỷ v.v... tất cả 10 địa đều có nghĩa xuất ly. Đây tức là nhân của thành thật thắng nghĩa. Đến trên tất cả chúng sinh, nghĩa là tất cả trí tính trong các hữu tình là thù thắng nhất. Đây tức là quả của thành thật thắng nghĩa. Giải thoát các hữu tình, tức là nghiệp của thành thật thắng nghĩa. Tương ưng với đức vô tận vô đẳng, nghĩa là tương ưng cùng với các tướng công đức, vì tương ưng với vô biên bất cộng, lực, vô úy v.v... vô tận vô đẳng đức. Hiện thể gian và chúng hội có thể thấy, nghĩa là biến hóa thân xuất hiện thể gian, và phụ dụng thân ở trong đại chúng hội. Cả hai đều có thể trông thấy. Người, trời không thể thấy, nghĩa là pháp thân Phật người và trời không thể thấy. Đây nói 3 thân sai biệt của Thế Tôn để hiển thị cái nghĩa chuyên. Chuyên, nghĩa là thể tính chuyên biến sai biệt. Trong 3 thân, 2 thân có thể thấy, một không thể thấy.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

QUYỂN 10

11 – Quả trí

Luận nói: Lại nữa pháp thân chư Phật rất sâu xa, cực kỳ sâu xa. Làm sao thấy được sự sâu xa ấy? Ở đây có các bài tụng như sau:

Giải thích: Pháp thân chư Phật rất sâu, là nói tự tính pháp thân này khó biết được, vì người thông minh trên đời, có giác tuệ còn không thể hiểu. Rất sâu, là nói sai biệt của pháp thân này khó biết được, vì các Thanh Văn v.v... có giác tuệ không thể làm được. Cái rất sâu được diễn tả trong 12 bài tụng, lần lượt sẽ hiển thị.

Luận nói:

*Phật không sinh mà sinh,
Cũng không trụ mà trụ.
Việc làm không dụng công,
Thụ thực: pháp thứ tư.*

Giải thích: Tụng này hiển thị sinh trụ, nghiệp trụ là rất sâu. Phật không sinh mà sinh, là chư Phật không sinh mà hiện có sinh, gọi là sinh thậm thâm. Cũng không trụ mà trụ, là sinh tử Niết-bàn không trụ mà trụ. Đây tức là an trụ Niết-bàn vô trụ, gọi là trụ thậm thâm. Các việc không công dụng, là không do dụng công mà làm tất cả việc, như ngọc Mạt-ni và nhạc trời, gọi là nghiệp thậm thâm. Thụ thực là

pháp thụ thực thứ tư, là ăn có 4 thứ. Một là không thanh tịnh y chỉ trụ thực, nghĩa là do cụ-phược, tức do đoàn thực v.v... khiến thân an trụ. Hai là thanh tịnh không thanh tịnh y chỉ trụ thực, nghĩa là nếu sinh tại cõi Sắc và Vô sắc, do xúc ý tư thức thực an trụ, vì đã ly dục nên không có đoàn thực, dự lưu hướng v.v... là hữu học. Cũng thanh tịnh không thanh tịnh y chỉ trụ thực, kia là do tự thể tứ thực an trụ. Ba là hoàn toàn thanh tịnh y chỉ trụ thực, nghĩa là do tứ thực A-la-hán v.v... tự thể an trụ. Bốn là chỉ thị hiện y chỉ trụ thực. Nghĩa là Phật Thế Tôn thị hiện thụ dụng thụ thức như đoàn v.v... 4 thứ thực. Như Lai khi thụ thực thật chẳng thụ thực, cũng không mượn thụ thực để tự thân an trụ, nhưng thuận theo thế gian thị hiện thụ thực. Thị hiện mượn thụ thực để thân an trụ. Hiện thụ pháp thụ thực thứ tư được trụ, nên gọi là trụ thậm thâm.

Luận nói:

*Không khác, cũng vô lượng,
Vô số lượng một nghiệp.
Nghiệp không chắc, nghiệp chắc,
Chư Phật đủ ba thân.*

Giải thích: Tụng này hiển thị an lập số nghiệp thậm thâm. Không khác, là hiển thị an lập thậm thâm, vì không sai biệt mà an lập thậm thâm. Cũng vô lượng, là hiển thị số thậm thâm. Đây là hiển thị số an lập là vô lượng. Vô số lượng một nghiệp, là tuy có vô lượng mà không biệt nghiệp. Một nghiệp là gì? Biến hóa và thụ dụng nghiệp không sai biệt, vì hoàn thành lợi tha. Nghiệp không chắc nghiệp chắc, là nghiệp của tự tính thân là bền chắc, nghiệp của 2 thân kia không bền chắc.

Luận nói:

*Hiện đẳng giác phi hữu,
Tất cả giác phi vô.*

*Mỗi một niệm vô lượng,
Hiện hiện hữu phi hữu.*

Giải thích: Tụng này hiện thị hiện đẳng giác thậm thâm. Hiện đẳng giác phi hữu, là vì trong y tha khởi, tính biến kế sở chấp là phi hữu. Tất cả giác phi vô, là vì trong y tha khởi, tính viên thành thật là chân hữu. Mỗi một niệm vô lượng, là trong số quá vô lượng thế giới như cát sông Hằng, đồng thời mỗi niệm có vô lượng Phật hiện đẳng giác. Hiện hiện hữu phi hữu, là chư Như Lai là hữu phi hữu, vì không tính hiện thành.

Luận nói:

*Chẳng nhiễm, chẳng lia nhiễm,
Do dục được xuất ly.
Biết dục là không dục,
Ngộ nhập dục pháp tính.*

Giải thích: Đây hiện thị ly dục thậm thâm. Thế nào là chẳng nhiễm? Vì đoạn dứt sự trói buộc của tham. Chẳng lia nhiễm, là chẳng mau chóng vĩnh đoạn tham tùy miên. Do dục được xuất ly, là do lưu tùy miên tham như vậy nên được Đại Bồ-đề. Nếu đoạn tham tùy miên như vậy là đồng với Thanh Văn v.v... mau chóng nhập Niết-bàn. Biết dục là không dục, là biết rõ biến kế sở chấp, tham dục không có dục tính. Ngộ nhập dục pháp tính, là ngộ nhập chứng dục pháp chân như.

Luận nói:

*Chư Phật quá các uẩn,
Mà an trụ trong uẩn.
Với uẩn chẳng một, khác,
Không xả mà tịch diệt.*

Giải thích: Tụng này hiện thị đoạn uẩn thậm thâm. Chư Phật quá các uẩn, nghĩa là chsư Như Lai siêu quá tất cả các sắc tụ v.v...

của biển kể sớ chấp, vì quán thấy như thật biển kể sớ chấp là bất khả đắc. Mà an trụ trong các uẩn, nghĩa là Phật an trụ trong pháp tính uẩn. Với uẩn chẳng một, khác, nghĩa là pháp tính uẩn với các uẩn biển kể sớ chấp kia không thể nói là khác nhau, vì tính của biển kể sớ chấp là vốn không. Không thể bảo là một, vì biển kể sớ chấp thuận tạp nhiễm. Không xả mà tịch diệt, nghĩa là không xả bỏ pháp tính các uẩn, tức là vì diệu thiện vĩnh viễn tịch diệt.

Luận nói:

*Các Phật sự hòa nhau,
Như nước trong biển lớn.
Ta đã đang sẽ làm,
Không nghĩ là lợi tha.*

Giải thích: Tụng này hiển thị thành thực thậm thâm. Các Phật sự hòa nhau, nghĩa là chư Như Lai làm tất cả sự nghiệp lợi ích an lạc hữu tình, lần lượt hòa đồng hợp thành một vị không thể phân biệt. Hỏi: Sự nghiệp này là những gì? Đáp: Như nước trong biển lớn, nghĩa là như các dòng nước chảy về biển cả thì thành cùng một vị nước biển không thể phân biệt, tất cả đều làm lợi ích cho các loài cá tôm. Ta đã đang sẽ làm, mà không nghĩ là lợi tha, nghĩa là xa lìa tâm phân biệt 3 thời, ý nghĩ dụng công và làm lợi tha, mà có thể vận dụng sự lợi tha một cách tự nhiên như ngọc mật-ni và nhạc trời của Đế Thích. Tuy không dụng tâm mà có tác dụng.

Luận nói:

*Có tội thì không hiện,
Như bình vỡ không trăng.
Phổ biến khắp thế gian,
Pháp sáng như mặt trời.*

Giải thích: Tụng này hiển thị hiển hiện thậm thâm. Hỏi: Nếu thân Như Lai là thường trụ thì sao không hiện ở mọi thời? Đáp: Chúng sinh

có tội thì không hiện. Như bình vỡ không chứa được nước nên mặt trăng không hiện, không phải lỗi ở mặt trăng mà lỗi ở bình vỡ. Trong thân chúng sinh không có nước định Xa-ma-tha trong treo, ảnh Phật không hiện, không phải lỗi ở Như Lai mà ở chúng sinh. Nước dụ cho đẳng trì vì tính trong treo tươi nhuận. Cho nên nói Như Lai là pháp ảnh chân diệu thiện vô lậu, có cảm là có ứng hiện. Nếu không cảm thì như người mù bẩm sinh không thể thấy được. Biến khắp cả thế gian, do pháp sáng như mặt trời, nghĩa là chư Phật như mặt trời phóng ánh sáng chính pháp khê kinh v.v... chiếu khắp tất cả hữu tình thế gian. Có duyên thì thấy không duyên thì không thấy. Thấy hay không thấy là lỗi ở mình không phải lỗi ở Như Lai. Như mặt trời chiếu ánh sáng khắp thế gian, có mắt thì thấy không có mắt không thấy.

Luận nói:

*Hoặc hiện Đẳng chính giác,
Hoặc Niết-bàn như lửa.
Đây chưa từng chẳng có,
Vì Phật thân thường trú.*

Giải thích: Tụng này hiển thị thị hiện đẳng giác Niết-bàn thậm thâm. Hoặc hiện Đẳng chính giác, hoặc Niết-bàn như lửa, nghĩa là như lửa ở thế gian có chỗ cháy có chỗ tắt. Chư Phật cũng vậy, đối với người chưa thành thực thiện căn thì hiện đẳng chính giác khiến cho thành thực mau được giải thoát. Đối với người các thiện căn đã được thành thực đã giải thoát thì hiện Bát-niết-bàn, vì vô sở vi. Đây chưa từng chẳng có v.v...nghĩa này dễ hiểu.

Luận nói:

*Phật đối phi Thánh pháp,
Cõi người và nẻo ác,
Trong pháp phi phạm hạnh,
Trụ tự thể tối thắng.*

Giải thích: Tụng này hiển thị trụ thậm thâm. Trong phi Thánh pháp, thì trụ tự thể tối thắng, nghĩa là trong bất thiện thì do tự thể tối thắng mà trụ. Tối thắng trụ, tức là không, vô nguyện và vô tướng trụ duyên pháp bất thiện mà an trụ. Trong cõi người và cõi ác thì do tự thể tối thắng mà trụ, nghĩa là ở trong cõi người và nẻo ác thì do tự thể tối thắng mà an trụ. Tối thắng trụ, tức trụ các tĩnh lự, các đấng chí, do duyên các nẻo thú kia mà an trụ. Trong pháp phi Phạm hạnh thì do tự thể tối thắng mà trụ. Tối thắng trụ, tức 4 vô lượng, gọi là Phạm trụ, vì duyên phi Phạm hạnh mà an trụ.

Luận nói:

*Phật biến hành khắp nơi,
Cũng không đi nơi nào.
Trong tất cả hiện thân,
Chẳng phải tướng sáu căn.*

Giải thích: Tụng này hiển thị tự thể thậm thâm. Nói tự thể, tức là pháp giới thường trụ của Như Lai và đức được tạo thành, gọi chung là tự thể. Phật biến hành khắp nơi, nghĩa là trí hậu đắc biến hành khắp tất cả. Biến hành ở đâu? Nghĩa là thiện, bất thiện, vô ký, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi v.v... các cảnh giới sai biệt. Cũng không đi nơi nào, nghĩa là vì trí vô phân biệt không phân biệt cho nên không đi đến tất cả cảnh giới sai biệt. Trong tất cả hiện thân, nghĩa là biến hóa thân hiện thụ sinh khắp mọi nơi. Chẳng phải tướng sáu căn, nghĩa là pháp thân thường trụ đệ nhất nghĩa, chẳng phải ở các nơi sinh ra, như đồng phần hữu tình Na-lạc-ca v.v... có thể có được.

Luận nói:

*Phiền não dẹp không diệt,
Như bị chú độc hại.
Lưu hoặc đến hoặc tận,
Chúng Phật nhất thiết trí.*

Giải thích: Tụng này hiển thị đoạn phiền não thậm thâm. Phiền não dẹp không diệt, nghĩa là trong địa vị Bồ-tát các phiền não dẹp mà chưa vĩnh viễn đoạn trừ. Như bị chú độc hại, nghĩa là ví như các độc chú thuật linh nghiệm làm tổn hại. Thở tuy chưa diệt mà bị hoạn nạn. Phiền não cũng vậy, do trí lực của niệm đê bẹp các triền không cho hiện hành, nhưng tùy miên vẫn còn. Vì có gì phiền não tùy miên còn tồn tại? Vì sợ e đồng với Thanh Văn thừa mau Bát-niết-bàn, nên do đạo lý này phiền não là nhân, đến hết phiền não là được nhất thiết trí. Như có tụng nói:

*Niệm trí lực ngăn chặn,
Phiền não chứng Bồ-đề.
Như độc chú giữ lại,
Tội lỗi thành công đức.*

Luận nói:

*Phiền não thành giác phân,
Sinh tử là Niết-bàn.
Đủ các phương tiện lớn,
Chư Phật bất tư nghị.*

Giải thích: Tụng này hiển thị bất khả tư nghị thậm thâm. Nghĩa là các phiền não chuyển thành giác phân. Sinh tử khổ não tức là Niết-bàn. Như vậy nhân quả không phải là cái lý thế gian có thể nghĩ bàn.

Luận nói: Nên biết như đã nói, có 12 thứ rất sâu xa tức là sự sâu xa về sinh trụ, nghiệp trụ, về an lập số nghiệp, về đẳng giác, về ly dục, về đoạn uẩn, về thành thực, về hiển hiện, về thị hiện đẳng giác Niết-bàn, về trụ, về hiển thị tự thể, về đoạn phiền não, về bất khả tư nghị.

Giải thích: Mười hai thứ này đều khó hiểu rõ nên gọi là thậm thâm. Mỗi tướng riêng biệt như trước đã nói.

Luận nói: Nếu các Bồ-tát nghĩ nhớ pháp thân Phật thì có bao nhiêu sự tu niệm nghĩ nhớ?

Lược nói sự nghĩ nhớ pháp thân Phật có 7 điều phải nghĩ nhớ. Một là phải nghĩ nhớ rằng chư Phật hoàn toàn tự tại đối với tất cả các pháp, vì được thần thông vô ngại trong tất cả thế giới. Ở đây có bài tụng như sau:

*Khấp các cõi hữu tình,
Đủ chướng mà thiếu nhân,
Hai thứ quyết định chuyển,
Chư Phật không tự tại.*

Hai là phải nghĩ nhớ rằng thân Như Lai thường trú, vì chân thân không gián đoạn giải thoát cấu uế. Ba là phải nghĩ nhớ rằng Như lai là tối thắng, không tội lỗi, vì đều đã lìa khỏi mọi trói buộc của tất cả chướng phiền não và sở tri. Bốn là phải nghĩ nhớ rằng Như Lai không dụng công, vì không có dụng công mà làm tất cả Phật sự không thôi nghỉ. Năm là phải nghĩ nhớ rằng Như Lai thụ dụng rất phong phú an lạc, vì cõi Phật thanh tịnh phong phú an lạc. Sáu là phải nghĩ nhớ rằng Như Lai lìa các nhiệm ô, vì sinh trong thế gian không bị các pháp thế gian ô nhiễm. Bảy là phải nghĩ nhớ rằng Như Lai có thể hoàn thành việc lớn, vì thị hiện chứng đẳng chính giác, Niết-bàn v.v...tất cả chúng sinh chưa thành thực thì khiến thành thực, đã thành thực thì khiến được giải thoát. Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Viên mãn thuộc tự tâm,
Thanh tịnh và thường trú,
Không dụng công mà thí
Pháp lạc cho hữu tình.
Trải khắp không dừng trụ,
Bình đẳng lợi nhiều đời,
Người trí nên nghĩ nhớ,
Pháp thân Phật như vậy.*

Giải thích: Đây hiển thị Bồ-tát tu niệm công đức pháp thân chư Phật. Trong tất cả pháp được tự tại chuyển, nghĩa là chư Như Lai do quán tập nên được tự tại chuyển trong tất cả pháp. Tạm khởi dục lạc, tất cả công đức đều có thể viên mãn hiện tiền. Nếu chư Như Lai trong khắp vô lượng vô biên thế giới thần thông vô ngại, thì vì nhân duyên gì tất cả hữu tình không Bát-niết-bàn? Là do hữu tình có chướng ngại và không nhân duyên. Trước giải thích chung về Phật được tự tại chuyển đối với tất cả pháp. Nay hiển thị riêng trường hợp Phật đối với hữu tình không được tự tại, nên nói già-tha. Khắp các cõi hữu tình, đủ chướng mà thiếu nhân, nghĩa là đủ phiền não chướng và nghiệp dị thực, nên gọi là đủ chướng. Phiền não thì mạnh mẽ bén nhạy, các nghiệp thì ngu mê liên tục không gián đoạn, không có nhân Niết-bàn, không chủng tính, gọi là thiếu nhân. Hai thứ quyết định chuyển, nghĩa là tạo trọng nghiệp quyết định, thì thụ dị thực quyết định. Tao trong nghiệp quyết định, nghĩa là thường quán tập khiến nhân đồng loại cùng quả đẳng lưu quyết định tương tục. Như trường hợp A-xà-thế hại phụ vương v.v... Thụ dị thực quyết định, nghĩa là tạo quyết định cảm nghiệp dị thực, quyết định sẽ thụ các quả dị thực. Như trường hợp dòng họ Thích quyết định phải bị sự sát hại của vua Tì-lô-trạch-ca. Chư Phật đối với các hữu tình nói trên đều không tự tại khiến được Niết-bàn. Vì vậy cho nên tuy trước nói chung Như Lai được tự tại chuyển đối với các pháp. Nay phải nói riêng trường hợp không được tự tại.

Thân Như Lai thường trụ, nghĩa là vì tự thể là chân như rất thanh tịnh, không chuyển đổi, không biến đổi khác. Như Lai tối thắng vô tội, nghĩa là vì các phiền não và sở tri chướng tội vĩnh trừ. Như Lai vô công dụng, nghĩa là như nhạc trời, nghĩa này dễ hiểu. Như Lai thụ đại phú lạc, nghĩa là thụ dụng rộng lớn thanh tịnh Phật độ công đức trang nghiêm đại pháp lạc. Như Lai lìa nhiễm ô, nghĩa là như hoa sen đỏ, nghĩa này dễ hiểu. Như Lai có thể thành đại sự, nghĩa là hiện đẳng giác Bát-niết-bàn v.v... làm xong nghĩa lợi rộng lớn cho hữu

tình, như có thể khiến chúng thành thực được giải thoát. Như vậy là 7 thứ tu niệm Phật. Lại dùng 2 bài tụng gồm thâm nghĩa ấy. Ban đầu viên mãn nói quán thông tất cả. Thuộc tự tâm viên mãn, đây là thâm nhiếp thứ nhất đối với tất cả pháp, tướng chuyển tự tại. Đủ thường trụ viên mãn, đây là thâm nhiếp thứ hai, tướng thân thường trụ. Đủ thanh tịnh viên mãn, đây là thâm nhiếp thứ ba, tướng tối thắng vô tội. Vô công dụng viên mãn, đây là thâm nhiếp thứ tư, tướng vô công dụng. Có thể thí cho hữu tình đại pháp lạc viên mãn, đây là thâm nhiếp thứ năm, tướng đại pháp lạc. Biến hành không y chỉ viên mãn, đây là thâm nhiếp thứ sáu, tướng tất cả thế pháp không thể nhiễm. Bình đẳng lợi đa sinh viên mãn, đây là thâm nhiếp thứ bảy, tướng có thể thành đại sự, vì có thể làm việc lợi lạc rộng lớn. Tất cả Phật, nghĩa là chư Như Lai công đức viên mãn. Nói trí giả, là đại Bồ-tát phải tu. Tất cả niệm, là phải tu 7 thứ tùy niệm như vậy, ghi nhớ rõ ràng không quên mất nghĩa của niệm ấy.

Luận nói: Lại nữa, tướng cõi Phật thanh tịnh của chư Phật như thế nào?

Nên biết như Phẩm tựa của Bồ-tát Tạng Bách Thiên Khế Kinh có nói như sau:

Phật Thế Tôn ở cung điện 7 báu trang nghiêm rực rỡ sáng chói khắp nơi, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp vô biên thế giới, vô lượng cõi trang sức vi diệu, chu vi rộng lớn không ước lượng đến đâu là biên giới, vượt quá ba cõi nơi được tạo thành bởi thiện căn xuất thế gian, thanh tịnh tự tại cùng cực của duy thức làm tướng. Đó là nơi Như Lai đặt làm trụ xứ cho chúng Đại Bồ-tát vân tập. Là nơi có vô lượng rồng trời, Dược-xoa, Kiên-đạt-phước, A-tổ-lạc, Yết-lộ-đồ, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-già, người, phi nhân v.v... tùy tùng, hành trì hỷ lạc đại pháp vị. Là nơi tạo tất cả nghĩa lợi cho chúng sinh, nơi dẹp trừ tất cả phiền não tai ương, nơi trang nghiêm xa lìa các ma, nơi sở y trang nghiêm của Như Lai, nơi lấy đại niệm tuệ hạnh làm

đường đi, lấy đại chỉ quán làm thừa giáo, lấy đại không, vô tướng, vô nguyện, giải thoát làm cửa vào, nơi được trang nghiêm bằng vô lượng công đức nhóm hợp, nơi do Đại Bảo Hoa vương thiết lập. Trong cung điện lớn Thế Tôn thị hiện cõi Phật thanh tịnh, hiển sắc viên mãn, hình sắc viên mãn, phân lượng viên mãn, phương hướng viên mãn, nhân viên mãn, quả viên mãn, chủ viên mãn, phụ tá viên mãn, quyền thuộc viên mãn, nhiệm trì viên mãn, sự nghiệp viên mãn, nhiếp ích viên mãn, vô úy viên mãn, trụ xứ viên mãn, đường xá viên mãn, phương tiện di chuyển viên mãn, cửa vào viên mãn, y cứ gìn giữ viên mãn.

Lại nữa sự thụ dụng cõi Phật thanh tịnh như thế, hoàn toàn thanh tịnh vi diệu, hoàn toàn an vui, hoàn toàn không tội lỗi, hoàn toàn tự tại.

Giải thích: Đây là y vào cõi Phật thanh tịnh của chư Phật, nói Bạc-già-phạm trụ tối thắng quang diệu bảy báu trang nghiêm v.v... Nói tối thắng quang diệu bảy báu trang nghiêm, nghĩa là cõi tịnh độ của Phật rất sáng sủa, trang sức bằng bảy báu, hoặc tức là bảy báu sáng bóng nhất. Bảy báu là một vàng, hai bạc, ba lưu ly, bốn mâu-sa-lạc, năm Át-thấp-ma-yết-sa. Đây là những gì? Là những thứ báu như đế thanh, đại thanh v.v..., sáu chân châu đỏ, tức là loại trùng đỏ sản xuất chân châu đỏ, bảy Yết-kê-đát-nhã-ca. Phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả vô biên thế giới, tức là ánh sáng tối thắng của bảy báu phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả vô biên thế giới. Hoặc cõi Phật thanh tịnh phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả vô biên thế giới. Thế của nó cũng biến khắp vô biên thế giới. Hai câu trên đây hiển thị cõi Phật thanh tịnh, hiển thị sắc viên mãn. Vô lượng cõi trang sức vi diệu, nghĩa là cõi Phật thanh tịnh vô lượng phương sở trang sức vi diệu, như tuệ làm trước an trí trang sức. Câu này hiển thị hình sắc viên mãn. Chu vi rộng lớn không ước lượng đến đâu là biên giới, nghĩa là cõi Phật thanh tịnh chu vi rộng lớn không thể lượng đạc

được. Hoặc lượng lớn vô biên nên chu vi bao nhiêu khó đo đạc được. Câu này hiển thị phân lượng viên mãn. Vượt quá ba cõi, nghĩa là Phật tịnh độ vượt quá 3 cõi có thể đi tới, vì chẳng phải là quả dị thực của các nghiệp ràng buộc. Câu này hiển thị phương sở viên mãn. Hơn cả thiện căn xuất thế gian sinh khởi, nghĩa là thiện căn xuất thế gian là nhân, và thắng thiện căn hậu đắc là nhân sinh khởi tịnh độ, chẳng phải tự tại v.v... là nhân tịnh độ. Câu này hiển thị nhân viên mãn. Tối cực tự tại tịnh thức làm tướng, nghĩa là Phật tịnh độ tối cực tự tại thanh tịnh tâm thức dùng làm thể tướng, chỉ có thức cho nên chẳng phải tách rời thức ra ngoài mà có báu v.v... Tức tịnh tâm thức như vậy biến hiện tựa như các báu v.v... Câu này hiển thị quả viên mãn. Như Lai làm chủ, nghĩa là Phật làm chủ đờ không phải ai khác. Câu này hiển thị chủ viên mãn. Các chúng đại Bồ-tát vân tập, nghĩa là chỉ những người đã nhập đại địa Bồ-tát ở trong đó phụ giúp Như Lai, chẳng phải Thanh Văn v.v... Câu này hiển thị phụ giúp viên mãn. Vô lượng thiên long Dược-xoa v.v..., nghĩa là chư thiên v.v... ở trong đó làm quyến thuộc, đây chỉ là hóa ra không phải thật. Mạc-hô-lạc-già, đây là thuộc giống trần lớn. Câu này hiển thị quyến thuộc viên mãn. Duy trì pháp vị hỷ lạc rộng lớn, nghĩa là trong cõi tịnh độ pháp vị hỷ lạc Đại thừa là thức ăn. Câu này hiển thị nhiệm trì viên mãn, vì cái ăn có thể duy trì thân mạng. Làm tất cả nghĩa lợi cho chúng sinh, nghĩa là ăn các thức ăn này rồi làm các việc lợi lạc hữu tình. Câu này hiển thị sự nghiệp viên mãn. Trừ bỏ tất cả tai họa phiền não, nghĩa là trong cõi tịnh độ không có các phiền não làm tai họa. Câu này hiển thị nhiếp ích viên mãn. Xa lìa chúng ma, nghĩa là xa lìa phiền não, uẩn, tử, thiên ma 4 thứ oán địch. Câu này hiển thị vô úy viên mãn. Chỗ y xứ của Như Lai trang nghiêm hơn các trang nghiêm, nghĩa là quá hơn trang nghiêm của tất cả Bồ-tát. Câu này hiển thị trụ xứ viên mãn, vì quá hơn các trụ xứ khác. Đường đi của đại niệ tuệ, nghĩa là do tu thành tuệ gọi là đại niệ tuệ, do văn thành tuệ gọi là đại tuệ, do tu thành tuệ gọi là đại hành. Câu này hiển thị đường sá viên mãn. Du lộ tức là

một tên khác của đường đi. Đại chỉ diệu quán dùng làm phương tiện đi chuyển, nghĩa là đi trên Xa-ma-tha, Ti-bát-xá-na đạo trên 3 con đường tuệ, dùng ở thú viên, hơn các Thanh Văn, Độc Giác, Bồ-tát chỉ đi bằng phương tiện chỉ quán, nên gọi là đại. Câu này hiển thị phương tiện đi chuyển viên mãn. Đại không vô tướng vô nguyện giải thoát là cửa vào, nghĩa là chỗ vào 3 cửa giải thoát. Chỗ cửa, có nghĩa là thông, chữ đại, nghĩa như trước. Câu này hiển thị cửa vào viên mãn. Chúng vô lượng công đức trang nghiêm do đại bảo hoa vương kiến lập, nghĩa là ví như các thứ báu vật trang nghiêm của thế gian, các bảo trang nghiêm của Phật tịnh độ này là y vào đại bảo hồng liên hoa vương vô lượng công đức mà trang nghiêm. Như địa luân v.v... là dựa vào phong luân mà trụ. Như vậy tịnh độ vô lượng công đức là các trang nghiêm của đại bảo hoa vương kiến lập. Hoa sen đỏ này là thù thắng trong các thứ hoa, cho nên gọi là đại bảo hoa vương. Hoặctức như Như Lai gọi là đại vương, đại pháp vương. Hoa sen đỏ này là y xứ của Phật. Do từ chủ mà có tên. Nói kiến lập, là Phật tịnh độ y nơi hoa vương này trường thời gian liên tục không gián đoạn. Câu này hiển thị y cứ gìn giữ viên mãn.

Thụ dụng như vậy cõi Phật thanh tịnh hoàn toàn tịnh diệu, nghĩa là không có bất tịnh. Hoàn toàn an lạc, nghĩa là không có khổ thụ và ở trong thụ. Hoàn toàn vô tội, nghĩa là vì không có bất thiện và vô ký. Hoàn toàn tự tại, nghĩa là không phải đợi duyên bên ngoài. Trong tâm tạm khởi là mọi việc xong.

Luận nói: Lại nữa nên biết pháp giới chư Phật như vậy, trong mọi thời thường làm 5 sự nghiệp:

Một là cứu vớt tất cả tai họa cho chúng sinh làm sự nghiệp. Chỉ trông thấy được là có thể cứu các tai họa như đui, điếc, điên dại v.v...

Hai là cứu vớt đường dữ làm sự nghiệp. Cứu vớt các hữu tình ra khỏi chỗ hung dữ đưa đến nơi an lành.

Ba là cứu vớt những hành vi phi phương tiện làm sự nghiệp. Khiến các ngoại đạo bỏ phương tiện phi pháp, cầu hạnh giải thoát, đặt họ vào trong thánh giáo của Như Lai.

Bốn cứu vớt các Tát-ca-da làm sự nghiệp. Trao cho phương tiện đạo siêu thoát ba cõi.

Năm là cứu vớt bằng thừa giáo làm sự nghiệp. Nghĩa là như Bồ-tát có ý muốn nghiêng về một thừa khác, hay Thanh Văn chưa quyết định chủng tính, thì an lập họ vào con đường tu hạnh Đại thừa. Phải biết đối với 5 sự nghiệp này, nghiệp dụng của chư Phật đều bình đẳng. Ở đây có bài tụng như sau:

*Nhân, y, sự, tính, hành,
Khác nhau nên nghiệp khác.
Thế gian thì có khác,
Chư Phật thì bình đẳng.*

Giải thích: Pháp giới chư Phật tức pháp thân. Nên biết hàng thời có thể làm 5 nghiệp. Cứu tế tất cả tai họa hữu tinh là nghiệp, nghĩa là nhân duyên sinh bệnh lo rầu khổ não, gọi là tai họa. Vừa thấy là có thể là có thể cứu tế các tai họa như câm điếc đui mù cuồng điên v.v..., nghĩa là như khế kinh nói nếu khi thấy Phật người mù được sáng mắt, người điếc được tai nghe người cuồng điên được niệm. Như vậy xin hỏi như nói pháp thân không phải cảnh của 6 căn sao nay nói mù được sáng mắt v.v... có thể thấy pháp thân là pháp thân nghiệp? Đáp: Thấy pháp thân, tức là do đại nguyện xưa dẫn phát thế lực thành mãn pháp thân, lần lượt phát khởi cái dụng của biến hóa thân, do đó có thể khiến người mù được mắt v.v... Do tư lương xưa dẫn phát thế lực chứng đắc pháp thân tự nhiên khởi dụng. Như bánh xe quay trở về chỗ cũ. Nói thấy pháp thân, thật chỉ thấy hóa. Cứu tế nẻo ác làm nghiệp v.v..., là cứu vớt chỗ bất thiện đặt ở chỗ thiện mới gọi là cứu tế. Nếu nhân là không thì quả cũng không. Cứu tế phi phương tiện làm nghiệp v.v...

câu văn này đã rõ rồi. Cứu tế Tát-ca-da làm nghiệp v.v..., nghĩa là Ca-da là thân, hư là Tát, thân hư gọi là Tát-ca-da. Nghĩa là trong đó thân kiến chuyên. Tức các pháp hữu lậu trong ba cõi, nơi đó nói cho pháp xuất ly nên gọi là cứu tế. Cứu tế bằng thừa giáo làm nghiệp, nghĩa là vì khiến các Bồ-tát bất định chủng tính và các Thanh Văn v.v...chứng Đại Bồ-đề, an lập họ vào chính hạnh Đại thừa. Nên biết rằng chư Phật đối với 5 nghiệp này thấy đều bình đẳng. Để rõ nghĩa này nên lại nói bài tụng rằng: Nhân, y, sự v.v...thế gian nhân khác nhau nên nghiệp khác, nghĩa là nhân của trời khác với người, quý v.v...nhân đều khác biệt nhau, cho nên nghiệp có khác. Chư Phật không như vậy vì nhân không khác, chẳng phải nghiệp có khác. Thế gian y sai biệt nên nghiệp khác, nghĩa là y là thân thể chúng sai biệt nên nghiệp có khác. Như Thiên Thụ với Từ Thụ kia y thân sai biệt nên nghiệp đều khác. Chư Phật không như vậy, pháp thân không sai biệt nên nghiệp không khác. Thế gian sự sai biệt nên nghiệp khác, nghĩa là sự là sở tác sở dụng các sự sai biệt nên nghiệp có khác như phạm phu kia làm nông khác với làm thương mại. Như thế tất cả chư Phật không như vậy, sự lợi lạc chúng sinh không sai biệt nên nghiệp không khác. Tính thế gian sai biệt nên nghiệp khác, nghĩa là tính là ý lạc, như thế gian có ý lạc lợi ích, ý lạc an lạc, cảnh giới sai biệt nên nghiệp có khác. Chư Phật thì không vậy, lợi ích an lạc tất cả hữu tình, ý lạc không sai biệt nên nghiệp không khác. Thế gian các hành sa biệt nên nghiệp khác, nghĩa là hành là công dụng, như công dụng nhỏ có thể khởi nghiệp nhỏ. Nếu công dụng lớn thì khởi nghiệp lớn. Công dụng sai biệt nên nghiệp có khác. Chư Phật không vậy, tất cả sở tác đều không công dụng nên nghiệp không khác. Biệt lực này không, nên chẳng phải đạo sư, nghĩa là các nhân này không có 5 biệt lực nên chẳng phải 5 nghiệp sai biệt của thế đạo sư.

Luận nói: Nếu công đức này viên mãn tương ưng, pháp thân chư Phật không chung với Thanh Văn thừa, Độc Giác thừa, vậy vì ý gì Phật nói Nhất thừa? Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Để dẫn dắt một loại,
 Và giữ gìn số khác,
 Do chủng tính bất định,
 Nên Phật nói Nhất thừa.
 Pháp, vô ngã, giải thoát,
 Đồng đẳng, tính không đồng,
 Đắc, 2 ý lạc hóa,
 Cứu cánh nói Nhất thừa.*

Giải thích: Dựa vào mật ý này Phật nói nhất thừa, hai bài tụng hiển thị. Để dẫn dắt một loại, nghĩa là biết rõ Thanh Văn chủng tính bất định, đến giải thoát họ nên dùng phương tiện dẫn dắt khiến y vào Đại thừa mà Bát-niết-bàn, nên nói nhất thừa. Và giữ gìn số khác, nghĩa là vì muốn giữ gìn các Bồ-tát bất định chủng tính khác, sợ thoái lui sự tinh tiến đối với Đại thừa, nên nói nhất thừa khiến họ an trụ, chớ y vào Thanh Văn thừa mà Bát-niết-bàn. Pháp bình đẳng, nghĩa là pháp là chân như. Các Thanh Văn v.v...thừa tuy sai biệt nhưng đồng hướng đến chân như. Việc hướng đến chân như không có sai khác, cho nên nói nhất thừa. Vô ngã bình đẳng, nghĩa là vì đồng vô ngã với Bồ-đặc-già-la, nên nếu thật có khác thì Bồ-đặc-già-la phải có một thừa riêng, đây là Thanh Văn đây là Bồ-tát. Đã không thật có Bồ-đặc-già-la khác, nên nói nhất thừa. Giải thoát bình đẳng, nghĩa là 3 thừa kia đối với việc giải thoát phiền não chướng không khác. Như Thế Tôn nói giải thoát với giải thoát không có sai biệt. Do ý thú này nên nói nhất thừa. Tính không đồng, nghĩa là các Thanh Văn chủng tính bất định, nên có sai biệt. Nghĩa là trong thân Thanh Văn hội hướng Bồ-đề có đủ chủng tính Thanh Văn và chủng tính Phật. Do đạo lý này, nên nói nhất thừa. Đắc, 2 ý lạc, nghĩa là được 2 thứ ý lạc. Một là chư Phật đối với tất cả hữu tình được đồng ý lạc tự thể nói kia tức là ta, ta tức là kia. Do nhân duyên ấy đây đã thành Phật kia cũng thành Phật. Cho nên gọi là được ý lạc thứ nhất. Hai là Thế Tôn trên hội Pháp Hoa đã thụ ký làm Phật cho các Thanh Văn như

Xá-lợi tử v.v...đề được ý lạc như vậy: Chúng ta với Phật bình đẳng không hai. Lại nữa trên pháp hội này có các Bồ-tát cùng danh hiệu như kia được thụ ký, cho nên một câu nói của Phật bao hàm hai lợi ích. Nghĩa là các Thanh Văn được đồng ý lạc tự thể của Phật, và các Bồ-tát được thụ ký biệt. Do đạo lý này nên nói nhất thừa. Nói hóa, là như Thế Tôn nói: Nay các Bí-sô, ta nhớ xưa kia vô lượng trăm lần y Thanh Văn thừa mà Bát-niết-bàn. Vì sao đã thành Phật lại dựa vào Thanh Văn mà Bát-niết-bàn. Vì vậy trong đây có ý thú riêng. Nghĩa là để điều phục chủng tính Thanh Văn, giáo hóa hữu tình, tự hóa độ thân mình, đồng chủng loại thừa ấy Bát-niết-bàn. Do nghĩa này, nên Thanh Văn thừa, nên Độc Giác thừa tức là Đại thừa. Thành nhất thừa cứu cánh, nghĩa là y vào lý cứu cánh nên nói nhất thừa, chẳng phải không quy biệt. Do quá đây, ngoài ra không một thừa nào hơn, chỉ có duy nhất một thừa là tối thắng, nên Phật nói nhất thừa.

Luận nói: Như vậy chư Phật đồng một pháp thân, vì sao có nhiều Phật? Ở đây có bài tụng như sau:

*Trong một cõi không hai,
Đồng thời vô lượng thành.
Lần lượt chuyển, phi lý,
Nên thành có nhiều Phật.*

Giải thích: Trong một cõi không hai, nghĩa là trong một thế giới không có 2 Phật. Cho nên phải nói chỉ có một Phật. Đồng thời vô lượng thành, nghĩa là vô lượng Bồ-tát tu tập tư lương đồng thời viên mãn hiện thành Phật quả trong nhiều thế giới. Cho nên phải nói có nhiều chư Phật. Hoặc cũng có thuyết nói trong một thế giới lần lượt trước sau vô lượng Bồ-tát thành đẳng chính giác, chẳng phải nhiều thế giới đồng thời nhiều Phật. Để phá chấp này, lại nói lần lượt chuyển là phi lý, không có nhân duyên vô lượng Bồ-tát tu tập tư lương đồng thời viên mãn, lần lượt đợi nhau tuần tự thành Phật. Cho nên chư Phật đồng thời có nhiều.

Luận nói: Làm sao biết trong pháp thân Phật chẳng phải rốt ráo nhập Niết-bàn, cũng chẳng phải rốt ráo chẳng nhập Niết-bàn? Ở đây có bài tụng như sau:

*Tất cả chướng thoát hết,
Việc làm không kết thúc,
Phật rốt ráo Niết-bàn.
Rốt ráo chẳng Niết-bàn.*

Giải thích: Có người Đại thừa bảo rằng Phật rốt ráo không Bát-niết-bàn là đứng về vô dư y Niết-bàn giới mà nói. Ngoài ra thì bảo Phật rốt ráo Niết-bàn là đứng về hữu dư y Niết-bàn giới mà nói. Hai định chấp này là phi lý. Nếu nói đúng, phải nói chư Phật chẳng phải nhất định rốt ráo nhập Niết-bàn, cũng chẳng phải rốt ráo không nhập Niết-bàn. Phật đã giải thoát hết tất cả chướng, nên rốt ráo Niết-bàn. Còn việc phải làm không bao giờ hết, nên chư Phật rốt ráo không nhập Niết-bàn.

Luận nói: Vì sao thụ dụng thân chẳng phải tự tính thân?

Vì có 6 nguyên nhân: 1. Do sắc thân có thể trông thấy. 2. Do có thể thấy trong vô lượng Phật chúng hội khác nhau. 3. Do tùy thắng giải mà tự tính bất định có thể thấy. 4. Do riêng biệt có thể thấy, tự tính biến động có thể thấy. 5. Trong các đại tập hội gồm Bồ-tát, Thanh Văn, chư thiên v.v..nhiều tướng khác nhau hợp lại, nên có thể thấy. 6. Do sự chuyển y phi lý của thức A-lê-da với các chuyển thức nên có thể thấy. Thụ dụng thân của Phật mà thành tự tính thân là không đúng lý.

Giải thích: Sắc thân có thể thấy, nghĩa là thụ dụng thân có hình sắc nên có thể thấy. Tự tính thân không có hình sắc có thể thấy được, nên thụ dụng thân không phải tự tính thân. Lại nữa thụ dụng thân có vô lượng chúng, nơi pháp hội thụ dụng sắc pháp sai biệt có thể thấy. Tự tính thân không có sai biệt này, nên thụ dụng thân không phải tự

tính thân. Lại nữa thụ dụng thân tùy chỗ thắng giải thấy tự tính không nhất định. Như khế kinh nói hoặc có một loại thấy Phật thụ dụng, hoặc có một loại thấy là thiếu niên, hoặc có một loại thấy là đồng tử. Như vậy có nhiều thuyết nói chẳng phải tự tính thân. Có những bất định này, nên thụ dụng thân chẳng phải tự tính thân. Lại nữa tự tính của thụ dụng thân biến động sai biệt có thể thấy. Một là thấy hình tướng thụ dụng thân khác với hình tướng đã có lần thấy trước, sau lại có lần thấy khác nữa. Thể của tự tính thân không biến động, nên thụ dụng thân không phải tự tính thân. Lại nữa thụ dụng thân của Bồ-tát, Thanh Văn và chư thiên v.v.. đủ loại thường xen lẫn trong chúng hội. Tự tính thân không có hình thức xen lẫn như vậy, nên thụ dụng thân không phải tự tính thân. Lại nữa thấy chuyển y là phi đạo lý, nghĩa là chuyển thức A-lại-da được tự tính thân, chuyển các chuyển thức được thụ dụng thân. Cho nên thụ dụng thân không phải tự tính thân. Do 6 thứ không đúng chính lý, nên thụ dụng thân không phải tự tính thân.

Luận nói: Vì nguyên nhân nào biến hóa thân không là tự tính thân?

Vì 8 nguyên nhân: Chư Bồ-tát từ xa xưa đã được định không thoái chuyển nên thụ sinh nơi trời Đổ-sử-đa và sinh trong cõi người thì không đúng lý. Lại các Bồ-tát từ xa xưa hằng nhớ đời trước, vậy vẫn chương tính toán kỹ nghệ v.v... cũng như hưởng thụ trần dục mà Bồ-tát không biết là không đúng lý. Lại các Bồ-tát từ xa xưa đã biết các giáo pháp đâu là ác thuyết đâu là thiện thuyết, vậy mà còn đến theo học ngoại đạo là không đúng lý. Các Bồ-tát từ xa xưa đến nay đã thông suốt chính lý Thánh đạo ba thừa mà tu tà khổ hạnh là không đúng lý. Các Bồ-tát bỏ trăm câu-chi các Thiệm-bộ châu, mà chỉ ở một chỗ thành Đẳng chính giác, chuyển chính pháp luân là không hợp lý. Nếu tách rời phương tiện thị hiện thành chính giác, chỉ dùng hóa thân làm Phật sự ở phương khác, vậy thì nên thành chính giác trên trời Đổ-sử-đa, sao lại không? Nếu không như vậy thì tại sao Phật không đồng thời xuất hiện bình đẳng trong tất cả Thiệm-bộ châu?

Nếu không xuất hiện thì không có giáo không có lý. Tuy có nhiều hóa thân mà không trái với câu nói không có 2 Như Lai cùng xuất hiện trong một thế giới. Như 2 Chuyển luân vương không cùng xuất hiện, bởi 4 châu là một thế giới. Ở đây có bài kệ nói như sau:

*Phật vi tế hóa thân,
Đa nhập thai cùng lúc.
Thị hiện Nhất thiết chủng,
Thành đạo, chuyển pháp luân.*

Vì muốn lợi lạc tất cả hữu tình mà phát nguyện tu hành, chúng Đại Bồ-đề rồi rốt ráo Niết-bàn là không đúng lý, vì có lỗi không thành hạnh nguyện.

Giải thích: Có 8 nguyên nhân chứng minh biến hóa thân tức tự tính thân là không đúng lý. Nghĩa là các Bồ-tát từ xa xưa đến nay được bất thoái định chưa từng thoái mất, nói sinh cõi trời Đổ-sử-đa nơi cõi Dục còn không đúng, huống chi sinh làm người mà không trải qua nhiều kiếp. Tu bất thoái định được quả cõi Dục mới đúng đạo lý. Cho nên biến hóa thân khác tự tính thân là đúng. Lại nữa các Bồ-tát từ xa xưa đến nay thường nhớ việc đời trước, nói làm nhiều việc cho đến tu khổ hạnh là không đúng đạo lý. Đoạn văn này dễ hiểu không phải giải thích nữa. Lại nữa các Bồ-tát xả bỏ hàng trăm câu-chi các Thiệm-bộ châu chỉ ở một nơi thành chính giác chuyển chính pháp luân là không hợp lý, vì tất cả các nơi đều tương tự như nhau. Do đạo lý này, biến hóa thân không phải tự tính thân. Nếu bảo rời bỏ các Thiệm-bộ châu khác, hiện thành đẳng chính giác chỉ riêng trong Thiệm-bộ châu này chứng chân chính giác, bởi biến hóa thân phổ biến khắp mọi nơi làm Phật sự. Vậy tại sao không ở trời Đổ-sử-đa chứng đẳng chính giác mà hóa thân đến các 4 đại châu này làm Phật sự? Nếu ý ông bảo một Thiệm-bộ châu thành đẳng chính giác, các nơi khác là hiện hóa chẳng phải không đúng lý. Nếu chỉ ở tại trời Đổ-sử-đa thành đẳng chính giác, còn trong

Thiệm-bộ châu tất cả 4 châu thị hiện hóa thân sao lại không đúng lý? Nếu nhất định không chấp nhận tất cả 4 châu hiện đấng chính giác vì không giáo không lý, nên không thể nói có Thiệm-bộ châu không Phật ra đời là không mâu thuẫn với khế kinh? Như khế kinh nói vô xứ vô dung phi tiền phi hậu. Trong một thế giới có 2 Như Lai ra đời. Nếu chấp nhận trong tất cả Thiệm-bộ châu đồng thời có nhiều Phật ra đời là mâu thuẫn với kia thì tránh nạn này. Cho nên lại nói tuy có nhiều hóa Phật mà không trái với kinh kia nói không 2 Như Lai ra đời. Khế kinh kia nói một tứ đại châu là một thế giới, không phải một ngàn châu v.v... tức kinh kia nói như 2 Luân vương không đồng thời xuất hiện. Nếu không chấp nhận Phật đồng thời xuất hiện ở nhiều tứ đại châu, cũng không nên chấp nhận có nhiều Luân vương đồng thời xuất hiện ở nhiều tứ đại châu. Nếu chấp nhận chỉ trong một tứ đại châu không có 2 Luân vương đồng thời xuất hiện chứ không phải một ngàn châu v.v... thì cũng không chấp nhận trong một tứ đại châu không 2 Phật đồng thời xuất hiện chứ không phải một ngàn châu v.v... Lại dùng Già-tha hiện nhiều hóa thân. Hiện thị đầy đủ tướng giác, Phật vi tế hóa thân v.v..., nghĩa là như Phật hóa thân hiện nhập thai mẹ. Cũng như vậy, hóa làm Xá-lợi tử v.v...nhiều chúng Thanh Văn đều có hình tướng khác nhau nhập vào thai mẹ đồng thời bình đẳng, vì muốn hiển phát tất cả chủng giác là tôn thắng, nên Phật hóa làm như vậy.

Tiếp đến hiển thị Như Lai rốt ráo Niết-bàn là không đúng lý, nghĩa là vì lợi lạc tất cả hữu tình mà phát nguyện tu hành chứng Đại Bồ-đề. Nguyện này, hạnh này là chỉ muốn lợi lạc hữu tình. Việc còn chưa xong liền theo rốt ráo Niết-bàn kia mà Bát-niết-bàn là không đúng đạo lý, vì như vậy là hạnh và nguyện 2 thứ không có quả. Cho nên hiện Niết-bàn đó là hóa thân không phải tự tính thân.

Luận nói: Thụ dụng thân và biến hóa thân của Phật đã là vô thường thì vì sao kinh nói thân Như Lai là thường?

Vì chỗ sở y của 2 thân này là pháp thân, mà pháp thân là thường. Lại nữa đấng lưu thân và biến hóa thân vì thường thụ dụng không ngưng nghỉ nên thường thường hóa hiện không vĩnh viễn tuyệt dứt, như thường thụ an lạc, như thường thí thực. Phải biết thân Như Lai là thường, cũng nghĩa như vậy.

Giải thích: Có khế kinh nói thân Như Lai là thường. Thụ dụng thân và biến hóa thân của Phật đã là vô thường, vì sao thân Như Lai là thường trụ? Nghĩa là tuy 2 thân này là vô thường, nhưng y vào pháp thân, mà pháp thân là thường, nên cũng nói là thường. Nói thân thường, là hoặc thể là thường, hoặc y thường thân nên nói thân là thường. Đây hiển thị đấng lưu và biến hóa thân là dị môn thường, chẳng phải tự tính thường. Lại nữa thụ dụng thân bởi hằng thụ dụng không thôi bỏ nên như thường thụ lạc. Cũng như thế gian nói thường thụ lạc. Tuy chẳng phải thụ lạc nhưng thường xuyên không gián đoạn nên được nói là thường thụ lạc. Phải biết thụ dụng thân của Phật cũng vậy. Tuy chẳng phải thường trụ mà hoặc nói thường, bởi trong các chúng Bồ-tát kia thụ đại pháp lạc không thôi bỏ, nên biến hóa thân Phật thường thường hóa hiện không vĩnh viễn tuyệt dứt, nên ý riêng mà nói là thường. Như thường thí thực, cũng như thế gian nói thường thí thực, tuy chẳng phải thí thực nhưng có thể thường không gián đoạn vì gthí tam không tuyệt dứt nên gọi là thường thí thực. Phải biết biến hóa thân Phật cũng vậy. Phi vô sinh diệt nói là thường. Tùy chỗ hóa sinh thường thường thị hiện không vĩnh viễn, nên mật ý nói là thường.

Luận nói: Do 6 nguyên nhân mà hóa thân chư Phật Thế Tôn không rốt ráo vĩnh trụ: 1. Vì việc làm đã hoàn tất, bởi đã thành thực giải thoát chúng sinh. 2. Vì muốn xả bỏ không ưa Niết-bàn muốn cầu thân Như Lai thường trú. 3. Vì muốn người trừ bỏ tâm khinh mạn đối với chư Phật, khiến ngộ chính pháp sâu xa. 4. Vì khiến đối với Phật sinh tâm khát ngưỡng sâu xa, nếu thường thấy sẽ sinh chán. 5. Khiến

tự thân siêng năng tinh tiến, biết người nói chính pháp là rất khó gặp. 6. Vì muốn các hữu tình mau chóng thành thực, khiến tự tinh tiến không bỏ gánh nặng. Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Do việc làm đã xong,
Bỏ không ưa Niết-bàn,
Lìa khinh chê chur Phật,
Sinh khát ngưỡng sâu xa.
Trong tự phát chính cần,
Vì mau chóng thành thực,
Nên chur Phật hóa thân,
Không vĩnh viễn thường trú.*

Giải thích: Vì khiến lìa bỏ không ưa Niết-bàn, vì cầu thân Như Lai thường trụ, đây hiển thị ý Như Lai nhập Niết-bàn. Bởi thân Như Lai là vô thường nên ưa Niết-bàn. Nếu khi cầu thân Như Lai thường trụ tức trái nghịch Niết-bàn. Thế Tôn hiện diệt là hiển thị thân vô thường. Nay muốn rớt ráo thường Niết-bàn, nên khiến lìa bỏ khinh chê chur Phật, khiến ngộ thậm thâm chính pháp, nghĩa là nếu bảo thân chur Phật là thường trụ là liền hiểu ngộ giáo pháp sâu xa không siêng phương tiện. Nghĩa là nay không ngộ thì sau sẽ ngộ. Nếu thường kiểm vấn các đệ tử thì sẽ sinh khinh chê, tự chấp chỗ thấy của mình mà nói rằng ta nhờ đây chắc chắn khỏi kia hỏi. Nếu không ở đời, kia lấy đâu sinh khinh chê. Đều nói chúng ta chưa được ý kia. Thế Tôn Niết-bàn ai có thể khai ngộ chúng ta mà không điên đảo? Vì vậy nên đối với pháp cần cầu giác ngộ, khiến tự thân phát sinh siêng năng tinh tiến. Biết chính thuyết là khó được, nghĩa là biết Thế Tôn sắp Bát-niết-bàn liền tự thân phát siêng năng tinh tiến. Phật là người nói chính pháp cho thế gian. Nếu không có Phật, thế gian không nơi nương tựa. Đã biết như vậy rồi phát siêng năng tinh tiến, vì các hữu tình mau chóng thành thực. Khiến tự tinh tiến không bỏ gánh nặng, nghĩa là vì tu hành tinh tiến lìa bỏ ý nghĩ làm việc thiện là gánh nặng, cho đến khi Thế

Tôn chưa diệt độ các thiện căn của ta phải thành thực. Do 6 nguyên nhân này biến hóa thân Phật chẳng phải rốt ráo thường trụ. Để tóm tắt ý nghĩa nói trên, nên nói Già-tha do sở tác v.v...

Luận nói: Pháp thân chư Phật từ vô thủy đến nay không khác biệt, không số lượng, không nên vì được mà có dụng công. Ở đây có bài tụng như sau:

*Phật có vô biệt, vô lượng nhân,
Hữu tình nếu bỏ siêng công dụng,
Chứng đắc, mãi mãi chẳng thành nhân,
Đoạn nhân như vậy không đúng lý.*

Giải thích: Trong đây có câu hỏi: Pháp thân chư Phật vô thủy đến nay không sai biệt, vô lượng nhân tác chứng để cầu Phật quả đâu cần dụng công? Lại có câu hỏi: Pháp thân chư Phật vô thủy đến nay vô sai biệt, vô lượng, một Phật có thể làm xong tất cả các việc lợi lạc hữu tình, không nên vì để được mà dụng công? Để đáp câu hỏi này nói Phật được v.v..., chư Phật chứng đắc vô thủy đến nay không sai biệt, vô lượng. Như vậy là để cầu Phật quả, hữu tình xả bỏ nhân chính cần. Như vậy là hằng không thành nhân chứng đắc, bởi Phật chứng đắc, chẳng phải các hữu tình vì cầu Phật quả mà xả bỏ nhân chính cần, nên không có nạn vấn này. Nếu lia chính cần được Phật quả, tức tất cả hữu tình vốn đều phải được. Cho nên không nên đoạn nhân chính cần. Lại nữa pháp giới Phật vô thủy đến nay không sai biệt, vô lượng, khắp vì tất cả làm nhân chứng đắc, khiến các Bồ-tát bi nguyện giữ trong tâm cần cầu Phật quả, vì làm lợi lạc tất cả hữu tình, phát công dụng cần cầu Phật quả.

Luận nói: Đây là Phẩm Nhiếp Đại Thừa, trong Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma, tôi A-tăng-già sơ lược giải thích xong.

Giải thích: Tôi đã đại lược giải thích Nhiếp Đại Thừa xong. Lại nói bài tụng rằng:

*Tôi Vô Tính đã phát
Diệu nguyện cầu Phật quả.
Với tịnh cảnh lý giáo
Bi tuệ chứa trong tâm.
Theo chư sư nghe rõ
Như thật tin hiểu sâu.
Luôn chuyên niệm hiện tiền
Thuật lại làm giải thích.
Trong sâu xa rộng lớn
Mười nghĩa cần sinh phúc.
Nguyện tất cả thế gian
Đều được tướng diệu trí./.*

HẾT

SỐ 1599
LUẬN TRUNG BIÊN PHÂN BIỆT
QUYỀN THƯỢNG

*Thiên Thân Bồ-tát tạo luận
Trần, Thiên Trúc Tam tạng Chân Đế dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm 1: TƯỚNG

*Kính lễ Thiện thế tử,
Người tạo chính luận này,
Vì chúng tôi tuyên thuyết.
Nay xin làm rõ nghĩa.*

Trước tiên thiết lập luận thể:

*Tướng, chương và chân thật,
Nghiên tập pháp đối trị.
Tu trụ mà đắc quả,
Chỉ có vô thượng thừa.*

Bản luận này thuyết minh bảy nghĩa. Những gì là bảy? Một tướng, hai chương, ba chân thật, bốn nghiên tập đối trị, năm tu trụ, sáu đắc quả, bảy vô thượng thừa. Nay y vào tướng nói kệ này:

*Hư vọng phân biệt có,
Nơi kia không có hai.*

*Trong kia chỉ có không,
Ở đây cũng có kia.*

Trong đây hư vọng phân biệt, là phân biệt năng chấp sở chấp. Có, là chỉ có phân biệt. Nơi kia, nghĩa là hư vọng phân biệt. Không có hai, nghĩa là năng chấp sở chấp hai cái này vĩnh viễn không có. Trong kia, nghĩa là trong phân biệt. Chỉ có không, nghĩa là chỉ có phân biệt này, vì lìa năng chấp sở chấp. Trong đây chỉ có không, nghĩa là trong cái không năng sở. Cũng có kia, nghĩa là có hư vọng phân biệt. Nếu pháp là nơi không, vì do pháp này là nơi không, thì ngoài ra gọi là có. Nếu biết như vậy, tức đối với tướng không, trí không điên đảo. Tiếp nói kệ rằng:

*Cho nên tất cả pháp,
Phi không, phi bất không.
Vì có vô và hữu,
Nên là nghĩa trung đạo.*

Tất cả pháp, nghĩa là hữu là hư vọng phân biệt, vô là không. Phi không, nghĩa là do không do hư vọng phân biệt. Phi bất không, nghĩa là do năng chấp sở chấp. Hữu, nghĩa là có hư vọng phân biệt. Vô, nghĩa là không có năng chấp sở chấp. Và hữu, nghĩa là trong hư vọng có chân không, trong chân khôn cũng có hư vọng phân biệt. Đó là nghĩa trung đạo, nghĩa là tất cả pháp chẳng phải hoàn toàn không, cũng chẳng phải hoàn toàn bất không. Những câu văn như vậy không trái với Bát-nhã Ba-la-mật. Như kinh nói tất cả pháp phi không phi bất không.

Như vậy là đã nói hư vọng phân biệt hữu tướng vô tướng xong. Nay sẽ nói tiếp tự thể tướng của nó. Cho nên nói kệ rằng:

*Trần, căn, ngã và thức,
Bản thức sinh tựa kia.
Chỉ thức có, không kia,
Kia không nên thức không.*

Tựa trần, nghĩa là bản thức hiển hiện tương tự sắc v.v... Tựa căn, nghĩa là thức tựa như năm căn trong tự tha liên tục hiển hiện. Tựa ngã, là ý thức tương ứng với ngã kiến vô minh v.v... Tựa thức, là sáu thứ thức. Bản thức, là thức A-lê-da. Sinh tựa kia, nghĩa là tựa như trần v.v... bốn vật. Chỉ thức có, nghĩa là chỉ có loạn thức. Không kia, nghĩa là không bốn vật. Bởi vì sao? Tựa trần, tựa căn vì chẳng phải thật hình của thức. Tựa ngã, tựa thức vì hiển hiện không như cảnh. Kia không, nên thức không, nghĩa là trần đã là không, thức cũng là không. Thức sở thủ bốn thứ cảnh giới là trần, căn, ngã và thức sở nhiếp, thật không có thể tướng. Sở thủ đã không, năng thủ loạn thức cũng là không.

Như vậy là nói thể tướng xong. Nay sẽ hiển thị danh nghĩa, nên nói kệ rằng:

*Loạn thức hư vọng tính,
Do đây nghĩa được thành.
Vi phi thật hữu vô,
Diệt kia nên giải thoát.*

Loạn thức hư vọng tính, do đây nghĩa được thành, nghĩa là tất cả thể gian chỉ duy có loạn thức. Loạn thức này vì sao gọi là hư vọng? Vì do cảnh không thật, do thể tán loạn. Phi thật hữu, nghĩa là hiển hiện tựa như bốn vật, vì bốn vật hằng không. Phi thật vô, nghĩa là chẳng phải tất cả hằng không, vì do loạn thức sinh. Vì sao không chấp nhận loạn thức là hằng không? Cho nên kệ nói diệt kia nên giải thoát. Nếu chấp là hằng không, thì trói buộc hay giải thoát đều bất thành. Thế là khởi tà kiến, bác bỏ tịnh bất tịnh phẩm.

Như vậy đã nói hư vọng thể tướng xong. Nay sẽ tiếp nói hư vọng tướng nhiếp. Nếu nói chỉ là hư vọng thì vì sao có thể gồm thâu ba tính? Cho nên nói kệ rằng:

*Phân biệt và y tha,
Chân thật chỉ ba tính.*

*Do trần với loạn thức,
Và hai không, nên nói.*

Phân biệt tính, nghĩa là sáu trần hằng không thể được, như hoa đốm giữa hư không. Y tha tính, nghĩa là chỉ có loạn thức, không thật, như vật ảo. Chân thật tính, nghĩa là năng thủ sở thủ hai thứ không có sở hữu. Chân thật hữu vô, ví như hư không.

Đã nói tướng gồm thân của hư vọng rồi. Nay sẽ nói đến tướng phương tiện nhập hư vọng vô sở hữu. Nên nói kệ rằng:

*Do dựa vào duy thức,
Cảnh vô thể nghĩa thành.
Bởi trần không hữu thể,
Bản thức tức không sinh.*

Tất cả ba cõi chỉ có thức. Dựa vào nghĩa này, thể tướng của ngoại trần quyết chắc là vô sở hữu. Thành tựu được trí này là do cảnh sở duyên không có hữu thể. Duy thức năng duyên cũng không sinh được. Dùng phương tiện này tức được ngộ nhập tướng vô sở hữu của năng thủ sở thủ.

*Cho nên thức thành tự,
Phi thức là tự tính.*

Sở thức các trần đã không hữu thể, cho nên thức tính vô lý được thành.

*Nên biết thức, không thức,
Do đó nghĩa bình đẳng.*

Không thức, nghĩa là do tự tính không thành tự, cho nên chẳng phải thức. Pháp này chân thật không có tính sở hữu mà có thể hiển hiện tựa như chẳng phải thật trần, cho nên nói là thức.

Đã nói tướng phương tiện ngộ nhập hư vọng vô sở hữu xong. Nay sẽ hiển thị tướng chung của hư vọng, nên nói kệ rằng:

*Các loại hư vọng là,
Tâm tam pháp ba cõi.*

Hư vọng, là nếu thiết lập các cõi thì có cõi Dục, Sắc và Vô sắc. Nếu thiết lập về loài sinh, thì tâm, tâm pháp là tướng chung của các loài.

Nói tướng chung xong, sẽ nói đến tướng riêng.

*Duy trần trí là tâm,
Sai biệt là tâm pháp.*

Tâm là chỉ hiểu biết phân biệt tướng chung của các trần. Nếu hiểu biết tướng riêng biệt các trần thì gọi là tâm pháp. Nghĩa là thụ, tướng, hành v.v...

Nói xong tướng chung tướng riêng, tiếp đến nói tướng sinh khởi.

*Thứ nhất là duyên thức,
Thứ hai là dụng thức.
Với trần thụ phân biệt,
Dẫn hành là tâm pháp.*

Duyên thức là thức A-lê-da, vì sinh duyên các thức khác. Dụng thức là nhân thức A-lê-da khởi trong trần nên gọi là dụng thức. Thụ nơi trần, nghĩa là lãnh thụ khổ v.v... nơi trần, gọi là ám. Phân biệt, nghĩa là lựa chọn trần sai biệt, gọi là tướng ám. Dẫn hành, là có thể khiến tâm bỏ đây lấy kia. Nghĩa là dục, tư duy, và tác ý v.v... gọi là hành ám. Như vậy thụ v.v... gọi là tâm pháp.

Nói xong tướng sinh khởi, sẽ nói đến tướng hư vọng nhiễm ô, nên nói kệ rằng:

*Phú tàng và an lập,
Dẫn dắt và duy trì.
Viên mãn thành ba phần,
Lãnh xúc và khiên dẫn.*

*Chấp trước và hiện tiền,
 Khổ nên nào thế gian.
 Ba thứ hai thứ nạn,
 Bảy cũng do hư vọng.*

Phú tàng là do vô minh ngăn che cái thấy như thật. An lập là do các hành tạo nghiệp huân tập nơi bản thức. Dẫn dắt là do bản thức và ý thức có thể khiến chúng sinh đến nơi thụ sinh. Duy trì là do sắc có thể duy trì năm nhóm tự thể. Viên mãn, nghĩa là do lục nhập có thể sinh trưởng. Thành ba phần, nghĩa là dựa vào căn trần thức mà thành các xúc. Lãnh xúc, nghĩa là do lạc khổ v.v... làm tổn ích. Khiên dẫn, là do nghiệp tham ái khiến có thể dẫn đến đời sau. Chấp trước, nghĩa là do bốn thứ thủ lấy có thể khiến các thức nhiễm trước dục v.v... bốn chỗ theo đó được sinh. Hiện tiền, là do nghiệp hữu, nghĩa là đã làm các nghiệp hướng đến quả báo đời sau. Khổ, là do sinh, lão, tử khổ. Nào thế gian, nghĩa là ba cõi do vô minh cho đến lão tử v.v...bức bách làm khổ não, hằng chịu khổ nạn. ba thứ, hai thứ nạn, bảy cũng do hư vọng, nghĩa là ba thứ nạn là phiền não, nghiệp sinh v.v... Phiền não nạn là vô minh tham ái thủ. Nghiệp nạn là hành và hữu. Sinh nạn là ngoài bảy phần khác. Hai thứ nạn là nhân quả. Nhân nạn là nghiệp phần phiền não. Quả nạn là các phần khác. Bảy nạn là bảy thứ nhân: Một điên đảo nhân, tức là vô minh. Hai là khiên dẫn nhân, là các hành. Ba tương nhân, tức bản, ý hai thức. Bốn là nhiếp nhân, tức danh sắc, lục nhập. năm là thụ dụng nhân, tức là xúc. Sáu là dẫn xuất nhân, tức ái, thủ, hữu. Bảy là yếm bố nhân, tức sinh, lão, tử. Do hư vọng, là các khổ nạn như vậy là từ hư vọng sinh. Tập hợp nghĩa của hư vọng có 9 hành tướng. Đó là hữu tướng, vô tướng, tự tướng, nhiếp tướng, nhập vô tướng, phương tiện tướng, sai biệt tướng, chúng danh tướng, sinh duyên tướng, nhiễm tướng hiện ra trước.

Nói hư vọng xong, sẽ nói phương tiện để hiển thị không nghĩa. Do đây tương ưng nên nói kệ rằng:

*Thế tướng và chúng danh
Nghĩa ấy và phân biệt.
Nên biết thành lập trí,
Lược giải không như vậy.*

Nên biết tướng không, như thế nào? Kệ nói:

*Không hai, có đây không,
Hai đó là tướng không,
Nên phi hữu phi vô,
Không khác cũng chẳng một.*

Không hai, là không sở thủ năng thủ. Có đây không, nghĩa là chỉ có sở thủ, năng thủ không. Hai đó là tướng không, nghĩa là vô và hữu vô, gọi là tướng không. Đây hiển thị chân không không có hai tướng, là pháp lấy hai không làm tính, không thể nói hữu không thể nói vô. Thế nào là phi hữu? Vì hai cái này là không. Thế nào là phi vô? Vì có hai không này. Cho nên kệ nói phi hữu phi vô đó là tướng chân không. Không khác cũng chẳng một, nghĩa là không phải tướng khác với hư vọng phân biệt, nhưng cũng không phải là một tướng. Nếu khác tức pháp tính khác với pháp, nghĩa không phải như vậy. Ví như năm ấm với tính vô thường và tính khổ. Nếu là một thì trí thanh tịnh cảnh giới và thông tướng không thành tựu. Như vậy đạo lý hiển hiện không và hư vọng lia một tướng lia khác tướng. Cho nên nói tướng bất hữu phi bất hữu, phi nhất phi dị.

Chúng danh là gì? Nên biết:

*Như như và thật tế,
Vô tướng với chân thật.
Pháp giới cùng pháp thân,
Lược nói không chúng danh.*

Thế nào là nghĩa của chúng danh? Nên biết:

*Phi biến dị điên đảo,
Tướng diệt thánh cảnh giới.
Thánh pháp nhân và y,
Là nghĩa của chúng danh.*

Không khác là nghĩa, cho nên gọi là như như, vì hằng thường như vậy không bỏ. Không điên đảo là nghĩa, nên nói là thật tế, vì cảnh giới và chủng loại không điên đảo. Tướng diệt là nghĩa, nên nói là vô tướng, vì lìa tất cả tướng không phân biệt cảnh giới Thánh trí. Đệ nhất nghĩa trí là thể, nên nói là chân thật. Thánh pháp nhân là nghĩa, nên nói là pháp giới. Thánh pháp y nơi cảnh này sinh. Trong này nghĩa của nhân là nghĩa của giới. Nhiếp trì pháp thân là nghĩa, nên nói pháp thân.

Như vậy là đã rõ nghĩa của không chúng danh. Thế nào là không phân biệt? Nên biết:

*Cũng nhiễm cũng thanh tịnh,
Vậy là không phân biệt.*

Nơi vị nào là không bất tịnh, nơi vị nào là không tịnh? Có câu uest cũng không câu uest.

Nếu ở trong vị này là các pháp câu uest, chưa được xuất ly, với những vị cùng tương ưng vị này là bất tịnh. Nếu ở vị này xuất ly các câu uest thì vị xứ này là tịnh. Nếu đã cùng câu uest tương ưng, sau không câu uest thì không lìa pháp biến dịch.

Thế nào là không vô thường? Vì câu hỏi này nên đáp:

*Nước sạch như hư không,
Pháp giới sạch cũng vậy.*

Khách trần nên lìa diệt, tự tính không biến đổi như vậy. Lại có phân biệt cái không này có 16 thứ: 1.nội không, 2.ngoại không, 3.nội ngoại không, 4.địa không, 5.không không, 6.đệ nhất nghĩa không, 7.hữu vi không, 8.vô vi không, 9.tất cánh không, 10.vô tiền

hậu không, 11. bất xả không, 12. tính không, 13. tướng không, 14. nhất thiết pháp không, 15. phi hữu không, 16. phi hữu tính không.

Như vậy là lược nói về không. Nên biết:

*Năng thực sở thực không,
Thân và y xứ không.
Năng kiến và như lý,
Cầu cho đến được không.*

Trong đây năng thực không, là dựa vào nội căn mà nói. Sở thực không, là dựa vào ngoại trần mà nói. Thân là năng thực. Y xứ là sở thực. Vì hai cái này đều không, nên nói nội ngoại không. Đại không, nghĩa là khí thể gian biến khắp, nên gọi là đại. Cái không này gọi là đại không. Nhập vào trong thân và khí thể giới, pháp này là không. Trí vô phân biệt có thể thấy cái không này. Trí vô phân biệt này là không, nên gọi là không không. Như đạo lý dựa vào tướng đệ nhất nghĩa quán pháp không này, đó là đệ nhất nghĩa không. Để được cái này, Bồ-tát tu hành pháp không. Đây là pháp không, làm sao tu hành? Là đến được hai thiện, một là hữu vi thiện, hai là vô vi thiện. Cái không này gọi là hữu vi vô vi không. Vì thường làm lợi người, vì hoàn toàn làm lợi người nên tu pháp không này gọi là tất cánh không. Vì không bỏ sinh tử, cái sinh tử này không có trước sau, các chúng sinh không thấy cái không ấy, mệt mỏi nên xả ly sinh tử. Cái không này, gọi là vô tiền hậu không. Làm thiện vô cùng tận, chư Phật nhập vô dư Niết-bàn, nhân cái không này chẳng bỏ việc lợi tha, nên gọi bất xả không. Làm tính thanh tịnh giới. Nghĩa của tính là nghĩa của chủng loại tự nhiên được, nên gọi là tính. Cái không này gọi là tính không. Để được đại tướng hảo là đại nhân tướng và tiểu tướng, để được hai tướng này thì tu hành pháp không này, gọi là tướng không. Để thanh tịnh Phật pháp nên Bồ-tát thực hành mười lực, bốn vô úy v.v... các pháp không chung của Phật, để xuất thanh tịnh Bồ-tát tu pháp không này, gọi là nhất thiết pháp không.

Như vậy là mười bốn thứ không đã an lập, nên biết phân biệt tướng này. Trong mười bốn thì pháp nào gọi là không?

*Nhân pháp, hai đều không.
Trong đây gọi là không.
Kia không chẳng phải không,
Trong đây có biệt không.*

Nhân pháp hai không có, là pháp gọi là không. Là pháp không có nhất định có cũng không nhất định không, như trên đã nói năng thực v.v... mười bốn xứ. Hai pháp này gọi tên là không để hiển thị tướng chân thật của không. Cho nên cuối cùng an lập hai không: một là phi hữu không, hai là phi hữu tính không. Lập ra hai không để làm gì? Là để lìa sự tăng ích nhân pháp, để lìa sự hủy báng nhân pháp không. Nên biết phân biệt không lần lượt như vậy. Nên biết không thành lập nghĩa như thế nào.

*Nếu nói là bất tịnh,
Chúng sinh không giải thoát.
Nếu nói không cấu uế,
Công dụng không chỗ làm.*

Nếu các pháp là không, khi chưa khởi đối trị nó là khách trần không nhiễm, nên tự nhiên thanh tịnh, vì không có phiền não chướng, không nhân công sức tất cả chúng sinh phải được giải thoát. Nếu đối trị đã khởi tự tính nên bất tịnh, để được giải thoát công dụng tu đạo không có quả báo. Tạo quả như vậy, cho nên nói:

*Bất nhiễm, phi bất nhiễm,
Phi tịnh, phi bất tịnh,
Vì bản tâm thanh tịnh.
Phiền não là khách trần.*

Thế nào là bất nhiễm phi bất nhiễm? Vì tâm vốn tự tính thanh tịnh. Thế nào là phi tịnh phi bất tịnh? Vì phiền não là khách trần.

Như vậy là đã đại lược nói phân biệt cái không. Về an lập các nghĩa của không, nên biết có hai thứ: một là thể tướng, hai là an lập. Những gì là thể tướng? Là hữu tướng, là vô hữu tướng. Là hữu tướng, tức là tướng lìa hữu lìa vô, tướng lìa một lìa khác. An lập, tức là chúng danh v.v... bốn nghĩa, phải biết phân biệt.

Luận Trung Biên, Phẩm tướng, các kệ đã giải thích xong.

Phẩm 2: CHƯỞNG

Biến và một bên, trọng,

Bình đẳng và thủ xả.

Nay nói hai thứ chướng.

Trong đây biến chướng là phiền não chướng và nhất thiết trí chướng, là những người chủng tính Bồ-tát đều viên mãn hai chướng này. Chướng một bên là phiền não chướng, là những người chủng tính Thanh Văn v.v... Trọng chướng là những người trước, trong các hành như dục v.v... tùy theo một thô phiền não. Bình đẳng chướng là trong các hành bình đẳng trong khi tùy hành tùy theo một sinh tử. Thủ xả chướng là những người chủng tính Bồ-tát vì chướng vô trụ xứ Niết-bàn nên như lý tương ưng. Đã nói chướng của hai loại người: một là người chủng tính Bồ-tát, hai là người chủng tính Thanh Văn. Lại có chín thứ tướng phiền não:

Chín kết là hoặc chướng,

Chín thứ các hoặc kết, trong đây nói phiền não chướng. Các phiền não chướng này chướng ngại những người nào?

Chán lìa và trừ bỏ,

Thật kiên

Ái dục kết là chướng ngại tâm chán lìa. Tâm kiên ngại chướng là chướng ngại tâm trừ bỏ. Vì cái hoặc này trái nghịch, chướng ngại

trong cảnh giới không thể sinh tâm trừ bỏ. Các kết khác thì ngăn che sự thấy biết chân thật.

Các phiền não khởi chương tuần tự như thế nào?

*Ngã mạn và thân kiến.
Thân kiến sở y pháp,
Diệt đạo Tam Bảo chương.
Lợi dưỡng cung kính thấy,
Khinh tài lợi biết đủ.*

Các phiền não khác là năm chỗ chương này. Ngã mạn chương là khi muốn diệt lìa thân kiến thì chương đối với trí chính quán có dị phẩm không dị phẩm. Không dị phẩm ngã mạn thường hiện hành nên không diệt được thân kiến này. Vô minh kết là muốn xa lìa thân kiến, khi y xứ nó chương ngại cái thấy chân thật. Vì vậy không xa lìa thủ ấm được. Kiến kết là khi muốn thông đạt diệt đế, nó làm chương ngại. Thân kiến và biên kiến thì sinh sợ hãi đối với diệt đế. Tà kiến thì đối với diệt đế khởi chê bai. Thủ kết thì khi thông đạt đạo đế nó làm chương ngại, vì dựa vào đạo lý khác tư duy lựa chọn cầu được thanh tịnh. Nghi kết là khi muốn thông đạt Tam Bảo nó làm chương ngại, vì không tin nhận công đức Tam Bảo. Tật đố kết thì khi xa lìa lợi dưỡng, cung kính nó làm chương ngại, vì không thấy sai lầm này. Xan lẫn kết thì khi muốn khinh chê tài lợi, biết dùng đủ nó làm chương ngại, ví tham đắm của cải v.v...

Thiện pháp chương lại có mười. Nên biết còn có mười chỗ chương thiện pháp riêng. Mười chỗ là những gì?

*Không hành phi xứ sở,
Sở hành không như lý.
Không sinh, không tư lường.
Tư lường không đầy đủ.*

Tính bạn không tương xứng,
 Tâm mê nên chán lìa.
 Tu hành không tương xứng,
 Người ác oán ở chung.
 Thô hoặc ba tùy một,
 Bát-nhã không thành tựu.
 Tự tính nặng phiền não,
 Biếng nhác và phóng túng.
 Chấp hữu và dục trần,
 Tâm hạ liệt cũng vậy.
 Không tin không ưa thích,
 Như nói nghĩa tư lường.
 Không kính pháp, trọng lợi,
 Không thương yêu chúng sinh.
 Vãn tai và thiếu vãn,
 Tam-muội tư lương giảm.

Như vậy trong các chương thứ gì là thiện pháp?

Thiện Bồ-đề nhiếp thủ
 Có trí không mê chương.
 Hồi hướng không sợ, ganh,
 Tự tại thiện có mười.

Như vậy thiện v.v... trong các pháp cái gì bị chương? Cái gì gây chương? Nên đáp:

Mười đây, đều ba chương,
 Nên biết trong mười việc.

Thiện pháp có ba chương: một là không sinh thiện, hai là không sinh tư lường đúng, ba là tư lương không viên mãn.

Nhiếp thủ Bồ-đề, tức phát tâm Bồ-đề gọi là nhiếp thủ Bồ-đề. Tâm này có ba thứ: một là không tương ứng với tính, hai là không

tương ứng với bạn bè, ba là tâm mệt mỏi chán lìa. Có trí, tức thể tính Bồ-tát là biết pháp này có ba chương: một là tu hành không tương ứng, hai là ở chung với bạn xấu, ba là ở chung với người ác oán. Trong đây người ác là người phạm tục ngu si. Người ác oán là người làm trở ngại công đức Bồ-tát, xem lỗi làm Bồ-tát. Không mê là tâm không tán loạn, có ba chương: một là điên đảo thô thất, hai là phiền não v.v... trong ba chương tùy theo một, còn ba khiến thành thực là giải thoát, Bát-nhã, vị thực vị mãn. Không chương là diệt lìa các chương gọi là không chương. Đây có ba chương: một là tự tính thô hoặc, hai là biếng nhác, ba là phóng túng. Bồ-đề hồi hướng có ba chương khiến tâm hồi hướng các chỗ khác không hoàn toàn hồi hướng vô thượng Bồ-đề được: một là tham trước các hữu, hai là tham trước có pháp tư lương, ba là tâm hạ liệt. Không sợ hãi có ba chương: một đối với người không sinh tâm tin trọng, hai là trong chính pháp không nguyện, không sinh tâm ưa muốn, ba là suy tư các nghĩa theo danh tự ngôn ngữ. Thích tật đồ có ba chương: một là không tôn trọng chính pháp, hai là tôn trọng lợi dưỡng cung kính, ba là không khởi tâm đại bi đối với chúng sinh. Không tự tại có ba chương, do đó có ba điều không được tự tại: một là không có văn tuệ, không nghe là vì sinh khởi nghiệp hoặc, tai hại chính pháp, hai là văn tuệ yếu kém, ba là Tam-muội không thành thực, trở lại làm chương thiện pháp. Trong các pháp mười thứ tùy theo một phần làm nhân. Dựa theo nghĩa này phải biết trong chương cái gì là mười nhân. Thứ nhất là sinh nhân. Ví dụ nhãn nhập là làm sinh nhân cho nhãn thức. Hai là trụ nhân. Ví như bốn thứ thực là tất cả chúng sinh. Ba là trì nhân, như sở trì năng nhiếp trì. Ví như khí thế giới là thế giới chúng sinh sinh vào đó. Bốn là minh liễu nhân, như ánh sáng là sắc. Năm là biến dị nhân, như lửa v.v... làm chín các thứ. Sáu là tương ly nhân, như cái liềm v.v... để cắt v.v... Bảy là hồi chuyển nhân, như thợ vàng thợ bạc hồi chuyển vàng bạc thành vòng xuyên. Tám là tất tỷ nhân, ví như khói là so sánh mà biết có lửa. Chín là linh tri nhân, là nhân khiến tin, ví như

lập chứng nhân phân làm sở lập nghĩa. Mười là chí đặc nhân, là nhân đến được, như đạo làm nhân các quả Niết-bàn. Như vậy phải biết là sinh chướng thiện xứ, vì cái này sinh ra. Trụ chướng là Bồ-đề xứ, vì đây phải không hư hoại không lay động. Trì chướng là nơi nhiếp thủ của Bồ-đề, vì có thể gìn giữ tâm Bồ-đề. Minh liễu chướng là hữu trí xứ, vì đây phải hiển rõ. Biến dị chướng là nơi không mê, mê chuyển diệt nên có biến khác. Tương ly chướng là nơi không ngại, vì chướng này lấy tương ly làm thể. Hồi chuyển chướng là nơi hồi hướng, vì hồi hướng tâm Bồ-đề làm thể tướng. Tất tỹ chướng là vô bố úy xứ, nơi không sợ hãi, vì không tin nên sợ hãi. Khiến tin chướng là nơi không tật đố, vì không tật đố đối với pháp, khiến người tin. Chí đặc chướng là tự tại xứ, vì không bị ràng buộc, đến được làm thể tướng.

*Trợ đạo ở mười địa
Lại có các chướng khác.*

Trợ đạo phẩm pháp xứ là:

*Xứ, không rõ, biếng nhác,
Tam-muội ít, hai thứ.
Không gieo và suy yếu,
Các kiến lỗi thô ác.*

Niệm xứ là y xứ, không rõ ràng là chướng. Tứ chính cần xứ thì biếng nhác. Tứ như ý túc xứ thì ít thiền định. Hai thứ không viên mãn. Muốn tinh tiến thì tâm tư duy bốn thứ. Tùy theo một là không đầy đủ, vì tu tập không thành tựu đầy đủ, vì tám pháp tư lương tùy theo một là không đầy đủ. Vì năm căn xứ không gieo giống thiện pháp giải thoát phần. Lực xứ là năm căn suy yếu, vì tạp khởi với phi trợ đạo. Giác phần xứ là những lỗi kiến giải được kiến đạo làm rõ. Đạo phần xứ là các lỗi thô ác được tu đạo này làm hiển hiện. Ba-la-mật chướng là

*Phú quý và thiện đạo,
Không bỏ chúng sinh chướng.*

*Tăng giảm mất công đức,
 Khiến các chúng sinh nhập
 Giải thoát vô tận lượng.
 Khiến thiện không gián đoạn,
 Ra làm thường quyết định,
 Đồng khiến người thành thực.*

Mười thứ Ba-la-mật này có thể sinh pháp này. Pháp này là quả của Ba-la-mật. Vì chướng quả của Ba-la-mật, cho nên nói rõ là chướng Ba-la-mật. Đản Ba-la-mật thì pháp nào là chướng? Tự tại tăng thượng chướng. Thi-la Ba-la-mật là chướng thiện đạo làm chướng. Sằng-đề Ba-la-mật chướng là không lia bỏ chúng sinh. Tì-lê-da Ba-la-mật chướng là tăng ích công đức tổn giảm tội lỗi. Thiền Ba-la-mật là chướng thụ hóa chúng sinh khiến nhập chính vị (40 tâm chính vị). Bát-nhã Ba-la-mật là chướng khiến người giải thoát. Âu-hòa-câu-xá-la Ba-la-mật chướng, Đản v.v...Ba-la-mật vô tận vô giảm, vì hồi hướng Bồ-đề cho nên các Ba-la-mật vô tận vô giảm. Ba-ni-đà-na Ba-la-mật là chướng sinh khởi không gián đoạn trong tất cả nơi sinh thiện pháp, vì y nguyện lực nên có thể gìn giữ tùy theo thiện pháp. Sinh xứ Ba-la Ba-la-mật là việc quyết định chướng thiện pháp, vì sức tư duy lựa chọn tu tập yếu không thể chiết phục các phi trợ đạo. Xà-na Ba-la-mật là chướng mình và người đồng thụ pháp lạc và thành thực hai xứ, không như nghe nói thông đạt nghĩa. Ở trong mười địa lại lần lượt có các chướng:

*Nghĩa biến mãn, tối thắng,,
 Nghĩa đệ nhất thắng lưu.
 Nghĩa không bị hệ thuộc,
 Nghĩa thân không sai biệt.
 Nghĩa không nhiễm không tịnh,
 Nghĩa pháp môn không khác.
 Nghĩa không giảm không tăng.*

*Nghĩa y bốn tự tại.
 Pháp giới vô minh này,
 Nhiệm đây là mười chướng.
 Chẳng phải giúp mười địa,
 Là đối trị các địa.*

Mười nghĩa trong pháp giới biến khắp các nơi không nhiễm trước vô minh. Vô minh này trong 10 địa của Bồ-tát tuần tự cần phải biết, vì đó là chướng không phải trợ đạo cho địa.

Trong pháp giới những gì là 10 nghĩa? Một là nghĩa biến mãn. Với Bồ-tát sơ địa, nghĩa của pháp giới biến khắp mọi nơi. Bồ-tát nhập quán được thông đạt. Nhân thông đạt này được thấy một phần tự tha bình đẳng. Hai là nghĩa tối thắng. Với địa thứ hai, quán pháp này xong, tư duy như thế này: Nếu y tha cùng bình đẳng xuất ly, tất cả chúng trị tịnh xuất ly siêng thực hành ứng hóa. Ba là nghĩa thắng lưu. Với địa thứ ba, biết chính pháp đã được nghe truyền lưu trong pháp giới, thứ nhất là được pháp này, hàm lửa rộng đến ba ngàn đại thiên thế giới có thể tự gieo mình vào trong. Bốn là nghĩa không bị hệ thuộc. Với địa thứ tư này do quán pháp ái, hoàn toàn không sinh. Năm là nghĩa thân không sai biệt. Với địa thứ năm, mười thứ tâm lạc thanh tịnh bình đẳng. Sáu là nghĩa không nhiễm tịnh. Với địa thứ sáu, mười hai nơi sinh nhân không một pháp có thể nhiễm hay tịnh. Vì thông đạt được như thế nên bảy là nghĩa pháp môn không khác. Với địa thứ bảy là vô tướng, nên các pháp Tu-đa-la v.v... không hiển không hành các tướng dị biệt. Tám là nghĩa không giảm không tăng. Với địa thứ tám vì được đầy đủ vô sinh pháp nhẫn nên trong bất tịnh phẩm hay tịnh phẩm không thấy có một pháp nào có tăng có giảm. Trong đây lại có 4 thứ tự tại. Những gì là bốn? Một là vô phân biệt tự tại. Hai là tịnh độ tự tại. Ba là trí tự tại. Bốn là nghiệp tự tại. Trong đây pháp giới là đệ nhất đệ nhị tự tại y xứ. Trong tám địa thông đạt nghĩa của trí tự tại y. Với địa thứ chín, được 4 vô ngại biện nên nghĩa

của nghiệp tui tại y do địa thứ mười như ý muốn biến hóa làm các việc lợi ích chúng sinh. Lại có lược thuyết:

*Đã nói phiền não chướng,
Và tất cả trí chướng,
Là gồm tất cả chướng,
Hết chúng được giải thoát.*

Diệt hết hai thứ chướng này không còn sót nên được xuất ly giải thoát tất cả chướng. Nghĩa chung của chướng là: Một là đại chướng thì biến mãn khắp. Hai là tiểu chướng là chướng có một mặt. Ba là tu hành chướng, tức là các hoặc nặng. Bốn là chí đắc chướng bình đẳng phiền não. Năm là chí đắc thắng phụ chướng, thủ xả chướng. Sáu là chính hạnh chướng, tức là 9 thứ phiền não kết. Bảy là nhân chướng, thiện v.v... các xứ do nghĩa của 10 thứ nhân. Tám là nhập chân thật chướng, tức trợ đạo chướng. Chín là vô thượng thiện chướng, tức 10 Ba-la-mật chướng. Mười là thắng phụ xả ly chướng. Mười địa chướng gồm thâm chướng lược nói có 2 thứ: Một là giải thoát chướng. Hai là nhất thiết trí chướng. Trung biên phân biệt luận, phẩm 2: Chướng, hết.

Phẩm 3: CHÂN THẬT

Phẩm này nói về chân thật. Thế nào là chân thật?

*Căn bản, tướng chân thật,
Không điên đảo chân thật,
Quả nhân đều chân thật,
Tế thô đồng chân thật.
Thành tựu cảnh thanh tịnh,
Nhiếp thủ phần phá thật.
Thắng trí thật 10 thứ,
Để đối trị ngã kiến.*

Đó là 10 thứ chân thật. Mười thứ ấy là những gì?

1. Căn bản chân thật
2. Tướng chân thật
3. Vô điên đảo chân thật
4. Quả nhân chân thật
5. Tế thô chân thật
6. Thành tựu chân thật
7. Cảnh giới thanh tịnh chân thật
8. Nhiếp thủ chân thật
9. Phân phá chân thật
10. Thắng trí chân thật

Thắng trí lại có 10 thứ chân thật, phải biết đó là để đối trị 10 thứ ngã chấp. Những gì là mười?

1. Âm thắng trí
2. Giới thắng trí
3. Nhập thắng trí
4. Sinh duyên thắng trí
5. Xứ phi xứ thắng trí
6. Căn thắng trí
7. Thế thắng trí
8. Đế thắng trí
9. Thừa thắng trí
10. Hữu vi vô vi thắng trí

Trong đây những gì là căn bản chân thật? Đó là 3 tự tính:

1. Phân biệt tự tính
2. Y tha tự tính
3. Chân thật tự tính.

Ngoài ra tất cả chân thật khác đều do trong đây lập ra. Vì vậy trong 3 tính, pháp nào là chân thật có thể tin?

*Tính ba, một: hằng vô,
Hai: hữu không chân thật.
Ba: hữu vô chân thật,
Ba này vốn chân thật.*

Tướng của tính phân biệt là hằng không. Tướng này trong tính phân biệt là chân thật không điên đảo. Tướng của tính y tha là không có thật chỉ do tán loạn chấp khởi. Tướng này trong tính y tha là tính chân thật. Tướng của tính chân thật là hữu vô chân thật. Tướng này trong tính chân thật là chân thật. Thế nào là chân thật tướng?

*Tăng ích, tổn giảm chê,
Trong pháp và trong nhân,
Sở thủ và năng thủ,
Trong hữu vô các chấp.
Biết thường kiến không sinh,
Tướng chân thật vắng lặng.*

Nhân và pháp v.v...không được khởi chê bai tăng ích hay tổn giảm. Vì tri kiến pháp này nên trong tính phân biệt, pháp này là tướng chân thật. Năng chấp sở chấp tăng ích hay tổn giảm đều không được khởi. Vì tri kiến pháp này nên trong tính y tha pháp này là tướng chân thật. Trong hữu trong vô không được khởi tăng ích hay tổn giảm. Vì tri kiến pháp này nên trong tính chân thật pháp này là tướng chân thật. Như vậy là tướng căn bản chân thật gọi là tướng chân thật chân thật không điên đảo. Chân thật không điên đảo nghĩa là để đối trị thường v.v... các điên đảo. Có 4 thứ: một là vô thường, hai là khổ, ba là không, bốn là vô ngã. Bốn thứ này là thế nào? Do căn bản chân thật thành lập ra. Trong đây vô thường là thế nào? Phải biết:

*Vô thường có 3 nghĩa:
Nghĩa không, nghĩa sinh diệt,
Nghĩa có không có cấu uế,
Căn bản thật thứ tự.*

Trong căn bản chân thật thứ tự có 3 thứ khổ: Thủ khổ là do chấp trước nhân pháp. Tướng khổ là do 3 thụ 3 khổ làm tướng. Tương ung khổ là vì tương ung với hữu vi. Nó là tướng chung của pháp hữu vi. Ba khổ này tuần tự lập trong 3 tính.

*Vô không, bất như không,
Tính không hợp ba thứ.*

Tính phân biệt là không có đạo lý khác khiến vật hữu vô hữu là không. Tướng của tính y tha là vô hữu như sở phân biệt, không hoàn toàn không có pháp này, không như hữu là không. Tướng của tính chân thật là tự tính hai không. Cho nên gọi là tự tính không.

*Tướng không và tướng khác,
Tự tướng ba vô ngã.*

Tính phân biệt là không có tướng thể, cho nên tướng không này là vô ngã. Tính y tha là hữu tướng, không như sở phân biệt. Tướng không như, là vô ngã. Như vậy trong 3 thứ căn bản chân thật nói rõ có 3 thứ vô thường: một là vô vật vô thường, hai là sinh diệt vô thường, ba là hữu cấu vô cấu vô thường.

Ba thứ khổ là: một là thủ khổ, hai là tướng khổ, ba là tương ung khổ. Ba thứ không là: một là vô hữu không, hai là bất như không, ba là tự tính không. Ba thứ vô ngã là: một là vô tướng vô ngã, hai là dị tướng vô ngã, ba là tự tính vô ngã.

Quả nhân chân thật, trong căn bản chân thật này nên lập cái gì là quả nhân? Khổ để tập để diệt để đạo để. Thế nào là căn bản chân thật được lập?

Khô tướng v.v... đã nói rồi. Khô đế như trước nói. Trong vô đảo chân thật như 3 khô, 3 vô thường v.v... Nhân 4 vô đảo đây nên biết khô đế. Ba thứ tập đế nên biết những gì là ba:

*Tập đế lại có ba,
Huân tập và phát khởi,
Cùng với bất tương ly.*

Huân tập tập đế là tính chấp trước phân biệt. Huân tập phát khởi tập đế là phiền não và nghiệp. Bất tương ly tập đế là như như và hoặc chướng không lìa nhau. Vì 3 nghĩa của diệt nên biết diệt đế. Những gì là ba:

*Thể diệt, hai thứ diệt,
Cấu tịch trước sau diệt.*

Tự tính vô sinh, 2 pháp năng chấp sở chấp không sinh. Cấu tịch diệt 2 thứ: một là số duyên diệt, hai là pháp như như, là 3 thứ diệt: một là vô thể diệt, hai là hai diệt, ba là tự tính diệt. Đạo đế có ba. Trong 3 căn bản chân thật làm sao được an lập?

*Quán trí và trừ diệt,
Chứng chí đạo có ba.*

Nói đạo đế như vậy. Một là quán sát tính phân biệt. Hai là quán sát trừ diệt tính y tha. Ba là quán sát chứng chí tính chân thật. Như vậy trong đây là quán sát, là trừ diệt, là chứng chí nên an lập đạo đế.

Thô tế chân thật nghĩa là tục đế và chân đế. Hai đế này trong căn bản chân thật được lập như thế nào?

*Thô nghĩa có ba thể,
Lập danh và thủ hành,
Hiển liễu là tục đế.*

Tục đế có 3 thứ: một là lập tên tục đế. Hai là thủ hành tục đế. Ba là hiển liễu tục đế. Do 3 nghĩa này, trong căn bản chân thật nên an lập 3 thứ tục đế. Tuân tự nên biết:

Một trong ba chân đế,

Thắng cảnh đế là nên biết thắng cảnh này là một trong tính chân thật. Chân thật như thế nào?

*Một nghĩa, hai chính tu,
Ba chỉ đắc chân thật.*

Nghĩa chân thật, nghĩa là pháp như như, cảnh giới trí chân thật. Chí đắc chân thật, nghĩa là cứu cánh công đức Niết-bàn. Chính hành chân thật, nghĩa là Thánh đạo không thắng cảnh. Làm sao pháp hữu vi vô vi đều được gồm thâu trong tính chân thật? Đáp:

*Không biến đổi, không đảo,
Thành tựu hai chân thật.*

Pháp vô vi là pháp thành tựu không biến đổi, được nhập vào tính chân thật gồm thâu tất cả pháp hữu vi, vì thành tựu đạo sở nhiếp không điên đảo, không điên đảo trong phẩm loại cảnh giới.

Thành tựu chân thật là trong căn bản chân thật làm sao

*An lập và thành tựu
Một nơi thế tục thành.*

Trong tính phân biệt, được lập là vật, nơi, cùng lập ấn định số tập, do ấn định sở lập phát khởi thế trí. Tất cả người trong thế gian, cùng một nơi đồng một thế trí. Như vật này là đất không phải lửa. Vật này là sắc màu không phải âm thanh v.v... như vậy thế tục thành tựu thuộc một tính.

*Lìa tên không tự thế,
Ba nơi đạo lý thành.*

Tức là 3 tính. Những người thuộc bậc thượng phẩm thì thông minh hiểu rõ nghĩa lý. Ở trong địa giác quán dựa vào 3 lượng, trong 4 đạo lý, dựa vào một đạo lý hoặc vật, hoặc sự được thành tựu. Hai đạo lý này gọi là đạo lý thành tựu.

Thanh tịnh cảnh chân thật có 2 thứ: Một là thanh tịnh phiền não chướng trí cảnh. Hai là thanh tịnh trí chướng trí cảnh. Như vậy thanh tịnh trí cảnh là chân thật.

*Thanh tịnh cảnh hai thứ,
Gồm ở trong một nơi.*

Một nơi đó là tính chân thật. Vì sao như vậy? Vì tính không khác biệt làm thanh tịnh trí cảnh.

Trong tính của 3 thứ căn bản chân thật, có 5 thứ thuộc vào chân thật, chúng được an lập như thế nào?

*Tướng và sự phân biệt,
Danh tự gồm hai tính.*

Như nghĩa tương ưng y, phẩm loại 5 thứ nhiếp trong tính căn bản làm sao thành lập được tướng và thân nhiếp trong tính phân biệt y tha? Danh là nhiếp thuộc trong tính phân biệt.

*Thánh trí và như như,
Hai đây thuộc một tính.*

Như như và Thánh trí nhiếp thuộc trong tính chân thật. Trong 3 thứ tính căn bản, phân phá chân thật được thành lập như thế nào?

Phân phá chân thật có 7 thứ. Bảy thứ là gì?

*Sinh thật hai tính nhiếp,
Xứ tà hạnh cũng vậy.
Tướng thức và thanh tịnh,
Chính hạnh chân tính nhiếp.*

Một là sinh khởi chân thật. Hai là tướng chân thật. Ba là thức chân thật. Bốn là y xứ chân thật. Năm là tà hạnh chân thật. Sáu là thanh tịnh chân thật. Bảy là chính hạnh chân thật. Trong đây sinh khởi chân thật nghĩa là trong căn bản chân thật nó ở 2 nơi, đó là nơi tính phân biệt và tính y tha. Như sinh khởi chân thật y xứ, và tà hạnh chân thật cũng như vậy. Trong tính căn bản nhiếp huộc 2 tính. Tướng thức, thanh tịnh, 4 pháp chính hạnh nhiếp thuộc một tính chân thật. Bốn thứ này vì sao nhiếp thuộc một tính? Vì hiển thị Thánh cảnh Thánh trí. Thắng trí chân thật là vì đối trị 10 thứ ngã kiến mà nói. Những gì là ám v.v... 10 thứ ngã kiến?

*Một nhân cùng với thực,
Tác giả và tự tại,
Nghĩa tăng thượng và thường,
Cấu nhiễm thanh tịnh y,
Quán với lại trời mở,
Nơi đây sinh ngã kiến.*

Như thế là 10 thứ tà chấp ngã nơi ám v.v...khởi trong các pháp. Để đối trị 10 thứ tà chấp nên nói 10 thứ thắng trí. Những gì là 10 thứ tà chấp ngã? 1.Chấp một, 2.Chấp nhân, 3.Chấp thụ giả, 4.Chấp tác giả, 5.Chấp tự tại, 6.Chấp tăng thượng, 7.Chấp thường trụ, 8.Chấp nhiễm, tịnh, 9.Chấp quán, 10.Chấp trời mở. Mười thứ thắng trí được thành lập trong căn bản chân thật như thế nào? Trong 3 tính, 5 ám v.v... các pháp được thâm nhiếp như nghĩa. Làm sao được ở trong 3 tính?

*Phân biệt chủng loại sắc
Pháp nhiên sắc...có ba.*

Sắc ám có 3 thứ: 1.Phân biệt sắc. Sắc xứ tính phân biệt. 2.Chủng loại sắc. Sắc xứ chủng loại của tính y tha. Sao gọi là y tha? Vì trong việc thành lập 5 pháp này thể tính không đồng nhau, nên lập riêng một chủng loại tên là sắc. 3.Pháp nhiên sắc. Sắc xứ tính chân thật.

Sắc thông tướng nên như sắc thụ v.v... các âm cũng vậy, và giới nhập các pháp cũng vậy đều thâm nhiếp trong 3 tính. Mười thứ thắng trí chân thật, nên biết trong căn bản chân thật cũng như vậy. Đã nói 5 âm v.v... thắng trí là để đối trị 10 thứ ngã kiến. Chưa nói nghĩa của 5 âm v.v... Nay sẽ nói nghĩa này.

*Chẳng một và nêu chung,
Sai biệt nghĩa của âm.*

Thành lập âm nghĩa có 3. Sơ lập nghĩa đó là tên âm có 3 nghĩa: một là nghĩa đường sá, hai là nghĩa đốt nóng, ba là nghĩa gánh nặng. Lại tụ nghĩa là âm nghĩa. Tụ có 3 nghĩa: một nghĩa là nhiều. Như trong kinh nói như sắc quá khứ hiện tại vị lai, như xa, như gần, như thô, như tế v.v... Như kinh nói rộng, sắc này nhiều nên gọi là tụ. Các sắc hư vậy gomg thâm tại một nơi. Đây nói rõ tổng nược v.v... các âm. Thể tướng đa dạng cho nên không thâm nhiếp lẫn nhau, vì vậy nói có sai biệt. Ba nghĩa một là nhiều, hai là chung, ba là khác này là nghĩa của tụ. Tụ tức là nghĩa của âm do nghĩa này tương tự nghĩa của chữ tụ của thế gian.

*Năng thủ, sở thủ, thủ,
Chủng tử là nghĩa giới.*

Lại có sự nhiếp thủ khác gọi là giới. Tên giới hiển thị nghĩa gì? Hiển thị nghĩa của chủng tử. Chủng tử năng thủ là nhân v.v... các giới. Chủ tử sở thủ là sắc v.v... các giới. Chủng tử của thủ là thức v.v... các giới.

*Thụ trần phân biệt dụng,
Cửa vào nên gọi nhập.*

Lại có pháp khác gọi là nhập. Trong đây 3 thụ là thụ dụng. Cửa của 3 thụ nên gọi là lục nội nhập, vì nó là cửa ngõ của sự phân biệt trần cảnh và thụ dụng. Sáu thứ gọi là ngoại nhập. Những gì là nghĩa của 12 nhân duyên?

*Nhân quả và việc làm,
Không tăng tổn là nghĩa.*

Nghĩa không tăng ích không tổn giảm của nhân quả và sự nghiệp là nghĩa của 12 nhân duyên. Nhân tăng ích nghĩa là hành v.v... các phân biệt lập nhân bất bình đẳng. Nhân tổn giảm nghĩa là phân biệt lập nghĩa không có nhân. Quả tăng ích nghĩa là hành v.v... các phân biệt có ngã dựa vào vô minh mà sinh phân biệt như vậy. Quả tổn giảm nghĩa là các pháp không hành v.v... từ vô minh sinh. Sự tăng ích nghĩa là các nhân vô minh v.v... sinh các quả hành v.v... Thời tiết phân biệt có sự tác ý. Sự tổn giảm nghĩa là vì phân biệt vô công dụng. Trong nhân, quả và sự lìa 2 chấp này, nghĩa này không tăng ích không tổn giảm. Phải biết nghĩa của 12 nhân duyên.

*Không muốn, muốn, thanh tịnh,
Đồng sinh và tăng thượng.
Chí đắc và khởi hành.
Hệ thuộc tha là nghĩa.*

Xứ phi xứ có 7 thứ, vì nghĩa hệ thuộc tha. Nên biết ở trong đây, một là không muốn hệ thuộc tha, nghĩa là nhân ác hạnh nếu không muốn quyết vào ác đạo. Hai là muốn hệ thuộc tha, nghĩa là nhân thiện hành vào thiện đạo, nếu không muốn quyết vào thiện đạo. Ba là thanh tịnh hệ thuộc tha, nghĩa là không lìa diệt ngũ cái, tức 5 thứ ngăn che, không tu 7 giác phần không được đến biên tế cái khổ. Bốn là đồng sinh hệ thuộc tha, nghĩa là 2 Như Lai không trước sau, 2 Chuyển luân vương, không được cùng sinh trong một thế giới. Năm là tăng thượng hệ thuộc tha, nghĩa là người nữ không được làm Chuyển luân vương. Sáu là chí đắc hệ thuộc tha, nghĩa là người nữ không được làm Bích-chi-phật và Phật. Bảy là khởi hành hệ thuộc tha, nghĩa là người đã thấy đạo lý 4 đế không được tạo các hạnh sát v.v... vì là hạnh phạm phu hay tạo như trong nhiều kinh có nói. Tư duy lựa chọn như vậy.

Căn có 22 thứ, do 6 nghĩa Phật lập ra 22 căn. Lại có 6 nghĩa. Sáu nghĩa là những nghĩa gì?

*Thủ trụ và tương tiếp,
Thụ dụng hai thanh tịnh.*

Vì năng thủ là nghĩa, cho đến 2 thứ thanh tịnh là nghĩa, là tăng thượng trong 6 việc này, nên nói 22 pháp gọi là căn. Vì năng thủ 6 trần làm tăng thượng, nên nhãn v.v...6 pháp gọi là căn. Vì gìn giữ liên tục khiến trụ tăng thượng cho đến sinh tử, nên nói thọ mạng là căn. Vì tiếp tục nhau tăng thượng ở đời, nên nói nam nữ 2 căn. Vì thụ dụng tăng thượng, nên nói 5 thụ là căn, bởi ý v.v...các nghiệp bị thụ dụng. Vì thế gian thanh tịnh tăng thượng, nên nói tín v.v...5 pháp là căn. Vì xuất thế thanh tịnh tăng thượng, nên nói chưa biết muốn biết v.v...3 vô lậu là căn.

*Quả nhân đã thụ dụng,
Có dùng hoặc chưa dùng.*

Lại có tên gọi khác, nghĩa tương ứng với 3 đời: Quả nhân đã thụ dụng, nên lập đời quá khứ. Quả nhân chưa dùng, nên lập đời vị lai. Nhân đã dùng hết, quả chưa hết, nên lập đời hiện tại.

*Thụ và thụ tư lương,
Là sinh hành nhân kia.
Diệt kia và đối trị,
Là tịnh bất tịnh này.*

Lại có tên gọi khác của 4 đế. Những gì là bốn? Một là khổ đế. Pháp gì gọi là khổ? Là thụ và thụ tư lương. Như trong kinh nói: Tất cả các thụ đều là khổ. Nên biết như thụ tư lương, thụ sinh duyên, căn trần v.v... các pháp là sinh hành nhân kia.

Pháp gì là tập đế? Là tất cả tà hạnh cảm các khổ.

*Diệt kia và đối trị,
Là tịnh bất tịnh này.*

Vì 2 pháp nhân quả này tịch diệt nên nói là diệt đế. Để đối trị 2 pháp này nên gọi là đạo đế. Nhân thể đế này nói là bất tịnh. Nhân chân đế này nói là tịnh.

*Được mắt không phân biệt,
Xuất ly trí y tha.
Nhân trí tự xuất ly.*

Lại có tên khác gọi là tương ưng nghĩa của 3 thừa. Nên biết Niết-bàn và sinh tử, công đức, tội lỗi, quán trí là nghe từ người khác, y nơi người khác mà được xuất ly nhân quả, cho nên lập tên là Thanh Văn thừa. Nhân trí tuệ này, như trước đã nói, tự mình không theo người khác, không dựa theo người khác làm mà xuất ly nhân quả gọi là Bích-chi-phật thừa. Dựa vào trí vô phân biệt mà tự xuất ly nhân quả gọi là Đại thừa. Nên biết rằng:

*Có ngôn thuyết có nhân,
Có tướng: pháp hữu vi,
Nghĩa và cảnh vắng lặng,
Sau nói: pháp vô vi.*

Có tên khác là hữu vi vô vi. Ngôn thuyết, là danh từ, câu, nghĩa v.v... Nhân, là chủng tử được thức A-lê-da thau nhiếp. Tướng, là khí thể giới, căn thân và các thức sinh khởi do thụ dụng thân giữ trong tâm và chấp thủ phân biệt. Như vậy các pháp có ngôn thuyết, có nhân, có tướng, có pháp tương ưng, gọi là pháp hữu vi. Trong đây nói tâm, nghĩa là pháp hằng khởi thức tướng giải tướng. Thủ, là ý thức phân biệt của 5 thức, vì đây có 3 phân biệt. Pháp vô vi, là nghĩa vắng lặng và cảnh vắng lặng. Nghĩa vắng lặng là diệt đế. Cảnh vắng lặng là đạo đế như như.

Trong đây vì sao đạo đế được gọi là vắng lặng? Vì nêu pháp này duyên cảnh giới mà y vào vắng lặng hiển quả.

Nhân nghĩa này, 5 âm v.v... 10 xứ, Thánh trí và Thánh trí phương tiện gọi là 10 thứ thắng trí. Nên biết rằng:

Mười này là chân thật.

Hợp nghĩa chân thật, nghĩa là nếu lược nói thì chân thật có 2 thứ: Một là năng hiển chân thật. Ví như tấm gương. Hai là sở hiển chân thật. Ví như ảnh.

Cái gì có thể hiển chân thật?

Ba căn bản chân thật. Ngoài ra các chân thật khác được hiển hiện, cho nên sở hiển chân thật có 9 thứ:

1. Không tăng thượng mạn sở hiển chân thật.
2. Đối trị điên đảo sở hiển chân thật.
3. Thanh Văn thừa xuất ly sở hiển chân thật.
4. Bích-chi thừa xuất ly sở hiển chân thật.
5. Đại thừa xuất ly sở hiển chân thật. Nhân đây, thô chân thật thành tựu chúng sinh và pháp. Vi tế chân thật thì giải thoát chúng sinh và pháp.
6. Các thuyết đọa phụ xứ sở hiển chân thật. Nghĩa là dựa vào chính thí dụ, dựa vào chính đạo lý có thể khiến các thuyết thua bại.
7. Hiển rõ Đại thừa sở hiển chân thật.
8. Tất cả các thứ sở tri thâm nhiếp tất cả các pháp sở hiển chân thật.
9. Hiển rõ không như và như sở hiển chân thật.
10. Ngã chấp y xứ pháp, tất cả nghĩa ý nhập sở hiển chân thật.

Đã nói xong phẩm Chân thật, Luận Đại Thừa Trung Biên Phân Biệt.

HẾT QUYÊN THUỜNG

LUẬN TRUNG BIÊN PHÂN BIỆT

QUYÊN HẠ

Phẩm 4: ĐỐI TRỊ TU TẬP

Đối trị tu tập là tu tập 37 đạo phẩm, nay sẽ đề cập. Trong luận này trước tiên nói (Tâm là các chủng loại của ngã chấp, cũng gọi là căn trần thức)

*Thô hạnh tham là nhân,
Chủng tử không mê vì
Nhập vào lý 4 đế
Tu quán 4 niệm xứ.*

Do thân nên thô hành được hiển hiện. Tư trạch thô hành nên được nhập khổ đế. Thân này thô đại, các hành là tướng, cho nên thô đại gọi là hành khổ. Nhân hành khổ này, tất cả các pháp hữu lậu, trong đó Thánh nhân quán khổ đế. Thụ là tham ái y xứ. Tư trạch các thụ nên được nhập tập đế. Tâm là ngã chấp y xứ. Vì tư trạch tâm này được nhập diệt đế. Vì lìa ngã đoạn bố úy. Pháp là 2 phẩm bất tịnh và tịnh. Vì tư trạch pháp này, lìa bất tịnh, tịnh phẩm vô minh nên được nhập đạo đế. Vì vậy cho nên sơ hành là khiến nhập trong 4 đế, tu tập 4 niệm xứ được an lập. Tiếp tu tập chính cần.

*Đã biết phi trợ đạo,
Tất cả thứ đối trị.*

*Vì là 2 thứ trên,
Tu tập 4 chính cần.*

Tu tập 4 niệm xứ cứu cánh, nên phi trợ đạo hắc pháp và trợ đạo phẩm bạch pháp tất cả mọi thứ đã được thấy rõ ràng. Vì diệt lia pháp phi trợ đạo, vì sinh khởi pháp trợ đạo, 4 thứ chính cần được khởi, thứ nhất là diệt đã sinh phi thiện phi ác, như trong kinh nói rõ. (là diệt, là tặc, là sinh, là trưởng)

*Tùy sự trụ nơi kia,
Để thành tựu cần thiết.
Lìa bỏ 5 lỗi lầm,
Tu tập 8 tư lương.*

Để lìa, để được 2 thứ pháp hắc bạch, tu tập chính cần rồi tâm không chướng, có trợ giúp được trụ tâm này. Trụ có được 4 năng lực. Bốn năng lực là: Một, tùy giáo được thành tựu. Tùy giáo được thành tựu là 4 như ý túc. Vì là nhân duyên thành tựu tất cả nghĩa sở cầu. Trụ trong đây là tâm trụ, gọi là Tam-ma-đề. Cho nên sau 4 chính cần, lần lượt nói 4 như ý túc. Tùy sự tùy giáo trụ, nghĩa là để diệt 5 thứ lỗi lầm, để tu tập 8 thứ tư lương nên phải biết. Thế nào là lỗi lầm?

*Giải đãi quên giáo huấn,
Và hạ liệt trạo khởi.
Không tác ý, tác ý,
Năm lỗi này phải biết.*

Giải đãi, nghĩa là chìm đắm trong sự lười biếng xấu ác. Quên giáo huấn, là như quên không ghi nhớ những điều thầy đã dạy. Hạ liệt trạo khởi, nghĩa là 2 chương hợp làm một, ưu hỷ là thể nên chìm hoặc nổi. Trong vị này khi chìm thì không tác ý, đó là lỗi thứ tư. Nếu không có 2 cái này mà tác ý là lỗi thứ năm. Để diệt 5 lỗi này nên an lập 8 thứ thiên định tư lương. Để diệt giải đãi, những gì là bốn? Một là dục, hai là chính cần, ba là tín, bốn là ý. Lại có 4 pháp tuần tự nên biết:

*Y xứ và năng y,
Nhân duyên và quả này.*

Dục là chỗ dựa của chính cần. Năng y là chính cần. Y xứ này gọi là dục. Vì nhân gì gọi là tín? Vì nếu có tín mới sinh dục. Năng y này gọi là quả của chính cần. Quả này gọi là ý. Nếu chính cần sẽ đạt được thiên định mong muốn. Bốn thứ tư lương khác: một là niệm, hai là trí, ba là làm xong, bốn là xả diệt. Bốn thứ lỗi như thứ tự đối trị. Niệm v.v...thứ tự 4 pháp này nên biết:

*Duyên cảnh giới không mê,
Cao thấp có thể biết.
Công dụng diệt tâm kia,
Khi vắng lặng buông bỏ.*

Niệm là không quên mắt cảnh giới. Trí là khi không quên mắt cảnh giới, tri giác có 2 trạng thái chìm và nổi. Tri giác đã diệt, có ý dụng công, gọi là tác ý. Hai pháp chìm nổi vắng lặng rồi, khởi tâm buông bỏ, buông bỏ liên tục, gọi là xả diệt. Sau 4 như ý túc lần lượt nói tu tập 5 căn.

Năm căn này được thành lập như thế nào?

*Đã gieo giống giải thoát,
Muốn việc được tăng thượng,
Không chìm cảnh giới mê,
Không tán động, tư trạch.*

Trong đây tăng thượng lần lượt 5 xứ lưu là vì tu 4 chính cần, tâm đã an trụ theo giáo huấn. Do đó tâm đã gieo chủng tử thiện căn giải thoát phần. Vì một là dục tăng thượng, hai là cần tu tăng thượng, ba là không quên cảnh giới tăng thượng, bốn là không tán động tăng thượng, năm là pháp tư trạch tăng thượng.

Năm căn như tín v.v...theo thứ tự nên biết:

*Nói lực làm tôn hoặc,
Trước nhân sau là quả.*

Tín v.v... 5 pháp như trước đã nói là có sức vượt trội nên gọi là lực. Thắng lực có nghĩa gì? Là vì có thể làm tôn lia phi trợ hoặc. Nếu 5 pháp không phải tín v.v... các đối trị hoặc, không chướng ngại nhau, nên nói căn lực có tuần tự. Vì sao tín v.v... 5 pháp nói tuần tự trước sau? Vì 5 pháp trước sau làm nhân quả. Vì sao như vậy? Nếu người tin nhân tin quả, để cầu được quả này nên quyết siêng năng làm. Do sự siêng năng làm này đã giữ được cảnh không đời đời. Nếu niệm dùng trụ thì tâm được Tam-muội (bình đẳng trụ không cao không hạ, một là vì 3 thụ, hai là vì một cảnh, cho nên lại có 5 thứ trụ chưa nói). Nếu tâm được định, quán biết cảnh như thật, nhân nghĩa này nên 5 pháp lập theo thứ tự. Nếu người đã gieo giống thiện căn giải thoát phần thì nói 5 căn là vị của nó. Nếu người đã gieo giống thiện căn thông đạt phần là ở trong 5 căn vị, là đang ở trong phương vị.

*Hai hai thông đạt phần,
Năm căn và năm lực.*

Noãn vị và đỉnh vị lập hành 5 căn. Nhẫn vị và thể đệ nhất pháp lập hành 5 lực. Nếu người gieo giống thiện căn giải thoát thì hai hai vị quyết định thông đạt phần. Nếu chưa không như vậy thì lực này tiếp nói giác phần. Cái này an lập như thế nào?

*Y phần tự thể phần,
Thứ ba xuất ly phần,
Thứ tư công đức phần
Ba thứ diệt hoặc phần.*

Trong kiến đạo vị, hiển lập giác phần. Giác là nghĩa thế nào? Trí như như vô phân biệt là giác. Phần là nghĩa thế nào? Bạt bè đồng sự pháp có nghĩa là phần. Trong 7 pháp này, giác y chỉ phần gọi là

niệm giác. Tự tính phần là trạch pháp giác. Xuất ly phần là chính cần giác. Công đức phần là hỷ giác. Không nhiễm không chướng phần 3 pháp gọi là ý, định, xả.

Vì sao nói 3 pháp là không nhiễm chướng phần?

*Vì nhân duyên y xứ,
Tự tính cho nên nói.*

Nhân không chướng không nhiễm là ý, hoặc, chướng vì cùng làm tác nhân. Ý này đối trị lại với nhân thô nặng. Y chỉ là thiên định. Tự tính là không bỏ giác phần.

Tiếp nói đến đạo phần. Pháp này an lập như thế nào?

*Phần quyết và linh chí,
Linh tha tín 3 thứ,
Đối trị không trợ pháp,
Nói đạo có 8 phần.*

Trong tu tập đạo vị, hiển lập đạo phần. Kiến đạo phần, quyết phần là chính kiến. Kiến này là chính kiến thế gian. Chính kiến xuất thế gian sau sẽ được. Bởi trí này là tự sở đắc đạo và khác với quả quyết định phần. Linh tha chí phần, là chính tư duy và chính ngôn. Bởi có phát khởi ngôn ngữ có thể khiến người khác hiểu biết và đạt được. Linh tha tín phần có 3 thứ: chính ngôn, chính nghiệp và chính mạng. Đây là thứ tự của 3 pháp:

*Kiến, giới và tri túc,
Chính là khiến người tin.*

Linh tha tín phần là 3 xứ chính ngôn thuyết ngôn ngữ cùng suy tìm chính nghĩa cùng tư duy chọn lựa nghĩa khiến người tin. Đó là người có trí tuệ nên có thể khiến người tin. Trí dựa vào chính nghiệp được người tin. Trì giới không làm việc không đúng pháp, dựa vào chính mạng được người tin. Xem nhẹ tiền của, biết tri túc, làm việc

đúng pháp đúng lượng thấy y phục v.v...4 mạng duyên, cho nên khiến người tín tri túc, kính tài tri túc.

Phiền não đối trị phần có 3 thứ: chính cần, chính niệm, chính định. Ba pháp này tuần tự như sau:

*Đại hoặc và tiểu hoặc,
Tự tại chướng đối trị.*

Phi trợ đạo phiền não có 3:

1. Tu tập đạo sở đoạn phiền não. Đây là đại hoặc.
2. Tâm trầm một trạo khởi phiền não. Đây là tiểu hoặc.
3. Tự tại chướng. Nghĩa là hay chướng ngại sự hiển xuất công đức các thắng phẩm.

Chính cần là đối trị của phiền não thứ nhất. Vì sao như thế? Vì do chính cần, tu đạo được thành tựu. Nếu đạo được thành thì tư duy phiền não diệt.

Chính niệm là đối trị của phiền não thứ hai. Là ở trong tướng vắng lặng. Nếu chính niệm ở trong tướng vắng lặng thì trầm một và trạo khởi sẽ diệt.

Chính định là đối trị của phiền não thứ ba. Vì y chỉ thiền định có thể hiển xuất công đức của 6 thân thông. Tu tập này đối trị. Nếu lược nói có 3 thứ nên biết:

*Tùy, bất đảo, hữu đảo,
Tùy điên đảo, bất đảo,
Vô đảo, vô tùy đảo,
Ba thứ tu đối trị.*

Tu tập đối trị có 3. Những gì là ba?

1. Tùy ứng vô đảo pháp và đảo tương tạp.
2. Diên đảo sở tùy trực vô kiến đảo.

3. Vô điên đảo vô đảo pháp tùy trực.

Như lần lượt trong các vị phàm phu, trong các

Thánh vị hữu học, trong các Thánh vị vô học, Bồ-tát tu đối trị có sai khác. Sai khác những gì?

Cảnh giới và tư duy,

Chỉ đặc có sai biệt.

Thanh Văn và Bích-chi, tự tương tục thân v.v... các pháp niệm xứ là cảnh giới. Nếu Bồ-tts tự tha tương tục thân v.v..., các pháp niệm xứ là cảnh giới. Thanh Văn và Bích-chi, do các tướng vô thường v.v... tư duy thân v.v... các pháp. Nếu các Bồ-tát không sinh đặc đạo lý, nên tư duy quan sát. Nếu Thanh Văn và Duyên Giác tu tập 4 niệm xứ v.v... các pháp để diệt lìa thân v.v... các pháp. Nếu các Bồ-tát tu tập các pháp này là không vì diệt lìa, nên tu tập các pháp, chẳng phải không vì diệt lìa, nên tu tập các pháp. Chỉ vì chỉ đặc vô trụ xứ Niết-bàn.

Đã nói xong về tu tập đối trị. Tu trụ là thế nào?

Phẩm 5: TU TRỤ

Tu trụ có 4 thứ,

Nhân nhập hành chí đặc,

Có tác, không tác ý,

Có trên cũng không trên

Nguyện lạc vị nhập vị,

Xuất vị thụ ký vị

Thuyết giả vị quán vị

Chí vị công đức vị,

Nói xong tác sự vị.

Tu trụ vị có 18. Những gì là 18?

1. Nhân vị tu trụ. Như người đã trụ trong tự tính.

2. Nhập vị tu trụ. Người đã phát tâm.
 3. Hành vị tu trụ. Từ sau phát tâm đến quả.
 4. Quả vị tu trụ. Đã được thời.
 5. Hữu công dụng vị tu trụ. Thành nhân hữu học.
 6. Vô công dụng vị tu trụ. Thánh nhân vô học.
 7. Thắng đức vị tu trụ. Người cầu thực hành được 6 thần thông.
 8. Hữu thượng vị tu trụ. Người đã quá Thanh Văn vị v.v... chưa nhập sơ địa Bồ-tát.
 9. Vô thượng vị tu trụ. Chư Phật Như Lai. Sau vị này không có vị nào khác.
 10. Nguyên lạc vị tu trụ. Các người Bồ-tát tất cả ở trong nguyên lạc hành vị.
 11. Nhập vị tu trụ là sơ địa Bồ-tát.
 12. Xuất ly vị trụ vị là sau sơ địa 6 địa.
 13. Thụ ký vị tu trụ là địa thứ 8.
 14. Năng thuyết sư vị tu trụ là địa thứ 9.
 15. Quán đỉnh vị tu trụ là địa thứ 10.
 16. Chí đắc vị tu trụ là chư Phật pháp thân.
 17. Công đức vị tu trụ là chư Phật ứng thân.
 18. Tác sự vị tu trụ là chư Phật hóa thân.
- Nên biết tất cả các trụ nhiều vô lượng. Nay chỉ nói sơ lược.

*Pháp giới lại có 3,
Bất tịnh bất tịnh tịnh,
Thanh tịnh như như tự.*

Nếu lược nói, vị này có 3:

1. Bất tịnh vị trụ là tử nhân vị cho đến hành trụ.

2. Bất tịnh tịnh vị trụ là các hữu học Thánh nhân.
3. Thanh tịnh vị trụ là các vô học Thánh nhân.

*Trong đây an lập người,
Nên biết đúng đạo lý.*

Do trụ này sai khác nên phải biết đúng như đạo lý mà an lập sai biệt các phạm thánh. Như người này trụ trong tự tính, người này đã nhập vị.

Như vậy đã nói xong về tu trụ. Thế nào là đặc quả?

Phẩm 6: ĐẶC QUẢ

*Khí quả và báo quả,
Đây là tăng thượng quả.
Ái lạc và tăng trưởng,
Lần lượt thanh tịnh quả.*

Khí quả, nghĩa là quả báo và thiện căn tương ưng. Báo quả, nghĩa là khí quả tăng thượng nên thiện căn là tối thượng phẩm. Ái lạc quả, nghĩa là do đời trước nhiều huân tập nên ái lạc thiện quả. Tăng thượng quả, nghĩa là hiện thế huân tập nhiều công đức thiện căn nên thiện căn viên mãn. Thanh tịnh quả, nghĩa là diệt lìa các chướng. Quả vị này nên biết lần lượt có 5 thứ: 1. Báo quả, 2. Tăng thượng quả, 3. Tùy lưu quả, 4. Công dụng quả, 5. Tương ly quả.

*Thượng thượng và sơ quả,
Số tập cứu cánh quả,
Tùy thuận và đối trị,
Tương ly và thắng vị,
Có hữu thượng, vô thượng,
Lược nói quả như vậy.*

Nếu lược nói quả thì có 10 thứ: Một là thượng thượng quả. Tức là từ tự tính phát tâm cho đến tu hành lần lượt về sau. Hai là

sơ quả. Tức mới được các pháp xuất thế. Sở tập quả. Tức từ sau sơ quả ở trong các vị hữu học. Cứu cánh quả. Tức các pháp vô học. Tùy thuận quả là vì nhân duyên nên phải biết. Thượng thượng quả đối trị quả là diệt đạo nhân đây được sơ quả. Trong đây sơ đạo gọi là đối trị quả, tương ly quả, sở tập quả, viên mãn quả là xa lìa hoặc chướng, cho nên lần lượt là quả của các Thánh nhân hữu học vô học. Thắng vị quả, nghĩa là các công đức thần thông v.v... Hữu thượng quả, nghĩa là Bồ-tát địa là hơn tất cả các thừa khác. Vô thượng quả, nghĩa là chư Như Lai địa. Như vậy 4 thứ quả này là phân biệt viên mãn quả. Cho nên sơ lược mà nhiều như vậy nếu nói rộng thì vô lượng. Trong đây tu tập, đối trị, hợp tập các nghĩa có giác ngộ tu tập, linh bạc tu tập, thực trị tu tập, thượng sự tu tập, mật hợp tu tập. Trí đến cảnh là một, nên có thượng phẩm tu, thắng phẩm đặc tu, sơ phát tu, trung hành tu, tối hậu tu. Hữu thượng tu vô thượng tu, nghĩa là cảnh giới không thắng, tư duy so lường không tập hợp. Chí đặc không thắng nên tu trụ. Hợp tập các nghĩa nên thành tu trụ. Trụ nghĩa là người này trụ trong tự tính. Tác sự tu trụ, nghĩa là từ phát tâm cho đến tu hành vị gọi là tối tịnh trụ. Tối tịnh vị trụ có trang nghiêm vị trụ biến khắp 10 địa cho nên vô thượng vị trụ quả hợp tập các nghĩa: 1.Nhiếp trì quả, 2.Tối thắng quả, 3.Túc tập quả, 4.Thượng thượng dẫn xuất quả, 5.Lược quả, 6.Quảng quả. Trong đây nhiếp trì quả có 5 thứ quả. Các quả khác là các sai biệt của 5 thứ quả này. Do đời trước tập hợp nên gọi là quả báo quả, vì từ trên trên dẫn xuất. Có 4 thứ quả khác. Nếu lược nói thì thượng thượng quả có 4 thứ. Nếu nói rộng thì tùy thuận quả có 6. Đó là 4 thứ quả phân biệt nói rộng, cho nên trong Trung Biên Phân Biệt Luận ở đây có 4, 3 phẩm: 1.Phẩm đối trị, 2.Phẩm tu trụ, 3.Phẩm đặc quả đã nói rõ xong. (1.Khí quả, 2.Quả báo quả, 3.Ái lạc quả, 4.Tăng thượng quả, 5.Thanh tịnh quả bao gồm hết tất cả quả.)

Phẩm 7: VÔ THƯỢNG THỪA

Nay sẽ nói đến vô thượng thừa.

*Vô thượng thừa 3 thứ,
Tu hành và cảnh giới,
Cũng nói tu, tập, khởi.*

Vô thượng có 3 thứ. Trong Đại thừa do 3 nghĩa này, thừa thành vô thượng. Ba nghĩa là những nghĩa gì? Một là tu hành vô thượng, hai là cảnh giới vô thượng, ba là tập khởi đặc vô thượng. Trong đây cái gì gọi là tu hành vô thượng? Nên biết trong tu hành là 10 Ba-la-mật.

Tu hành có 6 thứ,

Trong 10 Ba-la-mật này, mỗi pháp có 6 thứ. Sáu thứ là gì?

*Vô tỷ và tư trạch,
Tùy pháp với ly biên,
Biệt tu và thông tu.*

Như vậy 6 tu là: 1.Vô tỷ tu, 2.Tư trạch tu, 3.Tùy pháp tu, 4.Ly biên tu, 5.Biệt tu, 6.Thông tu.

Trong đây vô tỷ có 12 thứ. Mười hai thứ là những gì?

*Quảng đại và trường thời,
Tăng thượng thể, vô tận,
Vô gián và vô nan,
Tự tại và nhiếp trị,
Cực tác, chí đặc, lưu,
Cứu cánh vô tỷ tri,
Nghĩa vô tỷ ở đây,
Là mười Ba-la-mật.*

Như vậy là 12 thứ vô tỷ tu hành: 1.Quảng đại vô tỷ, 2.Trường thời vô tỷ, 3.Tăng thượng, 4.Vô tận, 5.Vô gián, 6.Vô nan, 7.Tự

tại, 8.Nhiếp tri, 9.Cực tác, 10.Chí đắc, 11.Thắng lưu, 12.Cứu cánh. Quảng đại vô tỷ là gì? Là không dục lạc tất cả thế gian và phú lạc xuất thế gian. Nên biết đó là quảng đại vô tỷ. Trường thời vô tỷ là gì? Vì mỗi một chỗ tu tập 2 kiếp A-tăng-ki mới thành. Tăng thượng vô tỷ là gì? Là lợi ích đầy đủ biến khắp tất cả chúng sinh. Vô tận vô tỷ là gì? Là do hồi hướng vô thượng Bồ-đề hết sức vô cùng vô tận. Vô gián tu vô tỷ là gì? Là bởi tự tha bình đẳng vui thích tu tập, cho nên nhân tất cả chúng sinh công đức thí v.v... có thể viên mãn, thành tựu 10 Ba-la-mật. Vô nan vô tỷ là gì? Là tùy hỷ việc người tu hành các Ba-la-mật mà Ba-la-mật của mình được viên mãn. Tự tại vô tỷ là gì? Do các sức thiền định như phá hư không v.v... mà thí v.v... Ba-la-mật được thành tựu đầy đủ. Nhiếp tri vô tỷ là gì? Là do trí vô phân biệt nhiếp tri giữ gìn tất cả Ba-la-mật. Cực tác vô tỷ là gì? Là trong nguyện lạc hạnh địa của địa tiền phương tiện, tối thượng pháp nhẫn và đạo phẩm, tùy một thứ được thành. Chí đắc vô tỷ là gì? Được trong sơ địa, nhưng chưa từng thấy pháp xuất thế. Thắng lưu vô tỷ là gì? Là lìa sơ địa, trong 8 thứ địa trên. Cứu cánh vô tỷ là gì? Là trong địa thứ 10 và Phật địa. Bởi vì sao? Vì đạo Bồ-tát và Phật quả viên mãn. Nghĩa vô tỷ ở đây, biết là 10 Ba-la-mật, nghĩa là như vậy 12 nghĩa vô tỷ có đầy đủ trong 10 pháp. Cho nên 10 pháp thông thường được gọi tên là Ba-la-mật-đa.

Mười Ba-la-mật là những gì? Để nói rõ tên riêng của 10 pháp nên nói kệ rằng:

*Thí, giới, nhẫn, tinh tiến,
Định, Bát-nhã, phương tiện.
Nguyện, lực và Xà-na,
Là 10 vô tỷ độ.*

Mười Ba-la-mật này khác nhau thế nào?

*Tài lợi không tổn hại,
An thụ thêm công đức.*

*Trừ ác và khiến nhập,
Giải thoát với vô tận.
Thường khởi và quyết định,
Việc thành thực lạc pháp.*

Như vậy tuân tự nên biết 10 Ba-la-mật. Do thí nên Bồ-tát có thể lợi ích chúng sinh. Do giữ giới nên không tổn hại mạng sống, của cải và quyến thuộc chúng sinh v.v... Do nhẫn nhục nên nếu người làm các việc tổn não v.v... yên tâm nhịn chịu. Do tinh tiến nên sinh trưởng các công đức, tổn giảm các tội chướng v.v... Do thiện định nên nhờ công đức các thần thông khiến các chúng sinh quay lưng với cái ác trở về với cái thiện được nhập chính vị. Do Bát-nhã nên nói rõ chính giáo khiến người giải thoát. Do phương tiện nên hồi hướng thiện căn về Đại Bồ-đề. Công đức của thí v.v... khiến lưu xuất vô tận. Do nguyện lực nên có thể thụ, trụ, xả tùy nơi muốn sinh. Ở nơi sinh đó có thể phụng sự chư Phật, nghe chính pháp. Trong bố thí v.v... hằng thực hành các lóich chúng sinh không thôi nghỉ. Do sức tư trạch tu tập, nên đê bẹp, diệt trừ, đối trị, quyết định, có thể hành thí v.v... các độ, lợi ích chúng sinh. Do trí, nên diệt, lìa, như nói pháp vô minh. Thí v.v... các hành và thí v.v... các pháp tăng thượng duyên được cùng thụ dụng. Hai pháp này Bồ-tát có thể thành thực chúng sinh.

Đã nói về vô tỷ tu hành. Thế nào là tư lượng tu hành?

*Như giảng nói chính pháp,
Tư lượng nghĩa Đại thừa,
Việc thường của Bồ-tát,
Y 3 thứ Bát-nhã.*

Y 10 thứ thí v.v... Ba-la-mật như chư Phật an lập, trong các pháp Đại thừa nói trong Tu-đa-la v.v... như lý tư duy, thường thường nghe, tư duy tu tập nên văn, tư tu tuệ hằng tư duy tu hành.

Nếu do 3 tuệ tu hành tư duy sinh công đức gì?

*Để trưởng dưỡng giới nhập,
Để được sự cứu cánh.*

Nếu người do văn tuệ tu hành tư duy thì tất cả giới tính thiện căn đước tăng trưởng. Nếu do tư tuệ tu hành tư duy thì như chỗ nghe đước câu, nghĩa, lý này đước nhập vào ý đước sinh hiển hiện. Nếu do tu tuệ tu hành tư duy thì như chỗ mong muốn, chính sự đước thành tựu. Để nhập địa đễ trị tịnh nên tu hành tư duy này có trợ bạn.

*Mười thứ pháp chính hành,
Nên biết cùng tương ưng.*

Tu hành tư duy này, phải biết đước 10 thứ chính pháp hành thâm nhiếp. Mười thứ pháp hành là những gì?

*Sao chép cúng dường thí,
Nghe đọc và thụ trì
Giảng nói và đọc tụng,
Tư duy và tu tập.*

Có 10 pháp tu hành Đại thừa: 1.Sao chép, 2.Cúng dường, 3.Bồ thí cho người, 4.Nếu người đọc tụng thì nhất tâm lắng nghe, 5.Tự mình đọc, 6.tự mình như lý tiếp thu văn nghĩa, 7.Nói rõ đung văn nghĩa và đạo lý, 8.Chính tâm nghe tụng, 9.Noi thanh vắng như lý tư duy, 10.Đã nhập ý rồi tu tập không đễ thoái mất.

*Vô lượng công đức tu,
Là 10 thứ chính hành.*

Mười thứ chính hành này có 3 thứ công đức: 1.Vô lượng công đức đạo. 2.Hành phương tiện công đức đạo. 3.Thanh tịnh công đức đạo. Vì sao trong Đại thừa Phật nói quả báo rất cực đại mà trong các pháp Thanh Văn thừa v.v... không nói như vậy? Vì sao như thế? Vì có 2 nguyên nhân:

*Tối thắng là vô tận.
Lợi tha không dùng nghĩ.*

Tối thắng, nghĩa là kinh Tiểu thừa chỉ vì tự lợi, còn Đại thừa thì tự lợi lợi tha bình đẳng, cho nên là tối thắng. Thứ nhất là tự lợi. Thứ hai là lợi tha. Cho nên có dưới có trên, gọi là thắng. Đại Bồ-đề thì đến vô dư Niết-bàn. Việc lợi ích người khác như trong nhân địa là không ngừng nghỉ, cho nên nói là vô tận. Vì vô tận nên thắng hơn Tiểu thừa.

Đã nói xong về tư duy tu hành. Tùy pháp tu hành là gì?

*Tùy pháp có 2 thứ,
Không tán động, điên đảo.*

Tùy pháp tu hành có 2 thứ: Một là không tán động tu hành. Hai là không điên đảo biến đổi tu hành. Trong đây tán động có 6 thứ. Diệt trừ 6 thứ tán động này nên nói là không tán động. Sáu thứ tán động là gì? 1. Tự tính tán động. 2. ngoại duyên tán động. 3. Nội tán động. 4. Tướng tán động. 5. thô hoặc tán động. 6. tư duy tán động. Sáu thứ tán động này nên biết cái gì là tướng, nên nói:

*Khởi quán hạnh 6 trần,
Tham vị hạ trạo khởi,
Không quyết ý nơi định,
Tư lường xú ngã mạn,
Tâm hạ liệt tán loạn,
Người trí cần phải biết.*

Đó là tướng. Sáu thứ tán động Bồ-tát cần phải biết, cần phải lìa bỏ. Sáu tướng như thế nào? Một là từ thiền định khởi tán động, do 5 thức. Đó là tính tán động. Trong 6 trần, nếu tâm hành động gọi là ngoại tán động. Tham vị, ưu hối, trạo khởi thiền định này gọi là nội tán động. Ý chưa quyết định, chưa dứt đối với địa dưới gọi là tướng tán động. Do tướng này mà nhập định, trong định có khởi tư duy ngã chấp gọi là thô tán động. Do thô tư duy này sinh khởi ngã mạn, tư duy phấp phấp kém gọi là tư duy tán động. Vì khởi tư duy hạ thừa, khiến 2 tán động trước chưa được thành không được. Tiếp 2 cái đã

được khiến thoái mất. Thứ 5 khiến không được giải thoát. Thứ 6 khiến không được vô thượng Bồ-đề.

Trong đây cần phải biết 10 chỗ không điên đảo.

Những gì là 10?

*Ngôn từ, nghĩa , tư duy,
Không động 2 tướng xứ,
Không tịnh, thanh tịnh, khách,
Không sợ và không ngại*

Trong đây pháp gì gọi là không điên đảo? Không điên đảo nghĩa là chỗ thấy biết đúng lý đúng lượng. Không điên đảo này có 10 chỗ: Một là danh, cú, vị vô đảo. Như kệ nói:

*Vì tụ tập, tập nhiều,
Có nghĩa và vô nghĩa,
Là ngôn từ vô đảo,*

Nếu danh, cú, vị nếu có tương ưng, danh ngôn không gián đoạn, không tách rời nhau mà nói vật này đó là tên. Thường xuyên tập nên danh cú v.v... có nghĩa. Nếu trái lại 3 cái này là vô nghĩa. Nếu có tri kiến như thế gọi là danh cú vị vô đảo.

Thế nào là nghĩa vô đảo?

*Hiện hiện tựa 2 thứ,
Như hiện không thật có,
Gọi là nghĩa vô đảo,
Xa lìa bên hữu vô.*

Các nghĩa hiện hiện có 2: một là hiện sở chấp, hai là hiện năng chấp. Do 2 tướng sinh nên như vậy là vô sở hữu. Như trong nghĩa sở hiện hiện, nếu sinh tri kiến như thế thì gọi là nghĩa vô đảo. Vì sao nghĩa như vậy là xa lìa hữu tướng? Vì không có năng chấp sở chấp, xa lìa không tương tự năng, không tương tự sở, vì có tán loạn.

Thế nào là tư duy vô đảo?

*Đây nói huân nói tư,
Kia y tư vô đảo.
Là hiển 2 thứ nhân.*

Sở chấp năng chấp là sở huân tập ngôn ngữ tư duy, là chỗ sở y hư vọng phân biệt của năng chấp sở chấp. Nếu khởi tri kiến như vậy trong nhất thiết xứ, gọi là tư duy vô đảo. Tư duy như thế nào là năng chấp? Là làm hiển hiện cái sở chấp hư vọng. Do tư duy này sinh ra 2 pháp ngôn ngữ, danh cú vị, làm chỗ dựa cho 2 pháp vì lìa cảnh tư duy vô đảo này.

Thế nào là bất động vô đảo?

*Như ảo hóa chẳng có,
Nên biết cũng có nghĩa,
Là bất động vô đảo,
Vi hữu vô bất tán.*

Nghĩa này cũng có cũng không, như trước đã nói. Cái có không này ví như ảo hóa. Ảo hóa nghĩa là voi ngựa v.v... là thật thể, cho nên không có phi vô, chỉ tương tự voi v.v... Do tán loạn nên có, cho nên nghĩa cũng như bất hữu. Như sở hiển hiện năng chấp sở chấp, cho nên phi bất hữu, mà chỉ tương tự có tướng tán loạn. Chữ “đẳng” là “v.v...” nghĩa là cũng ví như ngựa hoang, mộng ảo, trăng trong nước v.v... Đã thấy nghĩa thí dụ như ảo hóa v.v... cho nên tâm không hành động thiên lệch, gọi là bất động vô đảo. Do tâm vô đảo này trong cái chấp hữu vô tâm không tán động.

Thế nào là 2 tướng vô đảo?

*Tất cả chỉ có tên,
Là phân biệt không khởi,
Là biệt tướng vô đảo.*

Tất cả các pháp chỉ có danh ngôn. Danh là gì? Là tất cả nhãn và sắc cho đến tâm và pháp. Thấy biết như thế.

Tất cả là hư vọng phân biệt. Để đối trị nên gọi là biệt tướng vô đảo. Cái gì là biệt tướng? Là hư vọng, là chân thật.

Tướng này gọi là chân thật. Trong biệt tướng, chân thật là vô đảo. Vì sao như thế? Vì nếu là tục đế thì tất cả các pháp không phải chỉ có danh, vì chấp như vậy.

Cái gì là thông tướng vô đảo?

*Xuất ly khỏi pháp giới,
Thì không có một pháp,
Nên pháp giới thông tướng,
Tri kiến là vô đảo.*

Lìa cái hữu thể chân thật vô ngã không có một pháp nào khác. Vì vậy pháp giới tất cả là thông tướng, vì thể bình đẳng. Tri kiến như vậy gọi là thông tướng vô đảo.

Thế nào là tịnh bất tịnh vô đảo?

*Điên đảo, tà tư duy,
Chưa diệt và đã diệt,
Bất tịnh và tịnh này,
Là bất điên đảo kia.*

Tư duy bất chính và điên đảo còn tồn tại và chưa hết thì gọi là pháp giới không thanh tịnh. Nếu không còn tồn tại và đã hết thì gọi là pháp giới thanh tịnh. Nếu có tri kiến này thì gọi là không thanh tịnh và thanh tịnh không điên đảo. Như thứ tư.

Thế nào là khách vô đảo?

*Vì tính pháp giới tịnh,
Vị như tính hư không.*

*Hai thứ này là khách,
Là không điên đảo kia.*

Lại có pháp giới như chân hư không tự tính thanh tịnh. Hai thứ pháp này chẳng phải pháp cũ nên gọi là khác. Trước bất tịnh sau đến tịnh. Nếu có tri kiến này thì gọi là khách tướng vô đảo.

Thế nào là không sợ, không cao vô đảo?

*Nhiễm ô và thanh tịnh,
Pháp, nhân 2 đều không.
Nên không sợ, không ngạo,
Là 2 nơi vô đảo.*

Nhân là không nhiễm ô, không thanh tịnh, Pháp cũng như vậy. Trước không nhiễm ô, sau không thanh tịnh. Vì sao như thế? Vì nhân và pháp là phi thật hữu. Cho nên trong 2 cái không có một vật gì là tịnh phẩm và bất tịnh phẩm. Khi là bất tịnh, không có một pháp nào bị tổn giảm, khi thanh tịnh không có một pháp nào được tăng ích, làm cho 2 pháp này sinh sợ hãi hay sinh cao ngạo. Nếu có tri kiến này thì gọi là không sợ hãi không cao ngạo vô đảo. Như vậy 10 thứ vô đảo nên thứ tự an lập trong 10 thứ kim cương túc.

Những gì là 10 thứ kim cương túc?

1.Hữu vô vô đảo. 2.Y xứ vô đảo. 3.Ảo hóa thí dụ vô đảo. 4.Vô phân biệt vô đảo. 5.Tự tính thanh tịnh vô đảo. 6.Bất tịnh vô đảo. 7.Tịnh vô đảo. 8.Như chân không thí dụ vô đảo. 9.Bất giảm vô đảo. 10.Bất tăng vô đảo.

Đã nói xong về tùy pháp tu hành.

Thế nào là viễn ly nhị biên tu hành?

Như trong Kinh Bảo Đỉnh, Phật vì Ca-diếp v.v... nói vô tướng trung đạo. Thế nào là nhị biên? Để xa lìa đây, nên phải biết trung đạo này:

*Bên khác biệt, một bên,
 Ngoại đạo và Thanh Văn,
 Tăng ích và tổn giảm,
 Hai thứ người và pháp,
 Chẳng giúp bên đối trị,
 Đoạn thường là hữu biên,
 Năng thủ và sở thủ,
 Nhiệm tịnh có 2, 3.
 Phân biệt làm nhị biên,
 Nên biết có 7 thứ,
 Hữu vô và ưng chỉ,
 Năng chỉ khả úy úy,
 Bên năng thủ sở thủ,
 Chính tà sự vô sự,
 Không sinh và câu thời,
 Phân biệt bên hữu vô,*

Sắc v.v... các âm lập khác biệt với ngã. Một bên lập ngã và sắc là một. Một bên là lia cái nhị biên này Phật nói trung đạo, không thấy ngã, không thấy nhân, không thấy chúng sinh, và không thấy thọ giả. Vì sao như thế? Nếu người chấp ngã kiến thì không lia nhị biên này. Thọ giả khác biệt, thân cũng khác biệt. Nếu không thủ chấp, khác tức là thọ, danh tức là thân. Hai kiến này quyết định hữu vi. Trung đạo này không được khởi 2 chấp này. Sắc v.v... là thường còn, đó là biên chấp của ngoại đạo. Là vô thường, đó là biên chấp của Thanh Văn. Để lia nhị biên này nên Phật nói trung đạo. Sắc v.v... các pháp, không quán thường và vô thường, nên gọi là trung đạo. Hữu ngã thì bên tăng ích chê. Vô ngã thì bên tổn giảm chê, là vì có giả danh con người. Để lia nhị biên này nên Phật nói trung đạo. Hữu ngã vô ngã là hai. Trung đạo ở giữa không phải hai, vì không chạm đến phân biệt. Tâm thật hữu, là bên pháp tăng ích. Không thật hữu là bên pháp tổn giảm. Để lia nhị biên này nên Phật nói trung đạo. Nơi đây không ý,

không tâm, không thức, không tác ý. Tất cả pháp bất thiện là bất tịnh phẩm, chẳng phải trợ đạo. Tất cả pháp thiện là tịnh phẩm, là bên đối trị. Để lia cái nhị biên này nên Phật nói trung đạo. Phật nói cái nhị biên này không đi, không đến, không thí dụ, không ngôn thuyết. Hữu là bên thường nhân và pháp. Vô là bên đoạn nhân và pháp. Lia cái nhị biên này nên Phật nói trung đạo. Trung đạo là ở giữa không ở một trong 2 bên như trước đã nói. Vô minh là sở thủ một bên, năng thủ bên thứ hai. Như vô minh, minh cũng vậy. Tất cả các pháp hữu vi, sở thủ một bên, năng thủ một bên. Pháp vô vi cũng vậy. Như vô minh cho đến lão tử, sở thủ năng thủ, lão tử diệt sở thủ một bên, năng thủ bên thứ hai là diệt đạo, tức sở thủ năng thủ. Như vậy sở thủ năng thủ nhị biên do phần hắc và phần bạch khác biệt. Để lia nhị biên này nên Phật nói trung đạo. Phật nói vô minh và minh, 2 cái này là không, 2 không, như kinh đã nói rõ. Vì sao như thế? Vì vô minh và minh v.v... không có cái thể sở thủ năng thủ.

Nhiễm ô có 3 thứ: 1.Phiền não, 2.Nghiệp, 3.Sinh nhiễm ô. Phiền não nhiễm ô cũng có 3: 1.Các kiến, 2. Khởi tướng dục, sân, si, 3.Muốn tái sinh. Để đối trị 3 thứ này Phật nói pháp môn biết không giải thoát, biết vô tướng giải thoát, biết vô nguyện giải thoát. Nghiệp nhiễm ô là tạo tác thiện ác. Để đối trị nghiệp này Phật nói trí tuệ không tạo tác. Sinh nhiễm ô là lại có trung sinh, đã sinh, ý tâm và tâm pháp, mỗi niệm mỗi niệm sinh tướng hữu sinh liên tục không dứt. Để đối trị đây Phật nói trí tuệ là không sinh, trí tuệ không khởi, trí tuệ không tự tính. Diệt trừ 3 thứ nhiễm ô như vậy gọi là thanh tịnh. Biết không v.v..., và nhiễm ô không v.v..., là cảnh giới thanh tịnh. Trí và tất cả đối trị là hành thanh tịnh. Do hành này phiền não trừ, không khởi lại, là quả thanh tịnh. Ba thứ thanh tịnh nhiễm ô không này v.v... như 3 thứ thanh tịnh nhiễm ô sở tác không v.v..., vì tự tính các pháp là không, nên tự tính pháp giới không có gì khác biệt. Cho nên lại có trí tuệ không v.v... các pháp chẳng phải do nhiễm ô tạo ra và chẳng phải do trí tạo ra. Vì sao như vậy? Vì không v.v... tự tính

các pháp là có, vì tự tính pháp giới không nhiễm ô. Nếu người tư duy phân biệt pháp giới có lúc nhiễm ô có lúc thanh tịnh là biên chấp kiến tự tính không nhiễm ô, vì tự thể của pháp không nhiễm tịnh. Chấp này thành biên kiến. Để lia biên kiến này Phật nói trung đạo phi nhị không này là không, khiến các pháp không các pháp tự thể không, như Kinh Bảo Đỉnh có nói rõ.

Lại có 7 thứ phân biệt nhị biên. Những gì là 7? Một là hữu trung phân biệt một bên. Hai là vô trung phân biệt một bên. Có chân thật nhân, để diệt người này nên lập không. Có chân thật vô ngã, để diệt pháp này nên lập bất không. Do 2 phân biệt này khởi chấp có chấp không, để lia nhị biên này nên Phật nói trung đạo. Không, là không diệt nhân v.v...

Thế nào là sở vi vô sở vi? Vì tất cả pháp là tính tự nhiên, như kinh có nói rộng. Tất cả vô minh v.v... các hoặc nên chấm dứt khiến diệt. Minh v.v... các đạo pháp nên sinh. Khiến chấm dứt, tiêu diệt, phân biệt như vậy nên vì cái phải chấm dứt và khả năng chấm dứt, trong cái không phát sinh sự sợ hãi. Để lia 2 bên phân biệt này Phật nói thí dụ về không. Có thể phân biệt sợ hãi một bên. Do cái đáng sợ này phát sinh sợ hãi. Lại một bên phân biệt tạo ra sắc v.v... các trần phát sinh sợ hãi và sinh nổi khổ sợ hãi. Để lia 2 bên phân biệt sợ hãi này Phật nói thí dụ như người thợ vẽ. Thí dụ trước là dựa theo người Tiểu thừa mà nói. Nay thí dụ này là dựa vào Bồ-tát mà nói. Sở thủ phân biệt một bên, năng thủ phân biệt một bên. Để lia 2 bên này Phật nói thí dụ nhà ảo thuật. Vì sao như vậy? Trí duy thức tạo ra trí vô trần. Trí vô trần diệt trừ trí duy thức. Vì trần không tự thể nên thức cũng không sinh. Trong đây tương tự một bên là phân biệt chính vị, một bên là phân biệt tà vị. Phân biệt chân thật kiến là chính vị phân biệt tà vị. Để lia nhị biên này Phật nói thí dụ 2 cây đánh lửa. Ví như 2 cây vốn không có lửa trong đó nhưng từ đó phát ra lửa. Lửa phát ra trở lại đốt cháy 2 cây. Như vậy là tướng không chính vị và tướng chính

vị. Chân thật kiến chính thông đạt là tướng. Căn Thánh trí khởi rồi là chân thật kiến tướng chính vị. Lại có liễu diệt, trong đây thí dụ cho tương tự chân thật kiến. tà vị tướng không có tà vị tướng. tà vị cũng không tùy thuận chân thật vị. Phân biệt hữu sự một bên. Phân biệt vô sự là một bên. Hữu sự là phân biệt tác ý trước trí tuệ. Lại có phân biệt vô công dụng. Để lia 2 bên công đức này Phật nói thí dụ như đèn sáng.

Đã nói xong 14 thứ nhị biên tu hành. Thế nào là thắng hữu đẳng tu hành?

*Thắng hữu đẳng tu hành,
Phải biết trong 10 địa.*

Thế nào là thắng hữu đẳng tu hành? Trong 10 địa, tùy theo một, trong đây Ba-la-mật là vượt trội hơn cả không gì so sánh. Ba-la-mật này gọi là thắng tu hành. Nếu tất cả mọi nơi đều đồng không sai biệt, thì gọi là hữu đẳng tu hành.

Đã nói xong tu hành vô thượng. Thế nào là cảnh giới vô thượng?

*An lập và tính giới,
Sở thành năng thành tựu.
Trì quyết định y chỉ,
Thông đạt và quảng đại.
Phẩm hạnh và sinh giới,
Phải biết là tối thắng.*

Có 12 cảnh giới như vậy. Mười hai là những gì? 1.An lập pháp là cảnh giới, 2.Pháp tính cảnh giới, 3.Sở thành tựu cảnh giới. 4.Năng thành cảnh giới. 5.Trì cảnh giới. 6.Quyết trì cảnh giới. 7.Định y chỉ cảnh giới. 8.Thông đạt cảnh giới. 9.Tương tục cảnh giới. 10.Thắng đặc cảnh giới. 11.Sinh cảnh giới. 12.Tối thắng cảnh giới. Trong đây thứ nhất là các pháp Ba-la-mật v.v... như Phật đã an lập. Thứ 2 là pháp như như. Thứ 3 thứ 4, hai cái này thứ tự như trước, vì thông

đạt pháp giới. Thứ 6 là tu tuệ cảnh giới. Vì sao gọi là quyết trì? Là vì đã biết pháp này và có thể thụ trì. Thứ 7 là tu tuệ cảnh giới, vì dựa vào bên trong, dựa vào thể nên có thể duy trì. Thứ 8 là cảnh giới thấy trong sơ địa. Thứ 9 là tu đạo cảnh giới cho đến trong 7 địa. Thứ 10 là thể và xuất thể đạo trong 7 thứ địa, vì phẩm loại các pháp được thành tựu. Thứ 11 là trong địa thứ 8. Thứ 12 là địa thứ 9 v.v... 3 xứ, tức là cảnh giới thứ nhất, thứ hai như trước đã nói là cảnh giới bình đẳng trong các vị. Còn các cảnh giới khác thì 2 cái trước đã hiển thị sai biệt. Các cảnh giới đã nói, cái gì là tập khởi?

*Đầy đủ, không hủy báng,
Lánh lìa khiến viên mãn.
Sinh khởi và kiên cố,
Tùy sự không trụ xứ.
Không chướng và không bỏ,
Nên biết 10 tập khởi.*

Như vậy là tập khởi có 10 thứ. Trong đây nhân duyên đầy đủ gọi là tính tập khởi. Không hủy báng pháp Đại thừa gọi là nguyện lạc tập khởi. Tránh các pháp hạ thừa là phát tâm tập khởi. Tu hành viên mãn Ba-la-mật là tu hành tập khởi. Sinh khởi Thánh đạo là nhập chính vị tập khởi. Kiên cố thiện căn, thời gian lâu thường tu tập nên gọi là thành thực chúng sinh tập khởi. Tâm tùy sự được thành là tịnh độ tập khởi. Không trụ trong sinh tử Niết-bàn, được thụ ký vị không thoái chuyển, không thoái đọa sinh tử Niết-bàn nên diệt hết các chướng là Phật địa tập khởi. Không bỏ các việc này gọi là hiển Bồ-tát tập khởi. Như vậy luận này gọi là trung biên phân biệt hiển trung đạo, hoặc phân biệt trung đạo và nhị biên, vì có thể hiển hiện giữa và hai bên. Là sơ hậu, không chấp trước giữa và 2 nơi, đúng như lý phân biệt hiển hiện, nên gọi là Trung biên phân biệt luận.

*Luận này phân biệt trung,
Nghĩa chân thật rất sâu.*

*Đại nghĩa, nhất thiết nghĩa,
Trừ các không lành tốt.*

Tên và nghĩa của luận Trung biên phân biệt này như nói ở trước. Nghĩa bí mật rất sâu vì chẳng phải cảnh giới giác quán v.v..., vì nghĩa chân thật vững chắc, các thuyết không thể phá, vì là quả vô thượng Bồ-đề, vì đại nghĩa tự tha lợi ích làm nghĩa, vì tất cả nghĩa do đây luận nghĩa 3 thừa được hiển rõ. Có thể trừ tất cả những điều không lành tốt. Không lành tốt là 3 phẩm phiền não và 3 phẩm sinh tử. Có thể lia diệt sinh tử và phiền não không lành tốt này, có thể diệt sự chướng ngại 4 đức, có thể giữ gìn 4 đức, cho nên nói là trừ sự không lành tốt. Các nghĩa vô thượng nghĩa là lược nói có 3 thứ vô thượng: 1.Chính hành, 2.Chính y trì, 3.Chính hành quả. Đây tu hành như phẩm loại vô tỷ, như phương tiện, như Phật đã lập các pháp trong Đại thừa tư duy v.v...Như trước đã nói như đạo lý không tán động, không đảo. Nếu tu Xa-ma-tha thì không tán động. Nếu tu Tì-bà-xá-na thì không điên đảo biến đổi. Như sở vi là xuất ly tùy trung đạo, như ở trong 10 địa, như thắng hữu v.v... các hạnh. Không đảo các nghĩa, nghĩa là danh cú không đảo, thông đạt thiên định tướng nghĩa không đảo, thông đạt trí tuệ tướng tư duy không đảo, được xa lia nhân duyên điên đảo, vô bất tán động điên đảo. Đó là tướng trung đạo đạt được một cách rõ ràng khiến thành tựu biệt tướng vô đảo. Dựa vào đây khởi đối trị được sinh tử phân biệt đạo thông tướng vô đảo, được thông đạt tịnh phẩm tự tính bất tịnh và tịnh vô đảo, hoặc chướng chưa diệt và diệt được trí đều vô đảo, bất tịnh và tịnh thấy như thật không sợ hãi, không cao ngạo vô đảo, diệt trừ các chướng được xuất ly.

*Không Niết-bàn một nẻo
Phật nhật chiếu ánh sáng
Thánh chúng hành thuần thực
Người mù không thể thấy.*

*Mạng sống nơi yết hầu.
Khi sức các hoặc thịnh,
Cầu đạo chớ buông lung.*

Phẩm vô thượng thừa luận Trung biên phân biệt này hoàn tất.
Học Đại thừa Thích-ca đạo nhân Bà-tâu-bàn-đậu tạo.

*Tôi nay tạo luận này,
Cho đời tu phúc tuệ.
Khiến tất cả chúng sinh,
Được Bồ-đề như nguyện.*

QUYỂN HẠ HẾT

SỐ 1600
LUẬN BIỆN TRUNG BIÊN
QUYỀN THƯỢNG

*Thế Thân Bồ-tát tạo luận
Đường Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm 1: BIỆN TƯỚNG

*Kính lễ tạo luận này,
Thế Thiện Thế sinh ra.
Và các thầy dạy ta,
Gắng làm rõ nghĩa này.*

Trong đây trước tiên thiết lập thể của luận. Tụng nói:

*Chỉ tướng, chương, chân thật,
Và tu các đối trị.
Tức đây tu phần vị,
Được quả vô thượng thừa.*

Luận nói: Luận này chỉ nói 7 nghĩa.

1. Tướng
2. Chương
3. Chân thật
4. Tu các đối trị

5. Tu phần vị
6. Đắc quả
7. Vô thượng thừa.

Nay trong đây trước tiên nói rõ về tướng.

Tụng nói:

*Hư vọng phân biệt có,
Ở đây hai đều không.
Trong đây chỉ có không,
Nơi kia đây cũng có.*

Luận nói: Hư vọng phân biệt có, nghĩa là có phân biệt sở thủ năng thủ. Ở đây cả hai đều không, nghĩa là ngay nơi hư vọng phân biệt này vĩnh viễn không có 2 tính sở thủ năng thủ. Trong đây chỉ có không, nghĩa là trong hư vọng phân biệt chỉ có lia tính không sở thủ và năng thủ. Nơi kia đây cũng có, nghĩa là ngay trong 2 tính không kia cũng chỉ có hư vọng phân biệt này. Nếu ở đây phi hữu do quán kia là không, ngoài ra là phi vô, cho nên thật tri là hữu. Nếu như vậy tức năng vô đảo hiển thị tướng không. Lại tụng nói tiếp:

*Nên nói tất cả pháp,
Phi không phi bất không.
Vì có không và có,
Là hợp lý trung đạo.*

Luận nói: Tất cả pháp, là các pháp hữu vi và vô vi. Hư vọng phân biệt là hữu vi. Hai thủ tính không là vô vi. Dựa theo lý trước nên nói tất cả pháp này là phi không phi bất không. Do có tính không, hư vọng phân biệt, nên nói phi không. Do tính không sở thủ năng thủ, nên nói phi bất không. Có, là có tính không, hư vọng phân biệt. Không, là không 2 tính sở thủ năng thủ. Và có, là trong hư vọng phân biệt có tính không, và trong tính không, có hư vọng phân biệt. Là hợp lý trung đạo, nghĩa là tất cả pháp chẳng phải hoàn

toàn không, cũng chẳng phải hoàn toàn bất không. Diệu lý ấy khế hợp trung đạo, và cũng phù hợp các Kinh Bát-nhã nói tất cả pháp phi không phi hữu.

Như vậy là đã nói rõ hư vọng phân biệt hữu tướng vô tướng. Nay sẽ nói tự tướng này.

Tụng nói:

*Thức sinh biến tựa nghĩa,
Hữu tình, ngã và liễu.
Cảnh này thật phi hữu,
Cảnh không, nên thức không.*

Luận nói: Biến tựa nghĩa, nghĩa là tựa sắc v.v... các cảnh tính hiện. Biến tựa hữu tình, nghĩa là tựa tự tha thân, 5 căn tính hiện. Biến tựa ngã, nghĩa là nhiễm Mạt-na cùng ngã si hằng tương ưng. Biến tựa liễu, nghĩa là các 6 thức liễu biệt tướng thô. Cảnh này thật phi hữu, nghĩa là tựa nghĩa, tựa căn vì không hành tướng. tựa ngã, tựa liễu vì phi chân hiện, đều phi thật hữu. Cảnh không, nên thức không, nghĩa là nghĩa sở thủ v.v... 4 cảnh là không, nên các thức năng thủ cũng phi thật hữu.

Lại tụng nói:

*Tính hư vọng phân biệt
Do nghĩa này được thành.
Phi thật hữu toàn không,
Diệt đây được giải thoát.*

Luận nói: Hư vọng phân biệt do nghĩa này nên thành phi thật hữu. Như chỗ hiện khởi phi chân hữu, nên chẳng phải hoàn toàn không, vì trong đó có sinh một ít loạn thức. Vì sao không chấp nhận tính này hoàn toàn không? Vì chấp nhận diệt đây được giải thoát. Nếu khác đây thì trói buộc hay giải thoát đều không. Như vậy thành có lỗi là bác bỏ không có tạp nhiễm và thanh tịnh.

Đã nói rõ tự tướng của hư vọng phân biệt. Nay sẽ nói đến nhiếp tướng này. Chỉ có hư vọng phân biệt như vậy tức có thể đủ nhiếp 3 thứ tự tính. Tụng nói:

*Duy sở chấp y tha,
Và tính viên thành thật,
Vì cảnh nên phân biệt,
Và 2 không, nên nói.*

Luận nói: Y chỉ cảnh hư vọng phân biệt nên nói có tự tính biến kế sở chấp. Y chỉ tính hư vọng phân biệt nên nói có tự tính y tha khởi. Y chỉ cái tính không sở thủ năng thủ nên nói có tự tính viên thành thật.

Đã nói rõ nhiếp tướng của hư vọng phân biệt. Sẽ nói ngay nơi hư vọng phân biệt nhập vào tướng phương tiện vô tướng.

Tụng nói:

*Y thức có sở đắc,
Cảnh không sở đắc sinh,
Y cảnh không sở đắc,
Thức không sở đắc sinh.*

Luận nói: Y chỉ duy thức có sở đắc nên trước có nơi cảnh không sở đắc sinh ra. Lại dựa nơi cảnh không sở đắc nên sau có nơi thức không sở đắc sinh ra. Do phương tiện này được nhập vào cái không có tướng sở thủ năng thủ.

Tụng nói tiếp:

*Do thức có tính đắc,
Cũng thành không sở đắc,
Nên biết 2 có đắc,
Tính không đắc bình đẳng.*

Luận nói: Khi duy thức sinh, hiện tương tự các thứ cảnh hư vọng, nên gọi là có sở đắc. Bởi cảnh sở đắc là không thật tính, cho

nên thật tính năng đặc cũng không thành. Do thức năng đặc là không sở đặc nên 2 cái có sở đặc là sở thủ năng thủ đều bình đẳng thành tính không sở đặc.

Đã nói rõ tướng phương tiện nhập hư vọng phân biệt vô tướng. Nay sẽ nói về tướng sai biệt dị môn.

Tụng nói:

*Ba cõi tâm tâm sở
Là hư vọng phân biệt.
Chỉ rõ cảnh là tâm,
Còn biệt là tâm sở.*

Luận nói: Tướng sai biệt của hư vọng phân biệt, là các tâm tâm sở của cõi Dục Sắc và Vô sắc. Tướng dị môn, nghĩa là chỉ liễu biệt tướng chung của cảnh gọi là tâm. Còn liễu biệt sai biệt như thụ v.v... là các tâm sở pháp. Nay sẽ nói đến tướng sinh khởi này.

Tụng nói:

*Một gọi là duyên thức,
Thứ hai là thụ giả.
Trong đây năng thụ dụng,
Phân biệt đây tâm sở.*

Luận nói: Duyên thức, nghĩa là tàng thức.\, vì nó duyên sinh các thức khác. Tàng thức làm duyên sinh chuyển thức. Nó là chủ mọi thụ dụng, nên gọi là thụ giả. Trong các thức này, thụ thì năng thụ dụng, tướng thì năng phân biệt, tư, tác ý v.v... là các tương ưng hành. Ba thứ trợ tâm này có thể thúc đẩy các thức, nên gọi là tâm sở.

Tiếp theo sẽ nói về tướng tạp nhiễm.

Tụng nói:

*Phú chương và an lập,
Tương đạo, nhiếp viên mãn.*

*Ba phân biệt thụ dụng,
 Dẫn khởi và trói buộc.
 Vì hiện tiền quả khổ,
 Chỉ đây nãi thể gian.
 Ba hai bảy tạp nhiễm,
 Do hư vọng phân biệt.*

Luận nói: Phú chương, nghĩa là do vô minh che khuất lý như thật, chương ngại việc thấy chân lý. An lập, nghĩa là do các hành gieo trồng các nghiệp và huân tập trong bản thức. Tương đạo, nghĩa là thức hữu thủ dẫn dắt các hữu tình đến nơi sinh xứ. Nhiếp, nghĩa là danh sắc thâm nhiếp trong tự thể của hữu tình. Viên mãn, là 6 nội xứ khiến thể của các hữu tình đầy đủ. Ba phân biệt, nghĩa là xúc có thể phân biệt căn, cảnh, thức 3 thuận 3 thụ. Thụ dụng, là do tiếp thụ sự lãnh nạp 2 cảnh thuận nghịch hoặc phi thuận nghịch. Dẫn khởi, nghĩa là do ái lực khiến nghiệp trước dẫn khởi cái sau. Trói buộc, nghĩa là thủ khiến thức duyên thuận, dục v.v... sinh trói buộc. Hiện tiền, nghĩa là do hữu lực khiến nghiệp đã làm cùng với các quả dị thực hậu hữu được hiện tiền. Khổ quả, là sinh, lão, tử có tính bức bách đáp ứng với nhân trước. Chỉ 12 hữu chi nói đây bức nãi thể gian khiến không an ổn. Ba tạp nhiễm là: 1. Phiền nãi tạp nhiễm, là vô minh, ái, thủ. 2. Nghiệp tạp nhiễm, là hành hữu. 3. Sinh tạp nhiễm, là các chi khác. Hai tạp nhiễm là: 1. Nhân tạp nhiễm, tức nghiệp phiền nãi. 2. Quả tạp nhiễm, là các chi khác. Bảy tạp nhiễm, là 7 thứ nhân: 1. Điên đảo nhân, tức vô minh. 2. Khiên dẫn nhân, tức là hành. 3. Tương đạo nhân, tức là thức. 4. Nhiếp thụ nhân, tức danh, sắc 6 xứ. 5. Thụ dụng nhân, là xúc, thụ. 6. Dẫn khởi nhân, tức ái, thủ, hữu. 7. Yếm bố nhân, tức sinh, lão, tử. Các tạp nhiễm này không cái nào không do hư vọng phân biệt mà được sinh trưởng. Trước đây nói chung hiển thị 9 thứ tướng hư vọng phân biệt: 1. Hữu tướng, 2. Vô tướng, 3. Tự tướng, 4. Nhiếp tướng, 5. Nhập vô tướng phương tiện tướng. 6. Sai biệt tướng, 7. Dị môn tướng, 8. Sinh khởi tướng, 9. Tạp nhiễm tướng.

Như vậy là đã nói rõ về hư vọng phân biệt. Nay sẽ nói đến sở tri không tính.

Tụng nói:

*Các tướng và dị môn,
Nghĩa sai biệt thành lập.
Nên biết 2 không tính,
Lược nói chỉ do đây.*

Luận nói: Nên biết sở thủ năng thủ, tính nó là không. Lược nói chỉ do 5 tướng này. Tướng của sở tri không tính như thế nào?

Tụng nói:

*Không hai, vì có không
Chẳng có cũng chẳng không.
Chẳng khác cũng chẳng một,
Nên nói là tướng không.*

Luận nói: Không hai, là không sở thủ năng thủ. Có không, nghĩa là có cái không của 2 thủ. Đây tức hiển thị cái không vô tính làm tính. Cho nên cái tướng không này là phi hữu phi vô. Thế nào là phi hữu phi vô? Vì hai có. Thế nào là phi vô hữu? Vì hai không. Đây là hiển thị cái tướng không là phi hữu phi vô. Cái không này với hư vọng phân biệt kia chẳng phải khác nhau cũng chẳng phải là một. Nếu khác thì thành ra pháp tính khác với pháp, là trái chính lý. Như tính khổ v.v... Nếu là một thì chẳng phải cảnh của tịnh trí, cũng chẳng phải tướng chung. Đây tức hiển thị cái không với vọng phân biệt lìa tướng một tướng khác.

Thế nào là dị môn của sở tri không tính?

Tụng nói:

*Lược nói không dị môn,
Là chân như thật tế.*

*Tính vô tướng thắng nghĩa,
Nên biết như pháp giới.*

Luận nói: Lược nói tính không, có dị môn này. Nên biết thế nào là nghĩa của dị môn.

Tụng nói:

*Không biến đổi, không đảo,
Tướng diệt Thánh trí cảnh.
Và các Thánh pháp nhân,
Dị môn nghĩa như thế.*

Luận nói: Tức trong đây nói sở tri tính không. Do nghĩa không biến đổi nói là chân như, vì chân tính thường như không chuyển dịch. Do nghĩa vô đảo, nói là thật tế, chẳng phải các điên đảo vì y duyên sự. Do nghĩa tướng diệt, nói là vô tướng, vì trong đây vĩnh tuyệt tất cả tướng. Do nghĩa cảnh của Thánh trí, nói là tính thắng nghĩa, là vì nghĩa sở hành của trí tối thắng. Do nghĩa của nhân Thánh pháp, nói là pháp giới, vì tất cả Thánh pháp duyên đây mà sinh.

Thế nào là nên biết không tính sai biệt?

Tụng nói:

*Tạp nhiễm thanh tịnh này,
Do hữu cấu vô cấu.
Như thủy giới hoàn toàn,
Không tịnh nên là tịnh.*

Luận nói: Không tính sai biệt sơ lược có 2 thứ: một là tạp nhiễm, hai là thanh tịnh. Đây thành nhiễm tịnh do phần vị khác nhau. Nghĩa là hữu cấu vị, nói là tạp nhiễm. Khi xuất ly cấu vị, nói là thanh tịnh. Tuy trước tạp nhiễm sau thành thanh tịnh mà không phải chuyển biến thành mất đi. Như thủy giới v.v... xuất ly khách trần. Không tịnh cũng vậy, không phải tính của nó chuyển biến. Sai biệt của cái không

này lại có 16 thứ. Đó là nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không, không không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, vô tán không, bản tính không, tướng không, nhất thiết pháp không, vô tính không, vô tính tự tính không.

Làm sao biết sơ lược các nghĩa này?

Tụng nói:

*Năng thực và sở thực,
Đều trụ ở nơi thân.
Thấy được như lý này,
Sở cầu 2 tịnh không.
Là thường lợi hữu tình,
Là không bỏ sinh tử,
Là thiện vô cùng tận,
Nên quán đây là không.
Là trống tính thanh tịnh,
Là được các tướng tốt,
Là tịnh các Phật pháp,
Nên Bồ-tát quán không.*

Luận nói: Năng thực không, nghĩa là y nội xứ nói tức là nội không. Sở thực không, nghĩa là y ngoại xứ nói tức là ngoại không. Đây y vào thân, nghĩa là năng thực sở thực đều y chỉ nơi thân. Thân này không, nên gọi là nội ngoại không. Các khí thể gian, nói là chỗ trụ. Cái tướng này rộng lớn, nên gọi là đại. Chỗ trụ là không, nên gọi là đại không. Có thể thấy đây, nghĩa là trí có thể thấy nội xứ v.v... là không. Không trí là không, nên nói là không không. Như lý, nghĩa là thắng nghĩa, tức như thật hành sở quán chân lý. Đây tức không, nên gọi là thắng nghĩa không. Bồ-tát tu hành để được 2 tịnh, tức các thiện pháp hữu vi vô vi. Hai cái này không, nên gọi là hữu vi không và vô vi không. Vì đối với hữu tình thường làm lợi ích mà quán không, nên

gọi tắt cánh không. Sinh tử dài lâu không có mốc giới ban đầu và sau cùng, quán cái không này, nên gọi là vô tế không. Không quán là không, để rồi nhanh chóng chán bỏ, vì không chán bỏ sinh tử này, nên quán cái sinh tử không biên tế này là không, để tu thiện đến địa vị vô dư y Bát-niết-bàn. Cũng không tán bỏ mà quán không, nên gọi là vô tán không. Chúng tính các Thánh, tự thể vốn có, không phải do tập mà thành, gọi là bản tính. Bồ-tát vì đây để mau được thanh tịnh mà quán không, nên gọi là bản tính không. Bồ-tát để được tướng hảo của Đại sĩ mà quán không, nên gọi là tướng không. Bồ-tát để khiến cho lực, vô úy v.v... tất cả Phật pháp đều được thanh tịnh mà quán cái không này, nên gọi nhất thiết pháp không. Mười bốn thứ không này tùy riêng biệt mà an lập.

Trong đây cái gì gọi là không?

Tụng nói:

*Pháp Bồ-đặc-già-la,
Thật tính đều phi hữu.
Vô tính hữu tính này,
Nên biệt lập 2 không.*

Luận nói: Bồ-đặc-già-la và pháp thật tính đều phi hữu, nên gọi là vô tính không. Cái vô tính không này chẳng phải vô tự tính. Cái không, lấy vô tính làm tự tính, nên gọi là vô tính tự tính không. Ở trước có nói năng thực không v.v... là hiển thị cái không tướng, biệt lập ra 2 không. Đây là để ngăn chặn Bồ-đặc-già-la pháp là tăng ích chấp, không, là tổn giảm chấp. Như thứ tự lập 2 không sau.

Như vậy là đã nói rõ sự sai biệt của không tính. Nên biết đây thành lập nghĩa như thế nào?

Tụng nói:

*Đây nếu không tạp nhiễm,
Tất cả phải tự thoát.*

*Đây nếu không thanh tịnh,
Công dụng phải không quả.*

Luận nói: Nếu các pháp không, chưa sinh đối trị, không khách tạp nhiễm, thì tất cả hữu tình không do công dụng phải tự nhiên giải thoát. Nếu đối trị đã sinh, cũng không thanh tịnh thì phải cầu giải thoát, cần lao không có quả vậy.

Tụng nói:

*Phi nhiễm, phi bất nhiễm,
Phi tịnh, phi bất tịnh.
Vì tâm tính vốn tịnh,
Do khách trần làm nhiễm.*

Luận nói: Thế nào là phi nhiễm phi bất nhiễm? Vì tâm tính vốn tịnh. Thế nào là phi tịnh phi bất tịnh? Vì do khách trần làm nhiễm. Đó gọi là thành lập nghĩa sai biệt của không. Trước đây nghĩa chung của không, có 2 thứ, nghĩa là tướng an lập. Tướng lại có 2, là vô và hữu. Không tính hữu tướng, ly hữu, ly vô, ly dị, ly nhất là tướng của nó. Phải biết an lập tức dị môn v.v...

Phẩm 2: BIỆN CHƯỚNG

Đã nói rõ về tướng. Nay sẽ nói về chướng. Tụng nói:

*Đủ phần và một phần,
Tăng tịnh và bình đẳng,
Nơi sinh tử thủ xả,
Nói tướng 2 chủng tính.*

Luận nói: Đủ chướng phần chướng, nghĩa là phiền não chướng và sở tri chướng. Trong chủng tính các Bồ-tát, pháp có đủ chướng. Một phần chướng, là phiền não chướng, vì nó là pháp chướng ngại các chủng tính Thanh Văn v.v... Tăng tịnh chướng, là tham v.v... các hành. Bình đẳng chướng, là các phần hành kia. Thủ xả sinh tử

có thể chứng ngại chủng tính Bồ-tát để được vô trụ Niết-bàn gọi là có chứng thủ xả đối với sinh tử Niết-bàn. Như vậy 5 chứng tùy theo trường hợp tương ứng nói 2 thứ chủng tính của chứng Bồ-tát và Thanh Văn v.v...

Lại nữa tụng nói:

*Chín thứ tướng phiền não,
Là ái ... có 9 kết,
Hai chứng trước yếm xả,
Còn 7 chứng kiến chân.
Là năng chứng thân kiến,
Việc kia diệt đạo bảo,
Lợi dưỡng và cung kính ...
Vì xa lìa biến tri.*

Luận nói: Tướng của phiền não chứng sơ lược có 9 thứ. Đó là ái v.v... 9 thứ kết ái kết chứng yếm. Do đó đối với thuận cảnh không thể chán lìa nên sân kết chứng xả. Do đó đối với nghịch cảnh không thể lìa bỏ nên 7 kết chứng khác chân kiến. Đối với 7 biến tri có chứng như sau. Nghĩa là mạn kết có thể chứng ngại thân kiến biến tri. Khi tu hiện quán ngã mạn hiện khởi có khi gián đoạn có khi không gián đoạn, do thế lực này nên nó không dứt. Vô minh kết có thể chứng thân kiến sự biến tri, do đó không biết các thủ uẩn. Kiến kết có thể chứng diệt để biến tri, do Tát-ca-da và biên chấp kiến bố úy diệt, do tà kiến báng diệt. Thủ kết có thể chứng đạo để biến tri, vì lấy các pháp khác làm tịnh. Nghi kết có thể chứng Tam bảo biến tri, do đây không tin thụ công đức Tam bảo. Tật kết có thể chứng lợi dưỡng, cung kính v.v... biến tri, do đây không thấy lỗi lầm của kia. Xan kết có thể chứng viễn ly biến tri, do đây tham trước các phương tiện về đời sống. Lại có chứng khác có thể chứng thiện v.v... 10 thứ tịnh pháp. Tướng nó như thế nào?

Tụng nói:

*Không gia hành phi xír,
 Không như lý không sinh,
 Không khởi chính tư duy,
 Tư lương chưa viên mãn.
 Khuyết chủng tính thiện hữu,
 Tâm cực mệt tính chán,
 Và thiếu nơi chính hạnh,
 Thô xấu là đồng cư,
 Đảo thô trọng 3 dư,
 Bát-nhã chưa thành thực,
 Và bản tính thô trọng,
 Tính giải đãi phóng dật,
 Trước hữu trước tư tài,
 Và tâm tính hạ liệt,
 Không tin không thắng giải,
 Như nói mà nghĩ nghĩ,
 Khinh pháp trọng danh lợi,
 Không thương xót hữu tình,
 Thiếu nghe và ít nghe,
 Không tu trị diệu định.*

Luận nói: Như vậy là các pháp chướng ngại thiện v.v... Tương của các thiện bị chướng ngại là như thế nào?

Tụng nói:

*Thiện Bồ-đề nhiếp thụ,
 Có tuệ, không loạn chướng.
 Hồi hướng, không sợ, xan,
 Tự tại gọi là thiện v.v...*

Luận nói: Như vậy thiện v.v... 10 thứ tịnh pháp, ai trước đã nói có bao nhiêu chướng?

Tụng nói:

Như vậy là 10 thiện v.v...

Đều có 3 chương trước.

Luận nói: Thiện có 3 chương: 1. Không gia hành. 2. Phi xứ gia hành. 3. Không như lý gia hành. BỒ-đề có 3 chương: 1. Không sinh thiện pháp. 2. Không khởi chính tư duy. 3. Tư lương chưa viên mãn. Phát BỒ-đề tâm gọi là nhiếp thụ. Đây có 3 chương: 1. Khuyết chủng tính. 2. Khuyết thiện hữu. 3. Tâm hết sức mệt mỏi chán nản. Có tuệ, nghĩa là BỒ-tát đối với sự hiểu rõ tính này, có 3 chương: 1. Khuyết chính hạnh. 2. Cùng ở với người thô bỉ. 3. Cùng ở với người xấu. Trong đây người thô bỉ, là loại ngu si thích hủy hoại người khác cho là người ác. Không loạn, có 3 chương: 1. Điên đảo thô trọng. 2. Phiền não v.v... trong 3 chương, tùy một có các tính khác. 3. Có thể thành thực giải thoát tuệ chưa thành thực. Tính chương đoạn diệt gọi là vô chương. Đây có 3 chương: 1. Câu sinh thô trọng. 2. Tính biếng nhác. 3. Tính phóng dật. Hồi hướng có 3 chương khiến tâm hướng đến những cái khác mà không hướng về vô thượng chính đẳng BỒ-đề: 1. Tham trước các hữu. 2. Tham trước tư tài. 3. Tâm tính thấp kém. Không sợ, có 3 chương: 1. Không tin trọng BỒ-đặc-già-la. 2. Đối với pháp không thắng giải. 3. Như nói mà suy nghĩ nghĩa. Không xan, có 3 chương: 1. Không tôn trọng chính pháp. 2. Tôn trọng danh dự, lợi dưỡng, cung kính. 3. Tâm không thương xót đối với các hữu tình. Tự tại có 3 chương khiến không được tự tại: 1. Thiếu nghe sinh trưởng có thể cảm thiếu pháp nghiệp. 2. Ít nghe. 3. Không tu trị thắng Tam-ma-địa.

Lại nữa, như vậy các chương đối với thiện v.v...10 thứ, tùy theo các nghĩa khác mà có 10 năng tác, tức là y theo nghĩa kia nên biết tên này. Mười năng tác là:

1. Sinh khởi năng tác. Như nhãn v.v... đối với nhãn thức v.v...

2. An trụ năng tác. Như 4 cách ăn đối với loài hữu tình.
3. Nhiệm trì năng tác. Nghĩa là tự nhiên như khí thể gian đối với hữu tình thể gian.
4. Chiếu liễu năng tác. Như ánh sáng đối với các màu sắc.
5. Biến hoại năng tác. Như lửa v.v... làm chín thức ăn.
6. Phân ly năng tác. Như cái kiếm có thể cắt đứt các vật.
7. Chuyển biến năng tác. Như thợ kim hoàn có thể làm vàng thành các thứ vòng xuyên.
8. Tín giải năng tác. Như khói v.v... đối với lửa v.v...
9. Hiện liễu năng tác. Như nguyên nhân đối với tôn chỉ.
10. Chí đặc năng tác. Như Thánh đạo v.v... đối với Niết-bàn v.v...

Y theo nghĩa như vậy nên tụng nói:

*Hữu năng có 10 thứ,
Là sinh, trụ, trì, chiếu,
Biến, phân ly, chuyển biến,
Tín giải, hiện, chí đặc.
Như thức nhân thực địa,
Lửa đèn, lưỡi liềm, thợ,
Khói, nguyên nhân, Thánh đạo,
Với thức mà tạo ra.*

Phải biết đối với thiện v.v... các chương cũng như vậy.

1. Sinh khởi chương, là đối với việc thiện các thiện pháp phải sinh khởi.
2. An trụ chương, là đối với Bồ-đề thì đại Bồ-đề là không thể động.
3. Nhiệm trì chương, là đối với sự nhiếp thụ thì lấy tâm Bồ-đề có thể giữ gìn.

4. Chiêu liễu chướng, là đối với tuệ thì tuệ tính có thể chiếu soi tỏ rõ.
5. Biến hoại chướng, là đối với sự không loạn thì chuyển diệt mê loạn, gọi là biến hoại.
6. Phân ly chướng, nghĩa là đối với sự không chướng ngại, nó là sự trói buộc của chướng ngại.
7. Chuyên biến chướng, nghĩa là đối với sự hồi hướng thì dùng tướng chuyển biến của tâm Bồ-đề.
8. Tín giải chướng, nghĩa là đối với sự sợ hãi, không tin hiểu, thì có sợ hãi.
9. Hiện liễu chướng, nghĩa là đối với sự không keo kiệt, đối với sự không keo kiệt giáo pháp, làm cho người khác được hiểu rõ.
10. Chí đắc chướng, nghĩa là đối với sự tự tại thì đây là tướng có thể được tự tại.

Về nghĩa tuần tự của 10 pháp sở chướng là muốn chứng vô thượng Bồ-đề, trước phải sinh khởi thắng thiện căn. Sức của thắng thiện căn gìn giữ nên ắt được an trụ vô thượng Bồ-đề. Để thiện căn được tăng trưởng tiếp đến phải phát khởi tâm đại Bồ-đề. Tâm Bồ-đề này với tính Bồ-tát làm chỗ y chỉ. Như vậy Bồ-tát do đã phát khởi tâm đại Bồ-đề và được sức của thắng thiện căn duy trì nên đoạn các loạn đảo khởi vô loạn đảo. Do không loạn đảo trong kiến đạo, tiếp đến tu đạo đoạn tất cả chướng. Đã đoạn chướng rồi, đem các thiện căn hồi hướng vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Do sức hồi hướng duy trì nên đối với pháp sâu rộng không sinh sợ hãi và thấy công đức vượt trội của pháp ấy, có thể vì người khác khai thị giảng nói rộng rãi. Bồ-tát được các thứ sức công đức gìn giữ nên mau chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Đối với các pháp đều được tự tại. Đó gọi là 10 nghĩa tuần tự của thiện v.v...

Tuy các pháp thiện v.v... tức giác phần của Ba-la-mật-đa, nhưng công đức của các địa có chung và riêng khác nhau. Nay sẽ nói rõ các chướng sai biệt của Bồ-đề phần kia.

Tụng nói:

*Giác phần độ các địa,
Phải biết có chướng riêng.*

Luận nói: Lại nữa nơi giác phần Ba-la-mật-đa, công đức của các địa đều có chướng riêng. Nơi Bồ-đề phần có chướng riêng là:

Tụng nói:

*Với sự không khéo léo,
Biếng nhác định giảm hai.
Không trông tính yếu kém,
Thấy lỗi làm thô nặng.*

Luận nói: Trong 4 niệm trụ có chướng là đối với các việc không khéo léo. Trong 4 chính đoạn có chướng biếng nhác. Trong 4 thần túc có chướng làm giảm 2 việc Tam-ma-địa, một là đối với viên mãn dục cần tâm quán, tùy giảm một, hai là đối với trong tu tập 8 đoạn hành, tùy giảm một. Trong 5 căn có chướng là không trông viên mãn thuận giải thoát phần thắng thiện căn. Trong 5 lực có chướng là tính yếu kém. Nghĩa là 5 căn do chướng xen tạp trong đó có tính yếu kém. Trong 7 đẳng giác chi có chướng là sai lầm trong cái thấy. Đây là kiến đạo hiển thị. Trong 8 chi Thánh đạo có chướng là sai lầm thô trọng. Đây là tu đạo hiển thị.

Trong đạo bị ngạn có chướng riêng là:

Tụng nói:

*Chướng phú quý nẻo thiện,
Chẳng bỏ các hữu tình,*

*Với mắt đức giảm tăng,
 Khiến nẻo vào giải thoát.
 Nào chướng thí ... các thiện,
 Vô tận cũng vô gián,
 Sở tác thiện quyết định,
 Thụ dụng pháp thành thực.*

Luận nói: Đây nói sự chướng ngại của việc đắc quả 10 thứ Ba-la-mật-đa để cho thấy rõ cái chướng của tự tính 10 thứ Ba-la-mật-đa. Nghĩa là đối với bố thí Ba-la-mật-đa thì nói cái chướng giàu sang tự tại. Đối với tịnh giới Ba-la-mật-đa thì nói cái chướng nẻo thiện. Đối với an nhẫn Ba-la-mật-đa thì nói cái chướng không bỏ hữu tình. Đối với tinh tiến Ba-la-mật-đa thì nói cái chướng giảm tội lỗi tăng công đức. Đối với tinh lực Ba-la-mật-đa thì nói chướng cái pháp khiến người được hóa độ hướng vào. Đối với Bát-nhã Ba-la-mật-đa thì nói cái chướng giải thoát. Đối với phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa thì nói cái chướng thí v.v... các thiện vô cùng tận. Do đây hồi hướng vô thượng Bồ-đề, khiến thí v.v... các thiện là vô cùng tận. Đối với nguyện Ba-la-mật-đa thì nói cái chướng trong tất cả thụ sinh, thiện chuyển biến không ngừng. Do sức đại nguyện nhiếp thụ có thể thuận thiện pháp sinh. Đối với lực Ba-la-mật-đa thì nói cái chướng chỗ tác thiện được quyết định. Do sức tư trạch và sức tu tập có thể đê bẹp chướng kia chứ không phải kia bị đê bẹp. Đối với trí Ba-la-mật-đa thì nói cái chướng thành thực pháp tự tha thụ dụng. Không như nghe nói mà hiểu nghĩa.

Trong công đức các địa có chướng riêng là:

Tụng nói:

*Biến hành cùng tới thắng,
 Thắng lưu và vô nhiếp,
 Liên tục không sai khác,
 Không tạp nhiễm thanh tịnh.*

*Các pháp không sai khác
 Và không tăng không giảm
 Và cũng không phân biệt
 Bốn tự tại y nghĩa.
 Nơi 10 pháp giới đây
 Có không nhiễm, vô minh
 Chướng công đức 10 địa
 Nên gọi là 10 chướng.*

Luận nói: Trong biến hành 10 pháp giới có chướng bất nhiễm vô tri. Công đức của 10 địa theo thứ tự lập ra chướng 10 địa. Nghĩa là pháp giới chứng trong sơ địa gọi là biến hành. Nghĩa là do thông đạt chứng này được pháp tính tự tha bình đẳng. Pháp giới chứng trong địa thứ 2 gọi là tối thắng. Nghĩa là do thông đạt chứng này mà suy nghĩ như vậy: Ta nay đồng xuất ly, nên phải tương ưng tu trị tất cả hành, gọi là siêng tu tương ưng xuất ly. Pháp giới chứng trong địa thứ 3 gọi là thắng lưu. Nghĩa là do thông đạt đây, biết chỗ nghe pháp là pháp giới thanh tịnh tối thắng đẳng lưu. Để cầu pháp này, dầu có hàm lửa to lớn đến 3 ngàn đại thiên thế giới gieo mình xuống mà được, cũng không cho là khó. Pháp giới chứng trong địa thứ 4 gọi là vô nhiễm. Nghĩa là do thông đạt đây, cho đến pháp ái cũng đều chuyển diệt. Pháp giới chứng trong địa thứ 5 gọi là tương tục không sai biệt. Nghĩa là do thông đạt đây, được 10 ý lạc tịnh tâm bình đẳng. Pháp giới chứng trong địa thứ 6 gọi là không tạp nhiễm không thanh tịnh. Nghĩa là do thông đạt đây, biết pháp duyên khởi là không nhiễm không tịnh. Pháp giới chứng trong địa thứ 7 gọi là các pháp không sai biệt. Nghĩa là do thông đạt đây, biết pháp là vô tướng bất hành trong các thứ pháp tướng của khế kinh. Pháp giới chứng trong địa thứ 8 gọi là không tăng không giảm. Nghĩa là do thông đạt đây, viên mãn chứng đắc vô sinh pháp nhẫn, trong các pháp thanh tịnh tạp nhiễm không thấy một pháp có tăng có giảm. Có 4 tự tại: 1. Vô phân biệt tự tại. 2. Tịnh độ tự tại. 3. Trí tự tại. 4. Nghiệp tự tại. Pháp giới làm chỗ

sở y của 4 thứ này, nên có nghĩa là 4 tự tại sở y chỉ. Trong địa thứ 8 chỉ có thể thông đạt 2 nghĩa đầu của tự tại sở y chỉ. Trong địa thứ 9 cũng có thể thông đạt nghĩa của trí tự tại sở y, vì viên mãn chứng đắc vô ngại giải. Trong địa thứ 10 lại có thể thông đạt nghĩa của nghiệp tự tại sở y, vì ý muốn hóa độ có thể làm các việc lợi lạc hữu tình.

Tụng nói:

*Đã nói các phiền não,
Và các chương sở tri,
Hết 2 cái này thì
Giải thoát tất cả chương.*

Luận nói: Do 2 thứ này bao gồm tất cả chương. Khi hai thứ này hết thì giải thoát tất cả chương. Nghĩa chung trong chương trước là có 11 thứ: 1.Quảng đại chương, nghĩa là đủ phần chương. 2.Hiệp tiêu chương, nghĩa là một phần chương. 3.Gia hành chương, nghĩa là tăng thịnh chương. 4.Chí đắc chương, nghĩa là bình đẳng chương. 5.Thù thắng chương, nghĩa là thủ xả sinh tử chương. 6.Chính gia hành chương, nghĩa là 9 phiền não chương. 7.Nhân chương, nghĩa là hay làm chương ngại 10 thiện. 8.Nhập chân thật chương, nghĩa là giác phần chương. 9.Vô thượng tịnh chương, nghĩa là đáo bỉ ngạn chương. 10.Sai biệt thú chương này, nghĩa là chương 10 địa. 11.Nhiếp chương, nghĩa là sơ lược có 2 chương.

QUYỀN THƯỢNG HẾT

LUẬN BIỆN TRUNG BIÊN

QUYỂN TRUNG

Phẩm 3: BIỆN CHÂN THẬT

Đã nói xong về chương, nay sẽ nói về chân thật.

Tụng nói:

*Chân thật chỉ có 10,
Là căn bản và tướng,
Không điên đảo nhân quả
Và thô tế chân thật.
Cực thành tịnh sở hành,
Nhiếp thụ và sai biệt.
Mười thiện xảo chân thật
Đều là trừ ngã kiến.*

Luận nói: Phải biết chân thật chỉ có 10 thứ: 1.Căn bản chân thật. 2.Tướng chân thật. 3.Không điên đảo chân thật. 4.Nhân quả chân thật. 5.Thô tế chân thật. 6.Cực thành chân thật. 7.Tịnh sở hành chân thật. 8.Nhiếp thụ chân thật. 9.Sai biệt chân thật. 10.Thiện xảo chân thật. Đây lại có 10 thứ là vì muốn khiến trừ 10 ngã kiến. Mười thiện xảo là: 1.Uẩn thiện xảo. 2.Giới thiện xảo. 3.Xứ thiện xảo. 4.Duyên khởi thiện xảo. 5.Xứ phi xứ thiện xảo. 6.Căn thiện xảo. 7.Thể thiện xảo. 8.Đế thiện xảo. 9.Thừa thiện xảo. 10.Hữu vi vô vi pháp thiện xảo.

Trong đây, căn bản chân thật là gì? Là 3 tự tính: 1. Biến kế sở chấp tự tính. 2. Y tha khởi tự tính. 3. Viên thành thật tự tính. Dựa vào đây mà thành lập các chân thật khác. Ở đây nói trong 3 tự tính, nghĩa nào là chân thật?

Tụng nói:

*Ở trong 3 tự tính,
Chỉ một thường phi hữu.
Một hữu chẳng chân thật,
Một hữu không chân thật.*

Luận nói: Ngay ở trong 3 tự tính này, tướng biến kế sở chấp là thường phi hữu. Chỉ có cái thường phi hữu trong tính này là chân thật vì không điên đảo. Tướng y tha khởi là hữu mà chẳng chân thật. Chỉ có cái hữu phi chân ở trong y tha khởi là chân thật vì có loạn tính. Tướng viên thành thật cũng là hữu phi hữu. Chỉ cái hữu phi hữu ở trong tính này là chân thật, vì có không tính.

Tướng chân thật là thế nào?

Tụng nói:

*Nơi pháp thường thủ thủ,
Và sở thủ năng thủ,
Trong tính hữu phi hữu,
Thấy tăng ích tổn giảm.
Biết thế nên không chuyển,
Đó là tướng chân thật.*

Luận nói: Nơi tất cả pháp, Bồ-đặc-già-la thấy có tăng ích tổn giảm. Nếu biết như vậy nên kia không chuyển. Đó là tướng chân thật của tự tính biến kế sở chấp. Trong các pháp sở thủ năng thủ thấy có tăng ích và tổn giảm. Nếu biết như vậy nên kia không chuyển. Đó là tướng chân thật của tự tính y tha khởi. Đối với hữu phi hữu thấy có

tăng ích và tổn giảm. Nếu biết như vậy nên kia không chuyên. Đó là tướng chân thật của tự tính viên thành thật. Đây trong tướng căn bản chân thật không điên đảo nên gọi là tướng chân thật. Không điên đảo chân thật, nghĩa là tính vô thường, khổ, không, vô ngã, do đây trị thường v.v...4 đảo kia.

Làm sao biết được vô thường này v.v...được lập dựa trên căn bản chân thật?

Tụng nói:

*Vô tính với sinh diệt,
Cấu tịnh 3 vô thường.
Sở thủ và sự tướng,
Hòa hợp khổ 3 thứ.
Không và hữu 3 thứ,
Là tự tính không khác.
Vô tướng và dị tướng,
Tự tướng 3 vô ngã.
Nhu tiếp 4, 3 thứ,
Y căn bản chân thật.*

Luận nói: Ba vô thường là:

1. Vô tính vô thường, là biến kế sở chấp. Thường này là không.
2. Sinh diệt vô thường, là y tha khởi. Cái khởi này có lúc hết.
3. Cấu tịnh vô thường, là viên thành thật. Vì vị chuyển biến.

Ba thứ khổ là:

1. Sở thủ khổ, là biến kế sở chấp. Vì Bỏ-đặc-già-la pháp chấp sở thủ.
2. Sự tướng khổ, là y tha khởi. Vì có 3 tướng khổ.
3. Hòa hợp khổ, là viên thành thật. Vì hợp các tướng khổ.

Ba thứ không là:

1. Vô tính không, là biến kế sở chấp. Đây không có một lý thú nào có thể nói là hữu, vì do phi hữu này mà nói là không.
2. Dị tính không, là y tha khởi. Như chỗ vọng chấp không phải hữu, chẳng phải tất cả chủng tính là hoàn toàn không.
3. Tự tính không, là viên thành thật. Vì 2 không, hiển thị tự tính.

Ba vô ngã là:

1. Vô tướng vô ngã, là biến kế sở chấp. Vì tướng này vốn không, nên gọi vô tướng. Tức nơi vô tướng này gọi là vô ngã.
2. Dị tướng vô ngã, là y tha khởi. Tướng này tuy là hữu, nhưng không như tướng hữu của biến kế sở chấp kia, nên gọi là dị tướng. Tức nơi cái tướng khác này mà nói là vô ngã.
3. Tự tướng vô ngã, là viên thành thật. Cái vô ngã hiển thị làm tự tướng. Tức nơi tự tướng này mà nói là vô ngã.

Như vậy đã nói 4 thứ vô thường, khổ, không, vô ngã, như tuân tự y vào căn bản chân thật đều chia làm 3 thứ. Nghĩa là 4 thứ, mỗi thứ đều có 3 thứ như btrước nói.

Nhân quả chân thật, là 4 Thánh đế. Vì sao đây y vào căn bản chân thật?

Tụng nói:

*Đã nói 3 tướng khổ,
Tập cũng có 3 thứ,
Là tập khí, đẳng khởi,
Và tướng vị ly hệ.
Hai tự tính không sinh,
Cấu tịch nhị tam diệt.*

*Biển tri và vĩnh đoạn,
Chứng đắc 3 đạo đế.*

Luận nói: Khổ đế có 3, nghĩa là vô thường v.v... 4 thứ, mỗi thứ có 3 tướng hư trước đã nói.

Ba tập đế là:

1. Tập khí tập, là biến kế sở chấp. Tự tính chấp tập khí.
2. Đẳng khởi tập, là nghiệp phiền não.
3. Vị ly hệ tập, là chưa lia chương chân như.

Ba diệt đế là:

1. Tự tính diệt, là vì tự tính không sinh.
2. Hai thủ diệt, là vì sở thủ năng thủ cả 2 không sinh.
3. Bản tính diệt, là cấu tịch 2 thứ, tức trạch diệt và chân như.

Ba đạo đế là:

1. Biển tri đạo
2. Vĩnh đoạn đạo
3. Chứng đắc đạo.

Nên biết rằng trong đây, nơi biến kế sở chấp chỉ có biển tri, nơi y tha khởi có biển tri và vĩnh đoạn, nơi viên thành thật có biển tri và chứng đắc. Cho nên y vào đây mà thiết lập đạo đế.

Thô tế chân thật, là thế tục đế và thắng nghĩa đế. Vì sao đây y vào căn bản chân thật?

Tụng nói:

*Nên biết thế tục đế,
Có ba thứ sai biệt.
Là giả, hành, hiển liễu,
Y vào ba căn bản.*

*Thắng nghĩa để cũng ba,
Là nghĩa, đặc, chính hành,
Y bản một vô biến,
Vô đảo hai viên thật.*

Luận nói: Thế tục để có 3 thứ: 1.Giả thế tục. 2.Hành thế tục. 3.Hiển liễu thế tục. Ba thế tục này theo thứ tự như vậy được thiết lập dựa vào 3 căn bản chân thật.

Thắng nghĩa để cũng có 3: 1.Nghĩa thắng nghĩa. Nghĩa là cảnh của thắng trí chân như, gọi là thắng nghĩa. 2.Đặc thắng nghĩa. Tức Niết-bàn. Vì đây là thắng quả và cũng là nghĩa lợi. 3.Chính hành thắng nghĩa. Tức Thánh đạo, lấy thắng pháp làm nghĩa. Nên biết 3 thắng nghĩa này được thành lập chỉ dựa vào viên thành thật trong 3 căn bản. Viên thành thật này, nói chung có 2 thứ là vô vi và hữu vi, vì có sai biệt. Vô vi thì tổng nhiếp chân như Niết-bàn, không biến đổi nên gọi là viên thành thật. Hữu vi thì tổng nhiếp tất cả Thánh đạo. Đối với cảnh không điên đảo nên cũng gọi là viên thành thật.

Cực thành chân thật, sơ lược có 2 thứ: 1.Thế gian cực thành chân thật.

2.Thánh đạo cực thành chân thật.

Hai cái này y vào căn bản chân thật kia mà thành lập như thế nào?

Tụng nói:

*Thế cực thành y một,
Lý cực thành y ba.*

Luận nói: Nếu sự thế gian cùng an lập. Tùy theo tập quán nhập vào giác tuệ thủ lấy. Tất cả thế gian đều đồng chấp một việc như thế, như đất, chẳng phải lửa, chẳng phải âm thanh v.v..., gọi là thế gian cực thành chân thật. Cái này trong 3 căn bản chân thật chỉ dựa vào biến kế sở chấp mà thành lập. Nếu có nghĩa lý thông duệ, tư duy suy

tìm tốt, y vào 3 lượng chứng thành đạo lý mà thiết lập, thì gọi là đạo lý cực thành chân thật. Cái này dựa vào căn bản 3 chân thật mà lập.

Tịnh sở hành chân thật, sơ lược cũng có 2 thứ: 1. Phiền não chương tịnh trí sở hành chân thật. 2. Sở tri chương tịnh trí sở hành chân thật.

Hai cái này y vào căn bản chân thật kia mà thành lập như thế nào?

Tụng nói:

*Tịnh sở hành có hai,
Y một viên thành thật.*

Luận nói: Phiền não sở tri 2 chương, tịnh trí sở hành chân thật, trong căn bản 3 chân thật chỉ dựa vào viên thành thật mà thành lập. Vì 2 cái kia không phải cảnh của tịnh trí này.

Làm sao biết tướng, tên, phân biệt, chân như, chính trí, gồm trong căn bản 3 chân thật?

Tụng nói:

*Tên biến kế sở chấp,
Tướng phân biệt y tha.
Chân như và chính trí,
Gồm trong viên thành thật.*

Luận nói: Tướng v.v...5 việc tùy chỗ thích ứng, đều gồm trong 3 thứ chân thật. Nghĩa là tên thì gồm trong tướng biến kế sở chấp, và phân biệt thì gồm trong y tha, viên thành thật thì gồm thân chân như chính trí.

Sai biệt chân thật, sơ lược có 7 thứ: 1. Lưu chuyển chân thật. 2. Thật tướng chân thật. 3. Duy thức chân thật. 4. An lập chân thật. 5. Tà hạnh chân thật. 6. Thanh tịnh chân thật. 7. Chính hành chân thật.

Làm sao 7 chân thật này dựa vào 3 căn bản chân thật mà thành lập?

Tụng nói:

*Lưu chuyển với an lập,
Tà hạnh y hai trước,
Thật tướng duy thức tịnh,
Chính hạnh y một sau.*

Luận nói: Lưu chuyển v.v... 7 thứ tùy chỗ thích ứng, gồm trong căn bản 3 thứ chân thật. Nghĩa là lưu chuyển, an lập, tà hạnh kia y vào biến kế sở chấp và y tha khởi trong căn bản, còn thật tướng duy thức thanh tịnh chính hạnh thì y vào viên thành thật trong căn bản mà thành lập.

Thiện xảo chân thật nghĩa là đối trị 10 ngã kiến. Nói có 10 thứ, làm sao trong uẩn v.v... khởi 10 ngã kiến?

Tụng nói:

*Trong uẩn v.v... ngã kiến,
Chấp một nhân, thụ giả,
Tác giả tự tại chuyển,
Nghĩa tăng thượng và thường,
Tạp nhiễm thanh tịnh y
Quán trói mở là tính.*

Luận nói: Trong uẩn v.v... 10 pháp khởi 10 thứ ngã kiến: 1. Tính chấp một. 2. Tính chấp nhân. 3. Tính chấp thụ giả. 4. Tính chấp tác giả. 5. Tính chấp tự tại chuyển. 6. Tính chấp nghĩa tăng thượng. 7. Tính chấp thường. 8. Tính chấp nhiễm tịnh sở y. 9. Tính chấp quán hành giả. 10. Tính chấp trói mở. Tu 10 thiện xảo để trừ kiến chấp này. Vì sao 10 thứ thiện xảo chân thật dựa vào 3 căn bản chân thật mà thành lập? Bởi uẩn v.v... 10 thứ không thứ nào không gồm trong 3 thứ tự tính căn bản. Gồm đâu trong 3 tự tính như thế nào?

Tụng nói:

*Phân biệt sở chấp này,
Nghĩa pháp tính nơi đó.*

Luận nói: Uẩn v.v... 10 thứ mỗi thứ đều có 3 nghĩa. Trong sắc uẩn có 3 nghĩa là: 1. Sở chấp nghĩa sắc, nghĩa là tính biến kế sở chấp của sắc. 2. Phân biệt nghĩa sắc, nghĩa là tính y tha khởi của sắc. Trong đó lấy sự phân biệt làm sắc. 3. Pháp tính nghĩa sắc, nghĩa là tính viên thành thật của sắc. Giống như trong sắc uẩn có 3 nghĩa, thụ v.v... 4 uẩn giới v.v... 9 pháp đều có 3 nghĩa phù hợp. Như vậy uẩn v.v... do 3 nghĩa khác biệt không nghĩa nào không nhập vào trong 3 tính kia, cho nên phải biết 10 thiện xảo chân thật đều dựa vào căn bản 3 chân thật mà lập.

Như vậy tuy nói là muốn đối trị 10 thứ ngã kiến nên tu uẩn v.v... các thiện xảo, nhưng chưa nói đến nghĩa riêng của các uẩn này. Vậy trước tiên phải biết nghĩa uẩn như thế nào?

Tụng nói:

*Chẳng một và tổng lược,
Nghĩa phân đoạn là uẩn.*

Luận nói: Phải biết nghĩa của uẩn sơ lược có 3 thứ: Một là chẳng một nghĩa, như khế kinh nói các sở hữu sắc v.v... hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong , hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc kém, hoặc hơn, hoặc xa, hoặc gần. Hai là nghĩa tổng và lược, như khế kinh nói như vậy tất cả lược lại làm một tụ. Ba là nghĩa phân đoạn, như khế kinh nói sắc uẩn v.v... đều an lập riêng tương sắc v.v..., cho nên do nghĩa tụ đây mà thành nghĩa uẩn. Lại nữa thấy nghĩa tụ của thế gian gọi là uẩn.

Đã nói nghĩa uẩn. Thế nào là nghĩa giới?

Tụng nói:

*Năng sở thủ kia thủ
Nghĩa chủng tử là giới.*

Luận nói: Nghĩa năng thủ chủng tử, nghĩa là nhãn v.v... 6 nội giới. Nghĩa sở thủ chủng tử, là sắc v.v... 6 ngoại giới. Nghĩa kia thủ chủng tử, là nhãn thức v.v... 6 thức giới. Đã nói nghĩa của giới. Còn nghĩa của xứ như thế nào?

Tụng nói:

*Năng thụ sở liễu cảnh,
Nghĩa dụng môn là xứ.*

Luận nói: Trong đây nghĩa năng thụ thụ dụng môn, nghĩa 6 nội xứ. Nếu nghĩa của sở liễu cảnh thụ dụng môn, nghĩa là 6 ngoại xứ. Đã nói xong nghĩa của xứ. Nghĩ duyên khởi như thế nào?

Tụng nói:

*Nghĩa duyên khởi nơi nhân,
Quả dụng không tăng giảm.*

Luận nói: Đối với nhân quả dụng, nếu không tăng ích và không tổn giảm là nghĩa của duyên khởi. Nên biết rằng trong đây nhân tăng ích là chấp hành v.v... có nhân bất bình đẳng, nhân tổn giảm, là chấp kia không có nhân. Quả tăng ích, là chấp có ngã hành v.v... duyên vô minh v.v... sinh. Quả tổn giảm, là chấp vô minh v.v... không hành v.v... quả. Tăng ích thụ dụng, là chấp vô minh v.v... đối với sinh, hành v.v... có tác dụng riêng. Tổn giảm dụng là, chấp vô minh đối với sinh, hành v.v... hoàn toàn không có công năng. Nếu không có 3 tăng giảm chấp như vậy thì biết là duyên khởi thiện xảo.

Đã nói xong nghĩa duyên khởi. Nghĩa của xứ phi xứ là thế nào?

Tụng nói:

*Với phi ái ái tịnh,
Câu sinh và thắng chủ,
Đắc hành không tự tại
Là nghĩa xứ phi xứ.*

Luận nói: Nghĩa của xứ phi xứ sơ lược do 7 thứ không được tự tại, cần phải biết tướng của nó.

1. Đối với phi ái, không được tự tại. Nghĩa là do ác hạnh, tuy không ái dục mà đọa ác thú.
2. Đối với khả ái, không được tự tại. Nghĩa là do diệu hạnh, tuy không ái dục mà thắng thiện thú.
3. Đối với thanh tịnh, không được tự tại. Nghĩa là không đoạn 5 cái, không tu 7 giác chi, quyết định không thể tạo khổ biên tế.
4. Đối với câu sinh, không được tự tại. Nghĩa là một thế giới không 2 Như Lai, 2 Chuyển luân vương đồng thời xuất hiện.
5. Đối với thắng chủ, không được tự tại. Nghĩa là người nữ không làm Chuyển luân vương.
6. Đối với chứng đắc, không được tự tại. Nghĩa là người nữ không chứng Độc Giác, vô thượng chính đẳng Bồ-đề.
7. Đối với hiện hành, không được tự tại. Nghĩa là đã kiến đế thì không hiện hành hại sinh các việc. Có thể hiện hành các loại dị sinh nhiều giới, trong kinh có nói rộng các điều này, tùy đó mà quyết định là xứ hay phi xứ.

Như vậy đã nói xong nghĩa của xứ phi xứ. Nghĩa của căn như thế nào?

Tụng nói:

*Căn trong thủ, trụ, tục,
Dùng hai tịnh tăng thượng.*

Luận nói: Hai mươi hai căn dựa vào 6 việc nghĩa tăng thượng mà lập. Nghĩa là trong khi thủ cảnh, nhãn v.v...6 căn có nghĩa tăng thượng. Mạng căn trong khi trụ một thời kỳ tương tục có nghĩa tăng thượng. Nam nữ 2 căn trong khi làm việc nối dõi có nghĩa tăng thượng. Trong năng thụ dụng cái vui của nghiệp quả thiện ác v.v... 5

căn có nghĩa tăng thượng. Trong thế gian tịnh tín v.v... 5 căn có nghĩa tăng thượng. Trong xuất thế gian vị trí v.v... các căn có nghĩa tăng thượng. Đã nói xong nghĩa của căn. Thế nghĩa như thế nào?

Tụng nói:

*Nhân quả đã, chưa dùng,
Phải biết là thế nghĩa.*

Luận nói: Phải biết nhân quả đã và chưa thụ dụng, tùy chỗ thích hợp, 3 đời nghĩa khác nhau. Nghĩa là trong nhân quả đều đã thụ dụng, là nghĩa quá khứ. Nếu trong nhân quả đều chưa thụ dụng, là nghĩa vị lai. Nếu đã thụ dụng nhân chưa thụ dụng quả, là nghĩa hiện tại. Đã nói xong thế nghĩa. Còn đế nghĩa là thế nào?

Tụng nói:

*Thụ và thụ tư lương,
Kia là nhân các hành,
Hai tịch diệt đối trị
Nên biết là đế nghĩa.*

Luận nói: Nên biết đế là 4 Thánh đế:

1. Khổ thánh đế. Nghĩa là tất cả thụ và thụ tư lương. Trong khế kinh nói các thụ đều là khổ. Thụ tư lương, nghĩa là thuận thụ pháp.
2. Tập thánh đế. Nghĩa là tức các khổ kia là nhân các hành.
3. Diệt thánh đế. Nghĩa là 2 thứ trước rốt ráo vắng lặng.
4. Đạo thánh đế. Nghĩa là đạo có khả năng đối trị dứt khổ, tập.

Đã nói xong đế nghĩa. Còn nghĩa của thừa là như thế nào?

Tụng nói:

*Do công đức, tội lỗi,
Và trí vô phân biệt,*

*Y tha tự xuất ly,
Nên biết là thừa nghĩa.*

Luận nói: Nên biết thừa, tức là 3 thừa. Trong đây nghĩa của 3 thừa được hiển thị như sau. Nếu từ người khác nghe công đức của Niết-bàn, tội lỗi của sinh tử mà phát khởi trí này, do trí này nên được xuất ly, đó là Thanh Văn thừa. Không phải nghe từ người khác công đức của Niết-bàn, tội lỗi của sinh tử mà tự phát khởi trí này, do trí này nên được xuất ly, đó là Độc Giác thừa. Nếu tự nhiên khởi trí vô phân biệt, do trí này được xuất ly, đó là vô thượng thừa. Đã nói thừa nghĩa xong. Thế nào là nghĩa của pháp hữu vi vô vi?

Tụng nói:

*Nghĩa hữu vi vô vi,
Là như giả, như nhân,
Như tướng, như vắng lặng,
Như nghĩa sở quán kia.*

Luận nói: Nên biết trong này nói giả, tức là tên gọi v.v..., nhân tức chủng tử thân chứa trong tàng thức, tướng tức là khí thể giới thân căn cùng các thứ thụ dụng. Và chuyển thức nhiếp ý thủ tư duy. Ý, nghĩa là cái thức có tính luôn luôn suy lường. Thủ, nghĩa là 5 thức thủ hiện cảnh. Tư duy tức ý thức thứ 6, vì có khả năng phân biệt tất cả cảnh. Như vậy giả, nhân, tướng, và các pháp tương ưng, gọi chung là hữu vi. Như vắng lặng, nghĩa là diệt sở chứng và đạo năng chứng. Có thể vắng lặng cho nên cái nghĩa sở quán kia, tức là chân như, là cảnh sở duyên của đạo vắng lặng. Như vậy nghĩa sở quán của các vắng lặng đã nói, gọi chung là vô vi. Nên biết trong đây duyên uẩn v.v... 10 nghĩa khởi chính tri, gọi là thiện xảo của uẩn v.v...

Nghĩa chung của chân thật, sơ lược có 2 thứ: năng hiển và sở hiển chân thật. Năng hiển chân thật, tức là 3 thứ căn bản trước tiên,

vì nó có thể hiển thị các cái khác. Sở hiển chân thật, tức là 9 thứ sau, vì được hiển thị bởi căn bản ban đầu. Chín sở hiển là:

1. Lia tăng thượng mạn, sở hiển chân thật.
2. Đối trị điên đảo, sở hiển chân thật.
3. Thanh Văn thừa xuất ly, sở hiển chân thật.
4. Vô thượng thừa xuất ly, sở hiển chân thật, vì do thô có thể thành thực tế, có thể giải thoát.
5. Có thể hàng phục các luận khác, sở hiển chân thật, vì dựa vào thí dụ đưa ra lý hàng phục người khác.
6. Hiển rõ Đại thừa, sở hiển chân thật.
7. Nhập vào tất cả thứ sở tri, sở hiển chân thật.
8. Hiển thị chân như không hư vọng, sở hiển chân thật.
9. Nhập vào ngã chấp sự tất cả bí mật, sở hiển chân thật.

Phẩm 4: BIỆN TU ĐỐI TRỊ

Đã nói xong về chân thật. Nay tiếp nói về tu các đối trị. Tức tu tất cả pháp Bồ-đề phần. Trong đây, trước tiên phải nói tu niệm trụ.

Tụng nói:

*Bởi ái nhân thô nặng,
 Vì ngã sự không mê.
 Để vào 4 Thánh đế,
 Phải biết tu niệm trụ.*

Luận nói: Thô nặng do thân được hiển rõ, cho nên quan sát đây được ngộ nhập khổ thánh đế, vì thân có các tướng thô nặng về hành vi, và các thô nặng tức hiện hành tính khổ. Do quán thánh đế này thấy hữu lậu đều là khổ. Các thụ của hữu lậu nói là nhân của ái, cho nên quán sát đây sẽ ngộ nhập tập thánh đế. Tâm là duyên sự sở y của

ngã chấp, cho nên quán sát đây sẽ ngộ nhập diệt thánh đế. Sợ cái ngã đoạn diệt do tách rời đây, cho nên quán sát pháp, đối với pháp nhiệm tịnh xa lìa ngu mê là ngộ nhập đạo thánh đế. Cho nên đó là lý ngộ nhập 4 Thánh đế trước tiện nói tu quán 4 niệm trụ.

Đã nói xong về tu niệm trụ. Nay sẽ nói về tu chính đoạn.

Tụng nói:

*Đã biết khắp chương trì,
Cả mọi thứ sai biệt,
Là xa lìa tu tập
Siêng tu 4 chính đoạn.*

Luận nói: Trước tu niệm trụ đã có thể biết khắp tất cả phẩm loại sai biệt củ chương trì. Nay để xa lìa pháp sở chương trì và để tu tập đạo năng đối trị, phải siêng năng tu tập 4 chính đoạn. Như nói đã sinh pháp ác, bất thiện, vì vậy nên đoạn trừ. Cho đến nói rộng.

Đã nói tu chính đoạn. Nay sẽ nói về tu thần túc.

Tụng nói:

*Y trụ tính kham năng,
Là tất cả sự thành.
Diệt trừ 5 tội lỗi,
Siêng tu 8 đoạn hành.*

Luận nói: Dựa vào chỗ tu trước, tinh tiến lìa các tập, tâm được an trụ chỗ kham năng. Để thắng sự thành tựu nên tu 4 thần túc, vì đó là nhân muốn được các thắng sự. Trụ, nghĩa là tâm trụ, vì đây túc là đẳng trì. Cho nên tiếp chính đoạn là nói 4 thần túc. Tính kham năng này, nghĩa là có khả năng diệt trừ 5 thứ tội lỗi, tu 8 đoạn hành.

Thế nào là 5 thứ tội lỗi?

Tụng nói:

*Lười biếng quên lời Phật,
Và hôn trầm, trạo cử,
Bất tác hành, tác hành
Đó là 5 tội lỗi.*

Luận nói: Nên biết rằng trong đây hôn trầm và trạo cử hợp lại làm một lỗi. Nếu để diệt trừ hôn trầm trạo cử mà không làm gia hành, hoặc đã diệt trừ hôn trầm trạo cử mà lại làm gia hành, cả hai đều là sai lầm. Để trừ 5 thứ này phải tu 8n đoạn hành. Hành tướng của chúng được an lập như thế nào?

Tụng nói:

*Để đoạn trừ biếng nhác,
Tu dục, cần, tín, an.
Tức sở y, năng y,
Và sở nhân, năng quả.
Để trừ 4 lỗi khác,
Tu niệm, trí, tư, xả,
Ký ngôn, giác, trầm, trạo,
Phục hành diệt đấng lưu.*

Luận nói: Để diệt trừ biếng nhác, tu 4 đoạn hành là: 1. Dục. 2. Chính cần. 3. Tín. 4. Khinh an. Nên biết như sau. Tức sở y v.v... Sở y, nghĩa là sở y của dục, cần. Năng y, nghĩa là cần y vào dục mà khởi. Sở nhân, nghĩa là tín là sở y. Dục sinh khởi nhân gần. Nếu tin thụ kia liền sinh hi vọng. Năng quả, nghĩa là an là năng y. Cần gần sinh quả. Cần, tinh tiến là được thắng định.

Để đối trị 4 tội lỗi sau, như thường tu 4 thứ đoạn hành khác: 1. Niệm. 2. Chính trí. 3. Tư. 4. Xả. Nên biết theo thứ tự như thế. Tức ký ngôn v.v... Ký ngôn, nghĩa là có thể niệm không quên mất cảnh, vì ghi nhớ lời Phật dạy. Giác trầm trạo, tức là chính trí, do niệm ký ngôn có thể tùy biết được hôn trầm trạo cử 2 lỗi làm. Phục hành, nghĩa là

tư, do có thể tùy biết được lỗi của hôn trầm trạo cử rồi, để muốn phục trừ nên phát khởi gia hành. Diệt đẳng lưu, nghĩa là hôn trầm và trạo cử kia đã diệt rồi, tâm liền trụ nơi xả, bình đẳng lưu xuất.

Đã nói tu thần túc xong. Nay sẽ nói về tu 5 căn. Tu 5 căn an lập như thế nào?

Tụng nói:

*Đã trông thuận giải thoát,
Lại tu 5 tăng thượng.
Là muốn hành không mất,
Không tán loạn tư trạch.*

Luận nói: Do 4 thần túc nên tâm được kham năng, thiện căn thuận giải thoát phần được đầy đủ. Lại phải tu tập 5 thứ tăng thượng: 1. Dục tăng thượng. 2. Gia hành tăng thượng. 3. Không mất cảnh tăng thượng. 4. Không tán loạn tăng thượng. 5. Tư trạch tăng thượng. Năm thứ này như tuần tự tức tín v.v... 5 căn.

Đã nói xong tu 5 căn. Nay sẽ nói tu 5 lực. Những gì là 5 lực và thứ tự như thế nào?

Tụng nói:

*Tức tổn chướng là lực,
Lập thứ tự nhân quả.*

Luận nói: Như trước đã nói tín v.v... 5 căn, có cái dụng thắng thế lại nói là lực. Nghĩa là có thể đè bẹp tiêu diệt cái bất tín chướng, cũng không bị kia trà trộn. Năm lực này lậpn theo thứ tự nhân quả, vì dựa vào nhân trước dẫn đến kết quả sau. Nghĩa là nếu quyết định tin có nhân quả thì phát khởi siêng năng tinh tiến để được quả này. Siêng năng btinh tiến rồi liền trụ chính niệm. Trụ chính niệm thì tấmmđược định. Tâm được định rồi mới có thể biết như thật. Đã biết như thật thì không việc gì không hoàn thành. Cho nên thứ tự này dựa theo nhân quả mà lập.

Như trước đã nói, thuận giải thoát phần đã viên mãn rồi lại tu 5 căn. Vị tu tập nào là thuận quyết trạch phần? Năm căn vị hay 5 lực vị?

Tụng nói:

*Thuận quyết trạch hai hai,
Tại 5 căn, 5 lực.*

Luận nói: Trong thuận quyết trạch phần, noãn, đỉnh 2 thứ ở trong 5 căn vị. Nhẫn và thể đệ nhất pháp ở trong 5 lực vị.

Đã nói tu 5 lực xong. Nay nói về tu giác chi. Tu giác chi được an lập như thế nào?

Tụng nói:

*Giác chi lược có 5,
Là sở y tự tính,
Xuất ly và lợi ích,
Với 3 chi vô nhiễm.*

Luận nói: Các chi này trợ giúp cho sự giác ngộ, nên gọi là giác chi, do giác chi vị này ở tại kiến đạo. Rộng thì có 7 thứ, sơ lược thì có 5 chi: 1. Giác sở y chi, tức là niệm. 2. Giác tự tính chi, tức trạch pháp. 3. Giác xuất ly chi, tức tinh tiến. 4. Giác lợi ích chi, tức hỷ. 5. Giác vô nhiễm chi. Đây lại có 3 thứ là an, định và xả.

Vì sao lại nói vô nhiễm là 3?

Tụng nói:

*Do nhân duyên sở y,
Nghĩa tự tính sai biệt,
Nên khinh an, định, xả,
Gọi là vô nhiễm chi.*

Luận nói: Khinh an tức là nhân duyên của vô nhiễm. Tho nặng là nguyên nhân sinh các tạp nhiễm. Khinh an là gần với sự đối trị. Sở

y là tự tính của định, tức xả. Cho nên nghĩa vô nhiễm này đặc biệt có 3.

Đã nói xong tu giác chi. Nay sẽ nói về tu đạo chi. Tu đạo chi được an lập như thế nào?

Tụng nói:

*Phân biệt và hồi thị,
 Khiến người tin có 3.
 Đối trị chướng cũng 3,
 Nên đạo chi thành 8.*

Luận nói: Trong tu đạo vị thiết lập đạo chi, cho nên đạo chi này rộng thì có 8, sơ lược có 4:

1. Phân biệt chi, tức chính kiến. Đây tuy là thế gian nhưng sau được xuất thế gian, do trong kiến đạo vị có thể phân biệt tự sở chứng.

2. Hồi thị tha chi, tức chính tư duy, chính ngữ, một phần đăng khởi, phát ngôn dạy bảo người khác.

3. Linh tha tín chi. Đây có 3 thứ, tức chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng.

4. Đối trị chướng chi. Cũng có 3 thứ, tức chính tinh tiến, chính niệm, chính định. Do đó đạo chi sơ lược có 4, rộng thì có 8.

Vì lẽ gì 2 chi sau mỗi thứ đều chia 3?

Tụng nói:

*Biểu kiến, giới, viễn ly,
 Khiến người tin thụ sâu.
 Đối trị bản tùy hoặc,
 Cùng với tự tại chướng.*

Luận nói: Chính ngữ v.v...3 theo thứ tự biểu thị rồi. Kiến, giới, viễn ly khiến người tin thụ, nghĩa là do chính ngữ luận nghị

quyết trạch khiến người tin hiểu. Đã có thắng tuệ, do chính nghiệp nên không làm tà nghiệp khiến người tin hiểu. Đã có tịnh giới, do chính mạng nên ứng lượng, ứng thời, như pháp khát cầu y bát v.v... khiến người tin. Đã có thắng viễn ly, chính tinh tiến v.v... 3 thứ tự đối trị bản tùy 2 phiền não và tự tại chướng. Sở đối trị này, sơ lược có 3 thứ: 1. Căn bản phiền não, tức tu sở đoạn. 2. Tùy phiền não, tức hôn trầm trạo cử. 3. Tự tại chướng, tức chướng ngại những gì dẫn đến công đức thắng phẩm. Trong đây chính tinh tiến riêng có thể đối trị. Trước tiên là đối trị kia siêng tu đạo, nên chính niệm riêng có thể đối trị. Thứ hai là buộc niệm an trụ trong các tướng, vì xa lìa hôn trầm và trạo cử chính định riêng có thể đối trị. Thứ ba là dựa vào thắng tĩnh lực có thể mau chóng dẫn phát các thần thông vì công đức thù thắng.

Làm thế nào biết được sự tu trị sai biệt?

Tụng nói:

*Hữu đảo thuận vô đảo,
Vô đảo theo hữu đảo,
Vô đảo theo vô đảo,
Là tu trị sai biệt.*

Luận nói: Tu đối trị này sơ lược có 3 thứ: 1. Hữu điên đảo thuận vô điên đảo. 2. Vô điên đảo theo hữu điên đảo. 3. Vô điên đảo theo vô điên đảo. Như vậy 3 tu trị sai biệt như sau tại dị sinh hữu học vô học vị Bồ-tát. Làm sao biết được tướng sai biệt tu đối trị của nhị thừa?

Tụng nói:

*Chỗ tu tập Bồ-tát,
Do sở duyên tác ý,
Mà chứng đắc thù thắng,
Khác với hàng nhị thừa.*

Luận nói: Thanh Văn và Độc Giác dùng cái thân tương tục của mình v.v... làm cảnh mà tu đối trị. Bồ-tát dùng thân tương tục tự tha v.v... làm cảnh mà tu đối trị. Thanh Văn Độc Giác đối với cảnh như thân v.v... dùng hành tướng vô thường v.v... tư duy mà tu đối trị. Còn các Bồ-tát đối với cảnh như thân v.v... lấy hành tướng vô sở đắc tư duy mà tu đối trị. Thanh Văn Độc Giác tu niệm y tụ v.v... chỉ vì thân v.v... mau được lìa sự trói buộc. Còn chư Bồ-tát tu niệm trụ v.v... không vì thân v.v... mau được lìa sự trói buộc, mà chỉ vì chứng đắc vô trụ Niết-bàn. Chỗ tu trị của Bồ-tát và nhị thừa do 3 duyên này mà có sai khác.

Nghĩa tổng quát của tu đối trị là khai giác tu, tổn giảm tu, oánh súc tu, phát thượng tu, lân cận tu, nghĩa là lân cận kiến đạo, chứng nhập tu, tăng thắng tu, sơ vị tu, trung vị tu, hậu vị tu, hữu thượng tu, vô thượng tu, nghĩa là sở duyên tác ý cho đến được thù thắng.

Phẩm 5: BIỆN TU PHẦN VỊ

Đã nói xong tu đối trị. Còn tu phần vị như thế nào?

Tụng nói:

*Nói về tu đối trị,
Có 18 phần vị.
Là nhân, nhập, hành, quả,
Vô tác, tác, thù thắng,
Vô thượng, thượng, giải hành,
Nhập, xuất ly, ký, thuyết,
Quán đỉnh và chứng đắc,
Thắng lợi, thành sở tác.*

Luận nói: Như trước đã nói tu các đối trị có 18 thứ phần vị sai biệt:

1. Nhân vị, nghĩa là trụ chung tính Bồ-đặc-già-la.
2. Nhập vị, nghĩa là đã phát tâm.

3. Gia hành vị, nghĩa là đã phát tâm , chưa được quả chứng.
4. Quả vị, nghĩa là đã được quả.
5. Hữu sở tác vị, nghĩa là trụ hữu học.
6. Vô sở tác vị, nghĩa là trụ vô học.
7. Thù thắng vị, nghĩa là đã thành tựu các thần thông v.v... các công đức thù thắng.
8. Hữu thượng vị, nghĩa là vượt các Thanh Văn v.v... đã nhập Bồ-tát địa.
9. Vô thượng vị, nghĩa là đã thành Phật, từ đây trở lên không có địa vị nào hơn.
10. Thắng giải hành vị, nghĩa là tất cả Bồ-tát ở Thắng giải hành địa.
11. Chứng nhập vị, tức là Cực hỷ địa.
12. Xuất ly vị, tức là sau địa thứ 6.
13. Thụ ký vị, tức là địa thứ 8.
14. Biện thuyết vị, tức là địa thứ 9.
15. Quán đỉnh vị, tức là địa thứ 10.
16. Chứng đắc vị, tức là pháp thân Phật.
17. Thắng lợi vị, tức là thụ dụng thân.
18. Thành sở tác vị, tức là biến hóa thân.

Nên biết rằng các phần vị này tuy khác nhau nhiều, nhưng sơ lược chỉ có 3 thứ. Ba thứ là những gì?

Tụng nói:

*Nên biết trong pháp giới,
Lược có 3 phần vị:
Bất tịnh, tịnh bất tịnh,
Thanh tịnh, tùy thích ứng.*

Luận nói: Trong nhân pháp giới vị có 3, tùy chỗ thích ứng gồm sáu các vị: 1. Bất tịnh vị, nghĩa là từ nhân vị đến gia hành vị. 2. Tịnh bất tịnh vị, nghĩa là hữu học vị. 3. Thanh tịnh vị, nghĩa là vô học vị. Làm sao biết được dựa vào các sai biệt trước kiến lập Bồ-đặc-già-la?

Tụng nói:

*Dựa vào các vị trước,
Có các tướng sai biệt,
Tùy thích ứng thiết lập
Các Bồ-đặc-già-la.*

Luận nói: Nên biết dựa vào tướng sai biệt các vị trước mà thiết lập Bồ-đặc-già-la. Nghĩa là đây trụ nơi chủng tính, đây đã phát tâm v.v...

Nghĩa tổng quát của tu phân vị, nghĩa là kham năng vị tức chủng tính vị, phát thú vị tức nhập gia hành vị, bất tịnh vị, tịnh bất tịnh vị, thanh tịnh vị, hữu trang nghiêm vị, biến mãn vị, tức biến mãn 10 địa nên là vô thượng vị.

QUYỀN TRUNG HẾT

LUẬN BIỆN TRUNG BIÊN QUYỂN HẠ

Phẩm 6: BIỆN ĐẮC QUẢ

Đã nói xong tu vị. Về đắc quả như thế nào?

Tụng nói:

*Khí gọi là dị thực,
Lực là tăng thượng kia,
Ái lạc, tăng trưởng, tịnh,
Tức như 5 quả sau.*

Luận nói: Khí, nghĩa là tùy thuận thiện pháp. Dị thực lực, nghĩa là do sức tăng thượng của khí kia, khiến các thiện pháp thành tính thượng phẩm. Ái lạc, nghĩa là đời trước nhiều tu tập thiện lực khiến đời này đối với thiện pháp rất sinh ưa thích. Tăng trưởng, nghĩa là hiện tại tu nhiều thiện lực khiến chỗ tu thiện căn mau được viên mãn. Tịnh, nghĩa là chướng đoạn được vĩnh viễn xa lìa các trói buộc. Năm cái này tức là 5 quả: 1. Dị thực quả. 2. Tăng thượng quả. 3. Đăng lưu quả. 4. Sĩ dụng quả. 5. Ly hệ quả.

Lại nữa, tụng nói:

*Lại lược nói các quả,
Hậu hậu, sơ, sở tập,
Cứu cánh, thuận, chướng diệt,
Ly, thắng, thượng, vô thượng.*

Luận nói: Lược nói sai biệt các quả có 10 thứ:

1. Hậu hậu quả, nghĩa là nhân chủng tính được phát tâm, quả lần lượt được như vậy.
2. Tối sơ quả, nghĩa là lần đầu tiên chúng được pháp xuất thế gian.
3. Sở tập quả, nghĩa là các vị hữu học từ đây về sau.
4. Cứu cánh quả, nghĩa là pháp vô học.
5. Tùy thuận quả, nghĩa là nhân dần dần, tức gồm các quả về sau.
6. Chướng diệt quả, nghĩa là năng đoạn đạo tức tối sơ quả có khả năng bdiệt chướng nên gọi là chướng diệt.
7. Ly hệ quả, tức là sở tập quả và cứu cánh quả, vì học vị vô học vị lần lượt xa lìa các trói buộc của phiền não.
8. Thù thắng quả, nghĩa là các công đức thù thắng của thần thông v.v...
9. Hữu thượng quả, tức là Bồ-tát địa. Siêu xuất các thừa nhưng chưa thành Phật.
10. Vô thượng quả, tức Như Lai địa. Vì trên đây không còn pháp nào hơn.

Trong đây nói 6 thứ quả sau, tức cứu cánh v.v...sai biệt 4 quả trước. Như vậy các thứ quả chỉ là lược nói. Nếu nói rộng tức nghĩa tổng quát của vô lượng quả, tức nhiếp thụ, sai biệt, túc tập, hậu hậu dẫn phát, tiêu, thích. Trong đó nhiếp thụ là 5 quả. Sai biệt là các quả khác. Túc tập là quả dị thực. Hậu hậu dẫn phát là 4 quả khác. Tiêu là 4 quả lần lượt về sau. Thích là tùy thuận v.v... 6 quả, vì phân biệt với 4 quả trước.

Phẩm 7: BIỆN VÔ THƯỢNG THỪA

Đã nói xong về đặc quả. Nay sẽ nói về vô thượng thừa.

Tụng nói:

*Tổng do 3 vô thượng,
Gọi là vô thượng thừa.
Là chính hành sở duyên,
Và tu chứng vô thượng.*

Luận nói: Trong Đại thừa này tổng quát do 3 thứ nghĩa vô thượng nên gọi là vô thượng thừa. Ba vô thượng là: 1. Chính hành vô thượng. 2. Sở duyên vô thượng. 3. Tu chứng vô thượng. Trong đây chính hành vô thượng, nghĩa là 10 hạnh Ba-la-mật-đa. Làm sao biết tướng của chính hành này?

Tụng nói:

*Chính hành có 6 thứ,
Là tối thắng, tác ý,
Tùy pháp, ly nhị biên,
Sai biệt, vô sai biệt.*

Luận nói: Tức trong 10 thứ Ba-la-mật-đa tùy tu sai biệt có 6 chính hành: 1. Tối thắng chính hành. 2. Tác ý chính hành. E. Tùy pháp chính hành. 4. Ly nhị biên chính hành. 5. Sai biệt chính hành. 6. Vô sai biệt chính hành.

Tối thắng chính hành, tướng của nó như thế nào?

Tụng nói:

*Tối thắng có 12,
Là quảng đại, trường thời,
Y xứ và vô tận,
Vô gián, vô nan tính,
Tự tại, nhiếp, phát khởi,
Đắc, đẳng lưu, cứu cánh,
Do đây nói 10 độ,
Là Ba-la-mật-đa.*

Luận nói: Có 12 thứ tối thắng chính hành: 1.Quảng đại tối thắng. 2.Trường thời tối thắng. 3.Y xứ tối thắng. 4.Vô tận tối thắng. 5.Vô gián tối thắng. 6.Vô nan tối thắng. 7.Tự tại tối thắng. 8.Nhiếp thụ tối thắng. 9.Phát khởi tối thắng. 10.Chí đắc tối thắng. 11.Đăng lưu tối thắng. 12.Cứu cánh tối thắng.

Trong đây quảng đại tối thắng, là hoàn toàn không ưa thích tất cả thú vui giàu có của thế gian, vì chí cao tự tại. Trường thời tối thắng, là vì 3 vô số kiếp huân tập thành. Y xứ tối thắng, là khắp vì lợi lạc tất cả hữu tình làm cõi y xứ. Vô tận tối thắng, là vì hồi hướng vô thượng chính đẳng Bồ-đề không cùng tận. Vô gián tối thắng, là do được tự tha bình đẳng thắng giải, đối với các hữu tình phát khởi thí v.v... Ba-la-mật-đa mau chóng viên mãn. Vô nan tối thắng, là đối với hữu tình khác tu thiện pháp thì chỉ tùy hỷ sâu sắc khiến tự mình thí v.v... Ba-la-mật-đa mau chóng viên mãn. Tự tại tối thắng, là do Hư không tạng v.v... sức Tam-ma-địa khiến việc tu thí v.v... mau chóng viên mãn. Nhiếp thụ tối thắng, là trí vô phân biệt nhiếp thụ có thể khiến việc thí v.v... cực kỳ thanh tịnh. Phát khởi tối thắng, là ở trong phẩm nhân tối thượng của thắng giải hành địa. Chí đắc tối thắng, là ở trong cực hỷ địa. Đăng lưu tối thắng, là ở sau địa thứ 8. Cứu cánh tối thắng, là ở địa thứ 10 và trong Phật địa.

Bồ-tát Như Lai nhân quả viên mãn, nên do thí v.v... 10 Ba-la-mật-đa đều có 12 tối thắng như đây. Cho nên đều được tên đáu bỉ ngạn.

Những gì là 10 đáu bỉ ngạn?

Tụng nói:

*Mười Ba-la-mật-đa,
Là thí, giới, an, nhân,
Tinh tiến, định, Bát-nhã,
Phương tiện, nguyện, lực, trí.*

Luận nói: Đây là hiền thị thí v.v... biệt danh của 10 độ. Thí v.v... tác nghiệp riêng rẽ như thế nào?

Tụng nói:

*Nhiêu ích, không hại, thụ,
Tăng đức năng nhập thoát,
Vô tận thường khởi định,
Thụ dụng thành thực người.*

Luận nói: Đây hiền thị thí v.v... các sự nghiệp khác biệt của 10 đạo bị ngạn. Thứ tự như sau. Nghĩa là chư Bồ-tát do bố thí Ba-la-mật-đa nên đối với các hữu tình có thể làm lợi ích khắp cả. Do tịnh giới Ba-la-mật-đa, nên đối với các hữu tình không làm tổn hại. Do an nhẫn Ba-la-mật-đa, nên khi kia làm tổn hại có thể an tâm nhẫn chịu. Do tinh tiến Ba-la-mật-đa, nên tăng trưởng công đức. Do tĩnh lự Ba-la-mật-đa, nên khởi thần thông v.v... có thể dắt dẫn hữu tình khiến nhập chính pháp. Do Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nên có thể dạy răn hữu tình khiến được giải thoát. Do phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa, nên hồi hướng vô thượng vô thượng chính đẳng Bồ-đề, có thể khiến thí v.v... công đức vô tận. Do nguyện Ba-la-mật-đa, nên nhiếp thụ tùy thuận thí v.v... thắng sinh, trong tất cả các thụ sinh hằng được gặp Phật, cung kính cúng dường, thời phát tâm bố thí v.v... Do lực Ba-la-mật-đa, nên đầy đủ tư trạch, tu tập 2 lực, đề bẹp tiêu diệt các chướng, có thể khiến thí v.v... thường quyết định chuyển. Do trí Ba-la-mật-đa, nên lìa sự nghe nói mà mê lầm các pháp, thụ dụng thí v.v... tăng thượng pháp lạc, vô đảo, thành thực tất cả hữu tình.

Như vậy là đã nói xong về tối thắng chính hành. Còn tướng của tác ý chính hành như thế nào?

Tụng nói:

*Bồ-tát lấy 3 tuệ,
Hằng tư duy Đại thừa.*

*Như có pháp ra làm,
Là tác ý chính hành.*

Luận nói: Nếu các Bồ-tát dùng diệu tuệ do văn tư tu thành tựu, thường xuyên tác ý tư duy Đại thừa, dựa vào bố thí v.v...ra làm như các pháp trong khế kinh v.v... như vậy gọi là tác ý chính hành. Các Bồ-tát này dùng 3 diệu tuệ tư duy Đại thừa được công đức gì?

Tụng nói:

*Đây tặng trưởng thiện giới,
Nhập nghĩa và sự thành.*

Luận nói: Cái tuệ do nghe được thành tựu, tư duy Đại thừa có thể khiến thiện căn giới được tăng trưởng. cái tuệ do suy nghĩ được thành tựu, tư duy Đại thừa có thể chính ngộ nhập thật nghĩa. Cái tuệ do tu được thành tựu, tư duy Đại thừa có thể khiến sự nghiệp mong cầu được thành tựu viên mãn. Là vì có thể nhập vào tu trị địa.

Tác ý chính hành có những trợ bạn nào?

Tụng nói:

*Nên biết trợ bạn này,
Tức 10 thứ pháp hành.*

Luận nói: Nên biết như vậy tác ý chính hành là do 10 pháp hành nhiếp thụ.

Những gì là 10 thứ pháp hành?

Tụng nói:

*Là sao chép cúng dường,
Mở đọc cho người nghe,
Thụ trì chính khai diễn,
Đọc tụng và tư duy tu.*

Luận nói: Trong Đại thừa có 10 pháp hành: 1.Sao chép. 2.Cúng dường. 3.Cho người. 4.Nếu người đọc tụng thì để tâm lắng nghe. 5.Tự mình mở đọc. 6.Thụ trì. 7.Vì người giải thích văn nghĩa. 8.Phúng tụng. 9.Tư duy. 10.Thực hành tu tập.

Thực hành 10 pháp được bao nhiêu phúc?

Tụng nói:

*Hành giả tu 10 pháp
Được phúc tụ vô lượng.*

Luận nói: Tu hành 10 thứ pháp hành như vậy được phúc tụ vô lượng vô biên. Vì sao chỉ trong các kinh Đại thừa nói tu pháp hành được quả lớn nhất mà trong Thanh Văn thừa không nói như vậy?

Tụng nói:

*Vì tối thắng, vô tận,
Do gồm tha không dứt.*

Luận nói: Trong Đại thừa tu các pháp hành, do 2 duyên nên được quả lớn nhất: một là vì tối thắng, hai là vì vô tận. Do có thể gồm thu lợi ích các hữu tình, cho nên Đại thừa nói là tối thắng. Do tuy chứng đắc vô dư Niết-bàn nhưng hằng không dứt bỏ các việc lợi ích khác cho nên Đại thừa nói là vô tận.

Như vậy đã nói xong về tác ý chính hành. Còn tướng của tùy pháp chính hành như thế nào?

Tụng nói:

*Tùy pháp hành 2 thứ,
Là các không tán loạn,
Không điên đảo chuyển biến.
Chư Bồ-tát nên biết.*

Luận nói: Tùy pháp chính hành lược có 2 thứ: 1.Không tán loạn chuyển biến. 3.Không điên đảo chuyển biến. Bồ-tát cần phải

hiểu biết đúng đắn. Trong đây vì không có 6 thứ tán loạn, nên nói là không tán loạn. Sáu tán loạn là: 1. Tự tính tán loạn. 2. Ngoại tán loạn. 3. Nội tán loạn. 4. Tướng tán loạn. 5. Thô nặng tán loạn. 6. Tác ý tán loạn.

Làm sao biết tướng của 6 thứ này?

Tụng nói:

*Xuất định trôi theo cảnh,
Vị, trầm, trạo, kiêu thị,
Ngã chấp, tâm hạ liệt,
Các trí giả nên biết.*

Luận nói: Trong đây xuất định là do 5 thức thân. Phải biết tức là tự tính tán loạn. Trôi theo cảnh, nghĩa là chạy theo ngoại duyên, tức ngoại tán loạn. Vị, trầm, trạo, nghĩa là đắm trước vị đẳng tri, hôn trầm, trạo cử, tức nội tán loạn. Kiêu thị, tức tướng tán loạn, vì kiêu hiện tướng đã tu định gia hành. Ngã chấp, tức thô nặng tán loạn, do sức thô nặng ngã mạn hiện hành. Tâm hạ liệt, tức tác ý tán loạn, vì dựa vào thừa thấp kém khởi tác ý. Bỏ-tát đối với 6 tướng tán loạn này phải hiểu rõ hết và mau trừ diệt.

Như vậy đã nói xong về không tán loạn chuyển biến. Còn thế nào là không điên đảo chuyển biến?

Tụng nói:

*Trí thấy nơi văn nghĩa,
Tác ý và bất động,
Hai tướng nhiễm tịnh khách,
Không sợ, cao, không đảo.*

Luận nói: Dựa vào 10 việc trong như thật trí kiến thiết lập tên của 10 vô đảo. Trong đây thế nào là đối với văn không điên đảo?

Tụng nói:

*Biết chỉ do tương ưng,
Thói quen hoặc chuyển đổi.
Có nghĩa và chẳng có,
Là vẫn không điên đảo.*

Luận nói: Nếu đối với các văn, lần lượt tuyên xưng không gián đoạn gọi là tương ưng. Cùng chấp nhận danh mục này, việc này, lần lượt nhớ nghĩ tên, gọi là thói quen. Chỉ do 2 việc này thành văn có nghĩa. Trái ngược lại đây thì vẫn thành vô nghĩa. Thấy biết như thật 2 thứ văn này, đó gọi là đối với văn không điên đảo. Còn tướng của đối với nghĩa không điên đảo là thế nào?

Tụng nói:

*Tựa 2 tính hiển hiện,
Như hiện thật phi hữu.
Biết là hữu phi hữu,
Là với nghĩa không đảo.*

Luận nói: Tựa 2 tính hiển hiện, nghĩa là tựa như tính sở thủ năng thủ hiện, vì loạn thức tựa như hành tướng kia sinh. Như hiện thật phi hữu, nghĩa là như chỗ hiển hiện thật không có như vậy. Là hữu, nghĩa là nghĩa này tính sở thủ năng thủ là phi hữu. Là phi hữu, nghĩa là loạn thức kia hiện tựa như có. Thấy biết như thật trong nghĩa này, tức đối với nghĩa không điên đảo. Về tác ý vô đảo thì

Tụng nói:

*Với tác ý vô đảo,
Biết kia nói huân tập,
Nói tác ý kia y
Hiện tựa 2 nguyên nhân.*

Luận nói: Sở thủ năng thủ nói sở huân tập gọi là tác ý. Tức tác ý này là phân biệt sở y của sở năng thủ, là nhân của năng hiện tựa 2

thủ. Do đó tác ý là hý luận tương huân tập, gọi là tác ý. Thấy biết như thật tác ý này, tức là tác ý vô đảo.

Về bất động vô đảo thì

Tụng nói:

*Về bất động vô đảo,
Là biết nghĩa phi hữu
Phi vô như ảo thuật,
Vi hữu vô không động.*

Luận nói: Trước nói các nghĩa ly hữu phi hữu. Đây như ảo thuật v.v... vì phi hữu vô. Nghĩa là như ảo thuật làm ra voi ngựa v.v... Những thứ đó chẳng phải có thật. Tính của voi ngựa cũng chẳng phải hoàn toàn không. Vì loạn thức nên tựa như voi ngựa kia hiển hiện. Như vậy các nghĩa không như hiện tựa sở thủ năng thủ. Tính thật hữu cũng chẳng phải hoàn toàn không. Vì loạn thức nên tựa như sở thủ năng thủ kia hiển hiện. Như âm thanh hiển thị, sóng nắng, cảnh chiêm bao và mặt trăng trong nước v.v... Bởi có thể để quán nghĩa như ảo hóa v.v... đối với hữu vô, tâm không tán động. Thấy biết như thật cái bất động này, đó là bất động vô đảo. Đối với 2 tướng vô đảo, nghĩa là đối với tự tướng và cộng tướng đều không điên đảo. Đối với tự tướng không điên đảo,

Tụng nói:

*Với tự tướng vô đảo,
Biết tất cả chỉ tên,
Là tất cả phân biệt,
Y thắng nghĩa tự tướng.*

Luận nói: Thấy biết như thật tất cả nhãn sắc cho đến ý pháp đều chỉ có tên mà thôi, tức có thể đối trị tất cả phân biệt. Nên biết đó là đối với tự tướng không điên đảo. Đây là dựa vào thắng nghĩa tự

tướng mà nói. Nếu y vào thể tục chẳng phải chỉ có tên gọi, mà có thể thủ các tướng sai biệt. Cho nên đối với cộng tướng không điên đảo,

Tụng nói:

*Bởi lia chân pháp giới,
Không có pháp nào khác,
Cho nên người thông đạt
Với cộng tướng không đảo.*

Luận nói: Bởi không một pháp nào lia pháp vô ngã, cho nên chân pháp giới thâm nhiếp cộng tướng các pháp. Thấy biết như thật cộng tướng này, đó là cộng tướng vô đảo. Đối với nhiễm tịnh vô đảo,

Tụng nói:

*Biết điên đảo tác ý
Chưa diệt và đã diệt,
Với pháp giới tạp nhiễm
Thanh tịnh không điên đảo.*

Luận nói: Nếu chưa đoạn diệt điên đảo tác ý, bấy giờ pháp giới nói là tạp nhiễm, khi đã đoạn diệt nói là thanh tịnh. Thấy biết như thật cái nhiễm tịnh này, là nhiễm tịnh vô đảo.

Với khách vô đảo, tướng nó như thế nào?

Tụng nói:

*Biết bản tính pháp giới,
Thanh tịnh như hư không,
Nhiễm tịnh chẳng phải chủ,
Đó là khách vô đảo.*

Luận nói: Bản tính của pháp giới thanh tịnh như hư không, do đó biết rằng trước nhiễm sau tịnh 2 tướng sai biệt là khách không phải chủ. Thấy biết như thật cái tướng khách này, là khách vô đảo. Với sự không sợ hãi không cao ngạo đều không điên đảo,

Tụng nói:

*Biết bản tính pháp giới,
Thanh tịnh như hư không,
Nhiễm tịnh chẳng phải chủ,
Đó là khách vô đảo.*

Luận nói: Vì hữu tình và pháp đều phi hữu nên tính nhiễm tịnh kia đều phi hữu. Bởi nghĩa của nhiễm tịnh đều không thể được, nên nhiễm phẩm tịnh phẩm không giảm không tăng. Do đó không có sự sợ hãi hay kiêu mạn. Thấy biết như thật không sợ hãi không cao ngạo, đó là 2 không điên đảo.

Nghĩa tổng quát của vô đảo hành là: Do vắng vô đảo, có thể thông đạt đúng 2 tướng chỉ quán. Do nghĩa vô đảo, có thể thông đạt đúng các tướng điên đảo. Do tác ý vô đảo, có thể xa lìa đúng đối với nhân duyên điên đảo. Do bất động vô đảo, khéo thủ tướng kia. Do tự tướng vô đảo tu đạo đối trị vô phân biệt. Do cộng tướng vô đảo, có thể thông đạt đúng bản tính thanh tịnh. Do nhiễm tịnh vô đảo, biết rõ chướng chưa đoạn và đã đoạn. Do khách vô đảo, biết như thật 2 tướng nhiễm tịnh. Do không sợ hãi, không cao ngạo 2 thứ vô đảo, các chướng đã diệt, được vĩnh viễn xa lìa.

Mười thứ vô đảo này thứ tự được an lập như trong 10 câu Kim cương. Những gì gọi là 10 câu Kim cương? Nghĩa là hữu phi hữu vô điên đảo. Sở y ảo hóa v.v... thí dụ, vô phân biệt. Bản tính thanh tịnh. Tạp nhiễm thanh tịnh dụ hư không, không giảm không tăng. Để gồm đầu 10 câu Kim cương như vậy có 2 tụng nói:

*Phải biết hữu phi hữu,
Không điên đảo sở y,
Ảo v.v... không phân biệt,
Bản tính thường thanh tịnh,
Và tạp nhiễm thanh tịnh,
Tính tịnh dụ hư không,*

*Không giảm cũng không tăng,
Là 10 câu Kim cương.*

Trước tiên an lập 10 câu Kim cương: Tự tính, nghĩa là bản tính, sở duyên, vô phân biệt, khó giải thích. Có 3 tự tính, tức viên thành thật, biến kế sở chấp và y tha khởi. Đó là 3 câu đầu. Sở duyên, tức 3 tự tính. Vô phân biệt, nghĩa là cái vô phân biệt đây tức trí vô phân biệt. và trong vô phân biệt này tức bản tính thanh tịnh. Về an lập cảnh trí, nghĩa là 3 tự tính và vô phân biệt. Khó giải thích, nghĩa là các câu khác có chỗ khó nói tương biến kế sở chấp y tha khởi. Nếu thật sự là không, làm sao có thể được? Nếu thật sự là có thì không nên nói các pháp bản tính thanh tịnh. Để giải thích chỗ khó này, nên nói các thí dụ như ảo hóa v.v...Như ảo hóa v.v...tuy thật sự là không mà hiện có thể được. Lại có khó nói là nếu tất cả pháp bản tính thanh tịnh thì làm sao có chuyện trước nhiễm sau tịnh? Để giải thích cái khó này nói có nhiễm tịnh và thí dụ hư không. Nghĩa là như hư không, tuy bản tính thanh tịnh mà có lúc có tạp nhiễm và thanh tịnh. Lại có khó nói là có vô lượng Phật xuất hiện ở đời, mỗi vị mỗi vị có thể độ vô lượng hữu tình khiến xuất sinh tử nhập Niết-bàn. Làm sao sinh tử không có lỗi đoạn diệt, trong cõi Niết-bàn không có lỗi tăng ích? Để giải thích cái khó này nên nói nhiễm và tịnh không tăng không giảm. Lại nữa hữu tình giới và thanh tịnh phẩm đều vô lượng. Thứ hai, về an lập tự tính của nó, như có tụng nói:

*Loạn cảnh tự tính nhân,
Vô loạn tự tính cảnh,
Loạn vô loạn 2 quả,
Và kia 2 ranh giới.*

Như vậy đã nói xong tùy pháp chính hành.

Làm sao biết được lìa nhị biên chính hành? Như Kinh Bảo Tích có nói trung đạo hành. Hành này xa lìa nhị biên nào?

Tụng nói:

*Dị tính và một tính,
 Ngoại đạo và Thanh Văn,
 Bên tăng ích tổn giảm,
 Pháp hữu tình đều hai,
 Sở trị và năng trị,
 Thường trụ và đoạn diệt,
 Bên sở thủ năng thủ,
 Nhiễm tịnh 2, 3 thứ,
 Phân biệt tính nhị biên,
 Nên biết lại có 7,
 Là bên hữu phi hữu,
 Sở, năng, tịch bố úy,
 Sở, năng thủ chính tà,
 Hữu dụng và vô dụng,
 Không khởi và thường thời,
 Là phân biệt nhị biên.*

Luận nói: Nếu đối với sắc v.v... chấp ngã là có khác, hoặc chấp là một, tức chấp một bên.

Để lia bỏ chấp này nên nói trung đạo hành.

Nghĩa là quán vô ngã cho đến nho đồng thấy có ngã liền sinh chấp này: Ta khác với thân, hoặc tức là thân. Nếu đối với sắc v.v... chấp là thường trụ, tức bên ngoại đạo, chấp là vô thường tức bên Thanh Văn. Để lia bỏ chấp này nên nói trung đạo hành.

Nghĩa là quán sắc v.v... là phi thường vô thường quyết định chấp có ngã đó là bên hữu tình tăng ích, quyết định chấp vô ngã đó là bên hữu tình tổn giảm. Đó cũng bác hữu tình vô giả. Để lia bỏ chấp này nên nói trung đạo hành.

Nghĩa là trong trí nhị biên ngã vô ngã, quyết định chấp tâm là có thật, đó là bên pháp tăng ích, quyết định chấp tâm là không có thật, đó là bên pháp tổn giảm. Để lìa bỏ chấp này nên nói trung đạo hành.

Nghĩa là ở nơi vô tâm, vô tư, vô ý, vô thức chấp có các pháp tạp nhiễm như bất thiện v.v..., đó là bên sở tri, chấp có pháp thanh tịnh như thiện v.v..., đó là bên năng tri. Để lìa bỏ chấp này nên nói trung đạo hành. Để lìa bỏ chấp này nên nói trung đạo hành.

Nghĩa là đối với nhị biên không tùy quán, nói trong pháp hữu tình quyết định chấp là có, đó là bên chấp thường, quyết định chấp phi hữu, đó là chấp bên đoạn diệt. Để lìa bỏ chấp này nên nói trung đạo hành.

Nghĩa là ngay trong trí nhị biên, chấp có vô minh, sở thủ, năng thủ đều là chấp một bên. Nếu chấp có hữu minh sở thủ, năng thủ đều là chấp một bên. Như vậy chấp có sở tri các hành, năng tri vô vi, cho đến lão tử và năng diệt, các đối tri đạo sở thủ năng thủ kia đều là chấp một bên. Cái sở tri năng tri, sở thủ năng thủ này, tức là sự sai biệt của hắc phẩm bạch phẩm. Để lìa bỏ chấp này nên nói trung đạo hành.

Nghĩa là minh và vô minh là không hai, không chia hai, cho đến nói rộng, vì minh vô minh v.v..., sở thủ năng thủ đều phi hữu.

Tạp nhiễm có 3 là: phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm, sinh tạp nhiễm. Phiền não tạp nhiễm lại có 3 thứ: 1.Các kiến. 2.Tương tham, sân,si. 3. Nguyên hậu hữu. Có thể đối tri đây, là không trí, vô tương trí, vô nguyên trí. Nghiệp tạp nhiễm, nghĩa là chỗ tạo tác nghiệp thiện ác. Có thể đối tri đây, là bất tác trí. Sinh tạp nhiễm có 3 thứ: 1.Hậu hữu sinh. 2.Sinh rồi tâm tâm sở mỗi niệm mỗi niệm khởi. 3.Hậu hữu nối tiếp. Có thể đối tri đây, là vô sinh trí, vô khởi trí, vô tự tính trí. Như vậy trừ diệt 3 thứ tạp nhiễm, gọi là thanh tịnh. Không v.v... trí cảnh, nghĩa là 3 thứ tạp nhiễm của các pháp không v.v... Tùy theo chỗ thích ứng, trí phi không v.v...khiến làm không v.v...,

do bản tính nó là không tính v.v... Vì tính bản lai của pháp giới là không nhiễm. Nếu đối với pháp giới hoặc chấp tạp nhiễm, hoặc chấp thanh tịnh, đều gọi là thiên chấp một bên, vì bản tính vô nhiễm, phi nhiễm tịnh. Để lia bỏ cái chấp này nên nói trung đạo hành. Nghĩa là không phải do không mà có thể không đối với pháp, mà pháp tính là tự không.

Lại có 7 thứ phân biệt nhị biên. Những gì là 7?

Nghĩa là phân biệt hữu, phân biệt phi hữu đều là một bên. Kia chấp thật hữu Bồ-đặc-già-la cho là hoại diệt, vì lập không tính. Hoặc đối với vô ngã, phân biệt là vô. Để lia phân biệt nhị biên như vậy nên nói trung đạo hành.

Nghĩa là không phải để diệt Bồ-đặc-già-la mới lập không tính, mà không tính kia bản tính tự không. Tiền tế cũng không, hậu tế cũng không, trung tế cũng không. Phân biệt sở tịch, phân biệt năng tịch đều là chấp một bên. Chấp có sở đoạn và có năng đoạn. Sở hãi là không, nên để lia phân biệt nhị biên như vậy, nói thí dụ hư không. Phân biệt bị sợ hãi, phân biệt do kia sinh sợ hãi đều là chấp một bên. Chấp có biến kế sở chấp sắc v.v... có thể sinh sợ hãi, nên chấp có do kia sinh khổ pháp, có thể sinh sợ hãi, nên để lia phân biệt nhị biên như vậy nói thí dụ như người thợ vẽ. Cái thí dụ hư không, là vì Thanh Văn mà nói. Nay thí dụ người thợ vẽ là vì Bồ-tát mà nói. Phân biệt sở thủ, phân biệt năng thủ, đều là chấp một bên. Để lia phân biệt nhị biên như vậy nên nói thí dụ nhà ảo thuật. Do trí duy thức mà trí vô cảnh sinh. Do trí vô cảnh sinh, lại bỏ duy thức. Trí cảnh đã là phi hữu thức thì cũng không cần nương nhờ sở duyên thức mới sinh. Cho nên đây sở dụ và dụ là đồng pháp. Phân biệt chính tính, phân biệt tà tính đều là chấp một bên. Chấp như thật quán là chính là tà, vì 2 chủng tính. Để lia phân biệt nhị biên như vậy nên nói thí dụ 2 cây dùi lửa. Nghĩa là ư cái cây tuy không có tướng lửa, do liên tục dùi cọ vào nhau mà có thể sinh lửa. Lửa sinh ra rồi trở lại đốt cháy cây. Như thế,

thật quán cũng như vậy. Tuy không có cái tướng chính tính Thánh đạo, mà có thể phát sinh chính tính Thánh tuệ. Như vậy chính tính Thánh tuệ sinh rồi, lại có thể khiến trừ thật quán như vậy. Do đây sở dụ và dụ là đồng pháp. Nhưng như thật quán tuy không có tướng chính tính, vì thuận chính tính nên không có tướng tà tính. Phân biệt hữu dụng, phân biệt vô dụng đều là chấp một bên. Kia chấp Thánh trí cần phải trước phân biệt mới có thể trừ nhiễm, hoặc toàn vô dụng. Để lia nhị biên phân biệt đó nên nói thí dụ ngọn đèn trước. Phân biệt và khi không khởi phân biệt v.v... đều là chấp một bên. Kia hoặc chấp năng trị hoàn toàn không khởi, hoặc chấp với nhiễm có thời gian như nhau. Để lia nhị biên phân biệt đó nên nói thí dụ ngọn đèn sau.

Như vậy, đã nói xong về các sai biệt chính hạnh lia nhị biên. Còn thế nào là vô sai biệt chính hành?

Tụng nói:

*Sai biệt, vô sai biệt,
Sở, năng lập, nhiệm trì,
Ẩn, nội trì, thông đạt,
Tăng, chứng, vận, tối thắng.*

Luận nói: Như vậy có 12 thứ sở duyên: 1. An lập pháp thi thiết sở duyên. 2. Pháp giới sở duyên. 3. Sở lập sở duyên. 4. Năng lập sở duyên. 5. Nhiệm trì sở duyên. 6. Ẩn trì sở duyên. 7. Nội trì sở duyên. 8. Thông đạt sở duyên. 9. Tăng trưởng sở duyên. 10. Phần chứng sở duyên. 11. Đẳng vận sở duyên. 12. Tối thắng sở duyên. Trong đây trước tiên là sở an lập, đáo bỉ ngạn v.v... các pháp môn sai biệt. Thứ hai là chân như. Thứ ba, thứ tư là theo như thứ tự. Tức 2 thứ pháp môn sai biệt đáo bỉ ngạn v.v... cần phải do thông đạt opháp giới mới thành. Thứ năm là tuệ cảnh do nghe mà được, vì nhiệm trì văn. Thứ sáu là tuệ cảnh do tu duy mà được, vì nghĩa của ẩn trì. Thứ bảy là tuệ cảnh do tu mà được, do nội biệt trì. Thứ tám là cảnh kiến đạo trong sơ địa. Thứ chín là cảnh trong tu đạo cho đến địa thứ 7. Thứ mười là

các phẩm loại sai biệt của thể xuất thế đạo trong địa thứ 7 từng phần từng phần chứng xong. Thứ mười một là hoàn thành địa thứ 8. Thứ mười hai là hoàn thành địa thứ 9, thứ 10 Như Lai địa. Nên biết trong đây tức ban đầu và thứ hai tùy các nghĩa vị mà được các tên ấy.

Như vậy đã nói xong sở duyên vô thượng. Còn tướng của tu chứng vô thượng như thế nào?

Tụng nói:

*Tu chứng là không thiếu,
Không hủy động viên mãn,
Khởi kiên cố điều nhu,
Không trụ vô chướng dứt.*

Luận nói: Như vậy tổng quát tu chứng có 10 thứ: 1. Không thiếu duyên chủng tính tu chứng. 2. Tin hiểu tu chứng, không hủy báng Đại thừa. 3. Phát tâm tu chứng, không bị cá thừa thấp kém quấy động. 4. Chính hành tu chứng, vì được Ba-la-mật-đa viên mãn. 5. Vào ra sinh tử tu chứng, vì khởi Thánh đạo. 6. Thành thực hữu tình tu chứng, vì thời gian dài nhóm họp các thiện căn kiên cố. 7. Tịnh độ tu chứng, vì tâm điều hòa nhu thuận. 8. Được thụ ký bất thoái địa tu chứng, vì không trụ trước sinh tử Niết-bàn, không bị 2 thứ này làm thoái chuyển. 9. Phật địa tu chứng, vì không có 2 chướng. 10. Thị hiện Bồ-đề tu chứng, vì không ngừng nghỉ.

Nghĩa tổng quát của vô thượng, sơ lược có 3 thứ nghĩa vô thượng thừa. Đó là chính hành vô thượng, chính hành trì vô thượng, chính hành quả vô thượng.

Vì sao luận này gọi là Biện Trung Biên?

Tụng nói:

*Luận này: Biện Trung Biên,
Sâu kín nghĩa kiên thật,*

*Rộng lớn tất cả nghĩa,
Trừ các nghĩa không tốt.*

Luận nói: Luận này có thể biện luận rõ trung đạo và nhị biên nên gọi là Biện Trung Biên. Tức là hiển thị rõ chỗ nghĩa hành năng duyên của trung đạo và nhị biên. Lại nữa luận này có thể biện luận cảnh trung đạo và nhị biên nên gọi là biện trung biên. Tức là hiển thị rõ chỗ nghĩa cảnh sở duyên của trung đạo và nhị biên. Luận này biện luận nghĩa rất sâu xa kín đáo, không phải chỗ tâm tư bình thường. Đây là nghĩa kiên thật có thể xô ngã các biện luận sai trái. Đây là nghĩa rộng lớn có thể đem lại lợi lạc cho mình và người. Đây là nhất thiết nghĩa, có thể quyết liễu khắp các pháp của 3 thừa. Lại có thể trừ diệt những gì không lành tốt, vì vĩnh viễn đoạn trừ phiền não chướng sở tri chướng.

*Tôi làm luận này, các công đức
Đều đem bố thí khắp quần sinh,
Khiến được thắng sinh, tăng phúc tuệ,
Mau chứng rộng lớn Tam-bồ-đề.*

QUYÊN HẠ HẾT

SỐ 1601
BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG

*Di-lặc Bồ-tát nói tụng
Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm 1: BIỆN TƯỞNG

*Chỉ tướng, chương, chân thật,
Và tu các đối trị.
Tức đây tu phân vị,
Được quả vô thượng thừa.
Hư vọng phân biệt có,
Ở đây hai đều không.
Trong đây chỉ có không,
Nơi kia đây cũng có.
Nên nói tất cả pháp,
Phi không phi bất không.
Vì có không và có,
Là hợp lý trung đạo.
Thức sinh biến tựa nghĩa,
Hữu tình, ngã và liễu.
Cảnh này thật phi hữu,
Cảnh không, nên thức không.
Tính hư vọng phân biệt*

Do nghĩa này được thành.
 Phi thật hữu toàn không,
 Diệt đây được giải thoát.
 Duy sở chấp y tha,
 Và tính viên thành thật,
 Vì cảnh nên phân biệt,
 Và 2 không, nên nói.
 Y thức có sở đắc,
 Cảnh không sở đắc sinh,
 Y cảnh không sở đắc,
 Thức không sở đắc sinh.
 Do thức có tính đắc,
 Cũng thành không sở đắc,
 Nên biết 2 có đắc,
 Tính không đắc bình đẳng.
 Ba cõi tâm tâm sở
 Là hư vọng phân biệt.
 Chỉ rõ cảnh là tâm,
 Còn biệt là tâm sở.
 Một gọi là duyên thức,
 Thứ hai là thụ giả.
 Trong đây năng thụ dụng,
 Phân biệt đây tâm sở.
 Phú chương và an lập,
 Tương đạo, nhiếp viên mãn.
 Ba phân biệt thụ dụng,
 Dẫn khởi và trói buộc.
 Vì hiện tiền quả khổ,
 Chỉ đây nào thế gian.
 Ba hai bảy tạp nhiễm,
 Do hư vọng phân biệt.

Các tướng và dị môn,
Nghĩa sai biệt thành lập.
Nên biết 2 không tính,
Lược nói chỉ do đây.
Không hai, vì có không
Chẳng có cũng chẳng không.
Chẳng khác cũng chẳng một,
Nên nói là tướng không.
Lược nói không dị môn,
Là chân như thật tế.
Tính vô tướng thắng nghĩa,
Nên biết như pháp giới.
Không biến đổi, không đảo,
Tướng diệt Thánh trí cảnh.
Và các Thánh pháp nhân,
Dị môn nghĩa như thế.
Tạp nhiễm thanh tịnh này,
Do hữu cấu vô cấu.
Như thủy giới hoàn toàn,
Không tịnh nên là tịnh.
Năng thực và sở thực,
Đều trụ ở nơi thân.
Thấy được như lý này,
Sở cầu 2 tịnh không.
Là thường lợi hữu tình,
Là không bỏ sinh tử,
Là thiện vô cùng tận,
Nên quán đây là không.
Là trông tính thanh tịnh,
Là được các tướng tốt,
Là tịnh các Phật pháp,

Nên Bồ-tát quán không.
 Pháp Bồ-đặc-già-la,
 Thật tính đều phi hữu.
 Vô tính hữu tính này,
 Nên biệt lập 2 không.
 Đây nếu không tạp nhiễm,
 Tất cả phải tự thoát.
 Đây nếu không thanh tịnh,
 Công dụng phải không quả.
 Phi nhiễm, phi bất nhiễm,
 Phi tịnh, phi bất tịnh.
 Vì tâm tính vốn tịnh,
 Do khách trần làm nhiễm.

Phẩm 2: BIỆN CHƯƠNG

Đủ phần và một phần,
 Tăng tịnh và bình đẳng,
 Nơi sinh tử thủ xả,
 Nói tướng 2 chủng tính
 Chín thứ tướng phiền não,
 Là ái ... có 9 kết,
 Hai chương trước yếm xả,
 Còn 7 chương kiến chân.
 Là năng chương thân kiến,
 Việc kia diệt đạo báu,
 Lợi dưỡng và cung kính ...
 Vì xa lìa biến tri.
 Không gia hành phi xứ,
 Không như lý không sinh,
 Không khởi chính tư duy,
 Tư lương chưa viên mãn.

*Khuyết chủng tính thiện hữu,
Tâm cực mệt tính chán,
Và thiếu nơi chính hạnh,
Thô xấu là đồng cư,
Đảo thô trọng 3 dư,
Bát-nhã chưa thành thực,
Và bản tính thô trọng,
Tính giải đãi phóng dật,
Trước hữu, trước tư tài,
Và tâm tính hạ liệt,
Không tin, không thắng giải,
Như nói mà nghĩ nghĩ,
Khinh pháp trọng danh lợi,
Không thương xót hữu tình,
Thiếu nghe và ít nghe,
Không tu trị diệu định.
Thiện Bồ-đề nhiếp thụ,
Có tuệ, không loạn chướng.
Hồi hướng, không sợ, xan,
Tự tại gọi là thiện v.v...
Như vậy là 10 thiện v.v...
Đều có 3 chướng trước.
Giác phân độ các địa,
Phải biết có chướng riêng.
Với sự không khéo léo,
Biếng nhác định giảm hai.
Không trông tính yếu kém,
Thấy lỗi làm thô nặng.
Chướng phú quý nẻo thiện,
Chẳng bỏ các hữu tình,
Với mắt đức giảm tăng,*

Khiến nẻo vào giải thoát.
 Nào chướng thí ... các thiện,
 Vô tận cũng vô gián,
 Sở tác thiện quyết định,
 Thụ dụng pháp thành thực.
 Biến hành cùng tối thắng,
 Thắng lưu và vô nhiếp,
 Liên tục không sai khác,
 Không tạp nhiễm thanh tịnh.
 Các pháp không sai khác
 Và không tăng không giảm
 Và cũng không phân biệt
 Bốn tự tại y nghĩa.
 Nơi 10 pháp giới đây
 Có không nhiễm, vô minh
 Chướng công đức 10 địa
 Nên gọi là 10 chướng.
 Đã nói các phiền não,
 Và các chướng sở tri,
 Hết 2 cái này thì
 Giải thoát tất cả chướng.

Phẩm 3: BIỆN CHÂN THẬT

Chân thật chỉ có 10,
 Là căn bản và tướng,
 Không điên đảo nhân quả
 Và thô tế chân thật.
 Cục thành tịnh sở hành,
 Nhiếp thụ và sai biệt.
 Mười thiện xảo chân thật
 Đều là trừ ngã kiến.

Ở trong 3 tự tính,
Chỉ một thường phi hữu.
Một hữu chẳng chân thật,
Một hữu không chân thật.
Nơi pháp thường thủ thú,
Và sở thủ năng thủ,
Trong tính hữu phi hữu,
Thấy tăng ích tồn giảm.
Biết thế nên không chuyển,
Đó là tướng chân thật.
Vô tính với sinh diệt,
Cấu tịnh 3 vô thường.
Sở thủ và sự tướng,
Hòa hợp khổ 3 thứ.
Không và hữu 3 thứ,
Là tự tính không khác.
Vô tướng và dị tướng,
Tự tướng 3 vô ngã.
Như tiếp 4, 3 thứ,
Y căn bản chân thật.
Đã nói 3 tướng khổ,
Tập cũng có 3 thứ,
Là tập khí, đẳng khởi,
Và tướng vị ly hệ.
Hai tự tính không sinh,
Cấu tịch hai ba diệt.
Biến tri và vĩnh đoạn,
Chứng đắc 3 đạo đế.
Nên biết thế tục đế,
Có 3 thứ sai biệt.
Là giả, hành, hiển liễu,

Y vào 3 căn bản.
 Thắng nghĩa đế cũng 3,
 Là nghĩa, đắc, chính hành,
 Y bản một vô biến,
 Vô đảo 2 viên thật.
 Thế cực thành y một,
 Lý cực thành y ba.
 Tịnh sở hành có hai,
 Y một viên thành thật.
 Tên biến kế sở chấp,
 Tướng phân biệt y tha.
 Chân như và chính trí,
 Gồm trong viên thành thật.
 Lưu chuyển với an lập,
 Tà hạnh y haitrước,
 Thật tướng duy thức tịnh,
 Chính hạnh y một sau.
 Trong uẩn v.v... ngã kiến,
 Chấp một nhân, thụ giả,
 Tác giả tự tại chuyển,
 Nghĩa tăng thượng và thường,
 Tạp nhiễm thanh tịnh y
 Quán trói mở là tính.
 Phân biệt sở chấp này,
 Nghĩa pháp tính nơi đó.
 Chẳng một và tổng lược,
 Nghĩa phân đoạn là uẩn.
 Năng sở thủ kia thủ
 Nghĩa chủng tử là giới.
 Năng thụ sở liễu cảnh,
 Nghĩa dụng môn là xứ.

Nghĩa duyên khởi nơi nhân,
 Quả dụng không tăng giảm.
 Với phi ái ái tịnh,
 Câu sinh và thắng chủ,
 Đắc hành không tự tại
 Là nghĩa xứ phi xứ.
 Căn trong thủ, trụ, tục,
 Dùng 2 tịnh tăng thượng.
 Nhân quả đã, chưa dùng,
 Phải biết là thế nghĩa.
 Thụ và thụ tư lương,
 Kia là nhân các hành,
 Hai tịch diệt đối trị
 Nên biết là đế nghĩa.
 Do công đức, tội lỗi,
 Và trí vô phân biệt,
 Y tha tự xuất ly,
 Nên biết là thừa nghĩa.
 Nghĩa hữu vi vô vi,
 Là như giả, như nhân,
 Như tướng, như vắng lặng,
 Như nghĩa sở quán kia.

Phẩm 4: BIỆN TU ĐỐI TRỊ

Bởi ái nhân thô nặng,
 Vì ngã sự không mê.
 Để vào 4 Thánh đế,
 Phải biết tu niệm trụ.
 Đã biết khắp chương trị,
 Cả mọi thứ sai biệt,
 Là xa lìa tu tập

Siêng tu 4 chính đoạn.
 Y trụ tính kham năng,
 Là tất cả sự thành.
 Diệt trừ 5 tội lỗi,
 Siêng tu 8 đoạn hành.
 Lười biếng quên lời Phật,
 Và hôn trầm, trạo cử,
 Bất tác hành, tác hành
 Đó là 5 tội lỗi.
 Để đoạn trừ biếng nhác,
 Tu dục, cần, tín, an.
 Tức sở y, năng y,
 Và sở nhân, năng quả.
 Để trừ 4 lỗi khác,
 Tu niệm, trí, tư, xả,
 Ký ngôn, giác, trầm, trạo,
 Phục hành diệt đặng lưu.
 Đã trông thuận giải thoát,
 Lại tu 5 tầng thượng.
 Là muốn hành không mất,
 Không tán loạn tư trạch.
 Tức tôn chương là lực,
 Lập thứ tự nhân quả.
 Thuận quyết trạch hai hai,
 Tại 5 căn, 5 lực.
 Giác chi lược có 5,
 Là sở y tự tính,
 Xuất ly và lợi ích,
 Với 3 chi vô nhiễm.
 Do nhân duyên sở y,
 Nghĩa tự tính sai biệt,

Nên khinh an, định, xả,
 Gọi là vô nhiễm chi.
 Phân biệt và hồi thị,
 Khiến người tin có 3.
 Đối trị chướng cũng 3,
 Nên đạo chi thành 8.
 Biểu kiến, giới, viễn ly,
 Khiến người tin thụ sáu.
 Đối trị bản tùy hoặc,
 Cùng với tự tại chướng.
 Hữu đảo thuận vô đảo,
 Vô đảo theo hữu đảo,
 Vô đảo theo vô đảo,
 Là tu trị sai biệt.
 Chỗ tu tập Bồ-tát,
 Do sở duyên tác ý,
 Mà chứng đắc thù thắng,
 Khác với hàng nhị thừa.

Phẩm 5: BIỆN TU PHÂN VỊ

Nói về tu đối trị,
 Có 18 phân vị.
 Là nhân, nhập, hành, quả,
 Vô tác, tác, thù thắng,
 Vô thượng, thượng, giải hành,
 Nhập, xuất ly, ký, thuyết,
 Quán đỉnh và chứng đắc,
 Thắng lợi, thành sở tác.
 Nên biết trong pháp giới,
 Lược có 3 phân vị:
 Bất tịnh, tịnh bất tịnh,

Thanh tịnh, tùy thích ứng.
 Dựa vào các vị trước,
 Có các tướng sai biệt,
 Tùy thích ứng thiết lập
 Các Bồ-đặc-già-la.

Phẩm 6: BIỆN ĐẮC QUẢ

Khí gọi là dị thực,
 Lực là tăng thượng kia,
 Ái lạc, tăng trưởng, tịnh,
 Tức như 5 quả sau.
 Lại lược nói các quả,
 Hậu hậu, sơ, sở tập,
 Cứu cánh, thuận, chương diệt,
 Ly, thắng, thượng, vô thượng.

Phẩm 7: BIỆN VÔ THƯỢNG THỪA

Tổng do 3 vô thượng,
 Gọi là vô thượng thừa.
 Là chính hành sở duyên,
 Và tu chứng vô thượng.
 Chính hành có 6 thứ,
 Là tối thắng, tác ý,
 Tùy pháp, ly nhị biên,
 Sai biệt, vô sai biệt.
 Tối thắng có 12,
 Là quảng đại, trường thời,
 Y xứ và vô tận,
 Vô gián, vô nan tính,
 Tự tại, nhiếp, phát khởi,
 Đắc, đẳng lưu, cứu cánh,

Do đây nói 10 độ,
Là Ba-la-mật-đa.
Mười Ba-la-mật-đa,
Là thí, giới, an, nhẫn,
Tinh tiến, định, Bát-nhã,
Phương tiện, nguyện, lực, trí.
Nhiều ích, không hại, thụ,
Tăng đức năng nhập thoát,
Vô tận thường khởi định,
Thụ dụng thành thực người.
Bồ-tát lấy 3 tuệ,
Hàng tư duy Đại thừa.
Như có pháp ra làm,
Là tác ý chính hành.
Đây tăng trưởng thiện giới,
Nhập nghĩa và sự thành.
Nên biết trợ bạn này,
Tức 10 thứ pháp hành.
Là sao chép cúng dường,
Mở đọc cho người nghe,
Thụ trì chính khai diễn,
Đọc tụng và tư duy tu.
Hành giả tu 10 pháp
Được phúc tụ vô lượng.
Vi tối thắng, vô tận,
Do gồm tha không dứt.
Tùy pháp hành 2 thứ,
Là các không tán loạn,
Không điên đảo chuyển biến.
Chư Bồ-tát nên biết.
Xuất định trôi theo cảnh,

Vị, trâm, trạo, kiêu thị,
 Ngã chấp, tâm hạ liệt,
 Các trí giả nên biết.
 Trí thấy nơi văn nghĩa,
 Tác ý và bất động,
 Hai tướng nhiễm tịnh khách,
 Không sợ, cao, không đảo.
 Biết chỉ do tương ưng,
 Thói quen hoặc chuyển đổi.
 Có nghĩa và chẳng có,
 Là văn không điên đảo.
 Biết chỉ do tương ưng,
 Thói quen hoặc chuyển đổi.
 Có nghĩa và chẳng có,
 Là văn không điên đảo.
 Với tác ý vô đảo,
 Biết kia nói huân tập,
 Nói tác ý kia y
 Hiện tựa 2 nguyên nhân.
 Về bất động vô đảo,
 Là biết nghĩa phi hữu
 Phi vô như ảo thuật,
 Vì hữu vô không động.
 Với tự tướng vô đảo,
 Biết tất cả chỉ tên,
 Là tất cả phân biệt,
 Y thắng nghĩa tự tướng.
 Bởi lìa chân pháp giới,
 Không có pháp nào khác,
 Cho nên người thông đạt
 Với cộng tướng không đảo.

*Biết điên đảo tác ý
Chưa diệt và đã diệt,
Với pháp giới tạp nhiễm
Thanh tịnh không điên đảo.
Biết bản tính pháp giới,
Thanh tịnh như hư không,
Nhiễm tịnh chẳng phải chủ,
Đó là khách vô đảo.
Biết bản tính pháp giới,
Thanh tịnh như hư không,
Nhiễm tịnh chẳng phải chủ,
Đó là khách vô đảo.
Phải biết hữu phi hữu,
Không điên đảo sở y,
Ảo v.v... không phân biệt,
Bản tính thường thanh tịnh,
Và tạp nhiễm thanh tịnh,
Tịnh tịnh dụ hư không,
Không giảm cũng không tăng,
Là 10 câu Kim cương.
Loạn cảnh tự tính nhân,
Vô loạn tự tính cảnh,
Loạn vô loạn 2 quả,
Và kia 2 ranh giới.
Dị tính và một tính,
Ngoại đạo và Thanh Văn,
Bên tăng ích tổn giảm,
Pháp hữu tình đều hai,
Sở trị và năng trị,
Thường trụ và đoạn diệt,
Bên sở thủ năng thủ,*

Nhiễm tịnh 2, 3 thứ,
Phân biệt tính nhị biên,
Nên biết lại có 7,
Là bên hữu phi hữu,
Sở, năng, tịch bố úy,
Sở, năng thủ chính tà,
Hữu dụng và vô dụng,
Không khởi và thường thời,
Là phân biệt nhị biên.
Sai biệt, vô sai biệt,
Sở, năng lập, nhiệm trì,
Ẩn, nội trì, thông đạt,
Tăng, chứng, vận, tối thắng.
Tu chứng là không thiếu,
Không hủy động viên mãn,
Khởi kiên cố điều nhu,
Không trụ vô chương dứt.
Luận này: Biện Trung Biên,
Sâu kín nghĩa kiên thật,
Rộng lớn tất cả nghĩa,
Trừ các nghĩa không tốt.

HẾT

SỐ 1602
LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO
QUYỂN 1

*Vô Trước Bồ-tát tạo luận
Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm 1: NHIẾP SỰ

*Thiện Thệ giảng nói diệu tam thân,
Vô úy, vô lưu chứng giáo pháp.
Thượng thừa chân thật Mâu-ni tử,
Tôi nay chí thành xin tán lễ.
Khể thủ quy kính Đại từ tôn,
Sẽ nói chủng trí ngôi pháp vương.
Không dựa thế gian làm chỗ về,
Giảng nói Du-già sư địa luận.
Xưa ta Vô Trước theo thầy học,
Nay sẽ sắp xếp chỗ thiết yếu.
Hiển dương thánh giáo vì từ bi,
Văn gọn, nghĩa đủ mà dễ hiểu.
Nhiếp sự, tịnh nghĩa thành thiện xảo,
Vô thường, khổ, không, cùng vô tính,
Hiện quán Du-già không nghĩ bàn,
Nhiếp thẳng, quyết trạch 11 phẩm.*

*Tất cả giới tạp nhiễm,
 Để y chỉ giác phân.
 Quả Bồ-đặc-già-la,
 Các công đức 9 việc.*

Luận nói: Nói tất cả, nghĩa là có 5 pháp tổng quát trong Bồ-tát tạng. Năm pháp là gì?

Tụng nói:

*Tâm, tâm sở hữu sắc,
 Bất tương ưng, vô vi.*

Luận nói: Tâm nghĩa là tâm ý thức có các tên khác nhau. Hỏi: Những gì là thức? Đáp: Có 8 loại thức. Đó là A-lại-da thức, nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý thức và ý thức.

A-lại-da thức, là các nghiệp phiền não đã tạo đời trước tăng trưởng làm duyên, từ vô thủy đến nay hý luận huân tập làm nhân. Nhân duyên đó sinh ra thức dị thực tất cả chủng tử làm thể. Thức này có công năng gìn giữ, phân biệt rõ ràng sắc căn và căn sở y, và hý luận huân tập trong tất cả mọi lúc, một loại sinh diệt một cách âm thầm. Lại có công năng gìn giữ, phân biệt khí thể giới bên ngoài, và tương ưng với cảm thụ không khổ không lạc, hoàn toàn vô phú vô ký. Thức này làm nhân sở y cho các chuyển thức, cùng với thụ v.v... của các chuyển thức nhiễm tịnh cùng chuyển, có thể làm tăng trưởng các chuyển thức có nhiễm làm nghiệp, và có thể làm tổn giảm các chuyển thức thanh tịnh làm nghiệp.

Làm sao biết có thức này? Như Bạc-già-phạm nói bị vô minh che lấp, bị ái kết trói buộc, ngu phu cảm đắc cái thân có thức. Câu này hiển thị có cái thức A-lại-da dị thực. Lại nói như 5 chủng tử. Đây tức gọi là cái thức có thủ. Câu này hiển thị có cái thức A-lại-da tất cả chủng tử. Lại nói thức A-đà-na rất sâu xa vi tế. Tất cả chủng tử như dòng thác. Ta không hai diễn cho phàm phu. Sợ chúng phân biệt

chấp làm ngã. Nhãn thức là chủng tử từ thức A-lại-da sinh ra, dựa vào nhãn căn cùng chuyên, duyên sắc cảnh giới liễu biệt làm tính. Như Bạc-già-phạm nói trong nhãn xứ không hoại, ngoài sắc xứ hiện tiền và nó sinh tác ý, chính khởi như vậy mà sinh nhãn thức. Lại nói duyên nhãn và sắc, nhãn thức được sinh. Như vậy nên biết cho đến thân thức cũng vậy. Sai biệt trong đây nghĩa là mỗi mỗi dựa vào căn của nó, duyên cảnh của nó, dẫn khởi tất cả sự liễu biệt khác nhau, như 2 kinh trước.

Ý, nghĩa là từ các chủng tử của thức A-lại-da sinh ra rồi trở lại duyên thức ấy, ngã si, ngã ái chấp ngã, ngã sở, tương ưng ngã mạn, hoặc tương ưng với chúng. Trong tất cả mọi lúc nương tựa khởi hành, hoặc cùng hành cùng chuyên, liễu biệt làm tính. Như Bạc-già-phạm nói trong ý xứ không hoại, ngoài pháp xứ hiện tiền và cùng với nó sinh khởi tác ý như vậy mà ý thức được sinh.

Ý thức, nghĩa là từ các chủng tử của thức A-lại-da sinh ra, dựa vào ý căn cùng chuyên với nó. Duyên tất cả pháp chung và không chung làm cảnh liễu biệt làm tính.

Tâm sở hữu pháp, nghĩa là nếu pháp từ chủng tử của thức A-lại-da sinh, dựa vào tâm khởi và tương ưng với tâm cùng chuyên. Vì sao lại gọi nó là biến hành có 5 v.v...? Biến hành có 5 là: 1.tác ý, 2.xúc, 3.thụ, 4.tưởng, 5.tư. Biệt cảnh có 5 là: 1.duch, 2.thắng giải, 3.niệm, 4.đăng trì, 5.tuệ. Thiện có 11 là: 1.tín, 2.tâm, 3.quý, 4.không tham, 5.không giận, 6.không si, 7.tinh tiến, 8.nhẹ nhàng an ổn, 9.không phóng dật, 10.xả, 11.không hại. Phiền não có 6 là: 1.tham, 2.giận, 3.ngạo mạn, 4.vô minh, 5.kiến chấp, 6.nghi ngờ. Tùy phiền não có 20 là: 1.phẫn uất, 2.hận, 3.bị che khuất, 4.sầu não, 5.tật đố, 6.keo kiệt, 7.lừa dối, 8.nịnh bợ, 9.kiêu căng, 10.làm hại, 11.không thẹn, 12.không xấu hổ, 13.hôn trầm, 14.trạo cử, 15.không tin, 16.biếng nhác, 17.phóng dật, 18.mất niệm, 19.loạn tâm, 20.biết không đúng. Bất định có 4 là: 1.ố tác, 2.thùy miên, 3.tâm, 4.tứ.

Tác ý, nghĩa là từ chủng tử của thức A-lại-da sinh, dựa vào tâm khởi, tương ứng cùng chuyên với tâm. Lấy động tâm làm thể, dặt dấn tâm làm nghiệp. Do đây với tâm đồng duyên một cảnh, nên nói là hòa hợp chẳng phi không hòa hợp. Như trong kinh nói: Nếu ở đây tác ý tức ở đây liễu biệt, nếu ở đây liễu biệt tức ở đây tác ý. Cho nên 2 cái này hằng hòa hợp chẳng phải không hòa hợp. Hai pháp này không thể làm chia tách ra khác. Lại nói như thế này: Tâm tâm pháp hành không thể nghĩ bàn. Lại nói do nó sinh tác ý, chính sinh khởi như vậy mà sinh nhãn thức v.v...

Xúc, nghĩa là 3 việc hòa hợp, phân biệt làm thể, thụ y làm nghiệp. Như kinh nói có 6 xúc thân. Lại nói nhãn, sắc là duyên năng khởi nhãn thức. Như vậy 3 pháp hợp lại nên có thể có xúc. Lại nói xúc là thụ duyên.

Thụ, nghĩa là lãnh nạp làm thể, ái duyên làm nghiệp. Như kinh có nói có 6 thụ thân. Lại nói thụ là ái duyên.

Tương, nghĩa là danh, cú, văn, thân huân tập làm duyên. Từ chủng tử của A-lại-da sinh, dựa vào tâm khởi cùng tâm chuyên. Tương ứng thủ tướng làm thể, phát ngôn luận nghị làm nghiệp. Như kinh nói có 6 tướng thân. Lại như nói từ tướng đó mà phát khởi ngôn ngữ nghị luận.

Tư, nghĩa là khiến tâm tạo tác được mắt đều không phải ý nghiệp làm thể. Hoặc vì hòa hợp, hoặc vì tách biệt, hoặc vì tùy theo, hoặc vì tham ái, hoặc vì san nhuế, hoặc vì xả bỏ, hoặc khởi tầm tứ, hoặc lại vì khởi 2 nghiệp thân ngữ, hoặc vì nhiễm ô, hoặc vì hạnh thanh tịnh thiện bất thiện chẳng phải là 2 nghiệp. Như kinh nói có 6 tư thân. Lại nói phải biết ta nói nay 6 xúc xứ tức đời trước do tư tạo nên là nghiệp.

Dục, nghĩa là đối với cảnh ưa thích thì mong muốn làm thể, cần y làm nghiệp. Như kinh nói dục là căn bản tất cả các pháp.

Thắng giải, nghĩa là đối với cảnh quyết định, ấn giải làm thể, không thể dẫn chuyển làm nghiệp. Như kinh nói chúng ta nay tâm sinh thắng giải là bên trong 6 chỗ chắc chắn là không có ngã.

Niệm, nghĩa là đối với cảnh đã quen, tâm ghi nhớ rõ ràng không quên làm thể, đẳng trì sở y làm nghiệp. Như kinh nói các niệm cùng với biệt niệm và nhớ không quên không mất pháp, tâm ghi nhớ rõ ràng làm tính.

Đẳng trì, nghĩa là đối với cảnh sở quán chuyên trụ một duyên làm thể, khiến tâm không tán loạn, trí y làm nghiệp. Như kinh nói các khiến tâm trụ cùng với đẳng trụ, an trụ, cận trụ và định trụ không loạn không tán, nhiếp tĩnh chỉ, đẳng trì tâm trụ nhất duyên tính.

Tuệ, nghĩa là đối với cảnh sở quán, giản trạch làm thể, như lý, không như lý, chẳng như lý, chẳng phải không như lý ngộ nhập sở tri làm nghiệp. Như kinh nói giản trạch các pháp, cực kỳ giản trạch nhất, cực kỳ giản trạch pháp, biến liễu, cận liễu, hiệt liễu, thông đạt thẩm sát, thông duệ, giác minh hành Tì-bát-xá-na.

Tín, nghĩa là hữu thể, hữu đức, hữu năng, tâm tịnh nhận khả làm thể, đoạn trừ chướng không tin làm nghiệp, có thể được viên mãn Bồ-đề tư lương làm nghiệp, lợi ích tự tha làm nghiệp, có thể hướng tới thiện đạo làm nghiệp, tăng trưởng tịnh tín làm nghiệp. Như kinh nói khởi lòng tin kiên cố đối với Như Lai.

Tàm, nghĩa là dựa vào tự tăng thượng và pháp tăng thượng, xấu hổ tội ác làm thể, đoạn chướng vô tàm làm nghiệp như trước cho đến tăng trưởng tàm làm nghiệp. Như kinh nói tàm đối với sở tàm, cho đến nói rộng.

Quý, nghĩa là dựa vào thể tăng thượng, xấu hổ tội ác làm thể, đoạn chướng vô quý làm nghiệp như trước cho đến tăng trưởng quý làm nghiệp. Như kinh nói quý đối với sở quý, cho đến nói rộng.

Không tham, nghĩa là đối với hữu, có đủ chán lia, không chấp, không chứa, không yêu, không đắm làm thể, có thể đoạn chương tham làm nghiệp như trước cho đến tăng trưởng không tham làm nghiệp. Như kinh nói thiện căn không tham.

Không sân, nghĩa là đối với các hữu tình, tâm không tổn hại, thương yêu làm thể, có thể đoạn chương sân làm nghiệp như trước cho đến tăng trưởng không sân làm nghiệp. Như kinh nói thiện căn không sân.

Không si, nghĩa là hiểu rõ đúng chân thật làm thể, có thể đoạn chương si làm nghiệp như trước cho đến tăng trưởng không si làm nghiệp. Như kinh nói thiện căn không si.

Tinh tiến, nghĩa là tâm dũng mãnh không biếng nhác, không tự khinh tiện làm thể, đoạn chương biếng nhác làm nghiệp như trước cho đến tăng trưởng tinh tiến làm nghiệp. Như kinh nói khởi tinh tiến, trụ nơi thể mạnh, siêng năng, dũng mãnh, không bỏ thiện ách.

Nhẹ nhàng an ổn, nghĩa là xa lia những gì thô nặng trong thân tâm, điều hòa thông suốt làm thể, đoạn chương thô nặng làm nghiệp như trước cho đến có thể tăng trưởng sự nhẹ nhàng an ổn làm nghiệp. Như kinh nói thích hợp đẹp ý, thân và tâm an ổn.

Không phóng dật, nghĩa là bao gồm tất cả không tham không sân không si, tinh tiến làm thể, dựa vào đây có thể đoạn ác bất thiện pháp và có thể tu đối trị thiện pháp, đoạn chương phóng dật làm nghiệp như trước cho đến tăng trưởng không phóng dật làm nghiệp. Như kinh nói có vô lượng thiện pháp sinh khởi, tất cả đều dựa vào căn không phóng dật.

Xả, nghĩa là gồm chung không tham không sân không si, tinh tiến làm thể, dựa vào xả này nên tâm được bình đẳng, được tâm chính trực, tâm không phát động, đoạn chương phát động làm nghiệp như trước, cho đến tăng trưởng xả làm nghiệp. Do không phóng dật

khiên trừ nhiễm pháp, do xả nên đã khiến trừ không trụ nhiễm ô. Như kinh nói để trừ tham và lo, tâm dựa vào xả.

Không hại, nghĩa là do không làm não hại hữu tình nên thương xót làm thể, có thể đoạn chướng hại làm nghiệp như trước cho đến tăng trưởng không hại làm nghiệp. Như kinh nói do không hại cho nên biết kia thông tuệ, cho đến nói rộng.

Tham, nghĩa là đối với 5 thủ uẩn yêu thích, che giấu bảo vệ đăm trước làm thể. Hoặc câu sinh, hoặc phân biệt khởi, có thể chướng không tham làm nghiệp, chướng đặc Bồ-đề tư lương viên mãn là nghiệp, tổn hại mình và người làm nghiệp, có thể hướng tới ác đạo làm nghiệp, tăng trưởng tham dục làm nghiệp. Như kinh nói những người có tham ái thì bị cái tham đê bẹp che lấp.

Giận, nghĩa là đối với hữu tình muốn gây tổn hại làm thể. Hoặc câu sinh, hoặc phân biệt khởi, có thể chướng không giận làm nghiệp như trước cho đến tăng trưởng giận dữ làm nghiệp. Như kinh nói những người có giận dữ thì bị cái giận đê bẹp che lấp.

Kiêu ngạo, nghĩa là đem người so đo với mình là mình hơn, mình bằng, mình thua, khiến tâm kiêu ngạo làm thể. Hoặc câu sinh, hoặc phân biệt khởi, có thể chướng không kiêu ngạo làm nghiệp như trước cho đến tăng trưởng kiêu ngạo làm nghiệp. Như kinh nói có 3 thứ kiêu ngạo là mình hơn, mình bằng, mình thua.

Vô minh, nghĩa là không hiểu đúng chân thật làm thể. Hoặc câu sinh, hoặc khởi phân biệt, có thể làm chướng sự hiểu đúng làm nghiệp như trước, cho đến tăng trưởng vô minh làm nghiệp. Như kinh nói có những kẻ ngu si bị vô minh đê bẹp che lấp.

Kiến, nghĩa là có r kiến làm thể: 1. Tát-ca-da kiến, nghĩa là trong 5 thủ uẩn chấp ngã ngã sở, nhiễm ô tuệ làm thể. Hoặc câu sinh, hoặc khởi phân biệt, có thể làm chướng vô ngã làm chướng sự hiểu không điên đảo làm nghiệp như trước, cho đến tăng trưởng Tát-ca-da kiến

làm nghiệp. Như kinh nói cái tri kiến như vậy vĩnh đoạn 3 kết. Tức là thân kiến, giới cấm thủ, nghi. Hai là biên chấp kiến, tức trong 5 thủ uẩn chấp đoạn thường, , nhiệm ô tuệ làm thể. Hoặc câu sinh, hoặc khởi phân biệt, có thể làm chướng vô thường, chướng sự hiểu không điên đảo làm nghiệp như trước, cho đến tăng trưởng biên chấp kiến làm nghiệp. Như kinh nói Ca-đa-diễn-na, tất cả thế gian y chỉ 2 thứ hoặc có hoặc không. Ba là tà kiến, tức báng bỏ nhân quả, báng bỏ sự dụng công, hoặc phá hoại sự thật, nhiệm ô tuệ làm thể, chỉ khởi phân biệt có thể chướng chính kiến làm nghiệp như trước cho đến tăng trưởng tà kiến làm nghiệp. Như kinh nói người có tà kiến thig mọi sự chấp kiến đều điên đảo, cho đến nói rộng. Bốn là kiến thủ. Bốn là kiến thủ, tức là trong 3 kiến trước và cái uẩn mà kiến làm sở y chấp cho là hơn cả và cùng nhiệm ô tuệ thứ nhất làm thể. Chỉ phân biệt khởi có thể chướng khổ và bất tịnh, chướng sự hiểu biết không điên đảo làm nghiệp như trước, cho đến tăng trưởng kiến thủ làm nghiệp. Như kinh nói chấp chặt một cách kiên trụ chỗ kiến thủ của mình, cho đến nói rộng. Năm là giới cấm thủ, tức là trong các kiến trước và cái uẩn mà kiến làm sở y chấp cho là thanh tịnh, giải thoát, xuất ly, nhiệm ô tuệ làm thể. Chỉ phân biệt khởi có thể chướng sự hiểu biết không điên đảo như trước làm nghiệp, cho đến tăng trưởng giới cấm thủ làm nghiệp. Như kinh nói thủ kết trói buộc.

Nghi, nghĩa là đối với các đế lý do dự không quyết định làm thể. Chỉ phân biệt khởi có thể chướng không nghi làm nghiệp như trước, cho đến tăng trưởng nghi làm nghiệp. Như kinh nói nghi là do dự.

Phần, nghĩa là hiện tại những duyên trái nghịch khiến tâm sinh phần uất làm thể, hay chướng không giận làm nghiệp, cho đến tăng trưởng phần làm nghiệp.

Hận, nghĩa là quá khứ duyên trái nghịch kết oán không bỏ làm thể, hay chướng không giận làm nghiệp, cho đến tăng trưởng hận làm nghiệp.

Phú, nghĩa là quá khứ phạm lỗi hoặc người can ngăn, hoặc không can ngăn che giấu chỗ phạm lỗi làm thể, hay chướng phát lộ hồi lỗi làm nghiệp, cho đến tăng trưởng sự che giấu làm nghiệp.

Não, nghĩa là phạm lỗi nếu người can gián liền phát lời thô ý bạo không nhin làm thể, hay chướng thiện hữu làm nghiệp, cho đến tăng trưởng não làm nghiệp.

Tật đồ, nghĩa là thấy người khác có công đức, danh dự, cung kính, lợi dưỡng thì tâm sinh tật đồ không vui làm thể, hay chướng từ nhân làm nghiệp, cho đến tăng trưởng tật đồ làm nghiệp.

Keo kiệt, nghĩa là tích chứa, lẩn tiếc làm thể, hay chướng không tham làm nghiệp, cho đến tăng trưởng keo kiệt làm nghiệp.

Lừa dối, nghĩa là làm hoặc loạn người khác, hiện sự không thật tâm dối trá làm thể, hay chướng ái kính làm nghiệp, cho đến tăng trưởng lừa dối làm nghiệp.

Nịnh bợ, nghĩa là lừa dối người giả vờ cung kính thuận tâm làm thể, hay chướng ái kính làm nghiệp, cho đến tăng trưởng nịnh bợ làm nghiệp. Như kinh nói phần, hận, phú, não, tật, xan, cuống siểm.

Kiêu, nghĩa là tạm thời được sự hưng thịnh ở đời, tâm sinh ý thị cao ngạo không ngại ngừng làm thể, hay chướng ngại sự chán lìa làm nghiệp, cho đến tăng trưởng kiêu ngạo làm nghiệp. Như kinh nói kẻ ngu phu không học hỏi đúng đắn thấy tuổi trẻ không bệnh tạm có thọ mạng v.v...mà sinh lòng kiêu ngạo phóng dật, cho đến nói rộng.

Hại, nghĩa là bức não hữu tình không xót thương tội nghiệp làm thể, hay chướng sự không làm hại làm nghiệp, cho đến tăng trưởng sự làm hại làm nghiệp. Như kinh nói những người có tính làm hại chắc chắn làm tổn não người khác.

Vô tâm, nghĩa là đối với mình và pháp 2 thứ tăng thượng sự không xấu hổ tội lỗi làm thể, hay chướng sự xấu hổ làm nghiệp. Như

kinh nói không xấu hổ những điều xấu hổ thì sự không xấu hổ sinh khởi các pháp ác và bất thiện, cho đến nói rộng.

Vô quý, nghĩa là đối với thế tăng thượng không biết si nhục tội lỗi làm thế, hay chướng sự hổ thẹn làm nghiệp, cho đến tăng trưởng sự không hổ thẹn làm nghiệp. Như kinh nói không biết hổ thẹn những điều đáng hổ thẹn thì sự không hổ thẹn sinh khởi các pháp ác và bất thiện, cho đến nói rộng.

Hôn trầm, nghĩa là cam chịu chấp nhận thân thô nặng không cải tiến nên khiến tâm chìm đắm trong trạng thái nặng nề làm thế, hay chướng Tì-bts-xá-na làm nghiệp, cho đến tăng trưởng hôn trầm làm nghiệp. Như kinh nói người này sinh khởi tâm ý hôn trầm.

Trạo cử, nghĩa là dựa vào sự bất chính mà tìm kiếm, hoặc hồi ức những thú vui đã trải qua tâm không yên tĩnh làm thế, hay chướng ngại Xa-ma-th làm nghiệp, cho đến tăng trưởng trạo cử làm nghiệp. Như kinh nói người xáo động mà lại cao cử, cho đến nói rộng.

Không tin, nghĩa là đối với thế, đức, năng, tâm không tịnh tín làm thế, chướng ngại đức tin làm nghiệp, cho đến tăng trưởng sự không tin làm nghiệp. Như kinh nói nếu người không trụ không tịnh tín tâm hoàn toàn không thoái, sẽ mất các thiện pháp, cho đến nói rộng.

Biếng nhác, nghĩa là ham ngủ nghỉ thích nằm hoặc dựa dẫm, sợ thẳng tiến, tự khinh miệt, tâm không cố gắng làm thế, hay chướng ngại sự pháp khởi siêng năng làm nghiệp, cho đến tăng trưởng biếng nhác làm nghiệp. Như kinh nói nếu có biếng nhác ắt thoái lui chính cần, cho đến nói rộng.

Phóng dật, nghĩa là gồm cả tham sân si biếng nhác làm thế. Do dựa vào đó nên tâm không chế ngự pháp ác bất thiện và không tu tập các pháp đối trị, chướng ngại sự không phóng dật làm nghiệp, cho đến tăng trưởng phóng dật làm nghiệp. Như kinh nói phóng dật là dấu tích của sinh tử, cho đến nói rộng.

Mất niệm, nghĩa là những gì đã làm đã nói đã suy nghĩ hoặc pháp hoặc nghĩa, nhiệm ô không nhớ làm thể, chướng ngại sự không quên niệm làm nghiệp, cho đến tăng trưởng sự mất niệm làm nghiệp. Như kinh nói người mất niệm không có khả năng làm được điều gì, cho đến nói rộng.

Loạn tâm, nghĩa là đối với sự tu thiện, tâm không ưa thích dựa vào đó nên giống ruồi tán loạn ngoại duyên làm thể, hay chướng ngại đấng tri làm nghiệp, cho đến tăng trưởng loạn tâm làm nghiệp. Như kinh nói nếu đối với 5 dục tâm tán loạn thì lưu chuyển không ngừng, cho đến nói rộng.

Không hiểu biết đúng, nghĩa là thân ngữ ý hành bất chính, trụ nhiệm ô tuệ làm thể, hay chướng ngại sự hiểu biết đúng làm nghiệp, cho đến tăng trưởng sự hiểu biết không đúng làm nghiệp. Như kinh nói người mất niệm thì trụ ở sự hiểu biết không đúng, cho đến nói rộng.

Ố tác, nghĩa là những điều thiện hoặc bất thiện đã làm hoặc chưa làm hoặc nhiễm hoặc không nhiễm, nhớ đến sinh buồn bực làm thể, hay chướng Xa-ma-tha làm nghiệp, cho đến tăng trưởng ó tác làm nghiệp. Như kinh nói nếu ôm lấy sự truy hồi thì không an ổn, cho đến nói rộng.

Ngủ nghỉ, nghĩa là sơ lược ở trong tâm không được tự tại chuyển làm thể, hay chướng Tì-bát-xá-na làm nghiệp, cho đến tăng trưởng sự ngủ nghỉ làm nghiệp. Như kinh nói tham đắm sự ngủ nghỉ như cá nuốt.

Tầm, nghĩa là có khi do tư duy đối với pháp mà tìm kiếm, có khi do tuệ đối với pháp mà tìm cầu ngoại cảnh khiến tâm thô nặng làm thể, chướng sự thanh tịnh nội tâm làm nghiệp, cho đến tăng trưởng tâm sở tầm làm nghiệp.

Tứ, nghĩa là từ chủng tử thức A-lại-da sinh, dựa vào tâm khởi, cùng chuyển với tâm, tương ưng với tầm nơi ngoại cảnh khiến tâm

chuyên một cách vi tế làm thể, ngoài ra giống như tâm, cho đến tầng trường tâm sở tứ làm nghiệp. Do tâm sở này với tâm đồng duyên một cảnh nên nói hòa hợp chẳng phải không hòa hợp. Như Bạc-già-phạm nói nếu ở đây quan sát dòm ngó kỹ lưỡng tức hiểu rõ đây. Nếu hiểu rõ đối với đây tức quan sát dò xét kỹ lưỡng đây. Vì vậy 2 pháp này hằng hòa hợp chẳng phải không hòa hợp. Hai pháp này không thể thiết lập ra riêng biệt khác nhau. Lại như nói hành tướng của tâm tâm pháp là không thể nghĩ bàn. Chứng minh có 2 A-cấp-ma là như Bạc-già-phạm nói do dựa vào tâm tứ nên phát khởi ngôn thuyết, không phải là không tầm tứ. Trong các tâm pháp, nên biết rằng có điều lược không nói, có điều thì nói rộng. Như thức và tâm pháp là không thể nghĩ bàn. Nên biết các tâm pháp lần lượt tương vọng nhau cũng giống như vậy.

Sắc có 15 chủng loại là địa thủy hỏa phong, nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, sắc thanh hương vị xúc và một phần pháp xứ sở nhiếp sắc.

Địa là tính cứng, có 2 thứ, một là trong hai là ngoài. Trong nghĩa là mắt v.v... 5 căn riêng biệt ở trong thân và nơi sở y của chúng, cứng chắc có tính chấp thụ. Lại có tích tập sự tăng thượng như các trần cấu của tóc lông móng răng, các vật bất tịnh của da thịt xương cốt gân mạch v.v... đó là thể của địa bên trong thụ dụng làm nghiệp. Ngoài là sắc v.v... 5 cảnh sở y ngoài thân, tính cứng chắc, không có tính chấp thụ. Lại có tích tập sự tăng thượng như núi đồi đất đá cây cối v.v... nếu thủy tai xảy ra thì chúng sẽ bị phá hoại, đó là thể của địa bên ngoài thụ dụng làm nghiệp, thụ dụng sự y trì làm nghiệp, thụ dụng sự phá hoại làm nghiệp, đối trị nuôi dưỡng làm nghiệp.

Thủy là sự ẩm ướt cũng có 2 thứ, một là trong hai là ngoài. Trong là mắt v.v... 5 căn riêng biệt ở trong thân và nơi sở y của chúng, có tính chấp thụ sự ẩm ướt. Lại có những tích tập tăng thượng các vật bất tịnh như đờm dãi nước mắt nước miếng mồ hôi tùy nhớt v.v... đó là thể của thủy bên trong, tụ tập sự nhuận trạch làm nghiệp. Ngoài là sắc v.v... 5 cảnh sở y ngoài thân, tính ẩm ướt, không có tính

chấp thụ. Lại có tích tập sự tăng thượng như suối nguồn khe hồ sông ngòi v.v... khi xảy ra hỏa tai v.v... sẽ làm chúng tiêu kiệt, đó là thể của thủy bên ngoài. Thụ dụng y trì làm nghiệp, thụ dụng biến hoại làm nghiệp, đối trị nuôi dưỡng làm nghiệp.

Hỏa là khí nóng, cũng có 2 thứ, một là trong hai là ngoài. Trong là mắt v.v... 5 căn riêng biệt ở trong thân và nơi sở y của chúng. Tính ấm nóng, có chấp thụ. Lại có những tích tập tăng thượng, như có thể khiến hữu tình khắp thân ấm nóng, lại có thể tiêu hóa các thứ ăn uống. Tất cả những thứ ấy là thể của hỏa bên trong, thụ dụng những thành thực hòa hợp làm nghiệp. Ngoài là sắc v.v... 5 cảnh sở y ngoài thân, có tính ấm nóng, không có tính chấp thụ. Lại có tích tập sự tăng thượng như nóng cháy thôn làng thành trì lan ra các nơi cho đến thành đất trống mới dứt vì không dựa vào đâu để cháy nữa. Hoặc dùi gõ, đánh đá kiếm lửa, lửa này sinh ra không bao lâu cháy hết, đó là thể của hỏa bên ngoài. Thụ dụng sự biến hoại làm nghiệp, đối trị nuôi dưỡng làm nghiệp.

Phong là gió, cũng có 2 thứ, một là trong hai là ngoài. Trong là mắt v.v... 5 căn riêng biệt ở trong thân và nơi sở y của chúng. Tính khinh động, có chấp thụ. Lại có những tích tập tăng thượng, như có thể đi lên đi xuống đi ngang, thổi vào thổi ra. Tất cả những thứ ấy là thể của gió bên trong, thụ dụng phát động làm việc làm nghiệp. Ngoài là sắc v.v... 5 cảnh sở y ngoài thân, có tính khinh động, không có tính chấp thụ. Lại có tích tập sự tăng thượng như phá núi phá bờ làm ngã cây cối v.v... Những thứ kia tan hoang rồi không còn dựa vào đâu thì mới yên tĩnh. Nếu muốn có gió thì dùng áo hoặc quạt tay mà quạt. Không có duyên do động thì hết gió. Những thứ như vậy là thể của gió ở bên ngoài. Thụ dụng sự y trì làm nghiệp, thụ dụng sự biến hoại làm nghiệp, đối trị nuôi dưỡng làm nghiệp.

Nhãn, là tất cả chủng tử chấp thụ trong thức A-lại-da. Tứ đại sở tạo sắc là cảnh giới duyên sắc cảnh, là chỗ y chỉ của thức. Tịnh sắc là

thể. Sắc uẩn gồm có vô kiến hữu đối. Giống như nhãn, nhĩ tỹ, thiệt, thân này cũng vậy. Trong đây có khác nhau là mỗi mỗi hiện hành tự cảnh, duyên chỗ sở y của tự cảnh của thức.

Sắc, là cảnh sở hành của nhãn. Nhãn thức duyên tứ đại sở tạo, hoặc là hiển sắc như hình dáng màu sắc, hoặc biểu sắc làm thể. Sắc uẩn gồm có hữu kiến hữu đối. Đây lại có 3 thứ là tốt, không tốt và đều trái cả hai. Đó là như thế nào? Nghĩa là các hình sắc hiển thị như xanh vàng đỏ trắng, như dài ngắn vuông tròn to nhỏ cao thấp ngay ngắn và không ngay ngắn, khói may bụi mù bóng sáng bóng tối, hoặc không một hiển sắc như sắc của hình tượng kia gọi là sắc.

Thanh, là cảnh sở hành của nhĩ. Nhĩ thức duyên tứ đại sở tạo, nghe âm thanh làm thể. Sắc uẩn gồm có vô kiến hữu đối. Đây lại có 3 thứ là ứng ý, không ứng ý và đều trái cả hai. Hoặc nhân hai tay đập vào nhau phát ra tiếng, hoặc tầm tứ rồi gậy vào dây hoặc vỗ vào mặt da, hoặc dựa vào thể tục hoặc vì nuôi sống hoặc tuyên xưng pháp nghĩa mà khởi ngôn thuyết, hoặc dựa vào vách núi hang sâu mà phát ra tiếng vang. Như vậy hoặc tự tương, hoặc phân biệt, hoặc âm vang gọi là thanh.

Hương, là cảnh sở hành của tỹ. Tỹ thức duyên tứ đại sở tạo cái gì có thể ngửi làm thể. Sắc uẩn gồm có tính vô kiến hữu đối. Đây lại có 3 thứ là thơm, hôi và đều trái cả hai. Đó là như thế nào? Nghĩa là các mùi chồi non, vỏ lá hoa quả, khói bột v.v... hoặc câu sinh, hoặc hòa hợp, hoặc biến khác đều là hương.

Vị, là cảnh sở hành của thiệt. Thiệt thức duyên tứ đại sở tạo cái gì có thể nếm làm thể. Sắc uẩn gồm có tính vô kiến hữu đối. Đây lại có 3 thứ là ngon ngọt, không ngon ngọt và đều trái cả hai. Đó là như thế nào? Nghĩa là các vị bơ dầu đường cát mật trái cây chín v.v... hoặc câu sinh hoặc hòa hợp hoặc biến khác đều gọi là vị.

Xúc, là cảnh sở hành một phần của thân. Thân thức duyên tứ đại tạo ra cái gì có thể cảm xúc làm thể. Sắc uẩn gồm có tính vô kiến hữu đối. Đây lại có 3 thứ là tốt, không tốt và đều trái cả hai. Đó là như thế nào? Nghĩa là hoặc nhám trơn nhẹ nặng hoãn gấp nóng lạnh đói no mạnh yếu ngứa bệnh già chết mệt khỏe, hoặc duyên sáng bóng, không sáng bóng, hoặc duyên cứng chắc hoặc không cứng chắc, hoặc duyên trôi giữ, hoặc duyên dồn đông, hoặc duyên sai trái, hoặc duyên hòa thuận. Hoặc câu sinh, hoặc hòa hợp hay biến khác đều là một phần của xúc.

Pháp xứ sở nhiếp sắc, là cảnh sở hành của ý trong tất cả mọi thời. Sắc uẩn gồm vô kiến vô đối. Đây cũng có 3 thứ là sắc luật nghi, sắc không luật nghi và cảnh sắc sở hành của Tam-ma-địa. Thế nào là sắc luật nghi? Nghĩa là phòng hộ thân ngữ nghiệp, bởi nó tăng thượng tạo tác tâm tâm pháp, dựa vào pháp không hiện hành của nó kiến lập tính của sắc. Thế nào là sắc không luật nghi? Nghĩa là không phòng hộ thân ngữ nghiệp bởi nó tăng thượng tạo tác tâm tâm pháp dựa vào pháp hiện hành của nó kiến lập tính của sắc. Nghĩa là do Tam-ma-địa hạ trung thượng đều chuyển, tương ưng tâm tâm pháp, nên khởi tính của sắc duyên ảnh tượng của nó và tính của sắc nó làm thành tựu, gọi là pháp xứ.

Sở nhiếp sắc tâm bất tương ưng hành, nghĩa là các hành không tương ưng cùng với tâm. Đối với tâm tâm pháp và phần vị của sắc pháp, giả tính thi thiết không thể thi thiết pháp với tâm hoặc một hoặc khác. Chúng lại có 24 thứ sai biệt. Đó là đắc, định vô tướng, định diệt tận, trời vô tướng, mạng căn, chúng đồng phần, sinh, lão, trụ, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân, dị sinh tính, lưu chuyển, dị định, tương ưng, thứ lớp, thể nhanh, thời, phương, số, hòa hợp, không hòa hợp. Lại có những thứ khác có các chủng loại sai biệt như vậy. Nên biết cái đắc cũng có 3 thứ: một là chủng tử các hành bao gồm tính tương tục sai biệt., hai là sinh khởi tính tương tục sai

biệt một cách tự tại, ba là tự tướng sinh khởi tính tương tục sai biệt. Định vô tướng, là đã lìa cái dục của biến tịnh, nhưng chưa lìa cái dục của địa trên, quán tướng như bệnh, như ung nhọt, như tên bắn, chỉ trời vô tướng là vắng lặng vi diệu, vì ở trời vô tướng khởi tướng xuất ly, tác ý tiền phương tiện nên không hằng hiện hành tính diệt của tâm tâm pháp. Định diệt tận, là đã lìa cái dục của vô sở hữu xứ, hoặc nhập định phi tướng phi phi tướng xứ, hoặc lại tiến lên bậc trên, hoặc nhập định vô tướng, hoặc lại tiến lên bậc trên do khởi tạm dứt tướng tác ý tiền phương tiện nên ngăn dứt sở duyên không hằng hiện hành các tâm tâm pháp và hằng hiện hành một phần tính diệt của các tâm tâm pháp. Trời vô tướng, là trước được định vô tướng, do đó sau sinh làm hữu tình trời vô tướng, không hằng hiện hành tính diệt các tâm tâm pháp. Mạng căn, là nghiệp trước dắt dẫn tính quyết định của dị thực khi trụ ở 6 xứ. Chúng đồng phần, là tính tương tự của các hữu tình. Dị sinh tính, có 2 thứ là ngu phu dị sinh tính và vô gián dị sinh tính. Ngu phu dị sinh tính nghĩa là cái tính ngu phu trong thân hữu tình từ vô thủy đến nay. Vô gián dị sinh tính nghĩa là các tính tà đạo ngoài pháp của Như Lai. Sinh, là tính phát khởi của tự tướng các hành. Lão, là tính biến đổi khác nhau của các hành trước sau. Trụ, là tính liên tục không dứt khi sinh các hành. Vô thường, là tính hoại diệt của tự tướng các hành sau khi sinh khởi. Danh thân, là tự thể tướng, gọi là tính giả lập hiểu rõ các pháp hành. Cú thân, là tính sở y của ngôn thuyết, tụ tập các danh làm rõ nghĩa nhiệm tịnh. Văn thân, là tính sở y vào chữ của 2 thứ trước. Lưu chuyển, là tính liên tục không dứt của nhân quả các hành. Định dị, là tính khác nhau của nhân quả các hành. Tương ưng, là tính tương xứng của nhân quả các hành. Thế tốc, là tính nhanh chóng của các hành lưu chuyển. Thứ đệ, là tính lưu chuyển theo thứ lớp của mỗi mỗi các hành. Thời, là tính sinh diệt lần lượt đổi mới mãi mãi của các hành. Phương, là tính phân chia đều nhau của các sắc hành. Số, là tính lưu chuyển riêng biệt liên tục của thể tướng các hành. Hòa

hợp, là tính thuận duyên gặp nhau của các hành. Bất hòa hợp, là tính nghịch duyên của các hành.

Vô vi có 8 thứ là hư không, phi trạch diệt, trạch diệt, bất động, cảm thụ diệt, thiện pháp chân như, bất thiện pháp chân như và vô ký pháp chân như. Hư không, nghĩa là tính đối trị cảnh giới của tâm tâm pháp duyên ngoại sắc. Phi trạch diệt, là nhân duyên không gặp nhau, trong trung gian các hành không khởi diệt, mà không phải tính ly hệ. Trạch diệt, là do phương tiện tuệ các hành hữu lậu hoàn toàn không khởi diệt, mà là tính ly hệ. Bất động, là lia dục ở biến tịnh, được đệ tứ tĩnh lự, có tính trung gian ly hệ khổ lạc. Tướng thụ diệt, là lia dục của vô sở hữu xứ, nhập định diệt tận, trong trung gian không hằng hiện hành tâm tâm pháp, và hằng hiện hành một phần tâm tâm pháp diệt, mà có tính ly hệ. Pháp chân như thiện, bất thiện, vô ký, là tính cảnh giới thanh tịnh đối với pháp thiện, bất thiện hoặc vô ký.

Lại nữa, phải biết 5 pháp lại có 3 tướng, một là tăng ích tướng, hai là tăng ích sở khởi tướng, ba là pháp tính tướng. Tăng ích tướng, là tự tính biến kế sở chsáp trong các pháp. Tăng ích sở khởi tướng, là tự tính y tha khởi trong các pháp nó phù hợp. Pháp tính tướng, là tự tính viên thành thật trong các pháp. Như vậy là đã nói tắt cả giới. nay sẽ nói tụng rằng:

*Giới là như Dục, Sắc ...
Và với ba ngàn cõi.*

Luận nói: Giới là cõi, có 2 thứ một là Dục v.v...ba cõi, hai là ba ngàn thế giới. Dục v.v...ba cõi là: Một là cõi Dục, nghĩa là cõi chưa lia bỏ sự ham muốn có các uẩn sai biệt và các phiền não. Hai là cõi Sắc, nghĩa là cõi đã lia các uẩn sai biệt và các phiền não cõi Dục. Ba là cõi Vô sắc, nghĩa là cõi đã lia các uẩn sai biệt và các phiền não cõi Dục và cõi Sắc.

Nên biết 3 cõi như vậy lại có 5 thứ sai biệt: một là sai biệt về tướng, hai là sai biệt về sự thô nặng, ba là sai biệt về phương xứ, bốn

là sai biệt về sự thụ dụng, năm là sai biệt về sự duy trì. Sai biệt về tướng, nghĩa là trong cõi Dục tướng có nhiều sắc, tướng không đẹp để thanh tịnh, có nhiều tướng xen tạp. Trong cõi Sắc, sắc có ít tướng, tướng đẹp để thanh tịnh, không có nhiều tướng xen tạp. Trong cõi vô sắc tuy không có nghiệp tạo ra sắc, mà có định tạo ra sắc, đó là sắc vô kiến vô đối. Lại trong cõi Dục có tướng tương ưng khổ thụ, có tướng tương ưng sân giận, có tướng tương ưng nhiều tùy phiền não. Trong cõi Sắc và Vô sắc có tướng không tương ưng khổ thụ, có tướng không tương ưng sân giận, có tướng ít tương ưng tùy phiền não. Sai biệt về thô nặng, là thô nặng trong cõi Dục thì thô có tổn hại. Thô nặng trong cõi Sắc và Vô sắc thì tế mà không tổn hại. Sai biệt về phương xứ, là cõi Dục ở phương dưới, cõi Sắc ở phương trên, cõi Vô sắc thì không phương xứ. Sai biệt về sự thụ dụng, là cõi Dục thì thụ dụng cảnh giới bên ngoài, cõi Sắc và Vô sắc thì thụ dụng cảnh giới bên trong. Sai biệt về sự duy trì, là cõi Dục bị ràng buộc bởi các uẩn, dựa vào 4 cách ăn mà duy trì mạng căn. Cõi Sắc và Vô sắc các uẩn ràng buộc dựa vào 3 cách ăn mà duy trì mạng căn. Ba ngàn thế giới là: 1. Tiểu thiên thế giới, 2. Trung thiên thế giới, 3. Đại thiên thế giới. Nghĩa là một mặt trời một mặt trăng chiếu đến gọi là một thế giới. Như vậy trong một ngàn thế giới có một ngàn mặt trời mặt trăng, một ngàn núi Tô-mê-lô, một ngàn châu Thiệm-bộ ở phương Nam, một ngàn châu Ti-đề-ha ở phương Đông, một ngàn châu Cù-đà-ni ở phương Tây, một ngàn châu Câu-lô ở phương Bắc, một ngàn Tứ đại thiên chúng, một ngàn Tam thập tam thiên, một ngàn Dạ-ma thiên, một ngàn Đổ-sử-đa thiên, một ngàn Lạc biến hóa thiên, một ngàn Tha hóa tự tại thiên, một ngàn Phạm thế thiên, hợp lại thành thứ nhất một tiểu thiên thế giới. Lại một ngàn tiểu thiên thế giới gọi là thứ hai trung thiên thế giới. Lại một ngàn trung thiên thế giới là thứ ba đại thiên thế giới.

Hỏi: Vì nhân duyên gì tiểu thiên thế giới gọi là ti tiểu? Đáp: Cũng như con bò cắt bỏ 2 sừng, vì không có sừng nên gọi là nhỏ.

Như vậy từ Phạm thế trở xuống trong đó có ngàn thế giới không bằng ở cõi trên nên gọi là nhỏ. Như vậy ba ngàn thế giới bị 3 thứ tam tai hủy hoại đó là thủy, hỏa, phong tai. Tột cùng trên tam tai là đệ nhị, đệ tam, đệ tứ tinh lự. Các pháp của chư thiên đệ tứ tinh lự kia, cùng cung điện, nơi ở, tự nhiên cùng khởi cùng diệt. Lại có 3 trung kiếp khởi đó là đói khát, dịch bệnh, binh đao. Hai mươi trung kiếp thế gian đang hoại. Hai mươi trung kiếp hoại rồi trụ. Hai mươi trung kiếp thế gian đang thành. Hai mươi trung kiếp thành rồi trụ. Như vậy hợp lại có 80 trung kiếp, gọi là đại kiếp. Ví như trời mưa liên tục như trục bánh xe quay từ hư không rót xuống không ngớt. Như vậy phương Đông có vô biên thế giới không gián đoạn hoặc thành, hoặc hoại, hoặc đang hoại, hoặc hoại rồi trụ, hoặc đang thành, hoặc thành rồi trụ. Như vậy cho đến 10 phương thế giới cũng như đã nói. Nay sẽ nói tụng về giới tạp nhiễm:

*Phiền não, nghiệp, sinh tính,
Nên biết tướng tạp nhiễm.*

Luận nói: Tính tạp nhiễm có 3 thứ: một là phiền não tạp nhiễm, hai là nghiệp tạp nhiễm, ba là sinh tạp nhiễm. Phiền não tạp nhiễm, là tất cả phiền não và tùy phiền não, hợp chung gọi là phiền não tạp nhiễm. Phiền não lược có 10 thứ: 1. Tát-ca-da kiến, 2. Biên chấp kiến, 3. Tà kiến, 4. Kiến thủ, 5. Giới cầm thủ, 6. Tham, 7. Sân, 8. Vô minh, 9. Mạn, 10. Nghi. Hoặc cũng có 2 thứ là: 1. Kiến sở đoạn, 2. Tu sở đoạn. Hoặc cũng có 3 thứ: 1. Dục giới hệ, 2. Sắc giới hệ, 3. Vô sắc giới hệ. Hoặc cũng có 7 thứ điên đảo hành: 1. Tà giải hành, 2. Bất giải hành, 3. Phi giải phi bất giải hành, 4. Chấp tà giải hành, 5. Bĩ nhân y xứ hành, 6. Bĩ bố sinh hành, 7. Nhiệm vận khởi hành. Tà giải hành, nghĩa là Tát-ca-da kiến, biên chấp kiến, tà kiến, đối với các sở tri khởi tà chấp. Bất giải hành, nghĩa là vô minh không hiểu. Phi bất giải hành, nghĩa là nghi. Chấp tà giải hành, nghĩa là kiến thủ, giới cầm thủ và các kiến chấp khởi tâm v.v... Bĩ nhân y xứ hành, nghĩa là đoạn do

kiến khổ tập. Bị bố sinh hành, nghĩa là đoạn do thấy diệt đạo. Nhiệm vận khởi hành, nghĩa là đoạn do kiến, đoạn do tu. Đoạn do kiến có 112 phiền não. Đoạn do tu có 16 phiền não. Như vậy phiền não tập nhiễm vì có nhiều nghĩa sai biệt nên lập nhiều tên, như kết, phược, tùy miên, tùy phiền não, triền, bạo lưu, ách, thủ, triền cái, chu, ngọt, cầu, thiêu, hại, mũi tên, ác hành, lậu, quỹ, nhiệt não, đấu tranh, lửa cháy, rừng rậm, câu, ngại có các nghĩa sai biệt như vậy.

Nghiệp tập nhiễm, là hoặc do phiền não sinh, hoặc do phiền não duyên giúp thiện pháp sinh, nếu thích hợp gồm 3 cõi thân nghiệp ngữ nghiệp ý nghiệp. Đây lại có 2 thứ, một là tư hai là tư sở khởi. Sai biệt của nghiệp này lại có nhiều thứ. Gồm trong cõi Dục là phúc, phi phúc. Gồm trong cõi Sắc và Vô sắc là bất động. Lại có dẫn nghiệp, nghĩa là tạo tác hoặc tăng trưởng có thể dẫn đến quả và dị thực của các hữu tình thế gian và khí thế gian. Lại có sinh nghiệp, nghĩa là do trước dẫn giúp khiến phát sinh.

Sinh tập nhiễm, là do phiền não và nghiệp nên sinh, sinh nên khổ. Khổ lại có nhiều thứ, nghĩa là như cái khổ bức bách trong thai tạng, cái khổ già bệnh chết, cái khổ của oán thù gặp nhau, cái khổ của yêu thương phải chia lìa,, cái khổ vì mong cầu không được, cùng các hành thô nặng chịu khổ dài lâu, cái khổ vì nhiều lần sinh tử, sinh các khổ nạn. Đó gọi là sinh.

QUYÊN 1 HẾT

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 2

Phẩm 1-2: NHIẾP SỰ

Như vậy đã nói xong tạp nhiễm của các đế, sau đây là câu tụng:

Các đế có 6 thứ.

Luận nói: Đế có 6 thứ: 1.Tục đế, 2.Thắng nghĩa đế, 3.Khổ đế, 4.Tập đế, 5.Diệt đế, 6.Đạo đế.

Thế tục đế, là danh cú văn thân và tất cả ngôn thuyết dựa vào nghĩa của chúng và dựa vào ngôn thuyết mà hiểu nghĩa. Lại nữa từng được tâm tâm pháp thế gian và nghĩa cảnh sở hành của chúng.

Thắng nghĩa đế, là thánh trí và nghĩa cảnh sở hành của thánh trí, cùng tâm tâm pháp tương ứng với thánh trí.

Khổ đế, có 2 thứ, một thuộc thế tục đế, hai thuộc thắng nghĩa đế. Khổ thuộc thế tục đế như kinh nói sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét gặp nhau khổ, thương yêu xa lìa khổ, cầu không được khổ. Khổ thuộc thắng nghĩa đế như kinh nói sơ lược trong tất cả 5 thủ uẩn khổ.

Tập đế, có 4 thứ là: 1.Toàn nhiếp, 2.Thắng nhiếp, 3.Thế tục đế nhiếp, 4.Thắng nghĩa đế nhiếp. Toàn nhiếp, là tất cả phiền não và nghiệp trong 3 cõi đều gọi là tập đế. Thắng nhiếp, là duyên đã được chưa được, tự thể và cảnh sở khởi ái sau có ái hỷ, câu hành

ái, xú xú hỷ ái, đều gọi là tập đế. Thế tục đế nhiếp, là nguyên nhân có thể cảm các khổ thuộc thế tục đế. Thắng nghĩa đế nhiếp, là như nguyên nhân có thể cảm các khổ thuộc thắng nghĩa đế. Diệt đế, cũng có 4 thứ như nói ở trước. Toàn nhiếp, là gồm tất cả tập đế vô dư đoạn khí, thô tận, ly dục, diệt một, tịch tĩnh. Thắng nhiếp, là thắng nhiếp tập đế, vô dư đoạn khí, như vậy nói rộng. Thế tục đế nhiếp, là trong thế tục đế gồm tập đế vô dư đoạn khí, như vậy nói rộng. Thắng nghĩa đế nhiếp, là trong thắng nghĩa đế gồm tập đế vô dư đoạn khí, như vậy nói rộng.

Đạo đế, cũng có 4 thứ như trước đã nói. Toàn nhiếp, là tất cả giác phần. Thắng nhiếp, là 8 thánh đạo chi. Thế tục đế nhiếp, là các khổ đế, tập đế, diệt đế trong thế tục đế, là tất cả thánh đạo vì biến tri, vì vĩnh đoạn, vì tác chứng. Thắng nghĩa đế nhiếp, là khổ đế tập đế diệt đế trong thắng nghĩa đế vì biến tri như vậy nói rộng.

Nghĩa của thánh đế khổ tập diệt đạo là như nơi đây thánh trí sở hành, nơi đây khổ tập diệt đạo là chân lý do các thánh giả đều gọi đó là chân lý. Nên gọi là thánh đế. Như vậy đã nói về đế. Nay sẽ nói tụng về y chỉ:

Y chỉ 8 và 2

Luận nói: Y chỉ có 8 thứ. Những gì là 8? Đó là 4 tĩnh lự và 4 vô sắc. Lại có 2 thứ. Là 2 thứ gì? Là sơ tĩnh lự có 2 thứ là thế và xuất thế. Cho đến vô sở hữu xứ có 2 thứ là thế và xuất thế. Phi tướng phi phi tướng xứ chỉ là thế gian.

Thế gian sơ tĩnh lự, là hoặc do giáo pháp dục tăng thượng lìa cõi Dục, hoặc do giáo thụ tăng thượng lìa kia làm cảnh giới, đã do thế gian đạo tác ý, quán sát, xí nhiên, tu tập v.v.. nên được chuyển y, nhưng không thâm nhập nghĩa sở tri nên không thể hằng hại tùy miên. Chỗ sở y của tự địa phiền não là pháp thoái hoàn. Chỗ y chỉ của tự địa Tam-ma-địa tâm và tâm pháp như thế gian sơ tĩnh lự. Như

vậy cho đến thể gian phi tướng phi phi tướng xứ đều duyên giáo pháp dục tăng thượng lia địa dưới, nói rộng như trước.

Xuất thể gian sơ tĩnh lự, là trước dùng các hành như vậy, trạng như vậy, tướng như vậy mà tác ý, nhưng hoặc các pháp gồm trong sắc, thụ, tưởng, hành, thức, tư duy nó như bệnh, như ung nhọt, như tên bắn chướng ngại vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc lại tư duy khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo. Hoặc lại tư duy chân như pháp tính thật tế, như vậy trong các pháp tư duy như là bệnh cho đến thật tế, đã ở trong các pháp như vậy tâm sinh chán sợ. Sinh chán sợ rồi, nhiếp tâm trụ nơi cõi bất tử, hoặc nhiếp tâm trụ nơi thất tế của pháp tính chân như. Nơi đây không có trí phân biệt và tâm tâm pháp tương ưng với nó và chỗ y chỉ chuyên y của nó. Do thâm nhập nghĩa sở tri nên có thể hằng hai tùy miên, chẳng phải chỗ y chỉ của tất cả phiền não, là pháp không thoái chuyển. Như vậy gọi là xuất thể gian sơ tĩnh lự, cho đến vô sở hữu xứ cần phải nói rộng.

Đối với các tĩnh lự và vô sắc, phải biết lại có 4 thứ: 1.Tạp nhiễm, 2.Khiết bạch, 3.Kiến lập, 4.Thanh tịnh.

Tạp nhiễm, là đối với thượng tĩnh lự khởi sáu ái vị, kiến, mạn và nghi. Ái vị, có 10 thứ: 1.Câu sinh tác ý ái vị, 2.Phân biệt khởi tác ý ái vị, 3.Tự địa tác ý ái vị, 4.Địa khác tác ý ái vị, 5.Quá khứ ái vị, 6.Vị lai ái vị, 7.Hiện tại ái vị, 8.Hạ ái vị, 9.Trung ái vị, 10.Thượng ái vị.

Khiết bạch, là tịnh và vô lậu. Tịnh lại có 3 thứ: 1.dẫn phát, 2.thượng luyện, 3.trừ cấu, kham nhiệm. Vô lậu cũng có 3: 1.xuất thể gian vô lậu, 2.đăng lưu vô lậu, 3.ly hệ vô lậu. Kiến lập, đây có 4 thứ: 1.kiến lập cận phần, 2.kiến lập căn bản, 3.kiến lập định, 4.kiến lập sinh. Kiến lập cận phần và căn bản như trong kinh nói thân này được tư nhuận bởi ly sinh hỷ lạc, tư nhuận biến khắp, tư nhuận thích duyệt lưu bố khắp, nên gọi là cận phần của sơ tĩnh lự. Như kinh cũng nói trong thân này tất cả mọi chỗ không chỗ nào ly sinh hỷ lạc không

biến khắp, đó là căn bản của sơ tính lự. Như trong kinh nói đẳng trì của thân này sinh hỷ lạc tư nhuận, tư nhuận biến khắp, tư nhuận thích duyệt lưu bố khắp, nên gọi là cận phần của tính lự thứ hai. Lại như kinh nói tất cả mọi chỗ trong thân này không có một phần nhỏ đẳng trì nào sinh hỷ lạc mà không biến khắp, đó là căn bản của tính lự thứ hai. Như kinh nói tức ngay nơi thân này sự tư nhuận của ly hỷ lạc tư huận khắp, thích duyệt khắp, lưu bố khắp, đó là cận phần của tính lự thứ ba. Lại như kinh nói tức ngay mọi chỗ trong thân này không một phần nhỏ ly hỷ lạc nào không biến khắp, đó là căn bản của tính lự thứ ba. Như kinh nói tức ngay nơi thân này ý giải của tâm thanh tịnh và tâm khiết bạch biến khắp trụ đầy đủ, đó là cận phần của tính lự thứ tư. Lại như kinh nói ngay nơi tất cả trong thân này không một phần nhỏ tâm thanh tịnh và tâm khiết bạch nào không biến khắp, đó là căn bản của tính lự thứ tư. Như trong kinh nói vì tất cả sắc tướng đã đi qua, tất cả hữu đối tướng diệt, tất cả các tướng không tác ý nên nhập vô biên hư không. Hư không vô biên xứ, là cận phần hư không vô biên xứ. Lại như kinh nói cụ túc trụ là căn bản của hư không vô biên xứ. Như trong kinh nói đi qua tất cả hư không vô biên xứ, nhập vô biên thức. Thức vô biên xứ, là cận phần của thức vô biên xứ. Lại như kinh nói cụ túc trụ, là căn bản của thức vô biên xứ. Như trong kinh nói vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập phi hữu tướng phi vô tướng phi tướng phi phi tướng xứ, là cận phần của phi tướng phi phi tướng xứ. Lại như kinh nói cụ túc trụ, là căn bản của phi tướng phi phi tướng xứ.

Kiến lập định, là như trong kinh nói lìa dục, pháp ác, bất thiện nên có tâm có tứ ly sinh hỷ lạc, sơ tính lự cụ túc trụ. Lìa dục, là duyên giáo pháp tăng thượng lìa dục của cõi Dục, hoặc do sự giáo thụ đó làm cảnh giới rồi đoạn phiền ão tạp nhiễm của cõi Dục. Lìa pháp ác, bất thiện, là đoạn nghiệp của cõi Dục. Pháp tạp nhiễm có thể làm đọa lạc ác thú nên gọi là ác, có thể chướng ngại thiện pháp nên gọi là bất thiện. Tâm, là có thể đối trị 2 thứ tạp nhiễm: xuất ly tâm vô nhuế tâm

vô hại tâm. Tứ, là có thể đối trị 2 thứ tạp nhiễm: xuất ly tứ vô nhuế tứ vô hại tứ. Lìa, là do tu tập pháp đối trị, đoạn sở trị chướng, được chuyển y. Sinh, là từ đây sinh. Hỷ, là đã chuyển rồi, y nơi chuyển thức nhiếp thụ tâm hỷ duyệt, tâm dũng mãnh, tâm thích ý, tâm điều hòa được an ổn thích hợp. Lạc, là đã chuyển y rồi, y nơi thức A-lại-da có thể thâm nhiếp sở y, khiến thân nhiếp thụ hỷ duyệt được an ổn thích hợp. Sơ, là tuần tự trong các định, con số này là đầu tiên. Tĩnh lự, là đã đoạn pháp tạp nhiễm của cõi Dục, y nơi tâm tứ hỷ lạc, y nơi tâm chuyển y trụ nhất cảnh tính. Cụ túc, là tu tập. Viên mãn trụ, là nhập trụ xuất tùy ý tự tại. Lại như kinh nói vì tâm tứ vắng lặng, vì bên trong đẳng tịnh, vì tâm định một hướng nên Tam-ma-địa vô tâm vô tứ sinh hỷ lạc. Tĩnh lự thứ hai cụ túc trụ, tâm tứ vắng lặng, là hoặc duyên giáo pháp tăng thượng lìa dục của sơ tĩnh lự, hoặc duyên được giáo thụ ấy làm cảnh giới rồi, tâm tứ của bậc sơ tĩnh lự vắng lặng không hiện hành trở lại. Đẳng tịnh bên trong, là vì đối trị tâm tứ nên nhiếp niệm chính tri, trong tự nội thể tâm xả trụ, xa lìa pháp tâm tứ trần trước nên gọi là đẳng tịnh bên trong. Tâm định một hướng, là khi nhập định như vậy sinh nhiều tương tục trụ, các pháp tâm tứ hằng không hiện hành. Không tâm không tứ, là chứng đắc pháp đoạn tâm tứ. Tam-ma-địa, là đã chuyển y thì tâm trụ một cảnh tính. Sinh, là từ Tam-ma-địa sinh hỷ và lạc như trước đã nói. Tĩnh lự thứ hai, là tâm tứ vắng lặng, nội thể biến tịnh, Tam-ma-địa sinh hỷ lạc sở y, y nơi chuyển y tâm trụ một cảnh tính, ngoài ra như trước đã nói. Lại nữa như kinh nói do lìa hỷ nên trụ xả niệm chính tri và lạc thân chính thụ. Thánh giả tuyên thuyết thành tựu xả niệm, lạc trụ tĩnh lự thứ ba, cụ túc trụ. Lìa hỷ, là hoặc duyên giáo pháp tăng thượng, lìa dục của tĩnh lự thứ hai, hoặc duyên sự giáo thụ ấy làm cảnh giới rồi thấy tướng hỷ sai lầm của tĩnh lự thứ hai. Trụ xả, là đối với việc đã sinh tướng hỷ và tác ý, không nhẫn khả nên có chán lìa mà tâm không trụ nhiễm ô, tâm bình đẳng, tâm chính trực mà tính an trụ không chuyển động. Niệm, là trong khi đã quán sát cái tướng không hiện hành của hỷ

không mất sự minh liễu, khiến hỷ quyết định không hiện hành trở lại. Chính tri, là hoặc khi thất niệm, hỷ trở lại hiện hành, trong khi hiện hành, tướng hỷ phân biệt chính tri. Lạc, là đã chuyển y thì lia hỷ, lia dừng, nhiếp thụ trong an ổn thích hợp. Thân, là đã chuyển y thì hoặc chuyển thức, hoặc A-lại-da thức, tâm tính không khác, gọi chung là thân. Chính thụ, là đã chuyển y thì có thể nhiếp thụ thân khiến thân vui thích, gồm chung gọi là lạc. Thân chính thụ nơi đây, lạc thụ rất sâu xa vắng lặng, vi diệu vượt trội, không có trên dưới. Thánh giả, là Phật và đệ tử Phật. Tuyên thuyết, là hiển thị chỗ ra làm. Thành tựu xả niệm lạc trụ, là từ bậc này trở lên không có diệu lạc, bậc dưới cũng không. Như vậy thắng lạc và vô xả niệm lấy làm đối trị. Tĩnh lự thứ ba, là lia hỷ, đã xả niệm chính tri lạc y chỉ, y nơi chuyển y tâm trụ một cảnh tính, ngoài ra như trước đã nói. Lại như kinh nói do đoạn lạc, và trước đã đoạn khổ, hỷ, ưu, nên không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh tĩnh lự thứ tư cụ túc trụ. Đoạn lạc, là khi nhập tĩnh lự thứ tư, trước đã đoạn khổ là khi nhập tĩnh lự thứ hai, trước đã đoạn hỷ là nhập tĩnh lự thứ ba, trước đã đoạn ưu là khi nhập sơ tĩnh lự. Không khổ không lạc, là đã chuyển y thì phi an thích phi sát an thích., thụ sở thụ gồm sắc giới tối cực tăng thượng tịch tĩnh. Tối thắng nhiếp thụ không dao động, xả thanh tịnh, là vượt quá tầm tứ hỷ lạc tất cả chuyển động của 3 địa nên tâm bình đẳng tính, tâm chính trực tính, tam không chuyển động mà tính an trụ. Niệm thanh tịnh, là vượt quá tầm tứ hỷ lạc tất cả chuyển động của 3 địa nên tâm không quên mất mà tính sáng suốt. Thứ tư, là do thứ tự trong định đến sơ thứ tư. Tĩnh lự, là đoạn lạc, y chỉ không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, y nơi tâm chuyển y, trụ một cảnh tính, ngoài ra như trước đã nói. Lại như kinh nói vượt quá tất cả sắc tướng, hữu đối tượng diệt mất, các thứ tướng không tác ý nên nhập vô biên hư không, hư không vô biên xứ. Đầy đủ trụ tất cả, là các hành tướng. Sắc tướng, là hiển sắc tướng. Vượt qua, là lia các dục kia, như nghĩa vượt qua hữu đối tượng diệt mất, các thứ tướng không tác ý, nên biết như vậy. Hữu đối tượng, là

kia dựa vào tứ đại tướng và các sở tạo sắc tướng. Các thứ tướng, là trong tứ đại và tạo sắc như dài ngắn to nhỏ vuông tròn cao thấp ngay ngắn không ngay ngắn quang ảnh sáng tối, các loại như vậy là các giả sắc gồm trong các thứ tướng. Nếu chính khi nhập vô biên hư không xứ thì tướng hữu đối không hiện tiền cho nên diệt, và các thứ tướng cũng không khởi tác ý. Do vậy nên vượt qua năng y tất cả sắc tướng kia. Vô biên, là không thể phân biệt các tướng 10 phương. Hư không, là sắc đối trị duyên cảnh giới. Hư không vô biên xứ, là chuyên y và định năng y của xứ này, ngoài ra như trước đã nói. Lại như kinh nói siêu quá tất cả hư không vô biên xứ, nhập vô biên thức, thức vô biên xứ cụ túc trụ. Siêu quá tất cả hư không vô biên xứ, là siêu quá cận phần cùng với căn bản. Vô biên thức, là cái thức duyên vô biên hư không, nay duyên đây làm cảnh giới. Thức vô biên xứ, là chuyên y và định năng y của xứ này, ngoài ra như trước đã nói. Lại như kinh nói siêu quá tất cả thức vô biên xứ nhập vô thiếu sở hữu vô sở hữu xứ cụ túc trụ. Siêu quá tất cả thức vô biên xứ, là siêu quá cận phần cùng với căn bản. Vô thiếu sở hữu, là trên xứ thức khi tìm cầu cảnh giới không có chút sở đắc nào cả, trừ vô sở hữu, không có cảnh giới nào khác, vì chỉ thấy cảnh này cực kỳ vắng lặng. Vô sở hữu xứ, là chuyên y và định năng y của xứ này, ngoài ra như trước đã nói. Lại như kinh nói siêu quá tất cả vô sở hữu xứ nhập phi hữu tướng phi vô tướng phi tướng phi phi tướng xứ cụ túc trụ. Siêu quá tất cả vô sở hữu xứ, là siêu quá cận phần cùng với căn bản. Phi hữu tướng, là siêu quá vô sở hữu tướng. Phi vô tướng, là khi truy cầu cảnh giới trên vô sở hữu xứ chỉ được tâm và tâm pháp cực nhỏ của vô sở hữu, bởi chỉ thấy cảnh này cực kỳ vắng lặng. Phi tướng phi phi tướng xứ, là chuyên y và định năng y của xứ này, ngoài ra như trước đã nói.

Kiến lập sinh, là trước trong thời gian này tu hạ trung thượng sơ tĩnh lự thì sau sinh xứ kia thụ 3 quả cõi trời, đó là trời Phạm thân, trời Phạm phụ, trời Đại phạm. Nếu khéo tu tập sơ tĩnh lự không tầm có tứ thì sinh quả trời Đại phạm, và không nơi nào hơn được nơi ấy.

Nếu trước trong thời gian này tu hạ trung thượng tĩnh lự thứ hai thì sau sinh cõi kia thụ 3 quả cõi trời, đó là trời Thiếu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh. Nếu trước trong thời gian này tu hạ trung thượng tĩnh lự thứ tư thì sau sinh cõi kia thụ 3 quả cõi trời, đó là trời Vô vân, trời Phúc sinh, trời Quảng quả. Từ đây trở lên là sắc tham nên không có phương xứ sai biệt. Tuy có tu tập nhân hạ trung thượng nhưng không thiết lập sinh quả sai biệt. Nếu tu hạ trung thượng hư không vô biên xứ thì thụ sinh quả trời Hư không vô biên xứ. Nếu tu hạ trung thượng thức vô biên xứ thì thụ sinh quả trời Thức vô biên xứ. Nếu tu hạ trung thượng vô sở hữu xứ thì thụ sinh quả trời Vô sở hữu xứ. Nếu tu hạ trung thượng phi tướng phi phi tướng xứ thì thụ sinh quả trời Phi tướng phi phi tướng xứ. Do định vắng lặng có sai biệt, và do gời gian trụ đủ không đủ nên có sai biệt. Lại nữa do phần nhiều trụ nơi ái vị của sơ tĩnh lự cho nên phi tướng phi phi tướng xứ nên không tận thọ mạng mà có nửa chừng chết yểu. Nếu tạp tu hạ phẩm thế gian với tĩnh lự thứ tư vô lậu thì thụ sinh quả trời Vô phiền tịnh cung. Nếu tạp tu trung phẩm thì thụ sinh quả trời Vô nhiệt tịnh cung. Nếu tạp tu thượng phẩm thì thụ sinh quả trời Diệu hiện tịnh cung. Nếu tạp tu thượng thắng phẩm thì thụ sinh quả trời Diệu kiến tịnh cung. Nếu tạp tu thượng cực phẩm thì thụ sinh quả trời Vô ngại cứu cánh tịnh cung. Nếu khéo tu tập vô lượng bất tư nghị Tam-ma-địa của Bồ-tát dẫn đến tĩnh địa thứ 10 của tĩnh lự thứ tư thì thụ sinh quả siêu quá tịnh cung trời Đại tự tại. Thanh tịnh, là ranh giới sơ tĩnh lự. Y vào đây dẫn sinh tất cả thắng đức và thần thông nhanh chóng, như tướng thanh tịnh của sơ tĩnh lự, ngoài các tĩnh lự khác và các sắc tướng, nên biết đều như thế. Trong đây vô sắc sai biệt, là phát sinh các công đức giải thoát của địa kia. Như vậy các tĩnh lự kia và tạp nhiễm khiết bạch của định Vô sắc thiết lập thanh tịnh sai biệt, nên biết như thế.

Như vậy là đã nói về y chỉ. Nay sẽ nói đến giác phần.

Tụng nói:

*Giác phần có rất nhiều,
Trước hết ba mươi bảy.*

Luận nói: Phạm loại của pháp Bồ-đề phần có nhiều thứ. Trước hết có 37, là 4 niệm trụ v.v... như trong kinh có nói rộng.

Bốn niệm trụ là: 1. Thân niệm trụ, nghĩa là hoặc duyên nơi thân, hoặc lại duyên nơi giáo pháp tăng ghưng của thân, hoặc duyên sự giáo thụ kia làm cảnh giới rồi do văn tư tu sinh tuệ, hoặc chỉ ảnh tượng hoặc sự việc thành tựu khéo an trụ niệm nơi cảnh xứ của thân khiến thân được lia sự trói buộc. Cho nên đối với thân niệm trụ như vậy thì đối với thụ tâm pháp niệm trụ cũng phải biết như vậy. Trong đây sai biệt, nghĩa là mỗi mỗi thích hợp với tự cảnh, cho đến khiến lia được sự trói buộc đối với pháp. Lại nữa tất cả mọi nơi nên nói tâm và tâm pháp tương ưng với niệm, như vậy khi phát khởi tâm quan sát thì cảnh sở duyên có 4 sự kiện: một là sự kiện tâm chấp, hai là sự kiện tâm lãnh nạp, ba là sự kiện tâm liễu biệt, bốn là sự kiện tâm nhiệm tịnh.

Bốn chính đoạn, là như kinh có nói rộng.

Một đã sinh ác, không sinh pháp thiện. Để khiến đoạn, nên sinh cố gắng phát khởi chính cần, gìn giữ duy trì tâm. Đã sinh, nghĩa là gồm có các thô triền. Pháp ác bất thiện, là có thể khởi ác hạnh phiền não và tùy phiền não cõi Dục. Nghĩa của ác bất thiện như trước đã nói. Để khiến đoạn, nghĩa là tu đối trị kia khiến cho nhỏ và mỏng. Sinh dục, là khởi chứng đoạn lạc. Muốn cố gắng, là không nhẫn chịu ác và đoạn dứt qui hướng. Phát khởi chính cần, là nhiều thứ kiên cố tu đối trị kia. Ba câu trên đây hiển thị trong bất định địa văn tư tu tuệ hạ phẩm đối trị. Tâm sách tiến, là tu đối trị kia, tu tuệ hiện hành. Nếu tâm chìm đắm phiền não nhiễm ô thì tâm sách tiến khiến vươn lên. Tâm gìn giữ, là ngay khi đối trị hiện hành, nếu tâm nổi lên phiền não nhiễm ô thì giữ cho tâm hạ xuống.

Hai, chưa sinh pháp ác, bất thiện thì làm cho không sinh, cho đến nói rộng. Chưa sinh, nghĩa là gồm trong tạng tịnh tùy miên, có thể khởi nhân thô triền. Làm cho không sinh, nghĩa là khiến thô triền không hiện hành. Sinh dục, nghĩa là khởi làm cho chứng không hiện hành. Muốn sách tiến, nghĩa là do không quên mất trụ, làm cho không hiện hành, vì khéo trụ niệm nên phát khởi chính cần, tâm sách tiến, tâm gìn giữ đều như trước đã nói.

Ba, khiến sinh pháp thiện chưa sinh, cho đến nói rộng. Chưa sinh, nghĩa là chưa đạt được. Pháp thiện, nghĩa là 3 tuệ do văn tư tu sinh ra. Do nghĩa không tội lỗi nên gọi là thiện. Để khiến cho sinh, nghĩa là khiến kia được nên sinh. Dục, là khởi chứng đắc. Dục sách lệ, nghĩa là cầu cho kia nhiếp thụ chính phương tiện. Phát khởi chính cần, nghĩa là thời gian dài ân trọng, kiên cố tu tập. Ba câu trên đây hiển thị được bất định địa đối trị pháp ác bất thiện, văn tư 2 tuệ thâm nhiếp pháp thiện. Tâm sách lệ, tâm gìn giữ, là để được tu tuệ, ngoài ra như trước đã nói.

Bốn, khiến trụ pháp thiện đã sinh, khiến không quên mất, khiến tu viên mãn, khiến tu gấp bội, khiến tăng trưởng, khiến rộng lớn sinh dục sách lệ cho đến nói rộng. Đã sinh, nghĩa là đã được. Khiến trụ, nghĩa là văn tuệ. Khiến không quên mất, là tư tuệ. Khiến tu viên mãn, là tu tuệ. Ba câu trên đây cho thấy rõ chỉ thủ hộ những cái thiện đã đạt được. Khiến tu gấp bội, khiến tăng trưởng, khiến rộng lớn, nghĩa là như theo thứ lớp không chỉ ở đó sinh tri túc. Sinh dục, nghĩa là khởi muốn chứng đắc, ngoài ra như trước đã nói.

Bốn thân túc, như trong kinh nói rộng.

Một, muốn tăng thượng nên được Tam-ma-địa. Như có hành giả đòi trước tu tập thượng phẩm thiện căn, ở nơi đại sư, hoặc ở nơi người có trí đồng phạm hạnh, sinh lòng tin, sinh ý muốn nghe chinhos pháp. Như chỗ tin, muốn nghe chinhos pháp rồi, lần lượt chứng được tâm trụ một cảnh tính. Do dục này nên Tam-ma-địa thành tựu. Pháp

ác, bất thiện đã sinh chưa sinh khiến đoạn, khiến không khởi, cho nên sinh dục cho đến trì tâm. Nếu chưa sinh pháp thiện đối trị kia thì khiến cho sinh. Nếu đã sinh, khiến trụ khiến không quên mất khiến tu viên mãn khiến tu gấp bội khiến tăng trưởng khiến rộng lớn, cho nên sinh dục cho đến trì tâm. Như vậy hành giả lại tu dục siêng năng cố gắng, tín an chính niệm chính tri tư xả 8 thứ đoạn hành. Do cái dục này nên Tam-ma-địa thành tựu, nghĩa là các trói buộc hạ phẩm kia và các nhỏ mọn mỏng manh chưa tổn chưa hại trong tùy miên. Khiến đoạn khiến không khởi, nghĩa là lia những trói buộc nhuyễn phẩm đã sinh và làm tổn hại các tùy miên nhỏ mọn mỏng manh, cho nên sinh dục cho đến trì tâm, như trước đã nói rộng. Nếu chưa sinh pháp thiện đối trị kia thì khiến sinh. Nếu đã sinh, khiến trụ khiến không quên mất khiến tu viên mãn khiến tu gấp bội khiến tăng trưởng khiến rộng lớn, cho nên sinh dục cho đến trì tâm, nên biết như trước đã nói rộng. Như vậy hành giả, nghĩa là người đã nhiều thời gian tu hành trụ như vậy. Lại tu dục, nghĩa là muốn chứng sự không hiện hành và tổn hại kia. Siêng năng cố gắng, nghĩa là muốn làm nhân nơi Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na phát khởi chính cần. Tín, nghĩa là nhân của sinh dục, trong tổn hại và sở đắc kia quyết định tin chắc chắn. An, nghĩa là nhân siêng năng cố gắng trừ thô nặng trong thân tâm khiến thân tâm kham nhiệm được. Chính niệm, nghĩa là ngăn chặn sự chìm xuống hay nổi dậy trong tùy phiền não khiến tâm không quên mất. Chính tri, nghĩa là có khi mất niệm, khi tùy phiền não hiện hành, phân biệt biết đúng đắn. Tư, nghĩa là trong dừng nghỉ hay trong cử động, tâm tạo tác. Xả, nghĩa là trong không nhiễm trụ tâm bình đẳng, tâm chính trực, tâm không chuyển động. Như vậy trong tất cả thần túc, nên biết 8 thứ đoạn hành. Sai biệt trong đây là thứ hai cần tăng thượng, nên được Tam-ma-địa. Nếu có hành giả y theo giáo thụ và pháp giáo giới, hoặc ở nơi trống vắng, hoặc nơi rừng cây, hoặc nơi phòng nhà yên tĩnh ở những nơi như vậy thời gian lâu dừng mãnh thuận thực nhiệt thành siêng năng chân chính, chứng được tâm trụ một cảnh tính.

Do siêng năng chân chính, nên thành tựu Tam-ma-địa, ngoài ra như trước đã nói. Thứ ba tâm tăng thượng nên được Tam-ma-địa. Nếu có hành giả trước đã tu tập hạnh Xa-ma-tha, do nhân duyên này tư duy nội pháp, mau chóng chứng được tâm trụ một cảnh tính. Do tu tâm, nên thành tựu Tam-ma-địa, ngoài ra như trước đã nói. Thứ tư quán tăng thượng, nên được Tam-ma-địa. Nếu có hành giả đa văn, nghe và hành trì, tích chứa, ở một mình nơi yên tĩnh vắng vẻ, dùng tuệ giản trạch pháp ấy, giản trạch quán sát khắp chỗ tinh vi, nhân đó chứng được tâm trụ một cảnh tính. Do quán sát nên thành tựu Tam-ma-địa, ngoài ra như trước đã nói.

Năm căn, là như kinh nói rộng: 1. Tín căn, do thể gian đạo, khiến tâm thanh tịnh trắng sạch không cấu uế, lìa tùy phiền não, được trụ bất động. Từ đó trở về sau cầu để hiện quán, tu tập phương tiện để vĩnh đoạn tùy miên, để được đối trị chúng khởi tín tăng thượng. 2. Chính cần căn, nghĩa là dựa vào tín căn tăng tiến dũng mãnh cùng đồng hành với tín. 3. Niệm căn, nghĩa là dựa vào chính cần, rõ ràng không quên mất và cùng đồng hành với nó. 4. Đăng trì căn, nghĩa là dựa vào niệm căn tâm trụ một cảnh và cùng đồng hành với nó. 5. Tuệ căn, nghĩa là dựa vào đăng trì căn giản trạch các pháp và cùng đồng hành với nó.

Năm lực, là như trong kinh nói rộng, tức tín căn v.v... do khéo tu tập, nhiều tu tập nên không bị các pháp như bất tín v.v... làm tạp loạn, lại có khả năng đối trị các pháp tạp loạn. Với ý nghĩa không thể đê bẹp gọi là lực.

Bảy biến giác chi, nghĩa là như kinh nói rộng: 1. Niệm biến giác chi, nghĩa là do thể gian đạo được đầy đủ thiện lực, kiến đạo hiện tiền. Do trước tu tập thể gian niệm biến giác chi, dẫn đến được xuất thế vô công dụng, vô phân biệt, đối với đế lý sáng tỏ rõ ràng, đối với đế lý không quên mất. 2. Trạch pháp biến giác chi, nghĩa là do trước dẫn đến vô công dụng, vô phân biệt y chỉ, niệm cùng với

niệm đồng hành, hiểu rõ đế lý, giác ngộ đế lý. Như vậy tất cả các biến giác chi do trước dẫn đến được vô công dụng vô phân biệt, sau y chỉ vào trước và cùng với nó đồng hành, đều phải hiểu rõ. Sai biệt trong đây là, thứ ba chính cần biến giác chi thì đối với đế lý tâm dừng mãi, thứ tư hỷ biến giác chi thì đối với đế lý tâm hỷ duyệt, thứ năm an biến giác chi thì trong chân đế thân tâm kham nhiệm, thứ sáu Tam-ma-địa biến giác chi thì trong chân đế tâm trụ một cảnh, thứ bảy biến giác chi thì đối với chân đế tâm bình đẳng, tâm chính trực, tâm không động chuyển. Lại như kinh nói tức là trong đó lại khéo tu tập y chỉ vắng lặng, cho đến nói rộng. Y chỉ vắng lặng, nghĩa là y chỉ vắng lặng của cõi Dục. Y chỉ lìa dục, nghĩa là dựa vào sự lìa dục của cõi Sắc và Vô sắc. Y chỉ diệt, nghĩa là đã được dựa vào vĩnh đoạn uẩn giới xứ không còn sót. Hướng đến khí xả, nghĩa là trong tương lai uẩn giới xứ không còn tương tục nữa.

Tám Thánh đạo chi, là như kinh nói rộng: 1. Chính kiến, nghĩa là trong kiến đạo khi được biến giác chi thì thấy thanh tịnh, và trong tu đạo sau khi an lập được biến giác chi thì thấy thanh tịnh. Tổng hợp hai cái này gọi là chính kiến. 2. Chính tư duy, nghĩa là dựa vào chính kiến và đồng hành cùng với nó ly dục tư duy, vô nhuế tư duy, vô hại tư duy, trong tu đạo liên tục tác ý tư duy các đế lý, tương ưng với tác ý vô lậu khiến tâm hướng vào, cùng cực hướng vào, tìm cầu, cùng cực tìm cầu, hiện tiền tìm cầu giác liễu, tính toán quán sát tư duy tính tư duy. 3. Chính ngữ, nghĩa là trong tu đạo dựa vào chính tư duy, do liên tục tác ý vô lậu tư duy các đế lý nên được 4 thứ ngữ nghiệp, gồm trong thánh ái giới, bất lạc ly lạc, trừ diệt các thứ ly, trong trẻo sạch sẽ, bất tác ly tác, không làm không hủy không phạm, cầu, thuyền bè, xa lìa không trái vượt, không các tính trái vượt. 4. Chính nghiệp, nghĩa là trong tu đạo, do liên tục tác ý vô lậu tư duy các đế lý được 3 thứ thân nghiệp gồm thân thánh ái giới, không lạc ly lạc, trừ diệt các thứ ly, rộng như trước đã nói. 5. Chính mạng, nghĩa là trong tu đạo cho đến tư duy các đế lý, xa lìa việc làm các pháp ác tà mạng,

gồm thân thánh ái giới, rộng như trước đã nói. 6. Chính sách lệ, nghĩa là trong tu đạo cho đến tư duy các đế lý, trong các tu tập niệm trụ chính đoạn, thân túc căn lực, dục lạc chính căn, sách lệ dững mãnh có thể kham nhiệm chế ngự tâm, phấn đấu phát tinh tiến liên tục. 7. Chính niệm, nghĩa là trong tu đạo cho đến tư duy các đế lý, hoặc dựa vào đạo Xa-ma-tha, hoặc dựa vào đạo Tì-bát-xá-na, hoặc dựa vào cả hai, trong tu tập trạch pháp chính căn hỷ an đẳng trì xả biến giác chi, niệm và chính niệm tùy niệm, các niệm không quên mất niệm, tâm sáng suốt rõ ràng và không quên mất, tuyệt đối không quên mất, tuyệt đối không quên mất các pháp tính. 8. Chính đẳng trì, nghĩa là trong tu đạo cho đến tư duy các đế lý, lại dựa vào ba đạo, gồm thân chính niệm trong tu tập, tâm trụ an, trụ cận, trụ đẳng, không loạn không tán, chính nhiếp giữ Xa-ma-tha, tâm trụ một cảnh tính. Nên biết rằng các đạo chi này, cái sau dựa vào cái trước, tương ưng cùng khởi. Tiếp tụng nói:

*Trí cùng giải thoát môn,
Hành tích và chỉ quán.*

Luận nói: Có 10 thứ trí, như kinh nói rộng: 1. Pháp trí, nghĩa là trí vô lậu cùng rõ cùng hiện thấy cảnh giới các nghĩa sở tri. 2. Chung loại trí, nghĩa là trí vô lậu không cùng hiểu rõ không cùng hiện thấy cảnh giới các nghĩa sở tri. 3. Tha tâm trí, nghĩa là tu sinh các tu quả, có thể biết được tha tâm và tâm pháp trí và chư Như Lai biết các chúng sinh, tùy ý giải của chúng, tùy tùy miên của chúng mà giáo hóa dạy răn chuyển khởi diệu trí. 4. Thế tục trí, nghĩa là trí tuệ thế gian do dựa vào đây. Như Lai vì các chúng sinh tùy theo ý giải của chúng, tùy theo tùy miên của chúng mà tuyên nói diệu pháp. 5. Khổ trí, nghĩa là trong các hành hữu lậu tư duy vô thường khổ không lìa ngã, hoặc trí hoặc kiến có tính quan sát trí tuệ sáng tỏ giác ngộ. 6. Tập trí, nghĩa là trong các hành nhân hữu lậu, tư duy nhân tập sinh duyên, hoặc trí hoặc kiến, ngoài ra như trước đã nói.

7. Diệt trí, nghĩa là trong các hành diệt hữu lậu, tư duy diệt tĩnh, diệu ly, hoặc trí hoặc kiến , ngoài ra như trước đã nói. 8. Đạo trí, nghĩa là trong các hành vô lậu đạo có thể đoạn hữu lậu, tư duy đạo như hành xuất, hoặc trí hoặc kiến , ngoài ra như trước đã nói. 9. Tận trí, nghĩa là đã biết khổ, đã đoạn tập, đã chứng diệt, đã tu đạo, hoặc duyên cảnh đã hết hoặc lại làm cho hết, hoặc trí hoặc kiến , ngoài ra như trước đã nói. 10. Vô sinh trí, nghĩa là khổ đã biết không còn gì để biết nữa, tập đã đoạn không còn gì để đoạn, diệt đã chứng không còn gì để chứng, đạo đã tu không còn gì để tu nữa, hoặc duyên cảnh vô sinh, hoặc làm cho vô sinh, hoặc trí hoặc kiến , ngoài ra như trước đã nói.

Giải thoát môn, là 3 môn giải thoát. Một là không giải thoát môn, hai là vô tướng giải thoát môn, ba là vô nguyện giải thoát môn. Không, có 2 thứ, một là sở tri, hai là trí. Sở tri, là đối với chúng sinh trong tính biến kế sở chấp pháp, và trong pháp của biến kế sở chấp pháp, 2 tính biến kế này đều lìa vô tính và các hữu tính vô ngã khác của nó. Trong các pháp mà không có tính biến kế, tức là có tính vô ngã. Trong các pháp mà có tính vô ngã, tức là không có tính biến kế. Tức trong đó hữu và phi hữu không 2 tính, không cảnh phân biệt. Trí, nghĩa là duyên cảnh, hiểu biết như thật. Vô tướng cũng có 2 thứ, một là sở tri, hai là trí. Sở tri, tức là sở tri không cảnh. Do cảnh tướng này tất cả các tướng không hiện hành. Trí, nghĩa là như trước đã nói. Vô nguyện cũng có 2 thứ, một là sở tri, hai là trí. Sở tri, nghĩa là do không có trí nên điên đảo khởi tướng mạo các hành. Trí, là duyên cảnh ấy biết là chán ghét. Không hành, nghĩa là trong các hành, không có ngã có thể có, và trong các tướng, pháp phân biệt thế tục không thể có được. Vô tướng hành, nghĩa là trong các hành có thể có được tính vô ngã của chúng sinh, và trong các tướng có thể có được tính vô ngã của pháp phân biệt thế tục, và trong diệt, diệt tĩnh diệu lìa hành. Vô nguyện hành, nghĩa là vô thường, khổ,

bất tịnh như bệnh, như ung nhọt, như tên bắn. Nhân tập sinh duyên hành, duyên trí không đạo làm đạo, như hành xuất hành. Đó cũng là không hành. Duyên trí vô tướng đạo làm đạo, như hành xuất hành. Đó cũng là vô tướng hành. Duyên trí vô nguyện đạo làm đạo, như hành xuất hành. Đó cũng là vô nguyện hành. Nếu không sai biệt thì gọi chung là không, vô tướng, vô nguyện. Nên biết rằng đây thông cái tuệ do văn tư tu sinh ra, thế và xuất thế. Nếu gọi không vô tướng vô nguyện Tam-ma-địa thì nên biết rằng chỉ do tu sinh tuệ, thông thế và xuất thế. Nếu nói không vô tướng vô nguyện giải thoát môn thì nên biết rằng đây chỉ xuất thế.

Hành, là 4 thứ hành, như kinh nói rộng: Một là khổ chậm thông, nghĩa là người độn căn chưa được trụ hiện pháp lạc để hết các lậu hoặc đạo hoặc hành. Hai là khổ mau thông, tức là người lợi căn, ngoài ra như trước nói. Ba là lạc chậm thông, tức là người độn căn đã được trụ hiện pháp lạc, để hết các lậu hoặc đạo hoặc hành. Bốn là lạc mau thông, tức là người lợi căn, ngoài ra như trước nói.

Tích, là 4 pháp tích, như kinh nói rộng: Một là không tham tích, nghĩa là có thể trì uẩn pháp nghĩa của Thi-la, nên gọi là tích. Nếu người chưa thụ thì khiến thụ, người đã thụ rồi thì khiến gìn giữ, khiến tăng trưởng, khiến cho rộng lớn. Giống như không tham, hai là không giận cũng vậy. Ba là chính niệm tích, nghĩa là có thể giữ uẩn pháp nghĩa của Tam-ma-địa, nên gọi là tích. Người chưa sinh khiến sinh, đã sinh khiến tăng trưởng quảng đại. Bốn là chính đẳng trì tích, nghĩa là có thể duy trì tuệ uẩn giải thoát, trí giải thoát thấy pháp nghĩa của uẩn, nên gọi là tích. Người chưa sinh chưa chứng thì khiến sinh khiến chứng, đã sinh đã chứng thì khiến tăng trưởng, khiến quảng đại.

Chỉ, nghĩa là trong khi chính tu hành các pháp được nghe được tư duy, do duyên cảnh ảnh tượng Tam-ma-địa tác ý nên được an ổn Tam-ma-địa, trụ tâm bên trong.

Quán, nghĩa là trong khi chính tu hành các pháp đã nghe và tư duy, do duyên cảnh ảnh tượng Tam-ma-địa nên tác ý nên được an trụ Tam-ma-địa giải trạch các pháp. Tiếp đến tụng nói:

*Cư xứ và sở y,
Phát tâm với bi mẫn.
Tĩnh thông đạt các hành,
Địa Ba-la-mật-đa*

Luận nói: Có 4 cư xứ như kinh nói: 1. Tuệ cư xứ, nghĩa là trí tuệ quán sát kỹ phương tiện thế gian để an lập nghĩa của trí xuất thế chứng chân lý. 2. Đế cư xứ, nghĩa là đã được tuệ xuất thế quán sát kỹ để an lập đoạn nghĩa hữu sự điên đảo. 3. Xả cư xứ, nghĩa là đoạn hữu sự điên đảo để an lập nghĩa chấm dứt diệt trừ vô dư phiền não. 4. Tịch tĩnh cư xứ, nghĩa là làm vắng lặng các phiền não vô dư để an lập nghĩa không sinh tất cả khổ.

Sở y, là như kinh nói có 4 thứ: Một là y pháp không y chúng sinh. Nghĩa là như pháp là Như Lai nói ra hay đệ tử nói 12 phần giáo, tùy học tùy chuyển, chứ không theo chúng sinh mà làm, cũng không tùy chuyển. Hai là y nghĩa không y văn. Nghĩa là pháp không phải những cách traу chuốt làm đẹp câu văn, chỉ cần làm rõ phạm hạnh trong trắng thanh tịnh đầy đủ, cung kính tin hiểu trong pháp đó, chứ không phải hiển thị phạm hạnh điên đảo mà không hiển thị rõ ràng phạm hạnh, chỉ traу chuốt cho đẹp câu văn. Ba là y chỉ kinh liễu nghĩa không dựa vào kinh không liễu nghĩa. Nghĩa là những điều Như Lai nói tương tự tính tướng của không là rất sâu, nên tùy thuận các duyên trong pháp duyên khởi, không nên vọng chấp. Như nghĩa cạn được nói ra, cũng không nên trụ trong đó mà có tâm kiến thủ, chỉ cần tìm xét rõ trong kinh liễu nghĩa. Bốn là dựa vào trí không dựa vào thức. Nghĩa là không phải chỉ chỉ nghe thôi mà cho là đủ, rồi không tiến tu pháp theo pháp thực hành. Để hết các lậu phải siêng năng suy tìm nội chứng trí chân đế.

Phát tâm, là chư Bồ-tát phát tâm Bồ-đề. Nếu các Bồ-tát trụ Bồ-tát pháp tính vì muốn lợi ích hữu tình trong 10 phương thế giới, y theo hành tướng ấy cường thắng nhân duyên phát thệ nguyện lớn đối với A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề thụ pháp phát tâm rằng ta quyết định sẽ chứng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề để độ 10 phương tất cả hữu tình khiến lìa các phiền não và lìa các khổ nạn. Thụ pháp tâm này lại có 2 thứ, một là thế tục phát tâm và hai là chứng pháp tính phát tâm. Thế tục phát tâm là như có một người theo một người trí đứng trước người ấy cung kính khởi tăng thượng ý phát thệ nguyện nói rằng: Xin trưởng lão ghi nhớ, hoặc nói xin Thánh giả ghi nhớ, hoặc nói xin Ô-ba-đà-da, tôi tên là..., từ hôm nay mới phát tâm A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề vì muốn làm lợi ích hữu tình. Từ đây về trước, tất cả sự tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, chính cần, tinh lự và tuệ của tôi, tất cả đều vì chứng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Tôi nay cùng các Bồ-tát Ma-ha-tát hòa hợp xuất gia, nguyện xin chứng tri tôi là Bồ-tát. Lần thứ hai lần thứ ba cũng nói như vậy. Chứng pháp tính phát tâm, nghĩa là như có một người đã trải qua một kiếp A-tăng-xí-da thứ nhất, đã chứng Bồ-tát sơ hoan hỷ địa, đã nhập định Vô sinh vị của Bồ-tát, đã biết như thật vô thượng Bồ-đề và Bồ-đề phương tiện, đã ngộ tự thân gần đến quả Đại Bồ-đề, chứng biết tự tha đều bình đẳng nên được đại ngã ý, đã đến chỗ không trụ lưu chuyển tịch diệt Bồ-tát đạo, được quảng đại ý. Do đó cho nên không thoái chuyển đối với nguyện Đại Bồ-đề. Đó gọi là chứng pháp tính phát tâm.

Bi mãn, nghĩa là Bồ-tát đã phát tâm như vậy rồi, trong 10 phương thế giới hoặc hữu tình có cái khổ của 3 thứ thoái đọa, hoặc hữu tình có khổ trong 5 thứ, hoặc hữu tình có 4 thứ cực khổ, hoặc hữu tình có cái khổ của 6 thứ khổ nặng, hoặc hữu tình có cái khổ của 3 thứ tướng khổ, những nơi như vậy đều khiến lìa khổ, hành bất hại làm tính. Các hành, nghĩa là 10 thứ pháp hành, như kinh nói rộng: 1.

Trong tạng pháp Bồ-tát, hoặc ít hoặc nhiều đều tôn trong cung kính sao chép thụ trì. 2. Dù kém dù hơn đều cúng dường các vật dụng cúng dường. 3. Nếu tự mình sao chép xong, do tâm thương xót mà bố thí cho người. 4. Nếu người phát ý cung kính tôn trọng, thì dùng lời dịu ngọt tuyên dương, đọc tụng thì ngưỡng mộ lắng nghe. 5. Phát tịnh tín giải cung kính tôn trọng mở đọc. 6. Vì muốn tu tập pháp theo pháp thực hành, theo thầy học rồi thì đọc tụng. 7. Đã đọc tụng rồi thì kiên trì ôn tập. 8. Thương xót người nên truyền trao cho họ, tùy theo đó mà khai diễn hoặc rộng hay sơ lược. 9. Ở một mình nơi vắng vẻ yên tĩnh nghiên cứu suy tầm tư duy quán sát. 10. như chỗ tư duy tu hành Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na vì muốn nhập vào cho đến vì muốn đạt tới nghĩa muốn tìm kiếm.

QUYỂN 2 HẾT

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỀN 3

Phẩm 1-3: NHIẾP SỰ

Thông đạt có 7 thứ như trong kinh nói rộng: 1. Thông đạt chữ, nghĩa là không phân biệt 32 chữ, hiểu rõ như thật nghĩa của hành tướng, do trước đã khéo tu trị hành pháp tăng thượng nơi tâm. 2. Thông đạt tướng của chữ, nghĩa là có phân biệt tướng của các chữ đối với hình sự tử v.v... nên hiểu rõ như thật nghĩa của hành tướng, ngoài ra như trước đã nói. 3. Thông đạt năng thủ, nghĩa là đối với sở duyên tâm pháp tương ưng chỉ hiểu rõ tướng như thật, ngoài ra như trước đã nói. 4. Thông đạt sở thủ, nghĩa là trong tất cả cảnh giới các thức hiểu rõ như thật ảnh tướng duy thức, ngoài ra như trước đã nói. 5. Thông đạt sự trói buộc, nghĩa là hiểu rõ như thật tướng trói buộc và trói buộc thô nặng, ngoài ra như trước đã nói. 6. Thông đạt giải thoát, nghĩa là hiểu rõ như thật tướng giải thoát trói buộc và giải thoát thô nặng, ngoài ra như trước đã nói. 7. Thông đạt pháp tính, nghĩa là hiểu rõ như thật đối với sự trói buộc, giải thoát duyên khởi các hành từ đời vô thủy đến nay và pháp tính chân như vắng lặng của chúng vì trước đã khéo tu trị hành pháp tăng thượng nơi tâm.

Địa, nghĩa là 10 địa của Bồ-tát, như kinh nói rộng: 1. Cục hỷ địa, nghĩa là chư Bồ-tát trụ trong địa này, trước đã khéo tu trị hành pháp tăng thượng nơi tâm, nên siêu quá tất cả hiện quán của Thanh

Văn Độc Giác, được các hiện quán của Bồ-tát. Chính vì chứng đắc vô thượng hiện quán nên các Đại Bồ-tát trong địa này trụ hỷ tăng thượng. Do đó địa này gọi là cực hỷ. 2. Ly cấu địa, nghĩa là chư Bồ-tát trụ trong địa này, trước khéo tu trị sơ địa hành, nên siêu quá tất cả Thanh Văn Độc Giác địa, chứng đắc cực tịnh diệu tích tụ Thi-la, đối trị tất cả cấu uế phạm giới vi tế. Do đó địa này gọi là ly cấu. 3. Phát quang địa, nghĩa là chư Bồ-tát trụ trong địa này, trước khéo tu trị địa thứ hai, siêu quá tất cả Thanh Văn Độc Giác địa, chứng đắc Tam-ma-địa tích tụ hết sức thanh tịnh, là y chỉ của ánh sáng đại trí. Do đó địa này gọi là phát quang. 4. Diệm tuệ địa, nghĩa là chư Bồ-tát trụ trong địa này, trước khéo tu trị địa thứ ba nên siêu quá tất cả Thanh Văn Độc Giác địa, chứng đắc cực tịnh, duyên các giác phần có thể thủ pháp cảnh tích tụ vi diệu tuệ, có khả năng hiện tiền thiêu đốt tất cả phiền não. Do đó địa này gọi là diệm tuệ. 5. Cực nan thắng địa, nghĩa là chư Bồ-tát trụ trong địa này, trước khéo tu trị địa thứ tư nên siêu quá tất cả Thanh Văn Độc Giác địa, chứng đắc cực tịnh, duyên để lý biết các pháp tích tụ vi diệu tuệ, thành tựu chỗ khó thành, không trụ lưu chuyển tịch diệt Thánh đạo. Do đó địa này gọi là cực nan thắng. 6. Hiện tiền địa, nghĩa là chư Bồ-tát trụ trong địa này, trước khéo tu trị địa thứ năm nên siêu quá tất cả Thanh Văn Độc Giác địa, chứng đắc cực tịnh, duyên trí phi trí 2 thứ sở tác, chấm dứt sự lưu chuyển của các hành, pháp cảnh tích tụ vi diệu tuệ, phần nhiều có tướng tương tục tự nhiên, diệu trí hiện tiền. Do đó địa này gọi là hiện tiền. 7. Viễn hành địa, nghĩa là chư Bồ-tát trụ trong địa này trước khéo tu trị địa thứ sáu nên siêu quá tất cả Thanh Văn Độc Giác địa, chứng đắc cực tịnh vi diệu giải thoát tích tụ giải thoát trí kiến do đã từ lâu nhập vào các tướng giải thoát hiện hành. Do đó địa này gọi là viễn hành. 8. Bất động địa, nghĩa là chư Bồ-tát trụ trong địa này trước khéo tu trị địa thứ bảy nên siêu quá tất cả Thanh Văn Độc Giác địa, chứng đắc cực tịnh vi diệu giải

thoát, tích tụ giải thoát trí kiến, giải thoát chướng tất cả tướng tự tại nên được vô công dụng y chỉ liên tục tự nhiên. Do đó địa này gọi là bất động. 9. Thiên tuệ địa, nghĩa là chư Bồ-tát trụ trong địa này trước khéo tu trị địa thứ tám nên siêu quá tất cả Thanh Văn Độc Giác địa, chsngs đắc cực tịnh vi diệu giải thoát, tích chứa giải thoát trí kiến giải thoát tất cả chướng vô ngại biện, y chỉ của tuệ rộng lớn không lỗi. Do đó địa này gọi là thiên tuệ. 10. Pháp vân địa, nghĩa là chư Bồ-tát trụ trong địa này trước khéo tu trị địa thứ chín nên siêu quá tất cả Thanh Văn Độc Giác địa, chứng đắc cực tịnh vi diệu giải thoát, tích chứa giải thoát trí kiến, giải thoát trí chướng phát khởi đại thần thông như mây, sở y của pháp thân viên mãn. Do đó địa này gọi là pháp vân.

Ba-la-mật-đa, là 10 Ba-la-mật-đa, như kinh nói rộng: Một, thí Ba-la-mật-đa, nghĩa là dựa vào tâm Bồ-đề, bi là đứng đầu, 10 thứ pháp hành giúp cho việc khéo tu trị, 7 thứ thông đạt làm kiên cố căn, hoặc nhân tư tài hoặc do chính pháp, hoặc do vô úy, gồm tính của 5 thứ công đức đại ngã: một không đấm trước nên xả, hai chẳng quán nên xả, không mắt nên xả, bốn không phân biệt nên xả, năm hồi hướng nên xả. Do hạnh này mà chư Bồ-tát dùng các thức tư sinh thâm nhiếp các hữu tình, và do gần gũi nhiều tu tập khiến các tư lương kia viên mãn, sẽ thành quả vô thượng chính biến tri. Cũng giống như thí Ba-la-mật-đa, nên biết giới cho đến tuệ cũng như vậy. Chỗ sai khác trong này là thứ hai, giới Ba-la-mật-đa, nghĩa là hoặc nhân dứt lìa bất thiện, hoặc nhân nhiếp thụ thiện pháp, hoặc nhân luật nghi giới lợi ích hữu tình có tình gồm thâm thân ngữ ý nghiệp. Do hạnh này chư Bồ-tát dùng sự không giận, không não hại thâm nhiếp các hữu tình. Thứ ba, nhẫn Ba-la-mật-đa, nghĩa là hoặc do có tính không giận, nhận chịu việc người không làm lợi ích, hoặc do có tính không loạn mà an tâm nhẫn chịu các khổ, hoặc do có tính chính tuệ mà thẩm xét các pháp. Do các hạnh này mà Bồ-tát dùng

nhẫn chịu đựng tất cả việc không lợi ích và việc tổn hại để nhiếp hóa hữu tình. Thứ tư, cần Ba-la-mật-đa, nghĩa là hoặc nhân mặc áo giáp phát tâm, hoặc nhân phương tiện gia hành, hoặc nhân lợi ích hữu tình liên tục tâm thuần thực, tính dũng mãnh vì muốn dẫn sinh tất cả thiện căn, do hạnh này mà các Bồ-tát tuy chưa đẽ bẽp được các hoặc mà có thể một mặt chuyên tu các thiện. Thứ năm, tĩnh lự ba-la-mật-đa, nghĩa là hoặc nhân đối trị phiền não, hoặc nhân phát khởi công đức, hoặc nhân lợi ích hữu tình tâm trụ một duyên, do hạnh này mà các Bồ-tát đẽ bẽp được các phiền não khiến trụ pháp không hiện hành. Thứ sáu, tuệ Ba-la-mật-đa, nghĩa là hoặc nhân đối trị phiền não, hoặc nhân phát khởi công đức, hoặc nhân lợi ích hữu tình gián trá các pháp, do hạnh này mà các Bồ-tát hằng vĩnh đoạn tất cả chủng tử phiền não chướng và sở tri chướng. Thứ bảy, thiện xảo Ba-la-mật-đa, nghĩa là các Bồ-tát dùng phương tiện này, hoặc do thuận, hoặc do nghịch, hoặc do không đồng ý lạc, hoặc do làm ân báo ân, hoặc do bức bách, hoặc do thanh tịnh dùng 3 thứ lợi ích nhiếp hóa các hữu tình, đối với các chỗ thiện khiến tiếp thụ, khiến điều hợp, khiến an trụ, khiến thành lập. Thứ tám, nguyện Ba-la-mật-đa, nghĩa là trong các Bồ-tát tùy theo có một làm tính, vì phiền não giải đãi nhiều nên liền phát chính nguyện tu các thiện, khiến đời vị lai được tự tính dũng mãnh chính cần, phiền não mỏng nhẹ. Do nhân này nên trong các đời chỗ phát tâm cầu đều được quả như nguyện, đối với pháp tu thiện được sức vững mạnh. Thứ chín, lực Ba-la-mật-đa, nghĩa là các Bồ-tát do chỗ tu thiện pháp được sức vững mạnh, dựa vào sức này nên mau chóng phát khởi tĩnh lự Ba-la-mật-đa. Thứ mười, trí Ba-la-mật-đa, nghĩa là các Bồ-tát đối với Bồ-tát tạng tĩnh lự Ba-la-mật-đa thâm nhiếp thì trí dẫn phát thế gian tuệ. Dựa vào tuệ này mà các Bồ-tát mau chóng có thể phát khởi xuất thế gian vô phân biệt tuệ Ba-la-mật-đa không trụ nơi lưu chuyển tịch tịnh.

Như vậy 10 Ba-la-mật-đa, ở trong tất cả địa đều tu tập đầy đủ. Như tăng thượng thì thí Ba-la-mật-đa chỉ ở sơ địa. Còn thứ tự thì cho đến trí Ba-la-mật-đa ở địa thứ 10.

Tụng nói:

*Bồ-tát hành nhiếp sự,
Và các đà-la-ni,
Các môn Tam-ma-địa,
Các vô lượng tác ý.*

Luận nói: Bồ-tát hạnh, là 4 hạnh của Bồ-tát làm, như kinh nói: 1.Đáo bỉ ngạn, nghĩa là 10 Ba-la-mật-đa nói chung là việc làm đáo bỉ ngạn, đều là nghĩa xuất ly của Đại thừa. 2.Biến giác phần, nghĩa là 37 pháp Bồ-đề phần nói chung là biến giác phần, vì hiểu rõ như thật tất cả nghĩa sở tri. 3.Thần thông, nghĩa là 6 thần thông nói chung đều để dẫn dắt nhiếp hóa hữu tình khiến sinh cung kính vào trong nghĩa của thánh giáo. 4.Thành thực hữu tình, nghĩa là 4 nhiếp sự gòm lại nói chung là hạnh thành thực hữu tình. Nếu đã vào trong thánh giáo hóa độ giới hữu tình, dùng nghĩa 2 thứ tài pháp nhiếp thụ nên trong đây nhiếp thụ bằng tài gọi là trợ nhiếp thụ, tức phương tiện khiến thành thực, nhiếp thụ bằng pháp gọi là chính nhiếp thụ vì chuyên và tùy chuyên phương tiện khiến thành thực. Như vậy 4 nhiếp sự dựa vào 5 thứ nhiếp hạnh gọi là nhiếp sự. Năm nhiếp hạnh là: một khiến phụ đã nhiếp, hai khiến thụ thiện nhiếp, ba khiến khởi thiện chính cần nhiếp, bốn khiến thiện thành thực nhiếp, năm khiến thiện giải thoát nhiếp. Nhiếp sự, nghĩa là 4 nhiếp sự như kinh có nói rộng, nên biết an lập chúng như an lập hạnh thành thực hữu tình.

Đà-la-ni môn, nghĩa là vô lượng Đà-la-ni môn của chư Bồ-tát như kinh có nói rộng. Nếu muốn nói đại lược tướng của Đà-la-ni thì có nghĩa là chư Bồ-tát thành tựu tự loại, thông đạt nơi danh cú văn thân, như ý tự tại, được sức niệm trì các chủng loại như vậy, do niệm

lực nên tùy trong một chữ mà có thể hiển thị, phân biệt khai diễn nghĩa của tất cả thứ nhiễm tịnh, nên gọi tên là Đà-la-ni môn.

Tam-ma-địa môn, nghĩa là vô lượng Tam-ma-địa môn của chư Bồ-tát, như kinh có nói rộng. Nếu muốn nói tóm lược thì có 8 thứ. Tức là sơ tĩnh lự cho đến phi tưởng phi phi tưởng xứ. Chư Bồ-tát Ma-ha-tát dựa vào mỗi mỗi Tam-ma-địa môn xuất sinh vô lượng Tam-ma-địa. Chư Thanh Văn Độc Giác không thông đạt tên này. Các Tam-ma-địa này đều có thể thiết lập các việc do tất cả các Tam-ma-địa tạo ra trong 10 phương thế giới, cho nên gọi tên là Tam-ma-địa môn. Vô lượng tác ý, là 5 vô lượng tác ý, như kinh có nói rộng.

Một là hữu tình vô lượng tác ý, nghĩa là chư Bồ-tát dùng hành pháp tăng thượng khéo tu trị vi diệu tác ý, tư duy 10 phương vô lượng thế giới thâm nhiếp tất cả hữu tình thế gian không thể nói hết tướng các thứ nghiệp báo sai biệt, hoặc một chân, 2 chân, 4 chân, nhiều chân, hoặc có sắc không sắc, hoặc có tướng không có tướng, chẳng phải có tướng chẳng phải không tướng, hoặc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc na-lạc-ca, bàng sinh, quý, người, trời, hoặc sinh trứng, sinh nơi ẩm ướt, sinh thai, sinh hóa, đã tư duy rồi hiểu như thật. Như vậy là hữu tình chuyên, như vậy là hữu tình hoàn, như vậy là nhiễm ô, như vậy là thanh tịnh, như vậy là tà hạnh, như vậy là chính hạnh, vì các sai biệt như thế như thế nên có các dị thực sinh như thế như thế.

Hai là thế giới vô lượng tác ý, nghĩa là chư Bồ-tát cho đến tư duy cái tướng của khí thế gian trong 10 phương vô lượng thế giới, tư duy rồi như thật hiểu biết thế giới này nhiễm, thế giới này tịnh như thật hiểu biết đều như ảo hóa, chỉ là ảnh tượng hư vọng phân biệt, hư vọng không thật, theo tướng lưu chuyển thành lập các thứ hình mạo sai biệt như thành như hoại, hoặc hơn hoặc kém, hoặc thô hoặc tế, hoặc xa hoặc gần, hoặc phân tích cho đến cực vi, hoặc rộng hoặc sơ lược, hoặc nơi hiện hóa, hoặc nơi biến đổi, hoặc nơi xa gần, hoặc nơi

ân dấu hoặc nơi hiển lộ, như vậy các việc mà được tự tại hiểu biết như thật.

Ba là pháp giới vô lượng tác ý, nghĩa là chư Bồ-tát cho đến tư duy cái tự tướng cộng tướng của tất cả các pháp trong 10 phương vô lượng thế giới tư duy rồi hiểu biết như thật pháp này là sắc, pháp này chẳng phải sắc, như sắc mà chẳng phải sắc, như vậy hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, thiện bất thiện vô ký, có lỗi lầm không lỗi lầm, , Dục hệ, Sắc hệ, Vô sắc hệ, học vô học, phi học phi vô học, kiến đoạn tu đoạn vô đoạn, , chuyển pháp hoàn pháp nhiếp pháp tịnh pháp, lưu chuyển pháp tịch diệt pháp, di sinh pháp hiền thanh pháp, Thanh Văn pháp Độc Giác pháp Như Lai pháp, như vậy hiểu biết các pháp như thật.

Bốn là điều phục vô lượng tác ý, nghĩa là chư Bồ-tát cho đến tư duy sự hóa độ hữu tình trong 10 phương vô lượng thế giới các thứ hạnh, các thứ chủng tính, hoặc chủng tính Thanh Văn, chủng tính Độc Giác, chủng tính Như Lai, như vậy các chủng tính điều phục đã tư duy rồi hiểu biết như thật các đối tượng điều phục đây là căn yếu đây là căn trung bình, đây là lợi căn, đây là hạng thắng giải thấp kém, đây là hạng thắng giải rộng lớn, đây là tham hành tham A-thế-da, đây là sân hành sân A-thế-da, đây là si hành si A-thế-da, đây là đẳng phần hành đẳng phần A-thế-da, đây là thăng tiến A-thế-da, đây là không thăng tiến A-thế-da, đây là hiền thiện A-thế-da trần cấu mỏng manh, đây là tùy miên tăng thịnh, đây là tùy miên mỏng manh, đây là tùy miên cực nhỏ, đây là tùy miên suy tổn, đây là tùy miên không suy tổn, đây là tùy miên hoàn toàn, đây là tùy miên không hoàn toàn, đây nói rộng mới hiểu, đây nghe qua liền hiểu, đây phải đui bỏ mới điều phục, đây thì nhiếp thụ mới điều phục, đây thì dụi dằm mới điều phục, đây phải thô bạo mới điều phục, đây phải có thô có dụi mới điều phục, đây phải bỏ hay để lại mới điều phục, như vậy các trường hợp hiểu biết như thật.

Năm là phương tiện điều phục vô lượng tác ý, nghĩa là chư Bồ-tát cho đến tư duy phương tiện điều phục hóa độ hữu tình trong 10 phương vô lượng thế giới, tư duy rồi hiểu biết như thật đây là do thuyết pháp bí mật mới có thể điều phục, đây là do thuyết háp hiển liễu mới có thể điều phục, đây là do phương tiện nhiếp thụ, đây là do phương tiện chiết phục, đây là phương tiện chuyển, đây là phương tiện tùy chuyển, đây nên tùy thuận, đây nên trái nghịch, đây nhân không đồng phần a-thế-da, đây nên làm ơn báo ơn, đây phải thị uy ra oai, đây nhân thanh tịnh, đây do hiển thị thân biến đặc biệt ly kỳ, đây do thị hiện ký biệt đặc biệt ly kỳ, đây do thị hiện day răn đặc biệt ly kỳ, đây do thị hiện các uy thế, đây do khéo khuyến dụ dạy dỗ, đây do tướng thô, đây do tướng dịu dàng, đây do tướng đều có thô và dịu dàng, đây do bỏ hoặc để, đây do nói sơ lược pháp yếu có thể khiến điều phục, đây do gắng giải rộng pháp yếu mới khiến điều phục. Như vậy hiểu biết như thật các phương tiện. Lại nữa,

Tụng nói:

*Tướng chân như tác ý,
Tín hiểu không nghĩ bàn.
A-thế-da rộng lớn
Nên biết các tự số.*

Luận nói: Tướng chân như tác ý, nghĩa là duyên 7 thứ biến mãn chân như tác, như kinh nói rộng:

1. Lưu chuyển chân như tác ý, nghĩa là chư Bồ-tát đã kiến đế dùng pháp hành tăng thượng khéo tu trì, khi tác ý đối với pháp nhiệm tịnh tư duy thật tính của các hành lưu chuyển từ vô thủy đến nay, tư duy rồi lìa kiến chấp không có nhân và kiến chấp nhân không bình đẳng.

2. Thật tướng chân như tác ý, nghĩa là như trước nói cho đến nhân của pháp nhiệm tịnh tư duy các pháp, tính vô ngã của chúng

sinh và tính vô ngã của pháp. Đã tư duy rồi, tất cả các tác ý về thân kiến và các tướng tư duy phân biệt không hiện hành tác ý nữa.

3. Duy thức chân như tác ý, nghĩa là như trước đã nói, cho đến đối với sở y của pháp nhiệm tịnh tư duy tính duy thức của các pháp. Đã tư duy rồi hiểu biết như thật chỉ tâm nhiệm nên chúng sinh nhiệm, chỉ do tâm tịnh nên chúng sinh tịnh.

4. An lập chân như tác ý, nghĩa là như trước đã nói cho đến tư duy khổ đế đối với thể của pháp nhiệm tịnh. Đã tư duy rồi muốn khiến hữu tình biết nên vì hữu tình giảng nói.

5. Tà hạnh chân như tác ý, nghĩa là như trước đã nói cho đến tư duy tập đế đối với nhân của pháp nhiệm ô. Đã tư duy rồi muốn khiến đoạn trừ nên vì hữu tình giảng nói.

6. Thanh tịnh chân như tác ý, nghĩa là như trước đã nói cho đến tư duy diệt đế đối với thể của pháp thanh tịnh. Đã tư duy rồi muốn khiến hữu tình chứng nên vì hữu tình giảng nói.

7. Chính hạnh chân như tác ý, nghĩa là như trước đã nói cho đến tư duy đạo đế đối với hạnh thanh tịnh. Đã tư duy rồi muốn khiến tu tập nên vì hữu tình giảng nói.

Tin hiểu không nghĩ bàn, nghĩa là chư Bồ-tát đã được tin hiểu đối với những chỗ khó tư duy, như kinh nói rộng. Nếu muốn nói sơ lược cái tướng của sự tin hiểu này, nghĩa là đối với cái nghĩa sở tri cực kỳ sâu xa, cảnh giới sở hành của chư Bồ-tát đã nhập địa và chư Như Lai, cùng với oai đức cực kỳ rộng lớn của chư Phật Bồ-tát, khởi tâm thuần thành ngay chính tin vào sự khó nghĩ bàn này, không phải toan vượt cảnh giới, đã thấu rõ rồi mới sinh tin hiểu.

A-thế-da rộng lớn, nghĩa là A-thế-da của đại ngã và A-thế-da rộng khắp. A-thế-da của đại ngã, nghĩa là chư Bồ-tát do hiểu được

tự tha bình đẳng giải thoát nên vì các hữu tình đều được giải thoát, thanh tịnh tín dục. A-thế-da rộng khắp, nghĩa là chư Bồ-tát đối với lưu chuyển và tịch diệt được vô phân biệt bình đẳng giải thoát nên vì lợi ích hữu tình cả hai đều không trụ, thanh tịnh tín dục.

Nên biết các tự số, nghĩa là phải biết tự số của các thứ giác phần. Như vậy là đã nói xong. Nay sẽ nói về giác phần Bồ-đặc-già-la.

Tụng nói:

*Tùy tín hành bảy thứ,
Và tám thứ nên biết.
Cùng với cực thất phần,
Có sáu thứ thoái pháp.*

Luận nói: Phải biết có nhiều thứ Bồ-đặc-già-la. Nay trước tiên giải thích 7 thứ hiện thánh. Nghĩa là 7 thứ: tùy tín hành v.v... như trong kinh nói rộng.

1. Tùy tín hành, nghĩa là như có một tính là duyên căn thuận thực liên tục từ trước đến nay hằng tin hiểu. Do nhân duyên này, nay đối với các đế lý tùy theo đó mà tin hiểu hướng đến quán đế lý.

2. Tùy pháp hành, nghĩa là như có một tính là lợi căn thuận thực liên tục từ trước đến nay hằng trạch pháp. Do nhân duyên này, nay đối với các đế lý tùy theo đó mà trạch pháp hướng đến quán đế lý.

3. Tin hiểu, tức là tùy tín hành đã kiến thánh đế.

4. Kiến chí, tức tùy pháp hành đã kiến thánh đế.

5. Thân chứng, nghĩa là trong 8 giải thoát thân chứng cụ túc trụ, chưa được các lậu vô dư tận diệt.

6. Tuệ giải thoát, nghĩa là đã được tận diệt các lậu vô dư, chưa được 8 giải thoát thân chứng cụ túc trụ.

7. Câu giải thoát, nghĩa là đã được tận diệt các lậu vô dư và trong 8 giải thoát thân chứng cụ túc trụ.

Tám thứ , nghĩa là dự lưu quả hương v.v...8 thứ, như kinh nói rộng:

1. Dự lưu hương, nghĩa là như có một thuận thực liên tục siêu quá tất cả ngoại dị sinh địa, nhập chính tính ly sinh, nếu chưa chứng được quả sơ dự lưu sẽ không có trung yếu,

2. Dự lưu quả, nếu tùy thắng nhiếp hằng đoạn 3 kết, nếu toàn nhiếp hằng đoạn tất cả kiến sở đoạn hoặc, do thánh giả này đã kiến đế, nên trước tiên chứng được quả nghịch lưu hành.

3. Nhất lai hương, nghĩa là như có một hoặc thể gian đạo đã bội ly Dục giới tham rồi hương nhập chính tính ly sinh, hoặc quả dự lưu tu hạnh đối trị để đoạn các hoặc trung thượng phẩm của Dục giới.

4. Nhất lai quả, hoặc đã bội ly dục rồi, nhập chính tính ly sinh rồi sau mới chứng đắc hoặc quả dự lưu, tiến tới đoạn các hoặc trung thượng phẩm của Dục giới nên được. Túc dựa vào sự đoạn trừ này gọi là tham sân si mỏng manh của Dục giới. Điều này làm sao biết được? Nghĩa là khi khi so đo tính toán tác ý quan sát cảnh, tâm sinh xả không tập đối với hương tâm, không tập đối với thú tâm, không tập đối với trước tâm. Nên biết là người này 3 độc mỏng manh.

5. Bất hoàn hương, nghĩa là như có một hoặc thể gian đạo, trước lìa cái tham Dục giới, hương nhập chính tính ly sinh, hoặc quả nhất lai, tiến tới tu đối trị đoạn các phiền não của Dục giới.

6. Bất hoàn quả, hoặc trước lìa Dục, nhập chính tính ly sinh, rồi sau chứng đắc hoặc quả nhất lai, đoạn hết tất cả phiền não cói Dục nên chứng đắc.

7. A-la-hán hương, nghĩa là như có một người học đã kiến tích, tu hạnh đối trị để đoạn phiền não của phi tướng phi phi tướng địa.

8. A-la-hán quả, nghĩa là vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não của bậc phi tướng phi phi tướng nên chứng đắc.

Cực thất phản v.v..., nghĩa là cực thất phản kiến lập 8 y sinh, như kinh có nói rộng:

1. Cực thất phản, tức quả dự lưu, do khéo tu tập thánh đạo nên ở nơi thiên thượng hay ở nơi nhân gian, hoặc hoặc trong thiên thượng nhân gian thụ sinh 7 lần rồi mới hết được các khổ.

2. Gia gia, tức quả dự lưu, do khéo tu tập thánh đạo, nên hoặc sinh thiên thượng hoặc sinh nhân gian, từ nhà này đến nhà khác được diệt hết các khổ.

3. Nhất gian, tức quả nhất lai, do khéo tu thánh đạo nên hoặc sinh thiên thượng ngay nơi đó chứng tịch diệt, hoặc sinh nhân gian ngay ở đó chứng tịch diệt.

4. Trung gián chứng tịch diệt, tức quả bất hoàn, đã đoạn căn bản sinh kết, chưa đoạn thú hướng sinh kết, do sức tu tập thượng phẩm thánh đạo nên sinh trong trung hữu liền chứng tịch diệt, hoặc không tiến đến một nơi sinh mà chứng tịch diệt, hoặc có tiến đến sinh xứ, chưa đến nơi sinh đã chứng tịch diệt.

5. Sinh chứng tịch diệt, tức quả bất hoàn do tu tập trung phẩm thánh đạo chưa đoạn 2 thứ sinh kết, tùy sinh vào một xứ ý sinh trong cõi trời, khi mới sinh liền chứng tịch diệt.

6. Vô hành chứng tịch diệt, tức thánh giả này hành một ít, tinh tiến một ít là chứng tịch diệt. Ngoải ra tất cả đều như trước.

7. Hữu hành chứng tịch diệt, tức quả bất hoàn, do tu tập hạ phẩm thánh đạo nên chưa đoạn 2 kết, tùy sinh một xứ ý sinh nơi cõi trời, tu hành nhiều và nhiều tinh tiến mới chứng tịch diệt.

8. Thượng lưu, tức quả bất hoàn, tùy sinh một xứ ý sinh nơi cõi trời, ở đó không thể hết được các lậu, còn phải sinh nơi các thân khác mới chứng tịch diệt.

Thoái pháp v.v... có 6, nghĩa là thoái pháp v.v... 6 quả vô học, như kinh có nói rộng:

1. Thoái pháp, nghĩa là thành tựu nguyện căn như vậy, hoặc nghĩ tự hại hoặc không nghĩ tự hại, hoặc phóng dật hoặc không phóng dật đều có thể thoái lui mất hiednj pháp lạc trụ và công đức thế gian, không thể luyện căn không thể phát khởi công đức thắng phẩm.

2. Tư pháp, nghĩa là thành tựu nguyện căn như vậy nếu nghĩ tự hại tức có thể không thoái lui, khi không nghĩ hại tức có thể thoái thất. Người này suy nghĩ như vậy: Thà khiến ta thắng các ma, không khiến các ma thắng ta. Suy nghĩ như vậy rồi mà nghĩ tự hại, đó cũng không thể luyện căn, không thể phát khởi công đức thắng phẩm.

3. Hộ pháp, nghĩa là thành tựu nguyện căn như vậy, tuy không nghĩ tự hại, không phóng dật nên có thể không thoái mất. Nếu tâm phóng dật tức có thể thoái mất không thể luyện căn không thể phát khởi công đức thắng phẩm.

4. Trụ bất động, nghĩa là thành tựu nguyện căn như vậy, tuy không nghĩ tự hại và hành phóng dật, nhưng đều không thoái lui không thể luyện căn không thể phát khởi công đức thắng phẩm.

5. Kham năng thông đạt, nghĩa là thành tựu nguyện căn như vậy kham năng không thoái lui, có thể luyện các căn và có thể phát khởi công đức thắng phẩm.

6. Pháp bất động, nghĩa là từ trước đến nay tự tính thành tựu lợi căn. Người này đối với các thiện căn không bị các thoái pháp đã được làm cho dao động, cũng không vì phát thắng công đức và thượng luyện căn mà bị dao động, nên gọi là bất động pháp.

Tụng nói:

*Nhuyến căn có bảy thứ,
Tại tục và xuất gia.*

*Thanh văn thừa có ba,
Cứu được, không cứu được.*

Luận nói: Nhuyên căn có 7 thứ: Một là nhuyên căn, nghĩa là thành tựu tín v.v... 5 căn, hoặc tự tính mềm yếu hoặc chưa tăng trưởng, khi cầu thắng tiến, gia hành còn chậm lụt. Thứ hai là lợi căn, tức ngược lại với nhuyên căn. Thứ ba là tham hành, nghĩa là nơi kiếp trước tập tham dục đã lâu và không tu tập đối trị tham dục. Do nhân duyên đó trong đời này sinh nhằm cảnh giới khả ái thấp kém cũng tiếp tục khởi tham ái mãnh liệt, khó lia khó chán, đối với việc tu tập thiện pháp thì gia hành chậm lụt. Giống như tham hành, thứ tư là sân hành, thứ năm là si hành cũng vậy. Trong đây chỗ khác nhau là tuy gặp cảnh đáng giận nhỏ mọn cũng liền tiếp nổi giận dữ lớn, tuy gặp cảnh si mê thô cạn, cũng liên tục khởi ngu si quá quắc. Thứ sáu là phân hành, nghĩa là đời trước không tập thượng phẩm tham dục sân si, cho dầu có tập nhưng đã tu tập pháp đối trị chúng. Do nhân duyên ấy, trong đời này gặp 3 thứ cảnh giới khả ái v.v... tùy phẩm loại mỗi cảnh khởi 3 thứ tham sân si phiền não trói buộc, không khó bỏ cũng không dễ lia bỏ, không khó chán cũng không dễ chán, đối với pháp tu thiện không chậm không nhanh. Bảy là bạc trần hành, nghĩa là như có một trong các đời quá khứ tập tham dục sân si không lâu, nhưng đã tu tập pháp đối trị chúng. Do nhân duyên ấy, trong đời này tuy gặp cảnh giới thắng thượng khả ái v.v... mà có thể không tiếp tục nảy sinh tham sân si mạnh mẽ trói buộc, tuy có lúc khởi hạ phẩm, trung phẩm nhưng dễ lia bỏ dễ chán bỏ, đối với việc tu thiện pháp thì gia hành nhanh chóng.

Tại tục, tức là người bạch y tại gia, thụ dụng ngũ dục, làm các nghề nghiệp ở đời để nuôi sống.

Xuất gia, tức là giữ tướng mạo oai nghi người xuất gia, bỏ cảnh tục thụ trì giới cấm, khát cầu thanh tịnh tự sống đúng như pháp.

Thanh Văn thừa v.v... có 3 là: 1.Thanh Văn thừa, nghĩa là trụ nơi pháp tính Thanh văn để khiến tự thân chứng tịch diệt, nên đã phát chính nguyện tu hạnh phương tiện. 2.Độc Giác thừa, nghĩa là trụ pháp tính Độc Giác để khiến tự thân chứng tịch diệt, nên không do thầy dạy, đã phát chính nguyện tu hạnh phương tiện. 3.Đại thừa, nghĩa là trụ pháp tính Đại thừa vì khiến mình và người chứng tịch diệt, nên không do thầy dạy, đã phát chính nguyện tu hạnh phương tiện.

Có thể cứu, nghĩa là có pháp tính 3 thừa tịch diệt.

Không thể cứu, nghĩa là không có pháp tính 3 thừa tịch diệt.

Tụng nói:

*Nhập phương tiện có 9,
Sinh sai biệt nên 2.
Lại do các giới khác,
Thành ra 13 thứ.*

Luận nói: Nhập phương tiện có 9, nghĩa là: 1.Đã nhập phương tiện, nghĩa là đối với Như Lai tạn giác, tự thuyết pháp Tì-nại-da được tịnh tín kiên cố, đã thụ Thi-la, đã nghe chính pháp, đã tăng trưởng xả, đã có chính kiến đúng đắn. 2.Chưa nhập phương tiện, tức ngược lại trên. 3.Có chướng, nghĩa là có 3 chướng ngại là phiền não chướng, nghiệp chướng và báo chướng, do chúng có khả năng làm chướng ngại việc tu tập thiện pháp. 4.Không có chướng, nghĩa là ngược lại trên. 5.Chưa thành thực, nghĩa là chưa được thiện căn giúp tâm duy trì liên tục, không thể hiện pháp chứng kiến đế lý, không được hiện pháp hạ trung thượng thừa chứng tịch diệt. 6.Đã thành thực, tức ngược lại trên. 7.Cụ phược, tức dị sinh. 8.Không cụ phược, tức hữu học thành giả của 6 thứ trên, từ dự lưu quả cho đến thứ sáu A-la-hán hướng. 9.Không trói buộc, nghĩa là các vô học A-la-hán quả.

Sinh sai biệt nên 2, tức là một là nhân thú nghĩa là sinh vào loài người được làm người, hai là phi nhân thú nghĩa là sinh vào các loài khác như Na-lạc-ca bàng sinh và các quỷ thú trời rồng Dược-xoa, A-tổ-lạc, Yết-lộ-đồ, Khẩn-nại-lạc, Mâu-hô-lạc-già v.v...

Lại nữa do các giới sai khác nên có 13 thứ là: 1. Dục giới dị sinh, nghĩa là sinh vào cõi Dục chưa kiến đế. 2. Dục giới hữu học, nghĩa là 6 thứ hữu học sinh vào cõi Dục đã kiến đạo đế, tức là từ dự lưu quả cho đến thứ 6 là A-la-hán hướng. 3. Dục giới vô học, nghĩa là A-la-hán quả sinh vào cõi Dục. 4. Sắc giới dị sinh, nghĩa là hạng chưa kiến đế sinh vào cõi Sắc. 5. Sắc giới hữu học, nghĩa là 2 thứ hữu học đã kiến thánh đế, một là bất hoàn quả, hai là A-la-hán hướng. 6. Sắc giới vô học, nghĩa là A-la-hán quả sinh vào cõi Sắc. 7. Vô sắc dị sinh, nghĩa là người sinh vào Vô sắc chưa kiến đế. 8. Vô sắc hữu học, nghĩa là 2 hạng hữu học đã kiến thánh đế sinh vào cõi Vô sắc, đó là bất hoàn quả và A-la-hán hướng. 9. Vô sắc vô học, nghĩa là A-la-hán quả sinh vào cõi Vô sắc. 10. Dục giới Độc Giác, nghĩa là trụ pháp tính Độc Giác, trong kiếp trước hoặc chưa kiến đế hoặc đã kiến đế nay sinh cõi Dục, không do thầy dạy mà do sức của nhân đời trước tu pháp giác phần mà chứng đắc, vĩnh viễn dứt hết các kết phược. Đây có 2 thứ: một là như con tê giác đi một mình, hai là Độc thắng đi theo đoàn. 11. Dục giới Bồ-tát, nghĩa là trụ pháp tính Bồ-tát sinh vào cõi Dục vì muốn mình và người chứng tịch diệt nên đã phát chính nguyện tu tập tất cả vô thượng Bồ-đề hành các phương tiện. 12. Sắc giới Bồ-tát, nghĩa là trụ pháp tính Bồ-tát sinh trong cõi Sắc, xa lìa Vô sắc tu các tĩnh lự vì khiến mình và người chứng tịch diệt, nên đã phát chính nguyện tu tập tất cả vô thượng Bồ-đề hành các phương tiện. 13. Chư Phật Như Lai không thể nghĩ bàn, nghĩa là dựa vào tu tập, không trụ lưu chuyển, và cùng với tịch diệt vô phân biệt đạo, chứng đắc pháp thân giải thoát cộng hữu của Chư Phật, bao gồm chuyển y biến khắp 10 phương tất cả thế giới làm tất cả các việc lợi ích tất cả hữu tình không bao giờ dứt.

Như vậy là đã nói xong, nay sẽ nói đến quả Bồ-đặc-già-la.

Tụng nói:

*Quả đoạn có 5 thứ,
Biến tri và thanh tịnh,
Tịnh quả giới Bồ-đề,
Vô học do tự số.*

Luận nói: Quả đoạn có 5 thứ là:

1. Các triền đoạn, nghĩa là do 4 thứ đối trị nên xa lìa sự hiện hành của các phiền não trói buộc. Bốn đối trị là một là tán loạn đối trị, hai là hiển liễu đối trị, ba là luy liệt đối trị, bốn là tồi phục đối trị.

Tán loạn đối trị nghĩa là tu tập phương tiện trong 8 diệu pháp hành ở trước, hoặc tu tập phương tiện thiện pháp trong các định địa khác. Hiển liễu đối trị, nghĩa là tu tập phương tiện trong pháp hành thứ 9. Luy liệt đối trị, nghĩa là do thiện căn trước trợ giúp tâm, nên phiền não suy yếu. Tồi phục đối trị, nghĩa là do thể gian đạo, tùy sức chế phục chủng tử phiền não.

2. Tùy miên đoạn, nghĩa là do xuất thể gian đạo, tùy sức vĩnh đoạn chủng tử phiền não.

3. Vĩnh tận tham đoạn, nghĩa là do vĩnh đoạn tùy miên hoặc nên tham phiền não đoạn.

Giống như vĩnh tận tham đoạn, thứ tư là vĩnh tận sân đoạn và thứ năm là vĩnh tận si đoạn do kiến lực thông đạt cực tịnh thiện, các việc phiền não rất ráo đoạn hết nên gọi là vĩnh tận đoạn.

Biến tri là có 9 biến tri. Các quả bao gồm y đoạn biến tri:

1. Dục hệ kiến, khổ tập đoạn phiền não đoạn biến tri, do 2 đế này ở trong hữu lậu.

2. Sắc Vô sắc hệ kiến, khổ và tập đoạn phiền não đoạn biến tri, do 2 cõi này ở trong định địa.

3. Dục hệ kiến, diệt đoạn phiền não đoạn biến tri, do vô lậu này ở trong vô vi.

4. Sắc Vô sắc hệ kiến, diệt đoạn phiền não đoạn biến tri, do định này ở trong địa tăng thượng.

5. Dục hệ kiến, đạo đoạn phiền não đoạn biến tri, do vô lậu này ở trong hữu vi.

6. Sắc Vô sắc hệ kiến, đạo đoạn phiền não đoạn biến tri, do định này ở trong địa tăng thượng.

7. Năm thuận hạ phần kết đoạn biến tri, do ra khỏi hạ giới.

8. Sắc tham tận biến tri, do ra khỏi trung giới.

9. Vô sắc tham tận biến tri, do ra khỏi diệu giới.

Thanh tịnh là 9 thứ thanh tịnh, như trong kinh nói rộng.

1. Thi-la thanh tịnh, nghĩa là như có một thiện trụ Thi-la và khéo thủ hộ biệt giải thoát giới, hành xử đầy đủ oai nghi đúng như pháp, trong một tội nhỏ thấy lo sợ lớn, thụ học học xứ.

2. Tâm thanh tịnh, nghĩa là như có một dựa vào giới thanh tịnh xa lìa dục pháp ác bất thiện, như trước đã nói sơ tĩnh lự, đệ nhị, đệ tam, đệ tứ tĩnh lự cụ túc trụ.

3. Kiến thanh tịnh, nghĩa là như có một đầy đủ tâm thanh tịnh trắng sạch không nhờn, lìa các phiền não được trụ bất động, vì muốn chứng đắc lậu tận trí nên quán sát các đế, hiểu rõ như thật đây là khổ thánh đế, đây là thánh đế diệt khổ, đây là hành đạo thánh đế hướng tới diệt khổ.

4. Độ nghi thanh tịnh, nghĩa là như có một dựa vào kiến thanh tịnh, đối với Phật pháp tăng không nghi hoặc.

5. Đạo phi đạo trí kiến thanh tịnh, nghĩa là như có một dựa vào độ nghi thanh tịnh được diệu trí kiến, chỉ có Phật nói, tăng hành đạo có thể xuất ly. Đây là thế nào? Nghĩa là có thể hết khổ và chứng khổ biên. Nếu là đạo do các ngoại đạo nói thì không thể hết khổ và chứng biên giới của sự khổ.

6. Hành trí kiến thanh tịnh, nghĩa là như có một dựa vào đạo phi đạo trí kiến, được diệu trí kiến, biết đạo xuất ly có hạ trung thượng. Hạ là cái khổ đi qua chậm. Trung là cái khổ đi qua mau cái vui đi qua chậm. Thượng là cái vui đi qua mau.

7. Hành đoạn trí kiến thanh tịnh, nghĩa là như có một dựa vào hành trí kiến thanh tịnh được diệu trí kiến cho rằng ta nên đoạn các hành hạ trung và phát khởi thượng diệu thánh hạnh.

8. Vô duyên tịch diệt thanh tịnh, nghĩa là như có một dựa vào hành đoạn trí kiến thanh tịnh, chứng đắc vô dư, các lậu hết vĩnh viễn.

9. Cõi nước thanh tịnh, nghĩa là Chư Phật có chung một cái quả công năng vô thượng có thể thị hiện cõi nước trang nghiêm cực kỳ thanh tịnh không thể nghĩ bàn các pháp cực kỳ thanh tịnh của Phật, Bồ-tát và quyền thuộc.

Tịnh, nghĩa là 4 chứng tịnh, như trong kinh có nói rộng: Một là Phật chứng tịnh, nghĩa là người đã kiến đế, tin đối với Như lại thiện trụ xuất thế gian và tin rằng sau sẽ được thiện trụ thế gian như Phật chứng tịnh. Giống như vậy, thứ hai là pháp chứng tịnh, thứ ba là tăng chứng tịnh cũng vậy. Bốn là thánh sở ái giới chứng tịnh, nghĩa là người đã kiến đế, đối với đã được quyết định, không làm luật nghi thánh sở ái giới, tin rằng thiện trụ xuất thế gian và tin rằng sau sẽ được thiện trụ thế gian.

Quả, là 4 quả Sa-môn, như kinh có nói rộng:

1. Dự lưu Sa-môn quả. Nếu trong tùy thắng thì 3 kết vĩnh đoạn là thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Nếu toàn phần thì tất cả kiến đạo đoạn phiền não sẽ vĩnh viễn đoạn trừ. Do kia đoạn nên được quả dự lưu, pháp không đọa lạc, hoặc cực thất phần, hoặc là gia gia.

2. Nhất lai Sa-môn quả. Nếu trong tùy thắng thì 3 kết vĩnh đoạn là bậc tham sân si. Nếu toàn phần thì tất cả kiến đạo đoạn phiền não sẽ vĩnh viễn đoạn trừ, và Dục giới hệ tu đạo đoạn thượng phẩm trung phẩm phiền não vĩnh đoạn. Do kia đoạn nên được quả nhất lai, hoặc trở lại một lần.

3. Bất hoàn Sa-môn quả. Nếu là tùy thắng thì 5 thuận hạ phần kết vĩnh đoạn. Đó là thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham dục, sân nhuế. Nếu là toàn phần thì tất cả kiến đạo đoạn phiền não sẽ vĩnh viễn đoạn trừ, và Dục giới hệ tu đạo đoạn vĩnh đoạn, hoặc Sắc giới hệ phiền não vĩnh đoạn, hoặc Vô sắc giới một phần phiền não vĩnh đoạn. Do kia đoạn nên được quả bất hoàn, hoặc trung gian tịch diệt, hoặc sinh tịch diệt, hoặc vô hành tịch diệt, hoặc hữu hành tịch diệt, hoặc trở lại thượng lưu.

4. A-la-hán Sa-môn quả. Nếu là tùy bthắng thì tham dục, sân si vĩnh đoạn. Nếu toàn phần thì kiến tu đoạn tất cả phiền não vĩnh viễn đoạn trừ. Do kia đoạn nên được A-la-hán các lậu vĩnh tận. Cho đến nói rộng A-la-hán. Sáu hằng trụ pháp giới, nghĩa là 3 thứ giới, như trong kinh nói rộng: 1. Đoạn giới, nghĩa là đoạn kiến đạo đoạn các hành. 2. Ly giới, nghĩa là lìa tu đạo đoạn các hành. 3. Diệt giới, nghĩa là diệt sở y các hành.

Bồ-đề, có 3 thứ Bồ-đề, như kinh nói:

1. Thanh Văn Bồ-đề, là Thanh Văn thừa chuyển y sở đắc tịch diệt và hướng đến đạo tịch diệt.

2. Độc Giác Bồ-đề, là Độc Giác thừa chuyển y sở đắc tịch diệt và hướng đến đạo tịch diệt.

3. Vô thượng chính đẳng Bồ-đề, là Đại thừa chuyên y sở đặc tịch diệt và hướng đến đạo tịch diệt, và làm đạo an lạc lợi ích tất cả hữu tình.

Vô học, là 10 pháp vô học. Như kinh nói:

Một là vô học chính kiến, nghĩa là A-la-hán đối với cái khổ tư duy khổ, cho đến đối với đạo tư duy đạo. vô lậu tác ý tương ưng trạch pháp cực giản trạch v.v... như trước đã nói. Giống như vô học chính kiến, như vậy cho đến thứ 8 là chính Tam-ma-địa cũng như trước. Chín là vô học chính giải thoát, nghĩa là lia tất cả phiền não thô nặng, trên cái tâm vô học, lia phiền não chướng, điều phục pháp kham nhiệm. Mười là vô học chính trí, nghĩa là A-la-hán tận trí và vô sinh trí.

Do tự số, nghĩa là như trước đã nói quả đều do tự số sai biệt.

Tụng nói:

*Đoạn nhiều nhân nên đoạn,
Thiết lập đoạn đi theo.
Do tác ý y tu,
Va được thứ lớp đoạn.*

Luận nói: Đoạn nhiều nhân nên đoạn, nghĩa là đoạn quả nhiều nhân nên phiền não đoạn, tức là có 4 thứ nhân đoạn các phiền não: 1. Sở y diệt. 2. Sở y chuyển. 3. Tri sở duyên. 4. Lạc sở duyên. Lại có 5 nhân đoạn các phiền não: 1. Biết thể của nó. 2. Biết sự của nó. 3. Biết lỗi của nó. 4. Tránh duyên của nó. 5. Tu pháp tác ý đối trị nó. Lại có 4 nhân phiền não đã đoạn: 1. Y vô dư diệt. 2. Y vô dư chuyển. 3. Tu vô dư đối trị. 4. Giải thoát tâm vô dư.

Thiết lập đoạn đi theo, nghĩa là theo cảnh sở duyên đoạn các phiền não. Đối với các cảnh sở duyên, đoạn phiền não rồi thì không trôi buộc, nên các pháp tương ưng cũng theo đó mà đoạn. Vị lai, hiện

tại phiền não có thể đoạn, vĩnh hại thô nặng, nên gọi là phiền não đoạn. Do y, nghĩa là do y chỉ 7 y định nên đoạn các phiền não, tức là sơ tĩnh lự cho đến thứ y là vô sở hữu xứ.

Do tu, nghĩa là tu 4 niệm trụ và 4 chính đoạn cho đến tu tập 8 thánh đạo chi, nên đoạn phiền não.

Và được thứ lớp đoạn, là có 5 thứ lớp đoạn các phiền não: 1. Trước đoạn kiến đạo đoạn phiền não. 2. Sau đoạn tu đạo đoạn phiền não. 3. Trước dần dần điều phục các hiện phiền não. 4. Sau rồi vĩnh đoạn tất cả phiền não. 5. Cuối cùng vượt quá tất cả phiền não.

Tụng nói:

*Đoạn sai biệt nên biết,
Và đoạn tướng lợi ích.
Như vậy theo chỗ nói,
Phải biết có nhiều thứ.*

Luận nói: Đoạn sai biệt nên biết nhiều thứ, đó là các phiền não đoạn có nhiều thứ khác nhau, tức là có các triền đoạn, có tùy miên đoạn, có do thể gian đạo, có do xuất thể gian đạo, có do Thanh Văn thừa tác ý, có do Độc Giác thừa tác ý, có do Bồ-tát thừa tác ý, có tạm thời đoạn, có đoạn rốt ráo, nên biết phiền não đoạn diệt sai biệt nhiều như vậy.

Và phải biết đoạn tướng lợi ích có nhiều thứ, như kinh nói đó là không sa đọa chắc chắn đến Bồ-đề: đã đến chính pháp, sắp đến chính pháp, chứng hiểu chính pháp, được chứng tận nguồn, được chứng khắp tận nguồn, thánh trí kiến thành tựu, không còn chấp các pháp khổ lạc, tự tác tha tác và tự tha tác, và chẳng phải tự tha hai thứ cộng tác, cũng không còn chấp các khổ và vui, không còn có không nhân mà sinh, đoạn không còn mạng bàng sinh v.v..., vượt các học xứ không còn có thể khởi 5 nghiệp vô gián, không còn thỉnh cầu các thầy ngoại đạo, cũng không dùng họ làm ruộng

phúc chân thật, cũng không chiêm ngưỡng, quan sát dung nhan các Sa-môn Bà-la-môn tà chúng, không còn sinh nghi hoặc các pháp trong 3 đời, không còn có thụ báo thứ 8. Như vậy chúng đắc quả A-la-hán vĩnh viễn hết các lậu, đã làm các việc làm, việc làm đã xong được A-la-hán. Sáu pháp hằng trụ, như kinh nói là thành tựu 6 pháp tương tục trụ. Nếu mắt thấy sắc, tâm không buồn vui, xả niệm chính tri. Như vậy tai mũi lưỡi thân, nếu ý thức pháp, tâm không buồn vui, xả niệm chính tri, các hành vi là vì tự lợi ích, vì lợi ích người, vì lợi chúng sinh, vì an lạc chúng sinh, vì thương yêu thế gian, vì trời người được nghĩa lợi lạc, nên biết vĩnh đoạn phiền não có nhiều tướng lợi ích như vậy.

QUYỂN 3 HẾT

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 4

Phẩm 1- 4: NHIẾP SỰ

Như vậy đã nói xong. Nay sẽ nói về công đức các quả.

Tụng nói:

*Vô lượng các giải thoát,
Thắng xử và biến xử.
Vô tránh diệu nguyện trí,
Vô ngại giải thân thông.*

Luận nói: Vô lượng, là 4 vô lượng, như kinh nói: 1. Từ vô lượng, nghĩa là cùng với tâm từ, không oán không ghét, không tổn hại, tu tập cực thiện rộng lớn vô lượng. Về một phương diện, như vậy cho đến 10 phương tất cả vô biên thế giới, ý giải biến mãn cụ túc trụ. Cùng với tâm từ, là đối với chúng sinh không khổ không vui, muốn cho vui, tương ưng tâm A-thế-da. Không oán, là đối trị dục kia thêm sân là nhân duyên gây khổ. Không ghét, là đối trị sân, nhân duyên gây chướng ngại lạc. Không tổn hại, là đối trị dục kia và không nên sân. Rộng, là khởi tác ý đối với thấy. Lớn, là hành tác ý đối với nghe. Vô lượng, là hành tác ý đối với giác tri. Cực thiện tu tập, là do quán tập tương ưng lìa các cái ở một phương diện như vậy lần lượt cho đến 10 phương tất cả vô biên thế giới, tức là khắp duyên khí thể gian và hữu tình thế gian. Ý giải, nghĩa là duyên ý giải tư duy cảnh giới.

Biên khắp, là duyên cảnh giới hữu tình không xen hở. Cụ túc trụ, là như trước đã nói trong tĩnh lự.

2. Bi vô lượng, nghĩa là cùng với tâm bi, cho đến nói rộng, cùng với tâm bi, nghĩa là đối với chúng sinh có khổ muốn cứu khổ, tương ưng với tâm A-thế-da. Không oán, là đối trị với khổ hại kia. Không ghét, là đối trị chướng ngại bạt khổ hại kia. Không tổn hại, là đối trị dục kia và không nên không hỷ lạc. Ngoài ra như trước đã nói.

3. Hỷ vô lượng, nghĩa là cùng với tâm hỷ, cho đến nói rộng, cùng với tâm hỷ nghĩa là đối với chúng sinh có vui, tùy hỷ tâm vui kia, tương ưng với tâm A-thế-da nên không oán, nghĩa là đối trị với dục kia với không hỷ lạc nhân duyên của khổ. Không ghét, nghĩa là đối trị chướng ngại lạc nhân duyên không hỷ lạc. Không tổn hại, là đối trị dục kia và không nên không hỷ lạc. Ngoài ra như trước đã nói.

4. Xả vô lượng, nghĩa là cùng với tâm xả, cho đến nói rộng, cùng với tâm xả nghĩa là muốn khiến không nhiễm, tương ưng với tâm A-thế-da nên không oán, nghĩa là đối trị với khiến nhiễm tham sân. Không ghét, nghĩa là đối trị chướng ngại trừ nhiễm tham sân. Không tổn hại, là đối trị điên đảo không nhiễm tham và sân. Ngoài ra như trước đã nói.

Thể tính 4 vô lượng này như thế nào?

Nghĩa là từ lấy thiện căn không sân làm thể. Bi lấy thiện căn không làm hại làm thể. Hỷ lấy thiện căn không tạt đổ làm thể. Xả lấy thiện căn không tham không sân làm thể. Vì đều là pháp thương xót chúng sinh cho nên trong 4 pháp này chỉ có từ là không sân, 2 cái tiếp theo có một phần không sân, xả thì có một phần không tham không sân. Lại nữa cùng với các tâm tâm pháp đẳng trì tương ưng với nó và quyền thuộc đều là thể của 4 vô lượng. Phải biết rằng trước do pháp hành tăng thượng, khéo tu trị tâm, lại dựa vào tĩnh lự thanh tịnh nên mới được thanh tịnh vô lượng.

Các giải thoát, là 8 giải thoát, như kinh nói:

1. Quán giải thoát có sắc, các sắc. Có sắc, là dựa vào hữu sắc định, ý giải tư duy. Các sắc, là nếu như sắc ở trong thắng xứ rộng tự phân biệt. Quán, là ở trong các sắc được biến hóa tự tại, ý giải tư duy, hiển thị tướng của chúng.

2. Quán giải thoát trong không sắc tướng, ngoài các sắc. Trong không sắc tướng, là dựa vào vô sắc định, ý giải tư duy. Ngoài, là trừ mắt v.v... các căn, ý giải tư duy các sắc. Quán các sắc, là như đã nói ở trước.

3. Tịnh giải thoát, thân tác chứng cụ túc trụ. Giải thoát tịnh, là hoàn toàn ý giải tư duy sắc tịnh diệu, để được tăng thượng an lạc trụ. Giải thoát, là giải thoát sự chướng ngại tâm của sắc tịnh, bất tịnh. Thân, là ý thân. Tác chứng, là do trí đoạn, được tác chứng. Cụ túc trụ, như trước đã nói.

Các giải thoát vô sắc, như trước phân biệt. Cái khác nhau trong đây là muốn chứng đắc tất cả các thứ thân nghiệp tự tại và để giải thoát chướng kia nên lại trừ sắc ánh sáng, ý giải tư duy vô biên hư không. Cho nên gọi thứ 4 là vô biên hư không xứ giải thoát, là để phát khởi các công đức thánh thân thông vô tránh nguyên trí, vô ngại biện v.v...

Lại để chứng đắc tâm tự tại có thể trợ giúp phát khởi các công đức, lại để giải thoát các chướng kia, lại để ý giải tư duy vô biên thức, nên gọi thứ 5 là vô biên thức xứ giải thoát.

Hành giả làm các phương tiện phát khởi công đức như vậy, đã khiến khởi tinh lực thứ tư, hiện tại trước phát các công đức vì muốn chứng đắc tối thắng vô lậu trụ tự tại, lại vì giải thoát chướng kia, lại ý giải tư duy vô sở hữu, nên gọi thứ 6 là vô sở hữu xứ giải thoát.

Lại muốn chứng đắc tối đệ nhất hữu trụ tự tại, lại vì giải thoát chướng kia, lại làm ý giải tư duy phi tướng phi phi tướng, nên gọi thứ 7 là phi tướng phi phi tướng xứ giải thoát.

Vì muốn chứng đắc tối thắng tịch tĩnh trụ tự tại, lại vì giải thoát chướng kia nên từ phi tướng phi phi tướng xứ tâm tiến tới, dừng lại, ra, vào dứt diệt phan duyên, nên gọi thứ 8 là tướng thụ diệt giải thoát.

Thắng xứ, là 8 thắng xứ như trong kinh nói: Một là trong có sắc tướng, ngoài các sắc quán ít, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc kém hoặc hơn. Đối với các sắc hơn biết hơn, thấy được tướng như vậy gọi là sơ thắng xứ. Trong có sắc tướng, là như trong giải thoát nói. Ngoài, nghĩa là trừ nhãn căn v.v... hiển các sắc. Các sắc quán, là như trước nói. Ít, nghĩa là ý giải tư duy tư cụ nhiếp sắc. Hoặc tốt hoặc xấu, nghĩa là ý giải tư duy các sở nhiếp sắc như sắc tịnh và bất tịnh. Hoặc kém hoặc hơn, nghĩa là ý giải tư duy các sở nhiếp sắc như các thanh hương vị xúc tịnh và bất tịnh. Đối với các sắc thắng kia, nghĩa là tác ý tư duy năng trị và sở trị, chướng ngại công dụng không nào hại. Tri, là dùng Xa-ma-tha đạo. Kiến, là dùng Tì-bát-xá-na đạo. Được tướng như vậy, nghĩa là đối với trong thật thắng được thật thắng không có tướng kiêu mạn. Đối với trong không thắng được thật không thắng, không có tướng kiêu mạn. Hai là trong có sắc tướng, ngoài các sắc quán nhiều, cho đến gọi là thắng xứ thứ hai. Trong không sắc tướng, 2 thứ quán ít quán nhiều cũng vậy. Trong có sắc tướng, ngoài các sắc quán như trước nói. Nhiều, là hiển thị biến khắp tư duy sắc của hữu tình thế gian và khí thế gian., ngoài ra như trước đã nói. Năm trong vô sắc tướng, ngoài các sắc quán xanh. Xanh hiển lộ xanh có thể thấy, ánh sáng xanh như hoa ô-mạc-ca, hoặc như xứ Bà-la-ni-tư nhuộm áo màu xanh. Cũng giống như vậy màu vàng đỏ trắng đều nên nói thế. Trong đây cái khác biệt là màu vàng như hoa yết-ni-ca-la, hoặc như xứ Ba-la-ni-tư nhuộm áo màu vàng. Màu đỏ như hoa Bàn-đậu-thời-phước-ca, hoặc như xứ Bà-la-ni-tư nhuộm áo màu đỏ. Màu trắng như sao ô-xa-na, hoặc như xứ Bà-la-ni-tư tẩy áo trắng. Xanh, là câu nói chung. Cái xanh hiển thị, là cái xanh câu sinh. Cái xanh có thể thấy, là hòa hợp thành xanh. Ánh sáng xanh, nghĩa là 2 thứ phát ra ánh sáng xanh sáng sạch. Phải biết, giống như màu xanh, màu vàng đỏ

trắng cũng đều nói như vậy. Ngoài ra như trước đã nói. Ở tất cả mọi nơi nói 2 thí dụ, nghĩa là đây hiển thị 2 thứ sắc là câu sinh và hòa hợp, làm chỗ y chỉ cho 8 thắng xứ và tu 3 thứ duyên sắc giải thoát. Sau cũng phải biết ý giải tư duy 4 thắng xứ sắc của Dục giới thiên và sắc của Sắc giới là các thắng xứ để đối trị chủng tử hạ địa. Theo đuổi tác ý tư duy không phải là đối trị tự địa sở trị tác ý tư duy.

Biển xứ, là 10 biển xứ như kinh nói, tức là địa biển xứ. Một là có thể hiểu rõ trên dưới và phương bàng vô nhị vô lượng. Như vậy thủy hỏa phong biến, thanh hoàng xích bạch hư không thức biến, trên dưới và phương bàng vô nhị vô lượng. Địa biển xứ, là do sắc sở y biến khắp, sắc năng y kia cũng biến khắp vì do nó tăng trưởng. Một có thể hiểu rõ, nghĩa là có thể chứng quán Bồ-đặc-già-la này. Trên dưới và bàng, nghĩa là biến khắp các phương và và 4 phương bàng. Vô nhị, là lìa các cõi khác và không tạp hiển sắc biến khắp. Vô lượng, là biến khắp không có tướng phân biệt. Như địa biển xứ, các thủy hỏa phong thanh hoàng xích bạch cũng như vậy tùy theo chỗ tương ưng. Hư không biển xứ, nghĩa là tác ý tư duy biến khắp đối trị tất cả sắc tướng, ngoài ra như trước đã nói. Thức biển xứ, nghĩa là tác ý tư duy biến khắp duyên vô lượng thức, ngoài ra như trước đã nói. Trong đây do 3 giải thoát nên được thắng sắc tự tại. Do được đó rồi mới có thể nói thắng sắc tự tại cực thành tự. Thức xứ trở lên không có biến khắp, vì sở duyên vô lượng, xa lìa phân biệt hình đoạn y chỉ. Phải biết thắng xứ cùng với biển xứ là các giải thoát năng thanh tịnh đạo do các thắng xứ thắng sở duyên, do các biển xứ biến khắp sở duyên, nên khiến giải thoát thanh tịnh.

Vô tránh, nghĩa là có khả năng bảo vệ các hành vi phiền não, dẫn nhiếp trí vô si kiến tính, và các tâm tâm pháp tương ưng đẳng trì với nó. Do đây làm nhiều sở hành.

Trí diệu nguyện, nghĩa là trong tam thể và phi thể gồm trong pháp sở tri, hiểu rõ như thật vô dư, dẫn nhiếp trí vô si kiến tính,

và các tâm tâm pháp tương ưng đẳng trì với nó. Do đây làm nhiều sở hành.

Vô ngại giải, là 4 vô ngại giải như kinh nói:

1. Pháp vô ngại giải, nghĩa là trong các tên gọi khác nhau trong tất cả các thứ tất cả các pháp, như thật giác ngộ, dẫn nhiếp trí vô si kiến tính, và các tâm tâm pháp tương ưng đẳng trì với nó.

2. Nghĩa vô ngại giải, nghĩa là trong các thứ tướng của nhất thiết chủng nhất thiết pháp, như thật giác ngộ, dẫn nhiếp trí vô si kiến tính, ngoài ra như trước đã nói.

3. Huẩn từ vô ngại giải, nghĩa là trong các huẩn thích từ của nhất thiết chủng nhất thiết pháp, như thật giác ngộ, dẫn nhiếp trí vô si kiến tính, ngoài ra như trước đã nói.

4. Biện tài vô ngại giải, nghĩa là trong sự thông đạt nhất thiết chủng nhất thiết pháp, như thật giác ngộ, dẫn nhiếp trí vô si kiến tính, và các tâm tâm pháp tương ưng đẳng trì với nó. Do đó làm nhiều sở hành.

Thần thông, là 6 thần thông như trong kinh nói:

1. Thần cảnh trí kiến tác chứng thông, nghĩa là vì thị hiện tất cả các thứ thân nghiệp tự tại trí vô si kiến tính, và các tâm tâm pháp tương ưng đẳng trì với nó. Do đó làm nhiều cảnh giới quyết định.

2. Thiên nhĩ trí kiến tác chứng thông, nghĩa là vì tùy nghe tất cả các thứ ngữ nghiệp trí vô si kiến tính, ngoài ra như trước đã nói.

3. Tâm sai biệt trí kiến tác chứng thông, nghĩa là vì nhập tất cả các thứ tha tâm hành trí vô si kiến tính, ngoài ra như trước đã nói.

4. Túc trụ tùy niệm trí kiến tác chứng thông, nghĩa là vì nhập tất cả các thứ thú hành đời trước trí vô si kiến tính, ngoài ra như trước đã nói.

5. Tử sinh trí kiến tác chứng thông, nghĩa là vì nhập tất cả các thứ thú hành của hữu tình trí vô si kiến tính, ngoài ra như trước đã nói.

6. Lưu tận trí kiến tác chứng thông, nghĩa là vì nhập xuất ly tất cả phiền não và vô dư khổ trí vô si kiến tính, và các tâm tâm pháp đẳng trì tương ưng với nó. Do đó làm nhiều hành quyết định cảnh giới.

Tụng nói:

*Các tướng hảo thanh tịnh,
Và các lực vô úy,
Không hộ cùng niệm trụ,
Vĩnh đoạn các tập khí.*

Luận nói: Các tướng, là 32 tướng đại tợng phu, như kinh nói: Một là khéo an lập đầy đủ tướng đại tợng phu bởi Như Lai khéo đầy đủ Bồ-đề tư lương, đầy đủ thụ trì hạnh bình đẳng cho nên cảm được tướng này. Do tướng này, có khi vừa mới thấy liền tin Như Lai đầy đủ tướng, đầy đủ tiêu chí, đầy đủ hình mạo đại tợng phu. Nếu khéo an lập đầy đủ tướng thì như vậy các tướng khác của đại tợng phu phải biết đều tùy ứng. Nghĩa là nơi tay thì có tướng tay, tiêu chí của tay, hình mạo của tay. Cũng như vậy như đỉnh đầu và các chi tiết khác v.v... đều tùy ứng theo tên của nó.

Hào, là 80 vẻ đẹp như kinh nói. Các vẻ đẹp này đều gồm đầy đủ trong tướng, như nói trong Bồ-tát địa. Nếu như tùy theo thích nghi của chúng sinh thì tùy thắng tướng có đủ, như nói trong Kinh Đại Tuệ Độ. Nếu rộng phân biệt các vẻ đẹp, thì rộng phân biệt như nói trong tướng.

Thanh tịnh, là 4 nhất thiết tướng thanh tịnh như kinh nói:

1. Y chỉ thanh tịnh, nghĩa là do Như Lai chứng được nhất thiết tướng thanh tịnh trí và nhất thiết tướng thanh tịnh đoạn, nên đối với y chỉ thì trụ trong xả, rốt ráo tự tại vô thượng.

2. Cảnh giới thanh tịnh, nghĩa là do Như Lai chứng đắc nhất thiết tướng thanh tịnh trí và nhất thiết tướng thanh tịnh đoạn, nên đối với tất cả việc trong cảnh giới biến hóa rốt ráo tự tại vô thượng.

3. Tâm thanh tịnh, nghĩa là do Như Lai chứng đắc nhất thiết tướng thanh tịnh trí và nhất thiết tướng thanh tịnh đoạn, nên đối với tất cả tướng thể xuất thể trong tâm thiện căn tăng trưởng rốt ráo tự tại vô thượng.

4. Trí thanh tịnh, nghĩa là do Như Lai chứng đắc nhất thiết tướng thanh tịnh trí và nhất thiết tướng thanh tịnh đoạn, nên đối với tất cả tướng trong sở tri, trí vô trước vô ngại, rốt ráo tự tại vô thượng.

Các lực, là 10 lực của Như Lai, như kinh nói:

1. Xứ phi xứ trí lực, nghĩa là đối với tất cả tướng trong nhân quả có thể như thật vấn ký trí tính vô ngại và các tâm tâm pháp đẳng trì tương ưng với nó.

2. Tự nghiệp trí lực, nghĩa là đối với tất cả tướng ở các xứ sở riêng biệt liên tục khởi nghiệp và trong báo đợc trí tính vô ngại như trước đã nói.

3. Tĩnh lực giải thoát Tam-ma-địa Tam-ma-bát-đề trí lực, nghĩa là đối với sự nhiếp thụ tất cả tướng thể gian thanh tịnh công đức, trong phương tiện trí tính vô ngại, ngoài ra như trước nói.

4. Căn thượng hạ trí lực, nghĩa là đối với xuất thể gian công đức sở y, tất cả các tướng sở hóa, trong căn sai biệt của hữu tình trí tính vô ngại, ngoài ra như trước nói.

5. Các thứ thắng giải trí lực, nghĩa là đối với tất cả tướng sở hóa hữu tình, trong A-thế-da sai biệt trí tính vô ngại, ngoài ra như trước nói.

6. Các thứ giới trí lực, nghĩa là đối với tất cả tướng sở hóa hữu tình, trong tùy miên sai biệt trí tính vô ngại, ngoài ra như trước nói.

7. Biến thú hành trí lực, nghĩa là đối với tất cả tướng thừa, trong xuất ly sai biệt trí tính vô ngại, ngoài ra như trước nói.

8. Túc trụ tùy niệm trí lực, nghĩa là đối với tất cả tướng đời trước, trong thú hướng sai biệt trí tính vô ngại, ngoài ra như trước nói.

9. Tử sinh trí lực, nghĩa là đối với tất cả tướng đời sau trong thú hướng sai biệt trí tính vô ngại, ngoài ra như trước nói.

10. Lậu tận trí lực, nghĩa là đối với tất cả tướng thú phi thú, trong xuất ly phương tiện sai biệt trí tính vô ngại, và các tâm tâm pháp đẳng trì tương ưng với nó, lại nữa trong các lực cần phải nói có thể hỏi và ghi nhận như thật.

Vô úy, là 4 vô úy, như kinh nói:

1. Phật nói lời thành thật rằng ta là bậc chính đẳng giác. Nếu có người hỏi vặn rằng trong pháp này không chính đẳng giác. Ta đối với câu hỏi này, chính kiến vô duyên, nên vô úy. Nghĩa là Như Lai vì nhất thiết chủng trí nên chứng được diệu thiện thanh tịnh.

2. Phật nói lời thành thật rằng ta đã hết các lậu. Nếu có người hỏi vặn rằng các lậu như vậy như vậy chưa hết. Ta đối với câu hỏi này, chính kiến vô duyên, nên vô úy. Nghĩa là Như Lai vì đoạn nhất thiết chủng nên chứng được diệu thiện thanh tịnh. Hai vô úy này là dựa vào đức tự lợi.

3. Phật nói lời thành thật rằng ta vì đệ tử nói nhiếp pháp chương ngại tức là chương. Nếu có người hỏi vặn rằng nhiếp tập pháp này không thể là chương. Ta đối với câu hỏi này chính kiến vô duyên, cho nên vô úy. Nghĩa là dựa vào chỗ vì hóa độ hữu tình của Như Lai nên nói tất cả pháp đối trị.

4. Phật nói lời thành thật rằng ta vì đệ tử nói đạo xuất ly, tu định xuất ly. Nếu có người hỏi vặn rằng tuy tu đạo này không thể xuất ly, không chính hết khổ và chứng khổ biên. Ta đối với câu hỏi này chính

kiến vô duyên, cho nên vô úy. Nghĩa là dựa vào chỗ vì hóa độ hữu tình của Như Lai nên nói tất cả pháp đối trị. Hai vô úy này là dựa vào đức lợi tha.

Không hộ, là 3 không hộ, như kinh nói:

1. Như Lai hiện hành thân nghiệp diêu thiện thanh tịnh, không gì không thanh tịnh, hiện hành thân nghiệp có thể phải che giấu cho nên không hộ. Nghĩa là Như Lai tất cả mọi thứ, tất cả mọi lúc thân nghiệp diêu thiện thanh tịnh nên khi vì hữu tình thuyết pháp có thể dùng thắng lực chiết phục nhiếp thụ tất cả đồ chúng. Giống như thân nghiệp không hộ, thứ hai là ngữ nghiệp không hộ, thứ ba là ý nghiệp không hộ cũng như vậy.

Niệm trụ, là 3 niệm trụ, như kinh nói đây tức khi nhiếp thụ chúng sinh được hóa độ, đối với 3 thứ đồ chúng trong hành sai biệt, trụ tối thắng xả, tâm tính không ái, không nhuế, không nhiễm.

Vĩnh đoạn các tập khí, nghĩa là chư Như Lai xuất ly vô lượng vô số đại kiếp sinh tử từ vô thủy, vì chứng tự tính không tùy chuyển, chứng được Như Lai diêu tịnh trí đoạn.

Tụng nói:

*Không quên mất diêu pháp,
Và Như Lai đại bi,
Phật đức pháp không chung,
Tất cả thứ diêu trí.*

Luận nói: Không quên mất diêu pháp, nghĩa là vì chứng tất cả thứ, tất cả việc làm vì hóa độ tất cả hữu tình không quá thời, nên chứng được Như Lai diêu tịnh trí đoạn.

Và Như Lai đại bi, nghĩa là cái bi của Như Lai do 4 thứ nhân duyên nên gọi là đại bi:

1. Y chỉ nơi tất cả diêu thiện thanh tịnh chuyển y mà thành tựu.

2. Thời gian dài tu tập mà có được.
3. Do trí diệu thiện thanh tịnh dẫn đến.
4. Duyên rất sâu bền chắc cảnh giới các thứ khổ tướng.

Phật đức pháp không chung, nghĩa là 18 Phật pháp không chung, như kinh nói vượt quá tất cả bậc Thanh Văn, Độc Giác mà kiến lập các pháp ấy.

1. Như Lai không có nghiệp sai lầm, nghĩa là không có nhiễm ô phạm sai lầm.

2. Không có âm thanh thô bạo, nghĩa là không nhiễm ô cười lớn nói thô bạo.

3. Không quên mất niệm, nghĩa là không tùy niệm nhiễm ô nói nhiều làm việc gì nhiều.

4. Không tâm bất định, nghĩa là trong tất cả oai nghi đi đứng, tác ý đẳng trì hằng tùy chuyển.

5. Không có các tướng, nghĩa là trong lưu chuyển tịch diệt, chứng được trí vô phân biệt, vô sai biệt.

6. Không không chọn đã bỏ, nghĩa là rốt ráo không bỏ việc hữu tình.

7. Dục không thoái lui, nghĩa là được thanh tịnh sở tri chướng nên với dục không thoái chuyển. Cũng như vậy:

8. Chính cần không thoái chuyển.

9. Niệm không thoái chuyển.

10. Đẳng trì không thoái chuyển.

11. Tuệ không thoái chuyển.

12. Giải thoát giải thoát trí kiến không thoái chuyển.

13. Đối với đời quá khứ, trí không chấp trước không trở ngại, vì biết tất cả các thứ dục tác ý.

14. Đối với vị lai, cũng giống như quá khứ.

15. Đối với hiện tại, nên biết trí vô trước vô ngại.

16. Tất cả thân nghiệp trí của Như Lai là để dẫn đạo tùy trí mà hành, nghĩa là do trí phát khởi nhiếp thụ phương tiện khéo léo tất cả mọi thời. Giống như thân nghiệp, cũng vậy đối với

17. Ngữ nghiệp, và

18. Ý nghiệp.

Tất cả thứ diệu trí, nghĩa là chứng được tối cực trí đoạn của Như Lai. Tức là đối với 2 pháp nhiễm ô và thanh tịnh, trí tính vô ngại trong tất cả thứ số tướng sai biệt và các tâm tâm pháp đẳng trì tương ưng với chúng. Lại nữa, Như Lai trụ trong cõi vô lậu, vì làm tất cả các việc cho hữu tình, trong mười phương cõi thị hiện Phật có sinh, hiện thân có nói năng, tâm có sở hành, có tuyên thuyết thành đẳng chính giác, chuyển bánh xe diệu pháp, trí tính vô ngại nhập Đại Niết-bàn, và các tâm tâm pháp đẳng trì tương ưng với chúng. Đây cũng gọi là tất cả thứ diệu trí.

Lại nữa tướng hảo v.v... công đức của chư Phật lược thích nghĩa kinh đã nói, nếu phân biệt rộng thì đã có nói riêng trong Bồ-tát địa. Nay sẽ nói phân biệt chung 9 việc.

Tụng nói:

*Phải biết trước 9 việc,
Trước hết 2 sở y,
Tiếp 2, sau 6 thứ,
Gồm tạp nhiễm thanh tịnh.
Nhiễm vì y sai biệt,
Thanh tịnh do sở duyên.
Vì tâm không lưu tán,
Vì chính tu phương tiện,
Vì vị kia sai biệt,
Vì ngôn thuyết các nhân,*

*Vì quả các công đức,
Nhiều thứ lớp như vậy.*

Luận nói: Trong 9 việc trước, đầu tiên tất cả mọi việc có 2 sở y: một là tạp nhiễm sở y, hai là thanh tịnh sở y. Do tiếp đến 2 việc gồm các tạp nhiễm: một là do giới, hai là do tạp nhiễm. Do sau 6 việc gồm các thanh tịnh: một do đế, hai do y chỉ, ba do giác phần, bốn do chúng sinh, năm do quả, sáu do công đức. Do 2 thứ việc gồm sở y tạp nhiễm trong tạp nhiễm nên tạp nhiễm sai biệt. Do 6 thứ việc gồm cảnh giới thanh tịnh trong thanh tịnh nên trong cảnh giới tâm không lưu tán. Do không tán loạn đối với cảnh sở duyên nên chính phương tiện. Chính phương tiện là vì vị sai biệt. Và vì các nhân ngôn thuyết nên chính phương tiện quả. Vì quả công đức kia nên trong đây vị sai biệt. Vì các nhân ngôn thuyết nên biết 2 cái này kiến lập việc chúng sinh. Các nhân ngôn thuyết, nghĩa là vì ngôn thuyết dễ cho nên vì tùy thuận thế gian, vì tránh sự sợ hãi, vì khiến tin biết cái tạo thành sự tội ác và công đức của mình và người. Do nhân duyên ấy mà có 9 thứ việc. Quyết định và lần lượt quyết định, nên biết là muốn tư lường cũng phải nói rộng như 9 việc này.

Tụng nói:

*Muốn tư lường vô lượng,
Các hỏi đáp sai biệt,
Do lời chư Phật nói,
Gồm trong sự và tướng*

Luận nói: Nếu muốn tư lường như 9 việc trên, vô lượng hỏi đáp sai biệt, nghĩa là do gồm 2 thứ nên có thể tư lường. Một là do lời Phật nói gồm có sự. Hai là do lời Phật nói gồm có tướng. Trong đây, tất cả lời Phật nói gồm có sự, là do 3 thứ kinh: một là do tạng thập kinh, hai là do quảng nghĩa kinh, ba là do tập dị môn kinh. Tất cả lời Phật nói gồm có tướng, là do 4 thứ Ôn-đà-nam Già-tha. Bốn thứ là gì?

Tụng nói:

*Câu mê hoặc hí luận,
 Trụ chân thật diệu tịnh,
 Tịch tĩnh tính đạo lý,
 Giả thi thiết hiện quán.
 Phương sở vị phân biệt,
 Tác, chấp trì, tăng giảm.
 Âm, ngữ, sở giác, thượng,
 Viễn ly, chuyển, tạng hộ.
 Giản trạch và hiện hành,
 Thùy miên và tương thuộc.
 Các tương nhiếp, tương ưng,
 Thuyết, nhiệm trì, thứ đệ.
 Cảnh sở tác Du-già,
 Xa-ma-tha và quán,
 Các tác ý giáo thụ,
 Đức Bồ-đề thánh giáo.*

Luận nói: Câu, nghĩa là 6 xứ: vô lượng cảnh giới, vô lượng phương sở, vô lượng thời tiết. Lại có 3 cõi: 1. Cõi Dục, 2. Cõi Sắc, 3. Cõi Vô sắc. Lại có 3 thế giới: 1. Tiểu thiên thế giới, 2. Trung thiên thế giới, 3. Đại thiên thế giới. Lại có 4 nhóm: 1. Nhóm tại gia, 2. Nhóm xuất gia, 3. Nhóm Ô-ba-sách-ca, 4. Nhóm phi nhân. Lại có 3 cảm thụ là cảm thụ khổ, cảm thụ vui, cảm thụ không khổ không vui. Lại có 3 đời: đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại. Lại có 3 ngôi báu là Phật bảo pháp bảo tăng bảo. Lại có 3 pháp là pháp thiện, pháp không thiện, pháp vô ký. Lại có 3 thứ tạp nhiễm là phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm, sinh tạp nhiễm. Lại có 4 thánh đế là khổ tập diệt đạo. Lại có 9 định theo thứ lớp là sơ tĩnh lự cho đến định diệt thụ tướng. Lại có 37 pháp Bồ-đề phần là niệm trụ, chính đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi, đạo chi. Lại có 4 thứ quả Sa-môn là quả dự lưu, quả nhất

lai, quả bất hoàn, quả tối thắng A-la-hán. Lại có nhiều công đức tối thắng, là vô lượng giải thoát, thắng xứ, biến xứ, , vô tránh, nguyên trí, vô ngại biện, 6 thần thông v.v... Lại y vào quảng thừa có 5 thứ việc là: 1. Tướng, 2. Tên gọi, 3. Phân biệt, 4. Chân như, 5. Chính trí. Lại có 2 thứ không tính là: 1. Chúng sinh không tính, 2. Pháp không tính. Lại có 2 thứ vô ngã tính là: 1. Chúng sinh vô ngã tính, 2. Pháp vô ngã tính. Lại có hạnh ở trung đạo xa lìa nhị biên, là xa lìa bên tăng ích và bên tổn giảm. Lại có 4 thứ chân thật là: 1. Thế gian sở thành, 2. Đạo lý sở thành, 3. Phiền não chướng tịnh trí hành xứ, 4. Sở tri chướng tịnh trí hành xứ. Lại có 4 thứ tầm tư là danh tầm tư, sự tầm tư, tự tính giả lập tầm tư, sai biệt giả lập tầm tư. Lại có 4 thứ như thật biến tri, là danh tầm tư sở dẫn như thật biến tri, sự tầm tư sở dẫn như thật biến tri, tự tính giả lập tầm tư, sai biệt giả lập tầm tư. Lại có 4 thứ như thật biến tri, là danh tầm tư sở dẫn như thật biến tri, sự tầm tư sở dẫn như thật biến tri, tự tính giả lập tầm tư sở dẫn như thật biến tri, sai biệt giả lập tầm tư sở dẫn như thật biến tri. Lại có 3 thứ tự tính là một biến kế sở chấp tự tính, hai y tha khởi tự tính, ba viên thành thật tự tính. Lại có 3 thứ vô tự tính tính là: 1. Tướng vô tự tính tính, 2. Sinh vô tự tính tính, 3. Thắng nghĩa vô tự tính tính. Lại có 5 tướng Đại Bồ-đề là tự tính, công dụng, phương tiện, chuyên, hoàn. Lại có 5 thứ Đại thừa là: 1. Chủng tử, 2. Thú nhập, 3. Thú đệ, 4. Chính chuyên, 5. Chính chuyển quả. Nghĩa là ban đầu mới phát tâm, đối với các hữu tình khởi đại bi, Ba-la-mật-đa, nhiếp sự, tự tha tương tục thành thực. Lại có 5 vô lượng tướng: 1. Hữu tình giới vô lượng tướng, 2. Thế giới vô lượng tướng, 3. Pháp giới vô lượng tướng, 4. Điều phục giới vô lượng tướng, 5. Điều phục phương tiện giới vô lượng tướng. Lại có chân thật nghĩa tùy chí. Nghĩa là trong tất cả vô lượng pháp tùy đến chân như và trí. Lại có uy đức tín giải không thể nghĩ bàn. Lại có trí không chướng ngại. Lại có 32 tướng đại trượng phu và 80 thứ vẻ đẹp tùy hình. Lại có 4 thứ tất cả tướng thanh tịnh, 10 lực, 4 vô úy, 3 niệm trụ, 3 không hộ, đại bi, pháp không quên mất, vĩnh đoạn tập khí. Tất

cả thứ diệu trí, như trên đã nói, sơ lược chỉ có 2 thứ: một là câu giải thích trong Thanh Văn thừa, hai là câu giải thích trong Đại thừa. Mê hoặc, là 4 điên đảo: Một là trong vô thường điên đảo chấp là thường. Hai là trong khổ điên đảo chấp là lạc. Ba là trong bất tịnh điên đảo chấp là tịnh. Bốn là trong vô ngã điên đảo chấp là ngã. Hí luận, là các phiền não và tạp phiền não. Các uẩn trụ, là 4 thức trụ và 7 thức trụ. Chân thật, là chân như và 4 thánh đế. Tịnh, là 3 thứ tịnh tính. Diệu, là như nói xây dựng tốt nơi Tam Bảo nên gọi là diệu. Tịch tĩnh, nghĩa là tự thiện pháp dục cho đến tất cả pháp Bồ-đề phần và các quả chứng đều gọi là tịch tĩnh. Tính, là tướng của pháp, như tự tướng, tướng chung, tướng giả lập, tướng nhân, tướng quả, gọi chung là tính. Đạo lý, là các duyên khởi và 4 đạo lý. Giả thi thiết, nghĩa là chỉ nơi pháp giả lập chúng sinh và chỉ giả lập nơi tướng. Các pháp hiện quán, là 6 thứ hiện quán, như sẽ nói trong phẩm Thành hiện quán.

Phương sở, là sắc uẩn. Vị, là thụ uẩn. Phân biệt, là tưởng uẩn. Tác, là hành uẩn. Chấp trì, là thức uẩn. Tăng, là có 2 thứ nên biết, một là tăng phiền não hai là tăng nghiệp. Giống như tăng, giảm cũng có 2 thứ là giảm phiền não và giảm nghiệp. Âm, là vô minh nghi. Ngữ, là 12 phân ngữ để nói gọi là ngữ. Sở giác, là các thứ pháp nghĩa được nói ra gọi là sở giác. Thượng, là quả Sa-môn. Viễn ly, là 5 thứ xa lìa: 1. Xa lìa ác hạnh, 2. Xa lìa dâm dục, 3. Xa lìa chúng cụ, 4. Xa lìa tụ hội, 5. Xa lìa phiền não. Chuyển, là 3 cõi và 5 thứ. Tạng hộ, là lưu luyến quá khứ, mong muốn vị lai, tham đắm hiện tại. Giản trạch, là một hàng thuận câu trước thuận câu sau, câu sự câu vô sự, sắc pháp phi sắc pháp, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, hữu tránh vô tránh, hữu vị trước vô vị trước, dựa vào đam mê dựa vào xuất ly, thế gian xuất thế gian, nhiếp thuộc không nhiếp thuộc, trong ngoài, thô tế, hơn kém, xa gần, có sở duyên không sở duyên, tương ưng không tương ưng, có hành không hành, có sở y không sở y, nhân phi nhân, quả phi quả, dị thực phi dị thực, có nhân không nhân, có quả không quả, có dị

thực không dị thực, có chấp thụ không chấp thụ, 4 đại chủng tạo chẳng phải 4 đại chủng tạo, đồng phân bỉ đồng phân, hữu thượng vô thượng, quá khứ vị lai hiện tại, thiện bất thiện vô ký, Dục hệ Sắc hệ Vô sắc hệ, học vô học, phi học phi vô học, kiến đoạn tu đoạn vô đoạn. Lại có 4 duyên: một nhân duyên, hai đẳng vô gián duyên, ba sở duyên duyên, bốn tăng tượng duyên. Lại có 4 chỗ dựa: 1. Dựa vào pháp không dựa vào chúng sinh, 2. Dựa vào nghĩa không dựa vào văn, 3. Dựa vào kinh liễu nghĩa không dựa vào kinh không liễu nghĩa, 4. Dựa vào trí không dựa vào thức. Lại có 4 vô lượng, 4 niệm trụ, 4 chính đoạn, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 biến giác chi, 8 thánh đạo chi, 4 thứ hành, 4 pháp tích, Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na, giới tăng thượng, tâm tăng thượng, tuệ tăng thượng, giải thoát, thắng xứ, biến xứ v.v... Hiện hành, là phiền não ràng buộc. Thùy miên, là phiền não tùy miên. Tương thuộc, là 6 xứ cùng một chỗ y chỉ. Lại có các pháp có thể dẫn nhiếp pháp khác, chúng cũng lần lượt thuộc vào nhau. Lại có cảnh giới các căn năng thủ sở thủ thuộc vào nhau. Các tương nhiếp có 11 thứ: 1. Nhiếp giữ lẫn nhau, 2. Nhiếp giữ cảnh giới, 3. Nhiếp giữ tướng, 4. Nhiếp giữ chủng loại, 5. Nhiếp giữ phần vị, 6. Nhiếp giữ không rời nhau, 7. Nhiếp giữ thời gian, 8. Nhiếp giữ phương sở, 9. Nhiếp giữ một phần, 10. Nhiếp giữ toàn phần, 1. Nhiếp giữ thắng nghĩa. Tương ưng có 5 thứ: 1. Tương ưng với tính khác không phải tự tính. 2. Trong tương ưng với tính khác, tương ưng với pháp bất tương vi chứ không tương ưng với pháp tương vi. 3. Trong tương ưng với bất tương vi, tương ưng với tương tự hạ trung thượng phẩm chứ không phải không tương tự. 4. Trong tương ưng với tương tự hạ trung thượng phẩm, tương ưng đồng thời chứ không phải không đồng thời. 5. Trong tương ưng đồng thời, tương ưng với đồng địa chứ không phải tương ưng với bất đồng địa. Thuyết, là có 4 thứ ngôn thuyết: 1. Kiến ngôn thuyết, 2. Văn ngôn thuyết, 3. Giác ngôn thuyết, 4. Tri ngôn thuyết. Nhiệm trì, là có 4 thứ ăn: 1. Đoàn thực, 2. Xúc thực, 3. Ý tư thực, 4. Thức thực. Thứ

đệ, có 5 thứ thứ đệ: 1. Lưu chuyển thứ đệ, 2. Thành sở tác thứ đệ, 3. Thuyết thứ đệ, 4. Sinh thứ đệ, 5. Hiện quán thứ đệ. Sở tác, có 8 thứ sở tác: 1. Y chỉ diệt, 2. Y chỉ chuyển, 3. Biến tri sở duyên, 4. Hỷ lạc sở duyên, 5. Đắc quả, 6. Ly dục, 7. Chuyển căn, 8. Phát khởi thần thông. Cảnh là 4 thứ sở duyên: 1. Sở duyên biến khắp, 2. Sở duyên khiến tịnh các hành, 3. Sở duyên khéo léo, 4. Sở duyên khiến tịnh các phiền não. Du-già, đây hoặc có 4 thứ hoặc có 9 thứ. Bốn thứ là: 1. Tín, 2. Dục, 3. Chính cần, 4. Phương tiện. Chín thứ là: 1. Thế gian đạo, 2. Xuất thế gian đạo, 3. Phương tiện đạo, 4. Vô gián đạo, 5. Giải thoát đạo, 6. Thắng tiến đạo, 7. Hạ phẩm đạo, 8. Trung phẩm đạo, 9. Thượng phẩm đạo. Xa-ma-tha là 9 thứ trụ tâm. Quán là 3 thứ sự quán, hoặc 4 thứ quán, hoặc 6 sự sai biệt sở duyên quán. Ba sự quán là: 1. Hữu tướng quán, 2. Tìm cầu quán, 3. Thâm sát quán. Bốn thứ là: 1. Quán lựa chọn các pháp, 2. Quán cực lựa chọn các pháp, 3. Quán trừ lượng biến khắp, 4. Quán thâm sát biến khắp. Sáu sự sai biệt sở duyên quán là: 1. Quán nghĩa sở duyên, 2. Quán sự sở duyên, 3. Quán tướng sở duyên, 4. Quán phần sở duyên, 5. Quán thời sở duyên, 6. Quán đạo lý sở duyên. Các tác ý là 7 thứ tác ý: 1. Liễu tướng tác ý, 2. Thắng giải tác ý, 3. Viễn ly tác ý, 4. Nhiếp lạc tác ý, 5. Quán sát tác ý, 6. Phương tiện cứu cánh tác ý, 7. Phương tiện cứu cánh quả tác ý. Giáo thụ là 5 thứ giáo thụ: 1. Giáo giáo thụ, 2. Chứng giáo thụ, 3. Tùy thứ giáo thụ, 4. Giáo thụ không điên đảo, 5. Thần biến giáo thụ. Đức, nghĩa là như trước đã nói các pháp công đức giải thoát vô lượng v.v... Bồ-đề là 3 thứ Bồ-đề: 1. Thanh Văn Bồ-đề, Độc Giác Bồ-đề, vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Thánh giáo, nghĩa là thụn quy y, chế lập học xứ.

Thi thiết thính là kiên lập sư tư thí luận, giới luận, sinh thiên luận, ha dục ái vị thị dục tội lỗi, nói rõ pháp tạp nhiễm và thanh tịnh, dạy dỗ dắt dẫn xuất ly, ca ngợi công đức, rộng nói tất cả phần pháp thanh tịnh.

Tụng nói:

*Nếu muốn chính tu hành,
Biết khắp các công đức,
Do 10 thứ pháp hành,
Và 6 thứ lý thú.*

Luận nói: Nếu các hành, là muốn chính tu hành đối với 9 việc trước, biết khắp, vĩnh đoạn, tác chứng, tu tập các công đức v.v... Do 10 pháp hành và 6 lý thú cần phải tu học. Mười thứ pháp hành như trước đã nói. Sáu thứ lý thú là: 1. Lý thú chân nghĩa, 2. Lý thú chứng đắc, 3. Lý thú dạy dỗ dắt dẫn, 4. Lý thú lia nhị biên, 5. Lý thú không nghĩ bàn, 6. Lý thú ý lạc.

QUYỂN 4 HẾT

LUẬN HIỀN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 5

Phẩm 2- 1: NHIẾP TỊNH NGHĨA

Như vậy đã nói xong 9 việc, nay sẽ nói về tịnh nghĩa.

Tụng nói:

*Trong các luận, Thắng luận
Cũng khéo nhập Du-già.
Phải biết nghĩa thanh tịnh
Do đủ 4 tịnh đức.*

Luận nói: Luận Hiền Dương Thánh Giáo này là vượt trội hơn cả trong các luận. Các luận là những luận gì? Sơ lược có 4 thứ: 1. Tượng chính pháp luận, nghĩa là dựa vào thánh giáo làm đảo lộn pháp tướng. 2. Ngoại y trị luận, nghĩa là y thuật trị bệnh bên ngoài. 3. Cật tránh luận, nghĩa là các lý luận hư vọng suy đặc của ngoại đạo. 4. Kiêu cuồng luận, nghĩa là các tà ác chú thuật của Bà-la-môn. Vì sao luận này thắng hơn các luận? Vì trong luận này có thể làm rõ tướng các pháp mà không điên đảo. Rốt ráo có thể chữa bệnh nội tâm, đối trị các hư vọng suy đặc cùng các chú thuật tà ác. Lại nữa trong luận này 4 luận có thể có được, không phải như ở trong các luận khác. Cho nên là vượt trội.

Bốn luận là những luận gì? 1. Phi nhị biên luận, 2. Phi nhất hướng luận, 3. Nhất thiết thủ đoạn biến tri luận, 4. Lập chính tướng luận.

Phi nhị biên luận là các luận chủ trương phi hữu phi vô, phi di phi bất di, phi ngã phi vô ngã, phi thường phi đoạn v.v...

Phi nhất hướng luận là các luận chủ trương chẳng phải tất cả lạc, ắt phải tiếp cận, nghĩa là có thể dẫn đến không có nghĩa lợi. Chẳng phải tất cả lạc, ắt không tiếp cận, nghĩa là có thể dẫn đến có nghĩa lợi. Giống như lạc, khổ cũng vậy. Các luận ấy tất cả lấy đoạn. Biến tri luận, là dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ. Đoạn biến tri luận, lập chính tướng luận là thi thiết tất cả các pháp không điên đảo. Tự tướng, cộng tướng, nhân tướng, quả tướng. Các luận ấy cũng khéo nhập Du-già. Có 4 thứ Du-già: 1. Tín, 2. Dục, 3. Chính cần, 4. Phương tiện. Luận này khéo thuận với chúng, nên khéo nhập Du-già.

Phải biết nghĩa thanh tịnh, là phải biết kiến lập có thể hiển thị đức không chung, tên thứ hai.

Do đủ 4 tịnh đức, là muốn hiển thị tên này, kiến lập như nghĩa.

Thế nào là luận này đủ 4 tịnh đức?

Tụng nói:

*Vì gồm tất cả nghĩa,
Vì ngoại không hoại chúng.
Dễ nhập nên đã nhập,
Thì hành không hoại mất.*

Luận nói: Vì gồm tất cả nghĩa, nghĩa là do trong luận này bao gồm tất cả nghĩa. Tức là 9 thứ nghĩa, hoặc 10 thứ nghĩa, hoặc 5 thứ nghĩa, hoặc 4 thứ nghĩa, hoặc 3 thứ nghĩa. Chín thứ nghĩa như đã nói trong Phẩm nhiếp sự.

Mười thứ nghĩa là: 1. Nghĩa tận sở tri, 2. Nghĩa như sở tri, 3. Nghĩa năng thủ, 4. Nghĩa sở thủ, 5. Nghĩa sở y trụ, 6. Nghĩa sở thụ dụng, 7. Nghĩa điên đảo, 8. Nghĩa không điên đảo, 9. Nghĩa tạp nhiễm, 10. Nghĩa thanh tịnh.

Trong đây, nghĩa tận sở tri, là trong pháp tạp nhiễm thanh tịnh, cùng tột tất cả biên giới các thứ sai biệt, gọi là nghĩa tận sở tri, như 5 số uẩn, 6 sơ nội xứ v.v... Nghĩa như sở tri, là thật tính chân như trong pháp tạp nhiễm thanh tịnh. Đó gọi là nghĩa như sở tri. Đây lại có 7 thứ, nghĩa là chân như lưu chuyển cho đến chân như chính hành. Nghĩa năng thủ, là 5 nội sắc xứ tâm ý thức và các tâm pháp. Nghĩa sở thủ, là ngoại 6 xứ. Lại nữa nghĩa năng thủ cũng là sở thủ. Nghĩa sở y trụ, là thế giới bên ngoài dựa vào đây mà có chỗ trụ của giới hữu tình. Như ruộng làng, ruộng một trăm làng, ruộng một ngàn làng, ruộng một trăm ngàn làng, như vậy nói rộng cho đến ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến vô số trăm ngàn thế giới, 10 phương vô lượng vô số thế giới như vi trần v.v... Nghĩa sở thụ dụng, là chỗ nhiếp thụ các thứ. Nghĩa diên đảo, là trong nghĩa năng thủ, đối với vô thường diên đảo tương thường, tâm diên đảo thấy diên đảo. Như vậy cho đến đối với vô ngã diên đảo tương ngã, tâm diên đảo thấy diên đảo. Nghĩa không diên đảo, là đối trị diên đảo như trước nói. Nghĩa tạp nhiễm có 3 thứ là phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm, sinh tạp nhiễm trong 3 cõi. Nghĩa thanh tịnh, là vì chứng 3 thứ ly hệ tạp nhiễm do tu tất cả pháp Bồ-đề phần. Phải biết rằng 10 thứ nghĩa này bao gồm tất cả nghĩa.

Năm thứ nghĩa, là: 1. Sở biến tri sự, 2. Sở biến tri nghĩa, 3. Ứng tri biến tri, 4. Đắc biến tri quả, 5. Thụ dụng biến tri quả. Sở biến tri sự, là tất cả các việc sở tri, như việc của các uẩn, việc của nội xứ, việc của ngoại xứ v.v... Sở biến tri nghĩa, là hết tất cả các thứ cần phải biết, như thế tục đế, thắng nghĩa đế, công đức, tội lỗi, hoặc các duyên, hoặc 3 đời, hoặc khởi tướng trụ hoại, hoặc như bệnh v.v... Hoặc khổ tập, hoặc pháp tính chân như thật tế, hoặc rộng hoặc sơ lược, hoặc cứ một mực ghi nhớ hoặc phân biệt ghi nhớ, hoặc hỏi lại ghi nhớ hoặc ghi nhớ để đó, hoặc giấu hoặc lộ, phải biết khắp các nghĩa như vậy. Ứng tri biến tri, là pháp Bồ-đề phần của 2 cảnh trước năng thủ. Đắc biến tri quả, là vĩnh viễn đoạn diệt tham dục sân nhuế

ngu si không còn sót lại. Tác chứng đầy đủ 4 quả Sa-môn và các công đức thể xuất thế, chung không chung của các Thanh Văn, Độc Giác, Như Lai. Thụ dụng biến tri quả, là trí giải thoát trong pháp chứng được, và rộng vì người khác khai thị diễn nói phân biệt. Phải biết rằng 5 nghĩa này bao gồm tất cả nghĩa.

Bốn thứ nghĩa, là: 1. Tâm sở chấp nghĩa, 2. Lãnh nạp nghĩa, 3. Liễu biệt nghĩa, 4. Tọa nhiệm thanh tịnh nghĩa. Phải biết rằng 4 nghĩa này cũng bao gồm tất cả nghĩa.

Ba thứ nghĩa, là: 1. Văn nghĩa, 2. Nghĩa nghĩa, 3. Giới nghĩa. Văn nghĩa, là danh thân v.v... Nghĩa nghĩa, là 10 thứ nghĩa: 1. Tướng chân thật, 2. Tướng biến tri, 3. Tướng vĩnh đoạn, 4. Tướng tác chứng, 5. Tướng tu tập, 6. Tướng các thứ sai biệt trong tướng chân như bình đẳng, 7. Tướng thuộc vào tướng năng y sở y, 8. Tướng các pháp có khả năng chướng ngại biến tri, 9. Tướng các pháp có thể tùy thuận biến tri, 10. Tướng công đức, tội lỗi trong không biến tri và biến tri v.v... Giới nghĩa, là nghĩa của 5 cõi: 1. Khí thể giới, 2. Hữu tình thể giới, 3. Pháp giới, 4. Sở điều phục giới, 5. Sở điều phục phương tiện giới. Phải biết 3 thứ nghĩa này cũng bao gồm tất cả nghĩa.

Vì ngoại không hoại chúng, nghĩa là các nghĩa trên, tất cả ngoại đạo không thể phá hoại được. Vì không thể áp chế hàng phục lý luận của chính đạo. Tất cả ngoại đạo, sơ lược có 5 thứ: 1. Ngoại đạo nói ngã, 2. Ngoại đạo nói thường, 3. Ngoại đạo nói đoạn, 4. Ngoại đạo nói hiện pháp Niết-bàn, 5. Ngoại đạo nói không có nhân.

Vì dễ nhập, là vì văn trong luận này viên mãn rõ ràng nên nghĩa nó dễ ngộ nhập, không như các luận văn ác chú của Bà-la-môn, nghĩa khuyết ẩn nên khó nhập vào.

Đã nhập thì hành không hoại mất, là vì trong luận này nghĩa đầy đủ đúng đắn, nếu đã ngộ nhập như thuyết tu hành, tự nghĩa không

mất. Không như tà luận của ngoại đạo, tuy đã nhập vào như thuyết thực hành vẫn hoàn toàn không có tự nghĩa.

Như vậy luận này bao gồm nghĩa thanh tịnh, thanh tịnh không thể phá hoại, thanh tịnh dễ nhập vào. Phải biết rằng tu hành thanh tịnh, nên gọi là thanh tịnh nghĩa.

Nay trong luận này hiển thị pháp nào đức Bạc-già-phạm nói?

Tụng nói:

*Chư Phật nói diệu pháp,
Chính dựa vào 2 đế.
Một gọi là thế tục,
Hai gọi là thắng nghĩa.*

Luận nói: Tướng của 2 đế là thế tục và thắng nghĩa như trước đã nói.

Tụng nói:

*Trước nói ngã, pháp, dụng,
Là tùy theo mà nói.
Bảy thứ và 4 thứ,
Chân như là thắng nghĩa.*

Luận nói: Trước tiên thế tục đế nói ngã, nói pháp và nói tác dụng. Nói ngã, nghĩa là nói hữu tình, mạng, sinh, Bỏ-đặc-già-la, người, trời, nam, nữ, Phật hữu, pháp hữu v.v... Nói pháp, nghĩa là nói sắc, thụ v.v... Phải biết đó gọi là thế tục đế. Đây tuy không thật có nhưng dựa vào thế tục nên nói có.

Hỏi: Nếu thế tục đế chẳng phải thắng nghĩa nên có là vì nghĩa gì mà nói?

Đáp: Vì tùy theo những cái khác mà nói. Nghĩa là vì muốn tùy thuận thắng nghĩa để nên nói thế tục đế.

Hỏi: Những gì là thắng nghĩa đế?

Đáp: Bảy thứ và 4 thứ chân như là thắng nghĩa, như đã nói trong Phẩm nhiếp sự.

Như vậy đã nói sơ lược về 2 đế. Trong đây, Như Lai lại có nói rộng.

Tụng nói:

*Kiến lập nghĩa tự tính,
Nhiều thứ lớp khéo léo.
Phải biết tướng sai biệt,
Hiện uẩn nghĩa thế tục.*

Luận nói: Tự tính, là biến hoại, lãnh nạp, liễu trí, tạo tác, liễu biệt. Đó là tự tính các uẩn.

Nghĩa, là nghĩa của tích tụ. Đó là nghĩa của uẩn. Nghĩa tích tụ này có 4 thứ, như sẽ nói trong Phẩm thành thiện xảo.

Kiến lập, nghĩa là trong sắc uẩn có 4 thứ kiến lập: 1. Tướng kiến lập, 2. Sinh kiến lập, 3. Tồn giảm kiến lập, 4. Sai biệt kiến lập.

Tướng kiến lập, là sắc uẩn tướng, lược có 5 thứ: 1. Tự tướng, 2. Cộng tướng, 3. Thuộc tướng của năng y sở y, 4. Thụ dụng tướng, 5. Nghiệp tướng.

Tự tướng, là tướng kiên cố như tướng đất v.v..., riêng biệt thanh tịnh như tướng nhãn v.v...

Cộng tướng, là tướng biến hoại của tất cả sắc.

Thuộc tướng của sở y năng y, là đại chủng là sở y, tạo sắc là năng y.

Thụ dụng tướng, là do sức tăng thượng của nội xứ thụ dụng nên được sinh các cảnh giới ngoại sắc riêng biệt. Hoặc có nhóm sắc chỉ có kiên chắc sinh, hoặc chỉ có ẩm ướt, hoặc chỉ có hơi ẩm, hoặc chỉ có cử động, hoặc lại tạp sinh do tùy thuận nội xứ thụ dụng.

Nghiệp tướng, là như đất v.v... các đại chủng có tướng y trì, nhiếp thụ, thành thực, tăng trưởng v.v...

Kiến lập, có 5 thứ sinh: 1. Y chỉ sinh, 2. Chủng tử sinh, 3. Thế dẫn sinh, 4. Thuận ích sinh, 5. Vi tổn sinh.

Y chỉ sinh, là y chỉ vào đại chủng, tức là ở nơi đại chủng có sinh các sở tạo sắc khác. Do nhân duyên ấy nên nói 4 đại chủng tạo. Sở tạo sắc gồm tại một nơi, là nghĩa của tạo.

Chủng tử sinh, là từ chủng tử của chính nó sinh, như nhóm kiên chắc. Hoặc có khi gặp duyên biến sinh lỏng ướt. Hoặc nhóm lỏng ướt biến sinh cứng chắc. Hoặc nhóm không ấm nóng biến sinh ấm nóng. Hoặc có nhóm ấm nóng biến sinh lạnh. Hoặc từ bất động biến sinh động. Hoặc từ động biến sinh bất động. Phải biết rằng cũng như vậy các sắc tốt xấu lần lữa sinh khác biệt. Như vậy nếu đứng về tự tướng thì không có sự hỗ tương đó. Nhưng nếu đứng về chủng tử thì có. Do đó, từ các nhóm như vậy mà sinh ra các sắc pháp sai biệt. Phải biết rằng những loại như vậy gọi là chủng tử sinh.

Thế dẫn sinh, là vì sức tăng thượng của nội sắc căn nên được sinh ngoại vật thường hiện liên tục, như khí thể gian. Lại nữa, vì sức của nghiệp trước dẫn đến nên các nội xứ sinh, như lạc dục hiện tiền. Phải biết rằng chư thiên và người ở Bắc châu sở hữu nhiều thứ cho cuộc sống là do sức dẫn sinh nên lưu chuyển. Nếu con người trong khí thể gian thì chỉ thường liên tục sức dẫn sinh các loại như vậy.

Thuận ích sinh, là được duyên tự thuận ích mà các sắc pháp kia lần lữa sinh tốt tươi phát triển, như nước làm cho mầm chồi cây tươi tốt. Những loại như vậy gọi là thuận ích sinh. Trái nghịch lại đây thì gọi là vi tổn sinh.

Tổn giảm kiến lập, là kiến lập cực vi. Phải biết là do 5 thứ cực vi kiến lập: 1. Do phân tích, 2. Do sai biệt, 3. Do độc nhất, 4. Do trợ giúp, 5. Do tính không phân chia.

Do phân tích, nghĩa là do tuệ phân tích các pháp thô sắc, dần dần chuyển giảm đến biên giới rất nhỏ mà thiết lập cực vi. Vì chẳng phải do cái thể, cho nên do nhân duyên đó nói cực vi không khởi không diệt. Lại nữa cũng chẳng phải nói tập hợp các cực vi để thành thô sắc.

Do sai biệt, nghĩa là sơ lược có 15 thứ cực vi. Tức là nhãn v.v... cực vi của căn có 5 thứ. Sắc v.v... cực vi của cảnh có 5 thứ. Địa v.v... cực vi của giới có 4 thứ. Pháp xứ sở nhiếp cực vi của thật hữu sắc có 1 thứ.

Do độc nhất, nghĩa là thiết lập tự tướng của thật cực vi.

Do trợ giúp, nghĩa là thiết lập nhóm cực vi do địa v.v... nơi một cực vi có các sắc pháp khác đồng một chỗ không rời nhau nên thiết lập nhóm cực vi.

Do tính không phân biệt, là chẳng phải một cực vi lại có các phần vi tế khác. Do không phải nhóm nên nếu nhóm cực vi có thể có các phần. Nếu ở nơi một cực vi, nơi đây không thể phân tích lập các phần khác nữa. Vì vậy cho nên cực vi không có phần vi tế.

Sai biệt kiến lập, có 26 thứ sắc: 1. Sắc thuộc cõi Dục, nghĩa là đủ các sắc. 2. Sắc thuộc cõi Sắc, nghĩa là trừ hương và vị. 3. Sắc thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là sắc đẳng trì tự tại, không phải sắc của nghiệp dị thực. 4. Sắc thanh tịnh giới, nghĩa là do tăng thượng pháp xuất thế sinh ra, như sắc của tĩnh lự giải thoát, sắc của Phật Bồ-tát. 5. Nội sắc, là sắc của căn và chỗ sở cư của căn. 6. Ngoại sắc, là các sắc thanh hương vị xúc, trừ căn và chỗ sở cư của căn. 7. Sở y sắc, nghĩa là nhãn v.v... 5 căn. 8. Sở duyên sắc, là 5 cảnh giới và pháp giới sở nhiếp sắc. 9. Năng thủ sắc, tức là sắc sở y. 10. Sở thủ sắc, tức sắc sở duyên. 11. Chấp thụ sắc, nghĩa là thụ khởi sở y như các sắc căn và sắc của chỗ căn sở cư. Vì là chỗ sở cư của tâm và tâm pháp, nên đồng một tổn ích là nghĩa của chấp thụ. 12. Vô chấp thụ sắc, nghĩa là các sắc ngoài đây ra. 13. Đồng phần sắc, nghĩa là sắc các căn không

chung của tự thức do cùng với thức chuyển đồng một cảnh. 14. Bỉ đồng phần sắc, nghĩa là sắc các căn chung với tự thức, do chỉ tự loại liên tục tương tự chuyển. 15. Hữu kiến hữu đối sắc, nghĩa là sắc của sắc xứ. 16. Vô kiến hữu đối sắc, nghĩa là sắc của 9 xứ khác. 17. Vô kiến vô đối sắc, là pháp xứ sở nhiếp sắc. 18. Thanh tịnh sắc, là 5 nội xứ. 19. Thanh tịnh sở thủ sắc, là 5 ngoại xứ. 20. Ý sở thủ sắc, là pháp xứ sở nhiếp sắc. 21. Sở y trụ sắc, là phong luân cho đến đại địa. 22. Phú hộ sắc, là nhà cửa. 23. Tư cụ sắc, là 10 thứ cần dùng trong đời sống: 1. Thức ăn uống, 2. Y phục và đồ trang sức, 3. Vật dụng, 4. Vui cười, 5. Cổ vũ, 6. Ca vịnh, 7. Âm nhạc, 8. Hương hoa trang diêm, 9. Nhiều người hiền minh, 10 Nam nữ giúp việc. 24. Sắc nơi căn cư ngụ, tức nơi cư ngụ của 5 thứ sắc căn. 25. Sắc căn, là 5 thứ sắc căn. 26. Sắc của cảnh giới đẳng trì, như đã nói trong Phẩm nhiếp sự thụ uẩn kiến lập có 6 thứ: 1. Sai biệt kiến lập, 2. Xuất ly kiến lập, 3. Quán sát kiến lập, 4. Sinh kiến lập, 5. Tướng kiến lập, 6. Sư cú kiến lập.

Sai biệt kiến lập, là hoặc lập một thụ như nói những gì có thụ đều là khổ. Hoặc lập 2 thụ, là thân thụ và tâm thụ. Hoặc lập 3 thụ, là lạc thụ, khổ thụ, bất khổ bất lạc thụ. Hoặc lập 4 thụ, là Dục hệ, Sắc hệ, Vô sắc hệ và bất hệ thụ. Hoặc lập 5 thụ, là lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn. Hoặc lập 6 thụ, là nhãn xúc sinh ra thụ cho đến ý xúc sinh ra thụ. Hoặc lập 18 thụ, là 18 ý cận hành, 6 hỷ cận hành, 6 ưu cận hành, 6 xả cận hành. Hoặc lập 36 thụ, là 6 dựa vào đam mê hỷ, 6 dựa vào xuất ly hỷ. Giống như hỷ, ưu xả cũng vậy. Hoặc lập 108 thụ, là 36 thụ, mỗi thụ đều dựa vào 3 đời, hoặc khai vô lượng thụ, như chỗ sở thụ khởi vô số thụ.

Xuất ly kiến lập, là sơ tinh lự xuất ly ưu căn. Tinh lự thứ hai xuất ly khổ căn. Tinh lự thứ ba xuất ly hỷ căn. Tinh lự thứ tư xuất ly lạc căn. Vô tướng tâm pháp Tam-ma-địa xuất ly xả căn.

Quán sát kiến lập, là 8 thứ quán sát đối với thụ: Thế nào là thụ, thế nào là thụ tập, thế nào là thụ diệt, thế nào là thú thụ tập hành, thế

nào là thú thụ diệt hành, thế nào là thụ vị, thế nào là thụ quá, thế nào là xuất ly.

Sinh kiến lập, là các thụ sinh từ 16 xúc. Những gì là 16? 1. Nhãn xúc, 2. Nhĩ xúc, 3. Tỷ xúc, 4. Thiệt xúc, 5. Thân xúc, 6. Ý xúc, 7. Hữu đối xúc, 8. Tăng nữ xúc, 9. Thuận lạc thụ xúc, 10. Thuận khổ thụ xúc, 11. Thuận bất khổ bất lạc thụ xúc, 12. Ái xúc, 13. Nhuế xúc, 14. Minh xúc, 15. Vô minh xúc, 16. Phi minh phi vô minh xúc.

Tướng kiến lập, là 8 thứ tướng: 1. Dị thực tướng, 2. Phi dị thực tướng, 3. Hữu vị trước tướng, 4. Vô vị trước tướng, 5. Y đam thị tướng, 6. Y xuất ly tướng, 7. Động tướng, 8. Trụ tướng. Dị thực tướng, là A-lại-da thức tương ưng thụ. Phi dị thực tướng, là chuyển thức tương ưng thụ. Hữu vị trước tướng, là Dục hệ thụ. Vô vị trước tướng, là Sắc, Vô sắc hệ và bất hệ thụ. Y đam thị tướng, là dục tham tương ưng thụ. Y xuất ly tướng, là xuất gia sở dẫn bất định địa thiện pháp tương ưng thụ. Động tướng, là cái thụ trong kinh hiển thị thí dụ về gió, vì nghĩa không trụ liên tục lâu. Trụ tướng, là cái thụ trong kinh hiển thị thí dụ nhà khách, vì nghĩa trụ tương tục tạm thời.

Sư cú kiến lập, là 36 sư cú: 6 y đam thị hỷ, 6 y xuất ly hỷ, 6 y đam thị ưu, 6 y xuất ly ưu, 6 y đam thị xả, 6 y xuất ly xả.

Thế nào là y đam thị hỷ? Nghĩa là đối với mắt nhận biết màu sắc khá thích, khá ưa, khá vừa ý, khá yêu, có thể dẫn khởi dục đắm sâu nhiễm trước. Hoặc do được cái hiện có được, hoặc do ý niệm trước bây giờ được mà sinh vui. Tướng vui như vậy gọi là y đam thị hỷ.

Thế nào là y xuất ly hỷ? Nghĩa là đối với các sắc, hiểu rõ là vô thường, khổ, biến đổi. Ly dục diệt trách hết rồi, lại đối với các sắc trước và hiện nay, hiểu rõ các pháp là vô thường, khổ, biến đổi rồi mà sinh vui. Tướng vui như vậy gọi là y xuất ly hỷ. Cũng thế, đối với tai nhận biết tiếng, mũi nhận biết mùi hương, lưỡi nhận biết vị, thân nhận biết sự chạm xúc, ý nhận biết pháp, thấy đáng ưa, khá thích, vừa

ý, đáng yêu có thể dẫn khởi dục sâu nhiễm trước. Hoặc do được cái hiện có được, hoặc do ý niệm trước bây giờ được mà sinh vui. Tướng vui như vậy gọi là y đam thị hỷ. Cũng thế, đối với tiếng do tai nhận thức, cho đến pháp do ý nhận thức, hiểu rõ là vô thường, khổ, biến đổi. Ly dục diệt tận hết rồi, lại đối với các pháp trước và nay có, hiểu rõ là pháp vô thường, khổ, biến đổi v.v... mà sinh vui. Tướng vui như vậy gọi là y xuất ly hỷ.

Thế nào là y đam thị ưu? Nghĩa là đối với mắt nhận biết sắc là đáng ưa, khá thích, cho đến có thể nhiễm, hoặc do không được cái hiện có, hoặc do ý niệm sở đắc trước, nếu đã là quá khứ, hoặc hết, hoặc diệt, hoặc lìa, hoặc biến đổi mà sinh ưu sầu. Tướng ưu sầu như vậy gọi là y đam thị ưu.

Thế nào là y xuất ly ưu? Nghĩa là đối với các sắc, hiểu rõ là vô thường cho đến đã hết rồi, lại đối với các sắc đã có trước và hiện nay, đã hiểu rõ là pháp vô thường, khổ, biến đổi v.v..., đối với thắng giải thoát khỏi ý muốn chứng, nguyện khi nào sẽ được trụ đầy đủ chỗ trụ xứ đầy đủ như các bậc thánh. Cái âu lo nguyện cầu chứng thắng giải thoát như vậy, gọi là y xuất ly ưu. Cũng thế đối với tiếng do nhận biết của tai, cho đến pháp do nhận biết của ý, là đáng ưa, khá thích, cho đến có thể nhiễm, hoặc do không được cái hiện có, hoặc do tùy niệm trước đã được, hoặc đã thành quá khứ, cho đến hoặc biến đổi mà sinh ra âu lo. Tướng âu lo như vậy gọi là y đam trước ưu. Cũng vậy, nghĩa là tiếng do tai nhận biết, cho đến pháp do ý nhận biết, hiểu rõ là vô thường, cho đến hết rồi, lại đối với pháp trước và nay có, đã hiểu rõ là pháp vô thường, khổ, biến đổi v.v..., đối với thắng giải thoát khỏi ý muốn chứng, nguyện khi nào sẽ được trụ đầy đủ chỗ trụ xứ đầy đủ như các bậc thánh. Cái âu lo nguyện cầu chứng thắng giải thoát như vậy, gọi là y xuất ly ưu.

Thế nào là y đam trước xả? Nghĩa là hạng đệ sinh ngu si không trí không nghe đạo, đối với sắc do mắt nhận biết thì lưu luyến, đối

với sự xả bỏ chấp trước các nghiệp thú hưởng nơi sắc, y chỉ nơi sắc, không xả bỏ đối với sắc, không vượt qua sắc, trong đây xả bỏ thì gọi là y đàm trước xả.

Thế nào là y xuất ly xả? Nghĩa là đối với các sắc, hiểu rõ là vô thường cho đến hết rồi, lại nữa các sắc có trước và nay, đã hiểu rõ là pháp vô thường, khổ, biến đổi v.v...lựa chọn tu tập xả bỏ, gọi là y xuất ly xả. Cũng vậy hạng đệ sinh ngu si vô trí không học, đối với tiếng do tai nhận biết, cho đến pháp do ý nhận biết thì lưu luyến, đối với sự xả bỏ chấp trước các nghiệp thú hưởng nơi pháp, cho đến pháp không vượt qua, trong đó xả bỏ, tức là y đàm thị xả. Cũng vậy, đối với tiếng do tai nhận biết, cho đến pháp do ý nhận biết, hiểu rõ là vô thường, cho đến đã hết, lại đối với các pháp trước và nay có đã hiểu rõ là vô thường, khổ, biến đổi rồi lựa chọn tu tập xả bỏ, gọi là y xuất ly xả. Trong đây 6 y đàm thị hỷ, 6 y xuất ly hỷ, 6 y đàm thị ưu, 6 y xuất ly ưu, 6 y đàm thị xả, 6 y xuất ly xả, gồm chung là 36 sự cú.

Trong đây y chỉ trụ trong 6 y xuất ly hỷ nên trút bỏ cái hại của 6 y đàm thị hỷ. Cũng vậy, y chỉ trụ trong 6 y xuất ly ưu nên trút bỏ cái hại của 6 y đàm thị ưu. Cũng vậy, y chỉ trụ trong 6 y xuất ly xả, nên trút bỏ cái hại của 6 y đàm thị xả. Lại nữa, trong đây y chỉ trụ trong 6 y xuất ly hỷ, nên trút bỏ cái hại của 6 y xuất ly ưu, y chỉ trụ trong 6 y xuất ly xả, nên trút bỏ cái hại của 6 y xuất ly hỷ.

Lại có 2 thứ xả: 1. Y chủng chủng tính, 2. Y nhất chủng tính. Y chủng chủng tính xả, nghĩa là y nơi sắc cho đến y nơi pháp. Y nhất chủng tính xả, nghĩa là y hư không vô biên xứ, cho đến y phi tưởng phi phi tưởng xứ. Trong đây, y chỉ trụ nơi y nhất chủng tính xả, nên trút bỏ cái hại y chủng chủng tính xả.

Có 3 thứ kiến lập tướng uẩn: 1. Y sai biệt, 2. Tác ý sai biệt, 3. Cảnh giới sai biệt.

Y sai biệt, là 6 tướng: thân, nhãn xúc sinh tướng, cho đến ý xúc sinh tướng. Tác ý sai biệt, có 2 thứ: một là tướng có tướng, hai

là tướng không có tướng. Tướng có tướng, là trừ tướng trong cõi Dục, chưa khéo ngôn thuyết, đệ nhất hữu tướng và xuất thế gian tướng. Ngoài ra là tướng tương ưng với hữu tướng tác ý. Tướng không có tướng, là các tướng trước trừ tướng tương ưng với vô tướng tác ý.

Cảnh giới sai biệt có 4 thứ: 1. Tiểu tướng, 2. Đại tướng, 3. Vô lượng tướng, 4. Vô sở hữu tướng. Nên biết, theo thứ tự thì duyên Dục giới, duyên Sắc giới, duyên Vô sắc giới, duyên Vô sở hữu xứ tướng.

Có 3 thứ kiến lập hành uẩn: 1. Thắng sai biệt, 2. Y sai biệt, 3. Chư hành thi thiết sai biệt

Thắng sai biệt, là chỉ gồm trong tư tối thắng hành uẩn, do tạo tác tâm khiến thành tạp nhiễm và thanh tịnh pháp chuyển.

Y sai biệt, là 6 tư: thân nhãn xúc sinh tư, cho đến ý xúc sinh tư.

Các hành thi thiết sai biệt có 3 thứ: 1. tạp nhiễm thi thiết, 2. Thanh tịnh thi thiết, 3. Phần vị thi thiết.

Tạp nhiễm thi thiết, là phiền não và tùy phiền não. Thanh tịnh thi thiết, là tín v.v... Phần vị thi thiết, là sinh v.v... tâm bất tương ưng hành. Tức 3 uẩn pháp xứ sở nhiếp sắc này cùng với vô vi, gọi chung là pháp giới, cũng gọi là pháp xứ.

Thức uẩn kiến lập có 3 thứ: 1. Chủng loại sai biệt, 2. Y sai biệt, 3. Tạp nhiễm thanh tịnh sai biệt.

Chủng loại sai biệt có 2 thứ: một là A-lại-da thức, hai là chuyển thức.

Y sai biệt, là 6 thức thân.

Hỏi: Thức A-lại-da, trong 6 thức thân nhiếp trong thức nào?

Đáp: Gồm thân chung trong 6 thức. Vì nó hàm tàng chủng tử các thức kia. Do đó thức này gồm thân một cách âm thầm. Đức Bạc-già-phạm không vì nói cho tất cả. Người khéo léo, tức do đó mà hiểu.

Tạp nhiễm thanh tịnh sai biệt, là như trong kinh nói có tâm tham, biết như thật có tâm tham, lìa tâm tham, biết như thật lìa tâm tham. Cũng như vậy có sân lìa sân, có si lìa si, cho đến nói rộng.

Trong đây có 3 phẩm của tâm: 1. Chưa phát tâm thú hướng Tam-ma-địa. 2. Đã phát tâm thú hướng mà chưa được Tam-ma-địa. 3. Đã được tâm Tam-ma-địa. Đây lại có 2 thứ: một là tâm không thanh tịnh, hai là tâm cực thanh tịnh. Tâm phẩm thứ nhất, là hoặc khi khởi tâm nhiễm ô, do tham v.v... các triền trói buộc, hoặc khi khởi tâm thiện, vô ký xa lìa tham v.v... các triền. Tâm phẩm thứ hai, là hoặc khi buộc tâm nội tĩnh, hoặc khi mất niệm đuổi theo 5 dục, hoặc khi nhiếp tâm khiến tĩnh. Lại bị hôn trầm, thù miên trói buộc ngăn che. Hoặc khi vì đoạn trừ chúng, nên buộc tâm đặt vào tịnh cảnh. Hoặc khi nơi cảnh kia không chính an, tâm lay động. Hoặc chính an, nên tâm không lay động. Hoặc khi chưa đoạn trừ hôn trầm, trạo cử ngăn che, trong 2 phần đều không tịch tĩnh. Hoặc đoạn trừ chúng, nên tâm tịch tĩnh, có thể được căn bản tác ý tĩnh lự nên gọi là định tâm. Chưa được kia, nên gọi là tâm không định. Đạo rất ráo, nên gọi là tâm cực tu. Đoạn rất ráo, nên gọi là tâm cực giải thoát. Trái nghịch 2 thứ kia, gọi là tâm không tu, tâm không giải thoát. Nên biết bắt đầu từ định tâm cho đến đây là tâm phẩm thứ ba.

Số, là do 5 sự gồm chung tất cả sự lưu chuyển.

Năm sự là gì? 1. Sở thụ dụng sự, 2. Năng thụ dụng sự, 3. Thụ dụng chấp thủ sự, 4. Thụ dụng tạp nhiễm sự, 5. Bĩ sở y biến hành pháp sự.

Sở thụ dụng, là sắc uẩn. Năm thứ sắc căn y chấp môn, nên là sở thụ dụng. Các sắc cảnh giới sở duyên môn, nên là sở thụ dụng. Năng thụ dụng, là thụ uẩn. Thụ dụng chấp thủ, là tướng uẩn. Thụ dụng tạp nhiễm, là hành uẩn. Bĩ sở y biến hành pháp, là thức uẩn. Do chấp cái thức này là kẻ thụ dụng, cho đến là kẻ bị tạp nhiễm. Cho nên do nghĩa ấy mà thứ tự được thành.

Lại do 5 nhân duyên kiến lập thứ lớp: 1. Do sinh khởi, 2. Do đối trị, 3. Do lưu chuyển, 4. Do thức trụ, 5. Do hiển rõ.

Do sinh khởi, là như kinh nói do mắt với sắc mà sinh thức, cho đến do ý và pháp mà sinh ý thức. Trong đây ban đầu nói sắc uẩn, tiếp đến nói thức uẩn. Hai uẩn này là chỗ y chỉ của các tâm pháp. Dựa vào đây, nên khởi thụ v.v... các tâm pháp. Tiếp đến kinh nói: Ba việc hợp nên có xúc. Xúc là duyên, nên thụ v.v... các pháp sinh. Do đây sinh khởi nhân duyên nói thứ lớp của các uẩn.

Do đối trị, là đối trị 4 điên đảo nên nói 4 niệm trụ. Bốn điên đảo, là: 1. Điên đảo do đối với bất tịnh chấp là tịnh. 2. Điên đảo do đối với khổ chấp là lạc. 3. Điên đảo do đối với vô thường chấp là thường. 4. Điên đảo do đối với vô ngã chấp là ngã. Trong đây, trước nói sắc uẩn, tiếp sau là thụ uẩn, tiếp sau là thức uẩn. Sau cùng là tưởng, hành 2 uẩn. Như vậy do đối trị mà nói thứ tự các uẩn.

Do lưu chuyển, là cảnh giới các căn là sở y nên có thể khởi 2 uẩn. Tức là lãnh nạp cảnh giới và vẽ ra cảnh giới. Do nhân duyên này có thể khởi thụ dụng các pháp não loạn của cảnh giới hiện pháp và có thể tạo tác nghiệp thiện, bất thiện. Do nhân duyên ấy nên có thể cảm khổ não các đời sau. Thức uẩn là một loại sở não loạn, cho nên nói sau cùng.

Do thức trụ, là 4 thức trụ do thứ tự kia khởi thức năng trụ.

Do hiển rõ, là thấy Bồ-đặc-già-la rồi trước nhận biết sắc của nó, cho nên trước nói sắc uẩn. Tiếp do thụ uẩn hiển rõ nó là quý hay tiện, khổ hay vui. Tiếp do tưởng uẩn hiển rõ nó tên như vậy, tính như vậy, chủng loại như vậy v.v... Tiếp do hành uẩn hiển rõ nó ngu si như vậy, thông minh như vậy. Sau do thức uẩn hiển rõ nội ngã sai biệt của nó. Nghĩa là ở trong các uẩn trước có nhận biết có khổ vui, có ngôn thuyết ngu si thông tuệ. Đó gọi là hiển rõ, cho nên nói thứ tự của các uẩn.

Lại do y chỉ 2 việc nên kiến lập thứ tự: một là cái giúp cho ngã, hai là tự nội ngã. Nghĩa là trước tiên y chỉ thân trong các cảnh giới. Tiếp đến thụ khổ vui, tiếp đến nói tự tha như vậy, tên như vậy, tính như vậy, chủng loại như vậy v.v... Tiếp đến dựa vào 2 cái này tập khởi tất cả pháp phi pháp hành. Những tên như vậy gọi là cái giúp cho ngã. Một uẩn cuối cùng, nên biết đó là nội ngã.

Khéo léo, là sẽ được nói rộng trong Phẩm thành thiện xảo.

Tướng sai biệt, là hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi v.v...

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là hữu sắc?

Đáp: Lấy hữu sắc làm nghĩa của tự thể. Một uẩn là hữu sắc.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là hữu kiến?

Đáp: Là nghĩa của hành của mắt, cho nên một phần nhỏ gọi là hữu kiến.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là hữu đối?

Đáp: Cùng nhau xúc đối đều căn cứ vào xứ sở và nghĩa thô, cho nên một phần nhỏ gọi là hữu đối.

Nói nghĩa thô, là lia 3 thứ tế. Những gì là 3? 1. tổn giảm tế. 2. Chủng loại tế. 3. Tâm tự rại chuyển tế.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ hữu lậu?

Đáp: Theo đuổi thô trọng nên cùng với các phiền não sinh nghĩa nương dựa vào nhau, cho nên tất cả phần ít là hữu lậu. Lại có nghĩa hữu dư vô lậu, nghĩa là nếu ở trong phiền não có thể khởi 4 thứ lỗi, nơi đó gọi là hữu lậu.

Những gì là 4? 1. Lỗi không tịch tĩnh. 2. Lỗi trong ngoài biến đổi khác. 3. Lỗi pháp khởi ác hành. 4. Lỗi nhân nhiếp thụ. Trong đây lỗi đầu tiên là các trần hiện hành tạo ra. Lỗi thứ hai phiền não đại

vào duyên sự tùy thuận phiền não tạo ra. Lỗi thứ ba là do phiền não tạo ra. Lỗi thứ tư là dốt dẫn đưa đến hậu hữu.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là hữu vi?

Đáp: Là nghĩa từ nhân đã sinh, chính sinh, có thể sinh, cho nên tất cả là hữu vi.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là hữu tránh?

Đáp: Là nghĩa sân giận đa phần tự tại chuyển, cho nên tất cả phần ít là hữu tránh.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là đấm trước hữu vi?

Đáp: Là nghĩa ái kiến phần nhiều tự tại chuyển, nên tất cả phần ít là đấm trước hữu vi.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là y đam thị?

Đáp: Là nghĩa phần nhiều dục tham tự tại chuyển, cho nên tất cả phần ít là y đam thị.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là thế gian?

Đáp: Là nghĩa sở y của luận, cho nên tất cả phần ít là thế gian.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là giới nhiếp?

Đáp: Là nghĩa thế gian trong 3 cõi, cho nên tất cả phần ít là giới nhiếp.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là quá khứ?

Đáp: Là nghĩa nhân quả đã thụ dụng hết, cho nên tất cả phần ít là quá khứ.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là vị lai?

Đáp: Là nghĩa nhân quả chưa thụ dụng hết, cho nên tất cả phần ít là vị lai.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là hiện tại?

Đáp: Là nghĩa nhân đã thụ dụng hết quả chưa thụ dụng hết, cho nên tất cả phần ít là hiện tại.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là nội?

Đáp: Là nghĩa 6 chỗ bên trong và không tách rời chúng, cho nên 4 toàn một phần ít là nội.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là ngoại?

Đáp: Là nghĩa ngược lại với nội, cho nên một phần ít là ngoại.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là thô?

Đáp: Là nghĩa của tướng không tinh tế trơn láng tụ tập đầy đủ, cho nên tất cả phần ít là thô.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là tế?

Đáp: Là ngược lại với nghĩa thô, cho nên tất cả phần ít là tế.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là giới nhiếp?

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là kém?

Đáp: Là nghĩa của vô thường, khổ, bất tịnh, nhiễm ô, cho nên tất cả phần ít là kém.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là hơn?

Đáp: Là nghĩa ngược lại với kém, cho nên tất cả phần ít là hơn.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là xa?

Đáp: Là nghĩa xứ sở và thời gian quá khứ vị lai xa, cho nên tất cả phần ít là xa.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là gần?

Đáp: Là ngược lại với nghĩa xa, cho nên tất cả phần ít là gần.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là Dục giới hệ?

Đáp: Là nghĩa nếu sinh ở đây chưa được đối trị, hoặc được đã xuất 3 thời hiện hành, cho nên tất cả phần ít là Dục giới hệ.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là Sắc giới hệ?

Đáp: Là nghĩa đã được đối trị Sắc giới. Nếu trụ nơi định ấy, nếu sinh nơi ấy, chưa được đối trị của thượng địa, hoặc được đã xuất 3 thời hiện hành, cho nên tất cả phần ít là Sắc giới hệ.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là Vô sắc hệ?

Đáp: Là nghĩa đã được đối trị Vô sắc, nếu trụ nơi định ấy nếu sinh nơi ấy chưa được đối trị của địa trên, hoặc được đã xuất 3 thời hiện hành, cho nên tất cả phần ít là Vô sắc hệ. Lại có nghĩa khác, là nghĩa an cụ định không tương ưng pháp cộng hữu và bao gồm trong quả pháp ấy, cho nên là Dục giới hệ. Dựa vào Sắc phiền não và ngược lại nghĩa sở nhiếp ở trước, nên là Sắc giới hệ. Đã lia các phiền não của Sắc giới và gồm nghĩa như trước, nên là Vô sắc hệ.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là thiện?

Đáp: Là nghĩa cảm quả hậu lạc, nghĩa đoạn khổ phiền não, và nghĩa đối trị chúng, cho nên tất cả phần ít là thiện.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là bất thiện?

Đáp: Là nghĩa cảm quả hậu khổ, và nghĩa khởi ác hành, cho nên tất cả phần ít là bất thiện.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là vô ký?

Đáp: Vì kia đủ nghĩa tương vi, cho nên tất cả phần ít là vô ký. Lại có nghĩa khác, là nghĩa không lỗi lầm, nghĩa đối trị lỗi lầm, nghĩa tùy thuận công đức, cho nên là thiện. Nghĩa trái với đây, cho nên là bất thiện. Kia đủ các nghĩa tương vi, cho nên là vô ký.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là học?

Đáp: Là nghĩa phương tiện tu học thiện, cho nên tất cả phần ít là học.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là vô học?

Đáp: Là nghĩa tu học rốt ráo thiện, cho nên tất cả phần ít là vô học.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là phi học phi vô học?

Đáp: Là nghĩa trừ 2 thứ trước, còn ngoài ra bao gồm thiện, nhiễm ô, vô ký, cho nên tất cả phần ít là phi học phi vô học.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là kiến sở đoạn?

Đáp: Là nghĩa do hiện quán trí, hiện quán đế sở đoạn, cho nên tất cả phần ít là kiến sở đoạn.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là tu sở đoạn?

Đáp: Là nghĩa do hiện quán trí, hiện quán đế, sau tu đạo sở đoạn, cho nên tất cả phần ít là tu sở đoạn.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là vô đoạn?

Đáp: Là nghĩa đối trị rốt ráo tất cả nhiễm ô, và vĩnh đoạn tất cả nhiễm ô, cho nên tất cả phần ít là vô đoạn.

Hỏi: Nghĩa như thế nào và có bao nhiêu thứ là vô sắc cho đến nói rộng?

Đáp: Là nghĩa ngược lại với sắc đã nói ở trước, cho nên là nghĩa vô sắc v.v...

QUYỂN 5 HẾT

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 6

Phẩm 2 - 2: NHIẾP TỊNH NGHĨA

Luận nói: Như vậy đã nói rộng thế tục đế. Thắng nghĩa đế là thế nào?

Tụng nói:

*Năm ba pháp chân thật,
Nên biết lại có bốn.
Và bốn thứ tâm tư,
Bốn thứ như thật trí.*

Luận nói: Năm pháp, là: 1. Tướng. 2. Danh. 3. Phân biệt. 4. Chân như. 5. Chính trí.

Tướng, nếu lược nói là tất cả chỗ sở y của ngôn thuyết. Danh, là y tăng ngữ trong các tướng. Phân biệt, là các tâm tâm pháp gồm trong 3 cõi. Chân như, là pháp vô ngã sở hiển thánh trí, sở hành tất cả ngôn thuyết, sở bất y xứ. Chính trí, lược có 2 thứ một là chỉ có xuất thế gian, hai là thế gian và xuất thế gian. Chỉ có chính trí xuất thế gian, nghĩa là do chính trí Thanh Văn, Độc Giác và chư Bồ-tát thông đạt chân như. Lại nữa chư Bồ-tát dùng thế xuất thế trí, khi tinh cần học tập ngũ minh xứ, do biến mãn trí chân như thường hiện tại tiền, nên mau chóng chứng được sở tri chướng tịnh. Chính trí thế gian xuất thế

gian, nghĩa là chư Thanh Văn và Độc Giác mới thông đạt chân như rồi, do ban đầu chỉ có sức chính trí xuất thế gian, sau được chính trí thế gian xuất thế gian, nên trong an lập các để khởi tâm chán sợ 3 cõi, và vắng lặng ái vị 3 cõi. Lại nữa do chính trí kia thường hiện tại tiền, nên mau chóng chứng được phiền não chướng tịnh.

Ba pháp, là 3 tự thể: 1. Biến kế sở chấp tự thể. 2. Y tha khởi tự thể. 3. Viên thành thật tự thể.

Biến kế sở chấp tự thể, là dựa vào danh ngôn giả lập tự thể là dục, tùy thuận ngôn thuyết thế gian. Y tha khởi tự thể, là theo duyên mà tự thể của pháp sinh. Viên thành thật tự thể, là cảnh giới của các pháp chân như thánh trí, sở hành thánh trí. Thánh trí sở duyên là dục, chúng đặc cực thanh tịnh là khiến tất cả tướng và 2 trói buộc thô trọng được giải thoát, là muốn dẫn phát các công đức.

Kia nên biết lại có 4, là lại có 4 thứ chân thật: 1. Thế gian chân thật. 2. Đạo lý chân thật. 3. Phiền não chướng tịnh trí sở hành chân thật. 4. Sở tri chướng tịnh sở hành chân thật.

Thế gian chân thật, là tất cả thế gian trong các việc do tập quán được ngộ nhập tri kiến, cùng thi thiết thế tục tính. Như đối với địa là chỉ là địa, chẳng phải hỏa. Cũng vậy, đối với thủy, hỏa, phong, sắc, thanh, hương, vị, xúc, ấm thực, y phục, xe cộ, các thứ trang sức, và các vật hương hoa thoa mình, ca vũ, âm nhạc, bạn bè, nam nữ, các hạnh oai nghi, ruộng vườn nhà cửa, của cải và khổ vui v.v... Đối với khổ là khổ chẳng phải vui. Đối với vui là vui chẳng phải khổ. Lại nữa, nếu nói vắng tất thì đây là đây chẳng phải kia. Cũng vậy, nói kia là kia chẳng phải gì khác. Nếu sự thế gian hữu tình quyết định thắng giải sở hành, tất cả thế gian từ xưa truyền lại danh ngôn quyết định tự tha phân biệt đều là chân thật chẳng phải tà tư cấu quan sát mà lấy, gọi là thế gian chân thật.

Đạo lý chân thật, nghĩa là chính trí là có nghĩa đạo lý. Những người thông duệ, những người có trí tuệ kiệt kiệt, những người suy

tìm, những người thẩm xét, những hành giả tùy theo quán sát, dựa vào hiện, tỷ cho đến thánh giáo 3 lượng, trí hết sức khéo léo quyết trách hành sự biết sự để chứng thành đạo lý kiến lập, cho nên gọi là đạo lý chân thật.

Phiền não chướng tịnh trí sở hành chân thật, nghĩa là tất cả Thanh Văn, Độc Giác vô lậu phương tiện trí, vô lậu chính trí, vô lậu hậu sở đắc thế gian trí v.v... sở hành cảnh giới, thì gọi là phiền não chướng tịnh trí sở hành chân thật.

Hỏi: Trong đây cái gì là chân thật?

Đáp: Là khổ tập diệt đạo hiển thị 4 thứ thánh đế. Do giản trách 4 thánh đế như vậy nên được nhập hiện quán vị. Trong hiện quán vị sinh chân thật trí.

Sở tri chướng tịnh trí sở hành chân thật, nghĩa là ở trong sở tri có thể chướng ngại trí, nên gọi là sở tri chướng. Nếu tính chân thật là trí giải thoát sở tri chướng sở hành cảnh giới thì gọi là sở tri chướng tịnh trí sở hành chân thật.

Đây là thế nào? Nghĩa là chư Bồ-tát, Phật, Bạc-già-phạm vì nhập pháp giới vô ngã và người đã nhập cực thanh tịnh, y vào tất cả pháp, lìa tự tính ngôn thuyết, giả nói tự tính, trí bình đẳng không phân biệt sở hành cảnh giới, gọi là tính rốt ráo sở tri tối thắng chân như vô thượng. Cái tính này lựa chọn tất cả chính pháp, không thể hồi chuyển, không thể vượt quá, thì gọi là sở tri chướng tịnh trí sở hành chân thật.

Bốn thứ tầm tư, là: 1. Danh tầm tư. 2. Sự tầm tư. 3. Tụ thể giả lập tầm tư. 4. Sai biệt giả lập tầm tư.

Danh tầm tư, nghĩa là chư Bồ-tát đối với danh chỉ thấy có danh. Sự tầm tư, nghĩa là chư Bồ-tát đối với sự chỉ thấy có sự. Tụ thể giả lập tầm tư, nghĩa là chư Bồ-tát đối với tụ thể giả lập chỉ thấy có tụ

thể giả lập. Sai biệt giả lập tâm tư, nghĩa là chư Bồ-tát đối với tự thể giả lập chỉ thấy có tự thể giả lập, thì gọi là sai biệt giả lập tâm tư. Chư Bồ-tát đối với 2 thứ danh và sự, hoặc lìa tướng quán, hoặc hợp tướng quán. Y vào danh và sự hợp quán, nên thông đạt tự thể giả lập sai biệt giả lập.

Bốn thứ như thật trí, là: 1. Danh tâm tư sở dẫn như thật trí. 2. Sự tâm tư sở dẫn như thật trí. 3. Tự thể giả lập tâm tư sở dẫn như thật trí. 4. Sai biệt giả lập tâm tư sở dẫn như thật trí.

Danh tâm tư sở dẫn như thật trí, là do các Bồ-tát đối với danh tâm tư chỉ có danh mà thôi. Đối với danh hiểu rõ như thật, là danh này là nghĩa này. Cho nên trong việc này kiến lập là khiến thế gian khởi tướng thấy ngôn thuyết. Nếu đối với sắc v.v...trong sở tướng, không vì kiến lập sắc v.v...các danh thì tất cả thế gian không có cái năng tướng này. Thế thì sắc v.v...nếu không tướng sẽ không có khả năng khởi tăng ích chấp trước. Nếu không chấp trước thì không có ngôn thuyết. Nếu hiểu rõ như thật như vậy thì gọi là đệ nhất danh tâm tư sở dẫn như thật trí.

Sự tâm tư sở dẫn như thật trí, là do các Bồ-tát đối với sự tâm tư, chỉ có sự mà thôi. Như thật hiểu rõ sắc v.v...tính sở tướng sự, lìa tất cả ngôn thuyết không thể có ngôn thuyết, thì gọi là đệ nhị sự tâm tư sở dẫn như thật trí.

Tự thể giả lập tâm tư sở dẫn như thật trí, là do các Bồ-tát đối với sắc v.v...sở tướng sự. Trong tự thể giả lập, tâm tư chỉ có giả lập. Cho nên thông đạt như thật cái tự thể giả lập chẳng phải thật. Tự thể của sự ấy hiển hiện tự thể tương tự của sự ấy. Lại có thể hiểu rõ tự thể của sự ấy có thể tính tương tự như biến hóa, ảnh tượng, tiếng vang, bóng sáng, trăng dưới nước, sóng nắng, chiêm bao, ảo hóa. Đó gọi là đệ tam tự thể giả lập tâm tư sở dẫn trí như thật nghĩa sâu xa của cảnh sở hành.

Sai biệt giả lập tâm tư sở dẫn như thật trí, là do các Bò-tát đối với sai biệt giả lập tâm tư chỉ có tính giả lập, nên đối với sắc v.v... trong sai biệt giả lập sở tưởng sự khéo có thể thông đạt nghĩa không hai. Nghĩa là các sự ấy chẳng phải hữu tính chẳng phải không tính. Do có thể nói tự thể không thành tựu, nên chẳng phải hữu tính. Do không thể nói tự thể thành tựu, nên chẳng phải vô tính. Cũng như vậy, chẳng phải hữu sắc như trắng nghĩa đế, chẳng phải vô sắc như sắc giả lập trong thế tục đế. Như hữu tính vô tính, hữu sắc vô sắc, cũng vậy hữu kiến vô kiến v.v... các pháp môn sai biệt giả lập kia tất cả là do lý thú đã hết. Nếu có thể hiểu rõ như thật cái nghĩa không hai của sai biệt giả lập như vậy, thì gọi là đệ tứ sain biệt giả lập tâm tư sở dẫn như thật trí.

Như vậy đã nói rõ sở nhập sự, năng nhập nhân và năng nhập.

Tụng nói:

*Ba tự thể thành lập,
 Nghiệp sai biệt ẩn kín.
 Phương tiện gồm khác biệt,
 Là đều có đa chủng.*

Luận nói: Ba thứ tự thể kia thành lập sai biệt về nghiệp dụng, ẩn kín, phương tiện bao gồm đều có nhiều thứ khác biệt. Sự thành lập đa chủng ấy như sẽ nói rõ trong Phẩm thành vô tính.

Sai biệt là gì?

Hỏi: Tự thể của biến kế sở chấp có mấy thứ?

Đáp: Như trong tự thể y tha khởi có giả lập tự thể sai biệt. Tự thể của biến kế sở chấp cũng như vậy. Cho nên tự thể của biến kế sở chấp là không hạn lượng. Lại nữa, trong tự thể của y tha khởi, phân biệt có 2 thứ tự thể của biến kế sở chấp. Nghĩ là tùy thắng giác và tùy số tập của tập khí tùy miên.

Hỏi: Tụ thể của y tha khởi có mấy thứ?

Đáp: Như các tướng có đa chủng sai biệt. Nghĩa là sắc tướng, tâm tướng, tâm pháp tướng, tâm bất tương ưng tướng v.v... Lại nữa, nếu nói sơ lược thì có 2 thứ. Tụ thể của y tha khởi, là phân biệt khởi và phi phân biệt khởi của tụ thể biến kế sở chấp.

Hỏi: Tụ thể của viên thành thật có mấy thứ?

Đáp: Tụ thể của viên thành thật, trong tất cả mọi nơi, chỉ có một vị, cho nên không thể thiết lập sai biệt.

Nghiệp là gì?

Hỏi: Tụ thể của biến kế sở chấp có thể tạo tác bao nhiêu nghiệp?

Đáp: Có 5 thứ: 1. Có thể sinh tụ thể của y tha khởi. 2. Tức ở trong đó khởi các ngôn thuyết. 3. Có thể sinh chấp chúng sinh. 4. Có thể sinh pháp chấp. 5. Có thể nhiếp thụ 2 chấp tập khí thô nặng.

Hỏi: Tụ thể của y tha khởi có thể tạo tác bao nhiêu nghiệp?

Đáp: Có 5 thứ: 1. Có khả năng sinh các thể tạp nhiễm. 2. Có khả năng làm sở y cho tụ thể của biến kế sở chấp và tụ thể của viên thành thật. 3. Có khả năng làm sở y cho chúng sinh chấp. 4. Có khả năng làm sở y cho pháp chấp. 5. Có khả năng làm sở y cho 2 chấp tập khí thô nặng.

Hỏi: Tụ thể của viên thành thật có thể tạo tác bao nhiêu nghiệp?

Đáp: Có 5 thứ. Nghĩa là có thể làm 2 thứ 5 nghiệp đối trị sinh khởi tính sở duyên.

Ẩn kín, nghĩa là tùy theo 3 thứ nghĩa của tụ thể giải thích tất cả kinh không liễu nghĩa. Bởi vì trong vô lượng kinh, ngôn ngữ ẩn giấu bí mật của tất cả Như Lai, ngôn ngữ ẩn giấu bí mật của tất cả Bồ-tát đều tùy theo 3 thứ tụ thể mới có thể ngộ nhập nghĩa kia.

Hỏi: Như trong kinh nói 3 môn giải thoát, kiến lập như thế nào?

Đáp: Vì do 3 tự thể. Nghĩa là do tự thể biến kế sở chấp, nên thiết lập không giải thoát môn. Do tự thể y tha khởi, nên thiết lập vô nguyên giải thoát môn. Do tự thể viên thành thật, nên thiết lập vô tướng giải thoát môn.

Hỏi: Như trong kinh nói vô sinh pháp nhẫn, kiến lập như thế nào?

Đáp: Vì do 3 tự thể. Nghĩa là do tự thể biến kế sở chấp, nên nói bản lai vô sinh nhẫn. Do tự thể y tha khởi, nên nói tự nhiên vô sinh nhẫn. Do tự thể viên thành thật, nên nói phiền não khổ cấu vô sinh nhẫn. Ba thứ nhẫn này ở nơi bất thoái chuyển địa. Do các nghĩa sai biệt như vậy, nên đối với tất cả ngôn ngữ ẩn giấu bí mật đều phải tùy theo 3 tự thể mà giải thích.

Phương tiện, nghĩa là hiểu rõ 3 thứ tự thể như vậy, có thể tạo phương tiện vô thượng chính đẳng Bồ-đề cho tất cả Thanh Văn, Độc Giác.

Nhiếp, nghĩa là 3 thứ tự thể và tướng, danh, phân biệt v.v...5 việc gồm vào nhau.

Hỏi: Như vậy 5 việc, sơ tự thể gồm có bao nhiêu việc?

Đáp: Không.

Hỏi: Đệ nhị tự thể gồm bao nhiêu việc?

Đáp: Bốn.

Hỏi: Đệ tam tự thể gồm bao nhiêu việc?

Đáp: Một.

Khác biệt, nghĩa là tự thể biến kế sở chấp chỉ có chính ứng tri. Tự thể y tha khởi là ứng tri và ứng đoạn. Tự thể viên thành thật là ứng btri và ứng tác chứng. Như vậy là ngộ nhập tục đế thắng nghĩa đế rồi.

Tụng nói:

*Nghe mười hai phần giáo,
Ba tối thắng quy y.
Ba học ba Bồ-đề,
Là hữu tình tịnh thuyết.*

Luận nói: Nghe 12 phần giáo, nghĩa là nghe thánh giáo: khế kinh, ứng tụng, ký biệt, phúng tụng, tụng thuyết, duyên khởi, thí dụ, bản sự, bản sinh, phương quảng, vị tăng hữu, pháp luận nghị.

Khế kinh, nghĩa là trong các kinh Phật Bạc-già-phạm đối với nhiều lúc khác nhau, nhiều nơi khác nhau, dựa vào sự giáo hóa điều phục hữu tình khác nhau mà hoặc nói uẩn sở nhiếp pháp, giới sở nhiếp pháp, hoặc nói duyên khởi sở nhiếp pháp, hoặc nói thực sở nhiếp pháp, đế sở nhiếp pháp, hoặc nói Thanh Văn, Độc Giác, Như Lai sở nhiếp pháp, hoặc nói niệm trụ, chính đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi, đạo chi sở nhiếp pháp, hoặc nói bất tịnh tức niệm, học chứng tịnh v.v... sở nhiếp pháp.

Như Lai nói những lời như vậy rồi, những người kết tập hoan hỷ kính thụ, vì muốn thánh giáo tồn tại lâu dài, nên dùng các danh, cú, tụng, thân hay đẹp, tùy theo sự phù hợp thứ tự kết tập, thứ tự đặt để, để có thể biên tập dẫn các nghĩa lợi, dẫn các phạm hạnh các thứ nghĩa hay tốt, nên gọi là khế kinh.

Ứng tụng, nghĩa là trong các kinh, hoặc ở đoạn giữa, hoặc ở sau cùng, dùng tụng làm rõ nghĩa trở lại, và những chỗ nói không liễu nghĩa trong các kinh, đó là ứng tụng.

Ký biệt, nghĩa là trong các kinh, ghi nhận những nơi sinh khác nhau của các đệ tử sau khi mạng chung, và trong các kinh nói rõ liễu nghĩa, đó là ký biệt.

Phúng tụng, nghĩa là trong các kinh không phải phân trường hàng trực thuyết, mà dùng câu kết thành hoặc 2 câu, hoặc 3 câu, hoặc 4 câu, hoặc 5 câu, hoặc 6 câu, gọi là phúng tụng.

Tự thuyết, nghĩa là trong các kinh không nêu họ tên người thỉnh hỏi, mà vì muốn chính pháp tồn tại dài lâu, và để thánh giáo tồn tại dài lâu, tự nhiên tuyên nói, gọi là tự thuyết.

Duyên khởi, nghĩa là trong các kinh nêu họ tên người thỉnh hỏi rồi mới vì hỏi mà nói, và có các Tì-nại-da có duyên khởi dạy biệt giải thoát giới kinh v.v..., đó là duyên khởi.

Thí dụ, nghĩa là trong các kinh có nói thí dụ. Nhờ thí dụ mà nghĩa được sáng tỏ, đó gọi là thí dụ.

Bản sự, nghĩa là nói rõ những việc tương ưng đời trước là bản sự.

Bản sinh, nghĩa là trong các kinh nói Như Lai ở trong các kiếp sinh tử quá khứ hành Bồ-tát hạnh, đó là bản sinh.

Phương quảng, nghĩa là trong các kinh nói rõ các Bồ-tát đạo có thể chứng vô thượng Bồ-đề, khiến các hành giả chứng được 10 lực, vô chướng trí v.v..., đó là phương quảng.

Pháp vị tăng hữu, nghĩa là trong các kinh nói rõ các công đức chung và không chung của chư Phật và các đệ tử Tì-khuru, Tì-khuru-ni, , Thúc-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca v.v..., và các pháp đặc thù tối thắng rất sâu khác, đó là pháp chưa từng có.

Luận nghị, nghĩa là tất cả Ma-đát-lí-ca A-tì-đạt-ma nghiên cứu giải thích nghĩa trong các kinh, đó gọi là luận nghị.

Như vậy trong 12 phần giáo có đầy đủ kinh tạng, luật tạng và A-tì-đạt-ma tạng. Trong đó nói kệ kinh, ứng tụng, ký biệt, phúng tụng, tự thuyết, thí dụ, bản sự, bản sinh, phương quảng, pháp vị tăng hữu là kinh tạng. Trong đó nói duyên khởi, là luật tạng. Trong đó nói luận nghị, là A-tì-đạt-ma tạng.

Ba tối thắng quy y, là quy về với Phật, pháp, tăng. Ba học, là tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học. Ba Bồ-đề, là Thanh Văn Bồ-đề, Độc Giác Bồ-đề, Vô thượng chính đẳng Bồ-đề.

Là hữu tình tịnh thuyết, nghĩa là vì khiến hữu tình được thanh tịnh, nên thứ tự nói 3 pháp là năng trì, phương tiện và quả. Năng trì, là nghe pháp và quy y. Phương tiện, là 3 học. Quả, là 3 Bồ-đề. Lại nữa, như vậy nghe pháp v.v... làm sao phân biệt?

Tụng nói:

*Nghe, quy, học Bồ-đề,
Sáu, ba, mười, hai, năm.
Theo thứ tự danh số,
Cần phải rộng phân biệt.*

Luận nói: Nghe 6 thứ phân biệt, là: 1. Y xứ. 2. Y nhiếp. 3. Y thanh tịnh. 4. Y hành. 5. Y lý thú. 6. Y nghĩa.

Y xứ, nghĩa là y vào 5 minh xứ: 1. Nội minh xứ. 2. Nhân minh xứ. 3. Thanh minh xứ. 4. Y phương minh xứ. 5. Công nghiệp minh xứ.

Y nhiếp, có 2 thứ là Thanh Văn tạng nhiếp và Bồ-tát tạng nhiếp.

Y thanh tịnh, nghĩa là 10 thứ thanh tịnh. Nói thanh tịnh có 5: 1. Nói giỏi nên nói. 2. Hiểu rõ câu văn nên nói. 3. Hết tất cả nghĩa sở tri nên nói như nghĩa sở tri. 4. Để phương tiện tu hành nên nói. 5. Có thể xuất ly tất cả khổ nên nói. Nghe thanh tịnh có 5: 1. Không có ý tìm lỗi nên nghe. 2. Vì ý cầu Niết-bàn nên nghe. 3. Hết sức thiện chí lắng nghe. 4. Y vào danh, cú, tự, thân nghĩa khéo phân biệt nghe. 5. Đem ý chân chính tu hành mà nghe.

Y hành, là 10 thứ pháp hành.

Y lý thú, là có 6 thứ lý thú. Tức là chân nghĩa lý thú, cho đến ý lạc lý thú. Trong đó 3 lý thú trước là do 3 lý thú sau giải thích theo. Nghĩa là do lià nhị biên lý thú tùy theo đó giải thích chân nghĩa lý thú. Do bất tư nghị lý thú, tùy theo đó giải thích chứng đắc lý thú. Do ý lạc lý thú, tùy theo đó giải thích giáo đạo lý thú. Trong đó chân nghĩa tức là lý thú, cho nên gọi là chân nghĩa lý thú. Cho đến ý lạc tức

là lý thú, nên gọi là ý lạc lý thú. Ở những nơi kia không có tính điên đảo, đó là nghĩa của lý thú.

Chân nghĩa lý thú, lược có 6 thứ. Tức là thể gian chân thật, cho đến sở tri chướng tịnh trí sở hành chân thật, và an lập chân thật phi an lập chân thật. Trong đó 4 thứ chân thật trước, như trước đã phân biệt.

An lập chân thật, nghĩa là 4 thánh đế. Khổ chân thật là khổ, nên an lập là khổ. Cho đến đạo chân thật là đạo, nên lập là đạo.

Hỏi: Vì nhân duyên gì gọi là an lập?

Đáp: Vì do 3 thứ tục an lập: 1. Do thể gian là tục. 2. Do đạo lý là tục. 3. Do chúng đắc là tục.

Thể gian là tục, nghĩa là an lập ruộng vườn, nhà cửa, bình, bồn, quần, lâm, số v.v..., và an lập ngã, hữu tình v.v...

Đạo lý là tục, nghĩa là an lập uẩn, giới, xứ v.v...

Chúng đắc là tục, nghĩa là an lập quả dựn lưu v.v..., và an lập pháp làm chỗ kia y trụ. Lại có 4 thứ an lập, nghĩa là 3 thứ trước và do thắng nghĩa tục an lập. Tính thắng nghĩa để không thể an lập, do nội tự sở chứng. Vì muốn tùy thuận dẫn sinh trí kia mà y tục an lập. Phi an lập chân thật, là thật tính chân như của tất cả pháp.

Chúng đắc lý thú, lược có 4 thứ: 1. Tất cả hữu tình nghiệp báo chúng đắc. 2. Thanh Văn thừa chúng đắc. 3. Độc Giác thừa chúng đắc. 4. Đại thừa chúng đắc.

Tất cả hữu tình nghiệp báo chúng đắc, nghĩa là tất cả hữu tình tạo tác nghiệp tịnh bất tịnh, y theo nghiệp của mình mà lưu chuyển trong 5 nơi đến, cảm các thứ dị thực, nhận lấy các thứ dị thực.

Thanh Văn thừa chúng đắc, nghĩa là bắt đầu thụ 3 quy y cho đến khi y chỉ, nghe đạo trang nghiêm nên được 5 thứ chúng đắc là: 1. Địa chúng đắc. 2. Trí chúng đắc. 3. Tịnh chúng đắc. 4. Quả chúng đắc. 5. Công đức chúng đắc.

Địa chứng đắc, là được 3 địa: kiên địa, tu địa, cứu cánh địa. Trí chứng đắc, là được 9 trí: 1. Pháp trí. 2. Chủng loại trí. 3. Khổ trí. 4. Tập trí. 5. Diệt trí. 6. Đạo trí. 7. Từ đây trở đi được tục trí. 8. Tận trí. 9. Vô sinh trí. Tịnh chứng đắc, là 4 chứng tịnh. Quả chứng đắc, là 4 quả Sa-môn. Công đức chứng đắc, là vô lượng các công đức giải thoát thắng xứ, biến xứ, vô tránh, nguyện, trí, vô ngại giải, thần thông v.v... Lại nữa, trong Thanh Văn thừa chứng đắc, chứng đắc y chỉ, nghĩa là trước tu thể gian đạo ly dục, tiếp tu thuận giải thoát phần thiện căn, sau tu quyết trạch phần thiện căn.

Độc Giác thừa chứng đắc, lược có 3 thứ: 1. Do trước đã được thuận quyết trạch phần thiện căn. 2. Do trước đã được vô lậu chân chứng. 3. Do thứ tự được. Trong đây, do 2 chứng đắc trước, gọi là phi độc thắng giác, do chứng đắc sau gọi là tê giác dụ giác.

Đại thừa chứng đắc, nghĩa là đại bi chứng đắc, phát tâm chứng đắc, Ba-la-mật-đa chứng đắc, nhiếp sự chứng đắc, địa chứng đắc, trong 5 vô lượng tùy chí chân như chứng đắc, bất tư nghị oai đức chứng đắc, bất cộng Phật pháp chứng đắc, tất cả như trước phân biệt.

Giáo đạo lý thú, sơ lược gồm vào 3 chỗ: 1. Gồm trong tạng. 2. Gồm trong Ma-đát-lí-ca. 3. Gồm trong cả hai.

Gồm trong tạng, là tạng Thanh Văn thừa và tạng Đại thừa. Gồm trong Ma-đát-lí-ca, là gồm trong 17 bản địa và 4 thứ. Gồm trong cả hai, là lược có 10 thứ, như 10 thứ nghĩa trong nghĩa phân biệt ở trước. Nên biết gồm này, tất cả gồm trong tạng và gồm trong Ma-đát-lí-ca nên gọi là tổng, còn lược là Ma-đát-lí-ca.

Lại có 12 thứ giáo: 1. Sự giáo, nghĩa là nói rõ riêng biệt tất cả pháp giáo như sắc v.v..., nhãn v.v... 2. Tướng sai biệt giáo, nghĩa là nói rõ uẩn, giới, xứ, duyên khởi, thị xứ phi xứ, các căn, các đế, niệm trụ, hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối v.v... Như vậy nói rộng vô lượng tướng sai biệt giáo của Phật Bạc-già-phạm.

3. Tụ tông quán sát giáo, nghĩa là khế kinh, ứng tụng, ký biệt v.v... các giáo, dựa vào các hiển thị trong giải thích. 4. Tha tông quán sát giáo, nghĩa là dựa vào 7 thứ nhân minh, chiết phục phá các luận khác, thành lập giáo nghĩa luận lý của mình. Bảy thứ nhân minh là luận thể, luận xứ sở v.v...sau sẽ phân biệt. 5. Bất liễu nghĩa giáo, nghĩa là trong khế kinh, ứng tụng, ký biệt v.v... Bạc-già-phạm lược nêu các nghĩa, chưa phân biệt rộng, sau sẽ khai thị giáo hóa. 6. Liễu nghĩa giáo, nghĩa là ngược lại với trước. 7. Tục đế giáo, nghĩa là các đường lối nói năng hiển thị, tất cả đều là tục đế. Lại nữa, dựa vào tên gọi, tưởng tượng, ngôn ngữ nói năng, tăng thượng mà khởi tướng, gọi là phân biệt., cũng là tục đế. 8. Thắng nghĩa đế giáo, nghĩa là giáo nghĩa của 4 thánh đế và pháp tính chân như thật tế. 9. Ẩn mật giáo, nghĩa là đa phần là tạng giáo Thanh Văn. 10. Hiển liễu giáo, nghĩa là đa phần là tạng giáo Đại thừa. 11. Khả ký sự giáo, nghĩa là như 4 thứ pháp của giáo nghĩa Ôn-đà-nam. Tức là tất cả hành vô thường, cho đến Niết-bàn tịch tĩnh v.v., các giáo nghĩa như vậy. 12. Bất khả ký sự giáo, nghĩa là như có người hỏi thế gian là thường hay vô thường. Lúc bấy giờ Như Lai mặc nhiên không ghi nhận câu hỏi, chỉ bảo người kia rằng ta nói việc này không thể ghi nhận. Vì có 4 nhân duyên: 1. Không có thể tính, nên không thể ghi nhận. Chẳng hạn như hỏi ta và các uẩn là khác hay không khác, là thường hay vô thường v.v... 2. Có thể đưa đến sự vô nghĩa không ích lợi, nên không thể ghi nhận. Như Kinh Thắng Nhiếp Ba Lợi nói có vô lượng pháp ta đã chứng đắc giác ngộ mà không nói ra. Bởi vì sao? Vì những pháp đó có thể dẫn đến sự vô nghĩa không lợi ích. 3. Rất sâu, nên không thể ghi nhận. Nghĩa là như có người hỏi cái ta là có hay là không. Câu hỏi này không thể ghi nhận. Bởi vì sao? Nếu Như Lai ghi nhận cái ta là có, người kia sẽ chấp cho rằng trong uẩn có cái ta, hoặc chấp ngoài uẩn có cái ta. Nếu ghi nhận là không có cái ta, người kia sẽ hoặc chê ngôn thuyết thể tục nói cái ta cũng là không, cho đến hỏi Như Lai sau khi diệt độ là có hay là không, là cũng có hay cũng không, là chẳng phải có hay

chẳng phải không v.v... Vì nghĩa lý rất sâu nên không ghi nhận. 4. Tướng của pháp là như vậy, nên không thể ghi nhận. Nghĩa là chân như của các pháp với các pháp ấy, là một hoặc là khác không thể ghi nhận. Bởi tướng của các pháp là như như, không thể an lập. Hoặc là vì tính khác, hoặc tính không khác, cho nên lại có 4 thứ nhân duyên Như Lai nói không thể ghi nhận: 1. Do việc này là ngoại đạo nói. 2. Vì không đúng lý. 3. Không đưa đến nghĩa lý và sự lợi ích. 4. Chỉ có thể gây tranh luận mà thôi. Có 2 nguyên nhân không đem lại nghĩa lý và sự lợi ích, một là tách rời tư duy nhân quả, hai là tách rời tư duy tạp nhiễm thanh tịnh.

Ly nhị biên lý thú, sơ lược có 6 thứ: 1. Xa lìa bên tăng ích đối với không thật hữu. 2. Xa lìa bên tổn giảm đối với chân thật hữu. 3. Xa lìa bên chấp thường. 4. Xa lìa bên chấp đoạn. 5. Xa lìa bên thụ dụng dục lạc. 6. Xa lìa bên thụ dụng tự khổ.

Bất khả tư nghị lý thú, lược nói có 6 thứ không thể nghĩ bàn: 1. Cái ta là không thể nghĩ bàn. 2. Hữu tình là không thể nghĩ bàn. 3. Thế gian là không thể nghĩ bàn. 4. Tất cả nghiệp báo của hữu tình là không thể nghĩ bàn. 5. Chúng tĩnh lự và cảnh giới tĩnh lự là không thể nghĩ bàn. 6. Chư Phật và cảnh giới chư Phật là không thể nghĩ bàn.

Ý lạc lý thú, lược nói có 16 thứ ý lạc: 1. Khai thị ý lạc. 2. Ly dục ý lạc. 3. Khuyến đạo ý lạc. 4. Tưởng lệ ý lạc. 5. Tán duyệt ý lạc. 6. Linh nhập ý lạc. 7. Trừ nghi ý lạc. 8. Thành thực ý lạc. 9. An định ý lạc. 10. Giải thoát ý lạc. 11. Y biệt nghĩa ý lạc. 12. Hành giả phát chứng, ý lạc hoan hỷ không lỗi. 13. Khiến hành giả nghe pháp khởi ý lạc tôn trọng pháp sư. 14. Pháp nhãn lưu bố ý lạc. 15. Khéo thêm rộng tăng trưởng ý lạc. 16. Ý lạc xô ngã tất cả tướng.

Y nghĩa, nghĩa là bất liễu nghĩa và liễu nghĩa.

Phân biệt 3 thứ quy y, là: 1. Thành tựu. 2. Kiến lập. 3. Sai biệt. Thành tựu, nghĩa là chỉ có Phật, pháp, tăng là chân thật quy y, không

phải các hạng trời v.v... Bởi vì sao? Do 2 nhân, một là không có năng lực, hai là không hiện thấy.

Thế nào là không có năng lực? Nghĩa là chư thiên thần không có năng lực làm việc lợi ích chư chúng sinh. Các thiên thần này hoặc vì không có năng lực, hoặc đợi người cung kính, hoặc không chịu được khổ nhọc, hoặc không có từ bi, hoặc có trở ngại. Như vậy tất cả không phải chân thật quy y. Nghĩ là vì không năng lực, vì rơi vào thiên lệch, tránh né sự khổ nhọc vì không tự do tự tại, vì không có tình thương, vì thiếu đức,

Thế nào là không hiện thấy? Nghĩa là chư thiên thần chẳng phải đối tượng thấy hiện chứng. Thế gian chưa thấy, không hiện thấy chủ thể có thể làm chỗ dựa, chỉ trừ có tin và tiếp nhận mà thôi. Ngoài ra gọi là hiện thấy để làm chỗ dựa đều không thấy được.

Hỏi: Thấy trong chiêm bao cũng quy y được chăng?

Đáp: Dục và tưởng mà thấy, nên thật mà không thật. Lại nữa, khi tỉnh dậy nào có thấy gì đâu? Tuy trong chiêm bao có thoáng thấy tướng thật, nhưng tướng này cũng do dục và tưởng tạo ra. Lại nữa khi các duyên hiện tiền khiến ở trong chiêm bao thoáng thấy, phần nhiều là cũng hư vọng. Lại nữa do 5 thứ nhân khiến các thiên thần không phải đối tượng để quy y. Những gì là 5? 1. Do tướng. 2. Do thể. 3. Do nghiệp. 4. Do pháp nhĩ. 5. Do nhân quả.

Do tướng, nghĩa là chư thiên thần người đời không hiện thấy, không cùng đàm luận được. Hình mạo có vẻ uy hiếp đáng sợ. Có tập nhiễm, phóng dật, tham ái. Bỏ lợi ích người khác, không có tình thương. Không có khả năng hiểu rõ sự tạo tác và không tạo tác, không thấu hiểu thật nghĩa. Cho nên không thể quy y.

Tướng như thế nào mà Phật thì có thể quy y? Nghĩa là vì thế gian hiện thấy, có đàm luận. Hình mạo hòa nhã bình tĩnh không có gì đáng sợ. Xa lìa phóng dật, không tham ái. Không bỏ việc lợi người,

có lòng đại bi. Khéo hiểu rõ sự tạo tác và không tạo tác thông đạt thật nghĩa. Lại nữa do 5 tướng của Phật có thể quy y. Những gì là 5? Vì lợi hữu tình chúng Đại Bồ-đề. Vì ở trong đại chúng khai chính pháp nhãn. Vì lợi ích hữu tình bình đẳng không oán thân. Nhận thụ đối với tất cả mọi nhà lia bỏ sự tham đắm, các căn vắng lặng. Khéo trừ lưới nghi cho tất cả chúng sinh.

Do thế, nghĩa là do Như Lai vĩnh đoạn các lậu, tự chế ngự mình và chế ngự người khác nên có thể quy y. Chư thiên thần v.v... có đủ các lậu, nên không tự chế ngự được mình huống chi chế ngự người khác, cho nên không phải chỗ quy y.

Do nghiệp, nghĩa là Như Lai an trụ nơi nghiệp quảng đại vô cấu tinh lự v.v... Lại còn có thể làm nghiệp lợi ích chúng sinh, nên có thể quy y. Chư thiên thần v.v... an trụ nghiệp uế trước, hạ đẳng, thụ dụng dục. Lại có nghiệp sát hại các chúng sinh, cho nên không phải chỗ quy y.

Do pháp nhĩ, nghĩa là công đức thắng lợi của tất cả thế gian và xuất thế gian, đều do công dụng chính mình mà được. Nếu lia công dụng chính mình thì tuy đối với thiên thần khởi tâm tin kính cũng không thể chứng được. Còn dấu không tin kính thiên thần mà chỉ do dụng công chính mình chắc chắn có thể chứng đắc. Vì vậy cho nên thiên thần không phải chỗ quy y.

Do nhân quả, nghĩa là nay hỏi về việc phụng sự thiên thần, thể tính của thiên thần là do thiên nghiệp cảm được hay do cúng dường thiên thần mà được, hay do không có nhân mà được? Nếu do thiên nghiệp mà được thì hãy quy về nghiệp chẳng phải trời. Nếu không nhân mà được thì hãy quy về không nhân chẳng phải trời. Nếu cúng dường thiên thần mà được thì vì chỉ nhân cúng dường cảm thiên thần thể, hay là chỉ nhân thiên thần, hay là nhân 2 thứ? Nếu chỉ nhân cúng dường thì phụng sự thiên thần vô ích, tùy cúng dường chỗ nào cũng đều cảm thiên báo. Nếu chỉ nhân thiên thần thì cúng dường vô ích, tuy không cúng dường chỉ do thiên thần cũng được thiên báo. Nếu

đủ 2 thứ nhân thì chỉ thiết lập cúng dường thiên thân liền tiếp nhận, mọi chỗ cầu nguyện đều được kết quả. Lại nữa, 7 thứ cầu nguyện, sẽ không đạt được quả nhất định cho nên không phải vậy: 1. Do cúng dường mà tiếp nhận. 2. Do tin hiểu mà tiếp nhận. 3. Do tin hiểu kia, phát khởi tin hiểu có thể cảm tự thể của thiên thân tối thắng. 4. Có thể cảm tối thắng thì được giàu có hạnh phúc. 5. Xô ngã A-tổ-lạc các oán địch. 6. Sự xuất sinh. 7. Kiến lập khi mạng chung.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ quy về?

Đáp: Do 4 nhân.

Chỉ có Như Lai là có thể quy về. Nghĩa là khéo tự điều phục, khéo hiểu tất cả phương tiện điều phục, vì dùng của cải cúng dường không làm đẹp ý, lấy sự tu hành cúng dường mới làm đẹp ý. Do đủ các đức này nên Như Lai thuyết pháp và chúng đệ tử mới quy y.

Hỏi: Tương đương với cái gì mới có thể gọi là quy về?

Đáp: Đủ 4 nhân gọi là có thể quy về: 1. Biết rõ có đức. 2. Biết rõ sai biệt. 3. Tự thệ thọ. 4. Không quy về nơi nào khác nữa.

Hỏi: Quy về thực hành như thế nào?

Đáp: Quy về có 4 thứ chính hạnh: 1. Gần gũi người thiện. 2. Nghe chính pháp. 3. Tác ý đúng lý. 4. Pháp tùy theo pháp hành. Lại có 4 thứ chính hạnh: 1. Khéo nhiếp hộ các căn khiến không trạo động. 2. Thọ chính học xứ. 3. Thương yêu chúng sinh. 4. Thường xuyên đúng như pháp cúng dường Tam Bảo.

Hỏi: Quy thú Tam Bảo có lợi ích gì?

Đáp: Có 4 lợi ích: 1. Được công đức rộng lớn. 2. Được niềm hoan hỷ rộng lớn. 3. Được thắng đấng trì. 4. Được thiện thanh tịnh. Lại có 4 thứ lợi ích: 1. Đầy đủ sự hộ trì lớn. 2. Tất cả sự hiểu sai lệch, chướng ngại dần dần bớt đi rồi tiêu diệt hết. 3. Được nhập thông tuệ thắng đến trong chúng người thiện, gọi là đại sư đồng với chúng

phạm hạnh. 4. Vì tin thánh giáo nên được chư thiên yêu thích. Các chư thiên kia nếu thấy có người thụ tam quy thì sinh đại hoan hỷ bảo nhau rằng chúng ta xưa đều nhờ thành tựu tam quy, nên từ khi mạng chung sinh đến nơi này. Các thiện nam tử nay cũng thành tựu tam quy này, trụ không bỏ, không bao lâu sẽ là bạn của chúng ta.

Sai biệt, nghĩa là do 6 thứ nhân nên có Tam Bảo sai biệt: 1. Do tướng. 2. Do nghiệp. 3. Do tin hiểu. 4. Do tu hành. 5. Do tùy niệm. 6. Do sinh phúc.

Do tướng nên sai biệt, nghĩa là tự chứng giác tướng là Phật bảo, chứng giác quả tướng là pháp bảo, do tùy tha giáo chính tu hành tướng là tăng bảo.

Do nghiệp nên sai biệt, nghĩa là chuyển chính thuyết nghiệp là Phật bảo, phiền não khổ đoạn sở duyên cảnh nghiệp là pháp bảo, tăng cần dũng nghiệp là tăng bảo.

Do tin hiểu nên sai biệt, nghĩa là đối với Phật bảo nên thân cận cung kính, đối với chính pháp bảo nên tin kính tác chứng, đối với tăng bảo nên đồng pháp cộng trụ kính tín thân cận.

Do hành nên sai biệt, nghĩa là đối với Phật bảo nên mời thỉnh nghinh tiếp, thừa sự cúng dường, đối với chính pháp bảo nên khởi phương tiện tu tập hành trì đúng như lý, đối với chư tăng bảo nên khởi tâm cộng thụ dụng tài pháp.

Do tùy niệm nên sai biệt, nghĩa là đối với Tam Bảo nên khởi tùy niệm riêng biệt. Như trong kinh nói đức Bạc-già-phạm Như Lai ứng chính đẳng giác ... cho đến nói rộng.

Do sinh phúc nên sai biệt, nghĩa là đối với Phật bảo y nơi một hữu tình sinh phúc tối thắng, đối với chính pháp bảo, y nơi tăng thượng pháp sinh phúc tối thắng, đối với chư tăng bảo, y nơi nhiều hữu tình sinh phúc tối thắng.

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỀN 7

Phẩm 2 - 3: NHIẾP TỊNH NGHĨA

Luận nói: Học 12 thứ phân biệt là: 1. Sai biệt phân biệt. 2. Sinh khởi phân biệt. 3. Đối khác phân biệt. 4. Năng trị sở trị phân biệt. 5. Năng dẫn thắng, sinh định thắng phân biệt. 6. Thuận pháp phân biệt. 7. Bỏ-đặc-già-la phân biệt. 8. Hạ trung thượng phân biệt. 9. Du-già phân biệt. 10. Tác ý phân biệt. 11. Dẫn phát phân biệt. 12. Hỏi đáp phân biệt.

Sai biệt phân biệt, nghĩa là phân biệt 3 học sai biệt tăng thượng giới học. Sai biệt là như trong kinh nói nếu chư Tì-khuru trụ Thi-la thành tựu, giữ biệt giải thoát luật nghi, phép tắc hành trì đều đầy đủ, đối với tội vi tế thấy rất sợ hãi sâu sắc, thụ học học xứ, gọi là giới đầy đủ. Trong đây trụ Thi-la thành tựu, nghĩa là đối với những học xứ đã thụ, không phạm thân nghiệp, không phạm ngữ nghiệp, không phá không lập, như vậy là trụ Thi-la thành tựu.

Giữ gìn biệt giải thoát luật nghi, nghĩa là 7 chúng Thi-la, gọi là biệt giải thoát luật nghi. Tức đây là sai biệt Thi-la của các chúng, nên thiết lập nhiều thứ luật nghi. Nghĩa trong đây chỉ dựa vào tướng luật nghi của Tì-khuru mà nói. Đó gọi là thủ biệt giải thoát luật nghi.

Phép tắc đầy đủ, nghĩa là trong oai nghi, hoặc trong tác nghiệp, hoặc trong phương tiện tu thiện phẩm phép tắc đầy đủ, hoặc tùy

thuận thế gian không trái thế gian, tùy thuận Tì-nại-da không trái Tì-nại-da.

Thế nào là trong oai nghi đầy đủ phép tắc, tùy thuận không trái thế gian và Tì-nại-da? Nghĩa là lúc như vậy, nơi như vậy thì nên làm, và nên làm như vậy tức là lúc đó, nơi đó làm đúng như vậy sẽ không bị thế gian chê trách, và không bị những người thông tuệ chí thiện, những người đồng pháp, người giữ luật, người học luật chê trách. Như đi đứng ngồi nằm cũng như vậy.

Thế nào là trong tác nghiệp đầy đủ phép tắc, tùy thuận không trái thế gian và Tì-nại-da? Nghĩa là mặc áo, đại tiểu tiện, dùng nước, chải răng, vào làng khát thực, trở về dùng cơm, rửa bát, cất bát, rửa chân, trải nệm. Hoặc như sơ lược nói tác bát y nghiệp và các tác nghiệp khác đúng như pháp, gọi là sở tác. Nếu thích hợp nên làm thì lúc đó nơi đó nên làm và nên làm như vậy. Tức là lúc đó nơi đó làm đúng như vậy sẽ không bị thế gian chê trách, và không bị những người thông tuệ chí thiện, những người đồng pháp, người giữ luật, người học luật chê trách. Như vậy là trong chỗ tác nghiệp đầy đủ phép tắc tùy thuận không trái thế gian và Tì-nại-da.

Thế nào là trong phương tiện tu thiện phẩm đầy đủ phép tắc tùy thuận không trái thế gian và Tì-nại-da? Nghĩa là đọc tụng kinh điển, hòa kính sư trưởng, tu tập đạo nghiệp chăm nom săn sóc tật bệnh, khởi từ tâm nói dữ dục, phương tiện tu tập, hỏi han đạo pháp, siêng năng không biếng trễ, đối với người đồng tu phạm hạnh các người thông tuệ thì tận tụy cung phụng, khuyến khích người tu hành thiện phẩm và vì họ nói rõ diệu pháp sâu xa. Vào nơi vắng vẻ yên lặng thì kết già phu tọa. Các thiện pháp như vậy gọi là phương tiện tu các thiện phẩm. Như vậy đối với phương tiện tu tập, như đã nói trong thiện phẩm, là lúc đó, nơi đó nên tu và tu như vậy. tức là lúc đó, nơi đó chính tu như vậy. Do tu như vậy nên không bị thế gian chê trách, và không bị người thông tuệ, người chân chính chí thiện, người đồng

pháp, người trì luật, người học luật chê trách. Như vậy gọi là trong phương tiện tu tập thiện phẩm đầy đủ phép tắc, thùy thuận không trái thế gian và Tì-nại-da. Những tướng phép tắc đầy đủ như vậy gọi là đầy đủ phép tắc.

Đầy đủ phép tắc đối với những nơi đi đến, nghĩa là có 5 nơi không phải nơi Tì-khuru được đến. Năm nơi là những nơi nào? 1. Nhà hát. 2. Nhà chứa. 3. Quán rượu. 4. Cung vua. 5. Nhà Chiên-đồ-la, nhà Yết-si-la, và những nơi Như Lai cấm không cho đi đến. Trừ những nơi ấy, ngoài ra đều có thể đi đến. Như vậy lúc đi đến những nơi không phạm lỗi, gọi là đầy đủ phép tắc với những nơi đi đến.

Đối với những tội vi tế cũng thấy rất lo sợ, nghĩa là phạm tiêu tùy, tiêu học xứ, phạm rồi có thể thoát xuất, đều gọi là tội vi tế. Lại nữa, nếu phạm rồi, dùng ít công có thể thoát xuất, gọi là tội vi tế.

Nếu ở trong đó thấy rất lo sợ, nghĩa là khiến ta nhân phạm này mà không được chỗ chưa được, ngộ chỗ chưa ngộ, chúng chỗ chưa chúng. Lại chớ khiến ta đọa nơi ác thú, khởi hạnh ác thú. Lại chớ khiến ta sau phải tự hồi trách. Lại chớ khiến đại sư, chư thiên, người thông tuệ đồng tu phạm hạnh dùng pháp quở trách. Lại chớ khiến tiếng xấu của ta lan truyền mười phương. Nhân thấy hiện pháp, hậu pháp như vậy là việc không vui nên sinh rất lo sợ. Vì như vậy cho nên đối với tiêu tùy, tiêu học xứ, cho đến mạng nạn nhân duyên hoàn toàn không cố phạm. Cho dầu bị mất niệm, hoặc có lúc phạm rồi mau mau hồi lỗi, như pháp thoát xuất. Như vậy gọi là đối với tội lỗi vi tế thấy rất lo sợ.

Thụ học học xứ, là trước khi thụ luật nghi biệt giải thoát, do bạch 4 yết-ma thụ cụ túc nên đại lược đã được nghe thể tính của học xứ, và trong Kinh Biệt Giải Thoát đã nói qua 150 học xứ. Chỉ tự thệ nguyện ta sẽ thụ học tất cả học xứ. Lại từ Ô-ba-đà-da, A-giá-lợi-da và nơi các người đàm luận, người cùng nhau vấn nạn, người thường tập cận, người hay đồng ý, thường nghe rồi. Lại nữa, mỗi nửa tháng

nghe thuyết Kinh Biệt Giải Thoát. Do như vậy thụ tất cả học xứ, nên gọi là được luật nghi biệt giải thoát. Từ nay về sau đối với các chỗ thiện học xứ không hủy phạm. Dầu có hủy phạm thì liền như pháp thoát xuất. Nếu trước đã thệ nguyện thụ học xứ nhưng không tốt không đạt thì phải như trước đã thụ. Lại ở nơi Ô-ba-đà-da, A-giá-lợi-da v.v... thường thường thỉnh vấn, nghe thụ khiến khéo thông đạt hiểu rõ. Như chư tôn đã nói, không tăng không giảm, khéo tu học rồi, không điên đảo thụ trì cho dù là vẫn là nghĩa. Như vậy gọi là thụ học học xứ.

Như vậy là đã nói rộng về sự sai biệt của Thi-la luật nghi. Nếu nói sơ lược nghĩa của chúng, tức là trong đây đức Bạc-già-phạm dùng 3 thứ tướng làm hiển thị giới uân: một là tướng không mất không hư hoại, hai là tướng tự thể, ba là tướng tự thể công đức. Trong đây như trước đã nói Thi-la thành tựu trụ là hiển thị cái tướng không mất không hư hoại của Thi-la luật nghi. Tiếp nói giữ biệt giải thoát luật nghi là hiển thị cái tướng của tự thể. Lại nói phép tắc ra làm đều đầy đủ là hiển thị như đã thụ biệt giải thoát luật nghi, quán sát các công đức tăng thượng của chúng nên gọi là tướng. Bởi vì sao? Vì do thấy tướng ra làm đầy đủ phép tắc, cho nên người chưa tin thì tin, người đã tin thì tăng trưởng. Vì người chưa tin dựa vào đây mà tin, nên tâm không hủy báng khinh chê, không lan truyền tiếng xấu. Nếu không như vậy thì dầu đầy đủ Thi-la nhưng vì việc làm vượt quá phép tắc nên không trông thấy công đức tăng thượng kia. Nếu ngược lại thì không có lỗi. Sau nói đối với tội vi tế thấy rất lo sợ thụ thụ học xứ, đây là hiển thị cái tướng gọi là quán sát công đức tự tăng thượng. Bởi vì sao? Tuy các việc làm đầy đủ phép tắc nên được gọi là quán tha tăng thượng công đức. Nhưng hủy Thi-la rồi, do nhân duyên ấy hoặc sinh nẻo ác, hoặc không thể được chỗ chưa được, ngộ chỗ chưa ngộ, chứng chỗ chưa chứng. Nếu có thể đối với các tội vi tế còn thấy lo sợ. Huống chi thượng phẩm lại thụ học học xứ. Do nhân duyên này, thân hoại mạng chung sinh về nẻo thiện. Lại có thể được chỗ

chưa được, ngộ chỗ chưa ngộ, chứng chỗ chưa chứng. Do duyên ấy nên gọi là tướng Thi-la luật nghi quán tự tăng thượng công đức.

Lại nữa trong đây đức Bạc-già-phạm hiển thị 3 thứ tính Thi-la: một là tính thụ Thi-la, hai là tính xuất ly Thi-la, ba là tính tu tập Thi-la.

Trước tiên nói Thi-la thành tựu trụ, là hiển thị tính thụ Thi-la. Tiếp nói giữ biệt giải thoát luật nghi, là hiển thị tính xuất ly Thi-la. Bởi vì sao? Bởi biệt giải thoát luật nghi gồm có Thi-la, gọi là tăng thượng giới học. Dựa vào tăng thượng giới học nên có thể tu tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học. Do dựa vào đây nên cho nên có thể khiến tất cả khổ hết vĩnh viễn và được xuất ly. Sự xuất ly như vậy, trước là dựa vào Thi-la thực hành, sau mới được. Cho nên biệt giải thoát luật nghi nói là tính xuất ly Thi-la. Sau nói phép tắc ra làm đều đầy đủ, đối với tội vi tế thấy rất lo sợ, thụ học học xứ, đây là hiển thị tính tu tập Thi-la. Nếu dựa vào tướng như vậy tu tập biệt giải thoát luật nghi Thi-la, thì gọi là tu tập, là khéo tu tập. Như thế gọi là phân biệt sự sai biệt của tăng thượng giới học.

Phân biệt sự sai biệt của tăng thượng tâm học là nếu Tì-khuru lìa dục, ác, bất thiện pháp, có tâm có tứ, lìa sinh hỷ lạc, sẽ trụ đầy đủ trong sơ tĩnh lự. Lại tầm tứ vắng lặng, trong biến khắp tịnh tâm, chỉ có một tính không tầm không tứ, Tam-ma-địa sinh hỷ lạc, sẽ trụ đầy đủ trong tĩnh lự thứ hai. Lại lìa hỷ, nên trụ xả niệm, chính biết thân thụ lạc, thánh giả nói rõ có trụ xả niệm lạc, nên sẽ trụ đầy đủ trong tĩnh lự thứ ba. Lại đoạn lạc, trước đã đoạn khổ và ưu hỷ hết, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh thì sẽ trụ đầy đủ trong tĩnh lự thứ tư. Nghĩa sai biệt này như trước đã nói. Đó là phân biệt sự sai biệt của tăng thượng tâm học.

Phân biệt sự sai biệt của tăng thượng tuệ học là nếu Tì-khuru đối với khổ thánh đế, biết khổ như thật, đối với tập thánh đế, biết tập như thật, đối với thánh đế diệt khổ, biết diệt như thật, đối với thánh đế thú

hành diệt khổ, biết thú hành như thật, đó gọi là phân biệt sự sai biệt của tầng thượng tuệ học.

Phân biệt sự sinh khởi, nghĩa là do Thi-la thành tựu nên không hối, do không hối nên sinh duyệt, sinh duyệt nên tâm hỷ, tâm hỷ nên thân an, thân an nên thụ lạc, thụ lạc nên tâm định, tâm định nên quán như thật, quán như thật nên khởi yếm, khởi yếm nên ly dục, ly dục nên giải thoát, giải thoát nên tự gọi là ta chứng giải thoát. Lại khởi tri kiến như thế này: Đòi ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thụ hậu hữu.

Phân biệt bằng sự chuyển, nghĩa là hoặc có tầng thượng giới học, không tầng thượng tâm, không tầng thượng tuệ. Hoặc có tầng thượng giới học, tầng thượng tâm học, không tầng thượng tuệ học. Nếu có tầng thượng tuệ học, ắt có tầng thượng giới và tầng thượng tâm.

Phân biệt năng trị sở trị, nghĩa là tầng thượng giới học là phiền não triền ngăn chặn chấm dứt đối trị. Tầng thượng tâm học là phiền não triền áp chế đối trị. Tầng thượng tuệ học là phiền não tùy miên vĩnh đoạn đối trị.

Phân biệt có thể dẫn thẳng sinh định thẳng nghĩa là tầng thượng giới học tầng thượng tâm học có thể dẫn thanh tịnh địa và thanh tịnh thẳng sinh. Tầng thượng tuệ học có thể dẫn xuất thế quyết định thẳng đức.

Phân biệt thuận pháp nghĩa là 10 thứ tùy thuận học pháp: 1. Nhân trước. 2. Thuận giáo. 3. Phương tiện như lý. 4. Ân cần quý trọng tu tập không gián đoạn. 5. Lạc dục mạnh mẽ nhạy bén. 6. Sức tu trì. 7. Thân tâm thô nặng an nghỉ. 8. Thường quán sát luôn. 9. Không khiếp sợ. 10. Không tăng thượng mạn.

Nhân trước, nghĩa là đòi trước căn thực và căn thành mãn. Thuận giáo là không điên đảo thứ lớp của giáo pháp. Phương tiện như lý là tu hành như giáo pháp. Khi tu trì như vậy có thể sinh chính

kiến. Trân trọng ân cần tu hành không gián đoạn nghĩa là khi phương tiện như vậy không bỏ luống qua, tu tập thiện phẩm và chí thành thì mau chóng dẫn phát thiện phẩm. Lạc dục mạnh mẽ nhạy bén, nghĩa là đối với tăng thuận giải thoát khỏi niêm chúng lạc dục rằng bao giờ ta sẽ chứng đầy đủ trụ xứ nơi chúng thánh. Sức tu trì là 2 nhân duyên được sức tu trì: một là tính lợi căn, hai là tu tập thuận thực thời gian lâu. Thân tâm thô nặng an nghỉ, nghĩa là nếu do quá tầm tứ mà khởi thân tâm thô nặng thì trong tu vắng lặng khiến được an ổn chấm dứt. Nếu do tự tính chưa đoạn phiền não, thuận phiền não phẩm thân tâm thô nặng theo đuổi không rời. Quán sát như vậy, sức tác ý tăng thượng nên thường xuyên quán sát tất cả phiền não đã đoạn chưa đoạn. Nếu biết đã đoạn phải hết sức vui mừng. Nếu biết chưa đoạn thì thường xuyên phải tu đạo đối trị này. Không khiếp sợ, nghĩa là trong mọi thời phải biết phải quán. Đối với pháp, do không biết, không quán, không chứng nhập nên sinh khiếp sợ. Tâm héo hắt, trống vắng, tâm thường phát sinh như vậy. Tâm không chấp trước, đoạn trừ xả bỏ, không tăng thượng mạn, nghĩa là trong chỗ được, chỗ ngộ, chỗ chứng, lia tăng thượng mạn, không chấp điên đảo. Đối với chỗ được khởi tưởng đã được, đối với chỗ ngộ khởi tưởng đã ngộ, đối với chỗ chứng khởi tưởng đã chứng. Như vậy 10 pháp lạc, người tu hành đúng các học xứ tuần tự theo các học xứ ban đầu, giữa rồi sau, cho nên gọi là tùy thuận học pháp. Trong 10 pháp này, trước tiên nhân một thứ tùy thuận tăng thượng giới học là hơn cả. Ngoài ra 9 thứ kia thì tùy thượng tâm học, tăng thượng tuệ học là hơn cả.

Phân biệt Bồ-đặc-già-la, nghĩa là 3 môn học này là chung cho các đệ sinh và người chưa kiến đế.

Phân biệt hạ trung thượng phẩm, nghĩa là do hành và phương tiện. Do hành nghĩa là khổ thông qua chậm là hạ phẩm học. Khổ thông qua mau và lạc thông qua chậm là trung phẩm học. Lạc thông qua mau là thượng phẩm học. Do phương tiện nghĩa là không ân cần

trân trọng phương tiện và không phương tiện tu tập không gián đoạn là hạ phẩm học. Theo một phương tiện tu tập là trung phẩm học. Đủ 2 phương tiện tu tập là thượng phẩm học.

Phân biệt Du-già, nghĩa là dựa vào 4 thứ chính học, học xứ của Du-già là một tín, hai dục, ba chính cần, bốn phương tiện.

Tín, là 2 hành tướng và 2 y xứ. Hai hành tướng là một nhẫn khả hành tướng, hai thanh tịnh hành tướng. Hai y xứ là một quán pháp đạo lý y xứ, hai tín hiểu oai đức của người làm y xứ. Dục có 4 thứ: một, dục là vì chúng đắc; hai, dục là vì hỏi han luận bàn; ba, dục vì chúng tư lương; bốn, dục vì tu phương tiện.

Dục vì chúng đắc, là như một người tu hành đối với thượng giải thoát khỏi ý muốn chúng, như trước đã nói rõ. Dục vì hỏi han luận bàn, là như một người tu hành đã khởi ý muốn chúng, đến Tăng già-lam gặp các thức giả, người đồng tu phạm hạnh, người có chính trí hỏi han điều chưa được nghe, và làm cho trong sáng hơn điều đã được nghe.

Dục vì chúng tư lương, là như có người tu hành đối với sự thanh tịnh trong Thi-la luật nghi, biết lượng trong ăn uống, giác ngộ trong phương tiện, chính tri trong trụ và trong thăng tiến, khởi chúng lạc dục. Dục vì tu phương tiện, là trong phương tiện không gián đoạn, trong phương tiện ân cần trân trọng, trong tu tập thánh đạo, sinh ý tưởng lạc dục mong cầu chúng đắc.

Chính cần có 4 thứ: một là vì nghe pháp, hai là vì tư duy, ba là vì tu tập, bốn là vì chường tịnh.

Vì nghe pháp, nghĩa là nghe chỗ chưa nghe, và đã nghe thì sáng tỏ, khích lệ trong tâm phương tiện tu tập chỗ chưa thông suốt. Vì tư duy, nghĩa là như chỗ đã nghe pháp, một mình nơi yên vắng tư duy, quán sát nghĩa lý. Vì tu tập, nghĩa là ở nơi tĩnh thất thường tu tập chỉ quán. Vì chường tịnh, nghĩa là để gạn lọc sạch các che mờ, ngày

đêm kinh hành, an tọa, khích lệ nơi tâm, phương tiện tu tập chỗ chưa thông suốt.

Phương tiện cũng có 4 thứ, nghĩa là thủ hộ Thi-la và thủ hộ sức tăng thượng các căn, khiến căn luật nghi thanh tịnh, khéo trụ nơi niệm. Do khéo trụ nơi niệm nên được không phóng dật, thủ hộ nơi tâm tu tập thiện pháp. Do không phóng dật nên khiến nội tâm tương ưng với chỉ, và được tăng thượng tuệ quán sát các pháp. Như vậy 4 thứ Du-già phân làm 16 hành. Trong đây do tín nên tín sẽ được nghĩa. Do tín sẽ được nghĩa, nên đối với các thiện pháp khởi dục tu tập. Do muốn tu tập nên ngày đêm siêng năng, trụ nơi khích lệ kiên cố dũng mãnh. Do chính cần nên gồm tu phương tiện để được nghĩa chưa được, ngộ nghĩa chưa ngộ, chứng nghĩa chưa chứng. Vì vậy nên 4 pháp này nói là Du-già.

Phân biệt tác ý, nghĩa là liễu tướng v.v... 7 thứ tác ý. Liễu tướng tác ý, nghĩa là do tác ý nên hiểu thấu thô tướng của Dục giới và tính tướng của sơ tinh lục. Thế nào là hiểu thấu thô tướng của Dục giới? Nghĩa là các lỗi về dục của 6 thứ tâm tư: 1. Nghĩa. 2. Sự. 3. Tướng. 4. Phạm loại. 5. Thời. 6. Đạo lý.

Nghĩa của tâm tư, là tâm tư về các dục có nhiều các tội lỗi, nhiều các phiền não, nhiều các dịch lệ, nhiều các tai họa. Như vậy các dục có nhiều tội lỗi, cho đến nhiều các tai họa. Đó là nghĩa thô của tâm tư. Sự, là hoặc khởi tham dục nơi các dục bên trong, hoặc khởi tham dục nơi các dục bên ngoài. Tướng của tâm tư, là suy tìm tự tướng và cộng tướng. Suy tìm tự tướng nghĩa là đây là phiền não dục, đây là sự dục. Các dục ấy hoặc tùy thuận lạc, hoặc tùy thuận khổ, hoặc tùy thuận không khổ không lạc. Tùy thuận lạc, là chỗ dựa của tham dục và chỗ dựa của tướng tâm điên đảo. Tùy thuận khổ, là chỗ dựa của sân nhuế và chỗ dựa của phần hận. Tùy thuận không khổ không lạc, là chỗ dựa của phú, não, cuồng, siểm, vô tâm, vô quý và chỗ dựa của kiến đảo. Như vậy các dục hoặc bạo ác thụ tùy hành,

hoặc không bạo ác thụ tùy hành.. Như thế gọi là suy tìm tự tướng các dục. Suy tìm cộng tướng nghĩa là suy tìm các dục sinh khổ, cho đến khổ vì mong cầu không được, bình đẳng bình đẳng tùy theo sự theo đuổi mà theo đó bị trôi buộc. Người thụ dụng dục, tuy có đủ các dục nhưng cũng phải hiểu rõ nó là pháp sinh các khổ. Các dục này phút chốc biến hoại. Như vậy gọi là suy tìm cái cộng tướng của các dục.

Suy tìm phẩm loại, nghĩa là suy tìm các dục đọa vào loại hắc phẩm như xiềng xích, xương khô, như miếng thịt thối, như lửa cây đuốc, như lửa than, như độc măng xà, như cảnh chiêm bao, như đồ trang sức giả, như trái cây hái trộm. Lại suy tìm tất cả cái khổ bởi hữu tình đeo đuổi tìm cầu, cái khổ bởi bị thân ái chia ly, cái khổ bởi không chán đủ, cái khổ bởi không tự do tự tại, cái khổ bởi bị các hành động ác. Lại nữa đức Bạc-già-phạm nói: Ta nói gần gũi tập theo các dục có 5 tội lỗi: 1. Các dục hưởng thụ chẳng bao nhiêu. 2. Người gần gũi tập theo các dục thì nhiều khổ não nhiều tội lỗi. 3. Người gần gũi tập theo các dục thì không bao giờ biết chán biết đủ, không bao giờ thôi nghĩ. 4. Người gần gũi tập theo các dục thì các kết tăng trưởng. 5. Người gần gũi tập theo các dục thì không việc ác gì không làm. Lại nữa người thông tuệ chân chính chí thiện dùng vô lượng pháp môn quả trách các dục, nói các dục này gia tăng nhiễm ô không chán, chúng đều có phi pháp điên đảo, là nhân các hành động ác, làm tăng trưởng dục ái. Người có trí xa lánh xả bỏ làm mau chóng tan hoại. Dựa vào các duyên nơi phóng dật thì tính nó là vô thường, là không, là hư dối, là pháp lừa gạt, như huyền như hóa lừa dối người ngu. Hoặc hiện pháp dục, hoặc hậu pháp dục, hoặc cái dục trên cõi trời, hoặc cái dục trong loài người, tất cả đều là việc làm của ma, chỗ ở của ma. Lại nữa dựa vào dục kia có thể khiến tâm sinh vô lượng các thứ pháp ác, bất thiện. Nghĩa là tham sân hận v.v... các pháp chướng ngại. Các đệ tử Phật khi học học xứ có thể bị chướng ngại. Các tội lỗi khác nhau như vậy đa phần suy tìm các dục rơi vào loại hắc phẩm. Như thế gọi là suy tìm phẩm loại.

Suy tìm thời gian, nghĩa là đối với quá khứ vị lai và đời hiện tại thường liên tục luôn suy tìm các dục, nhiều các khổ não, nhiều các tai họa, nhiều các tội lỗi. Như vậy gọi là suy tìm trong thời gian.

Suy tìm đạo lý, nghĩa là các dục này là do dụng cụ hằng ngày quá nhiều, do quá đeo đuổi tìm cầu, do quá mệt nhọc. Lại nữa còn do các thứ tạp công nghiệp xứ mới được thành lập đầy đủ và tăng trưởng. Tuy những vật bên ngoài giúp cho sự sinh hoạt tăng trưởng đầy đủ, nhưng pháp ấy tự nhiên tán diệt mau chóng. Lại nữa cha mẹ, vợ con, người giúp việc, bạn bè, chức việc, anh em, bà con v.v... tuy tạm thời tập hội không lâu cũng tan hoại. Lại nữa các thô sắc trong thân do 4 đại sinh ra, cơm cháo nuôi lớn, thường bài tiết chất bẩn, tắm rửa, xoa bóp v.v... tuy tạm thời xoa dịu những khổ não sinh ra, nhưng cuối cùng cũng là pháp lìa tan hoại diệt. Để xoa dịu cái khổ đói khát nên thụ các thứ ẩm thực. Để đối trị cái khổ lạnh nóng và che đậy những chỗ đáng xấu hổ nên dùng y phục. Để chữa trị các khổ tật bệnh nên dùng thuốc thang. Như vậy các dục đều để đối trị các khổ, không nên tham đắm. Chỉ trừ trường hợp như bệnh nặng phải giữ thuốc để chữa bệnh, hoặc dựa vào thánh giáo suy tìm như vậy. Như vậy thô tướng của các dục, hoặc do tự tri kiến bên trong phát khởi, hoặc suy tìm tùy thuận đạo lý, hoặc lại suy tìm tự tính các dục từ đời vô thủy đến nay pháp nhĩ thành tựu pháp không nghĩ bàn không nên nghĩ bàn, không nên phân biệt. Như vậy gọi là suy tìm đạo lý.

Như vậy là đã rõ 6 thứ thô tướng của các dục. Lại phải hiểu rõ tính tướng của sơ tính lự. Nghĩa là ở trong sơ tính lự không như tướng quá thô nặng của cõi Dục. Do lìa thô tướng của cõi Dục nên gọi là tính tướng của sơ tính lự. Như thế là hiểu rõ tính tướng của sơ tính lự. Do định địa tác ý nên hiểu biết thô tướng của cõi Dục và tính tướng của sơ tính lự. Đó gọi là liễu tướng tác ý. Trong đây nên biết rằng vẫn còn có xen tạp văn và tư.

Thắng giải tác ý, nghĩa là như phải suy tìm rõ thấu thô tướng của cõi Dục và tinh tướng của sơ tĩnh lự mà không bị xen tạp văn và tư, thuần khởi tu hành thắng giải duyên tướng thô tĩnh, khi tu tập chỉ quán thường khởi thắng giải suy tìm cái tướng thô tĩnh, nên gọi là thắng giải tác ý.

Viễn ly tác ý, nghĩa là nhiều tu tập chủng loại này, nên vì muốn đoạn trừ sơ phần phiền não khởi đối trị đạo với đoạn phiền não. Năng đối trị đạo câu sinh tác ý, gọi là viễn ly tác ý.

Nhiếp lạc tác ý, nghĩa là đã đoạn sơ phần phiền não của cõi Dục và đã viễn ly phẩm thô nặng kia. Ở hậu thắng phẩm đoạn và viễn ly khởi nơi hỷ lạc. Lại nơi đoạn, thấy thắng công đức, chứng nơi thiếu phần viễn ly hỷ lạc. Trong mỗi thời dùng tịnh thắng tác ý mà tự vui mừng, vì muốn đoạn trừ các ràng buộc của hôn trầm, thù miên, trạo cử, nên gọi là nhiếp lạc tác ý.

Quán sát tác ý, nghĩa là như vậy chính tu lạc, đoạn lạc tu rồi thiện phẩm phương tiện phò trì khiến các phiền não ràng buộc nơi cõi Dục dù đi dù đứng không hiện hành nữa. Như vậy người tu hành lại tự tư duy rằng trong thân ta đây là có tham dục hay là không tham dục mà sao đối với các cảnh dục không chấp thụ? Vì tự quán sát nên tùy nơi một cảnh tư duy cái tướng thắng diệu thanh tịnh mà người hành giả kia do chưa đoạn hết các tùy miên, nên khi tư duy tướng tịnh diệu ấy, tùy thuận nhiễm tập, hướng đến nhiễm tập, đi đến nhiễm tập, không trụ nơi xả, cũng không chán bỏ, ngăn chặn trái nghịch. Bây giờ hành giả tự biết như vậy: Ta đối với các dục chưa chính có tâm viễn ly vì chưa giải thoát. Các dục ràng buộc trong tâm ta, như tri thủy tự nhiên nhiếp phục. Ta nay nhất định phải tu trị đạo hơn nữa, khiến các tùy miên đoạn trừ không sót, nên lại thêm vui mừng thắng đoạn thắng tu. Đó gọi là quán sát tác ý.

Phương tiện cứu cánh quả tác ý, nghĩa là từ đây về sau không gián đoạn, do nhân duyên trước nên chứng nhập định căn bản sơ tĩnh

lự. Căn bản sơ tĩnh lược này là câu sinh tác ý, nên gọi là phương tiện cứu cánh quả tác ý. Như sơ tĩnh lược có 7 thứ tác ý, như vậy từ tĩnh lược thứ hai thứ ba thứ tư, cho đến phi tướng phi phi tướng xứ định, nếu cần cũng đều phải biết hết.

Lại nữa thô tướng, nghĩa là ở tất cả bậc dưới, từ cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, sơ lược có 3 thứ. Phải biết rằng các pháp ở bậc dưới đáng chán lia: một là trụ tính rất khô, hai là trụ tính rất không vắng lặng, ba là trụ tính thọ mạng cực ngắn.

Phân biệt dẫn phát, có 4 thứ: 1. Quả dẫn phát. 2. Ly dục dẫn phát. 3. Chuyển căn dẫn phát. 4. Thắng đức dẫn phát.

Phân biệt hỏi đáp, nghĩa là có vô lượng pháp môn phân biệt hỏi đáp, nay chỉ nêu một ít.

Hỏi: Tăng thượng giới học thế nào là không thanh tịnh, thế nào là thanh tịnh?

Đáp: Có 10 thứ nhân, giới không thanh tịnh. Những gì là 10? 1. Ban đầu thụ Thi-la luật nghi không đúng như pháp. 2. Quá trầm trọng. 3. Quá phân tán sôi nổi. 4. Có phóng dật, giải đãi. 5. Phát khởi tà nguyện. 6. Có phạm phép tắc. 7. Có phạm tà mạng. 8. Rơi vào nhị biên. 9. Không thể xuất ly. 10. Trái vượt chỗ đã thụ.

Ban đầu thụ Thi-la luật nghi không đúng như pháp, nghĩa là như có người vì trốn tránh phép vua bức bách, hoặc trốn tránh giặc cướp, hoặc trốn nợ, hoặc vì bị khủng bố, hoặc sợ không nuôi thân được nên xuất gia thụ giới. Chứ không phải vì lo tu thánh đạo, không phải vì thanh tịnh phạm hạnh, không phải vì tự điều phục, không phải vì tự tịch tĩnh, không phải vì Niết-bàn. Những trường hợp như vậy là thụ Thi-la luật nghi không như pháp.

Người quá trầm trọng, nghĩa là như có một người không biết hổ thẹn, tính tình biếng nhác lơ lửng không có hồi tâm, đối với các học xứ thì tu tập một cách trì hoãn. Như vậy gọi là quá trầm trọng nặng nề.

Người quá phân tán sôi nổi, nghĩa là như có người thiên chấp, nhận chỗ sai sinh hối, chỗ không đáng hối mà sinh hối, cho nên đối với chỗ sai của người mà sinh tâm lãng mạ chê bai và tâm làm tổn hại, khư khư không bỏ. Như vậy gọi là quá phân tán sôi nổi.

Người có phóng dật giải đãi, là như có một người trong đời quá khứ đã có vi phạm nhưng vì quên mất nên không như pháp khởi đối trị. Cũng như vậy ở vị lai, hiện tại khởi vi phạm do quên mất nên không như pháp khởi đối trị. Trước cũng không khởi cố gắng dũng mãnh muốn sẽ không bao giờ vi phạm giới cấm. Cho rằng ta sẽ hành như vậy như vậy, trụ như vậy như vậy. Khiến chỗ hành, chỗ trụ không phạm. Lại nữa nếu làm như vậy, trụ như vậy có thể phạm mà có hủy phạm, người này trong đời trước, đời này, đời sau và những gì đã làm ở thời gian trước đều tùy hành, đều hiện thành tựu nơi phóng dật, cho nên lại chấp thùy miên và nghỉ ngơi cho là an lạc, lơ lửng biếng nhác không chịu tu tập, không hầu hạ người phạm hạnh người trí. Như vậy gọi là có phóng dật giải đãi.

Người phát khởi tà nguyện, là như có một người phát khởi tà nguyện mà hành phạm hạnh, bảo rằng ta nay tu giới cấm phạm hạnh sẽ làm chủ chư thiên, hoặc làm các trời khác. Hoặc vì muốn được lợi dưỡng, tôn kính, nghĩa là cầu các lợi dưỡng và sự tôn kính từ người khác, hoặc chỉ nguyện được lợi dưỡng, tôn kính. Như vậy gọi là phát khởi tà nguyện.

Người có phạm phép tắc, là như có người đối với các oai nghi, hoặc tự làm, hoặc vì phương tiện, như trước đã nói trong Phẩm tu thiện, tất cả những gì ra làm trái với thế gian và vượt Tì-nại-da, như vậy gọi là phạm phép tắc.

Người có phạm tà mạng, là như có người có tính ham muốn quá lớn và không biết đủ, khó cấp dưỡng thỏa mãn. Lại dùng những việc phi pháp để tìm kiếm nào y phục, sự ăn uống, chỗ nằm

ngồi, thuốc men và các thứ cần trong sinh hoạt. Người này không đem pháp ra, mà đem sự bày tỏ công đức của mình làm nhân câu y phục ẩm thực của người. Cho nên ở trước mặt người khác, đối hiện oai nghi chứ không phải tự tính hay quán tập như vậy. Hoặc hiện các căn vắng lặng không trao động, ý muốn khiến người cho rằng mình có đức nên phải bố thí cúng dường các thứ như y phục, thức ăn uống, đồ nằm ngồi, thuốc men và các thứ cần chi sinh hoạt. Lại nữa người này hình mạo thô tháo xấu xa, phát ngôn lỗ mãng không biết nể nang, thân hình chải chuốt, ca ngợi tên tuổi giai cấp của mình. Hoặc khoe học rộng, hoặc rộng trì giáo pháp để được lợi dưỡng và cung kính, mà vì người tuyên thuyết Phật pháp và các pháp đệ tử Phật điển nói. Hoặc tự nói mình thật có công đức, hoặc có tăng ích, hoặc khiến người khác khen mình có dị tướng, để cầu áo tốt ăn ngon và các tư dụng khác của Sa-môn. Mặc dầu y phục không thiếu mà cố tình ăn mặc rách rưới, ý muốn các trưởng giả cư sĩ tin mình thiếu thốn mà cúng thí cho y phục tốt đẹp như y phục dụng cụ các Sa-môn khác. Hoặc ở nơi các trưởng giả tín kính Bà-la-môn, không được vật như mình mong muốn, hoặc người đó không có, hoặc là thứ đang cần dùng không thể cho, mà nặng lời nằn nì đòi cho được, hoặc được vật tầm thường kém giá trị thì khinh chê trả lại, đối trước thí chủ nói lời như thế này: Xí cái thiện nam tử này ! Các thiện nam tử thiện nữ nhân khác so với dòng họ anh thấp kém nghèo hơn anh mà còn có thể bố thí những thứ tốt hướng chi anh dòng họ cao sang giàu có mà bố thí cho ta đồ xấu tồi như thế này ư? Những sự kiện như vậy, hoặc dựa vào sự trá hiện oai nghi, hoặc dựa vào lời nói năng phi pháp, hoặc dựa vào sự khen ngợi dị tướng, hoặc dựa vào lời nói bức thiết chê trách, hoặc dựa vào sự so sánh cái lợi mà phi pháp cầu được y phục, ẩm thức, tọa ngọa cụ, thuốc men vật dụng mà không phải đem pháp ra mà cầu, gọi là tà mạng. Như thế là có phạm tà mạng.

Người rơi vào nhị biên, là như có người ưa thích thụ dụng, các dụng cụ lạc từ người khác mà được y phục v.v..., hoặc như pháp, hoặc không như pháp, không biết tội lỗi, không biết thoát ra mà thụ dụng nó, đó là một bên. Lại như có người tự tu khổ hạnh, vô lượng khổ bức bách thân, thụ hành các giới cấm cực khổ, hoặc ở trên công gai, hoặc ở nơi than tro, hoặc dùng roi gậy, hoặc dùng miếng ván, hoặc đầu người chết, hoặc đứng ngồi, hoặc ngồi nhập định, hoặc thờ lửa cho đến ngày 3 lần, hoặc ở dưới nước cho đến ngày 3 lần, hoặc giờ một chân theo ngày thay đổi, các lối tu khổ hạnh như vậy là một bên thứ hai. Như vậy gọi là rơi vào nhị biên.

Người không thể xuất ly, nghĩa là như có người chấp kiến Thi-la và các giới cấm khác bảo rằng chỉ tu tập Thi-la giới cấm sẽ được thanh tịnh giải thoát ra khỏi. Lại có kiến chấp là khéo giữ các giới thiện tịnh của ngoại đạo sẽ được thanh tịnh giải thoát ra khỏi. Như vậy 2 thứ đó không phải cứu cánh tịnh, cho nên không được xuất ly. Như vậy gọi là không thể xuất ly.

Người trái vượt chỗ đã thụ, là như có người hoàn toàn không biết hổ thẹn, không hề đoái hoài tới phép tắc của Sa-môn, vi phạm cấm giới làm các pháp ác, thói nát theo thói hạ lưu, là hạng Bí-sô làm ác mà giả trang để cầu lợi dưỡng, chẳng phải Sa-môn mà xưng Sa-môn, chẳng phải phạm hạnh mà xưng phạm hạnh. Như vậy gọi là trái vượt chỗ đã thụ. Do 10 nhân tăng thượng giới học này mà không thanh tịnh. Ngược lại tức thanh tịnh.

Nghĩa tịnh và bất tịnh của tăng thượng tâm học, là như thanh tịnh tĩnh lự trong Phẩm nhiếp sự đã nói. Lại do thanh tịnh này nên biết tăng thượng tuệ học thanh tịnh.

Như vậy sự phân biệt các loại vấn đáp, theo nghĩa này, phải biết có vô lượng vô biên.

Năm thứ phân biệt Bồ-đề là: 1. Chúng tính. 2. Phương tiện. 3. Thời. 4. Chúng giác. 5. Giải thoát.

Chủng tính, là Bồ-đề của Thanh Văn là dựa vào chủng tính độn căn. Bồ-đề của Độc Giác là dựa vào chủng tính trung căn. Vô thượng chính đẳng Bồ-đề là dựa vào chủng tính lợi căn.

Phương tiện, là Bồ-đề của Thanh Văn do thực hành 6 chỗ phương tiện thiện xảo. Bồ-đề của Độc Giác do phần nhiều thực hành sâu xa duyên khởi phương tiện thiện xảo. Vô thượng chính đẳng Bồ-đề do phương tiện thiện xảo của ngũ minh.

Thời, nghĩa là Bồ-đề của Thanh Văn thời gian tu hành rất ít, 3 đời tu hành là được. Bồ-đề của Độc Giác do một trăm đại kiếp tu hành mà được. Vô thượng chính đẳng Bồ-đề do 3 đại kiếp A-tăng-xí-da tu hành mà được.

Chứng giác, là Bồ-đề của Thanh Văn là do thầy mà được chứng giác. Bồ-đề của Độc Giác chỉ thể tự lợi, không thầy chứng giác. Vô thượng chính đẳng Bồ-đề thì tự lợi lợi tha, không thầy chứng giác.

Giải thoát, là Bồ-đề của Thanh Văn, Bồ-đề của Độc Giác là chứng chuyển y, giải thoát phiền não chướng trong giải thoát thân. Vô thượng chính đẳng Bồ-đề là chứng chuyển y, giải thoát tất cả phiền não chướng và sở tri chướng trong giải thoát thân và trong pháp thân.

QUYỂN 7 HẾT

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 8

Phẩm 2- 4: NHIẾP TỊNH NGHĨA

Như vậy là đã nói xong phân biệt, văn, quy v.v...Nay tiếp.

Tụng nói:

*Thánh hạnh vô thượng thừa,
Đại Bồ-đề công đức,
Dị luận luận pháp thích,
Nên biết có nhiều thứ.*

Luận nói: Thánh hạnh có nhiều thứ , tức là có 4 thứ thánh hạnh:

1. Đáo bỉ ngạn hạnh. 2. Bồ-đề phần hạnh. 3. Thần thông hạnh. 4. Thanh thực hữu tình hạnh.

Đáo bỉ ngạn hạnh, nghĩa là như trước đã nói 10 Ba-la-mật-đa là hạnh đáo bỉ ngạn.

Bồ-đề phần hạnh, nghĩa là như trước đã nói 4 niệm trụ v.v..., tất cả 37 pháp giác phần và 4 thứ tầm tư, 4 thư như thật biến trí là hạnh Bồ-đề phần.

Thần thông hạnh, nghĩa là như trước đã nói 6 thứ thần thông gọi là hạnh thần thông.

Thành thực hữu tình hạnh, nghĩa là như trước đã nói 2 thứ vô lượng: một là chỗ điều phục vô lượng, hai là phương tiện điều phục

vô lượng. Lại có 6 thứ thành thực: 1. Thành thực tự thể. 2. Đối tượng thành thực. 3. Thành thực sai biệt. 4. Phương tiện thành thực. 5. Người thành thực. 6. Tướng người đã thành thực. Như vậy gọi là hạnh thành thực hữu tình.

Vô thượng thừa có nhiều thứ, nghĩa là có 5 thứ Đại thừa: 1. Chủng tử. 2. Thú nhập. 3. Thứ đệ. 4. Chính hạnh. 5. Chính hạnh quả.

Như thứ đệ là chủng tính phẩm, phát tâm phẩm, trụ phẩm trong Bồ-tát địa. Các phẩm khác gồm trong Đại Bồ-đề thiết lập 2 phẩm.

Đại Bồ-đề có nhiều thứ, tức là 5 thứ Đại Bồ-đề: 1. Tự tính. 2. Công dụng. 3. Phương tiện. 4. Chuyển. 5. Diệt

Tự tính, nghĩa là vượt quá chỗ sở đắc chuyển y của Thanh Văn, Độc Giác. Đây có 4 thứ: 1. Sinh khởi y chỉ. 2. Bất sinh y chỉ. 3. Khéo quán sát biết quả. 5. Pháp giới tịnh tướng.

Sinh khởi y chỉ, nghĩa là Phật tương tục xuất thế gian đạo. Dựa vào đây chuyển y mới được sinh khởi phi bất sinh khởi. Nếu tách rời chuyển y này cũng sinh khởi, tức là đã sinh khởi trước khi chưa chuyển y.

Bất sinh y chỉ, nghĩa là tất cả phiền não và tập khí kia, dựa theo chuyển y này không sinh khởi trở lại. Nếu không như vậy, tức là các duyên hòa hợp trước khi chưa chuyển y. Tất cả phiền não và tập khí kia đã được vĩnh viễn không sinh trở lại.

Khéo quán sát sở tri quả, nghĩa là chuyển y này là khéo thông đạt quả của thật tế sở tri và chân như sở tri. Nếu không như vậy thì tự thể chư Phật phải liễu tri nữa, phải đoạn diệt nữa.

Pháp giới tịnh tướng, nghĩa là chuyển y này không có các tướng nên hiển lộ pháp giới cực thiện thanh tịnh. Nếu không như vậy thì phải là pháp vô thường có thể nghĩ bàn. Nhưng chuyển y này là tướng thường trụ không thể nghĩ bàn, không có 2 hiển lộ.

Tính không thể nghĩ bàn này lại có 5 thứ: 1. Tự tính. 2. Xứ sở. 3. Trụ. 4. Một tính khác tính. 5. Thành lập sở tác.

Tự tính, nghĩa là tính chuyên y này tức sắc ly sắc không thể nghĩ bàn. Cũng như vậy, tức thụ tướng hành thức ly thụ tướng hành thức không thể nghĩ bàn. Địa giới thủy giới hỏa giới phong giới hoặc tức hoặc ly không thể nghĩ bàn. Nhân xứ nhĩ xứ tỷ xứ thiệt xứ thân xứ ý xứ , hoặc tức hoặc ly không thể nghĩ bàn, hoặc có hoặc không không thể nghĩ bàn.

Xứ sở, nghĩa là tính của chuyên y này, hoặc ở Dục giới hoặc ly Dục giới không thể nghĩ bàn. Hoặc ở Sắc Vô sắc giới hoặc ly Sắc Vô sắc giới không thể nghĩ bàn. Cõi người cõi trời hoặc ở hoặc lìa không thể nghĩ bàn. Mười phương thế giới hoặc ở hoặc lìa không thể nghĩ bàn.

Trụ, nghĩa là trụ của chuyên y này trạng mạo trụ an lạc như vậy như vậy là trụ không thể nghĩ bàn. Trạng mạo trụ Xa-ma-tha như vậy như vậy là trụ không thể nghĩ bàn. Trụ hữu tâm là trụ không thể nghĩ bàn. Trụ vô tâm là trụ không thể nghĩ bàn. Trạng mạo Thánh trụ như vậy là trụ không thể nghĩ bàn. Trạng mạo Thiên trụ, Phạm trụ như vậy như vậy là không thể nghĩ bàn.

Một tính khác tính, nghĩa là tất cả chư Phật đồng ở trong một cõi vô lậu, một tính khác tính không thể nghĩ bàn.

Thành lập sở tác, nghĩa là tính của chư Phật Như Lai là bình đẳng, trí tuệ, thế lực, oai đức bình đẳng, trụ cõi vô lậu y chỉ chuyên y, vì lợi ích tất cả hữu tình mà thành lập các việc lợi ích hữu tình như vậy như vậy không thể nghĩ bàn. Nên biết rằng đây lại có 2 nhân duyên nên không thể nghĩ bàn: Một vì nghĩa ly ngôn thuyết, vượt quá đường ngôn ngữ nên không thể nghĩ bàn. Hai vì nghĩa xuất thế gian, thế gian không có gì sánh ví nên không thể nghĩ bàn.

Công dụng, nghĩa là lược nói có 10 thứ tự tại gọi là công dụng. Những gì là 10? 1. Thọ mạng tự tại. 2. Tâm tự tại. 3. Mọi vật dụng tự tại. 4. Nghiệp tự tại. 5. Sinh tự tại. 6. Nguyện tự tại. 7. Thắng giải tự tại. 8. Thần biến tự tại. 9. Trí tự tại. 10. Pháp tự tại.

Phương tiện, là nói sơ lược có 4 thứ biến hóa gọi là phương tiện: 1. Người chưa thành thực thì khiến cho thành thực nên hiện các biến hóa của Bồ-tát. 2. Người đã thành thực thì khiến giải thoát nên đồng thời hiện hiện các biến hóa của Như Lai trong 2 ngàn Đại thiên thế giới, trăm câu-chi Thiệm-bộ châu. 3. Phương tiện nhiếp thụ biến hóa Thanh Văn. 4. Vì điều phục hữu tình, hiển hiện tất cả biến hóa của Độc Giác. Phật Bạc-già-phạm ở trong 4 pháp biến hóa này khởi tác dụng vô ngại trong 10 phương thế giới.

Chuyển, là có 2 thứ chuyển: một là chuyển tạm thời, hai là chuyển rốt ráo.

Chuyển tạm thời, là cho đến hữu tình chưa thành thực, chưa giải thoát chư Phật Như Lai chuyển hóa không nghĩ. Chuyển rốt ráo, là như vô tận không thể nghĩ bàn, oai đức chư Phật minh chuyển, vì các hữu tình làm việc lợi ích lưu chuyển không nghĩ.

Diệt, có 2 thứ: một là diệt tạm thời, hai là diệt rốt ráo.

Diệt tạm thời, là đối với các hữu tình đã thành thực, đã giải thoát chư Phật Như Lai tạm thời thị hiện nhập Niết-bàn chứ chẳng phải cứu cánh.

Diệt rốt ráo, là tất cả phiền não và tập khí kia và sở y khổ đều vĩnh viễn hết rốt ráo.

Công đức có nhiều thứ, là Ôn-đà- nam nói:

*Đặc thù chẳng đặc thù,
Tâm bình chẳng lợi ích.
Báo ân và hân tán,
Chẳng lường hành phương tiện.*

Luận nói: Đặc thù, nghĩa là khi Bồ-tát tu học vô thượng chính đẳng giác thừa, có 5 pháp đặc thù cần phải biết. Những gì là 5? 1. Đối với tất cả hữu tình chẳng phải có nhân duyên mà khởi thân ái. 2. Chỉ vì lợi ích các hữu tình nên thường ở trong lưu chuyển nhịn chịu khổ lớn. 3. Đối với hữu tình nhiều phiền não khó điều phục, khéo hiểu rõ phương tiện điều phục. 4. Đối với nghĩa lý chân thật rất khó hiểu, có thể tùy theo đó ngộ nhập. 5. Đầy đủ oai đức không thể nghĩ bàn. Năm pháp như vậy chẳng phải các hữu tình khác cũng chung có, cho nên gọi là đặc thù.

Phi đặc thù, nghĩa là khi Bồ-tát tu học vô thượng chính đẳng giác thừa, có 5 thứ pháp phi đặc thù. Bồ-tát Ma-ha-tát do thành tựu 5 thứ pháp này thì 5 thứ pháp đặc thù thành tựu hiển hiện. Những gì là 5? Nghĩa là các Bồ-tát lấy cái nhân lợi tha khổ, tức là mình vui. Vì vậy cho nên Bồ-tát hằng đi khắp làm lợi tha khổ. Đó là pháp phi đặc thù thứ nhất. Lại các Bồ-tát tuy hiểu rõ tội lỗi và công đức của sinh tử Niết-bàn, mà muốn khiến hữu tình rốt ráo thanh tịnh, tức là mình vui. Cho nên Bồ-tát vì làm thanh tịnh sức tăng thượng của hữu tình nên hằng thể chịu hành xử trong pháp sinh tử. Đó gọi là pháp phi đặc thù thứ hai. Lại các Bồ-tát tuy hiểu rõ niềm vui là mặc nhiên, mà muốn khiến hữu tình rốt ráo thanh tịnh tức là niềm vui của mình. Cho nên Bồ-tát vì làm sức tăng thượng thanh tịnh cho hữu tình hằng dùng phương tiện vì chúng hữu tình thuyết pháp. Đó gọi là pháp phi đặc thù thứ ba. Lại các Bồ-tát tuy đã tích tập thiện căn của 6 Ba-la-mật-đa, mà muốn khiến hữu tình rốt ráo thanh tịnh, tức là mình vui. Cho nên Bồ-tát vì làm sức tăng thượng thanh tịnh cho hữu tình mà đem ý thanh tịnh mà thí cho chúng, cũng không hện thí quả dị thực đến bao giờ. Đó gọi là pháp phi đặc thù thứ tư. Lại các Bồ-tát lấy việc làm lợi tha tức là tự lợi. Cho nên Bồ-tát thường hiện làm các việc lợi ích hữu tình. Đó gọi là pháp phi đặc thù thứ năm. Bồ-tát Ma-ha-tát do thành tựu 5 thứ pháp này, nên 5 thứ pháp đặc thù thành tựu hiển hiện.

Tâm bình đẳng, nghĩa là các Bồ-tát đối với tất cả hữu tình có 5 thứ tâm bình đẳng: 1. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc mới phát tâm, vì được Đại Bồ-đề nên khởi đại thệ nguyện. Như vậy cũng vì lợi ích các hữu tình nên khởi tâm bình đẳng. 2. Bồ-tát Ma-ha-tát đối với các hữu tình khởi tâm thương yêu bình đẳng. 3. Bồ-tát Ma-ha-tát đối với các hữu tình khởi tâm bình đẳng yêu tất cả như một con. 4. Bồ-tát Ma-ha-tát đối với các hữu tình, theo các duyên đã sinh các hạnh, biết các việc hữu tình tương rồi hiểu rõ một pháp tính hữu tình tức là tất cả pháp tính hữu tình, nên đối với tất cả hữu tình khởi tâm bình đẳng pháp tính trí. 5. Bồ-tát Ma-ha-tát làm hạnh lợi ích đối với một hữu tình, thì cũng làm hạnh lợi ích đối với tất cả hữu tình như vậy. Cho nên đối với tất cả hữu tình đều có tâm muốn làm lợi ích bình đẳng. Như vậy gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát khởi 5 thứ tâm bình đẳng đối với các hữu tình.

Lợi ích, nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát đối với các hữu tình làm tất cả việc lợi ích, có 5 thứ tướng. Những gì là 5? 1. Đối với việc làm sai trái, tổn hại thì nói pháp chính mạng mà dắt dẫn chúng. 2. Đối với sự không tùy thuận những việc lợi ích thì nói pháp tùy thuận mà dắt dẫn chúng. 3. Đối với chúng nghèo khổ không nơi nương tựa thì vì chúng làm nơi nương tựa mà dắt dẫn chúng. 4. Giảng nói hướng về nẻo thiện mà dắt dẫn chúng. 5. Giảng nói 3 thừa hướng đến Niết-bàn mà dắt dẫn chúng.

Báo ân, nghĩa là Bồ-tát đối với hữu tình có ân, khởi 5 thứ lợi ích báo đáp. Những gì là 5? 1. Tạo nơi an ổn cho hữu tình khiến học tập cái đức của mình. 2. Tạo nơi an ổn phương tiện khiến học tập cái đức của người khác. 3. Làm nơi nương cậy cho người nghèo khổ không nơi nương tựa. 4. Khuyến khích cúng dường chư Phật Như Lai. 5. Khiến tự sao chép những thuyết pháp của Phật và thụ trì cúng dường.

Hân tán, nghĩa là có 5 thứ Bồ-tát Ma-ha-tát thường phải vui mừng ngợi khen. Những gì là 5? 1. Gặp Phật ra đời và được phụng sự. 2. Ở nơi Như Lai thường nghe Ba-la-mật-đa tương ưng với pháp

tạng của Bồ-tát. 3. Kham nhiệm tu tập hạnh thành thực tất cả hữu tình. 4. Mau chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề. 5. Chứng Bồ-đề rồi đại chúng Bồ-tát Thanh Văn hòa hợp.

Không luống hành phương tiện, nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát đối với các hữu tình có 5 thứ không làm cho các phương tiện thắng hạnh trở thành trống rỗng vô ích. Những gì là 5? 1. Bồ-tát Ma-ha-tát đối với các hữu tình lấy ý an lạc lợi ích làm đầu. 2. Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu giác ngộ không điên đảo, hiểu rõ như thật việc lợi ích an lạc. 3. Dùng phương tiện tùy nghi nói các pháp khiến các hữu tình tùy chỗ kham nhiệm đều được điều phục. Đây chỉ Như Lai là kham năng rốt ráo. 4. Bồ-tát Ma-ha-tát đối với mọi lúc tâm không mỏi mệt. 5. Bồ-tát Ma-ha-tát lòng đại bi bình đẳng, đối với hạ trung thượng các hữu tình tâm không thiên lệch. Lại nữa, Ôn-đà-nam nói:

*Phương tiện không điên đảo,
Thoái đoạ và thắng tiến,
Tương tự thật công đức,
Khéo điều phục hữu tình.*

Luận nói: Phương tiện không điên đảo, nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát có 5 thứ phương tiện gồm tất cả chính phương tiện. Những gì là 5? 1. Phương tiện tùy hộ. 2. Phương tiện không lỗi. 3. Phương tiện chọn sức. 4. Phương tiện tịnh thắng ý lạc. 5. Phương tiện nhập quyết định.

Phương tiện tùy hộ, nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát khéo bảo hộ sự thông minh sáng suốt, dùng trí câu sinh mau nhiếp thụ pháp. Lại khéo bảo hộ ức niệm. Do ức niệm nên các pháp đã nhiếp thụ được gìn giữ không quên mất. Lại khéo bảo hộ trí tuệ. Do trí tuệ nên đối với các pháp đã nhiếp thụ khéo quán sát nghĩa, thông đạt chính tuệ. Do nhân viễn ly, tùy thuận, thông minh sáng suốt, ức niệm, trí tuệ, thoái phần, và do nhân thân cận, tu tập, tùy thuận, trụ phần, thắng phần. Lại khéo bảo hộ tự tâm do khéo phòng hộ các căn môn. Lại khéo bảo hộ tha tâm, do chính phương tiện bảo hộ tha tâm.

Phương tiện không lỗi, nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát đối với các thiện pháp, dũng mãnh không điên đảo, vô lượng vô gián hồi hướng Bồ-đề.

Phương tiện chọn sức, nghĩa là ở đây tất cả trụ trong thắng giải hạnh địa.

Phương tiện tịnh thắng ý lạc, nghĩa là trụ tịnh thắng ý lạc địa và hành chính hạnh địa.

Phương tiện nhập quyết định, nghĩa là trụ quyết định địa, quyết định hành địa đến cứu cánh địa.

Như vậy 5 thứ phương tiện gồm thâu tất cả chính phương tiện của Bồ-tát.

Thoái đọa, nghĩa là 5 pháp thoái phần của Bồ-tát: 1. Không kính chính pháp và người thuyết pháp. 2. Phóng dật biếng nhác. 3. Tập cận phiền não. 4. Tập cận ác hạnh. 5. So sánh hơn kém với các Bồ-tát khác khởi tăng thượng mạn, và điên đảo đối với các pháp khởi tăng thượng mạn.

Thắng tiến, nghĩa là 5 pháp thắng phần của Bồ-tát. Tức như thứ lớp nghịch lại của 5 thứ hắc phẩm ở trước.

Công đức tương tự, tức là 5 thứ công đức tương tự của Bồ-tát, phải biết thật tức là tội lỗi: 1. Ở nơi các hữu tình bạo ác phạm giới, vì nhân duyên đó làm không lợi ích. 2. Trá hiện oai nghi đầy đủ. 3. Theo thế gian trau chuốt văn từ và các pháp tương ưng với sách ngoại đạo, được dự vào hàng người trí, người thông minh sáng suốt. 4. Thí v.v... các thiện hạnh tu hành có tội. 5. Giảng nói lập lên chính pháp tương tự, lưu bố rộng rãi.

Thật công đức, là 5 thứ công đức chân thật của Bồ-tát: 1. Ở nơi hữu tình bạo ác phạm giới, do nhân duyên đó khởi bi tâm tăng thượng. 2. Tự tính đầy đủ oai nghi. 3. Với những pháp Như Lai đã nói thanh tịnh chân thật, hoặc dạy hoặc chứng đắc, dự trong số

người trí, người thông minh sáng suốt. 4. Thí v.v... các thiện hạnh, tu tập không tội. 5. Khai thị chính pháp, ngăn chặn pháp tương tự kia.

Khéo điều phục hữu tình, nghĩa là các Bồ-tát lược có 10 nơi giáo hóa hữu tình điều phục không điên đảo: 1. Nơi lia ác hạnh. 2. Nơi lia ái dục. 3. Nơi không có vi phạm, vi phạm rồi đã xuất. 4. Nơi thủ hộ tất cả căn môn. 5. Nơi trụ ở chính tri. 6. Nơi lia náo loạn. 7. Nơi xa lia tất cả ác tâm tư. 8. Nơi lia chướng. 9. Nơi lia phiền não trói buộc. 10. Nơi lia phiền não phẩm thô nặng. Lại nữa Ôn-đà-nam nói:

*Các Bồ-tát thụ ký,
Roi vào số quyết định,
Định làm, thường phải làm,
Phải biết pháp tối thắng.*

Luận nói: Các Bồ-tát thụ ký, nghĩa là các Bồ-tát trong 6 vị mong nhờ chư Như Lai thụ vô thượng chính đẳng Bồ-đề ký: 1. Ở chủng tính vị chưa phát tâm Bồ-đề. 2. Đã phát tâm Bồ-đề. 3. Hiện tiền trụ. 4. Không hiện tiền trụ. 5. Có thời hạn, nghĩa là bằng với thời gian ấy sẽ chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề. 6. Không thời hạn, nghĩa là không nói nhất định thời hạn.

Roi vào số quyết định, nghĩa là các Bồ-tát có 3 loại vào quyết định vị: 1. Chủng tính vào quyết định. 2. Phát tâm vào quyết định. 3. Không thực hành trống rỗng vào quyết định.

Chủng tính vào quyết định, nghĩa là các Bồ-tát trụ chủng tính vị, liền vào số quyết định. Bởi vì sao? Do các Bồ-tát thành tựu chủng tính, nếu gặp thắng duyên, quyết định kham nhiệm chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Phát tâm vào quyết định, nghĩa là các Bồ-tát khởi tâm quyết định đối với A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề cho đến chứng vô thượng chính đẳng giác không thoái chuyển nữa.

Không thực hành trống rỗng vào quyết định, nghĩa là các Bồ-tát đã được tự tại, tùy chỗ muốn mà tu theo đó, các Bồ-tát tu hành không luống qua một cách vô ích. Dựa vào đó cuối cùng vào quyết định vị. Cho nên Như Lai vì các Bồ-tát thụ vào quyết định ký.

Định làm, nghĩa là các Bồ-tát quyết định phải làm 5 chỗ. Nếu không làm chắc chắn không thể chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Những gì là 5? 1. Phát tâm Bồ-đề. 2. Đối với các hữu tình khởi tâm lân mẫn. 3. Dũng mãnh tinh cần. 4. Phương tiện tu tập ngũ minh. 5. Tâm không mệt mỏi.

Thường phải làm, nghĩa là Bồ-tát thường phải làm và tu 5 chỗ: 1. Thường phải tu hành không phóng dật. 2. Làm chỗ nương cậy cho hữu tình khổ não không nơi nương tựa. 3. Thường phải tu hành cúng dường Phật. 4. Thường phải biết khắp chỗ sai lầm không sai lầm. 5. Đối với những gì đã làm, hoặc đi hoặc đứng, trng các tác ý thường phải tu hsnhf, lấy tâm Đại Bồ-đề làm dẫn đầu.

Pháp tối thắng, nghĩa là các Bồ-tát đối với 10 thứ đồng ý tối thắng pháp, phải thụ trì, phải xây dựng làm trên hết. Những gì là 10? 1. Chủng tính Bồ-tát đối với các chủng tính là vượt trội hơn cả. 2. Sơ phát tâm Bồ-đề đối với các chính nguyện là vượt trội hơn cả. 3. Chính căn Bát-nhã đối với tất cả độ là vượt trội hơn cả. 4. Ái ngữ đối với các nhiếp pháp là vượt trội hơn cả. 5. Như Lai đối với các hữu tình là vượt trội hơn cả. 6. Bi đối với các vô lượng là vượt trội hơn cả. 7. Tĩnh lực thứ tư đối với các tĩnh lực là vượt trội hơn cả. 8. Không Tam-ma-địa đối với 3 Tam-ma-địa là vượt trội hơn cả. 9. Diệt tận định đối với 9 thứ lớp của định là vượt trội hơn cả. 10. Thanh tịnh phương tiện thiện xảo đối với các phương tiện thiện xảo là vượt trội hơn cả. Lại nữa Ôn-đà-nam nói:

*Các thi thiết kiến lập,
Tất cả pháp tâm tư,*

*Và như thật biến trí,
Cùng với các vô lượng,
Tuyên thuyết quả lợi ích,
Tính Đại thừa và nhiếp,
Bồ-tát 10 phải biết,
Thiết lập các danh hiệu.*

Luận nói: Các thi thiết kiến lập, nghĩa là 4 thứ thi thiết kiến lập của các Bồ-tát chỉ có Như Lai và các Bồ-tát là có thể thi thiết kiến lập đúng. Chứ không phải tất cả trời, người, Sa-môn, Bà-la-môn có thể thi thiết kiến lập được, trừ ra là trộm lấy Phật pháp đem vào trong luận của mình. Những gì là 4? 1. Pháp thi thiết kiến lập. 2. Đế thi thiết kiến lập. 3. Đạo lý thi thiết kiến lập. 4. Thừa thi thiết kiến lập.

Pháp thi thiết kiến lập, nghĩa là Tổ-đất-lãm v.v... 12 phần giáo theo thứ tự soạn tập, thứ tự đặt đề, thứ tự chế tác. Như vậy gọi là pháp thi thiết kiến lập.

Đế thi thiết kiến lập, nghĩa là hoặc lập 1 đế với nghĩa không hư vọng, chỉ có một không có hai. Hoặc lập 2 đế là: 1. Thế tục đế. 2. Thắng nghĩa đế. Hoặc lập 3 đế là: 1. Tướng đế. 2. Thuyên đế. 3. Dụng đế. Hoặc lập 4 đế là: 1. Khổ đế. 2. Tập đế. 3. Diệt đế. 4. Đạo đế. Hoặc lập 5 đế là: 1. Nhân đế. 2. Quả đế. 3. Năng tri đế. 4. Sở tri đế. 5. Bất nhị đế. Hoặc lập 6 đế là: 1. Chân đế. 2. Vọng đế. 3. Ứng tri đế. 4. Ứng đoạn đế. 5. Ứng chứng đế. 6. Ứng tu đế. Hoặc lập 7 đế là: 1. Ái vị đế. 2. Quá hoạn đế. 3. Xuất ly đế. 4. Pháp tính đế. 5. Thắng giải đế. 6. Thánh đế. 7. Phi thánh đế. Hoặc lập 8 đế là: 1. Hành khổ đế. 2. Hoại khổ đế. 3. Khổ khổ đế. 4. Lưu chuyển đế. 5. Lưu tức đế. 6. Tạp nhiễm đế. 7. Thanh tịnh đế. 8. Chính phương tiện đế. Hoặc lập 9 đế là: 1. Vô thường đế. 2. Khổ đế. 3. Không đế. 4. Vô ngã đế. 5. Hữu ái đế. 6. Vô hữu ái đế. 7. Bĩ đoạn phương tiện đế. 8. Hữu dư y Niết-bàn đế. 9. Vô dư y Niết-bàn đế. Hoặc lập 10 đế là: 11. Bức thiết khổ đế. 2. Sở thụ dụng bất cụ túc khổ đế. 3. Ba cõi tính trái nghịch khổ đế. 4.

Ái hoại khổ đế. 5. Thô trọng khổ đế. 6. Nghiệp đế. 7. Phiền não đế. 8. Thính văn chính pháp như lý tác ý đế. 9. Chính kiến đế. 10. Chính kiến quả đế. Như vậy gọi là Bồ-tát đế thi thiết kiến lập. Phải biết nếu phân biệt rộng thì vô lượng.

Đạo lý thi thiết kiến lập, có 4 thứ đạo lý: 1. Quán đăi đạo lý. 2. Tác dụng đạo lý. 3. Chứng thành đạo lý. 4. Pháp nhĩ đạo lý. Đó gọi là Đạo lý thi thiết kiến lập.

Thừa thi thiết kiến lập, là Thanh Văn, Độc Giác, vô thượng Đại thừa đều có 7 thứ thi thiết kiến lập.

Bảy thứ thi thiết kiến lập của Thanh Văn thừa, là: 1. Các tuệ không điên đảo đối với 4 thành đế. 2. Sở y của tuệ này. 3. Sở duyên của tuệ này. 4. Bản loại của tuệ này. 5. Tuệ tác nghiệp. 6. Tư lương trợ giúp tuệ. 7. Tuệ chứng quả. Độc Giác thừa cũng có 7 thứ thi thiết kiến lập như Thanh Văn thừa vậy.

Bảy thứ thi thiết kiến lập của vô thượng Đại thừa là: 1. Tuệ duyên ly ngôn thuyết, bình đẳng xuất ly tất cả pháp, chân như không phân biệt. 2. Sở y của tuệ này. 3. Sở duyên của tuệ này. 4. Bản loại của tuệ này. 5. Tuệ tác nghiệp. 6. Tư lương trợ giúp tuệ. 7. Tuệ chứng quả. Đó gọi là 7 thứ thi thiết kiến lập của 3 thừa. Như thế, 3 đời chư Phật Bồ-tát đều do 4 thứ chính thi thiết kiến lập không tăng không giảm.

Nhất thiết pháp tầm tư, nghĩa là các Bồ-tát đối với tất cả pháp vì muốn chứng được như thật biến trí mà khởi 4 tầm tư suy tìm, như trước đã nói.

Các vô lượng, nghĩa là các Bồ-tát dựa vào 5 vô lượng có thể khởi tất cả tác dụng thiện xảo. Những gì là 5? 1. Hữu tình giới vô lượng. 2. Thế giới vô lượng. 3. Pháp giới vô lượng. 4. Sở điều phục giới vô lượng. 5. Điều phục phương tiện giới vô lượng.

Hữu tình giới vô lượng, là 64 thứ chúng hữu tình: 1. Na-lạc-ca. 2. Bàn sinh. 3. Quỷ. 4. Trời. 5. Người. 6. Sát-đế-lị. 7. Bà-la-

môn. 8. Phệ-xá. 9. Thú-đạt-la. 10. Nữ. 11. Nam. 12. Phi nam phi nữ. 13. Hạ phẩm. 14. Trung phẩm. 15. Thượng phẩm. 16. Tại gia. 17. Xuất gia. 18. Khổ hạnh. 19. Luật nghi. 20. Bất luật nghi. 21. Phi luật nghi phi bất luật nghi. 22. Đã ly dục. 23. Chưa ly dục. 24. Tà định tụ. 25. Chính định tụ. 26. Bất định tụ. 27. Bí-sô. 28. Bí-sô-ni. 29. Thức-xoa-ma-na. 30. Cần sách nam. 31. Cần sách nữ. 32. Ô-ba-sách-ca. 33. Ô-ba-tur-ca. 34. Người tập Tam-ma-địa. 35. Người ôn tụng kinh. 36. Người săn sóc người bệnh. 37. Trưởng lão tôn túc. 38. Trung niên. 39. Thiếu niên. 40. A-giá-lị-da. 41. Ô-ba-đà-da. 42. Cộng trụ. 43. Cận trụ. 44. Khách khứa. 45. Trông coi việc tăng sự. 46. Người thích lợi dưỡng. 47. Người thích được cung kính. 48. Người thích viễn ly. 49. Người học hỏi nhiều. 50. Người có trí. 51. Người có phúc lớn. 52. Người hành động theo pháp. 53. Người trì kinh. 54. Người trì luật. 55. Người trì luận. 56. Người dị sinh. 57. Người kiến đế. 58. Người còn học. 59. Người không còn học. 60. Thanh Văn. 61. Độc Giác. 62. Bồ-đề-tát-đỏa. 63. Chuyển luân thánh vương. 64. Như Lai. Nếu dựa vào thân mà tiếp tục sai biệt thì vô lượng vô biên.

Thế giới vô lượng, là 10 phương vô lượng thế giới vô lượng tên khác nhau. Như thế giới này tên là Sách-ha. Phạm vương cõi này gọi là Sách-ha chủ. Có vô lượng sai biệt như vậy.

Pháp giới vô lượng, là có vô lượng sai biệt môn như thiện pháp, bất thiện pháp, vô ký pháp v.v...

Sở điều phục giới vô lượng, là hoặc lập một thứ để điều phục, nghĩa là trong tất cả hữu tình có một loại có thể điều phục. Hoặc lập ra 2 thứ, một là cụ phược hai là bất cụ phược. Hoặc lập 3 thứ: 1. Độn căn. 2. Trung căn. 3. Lợi căn. Hoặc lập 4 thứ: 1. Sát-đế-lị. 2. Bà-la-môn. 3. Phệ-xá. 4. Thú-đạt-la. Hoặc lập 5 thứ: 1. Tham hành. 2. Sân hành. 3. Si hành. 4. Mạn hành. 5. Giác hành. Hoặc lập 6 thứ: 1. Tại gia. 2. Xuất gia. 3. Thành thực. 4. Chưa thành thực. 5. Giải

thoát. 6. Chưa giải thoát. Hoặc lập 7 thứ: 1. Tin kính. 2. Khinh chê. 3. Trung dung. 4. Nói rộng. 5. Lược khai trí. 6. Thường điều phục. 7. Tùy duyên.

Sở dẫn, nghĩa là gặp duyên như vậy như vậy thì chuyển biến như vậy như vậy. Hoặc lập 8 thứ, gọi là bát bộ chúng từ Sát-đế-ly chúng cho đến Phạm chúng. Hoặc lập 9 thứ: 1. Như Lai sở hóa. 2. Thanh Văn sở hóa. 3. Độc Giác sở hóa. 4. Bồ-tát sở hóa. 5. Khó điều phục. 6. Dễ điều phục. 7. Nói nhỏ nhẹ mà điều phục. 8. Quả trác trực xuất mà điều phục. 9. Hoặc xa hoặc gần điều phục. Hoặc lập 10 thứ: 1. Na-lạc-ca. 2. Bàng sinh. 3. Quý. 4. Trời cõi Dục. 5. Người. 6. Trung hữu. 7. Sắc hữu, 8. Vô sắc hữu. 9. Hữu tướng vô tướng. 10. Phi hữu tướng phi vô tướng. Như vậy là lược nói 55 thứ. Nếu dựa vào tương tục sai biệt thì có vô lượng.

Hỏi: Cõi hữu tình vô lượng, cõi phải điều phục vô lượng, có gì khác nhau?

Đáp: Cõi hữu tình là không khác nhau, tất cả hữu tình dù có chủng tính hay không chủng tính. Cõi phải điều phục thì chỉ có các chủng tính khác nhau.

Điều phục phương tiện giới vô lượng, như trước đã nói. Đây cũng có vô lượng thứ phân biệt khác nhau.

Hỏi: Vì sao chỉ lược nói 5 thứ vô lượng này?

Đáp: Các Bồ-tát Ma-ha-tát vì chuyên tu tập hạnh lợi ích chúng sinh, nên trước tiên lập hữu tình giới vô lượng. Các hữu tình này dựa vào xứ sở mà được hóa độ. Vì vậy thứ hai lập thế giới vô lượng. Các hữu tình này ở nhiều thế giới, do nhiều thứ pháp khác nhau mà được sự nhiễm tịnh khác nhau. Vì vậy cho nên thứ ba lập pháp giới vô lượng. Quán trong hữu tình những hạng có khả năng rất ráo giải thoát khổ nên thiết lập thứ tư sở điều phục giới vô lượng. Nếu các phương tiện thiện xảo có thể khiến hữu tình chúng giải thoát, thì thiết

lập thứ năm điều phục phương tiện giới vô lượng. Vì vậy cho nên các Bồ-tát Ma-ha-tát dựa vào 5 vô lượng này có thể khởi tất cả tác dụng thiện xảo.

Tuyên thuyết quả lợi ích, nghĩa là các Bồ-tát Ma-ha-tát vì các hữu tình tuyên thuyết chính pháp, có 5 thứ quả lợi ích rộng lớn. Những gì là 5? 1. Hoặc có hữu tình khi nghe thuyết chính pháp, xa lìa trần cấu, trong các pháp được sinh pháp nhãn. 2. Hoặc có hữu tình ngay khi nói chính pháp này được hết các lậu. 3. Hoặc có hữu tình nhân nói pháp này phát tâm vô thượng chính đẳng giác. 4. Hoặc có hữu tình nghe nói pháp này liền được tối thắng pháp nhãn của Bồ-tát. 5. Hoặc có hữu tình nghe Phật Bồ-tát thuyết chính pháp rồi thụ trì tu hành lần hồi giảng nói, khiến chính pháp nhãn tồn tại lâu dài không diệt mất. Đó gọi là 5 thứ tuyên thuyết quả lợi ích rộng lớn

Đại thừa tính, nghĩa là Bồ-tát thừa tương ưng với 7 đại tính nên gọi Đại thừa. Những gì là 7? 1. Pháp đại tính, nghĩa là trong 12 phần giáo, Bồ-tát tạng bao gồm giáo pháp Phương quảng. 2. Phát tâm đại tính, nghĩa là đã pháp tâm vô thượng chính đẳng giác. 3. Thắng giải đại tính, nghĩa là đối với pháp trước đã nói, đại tính cảnh khởi tin hiểu tốt. 4. Thắng ý lạc đại tính, nghĩa là đã vượt quá thắng giải hạnh địa, nhập tịnh thắng ý lạc địa. 5. Tư lương đại tính, nghĩa là đã thành tựu phúc trí 2 thứ đại tư lương cho nên có thể chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề. 6. Thời đại tính, nghĩa là thời gian 3 đại kiếp A-tăng-xi-da có thể chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề. 7. Thành mãn đại tính, đây tức là vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Đây là thành tựu viên mãn tự thể của Bồ-đề. So với các thành mãn tự thể khác thì không có cái gì có thể so sánh được. Huống chi trong đây còn vượt hơn pháp đại tính và thời đại tính. Phải biết 6 thứ này là nhân của thành mãn đại tính, còn một thành mãn đại tính là quả của 6 thứ trước.

Nhiếp, là có 8 pháp có thể gồm thấu đầy đủ tất cả Đại thừa: 1. Giáo pháp của Bồ-tát tạng. 2. Giáo pháp hiển thị nghĩa chân thật trong Bồ-tát tạng. 3. Giáo pháp hiển thị oai đức tối thắng quảng đại thậm thâm không thể nghĩ bàn của tất cả chư Phật Bồ-tát trong Bồ-tát tạng. 4. Như lý lắng nghe những điều như trên đã nói. 5. Trước tiên như lý tư duy về thắng ý lạc. 6. Được thắng ý lạc bắt đầu nhập vào tu hành. 7. Do nhập tu hành làm trước nên quả tu hành thành tựu. 8. Do quả tu hành thành tựu nên cứu cánh xuất ly. Bồ-tát Ma-ha-tát do tu học như vậy chứng được vô thượng chính đẳng Bồ-đề.

Bồ-tát, phải biết có 10, nghĩa là tu học như vậy có thể chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Phải biết Bồ-tát sơ lược có 10 thứ: 1. An trụ chủng tính. 2. Nhập vào. 3. Bất tịnh thắng ý lạc. 4. Tịnh thắng ý lạc. 5. Chưa thành thực. 6. Đã thành thực. 7. Chưa được quyết định. 8. Đã được quyết định. 9. Một đời sở hệ. 10. Trụ hậu hữu sau cùng.

Trong đây Bồ-tát an trụ chủng tính, nếu phương tiện tu học phát tâm Bồ-đề thì gọi là nhập vào. Đã nhập vào rồi, cho đến chưa nhập tịnh thắng ý lạc địa thì gọi là bất tịnh thắng ý lạc. Nếu được nhập thì gọi là tịnh thắng ý lạc, tức Bồ-tát tịnh thắng ý lạc. Cho đến chưa nhập đến cứu cánh địa thì gọi là chưa thành thực. Nếu được nhập thì gọi là đã thành thực. Tức là trong khi chưa thành thực cho đến chưa nhập quyết định hành địa thì gọi là bất quyết định. Nếu được nhập thì gọi là được quyết định. Trong khi đã thành thực lại có 2 thứ: Một là nhất sinh sở hệ, nghĩa là sau đời này thì chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề ngay không gián đoạn. Hai là trụ hậu hữu sau cùng, nghĩa là tức ngay trong đời này chứng đắc vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Như vậy từ trụ chủng tính cho đến vô thượng chính đẳng Bồ-đề, như trước đã nói, 10 thứ Bồ-tát này bao gồm tất cả Bồ-tát. Như trước đã nói học xứ của Bồ-tát bao gồm hết tất cả học xứ của Bồ-tát.

Thiết lập các danh hiệu, nghĩa là các Bồ-tát không có sai biệt, tùy theo đức mà gọi các tên. Như gọi nào là Bồ-đề-tát-đỏa, Ma-ha-tát-đỏa, thành tựu giác tuệ, tối thượng minh chiếu, tối thắng chi tử, tối thắng sở y, tối thắng sở sử, tối thắng manh nha, cũng gọi dũng kiện, cũng gọi thượng quĩ phạm sư, cũng gọi thương chủ, cũng gọi cụ đại danh xưng, cũng gọi thành tựu từ bi, cũng gọi đại phúc, cũng gọi phú tự tại, cũng gọi đại pháp sư. Như vậy trong 10 phương vô biên thế giới, y vào vô lượng nội đức khác nhau mà thiết lập vô lượng danh hiệu. Trong đó nếu các Bồ-tát tự xưng ta là Bồ-tát mà không siêng tu các học xứ của Bồ-tát. Phải biết đó là tương tự Bồ-tát chẳng phải thật Bồ-tát. Nếu chư Bồ-tát tự xưng Bồ-tát, cũng phải siêng tu học xứ của Bồ-tát. Phải biết thế mới là chân thật Bồ-tát.

QUYỂN 8 HẾT

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 9

Phẩm 2- 5: NHIỆP TỊNH NGHĨA

Dị luận nhiều thứ, là nói 16 thứ dị luận. Những gì là 16?

Ôn-đà-nam nói:

*Chấp trong nhân có quả,
Hiển liễu có khứ lai,
Ngã thường tác tác nhân,
Tự tại các hại pháp,
Biên, vô biên, kiêu loạn,
Kiến vô nhân, đoạn, không,
Chấp thắng tịnh cát tường,
Là 16 dị luận.*

Luận nói: Mười sáu dị luận là: 1. Luận trong nhân có quả. 2. Luận từ duyên hiển rõ. 3. Luận quá khứ vị lai là có thật. 4. Luận chấp ngã. 5. Luận chấp thường. 6. Luận tác nhân đòi trước. 7. Luận tác giả tự tại. 8. Luận hại là chính pháp. 9. Luận có giới hạn không giới hạn. 10. Luận bất tử kiêu loạn. 11. Luận vô nhân kiến. 12. Luận đoạn kiến. 13. Luận không kiến. 14. Luận vọng chấp tối thắng. 15. Luận vọng chấp thanh tịnh. 16. Luận vọng chấp cát tường.

Luận trong nhân có quả, nghĩa là như có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy lập luận như vậy. Trong nhân

thường luôn luôn có đầy đủ tính của quả, là các ngoại đạo chấp như vậy.

Hỏi: Vì nhân duyên gì các ngoại đạo trong các nhân khởi kiến như vậy lập luận như vậy cho rằng có quả?

Đáp: Là do giáo và lý. Giáo, nghĩa là tiên sư của họ đã lập ra giáo tạng, truyền nghe như vậy lần hồi cho đến nay nói rằng trong nhân, trước đã có quả. Lý, nghĩa là Sa-môn và Bà-la-môn kia vì tính suy tìm, vì tính quan sát, trụ trong tâm tư địa, trụ nơi tự biện địa, trụ nơi dị sinh địa, trụ nơi tùy tư duy quan sát hành địa, họ suy nghĩ như vậy: Nếu từ cái thể kia mà thể này được sinh thì tất cả thế gian cộng tri cộng lập. Kia là nhân này chẳng phải gì khác. Lại nữa các thế gian muốn tìm quả này thì chỉ lấy nhân này không lấy nhân nào khác. Lại nữa ngay trong các việc kia gia công tạo lập như vậy như vậy chứ không phải ở nơi việc gì khác. Lại nữa nếu quả kia tức từ kia sinh không từ cái gì khác sinh, cho nên trong nhân chắc chắn đã có quả. Nếu không như vậy phải lập tất cả là tất cả nhân. Lại phải cầu mỗi một quả lấy tất cả nhân. Lại phải ở tất cả việc gia công tạo tác để cầu một quả. Lại phải từ tất cả, tất cả quả sinh. Như vậy là do kiến lập, do thủ, do tác sự, do sinh mà họ thấy trong nhân thường có tính của quả.

Nay tôi hỏi ông, hãy trả lời 2 tướng nhân quả là khác hay không khác? Nếu không khác tức không quyết định nhân quả có 2 thể. Bởi 2 tướng này không khác nhau nên nói trong nhân có quả là không đúng lý. Nếu tướng khác nhau thì ông nghĩ sao, cái thể của quả ở trong nhân là tướng chưa sinh hay tướng đã sinh? Nếu là tướng chưa sinh thì trong nhân kia, quả còn chưa sinh mà gọi có là không đúng. Nếu là tướng đã sinh thì quả thể đã sinh rồi, thế mà nói từ nhân sinh là không đúng. Cho nên trong nhân không phải đã có quả trước. Chắc chắn phải có nhân rồi đợi duyên mới sinh.

Cái pháp có tướng kia, trong pháp có tướng do 5 thứ tướng mà có thể biết được: 1. Ở nơi xứ sở, có thể biết được, như nước trong

lu. 2. Ở chỗ y chỉ, có thể biết được, như nhãn thức trong con mắt. 3. Ngay nơi tự tướng có thể biết được, như nhân tự thể, không do so sánh quyết định. 4. Nơi tự tác nghiệp có thể biết được. 5. Do nhân biến đổi nên quả có thể biến đổi, hoặc do duyên biến đổi nên quả có thể biến đổi. Vì vậy nói trong nhân thường xuyên có quả là không đúng. Do nghĩa này nên lập luận của họ không có lý. Nghĩa là không dị tướng, hay dị tướng nên không sinh tướng hay sinh tướng là không đúng.

Luận từ duyên hiển rõ, nghĩa là như có một Sa-môn hay Bà-la-môn khởi kiến như vậy rồi lập luận như vậy. Thể của tất cả các pháp tự nó vốn có. Nó theo các duyên mà hiển lộ, chứ không phải duyên sinh ra nó. Nghĩa là như các nhà lý luận trong nhân có quả và các nhà lý luận về tướng của âm thanh chấp như vậy.

Hỏi: Do nhân duyên gì các nhà lý luận chủ trương trong nhân có quả thấy trong các nhân, trước đã có tính của quả, rồi theo duyên mà hiển lộ?

Đáp: Vì do giáo và do lý. Giáo là như trước đã nói. Lý, là như có một là tính tâm tư, là tính quan sát, rộng thì như trước đã nói. Họ suy nghĩ như vậy. Quả, trước tiên là có, rồi lại theo nhân mà sinh là không đúng. Nhưng không phải không dụng công mà làm thành quả. Lại lấy cái duyên gì mà làm dụng công? Lẽ nào chẳng phải chỉ vì hiển lộ quả nên họ vọng tưởng tư duy như vậy rồi nói luận hiển lộ.

Nay tôi hỏi ông, hãy trả lời theo ý ông là không chướng duyên nên chướng hay có chướng duyên nên chướng? Nếu không, thì không chướng duyên mà có chướng là không đúng. Nếu có, thì cái nhân thuộc quả sao không chướng? Vì đồng là có. Ví như sự tối tăm chướng ngại nước trong lu thì cũng có thể chướng ngại cái lu. Nếu nói cũng là nhân của chướng thì cũng phải hiển lộ. Vì đều là vật bị

chương, thể mà chỉ hiển lộ cái tính trong nhân trước đã có quả, mà không hiển lộ nhân là không đúng.

Ông cũng phải nói hữu tính là chương duyên hay quả tính là chương duyên? Nếu hữu tính là chương duyên thì hữu tính thường không hiển lộ, thể là không đúng. Lại nữa nhân cũng là hữu, vì sao không phải là chương duyên? Nếu quả tính là chương duyên, thì như vậy một pháp cũng là nhân và cũng là quả. Như mầm là chủng tử, quả là thân nhánh v.v... Nhân với quả là một pháp, cũng hiển lộ cũng không hiển lộ là không đúng.

Nay lại hỏi ông, theo ý ông thì hiển lộ với bản pháp là một hay khác? Nếu nói là một thì pháp bản hữu kia thường hiển lộ. Đã hiển lộ lại còn hiển lộ là không đúng lý. Nếu nói là khác thì sự hiển lộ này là không có nhân hay có nhân? Nếu không có nhân thì không nhân mà hiển lộ là không đúng. Nếu có nhân thì quả tính có thể hiển lộ, không phải nhân tính là nhân không hiển lộ mà lại có thể hiển lộ ra quả là không đúng. Như vậy không chương duyên, có tướng, quả tướng, hiển lộ một, hiển lộ khác là không đúng. Vì vậy ông nói nếu pháp tính không tức là không tướng, nếu pháp tính có tức là có tướng, nếu tính là không thì không thể hiển lộ, nếu tính là có thì có thể hiển lộ, là không đúng.

Nay sẽ lược nói tuy thật có mà không thrrt thủ tướng. Hoặc có mà xa nên không thể thủ. Hoặc do nhân 4 thứ chương làm chương ngại nên không thể thủ. Hoặc quá vi tế nên không thể thủ. Hoặc tâm tán loạn nên không thể thủ. Hoặc căn tổn hoại nên không thể thủ. Hoặc chưa được trí tương ưng kia nên không thể thủ. Như lập luận trong nhân có quả và từ duyên hiển lộ, là không đúng. Phải biết rằng chủ trương của Thanh tướng luận cũng vậy. Trong đây chỗ khác nhau là các sư ngoại đạo của Thanh tướng luận khởi kiến chấp như vậy và lập luận như vậy. Tướng của âm thanh là bản hữu,

không sinh không diệt. Nhưng do thốt ra, nói ra mới được hiển lộ, mà thể của âm thanh là thường. Vì vậy lý luận từ duyên hiển lộ là không đúng.

Luận quá khứ vị lai là thật có, nghĩa là như có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn, hoặc nơi pháp này do không tư duy đúng đắn khởi kiến chấp như vậy và lập luận như vậy. Cho rằng có quá khứ, có vị lai. Tự tướng thành tựu cũng như hiện tại là thật có chứ không phải giả.

Hỏi: Vì nhân duyên gì họ khởi kiến chấp và lập luận như vậy?

Đáp: Do giáo và lý. Giáo như trước đã nói.

Lại đối với pháp này có tư duy không đúng đã dẫn kinh giáo. Như trong kinh nói nhất thiết hữu là 12 xứ, là tự tướng 12 xứ nên gọi là hữu. Lại như Bạc-già-phạm nói có nghiệp quá khứ. Lại trong kinh nói có sắc quá khứ có sắc vị lai, cho đến thức cũng vậy.

Lý, nghĩa là như có một là tính tâm tư, là tính quán sát, nói rộng như trước. Họ suy nghĩ như vậy: Nếu tự tướng của pháp an trụ nơi pháp này thì chân thật là có. Nếu pháp này vị lai là không, thì khi ấy chưa nhận tự tướng. Nếu pháp này quá khứ là không, thì khi ấy phải thoái mất tự tướng. Nếu như vậy thì tự tướng các pháp phải không thành tựu. Do đó tính của các pháp là không chân thật. Nếu vậy thì không đúng. Do suy nghĩ như vậy nên khởi kiến chấp mà lập luận như vậy. Cho rằng quá khứ vị lai tính tướng là thật có.

Nay tôi hỏi ông, theo ý ông hãy trả lời xem 2 tướng quá khứ và vị lai, với tướng hiện tại là không khác hay khác? Nếu không khác, thì lập ra tướng 3 đời là không hợp lý. Nếu khác thì nói tính tướng thật có là không hợp lý.

Lại nữa ông phải nói tự ý sở dục đọa vào pháp 3 đời, đó là tướng thường hay vô thường? Nếu là tướng thường thì đọa vào 3 đời

là không hợp lý. Nếu là tướng vô thường thì ở trong 3 đời luôn luôn thật có là không hợp lý.

Lại nữa ông phải nói tự ý sở dục là cho rằng pháp vị lai đến đời hiện tại, hay cho rằng vị lai chết diệt đi sinh vào đời hiện tại, hay cho rằng pháp trụ ở vị lai, lấy đó làm duyên sinh đời hiện tại, hay cho rằng vốn không nghiệp dụng nay có nghiệp dụng, hay tướng vốn không viên mãn nay tướng viên mãn, hay cho rằng bản tướng khác nay tướng khác, hay cho rằng vị lai có một phần tướng của hiện tại?

Nếu nói ngay nơi pháp vị lai mà đến hiện tại, thì phải có phương sở. Và vị lai với hiện tại phải không khác nhau, lại phải là thường thì không hợp lý. Nếu nói vị lai chết diệt rồi sinh hiện tại, thì pháp vị lai không sinh bây giờ, pháp hiện tại vốn không sinh bây giờ. Lại nữa vị lai chưa sinh mà nói chết diệt là không hợp lý.

Nếu nói pháp trụ ở vị lai, lấy đó làm duyên sinh đời hiện tại, như vậy phải là thường, lại phải là vốn không, mà bây giờ sinh chẳng phải pháp vị lai sinh. Thế là không hợp lý. Nếu vốn không nghiệp dụng, nay có nghiệp dụng, tức là vốn có, bây giờ có, rồi lại có, lỗi cũng như trước nói, nên không hợp lý.

Lại nữa, ý ông thế nào về nghiệp dụng này? Nó với bản pháp kia là có tướng khác nhau hay tướng không khác nhau? Nếu là tướng khác nhau, thì tướng của nghiệp dụng này vị lai sẽ không có. Thế là không hợp lý. Nếu là tướng không khác, thì vốn không nghiệp dụng, bây giờ có nghiệp dụng, là không hợp lý.

Nếu như không nghiệp dụng có cái lỗi này, thì tướng không viên mãn, tướng khác nhau, một phần của tướng vị lai cũng đều như vậy. Chỗ khác nhau trong đây là lại còn cái lỗi tự thể lộn xộn nên không hợp lý, như vị lai tiến đến hiện tại, và như vậy hiện tại đi tới quá khứ là lỗi, không hợp lý. Như trên đã nói các duyên chấp trước và đạo lý phá chấp.

Như vậy các luận về tự tướng, cộng tướng, vị lai, tử diệt, sinh, nghiệp, tướng viên mãn, tướng khác nhau, một phần tướng của vị lai, nói quá khứ vị lai thật có, là không hợp lý.

Như vậy đã phá chấp rồi nhưng lại có câu hỏi rằng nếu quá khứ vị lai là không, thì sao duyên cái không mà có giác chuyển? Nếu nói duyên không mà giác chuyển thì vì sao không có lỗi trái với giáo thuyết, như nói nhất thiết hữu là 12 xứ?

Nay tôi hỏi, theo ý ông thì thế gian lấy sự giác ngộ về cái không, đó là khởi hay không khởi? Nếu không khởi thì cái giác ngộ về năng thủ vô ngã, sừng con thỏ, đũa con người thạch nữ v.v...đều phải là không. Đây là điều không hợp lý. Lại nữa, Bac-già-phạm nói các Thanh Văn không siểm nịnh của ta khi chính tu hành như ta đã nói, nếu có biết có nếu không biết không, như vậy là không hợp lý. Nếu nói khởi, thì ông muốn gì thủ cái vô giác này là hữu hành hay vô hành? Nếu hữu hành thì giác ngộ cái thủ vô này là không hợp lý. Nếu vô hành thì ông muốn gì, cái giác ngộ vô hành này là duyên hữu sự chuyển hay duyên vô sự chuyển? Nếu duyên hữu sự chuyển, thì cái giác ngộ vô hành duyên hữu sự chuyển là không hợp lý. Nếu duyên vô sự chuyển, thì cái giác ngộ vô hữu duyên vô là không hợp lý.

Tuy nói nhất thiết hữu là 12 xứ, nhưng đối với hữu pháp, mật ý nói có hữu tướng, đối với vô pháp, mật ý nói có vô tướng. Bởi vì sao? Vì nếu pháp hữu tướng có thể duy trì hữu tướng, nếu pháp vô tướng có thể duy trì vô tướng, cho nên đều gọi là pháp, đều gọi là hữu. Nếu khác, tức là những người tu hành chỉ biết có hữu mà không biết có vô, không biết liên tục quán sát pháp sở tri, thế là không hợp lý. Lại nữa tuy nói có nghiệp quá khứ, do nghiệp này nên chúng sinh có thụ tổn hại có thụ không tổn hại. Đáy cúng dục vào tập khí ấy, mật ý giả nói pháp ấy là hữu. Nghĩa là ở trong các hành từng có nghiệp tịnh, bất tịnh sinh diệt. Do nhân duyên này các hành kia thẳng dị liên

tục chuyên, đó gọi là tập khí. Do cái liên tục này giữ lấy tập khí nên sinh quả ái, bất ái. Cho nên đối với ta không có lỗi mà ông thì không hợp lý.

Lại tuy nói có quá khứ sắc, có vị lai sắc, có hiện tại sắc, như thế cho đến thức cũng vậy. Đây cũng dựa vào 3 thứ hành tướng nên mật ý nói, là nhân tướng, tự tướng và quả tướng. Dựa vào nhân tướng kia, mật ý nói có vị lai. Dựa vào tự tướng kia, mật ý nói có hiện tại. Dựa vào quả tướng kia, mật ý nói có quá khứ. Cho nên không có lỗi.

Lại nữa cũng không nên nói quá khứ vị lai là thật hữu tướng. Bởi vì sao? Phải biết vị lai có 12 thứ tướng: 1. Tướng do nhân hiển. 2. Tướng thể chưa sinh. 3. Tướng đợi duyên. 4. Tướng đã sinh chủng loại. 5. Tướng sinh pháp. 6. Tướng không sinh pháp. 7. Tướng chưa sinh tạp nhiễm. 8. Tướng chưa sinh thanh tịnh. 9. Tướng có thể nên tìm cầu. 10. Tướng không nên tìm cầu. 11. Tướng nên quan sát. 12. Tướng không nên quan sát. Phải biết hiện tại cũng có 12 thứ tướng: 1. Tướng do quả hiển. 2. Tướng thể đã sinh. 3. Tướng gặp duyên. 4. Tướng đã sinh chủng loại. 5. Tướng sát-na. 6. Tướng không sinh pháp trở lại. 7. Tướng hiện tạp nhiễm. 8. Tướng hiện thanh tịnh. 9. Tướng có thể hỷ lạc. 10. Tướng không thể hỷ lạc. 11. Tướng nên quan sát. 12. Tướng không nên quan sát. Phải biết quá khứ cũng có 12 thứ tướng: 1. Tướng đã độ nhân. 2. Tướng đã độ duyên. 3. Tướng đã độ quả. 4. Tướng thể đã hoại. 5. Tướng đã diêth chủng loại. 6. Tướng không sinh pháp. 7. Tướng vắng lặng dứt tạp nhiễm. 8. Tướng vắng lặng dứt thanh tịnh. 9. Tướng nên lưu luyện xứ. 10. Tướng không nên lưu luyện xứ. 11. Tướng nên quan sát. 12. Tướng không nên quan sát.

Luận chấp ngã, nghĩa là như có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn khởi kiến chấp và lập luận như vậy: Có ngã, có Tát-đỏa, có mạng, có sinh, có dưỡng, có hữu tình lưu chuyển, v.v... là thật có là thường còn. Các ngoại đạo chấp như vậy.

Hỏi: Vì sao các ngoại đạo khởi kiến chấp và lập luận như vậy?

Đáp: Do giáo và lý. Giáo như trước đã nói . Lý nghĩa là như có một là tính tâm tư, là tính quán sát, nói rộng như trước. Vì do 2 thứ nhân: 1. Trước không có tư duy về giác chột tự nhiên mà được có cái hữu tình giác. 2. Trước đã tư duy về giác và được có tác dụng. Họ nghĩ như vậy: Nếu không có ngã thì thấy 5 việc không nên khởi 5 thứ biết có ngã: 1. Thấy sắc hình rồi, chỉ nên khởi cái biết về sắc, không nên khởi cái biết của hữu tình. 2. Thấy thuận khổ lạc hạnh rồi, chỉ nên khởi cái biết về thụ, không nên khởi cái biết của hữu tình về hơn kém. 3. Thấy rồi lập danh, danh tương ưng với hành rồi, chỉ nên khởi cái biết về tướng, không nên khởi cái biết của hữu tình về Sát-đế-lị, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thú-đà-la, Phật Thụ , Đức Hữu v.v... 4. Thấy làm tịnh bất tịnh tương ưng hành rồi, chỉ nên khởi cái biết về hành, không nên khởi cái biết của hữu tình về trí, ngu. 5. Thấy nơi cảnh giới thức tùy chuyển rồi, chỉ nên khởi cái biết nơi tâm, không nên khởi cái biết của hữu tình về cái ta năng kiến v.v... Do trước không tư duy cái giác như vậy, đối với 5 việc chỉ khởi 5 thứ biết của hữu tình, không phải các giác hạnh. Vì vậy cho nên trước không tư duy cái giác, thấy rồi chột tự nhiên mà khởi có cái biết của hữu tình, như vậy quyết định biết có thật ngã.

Lại nữa họ nghĩ rằng nếu vô ngã thì không nên ở trong các hành trước tiên khởi tư duy cái giác để có được sở tác. Nghĩa là ta dùng mắt sẽ thấy các sắc, đang thấy các sắc, đã thấy các sắc. Hoặc lại khởi tâm ta sẽ không thấy. Các công dụng như vậy đều do hành vi cái biết của ta dẫn đầu. Giống như mắt thấy, tai mũi lưỡi thân ý cũng vậy. Lại như tạo tác thiện nghiệp, chấm dứt thiện nghiệp, tạo tác bất thiện nghiệp, chấm dứt bất thiện nghiệp v.v... những việc như vậy đều do tư duy cái biết là tác dụng trước tiên. Những cái dụng như vậy chỉ ở nơi các hành là không hợp lý. Do suy nghĩ như vậy nên nói là có ngã.

Nay tôi hỏi ông rằng ngay nơi chỗ thấy sự việc mà khởi cái biết hữu tình, hay là khác chỗ thấy sự việc mà khởi cái biết hữu tình? Nếu ngay nơi chỗ thấy sự việc khởi cái biết hữu tình, thì ông không nên nói ngay nơi sắc v.v...chấp có hữu tình, chấp có ngã là cái biết điên đảo. Nếu khác chỗ thấy sự việc khởi cái biết hữu tình, thì ngã có hình lượng là không hợp lý, ngã có hơn kém hoặc Sát-đế-lị v.v... hoặc ngu hoặc trí, hoặc có thể thủ các cảnh giới như sắc v.v... là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, chỉ ở nơi tự thể pháp này khởi cái biết này ư, hay là ở nơi các thể khác khởi cái biết này ư? Nếu chỉ ở nơi tự thể pháp này khởi cái biết này, tức ở nơi chỗ thấy khởi cái biết kia và ta, không nên nói là cái biết điên đảo. Nếu cũng ở nơi các thể khác khởi cái biết này, tức tất cả cảnh giới đều là cái nhân biết tất cả cảnh giới, vậy là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, trong số vô tình có cái biết hữu tình, trong số hữu tình có cái biết vô tình, trong số các hữu tình có cái biết các hữu tình khác, thế là khởi hay không khởi? Nếu khởi tức là vô tình phải là hữu tình, hữu tình phải là vô tình, các hữu tình khác phải là các hữu tình khác, thế là không hợp lý. Còn nếu không khởi, tức là phi báng bác bỏ hiện lượng, là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, chấp cái biết về ngã là lấy nghĩa của hiện lượng, hay lấy nghĩa của tỷ lượng? Nếu lấy nghĩa hiện lượng thì chỉ có sắc v.v... các uẩn là nghĩa hiện lượng. Vì ngã không phải nghĩa của hiện lượng. Thế là không hợp lý. Nếu lấy nghĩa tỷ lượng thì như những kẻ ngu si ấu trĩ v.v...chưa thể tư duy lượng đặc không nên vội khởi cái biết về ngã.

Lại nữa nay tôi hỏi ông rằng như những việc thế gian làm thì đó là lấy cái biết làm nhân hay lấy cái ngã làm nhân? Nếu lấy cái biết làm nhân, là chấp ngã ra làm, thì không hợp đạo lý. Nếu lấy

cái ngã làm nhân, thì trước đã tư duy cái biết mà có ra làm, thế là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, nhân của việc ra làm là vô thường hay thường? Nếu vô thường, thì cái thể của nhân ra làm là biến đổi khác, mà chấp ngã có ra làm, là không hợp lý. Nếu là thường, thì không biến đổi khác, chấp cái pháp không biến đổi khác có ra làm, là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, cái ngã có động tác có khả năng ra làm, hay cái ngã không động tác có khả năng ra làm? Nếu là cái ngã có động tác có khả năng ra làm, tức là thường làm, không nên lại làm nữa. Nếu là cái ngã không động tác có thể ra làm, thì cái tính không động tác mà có ra làm là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, là vì có nhân nên ngã có ra làm, hay là không nhân? Nếu là có nhân thì cái ngã này phải do các nhân thôi thúc phát khởi mới có ra làm, thế là không hợp lý. Nếu không nhân, thì phải là mọi thời làm tất cả mọi việc, thế là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, là cái ngã này dựa vào chính nó nên có ra làm, hay dựa vào cái khác mới có thể ra làm? Nếu dựa vào chính nó, thì cái ngã này tự làm các việc như lão, bệnh, tử, khổ, tạp nhiễm v.v..., thế là không hợp lý. Nếu dựa vào cái khác mà chấp cái ngã ra làm, là không hợp lý.

Nay tôi hỏi ông rằng ngay trong uẩn thì thiết có ngã, hay ở trong các uẩn là các nơi ngoài uẩn là không phải tính uẩn? Nếu ngay nơi uẩn thì thiết ngã, thì ngã với uẩn không khác nhau mà chấp có ngã là thật là thường, thế là không hợp lý. Nếu ở trong các uẩn, thì cái ngã này là thường hay vô thường? Nếu là thường, thì cái ngã thường trụ bị các khổ vui làm tổn ích, thế là không hợp lý. Nếu không tổn ích khởi pháp phi pháp, là không hợp lý. Nếu không sinh khởi pháp và phi pháp, thì các uẩn thân phải hoàn toàn không

khởi. Lại phải không do công dụng, ngã thường giải thoát. Nếu vô thường, thì lìa thể của uẩn, ngoài có pháp sinh có pháp diệt liên tục lưu chuyển, là không thể được, nên không hợp lý. Lại sau cái diệt hoại này, ở những nơi khác không làm mà được, là có sai lầm lớn nên không hợp lý. Nếu những nơi khác ngoài uẩn thì cái ngã ông chấp phải là vô vi. Nếu chẳng phải tính uẩn thì cái ngã tất cả mọi thời phải không nhiễm ô, và ngã và thân phải không tùy thuộc lẫn nhau, thế là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, cái ngã ông chấp là các tướng thấy v.v... hay lìa các tướng thấy v.v... Nếu tức là các tướng thấy v.v... thì ngay trên cái thấy giả lập có các tướng năng kiến, hay là tách rời trên cái thấy biệt lập có các tướng năng kiến v.v...? Nếu ngay trên cái thấy giả lập có các tướng năng kiến v.v... thì cái thấy v.v... là năng kiến, mà ông lập cái ngã là năng kiến v.v... thì không hợp lý. Bởi vì cái thấy v.v... với cái tướng năng kiến không khác nhau, cho nên nếu tách rời trên cái thấy mà biệt lập có các tướng năng kiến v.v... thì ccs pháp thấy kia là cái nghiệp của cái ngã tạo ra hay là cái mà ngã chấp lấy? Nếu là nghiệp do ngã tạo thành thì cái ngã này như chúng tử, nó phải vô thường. Như nói người thợ đồ gốm giả làm kẻ sĩ phu. Cái ngã này phải là vô thường, phải là giả lập, mà ông nói là thường, là thật, thì không hợp lý. Nếu như nói đủ thần thông giả lập làm sĩ phu, thì cái ngã này cũng phải là vô thường giả lập. Đối với các chỗ ra làm tùy ý tự tại, đây cũng như trước, không hợp lý. Nếu như nói như địa đại phải là thường. Lại nữa chỗ chấp ngã không như địa đại, vì hiển lộ sự tạo nghiệp nên không hợp lý. Bởi vì sao? Địa đại của thế gian hiển lộ có thể tạo nghiệp dụng, nghĩa là có thể duy trì vạn vật khiến không hoại mất. Cái ngã không hiển lộ cái nghiệp như vậy được. Nếu là như hư không thì phải là không có pháp, đó là không hợp lý. Bởi vì sao? Bởi chỉ có đối với sắc là không giả lập, vì nó là không. Hư không tuy là giả có, nhưng có nghiệp dụng rõ ràng có thể được, không phải chỗ chấp ngã, nên không hợp lý. Hư

không của thế gian có thể có được nghiệp dụng rõ ràng, nghĩa là do hư không cho nên có được các nghiệp đi lai co duỗi v.v... Vì vậy cho nên cái thấy v.v... là nghiệp do cái ngã tạo thành, là không hợp lý. Nếu là cái do ngã chấp thì, nếu như nói cái liêm, nếu rời bỏ cái liêm các vật khác cũng có tác dụng có thể cắt đứt được. Như vậy lia cái thấy v.v... trên các vật khác không thể có được nghiệp dụng của sự thấy v.v..., thế là không hợp lý. Nếu nói như lửa, thì chấp ngã là không hợp lý. Bởi vì sao? Như lửa của thế gian, lia cái tính năng thiêu, còn cái tính tự năng thiêu. Cho nên nếu nói lia cái tướng thấy v.v... riêng có cái ngã, tức cái tướng chấp ngã trái với tất cả lượng, là không hợp lý.

Lại nữa, tôi nay hỏi ông rằng cái ông chấp cho là ngã là tương ưng với tướng nhiễm tịnh hay không tương ưng với tướng nhiễm tịnh mà có nhiễm tịnh? Nếu tương ưng với tướng nhiễm tịnh mà có nhiễm tịnh, tức ở trong các hành có thể có tật dịch, tai họa và ngăn chặn thuận ích. Tức là các hành kia tuy không có ngã, mà nói có tướng tương ưng nhiễm tịnh, như đối với ngoại vật và nội thân cũng vậy, tuy không có ngã mà thành nghĩa nhiễm tịnh. Cho nên cái ngã ông chấp là không hợp lý. Nếu không cùng tương ưng với tướng nhiễm tịnh mà có nhiễm tịnh, thì lia tướng nhiễm tịnh cái ngã có nhiễm tịnh, là không hợp lý.

Lại nữa nay tôi hỏi ông rằng cái ngã ông chấp là tương ưng với tướng lưu chuyển mà có lưu chuyển và dừng nghỉ chẳng hay là không tương ưng với tướng lưu chuyển mà có lưu chuyển và dừng nghỉ chẳng? Nếu tương ưng với tướng lưu chuyển mà có lưu chuyển và dừng nghỉ, thì trong các hành thì có thể có 5 thứ chuyển tướng: 1. Có nhân. 2. Có thể sinh. 3. Có thể diệt. 4. Lần hồi liên tục sinh khởi. 5. Có biến đổi khác. Nếu trong các hành có thể có tướng lưu chuyển này thì như ở trong thân có thể lưu chuyển, còn ngoại pháp uty không có ngã cũng có tác dụng lưu chuyển. Tức các hành kia có

thể lưu chuyên và dừng nghỉ, cần gì phải chấp có ngã. Nếu không tương ưng với tướng kia mà có lưu chuyên và dừng nghỉ, tức chỗ chấp ngã không có tướng lưu chuyên mà có lưu chuyên và dừng nghỉ là không hợp lý.

Lại nữa nay tôi hỏi ông rằng cái ngã ông chấp là do cảnh giới sinh ra như khổ vui, và do tư nghiệp cùng với do phiền não, tùy phiền não làm biến đổi khác, thì nói là thụ giả, hay tác giả và giải thoát giả là không do kia biến đổi khác, mà nói là thụ giả ư?

Nếu do kia biến đổi khác thì các hành là gthụ giả, tác giả và giải thoát giả, cần gì phải chấp ngã? Gia sử là ngã thì cái ngã đó phải vô thường, là không hợp lý. Nếu không do kia biến đổi khác thì cái ngã không biến đổi, mà là thụ giả, tác giả và giải thoát giả là không hợp lý.

Lại nữa nay ông nói tự ý sở dục, là chỉ nơi ngã nói là tác giả, hay nơi các pháp khác cũng nói là tác giả? Nếu chỉ nơi ngã thì thế gian không nên nói lửa là cái thiêu đốt, ánh sáng là cái soi chiếu. Nếu cũng ở nơi các pháp khác thì ngay nơi cái thấy v.v... các căn nói là tác giả, thì phân biệt ngã vô ích vì không hợp lý. Lại nữa ông nói tự ý sở dục, là chỉ nơi ngã thiết lập là ngã, hay ở nơi các pháp khác cũng thiết lập là ngã? Nếu chỉ nơi ngã thì thế gian không nên giả nói thân sĩ phu gọi là Đức hữu, Phật thụ v.v... Còn nếu cũng ở nơi các pháp khác thì chỉ ở nơi các hành giả nói là ngã, cần gì phải chấp có cái ngã riêng. Bởi vì sao? Vì người đời chỉ giả lập cái thân sĩ phu, khởi cái tướng hữu tình mà lập ra tên gọi hữu tình, và nói tự tha có sai biệt. Lại nữa ông muốn thế nào, cái kiến chấp ngã là thiện hay bất thiện? Nếu là thiện thì sao kẻ chí ngu khởi sâu ngã kiến. Lại không do phương tiện thoát nhiên mà khởi? Lại có thể khiến chúng sinh sợ giải thoát? Lại có thể tăng trưởng các tội ác? Vậy là không hợp lý. Nếu nói là bất thiện thì không nên nói là đúng và phi

điên đảo. Nếu vậy, cái ngã do điên đảo chấp, thể của nó thật hữu, là không hợp lý.

Lại nữa ông muốn thể nào, cái kiến chấp ngã là thiện hay bất thiện? Nếu nói là thiện thì trên cái ngã thật hữu thường trụ kia, thấy không có ngã mà là tính thiện, chẳng phải kiến chấp điên đảo, là không hợp lý. Nếu nói bất thiện, mà tất cả người trí nói rõ do phương tiện siêng năng sinh khởi, khiến các chúng sinh không sợ giải thoát, có thể mau chứng quả bạch tịnh, như thật đối trị các tội ác, là không hợp đạo lý.

Lại nữa, ý ông thế nào? Ông cho là ngay nơi tính ngã, chấp có ngã, hay là do nơi ngã kiến? Nếu ngay nơi tính ngã, chấp có ngã thì, phải trong mọi lúc không có cái biết vô ngã. Nếu do nơi ngã kiến, dầu không phải thật ngã, nhưng do sức của ngã kiến, nên trong các hành, vọng gọi là có ngã. Cho nên cái ngã ông chấp cho là thật có, là không hợp lý.

Như vậy do bất giác làm trước mà khởi cái biết kia, do tư giác làm trước mà thấy có sở tác, rồi trong các uẩn thiết lập là có. Do tướng kia an lập làm có, kiến lập tạp nhiễm và thanh tịnh, kiến lập lưu chuyển và dừng nghỉ, kiến lập thụ giả, tác giả, giải thoát giả, lập ra có tác giả, lập ra ngôn thuyết, lập ra kiến chấp có thật ngã, đều là không hợp lý.

Lại nữa, nay tôi sẽ nói cái tướng ngã đệ nhất nghĩa. Nói ngã, là chỉ nơi các pháp giả lập là có, chứ chẳng phải cái ngã thật có. Nhưng cái ngã giả lập này không thể nói tính của nó với các pháp kia là khác hay không khác. Chớ bảo rằng cái ngã này là có thật thể, hoặc các pháp kia tức là tính tướng của ngã. Hoặc cái giả ngã này là tướng vô thường, chẳng phải tướng hằng thường, chẳng phải tướng ổn định, là tướng biến đổi hoại diệt, là tướng của pháp sinh khởi, là tướng của pháp lão bệnh tử, chỉ là tướng của các pháp, chỉ là tướng khổ não.

Cho nên đức Bạc-già-phạm nói: Bí-sô phải biết trong các pháp giả lập có ngã. Cái ngã này không thường, không hằng, không ổn định, là pháp biến đổi hoại diệt, nói rộng như vậy. Phải biết do 4 nhân nên trong các hành giả lập có ngã: 1. Để cho ngôn thuyết thế gian dễ. 2. Vì muốn tùy thuận các thế gian. 3. Vì muốn đoạn trừ, nghĩa là định vô ngã các bố úy. 3. Vì tuyên thuyết tự tha thành tựu công đức, thành tựu tội lỗi khiến khởi tâm quyết định thắng giải. Vì vậy nên chấp nhận hữu ngã luận, chẳng phải nói như lý.

Chấp thường luận, nghĩa là như có một Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp như vậy và lập luận như vậy. Ngã và thế gian đều thường trụ, phi tác phi tác sở tác, phi hóa phi hóa sở tác, không thể tổn hại, tích tụ mà trụ như I-sur-ca. Nghĩa là chấp đời trước, nói tất cả là thường, nói một phần thường, và chấp đời sau, nói hữu tướng, nói vô tướng, nói phi tướng phi phi tướng. Lại có chấp các cực vi là thường trụ.

Hỏi: Vì sao các ngoại đạo ấy khởi kiến chấp như vậy và lập luận như vậy, cho rằng ngã và thế gian là thường trụ ư?

Đáp: Họ chấp nhân duyên. Như kinh có nói rộng, tùy chỗ phù hợp nên phải biết hết. Trong đó chấp đời trước, nghĩa là hoặc dựa vào hạ, trung, thượng tính lự, khởi túc trụ tùy niệm. Vì duyên bất thiện khởi, nên trong các hành quá khứ chỉ có ký ức nghĩ nhớ, không biết như thật, chấp đời quá khứ cho là đời trước, phát khởi thường kiến. Hoặc dựa vào thiên nhân chấp đời hiện tại cho là đời trước trong các hành sát-na sinh diệt lưu chuyển, không biết như thật. Lại thấy các thức lưu chuyển liên tục, từ thế gian này đến thế gian kia không đoạn dứt, nên phát khởi thường kiến. Hoặc thấy Phạm vương tùy ý thành lập, học thấy 4 đại chủng biến đổi, hoặc thấy các thức biến đổi. Chấp đời sau, nghĩa là đối với tướng và thụ tuy thấy khác nhau nhưng không thấy cái tự tướng sai biệt của ngã, cho nên phát khởi thường kiến, cho rằng ngã và thế gian đều là thường trụ.

Lại chấp cực vi là thường trụ, nghĩa là do dựa vào tinh lự thể gian khởi kiến chấp như vậy. Do không biết duyên khởi như thật, nên chấp hữu làm trước mà tập khởi hữu quả, chấp ly tán làm trước mà hữu quả hoại diệt. Do nhân duyên này họ cho rằng từ các tính cực nhỏ mà sinh quả vật to. Dần dần phân tích vật to cho đến còn cực nhỏ thì trụ. Cho nên vật to là vô thường, cực vi là thường trụ.

Trong đây có luận chủ trương cho rằng đời trước đời sau là thường trụ. Đó là chấp ngã luận. Vì gồm trong sai biệt tướng nên ngã luận đã phá thì phải biết ngã sai biệt tướng luận cũng đã phá nốt.

Lại nữa, nay tôi hỏi ông rằng niệm túc trụ là thủ các uẩn hay thủ ngã? Nếu thủ uẩn thì chấp ngã và thể gian là thường. Thế là không hợp lý. Nếu thủ ngã thì ức niệm quá khứ tên như vậy như các loại hữu tình, ta từng ở nơi chúng tên như vậy, họ như vậy, cho đến nói rộng. Thế là không hợp lý.

Lại nữa, ý ông nghĩ sao, duyên hiện tại kia khi sắc cảnh hòa hợp khởi nhãn thức, ở các cảnh không hiện, không hòa hợp khác thì các thức khác là diệt hay là chuyển? Nếu nói diệt thì cái thức diệt hoại mà chấp là thường, là không hợp lý. Nếu nói chuyển thì do một cảnh giới trong mọi lúc tất cả thức khởi là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, cái ngã ông chấp do tướng tạo ra hay do thụ tạo ra, là có biến đổi hay không biến đổi? Nếu nói có thì cái chấp thể gian và ngã kia là thường trụ, thế là không hợp lý. Nếu nói không thì đã có một tướng, lại có các thứ tướng sinh, lại có tướng nhỏ và vô lượng tướng, thế là không hợp lý.

Lại nữa, trước thuận có lạc, rồi sau thuận có khổ, lại có khổ có lạc, có không khổ không lạc, thế là không hợp lý.

Lại nữa, nếu chấp mạng tức là thân thì cái thấy ngã kia là sắc. Nếu chấp mạng khác với thân thì cái thấy ngã kia chẳng phải sắc. Nếu chấp ngã biến khắp không hai không thiếu thì cái thấy ngã kia

cũng là sắc cũng chẳng là sắc. Nếu vì đối trị điều này nên ngay trong nghĩa này do khác câu khác văn mà khởi chấp thì cái thấy ngã kia chẳng phải sắc cũng chẳng phải chẳng là sắc. Lại nữa, nếu thấy một ít sắc một ít chẳng phải sắc thì cái thấy kia có giới hạn. Nếu thấy kia vô lượng thì cái thấy kia không giới hạn. Nếu lại vì thiên kiến mà sắc phần ít, chẳng phải sắc vô lượng, hoặc sắc vô lượng, chẳng phải sắc phần ít thì cái thấy kia cũng có giới hạn mà cũng có vô cùng. Nếu vì đối trị điều này, nên chỉ do văn khác không do nghĩa khác mà khởi chấp thì cái thấy kia chẳng phải có giới hạn, cũng chẳng phải vô cùng. Hoặc thấy cái ngã giải thoát xa lìa 2 thứ.

QUYỀN 9 HẾT

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 10

Phẩm 2- 6: NHIẾP TỊNH NGHĨA

Lại nữa tiếp đến là luận chủ trương chấp các cực vi là thường còn. Nay tôi hỏi ông rằng ông đã quán sát kỹ rồi cho cực vi là thường, hay không quán sát mà chấp nó là thường? Nếu không quán sát, tức là trí tuệ quán sát mà nhất định chấp là thường thì không hợp lý. Nếu nói đã quán sát thì vi trái các lượng, nên không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, vì tính của cực vi là quá nhỏ nên chấp nó là thường, hay là vì tướng của nó khác với vật thô nên chấp nó là thường? Nếu do quá nhỏ, là sự phân tán tổn giảm, tính nó yếu kém mà nói là thường thì không hợp lý. Nếu nói do tướng nó khác, vậy thì cực vi siêu quá tướng củ địa thủy hỏa phong, tướng không cùng chủng loại mà nói có thể sinh quả kia thì không hợp lý. Lại nữa cực vi kia cũng không có tướng khác, nên không đúng lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, từ các cực vi khởi lên vật thô, hay từ tướng không khác làm ra tướng khác? Nếu nói tướng không khác, vì do không sai khác với nhân kia nên cũng phải là thường. Như vậy tức phải không nhân quả quyết định. Nếu tướng khác thì ý ông thế nào, là từ ly tán cực vi mà được sinh ra vật thô, hay là từ sự tụ tập lại? Nếu nói từ ly tán thì phải mọi lúc sinh tất cả quả. Như vậy tức phải không nhân quả quyết định. Nếu từ tụ tập lại, thì ý ông thế nào, quả

vật thô kia khi từ cực vi sinh ra là không quá lượng hình chất của nó, hay quá lượng của nó? Nếu nói không quá lượng hình chất của nó thì từ phần vật hình chất sinh hình chất có phần vật là không hợp lý. Nếu nói quá thì vì các cực vi không còn có phần nhỏ nữa nên không thể phân tích, những vật thô sinh ra cũng phải là thường. Thế là không đúng lý. Nếu lại nói có các cực vi vốn không, nay mới khởi. Vậy là chấp cực vi là thường, thế là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, các cực vi kia tạo ra vật thô là như chúng tử v.v... hay như thợ nề gốm? Nếu nói như chúng tử v.v... thì phải là vô thường như thể của chúng tử. Nếu nói như thợ làm gốm thì các cực vi kia cũng phải biết tư duy suy nghĩ như thợ làm gốm. Nếu nói không như chúng tử v.v... và thợ làm gốm thì không thể thí dụ tương tự được, nên không hợp lý.

Lại nữa, ý ông thế nào, các ngoại vật khởi là do hữu tình hay không phải? Nếu nói là do hữu tình thì vật thô ngoài kia do hữu tình sinh, vật vi tế sở y không do hữu tình là không hợp lý. Ai có thể chế ngự công năng nơi chúng? Nếu nói không do hữu tình thì vô dụng mà ngoại vật sinh là không hợp lý. Như vậy tùy niệm các uẩn và chúng sinh, do một cảnh giới mà tất cả thức lưu chuyển không ngớt, do tướng và thụ biến đổi không biến đổi, mà luận cho rằng đời trước và đời sau là thường trụ, thế là không hợp lý.

Lại nữa, tôi nay sẽ nói cái tướng của thường trụ. Nếu mọi lúc tướng không biến đổi, nếu mọi thứ tướng không biến đổi, nếu tự nhiên tướng không biến đổi, nếu do cái gì khác tướng cũng không biến đổi, lại nữa tướng không sinh, phải biết đó là tướng thường trụ. Tất cả đều là luận chủ trương do tác nhân đời trước. Nghĩa là như có một Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp như vậy, lập luận như vậy, như trong kinh có nói rộng. Tất cả các thế gian sĩ phu thụ nhận, tức là hiện thụ nhận các khổ đều do tác nhân đời trước. Nghĩa là do nhân làm ác đời trước. Do siêng năng tinh tiến bỏ nghiệp cũ, nghĩa là do

hiện pháp cực tự khổ hạnh. Hiện tại tân nghiệp do không tác nhân làm hại, nghĩa là các nghiệp bất thiện. Như vậy về sau không có hữu lậu, nghĩa là hoàn toàn là tính thiện cho nên sau là vô lậu. Do vô lậu cho nên nghiệp hết, nghĩa là các nghiệp ác. Do nghiệp hết cho nên khổ hết, nghĩa là nhân đời trước và hiện pháp phương tiện chiêu cảm khổ não. Do khổ hết nên được chứng khổ biên, nghĩa là chứng dư sinh. Hết các khổ tương tục, nghĩa là không liên hệ ngoại đạo chấp như vậy.

Hỏi: Vì nhân duyên gì các ngoại đạo ấy khởi kiến chấp như vậy và chủ trương lập luận như vậy?

Đáp: Do giáo và lý. Giáo như trước đã nói. Lý, nghĩa là như có một là tính tâm tư, là tính quán sát, rộng như trước đã nói do thấy hiện pháp tạo tác công dụng không quyết định. Bởi vì sao? Chúng thấy thế gian tuy đủ chính phương tiện mà chiêu cái khổ, tuy đủ tà phương tiện mà được lạc. Chúng tư duy như vậy: Nếu do hiện pháp tạo tác công dụng làm nhân cho chúng thì chúng phải điên đảo. Vì do chỗ thấy của chúng không phải điên đảo, cho nên chúng đều lấy tác nghiệp đời trước làm nhân. Do lý này nên chúng khởi kiến chấp như vậy và lập luận như vậy.

Nay nên hỏi chúng rằng ông muốn thế nào, cái khổ do phương tiện hiện pháp đưa đến là cái dụng của tác nghiệp đời trước làm nhân, hay là cái dụng của phương tiện hiện pháp làm nhân? Nếu là dụng tác tác làm nhân thì trước ông có nói do siêng năng tinh tiến hủy bỏ nghiệp cũ nên hiện tại nghiệp mới do không tác nhân làm hại nên về sau không có hữu lậu nữa, cho đến nói rộng, là không hợp lý. Nếu dùng phương tiện hiện pháp làm nhân thì trước ông có nói cái tất cả thế gian sĩ phu nhận chịu đều do tác tác làm nhân, là không hợp lý.

Như vậy cái khổ phương tiện hiện pháp là tác tác làm nhân, là công dụng hiện pháp làm nhân, đều không hợp lý. Vì vậy nên luận này nói không đúng lý.

Lại nữa, nay tôi sẽ nói cái tướng nhân như thật. Hoặc có các khổ chỉ dùng túc tác làm nhân, nghĩa là như có một sức tăng thượng tự nghiệp nên sinh về các nẻo ác, hoặc sinh vào gia đình nghèo hèn. Hoặc có khổ v.v... do các tạp nhân sinh ra, nghĩa là như có một nhân tà phụng sự vua, không được quả vui mà trái lại chịu khổ. Cũng giống như việc thờ vua, làm các nghề nghiệp khác như thương mại, nghề nông, nghề trộm cướp, hoặc làm các việc tổn hại hữu tình khác, người có phúc thì được giàu có sung sướng, người vô phúc đâu có dụng công cũng không được quả toại nguyện. Hoặc lại có pháp hoàn toàn do nhân của công dụng hiện tại đưa đến các tạo nghiệp mới. Hoặc nghe chính pháp được giác ngộ. Hoặc lại phát khởi oai nghi. Hoặc lại tu học công xảo. Các loại như vậy là chỉ do nhân của công dụng phương tiện hiện tại.

Có luận cho rằng tác giả là trời Tự Tại. Nghĩa là như có một Sa-môn hay Bà-la-môn khởi kiến chấp như vậy và lập luận như vậy. Tất cả những gì thế gian sĩ phu nhận chịu là do Tự Tại biến hóa làm nhân. Hoặc các trượng phu khác biến hóa làm nhân. Các thuyết như vậy gọi là Tự Tại luận. Những người theo Bất bình đẳng luận đều chấp như vậy.

Hỏi: Do nhân duyên gì các ngoại đạo ấy chấp như vậy và lập luận như vậy?

Đáp: Do giáo và do lý. Giáo như trước đã nói. Lý, là như có một là tính tâm tư, là tính quán sát, rộng như trước đã nói. Chúng do hiện thấy trong nhân quả, thế gian hữu tình không chuyển theo ý mình nên chấp như vậy. Bởi vì sao? Vì hiện thấy thế gian hữu tình trong khi tạo nhân muốn tu tịnh nghiệp nhưng không toại bản tâm, trở lại làm ác. Khi kết quả nguyện sinh về nẻo thiện không toại bản tâm lại đọa vào nẻo ác. Ý nghĩ rằng muốn được sung sướng không được ngược lại phải chịu khổ. Do kiến chấp như vậy nên nghĩ rằng mọi vật trên thế gian phải có một tác giả và biến hóa ra, làm cha của muôn vật, gọi là trời Tự Tại, hoặc là các trời. Nay sẽ hỏi họ.

Ôn-đà-nam nói:

*Công năng không thể tính,
Gồm, không gồm, trái nhau,
Hữu dụng và vô dụng,
Là nhân thành tội lỗi.*

Luận nói: Ông muốn thế nào, công năng biến hóa của trời Đại Tự Tại là dụng, hay nghiệp phương tiện là nhân hay không có nhân? Nếu dụng nghiệp phương tiện làm nhân thì chỉ có công năng dụng nghiệp phương tiện này là nhân chứ không phải các thể gian khác. Thế là không hợp lý. Nếu không có nhân thì chỉ có công năng này không có nhân, chẳng phải vật thể gian. Thế là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, việc đọa thể gian có gồm cả Đại Tự Tại hay không gồm có Đại Tự Tại? Nếu có, thì Đại Tự Tại này đồng với thể pháp mà lại có thể khắp sinh thể gian là không hợp lý. Nếu nói không, thì tức là giải thoát, mà nói có thể sinh thể gian là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, là phải dụng nên khắp sinh thể gian hay không phải dụng? Nếu phải dụng tức không có tự tại rồi mà sao thể gian có tự tại. Thế là không hợp lý. Nếu không phải dụng, thì không cần gì cả mà sinh thể gian là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, sự sinh xuất này là chỉ Đại Tự Tại làm nhân, hay cũng lấy các nhân khác? Nếu chỉ Đại Tự Tại là nhân thì nếu khi có Đại Tự Tại tức khi ấy có xuất sinh. Nếu khi có xuất sinh tức có Đại Tự Tại mà nói xuất sinh dùng Đại Tự Tại làm nhân là không hợp lý. Nếu nói cũng lấy các nhân khác, tức đây chỉ lấy lạc dục làm nhân hay là trừ lạc dục ra còn lấy các nhân khác? Nếu chỉ lấy lạc dục làm nhân, thì lạc dục này là chỉ lấy Đại Tự Tại làm nhân hay lấy các nhân khác? Nếu chỉ Đại Tự Tại là nhân thì nếu khi có Đại

Tự Tại tức khi ấy có lạc dục. Nếu khi có lạc dục tức khi ấy có Đại Tự Tại. Thế là vô thủy thường có xuất sinh, cũng không hợp lý. Nếu nói cũng lấy các nhân khác thì nhân này không thể có, như vậy là không hợp lý. Lại nữa, cái dục ấy không có tự tại mà nói vật ở thế gian có tự tại, thế là không hợp lý.

Như vậy nói là do công năng, gồm hay không gồm, dùng hay không dùng, làm tính của nhân đều không hợp lý. Cho nên luận này không đúng như lý.

Luận chấp hại làm chính pháp, nghĩa là như có một Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp như vậy và lập luận như vậy. Như trong đền thờ của họ trước tiên dùng chú thuật sát hại các sinh mạng, người cúng tế, vật bị sát hại, những người phụ giúp, tất cả chúng đều được sinh cõi trời.

Hỏi: Vì nhân duyên gì các ngoại đạo kia khởi kiến chấp như vậy và lập luận như vậy?

Đáp: Đây là sai trái với lý luận, do nịnh bợ lừa dối mà khởi chứ không do quan sát đạo lý mà lập ra. Nhưng khi cạnh tranh ác kiếp khởi, các Bà-la-môn đã làm trái với pháp Bà-la-môn xưa, vì muốn ăn thịt nên khởi vọng chấp này.

Lại nữa, nên hỏi chúng muốn thế nào, phương pháp chú thuật này là tự thể của pháp hay tự thể của phi pháp? Nếu là tự thể của pháp thì lìa sự sát sinh kia không thể cảm được cái quả mình yêu thích. Chuyển cái phi pháp kia để làm chính pháp là không hợp đạo lý. Nếu tự thể là phi pháp thì tự bản thân là pháp của quả không yêu thích mà có thể chuyển pháp của quả không yêu thích khác, là điều không hợp lý.

Như vậy là đã phá xong. Lại có nói chừa là như độc của thế gian, chú thuật bao gồm không thể làm hại. Phải biết rằng phương pháp chú thuật này cũng như vậy.

Lại nữa, nên hỏi chúng muốn thế nào, nếu chú thuật có thể dứt được độc ngoài thì cũng có thể dứt được cái độc bên trong như tham sân si chẳng hay không thể? Nếu nói có thể dứt được, mà không ở đâu, không lúc nào, không có người nào có thể dứt hết tham sân si v.v..., nên không đúng lý. Nếu nói không thể dứt hết được, mà trước ông đã nói phương pháp chú thuật có thể dứt ngoại độc và cũng có thể dứt trừ nghiệp phi pháp, là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, công năng của chú thuật này là chỉ chuyển nhân hay cũng chuyển được quả? Nếu chỉ chuyển nhân, mà đối với quả thì không thể, là không hợp lý. Nếu cũng chuyển được quả thì phải như chuyển biến, tức khiến con dê v.v... thành đẹp đẽ khả ái. Nhưng bỏ thân con dê v.v... rồi mới được thân trời, là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, người tạo chú thuật có năng lực và lòng thương chẳng? Nếu nói có mà lia việc giết mạng kia không thể đem nó vãng sinh lên trời là không hợp lý. Nếu nói không thì người tạo chú thuật có thể có chỗ dùng là không hợp lý.

Như vậy do nhân, do thí dụ, do không quyết định, do đối với quả không có khả năng, do người chú thuật, là không hợp lý. Cho nên luận này là không đúng như lý.

Lại nữa, nay tôi nói về tướng của phi pháp. Nếu nghiệp tổn hại người khác mà không trị hiện lỗi thì đó là phi pháp. Lại nữa như nghiệp của các người tu đạo mà cùng biết rằng nghiệp này chiêu cảm quả không yêu thích, lại nữa như nghiệp của tất cả những người trí quyết định nói là bất thiện, lại như nghiệp mà tự mình chẳng muốn, lại nữa như nghiệp do nhiễm tâm khởi, lại nữa như nghiệp mà phải đợi có tà chú thuật mới có hiệu nghiệm, lại nữa như nghiệp mà tự tính vô ký, tất cả những nghiệp như thế đều là tướng của phi pháp.

Luận chủ trương có giới hạn không giới hạn, nghĩa là như có một Sa-môn, Bà-la-môn căn cứ vào các tính lự thế gian, ở nơi thế gian ấy trụ tướng hữu biên, tướng vô biên, tướng đều có hữu biên vô biên, tướng đều không hữu biên vô biên, rộng như kinh nói, cho nên khởi kiến chấp như vậy và lập luận như vậy. Thế gian là hữu biên, thế gian là vô biên, thế gian cũng hữu biên cũng vô biên, thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên, phải biết trong đó đã nói nhân duyên và năng chấp.

Trong đây, khi dựa vào đoạn biên tế mà cầu thế biên, nếu ức niệm kiếp hoại, tức đối với thế gian khởi tướng hữu biên. Nếu ức niệm kiếp thành, tức đối với thế gian khởi tướng vô biên. Khi dựa vào phương vực châu quảng mà cầu thế biên, nếu dưới quá vô gián thì không có gì, nếu trên quá tính lự thứ tư thì không có gì, tất cả bốn chung quanh không có ranh giới. Bây giờ đối với trên dưới khởi tướng hữu biên, đối với bốn chung quanh khởi tướng vô biên. Nếu để đối trị cái chấp này, dựa vào văn nghĩa không sai biệt khác, tức đối với thế gian khởi tướng phi hữu biên, tướng phi vô biên.

Nay phải hỏi họ rằng ông muốn thế nào, từ trước kể từ kiếp hoại đến nay đã có thế gian sinh khởi hay không sinh khởi? Nếu nói có, tức ông chấp thế gian hữu biên, thế là không hợp lý. Nếu nói không, thì hiện nay ông dựa vào thế gian này trụ niệm thế gian biên, là không hợp lý.

Như vậy là từ trước đến nay là có, là không, đều không hợp lý. Cho nên luận này nói không đúng như lý.

Luận bất tử kiêu loạn, nghĩa là 4 thứ bất tử kiêu loạn của ngoại đạo, như kinh có nói rộng. Các ngoại đạo ấy, nếu có người đến căn cứ vào thế gian đạo hỏi về thiện bất thiện, căn cứ vào xuất thế gian đạo hỏi về khổ tập diệt đạo, thì liền tự xưng ta là người bất tử loạn, tùy ở đâu đều y vào bất tử tịnh thiên, không phải hỏi lời thôi. Tức là

dùng cách nói tránh né quanh co đối với câu hỏi, xoay chuyển tùy theo câu hỏi.

Trong đây thứ nhất bắt tử loạn là giác chưa khai ngộ, thứ hai đối với pháp đã chứng khởi tăng thượng mạn, thứ ba giác rồi khai ngộ mà chưa quyết định, thứ tư yếu kém ngu độn. Lại nữa còn có thứ nhất là lo sợ nói dối và lo sợ người khác biết mình vô trí mà không trả lời rõ ràng rằng ta không biết. Thứ hai là đối với chỗ chứng của mình chưa hết lo sợ, sợ người khác vặn hỏi, sợ vọng ngữ, sợ tà kiến, nên không nói rõ ràng ta đã có chứng đắc. Thứ ba lo sợ tà kiến lo sợ vọng ngữ, sợ người khác vặn hỏi nên không nói rõ ràng ta không quyết định. Như vậy là 3 thứ mượn có chuyện khác mà nói rối loạn quanh co. Thứ tư chỉ sợ người vặn hỏi. Đối với thế gian đạo và xuất thế gian đạo đều không liễu đạt. Đối với văn tự ở đời cũng không biết rõ mà không nói rõ ràng là ta ngu độn không biết gì cả. Chỉ phẩn vấn người kia rồi tùy theo đó xoay chuyển bằng những cách quanh co. Nhân duyên phát khởi 4 thứ luận kia và những kiến chấp đều đã bị phá như kinh đã nói. Do các ngoại đạo kia có nhiều lo sợ nên dựa và trụ vào kiến chấp này. Nếu có người đến vặn hỏi điều gì thì quanh co tránh né. Những kiến chấp này là thuộc ác kiến. Cho nên luận này chẳng phải nói đúng như lý.

Luận chủ trương không nhân, nghĩa là căn cứ vào tính lự và tư duy không chân chính mà lập ra 2 thứ, như kinh có nói rộng.

Hỏi: Vì nhân duyên gì các ngoại đạo ấy dựa vào tư duy không chân chính khởi kiến chấp như vậy và lập luận như vậy: Ngã và thế gian do không nhân khởi?

Đáp: Nói sơ lược là trước hết do thấy không liên tục các việc trong ngoài sinh khởi vô lượng sai biệt. Hoặc có lúc thấy các nhân duyên trống rỗng không quả báo, cho là thấy thế gian không có nhân duyên. Hoặc có lúc tự nhiên gió lớn nổi lên trong một thời gian rồi yên lặng chấm dứt. Hoặc có lúc nước sông chảy xiết tràn ngập trong

một thời gian rồi tự nhiên cạn kiệt. Hoặc có lúc cây cối sum sê quá tốt trong một thời gian rồi thoát nhiên suy đồi tiêu tụy. Do đó khởi kiến chấp không nhân, lập ra vô nhân luận.

Nay phải hỏi họ rằng cái ý niệm túc trụ của ông là ý niệm vô thể hay ý niệm tự ngã? Nếu là ý niệm vô thể thì cái pháp vô thể chưa từng quán tập, chưa từng kinh qua ý thức mà có thể tùy niệm, là không hợp lý. Nếu là ý niệm tự ngã mà chấp cho rằng cái ngã trước không có, sau tự nhiên sinh, thế là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, tất cả thế gian các vật trong ngoài sinh khởi ra các thứ là tự nhiên sinh khởi không nhân hay có nhân? Nếu không nhân, các thứ sinh khởi thoát nhiên khởi rồi cũng thoát nhiên không sinh, thế là không hợp lý. Nếu có nhân mà ông chấp cho rằng ngã và thế gian do không nhân sinh ra, là không hợp lý. Như vậy cái ý niệm vô thể, tự ngã, trong ngoài các vật không do nhân duyên mà các thứ khác nhau, do nhân duyên kia mà các thứ khác nhau, đều không hợp lý. Cho nên luận này nói không đúng lý.

Đoạn kiến luận, nghĩa là như có một Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến như vậy và lập luận như vậy. Cho đến ta có thô sắc 4 đại tạo thành thân duy trì chưa hoại. Bấy giờ có đau bệnh, ung nhọt, nhưng sau khi ta chết thì dứt hết không còn nữa. Bấy giờ ta khéo đoạn diệt như vậy muốn ở các cõi trời Sắc, hay Vô sắc hay Không xứ sở nhiếp, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ sở nhiếp, như kinh có nói rộng. Nghĩa là nói có 7 thứ đoạn kiến những nhà lập luận chấp như vậy.

Hỏi: Vì nhân duyên gì các ngoại đạo ấy khởi kiến chấp và lập luận như vậy?

Đáp: Do giáo và lý. Giáo như trước đã nói. Lý là như có một là tính tầm tư, là tính quan sát, như trước đã nói rộng. Chúng tư duy như vậy: Nếu sau khi ta chết rồi lại có thân thì phải không tạo nghiệp mà được dị thực. Nếu thể tính của ta tất cả vĩnh viễn là không, thì sự thụ

nghiệp quả cũng không. Quán 2 lý này đều không thể, cho nên khởi kiến chấp và lập luận như vậy. Thân ta chết rồi là đoạn diệt không có, giống như gạch đá một khi đã vỡ rồi không thể hợp lại như cũ thì kia cũng vậy.

Nay nên hỏi họ rằng ông muốn thế nào, là uẩn đoạn diệt hay ngã đoạn diệt? Nếu nói uẩn đoạn diệt, thì thể của uẩn là vô thường, nhân quả lần lượt theo nhau sinh khởi không tuyệt dứt mà nói đoạn diệt là không hợp lý. Nếu là ngã đoạn diệt thì trước ông đã nói thân là do thô sắc của 4 đại tạo ra, có bệnh, có ung nhọt mà nói muốn ở các trời cõi Sắc, Vô sắc, không xứ, cho đến phi tướng phi phi tướng xứ, là không hợp lý.

Như vậy dù nói là uẩn đoạn diệt, dù nói là ngã đoạn diệt đều không hợp lý. Cho nên luận này nói không đúng như lý.

Không kiến luận, nghĩa là như có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy và lập luận như vậy. Nghĩa là không có thí cho, không có ái dưỡng, không có thờ phụng, nói rộng cho đến thế gian không có chân A-la-hán. Kiến chấp như vậy và lập luận như vậy, không có tất cả thể tướng các pháp.

Hỏi: Vì nhân duyên gì các ngoại đạo kia khởi kiến như vậy và lập luận như vậy?

Đáp: Vì do giáo và lý. Giáo như trước đã nói. Lý nghĩa là như có một là tính tầm tư, là tính quan sát, rộng như đã nói ở trước. Lại nữa dựa vào các tĩnh lự thể gian thấy thí chủ ở đời, một thời kỳ thọ mạng hằng hành bố thí không tuyệt dứt. Từ đó mạng chung sinh vào nhà nghèo cùng hạ tiện. Chúng suy nghĩ như vậy, nhất định không bố thí cho, không ái dưỡng, không phụng thờ. Lại thấy có người một đời hằng làm các hạnh tốt, hoặc hành các hạnh ác, thấy chúng mạng chung hoặc đọa vào nẻo ác sinh các Na-lạc-ca, hoặc sang cõi thiện sinh lên trời, chúng nghĩ như vậy, nhất định không có hạnh thiện

hạnh ác, cũng không có 2 nghiệp dị thực của hạnh thiện hạnh ác. Lại thấy có một Sát-đế-lị sau khi mạng chung sinh vào các chủng tính Bà-la-môn, Phệ-xá, Thú-đạt-la. Hoặc Bà-la-môn sau khi mạng chung sinh vào chủng tính Sát-đế-lị hoặc Phệ-xá, Thú-đạt-la. Phệ-xá, Thú-đạt-la v.v... cũng như vậy. Chúng suy nghĩ như vậy, nhất định không có các chủng tính Sát-đế-lị v.v...từ thế gian kia đến trong Sát-đế-lị v.v...trong thế gian này, cũng không có các chủng tính Sát-đế-lị v.v...trong thế gian này đi đến trong Sát-đế-lị ở thế gian kia. Lại nữa lại xem thấy những người ly dục sinh ở bậc dưới. Lại thấy mẹ mạng chung rồi sinh làm con gái. Con gái mạng chung rồi trở lại sinh làm mẹ. Bố chết làm con, con chết làm bố. Chúng thấy bố mẹ không quyết định như vậy rồi suy nghĩ như vậy, thế gian chắc chắn không bố không mẹ. Hoặc lại thấy con người thân hoại mạng chung, hoặc sinh Vô tướng, hoặc sinh Vô sắc, hoặc nhập Niết-bàn, cho nên cầu sinh nơi kia là không thể thấy được. Chúng suy nghĩ như vậy, chắc chắn không có chúng sinh hóa sinh, là vì không thể biết được nơi kia. Hoặc chính bản thân đã khởi tăng thượng mạn A-la-hán rồi, khi mạng chung tự thấy tướng sinh, chúng suy nghĩ như vậy, thế gian chắc chắn không có chân thật A-la-hán. Như vậy co đến nói rộng.

Hỏi: Vì nhân duyên gì lại có kiến chấp như vậy và lập luận như vậy? Không có thể tướng tất cả các pháp?

Đáp: Bởi đối với sự thâm thâm trong kinh Như Lai đã nói, tương tự thậm thâm ly ngôn thuyết pháp không thể hiểu đúng như thật, lại nữa đối với sự an lập pháp tướng mà tư duy không đúng đạo lý nên khởi không kiến. Chúng nghĩ như vậy cho rằng chắc chắn không có thể tướng các pháp.

Nay nên hỏi chúng rằng ông muốn như thế nào, là có đời này thụ nghiệp và có đời sau thụ nghiệp, hay là tất cả đều đời này thụ nghiệp? Nếu đều có, thì ông đã nói không có thí cho, không có ái dưỡng, không có thờ tự, không có diệu hành, không có ác hạnh,

không có các nghiệp dị thực của diêu hạnh ác hạnh, không thể gian này, không thể gian kia, là không hợp lý. Nếu nói không có đời sau thụ nghiệp thì tất cả hành nghiệp tạo tác tịnh và bất tịnh sau khi mạng chung sinh nơi kia liền thụ tất cả nghiệp dị thực tịnh và bất tịnh là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn như thế nào, tất cả từ nơi thai tạng kia và từ chủng tử kia mà sinh ra, thì kia là bố mẹ hay không phải bố mẹ? Nếu nói là bố mẹ, thì ông nói không bô mẹ là không hợp lý. Nếu nói kia không phải bố mẹ, thì từ thai tạng kia và chủng tử kia sinh ra mà nói không phải bố mẹ là không hợp lý. Nếu khi là bố mẹ, khi ấy chẳng phải nam nữ. Nếu khi là nam nữ, khi ấy chẳng phải bố mẹ, không lỗi bất định.

Lại nữa, ông muốn thế nào, là có chúng sinh thụ sinh xứ kia hay thiên nhãn không thấy là không có chăng? Nếu nói có, thì ông nói không có chúng sinh hóa sinh là không hợp lý. Nếu nói không, tức bác bỏ không có người lìa dục tướng, lìa sắc dục, lìa tam giới dục, là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, là có tính A-la-hán mà khởi tăng thượng mạn hay không có? Nếu nói có, thì ông đã nói thế gian chắc chắn không có chân A-la-hán là không hợp lý. Nếu nói không, thì nếu có phát khởi điên đảo tư duy bất chính tự gọi là A-la-hán đó cũng là chân A-la-hán là không hợp lý.

Lại nên hỏi họ, ông muốn như thế nào, tướng pháp viên thành thật, tướng pháp y tha khởi, tướng pháp biến kế sở chấp là có hay là không? Nếu nói có, thì ông đã nói không có tướng cái thể của tất cả pháp là không hợp lý. Nếu nói không, thì phải không điên đảo, chỗ chấp cũng không tạp nhiễm và không thanh tịnh, đó là không hợp lý. Như vậy hoặc thụ trong đời này hay thụ trong đời sau chẳng phải không quyết định, cho nên có chỗ sinh, có tăng thượng mạn, có 3 thứ tướng, đều không hợp lý. Cho nên luận này nói không đúng như lý.

Vọng chấp tối thắng luận, nghĩa là như có một Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến như vậy và lập luận như vậy. Họ cho rằng Bà-la-môn là dòng giống ưu việt. Sát-đế-lị v.v... là dòng giống thấp kém. Bà-la-môn là giống da trắng, các dòng khác là giống da đen, dòng Bà-la-môn có thể được thanh tịnh không như các dòng giống khác. Các Bà-la-môn là con của Phạm vương, sinh ra từ miệng, từ Phạm biến hóa ra, là dòng dõi Phạm vương, là kiếp đấu tranh. Các Bà-la-môn chấp như vậy.

Hỏi: Vì nhân duyên gì các Bà-la-môn khởi kiến chấp như vậy và lập luận như vậy?

Đáp: Do giáo và lý. Giáo như trước đã nói. Lý, nghĩa là như có một là tính tâm tư, là tính quan sát, rộng như trước đã nói. Bởi thấy thế gian, chân Bà-la-môn tính đủ giới, lại tham danh lợi và sự cung kính, nên chấp như vậy.

Nay nên hỏi họ, ông muốn như thế nào, rằng chỉ các dòng giống khác do mẹ sinh ra hay Bà-la-môn cũng vậy? Nếu chỉ các dòng giống khác, thì hiện thấy ở đời các Bà-la-môn đều do từ mẹ sinh ra mà ông báng bỏ việc ấy là không hợp lý. Nếu các Bà-la-môn cũng vậy, thì trước ông nói Bà-la-môn là dòng giống tối thắng, Sát-đế-lị v.v... là giống hạ liệt, thế là không hợp lý. Như từ mẹ sinh ra, như vậy tạo nghiệp bất thiện hay tạo nghiệp thiện, tạo ác hạnh thân ngữ ý hay tạo diệu hạnh thân ngữ ý trong hiện pháp thụ quả không yêu thích hay thụ quả yêu thích, đời sau sinh trong các nẻo ác hay sinh nẻo thiện, nếu 3 xứ hiện tiền là kia là đây, do kia do đây, vào trong thai mẹ, từ thai mẹ sinh ra, nào thế gian nơi công xảo, nơi tác nghiệp, nào thiện bất thiện, nào vua nào tôi, nào hạng cơ trí mẫn tiệp, nào tăng tiến đầy đủ, nào vua thâu nạp làm thị thân, nào không được thâu nạp, nào là pháp lão bệnh tử, nào chẳng phải pháp lão bệnh tử, nào tu Phạm trụ đã sinh nơi trời Phạm thế, nào chẳng phải vậy, nào tu các pháp Bồ-đề phần, nào không tu tập, nào ngộ Thanh Văn Bồ-đề, Độc Giác Bồ-đề, Vô thượng Bồ-đề hay không phải vậy?

Lại nữa ông muốn thế nào, là từ chủng loại thù thắng sinh ra mà gọi là thù thắng hay do giới đức và tiếng tăm ư? Nếu do từ giống loài thù thắng sinh, thì trong luận ông nói trong sự thờ tự hoặc đa văn hơn hoặc giới đức hơn, lấy đó làm lượng, là không đúng lý. Nếu do giới đức, tiếng tăm v.v... thì trước ông đã nói các Bà-la-môn là dòng giống vượt trội hơn cả, các dòng giống khác là thấp kém, thế là không hợp lý.

Như vậy thì sản sinh, tác nghiệp, thụ sinh, nơi công xảo, tăng thượng, được kìa thân nạp, tu Phạm trụ, tu giác phần, chứng Bồ-đề, giới đức tiếng tăm hơn, đều không hợp lý. Cho nên luận này nói không đúng như lý.

Vọng chấp thanh tịnh luận, nghĩa là như có một Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp như vậy và lập luận như vậy. Cho rằng nếu ta giải thoát thì tâm tự tại, Du-già tự tại, gọi là thanh tịnh. Nghĩa là ở nơi các trời thụ ngũ dục vi diệu, tùy ý vui chơi, đó gọi là được hiện pháp Niết-bàn thanh tịnh đệ nhất.

Lại nữa, nếu lìa dục, pháp ác bất thiện, thì ở sơ tĩnh lự được cụ túc trụ, cho đến được cụ túc trụ ở đệ tứ tĩnh lự, đó cũng gọi là được hiện pháp Niết-bàn thanh tịnh đệ nhất.

Lại có ngoại đạo khởi kiến chấp như vậy lập luận như vậy. Cho rằng nếu có chúng sinh tắm rửa thân thể mình trong sông Tôn-đà-lì-ca thì tất cả tội chướng đều được trừ diệt. Cũng giống như sông Tôn-đà-lì-ca, nếu tắm gội thân thể trong các sông Bà-hồ-đà, sông Già-da, sông Tát-la-tát-phạt-đề, sông Khắc-già v.v... tất cả tội chướng đều được trừ diệt, thanh tịnh đệ nhất.

Lại có ngoại đạo chấp cho rằng giữ câu giới thì được thanh tịnh, hoặc giữ ngũ giới, hoặc giữ du mặc giới, hoặc giữ lộ hình giới, hoặc giữ khô giới, hoặc giữ tự khổ giới, hoặc giữ phần uế giới v.v... cho là được thanh tịnh, nói đó là hiện pháp Niết-bàn ngoại đạo và nói nước v.v... là thanh tịnh. Có các ngoại đạo chấp như vậy.

Hỏi: Vì nhân duyên gì chúng khởi kiến chấp như vậy và lập luận như vậy?

Đáp: Do giáo và lý. Giáo như trước đã nói. Lý, nghĩa là như có một là tính tâm tư, là tính quan sát, rộng như trước đã nói. Nghĩa là chúng cho rằng được phóng túng tự tại, dục tự tại, Du-già tự tại, gọi là thanh tịnh thù thắng. Nhưng chúng không biết như thật cái tướng của phóng túng tự tại v.v...

Lại nữa như có một chấp cho rằng tự làm khổ thân thì cái ác của tự mình giải thoát, hoặc tạo tội ác thì tội ác giải thoát.

Nay nên hỏi chúng rằng, ông muốn như thế nào, những người hưởng thụ ngũ dục và vui chơi, là lìa tham dục hay chưa lìa tham? Nếu là người đã lìa tham mà hưởng thụ vui chơi khoái lạc ngũ dục ở đời, là không hợp lý. Nếu là người chưa lìa tham mà cho là giải thoát thanh tịnh, là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn như thế nào, những người được sơ tĩnh lự cho đến cụ túc trụ đệ tứ tĩnh lự, họ đã lìa tất cả tham dục hay chưa lìa? Nếu nói là đã lìa tất cả tham dục mà chỉ có cụ túc trụ cho đến đệ tứ tĩnh lự là không hợp lý. Nếu nói chưa lìa tất cả tham mà chấp cho là cứu cánh giải thoát thanh tịnh là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, ông muốn cho rằng do bên trong thanh tịnh nên cứu cánh thanh tịnh, hay là do bên ngoài thanh tịnh nên cứu cánh thanh tịnh? Nếu do bên trong mà chấp cho rằng tắm gội trong sông mà được thanh tịnh là không hợp lý. Nếu do bên ngoài, còn bên trong đủ mọi thứ như bần như tham sân si v.v..., chỉ trừ cấu uế bên ngoài cho là cứu cánh thanh tịnh là không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, ông muốn cho rằng thụ nhận lấy tịnh vật nên được thanh tịnh, hay thụ nhận vật bất tịnh nên được thanh tịnh ư? Nếu do chấp nhận tịnh vật nên được thanh tịnh, thì thế gian đều nhìn nhận con chó v.v... là bất tịnh, mà ông bảo rằng người

giữ cầu giới v.v... được thanh tịnh là không hợp lý. Nếu nhận lấy vật bất tịnh thì tự thể bất tịnh mà có thể làm cho cái khác thanh tịnh là điều không hợp lý.

Lại nữa, ông muốn thế nào, những người giữ cầu giới v.v... là thực hành thân v.v... các hạnh tà ác mà được thanh tịnh, hay là thực hành thân v.v... chính diệu hạnh nên được thanh tịnh ư? Nếu do làm các hạnh tà ác, thế mà cho là được thanh tịnh là không hợp lý. Nếu do thực hành chính diệu hạnh mà lại giữ cầu giới v.v... thì hỏng mất hết, sao ông còn bảo là được thanh tịnh? Thế là không hợp lý.

Như vậy là lìa dục không lìa dục, bên trong bên ngoài, nhận vật tịnh vật bất tịnh, tà hạnh chính hạnh, đều không hợp lý. Cho nên luận này nói không đúng như lý.

Vọng chấp cát tường luận, nghĩa là nếu có một Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp như vậy và lập luận như vậy. Luận này chủ trương cho rằng trên thế gian nếu khi có nhật thực nguyệt thực, tinh tú sai lệch thì dù việc gì mình muốn thực hiện cũng không thành. Nếu tùy thuận thì điều mong muốn mới thành tựu. Vì ý nghĩa đó nên siêng năng cúng kính mặt trời mặt trăng tinh tú v.v... thờ lửa, tụng chú, an trí cỏ mao, dâng đầy quả Tì-la-bà và các thứ vật phẩm v.v... Những nhà toán số xem lịch chấp như vậy.

Hỏi: Vì nhân duyên gì họ khởi kiến chấp và lập luận như vậy?

Đáp: Do giáo và lý. Giáo như trước đã nói. Lý, nghĩa là như có một là tính tầm tư, là tính quan sát, rộng như trước đã nói. Do chúng được tĩn lự thế gian, thế gian đều gọi là A-la-hán. Nếu có ai muốn cầu mình được giàu có sung sướng thì đến xin hỏi chúng. Nhưng chúng không biết như thật nghiệp quả tương ưng và đạo lý duyên sinh, chỉ biết chuyện thế gian nhật nguyệt thực và hành trình tinh tú. Còn nghiệp chúng sinh tịnh bất tịnh, dị thực thành thực thì chúng chấp cho rằng do nhật nguyệt tạo nên, rồi tin là như vậy và lập thuyết nói ra.

Nay nên hỏi chúng rằng ông muốn như thế nào, những việc thịnh suy ở đời là do nhật nguyệt thực và sự sai lệch lộ trình tinh tú gây nên, hay do nghiệp tịnh bất tịnh tạo ra? Nếu nói do nhật nguyệt thực v.v... gây nên thì hiện thấy trong đời tạo nghiệp phúc hay phi phúc cảm quả thịnh suy vui khổ, thế là không hợp lý. Nếu do nghiệp tịnh bất tịnh tạo ra thì ông nói do nhật nguyệt thực v.v... là không hợp lý.

Như vậy nói do nhật nguyệt thực v.v... gây nên, do nghiệp tịnh bất tịnh tạo ra 2 cách nói đều không hợp lý. Cho nên luận này nói không đúng như lý.

Như vậy 16 thứ dị luận, theo 2 môn phát khởi quán sát, theo chính đạo lý suy nghiệm quán sát, tất cả các thứ lập luận kia đều không hợp lý.

QUYỂN 10 HẾT

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 11

Phẩm 2- 7: NHIỆP TỊNH NGHĨA

Luận pháp nhiều thứ là Ôn-đà-nam nói:

*Luận thể, luận xử sở,
Luận cứ, luận trang nghiêm,
Luận phụ, luận xuất ly,
Luận nhiều pháp sở tác.*

Luận nói: Luận pháp có 7 thứ: 1.Luận thể tính. 2.Luận xử sở. 3.Luận sở y. 4.Luận trang nghiêm. 5.Luận đọa phụ. 6. Luận xuất ly. 7.Luận nhiều pháp sở tác.

Luận thể tính lại có 6 thứ: 1.Ngôn luận. 2.Thượng luận. 3.Tranh luận. 4.Hủy báng luận. 5.Thuận chính luận. 6.Giáo đạo luận.

Ngôn luận, nghĩa là tất cả ngôn thuyết, ngôn âm, ngôn từ.

Thượng luận, nghĩa là những ngôn luận mà thế gian ưa thích nghe.

Tranh luận, nghĩa là căn cứ vào các dục mà khởi. Như những cái dục mình nắm giữ mà người khác giành lấy. Hoặc cái dục người khác nắm giữ mình giành lấy. Hoặc cái dục của hữu tình nắm giữ mà mình và người đều thích, cùng nhau giành lấy. Như là ca vũ hý kịch, con hát người hầu, hoặc đi xem nghe, hoặc thu dùng. Trong các sự ham muốn khác nhau đó, người chưa lia dục đang bị nhiễm các

tham muốn của cõi dục, do kiên chấp, do trói buộc, do đam mê, do tham ái mà phần nộ ra oai tranh giành nhau vì trái nhau, khác nhau, hại nhau. Từ ác hành khởi, hoặc tự mình làm các ác hạnh nơi thân ngữ hủy báng người khác, hoặc người khác làm các ác hạnh nơi thân ngữ hủy báng mình, hoặc mình và người đều thích cái ác hạnh nơi thân ngữ mà dùng nó hủy báng lẫn nhau. Những việc như vậy đã làm hoặc chưa làm. Các ác hạnh, nghĩa là người câu chấp tham sân si quá nặng, do sự chấp chặt, do giữ lấy, do tham ái, phần nộ lẫn nhau, đem nhiễm tâm ra oai tranh đấu vì khác nhau, vì trái nhau, vì hại nhau mà luận tranh. Hoặc do kiến mà khởi chấp, như thân kiến, đoạn kiến, thường kiến, vô nhân kiến, ác nhân kiến v.v... khởi các tà kiến của 2 thứ ngoại đạo, và các thứ ác kiến khác. Trong các kiến chấp ấy, hoặc mình chấp mà người khác ngăn chặn, hoặc người khác chấp mình ngăn chặn, hoặc khiến người lìa bỏ chỗ kiến chấp, hoặc vì giữ lấy chỗ chưa kiến chấp. Trong các việc như vậy, người chưa ly dục thì như trước, cho đến tranh luận vì hại lẫn nhau. Đó gọi là tranh luận.

Hủy báng luận, nghĩa là phần nộ lẫn nhau, đem nhiễm tâm phát khởi uy thế hủy báng nhau. Như là lời thô tục, nói dối, nói thêu dệt, cho đến nói pháp xấu ác sai pháp luật. Nếu vì hữu tình nói pháp như thế, hoặc lọc lựa cắt xén, hoặc dạy dỗ bảo ban đều gọi là hủy báng luận. Bởi vì sao? Vì chống trái thật tướng, vì dẫn đến đường ác, vì luống lập công vô ích. Cho nên các luận này gọi là hủy báng luận.

Thuận chính luận, nghĩa là nói pháp thiện đúng pháp luật. Nếu vì hữu tình nói pháp như thế, hoặc lọc lựa cân nhắc, hoặc dạy dỗ bảo ban để đoạn sự sinh nghi của hữu tình, để khéo thấu suốt nghĩa sâu xa, để làm cho trí kiến rốt ráo thanh tịnh thì đều gọi là thuận chính luận. Bởi vì sao? Vì thuận chính hạnh, vì thuận chính nghĩa. Cho nên luận này gọi là thuận chính luận.

Giáo đạo luận, nghĩa là trong thuận chính luận, vì khiến tu tập tăng thượng tâm học tăng thượng tuệ học, nên nơi chỗ dạy dỗ tâm

chưa định thì khiến tâm định, tâm đã định thì khiến giải thoát, chưa được trí chân thật thì khai ngộ khiến được, đã được trí chân thật thì khiến tu đầy đủ viên mãn, gọi là giáo đạo luận. Bởi vì sao? Vì dạy dỗ hữu tình rõ ràng khúc chiết. Cho nên luận này gọi là giáo đạo luận.

Hỏi: Quán sát như thật 6 thứ luận này thì có bao nhiêu luận là chân thật có thể đem đến nghĩa lợi cần phải tu tập, có bao nhiêu luận là không chân thật có thể dẫn đến vô nghĩa cần phải tránh xa?

Đáp: Hai luận sau cùng là chân thật dẫn đến nghĩa lợi cần phải tu tập. Hai luận ở giữa là không chân thật dẫn đến vô nghĩa cần phải tránh xa. Hai luận đầu tiên cần phải phân biệt.

Luận xứ sở, nghĩa là luận về xứ sở có 6 thứ: 1. Ở trước vua. 2. Ở trước người chấp lý. 3. Ở trong đại chúng. 4. Ở trước người hiểu rõ pháp nghĩa. 5. Ở trước Sa-môn, Bà-la-môn. 6. Ở trước người thích pháp nghĩa.

Luận sở y, nghĩa là phải biết có 10 thứ. Tức là nghĩa sở thành có 2 thứ và pháp năng thành có 8 thứ.

Nghĩa sở thành có 2 thứ là một là tự tính, hai là sai biệt sở thành. Tự tính nghĩa là có lập là hữu, không lập là vô. Sở thành sai biệt nghĩa là hữu thượng lập hữu thượng, vô thượng lập vô thượng, thường lập là thường, vô tướng lập là vô thường. Cũng như vậy hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, tất cả những nghĩa môn sai biệt vô lượng như vậy, gọi là sở thành sai biệt.

Pháp năng thành có 8 thứ là: 1. Lập tông. 2. Biện nhân. 3. Dẫn dụ. 4. Đồng loại. 5. Khác loại. 6. Hiện lượng. 7. Tỷ lượng. 8. Chí giáo.

Lập tông, nghĩa là căn cứ vào 2 thứ nghĩa sở thành mà nhiếp thụ riêng biệt. Tự tông mình chấp nhận gồm luận giáo, tự biện, hoặc nghe từ người khác, hoặc để thành lập tông mình, hoặc để làm rõ cái

sai của tông khác, hoặc để bề gãy dè bẹp kiêu mạn, hoặc để xô ngã sự lẳng mạ, hoặc vì thương xót hữu tình.

Biện nhân, nghĩa là để thành tựu chỗ lập tông, dựa vào các dẫn dụ cùng loại, khác loại, hiện lượng, tỷ lượng và chí giáo biện giải nguyên nhân của đạo lý.

Dẫn dụ, nghĩa là để thành tựu chỗ lập nghĩa nên dẫn nhân dựa vào các tập quán của thế gian đã chấp nhận và các pháp để hiểu để so sánh.

Cùng loại, nghĩa là hoặc trong hiện tại, hoặc trước đã trông thấy tướng mạo tương tự. Cùng loại này có 4 thứ: 1. Tự thể. 2. Nghiệp. 3. Pháp. 4. Nhân quả.

Tự thể tương tự, nghĩa là tướng mạo tương tự. Nghiệp tương tự, nghĩa là tác dụng tương tự. Pháp tương tự, nghĩa là các pháp môn sai biệt trên tự thể lần lượt tương tự. Như pháp vô thường và pháp khổ, pháp khổ và pháp vô ngã, pháp vô ngã với pháp sinh, pháp sinh với pháp lão, pháp lão với pháp tử. Cũng như vậy, hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, những pháp môn sai biệt vô lượng như vậy lại tương tự lẫn nhau. Nhân quả tương tự, nghĩa là những nhân quả năng thành sở thành lại tương tự lẫn nhau, đều gọi là cùng loại.

Khác loại, nghĩa là các pháp tùy nghĩa khác nhau không tương tự nhau. Đây cũng có 4 thứ trái ngược trên.

Hiện lượng có 3 tướng: 1. Tướng không phải không hiện thấy. 2. Tướng không phải do cấu tướng tạo thành. 3. Tướng không phải thấy do thác loạn.

Tướng không phải không hiện thấy, lại có 4 thứ. Tức là do các căn không hoại, khi tác ý hiện tiền: cùng loại sinh, khác loại sinh, không chướng ngại, không quá xa.

Cùng loại sinh, nghĩa là đục trời buộc các căn nơi đục cảnh, các căn nơi địa trên đã sinh hay chờ sinh nơi cảnh của địa trên, hoặc sinh hoặc khởi gọi là cùng loại sinh. Khác loại sinh, nghĩa là các căn của địa trên nếu đã sinh ở cảnh của địa dưới v.v... gọi là khác loại sinh. Không chướng ngại, nghĩa là có 4 thứ: 1. Chẳng phải che lấp làm chướng ngại. 2. Chẳng phải ẩn giấu làm chướng ngại. 3. Chẳng phải ánh chiếu làm chướng ngại. 4. Chẳng phải mê hoặc làm chướng ngại.

Che lấp làm chướng ngại, nghĩa là che cách bởi tối tăm, vô minh, màu sắc không trong sạch. Ẩn giấu làm chướng ngại, nghĩa là che giấu bởi sức của dược thảo, sức của chú thuật, sức của thần thông. Chướng ngại bởi ánh chiếu, nghĩa là vật gì ít thì bị vật nhiều che lấp nên không thể thấy. Hoặc ăn uống bị tác dụng của thuốc độc. Hoặc tóc lông bị các vật thô che trùm, những loại như vậy vô lượng vô biên. Lại như ánh sáng yếu bị ánh sáng mạnh ánh chiếu làm cho không thấy được, như ánh mặt trời ánh chiếu trăng sao v.v... Lại như năng trị ánh chiếu mất sở trị. Nghĩa là quán bất tịnh ánh chiếu mất tướng tịnh, quán vô thường khổ vô ngã ánh chiếu mất tướng thường lạc ngã, sức của quán vô tướng ánh chiếu mất các tướng. Hoặc chướng ngại, nghĩa là như ảo hóa tạo ra hoặc tướng mạo khác nhau hoặc tương tự, hoặc bên trong làm hoa mắt, hôn muội, chiêm bao, ngất loạn, say rượu, phóng dật, điên cuồng v.v... những loại như vậy gọi là hoặc chướng. Nếu không bị 4 thứ chướng này làm trở ngại gọi là không chướng ngại. Không quá xa, nghĩa là không phải 3 thứ quá xa: 1. Xứ quá xa. 2. Thời quá xa. 3. Suy chiết quá xa. Như vậy gọi chung là chẳng phải không hiện thấy. Do chẳng phải không hiện thấy nên gọi là hiện lượng.

Chẳng phải cấu tướng, thành tướng lại có 2 thứ: 1. Vừa thủ liền thành cảnh sở y của thủ. 2. Kiến lập cảnh giới cảnh sở y của thủ.

Vừa thủ liền thành cảnh sở y của thủ, nghĩa là nếu cảnh năng tác, vừa thủ liền thành sở y của thủ. Giống như lương y cho thuốc

người bệnh, sắc hương vị xúc đều đầy đủ, có thể lực lớn thành thực uy đức. Nên biết rằng thuốc này sắc hương vị xúc vừa thủ liền thành cảnh sở y của thủ, thuốc có thể lực lớn thành thực uy đức. Nếu bệnh chưa lành là do cấu tướng. Khi bệnh lành tức không phải cấu tướng. Những loại như vậy gọi là vừa mới thủ liền thành cảnh sở y của thủ. Kiến lập cảnh giới cảnh sở y của thủ, nghĩa là nếu cảnh có thể làm kiến lập cảnh giới sở y của thủ, như các sư Du-già giả cấu tướng địa giới thủy giới hỏa giới phong giới. Nếu nơi địa giới giả làm thủy mà hiểu, tức dựa vào địa tướng kiến lập thủy tướng. Nếu nơi địa giới giả làm 2 cái hiểu là hỏa và phong, tức dựa vào địa tướng kiến lập 2 tướng hỏa và phong. Trong đây địa tướng tức là kiến lập cảnh giới. Thủ địa giới tức là kiến lập cảnh giới sở y của thủ. Cũng giống như địa tướng, đối với các tướng thủy hỏa phong cũng đều như vậy. Cho nên gọi là kiến lập cảnh giới cảnh sở y của thủ. Trong đây kiến lập cảnh giới cảnh sở y của thủ không phải do cấu tướng làm ra, không phải hiểu như giả tướng. Địa v.v... các giới nếu hiểu chưa thành thì gọi là cấu tướng lập ra. Nếu hiểu thành tựu tức chẳng phải cấu tướng. Như vậy gọi là phi cấu tướng tạo ra. Do phi cấu tướng tạo ra nên gọi là hiện lượng.

Tướng không phải thấy do thác loạn, nghĩa là phải biết có 5 thứ hoặc 7 thứ. Năm thứ nghĩa là chẳng phải 5 thứ do thác loạn mà thấy. Năm thứ thác loạn là: 1. Tướng thác loạn. 2. Số thác loạn. 3. Hình thác loạn. 4. Hiện thác loạn. 5. Nghiệp thác loạn. Bảy thứ nghĩa là chẳng phải 7 thứ do thác loạn mà thấy. Bảy thứ thác loạn tức là 5 thứ thác loạn này cùng với 2 thứ biến hành thác loạn hợp thành 7 thứ. Hai thứ thác loạn là: 1. Tâm thác loạn. 2. Kiến thác loạn.

Tướng thác loạn, nghĩa là với không phải tướng kia mà khởi tướng là tướng kia. Như sóng nắng, con nai khát nước khởi tướng là nước. Số thác loạn, nghĩa là đối với số ít khởi tăng thượng mạn cho là nhiều. Như hoa mắt thấy một mặt trăng thành nhiều mặt trăng.

Hình thác loạn, nghĩa là đối với các hình khởi tăng thượng mạn về các hình. Như một đóm lửa xoay tròn thấy thành vòng lửa. Hiện thác loạn, nghĩa là đối với các hiện sắc khởi tăng thượng mạn về các hiện sắc. Như bị bệnh Ca-mạt-la làm tổn hoại nhãn căn, những vật không phải màu vàng đều thấy thành màu vàng. Nghiệp thác loạn, nghĩa là đối với không có nghiệp khởi tăng thượng mạn cho là có nghiệp. Như chạy nhanh thấy cây cối trôi nhanh ra phía sau. Tâm thác loạn, nghĩa là tức 5 thứ nghĩa thác loạn, tâm sinh vui mừng. Kiến thác loạn, nghĩa là tức 5 thứ làm cho nghĩa thác loạn, nhãn chịu nói rõ, an lập bảo trọng vọng tưởng chấp chặt. Nếu chỗ thấy không thác loạn như vậy, gọi là hiện lượng.

Hỏi: Như vậy hiện lượng có những gì?

Đáp: Lược nói có 4 thứ: 1. Sắc căn hiện lượng. 2. Ý thụ hiện lượng. 3. Thế gian hiện lượng. 4. Thanh tịnh hiện lượng.

Sắc căn hiện lượng là cảnh giới sắc tướng sở hành của 5 căn, như trước đã nói thể tướng của hiện lượng. Ý thụ hiện lượng là cảnh giới sở hành của ý căn, như trước đã nói thể tướng của hiện lượng. Thế gian hiện lượng là 2 thứ trước gọi chung là thế gian hiện lượng. Thanh tịnh hiện lượng là nếu thế gian hiện lượng cũng là thanh tịnh hiện lượng thì có thanh tịnh hiện lượng chẳng phải thế gian hiện lượng. Nghĩa là trí xuất thế đối với cảnh sở hành có biết là hữu, không biết là vô, có thượng biết là hữu thượng, không thượng biết là vô thượng không chung với thế gian gọi là thanh tịnh hiện lượng.

Tỷ lượng, nghĩa là những cảnh giới suy đặc tư duy lựa chọn. Những cảnh giới này có 5 thứ: 1. Tướng. 2. Thể. 3. Nghiệp. 4. Pháp. 5. Nhân quả.

Tướng tỷ lượng là tùy tướng mạo nó có, hoặc do hiện tại và trước đã có trông thấy rồi suy đặc cảnh giới. Như trông thấy có cờ hiệu nên biết có xe, thấy khói nên biết có lửa. Cũng như vậy lấy vua

so sánh với nước, lấy chồng so sánh với vợ, lấy bò rừng so sánh với bò nhà, lấy thân hình mềm mại tóc đen mịn sắc đẹp so sánh biết là trẻ trung, lấy mặt nhăn tóc bạc v.v...so sánh biết là già, lấy chấp tướng so sánh với đạo là tục, lấy sự ưa gặp thánh giả, ưa nghe chính pháp, xa lia kiêu mạn so sánh với người chính tín. Lấy sự khéo tư duy, nói giỏi, làm tốt so sánh với người thông tuệ. Lấy từ bi ái ngữ dịu dàng mãnh, ưa bố thí, khéo giải thích ý nghĩa sâu xa so sánh biết là Bồ-tát. Lấy trạo cử thô động dễ xuôi theo vui chơi du hí so sánh với chưa ly dục. Lấy sự hằng tịch tĩnh oai nghi nên so sánh biết là ly dục. Lấy sự đầy đủ tướng hảo vi diệu trí tuệ tịch tĩnh thắng hạnh biện tài so sánh biết là Như Lai ứng chính đẳng giác đầy đủ nhất thiết trí. Thấy tướng mạo thiếu niên kia so sánh mà biết khi về già. Những điều như vậy, những danh tướng như vậy là tỷ lượng. Thể tỷ lượng là do hiện thấy tự thể tính kia nên so sánh vật kia không hiện thấy thể, hoặc hiện thấy một phần tự thể kia mà so sánh các phần khác, như lấy hiện tại so sánh quá khứ vị lai, hoặc lấy quá khứ so sánh việc vị lai, hoặc lấy việc gần trong hiện tại so sánh việc xa trong hiện tại. Hoặc như các việc ăn mặc trang sức xe cộ v.v...xem thấy một phần nhỏ sự được mất mà so sánh biết tất cả. Hoặc lấy một phần thành thực so sánh các phần thành thực khác. Những loại như vậy gọi là thể tỷ lượng.

Nghiệp tỷ lượng, nghĩa là lấy cái tác dụng mà nghiệp này y cứ vào, như thấy một vật ở xa không lay động chim chóc đậu trên đó, như thế thì so sánh biết là cây trụ lá. Nếu có lay động v.v... thì so sánh biết đó là người. Nếu thấy dấu chân to rộng thì so sánh biết đó là dấu chân voi. Thân bò đi trên mặt đất thì so sánh biết là rắn. Nếu nghe tiếng hí thì so sánh biết đó là ngựa, tiếng rống so sánh biết là sư tử, tiếng kêu to so sánh biết là bò chúa. Thấy thì so sánh bằng mắt. Nghe so sánh bằng tai. Mũi so sánh bằng mũi. Vị so sánh bằng lưỡi. Chạm xúc so sánh bằng thân. Thức so sánh bằng ý. Dùng gậy dò nước, chạm đầu gậy so sánh biết là đất. Nếu thấy nơi đó cỏ cây tươi tốt lá xanh so

sánh biết là có nước. Nếu thấy tro nóng so sánh biết có lửa. Nếu thấy cỏ cây lay động so sánh biết có gió. Nếu thấy mắt nhắm cầm gậy dò đường v.v... so sánh biết là người mù. Nói lớn tiếng, nghiêng tai so sánh biết là điếc. Lấy chỗ tạo nghiệp so sánh biết là chính tín thông tuệ Bồ-tát. Chưa ly dục, ly dục, Như Lai nên biết như trước.

Pháp tỷ lượng, nghĩa là đối với tất cả các pháp tương thuộc, lấy một so sánh những cái khác. Như thuộc vô thường so sánh biết có khổ. Lấy thuộc khổ nên so sánh với không, vô ngã. Lấy thuộc sinh nên so sánh có pháp lão. Lấy thuộc lão nên so sánh có pháp tử. Lấy thuộc hữu sắc, hữu kiến, hữu ngại so sánh có xứ sở và có hình chất. Thuộc hữu lậu nên so sánh biết có khổ. Thuộc vô lậu nên so sánh biết không khổ. Thuộc hữu vi nên so sánh biết có pháp sinh trụ dị diệt. Thuộc vô vi nên so sánh biết ngược lại với kia. Những loại như vậy gọi là pháp tỷ lượng.

Nhân quả tỷ lượng, nghĩa là so sánh tướng nhân quả. Như thấy vật đi, so sánh biết là có chỗ đến. Thấy có chỗ đến, so sánh biết trước đó có đi. Như thấy có người thờ vua đúng như pháp, so sánh biết là sẽ được bổng lộc địa vị lớn. Thấy bổng lộc địa vị lớn so sánh biết là trước đã như pháp thờ vua. Nếu thấy có người tạo nghiệp thiện đầy đủ, so sánh biết chắc chắn sẽ được giàu có lớn. Thấy giàu có lớn thì so sánh biết trước đã làm đủ nghiệp thiện. Thấy làm việc thiện ác, so sánh sẽ biết có hưng suy. Thấy có hưng suy, so sánh biết trước có thiện ác. Nếu thấy ăn uống dồi dào so sánh biết là no đủ. Thấy no đủ so sánh biết ăn uống dồi dào. Nếu thấy có người ăn uống không bình thường so sánh biết có bệnh. Nếu thấy có bệnh so sánh biết là ăn uống không bình thường. Thấy có tinh lự so sánh biết là ly dục. Thấy người ly dục so sánh biết là có tính lự. Nếu thấy tu đạo so sánh biết chắc sẽ được 4 quả Sa-môn. Nếu thấy có được 4 quả Sa-môn so sánh biết là tu đạo. Nên biết rằng tất cả những loại như vậy gọi là nhân quả tỷ lượng. Như vậy gọi chung là tỷ lượng.

Chí giáo, nghĩa là chỗ lập ngôn giáo của tất cả những người trí. Hoặc theo kia nghe pháp thùy theo pháp tu hành. Đây lại có 3 thứ: 1. Gồm các thánh ngôn. 2. Đối trị lia nhiễm. 3. Không trái pháp tướng.

Gồm các thánh ngôn là những kinh giáo do Như Lai và các đệ tử giảng nói, lần lượt lưu truyền đến nay, không trái chính pháp không sai chính nghĩa. Đối trị lia nhiễm là khi y theo pháp này khéo tu tập, có thể vĩnh viễn điều phục tham sân si v.v... tất cả phiền não và tùy phiền não. Không trái pháp tướng là ngược lại với trái pháp tướng, gọi là không trái pháp tướng. Những gì gọi là trái pháp tướng? Nghĩa là nơi vô tướng tăng làm hữu tướng. Như chấp có ngã, có mạng hữu tính, có sinh, hoặc thường, hoặc đoạn, hữu sắc vô sắc v.v... những loại như vậy. Hoặc nơi hữu tướng giảm làm vô tướng. Hoặc nơi quyết định lập làm bất định. Như tất cả hành đều là vô thường, tất cả hữu lậu tính đều là khổ, tất cả các pháp đều là vô ngã, mà vọng kiến lập một phần là thường một phần là vô thường, một phần là khổ một phần là chẳng phải khổ, một phần hữu ngã một phần vô ngã. Như vậy nơi Phật lập là pháp không thể ghi nhận thì cứ một mực ghi nhận phân biệt, rồi lại suy tìm gọi là nên lập ghi nhận. Hoặc nơi bất định kiến lập là định. Như chấp tất cả lạc thụ đều do tham tùy miên, tất cả khổ thụ đều do sân tùy miên, tất cả bất khổ bất lạc thụ đều do si tùy miên, tất cả khổ lạc đều là hữu lậu, suy nghĩ đã tạo nghiệp chi thụ khổ báo. Những loại như vậy hoặc ở trong pháp hữu tướng, tướng vô sai biệt kiến lập sai biệt, tướng hữu sai biệt lập làm vô biệt. Như y tướng hữu vi sai biệt, trong pháp vô vi cũng lập sai biệt. Y tướng vô sai biệt của pháp vô vi, trong pháp hữu vi cũng không lập sai biệt. Như nơi hữu vi vô vi, cũng vậy nơi nơi hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu v.v... tùy chỗ phù hợp tất cả đều phải biết. Lại nữa, nơi hữu tướng lập tướng nhân quả không như chính lý. Như lập diệu hạnh cảm quả không ưa thích, lập các ác hạnh có thể cảm quả ưa thích, chấp nơi các ác thuyết pháp luật, tập các tà hạnh có thể được thanh tịnh.

Lại nữa, nơi tạp nhiễm lập làm thanh tịnh, nơi thanh tịnh lập làm tạp nhiễm, nơi tướng không thật, lấy giả ngôn thuyết lập làm chân thật, nơi tướng chân thật dùng giả ngôn thuyết lập không chân thật. Như ở trong pháp hằng lia ngôn thuyết thì dùng ngôn thuyết hý luận kiến lập thắng nghĩa. Những loại như vậy gọi là trái pháp tướng. Ngược lại tướng sai trái này gọi là tướng không sai trái, tức là chí giáo.

Hỏi: Nếu tất cả pháp tự tướng thành tự, tự nghĩa sai biệt tự nhiên kiến lập, thì vì nhân duyên gì lập ra có 2 thứ thành nghĩa?

Đáp: Vì muốn sinh thành chỗ tin hiểu cho người khác, chứ không phải để sinh thành tướng mạo các pháp.

Hỏi: Vì muốn thành tự chỗ thành lập nghĩa, vì sao trước nói lập tông?

Đáp: Vì để trước hiển thị cái nghĩa mình yêu thích.

Hỏi: Vì sao tiếp đến biện giải về nhân?

Đáp: Vì muốn khai hiển dựa vào pháp hiện thấy quyết định đạo lý. Tức không lia bỏ nghĩa ở chỗ lập tông.

Hỏi: Vì sao tiếp đến dẫn thí dụ?

Đáp: Vì muốn hiển thị pháp hiện thấy có thể thành chỗ y chỉ của đạo lý.

Hỏi: Vì sao sau nói đến cùng loại, khác loại, hiện lượng, tỷ lượng, chí giáo v.v... ư?

Đáp: Vì muốn khai thị cái trí tương vi bất tương vi của 2 thứ nhân và dụ. Lại nữa, tương vi là do 2 thứ nhân: 1. Do không quyết định. 2. Do cùng chỗ làm thành. Bất tương vi cũng do 2 nhân: 1. Do quyết định. 2. Do khác chỗ làm thành. Trong đây tương vi là thành chỗ lập tông nghĩa không thể là lượng, nên không gọi là lượng. Bất tương vi là thành chỗ lập tông nghĩa có thể là chính lượng, nên gọi là lượng. Đó gọi là luận sở y.

Luận trang nghiêm, có 5 thứ cần phải biết: 1. Giỏi tông mình và tông người. 2. Nói đủ viên mãn. 3. Không sợ. 4. Nghiêm túc. 5. Ứng cúng.

Giỏi tông mình và tông người, nghĩa là như có một đối với chính pháp và Tì-nại-da này sinh yêu thích sâu sắc, tức đối với tự luận tông bản, đọc tụng thụ trì, nghe đúng xét kỹ, thuần thực tu hành. Đã giỏi, đã nói, đã rõ, lại đối với pháp kia và Tì-nại-da kia không yêu không thích. Đối với luận tông bản kia, chỉ đọc tụng, thụ trì, nghe và suy nghĩ chín chắn mà không tu hành, nhưng đã giỏi, đã nói, đã rõ. Đó gọi là giỏi tông mình và tông người.

Nói đủ viên mãn, nghĩa là như có một âm thanh viên mãn không phạm âm thanh. Âm thanh, tức là đủ 5 đức: 1. Không quê kịch. 2. Nhẹ nhàng dễ dãi. 3. Hùng tráng sán lạn. 4. Tương ưng. 5. Nghĩa thiện.

Thế nào là không quê kịch? Nghĩa là xa lìa nơi biên bị thô lậu. Thế nào là nhẹ nhàng dễ dãi? Nghĩa là thế gian cùng chung lập, chẳng phải các thuyết khác. Thế nào là hùng tráng sán lạn? Nghĩa là đối với nghĩa thì kiến lập ngôn từ thành nghĩa xảo diệu hùng tráng. Thế nào là tương ưng? Nghĩa là thuận hợp công đức pháp nghĩa trước sau. Thế nào là nghĩa thiện? Nghĩa là không điên đảo, có thể dẫn phát lợi ích thế gian xuất thế gian. Lại nữa tương ưng luận này còn do 9 thứ tướng sai biệt nên ngữ cụ viên mãn: 1. Không tạp loạn. 2. Không thô lỗ. 3. Biện rõ. 4. Hạn lượng. 5. Tương ưng với nghĩa. 6. Đúng thời. 7. Quyết định. 8. Hiện rõ. 9. Liên tục. Lấy đây bổ túc cho trước, gọi chung là ngữ cụ viên mãn. Không sợ, nghĩa là như có một nơi nào có đông người, người là, người lớn, người xuất sắc, người chần chú dò xét, người giỏi v.v... tâm không tự ti không khiếp sợ, thân không toát mồ hôi, mặt không biến sắc, tiếng nói không lập cập không yếu ớt v.v... những loại như vậy gọi là không sợ. Nghiêm túc, nghĩa là như có một tính không phần hận, không thay đổi sắc mặt, thân không lúng túng v.v... những loại như vậy gọi là nghiêm túc. Ứng cúng,

nghĩa là như có một tính thiện, tính dễ ưa không rầu rĩ, thường an trụ nơi thiện khả lạc, mở lời nói thuận tâm người, biết thời, như thật, ích mình ích người, có thể dẫn nghĩa lợi, lời nói nhỏ nhẹ thân thiện, đó gọi là ứng cúng.

Nếu y vào tướng 5 luận trang nghiêm mà ngôn luận, phải biết lại có 27 thứ ca ngợi công đức. Hai mươi bảy thứ là những gì? 1. Được chúng kính trọng. 2. Nói ra ắt tin thụ. 3. Trong đại chúng càng thêm vô úy. 4. Đối với các tông khác biết rõ chỗ lỗi. 5. Đối với tông mình biết quyết định đức. 6. Không tránh chấp. 7. Đối với chỗ thụ luận tình không thiên lệch. 8. Đối với chính pháp và Ti-nại-da của mình không bị đoạt mất. 9. Đối với người nói mau chóng hiểu ngộ. 10. Đối với người nói mau chóng lĩnh thụ. 11. Đối với người nói mau chóng hiểu rõ lý thú. 12. Có thể dùng ngữ đức thắng phục đại chúng. 13. Vui vẻ chấp nhận người tin hiểu luận nhân minh. 14. Có khả năng giải thích nghĩa câu văn. 15. Thân không nhọc mệt. 16. Tâm không nhọc mệt. 17. Nói không ngượng nghịu lấp bắp. 18. Tài biện luận vô tận. 19. Thân không mau chóng tiêu tụy. 20. Không mất niệm. 21. Tâm không tổn hại. 22. Yết hầu không tổn. 23. Nói ra điều gì thì phân minh dễ hiểu. 24. Khéo giữ tâm mình không sinh phần nộ. 25. Khéo thuận tâm người khiến không giận dữ. 26. Khiến người đối luận tâm sinh tịnh tín. 27. Phạm làm việc gì đều không đem lại sự oán đối, tiếng khen rộng khắp 10 phương đều truyền rằng đại pháp sư này ở trong số đại sư như người thụ dục dùng Mạt-ni, chân châu, lưu ly v.v... các châu báu để xen tạp với vòng xuyên v.v... các thứ trang sức để tự trang sức oai đức rực rỡ chiếu sáng khắp cả. Như vậy luận giả dùng 27 thứ ca ngợi công đức để lẫn lộn với 5 thứ luận như những thứ trang sức để tự trang sức, oai đức rực rỡ chiếu sáng khắp cả. Cho nên gọi đây là luận trang nghiêm.

Luận đọa phụ, nghĩa là phải biết có 3 thứ: 1. Xả ngôn. 2. Ngôn khuất. 3. Ngôn quá.

Xả ngôn, là người lập luận dùng 13 thứ từ tạ đối với luận giả mà bỏ ngôn luận. Những gì là 13 thứ từ tạ? Nghĩa là người lập luận đáp tạ người đối luận rằng luận tôi không tốt, luận ông tốt, tôi không giỏi quan sát ông giỏi quan sát, luận tôi vô lý luận ông hữu lý, luận tôi không có năng lực luận ông có năng lực, luận tôi khuất phục luận ông thành lập. Tài biện luận của tôi cùng tốt chỉ tới đây, quá đây trở lên phải tư duy suy lường kỹ rồi tôi sẽ nói với ông. Hãy để việc này lại tôi không nói nữa. Như vậy 13 thứ từ tạ người đối luận mà bỏ không ngôn luận. Hủy bỏ ngôn luận nên bị kia thắng, rơi vào chỗ bị kia khuất phục. Cho nên bỏ không nói gọi là đọa phụng xứ, tức rơi vào chỗ bị thua.

Ngôn khuất, là người lập luận bị người đối luận khuất phục. Hoặc mượn những việc khác mà phương tiện rút lui, hoặc dẫn bên ngoài mà nói, hoặc hiện phần nộ, hoặc hiện tức giận, hoặc hiện ngạo mạn, hoặc làm hiển lộ chỗ kia che đây, hoặc hiện não hại, hoặc hiện bất nhẫn, hoặc hiện không tin, hoặc lặng thinh không nói, hoặc lo rầu, hoặc nhún vai che mặt, hoặc lộ vẻ trầm tư. Mượn những việc khác mà phương tiện rút lui, nghĩa là bỏ chỗ đã lập ở trước lại vin vào cetera khác, bỏ nhân, dụ, cùng loại, khác loại, hiện lượng, tỷ lượng, và chí giáo lượng trước đây, rồi lại vin vào nhân cho đến chí giáo khác. Dẫn bên ngoài mà nói, nghĩa là bỏ chỗ đang luận nói, hoặc luận về ăn uống, hoặc luận về vua tôi, giặc giã, đường sá dơ bẩn v.v., mượn chuyện bên ngoài mà bỏ cái gốc đã lập. Hiện phần nộ, là dùng lời thô tục đui người đối luận. Hiện tức giận, là dùng lời oán giận trách người đối luận. Hiện ngạo mạn, là lấy chủng tộc thấp hèn mà nói chê bai người đối luận. Làm hiển lộ chỗ kia che giấu, là nói lên hành động xấu mà người đối luận kia che giấu. Hiện não hại, là dùng lời oán giận mắng nhiếc người đối luận. Hiện bất nhẫn, là phát tiếng oán khùng bỏ người đối luận. Hiện vẻ không tin, là nói chuyện phá giới chê bai người đối luận. Hoặc lặng thinh không nói, là dứt hết ngữ nghiệp một

cách mau chóng. Hoặc lo rầu, là ý nghiệp thiêu đốt. Nhún vai che mặt, là thân nghiệp uy dững mà vội suy sụp. Hoặc lộ vẻ trầm tư, là tài biện luận đều tiêu mất hết. Như vậy 13 thứ, phải biết ngôn khuấy trước 2 vọng hành kiêu loạn, giữa 7 phát khởi tà hạnh, sau 4 cùng tận hạnh kế chấp. Đó gọi là ngôn khuấy, rơi vào chỗ bị thua.

Ngôn quá, nghĩa là người lập luận có 9 điều lỗi. Những gì là 9? 1. Tạp loạn. 2. Tho lỗ. 3. Không biện rõ. 4. Không hạn lượng. 5. Không phải nghĩa phù hợp. 6. Không phải lúc. 7. Không quyết định. 8. Không hiển rõ. 9. Không liên tục.

Tạp loạn, là bỏ chỗ ngôn luận, nói xen chuyện khác. Tho lỗ, là phần nộ nổi nóng, nói năng thô bạo. Không biện rõ, là hoặc pháp, hoặc nghĩa, chúng và đối luận không lãnh ngộ. Không hạn lượng, là nghĩa lý nói ra ngôn từ trùng lặp hoặc giảm thiểu. Không phải nghĩa phù hợp, là có 10 thứ: 1. Vô nghĩa. 2. Trái nghĩa. 3. Tồn lý. 4. Cùng với sở thành. 5. Chiêu tập quá nạn. 6. Không được nghĩa lợi. 7. Nghĩa không thứ tự. 8. Nghĩa không quyết định. 9. Thành lập đã thành. 10. Thuận không đúng lý các tà ác luận. Không phải lúc, là những điều cần nói trước sau không thứ tự. Không quyết định, là lập rồi lại hủy bỏ, hủy bỏ rồi lại lập, thay đổi mau lẹ không thể biết được. Không hiển rõ, là phạm tướng thanh minh, không rõ mà đáp, hoặc trước dùng điển ngữ sau dùng tục ngữ, hoặc lại trái nghịch. Không liên tục, là ở giữa thì ngôn từ đứt đoạn. Phạm ngôn luận phạm 9 lỗi này gọi là ngôn quá, nghĩa là lỗi về ngôn luận.

Luận xuất ly, nghĩa là người lập luận quan sát 3 thứ mà hưng khởi hoặc phế bỏ ngôn luận. Thế nào là 3 thứ quan sát? 1. Quan sát cái đức và lỗi lầm. 2. Quan sát chúng hội. 3. Quan sát xem giỏi hay không giỏi.

Thế nào là quan sát đạo đức và lỗi lầm? Nghĩa là người lập luận muốn lập luận phải quán như thế này. Ta lập luận này sẽ không tồn

mình, tôn người và cả hai đều tôn chẳng? Không sinh hiện pháp, hậu pháp và cả hai đều có tội chẳng? Không khởi thân tâm ưu khổ chẳng? Không do đây mà nắm cầm dao gậy đánh nhau mắng nhiếc tranh tụng dèm pha vọng ngữ chẳng? Sẽ không sinh trưởng các thứ pháp ác bất thiện chẳng? Chẳng phải không lợi ích an lạc mình và người chẳng? Chẳng phải không lợi ích an lạc nhiều chúng sinh chẳng? Chẳng phải không thương xót đối với thế gian chẳng? Không nhân đây nên chur thiên người đời không nghĩa không lợi không an lạc chẳng? Người lập luận kia khi quán như vậy, nếu tự hiểu rõ chỗ lập luận của ta có thể làm mình tổn cho đến trời người không nghĩa không lợi và không an lạc, liền tự tư duy lựa chọn không nên lập luận. Nếu sự thật biết chỗ lập luận của ta không làm mình tổn hại, cho đến có thể dẫn đến nghĩa lợi an lạc cho trời người, liền tự tư duy lựa chọn nên lập luận. Đó gọi là đệ nhất luận xuất ly tướng.

Thế nào là quan sát chúng hội? Nghĩa là người lập luận cần phải quan sát chúng hội hiện tiền là có chấp trước hay không chấp, là có hiền chính hay không, là có hiểu rõ hay không hiểu chẳng? Khi quán như vậy, nếu biết chúng hội có chỗ chấp trước chứ chẳng phải không chấp trước, chỉ không hiền chính chứ không có hiền chính, chỉ không hiểu rõ chứ không có hiểu rõ thì liền tự tư duy lựa chọn không nên lập luận trong chúng này. Nếu biết chúng hội là không chấp trước chứ chẳng phải có chấp trước, chỉ có hiền chính chứ không có không hiền chính, chỉ có hiểu rõ chứ không có không hiểu rõ, thì liền tự tư duy lựa chọn nên lập luận trong chúng này. Đó gọi là đệ nhị luận xuất ly tướng.

Thế nào là quan sát xem giỏi hay không giỏi? Nghĩa là người lập luận phải tự quan sát xem giỏi hay không giỏi. Ta đối với luận thể, luận xứ sở, luận sở y, luận trang nghiêm, luận đọa phụ, luận xuất ly v.v... là giỏi hay không giỏi chẳng? Ta có đủ sức kiến lập tự luận xô ngã luận của người mà giải thoát không thua kia chẳng? Khi quan

sát như vậy nếu tự biết rõ là ta không giỏi chứ chẳng phải giỏi, biết rõ ta không có năng lực chứ chẳng phải có năng lực thì liền tự tư duy lựa chọn không nên lập luận với người đối luận. Nếu tự biết rõ ta giỏi chứ chẳng phải không giỏi, có năng lực chứ chẳng phải không năng lực thì liền tự tư duy lựa chọn nên cùng lập luận với người đối luận. Đó gọi là đệ tam luận xuất ly tướng.

Luận nhiều chỗ tác pháp là có 3 thứ đối với chỗ lập luận nhiều chỗ tác pháp: 1. Giỏi tông mình và tông người. 2. Không sợ. 3. Có tài biện luận.

Hỏi: Có 3 pháp như vậy sao nói là ở chỗ lập luận có nhiều sở tác?

Đáp: Do giỏi hiểu rõ tông mình tông người cho nên có thể đàm luận tất cả pháp. Do không sợ nên có thể khởi đàm luận trong tất cả chúng. Do có tài biện luận nên có thể khéo đối đáp các vấn nạn. Vì vậy 3 cái này gọi là ở chỗ lập luận có nhiều tác pháp.

QUYÊN 11 HẾT

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 12

Phẩm 2- 8: NHIẾP TỊNH NGHĨA

Giải thích về phải biết nhiều thứ, Ôn-đà-nam nói:

*Thê thích văn nghĩa pháp,
Khởi nghĩa nan thứ sư,
Thuyết chúng thính tán Phật,
Lược rộng học thắng lợi.*

Luận nói: Thê, là thê tính các kinh, sơ lược có 2 thứ là văn và nghĩa. Phải biết văn là sở y, nghĩa là năng y. Như vậy 2 thứ gọi chung là cảnh giới sở tri.

Thích, là phải biết sơ lược có 5 thứ: 1. Pháp. 2. Đẳng khởi. 3. Nghĩa. 4. Thích nạn. 5. Thứ tự.

Văn, là sơ lược có 6 thứ: 1. Danh thân. 2. Cú thân. 3. Tự thân. 4. Ngữ. 5. Tướng. 6. Cơ thỉnh.

Danh thân, nghĩa là cộng liễu tăng ngữ. Đây sơ lược nói lại có 12 thứ: 1. Giả danh. 2. Thật danh. 3. Tổng danh. 4. Biệt danh. 5. Tùy nghĩa danh. 6. Hý luận danh. 7. Dị danh. 8. Nan danh. 9. Hiển danh. 10. Ẩn danh. 11. Lược danh. 12. Quảng danh.

Giả danh là ở trong các uẩn lập các tên như ngã, hữu tình, mạng v.v..., ở ngoài các sắc lập các tên như cái bình, cái áo, xe cộ v.v...

Thật danh là nơi nhân v.v...sắc v.v...lập tên căn nghĩa. Tổng danh là các tên như hữu tình, sắc, thụ, đại chủng v.v...Biệt danh là các tên Phật hữu, Đức hữu, xanh, vàng v.v... Tùy nghĩa danh là chất ngại nên gọi là sắc, lãnh nạp nên gọi là thụ, có thể chiếu sáng có thể thiêu đốt gọi là mặt trời v.v... những tên như vậy. Hý luận danh, là như gọi nghèo là giàu, những loại như vậy lập tên không xem nghĩa. Dị danh, là chung dễ biết. Nan danh, là nghịch lại với dị danh kia. Hiển danh, là nghĩa của nó dễ hiểu. Ẩn danh, là nghĩa nó khó hiểu, như Đạt-la-nhĩ-trà minh chú. Lược danh, là tên một chữ. Quảng danh, là tên nhiều chữ.

Cú thân, nghĩa là căn cứ vào danh tự thích nghĩa đầy đủ. Đây lại có 6 thứ: 1. Câu không đầy đủ. 2. Câu đầy đủ. 3. Câu sở thành. 4. Câu năng thành. 5. Câu tựa. 6. Câu giải thích.

Câu không đầy đủ, là câu văn không rớt ráo, nghĩa không rớt ráo, lại phải thêm câu khác mới được đầy đủ. Như nói “ Chớ làm các ác. Vâng làm các thiện. Khéo điều phục tâm mình. Đó là thánh giáo chư Phật.” Nhưng chỉ nói “các ác” thì vẫn chưa đầy đủ. Nếu lại nói “các ác” thì với nghĩa cũng chưa đầy đủ. Nếu nói “ Chớ làm các ác” thì cả hai đều đầy đủ. Đó gọi là thứ 2. Câu đầy đủ. Câu sở thành, là câu trước chờ câu sau mới thành. Như nói “Các hành vô thường, pháp có khởi tận, vì sinh ắt phải diệt, vắng lặng là lạc.” Trong đây “Các hành vô thường” là câu sở thành do câu “pháp có khởi tận” được thành lập. Câu năng thành, là câu thứ 2 năng thành lập câu thứ nhất. Câu tựa, là như nói người thiện. Câu giải thích, là như nói thú chính tượng phư.

Tự thân, nghĩa là hoặc rớt ráo hoặc không rớt ráo, tên và câu 2 thứ căn cứ vào 49 chữ. Trong đây muốn làm tên hiển rõ tên làm câu, hiển rõ câu ắt có tên. Nếu chỉ 1 chữ thì không thành câu. Lại nữa nếu có chữ mà không có tên thì chỉ có chữ mà không tên.

Hỏi: Vì nhân duyên gì lập danh v.v... 3 thứ thân?

Đáp: Vì lãnh tăng ngữ xúc sinh thụ.

Hỏi: Danh, tức tên, là nghĩa thế nào?

Đáp: Nêu các thứ sự việc khiến thế gian cùng biết. Lại có thể khiến ý tạo tác các tướng. Lại do ngôn ngữ truyền thuật, nên gọi là danh.

Hỏi: Cú, tức câu, là nghĩa thế nào?

Đáp: Nhiếp thụ trong tên, rốt ráo hiển rõ nghĩa không hiện thấy, nên gọi là cú.

Hỏi: Văn là nghĩa thế nào?

Đáp: Làm hiển phát danh và cú, nên gọi là văn.

Như Bạc-già-phạm nói tăng ngữ, tăng ngữ lộ, như vậy nói rộng.

Tăng ngữ, nghĩa là tất cả chúng loại đều có chung tên là tăng ngữ. Lộ, nghĩa là vì cái dục của chúng loại có thể khởi lên. Từ, nghĩa là tương ưng ngữ kia cùng với các phương ngôn riêng biệt, vì sở y của nó nên gọi là bỉ lộ, là con đường của nó. Thi thiết, nghĩa là phân tích một pháp thiết lập ra nhiều thứ. Chỗ sở y của nó gọi là bỉ lộ, tức con đường của nó. Dục tức là từ, chứ không có dục nào khác. Từ này tức là tăng ngữ, là con đường thi thiết. Danh thân v.v... của nó sơ lược có 6 thứ y xứ: 1. Pháp. 2. Nghĩa. 3. Bồ-đặc-già-la. 4. Thời. 5. Số. 6. Xứ sở. Kia phân biệt rộng như văn sở thành địa.

Ngữ, là phải biết sơ lược có 8 phần là thượng thủ, mỹ diệu v.v...do những lời nói kia đầy đủ phù hợp, cho đến có đức thường tùy thuận phần tư lương v.v...cho nên có thể nói chính pháp. Thượng thủ ngữ, là lấy việc đến cung Niết-bàn làm trước tiên. Mỹ diệu ngữ, là tiếng nói thanh tao đẹp đẽ. Hiển liễu ngữ, là văn từ hay. Dị giải ngữ, là lời nói dễ hiểu, biện thuyết khéo léo. Lạc văn ngữ, là lời nói khiến người ưa muốn nghe vì dẫn pháp nghĩa. Vô y ngữ, là lời nói không dựa vào sự hi vọng người ta tin mình. Bất nghịch ngữ, là nói biết lượng, không nghịch. Vô biên ngữ, là lời nói nhiều khéo léo. Phải biết 8 thứ ngữ này, sơ lược có đủ 3 đức: 1. Thú xứ đức, là cái

thứ nhất. 2. Tự thể đức, là cái thứ hai. 3. Gia hành đức, là cái còn lại. Tương ứng, tức phù hợp, nghĩa là khéo an lập thứ tự danh cú văn thân. Lại nữa dựa vào 4 thứ đạo lý cùng tương ứng. Trợ bạn, nghĩa là có thể làm thành thứ tự. Tùy thuận, nghĩa là giải thích thứ tự. Thanh lượng, nghĩa là trong sáng vì câu văn hiển thị rõ ràng thanh tịnh. Hữu dụng, nghĩa là khéo nhập vào chúng tâm. Tương xứng, nghĩa là như chúng hội. Ứng thuận, nghĩa là vì xứng hợp với pháp, dẫn nghĩa, thuận thời. Thường ủy phần tư lương, nghĩa là thường tu, thuận tu nên gọi là thường ủy. Bỉ phần, nghĩa là chính kiến v.v... Tư lương là tư lương của nó.

Tương, nghĩa là các uẩn tương ứng, các giới tương ứng, các xứ tương ứng, duyên khởi tương ứng, xứ phi xứ tương ứng, niệm trụ tương ứng v.v... như vậy các ngôn thuyết tương ứng, như Thanh Văn thuyết, hoặc Bồ-tát thuyết, hoặc Như Lai thuyết, gọi là tương. Cơ thỉnh, nghĩa là nhân cơ mà mở lời xin hỏi. Đây lại do sai biệt căn v.v... nên có 27 thứ Bồ-đặc-già-la. Nên biết rằng trong đây do căn sai biệt nên chia thành 2 thứ là độn căn lợi căn. Hành sai biệt có 7 thứ, là tham hành v.v... như nói trong Thanh Văn địa. Phạm loại sai biệt có 2 thứ là tại gia xuất gia. Nguyên sai biệt có 3 thứ là Thanh Văn, Độc Giác và Bồ-tát. Sai biệt về có thể cứu không thể cứu có 2 thứ là Niết-bàn pháp và bất Niết-bàn pháp. Phương tiện sai biệt có 9 thứ là đã vào chính pháp, chưa vào chính pháp, có chướng ngại, không chướng ngại, đã chín muồi, chưa chín muồi, đủ trói buộc, không đủ trói buộc. Sai biệt về chủng loại không trói buộc có 2 thứ là người và phi nhân.

Như vậy 6 văn gồm chung làm 4: 1. Sở thuyết, nghĩa là danh, thân và một phần của tương. 2. Sở vi, nghĩa là cơ thỉnh gồm 27 Bồ-đặc-già-la. 3. Năng thuyết, nghĩa là ngữ ngôn. 4. Người nói, là Phật, Bồ-tát và Thanh Văn. Như vậy tất cả 6 thứ tướng mạo cùng hiển rõ nơi văn. Nếu giảm một thứ nghĩa thì không hiển rõ. Do có thể làm rõ nghĩa nên gọi là văn.

Nghĩa, sơ lược có 10 thứ: 1. Nghĩa về địa. 2. Nghĩa của tướng. 3. Nghĩa tác ý. 4. Nghĩa xứ sở. 5. Nghĩa về lỗi lầm. 6. Nghĩa thắng lợi. 7. Nghĩa sở trị. 8. Nghĩa năng trị. 9. Nghĩa sơ lược. 10. Nghĩa rộng.

Nghĩa về địa, sơ lược có 5 địa là tư lương địa, phương tiện địa, kiến địa, tu địa, cứu cánh địa. Lại nữa, phân biệt rộng có 17 địa là ngũ thức thân tương ưng địa, ý địa, hữu tầm hữu tứ địa, vô tầm duy tứ địa, vô tầm vô tứ địa, Ta-ma-hứ-đa địa, phi Tam-ma-hứ-đa địa, hữu tầm địa, vô tầm địa, văn sở thành địa, tư sở thành địa, tu sở thành địa, Thanh Văn địa, Độc Giác địa, Bồ-tát địa, hữu dư y địa, vô dư y địa.

Tướng nghĩa, có 5 thứ: 1. Tự tướng. . Cộng tướng. 3. Giả lập tướng. 4. Nhân tướng. 5. Quả tướng. Như vậy 5 tướng đó nếu phân biệt rộng như tư sở thành địa lại có 5 tướng: 1. Sai biệt tướng. 2. Dugia tướng. 3. Chuyên dị tướng. 4. Nhiễm ô tướng. 5. Thanh tịnh tướng. Phải biết 5 tướng này, như trước xứ xứ phân biệt lại có 5 tướng: 1. Sở thuyên tướng. 2. Năng thuyên tướng. 3. Tướng thuộc vào nhau của 2 tướng này. 4. Chấp trước tướng. 5. Tướng không chấp trước.

Sở thuyên tướng nghĩa là tướng v.v... 5 pháp như nói trong ngũ pháp tạng. Năng thuyên tướng nghĩa là y chỉ danh v.v...nơi pháp kia để làm rõ tự thể sai biệt của các pháp nên có ngôn thuyết. Đây cũng có công năng hiển thị tự thể của biến kế sở chấp. Tự thể của biến kế sở chấp này có nhiều tên, như có chỗ gọi tên là biến phân biệt sở kế, cũng gọi là hòa hợp sở thành, cũng gọi là sở tăng ích tướng, cũng gọi là hư vọng sở chấp, cũng gọi là ngôn thuyết sở hiển, cũng gọi là danh văn tự phương tiện, cũng gọi là duy hữu âm thanh, cũng gọi là vô hữu thể tướng. Nên biết những loại sai biệt như vậy. Hai tướng này huộc vào nhau, nghĩa là năng thuyên sở thuyên thuộc vào nhau bám dính nhau, tự thể của biến kế sở chấp, chấp chỗ y chỉ. Tướng chấp trước, nghĩa là vô thủy lưu chuyển, tất cả ngu phu biến kế sở chấp tự thể và tùy miên này. Tướng không chấp trước, nghĩa là người kiến đế hiểu biết như thật, giải thoát khỏi tướng biến kế sở

chấp và tập khí của nó, biết phân biệt đúng tùy theo chỗ nên phân biệt, như tư sở thành địa v.v...

Nghĩa của tác ý, có 7 thứ tác ý, nghĩa là liễu tướng v.v... như trước đã nói. Nếu rộng phân biệt như Thanh Văn địa thì lại có 10 trí là khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, pháp trí, chủng loại trí, tha tâm trí, thể tục trí, tân trí, vô sinh trí. Nếu rộng phân biệt như Thanh Văn địa thì lại có 6 thức thân, tức nhãn thức cho đến ý thức, như trước đã giải thích sơ lược. Nếu rộng phân biệt như ngũ thức thân tương ưng địa và ý địa thì lại có 9 thứ biến tri. Nghĩa là hệ Dục giới, kiến khổ tập sở đoạn thì đoạn biến tri đầu tiên. Hệ Sắc, Vô sắc, kiến khổ tập sở đoạn thì đoạn 2 biến tri. Hệ Dục giới kiến diệt sở đoạn thì đoạn 3 biến tri. Hệ Sắc, Vô sắc giới kiến diệt sở đoạn thì đoạn 4 biến tri. Hệ Dục giới kiến đạo sở đoạn thì đoạn 5 biến tri. Hệ Sắc, Vô sắc kiến đạo sở đoạn thì đoạn 6 biến tri. Thuận hạ phần kết đoạn 7 biến tri. Sắc ái hết 8 biến tri. Vô sắc ái hết 9 biến tri. Nếu rộng phân biệt như Tam-ma-hứ-đa địa thì lại có 3 môn giải thoát là không, vô nguyện, vô tướng. Đây cũng nói rộng như Tam-ma-hứ-đa địa. Trong đó các pháp cần phải quan sát bao nhiêu tác ý phải tư duy, bao nhiêu trí phải biết, bao nhiêu thức phải rõ, bao nhiêu biến tri phải biến tri, bao nhiêu môn giải thoát phải giải thoát. Như vậy có vô lượng quán môn phải quán các pháp.

Nghĩa của xứ sở, sơ lược có 3 thứ: 1. Sự y xứ. 2. Thời y xứ. 3. Bồ-đặc-già-la y xứ.

Sự y xứ lại có 3 thứ: 1. Căn bản sự y xứ. 2. Được phương tiện sự y xứ. 3. Mẫn tha sự y xứ.

Căn bản sự y xứ có 6 thứ: 1. Thiện thú. 2. Ác thú. 3. Thoái đạo. 4. Thăng tiến. 5. Lưu chuyển. 6. Tịch diệt.

Được phương tiện y xứ có 12 thứ, nghĩa là 12 thứ hành: 1. Dục hành. 2. Ly hành. 3. Thiện hành. 4. Bất thiện hành. 5. Khổ hành. 6.

Phi khổ hành. 7. Thuận thoái phần hành. 8. Thuận tiến phần hành. 9. Nhiệm ô hành. 10. Thanh tịnh hành. 11. Tự nghĩa hành. 12. Tha nghĩa hành.

Mẫn tha sự y xứ có 5 thứ: 1. Khiến ly dục. 2. Thị hiện. 3. Dạy dỗ dắt dẫn. 4. Khen ngợi khích lệ. 4. Vui mừng thăm hỏi.

Trong đây thiện thú, là cõi trời cõi người. Ác thú là Na-lạc-ca v.v... Thoái đọa có 2 thứ là không phượng hại người khác và phượng hại người khác. Không liên hệ người khác nghĩa là tự nhiên thọ mạng thoái giảm. Giống như thọ mạng, sắc tướng, sức lực, sự an vui, sự làm việc cũng vậy. Liên hệ người khác, nghĩa là tộc tính thoái giảm, tự tại tăng thượng thoái giảm, thiếu chi thuộc ngôn không thanh trừ tệ ác tuệ không thể chứng được vi diệu rộng lớn sắc hương vị xúc. Đối với các thụ dụng thắng diệu tâm không hoàn toàn vui mừng. Những loại như vậy gọi là thoái đọa. Ngược lại các thoái đọa này là tương ứng với thăng tiến. Tịch diệt là cõi tịch diệt hữu dư y và vô dư y.

Dục hành, là như 10 thứ dục đã được nói. Ly hành, là trong việc thụ dụng, biết vô thường, đã chán dục xuất gia, thụ trì cấm giới, thủ hộ căn môn v.v... Thiện hành, là thí, giới, tu hữu lậu thiện hạnh. Bất thiện hành, là 3 thứ ác hạnh. Khổ hạnh, là lỏa thể không mặc áo v.v... cho đến nói rộng. Phi khổ hạnh, là thụ dụng như pháp được các thứ cần dùng, lìa bỏ lạc hạnh, xa lìa 2 cực đoan như thụ dụng lạc hạnh và tự chịu khổ hạnh. Cần hành trung đạo y chỉ nơi pháp cầu y bát v.v... và thụ dụng chân chính. Thuận thoái phần hành, là nếu thực hành thì có thể chứng ngại phần thăng tiến v.v... Thuận tiến phần hành, là trái lại với trên. Nhiệm ô hành, là như Kinh Anh Vũ nói sơ lược có 3 thứ là nghiệp tạp nhiễm, phiền não tạp nhiễm, lưu chuyển tạp nhiễm. Nên biết rằng những thứ này có 9 câu căn bản. Nghĩa là nghiệp tạp nhiễm có 3 câu: một tham, hai sân, ba si. Phiền não tạp nhiễm có 4 câu là 4 điên đảo. Lưu chuyển tạp nhiễm có 2 câu là vô minh và hữu

ái. Bởi vì sao? Vì do 3 bất thiện căn sinh khởi các thứ tạp nhiễm, do 4 điên đảo hay phát sinh các thứ phiền não tạp nhiễm, do vô minh môn dẫn sinh các thứ lưu chuyển tạp nhiễm của người xuất gia, do hữu ái môn dẫn sinh các thứ lưu chuyển tạp nhiễm của người tại gia. Thanh tịnh hành, là sơ lược có 3 học 5 địa. Phải biết 3 học này cũng có 9 câu căn bản. Nghĩa là tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học nhiếp giữ không tham, không sân, không si ở tư lương địa và phương tiện địa. Tăng thượng tuệ học nhiếp giữ 4 không điên đảo, minh và giải thoát ở kiến địa, tu địa và cứu cánh địa. Tự nghĩa hành, là hạnh tự lợi như Thanh Văn, Độc Giác. Tuy họ có khi khởi hạnh lợi tha. Nhưng vốn kỳ nguyện của họ là tự lợi, cho nên cũng gọi là tự nghĩa. Tha nghĩa hành, là hạnh lợi tha như Phật Bồ-tát, cứu cánh lợi ích vô lượng chúng sinh, cho đến nói rộng. Khiến ly dục, là chê trách 6 thứ ác pháp, các hạnh thị hiện tội lỗi khiến lia ái dục. Thị hiện, là khiến thụ học thiện pháp nên thị hiện 4 thứ đạo lý chân thật. Dạy dỗ dắt dẫn, nghĩa là thị hiện đã được. Tin hiểu, là khiến đối với học xứ chính thụ chính hành. Do đã được tự tại rồi nên bảo rằng: Các người nay đối với việc như vậy như vậy nên làm đúng, nên theo học. Khen ngợi khích lệ, là các hữu tình kia nếu chỗ hiểu biết, chỗ thực hành, chỗ đạt được tâm sinh thoái khuất chán nản, bấy giờ khen ngợi khích lệ chúng cho chúng được thêm sức mạnh trong hiểu biết, thực hành và đạt được. Vui mừng thăm hỏi, nghĩa là các hữu tình kia đối với pháp theo pháp dũng mãnh chân chính thực hành thì nên như thật nói lời khen ngợi khiến chúng vui mừng.

Lại nữa, khiến lia dục thị hiện, hoặc có khiến lia dục mà không thị hiện. Như dạy dỗ dắt dẫn người khiến lia dục mà bảo chúng rằng: “Như ta đã nói không nên làm, thì nay người không nên làm nữa.” Hoặc làm cho chúng sợ mà nói rằng: “Nếu người làm thì ta sẽ giải trừ việc làm của người.” Hoặc đòi hỏi chúng rằng: “Nếu người là bạn thân ái của ta thì phải không được làm.” Hoặc lại thị hiện không khiến lia dục. Như ở trong đó thì thị hiện công đức hoặc tội lỗi của

hữu tình, mà không ngăn chúng khiến không tạo tội. Hoặc cũng thị hiện cũng lia dục. Như thị hiện tội lỗi kia khiến chúng xa lia. Dạy dỗ dắt dẫn, là ban đầu chưa thụ học thì khiến chúng thụ học. Khen ngợi khích lệ, là đã học rồi chưa tiến thì khiến thăng tiến. Vui mừng thăm hỏi có 5 thứ thắng lợi: 1. Khiến chúng đối với chỗ đã chứng, tâm được quyết định. 2. Khiến chúng đối với thắng đức sở chứng khác thì khởi tâm cầu được. 3. Khiến kẻ phi báng trụ tâm trong đó. 4. Khiến kẻ không tin sinh tâm tịnh tín. 5. Khiến kẻ đã tin tăng trưởng hơn lên. Nếu có vui mừng thăm hỏi những việc thiện của người, nên biết rằng người ấy tạo tác tăng trưởng có thể cảm nghiệp đẹp ý chúng trời. Nếu mạng chung chúng sinh nơi kia thường nghe các âm thanh hay đẹp thích ý, không có âm thanh nào không thể.

Lại nữa, muốn làm hoặc có thể cảm đến nẻo thiện, như muốn tạo nghiệp thiện về sau, hoặc có thể cảm đến nẻo ác, như dùng phi pháp nhiếp thụ các hạnh dục ly, nếu hủy phạm có thể cảm nẻo ác, nếu không hủy phạm có thể cảm nẻo thiện, và tịch diệt tư lương hạnh thiện có thể cảm đến nẻo thiện, và vì tịch diệt tư lương hạnh bất thiện có thể cảm đến khổ hạnh nẻo ác. Do dựa vào tà kiến khổ tự thân nên có thể cảm đến nẻo ác, chứ không phải khổ hạnh có thể làm tịch diệt tư lương và cảm nẻo thiện. Thuận thoái phần hành, có thể cảm thoái đọa. Thuận tiến phần hành, có thể cảm thăng tiến. Hạnh nhiễm ô có thể cảm lưu chuyển. Hạnh thanh tịnh có thể chứng tịch diệt. Tự nghĩa hành, chỉ khiến tự mình cảm nẻo thiện, dẫn thăng tiến, chứng tịch diệt. Tha nghĩa hành, đều có thể khiến mình và người sinh nẻo thiện, dẫn thăng tiến, chứng tịch diệt.

Như vậy 3 việc căn bản sự có 6 thứ. Đó là nẻo thiện cho đến Niết-bàn. Được phương tiện sự có 12 thứ, tức 12 hạnh. Bị mất tha sự có 5 thứ. Đó là 5 thứ thương xót chúng sinh.

Trong đây do sức tăng thượng của căn bản sự nên dựa vào 12 hạnh, nếu thích hợp thì khiến chúng lia dục, cho đến vui mừng thăm hỏi.

Thời y xứ, là sơ lược có 3 thứ: 1. Quá khứ nói y. 2. Vị lai nói y. 3. Hiện tại nói y. Như kinh có nói rộng.

Bồ-đặc-già-la y xứ, là độn căn v.v... có 27thứ số thủ thú.

Như trên đã nói sự, thời, Bồ-đặc-già-la, Phật bạc-già-phạm dựa vào 3 xứ này lưu bố thánh giáo. Cho nên gọi là y xứ.

Quá hoạn nghĩa, nghĩa là đối với nghĩa đáng chán chê mà khởi chán chê, hoặc pháp hoặc chúng sinh.

Thắng lợi nghĩa, sơ lược mà nói là đối với nghĩa đáng khen ngợi mà khởi ken ngợi, hoặc pháp hoặc chúng sinh.

Sở trị nghĩa, sơ lược mà nói là tất cả hạnh tạp nhiễm.

Năng trị nghĩa, nghĩa là tất cả hạnh thanh tịnh. Như tham là sở trị, bất tịnh là năng trị. Sân là sở trị, từ là năng trị. Như vậy tất cả đều phải biết nghĩa sơ lược, gọi là nói nghĩa chủng loại chung các pháp.

Quảng nghĩa, tức nghĩa rộng, nghĩa là nói nghĩa từng chủng loại riêng của các pháp.

Lại nữa, vì nói kinh không liễu nghĩa, nên nói kinh liễu nghĩa.

Lại nữa, lược nghĩa, tức nghĩa sơ lược, có 2 thứ: 1. Danh lược. 2. Nghĩa lược. Quảng nghĩa cũng có 2 là danh quảng và nghĩa quảng. Như Bạc-già-phạm nói: "Xá-lợi tử ! Ta có thể nói rộng hoặc sơ lược chính pháp." Nhưng thật khó có được người hiểu ngộ. Trong kinh, trường hàng thì văn rộng nghĩa lược, Già-tha thì nghĩa rộng văn lược.

Để tóm tắt 10 nghĩa nên nói trung gian.

Ôn-đà-nam nói:

*Các địa, tướng, tác ý,
Y xứ, đức, phi đức,
Sở đối trị năng trị,
Phải biết nghĩa lược, rộng.*

Lại nữa, như vậy đã nói sơ lược 10 thứ nghĩa của thể tính Phật dạy. Người thuyết pháp phải dựa vào thánh giáo tìm kiếm 10 thứ. Hoặc đủ hoặc không đủ, tự mình tìm được rồi phải nói vì người khác.

Như vậy là thiết lập thể tính văn nghĩa xong. Những người thuyết pháp nên lấy 5 tướng tùy thuận giải thích tất cả kinh Phật. Nghĩa là trước tiên lược nói pháp yếu, tiếp đến nói đặng khởi, tiếp đến phải giải thích nghĩa, tiếp đến giải thích vấn nạn, sau lập thứ tự. Pháp sơ lược có 12 thứ. Tức là khế kinh v.v... 12 phần giáo.

Khế kinh, nghĩa như may vá chế tác, đa phần là trường hàng, tức văn xuôi, nói thẳng vào sự việc các pháp thể. Ứng tụng, nghĩa là sau phần trường hàng có phúng tụng lược nói kinh không liễu nghĩa. Ký biệt, nghĩa là rộng phân biệt các nghĩa lược nêu và ghi nhận nơi các đệ tử sau sẽ sinh về. Phúng tụng, nghĩa là chỉ dùng một câu hoặc một bài tụng 2, 3, 4, 5, 6 câu v.v... để nói. Tự thuyết, là tự nói chứ không có người hỏi. Vì muốn đệ tử được hiểu rõ, vì muốn chúng sinh được hóa độ thượng phẩm an trụ lý thù thắng, nên tự nhiên nói, gọi là tự thuyết. Như kinh nói: “Thế Tôn hôm nay tự nhiên tuyên thuyết”. Nhân duyên, nghĩa là nhân có người xin hỏi nên nói. Như kinh nói: “Thế Tôn một thuở nọ nhân Một-lực Già-la tử, vì các Bì-sô nói rõ pháp yếu.” Lại nữa, căn cứ biệt giải thoát tăng thượng đạo Tì-nại-da có nói “căn cứ nhân duyên như vậy như vậy”, “căn cứ sự việc như vậy như vậy”, “Thế Tôn nói như vậy như vậy”. Đó gọi là nhân duyên. Thí dụ, nghĩa là có Kinh Thí Dụ, do thí dụ nên rõ ẩn nghĩa. Bản sự, nghĩa là nói các việc đời trước, trừ bản sinh. Bản sinh, nghĩa là nói rõ bản thân làm các việc khi thực hành Bồ-tát hạnh trong các đời quá khứ. Phương quảng, nghĩa là nói Bồ-tát đạo, như nói 10 địa, 4 Bồ-tát hạnh v.v... và nói 140 bất công Phật pháp của Như Lai. Nghĩa là 4 nhất thiết chủng thanh tịnh cho đến nhất thiết chủng diệu trí, như nói rộng trong Bồ-tát địa. Lại nữa, pháp có vô lượng, nghĩa sâu rộng, thời gian dài lâu, nghĩa là hết sức dũng mãnh trải 3 Đại kiếp

a-tăng-xí-da mới được trọn đủ, cho nên gọi là Phương quảng. Hy pháp, nghĩa là Phật và đệ tử thuyết pháp kỳ diệu hiếm có. Như trong các kinh, nhân việc hiếm có nên mới nói. Luận nghị, nghĩa là các kinh gồm có Ma-đát-lí-ca. Và lại như các kinh liễu nghĩa đều gọi là Ma-đát-lí-ca. Nghĩa là Như Lai tự phân biệt rộng thể tướng các pháp. Lại nữa các đệ tử đã thấy thánh tích, căn cứ chỗ mình chứng, không điên đảo hiển thị thể tướng các pháp cũng gọi là Ma-đát-lí-ca. Ma-đát-lí-ca cũng gọi là A-tì-đạt-ma. Cũng như thế gian tất cả sách toán thơ luận đều có bản mẫu. Phải biết trong kinh nghiên cứu pháp tướng mọi ngôn thuyết cũng như vậy. Lại nữa, như thế gian nếu không có bản mẫu các chữ thì chữ không hiển rõ. Như vậy trong 12 phần giáo nếu không kiến lập thể tướng các pháp thì pháp không rõ ràng. Nếu kiến lập rồi các pháp tự tướng cộng tướng đều được hiển hiện. Lại nữa lại có thể hiển thị pháp tướng không lộn xộn. Tức Ma-đát-lí-ca này gọi là A-tì-đạt-ma. Căn cứ Ma-đát-lí-ca này, ngoài ra giải thích nghĩa các kinh đều gọi là Ô-ba-đệ-thước.

Đẳng khởi, nghĩa là sơ lược có 3 thứ là sự, thời, Bồ-đặc-già-la. Y xứ biệt cho nên như trong kinh nói: “Thời như vậy là Bồ-đặc-già-la như vậy. Dựa vào hành như vậy khiến kia ly dục, cho đến vui mừng thăm hỏi.”

Nghĩa, sơ lược có 2 thứ: 1. Nghĩ chung. 2. Nghĩa riêng. Phải biết nghĩa chung lại có 4 thứ: 1. Dẫn kinh liễu nghĩa. 2. Phân biệt sự cứu cánh. 3. Hành. 4. Quả. Hành lại có 2 thứ là tà hạnh và chính hạnh. Quả cũng có 2 thứ là tà hạnh quả và chính hạnh quả. Phải biết nghĩa riêng cũng có 4 thứ: 1. Phân biệt sai biệt danh. 2. Phân biệt tự thể tướng. 3. Huấn thích danh ngôn. 4. Nghĩa môn sai biệt. Huấn thích danh ngôn lại do 5 thứ phương tiện: 1. Do tướng. 2. Do tự thể. 3. Do nghiệp. 4. Do pháp. 5. Do nhân quả. Nghĩa môn sai biệt cũng có 5 thứ: 1. Tự thể sai biệt. 2. Giới sai biệt. 3. Thời sai biệt. 4. Vị sai biệt. 5. Bồ-đặc-già-la sai biệt.

Tự thể sai biệt, nghĩa là tự thể của sắc có 10 sắc xứ sai biệt. Tự thể của thụ có 3 thụ sai biệt. Tự thể của tướng có 6 tướng sai biệt. Tự thể của hành có 3 hành sai biệt. Tự thể của thức có 6 thức sai biệt. Phải biết tự thể của các loại sai biệt như vậy. Giới sai biệt, là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Thời sai biệt, là thời đã qua, thời sắp đến và thời hiện nay. Vị sai biệt, là phải biết 25 thứ sai biệt. Nghĩa là 3 vị hạ trung thượng, 3 vị khổ vui không khổ không vui, 3 vị thiện bất thiện vô ký, 3 vị văn tư tu, 3 vị tăng thượng giới tăng thượng tâm tăng thượng tuệ, 2 vị trong ngoài, 2 vị sở thủ năng thủ, 2 vị sở trị năng trị, 2 vị hiện tiền bất hiện tiền, và 2 vị nhân quả. Bồ-đặc-gia-la, là như trước nói 27 thứ.

Giải thích vấn nạn, là tự mình đặc ra câu hỏi hoặc người khác, đều phải giải thích. Phải biết lập câu hỏi, đại lược có 5 nhân: 1. Để rõ nghĩa chưa rõ. Như nói: Câu này có nghĩa thế nào? 2. Vì câu nói có mâu thuẫn. Như nói: Vì sao Bạc-già-phạm trước sau nói khác nhau? 3. Vì lý có mâu thuẫn. Như có hiển thị. 4. Nghĩa đạo lý trái nhau, vì hiển thị 4 bất định. Như nói: Vì sao Bạc-già-phạm đối với một thứ nghĩa hiển thị nhiều môn sai biệt? 5. Vì không thấy được cứu cánh. Như nói cái thể của nội ngã có tướng mạo gì mà thường hằng trụ nơi tự tính bất biến? v.v.. những loại như vậy.

Năm câu hỏi vấn nạn này nên giải thích theo thứ lớp. Nghĩa là đối với câu hỏi không liễu nghĩa thì phương tiện hiển thị liễu nghĩa. Đối với câu nói mâu thuẫn thì tùy thuận làm cho thông. Giống như đối với câu nói mâu thuẫn tùy thuận khai thông thì đối với câu hỏi bất định hiển thị, câu hỏi không thấy được cứu cánh cũng vậy. Đối với câu hỏi về lý mâu thuẫn thì hoặc dùng đạo lý hắc giáo mà phán quyết, hoặc lại hiển thị 4 thứ đạo lý, hoặc làm rõ đạo lý nhân quả tương ưng. Nghĩa là đây nói hiển quả, hoặc lại hiển nhân. Lại nữa, đối với vấn nạn phải lập 4 ký: Quyết định ký, nghĩa là vì như lý người hỏi không diên đảo kiến lập thể tướng các pháp. Phân biệt ký, nghĩa là người

hỏi như lý không như lý khai thị tướng sai biệt. Phản cật ký, nghĩa là vì chằm dứt tranh luận vô nghĩa. Mặc trí ký, có 4 thứ nhân, nghĩa là không thể tính, cho đến pháp tướng đó là tự nhiên, như trước đã nói. Nếu rộng phân biệt như tư sở thành địa. Lại như hỏi: Như Lai sau khi diệt độ là có hay không v.v... Điều này đối với thế tục đế và thắng nghĩa đế, lý thú đều không thể ghi nhận. Cho nên để im. Nếu đứng về thắng nghĩa thì không có Như Lai nên không ký biệt. Nếu đứng về thế tục thì trái đạo lý sở y năng y, và quả đoạn diệt là phi chân thật nên cũng không thể ghi nhận là Như Lai sau khi diệt độ là có hay không v.v...

Thứ đệ, là sơ lược có 3 thứ: 1. Viên mãn thứ đệ. 2. Giải thích thứ đệ. 3. Năng thành thứ đệ. Sơ lược dẫn thánh giáo để làm rõ 3 thứ đệ này. Như Thế Tôn nói: “Thuở ta xuất gia là lúc tuổi xuân thịnh mỹ, thịnh mỹ nhất, thịnh mỹ cùng cực”. Câu nói thịnh mỹ này là hiển thị viên mãn thứ đệ. Lại nữa, nói: “Tùng ở nơi vương cung của Tịnh Phạn cha ta dung nhan đoan chính”. Cho đến nói rộng. Câu này tức hiển thị thịnh mỹ là giải thích thứ đệ. Lại nói: “Vì nghĩa gì trong lúc tuổi xuân tươi đẹp mà xuất gia? Vì thấy pháp lão bệnh tử v.v...”. Câu nói này là hiển thị năng thành thứ đệ. Lại nữa trong kinh lược nói các pháp, như nói 3 thụ là khổ, vui, không khổ không vui v.v... Trong đó chỉ hiển thị viên mãn thứ đệ. Vì các câu khác làm viên mãn nghĩa của thụ này, nên gọi là viên mãn. Như thụ, phải biết trong 4 thánh đế, trước hết nói câu đầu tiên, rồi sau tùy thuận phân tích cũng vậy.

Năng thành thứ đệ, có 2 thứ: Hoặc lấy câu trước thành lập câu sau. Hoặc dùng câu sau thành lập câu trước. Phải biết, giải thích thứ đệ cũng làm như vậy.

Sư, nghĩa là thành tựu 10 pháp gọi là thầy thuyết pháp viên mãn chúng tướng: 1. Giỏi pháp nghĩa, nghĩa là hiểu rõ 6 thứ pháp, 10 thứ nghĩa. 2. Có khả năng tuyên thuyết rộng rãi. Nghĩa là học hỏi nhiều và tích lũy nhiều học hỏi. 3. Đầy đủ đức vô úy. Nghĩa là

trong hàng đại chúng ưu thắng như Sát-đế-lị v.v... tuyên thuyết chính pháp không sợ sệt. Lại nhân do đó tiếng nói không lạc giọng, không toát mồ hôi nách, không nhớ đầu quên đuôi. 4. Nói năng khéo léo. Nghĩa là nói năng rành rẽ viên mãn 8 phần thành tựu, ở trong chúng nói pháp ngôn từ đầy đủ. Nói năng khéo léo, nghĩa là câu văn tương ứng trợ giúp lẫn nhau, cho đến nói rộng. Tám phần thành tựu, nghĩa là hay đẹp nhất v.v..., cho đến nói rộng. 5. Khéo nói phương tiện, nghĩa là 20 thứ phương tiện khéo nói, như tùy thời hiện tướng ân cần trang trọng v.v... 6. Đầy đủ thành tựu pháp tùy pháp hành, nghĩa là không chỉ lắng nghe lời nói mà hết sức phải làm như đã nói. 7. Oai nghi đầy đủ, nghĩa là khi nói chính pháp không hoa tay múa chân, không lắc đầu chớp mắt, mặt mày tự nhiên, đi đứng nghiêm nghị. 8. Dững mãnh tinh tiến, nghĩa là thường ưa lắng nghe các pháp chưa được nghe. Pháp đã nghe rồi thì càng thêm sáng tỏ. Không bỏ Du-già, không bỏ tâm tác ý, không lia bỏ nội Xa-ma-tha. 9. Không chán mệt, nghĩa là vì 4 chúng rộng nói diệu pháp, thân tâm không mệt mỏi. 10. Đầy đủ sức nhẫn, nghĩa là dù bị mắng nhiếc trêu ghẹo quở trách, nhất thiết không đáp lại, nếu bị khinh miệt không sinh buồn giận, cho đến nói rộng.

Nói chúng, nghĩa là ở trong 5 chúng nói 8 thứ lời nói. Những gì là 8? 1. Lời nói làm đẹp lòng. 2. Khéo khai phát. 3. Khéo giải thích câu vấn nạn. 4. Khéo phân tích. 5. Khéo thuận nhập. 6. Khéo dẫn chứng những cái khác. 7. Giới tài biện luận. 8. Tùy tông thú mà nói.

Năm chúng là: 1. Chúng tại gia. 2. Chúng xuất gia. 3. Chúng thanh tịnh tín. 4. Chúng tà oán. 5. Chúng trung bình.

Lời nói đẹp lòng có 5 thứ: 1. Có chứng nhân. 2. Có thí dụ. 3. Ngữ nghiệp đầy đủ. 4. Câu văn hay đẹp. 5. Ngôn từ rõ ràng. Khéo khai phát, là khai mở làm hiển nghĩa sâu kín. Biện giải nghĩa thô hiển khiến thâm thúy. Khéo giải thích câu vấn nạn, là khéo giải thích 5 thứ vấn nạn, như trước đã nói. Khéo phân tích, là phân tích mỗi một

pháp dựa vào tạng nhất đạo lý, cho đến 10 thứ. Hoặc lại khéo phân biệt hơn đây, như dựa vào một pháp kiến lập 2 lớp, 3 lớp tứ niệm trụ v.v..., cho đến nói rộng. Khéo thuận nhập, nghĩa là khéo giải thích rõ ràng kệ kinh, ứng tụng v.v... 12 phần giáo, hoàn toàn không dẫn tà đạo dị luận. Dẫn các chứng khác, nghĩa là dẫn các thuyết đã thành lập trong các kinh khác. Khéo tài biện luận, là tùy tự sở nhãn, khéo phân biệt nghĩa. Tùy tông thú, nghĩa là dựa vào Ma-đát-lí-ca mà phân biệt hiển thị. Hoặc dựa vào các thuyết không điên đảo khác nói về ngôn giáo mà giải thích như lý.

Lại nữa ở trong chúng tại gia, nên hiện tiền thuyết pháp chê các ác hạnh khen ngợi thiện hạnh, khiến chúng chấm dứt ác hạnh tiến tu thiện hạnh. Ở trong chúng xuất gia thì dựa vào tạng thượng giới v.v... 3 học mà hiện tiền thuyết pháp, khiến chúng mau chóng tu hành viên mãn. Ở trong chúng thanh tịnh v.v... thì dựa vào thánh giáo mở rộng oai đức hiện tiền thuyết pháp như thứ tự khiến thêm tăng trưởng, khiến trụ trong đó, khiến sinh tịnh tín.

QUYỂN 12 HẾT

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 13

Phẩm 2- 9: NHIẾP TỊNH NGHĨA

Nghe, nghĩa là pháp sư thuyết chính pháp, yên lặng lắng nghe khiến trụ tâm cung kính không điên đảo.

Hỏi: Sao gọi là yên lặng?

Đáp: Hoặc vì do một nhân, hoặc cho đến 10 nhân.

Một nhân, nghĩa là vì cung kính nghe chính pháp, hiện chứng lợi ích và an lạc. Trong này hoặc có lợi ích mà chẳng phải an lạc, hoặc an lạc mà chẳng phải lợi ích, cho đến 4 câu, như nói trong pháp thụ Bồ-tát địa.

Hai nhân, nghĩa là khéo kiến lập tất cả pháp. Khéo kiến lập là lìa lỗi lầm, đủ đại nghĩa, lại vì người nói người nghe mau chóng chứng đắc quả Sa-môn. Nếu không được vậy thì người thuyết pháp lập ngôn luận suông mà luống phé bỏ nghiệp của mình. Còn người nghe pháp thì mệt mỏi vô ích chẳng chứng đắc được gì.

Ba nhân, nghĩa là chính pháp có thể khiến xả bỏ nẻo ác được nẻo thiện, là nhân mau chóng dẫn đến Niết-bàn. Ba việc như vậy cung kính lắng nghe mới có thể chứng đắc.

Bốn nhân, là: 1. Khi cung kính lắng nghe, khéo hiểu rõ các pháp trong khế kinh. 2. Như vậy chính pháp có thể khiến hữu tình

xả bỏ các pháp bất thiện, giữ lấy các pháp thiện. Nếu biết khéo nghe pháp tức có thể siêng năng tinh tiến hoặc xả hoặc thụ. 3. Do xả thụ nên lìa bỏ các ác nhân chiêm cảm khổ quả. 4. Do đây thụ xả nhân thiện ác nên mau chóng tịch diệt.

Năm nhân, là Bạc-già-phạm thuyết chính pháp có do tự, có xuất ly, có y thú, có dũng mãnh, có thần biến, 5 thứ như vậy. Nếu rộng phân biệt thì như trong phần Nhiếp dị môn.

Lại có 5 nhân nghe chính pháp là: Tôi sẽ nghe chỗ chưa nghe. Tôi sẽ nghe cái đã nghiên cứu. Tôi sẽ đoạn trừ nghi tâm. Tôi sẽ điều phục các kiến chấp. Tôi sẽ dùng tuệ thông đạt các nghĩa sâu xa. Phật Bạc-già-phạm nói: “Năm nhân này hiển thị phương tiện cứu cánh của văn, tư, tu 3 thứ diệu tuệ. Hai nhân đầu hiển thị văn tuệ. Hai nhân giữa hiển thị tư tuệ. Một nhân sau hiển thị tu tuệ.

Sáu nhân, là: 1. Vì muốn kính báo đáp ân đức của Đại sư. Nghĩa là Phật Thế Tôn vì chúng ta nên tu hành khổ hạnh vô lượng hạnh khó làm cầu được pháp này. Sao nay không chịu lắng nghe. 2. Quán tự nghĩa lợi. Nghĩa là chính pháp của Phật có hiện nghĩa lợi. 3. Cứu cánh xa lìa tất cả nhiệt não. 4. Khéo thuận chính lý. 5. Dễ có thể thấy rõ. 6. các người thông tuệ, nội chứng thì biết.

Bảy nhân, nghĩa là 7 chính pháp như kinh nói: “Ta phải tu tập 7 thứ chính pháp”. Nghĩa là biết pháp, biết nghĩa, cho đến biết Bồ-đặc-già-la tôn ti.

Tám nhân, là: 1. Phật pháp dễ được, cho đến vì Chiên-đồ-la v.v... mà khai thị. 2. Dễ tu học. Đi đứng nằm ngồi đều có thể tập được. 3. Dẫn phát nghĩa lợi. Nghĩa là có thể dẫn đến quả thế gian và xuất thế gian. 4. Sơ thiện. 5. Trung thiện. 6. Hậu thiện. 7. Cảm quả hiện lạc. 8. Dẫn đến quả hậu lạc.

Chín nhân, nghĩa là có thể thoát khỏi 9 thứ bức bách: 1. Có thể ra khỏi lao ngục lớn sinh tử. 2. Vĩnh viễn đoạn trừ sự trói buộc kiên

cổ của tham v.v...3. Xô ngã 7 thứ cội gốc của nghèo khổ lớn và xây dựng 7 thứ giàu có lớn. 4. Siêu độ thiện hạnh lắng nghe chính pháp, vì cơ kiệm nên xây dựng sự sung túc. 5. Diệt vô minh tối tăm khởi tuệ sáng suốt. 6. Vượt qua 4 dòng nước xiết lên bờ Niết-bàn. Đối trị các bệnh phiền não bên trong. 8. Giải thoát tất cả lưới tham ái. 9. Có thể độ các hành động tạp nhiễm như rừng rậm, như đồng nội lưu chuyển từ vô thủy. Trong các ngục tù, ngục tù sinh tử là đứng đầu, cho nên nói đầu tiên.

Mười nhân, là: 1. Cung kính lắng nghe pháp Như Lai rồi, được năng lực tư duy lựa chọn, do đó có thể thụ nghe pháp nghĩa lợi, như pháp cầu tài không dùng phi pháp, tuy lại thụ dụng phải thấy tội lỗi sâu sắc. 2. Khéo biết xuất ly. Nghĩa là mất mát của cải không lo không buồn cũng không than oán, cho đến nói rộng, quyến thuộc lia tan không phiền quá đau thương, nếu gặp bệnh nặng cũng không sầu não. 3. Thấy sâu sắc rằng các dục có nhiều tội lỗi, và thấy xuất ly là công đức vượt trội hơn hết. Xuất gia nhập đạo, không tham đắm chỗ nằm v.v... cho đến chứng được các tĩnh lự vi diệu. 4. Cung kính lắng nghe chính pháp không điên đảo. Có thể thuận chứng, hiểu rộng lớn rất sâu, tương tự rất sâu các pháp duyên khởi. Lại có thể dẫn phát thiện căn rộng lớn hoan hỷ xuất ly. Như Bạc-già-phạm nói: “Thánh đệ tử của ta chuyên tâm từ tai lắng nghe chính pháp, có thể đoạn 5 pháp, có thể tu 7 pháp mau chóng viên mãn.” 5. Các thánh đệ tử cung kính nghe pháp, có những tập khởi nào đều chuyển thành diệt. 6. Hiểu chính pháp rồi xa lìa trần cấu, ở trong các pháp sinh chính pháp nhãn. 7. Có thể dẫn nhiếp tối thắng tư lương chứng quả dự lưu, cho đến chứng đắc quả A-la-hán và có thể dẫn nhiếp tối thắng tư lương quả A-la-hán. 8. Có thể khéo dẫn nhiếp tư lương của Độc Giác. 9. Có thể khéo dẫn nhiếp tư lương của vô thượng chính đẳng Bồ-đề. 10. Dẫn phát tĩnh lự, đẳng trì, đẳng chí, đẳng định của tất cả thế xuất thế gian.

Tán Phật có đại lược và rộng. Nghĩa là người thuyết pháp khi nói chính pháp phải tán Phật trước. tán Phật có 2 loại là đại lược và rộng.

Tán đại lược có 5 thứ: 1. Diệu sắc. 2. Tịch tĩnh. 3. Thắng trí. 4. Chính hạnh. 5. Oai đức.

Diệu sắc là 32 tướng đại trọng phu và 80 thứ tùy hình hảo. Tịch tĩnh là khéo giữ gìn các căn môn và vĩnh viễn nhỏ bỏ phiền não tập khí. Thắng trí là không quai ngại thế pháp và phi thế pháp của quá khứ vị lai hiện tại. Chính hạnh là tự tha lợi lạc chính hạnh viên mãn. Oai đức là thần thông du hí của Như Lai.

Lại có 6 thứ lược tán Như Lai là: Đức viên mãn, lìa cấu nhiễm, không uế trước, không sánh bằng, chỉ lợi chúng sinh làm nghiệp, nghiệp dụng này được tự tại.

Phân biệt rộng này như trong phần Nhiếp quyết trích, rộng là rộng khen Như Lai vô biên công đức. Như nói Bạc-già-phạm có vô biên danh xưng, vô lượng đức, có thể thí quang minh, phts trí sáng, có thể trừ tối tăm, vĩnh diệt tối tăm vô trí, thành tựu minh nhãn, đủ tam nhãn, thấy thắng nghĩa đế, thông suốt các thánh đế không sánh bằng, thành tựu giới cấm, đầy đủ Thi-la tăng thượng tịnh.

Lại nói Bạc-già-phạm là lưỡng túc tôn, là hơn cả trong các điều ngữ, là đặc biệt đẹp đẽ trong chúng Sa-môn, là trân bảo khó được trong thế gian.

Lại nói Bạc-già-phạm là người thương mọi vật, yêu hữu tình, thích làm việc nghĩa, cầu lợi vật, thương yêu hiện tiền.

Lại nói Bạc-già-phạm là con mắt, là trí tuệ, rõ thấu chân lý, đối với nghĩa rất sâu quyết định làm rõ, phạm làm việc gì đều theo nghĩa chuyển.

Lại nói Bạc-già-phạm có thể chứng tất cả chỗ chưa chứng nghĩa, bởi trước chứng 8 chi thánh đạo, chứng tự nhiên, lập thánh phạm hạnh chưa từng lập.

Lại nói Bạc-già-phạm là người biết thánh đạo, là người làm rõ thánh đạo, là người nói thánh đạo, là người dẫn dắt đến thánh đạo.

Lại nói Bạc-già-phạm là sư tử trong loài người vì lia sợ hãi, là bò chúa trong loài người vì ngự trị đại chúng, là người điều khiển trong loài người vì là đứng đầu của chúng, là vua rồng trong loài người vì không sai lầm, là ngựa tốt trong loài người vì tâm điều thuận, là vượt trội trong loài người vì dòng họ gia tộc nhan sắc đều vượt hơn chúng, là cao tột trong loài người vì giới hạnh trí tuệ oai đức vượt hơn các người, là hoa sen trong loài người vì không bị nhiễm 8 pháp thế gian, vì không bằng không sánh bằng hoàn toàn không sánh bằng, với quá khứ vị lai hiện nay không có ai sánh bằng các Thiện thế. Đứng nhất trong các hữu tình vì tối thượng, trên Đại tiên vì Thi-la, vì thời gian lâu tích tập các phạm hạnh, vì chứng pháp chứng của Đại tiên xưa. Tối thắng là vì điều phục tất cả phiền não thiên ma ngoại đạo, vì Mâu-ni không có tất cả trạo cử ngạo mạn, vì cùng 3 tịch tĩnh tương ưng đầy đủ, vì không thể dẫn đoạt tất cả sinh mạng, và các dị luận không thể đoạt lấy, vì tắm gội sạch các ác, vì đến bờ kia siêu việt tất cả Tát-ca-da.

Lại nói Như Lai, ứng cúng, chính đẳng giác, minh hành viên mãn, thiện thế, thế gian giải, vô thượng trượng phu, thiện điều ngự sĩ, thiên nhân sư, Phật, Bạc-già-phạm.

Lại nói bạch pháp viên mãn nhất thiết trí, là chủ của chính pháp, là pháp không quên mất, là hữu tình kiên thắng, tất cả khổ vui không ràng buộc làm nhiễu loạn tâm.

Lại nói là người khéo điều phục mật hộ căn môn đầy đủ, là người tịch tĩnh vì thụ tịnh Thi-la đầy đủ, là người an ổn vì đã vào quyết định địa, là người Bát Niết-bàn vì đã chứng Bồ-đề, là người nhỏ mũi tên độc vì vĩnh viễn nhỏ bỏ tất cả mũi tên tham ái.

Lại nói là người điều phục tất cả những gì không điều phục, là người tịch tĩnh tất cả những gì không tịch tĩnh. Như trước đã nói, là

người an ổn tất cả những gì không an ổn, có khả năng khéo kiến lập các phạm phu v.v... khiến chúng quả dự lưu, nhất lai v.v..

Lại nói là người không xiềng xích, là người ra khỏi hầm lửa, là người vượt qua hào sâu, là người chế ngự bđục vọng, là người không lay động nghiêng ngã, là người xô ngã cờ kiêu mạn, là người đại thường trụ.

Lại nói là Đại A-la-hán, vĩnh viễn hết các lậu, như trước đã nói rộng, cho đến hết các hữu kết.

Lại nói vĩnh viễn đoạn trừ 5 phần, thành tựu 6 phần. Như vậy nói rộng cho đến tích tụ thuần thiện vô thượng trượng phu.

Lại nói là người biết rõ pháp, cho đến là người biết rõ Bồ-đặc-già-la tôn ti.

Lại nói là Đại Sa-môn, Đại Bà-la-môn, là ly cấu, vô cấu, lương y, thương chủ, thắng quan sát, thế gian nương dựa, chúng sinh tôn kính. Trong đây ly cấu là vì đoạn phiền não chướng. Vô cấu là vì đoạn trừ sở tri chướng. Lại nữa, vĩnh viễn nhỏ bỏ tập khí nên gọi vô cấu. Ngày đêm 6 lần quan sát nên gọi thắng quán sát.

Lại nói là người thanh tịnh tất cả các thứ thiện, là người tướng đại trượng phu và tùy hình hảo trang nghiêm thân, là người đại lực đầy đủ 10 sức mạnh, là người không sợ sệt, đủ 4 thứ không sợ, là người thành tựu đại bi, trong 3 niệm trụ an trụ niệm, là người thành tựu 3 thứ không phải giữ gìn và pháp không quên mất, vĩnh viễn hại tất cả phiền não tập khí, đầy đủ tất cả thứ diệu trí. Trong đó, đại bi là vì tích tập thời gian dài. Nghĩa là trải qua 3 Đại kiếp A-tăng-xí-da mới chứng đắc. Lại nữa, còn dựa vào duyên tất cả chúng sinh, duyên tất cả thứ khổ làm cảnh giới, được các chúng sinh tất cả tổn não biến đổi chỗ không thể chuyển đổi, khởi hạnh bình đẳng đối với tất cả hữu tình.

Học thắng lợi, nghĩa là pháp sư thuyết pháp phải dựa vào sự thiết lập giải thích tướng của kinh pháp. Trước phải tìm hiểu nào văn

nào nghĩa. Tiếp đến phải hiểu rõ 5 thứ như trước nói, khi vì người nói chính pháp giải thích đạo lý. Tiếp đến nên an lập tự thân như tướng người thuyết pháp trước đã nói là viên mãn 10 thứ pháp nghĩa v.v... An lập như vậy rồi, sau khởi ngôn thuyết về đạo lý sai biệt như trước đã nói. Nghĩa là ở trong 5 đại chúng, dùng khả hỷ lạc v.v...8 thứ ngôn ngữ như trước đã nói, vì chúng thuyết pháp. Lại an lập chúng khiến lắng nghe cung kính không điên đảo. Lại phải trước tán thán công đức của đại sư. Nếu đầy đủ 5 phần nêu chính pháp thì nên biết giống như 5 phần âm nhạc, có thể khiến mình và người sinh đại hoan hỷ. lại có thể dẫn phát tự tha lợi ích. Lại nữa, nếu khéo tu học được như vậy thì phải biết có đầy đủ 5 thứ thắng lợi: 1. Hiểu nghĩa lời Phật nói không khó. 2. Có thể nói viên mãn tướng các pháp. 3. Có thể phát khởi liên tục sự hoan hỷ rộng lớn của mình và người. 4. Khéo dẫn xuất ly, tiếng khen rộng lớn trong thiên thượng nhân gian. 5. Sinh khởi vô lượng công đức tối thắng.

Lại nữa , như Phật có nói Kinh Trụ Học Thắng Lợi. Thể tính kinh này, tức là văn và nghĩa. Văn là kinh nói: “Này các Bí-sô cần phải an trụ tu học thắng lợi”. Trong đây có 12 tự, 4 danh, 1 cú. Như vậy là gồm có danh, cú, tự và thân. Trong đó ngôn thuyết là tướng của học xứ, cho nên gồm có tướng. Ngôn thuyết của Như Lai là vốn vì Bí-sô xin hỏi, tức gồm có cơ thỉnh. Chỗ ngôn thuyết của Như Lai tức gồm có lời nói. Cho nên kinh này một câu gồm đủ 6 văn. Như vậy trong các câu “Tuệ là thượng thủ” v.v...theo tướng phải biết.

Lại nữa, nghĩa tức là trong nghĩa của địa, chỉ nói nghĩa của Thanh Văn địa. Hoặc nói đủ 5 địa. Kinh nói “học thắng lợi”, tức là tư lương địa, “tuệ là thượng thủ” tức là phương tiện địa, “giải thoát kiên cố”, “niệm là tăng thượng” tức là kiến, tu v.v... các địa. Đó gọi là nghĩa của địa.

Trong nghĩa của tướng, học thắng lợi là tự tướng của giới. Tuệ là thượng thủ là đủ 2 thứ tướng. Nghĩa là trong tuệ sở y và trợ bạn

v.v... chỉ tự thể của tuệ là tự tướng. Quyên thuộc của tuệ và sở duyên v.v... gọi là cộng tướng. Giải thoát kiên cố, nghĩa là vĩnh viễn lia tất cả phiền não thô nặng là tự tướng của giải thoát. Niệm là tăng thượng, tức là tự tướng của niệm. Như vậy những thứ đó gọi là nghĩa của tướng.

Trong nghĩa của tác ý, học thắng lợi là chẳng phải thể của tác ý, chỉ hiển thị kiến lập xứ sở của tác ý. Tuệ làm thượng thủ, nghĩa là hiển thị 2 thứ tác ý là liễu tướng và thắng giải. Giải thoát kiên cố, là hiển thị 4 thứ tác ý: viễn ly, nhiếp lạc, phương tiện cứu cánh, phương tiện cứu cánh quả. Niệm là tăng thượng, nghĩa là phải biết đây hiển thị quan sát tác ý. Như vậy những thứ đó gọi là nghĩa của tác ý. Do đạo lý này, ở trong trí v.v... cũng phải tùy tướng phân biệt.

Trong nghĩa của xứ sở, là y nơi Niết-bàn nhiếp thụ học xứ, y thanh tịnh hạnh, nơi thích ứng thì dạy dỗ dẫn dắt, như dạy dỗ dẫn dắt cho đến vui mừng thăm hỏi. Nên biết rằng trong đây cũng thông cả các hạnh thiện. Tùy chỗ tối thắng chỉ nói thanh tịnh hạnh, chỉ y vào xuất gia Bồ-đặc-già-la. Lại nữa trong tất cả chúng sinh hạ căn v.v... nên phải phát khởi vui mừng thăm hỏi v.v... Nghĩa là tùy theo lúc quá khứ hay hiện tại mà vui mừng thăm hỏi chỗ đã chứng đắc hay đang chứng đắc. Tùy theo hiện tại mà khởi thị hiện. Tùy theo vị lai mà khởi dạy dỗ dẫn dắt và khen ngợi khích lệ. Đó gọi là nghĩa của xứ sở.

Trong nghĩa của tội lỗi, nghĩa là đã là người xuất gia thì không nên có những hành động khác lạ, không nên tích trữ tiền bạc của cải.

Trong nghĩa của thắng lợi, nghĩa là tu 3 học đầy đủ là đáng ca ngợi. Trong nghĩa sở trị, nghĩa là phạm Thi-la, vô trí, phiền não và quên mất niệm. Phải biết hộ Thi-la v.v... tức là nghĩa của năng đối trị. Lại nữa, tất cả hạnh tạp nhiễm đều là nghĩa của sở đối trị. Hạnh 3 học v.v... là nghĩa năng trị.

Trong nghĩa lược, nghĩa là trụ học thắng lợi cho đến niệm là tăng thượng. Tự tông của lược này gọi là nghĩa lược. Trong nghĩa rộng, nghĩa là phân biệt rộng đây. Đó gọi là nghĩa rộng, không có gì quá hơn.

Lại nữa, trong giải thích, pháp nghĩa là trong 12 phần giáo, khế kinh và ký biệt bao gồm liễu nghĩa thuyết.

Đẳng khởi, nghĩa là vì khai thị tự thể của biến hành hạnh trí lực nên phát khởi kinh này, lại vì hiển thị sự tinh cần tu tập hạnh thanh tịnh, và cho thấy sự ái trọng tài lợi ở đời, khiến tin hiểu chỗ hóa độ chúng sinh đây là dựa vào trụ học thắng lợi v.v... tinh cần tu tập, mau chóng được viên mãn 3 học thắng lợi. Lại vì hiển thị 4 loại thể của Bí-sô, nên kinh nói: “ Học thắng lợi là để khiến xa lìa cái thể Bí-sô của hình tướng chủng tính, và khiến xa lìa cái thể Bí-sô của sự trá hiện mật hộ quỹ tắc oai nghi.” Lại nói tuệ là thượng thủ, là để khiến xa lìa chấp trước hư vọng cái thể Bí-sô danh xưng. Giải thoát kiên cố niệm tăng thượng, là khuyên kia tu tập cái thể của hạnh chân thật của Bí-sô. Bởi vì sao? Nếu những người yêu thích danh xưng là chỉ vì cái danh của mình mà cố gắng, nghe chính pháp không phải vì tăng trưởng trí tuệ. Nếu xa lìa những lỗi đã nói trước mới là hạnh chân thật muốn chứng đắc chính giải thoát.

Lại nữa, vì những kẻ đối với pháp hạ liệt mà sinh tri túc thì khuyên tu học pháp tăng thượng. Nghĩa là vì người muốn tìm cầu văn chương chú thuật thuận theo thế gian mà lơ là đối với giới luật thì nói học thắng lợi, vì người chỉ giữ Thi-la mà xả bỏ đa văn thì nói tuệ là thượng thủ, vì người đối với văn, tư, sinh tri túc thì nói giải thoát kiên cố, vì người đối với giới tuệ giải thoát khởi tăng thượng mạn thì nói niệm là tăng thượng v.v...những loại như vậy gọi là đẳng khởi.

Nói nghĩa, tức phải biết đó là tổng nghĩa, là nghĩa chung. Kinh này nói rõ chính hạnh và quả của chính hạnh. Như vậy giới v.v... 3

học gọi là học phân lượng. Kinh nói: “Nhu thị trụ, tức là đây nói rõ hạnh chính phương tiện gồm trong 4 thứ Du-già”. Lại nói: “Nhu thị trụ 3 học, tức nói rõ quả chính hạnh”. Trong đây tin và muốn làm đầu nên khi tiếp nhận Thi-la, nghe nhận chính pháp, do sức chính cần, tu tập tuệ v.v... phải nhờ phương tiện.

Trong biệt nghĩa, tức nghĩa riêng, gọi học là tinh tiến. Như giáo hạnh hoặc tập hoặc tu, gọi là sai biệt. Thân, ngữ và mạng hiện hành thanh tịnh, là học tự tướng. Do giới, nhẫn v.v...hiển phát chính hạnh nên gọi là học. Lại vì cầu quả tịch tĩnh thanh lương, tiến tập trừ diệt, nên gọi là học.

Những loại như vậy huân thích danh ngôn như trước nên nói là tướng, là tự thể, là nghiệp, là pháp, là nhân quả. Trong nghĩa môn sai biệt, trước biện về tự thể sai biệt học, là hiển thị 7 phẩm Thi-la, hoặc quá 150 học xứ. Giới sai biệt, nghĩa là trong Dục thiên chỉ có biệt giải thoát luật nghi, tĩn lự luật nghi chỉ ở Sắc, Vô sắc thiên, vô lậu luật nghi thì không ràng buộc. Thời sai biệt, nghĩa là đời quá khứ đã học, đời vị lai sẽ học, đời hiện tại đang học. Vị sai biệt, nghĩa là Bồ-đặc-già-la đã vào chính pháp, học chưa thành thực là hạ vị, học chính thành thực là trung vị, học đã thành thực là thượng vị. Tâm không vui thích cố gắng tu hành các phạm hạnh là khổ vị. Tâm vui thích tu hành các phạm hạnh mà không phải cố gắng là lạc vị. Tu hành các phạm hạnh một cách tự nhiên là bất khổ bất lạc vị. Chỉ là thiện vị chẳng phải bất thiện vị, nếu nghe nhận là văn vị. Nếu thẩm xét là tư vị. Đắc định mà tu là tu vị. Nếu chưa chứng đắc tăng thượng tâm tuệ, là tăng thượng giới vị. Nếu đã chứng đắc, gọi là tăng thượng tâm tuệ vị. Những loại như vậy gọi là vị sai biệt.

Bồ-đặc-già-la sai biệt, là trong đây ý nói xuất gia Bồ-đặc-già-la. Hoặc độn căn hoặc lợi căn, hoặc tham v.v... hạnh, hoặc đẳng phân hạnh, hoặc bậc trần hạnh là chỉ Thanh Văn chẳng phải Độc Giác chẳng phải Bồ-tát. Bởi các Độc Giác đều có các giác ngộ khác biệt.

Các Bồ-tát v.v..thì giải thoát kiên cố. Cho nên Như Lai không vì họ nói cộng trụ tu học. Lại nữa trong đây chỉ nói Bát Niết-bàn là pháp, là đã nhập chính pháp, là không có chướng ngại. Vô phược, bất cụ phược, phi vô phược là chỉ người chẳng phải trôi. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la sai biệt. Như đối với học, phải biết phân biệt như vậy đối với thắng lợi tính, tuệ thượng thủ tính, giải thoát kiên cố tính, niệm tăng thượng tính, tùy chỗ thích ứng phải rộng phân biệt 5 thứ sai biệt. Trong đây thắng lợi là công đức tăng tiến viên mãn gọi đó là sai biệt. Như kinh nói: “Quán 10 thắng lợi, đó là thể tính”. Thích danh là pháp ấy đối với thân tùy nhiếp lợi ích và nên ca ngợi, nên gọi thắng lợi. Lại nữa, như pháp ấy ca ngợi tùy trực, nên gọi thắng lợi.

Nghĩa môn sai biệt là phải biết có 10 thứ sai biệt. Nghĩa là có thể nhiếp giữ tăng già khiến tăng già tinh tiến thành khẩn, cho đến nói rộng.

Kinh nói: “Bí-sô là Sa-môn bỏ nhà đến nơi chẳng phải nhà v.v...là danh sai biệt. Đây đủ biệt giải thoát luật nghi chúng đồng phần là thể của Bí-sô”. Thích danh là đối với sắc hình v.v...tinh cần thủ hộ không gần nẻo ác v.v...Lại có thể giữ gìn, dẫn đến các công đức không hư hoại, nên gọi là Bí-sô. Nghĩa môn sai biệt, là Sát-đế-lị sai biệt v.v..., thượng tộc hạ tộc sai biệt, trẻ trung niên già v.v... sai biệt.

Kinh nói: “Trụ, là khi đến với chúng thì tinh cần tu tập, đó là danh sai biệt. Tự thể của trụ này thì lìa sở thuyết không có pháp nào là học”. Thích danh là do thời phần nhiếp thụ các thứ oai nghi, nên gọi là trụ. Về nghĩa môn sai biệt là sai biệt về oai nghi, sai biệt về sáng trưa chiều, sai biệt ngày đêm.

Kinh nói: “Tuệ là trí kiến, minh hiện quán v.v..., đó là danh sai biệt. Giản trạch pháp tướng, tâm sở hữu pháp là thể”. Thích danh là giản trạch là thể, chẳng phải trí đối trị nên gọi là tuệ. Lại mỗi mỗi sai biệt, có thể hiểu rõ được điều đó nên gọi là tuệ. Lại có thể hiển rõ chỗ

liều biệt của thức nên gọi là tuệ. Về nghĩa môn sai biệt thì tùy chỗ thích ứng mà phân biệt như trước.

Kinh nói: “Giải thoát là vĩnh đoạn, ly hệ, thanh tịnh. Tận diệt, ly dục v.v...như vậy là danh sai biệt. Vĩnh trừ thô trọng, đoạn diệt phiền não là thể”. Thích danh là có thể thoát khỏi các thứ ràng buộc như tham v.v...nên gọi giải thoát. Lại nữa, Thế Tôn vì nói các thứ Mâu-ni, lấy đó làm thể tính của Mâu-ni nên gọi là giải thoát. Về nghĩa môn sai biệt có giải thoát còn chờ thời gian, có giải thoát bất động, có giải thoát do kiến đạo đoạn phiền não, có giải thoát do tu đạo đoạn phiền não, có giải thoát khỏi ràng buộc nơi cõi Dục, có giải thoát khỏi ràng buộc cõi Sắc, có giải thoát khỏi ràng buộc cõi Vô sắc v.v... các loại như vậy phải biết sai biệt như trước.

Kinh nói: “Niệm là không quên mất, tâm ghi nhớ rõ ràng v.v... đó là danh sai biệt. Tâm sở hữu pháp là thể”. Thích danh là nhớ lại các pháp gọi là niệm. Lại như những việc đã trải qua, tùy chỗ tác ý khiến tâm ghi nhớ rõ ràng nên gọi là niệm. Về nghĩa môn sai biệt thì có niệm Phật, niệm pháp cho đến nói rộng là 6 niệm. Lại nữa niệm trụ sai biệt v.v...tùy chỗ thích ứng cần phải nói rộng.

Lại nữa trong giải thích các câu vấn nạn có như sau:

Hỏi: Học thắng lợi là nghĩa thể nào?

Đáp: Câu này muốn làm rõ tăng thượng giới học, thấy thắng công đức, siêng tu tập trụ.

Hỏi: Tuệ là thượng thủ là nghĩa thể nào?

Đáp: Câu này hiển thị trong các căn tuệ căn là đệ nhất.

Hỏi: Giải thoát kiên cố là nghĩa thể nào?

Đáp: Câu này hiển thị tu sở đoạn, phiền não vĩnh đoạn.

Hỏi: Niệm là tăng thượng là nghĩa thể nào?

Đáp: Câu này hiển thị được công đức ít và thấp kém không sinh tri túc.

Hỏi: Ở trong các kinh, thứ tự của 3 học Thế Tôn nói khác. Sao ở trong đây sau tăng thượng giới liền nói tăng thượng tuệ. Và lại không nói thắng lợi của tăng thượng tâm học?

Đáp: Câu này gồm chung văn tự tu mà tạo thành các tuệ, muốn nói rõ là do không hồi v.v... lần lượt phát Tam-ma-địa tức là hiển thị tăng thượng tâm học. Như Bạc-già-phạm nói trong 5 căn này, cái có khả năng nhiếp thụ sở nhiếp thụ hơn cả đó là tuệ căn. Vì các Bí-sô thành tựu thắng tuệ căn như vậy, nên cho đến có thể tu Tam-ma-địa căn. Vì vậy cho nên do sức của tuệ căn, cho đến Tam-ma-địa căn đều được thành tựu. Nay trong kinh này Bạc-già-phạm hiển thị trí tuệ là dẫn nhân của Tam-ma-địa, và có thể dẫn đến đoạn phiền não. Do nói tăng thượng tuệ học cho nên phải biết gồm nói cả tuệ với tăng thượng tâm học.

Hỏi: Nếu vậy trong các kinh khác nói 3 học tu tập tiến đến viên mãn, vì sao không nói tăng thượng tâm học tu tập viên mãn?

Đáp: Nên biết điều này cũng như đạo lý đã nói ở trước.

Hỏi: Vì sao trong đây chỉ nói học thắng lợi trụ mà không nói tuệ thắng lợi trụ, giải thoát thắng lợi trụ?

Đáp: Chỉ khuyên nhiếp thụ thắng lợi hạ liệt. Phải biết cũng khiến hữu tình được hóa độ nhiếp thụ tất cả thắng lợi tăng thượng. Lại nữa, nhiếp tăng già v.v...10 thứ thắng lợi rõ ràng dễ nhập. Cho nên chỉ nói học thắng lợi trụ.

Hỏi: Đã là giải thoát thì trên hết cả trong các pháp, vì sao chỉ nói tuệ thượng thủ trụ mà không nói giải thoát thượng thủ trụ?

Đáp: Ở trong hạ liệt còn khiến hữu tình được hóa độ thủ tăng thượng tính, và phải biết cũng khiến được hóa độ ở pháp tăng thượng

thủ làm tăng thượng. Lại nữa trong giải thoát hiển thị sai biệt. Là sai biệt gì? Nghĩa là tuệ giải thoát trông mong vô thường thượng thủ là thường trụ kiên thật nhất.

Hỏi: Những gì là học thắng lợi trụ?

Đáp: Do tùy theo chỗ kiến lập chúng nhiều học xứ quán 10 thắng lợi, nên thủ Thi-la, kiên thủ Thi-la, hằng tác hằng chuyển. Như vậy gọi là trụ học thắng lợi.

Hỏi: Nhiếp thụ tăng v.v...các câu ấy có nghĩa gì?

Đáp: Nhiếp thụ Tăng-già, đó là câu tổng quát. Ngoài ra là những câu riêng biệt khiến chư tăng tinh tiến thành khẩn, tức khiến lìa bỏ bên thụ dụng dục lạc. Khiến chư tăng an lạc, tức là khiến lìa bỏ bên thụ dụng tự khổ hạnh. Chưa tin khiến tin, là chưa vào chính pháp khiến vào. Đã tin khiến tăng trưởng, là đã vào chính pháp khiến thành thực. Khó điều phục khiến điều phục, là người phạm Thi-la thì khéo léo loại trừ. Khiến hổ thẹn, trụ an lạc, trì tịnh giới thì khiến không hối không nã. Phòng hộ hiện pháp lậu, là thuận điều phục phiền não triền. Tồn hại hiện pháp lậu, là ngăn dứt tà nguyện trụ phạm hạnh tùy thuận vĩnh đoạn hoặc tùy miên để khiến nhiều người phạm hạnh tồn tại dài lâu và tăng rộng, cho đến vì chư thiên nhân khai thị chính thiện, khiến thánh giáo liên tục không đoạn tuyệt.

Như vậy 10 thứ thắng lợi, nếu lược nói là 3 thứ thắng lợi, mở rộng 3 thứ thì thành 10 thứ. Ba thứ là: 1. Khiến chư tăng không trụ nhiễm ô. 2. Khiến chư tăng được trụ an lạc. 3. Khiến thánh giáo tùy chuyển dài lâu. Trong đây do 7 thứ tùy hộ, hiển thị trụ không nhiễm ô và trụ an lạc. Bảy thứ tùy hộ là: 1. Kính dưỡng tùy hộ. 2. Tự khổ hạnh tùy hộ. 3. Đồ dùng thiếu thốn tùy hộ. 4. Các thứ lần lượt tùy hộ. 5. Tâm theo đuổi biến đổi tùy hộ. 6. Phiền não ràng buộc tùy hộ. 7. Tà nguyện tùy hộ. Một câu cuối cùng là hiển thị thánh giáo tùy chuyển dài lâu.

Thế nào là thường thủ Thi-la? Nghĩa là không bỏ học xứ. Thế nào là kiên thủ Thi-la? Nghĩa là không phạm học xứ. Thế nào là hằng tác? Nghĩa là học xứ không xuyên tác. Thế nào là hằng chuyển? Nghĩa là xuyên tác Thi-la rồi lại trở lại. Thế nào là thụ học học xứ? Nghĩa là theo học đầy đủ các học xứ. Như vậy hành giả thường thủ Thi-la, kiên thủ Thi-la, nghe chính pháp rồi một mình ở nơi tĩnh lặng, buộc niệm tư duy so lường quán sát vì muốn phát khởi tăng thượng tâm tuệ. Lại hành giả này dựa vào văn tư tu phát sinh trí tuệ có thể chứng giải thoát. Tính của giải thoát này là pháp bất thoái nên gọi là kiên cố. Vì là quả của trí xuất thế nên không thể thoái chuyển. Lại nữa hành giả này do niệm lực nên tự thẩm xét quán sát xem Thi-la uẩn của ta viên mãn chăng? Ta thông đạt đối với các pháp chăng? Ta có chứng được giải thoát chăng? Y chỉ sức ức niệm như vậy nên học đủ thắng lợi, phát thượng thủ tuệ, chứng kiên giải thoát. Lại nữa niệm này sơ lược có 3 thứ. Nghĩa là hoặc nhân thuyết pháp, hoặc y giáo thụ, hoặc lại quán sát làm với không làm.

Hỏi: Bạc-già-phạm tuyên thuyết có vô lượng thứ Thi-la, như Ô-ba-sách-ca Thi-la, Bí-sô Thi-la, Ô-ba-bà-sa Thi-la, Tĩnh lự Thi-la, Tam-ma-bát-đề Thi-la, Thánh ái Thi-la v.v... Nay ở trong đây dựa vào Thi-la nào mà nói trụ học thắng lợi?

Đáp: Do Bí-sô Thi-la là tối thắng.

Hỏi: Theo Bạc-già-phạm nói tuệ có nhiều thứ, như tuệ phát sinh do nghe, tuệ phát sinh do tư duy, tuệ phát sinh do tu. Nay trong đây dựa vào tuệ nào mà nói trụ tuệ thượng thủ?

Đáp: Đủ 3 tuệ.

Hỏi: Phật nói giải thoát cũng có nhiều thứ, như thế gian giải thoát, xuất thế gian giải thoát, hữu học giải thoát, vô học giải thoát, khả động giải thoát, bất động giải thoát v.v... Nay trong đây dựa vào giải thoát nào mà nói giải thoát kiên trụ?

Đáp: Dựa vào xuất thế bất động giải thoát.

Hỏi: Như Lai nói niệm cũng có nhiều thứ, như thân v.v... cảnh giới trụ niệm, cửu tác cửu thuyết v.v... tùy niệm, đọc tụng v.v...tùy niệm, giáo thụ v.v...tùy niệm, ung tác bất ung tác tùy niệm, niệm Phật v.v... tùy niệm. Nay trong đây dựa vào niệm nào nói là niệm tăng thượng?

Đáp: Theo cái hơn mà luận nói là quan sát ung tác bất ung tác tùy niệm.

Lại nữa trong thứ tự thì trước dựa vào Bí-sô Thi-la trụ rồi, tiếp nghe thụ chính pháp, tiếp đến nên như lý tác ý. Như vậy hành giả do trì tịnh giới nên không có lo buồn hối hận. Do không hối v.v...lần lượt có thể phát chính Tam-ma-địa. Nghĩa là do phương tiện nhiếp giữ tuệ, như lý tư duy, nên tăng thượng tâm học thành tựu. Đó gọi là thứ đệ viên mãn vì trước làm nhân sau được viên mãn. Lại nữa, trụ học thắng lợi là được tuệ thượng thủ, nên trụ tuệ thượng thủ là chứng giải thoát kiên cố. Làm sao có thể được trụ học thắng lợi, cho đến giải thoát kiên cố? Nghĩa là do sức của niệm tăng thượng, nên gọi là năng thành thứ đệ. Lại nữa kinh nói: “Nếu trụ như vậy tu tập 3 học thì mau chóng được viên mãn. Đó cũng gọi là năng thành thứ đệ.

Giải thích về thứ đệ, như kinh nói: “Đại sư, nghĩa là người khéo dạy dỗ Thanh Văn đệ tử những việc nên làm không nên làm, nên gọi là đại sư. Lại có thể hóa đạo vô lượng chúng sinh chúng khổ tịch diệt, nên gọi đại sư. Lại vì xô dẹp tà uế ngoại đạo mà xuất hiện ở đời, nên gọi đại sư. Thanh Văn, nghĩa là nghe âm thanh chính pháp từ người khác nên gọi là Thanh Văn. Lại nữa, hoặc khiến người khác nghe tiếng chính pháp, nên gọi là Thanh Văn”.

Hỏi: Vì nhân duyên gì chỉ vì Thanh Văn nói trụ học thắng lợi v.v...?

Đáp: Do chúng Thanh Văn là đệ tử chân thật theo Bạc-già-phạm tùy thuận tu học. Pháp, là những tuyên thuyết danh cú văn

thân. Học xứ, là tuyên nói những việc 5 nhóm phạm. Thành tựu lân mãn, là hằng trụ tâm từ v.v...4 thứ vô lượng đối với các chúng sinh trong đêm dài tăm tối. Thành tựu bi, là có thể nhỏ các pháp khổ cho chúng sinh. Lạc nghĩa lợi, là có thể trao cho chúng sinh vô lượng pháp lạc. Cầu lợi ích, là muốn khiến chúng sinh nhiếp thụ các thứ thiện pháp vi diệu. Hằng bi mãn, là có thể nhỏ bỏ các thứ pháp ác bất thiện cho chúng sinh. Lại nói vì khiến nhiều người phạm hạnh cứu trụ, là dựa vào Sát-đế-lị v.v... các chủng tính lớn mà nói. Tăng thêm rộng, nghĩa là các loại chúng sinh này sau càng thêm nhiều dần thành rộng lớn. Cho đến là các thiên nhân, nghĩa là như vậy tăng rộng nhiều các chủng loại có thể lực, tức đây hiển thị đại bi của Thế Tôn bao trùm chứ không chỉ một phần. Chính thiện khai thị, nghĩa là sở hữu tất cả các pháp, và hết tất cả các pháp sở hữu. Thuyết chính pháp, nghĩa là 12 phần giáo nghe thụ, nghiên cứu tìm tòi, gìn giữ đọc tụng, ở nơi yên vắng tư duy. Cảnh giới như vậy gọi là pháp. Vì lợi ích, là y tăng thượng giới mà nói. Vì an lạc, nghĩa là không y chỉ khổ nạn không tự tại. Vì lợi ích an lạc, nghĩa là những người ly dục tăng thượng tâm tăng thượng tuệ làm các hạnh thiện này nên được lợi ích. Thuận nhiếp nên gọi là an lạc. Nếu ở nơi Thế Tôn khen ngợi nói công đức Đổ-đa, thì gọi là lợi ích. Nếu ở nơi Thế Tôn thỉnh thụ bách vị âm thực bách thiên y phục, đó gọi là an lạc. Nếu ở nơi Thế Tôn kiến lập 3 học, đó gọi là lợi ích an lạc. Như Lai ở trong các pháp dùng các thứ tuệ khéo quán sát, nghĩa là nếu vì lợi ích, nếu vì an lạc, nếu vì lợi ích an lạc, y tăng thượng giới học tăng thượng tâm học tăng thượng tuệ học mà nói thì trong đây có 2 nhân duyên gọi là khéo quán sát. Đó là trong đêm dài tăm tối biết khắp tất cả, và giác ngộ không điên đảo. Giải thoát khéo chứng đắc, là y tăng thượng tâm tăng thượng tuệ mà nói thì trong đây có 2 nhân duyên gọi là khéo chứng đắc. Đó là hạnh cứu cánh và pháp không thoái chuyển. Thi-la uẩn của ta không viên mãn, nghĩa là đối với Thi-la tu tập có một phần, hoặc không y chỉ. Như vậy Thi-la viên mãn là tu tập các giới đẳng trì. Ta đối với các

pháp không khéo quán sát, nghĩa là do 2 thứ quán sát như trước nói. Ta đối với giải thoát không khéo chứng đắc, là do 2 thứ chứng đắc như trước nói. Những gì ta nên nói, như vậy là đã nói xong. Đó là câu tổng kết lược nói và rộng phân biệt ở trước.

Lại nữa, do 6 thứ tướng, nên phải giải thích tất cả kinh Phật: 1. Do biến tri các pháp. 2. Do xả bỏ ác hành và đại tiểu hoặc. 3. Do thụ thiện hành. 4. Do trí biến tri, thông đạt bệnh v.v... các hành. 5. Do quả kia. 6. Do tự tha thụ quả kia. Do như vậy 6 tướng và do như trước kiến lập các tương ưng, giải thích tốt tất cả kinh Phật. Trong đây pháp, nghĩa là uẩn giới xứ, duyên khởi, niệm trụ, chính đoạn v.v... Quả kia, nghĩa là chán lìa ục, giải thoát, Bát Niết-bàn. Tự tha thụ quả kia, nghĩa là đời ta đã hết v.v...

Như vậy gọi chung là Phần nhiếp thích. Nay trong phẩm này, hiển thị luận này có 4 thứ tướng. Trong đó Tối thắng tướng có 2 tụng. Tự thể tướng có 5 tụng. Thanh tịnh tướng có 2 tụng và Biện giáo tướng 1 tụng.

QUYỂN 13 HẾT

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 14

Phẩm 3: THÀNH THIỆN XẢO

Lại nữa nơi thể của luận này, trong 9 việc phải hiểu rõ 7 thứ thiện xảo. Những gì là 7?

Tụng nói:

*Với các uẩn, giới, xứ,
Và các pháp duyên khởi,
Xứ phi xứ, căn, đế,
Là thiện xảo nên biết.*

Luận nói: Đối với các uẩn vì không thiện xảo nên chấp cái thể của các uẩn là thân ta. Đối với các giới vì không thiện xảo nên chấp Tự Tại là nhân sinh ra thân, hoặc chấp không có nhân, thân tự nhiên khởi. Bởi không hiểu rõ là từ nhân của tự chủng, thân mới được sinh. Sở dĩ vì sao? Vì giới là công năng, chủng tử, tộc tính, nhân v.v... các tên sai biệt. Đối với các xứ, vì không thiện xảo nên chấp có thân, dựa vào thân mà trụ lấy cảnh giới bên ngoài. Đối với duyên khởi vì không thiện xảo nên chấp có thân lưu chuyển sinh tử. Do không biết rõ xứ phi xứ nên chấp có thân có thể tạo các nghiệp. Do không biết rõ các căn, các đế nên chấp có 2 thứ thân tăng thượng. Nghĩa là ái phi ái nghiệp quả tăng thượng, và nhiễm ô thanh tịnh tăng thượng. Do biết

rõ khổ tập 2 đế, chấp có nhiễm ô tăng thượng. Do không biết rõ diệt đạo 2 đế, chấp có thanh tịnh tăng thượng.

Tụng nói:

*Nơi thân là đấng khởi,
Thật ngã sở trụ trì.
Lưu chuyển là tác giả,
Và các nghĩa tăng thượng.
Nhiễm ô hoặc thanh tịnh,
Khởi 7 thứ ngu si,
Đối trị đây nên biết,
Gồm 7 thứ thiện xảo.*

Luận nói: Như trước nói chung 2 thứ tăng thượng phân biệt hiển thị 2 thứ ngu si. Nghĩa là tăng thượng nghĩa ngu si và nhiễm ô thanh tịnh ngu si. Ai dựa vào 7 thứ thân v.v...ngu chuyển?

Tụng nói:

*Vọng chấp ngã thân là
Y chỉ các căn trụ.
Xoay vẫn trong cảnh giới,
Thụ dụng ái phi ái.
Ngôn thuyết sở y trụ,
Tác giả có giác giả.
Do nơi sai biệt uẩn,
Thấy chung là một thân.*

Luận nói: Thân là, người ngu do không biết thể của sắc uẩn, nên chấp có một ngã y chỉ vào 5 căn, xoay chuyển theo cảnh giới. Do không biết thể của thụ uẩn, nên chấp có ngã y trụ vào ngôn thuyết, không biết tướng là ngôn thuyết dựa vào, như Bạc-già-phạm nói: Như chỗ tướng kia khởi ra ngôn thuyết. Do không biết thể của hành uẩn, nên chấp có tác giả. Do không biết thể của thức uẩn, nên chấp

có giác giả. Chẳng phải chỉ có thức, bởi các thể gian đối với thể của thức uẩn khởi giác tướng, nên người ngu đối với các sai biệt trong tự tướng của uẩn khởi chung một thứ thân, ngu si liền chấp thân cho là ngã. Lại nữa đẳng khởi ngu.

Tụng nói:

*Mê hoặc nhân ban đầu,
Chấp thường nhân, không nhân.*

Luận nói: Người ngu trong thể gian, hoặc đối thân chấp có nhân ban đầu mà sinh mê hoặc, nên chấp nhân bất bình đẳng. Cho rằng có nhân thường trụ Tự Tại thiên, Tì-sắt-noa thiên, tự tính v.v... Hoặc cho là không có nhân. Nghĩa là bác bỏ không có tất cả cái gì là thể của sinh nhân. Lại có kẻ ngu cho là thật ngã gìn giữ.

Tụng nói:

*Ngã gìn giữ các căn
Có thể xúc và thụ.*

Luận nói: Chấp ngã gìn giữ các căn có thể xúc là thuận khổ thụ xúc, thuận lạc thụ xúc và có thể lĩnh thụ hoặc lạc hoặc khổ.

Lại nữa, lưu chuyển, tác giả, tăng thượng nghĩa và nhiễm ô thanh tịnh ngu, nghĩa là chấp có sự gìn giữ riêng biệt thân là ngã.

Tụng nói:

*Từ đây nơi sinh tử,
Chấp có sự lưu chuyển.
Tạo ra pháp, phi pháp,
Và quả tăng thượng kia.
Với tu tập tá hạnh,
Thì chấp là nhiễm ô,
Với tu tập chính hạnh,
Vọng chấp là giải thoát.*

Luận nói: Người ngu si ở nơi sinh tử chấp có thật ngã và cái thật ngã này lưu chuyển sinh tử. Thật ngã này tạo tác nhân pháp phi pháp đời sau. Tự tại thụ dụng quả kia, nên quả pháp kia sinh tức là thật ngã này. Y nơi quả pháp tập hành tà hành chấp cho là nhiệm, tu hành chính hạnh vọng cho là giải thoát.

Tụng nói:

*Khi Phật chưa ra đời,
Ngu si chuyển như vậy.
Do Phật hiện thế gian,
Nói 7 thứ thiện xảo.*

Luận nói: Trong đây hiển thị dựa vào những lúc như vậy, tùy sự ứng hợp mà ngoại đạo ngu si, chúng sinh hoàn diệt. Do đây ngôn thuyết của 7 thứ thiện xảo không chung với tất cả ngoại đạo. Trong đây uẩn thiện xảo,

Tụng nói:

*Biết các đời sai biệt,
Nên trừ tướng hợp nhất.
Tức ly và giải thoát,
Chúng sinh không thể được.
Đa chủng và tổng lược,
Cùng có sai biệt chuyển.
Trí tăng ích, tổn giảm,
Uẩn thiện xảo nên biết.*

Luận nói: Các đời sai biệt, nghĩa là các uẩn quá khứ vị lai v.v... thể tính sai biệt. Như Bạc-già-phạm nói: “Các sở hữu sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc kém học hơn, hoặc xa hoặc gần v.v... cho đến nói rộng, đều do thắng trí tuệ biết như thật, cho nên ở trong các uẩn bỏ tướng hợp nhất tức là hoàn diệt”. Lại ở trong các uẩn, không thể có được tính

của Bồ-đặc-già-la. Bởi vì sao? Tức là ở trong các uẩn không thể có được chúng sinh, mà lia các uẩn cũng không thể có được chúng sinh, giải thoát các uẩn cũng không thể có được chúng sinh. Như Bạc-già-phạm bảo Tây-nhĩ-ca: ”Nơi sắc uẩn, người có thấy Như Lai chăng? Cho đến người có thấy Như Lai nơi thức uẩn chăng? “ Tây-nhĩ-ca đáp: “Thưa đức Kiều-đáp-ma không !”, như vậy cho đến nói rộng. Trong kinh kia nói sắc v.v... các uẩn dù nói chung dù nói riêng biệt đều không thể có Bồ-đặc-già-la được. Nay trong đây chỉ nói sơ lược chung nơi 5 uẩn là không thể có. Như vậy đã nói biết tướng của sắc v.v... sai biệt nên có thể xa lia cái chấp tăng ích đối trị chúng, thì trong các uẩn tự tướng cộng tướng đều được thiện xảo.

Lại nữa, uẩn là nghĩa tích tập, hiểu rõ nghĩa tích tập này gọi là uẩn thiện xảo. Nghĩa của tích tập này có 4 thứ là: đa chủng nghĩa, tổng lược nghĩa, cộng hữu chuyển nghĩa, tăng ích tổn giảm nghĩa. Trong đây hiển thị tự thể các uẩn và các chương đoạn thắng lợi chúng, gọi là uẩn thiện xảo.

Thế nào là giới thiện xảo?

Tụng nói:

*Thấy 3 nhân sinh, nên
Gọi là giới thiện xảo.
Tự chủng từ vô thủy,
Sinh khởi ra nhiều thứ.
Do đây và nơi đây,
Thủ lấy không thể được.
Vị y tự trí thành,
Trừ được tính hạ liệt.*

Luận nói: Do quán căn, cảnh, thức 3 pháp, từ tự nhân mà sinh, gọi là giới thiện xảo. Sở dĩ vì sao? Bởi các pháp từ vô thủy lưu chuyển từ tự chủng sinh ra nhiều sinh khởi và các thứ sinh khởi.

Phải biết nhiều sinh khởi nghĩa là như kinh nói: “Vì không phải một giới.”, các thứ sinh khởi nghĩa là như kinh nói: “Vì có các thứ giới.” Lại nữa do dựa vào các căn không thể có được cái ngã năng thủ trong các cảnh giới. Cho nên có thể biết rằng cái sở tác là dựa vào tự thành lập, chứ không do trời Đai Tự Tại v.v... Vì vậy cho nên phạm muốn không sinh vào hạ liệt thì tự do tu tập. Trong đây hiển thị tự thể của giới thiện xảo và chương đoạn thắng lợi chúng, gọi là giới thiện xảo.

Thế nào là xứ thiện xảo?

Tụng nói:

*Biết các xúc các thụ,
Do 2 thứ sinh môn.
Vì y chỉ nơi xúc,
Phải biết xứ thiện xảo.
Như pháp xứ, thiên xứ,
Về sau chỗ y chỉ,
Vì do thế tục đế,
Biết có 2 chủng tính.*

Luận nói: Do biết rõ thể sinh môn của xúc mà kiến lập 2 xứ là căn và cảnh. Như vậy do nghĩa năng sinh nên gọi là xứ. Như thế gian tu thiện pháp, gọi là pháp xứ. Lại nữa, khéo hiểu rõ các thụ dựa vào xúc cho nên kiến lập xúc là xứ của nó. Như vậy lấy theo nghĩa cư trú nên gọi là xúc. Cũng như thế gian nơi có các hiện tượng thiên nhiên gọi là thiên xứ. Lại nữa khi sinh 2 pháp xúc thụ, dựa vào ghé tục nên biết 2 tính. Nghĩa là xúc, thụ, do xúc có thể chạm đến đối tượng, thụ có thể lãnh nạp. Trong đây hiển thị thắng nghĩa đế, xúc, thụ, đều không thể có được, nhưng thế tục đế thì cả 2 đều được. Cho nên gọi là xứ thiện xảo.

Thế nào là duyên khởi thiện xảo?

Tụng nói:

*Biết chưa đoạn vô thường,
 Nhân hay sinh các quả.
 Tự tướng nổi tương tự,
 Là duyên khởi thiện xảo.
 Chúng sinh không thể được,
 Mà có bỏ tiếp nối.
 Do hiểu rõ thậm thâm,
 Của 4 thứ duyên khởi.*

Luận nói: Có khả năng hiểu rõ cái nhân từ chưa vĩnh đoạn vô thường có thể sinh các quả, gọi là duyên khởi thiện xảo. Nghĩa là như kinh nói: “Đây có nên kia có. Đây sinh nên kia sinh.” Như thứ tự của nó. Lại nữa, có khả năng hiểu rõ do nhân này nơi tự tướng nổi tiếp sinh các quả pháp. Nghĩa là như kinh nói: “Chẳng phải duyên các đời khác mà có lão tử v.v...” Lại nữa, khéo hiểu rõ từ nhân tương tự sinh các quả pháp. Nghĩa là như kinh nói: “Ác hạnh của thân có thể cảm thân dị thực không thích, không yêu, không vui, không vừa ý. Diệu hạnh thì có thể cảm dị thực ngược lại trên.” v.v... Lại nữa, ngay nơi các uẩn liên tục mà gọi xả mạng và nói sinh là tính của Bồ-đặc-già-la là không thể được. Do hiểu rõ 4 thứ duyên khởi sâu xa, là không do từ tự sinh, không từ tha sinh, chẳng phải tự tha sinh, chẳng phải không nhân sinh. Trong đây hiển thị tự thể của duyên khởi và chương đoạn thắng lợi của nó, gọi là duyên khởi thiện xảo.

Thế nào là xứ phi xứ thiện xảo?

Tụng nói:

*Không làm, không đến, được,
 Hai thể, khác không chuyển.
 Tịnh kiến vô dư nghiệp,
 Phi ngã, tự tại hai.
 Như vậy trí năng tri,
 Xứ phi xứ thiện xảo.*

*Nơi tự quả định xứ,
Khác đây là phi xứ.*

Luận nói: Nếu không thấy ngã nơi ư xứ nhân và quả mà được tự tại, gọi là xứ phi xứ thiện xảo. Nghĩa là không làm, không đến, không được, 2 thể không chuyên, các thể khác không chuyên, tịnh kiến vô dư nghiệp.

Thế nào là không làm? Nghĩa là không chuyên làm các diệu thiện hạnh, nên không có cái ngã tự tại. Thế nào là không đến? Nghĩa là vì lìa diệu hạnh nên không sang đến nẻo thiện. Như kinh nói: “Không có nơi, không dung chứa thân làm ác hạnh, cho đến sinh thiên chắc chắn không thể, cho đến nói rộng.” Thế nào là không được? Nghĩa là lìa thiện phương tiện vô lậu thánh đạo, chắc chắn không thể được đạo quả rốt ráo thanh tịnh. Như kinh nói: “Không có nơi, không dung chứa, không vĩnh đoạn ngũ cái, cho đến không tu 7 biến giác chi mà có thể chính chứng đặc biên tế tận cùng của sự khổ, là chắc chắn không có điều đó.” Thế nào là 2 thể không chuyên? Nghĩa là không có nơi, không dung chứa, chẳng phải trước, chẳng phải sau, có 2 Như Lai xuất hiện ở đời, cho đến nói rộng. Thế nào là các thể khác không chuyên? Nghĩa là lìa thân trượng phu, các thân khác không làm được Chuyển luân vương v.v... Như kinh nói: “Không có nơi nào cả, không dung nạp nữ nhân được làm Chuyển luân thánh vương, cho đến nói rộng.” Thế nào là tịnh kiến vô dư nghiệp? Nghĩa là như kinh nói: “Không nơi nào cả, không dung nạp thánh kiến cụ túc Bồ-đặc-già-la cố đoạn vật mạng, cho đến thụ đệ bát hữu, chắc chắn không có nơi như vậy. Có, tức là các dị sinh.”

Naybtrong đây nói không làm, nghĩa là chỗ chấp ngã đối với nhân không được tự tại. Không được, là thông nơi nhân quả. Tịnh kiến vô dư nghiệp cũng vậy. Ngoài ra chỉ ở quả. Lại nữa, xứ phi xứ, là nơi tự quả quyết định gọi là xứ. Phải biết ở những nơi khác gọi là phi xứ. Do trí tuệ không điên đảo đối với thiện xảo này, nên gọi là xứ

phi xứ thiện xảo. Trong đây hiển thị tự thể của xứ phi xứ thiện xảo và chương đoạn thắng lợi của chúng.

Thế nào là căn thiện xảo?

Tụng nói:

*Nơi năng thủ sinh trụ,
Và nhiệm ô thanh tịnh.
Vô lý ngã quán khác,
Nơi quả tăng thượng kia.
Nơi phương tiện như vậy,
Gọi là căn thiện xảo.
Là nơi thủ sinh trụ,
Nên nhiệm tịnh tăng thượng.*

Luận nói: Nếu không thấy ngã nơi năng thủ v.v... là tăng thượng, nên gọi là căn thiện xảo. Bởi vì sao? Chẳng phải chỗ chấp ngã quán các nhân duyên. Nơi năng thủ v.v... tăng thượng tự tại, tức là các nhân duyên nơi năng thủ v.v... là tăng thượng, cho nên nói là chấp ngã, là không hợp lý. Nói các căn đối với năng thủ v.v... là tăng thượng, nghĩa là nhân v.v... 6 căn đối với thủ 6 cảnh là tăng thượng. nam nữ 2 căn, đối với năng sinh tương tục là tăng thượng. mạng căn, một thứ, đối với tương tục trụ là tăng thượng. Năm thụ căn đối với nhiệm ô là tăng thượng. Tín v.v... 8 căn đối với thanh tịnh là tăng thượng. Trong đây hiển thị tự thể của căn thiện xảo và chương đoạn thắng lợi của chúng, gọi là căn thiện xảo.

Thế nào là đế thiện xảo?

Tụng nói:

*Vì 2 tự tính khổ,
Hợp nên không đúng lý.
Do không nhân có nhân,
Và 5 thứ thí dụ.*

*Như vậy tùy giác nên
 Phải biết để thiện xảo.
 Tùy giác chưa từng thấy,
 Chưa thụ nghĩa nhân duyên.*

Luận nói: Do có khả năng khéo quán sát cái ngã nơi 2 pháp nhiệm tịnh là chẳng phải thuận đạo lý, gọi là để thiện xảo. Những gì là 2? Là tự tính khổ và khổ hợp. Thế nào là tự tính khổ? Nghĩa là nếu tự tính của ngã là khổ là không nhân hay có nhân? Nếu không nhân thì phải thường nhiễm ô. Nếu có nhân thì phải trước thanh tịnh sau mới nhiễm ô. Cho nên không thuận lý. Thế nào là cùng với khổ hợp? Nghĩa là dẫn 5 thí dụ đều không thuận lý. Bởi vì sao? Nếu nói khổ hợp với ngã thì không nên như 2 cây hợp lại, vì có cái lỗi không có tính xuất ly. Cũng chẳng phải như hữu tình hợp với cây, vì có lỗi xuất ly. Cũng chẳng phải như lửa với củi hợp lại, vì có tính hủy hoại. Cũng chẳng phải như áo với thuốc nhuộm hợp lại. Trên cái thể của ngã như sắc trắng thì một chút cũng không thể được. Cũng không phải như tâm và tâm pháp hợp. Bởi vì sao? Tâm là năng thủ cùng với đây cùng duyên một cảnh v.v... có thể gọi là tương ưng, nơi ngã không có nghĩa này nên không thuận đạo lý. Lại do quán sát thấy chưa từng thấy nghĩa và nhân duyên của kia. Lại nữa quán sát thấy chưa từng thụ nghĩa và nhân duyên của kia, gọi là để thiện xảo. Nghĩa là từ xưa nay chưa từng thấy rõ khổ tập 2 đế và nhân duyên của kia. Từ xưa đến nay chưa từng thấy rõ, chưa từng trải qua thụ diệt đạo 2 đế và nhân duyên của kia. Trong đây hiển thị tự thể của trí xuất thế và chương đoạn thẳng lợi kia, nên gọi là để thiện xảo.

Tụng nói:

*Phải biết các thiện xảo,
 Sai biệt hai mươi ba.
 Dị nhiếp luận làm đầu,
 Cuối cùng cực thanh tịnh.*

Luận nói: Nên biết uẩn v.v... thiện xảo sai biệt lại có 23 thứ. Đó là: Nhiếp dị luận thiện xảo. Do nghe pháp sinh trí thiện xảo. Do tư duy sinh trí thiện xảo. Do tu tập sinh trí thiện xảo. Thuận quyết trách phần trí thiện xảo. Kiến đạo trí thiện xảo. Tu đạo trí thiện xảo. Cứu cánh đạo trí thiện xảo. Luyện căn trí thiện xảo. Phát thần thông trí thiện xảo. Bất thiện thanh tịnh thể tục trí thiện xảo. Thiện thanh tịnh thể tục trí thiện xảo. Thắng nghĩa trí thiện xảo. Bất thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí thiện xảo. Thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí thiện xảo. Thiện thanh tịnh tướng vô phân biệt trí thiện xảo. Thành sở tác tiền hành trí thiện xảo. Thành sở tác trí thiện xảo. Thành sở tác hậu trí thiện xảo. Thanh Văn trí thiện xảo. Độc Giác trí thiện xảo. Bồ-tát trí thiện xảo. Tối cực thanh tịnh trí thiện xảo. Trong đây dị nhiếp luận thiện xảo lại có 2 thứ: một là chủng chủng nhiếp thiện xảo, hai là chủng chủng luận thiện xảo.

Chủng chủng nhiếp thiện xảo có 11 thứ. Đó là giới nhiếp cho đến cánh hổ nhiếp. Giới nhiếp, nghĩa là các uẩn v.v...thâu giữ tự chủng tử. Tướng nhiếp, nghĩa là các uẩn v.v...thâu giữ tự tướng cộng tướng. Chủng loại nhiếp, nghĩa là các uẩn v.v...thâu giữ khắp chủng loại của chính nó. Phần vị nhiếp, nghĩa là các uẩn v.v...thâu giữ phần vị thuận lạc thụ v.v...Bất tương ly nhiếp, nghĩa là các uẩn v.v...do một pháp thâu nhiếp tất cả uẩn v.v... vì quyền thuộc của chúng không tách rời nhau. Thời nhiếp, nghĩa là các uẩn v.v... quá khứ vị lai hiện tại đều thâu giữ riêng biệt. Phương nhiếp, nghĩa là các uẩn v.v... dựa vào phương hướng mà chuyên. Nếu dựa vào phương này sinh thì phương này thâu giữ. Toàn nhiếp, nghĩa là các uẩn v.v...thâu giữ đầy đủ 50, 82 v.v... Nhất phần nhiếp, nghĩa là các uẩn v.v...đều thâu giữ riêng biệt một phần ít. Thắng nghĩa nhiếp, nghĩa là các uẩn v.v...thâu giữ tướng chân như. Cánh hổ nhiếp, nghĩa là các uẩn v.v...thâu giữ lẫn nhau.

Chủng chủng luận thiện xảo, nghĩa là đối với uẩn v.v... các câu hỏi đáp phương tiện thiện xảo. Như lấy nhất hành làm câu hỏi thì nên

dùng thuận câu trước, thuận câu sau, 4 câu, câu vô sự mà đáp. Như có câu hỏi: Nếu có giới nhiếp tức có tướng nhiếp chăng? Giả như có tướng nhiếp thì lại có giới nhiếp chăng? Hãy nên dựa vào nhãn lấy 4 câu đáp. Hoặc có giới nhiếp không có tướng nhiếp, là trường hợp sinh cõi Hữu sắc mà không có nhãn vị. Giả sử có mà đã hỏng mắt như các dị sinh sinh cõi Vô sắc. Hoặc có tướng nhiếp không có giới nhiếp, tức A-la-hán tối hậu nhãn. Hoặc có giới nhiếp cũng có tướng nhiếp, tức trừ các trường hợp nói trên những trường hợp khác có nhãn vị. Hoặc có trường hợp không có giới nhiếp cũng không có tướng nhiếp, tức người hoại mắt A-la-hán nhãn, sinh cõi Vô sắc, người đã kiến đế, và đã nhập vô dư bát Niết-bàn giới. Cũng phân biệt giống như nhãn, đối với tất cả cũng vậy tùy chỗ phù hợp phải rộng phân biệt. Cũng giống như dùng giới nhiếp đối tướng nhiếp, thì cũng thế dùng giới nhiếp đối các nhiếp khác. Cứ lần lượt theo nhất hành nên rộng phân biệt. Như vậy dùng các nhiếp đối các nhiếp, trừ trước đối sau, nên dùng đạo lý nhất hành, nếu thích hợp thì nên rộng phân biệt.

Lại nữa, nếu pháp uẩn thâm nhiếp thì pháp giới này thâm nhiếp chăng? Giả như pháp giới thâm nhiếp thì pháp uẩn này thâm nhiếp chăng? Đây nên dùng thuận câu trước mà đáp. Nếu pháp uẩn thâm nhiếp pháp này thì giới cũng thâm nhiếp. Hoặc pháp giới nhiếp không phải uẩn nhiếp thì gọi là pháp vô vi. Giống như dùng uẩn đối giới, cũng vậy dùng uẩn cho đến đối đế cần phải dựa vào đạo lý nhất hành biện luận sự thâm nhiếp. Giống như uẩn đối các cái khác, cũng vậy dùng giới đối xứ v.v... cho đến dùng căn đối đế, cần phải phân biệt rộng.

Trong đây, bất thiện thanh tịnh thể tục trí thiện xảo, tức là thuận quyết trạch phần trí thiện xảo. Thanh tịnh thể tục trí thiện xảo, tức là xuất thể hậu đắc thể gian trí thiện xảo. Thắng nghĩa trí thiện xảo, tức là kiến đạo trí thiện xảo. Như vậy 3 thứ tức là bất thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí thiện xảo, thiện thanh tịnh tướng hữu phân

biệt trí thiện xảo, và thiện thanh tịnh tướng vô phân biệt trí thiện xảo. Như vậy 3 thứ tức là thành sở tác tiền hành trí thiện xảo, thành sở tác trí thiện xảo, và thành sở tác hậu trí thiện xảo.

Lại nữa, 3 thứ sai biệt trước là sai biệt về chưa đoạn phiền não sinh phi phiền não đối trị, đã đoạn phiền não sinh phi phiền não đối trị, và đã đoạn phiền não sinh phi phiền não đối trị.

Ba thứ sai biệt giữa tức là 3 thứ này là do có phân biệt, không phân biệt thế tục thắng nghĩa trí tính sai biệt.

Ba thứ sai biệt sau tức là 3 thứ này hiển thị sai biệt của đoạn tiền hành trí tính, chính đoạn đạo trí tính và hậu thời trí tính.

Như vậy 9 trí dựa vào sự tương tục sai biệt của Bồ-đặc-già-la và thành lập ra 4 thứ.

Phẩm 4: THÀNH VÔ THƯỜNG

Lại nữa, như trước đã nói nếu muốn chính tu hành biết khắp các công đức, nghĩa là biết khắp các khổ v.v...

Thế nào là biết khắp các khổ? Nghĩa là khổ để biết khắp vô thường, khổ, không vô ngã. Nay theo thứ tự nên rộng thành lập. Trong đây thành vô thường, nghĩa là phải hiển thị thể tính của vô thường và sai biệt của vô thường. Thế nào là vô thường? Những gì là sai biệt?

Tụng nói:

*Vô thường là hữu vi,
Tương ưng với 3 tướng.
Nghĩa vô thường như ứng
Sáu tám thứ nên biết.*

Luận nói: Tính của vô thường nghĩa là pháp hữu vi và tương ưng với 3 tướng hữu vi: 1. Tướng sinh. 2. Tướng diệt. 3. Tính trụ và

biến khác. Lại nữa, sai biệt của nghĩa vô thường là như tùy thích hợp hoặc có 6 hoặc có 8. Những gì là 6 và 8?

Tụng nói:

*Vô tính, hoại, chuyển khác,
Biệt ly, đượ, sẽ có,
Sát-na liên tục bệnh v.v...
Vì tâm khí thụ dụng.*

Luận nói: Sáu thứ vô thường là: 1. Vô tính vô thường. 2. Hư mất vô thường. 3. Đổi khác vô thường. 4. Biệt ly vô thường. 5. Đượ vô thường. 6. Sẽ có vô thường. Tám thứ vô thường là: 1. Sát-na môn. 2. Tương tục môn. 3. Bệnh môn. 4. Lão môn. 5. Tử môn. 6. Tâm môn. 7. Khí môn. 8. Thụ dụng môn. Trong đây sát-na tương tục 2 thứ vô thường biến khắp mọi nơi. Bệnh v.v...3 vô thường ở nội sắc. Tâm vô thường chỉ ở nơi danh. Khí, thụ dụng 2 vô thường ở ngoại sắc. Trong đây vô tính vô thường, nghĩa là vì không có tính thường nên gọi là vô thường. Ngoài ra các đổi khác vô thường có 15 thứ.

Tụng nói:

*Phải biết sự đổi khác,
Mười lăm thứ sai biệt.
Đó là phân vị v.v...
Bị 8 duyên bức bách.
Hạ giới đủ tất cả,
Trung giới là 3 môn.
Đủ 3 thứ đổi khác,
Thượng giới lại trừ khí.*

Luận nói: Mười sáu thứ đổi khác là: Phân vị đổi khác cho đến tất cả thứ không thể hiện hết sự đổi khác. Phân vị đổi khác, nghĩa là từ lúc ấu nhi cho đến khi già trước sau đổi khác không giống nhau. Hiện rõ đổi khác, nghĩa là từ nhan sắc đẹp để tươi tắn cho đến biến

thành thô xấu tiêu tụy. Hình dáng đổi khác, nghĩa là béo tốt đổi khác thành gầy còm v.v... Hưng thịnh đổi khác, nghĩa là bà con của cải và giới kiến v.v... hưng thịnh thì ngược lại biến đổi thành suy thoái. Chi tiết biến đổi khác, nghĩa là trước thì chi tiết đầy đủ, sau biến đổi thành thiếu. Lạnh nóng biến đổi khác, nghĩa là khi lạnh thì co ro run rẩy, khi nóng thì uể oải toát mồ hôi, mong cho cái lạnh nóng thay đổi. Bị những thứ khác làm tổn hại biến đổi, nghĩa là tay chân nhảy chụp ruồi muỗi châm chích. Thân thể biến đổi, mệt mỏi biến đổi, nghĩa là do đi chạy nhảy v.v... Thân nhọc biến đổi, oai nghi biến đổi, nghĩa là 4 oai nghi trước sau dễ thoát lạc. Tôn ích biến đổi, xúc đối biến đổi, nghĩa là do thuận khổ lạc v.v... xúc biến đổi nên khổ lạc v.v... thụ biến đổi. Nhiễm ô biến đổi, nghĩa là tâm sở có tham sân v.v... 2 hoặc đại tiêu làm nhiễu loạn biến đổi. Bệnh v.v... biến đổi, nghĩa là trước không có bệnh khổ, sau bị bệnh nặng bức bách thân thể biến đổi. Chết biến đổi, nghĩa là trước có mạng sống, sau không vô thức, trước sau biến đổi. Xanh bầm v.v... biến đổi, nghĩa là sau khi chết thân thể xanh bầm sinh chương cho đến xương cốt v.v... biến đổi. Tất cả các thứ không hiện hết sự biến đổi, nghĩa là vị trí xương cốt hư hoại lìa tan biến đổi đều không trông thấy.

Lại nữa 15 thứ biến đổi này là do tương ứng với 8 duyên. Tám duyên là: 1. Khi tích trữ. 2. Cái khác làm tổn hại. 3. Thụ dụng thiếu thốn. 4. Thời tiết tàn tạ. 5. Bị lửa cháy. 6. Bị nước làm hỏng. 7. Bị gió làm khô ráo. 8. Các duyên khác hợp lại. Khi tích trữ, nghĩa là trải qua thời gian lâu các pháp hữu sắc không lìa bản xứ tự nhiên hư hỏng. Cái khác làm tổn hại, nghĩa là các thứ khác làm nhân duyên bức hại trước sau biến đổi. Thụ dụng thiếu hụt, nghĩa là đối với các vật thụ dụng bị các chủ khác ăn dùng làm tổn giảm biến đổi. Thời tiết làm tàn tạ, nghĩa là mùa đông lạnh tuyết mùa hè nắng mưa làm cây rừng dược thảo hoặc thịnh hoặc suy. Bị lửa cháy, nghĩa là hỏa hoạn thiêu phổ xá làng xóm ra tro. Nước làm hại, nghĩa là lũ lụt nhận chìm nhà cửa làng mạc. Gió làm khô ráo, nghĩa là gió to làm

mặt đất khô nứt nẻ. Các duyên khác hợp lại, nghĩa là người nhiều tham khi duyên hợp với sân mà cái tham bị ngăn chặn thì phát khởi sân giận. Giống như vậy, người nhiều sân nhiều si khi duyên hợp với các phiền não cũng phát khởi như vậy. Giống như vậy, các thức trước các cảnh lạ hiện tiền cũng phát khởi như vậy. Lại nữa, nghĩa vô thường này ở trong cõi Dục tất cả đều có đủ. Ở trong cõi Sắc trừ bệnh, lão, thụ dụng 3 môn vô thường, lại có xúc, nhiễm, tử 3 thứ biến đổi. Giống cõi Sắc nói các nghĩa vô thường, cõi Vô sắc cũng như vậy chỉ trừ khí môn.

Tụng nói:

*Nghĩa vô tính vô thường,
Là biến kế sở chấp.
Các nghĩa vô thường khác,
Đều thuộc y tha khởi.*

Luận nói: Nghĩa vô tính trong nghĩa của vô thường là ở trong tướng biến kế sở chấp. Còn các nghĩa của vô thường khác thì đều ở trong tướng y tha khởi. Trong tướng viên thành thật không có nghĩa của vô thường. Như vậy là đã làm rõ nghĩa sai biệt của vô thường và ở trong 3 tướng. Lại nữa như Thế Tôn nói các vô thường đều khổ là có ý gì?

Tụng nói:

*Các vô thường đều khổ,
Vì các khổ xen tạp.
Người ngu mê pháp tính,
Bị hại mà không biết.*

Luận nói: Do thô nặng xen tạp vô thường thì tính của vô thường này là hành khổ cho nên khổ. Và do nương dựa nơi cái khổ biến đổi hoại diệt cho nên khổ. Vì vậy đạo đế không phải khổ, bởi chẳng phải tướng khổ xen tạp nghĩa vô thường. Cho nên người ngu mê hoặc

pháp tính này không thể hiểu rõ nghĩa thường và vô thường. Lại nữa, đã bị hiện tiền vô thường nào hại, trước nói sát-na vô thường biến hành tất cả, còn nghĩa vô thường đây chẳng phải thế gian hiện chứng cho nên phải thành lập.

Tụng nói:

*Do bởi quả tâm kia,
Sinh rồi tự nhiên diệt
Rồi sau lại biến đổi,
Mỗi niệm mỗi niệm diệt.*

Luận nói: Tất cả các hành kia là quả của tâm cho nên tính của nó vừa mới sinh, lianhan duyên diệt tự nhiên diệt hoại. Rồi lại sau đó biến đổi khác. Phải biết các hành đều diệt từng sát-na.

Làm sao biết các hành là quả của tâm?

Tụng nói:

*Tâm huân tập tăng thượng,
Định chuyển biến tự tại.
Ảnh tượng sinh đạo lý,
Và 3 thứ thánh giáo.*

Luận nói: Do đạo lý và thánh giáo chứng biết các hành là tính của tâm quả. Đạo lý, nghĩa là pháp thiện bất thiện huân tập nơi tâm. Do sức tăng thượng các tập khí của tâm mà sinh các hành. Lại thoát định chướng, tâm thanh tịnh, thì tất cả các hành chuyển biến theo tâm. Do ý đó hiểu rõ sức tự tại nên các thứ chuyển biến. Lại do sức của định tâm tự tại nên tùy theo ý muốn mà ảnh tượng của cảnh giới định tâm phát sinh. Đó gọi là đạo lý. Thánh giáo, nghĩa là có 3 thứ thánh ngôn như trong kinh nói: “Tâm dẫn dắt thế gian, tâm lực phòng hộ, tùy tâm sinh khởi rồi tự tại đều chuyển.” Lại nói: “Cho nên Bí-sô phải biết ! Nói người chủ thành, tức là tất cả hữu thủ thức uẩn.” Đó là thánh giáo.

Hỏi: Làm sao biết được đạo lý các hành kia tự nhiên diệt hoại?

Đáp: Do 4 thứ nhân duyên.

Tụng nói:

*Vì mâu thuẫn sinh nhân,
Không trụ diệt 2 nhân.
Tự nhiên thường trụ: lỗi.
Phải biết tự nhiên diệt.*

Luận nói: Không phải cái sinh nhân kia có thể diệt các hành mà vì 2 thứ sinh diệt mâu thuẫn nhau. Lại nữa, cái nhân không trụ khiến các hành trụ. Nếu tất hữu thì phải thành thường trụ. Hành đã không trụ thì cần gì phải dùng đến diệt nhân? Lại nữa, tính của các diệt nhân là không thể có được. Nếu hành sinh đã tự nhiên trụ, thì nó phải là thường, tức trụ thành ra lỗi lớn. Như vậy có trụ diệt nhân và tự nhiên trụ đều có lỗi. Cho nên phải biết các hành tự nhiên hoại diệt.

Tụng nói:

*Chẳng nước, lửa, gió diệt.
Bởi vì đều khởi diệt.
Tương ứng kia diệt rồi,
Các biến đổi sinh nhân.*

Luận nói: Nếu nước, lửa, gió là nhân của diệt thì không hợp đạo lý. Bởi chúng đều sinh diệt. Nếu nước kia v.v... là nhân của diệt thì vật bị đốt cháy rồi thì không nên tương tục diệt trước rồi lại biến đổi thành tương tục sinh. Bởi vì sao? Tức là cái nhân vô thể thành cái nhân hữu thể, nên không hợp lý. Nhưng nước, lửa, gió cùng với các vật bị đốt cháy v.v... khi tương ứng diệt lại có thể vì các vật ấy sau biến thành nhân của sinh. Trừ công năng này, nước v.v... nơi chúng không còn năng lực nào khác. Lại nữa, nếu chấp cái tướng diệt là nhân của diệt, thì cái tướng năng diệt này với pháp sở diệt là có đồng thời hay không đồng thời? Và nếu vậy thì có lỗi gì?

Tụng nói:

*Tương vi, tương tục đoạn,
Hai tướng thành không tướng.
Trái thể gian hiện thấy,
Không pháp và nhân khác.*

Luận nói: Tướng năng diệt và pháp sở diệt kia nếu nói đồng thời có thì không hợp đạo lý, vì có lỗi mâu thuẫn nhau. Nếu nói không đồng thời cũng không đúng lý, vì có lỗi gián đoạn sự liên tục. Lại nữa cái nhân của diệt và pháp năng diệt thì thể là diệt hay thể là phi diệt? Nếu thể là diệt thì phải là một thể mà có 2 tướng diệt. Nếu thể là phi diệt thì phải không có tướng diệt. Có lỗi như thế nên không hợp lý. Lại nữa, trái với tướng hiện thấy của thể gian, nên không nên chấp cái diệt là nhân của hoại diệt. Bởi vì sao? Vì thể gian đều thấy các pháp hữu thể là nhân của hoại diệt, không thấy cái pháp diệt là nhân của diệt. Lại nữa, nếu cái pháp diệt là nhân của diệt thì chỉ có diệt tức pháp năng diệt là đợi các việc khác ư? Cả 2 thứ nhân này đều có lỗi. Nếu chỉ có diệt, tức pháp năng diệt thì nếu khi có diệt thể của pháp phải hoàn toàn không có. Nếu lại đợi các việc khác thì các việc khác phải là nhân của hoại diệt, không nên chấp diệt là nhân của hoại diệt. Lại nữa, làm sao biết được sau có thể biến đổi nên các pháp diệt từng sát-na?

Tụng nói:

*Chẳng phải thân, sữa, rừng...
Trước không có biến đổi,
Cũng chẳng phải không hoại,
Đến cuối cùng mới diệt.*

Luận nói: Tất cả các pháp trong ngoài của thể gian như thân, sữa, rừng v.v...đến cuối cùng mới có biến đổi, nên lúc trước thể không biến đổi là không đúng lý. Lại nữa, chẳng phải lúc trước

không có diệt hoại, cuối cùng mới diệt vì không có nhân khác. Như vậy trước không biến đổi thì sau không biến đổi. Trước không diệt hoại thì sau không diệt. Phải biết các hành mỗi niệm mỗi niệm biến đổi. Cho nên thành nghĩa sát-na của pháp kia. Như thế là thành lập xong tính vô thường. Tất cả tà phân biệt của ngoại đạo chấp ngã, tính tự tại, cực vi, giác v.v.. là pháp thường trụ đều không thành lập được. Vì sao ngã là thường, không thành lập được?

Tụng nói:

*Vị tư phiền não phân,
Vị phi thường biến đổi.
Nếu đây không biến đổi,
Thụ, tác, thoát phi lý.*

Luận nói: Do chấp ngã cho nên có các vị khổ, lạc v.v... có tư duy thiện, ác v.v..., có phiền não tham, sân v.v..., có sai biệt thời phần, cho nên là vô thường. Sở dĩ vì sao? Chỗ chấp ngã đây, do lạc v.v... nên có ít biến đổi thành ra không phải thường. Nếu hoàn toàn không biến đổi thì không nên chấp là thụ giả, tác giả và giải thoát giả, vì pháp ấy không có ngã, không sai biệt. Lại nữa, cũng không có thể tính tự tại thường trụ có thể sinh thế gian. Bởi vì sao?

Tụng nói:

*Vì không có công năng,
Nhiếp không nhiếp trái nhau.
Hữu dụng và vô dụng,
Là nhân thành sai lầm.*

Luận nói: Chỗ chấp tự tại không có công năng sinh ra thế gian sở dĩ vì sao? Nếu tự tại này sinh thế gian công năng là tự nhiên không nhân duyên mà có, thì sao ông không chấp nhận tất cả thế gian đều không nhân tự có? Nếu cái nghiệp công năng này là nhân, thì sao không tin rằng tất cả thế gian lấy nghiệp làm nhân? Nếu công năng

này lấy câu phương tiên làm sinh nhân, thì sao không tin rằng tất cả thể gian là do công lực của mình làm nhân mà được sinh?

Lại nữa, nếu tự tại ở trong thể gian, đọa tại thể gian mà nói có thể sinh tất cả thể gian, thế là mâu thuẫn với đạo lý. Nếu tự tại này không ở trong thể gian, như thế tức là giải thoát, mà pháp giải thoát có thể sinh thể gian là không hợp lý. Lại nữa, tự tại phải hữu dụng, cho nên các sinh thể gian lia sinh thể gian dụng là bất thành, tức là tự tại. Ở đây phải dùng cái vô hữu tự tại tự thành sai lầm. Nếu tự tại này tuy sinh thể gian mà không phải điều kiện gì cả thì không nên hóa sinh thể gian. Hoặc tự tại này như có sai lầm như kẻ điên cuồng. lại nữa, tự tại này sinh thể gian là chỉ tự tại làm nhân sinh các thể gian, hay lại phải chờ đợi nhân khác nữa chăng? Nếu chỉ cái thể của tự tại là nhân, nếu như thể của tự tại bản lai là thường hữu thì thể gian cũng vậy. mkhôngnphải sinh nữa. Còn nếu phải chờ đợi một ít nhân khác, nếu cái nhân chờ đợi này là không có nhân thì tất cả thể gian cũng phải như vậy. Nếu có các nhân khác thì thể gian cũng vậy. Đã từ các nhân khác sinh thì cần gì tự tại? Cho nên lập ra tự tại là có nhiều sai lầm. Lại nữa, chấp có tự tính thường trụ là nhân là không hợp lý. Bởi vì sao?

Tụng nói:

*Tự tính biến đổi tướng,
Hữu vô không hợp lý.
Không sai biệt: vô thường,
Có sai biệt: 5 lỗi.
Không tướng cũng không nhân,
Phi tự tính hằng biến.
Trước không có biến đổi,
Ngã phải thường giải thoát.*

Luận nói: Nếu chấp tự tính là thường thì phải là nhân không biến đổi. Sở dĩ vì sao? Vì chỗ chấp tự tính chẳng có tướng biến đổi,

cũng chẳng phải không có tướng biến đổi, nên không hợp lý. Nếu tự tính này không sai biệt với các tướng biến đổi khác, thì phải là vô thường. Nếu có sai biệt thì có 5 lỗi: 1. Lỗi vô tướng. Vì lia tướng biến đổi, tướng các tự tính khác không thể có một chút gì cả. 2. Lỗi chẳng phải nhân. Vì thế gian không thấy cái pháp thường trụ là thể của sinh nhân. 3. Lỗi chẳng phải tự tính. Vì thế gian không thấy cái gì không phải chủng loại của nó mà là tự tính của nó. 4. Lỗi của tự tính thường trụ là khởi biến đổi trong mọi lúc, vì không phải đợi nhân nào khác. 5. Lỗi là trước khi tự tính này chưa sinh biến đổi thì ngã giải thoát. Nếu đã vậy thì lúc sau không nên khởi các biến đổi.

Lại nữa, chấp cực vi là thường, thì không hợp lý. Bởi vì sao?

Tụng nói:

Thường tạo không hợp lý,

Vì do 2, 3 nhân.

Tài hữu tình tăng thượng,

Cực vi phi thường trụ.

Luận nói: Chỗ chấp cho rằng tính của cực vi là thường và tạo tác, đều không hợp lý. Vì sao tính thường là không hợp lý? Vì 2 nhân. Ông cho rằng tính của cực vi là do quá nhỏ nên tính là thường trú, hay vì do tính khác loại mà cho là thường ư? Nếu do quá nhỏ thì chính vì nhỏ, yếu, kém nên không thể thường trụ. Nếu do khác loại thì không thể có được tướng này.

Từ nơi chẳng phải địa vị vị trí v.v... mà tạo ra vật v.v... nơi địa vị vị trí đó là không hợp lý. Thế nào là tạo tác không hợp lý? Do 3 nhân: 1. Do phương sở. 2. Do nhân duyên. 3. Do tự thể. Thế nào là do phương sở mà tạo tác là không hợp lý? Nghĩa là từ cực vi tạo tác ra vật lớn là quá lượng của nó hay không quá? Nếu không quá thì những vật to lớn có chất ngại cũng phải như cực vi không thể chấp lấy. Lại nữa, thế gian không thấy chất ngại và vật không sáng sạch

đồng ở một chỗ , nên không hợp lý. Nếu quá lượng của nó thì ở nơi quá lượng, vật thô chất ngại chẳng phải do cực vi làm thành phải là thường trụ. Nếu lại chấp có các cực vi khác sinh, thế thì cực vi phải là không thường trụ.

Thế nào là do nhân duyên? Nghĩa là nếu ông chấp cho rằng do tính hòa hợp làm nhân duyên, nên kiến lập các vật khác khiến hòa hợp, thì tính hòa hợp này là sinh ra rồi có thể làm nhân duyên hay là chưa sinh? Nếu đã sinh rồi, thì cái vật được hòa hợp, sau khi hòa hợp rồi, chẳng khác tí nào với tính hòa hợp nó được, cho nên không hợp lý. Nếu chưa sinh, tức không thể tính. Vô thể mà làm nhân là không hợp lý.

Thế nào là do tự thể? Tính của cực vi này khi tạo thô vật, không phải như hạt giống nảy mầm. Nếu như giống của cực vi phải diệt hoại nên không phải như sữa, cực vi phải biến đổi. Không phải như thợ đồ gốm, cực vi không thể siêng năng cùn cù được. Cho nên tạo tác là không hợp lý. Cực vi tuy không thường trụ mà có kiếp sơ, khí thể gian v.v..., thụ dụng vật sinh sức tăng thượng nghiệp các hữu tình, nên không phải do cực vi. Vì vậy cực vi thường trụ là không hợp lý.

Lại nữa, chấp có thường giác là không hợp lý. Bởi vì sao?

Tụng nói:

*Vô thường: chỗ dựa kia,
Lần lượt chuyển thành khác.
Vi các thụ v.v...khác,
Nên biết giác: vô thường.*

Luận nói: Cái giác của nhãn thức v.v...là dựa vào vô thường mà nhãn v.v... khởi. Cho nên trong nghĩa của sắc v.v...lần lượt chuyển đổi. Chúng chuyển đổi nhiều tướng mạo khác nhau, nên các thụ như lạc v.v..., các hoặc như tham v.v..., các thiện tư vị như thí v.v... thành khác. Chi nên nơi một cái thường giác như vậy mà đổi khác là không hợp lý.

Vì nhân duyên gì hữu tính trong thế gian, tính vô thường là có mà không thủ chấp, tính thường trụ là không mà chấp đủ thứ vậy?

Tụng nói:

*Với vô thường vô trí,
Bốn điên đảo căn bản.
Phải biết thế thượng tiến,
Sức ngu si chuyển tăng.*

Luận nói: Bởi đối với vô thường vô trí khởi, nên thật có vô thường mà không thủ chấp, thật không tính thường mà sinh chấp đủ thứ. Chẳng phải chỉ có điên đảo đối với thường là do nguyên nhân vô trí, mà 4 điên đảo đều bởi vô trí làm căn bản. Bởi vì sao? Vì không biết như thật đối với vô thường. Đối với pháp vô thường khởi thường điên đảo, đối với khổ khởi lạc điên đảo, đối với bất tịnh khởi tịnh điên đảo, đối với vô ngã khởi ngã điên đảo. Do có nghĩa tuần tự như vậy, đức Bạc-già-phạm nói: “Nếu pháp là vô thường, pháp ấy chắc chắn là khổ. Nếu pháp là khổ, pháp ấy chắc chắn là vô ngã.” Phải biết do thế gian đạo khi tiến lên, bất đoạn vô trí dần tiến lên bậc trên. Đối với tính vô thường sức ngu si chuyển tăng lên. Bởi vì sao? Như trong cõi Dục phá hoại biến dịch và biệt ly v.v... các tướng vô thường hiện có thể biết được không có ở bậc trên. Lại nữa, vì nhân duyên gì khởi vô trí đối với tính vô thường?

Tụng nói:

*Do phóng dật, giải đãi,
Kiến, ngu, thiếu tư lương,
Bạn xấu, phi chính pháp,
Đó là nhân vô trí.*

Luận nói: Vô trí đối với vô thường có 7 nguyên nhân: 1. Phóng dật. 2. Giải đãi. 3. Đảo kiến. 4. Ngu muội. 5. Chưa tích tập nhiều Bồ-đề tư lương. 6. Do bạn xấu. 7. Nghe phi chính pháp. Bởi đối với cái lạc

của cảnh giới với cái lạc của tỉnh lự, do khởi phóng dật nên không biết như thật cái tính vô thường. Giả sử không phóng dật mà giải đãi, giả sử không giải đãi mà đảo kiến, giả sử không đảo kiến mà ngu muội, giả sử không ngu muội mà chưa tích tập Bồ-đề tư lương, giả sử đã tu tập Bồ-đề tư lương mà theo bạn xấu, lại nữa còn theo họ mà nghe phi chính pháp, cho nên đối với vô thường không biết được như thật.

Lại nữa, có nhân gì mà không rõ vô thường, vọng chấp thường chuyên?

Tụng nói:

*Tác ý không như lý,
Nghĩ nhớ chuyện đời trước,
Tương tự tương tục chuyển,
Vô thường chấp là thường.*

Luận nói: Do 2 nguyên nhân khởi chấp thường: 1. Do tác ý không như lý. 2. Do nghĩ nhớ việc đời trước. Do các việc đời trước tương tự tương tục chuyển, nên đối với các thế gian cũng chấp là thường trụ. Lại nữa, như trước đã nói tam hữu là tướng chứ chẳng phải chỉ có sát-na. Bởi vì sao?

Tụng nói:

*Sinh trước sau và giữa,
Lấy tam hữu làm tướng.*

Luận nói: Tam hữu làm tướng do chúng đồng phần gồm thu trong một đời. Nghĩa là khi sơ sinh lấy làm tướng sinh. Sau cùng khi chết lấy làm tướng diệt. Trong khoảng trung gian khi tương tục trụ lấy làm trụ dị. Như vậy thiết lập tam hữu làm tướng.

Tụng nói:

*Vô thường trí điều phục,
Phải biết do 2 nhân.*

Luận nói: Đối với tính vô thường do 2 thứ nhân nhập vào trí như thật: 1. Do niệm trụ. 2. Do duyên khởi. Do niệm trụ cho nên đối với các cảnh trói buộc, tâm khiến trụ. Do duyên khởi cho nên đạt tới pháp tính kia. Như trong kinh nói: “Thấy pháp tập khởi nơi thân niệm trụ.” Cho đến nói rộng.

Tụng nói:

*Kia thấy có 6 thứ,
Và 4 thứ duyên khởi.*

Luận nói: Phải biết có 6 thứ thấy tính vô thường: 1. Trí thể tục. Nghĩa là cho đến thuận quyết trạch phần vị. 2. Trí thắng nghĩa. Nghĩa là cho đến xuất thế đạo vị. 3. Trí Thanh Văn. Nghĩa là trừ nghĩa vô tính vô thường. 4. Trí Bồ-tát. Nghĩa là trong tất cả nghĩa vô thường. 5. Bất thiện thanh tịnh. Nghĩa là trí của 2 học kia. 6. Thiện thanh tịnh. Nghĩa là trí của 2 vô học kia. Lại nữa, phải biết pháp duyên khởi có 4 thứ đạo lý. Những gì là 4?

Tụng nói:

*Tự chủng: chẳng phải khác,
Đội duyên: chẳng phải tự.
Vô tác nên chẳng chung,
Dụng nên chẳng vô nhân.*

Luận nói: Do 4 đạo lý ngộ nhập tính vô thường. Nghĩa là các hành pháp không từ cái khác sinh, vì di tự chủng khởi. Cũng không phải tự sinh, vì đội có ngoại duyên. Cũng chẳng phải câu sinh, vì đều vô tác. Cũng chẳng phải không có nhân, vì cả 2 kia đều có công dụng đối với sinh.

QUYỂN 14 HẾT

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỀN 15

Phẩm 5: THÀNH KHỔ

Luận nói: Như vậy đã thành lập xong tướng vô thường. Thế nào là thành lập tướng khổ?

Tụng nói:

*Sinh là nhân dục ly,
Diệt sinh hòa hợp dục.
Đảo vô đảo chán lìa,
Nhân ấy là tướng khổ.*

Luận nói: Nếu khi pháp sinh là xa lìa nhân của dục. Nếu khi pháp diệt là hòa hợp với nhân của dục. Nếu không biết rõ, là nhân của điên đảo. Nếu khéo thông đạt, là nhân của vô đảo. Trong tất cả mọi thời sinh chán lìa dục, như vậy phải biết đó là thông tướng của khổ.

Lại nữa tụng nói:

*Y 3 thụ sai biệt,
Thiết lập 3 tướng khổ.
Nên nói tất cả thụ,
Thể tính đều là khổ.*

Luận nói: Do dựa vào tướng 3 thụ sai biệt nên thiết lập 3 tướng khổ: tức là tướng khổ khổ, tướng hoại khổ, tướng hành khổ.

Do tướng này nên Phật nói các thụ đều là khổ. Nghĩa là đối với khổ thụ và pháp thuận khổ thụ xứ, nên lập tướng khổ đầu tiên. Đối với lạc thụ và pháp thuận lạc thụ xứ, nên thiết lập tướng khổ thứ hai. Đối với bất khổ bất lạc thụ và pháp thuận với thụ xứ này, nên thiết lập tướng khổ thứ ba. Do không hiểu rõ tướng thứ ba này có thể là thường v.v...sinh nhân điên đảo. Nếu có thể hiểu rõ là vô thường v.v...sinh nhân vô đảo và có thể phát khởi Niết-bàn lạc dục. Lại nữa, do biết rõ hay không biết rõ cái khổ thứ ba, nên 2 khổ trước cũng rõ hoặc không rõ.

Lại nữa, 2 tướng khổ trước thế gian cộng thành, tướng khổ thứ ba không cộng thành. Nay phải thành lập tính của các hành là hành khổ.

Tụng nói:

*Phải biết tính hành khổ,
Đều tùy theo thô trọng.
Lạc, xả, không hợp lý,
Đồng lỗi không giải thoát.*

Luận nói: Tính các hành là lạc và xả, là không hợp lý. Bởi vì sao? Trong tất cả vị, thô trọng đều đi theo. Cho nên thể tính các hành là khổ. Nếu không vậy thì theo tuần tự tính của nó phải không có lạc dục của lạc và không khổ không lạc, phải không có cái biết khổ và không khổ không lạc, phải không có cái biết khổ lạc.

Hỏi: Ông cũng như vậy, nếu chỉ có duy nhất một tính khổ thì phải không biết có lạc và không khổ không lạc?

Đáp: Do không rõ nên gọi là có.

Hỏi: Tôi cũng vậy, do không rõ nên gọi là có.

Đáp: Không phải vậy. Vì lỗi không giải thoát Nếu nơi tính, biết rõ các hành lạc và không khổ không lạc, thì khổ đó gọi là khổ để hiện quán. Đây do lần lượt cho đến chứng đắc cứu cánh giải thoát. Nếu

không hiểu rõ mà gọi là khổ tức là điên đảo, không thể chứng cứu cánh tịch diệt.

Lại nữa, tụng nói:

*Mãnh lợi, sâu, chướng ngại,
Y tiến trụ thừa không.
Tính chấp trước hạ liệt,
Điên đảo và nhiễm ô.*

Luận nói: Lại nữa tính các hành là khổ, lại thêm cái tính khổ mãnh liệt và bén nhọn, còn lạc v.v... thì không như vậy. Lại nữa tướng khổ là sâu nặng khó đối trị, còn lạc v.v... thì không như vậy. Lại nữa cái tướng khổ là đồng đều biến khắp tất cả, cho đến chúng được đại pháp cũng bị tổn não và chấp thường lạc ngã tịnh, gọi là điên đảo có thể chướng ngại thánh pháp. Lại nữa chấp là lạc v.v... có thể làm chỗ sở y cho tham v.v... các hoặc đại tiêu. Lại nữa khổ v.v... có thể dẫn đến công đức thắng tiến ở bậc trên. Lại nữa nếu trụ lâu các oai nghi v.v... liên sinh khổ lớn không thể nhẫn chịu được. Lại nữa người chấp không, cũng bị cái khổ lớn theo đuổi. Lại nữa người chấp trước lạc thì tính hạ liệt. Lại nữa nơi các hành, chấp trước cho là lạc thì ở trong điên đảo. Lại nữa do thể gian khởi lạc dục, đa phần là nhiễm ô. Cho nên các hành đều là khổ.

Lại nữa tụng nói:

*Như ung nhọt hủi v.v...
Là 3 thụ sở y.
Hay phát ra 3 xúc,
Thủ lạc v.v... tùy chuyển.*

Luận nói: Phải biết tính của các hành đều khổ như ung, nhọt, hủi, chỗ sở y của 3 thụ. Bởi vì sao? Vì thế gian ung, nhọt, hủi v.v... có thể phát tùy thuận 3 thứ xúc là khổ, lạc và xả. Do nơi xúc này mà thế gian hữu tình chấp thủ cho là khổ, lạc và không khổ không

lạc. Như vậy đối với các tính khổ, các hành phát khởi 3 xúc. Do xúc này nên lạc v.v... chuyển thành các thụ. Nếu cái này không, các thụ không chuyển. Như vậy là đã hiển thị tướng khổ lập tông và nhân dụ rồi.

Lại nữa vì nhân duyên gì thiết lập các hành chỉ có 3 khổ, không nhiều không ít?

Tụng nói:

*Tự tướng, tự phân biệt,
Không an ổn khổ tính.
Phải biết năm mươi lăm,
Ba khổ đều thấu nhiếp.*

Luận nói: Do tự tính của khổ chỉ có 3 thứ: 1. Do tự tướng. Nghĩa là tính khổ khổ. 2. Do tự phân biệt. nghĩa là tính hoại khổ. Nếu không phân biệt thì tuy có biến đổi, nhưng người đã giải thoát thì khổ không sinh. 3. Do không an ổn. Nghĩa là tính hành khổ. Vì các phiền não thô trọng theo đuổi. Như vậy sự sai biệt của 3 khổ lại có 55 thứ cần phải biết. Những gì là 55 thứ?

Tụng nói:

*Giới, duyên, thân, các thú,
Chủng loại, đế, 3 đời.
Thời, mạng, phẩm loại khác,
Dẫn các khổ sai biệt.*

Luận nói: Giới sai biệt nên có 3 khổ. Đó là Dục giới hệ, Sắc giới hệ và Vô sắc giới hệ. Duyên sai biệt nên có 6 thứ khổ. Đó là dục căn bản khổ, quả báo ngu si khổ, duyên nghiệp trước khổ, duyên hiện nhân khổ, duyên tịnh nghiệp khổ, duyên bất tịnh nghiệp khổ. Thân sai biệt có 4 thứ khổ. Đó là chịu gánh nặng khổ, địa vị biến hoại khổ, thô nặng khổ, sinh tử khổ. Các thú sai biệt nên có 5 thứ khổ. Đó là bức não khổ, nghèo thiếu khổ, trái ngược quá khổ,

yêu biên hoại khổ, thô trọng khổ. Để sai biệt nên có 8 thứ khổ. Đó là sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét gặp nhau khổ, yêu thương xa lìa khổ, cầu không được khổ, 5 thủ uẩn khổ. Đời sai biệt nên có 9 thứ khổ. Đó là quá khứ khổ do quá khứ . Vị lai hiện tại do duyên sinh, vị lai, hiện tại cũng khổ như vậy. Thời sai biệt nên có 4 thứ khổ. Đó là thời tiết đổi khác khổ, đói khổ, khát khổ, oai nghi co duỗi hơi thở ra vào nhắm mắt mở mắt v.v... dẫn đến các khổ. Nuôi mạng sống sai biệt nên có 4 thứ khổ. Đó là tìm cầu không biết chán đủ khổ, đeo đuổi khổ, giữ gìn bảo vệ khổ, không tự do khổ. Phẩm loại sai biệt nên có 7 thứ khổ: 1. Tôn giảm khổ, là phẩm loại tại gia. 2. Tăng ích khổ, là phẩm loại xuất gia. 3. Ưu não khổ. 4. Ly hữu khổ. Lại nữa dựa vào thiện thuyết pháp luật thì xuất gia có 3 thứ khổ: 1. Ngu si khổ, nghĩa là hi vọng vị lai mà truy vị quá khứ. 2. Tật đố khổ. 3. Không hơn người khổ. Dựa vào ác thuyết pháp luật thì xuất gia có 3 khổ: 1. Ngu si khổ, là chấp điên đảo đối với pháp sở tri. 2. Tật đố khổ, là đối với Phật và đệ tử Phật, tâm bất nhẫn với sở đắc danh lợi. 3. Người hơn mình khổ, là vì danh lợi nên khi khởi tranh luận rơi vào chỗ thất bại.

Tụng nói:

Chưa lìa Dục, Sắc v.v...

Phải biết có 3 bậc.

Dục giới đủ tất cả,

Sắc, Vô sắc trừ hai.

Luận nói: Như vậy 55 thứ khổ, 3 bậc đều gồm đủ. 1. Bậc chưa ly Dục, nghĩa là bị cõi Dục ràng buộc. 2. Bậc đã ly Dục, nghĩa là bị cõi Sắc ràng buộc. 3. Bậc lìa Dục, Sắc, nghĩa là bị cõi Vô sắc ràng buộc. Tức 3 thứ này theo thứ tự lập 3 thứ khổ. Nghĩa là thượng trung và hạ. Lại nữa trong cõi Dục đủ tất cả thứ khổ. Trong cõi Sắc, Vô sắc không có 2 thứ khổ, đó là gồm 2 thứ khổ khổ và hoại khổ và gồm 2 thứ là dục căn bản khổ, ngu si báo khổ, nhưng có các khổ khác.

Tụng nói:

*Thế tục số 2 thứ,
Thắng nghĩa là biến hành.
Hai duyên chung bậc trên,
Phải biết không hiện nhiễm.*

Luận nói: Như vậy các khổ lược có 2 thứ là thế tục và thắng nghĩa khác nhau. Khổ của thế tục để có 2 thứ là khổ khổ và hoại khổ. Khổ của thắng nghĩa để có một thứ là hành khổ. Cũng gọi là biến hành khổ, vì nó biến khắp cả cho đến Dục v.v... 3 cõi. Bậc trên của cõi Dục có 2 duyên sinh khổ, đó là khổ do duyên nghiệp đời trước, khổ duyên không nhân hiện tại, hữu tịnh duyên khổ, vô bất tịnh duyên khổ.

Tụng nói:

*Vô sắc chẳng gánh nặng,
Biến hành trời thô trọng.
Và đế là sau cùng,
Ngoài 7 trên tùy phược.*

Luận nói: Trong cõi Vô sắc không có cái khổ thân gánh nặng, có cái khổ của thiên đạo, cái khổ thô trọng, cái khổ đế của các thủ uẩn sau cùng. Đây chung cả Dục v.v... 3 cõi nên gọi là biến hành khổ. Ngoài ra sinh v.v... 7 khổ gồm cả cõi Dục. Bậc trên tuy có tùy phược, lại có thể thoái hoàn, nhưng không có cái khổ tự thể.

Tụng nói:

*Phải biết sinh v.v... khổ,
Điều 5 thứ sai biệt.
Khổ thô nặng tương ưng,
Chỗ y chỉ 3 khổ.*

Luận nói: Sinh v.v... 7 khổ mỗi mỗi đều có 5 thứ. Đó là khổ tương ưng, thô nặng tương ưng và chỗ y chỉ của 3 khổ. Sinh là chỗ sở

y của lão v.v... các khổ, sở y của phiền não, sở y của bất khả lạc, dục, hành, hoại. Lão là chỗ sở y của sắc suy thoái v.v... Bệnh là chỗ sở y của những tập mà ta không muốn, là chỗ sở y của những gì ta muốn mà không tập, chỗ sở y sai trái thuận với tử đại chúng. Tử là sở y của sự ly biệt của tự thể, sở y của sự ly biệt của của cải, sở y của nỗi khổ về sự ly biệt của những yêu thương, sở y của nỗi khổ về sự gặp phải những oán ghét, sở y của 3 khổ như oán ghét gặp phải v.v... bức bách nơi thân, sở y của những bức bách nơi tâm và sở y của những gì làm cho thân tâm suy tổn.

Tụng nói:

*Sau cùng và sau cùng,
Đều 4 khổ sở y.
Là sinh, sinh căn bản,
Và khổ tính biến hoại.*

Luận nói: Trong 8 khổ sau cùng gồm có các thủ uẩn khổ và trong 3 khổ sau cùng là hành khổ, đều là 4 khổ sở y cho nên khổ: 1. Sinh khổ sở y. 2. Sinh căn bản khổ sở y. 3. Khổ tự tính khổ sở y. 4. Biến hoại khổ sở y.

Tụng nói:

*Gồm ở trong 3 đời,
Hai duyên khổ chẳng trên.
Chỗ nói về các khổ,
Đều là ở cõi Dục.*

Luận nói: Ở bậc trên cửa cõi Dục trong cái khổ 3 đời không có khổ duyên quá khứ và vị lai. Bởi vì sao? Chẳng phải như bậc trên duyên quá khứ vị lai hư vọng phân biệt sinh các khổ, chỉ có duyên hiện tại thô nặng. Trừ các khổ nói trên, ngoài ra các khổ khác chỉ trôi buộc trong cõi Dục mà thôi.

Lại nữa vì nhân duyên gì người ngu si chuyên theo các cảnh khổ thật có?

Tụng nói:

*Mất niệm không công dụng,
Loạn không chính tư duy.
Không hiểu rõ ngu si,
Và do các phóng dật.*

Luận nói: Đối với khổ ngu si là do 5 thứ nhân, và do các pháp phóng dật đã nói ở trước. Năm thứ nhân là: 1. Quên mất niệm khổ trong quá khứ. 2. Không dụng công suy tìm cái khổ ở vị lai. 3. Đối với khổ hiện tại khởi 4 thứ đảo loạn. 4. Do không chính tư duy, đối với các khổ thô nặng chấp là ngã. 5. Do không hiểu đúng, đối với các khổ tính không biết rõ.

Lại nữa, do 4 thứ nhân khởi làm cho mất niệm.

Tụng nói:

*Ngu muội nên yếu kém,
Và khởi các phóng dật.
Đoạn dứt sự nối tiếp,
Chuyển thành quên mất niệm.*

Luận nói: Ngu muội là các chủng loại ngu muội. Yếu kém là ở các vị của tử v.v... Phóng dật là tham đắm nơi cảnh. Đoạn dứt sự tiếp nối là dứt mất sự tiếp nối của chúng đồng phần các đời trước.

Lại nữa, do 4 thứ nhân không công dụng chuyên.

Tụng nói:

*Ngu muội nên phóng dật,
Vì bảo trong hiện pháp.
Không tin nên phải khổ,
Không công dụng phát thú.*

Luận nói: Ngũ muội và phóng dật như trước đã nói. Bảo trong hiện pháp là do bảo trong pháp hiện tại nên không tạo công dụng khổ vị lai. Không tin nên phải khổ là do không tin có khổ vị lai nên không dụng công tạo tác.

Lại nữa do 4 thứ nhân khởi 4 thứ điên đảo.

Tụng nói:

*Tương tự tương tục chuyển,
Đối trị vọng phân biệt.
Quán tập chung các thủ,
Khởi 4 thứ điên đảo.*

Luận nói: Bởi thấy tương tự liên tục chuyển nên khởi điên đảo về thường. Đối trị phân biệt nên khởi điên đảo về lạc. Vọng phân biệt lạc là đối trị khổ nên do quán thông các tập mà khởi điên đảo về tịnh. Do chấp chung nên khởi điên đảo về ngã.

Lại nữa đối với khổ ngu si là do không rõ ràng 5 nhân nên khởi. Những gì là năm?

Tụng nói:

*Giới khác, duyên khởi khác,
Vị khác, thứ tự khác,
Và tương tục sai khác,
Phải biết có nhiều thứ.*

Luận nói: Giới sai biệt có 3 thứ khổ là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Duyên sai biệt có 7 thứ khổ: 1. Phúc duyên. 2. Phi phúc duyên. Hai khổ này tại Dục giới. 3. Bất động duyên, tại Sắc giới và Vô sắc giới. 4. Triền tùy miên duyên, nghĩa là người dị sinh. 5. Tùy miên duyên, nghĩa là người kiến đế. 6. Hữu hành duyên, nghĩa là phi Bồ-tát. 7. Trí hành duyên, là các Bồ-tát.

Sai biệt về vị có 12 thứ khổ: 1. Cùng với thuận lạc, là chư thiên. 2. Cùng với thuận khổ, là Na-lạc-ca và một phần quỷ, bàng

sinh. 3. Cùng với khổ lạc xen tạp, là người và một phần quỷ, bàng sinh. 4. Cùng với không khổ không lạc, là từ tinh lự thứ tư cho đến Hữu đĩnh. 5. Nơi bất tịnh và tịnh, là nơi không khó sinh trong Dục giới. 6. Nơi tịnh và bất tịnh, là các dị sinh trong Sắc Vô sắc giới. Nơi tịnh và tịnh, là những người kiế đế trong Sắc Vô sắc giới. 8. Bất tịnh và bất tịnh, là nơi có khó sinh trong Dục giới và 4 thứ khổ khi nhập thai: 1. Không biết rõ là nhập thai mẹ, không biết rõ thời gian trụ thai không biết rõ khi xuất thai. 2. Biết rõ là nhập thai mẹ nhưng không biết rõ thời gian trụ thai và xuất thai. 3. Biết rõ là nhập thai mẹ biết rõ thời gian trụ thai nhưng không biết rõ khi xuất thai. 4. Biết rõ là nhập thai mẹ biết rõ thời gian trụ thai biết rõ khi xuất thai.

Sai biệt về thứ tự có 12 thứ khổ. Nghĩa là y vào 12 chi duyên khởi thứ tự tiếp nối nhau. Sai biệt có vô lượng thứ vì hữu tình có vô biên sai biệt tiếp nối nhau.

Lại nữa đối với tất cả khổ có thể biết khắp hết cả. Phải biết có 18 thứ. Đó là những gì?

Tụng nói:

*Tín giải và tư trạch,
Không loạn, tâm chán lìa,
Kiến, tu và cứu cánh,
Lại như trước mười một.*

Luận nói: 1. Tín giải biến tri, nghĩa là do nghe mà sinh trí. 2. Tư trạch biến tri, nghĩa là do tư duy mà sinh trí. 3. Không tán loạn biến tri, nghĩa là thế gian do tu mà sinh trí. 4. Yếm tâm nhiếp biến tri, nghĩa là noãn v.v... trí thuận quyết trạch phân. Do trí này quán tướng của tự tâm đều chuyển chán lìa. 5. Kiến đạo biến tri, nghĩa là y chỉ vào trí kiến đạo. 6. Tu đạo biến tri, nghĩa là y chỉ trí tu đạo. 7. Cứu cánh đạo biến tri, nghĩa là ở trong vô học đạo.

Và như trước đã nói 11 thứ trí là: 1. Bất thiện thanh tịnh thế tục trí. 2. Thiện thanh tịnh thế tục trí. 3. Thắng nghĩa trí. 4. Bất thiện thanh tịnh tướng, hữu phân biệt trí. 5. Thiện thanh tịnh tướng, hữu phân biệt trí. 6. Thiện thanh tịnh tướng, vô phân biệt trí. 7. Thành ử tác tiền hành trí. 8. Thành sở tác trí. 9. Thành sở tác hậu trí. 10. Thanh Văn trí. 11. Bồ-tát trí. Như vậy chung lại là 18 thứ biết như thật khổ biến trí.

Lại nữa, như vậy là biến trí là hết tất cả các khổ. Do biến trí gì, hết được những khổ gì?

Tụng nói:

*Triền, nghi, bất lạc, ly,
Trầm, ác thú các thú,
Hạ liệt hành khởi lên,
Riêng khắp hết các khổ.*

Luận nói: Tín giải biến trí có thể diệt hết các khổ triền. Tư trạch biến trí có thể diệt hết các khổ nghi. Bất tán loạn biến trí có thể diệt bất lạc xa lìa các khổ. Yếm tâm nhiếp biến trí có thể diệt khổ hôn trầm. Kiến đạo biến trí có thể diệt khổ ác thú. Tu đạo biến trí có thể diệt các khổ thú khác. Cứu cánh đạo biến trí có thể diệt khổ hạ liệt hành khởi, nghĩa là trừ lạc mau chóng thông hành, ngoài ra các hành đều gọi là hạ liệt. Bồ-tát biến trí khắp diệt tất cả các khổ tự và tha. Thanh văn biến trí chỉ riêng diệt khổ chính mình.

Phẩm 6: THÀNH KHÔNG

Luận nói: Như vậy đã thành lập khổ tướng. Thế nào là thành lập không tướng? Không tướng có 3 thứ: 1. Tự tướng. 2. Thâm thâm tướng. 3. Sai biệt tướng.

Thế nào là tự tướng?

Tụng nói:

*Nếu ở đây không có,
Và đây có cái khác.
Tùy 2 thứ đạo lý,
Nói không tương không hai.*

Luận nói: Không tự tướng là không nhất định hữu hay vô. Không nhất định hữu, là trong các hành hoàn toàn không có tự tính chúng sinh và tự tính của pháp. Không nhất định vô, là trong đây có thật tính chúng sinh vô ngã và pháp vô ngã. Tùy theo 2 thứ đạo lý, nghĩa là ở trong đây không có 2 thứ đạo lý của ngã và có 2 thứ đạo lý của vô ngã. Vì tùy theo 2 thứ này nên nói không tính không có 2 tướng: 1. Chẳng phải hữu tướng, vì không có 2 ngã. 2. Chẳng phải vô tướng, vì có 2 vô ngã. Bởi vì sao? Vì không có 2 ngã này, tức là có 2 vô ngã. Có 2 vô ngã này, tức không có 2 ngã. Vì vậy không tính chẳng phải nhất định là hữu tướng, chẳng phải nhất định là vô tướng.

Thế nào là thậm thâm tướng?

Tụng nói:

*Nên biết thậm thâm tướng,
Lấy bỏ không tăng giảm.*

Luận nói: Theo trước đã nói đạo lý không hai, thì tuy bỏ các pháp mà không có giảm, tuy lấy các pháp mà không có tăng. Không lấy không bỏ không tăng không giảm. Đó là nghĩa sâu xa của không tướng.

Thế nào là sai biệt tướng?

Tụng nói:

*Sai biệt có rất nhiều,
Như nhiều lần đã nói.*

Luận nói: Tức không tính này, đức Bạc-già-phạm đã hiển thị rất nhiều sai biệt trong các kinh. Nghĩa là thắng nghĩa không, nội

không, ngoại không v.v... nay lại phân biệt. Thắng nghĩa không, nghĩa là vì thắng nghĩa nên không có sở hữu, cho nên gọi là thắng nghĩa không. Đây hiển thị có 4 nghĩa. Những gì là 4? 1. Lìa ngã nhân nghĩa. 2. Lìa ngã tướng nghĩa. 3. Lìa vô nhân nghĩa. 4. Lìa phi tự nghiệp được nghĩa.

Khi do 6 chỗ mà sinh, không theo ngã mà đến, cũng không tụ tập y chỉ nơi ngã, như vậy gọi là lìa ngã nhân nghĩa. Nếu chấp 6 chỗ lấy ngã làm nhân, thì phải không phân biệt 5 thú khác nhau. Lại nữa bởi 6 chỗ vốn không nay có, cái có đã tán diệt cho nên lìa ngã tướng. Bởi tướng như thế chẳng phải là ngã hữu cho nên lại do có nghiệp làm nhân sinh khởi dị thực đều không có tác giả cũng không có hữu tình xả bỏ hay tiếp tục các uẩn, như vậy gọi là lìa vô nhân nghĩa. Lại nữa do nơi hữu phần pháp giả lập một loại hữu tình liên tục trôi chảy đến pháp dị thực hiện tại, chẳng phải nối tiếp một tướng nào khác, cho nên gọi là lìa chẳng phải tự nghiệp mà được nghĩa.

Lại nữa, thế nào là Bồ-đặc-già-la không có ngã? Nếu có ngã thì uẩn tướng là trụ trong uẩn, còn trụ các nơi khác là không phải uẩn tướng?

Tụng nói:

*Chỉ giả lập thành lỗi,
Là lỗi uẩn vô ngã,
Là ngã lỗi không thân,
Ba ngã không hợp lý.*

Luận nói: Nếu chấp ngã tức là tướng của uẩn thì đó chỉ là giả, trái với tông chỉ của ông nên thành lỗi. Bởi ngay nơi các uẩn mà giả lập ngã. Nếu lìa các uẩn mà trụ ở các nơi khác, thì cái ngã đó phải không có uẩn, như vậy cũng thành lỗi, vì trong các uẩn không có ngã. Nếu chẳng phải tướng uẩn thì cái ngã được chấp bị lỗi không

có thân. Ngã mà không có thân là không hợp lý. Vì vậy cả 3 thứ đều không hợp lý.

Lại nữa, nếu chấp thật ngã trụ trong các uẩn cũng không đúng. Bởi vì sao?

Tụng nói:

*Như chủ, lửa, sáng, không,
Dị hình, y tha lỗi.
Vô thường, vô nghiệp dụng,
Phi nhân, phi hữu ngã.*

Luận nói: Chấp thật ngã trụ trong các uẩn là như ông chủ nhà ở trong nhà, như lửa ở nơi củi, như ánh sáng dựa nơi ngọn đèn, như các vật nơi hư không. Như vậy tất cả đều không hợp lý. Bởi vì sao? Vì có 5 lỗi. Những gì là 5? Nếu như người chủ nhà ở trong nhà thì hình dáng chi tiết đều phải khác với cái nhà, vì người chủ nhà và cái nhà khác nhau về hình dáng tướng mạo. Nếu như lửa ở nơi củi thì có lỗi y tha. Lửa mà dựa vào củi thì sức không tự do tự tại. nếu như ánh sáng dựa nơi ngọn đèn thì có lỗi vô thường, vì tùy theo ngọn đèn có vô minh khởi diệt. Lại nữa, 2 thứ trước cũng có lỗi vô thường. Không thấy có chủ nhà thường xuyên ở nhà. Nhà thì lúc nào cũng có đó, trụ lâu, nhưng người chủ nhà có khi đi nơi khác hoặc chết mất. Lửa tùy theo sức củi, tính nó vô thường bất định. Nếu như hư không, thì phải có nghiệp dụng, hiển nhiên là có lỗi. Nghiệp dụng của hư không, hiển nhiên là có thể có. Nghĩa là vì các nghiệp quá khứ vị lai v.v...không chướng ngại. Ngã thì không như vậy, nên thành lỗi.

Lại nữa, chấp ngã với quả làm nhân cũng không thể được. Bởi vì sao? Vì vô ngã, chủng tử các ngoại vật v.v... cũng có thể cùng với quả làm nhân được. Cho nên chấp ngã trụ trong các uẩn với quả làm nhân là không hợp lý. Cũng không có chấp thể tính của thật ngã.

Hỏi: Nếu chỉ có uẩn mà không có ngã riêng thì ai thấy ai nghe cho đến ai có khả năng hiểu biết?

Đáp: Nếu thấy nghe v.v... là thể của ngã, hoặc nghiệp của ngã, hoặc dụng cụ của ngã, mà chấp ngã cho là người thấy nghe v.v... đều không hợp lý. Bởi vì sao?

Tụng nói:

*Ngã phải chỉ là giả,
Thí dụ không thể được.
Bảy dụ: vọng phân biệt,
Không thấy v.v...là 3 thứ.*

Luận nói: Nếu ông chấp thấy v.v... là ngã, lại gọi là người thấy, cho đến người hiểu biết, thì cái ngã chấp đó chỉ là giả. Tức là trên cái pháp thấy v.v...giả lập là ngã. Nếu chấp cái thấy v.v... là nghiệp, là công cụ thì cũng không phải, vì không có thí dụ. Tuy vọng phân biệt 7 thí dụ, nhưng có nhiều lỗi. Vì vậy cho nên 3 thứ đều không hợp lý. Thế nào là nhiều lỗi?

Tụng nói:

*Như chúng tử vô thường,
Tác giả trở thành giả.
Nếu thành tựu thần thông,
Thế tục được tự tại.*

Luận nói: Nếu ông chấp ngã đối với nghiệp thấy nghe như hạt giống đối với mầm, thì cái ngã phải là vô thường, vì chúng tử chẳng phải thường. Nếu ông chấp cái ngã đối với nghiệp thấy nghe như thợ làm đồ gốm đối với đồ dùng, thì cái ngã phải là giả. Bởi vì sao? Thế gian hiện thấy giả danh sĩ phu có làm những khí dụng không thấy những thứ khác. Nếu ông chấp ngã đối với nghiệp thấy v.v... như thế gian những người có thần thông có thể làm các biến hóa, tức đồng

với người thế tục kia có lỗi giả lập và tự tại. Bởi vì sao? Vì lia cái giả ra người thành thần thông không thấy những cái khác. Lại nữa hiện thấy người thành thần thông tùy ý tự tại đối với các việc biến hóa. Còn ngã đối với cái thấy không phải nhờ nhân duyên nào khác mới được tự tại.

Lại nữa, tụng nói:

*Ngã như đất như không,
Là vô thường vô tính,
Là như 2 vô tác,
Rõ ràng là có nghiệp.*

Luận nói: Nếu ông chấp ngã đối với các nghiệp thấy v.v... giống như đất đai có thể duy trì vạn vật thì cái ngã phải là vô thường, vì đất đai chẳng phải thường. Nếu là như hư không, vì không chướng ngại nên dung nạp các tác nghiệp, và ngã cũng dung nạp các nghiệp thấy v.v... thì ngã phải là vô thể, giống như hư không, chỉ có sắc vô thể là hư không. Lại nữa như đất đai và hư không, nó tự nhiên không động không tác dụng, ngã đối với cái thấy v.v... kia cũng phải không tác dụng. Đã không tác dụng mà chấp có cái thấy v.v... là không đúng lý. Lại nữa đất đai, hư không rõ ràng có 2 công năng tự nhiên không chướng ngại, còn ngã đối với cái thấy v.v... mà có thể có chỗ tác nghiệp không khác, là không đúng lý. Lại nữa nếu chấp cái thấy v.v... là công cụ của cái ngã cũng không phải vậy. Bởi vì sao?

Tụng nói:

*Đốt cháy và cắt đứt,
Chỉ lửa v.v... làm được.
Ngã đối với thấy v.v...
Chẳng phải như dao, lửa.*

Luận nói: Nếu ông chấp cái ngã chấp cái thấy v.v... là công cụ có thể thấy, có thể nghe cho đến phân biệt, như người chấp cho

là lửa có thể đốt, chấp cho là do có thể cắt đứt, là không đúng lý. Bởi vì sao? Thế gian hiện thấy lia người nãng chấp, lửa tự có khả năng thiêu đốt, dao tự có khả năng cắt đứt thì cái thấy v.v... cũng vậy. Tuy không có ngã cũng phải tự có tác dụng của cái thấy v.v... mà ông không nhận cho nên không phải thí dụ. Lại nữa các uẩn trong thế gian hợp lại giả lập làm ngã, nhân, chúng sinh cảm liềm v.v... có thể cắt làm đứt chứ không có thật ngã riêng biệt, nên chẳng phải thí dụ.

Lại nữa tụng nói:

*Như ánh sáng nãng chiếu,
Lìa sáng không gì khác.
Cho nên ở trong ngoài,
Thành nghĩa không vô ngã.*

Luận nói: Thế gian hiện thấy thì thể của ánh sáng có tác dụng chiếu sáng. Nói là chiếu, tức lìa cái thể của ánh sáng không có cái gì chiếu. Như vậy nhãn v.v... có cái dụng là thấy v.v... Nói là thấy, cho đến hiểu biết là không có cái thấy riêng khác v.v... cho nên các pháp trong ngoài v.v... không có ngã.

Hỏi: Nếu thật không có ngã thì sao thế gian có nhiễm có tịnh?

Đáp: Các pháp nhiễm tịnh do nhân duyên sinh không do thật ngã. Bởi vì sao?

Tụng nói:

*Như ngoại vật thế gian,
Lìa ngã có tồn ích.
Trong tuy không thật ngã,
Nghĩa nhiễm tịnh mới thành.*

Luận nói: Như ngoại vật thế gian tuy không có ngã mà có các thứ tai họa thành tựu các nghiệp thuận ích, cũng như vậy các nội

pháp tuy không có ngã mà có thành các nghĩa nhiệm tịnh, cho nên không có lỗi.

Lại nữa, nếu không có ngã thì ai thụ quả báo, ai có thể tạo nghiệp, ai thoát các khổ?

Tụng nói:

*Vị tu phiền não phân,
Vị vô thường biến đổi.
Ngã thường không chuyển đổi,
Thụ, tác, thoát phải không.*

Luận nói: Cái chấp ngã của ông đối với các địa vị khổ lạc, các tư duy thiện ác, các phiền não tham v.v... trong tất cả thời phần thường không biến đổi. Vì không biến đổi nên thụ, tác và giải thoát đều không hợp lý. Như trước đã nói, tuy không thật ngã mà có cái giả của thể tục biến đổi trong 3 thời. Thụ, tác và giải thoát, thời phần sai biệt đều thành tự. Lại nữa, nếu không có ngã thì ai lưu chuyển ại hoàn diệt.

Tụng nói:

*Pháp tính tùy duyên sinh,
Lần lượt hiện tương tục.
Có nhân mà không trụ,
Biến đổi nên gọi chuyển.
Như thân, nha, hà, đấng,
Có các thứ tác dụng.
Ngã thường không biến đổi,
Chuyển hoàn không đúng lý.*

Luận nói: Không do có ngã mà có lưu chuyển hoàn diệt. Bởi vì sao? Hiện thấy lưu chuyển ắt có tướng sinh, trước sau lần lượt tương tục không dứt, hằng hiện ra trước rõ ràng thấy được. Có nhân không trụ mà lại biến đổi, gọi là lưu chuyển. Đoạn dứt cái tương

tục, gọi là hoàn diệt. Ví như “thân nha hà đấng” có các thứ tác dụng vắng lai v.v... và có hoàn diệt. Không phải như ông chấp cái ngã thường không biến đổi có tác dụng lưu chuyển. Lưu chuyển còn không, hướng chi là hoàn diệt. Lại nữa nếu chỉ các hành không có ngã thì thế gian hiện thấy các hữu tình kia, phải không có các tên gọi, các tướng sai biệt.

Tụng nói:

*Y ngã khởi danh, tướng,
Thấy hai thứ lỗi lầm.
Cho nên khắp tất cả,
Tính thật ngã đều không.*

Luận nói: Không do tên gọi hay tướng tượng mà thành thật ngã. Bởi vì sao? Vì thấy hai lỗi. Nếu người đời đối với thật ngã khởi các thứ danh tướng là Phật cứu v.v... thì đối với thân v.v... các pháp phải hiểu là không. Nếu đối với thân v.v... khởi danh tướng thì không nên nói ngã có các tác dụng. Sở dĩ vì sao? Người đời hiện thấy khởi các ngôn thuyết, nghĩa là Phật hữu có thể thấy, đức hữu có thể nghe v.v... Lại thấy hai thứ lỗi, nghĩa là nếu chấp thể tính ngã kiến là thiện, tự nhiên có thể sinh nhiễm pháp hiện tiền, là không đúng lý. Nếu là nhiễm ô có thể chứng thật ngã là không đúng lý. Lại nữa người chấp ngã khi chấp thủ ngã là cái ngã năng chấp hay cái thấy năng chấp. Nếu nói cái ngã chấp ngã thì người chấp ngã trong thế gian không nên có khởi nghi hoặc là có hay là không hay là những gì. Bởi vì sao? Vì hiện thấy ngã. Nếu nói thấy chấp ngã thì nay ông không nên nói ngã năng thủ. Do các lỗi như vậy, cho nên thế gian không có ngã chân thật. Lại nữa nếu như vậy thì sao trong chính pháp thiết lập các thứ danh tướng sai biệt?

Tụng nói:

*Vì muốn ngôn thuyết dễ,
Tùy thuận theo thế gian.*

*Vì đoạn trừ sợ hãi,
Làm rõ đức và lỗi.*

Luận nói: Mặc dầu không thật ngã nhưng lập ra danh tướng hữu tình sai biệt vì có 4 nguyên nhân: 1. Vì khiến ngôn thuyết dễ dàng. 2. Vì tùy thuận thế gian. 3. Vì muốn người mới học lìa sợ hãi. 4. Vì muốn làm rõ công đức và tội lỗi của mình và người có sai khác. Lại nữa nếu không có ngã thì thế gian không nên vừa thấy hình tướng liền khởi cái biết của hữu tình. Lại cũng không nên nghĩ cái biết là khởi đầu các tác nghiệp.

Tụng nói:

*Vội khởi loạn cái biết,
Thế gian hiên thấy được,
Biết là đâu tạo nghiệp,
Có mười thứ lỗi lầm.*

Luận nói: Cái biết vội khởi lên không chứng được nguyên nhân của ngã. Bởi vì sao? Vì cái tâm biết thác loạn thoát khởi hiện có được. Như ở thân người nữ khởi cái biết thân người nam. Ở thân người nam khởi cái biết thân người nữ. Gốc cây mà khởi cái biết là người. Người mà khởi cái biết là gốc cây. Lại nữa ông chấp cái ngã tư duy cho rằng cái biết là khởi đầu các tạo nghiệp, điều đó có 10 lỗi. Những gì là 10?

Tụng nói:

*Biết ngã nhân công dụng,
Và tự tại 2 thứ
Có nhân và không nhân.
Phải biết có 10 lỗi.*

Luận nói: Nếu ông chấp cái biết là nguyên nhân khởi các tạo nghiệp, tức là không phải cái ngã có thể khởi các nghiệp. Nếu ngã là cái nhân thì tư duy cái biết không phải nhân. Vậy tức là không tư duy

cái biết là khởi đầu các tạo nghiệp. Lại nữa nếu ông chấp cho cái ngã là nguyên nhân có thể khởi các tạo nghiệp, tức phải thường khởi tất cả các tạo nghiệp. Nếu cái ngã không phải nguyên nhân, vậy là cái ngã không tạo tác. Lại nữa nếu ông chấp có các pháp nhân khác có thể làm nhân nên khởi các tạo nghiệp, tức chấp cái ngã không không có tạo tác. Lại nếu không nhân tức phải thường khởi tất cả các tạo nghiệp. Lại nữa nếu ông chấp do công dụng bên trong có thể có sự tạo tác, thì đây cũng giống như trước là có 2 thứ lỗi. Lại nữa nếu ông chấp ngã được tự tại tạo nghiệp, tức thường phải tạo tất cả những gì mình yêu thích không tạo những gì mình không yêu thích. Nếu không tự tại tức không phải tướng ngã.

Như vậy đã nói tướng không và sự thành lập. Nay sẽ hiển thị quán không chân trí đối trị sai biệt của Tát-ca-da kiến.

Tụng nói:

*Không tham quyết biến hành,
Tăng ích và vô sự.
Sợ hãi và vọng kiến,
Nên biết 5 thí dụ.*

Luận nói: Phải biết có 5 thứ Tát-ca-da kiến: 1. Không rõ sự kiến. Như sợi dây thấy con rắn. 2. Biến hành kiến, nghĩa là tương ưng ý nhiễm ô, vọng có thân kiến. Tất cả mọi lúc thường tùy đi theo, như trong chiêm bao thấy có thụ dụng. Sở dĩ vì sao? Giống như người nghèo, trong chiêm bao thấy thụ dụng các cảnh giới khả ái. Như vậy người ngu từ khi chưa khởi chính giác chân như đến nay thường khởi ngã kiến theo đuổi. 3. Tăng ích sự kiến, giống như hi vọng tùy thuộc người con gái khác. 4. Không thật sự kiến, giống như đứa trẻ thấy những việc ảo hóa. 5. Sợ sự kiến, như người tự vẽ ma quỷ rồi sợ hãi.

Như vậy đã nói các sai biệt đối trị. Nay sẽ hiển thị các sai biệt về năng trị.

Tụng nói:

*Vô thể và viễn ly,
Trừ bỏ dựa 3 thứ.
Đôi trị tướng trói buộc,
Mười sáu thứ khác nhau.*

Luận nói: Dựa vào biến kế sở chấp v.v... 3 thứ tự thể mà tuần tự lập 3 thứ không: 1.Vô thể không. 2.Xa lìa không. 3.Trừ bỏ không. Lại nữa 3 cái không này đôi trị các trói buộc, các tướng có 16 thứ sai biệt. Phải biết các trói buộc có 14 tướng trói buộc là thô trọng phược: 1.Căn phược. 2.Hữu tình hồ nhiễm phược. 3.Sở y phược, nghĩa là dựa vào khí thể gian các căn lưu chuyển. 4.Đôi với trí, vô trí phược. 5.Nơi cảnh, vọng cảnh phược. 6.Hậu hữu ái phược. 7.Vô hữu ái phược. 8.Chấp vô nhân, bất bình đẳng nhân phược. 9.Thượng mạn phược. 10.Biến kế sở chấp, tự thể chấp phược. 11.Các pháp tự thể chấp phược. 12.Các pháp biến trí tự thể chấp phược. 13.Bỏ-đặc-già-la tự thể chấp phược. 14.Bỏ-đặc-già-la biến trí chấp phược.

Các tướng, nghĩa là sự trói buộc của 6 thứ tướng. Chán các tướng này nên Bồ-tát dựa vào không, siêng tu niệm trụ khiến tâm giải thoát. Thế nào là sự trói buộc của 6 thứ tướng? Nghĩa là dựa vào thân thụ tâm pháp, phát khởi nội tướng, gọi là tướng trói buộc đầu tiên. Dựa vào thân v.v... phát khởi ngoại tướng là thứ hai. Dựa vào thân khởi nội ngoại tướng là thứ ba. Vì muốn độ thoát 10 phương vô lượng vô số hữu tình giới, nên phát khởi đại nguyện tu các niệm trụ, cái tướng phân biệt này là thứ tư. Cảnh đối với thân v.v... gọi là có trí tuệ trụ nơi chính quan sát, cái tướng phân biệt này là thứ năm. Cảnh đối với thân v.v... gọi là có ngã nhân, trụ chính quán, cái tướng phân biệt này là thứ sáu.

Lại nữa phải biết sau quán thân v.v...có 11 thứ tướng phược sai biệt. những gì là 11? Nghĩa là ở nơi thân v.v... khởi tùy thân v.v... trụ chính quán sát, và nơi nhiễm tịnh 2 đế, trong đệ nhất

nghĩa khởi tướng phân biệt gọi là tướng phục thứ nhất. Ngay nơi nhiệm ô, trong đệ nhất nghĩa khởi tướng hữu tác là thứ hai. Ngay nơi thanh tịnh, trong đệ nhất nghĩa khởi tướng vô tác là thứ ba. Ngay nơi hữu tác, trong đệ nhất nghĩa khởi tướng lưu chuyển là thứ tư. Ngay nơi vô tác, trong đệ nhất nghĩa khởi tướng thường, là thứ năm. Ngay nơi lưu chuyển, do khổ biến đổi nên khởi tướng khổ, là thứ sáu. Ngay nơi thường pháp khởi tướng không thay đổi, là thứ bảy. Ngay nơi lưu chuyển, do tự tướng sinh diệt trụ dị và do tự tướng có biến đổi nên khởi tướng tự tướng, là thứ tám. Ngay nơi có biến đổi không biến đổi, nhiệm ô thanh tịnh, trong đệ nhất nghĩa khởi tướng có thể nhiếp thụ tất cả pháp, là thứ chín. Ngay nơi nhiệm tịnh tất cả pháp khởi tướng ngã sở hữu nhiệm ô thanh tịnh, là thứ mười. Ngay nơi các pháp nhiệm ô thanh tịnh khởi tướng đối với tự thể tự tướng, là thứ mười một. Bồ-tát Ma-ha-tát đối với các tướng thành trói buộc sai biệt sau này và cảnh giới ấy, chính quán sát rồi y chỉ nơi không, tu các niệm trụ khiến tâm giải thoát. Nếu khi các vọng tướng trói buộc như vậy được giải thoát, tức là giải thoát tất cả các tướng trói buộc.

Mười sáu không, là nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không, không không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô sơ hậu không, vô tổn tận không, tính không, tướng không, nhất thiết pháp không, vô tính không, vô tính tự tính không.

Lại nữa ở nơi không cảnh này có 6 thứ ngu lưu chuyển từ vô thủy. Những gì là 6?

Tụng nói:

*Tự tính và chấp trước,
Không hiểu rõ, mất niệm,
Khấp tất cả, một phần,
Ngu sai biệt lưu chuyển.*

Luận nói: Ngu tự tính, nghĩa là tất cả hữu tình từ vô thủy lưu chuyển không có trí. Ngu chấp trước tự thể, là cái vô trí của ngoại đạo do tương ung kiến chấp điên đảo khởi. Ngu không hiểu rõ, là phàm phu không học hỏi mà khởi vô trí. Ngu mất niệm, là phàm phu có học hỏi và thánh giả khởi vô trí. Ngu khắp cả, là phàm phu đối với chúng sinh không và pháp không, khởi vô trí. Ngu một phần, là Thanh Văn v.v... chỉ khởi vô trí đối với pháp không.

Thế nào là chứng đắc cái lý không như vậy? Nghĩa là do 8 thứ trí. Những gì là 8?

Tụng nói:

*Pháp trụ cầu tự tâm,
Trụ tự tâm trừ phược.
Sợ không 2 nhiễm tịnh,
Chứng được lý chân không.*

Luận nói: 1.Pháp trụ trí. Nghĩa là cái trí dựa vào Tổ-đất-lâm v.v... an lập pháp môn. 2.Cầu tự tâm trí. Nghĩa là cái trí trong thuận quyết trạch phần vị tìm tự tâm. 3.Trụ tự tâm trí. Nghĩa là cái trí chứng chân như trong kiến đạo vị. 4.Trừ tâm phược trí. Nghĩa là cái trí đối trị chướng trong tu đạo vị. 5.Bổ hành tương ung trí. Nghĩa là cái trí của đệ tử Phật vì sợ cái khổ não lớn của sự lưu chuyển. 6. Vô nhị phân biệt trí. Nghĩa là trí Bồ-tát không phân biệt lưu chuyển tịch diệt, tội lỗi công đức. 7.Bất thiện thanh tịnh trí. Nghĩa là cái trí hữu học. 8.Thiện thanh tịnh trí. Nghĩa là cái trí vô học.

QUYỂN 15 HẾT

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 16

Phẩm 6: THÀNH KHÔNG (tiếp)

Luận nói: Như vậy lý không là dựa vào tu nên chứng. Thế nào là tu?

Tụng nói:

*Tu sai biệt 18,
Hoặc hữu độc vô độc,
Đối trị 5 thứ chấp,
Sơ lược có 2 thứ.*

Luận nói: Tu tướng sai biệt có 18 thứ: 1. Thanh Văn tương ưng tác ý tu. Nghĩa là có một là Thanh Văn trụ Thanh Văn trụ Thanh Văn pháp tính, hoặc chưa nhập chính tính vô sinh, hoặc đã nhập chính tính vô sinh, chỉ quán tự lợi không quán lợi tha, dựa vào an lập để tác ý môn nhập lý chân như, tự nội duyên hữu phân lượng pháp, khởi yểm ly vô dục giải thoát hạnh, để hết tự ái tác ý tu tập, gọi là Thanh Văn tương ưng tác ý tu.

2. Bồ-tát tác ý tu. Nghĩa là như một là Bồ-tát trụ Bồ-tát pháp tính, hoặc chưa nhập chính tính vô sinh, hoặc đã nhập chính tính vô sinh, quán tự tha đều lợi, dựa vào an lập phi an lập để tác ý môn nhập lý chân như, tự nội duyên vô phân lượng pháp đại bi

tăng thượng nên khởi lợi tha, nhiếp thụ phương tiện hạnh đi vào vô thượng tích vì muốn hết tự tha ái tác ý tu tập, gọi là Bồ-tát tác ý tu.

3. Ảnh tượng tác ý tu. Nghĩa là hoặc tư duy có phân biệt ảnh tượng của Tì-bát-xá-na phẩm, Tam-ma-địa sở hành bản cảnh giới pháp đồng phần, hoặc lại tư duy ảnh tượng không phân biệt của Xa-ma-tha phẩm, Tam-ma-địa sở hành bản cảnh giới pháp đồng phần. Tu tập như vậy gọi là ảnh tượng tác ý tu.

4. Sự cứu cánh tác ý tu. Nghĩa là tư duy các pháp hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc xa hoặc gần. Hoặc lại tư duy các pháp chân như hết các sở hữu, như các sở hữu. Tu tập như vậy gọi là sự cứu cánh tác ý tu.

5. Sự thành tựu tu. Nghĩa là đã chứng đắc căn bản tĩnh lự và thể xuất thế Tam-ma-bát-đề. Tu tập như vậy gọi là sự thành tựu tu.

6. Đắc tu. Nghĩa là như có một dựa vào sơ tĩnh lự, hoặc tu tập vô thường tướng, hoặc cho đến tu tập tử tướng, người này không hiện ra trước các thiện tướng, hoặc thuộc tự địa, hoặc thuộc hạ địa, hoặc dẫn đến các công đức thế gian xuất thế gian, tất cả đều tu tập khiến chuyển tăng thanh tịnh mạnh mẽ bén nhạy sẽ được sinh khởi, chứng được pháp kia, tự tại thành tựu gọi là đắc tu.

7. Tập tu. Nghĩa là như có một hiện tiền tư duy các pháp kia, khởi vô thường v.v... có các thiện tướng, và hiện tu tập các thiện pháp khác. Tu tập như vậy gọi là tập tu.

8. Khiển trừ tu. Nghĩa là như có một tư duy Tam-ma-địa hiện hành tướng ảnh tượng, nên khiển trừ tính tướng căn bản các pháp khiến không hiện trở lại, dựa vào nguyên lý dùng cây nêm tháo cây nêm. Như có người dùng cây nêm nhỏ mà tháo lấy cây nêm lớn. Hoặc dùng thân an khiến trừ thân thô nặng như trước đã nói, gọi là khiển trừ tu.

9. Đối trị tu. Nghĩa là tư duy tu tập yếm hoại đối trị, đoạn đối trị, trì đối trị, viễn phần đối trị, gọi là đối trị tu. Trong đó do văn, tư sinh đạo là yếm hoại đối trị. Xuất thế gian đạo là đoạn đối trị. Quả kia chuyển y là trì đối trị. Thế gian tu tuệ đạo là viễn phần đối trị.

10. Thân tu. 11. Giới tu. 12. Tâm tu. 13. Tuệ tu. Theo tuần tự dựa vào căn, phòng hộ tu tập 3 học. Như vậy gọi là thân v.v... tu tính.

14. Thiếu phần tu. Nghĩa là tư duy các pháp khởi vô thường v.v... mỗi một thiện tướng và tu các thiếu phần thiện pháp khác, gọi là thiếu phần tu.

15. Biến hành tu. Nghĩa là tư duy tất cả pháp là một vị chân như. Tu tập như vậy gọi là biến hành tu.

16. Hữu động tu. Nghĩa là khi siêng năng phương tiện tu vô tướng, khoảng giữa khởi tu các hữu tướng. Đó gọi là hữu động tu.

17. Công hạnh tu. Nghĩa là khi siêng năng phương tiện tu vô tướng, do công dụng hạnh không gián đoạn thiếu sót, khởi tu vô tướng, gọi là công hạnh tu.

18. Thành mãn tu. Nghĩa là hoặc dựa vào Thanh Văn thừa, hoặc dựa vào Độc Giác thừa, hoặc dựa vào Đại thừa, tất cả chỗ dựa đều đã chuyển được tất cả pháp tự tại. Tu tập như vậy gọi là thành mãn tu.

Như vậy các pháp tu lược có 2 thứ là tu có độc và tu không độc, vì chấp ngã ngã sở, xen tạp và không xen tạp.

Lại nữa phải biết các pháp tu này đối trị 5 thứ tà chấp: 1. Chúng sinh tà chấp. 2. Pháp tà chấp. 3. Tồn giảm tà chấp. 4. Sai biệt tà chấp. 5. Biến dị tà chấp.

Chúng sinh tà chấp nghĩa là đối với các uẩn chấp có hữu tình, tác giả, thụ giả. Pháp tà chấp nghĩa là như ngôn thuyết, chấp có sắc v.v..., tự thể sai biệt. Tồn giảm tà chấp nghĩa là chấp các pháp tướng không. Sai biệt tà chấp nghĩa là chấp các pháp ngã, vô ngã v.v... có

thể tính khác biệt. Biện dị tà chấp nghĩa là chấp các pháp trước thật có ngã sau thành vô ngã.

Lại nữa các pháp tu này lược có 2 thứ là thế gian tu và xuất thế gian tu.

Lại nữa, tụng nói:

*Tu quả cần phải biết,
Công đức Tam-bồ-đề.
Tính y chỉ chuyên y,
Sở tác sự thành tựu.*

Luận nói: Do tu không, nên chứng đắc diệu quả. Nghĩa là y chỉ chuyên y chứng Tam-bồ-đề và được vô tránh nguyện trí, vô ngại giải v.v... vô lượng công đức và các việc làm đều viên mãn thành tựu. Nghĩa là chuyên y cứu cánh thành tựu viên mãn.

Phẩm 7: THÀNH VÔ TÍNH

Luận nói: Lại nữa, trong Phẩm thành không, đã thành lập chúng sinh vô ngã, chứ chẳng phải pháp vô ngã. Nay để thành lập pháp vô ngã nên nói thành vô tính.

Tụng nói:

*Phải biết 3 tự tính,
Đầu: Biến kế sở chấp,
Tiếp: Y tha khởi tính,
Sau cùng: Viên thành thật.*

Luận nói: Phải biết vô tính không lia tự tính, cho nên trước nói nghĩa của 3 tự tính. Như vậy là mật ý làm hiển thị 3 thứ vô tính. Nói 3 tự tính là biến kế sở chấp tự tính, y tha khởi tự tính, viên thành thật tự tính. Biến kế sở chấp nghĩa là các pháp do ngôn thuyết mà chấp tự thể. Y tha khởi nghĩa là các pháp do nhân duyên mà sinh tự thể. Viên thành thật nghĩa là tự thể các pháp là chân như.

Tụng nói:

*Phải biết 3 vô tính,
Không là 3 tự tính.
Do tướng vô, sinh vô,
Và thắng nghĩa vô tính.*

Luận nói: Như vậy 3 thứ tự tính là do 3 không tự tính, nên nói 3 vô tính: 1. Tướng vô tính, tức là biến kế sở chấp tự tính, vì thể tướng của tự tính này là không. 2. Sinh vô tính, tức y tha khởi tự tính, vì tự tính này duyên sức mà sinh không phải tự nhiên sinh. Thắng nghĩa vô tính, tức viên thành thật tự tính, vì thể của tự tính này có nghĩa thù thắng. Lại nữa các pháp là vô tính, nên đã nói 3 thứ tự tính và tướng của 3 vô tính.

Nay sẽ hiển thị sự thành lập đạo lý. Làm sao biết biến kế sở chấp đều là tướng không tự thể?

Tụng nói:

*Không gồm trong 5 việc,
Ngoài ra lại cũng không.
Vì tên chuyển theo nghĩa,
Cả hai khách của nhau.*

Luận nói: Tự tướng của biến kế sở chấp là không. Bởi vì sao? Vì không gồm trong 5 việc. Trừ 5 việc, ngoài ra cũng không có. Những gì là 5? Một là tướng, hai là tên, ba là phân biệt, bốn là chân như, năm là chính trí.

Hỏi: Nếu tướng của biến kế sở chấp là không có tự thể thì làm sao có thể khởi biến kế chấp?

Đáp: Vì do tên chuyển theo nghĩa. Nghĩa là tùy theo giả danh kia mà lưu chuyển trong nghĩa. Người ngu ở thế gian chấp có danh nghĩa, quyết định tướng, gọi là tự tính chân thật.

Hỏi: Làm sao biết đó là tà chấp?

Đáp: Vì cả hai là khách của nhau. Sở dĩ vì sao? Bởi danh đối với nghĩa không gọi là thể, nên nói là khách. Nghĩa cũng như danh, vì vô sở hữu, nên nói nó là khách. Làm sao biết?

Tụng nói:

*Nơi tên trước không biết,
Nhiều tên, không nhất định.
Vớ có nghĩa, vô nghĩa,
Chuyển thành nghĩa phi lý.*

Luận nói: Nếu tự thể của nghĩa là có như tên gọi thì trước khi có tên thì cái biết đối với nghĩa phải đã có trước. Lại nữa vì tên gọi có nhiều, nên một nghĩa phải có nhiều thứ tự thể. Lại nữa tên gọi không nhất định, nên tự thể của nghĩa cũng phải bất định. Bởi vì sao? Vì ngay nơi một tên này cũng lập ra các nghĩa khác. Lại nữa, cái tên này là từ nơi có nghĩa chuyển hay từ vô nghĩa chuyển? Nếu từ có nghĩa chuyển thì không đúng lý., tức như trước đã nói vì 3 nhân duyên. Nếu từ vô nghĩa chuyển, tức như trước đã nói cả hai làm khách cho nhau mà thành tự đạo lý. Lại nữa, nếu chấp nghĩa, là thật có, do tên làm rõ như đèn chiếu sắc, là không đúng lý. Bởi vì sao?

Tụng nói:

*Vì thủ đã lập tên,
Ngoài ra không năng thủ.
Như chúng sinh tà chấp,
Tăng ích làm điên đảo.*

Luận nói: Trước thủ nghĩa rồi, sau mới lập tên, chẳng phải chưa thủ nghĩa mà có thể lập danh tự. Đã thủ đắc nghĩa lại còn phải làm hiển rõ là không hợp lý. Lại nữa, tức do nơi tên này, ngoài ra chưa rõ thì không thủ đắc nghĩa. Đèn chiếu rõ vật tức không phải như vậy. Chẳng phải do đèn này những cái khác không thể chiếu rõ vật. Lại

nữa, không nên chấp nghĩa khác tên khác. Do chỉ dựa nơi tên mà khởi chấp nghĩa. Ví như chỉ có các hành từ vô thủy lưu chuyển tự tính phạm phu, do sức tập nhiều, nên tự tha tương tục, khởi chúng sinh tà chấp. Như vậy trong đêm dài quán tập ngôn thuyết, huân tu nơi tâm nên do phương tiện này khởi vọng biến kế chấp có các pháp. Pháp tà chấp này giống như chúng sinh vọng tăng ích, nên phải biết là điên đảo. Điên đảo như vậy làm sao cùng các pháp tạp nhiễm lần lượt sinh khởi?

Tụng nói:

*Do huân khởi y tha,
Dựa đây sinh điên đảo.
Như vậy duyên lẫn nhau,
Lần lượt sinh liên tục.*

Luận nói: Do sức huân tập của điên đảo này, sau dựa vào quả khác tự tính được sinh. Lại nữa dựa vào quả này sau lại sinh pháp chấp điên đảo. Như vậy 2 pháp làm duyên cho nhau, sinh tử lần lượt nối nhau không dứt.

Đã nói xong đạo lý thành lập. Nay sẽ hiển thị tự tính và sai biệt của biến kế sở chấp.

Tụng nói:

*Tự tính và sai biệt,
Có giác ngộ, tùy miên.
Gia hành là biến kế,
Lại phải biết 5 thứ.*

Luận nói: Do có 6 thứ biến kế sai biệt nên tự tính của biến kế sở chấp cũng có 6 thứ. Những gì là 6 thứ biến kế? 1. Tự tính biến kế, nghĩa là chấp khắp cả sắc v.v... là thật có tự tướng. 2. Sai biệt biến kế, là chấp khắp tất cả sắc v.v... là chắc chắn thật có các tướng sai biệt có sắc không sắc, có thấy không thấy v.v... 3. Giác ngộ biến kế,

là có chấp khắp tất cả danh ngôn thiện. 4. Tùy miên biến kế, là có chấp khắp tất cả danh ngôn bất thiện. 5. Gia hành biến kế. Đây lại có 5 thứ: 1. Tham ái gia hành. 2. Sân nhuế gia hành. 3. Hợp hội gia hành. 4. Biệt ly gia hành. 5. Tùy xả gia hành. 6. Danh biến kế. Đây lại có 2 thứ: 1. Văn tự khởi. 2. Phi văn tự khởi. Phi văn tự khởi là như có kế chấp đây là vật gì? Vật này là thể nào? Vật này là cái gì? Vật này là sao? Văn tự khởi là như có kế chấp đây là vật này, vật này như vậy, hoặc sắc hoặc cho đến thức, hoặc hữu vi hoặc vô vi, hoặc thường hoặc vô thường, hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc vô ký v.v...

Lại nữa, phải biết biến kế sở chấp tự tính lại do 5 thứ biến kế.

Những gì là 5? 1. Y danh biến kế nghĩa tự tính. 2. Y nghĩa biến kế danh tự tính. 3. Y danh biến kế danh tự tính. 4. Y nghĩa biến kế nghĩa tự tính. 5. Y 2 biến kế 2 tự tính.

Y danh biến kế nghĩa tự tính, là như có kế chấp vật này đã gọi là sắc, ắt phải chắc có sắc thể chân thật, vật này đã gọi là thụ, tướng, hành, thức, ắt phải chắc chắn có thụ, tướng, hành, thức thể tính chân thật.

Y nghĩa biến kế danh tự tính, là như có kế chấp vật này tên là sắc, không tên sắc, vật này tên là thụ, tướng, hành, thức, là không phải tên là thụ, tướng, hành, thức.

Y danh biến kế danh tự tính, là như có kế chấp không rõ cái thể của vật chỉ biết nhân biệt các tên của sắc, không rõ cái thể của vật chỉ biết phân biệt tên các thứ thụ, tướng, hành, thức.

Y nghĩa biến kế nghĩa tự tính, là như có kế chấp không rõ tên của sắc, chỉ phân biệt các thứ thể của sắc, không rõ tên của thụ, tướng, hành, thức chỉ ở nơi thụ, tướng, hành, thức phân biệt các thứ thể tính.

Y 2 biến kế 2 tự tính, là như có kế chấp vật này là thể tính của sắc gọi đó là sắc, vật này là thể tính của thụ, tướng, hành, thức gọi là thụ, tướng, hành, thức.

Đã nói tự tính sai biệt của biến kế sở chấp. Biến kế sở chấp này là do vọng phân biệt sinh ra. Nay sẽ nói về phân biệt sai biệt.

Tụng nói:

*Phân biệt có 8 thứ,
Có thể sinh 3 việc.
Còn thể của phân biệt,
Hai cõi tâm tâm pháp.*

Luận nói: Tám thứ phân biệt có thể sinh 3 việc. Những gì là 3?

1. Việc phân biệt hý luận dựa vào duyên. 2. Việc kiến chấp ngã mạn.
3. Việc tham ái v.v...

Tám thứ phân biệt là: 1. Tự tính phân biệt. Nghĩa là đối với sắc v.v... tưởng sự phân biệt sắc v.v... có tự tính. 2. Sai biệt phân biệt. Nghĩa là ở nơi sắc v.v... tưởng sự khởi các phân biệt cái này có sắc, cái này không có sắc, cái này có thấy, cái này không thấy, cái này có đối cái này không có đối, vô lượng sai biệt như vậy lấy tự tính phân biệt làm sở y nên phân biệt ra các nghĩa sai biệt. 3. Tổng chấp phân biệt. Nghĩa là ở nơi sắc v.v... tưởng sự lập ra ngã và hữu tình mạng, sinh v.v... giả tưởng lập các phân biệt, do nơi tích tụ nhiều pháp chấp chung làm nhân phân biệt chuyên. Lại nữa tưởng sự đối với nhà cửa, quân lính rừng cây v.v... và đối với ẩm thực, y phục, xe cộ v.v... lập ra giả tưởng có nhà cửa, từ thiết lập dẫn đến tìm kiếm suy tư. 4. Ngã phân biệt. Nghĩa là nếu sự hữu lậu có thủ, tập nhiều lần qua thời gian lâu ngã chấp tích tụ lại, do nhiều lần tập tà chấp, từ kiến xứ sự bị duyên khởi lên hư vọng phân biệt. 5. Ngã sở phân biệt. Nghĩa là nếu sự hữu lậu có thủ, tập nhiều lần qua thời gian lâu cái chấp ngã sở tụ tập, do nhiều lần tập tà chấp từ kiến xứ sự bị duyên khởi lên hư vọng phân biệt. 6. Ái phân biệt. Nghĩa là phân biệt duyên các sự cảnh tịnh diệu thích ý. 7. Bất ái phân biệt. Nghĩa là phân biệt duyên các sự cảnh không tịnh diệu không thích ý. 8. Ái bất ái câu tương vi phân biệt. Nghĩa là cái phân biệt đều lia duyên sự cảnh tịnh bất tịnh, thích ý không thích ý.

Như vậy lược nói 2 có thứ, là phân biệt tự thể và phân biệt sở y sở duyên sự. Trong đây tự tính phân biệt, sai biệt phân biệt, tổng chấp phân biệt, 3 phân biệt này có thể sinh phân biệt hý luận sở y sự, phân biệt hý luận sở duyên sự. Nghĩa là sắc v.v... tương sự làm y, duyên, nên gồm trong danh tướng ngôn thuyết, danh tướng ngôn thuyết hiển thị sự vô nghĩa của phân biệt. Ngay trong cái sự này phân biệt kể chấp có vô lượng vô số rất nhiều sai biệt. Trong đây ngã phân biệt, ngã sở phân biệt, 2 phân biệt này có thể sinh các kiến chấp căn bản và mạn căn bản thân kiến và có thể sinh các mạn căn bản ngã mạn. Trong đây ái phân biệt, bất ái phân biệt, câu tương vi phân biệt, nếu như thích hợp thì sinh tham sân si. Cho nên 8 thứ phân biệt này là khởi từ 3 thứ sự này. Nếu muốn nói sơ lược thể tính của phân biệt, là nói các tâm tâm pháp của 3 cõi.

Lại nữa tụng nói:

*Do 2 phược trói buộc,
Chấp chặt 2 tự tính.
Nên giải thoát 2 phược,
Là vô đắc vô kiến.*

Luận nói: Khi khởi các phân biệt như nói ở trước tức bị 2 phược trói buộc. Đó là tương phược và thô trọng phược. Do 2 trói buộc này mà chấp 2 tự tính là chấp y tha khởi tự tính và biến kế sở chấp tự tính. Cho nên giải thoát 2 thứ trói buộc này rồi thì đối với 2 tự tính chính là không có sở đắc và không có chỗ thấy. Sở dĩ vì sao? Vì tự tính của biến kế sở chấp là hoàn toàn không, nên không thể có tự tính y tha khởi. Tuy vậy lại là không thủ tướng nên không có chỗ thấy.

Như vậy là đã thành lập tự tính biến kế sở chấp rồi. Vì để thành lập tự tính y tha khởi, nên sẽ nói đạo lý của sự thành lập.

Tụng nói:

*Giả có nhân sở y,
 Nếu khác, hoại, 2 thứ.
 Vì tạp nhiễm có được,
 Nên biết có y tha.*

Luận nói: Không nên nói các pháp chỉ là giả có. Bởi vì sao? Vì giả pháp ắt có nhân sở y, chẳng phải không thật vật mà giả pháp thành lập. Nếu khác đây, tức là không thật vật nên giả cũng là không. Cho nên phải phá hoại 2 pháp. Hai pháp hoại nên pháp tạp nhiễm phải là không thể được, bởi pháp tạp nhiễm hiện có thể có được. Phải biết chắc chắn có tự tính y tha khởi. Lại nữa tự tính của y tha khởi này có tướng mạo như thế nào?

Tụng nói:

*Tường thô trọng làm thể,
 Lại duyên sinh cho nhau.
 Chẳng phải tự nhiên có,
 Nên nói: sinh vô tính.*

Luận nói: Tự tính của y tha khởi này lấy tướng và thô trọng làm thể. Vì sao nói là y tha khởi? Bởi 2 thứ này vì duyên lẫn nhau mà được sinh. Nghĩa là tướng vì duyên mà khởi thô trọng. Thô trọng vì duyên lại có thể sinh ra tướng.

Nếu vậy vì sao gọi là sinh vô tính? Nghĩa là do sức duyên mà sinh không phải tự nhiên sinh. Lại nữa tự tính y tha khởi này quyết định là hữu hay quyết định là vô?

Tụng nói:

*Chẳng quyết định hữu vô,
 Mọi thứ đều như vậy.
 Thông giả thật, 2 tính,
 Thế tục nói là hữu.*

Luận nói: Tự tính y tha khởi không phải như cái gì thiết lập ra mà quyết định là hữu, cũng chẳng phải quyết định tất cả là không. Cho nên tất cả mọi thứ chẳng phải có chẳng phải không. Nhưng tất cả mọi thứ đều có thể ngôn thuyết. Nghĩa là có không, cũng có cũng không, chẳng có chẳng không.

Hỏi: Tự tính của y tha khởi này là thật có hay là giả có?

Đáp: Phải biết tính này thông cả giả có và thật có.

Hỏi: Là do thế tục nên có hay là do thắng nghĩa mà có?

Đáp: Phải biết là do thế tục nên gọi đó là có.

Lại nữa tụng nói:

*Nói là ngã và pháp,
Đều là nói thế tục.
Còn chân lý thắng nghĩa,
Gọi là 7 chân như.*

Luận nói: Thế tục đế là đã nói rõ tác dụng của ngã pháp, như nói trong phẩm Nhiếp tịnh nghĩa. Thắng nghĩa đế là 7 thứ chân như, như đã nói trong phẩm Nhiếp sự.

Lại nữa tụng nói:

*Tự tính viên thành thật,
Hai nghĩa trí tối thắng.
Không có các hý luận,
Xa lìa tính một, khác.*

Luận nói: Thắng nghĩa đế này, phải biết đó là tự tính viên thành thật.

Hỏi: Vì nhân duyên gì 7 thứ chân như gọi là thắng nghĩa đế?

Đáp: Vì do hiện hành 2 trí tối thắng là trí xuất thế gian và trí thế gian hậu đắc này. Do thắng nghĩa này không hý luận nên chẳng

phải các trí cảnh khác. Lại nữa thắng nghĩa này không hý luận nên đối với pháp có tướng lia tính một tính khác. Bởi vì sao? Vì chân như này đối với pháp có tướng, không thể nói là khác, cũng chẳng phải không khác.

Lại nữa tụng nói:

*Sở duyên của thanh tịnh,
Thường không có biến đổi.
Tính thiện và tính lạc,
Tất cả đều thành tựu.*

Luận nói: Do thắng nghĩa để lia tính một tính khác nên phải biết tức là thanh tịnh duyên tính. Bởi vì sao? Vì duyên cảnh này được tâm thanh tịnh. Phải biết cũng là thường, vì trong mọi lúc tính không biến đổi. Lại nữa do thanh tịnh duyên, nên phải biết là thiện. Vì là thường, nên phải biết là lạc.

Lại nữa tụng nói:

*Thật thắng nghĩa vô tính,
Vì hý luận, ngã không.
Y tha không tướng ấy,
Đây thắng nghĩa vô tính.*

Luận nói: Tự tính của viên thành thật là do thắng nghĩa vô tính nên nói là vô tính. Bởi vì sao? Do tự tính này tức là thắng nghĩa cũng là vô tính. Do tính không hý luận ngã pháp cho nên viên thành thật tự tính là thắng nghĩa, và tính không hý luận nên nói là thắng nghĩa vô tính. Nên biết rằng nơi y tha khởi tự tính, do khác tướng nên cũng được kiến lập là thắng nghĩa vô tính. Bởi vì sao? Vì tính vô thắng nghĩa. Lại nữa như trước đã nói có 5 thứ tướng. Nghĩa là tướng năng thuyên, tướng sở thuyên, 2 tướng này thuộc về tướng. Tướng chấp trước, tướng không chấp trước lại có 3 tướng. Nghĩa là tướng biến kế sở chấp, tướng y tha khởi, tướng viên thành thật. Là 5 trong 3 hay 3 trong 5?

Tụng nói:

*Nên biết y 3 tướng,
Thiết lập 5 thứ tướng.
Nếu như kia thích hợp,
Riêng biệt có 5 nghiệp.*

Luận nói: Phải biết rằng dựa vào 3 tự tướng thiết lập ra 5 tướng. Sở dĩ vì sao? Thứ nhất và thứ 2 dựa vào 3 tự tướng. Thứ 3 dựa vào biến kế sở chấp tướng. Thứ 4 dựa vào y tha khởi tướng. Thứ 5 dựa vào viên thành thật tướng. Lại nữa 3 tự tính mỗi một tự tính đều có 5 nghiệp, như đã nói trong phẩm Nhiếp tịnh nghĩa. Lại nữa trong phẩm Thành không ở trước ngăn ngừa chúng sinh chấp, nay trong phẩm này là ngăn ngừa pháp chấp. Hai thứ chấp này là cái gì theo cái gì mà sinh?

Tụng nói:

*Pháp chấp nên người ngu
Khởi chúng sinh chấp kia.
Kia trừ, giác pháp tính,
Giác pháp, ngã chấp dứt.*

Luận nói: Do pháp chấp nên người ngu ở thế gian khởi chúng sinh chấp. Trừ trói buộc hiện khởi của chúng sinh chấp nên giác ngộ thật tính của pháp. Giác ngộ pháp tính nên pháp chấp vĩnh đoạn. Phải biết rằng khi pháp chấp đoạn cũng đoạn chúng sinh chấp tùy miên. Lại nữa, đối với cái gì chưa đoạn mà thành tạp nhiễm, đối với cái gì đoạn diệt được thành thanh tịnh?

Tụng nói:

*Trước chấp nơi y tha,
Huân tập thành tạp nhiễm.
Không chấp, viên thành thật,
Huân tập thành thanh tịnh.*

*Tạp nhiệm tính hữu lậu,
Thanh tịnh thì vô lậu.
Phải biết chuyển y này,
Hai thứ không nghĩ bàn.*

Luận nói: Đối với y tha khởi tự tính, trước tiên là chấp tự tính, khởi huân tập thành tạp nhiệm. Phải biết viên thành thật tự tính vì không chấp trước, nên khởi huân tập thì thành thanh tịnh. Tạp nhiệm tức là tính hữu lậu. Thanh tịnh thì tính vô lậu. Phải biết tính vô lậu này tức là tướng chuyển y. Lại nữa chuyển y này là không thể nghĩ bàn và có 2 thứ. Thế nào là không thể nghĩ bàn?

Tụng nói:

*Chân thật và tự thể,
Tịch tĩnh và công đức.
Tất cả không nghĩ bàn,
Phải biết do 4 lý.*

Luận nói: Chuyển y như vậy không thể nghĩ bàn là do 4 đạo lý:
1. Do chân thật. Tức là thường. 2. Do tự thể. Tức là chẳng phải có sắc chẳng phải không sắc v.v... 3. Do tịch tĩnh. Tức là trụ nơi vắng lặng.
4. Do công đức. Tức là chuyển y này có uy đức. Lại nữa chuyển y này không thể nghĩ bàn là do 4 thứ đạo lý mới được chứng đắc. Đó là 4 thứ chính hành, 4 thứ tầm tư, 4 trí như thật, 4 thứ cảnh sự.

Những gì là 4? 1. Biến mãn cảnh. 2. Tịnh hành cảnh. 3. Thiện xảo cảnh. 4. Tịnh hoặc cảnh. Trong đây, biến mãn cảnh lại có 4 thứ:
1. Ảnh tượng có phân biệt. 2. Ảnh tượng không phân biệt. 3. Sự cứu cánh. 4. Chỗ làm thành tựu. Ảnh tượng có phân biệt là sở tri sự, đồng phần, Tam-ma-địa sở hành cảnh Tì-bát-xá-na. Ảnh tượng không phân biệt là sở tri sự, đồng phần, Tam-ma-địa sở hành cảnh Xa-ma-tha. Sự cứu cánh là hết cả sở hữu tính và như sở hữu tính. Chỗ làm thành tựu là chuyển y và dựa vào trí vô phân biệt này.

Tịnh hành cảnh có 5 thứ: 1. Bất tịnh. 2. Từ bi. 3. Duyên khởi. 4. Cảnh giới sai biệt. 5. Niệm hơi thở ra vào.

Thiện xảo cảnh có 5 thứ là: uẩn thiện xảo, giới thiện xảo, xứ thiện xảo, duyên khởi thiện xảo, xứ phi xứ thiện xảo.

Tịnh hoặc cảnh là thế gian đạo có 2 hạ địa thô tính và thượng địa tinh tính, xuất thế gian đạo có 4 thánh đế. Lạ nữa như trước đã nói có 2 thứ chuyển y. Những gì là 2? Nghĩa là Thanh Văn, Bồ-tát chuyển y khác nhau.

Tụng nói:

*Thanh Văn có 2 thứ,
Đến tịch, đến Bồ-đề.
Y chỉ biến hóa thân,
Đến vô thượng chính giác.
Các Thanh Văn chuyển y,
Chán lìa do tu được.
Bồ-tát phương tiện tu,
Y chỉ trí không hai.
Vì không trụ sinh diệt,
Chư Phật trí vô thượng.
Lợi lạc các hữu tình,
Không nghĩ bàn, không hai.*

Luận nói: Có 2 thứ chuyển y của Thanh Văn: 1. Đến tịch diệt. 2. Đến Bồ-đề.

Hỏi: Thanh Văn vô học, vĩnh viễn hết hậu hữu, làm sao có thể chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?

Đáp: Do trụ vào biến hóa thân có thể chứng Bồ-đề chứ không phải thân nghiệp báo. Lại nữa sự chuyển y của Thanh Văn là lấy sự nghịch lưu chuyển tu mà được. Chuyển y của Bồ-tát thì dùng phương

tiện tu và y chỉ nơi trí không hai nên được. Thế nào là dùng phương tiện tu? Nghĩa là do không gián đoạn đạt pháp tính, sở duyên lớn, phát khởi siêng năng tinh tiến hơn cả, đoái tưởng hữu tình hiểu rõ các hạnh. Thế nào là y chỉ trí không hai? Nghĩa là không trụ vào lưu chuyển hay tịch diệt. Bất chấp lưu chuyển nên đoái tưởng các hữu tình. Do nhân duyên này phải biết Phật trí là tối thắng vô thượng. Sở dĩ vì sao? Vì trí các hữu tình thì hoặc trụ lưu chuyển, hoặc trụ tịch diệt cho nên chẳng phải vô thượng. Lại nữa các Phật trí lợi ích an lạc tất cả hữu tình, thành tựu viên mãn tự lợi lợi tha nên là tối thắng vô thượng. Các trí hữu tình thì hoặc chỉ tự lợi, hoặc không lợi đồng đều nên chẳng phải vô thượng. Do nhân này nên trí tuệ chư Phật là không thể nghĩ bàn, vì có thể không trụ nhị biên mà làm tất cả các việc lợi ích chúng sinh. Lại nữa không có hai, nghĩa là Bát-niết-bàn và không Niết-bàn v.v... tính không hai.

Phẩm 8 – 1: THÀNH HIỆN QUÁN

Luận nói: Lại nữa, như vậy chính cần đã hiểu rõ vô thường, khổ, không, vô ngã rồi thì quán gì?

Tụng nói:

*Phải biết hiện phải quán,
Có hạ trung thượng phẩm.
Hữu lậu và vô lậu,
Vị kiến, vị thụ, khắp.*

Luận nói: Vì hiện quán sát muốn biết các việc thuộc hạ trung thượng phẩm trôi buộc trong 3 cói Dục, Sắc, Vô sắc. Hữu lậu là gồm trong khổ tập đế. Vô lậu là gồm trong tăng thượng diệt đạo đế. Vị kiến là gồm trong 4 đế. Vị thụ là gồm trong diệt đạo. Biến khắp là pháp trí, chủng loại trí biến hành khắp các cảnh giới hiện thấy hoặc không hiện thấy. Lại nữa lấy gì làm hiện quán?

Tụng nói:

*Thắng trí xuất thế gian,
Trừ được kiến sở đoạn.
Chứng đắc vô phân biệt,
Chỉ dựa vào tinh lự.*

Luận nói: Xuất thế gian trí có thể làm hiện quán, chẳng phải thế gian trí làm chỗ đoạn kiến. Đoạn hoặc chỉ là kiến đạo chẳng phải tu đạo.

Hỏi: Kia lấy gì làm sở y?

Đáp: Chỉ dựa vào tinh lự, không dựa vào Vô sắc.

Lại nữa, hiện quán nơi nào?

Tụng nói:

*Cực khổ chẳng ác thú,
Cực vui chẳng 2 trên.
Người trời ở cõi Dục,
Phật xuất thế hiện quán.*

Luận nói: Trong ác thú không khởi hiện quán, vì sự thụ khổ hằng theo với sự rất lo buồn, không thể chứng được Tam-ma-địa. Cõi Sắc và Vô sắc cũng không hiện quán vì nhiều vui thích, ít nhàm chán. Vì vậy 2 cõi và 3 thú không khởi hiện quán. Chỉ có 1 cõi Dục và người, trời 2 thú có Phật ra đời có thể khởi hiện quán.

Lại nữa, ai có thể khởi hiện quán?

Tụng nói:

*Chưa ly dục, bội ly,
Và người đã ly dục,
Độc nhất chứng chính giác,
Tối thắng ngã sở sinh.*

Luận nói: Có 5 thứ Bồ-đặc-già-la có thể nhập hiện quán, hoặc không nhập vì vô ngã. Những gì là 5? 1. Người chưa ly dục. 2. Người bội ly dục. 3. Người đã ly dục. 4. Độc Giác. 5. Bồ-tát. Làm sso biết được chỉ có tâm có thể nhập hiện quán, chẳng phải ngã có thể nhập hiện quán?

Tụng nói:

*Ngã chẳng phải trí nhân,
Chẳng phải cảnh tự thủ.
Chẳng phải tự hiện quán,
Vì chấp ái tự ngã.
Vô thường có cảnh giới,
Đợi duyên trí sinh khởi.
Đoạn các thô nặng 3,
Nên y tâm hiện quán.*

Luận nói: Nếu chấp có ngã có thể nhập hiện quán là không đúng đạo lý. Bởi vì sao? Ngã là nhân của trí là không hợp lý. Nếu lìa trí, tự nhiên không thể thủ. Sở dĩ vì sao? Nếu ngã có thể làm nhân của trí, tức là vô thường. Hoặc phải trí là thường hữu. Nếu ngã tự có thể thủ cảnh giới, thì trước khi trí chứ sinh cũng phải có thể thủ. Lại nữa nếu chấp ngã có thể nhập hiện quán, thì ngã này cũng phải tự quán ngã tính. Nếu như vậy thì phải không có giải thoát bởi duyên chấp ngã và khởi ái. Sở dĩ vì sao? Không có thủ ngã, không khởi ngã chấp và ngã ái thì nếu nói dựa vào tâm có thể nhập hiện quán là có lý. Bởi vì sao? Vì tâm là vô thường, có cảnh đợi duyên mới sinh trí. Lại nữa y chỉ nơi tâm, hoặc thô trọng, hoặc ngã chấp và ngã ái đều có thể đoạn diệt. Sở dĩ vì sao? Vì tâm vô thường, là nhân sinh trí, có sở duyên nên cùng với trí đồng thời thủ cảnh giới. Đợi các duyên nên trí không thường hữu. Lại nữa tâm là chỗ sở y của thô trọng nên tính lìa ngã. Nếu chứng biến trí, tức có thể xa lìa thô trọng mà sinh, hằng trừ ngã chấp và ngã ái.

Thế nào là tuân tự có thể nhập hiện quán?

Tụng nói:

*Đã thành thực tương tục,
Hoặc được nghe chính pháp.
Tự nhiên cực như lý,
Tác ý nên hiện quán.
Buộc niệm nơi sở duyên,
Tinh cần, tu tĩnh định.
Tăng thượng sức thiện căn,
Chứng thánh giác đạo phần.*

Luận nói: Người tu hiện quán trước phải tự thành thực tương tục rồi, hoặc lại nghe chính pháp gọi là Thanh Văn thừa, hoặc lại tự nhiên gọi là Bồ-tát và Độc Giác. Nơi nội tâm của mình tác ý cực thiện nên có thể nhập hiện quán. Tiếp đến buộc niệm nơi sở duyên, nghĩa là 4 niệm trụ. Tinh cần, là 4 chính đoạn. Tu tĩnh định, là 4 thần túc. Tăng thượng thiện căn, là trước chứng đắc tăng thượng tư lương, tín v.v... Sức thiện căn, là kia sở trị các chướng bất tín v.v... không thể xen tạp. Chứng thánh giác phần, là y nơi kia nên chứng biến giác chi. Chứng thánh đạo phần, là chứng 8 thánh đạo chi. Như vậy tuân tự được nhập hiện quán.

Lại nữa, như thế nào mới nói là chính nhập hiện quán?

Tụng nói:

*Từ đó nhập kiến đạo,
Khởi chính kiến vô lậu,
Vĩnh viễn đoạn 3 kết,
Tức là chứng hiện quán.*

Luận nói: Từ trước đã tu như lý tác ý nên nơi kiến đạo vị được sinh chính kiến xuất thế gian. Do chính kiến nên 3 kết vĩnh đoạn. Nghĩa là Tát-ca-da kiến, giới cấm thủ và nghi điều nơi vị đó đã nhập

hiện quán. Nhưng trong vị này tất cả pháp tạp nhiễm ác thú đều trừ bỏ hết.

Vì sao chỉ nói 3 kết vĩnh đoạn?

Tụng nói:

*Tuy ác thú tạp nhiễm,
Chấp là khởi hoặc đoạn,
Cảnh, kiến, đạo sư v.v..
Tùy sinh gồm trong 3.*

Luận nói: Do sát-ca-da kiến mê lầm với cảnh. Do giới cảm thù mê lầm với kiến. Do nghi kia nên đối với Phật, vị đạo sư nói chính pháp và tăng chính hạnh mà sinh mê hoặc. Cho nên tùy theo cường độ chỉ nói vĩnh đoạn 3 kết.

Lại nữa, hiện quán có tướng mạo như thế nào?

Tụng nói:

*Do trí thể gian trước,
Lựa chọn để cứu cánh.
Với để không gia hành,
Quyết định sinh khởi tướng.
Trí cảnh hòa hợp tướng,
Với sở trí cứu cánh,
Phải biết để hiện quán,
Nơi 10 thứ quyết định.*

Luận nói: Do trí thể gian trước, nghĩa là do từ nghe mà sinh trí, cho đến thể gian đệ nhất pháp trí. Lựa chọn để cứu cánh, nghĩa là đã ở nơi các để cứu cánh, lựa chọn nơi để không gia hành. Quyết định sinh khởi tướng, nghĩa là ở trong chỗ quán sát các để cảnh không do dụng công gia hành mà tướng quyết định sinh khởi, đó là tướng hiện quán. Lại nữa trí quyết định này với tướng hòa hợp của cảnh, cứu

cánh đến sở tri. Sở dĩ vì sao? Vì trừ đây ra không có cảnh nào khác có thể tìm cầu. Cho nên quán này gọi là hiện quán. Phải biết quyết định tướng này li có 10 thứ.

Những gì là 10?

Tụng nói:

*Tính ngã không có 3,
Bất diệt không có 2.
Vô phân biệt, vô bố,
Trong tự đoạn quyết định.*

Luận nói: Mười thứ quyết định là: 1. Trong chúng sinh, vô trung quyết định. 2. Trong biến kế sở chấp tự tính, vô trung quyết định. 3. Trong vô ngã, hữu. 4. Trong tướng, hữu. 5. Trong thô trọng, hữu. Trong đây đều quyết định. 6. Trong bất diệt, trung quyết định. Nghĩa là hoặc không cho nên bất diệt. Nghĩa là chúng sinh ngã và pháp ngã hoặc có nên bất diệt. Tức là 2 vô ngã. 7. Trong không 2, trung quyết định. Nghĩa là pháp và pháp không, không có sai biệt. 8. Trong không vô phân biệt quyết định. 9. Trong pháp tính vô bố quyết định. Nghĩa là những người ngu ở trong các tính này sinh các sợ hãi, người trí đối với đây không sợ hãi nên quyết định. 10. Trong tự tại có thể đoạn quyết định. Nghĩa là ta không phục tùng tha nhân cầu đoạn phương tiện cho nên quyết định.

Lại nữa, hiện quán như vậy tuần tự tu tập như thế nào?

Tụng nói:

*Phát khởi chứng đẳng lưu,
Thành mãn tuần tự 4.
Lại nữa, pháp trụ trí...
Tuần tự có 8 thứ.*

Luận nói: Tuần tự của hiện quán có 4, hoặc 8, hoặc 7.

Những gì là 4? 1. Phát khởi. Nghĩa là từ nghe sinh trí, cho đến thể đệ nhất pháp. 2. Chứng đắc. tức là kiến đạo. 3. Đăng lưu. Tức tu đạo. 4. Thành mãn. Tức cứu cánh đạo.

Thể nào là 8? Nghĩa là pháp trụ trí, cho đến thiện thanh tịnh trí, như trước đã nói.

Thể nào là 7 thứ?

Tụng nói:

*Vô hồi trụ sở duyên,
Thấy cảnh giới như thật.
Đạo sở y vô hoặc,
Thuần sai biệt hành đoạn.*

Luận nói: Bảy thứ tuần tự là Thi-la tịnh cho đến hành đoạn trí kiến tịnh. Do Thi-la thanh tịnh cho nên không biến đổi không hồi. Do không hồi nên tâm định trụ nơi cảnh. Do tâm định nên đối với cảnh sở tri thấy được như thật. Tiếp đến nơi trí như thật kiến đạo y chỉ Phật pháp tăng bảo, xa lìa nghi hoặc được 4 trí chứng tịnh câu sinh. Tiếp đến đối với chỗ chứng của đức Thiện Thế nói ra, được trí quyết định. Nghĩa là chỉ trong Phật pháp có thanh tịnh thuần khiết, thoát ly đường khổ, không có ở các pháp khác. Tiếp đến ở trong đạo này được trí hành sai biệt. Nghĩa là cái khổ đi qua chậm, là cái lạc hạ phẩm, đi qua nhanh là thượng phẩm. Còn 2 hành kia là trung phẩm. Tiếp đến y vào thượng phẩm chính hành, đối với các đoạn diệt sinh thắng trí kiến.

Lại nữa, 7 thứ thanh tịnh của Thi-la này nếu nói sơ lược thì gồm trong 3 học, và cũng là gồm trong 3 tịnh.

Thể nào là 3 tịnh?

Tụng nói:

*Phải biết gồm 3 tịnh,
Giới tịnh và tâm tịnh.*

*Cảnh giới y chỉ đạo,
Là nói tuệ thanh tịnh.*

Luận nói: Ba thứ tịnh là giới tịnh tâm tịnh tuệ tịnh. Trong tuệ thanh tịnh lại có 3 thứ: 1. Nơi cảnh giới. 2. Nơi đạo y chỉ. 3. Nơi thể của đạo. Trong đạo thể lại có 3 thứ là thuần, sai biệt và đoạn. Lại nữa, trong các tuần tự như vậy, lấy tuần tự nào nhập hiện quán?

Tụng nói:

*Biết nhân duyên của thân ...,
Khéo đạt trong 3 đời.
Tiếp hiểu rõ 4 khổ,
Và cả đến 8 khổ.*

Luận nói: Trước ở trong 4 niệm trụ vị phải khéo hiểu rõ thân, thụ, tâm pháp 4 thứ nhân duyên. Nghĩa là do tập hợp cái ăn mà thân tập hợp, xúc tập hợp nên thụ tập hợp, danh sắc tập hợp nên thức tập hợp, tác ý tập hợp nên pháp tập hợp. Tiếp đến nên hiểu biết rõ thân này v.v... trong 3 đời. Nghĩa là tập pháp tùy quán trong đời vị lai, diệt pháp tùy quán trong đời quá khứ, tập diệt pháp tùy quán trong đời hiện tại. Tiếp đến phải hiểu rõ ngay nơi thân này v.v... có 4 khổ là thụ trọng đấm khổ, địa vị biến đổi khổ, thô trọng khổ, và sinh tử khổ. Bởi pháp thiện bất thiện làm nhân có thể cảm cái khổ sinh tử lưu chuyển. Cho nên biết rõ sinh tử 2 khổ tức là biết rõ pháp khổ. Từ đó không ngừng quán các đế. Cho nên trước hiểu rõ 8 thứ khổ là sinh khổ cho đến lược nói 5 thủ uẩn khổ.

Lại nữa tụng nói:

*Từ chính quán đế này,
Khởi 16 hành trí.
Đề trị 4 điên đảo,
Và sở y của sau.*

Luận nói: Sau khi biết 8 khổ, tiếp chính quán sát 4 thứ đế lý, khởi 16 hành trí. Trước là chỗ y chỉ của sau. Nghĩa là để đối trị 4 điên đảo, nên khởi 4 hành khổ đế: 1. Vì đối trị thường điên đảo nên khởi vô thường hành. 2. Vì đối trị lạc tịnh điên đảo nên khởi khổ hành. 3. Vì đối trị ngã điên đảo nên khởi không hành. 4. Vì đối trị đây khởi vô ngã hành. Sở dĩ vì sao? Vì lià các hành ra các ngã đều không, tức các thể của hành chẳng phải tính ngã. Tiếp đến nơi thường, lạc, tịnh, ngã 4 ái tập để khởi nhân tập sinh duyên 4 hành. Tiếp đến nơi đây đoạn diệt để khởi diệt tĩn diệu lià 4 hành. Tiếp đến nơi đây có thể chứng đạo để khởi đạo như hành xuất 4 hành.

Lại nữa tụng nói:

*Từ đây chuyển tu tập,
Nơi tâm đều chán lià.
Đế, giản trạch, quyết định,
Cứu cánh giác sinh khởi.*

Luận nói: Từ 16 hành trí, sau lại chuyển tu tập. Trước duyên tự tâm, tổng yếm tâm trí sinh, đây gọi là noãn. Từ đây trở lên, để giản trạch trí sinh, đây gọi là đĩnh. Từ đây trở lên quyết định giác trí sinh, đây gọi là nhãn. Lại từ đây trở lên cứu cánh giác trí sinh, đây gọi là thể đệ nhất pháp.

QUYÊN 16 HẾT

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 17

Phẩm 8 tiếp: THÀNH HIỆN QUÁN

Luận nói: Như vậy đã được noãn v.v... các thiện căn, phải biết từ đây là nhập hiện quán.

Tụng nói:

*Từ đây không gia hành,
Giải thoát trí 3 tâm.
Một trăm và 12,
Đoạn phiền não gồm 10.*

Luận nói: Từ đây liên tục không có gia hành, giải thoát kiến đạo sở đoạn tùy miên 3 tâm trí sinh: 1. Trí khiến trừ hữu tình giả duyên bên trong. 2. Trí khiến trừ các pháp giả duyên bên trong. 3. Trí khiến trừ khắp tất cả hữu tình các pháp giả duyên. Trong đây 2 cái trước là pháp trí. Cái thứ 3 là chủng loại trí. Như vậy 3 trí có thể đoạn 112 phiền não. Như vậy phiền não gồm trong 10 thứ. Một trăm mười hai phiền não là Dục giới kiến khổ đế v.v... phải đoạn đều có 10 thứ. Sắc, Vô sắc giới kiến khổ đế v.v... phải đoạn đều có 9 thứ., nghĩa là đều trừ sân. Như vậy là 112 phiền não.

Những gì gồm trong 10 phiền não? Nghĩa là 5 kiến tự tính và 5 phi kiến tự tính, như trước đã nói.

Lại nữa tụng nói:

*Đây chứng Bồ-đề phân,
Sáu thứ tịnh trí tướng.
Vi hành không phân biệt,
Tùy chỗ làm thiết lập.*

Luận nói: Phải biết tầng trí này là chân thật chứng giác phần chứ không phải địa vị phương tiện, và cũng là 6 thứ thanh tịnh trí tướng. Tức là pháp trí tướng, chủng loại trí tướng, khổ trí tướng, tập trí tướng, diệt trí tướng, đạo trí tướng. Trí này không phân biệt nên chỉ tùy theo sở tác mà thiết lập tướng mạo của 6 trí, chứ không do hành sai biệt mà thiết lập 6 thứ.

Lại nữa tụng nói:

*Bồ-tát ở vị này,
Trước tu sức thắng nhân.
Nơi tự tha thân khổ,
Khởi tâm tính bình đẳng.*

Luận nói: Chư Bồ-tát ở trong địa vị hiện quán, do trước tu tập sức thắng tư lương, nên trong cái khổ tương tục của tự tha khởi 5 thứ tâm bình đẳng. Đó là tâm thô trọng bình đẳng, tâm vô ngã bình đẳng, tâm đoạn tính tiến bình đẳng, tâm không ái vị tính tiến bình đẳng, tâm tất cả Bồ-tát hiện quán bình đẳng.

Lại nữa tụng nói:

*Đại ngã ý lạc này,
Tự tính là vô đặc.
Phải biết quảng ý lạc,
Hai tính không phân biệt.*

Luận nói: Phải biết tâm tính bình đẳng này tức là Đại ngã A-thế-da và Quảng đại A-thế-da. Nơi biến kế sở chấp tự tính, nó là vô sở

đắc cho nên đối với tội lỗi hay công đức của 2 tính hữu lậu vô lậu cũng vô sở đắc vì không phân biệt.

Lại nữa tụng nói:

*Tiếp trên 16 hành,
Trí thanh tịnh thế gian.
Vì đối trị giới địa,
Cứu cánh sự thành tựu.*

Luận nói: Từ để hiện quán này trở lên, trong tu đạo có 16 hành, sinh thể xuất thế thanh tịnh trí. Nghĩa là nơi Dục hệ khổ để sinh 2 trí: 1. Hiện quán thẩm sát trí. 2. Hiện quán quyết định trí. Nơi Sắc, Vô sắc hệ khổ để cũng có 2 trí như vậy. Giống như nơi khổ để có 4 trí, nơi tập, diệt, đạo để mỗi thứ cũng có 4 trí. Nếu sở đắc của Thanh Văn v.v... là đối trị tạp nhiễm của 3 cõi Dục, Sắc, Vô sắc, thì sở đắc của chư Bồ-tát là đối trị 10 thứ địa chướng. Như vậy là các tác sự thành tựu cứu cánh, tức chuyển y cứu cánh cũng là hiện quán trí cứu cánh, cũng gọi là cứu cánh hiện quán.

Lại nữa tụng nói:

*Sai biệt hiện quán này,
Có 6 hoặc 18.
Tướng thắng lợi rất nhiều,
Tùy theo kinh luận nói.*

Luận nói: Sai biệt của hiện quán có 6 thứ: 1. Tư hiện quán. 2. Tín hiện quán. 3. Giới hiện quán. 4. Hiện quán trí để hiện quán. 5. Hiện quán biên trí để hiện quán. 6. Cứu cánh hiện quán.

Hỏi: Tư hiện quán lấy gì làm thể?

Đáp: Lấy tuệ do thượng phẩm tư sinh ra làm thể, hoặc Bồ-đề phần pháp câu hành với nó làm thể.

Hỏi: Tín hiện quán lấy gì làm thể?

Đáp: Lấy thượng phẩm thể xuất thể duyên Tam Bảo tịnh tín làm thể, hoặc Bồ-đề phần pháp câu hành với nó làm thể.

Hỏi: Giới hiện quán lấy gì làm thể?

Đáp: Lấy nghiệp thân ngữ v.v... thánh sở ái làm thể, hoặc Bồ-đề phần pháp câu hành với nó làm thể.

Hỏi: Hiện quán biên trí để hiện quán lấy gì làm thể?

Đáp: Lấy duyên an lập để thánh tuệ làm thể, hoặc Bồ-đề phần pháp câu hành với nó làm thể.

Hỏi: Cứu cánh hiện quán lấy gì làm thể?

Đáp: Lấy tận trí, vô sinh trí v.v... làm thể, hoặc Bồ-đề phần pháp câu hành với nó làm thể.

Lại nữa, sai biệt hiện quán này có 18 thứ. Đó là văn sở sinh trí hiện quán, tư sở sinh trí hiện quán, tu sở sinh trí hiện quán, thuận quyết trạch phần trí hiện quán, kiến đạo hiện quán, tu đạo hiện quán, cứu cánh đạo hiện quán, bất thiện thanh tịnh thể tục trí hiện quán, thiện thanh tịnh thể tục trí hiện quán, thắng nghĩa trí hiện quán, bất thiện thanh tịnh hạnh hữu phân biệt trí hiện quán, thiện thanh tịnh hạnh hữu phân biệt trí hiện quán, thiện thanh tịnh hạnh vô phân biệt trí hiện quán, thành sở tác tiền hành trí hiện quán, thành sở tác trí hiện quán, thành sở tác hủantí hiện quán, Thanh Văn đẳng trí hiện quán, Bồ-tát đẳng trí hiện quán.

Lại nữa, tướng mạo, thắng lợi của các hiện quán như vậy, tùy theo các kinh luận có nhiều thứ.

Hỏi: Tư hiện quán có tướng mạo như thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu tư hiện quán thì có thể hiểu rõ đúng đắn các hành là vô thường, các hành là khổ, các pháp là vô ngã, Niết-bàn là tịch tĩnh. Tuy trụ ở địa vị phàm phu mà đã có thể quyết

định như vậy hiểu rõ tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên ma phạm và các thế gian, quyết định không thể như pháp dẫn đạo.

Hỏi: Tín hiện quán có tướng mạo như thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu tín hiện quán, hoặc ở địa vị phàm phu hoặc trụ địa vị phi phàm phu, nếu ở hiện pháp hay hiện hậu pháp đều không tuyên nói. Trong các chúng khác có Đại sư khác, có tăng giới thuyết pháp có chính hạnh khác.

Hỏi: Giới hiện quán có tướng mạo như thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu giới hiện quán, cho đến súc sinh hoàn toàn không cố hại mạng và không cùng làm tà hạnh, không vọng ngữ, không uống rượu gạo, rượu hoa quả, rượu nho, buồng thả rượu chè.

Hỏi: Hiện quán trí để hiện quán có tướng mạo như thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu hiện quán trí để hiện quán thì hoàn toàn không dựa vào dị kiến khởi tạo nghiệp và khởi nghi hoặc đối với tự mình đã chứng và nhiệm trước tất cả những nơi sinh xứ chấp là tướng tốt mà được thanh tịnh, phỉ báng 3 thừa tạo nghiệp ác thú. Huống chi lại có thể khởi hại cha hại mẹ v.v... các nghiệp vô gián, cho đến hoàn toàn không sinh Đệ bát hữu.

Hỏi: Hiện quán biên trí để hiện quán có tướng mạo như thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu hiện quán biên trí để hiện quán thì đối với chỗ chứng của mình nếu có ai vấn nạn đều không sợ sệt.

Hỏi: Cứu cánh hiện quán có tướng mạo như thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu cứu cánh hiện quán thì hoàn toàn không sa vào 5 chỗ phạm, hoàn toàn không cố hại mạng chúng sinh và không cho mà lấy, tập cận dâm dật, pháp phi Phạm hạnh, cố nói vọng ngữ, chứa đễ tiền bạc các vật thụ dụng các dục. Lại nữa hoàn toàn không sợ sệt không thể ký luận các việc, hoàn toàn không chấp

tự tác khổ lạc, tha tác khổ lạc, tự tha tác khổ lạc, phi tự phi tha tác vô nhân sinh khổ lạc. Các việc như vậy gọi là hiện quán tướng mạo. Phải biết đây tức là hiện quán thắng lợi, tùy theo kinh tùy theo luận như trước đã nói.

Phẩm 9: THÀNH DU-GIÀ

Luận nói: Trước nói BỒ-tát ở trong vị này trước tu sức nhân v.v... Thế nào là sức nhân trước?

Tụng nói:

*Bát-nhã độ Du-già,
Đẳng chí, vô phân biệt,
Nhất thiết, nhất thiết chủng,
Vĩ vô hữu phân biệt.*

Luận nói: Y chỉ Tam-ma-bát-đề phát khởi Bát-nhã Ba-la-mật-đa Du-già thắng hạnh. Ngay chính tuệ này có thể đến bờ kia. Đó là Đại BỒ-đề tối thắng phương tiện, nên gọi là Du-già. Đây y chỉ đẳng chí vô hữu phân biệt vì trong nhất thiết pháp và nhất thiết chủng không phân biệt.

Thế nào là nhất thiết và nhất thiết chủng?

Tụng nói:

*Nhất thiết, nhất thiết chủng,
Tam tướng với tam luân,
Gọi là tướng nhiễm tịnh,
Và câu phi 2 thứ.*

Luận nói: Nhất thiết tức là tam luân: 1. Cảnh sở tri. 2. Trí năng tri. 3. Người năng tri. Nhất thiết chủng, tức tam tướng: 1. Danh tướng. 2. Nhiễm tịnh. 3. Đều không phải. Danh là giả lập v.v... 12 thứ. Danh tướng, là tự tướng và cộng tướng. Nhiễm là pháp nhiễm ô. Tịnh là các thiện pháp. Đều không phải, là pháp vô phú vô ký. Lại

nữa, như vậy là đã nói không phân biệt, vậy nơi những pháp nào nói là không phân biệt?

Tụng nói:

*Nơi pháp và pháp không,
Không 2 thứ hý luận.
Không phân biệt vô cùng,
Trên đây không hợp lý.*

Luận nói: Pháp và pháp không đều không có 2 thứ hý luận nên gọi là vô phân biệt. Thế nào là 2? Là có và không. Bởi vì sao? Sắc chẳng phải là có, vì tướng biến kế sở chấp là không. Cũng chẳng phải là không, vì nó mượn chỗ dựa mà có. Sắc không, cũng chẳng phải có, vì tướng biến kế sở chấp không hiển thị. Cũng chẳng phải là không, vì các pháp vô ngã có hiển thị. Giống như với sắc, sắc không, tất cả pháp và tất cả pháp không, cũng như vậy. Chẳng phải tách rời các pháp và pháp không ra ngoài mà lại có được các cảnh khác. Cho nên chỉ nói 2 vô phân biệt, phi vô phân biệt. Lại vô phân biệt có vô cùng lỗi, vì trên đây không có cảnh sở tri nữa.

Lại nữa tụng nói:

*Nếu đều không sở thủ,
Không tuệ cũng không độ.
Đều thành thủ ly ngôn,
Vì thuận phi vô dụng.*

Luận nói: Nay nếu không có 2 thứ phân biệt tức không có thủ. Điều không thủ, nên thể của tuệ còn không, hưởng chi là đáo bị ngạn. Cho nên ắt phải có thủ tướng ly ngôn. Do cái thủ này nên tuệ và đáo bị ngạn cả 2 đều thành tựu. Sở dĩ vì sao? Bởi thánh tuệ này tuy không thủ như nói tính tướng, mà thủ cái tính tướng ly ngôn.

Hỏi: Nếu thánh tuệ này không thủ tính tướng như nói, thì sự tuyên thuyết chính pháp không có chỗ dùng đến.

Đáp: Không như vậy. Đó là vì tùy thuận. Sở dĩ vì sao? Vì muốn tùy thuận thủ tướng ly ngôn. Cho nên Như Lai tuyên thuyết chính pháp.

Phẩm 10: THÀNH BÁT TƯ NGHỊ

Phải trước tư duy rồi mới nhập hiện quán. Cho nên phải lia chỗ bất khả tư nghị, phương tiện tư duy. Thế nào là chỗ bất khả tư nghị?

Tụng nói:

*Chín việc bất tư nghị,
Do y chỉ 5 chỗ.
Vì có 5 thứ nhân,
Đức, thất điều 3 thứ.*

Luận nói: Có 9 việc bất khả tư nghị: 1. Ngã. 2. Hữu tình. 3. Thế giới. 4. Nghiệp báo. 5. Cảnh giới người tỉnh lự. 6. Cảnh giới chư Phật. 7. Mười bốn việc không thể ghi nhận. 8. Phi chính pháp. 9. Chỗ dẫn xuất đầu nhập tất cả phiền não. Nếu tư duy 9 việc như vậy, chắc chắn phải dựa vào 6 chỗ mới khởi tư duy: 1. Thấy. 2. Nhẫn. 3. Suy tìm. 4. Lợi dưỡng. 5. Tán loạn. Dựa vào chỗ thấy, tư duy ngã và hữu tình. Dựa vào chỗ nhẫn, tư duy thế giới. Dựa vào suy tìm, tư duy nghiệp báo cảnh giới của người tỉnh lự, cảnh giới chư Phật và 14 thứ không thể ghi nhận. Dựa vào lợi dưỡng, tư duy phi chính pháp. Dựa vào tán loạn, tư duy chỗ dẫn xuất và đầu nhiếp tất cả phiền não.

Hỏi: Vì nhân duyên gì 9 việc này là không nên nghĩ bàn?

Đáp: Có 5 nhân duyên: 1. Vì ngã và hữu tình không có tự tướng, không nên nghĩ bàn. 2. Thế giới là tướng hiện thành, không nên nghĩ bàn. 3. Nghiệp báo và 2 cảnh giới là tướng rất sâu, không nên nghĩ bàn. 4. Việc không thể ghi nhận là tướng không nhất định, không nên nghĩ bàn. 5. Phi chính pháp và chỗ dẫn xuất đầu nhiếp các phiền não có thể dẫn đến tướng vô nghĩa, không nên nghĩ bàn. Nếu có nghĩ

bàn những việc như vậy, phải biết sẽ dẫn đến 3 thứ sai lầm: 1. Sai lầm khởi loạn tâm. 2. Sai lầm sinh phi phúc. 3. Sai lầm bất thiện. Nếu không nghĩ bàn có thể dẫn đến 3 thứ công đức ngược lại trên.

Lại nữa tụng nói:

*Không tư nghị không ghi,
Phải biết do 4 nhân.
Không nhất định, rất sâu,
Dẫn vô nghĩa tướng trụ.*

Luận nói: Lại nữa nếu lược nói là do 4 thứ nhân tự mình không nên tư duy đối với những việc không thể nghĩ bàn, cũng không nên ghi nhận vì người khác: 1. Ngã và hữu tình có hoặc không, không nhất định, nên không thể tư duy, không thể ghi nhận. Nghiệp báo và 2 cảnh giới đều rất sâu, nên không thể tư duy, không thể ghi nhận. 3. Thế giới không thể ghi nhận, phi chính pháp, là chỗ dẫn xuất và thâm nhiếp tất cả phiền não, dẫn đến vô nghĩa, nên không thể tư duy, không thể ghi nhận. 4. Chân như đối với hành v.v... các pháp, không tức không ly, tướng của nó an trụ tự nhiên, nên không thể tư duy, không thể ghi nhận.

Lại nữa tụng nói:

*Không nghĩ ngã có không,
Vì thành 2 lỗi lầm.
Với người cũng 2 lỗi,
Không nên nghĩ một, khác.*

Luận nói: Không nên tư duy có ta là có hay không. Bởi vì sao? Vì thành 2 lỗi. Nếu nghĩ là có, tức nơi nghĩa phi thật hữu khởi lỗi chấp tăng ích. Nếu nghĩ là không, tức nơi nghĩa giả hữu khởi lỗi chấp tổn giảm. Đối với hữu tình khác nếu chấp là một hay là khác cũng thành 2 lỗi. Nếu chấp là một thì lỗi hữu tình nhiều. Nếu chấp là khác thì lỗi chẳng phải 6 chỗ.

Lại nữa tụng nói:

*Hai tuy không y kiến,
Thành nên không nên nghĩ.
Không nghĩ sinh như vậy,
Vì 3 lỗi đi theo.*

Luận nói: Hữu tình thể giới, khí thể giới, 2 thứ này tuy không y vào kiến, cũng không nên tư duy. Bởi vì sao? Vì đời đều rõ biết là tướng hiện thành.

Hỏi: Vì sao không suy nghĩ việc này sinh như vậy hay chẳng phải không như vậy ư?

Đáp: Nếu suy nghĩ như vậy, hoặc nói tức như vậy, hoặc nói khác như vậy, hoặc nói không như vậy, 3 lỗi này sẽ đi theo.

Lại nữa tụng nói:

*Thiện thú và ác thú,
Hai tác giả không định.
Quá khứ thiện ác nghiệp,
Xử sự ... khó nghĩ bàn.*

Luận nói: Trong nghiệp báo không nên nghĩ bàn. Hành giả tu phúc nhất định đến cõi thiện. Người làm ác nhất định đến cõi ác. Vì không quyết định. Lại nữa tịnh và bất tịnh nghiệp đời quá khứ, nào nơi chốn, nào sự việc nào tác nhân nào quả báo v.v... không thể nghĩ bàn.

Lại nữa tụng nói:

*Chân như tính vô lậu,
Thành sở tác nghĩa lợi.
Người tỉnh lự, Như Lai,
Không ví, vì tự tại.*

Luận nói: Người tỉnh lự và Phật trong 2 thứ cảnh giới chân như và tính vô lậu đều không thể nghĩ bàn. Lại nữa nghĩa lợi thành sở tác

của chư Phật, nghĩa là những việc làm lợi ích chúng sinh cũng không thể nghĩ bàn. Bởi vì sao? Vì không có thí dụ nào ví dụ được. Tất cả thế gian không có một chút nào có thể sánh ví với 2 thứ cảnh giới rất sâu. Lại nữa, vì tự tại nên chư Như Lai v.v... do nội chứng, được tâm tự tại nên khởi làm các việc trong thế gian đều có tất cả tác dụng. Nếu tách rời nhân duyên hòa hợp sẽ không thấy.

Lại nữa tụng nói:

*Những điều ngoại đạo nói,
Dẫn đến không nghĩa lợi.
Phi lý xa 4 chỗ,
Vô ký không nên nghĩ.*

Luận nói: Tất cả không nên ghi nhận không nên nghĩ bàn, vì tà thuyết do ngoại đạo nói, vì có thể dẫn đến những điều không có nghĩa lợi, vì không đúng chính lý, vì xa lìa 4 nơi chính tư duy. Đó là nơi nhân tư duy, nơi quả tư duy, nơi tạp nhiễm tư duy và nơi thanh tịnh tư duy. Lại nữa, như trước đã nói, nếu tư duy sẽ có 3 lỗi. Vì sao có?

Tụng nói:

*Phi xứ siêng dụng công,
Hủy báng nơi đại nghĩa.
Không tu thanh tịnh thiện,
Nên thành ra 3 lỗi.*

Luận nói: Do nơi phi xứ mà siêng năng dụng công nên khởi tâm loạn lỗi lầm. Do đối với người được tinh lực và Phật Thế Tôn mà hủy báng công đức tối thắng nên sinh tội lỗi không phúc. Do không phát khởi thiện pháp thanh tịnh nên có tội lỗi bất không được điều thiện.

Lại nữa tụng nói:

*Xa lìa không nghĩ bàn,
Nghĩ chỗ có thể nghĩ,*

*Đủ 8 thứ công đức,
Nên tư duy đúng lý.*

Luận nói: Do nơi không thể nghĩ bàn mà cưỡng nghĩ bàn thì có những lỗi như vậy, nên phải xa lìa. Ở nơi nào có thể nghĩ bàn thì như lý nghĩ bàn. Nếu tư duy như vậy thì đủ 8 công đức. Những gì là 8? Nghĩa là có thể khéo hiểu rõ ám thuyết đại thuyết, tư duy dựa vào nghĩa không dựa vào văn tự, dùng một ít tịnh tín tịnh giải, dùng một ít tuệ quán quán sát, kiên cố tư duy, tư duy thâm xét đế lý, thường siêng năng tư duy, trong tư duy khéo đạt tới cứu cánh không giải đãi thoái lui.

Lại nữa tụng nói:

*Những điều chư Phật nói,
Biết khắp cả không trái.
Vì 5 nhân 2 duyên,
Nơi đây không nên nghĩ.*

Luận nói: Do 5 nhân nên ở nơi chỗ không thể nghĩ bàn, không nên ưa thích nghĩ bàn. Nghĩa là những điều chư Phật nói, và trong 4 đế, biết khắp đoạn, chứng, tu không trái nhau. Lại nữa lược do 2 nhân, là giáo và chứng. Giáo là những điều Phật nói. Chứng là biết khắp các khổ v.v...

Phẩm 11 – 1: NHIỆP THẮNG QUYẾT TRẠCH

Luận nói: Như vậy đã phương tiện tư duy xa lìa chỗ không thể nghĩ bàn. Trong 9 việc phải lấy 10 tướng phát khởi các thứ quyết trạch tối thắng. Những gì là 10?

Tụng nói:

*Số, tướng, biệt, hữu, xứ,
Biên tế với sinh khởi,
Tướng, thiện xảo, nhiếp v.v...
Thắng quyết trạch các việc.*

Luận nói: 10 tướng là: 1. Số. 2. Tướng. 3. Sai biệt. 4. Hữu tính. 5. Xứ sở. 6. Biên tế. 7. Sinh khởi. 8. Tướng. 9. Thiện xảo. 10. Nhiếp.

Trong đây số, là số của sắc, có 15 thứ như vậy.

Tướng, là tướng giả lập, tướng chính nó, tướng chung. Trong đây, sự cũng gọi là tướng, vì là sở tướng. Danh cũng gọi là tướng. Tương ưng cũng gọi là tướng, vì đều là công cụ của năng tướng. Như cùng tương ưng với lửa làm cho biết có nóng. Như vậy chúng sinh, cũng gọi là tướng, vì là tướng ai đó. Thủ cũng gọi là tướng, vì là thể của năng tướng.

Sai biệt, là những sai khác có sắc không sắc, có thấy không thấy v.v...

Hữu tính, là giả hữu tính, thật hữu tính, thắng nghĩa hữu tính.

Xứ sở là như tứ đại lần lửa cùng với tạo sắc đồng trụ một chỗ. Lại nữa sắc tâm đồng một chỗ. Lại nữa thân y vào Dục giới, tâm y vào Sắc giới v.v...lần lửa an trụ.

Biên tế là như sắc, đến Sắc giới cùng với cực vi đó là biên tế. Lạc thụ cho đến đệ tam tinh lự, đó là biên tế. v.v...

Sinh khởi, là do nhân duyên như vậy, pháp sinh như vậy, như dẫn sức sinh v.v...

Tướng, là câu mê hoặc v.v...

Thiện xảo, là uẩn thiện xảo v.v...

Nhiếp v.v..., là hoặc bao gồm, hoặc tương ưng, hoặc dựa vào, hoặc duyên, hoặc vấn luận. Như vậy vấn luận lại có nhiều thứ. Nghĩa là một hàng thuận câu trước, thuận câu sau, tứ cú, vô sự cú. Nếu có thể hiểu rõ như vậy, gọi là khéo vấn ký. Lại nữa, trong tất cả các việc phải khởi nhiều thứ quyết trách tối thắng. Nay sẽ nói trước về tâm sự quyết trách.

Tụng nói:

*Tâm tính có 2 thứ,
Dị thực cùng với chuyển.
Trước thức A-lại-da,
Chúng tử 2 nên biết.*

Luận nói: Lược nói tâm tính có 2 thứ: 1. Dị thực tâm. 2. Chuyển tâm. Dị thực tâm tức là A-lại-da thức, cũng gọi là Nhất thiết chủng thức. Phải biết đây lại có 2 thứ : 1. Chứng thành. 2. Kiến lập. Thế nào là chứng thành?

Tụng nói:

*Chấp thụ, sơ, minh liễu,
Chúng tử, nghiệp, thân thụ.
Vô tâm định, mạng chung,
Không đều không hợp lý.*

Luận nói: Do 8 thứ tướng chứng minh A-lại-da thức quyết định là có. Nghĩa là nếu không có A-lại-da thức thì sẽ không có y chỉ chấp thụ, chắc chắn sẽ không có tối sơ sinh khởi, sẽ không có sinh khởi minh liễu, sẽ không có chúng tử các pháp, sẽ không có 4 thứ nghiệp dụng, sẽ không có các thứ thân thụ, sẽ không có 2 vô tâm định, sẽ không có thức khi mạng chung.

Hỏi: Vì sao nếu không có thức A-lại-da thì không thể có y chỉ chấp thụ?

Đáp: Vì do 5 nhân. Những gì là 5? Nghĩa là thức A-lại-da lấy các hành nghiệp tạo đời trước làm nhân. Nhân v.v... các chuyển thức lấy các duyên trong đời hiện tại khởi nhân. Như kinh nói căn và cảnh giới, sức tác ý nên sinh các chuyển thức, cho đến nói rộng đó là nhân ban đầu. Lại nữa 6 thức thân có thể có tính thiện hoặc bất thiện, đó là nhân thứ hai. Lại nữa 6 thức thân không thể là một loại dị thực vô

ký, đó là nhân thứ ba. Lại nữa 6 thức thân đều y chuyển riêng biệt. Nếu dựa nơi kia, dựa nơi thức kia, tức chỗ dựa kia phải có chấp thụ, những cái không chấp thụ khác là không hợp lý. Dù cho rằng năng chấp cũng không hợp lý, vì thức xa lìa, đó gọi là nhân thứ tư. Lại nữa chỗ dựa phải có lỗi thành thường chấp thụ. Sở dĩ vì sao? Nhân thức có khi chuyển có khi không chuyển. Các thức khác cũng vậy, đó là nhân thứ năm.

Như vậy nhân của nghiệp trước và nhân của duyên hiện tại sinh ra, nên có thể là thiện hoặc bất thiện, không thể có một loại được, vì chỗ dựa riêng biệt, vì có lỗi thường chấp thụ nên không hợp lý.

Hỏi: Vì sao không có tối sơ sinh khởi?

Đáp: Có chỗ khó nói. Nếu có thức A-lại-da thì phải có 2 thức đồng thời sinh khởi. Phải bảo cho kia biết rằng ở nơi không lỗi mà ông vọng sinh tưởng có lỗi, vì chấp nhận có 2 thức đồng thời chuyển. Sở dĩ vì sao? Nghĩa là giả như có đồng thời muốn thấy cho đến muốn nhận biết, tùy một thức riêng biệt sinh khởi trước là không hợp lý. Bởi vì sao?

Bấy giờ khi tác ý không có sai biệt, căn và cảnh giới không hoại hiện tiền thì vì nhân duyên gì mà thức không cùng chuyển? Hỏi vì có gì không thể sinh khởi minh liễu?

Đáp: Nếu có định chấp là thức không cùng sinh với nhãn v.v... thức đồng hành một cảnh thì không thể có ý thức minh liễu. Sở dĩ vì sao? Nếu khi duyên cảnh quá khứ, sinh khởi nghĩ nhớ, bấy giờ cái ý thức không rõ ràng hiện hành ra trước, không phải nơi hiện cảnh ý thức hiện hành mà có tướng không rõ ràng như vậy. Cho nên phải chấp nhận có các thức cùng chuyển. Hoặc phải chấp nhận cái ý thức thứ 6 có tính không minh liễu. Như thế là có lỗi.

Hỏi: Vì sao không thể có chủng tử?

Đáp: Vì 6 chuyển thức thân đều khác biệt. Sở dĩ vì sao? Sáu chuyển thức này từ thiện vô gián sinh tính bất thiện, bất thiện vô gián lại sinh tính thiện. Từ 2 vô gián sinh tính vô ký. Liệt giới vô gián sinh trung giới, trung giới vô gián sinh diệu giới. Như vậy diệu giới vô gián cho đến sinh liệt giới, hữu lậu vô gián sinh vô lậu, vô lậu vô gián sinh hữu lậu, thế gian vô gián sinh xuất thế, xuất thế vô gián sinh thế gian, chẳng phải tương như vậy làm thể của chúng tử mới đúng đạo lý. Lại nữa các thức kia gián đoạn thời gian lâu, tương tục đã lâu lưu chuyển không dứt, cho nên chuyển thức có thể duy trì chúng tử là không hợp lý.

Hỏi: Vì sao không thể có các nghiệp?

Đáp: Nếu không có các thức đồng thời sinh khởi các nghiệp cùng chuyển thì không hợp lý. Sở dĩ vì sao? Nếu lược nói thì có 4 thứ nghiệp: 1. Khí liễu biệt nghiệp. 2. Y liễu biệt nghiệp. 3. Ngã liễu biệt nghiệp. 4. Cảnh liễu biệt nghiệp. Như vậy 4 thứ liễu biệt nghiệp dụng mỗi sát-na đều có thể hiện khởi, không phải ở nơi một thức trong một sát-na có những nghiệp dụng sai biệt như vậy. Cho nên phải có các thức cùng khởi.

Hỏi: Vì sao nếu không có thức A-lại-da thì không thể có thân thụ?

Đáp: Nghĩa là như có một, hoặc tư duy như lý, hoặc tư duy không như lý, có chỗ suy tìm hoặc tâm trong định hoặc không ở trong định, thân thụ sinh khởi rất nhiều chẳng phải một, nếu không có thức này thì không thể có được. Như vậy thân thụ đã có hiện khởi cho nên chắc chắn có thức A-lại-da.

Hỏi: Vì sao nếu không có thức A-lại-da, không thể có các vô tâm định?

Đáp: Như Bạc-già-phạm nói nhập vô tướng định và diệt tận định, phải biết rằng lúc bấy giờ thức không rời thân. Nếu không có thức này, lúc ấy thức phải rời thân. Nếu thức lìa thân thì phải bỏ mạng chứ không phải ở trong định.

Hỏi: Vì sao nếu không có thức A-lại-da thì lúc mạng chung không thể có thức?

Đáp: Như có một người lúc lâm chung, hoặc từ phần trên của thân thức dần rời bỏ dần có cảm xúc lạnh phát ra, hoặc từ phần dưới của thân không phải ý thức kia có lúc không chuyển. Cho nên biết chỉ có thức A-lại-da có thể chấp trì thân. Thức này nếu rời bỏ thân phần kia thì có cảm xúc lạnh, thân không cảm giác nhưng ý thức thì không vậy. Cho nên nếu không có thức này là không đúng. Như vậy là đã nói đạo lý chứng minh có thức A-lại-da. Thế nào là kiến lập?

Tụng nói:

*Sở duyên cảnh, tương ưng,
Tinh hai nhân cùng nhau.
Với thức ... cùng lưu chuyển,
Tạp nhiễm ô, hoàn diệt.*

Luận nói: Lược nói thức này do 5 thứ tướng kiến lập: 1. Tướng sở duyên cảnh. 2. Tướng tương ưng. 3. Tướng làm nhân cho nhau. 4. Tướng cùng chuyển. 5. Tướng tạp nhiễm hoàn diệt. Phải biết 4 tướng trước kiến lập tướng lưu chuyển, tạp nhiễm, hoàn diệt. Một thứ kiến lập hoàn diệt.

Hỏi: Tướng sở duyên cảnh kiến lập như thế nào?

Đáp: Nếu lược nói thì thức này do liễu biệt 2 thứ cảnh sở duyên mà chuyển: 1. Do liễu biệt chấp thụ bên trong. 2. Do liễu biệt tướng khí vô phân biệt bên ngoài. Liễu biệt chấp thụ bên trong là liễu biệt biến kế sở chấp tự tính, vọng chấp tập khí và các sắc căn cùng chỗ sở y của căn. Nghĩa là ở cõi hữu sắc hoặc cõi vô sắc, chỉ có vọng chấp tập khí chấp thụ. Liễu biệt tướng khí vô phân biệt bên ngoài là liễu biệt y chỉ, duyên thức A-lại-da chấp thụ bên trong, nên tất cả mọi lúc tướng khí thế giới không gián đoạn. Ví như lúc ngọn đèn cháy, trong chấp dầu thấp, ngoài phát ánh sáng. Như vậy, cái lý thức A-lại-da bên

trong duyên cảnh chấp thụ, bên ngoài duyên cảnh khí thể giới mà sinh khởi cũng như thế.

Lại nữa, thức này duyên cảnh vi tế, người thông tuệ ở đời khó hiểu rõ được. Lại nữa, thức này duyên cảnh không lúc nào bỏ, không thay đổi, từ sát-na ban đầu chấp thụ cho đến khi mạng chung chỉ hoàn toàn có một thứ liễu biệt mà lưu chuyển. Lại nữa thức này mỗi niệm mỗi niệm sinh diệt trong cảnh sở duyên. Phải biết lưu chuyển liên tục trong mỗi sát-na chẳng phải thường, chẳng phải một. Lại nữa thức này trong cõi Dục duyên cảnh chấp thụ nhỏ hẹp, trong cõi Sắc duyên cảnh chấp thụ rộng lớn, trong cõi Vô sắc, trong không vô biên xứ, thức vô biên xứ, duyên vô lượng cảnh chấp thụ, trong vô sở hữu xứ duyên cảnh chấp thụ vi tế, trong phi tướng phi phi tướng xứ duyên cảnh chấp thụ cực vi tế. Như vậy liễu biệt 2 thứ cảnh sở duyên, cảnh sở duyên vi tế liễu biệt, tương tự liễu biệt, sát-na liễu biệt, liễu biệt cảnh sở duyên chấp thụ nhỏ hẹp, liễu biệt cảnh sở duyên chấp thụ rộng lớn, liễu biệt cảnh sở duyên chấp thụ vô lượng, liễu biệt cảnh sở duyên chấp thụ vi tế, liễu biệt cảnh sở duyên chấp thụ cực vi tế, đó gọi là kiến lập tướng cảnh sở duyên của thức A-lại-da.

Hỏi: Tướng của tương ưng chuyển kiến lập như thế nào?

Đáp: Thức A-lại-da này luôn luôn tương ưng với 5 thứ tâm pháp của biến hành. Đó là tác ý, xúc, thụ, tưởng, tư. Như vậy 5 pháp cũng gồm trong dị thực, cực kỳ vi tế, người thông tuệ ở đời cũng khó rõ được. Như vậy tâm pháp cũng thường là một loại duyên cảnh mà chuyển. Lại nữa tương ưng thụ của thức này thuộc vô ký tính hoàn toàn không khổ không lạc. Phải biết hành tướng các tâm sở pháp khác cũng vậy. Như vậy, tương ưng với các tâm pháp biến hành, tương ưng với một loại dị thực, tương ưng với tối cực vi tế, luôn luôn tương ưng với một loại duyên cảnh mà khởi, tương ưng với không khổ không lạc, tương ưng với hoàn toàn vô ký, đó là kiến lập tướng tương ưng chuyển của thức A-lại-da.

Hỏi: Thức A-lại-da với chuyển thức làm nhân cho nhau, tương ấy kiến lập như thế nào?

Đáp: Thức A-lại-da và chuyển thức là 2 thứ nhân: Một là chủng tử sinh nhân, hai là sở y chỉ nhân. Chủng tử sinh nhân, nghĩa là khi có các chuyển thức thiện, bất thiện, vô ký sinh khởi, tất cả đều nhân chủng tử của thức A-lại-da mà sinh. Sở y chỉ nhân, nghĩa là do thức A-lại-da chấp sắc căn làm y chỉ, nên 5 thức thân chuyển, không phải không chấp thụ. Lại nữa, do có thức này nên mới có ý căn. Do ý căn làm y chỉ nên mới sinh ý thức. Ví như y chỉ vào nhãn v.v... 5 thứ sắc căn mà 5 thức thân chuyển, không thể không có 5 căn. Ý thức cũng vậy, không thể không có ý căn. Lại nữa, chuyển thức với thức A-lại-da là 2 thứ nhân. Một là vì ở trong hiện pháp nó nuôi lớn chủng tử của nó. Hai là ở trong các pháp sau này nó có thể thâm giữ, nuôi dưỡng chủng tử của nó. Nói ở trong hiện pháp, nuôi lớn chủng tử của nó, nghĩa là tùy y chỉ vào thức A-lại-da mà khi các chuyển thức thiện bất thiện vô ký sinh khởi, nơi một y chỉ đồng sinh đồng diệt, như vậy huân tập vào thức này. Do đó là nhân duyên mà sau các chuyển thức thiện bất thiện vô ký chuyển, rồi lại chuyển tăng thượng, chuyển một cách hừng hực, rồi minh liễu mà được sinh khởi. Nói ở trong các pháp về sau có thể thâm giữ, nuôi dưỡng chủng tử của nó, nghĩa là nó huân tập chủng loại có thể dẫn đến vị lai, tức là thức A-lại-da dị thực này. Như vậy làm nhân chủng tử, nhân y chỉ, nuôi lớn chủng tử, thâm giữ nuôi dưỡng chủng tử, đó gọi là kiến lập tương làm nhân cho nhau của thức A-lại-da và các chuyển thức.

Hỏi: Các thức cùng chuyển, tương ấy kiến lập như thế nào?

Đáp: Thức A-lại-da hoặc có khi trong một lúc chỉ cùng khởi với một chuyển thức là ý căn. Sở dĩ vì sao? Bởi ý căn này là hành tướng cao nhất, thường cùng tương ưng với ngã kiến, ngã mạn v.v... Hoặc có tâm vị hoặc không tâm vị, thường cùng thức này sinh khởi. Lại nữa, ý căn này hằng duyên thức A-lại-da làm cảnh giới của nó

bằng hành tướng cao cử ngã chấp và mạn mà khởi. Lại nữa, thức này trong một lúc cùng khởi với 2 chuyển thức là ý và ý thức, trong một lúc cùng khởi với 3 chuyển thức là 5 thức thân tùy một thức khi khởi thì 2 cái trước và một cái này, trong một lúc hoặc cùng khởi với 4 chuyển thức nghĩa là 5 thức thân tùy 2 thức khi khởi thì 2 cái trước và 2 cái này. Như vậy trong một lúc hoặc cho đến cùng khởi với 7 chuyển thức. Nghĩa là 5 thức thân khi hòa hợp khởi thì 2 trước và 5 này. Lại nữa trước nói ý thức dựa vào y ô nhiễm mà sinh, khi ý chưa diệt thì bị tướng liễu biệt trói buộc không được giải thoát. Nếu ý diệt rồi thì giải thoát tướng trói buộc. Lại nữa ý thức này có thể duyên tha cảnh và duyên tự cảnh. Duyên tha cảnh nghĩa là hoặc duyên chung hoặc duyên riêng cảnh của 5 thức thân. Duyên tự cảnh nghĩa là duyên cảnh pháp.

Lại nữa, thức A-lại-da hoặc trong một lúc cùng chuyển với khổ thụ, lạc thụ, bất khổ bất lạc thụ. Sự cảm thụ này tương ưng cùng chuyển thức, dựa vào chuyển thức khởi, từ chủng tử thức này sinh.

Lại nữa trong cõi người, hoặc trong cõi trời có dục ràng buộc, và trong một phần cõi quỷ súc, câu sinh bất khổ bất lạc thụ tương ưng với chuyển thức thân khổ lạc bất khổ bất lạc kia, thụ xen tạp liên tục nhất thời cùng chuyển.

Lại nữa ở trong cõi địa ngục, bị cái khác che mắt, bất khổ bất lạc thụ tương ưng với chuyển thức kia cái thụ thuần không không xen tạp liên tục cùng chuyển. Phải biết cái thụ này vì bị che mắt nên khó biết cái tướng của nó, như ở địa ngục hoàn toàn cùng chuyển với khổ thụ. Như vậy ở bậc dưới 3 tính lự hoàn toàn cùng chuyển với lạc thụ. Ở bậc tính lự thứ tư cho đến trong bậc hữu đỉnh hoàn toàn cùng chuyển với bất khổ bất lạc thụ.

Lại nữa, thức A-lại-da trong một lúc hoặc tương ưng với các tâm pháp thiện bất thiện vô ký của chuyển thức cùng chuyển. Như vậy thức A-lại-da cùng các chuyển thức một lúc cùng chuyển, cũng

cùng chuyển với khách thụ và khách thiện bất thiện vô ký tâm pháp, nhưng không nên nói là tương ưng với nó. Bởi vì sao? Bởi không chuyển đồng một duyên với nó. Cũng giống như nhãn thức với mắt, tuy cùng chuyển nhưng không tương ưng. Đây cũng vậy. Bởi vì pháp ấy có một chút tương tự nên được ví dụ. Phải biết đạo lý của ví dụ là như vậy.

Lại như các tâm pháp, thể và nghĩa của tâm pháp tuy không sai biệt nhưng khác nhau nên một thân cùng chuyển không trái nhau. Như vậy thức này cùng các chuyển thức cùng chuyển cũng không trái nhau. Lại như dòng nước xiết có nhiều sóng cùng khởi mà không trái nhau. Lại như một tấm kính trong sạch nhiều ảnh tượng đồng thời hiện khởi mà không trái nhau. Như vậy y chỉ thức A-lại-da có nhiều chuyển thức cùng khởi cũng không trái chống nhau. Lại như một nhãn thức, trong một lúc, trong một sự cảnh, chỉ nhận lấy một loại không sắc tướng khác, hoặc trong một lúc chợt nhận lấy không phải một mà nhiều thứ sắc tướng. Như nhãn thức đối với sắc, như vậy cho đến thân thức đối với xúc, trong một lúc, một sự cảnh, hoặc nhận lấy một tướng, hoặc chợt nhận lấy nhiều thứ cảnh tướng, cũng như vậy ý thức phân biệt, trong một lúc, hoặc nhận lấy một cảnh hoặc chợt nhận lấy nhiều cảnh giới, phải biết cũng không trái chống nhau.

Lại nữa, như trước đã nói ý căn thường cùng thức này cùng chuyển, trong một lúc, cho đến chưa đoạn dứt, nó hằng cùng sinh một cách tự nhiên 4 thứ phiền não tương ưng. Đó là Tát-ca-da kiến, ngã mạn, ngã ái, vô minh. Bốn phiền não này hoặc định địa hoặc bất định địa nó hằng hiện hành mà không trái chống với thiện v.v..., tính nó là hữu phú vô ký.

Như vậy cái tướng cùng chuyển với chuyển thức, cùng chuyển với các thụ, cùng chuyển với thiện v.v..., đó gọi là kiến lập cái tướng cùng chuyển của thức A-lại-da.

Hỏi: Tướng tạp nhiễm hoàn diệt của thức A-lại-da kiến lập như thế nào?

Đáp: Nếu lược nói thức A-lại-da thì nó là căn bản của tất cả pháp tạp nhiễm. Sở dĩ vì sao? Thức A-lại-da này cũng là căn bản sinh khởi hữu tình thế gian, vì có thể sinh các căn, nơi sở y của các căn và các chuyên thức v.v..., cũng là căn bản sinh khởi khí thế gian, vì có thể sinh khí thế gian. Lại nữa thức này cũng là căn bản cho tất cả hữu tình sinh khởi lẫn nhau, vì nó làm duyên tăng thượng lẫn nhau cho tất cả hữu tình. Sở dĩ vì sao? Không có một chúng sinh nào đối với các chúng sinh khác khi thấy nghe v.v... mà không thụ dụng các cảm thụ khổ lạc của chúng khởi. Do nghĩa này mà biết chúng sinh giới làm duyên tăng thượng lẫn nhau.

Lại nữa thức A-lại-da có đủ tất cả chủng tử, nên là thể của khổ đế trong đời hiện tại, là sinh nhân của khổ đế trong đời vị lai, cũng là sinh nhân của tập đế trong đời hiện tại. Như vậy vì là căn bản sinh hữu tình thế gian, là căn bản sinh khí thế gian, là thể của khổ đế đời hiện tại, là có thể sinh khổ đế vị lai, là có thể sinh tập đế hiện tại, cho nên biết rằng thức A-lại-da là căn bản tất cả tạp nhiễm.

Lại nữa thức A-lại-da có nhiếp trì chủng tử thiện căn của thuận giải thoát phần và thuận quyết trạch phần v.v... Đây chẳng phải nhân tập đế, mà do thiện căn của thuận giải thoát phần v.v... trái nghịch với lưu chuyển, bao nhiêu thiện căn các thế gian nhân đây sinh cho nên chuyển thành thanh tịnh sáng suốt. Sở dĩ vì sao? Vì do duyên này những chủng tử tự loại được nhiếp thụ chuyển thành có công năng, chuyển thành có thể lực, tăng trưởng chủng tử mà được thành lập. Do chủng tử này, các thiện pháp kia chuyển sinh thanh tịnh sáng suốt, lại còn có khả năng cảm quả dị thực khả ái tăng thượng đời sau.

Lại nữa y vào thức A-lại-da nhất thiết chủng tử này, Bạc-già-phạm nói: “Nhân giới, sắc giới, nhãn thức giới, cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới là vì do trong thức A-lại-da có nhiều thứ giới.” Lại

như trong kinh nói thí dụ quả cây ác-xoa tụ lại, do ở trong thức A-lại-da chẳng phải chỉ có một giới. Cho nên biết rằng thức A-lại-da căn bản của tập nhiễm này, do tu tập thiện pháp liền được chuyển diệt.

Lại nữa, tu tập thiện pháp này, nếu các phàm phu duyên chuyển thức làm cảnh tác ý, nên phương tiện trụ tâm làm dục, nhập sơ để hiện quán cho nên chẳng phải người chưa kiến đế, ở trong các đế chưa được pháp nhãn mà có thể thông đạt thức A-lại-da nhất thiết chủng tử. Người chưa kiến đế này tu hạnh như vậy rồi hoặc nhập Thanh Văn chính tính ly sinh, hoặc nhập Bồ-tát chính tính ly sinh, thông đạt tất cả pháp giới rồi cũng có thể thông đạt thức A-lại-da. Lúc bấy giờ quán chung tất cả tập nhiễm riêng biệt bên trong, lại hiểu rõ tự thân, ngoài thì bị trói buộc bởi các trói buộc về tướng, trong thì bị trói buộc bởi các trói buộc thô trọng.

Lại người tu quán hành này, do thức A-lại-da là gồm các hành giới tất cả hý luận cho nên sơ lược các hành trong thức A-lại-da tổng quát là một khối, một đồng, một nhóm. Đã tụ họp làm một rồi, do duyên chân như cảnh trí, tu tập nhiều tu tập nên sở y chỉ chuyển, chuyển y không gián đoạn. Phải biết đã đoạn thức A-lại-da, do đây đoạn nên đã đoạn tất cả tập nhiễm.

Lại nữa chuyển y này do bởi mâu thuẫn nên có thể đối trị thức A-lại-da. Lại nữa, thể của thức A-lại-da là vô thường, có tính thủ, thụ. Còn chuyển y là thường, không có tính thủ, thụ. Bởi duyên cảnh chân như nên có thể chuyển thánh đạo. Lại nữa, thức A-lại-da thô trọng, tùy theo chuyển y, cứu cánh xa lìa tất cả thô trọng. Lại nữa, thức A-lại-da là sinh nhân của phiền não, thánh đạo là bất sinh nhân. Chuyển y là bất sinh nhân của phiền não, thánh đạo là sinh nhân. Đó là kiến lập thể của nhân, chẳng phải thể của sinh nhân.

Lại nữa, thức A-lại-da khiến cho không được tự tại trong pháp thiện, tịnh, vô ký. Chuyển y thì khiến được đạt tự tại trong tất cả pháp thiện, tịnh, vô ký.

Lại nữa, tướng đoạn diệt của thức A-lại-da này nghĩa là chính thức A-lại-da này đoạn diệt nên liền bỏ 2 thứ thủ, tuy thân trụ mà giống như biến hóa. Sở dĩ vì sao? Vì đoạn nhân khổ của vị lai hậu hữu, nên liền bỏ cái thủ của vị lai hậu hữu, ở trong hiện pháp đoạn nhân của tất cả phiền não, nên liền bỏ cái thủ của hiện pháp tất cả tạp nhiễm sở y, lia xa tất cả thô trọng, nên chỉ có mạng duyên tạm trụ. Do có như vậy nên trong kinh Phật nói bấy giờ chỉ thụ thân biên tế thụ, mạng biên tế thụ, nói rộng cho đến tất cả chỗ thụ trong hiện pháp rốt ráo diệt hết.

Như vậy kiến lập căn bản của tạp nhiễm, thông đạt tu tập tác ý, kiến lập chuyển y, đó gọi là kiến lập tướng tạp nhiễm hoàn diệt của thức A-lại-da.

Như vậy do đạo lý thắng nghĩa kiến lập tâm ý thức rồi. Tùy chỗ nói đạo lý cho nên trong 3 cõi, tất cả tâm ý thức, tất cả đạo lý tạp nhiễm và đạo lý thanh tịnh tùy theo đó hiển rõ. Nếu ở những nơi khác hiển thị đạo lý tâm ý thức, đó là do chỗ hóa độ hữu tình sai biệt. Cho nên căn cứ vào cái tuệ hữu tình được hóa độ mà nói phương tiện khiến chúng dễ nhập vào đạo pháp.

Hỏi: Nếu thành tựu thức A-lại-da, cũng thành tựu chuyển thức chẳng, thành tựu chuyển thức cũng thành tựu thức A-lại-da chẳng?

Đáp: Câu hỏi này nên trả lời làm 4 câu: Nghĩa là hoặc thành tựu thức A-lại-da, chẳng phải chuyển thức. Tức là người ngủ say, người ngất xỉu, người nhập định vô tướng, người nhập định diệt tận, người sinh trời vô tướng. Hoặc có thành tựu chuyển thức, chẳng phải thức A-lại-da. Tức như trụ hữu tâm vị A-la-hán, Độc Giác, Bồ-tát không thoái chuyển và Như Lai. Hoặc có trường hợp thành tựu cả hai. Tức là những người trụ hữu tâm vị khác. Hoặc có trường hợp đều không thành tựu. Tức như A-la-hán, Độc Giác, Bồ-tát không thoái chuyển và Như Lai nhập diệt tận định nếu ở trong vô dư y Niết-bàn giới.

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 18

Phẩm 11 - 2: NHIẾP THẮNG QUYẾT TRẠCH

Lại nữa, phải biết kiến lập tướng của tâm sai biệt.

Tụng nói:

*Sức sở y cảnh giới,
Kiến lập tâm sai biệt.
Lại do 7 thứ hành,
Phải biết tướng khó rõ.*

Luận nói: Phải biết tướng của tâm sai biệt, lại do sức của sở y, sở duyên mà được kiến lập. Do sức sở y, nghĩa là lập nhân thức, cho đến ý thức. Sức sở duyên, nghĩa là lập sắc thức cho đến pháp thức. Thanh thức, hoàng thức cho đến khổ thức, lạc thức. Như vậy v.v... lại do 7 thứ hành tướng, biết các tâm, khó biết sai biệt:

1. Không thể biết tướng tương tục cử trụ khí sai biệt.
2. Tướng nhiều thứ cảnh tướng sai biệt.
3. Tướng câu hữu sai biệt.
4. Tướng năng trị sở trị tức tạt hồi chuyển sai biệt.
5. Tướng tập khí sai biệt.
6. Tướng tục sinh sai biệt.
7. Tướng giải thoát tâm sai biệt.

Lại nữa tụng nói:

*Sở duyên không tự tại,
Trụ ác sở y chỉ.
Tùy theo sức duyên chuyển,
Phải biết tâm bị trôi.*

Luận nói: Do 3 nhân nên nói tâm bị trôi buộc:

1. Không tự tại trong cảnh sở duyên.
2. Y chỉ an trụ nơi uế ác.
3. Chuyển biến tùy theo sức các duyên.

Trong đây không tự tại trong cảnh sở duyên, nghĩa là đối với tướng chế phục như trong biến hóa không trụ cảnh tự tại như ý muốn.

Lại nữa tụng nói:

*Tán loạn và an trụ,
Sáu thứ, 15 thứ.
Duyên cảnh giới có 6...
Sở trị tâm chẳng một.*

Luận nói: Phải biết tâm tán loạn có 6 thứ, tâm an trụ có 15 thứ, tâm duyên cảnh có 6 thứ v.v... Nên biết có nhiều sai biệt và tâm đối trị cũng không phải có một thứ.

Tâm tán loạn có 6 thứ:

1. Tác ý tâm tán loạn, nghĩa là chư Bồ-tát tác ý xả bỏ Đại thừa tương ưng, tác ý thoái lui tập Thanh Văn, Độc Giác tương ưng hạ liệt.

2. Ngoại tâm tán loạn, nghĩa là tìm kiếm 5 dục hỗn loạn huyên não, phóng tâm lưu tán theo cảnh giới phiền não bên ngoài.

3. Nội tâm tán loạn, nghĩa là hoặc do hôn trầm thùy miên hạ liệt, hoặc do đăm trước các định, hoặc do theo phiền não trong các định mà não loạn tâm.

4. Tướng tâm tán loạn, nghĩa là y chỉ tướng bên ngoài tác ý tư duy tướng mạo cảnh bên trong.

5. Thô trọng tâm tán loạn, nghĩa là trong tác ý làm duyên, sinh khởi các thụ, do thân thô trọng nên chấp ngã ngã sở.

6. Tự tính tâm tán loạn.

Nói 5 thức thân có 15 thứ tâm an trụ:

1. Sơ phát an trụ tâm, là tu phương tiện Tam-ma-địa.

2. Chúng đắc an trụ tâm, là đã được chưa đến Tam-ma-địa.

3. Viên mãn an trụ tâm, là đã được căn bản tĩnh lự Tam-ma-địa.

4. Tự tại an trụ tâm, là ở đây được tùy ý muốn.

5. An trụ tâm còn có động, là ở 3 tĩnh lự dưới.

6. A trụ tâm không còn động, là tĩnh lự thứ tư.

7. An trụ tâm các tịch tĩnh từ đây trở lên. Nghĩa là ở nơi tịch tĩnh Vô sắc giải thoát.

8. Tối thắng tịch tĩnh an trụ tâm, là ở nơi tướng, thụ diệt giải thoát.

9. Tín giải an trụ tâm, là ở nơi nghe đạo sinh trí.

10. Quyết định an trụ tâm, là ở nơi tư duy phát sinh trí.

11. Ảnh tượng an trụ tâm, là ở nơi tu tập thế gian phát sinh trí.

12. Thành thật an trụ tâm, là tu tập xuất thế gian phát sinh trí.

13. An trụ tâm có tăng thượng mạn xuất ly, là ở nơi thế gian tĩnh lự Vô sắc.

14. An trụ tâm không có tăng thượng mạn xuất ly, là ở nơi xuất thế gian tĩnh lự Vô sắc.

15. Ba hành tạp nhiễm an trụ tâm, là thức tùy sắc mà trụ, duyên sắc mà trụ, dựa vào sắc mà trụ. Như vậy cho đến tùy hành mà trụ,

duyên hành mà trụ, dựa vào hành mà trụ. Trong đây tùy theo sắc mà trụ là vì chấp thụ sở y, duyên sắc mà trụ là vì thủ cảnh giới, dựa vào sắc mà trụ là vì do thô trọng. Như vậy cho đến tùy hành v.v... 3 thứ phải biết thức phi thức trụ, duyên tự tâm, vì tâm có thể tận ái.

Lại nữa, duyên cảnh giới có 6 là thường duyên cảnh, phi thường duyên cảnh, biến mãn duyên cảnh, tịnh hành duyên cảnh, thiện xảo duyên cảnh, tịnh hoặc duyên cảnh.

Như vậy là trước lại có nhiều thứ duyên cảnh giới khác, nghĩa là Dục giới hệ tâm duyên Dục, Sắc, Vô sắc và bất hệ cảnh. Như vậy Sắc, Vô sắc giới hệ tâm và bất hệ tâm đều mỗi mỗi duyên 4 thứ cảnh.

Lại nữa, dựa vào Dục giới hệ tâm, khởi Dục, Sắc, Vô sắc giới hệ tâm và bất hệ tâm; dựa vào Sắc giới hệ tâm, khởi Sắc, Vô sắc giới hệ tâm và bất hệ tâm; dựa vào Vô sắc giới hệ tâm khởi Vô sắc giới hệ tâm và bất hệ tâm.

Lại nữa quá khứ tâm duyên quá khứ vị lai hiện tại. Như vậy vị lai hiện tại tâm mỗi mỗi đều duyên 3 thứ.

Lại nữa, thiện tâm duyên thiện bất thiện vô ký. Như vậy bất thiện, vô ký tâm, mỗi mỗi đều duyên 3 thứ.

Lại nữa, lạc câu hành tâm duyên lạc câu hành v.v... 3 thứ cảnh giới. Như vậy khổ câu hành tâm, bất khổ bất lạc câu hành tâm, mỗi mỗi đều duyên 3 thứ.

Lại nữa, tham sân si tương ưng tâm, mỗi mỗi đều duyên tham v.v... tương ưng 3 thứ cảnh giới.

Lại nữa, sở tri tâm chẳng phải một, nghĩa là Dục giới hệ có 5 thứ tâm là kiến khổ sở đoạn tâm, cho đến tu đạo sở đoạn tâm. Như vậy, Sắc, Vô sắc giới hệ tâm, mỗi mỗi đều có 5 thứ và vô lậu tâm hợp lại là 16 thứ tâm.

Lại có 20 thứ tâm là Dục giới hệ tâm có 8 thứ: 1. Sinh đắc thiện tâm. 2. Phương tiện thiện tâm. 3. Bất thiện tâm. 4. Hữu phú vô ký tâm và vô phú vô ký tâm chia làm 4 thứ là dị thực sinh tâm, oai nghi lộ tâm, công xảo xứ tâm, biến hóa tâm.

Sắc giới hệ có 6 tâm, trừ bất thiện tâm và công xảo xứ tâm.

Vô sắc giới hệ có 4 tâm, nghĩa là trừ bất thiện tâm, oai nghi lộ tâm, công xảo xứ tâm, biến hóa tâm.

Bất hệ tâm có 2 thứ là học tâm và vô học tâm.

Lại nữa, tâm sở có sự thắng quyết trạch, nay sẽ đề cập.

Tụng nói:

*Dựa nhiều cảnh liễu biệt,
Đều là tự nghiệp sinh.
Tâm pháp không nên nghĩ,
Vì tương tự cảnh chuyển.*

Luận nói: Tâm sở hữu pháp y chỉ có thể duyên nhiều cảnh, vì 8 thứ thức mỗi mỗi tạo tác tự nghiệp mà khởi. Dựa vào tâm mà có nên gọi là tâm sở hữu pháp, không nên nghĩ nữa. Cảnh sở duyên của nó là do nó cùng với thức v.v... duyên chuyển. Như kinh nói: “Nếu đây thụ, tức đây tư duy. Nếu đây tư duy, tức đây tưởng. Nếu đây tưởng, tức đây liễu biệt.”

Lại nữa, nay sẽ lược nói tác nghiệp của 5 thứ tâm pháp biến hành là tác y, xúc, thụ, tưởng và tư.

Tụng nói:

*Dẫn tâm, 3 phân biệt,
Lãnh nạp, thâm liễu tướng.
Tội lỗi... các tạo tác,
Là tác ý ... các nghiệp.*

Luận nói: Dẫn phát nơi tâm là nghiệp của tác ý. Ba hòa hợp phân biệt là nghiệp của xúc. Lãnh nạp nghịch, thuận, đều không nghịch không thuận là nghiệp của thụ. Thẩm định rõ tướng là nghiệp của tưởng. Để tạo công đức, tội lỗi, đều không công đức không tội lỗi, là nghiệp của tư. Nghiệp của các tâm pháp khác như trước đã nói rộng.

Lại nữa, nay sẽ nói đến sắc sự quyết trạch.

Tụng nói:

*Cõi trên không hương vị,
Đại, tạo, tùy theo được.
Cực vi không tự thể,
Bảy việc phi thật hữu.*

Luận nói: Cõi trên không hương vị, nghĩa là Dục giới trở lên không có hương vị. Đại, tạo, tùy theo được, nghĩa là tứ đại và sở tạo sắc tùy theo tụ hợp mà hiện ra. Được, nghĩa là có tự tướng. Không thể được, trong đây là không. Cực vi không tự thể, nghĩa là các cực vi chỉ do giả tướng lập ra không thật có tự thể. Bảy việc phi thật hư, nghĩa là 7 việc không có thật thể: 1. Biểu sắc. 2. Hình sắc. 3. Ảnh tượng. 4. Tiếng vang. 5. Xúc xú tạo sắc. 6. Luật nghi sắc. 7. Bất luật nghi sắc.

Lại nữa, tụng nói:

*Vi hòa hợp không rời,
Thiện ác không tự nhiên.
Ba tướng, ngoài tướng không,
Pháp xứ sắc 12.*

Luận nói: Vi hòa hợp không rời, nghĩa là cực vi của tứ đại có thể dựa vào chỗ tạo sắc không tách rời. Còn các chỗ sắc khác nếu hòa hợp thì cũng không rời nhau.

Thiện ác không tự nhiên, nghĩa là sắc không phải là một tự thể có tính thiện ác, tùy khả năng phát tâm mà giả nói là thiện ác.

Ba tướng ngoài tướng không, nghĩa là ngoài 3 tướng không có sắc nào khác. Đó là sắc có đối tượng có trông thấy, sắc có đối tượng mà không trông thấy, sắc không có đối tượng cũng không trông thấy. Ba tướng làm ra sắc ngoài ra không có sắc nào khác. Đó là tướng có sắc, tướng có đối tượng, tướng có nhiều thứ khác nhau.

Pháp xứ sắc 12, nghĩa là pháp xứ sở nhiếp sắc lược nói có 12 tướng: 1. Ảnh tượng tướng. 2. Sở tác thành tựu tướng. 3. Vô kiến tướng. 4. Vô đối tượng. 5. Phi thật đại chủng sở sinh tướng. 6. Thuộc tâm tướng. 7. Thế gian tướng. 8. Bất khả tư nghị tướng. 9. Thế gian Tam-ma-địa quả tướng. 11. Tự địa hạ địa cảnh giới tướng. 12. Chư Phật Bồ-tát tùy tâm tự tại chuyển biến bất khả tư nghị tướng.

Lại nữa, nay sẽ nói đến tâm bất tương ưng hành thắng quyết trạch.

Tụng nói:

*Phải biết bất tương ưng,
Đều là giả lập có.
Tính giả có 6 thứ,
Kia đều do 3 lỗi.*

Luận nói: Phải biết tâm bất tương ưng hành đều là giả có. Tính giả có lược nói có 6 thứ. Những gì là 6? Nghĩa là nếu là sự, có thể khởi 6 thứ ngôn luận. Sáu thứ ngôn luận là những gì? 1. Ngôn luận thuộc tương ưng với chủ. 2. Ngôn luận xa lìa đây kia. 3. Ngôn luận cùng chung thiết lập. 4. Ngôn luận do các pháp tập hợp. 5. Ngôn luận không biến khắp tất cả. 6. Phi thường ngôn luận.

Ngôn luận thuộc tương ưng với chủ, nghĩa là các ngôn luận phối thuộc với chủ mới biết tướng của nó chứ không phải không thuộc chủ. Như khi nói sinh, thì đây là sinh ai/cái gì? Quán sát chủ sở thuộc mà khởi ngôn luận này, thì nói sinh sắc, sinh thụ, tướng,

hành, thức. Khi chẳng nói sắc thì đây là sắc của ai/cái gì? Quán chủ sở thuộc khởi ngôn luận này như sinh. Như vậy, trụ, dị, vô thường v.v... các loại tâm bất tương ưng hành, đều phải biết tất cả là ngôn luận thuộc tương ưng với chủ. Nếu sự có thể khởi ngôn luận như vậy thì đó là giả tướng.

Ngôn luận xa lìa đây kia, nghĩa là các ngôn luận không phải lấy đây hiển thị đây, cũng không phải lấy kia hiển thị kia. Đó gọi là ngôn luận xa lìa đây kia. Nếu ngôn luận lấy đây hiển thị đây thì ngôn luận này cũng ở nơi thật tướng khởi, cũng ở nơi giả tướng khởi. Nếu ngôn luận lấy kia hiển thị kia thì ngôn luận này cũng ở nơi thật tướng khởi, cũng ở nơi giả tướng khởi. Nếu chẳng phải ngôn luận lấy đây hiển thị đây, cũng chẳng phải lấy kia hiển thị kia, thì ngôn luận này hoàn toàn ở nơi giả tướng khởi.

Thế nào là ngôn luận lấy đây hiển thị đây, là ở nơi thật tướng khởi? Là như nói đất cứng.

Thế nào là đó cũng ở nơi giả tướng khởi? Là như nói đá tròn, như đất cứng đá tròn. Và như vậy nước ướt, dầu trơn, lửa ấm, lửa mạnh phụt cháy, gió động, gió mạnh thổi, cũng như thế.

Thế nào là ngôn luận lấy kia hiển thị kia, là ở nơi thật tướng khởi? Là như nói Phật cứu Đức Hữu ăn mặc và các vật dụng cần thiết v.v...

Thế nào là ngôn luận chẳng phải lấy đây hiển thị đây, cũng chẳng phải lấy kia hiển thị kia, là hoàn toàn ở nơi giả tướng khởi? Là như cửa của nhà, vách của nhà, miệng của cái lu, bụng của cái lu, xe của quân lính, cây của rừng, 10 trong 100, 3 trong 10 v.v.... Đó gọi là ngôn luận xa lìa đây kia.

Ngôn luận chúng cùng thiết lập, nghĩa là 6 thứ tướng mạo của ngôn luận thi thiết tự thể của ngôn thuyết. Sáu thứ tướng mạo là: sự tướng, ứng thức tướng, hảo tướng v.v..., ích tướng v.v..., ngôn thuyết trạng tướng, tà hạnh tướng v.v....

Sự tướng là tướng do thức nhận lấy. Ứng thức tướng là tướng do tác ý nên có thể khởi nơi thức. Hảo tướng v.v... là tướng do xúc nhận lấy. Ích tướng v.v... là tướng do thụ nhận lấy. Ngôn thuyết trạng tướng là tướng do tưởng nhận lấy. Tà hạnh tướng v.v... là tướng do tư nhận lấy.

Ngôn luận do các pháp tập hợp, nghĩa là ngôn luận do nơi nhiều hòa hợp an lập tự thể. Như ngôn luận nói ở trong sắc, thụ, tưởng, hành, thức là ngã v.v..., ở ngoài sắc, hương, vị, xúc an lập sai biệt nói là nhà cửa, vò hũ, quân lính, rừng núi v.v...

Ngôn luận không biến khắp tất cả, nghĩa là các ngôn luận có nơi thì tùy chuyển có nơi thoái hoàn. Như nơi nhà, nhà thì nói chỉ tùy nhà chuyển, nơi thôn làng đình miếu v.v... thì liền thoái hoàn, nơi vò hũ thì nơi các bình, đồ đựng khác v.v... liền thoái hoàn, quân lính thì nam, nữ v.v... thoái hoàn, rừng thì cây cối, rễ, nhánh, là hoa, quả v.v... thoái hoàn.

Phi thường ngôn luận, là phải biết 4 thứ nhân: vì phá hoại, vì không phá hoại, vì gia hành, vì chuyển biến.

Vì phá hoại là như cái bình đã vỡ thì cái bình gọi là bỏ, miếng sành gọi là sinh. Vì không phá hoại là như các dược liệu cùng hòa hợp làm thành thuốc viên thuốc bột. Các dược liệu gọi là xả bỏ, các thuốc viên thuốc bột gọi là sinh. Vì gia hành là như miếng vàng được gia hành làm các thứ vòng xuyên vật trang sức, bấy giờ miếng vàng gọi là xả bỏ, vàng xuyên gọi là sinh. Vì chuyển đổi là như thức ăn uống khi chuyển đổi thì thức ăn uống v.v... gọi là xả bỏ, phân nhơ gọi là sinh. Những loại như vậy, phi thường ngôn luận tùy theo vật mà phát khởi 6 thứ ngôn luận. Nên biết rằng những vật ấy đều là giả hữu.

Hỏi: Làm sao biết các tâm bất tương ưng hành đều là giả hữu?

Đáp: Vì do 2 lỗi: một là lỗi về nhân, hai là lỗi về thể. Lỗi về nhân nghĩa là nếu nói sinh là nhân của sinh, có thể sinh cái sinh cho

nên gọi là sinh. Như vậy tức là không thể có một quả nào khác sinh ra. Cái sinh này là ai, là nhân năng sinh nên gọi là sinh. Nếu nói sinh là thể của sinh, tức là từ cái khác sinh, cho nên không thể nói là năng sinh. Như vậy, bao nhiêu tâm bất tương ưng hành theo lý nên biết.

Lại nữa tâm kia cho đến tâm bất tương ưng hành, các pháp hữu vi là nhân tính. Nay sẽ nói đến sự quyết trạch của nhân này.

Tụng nói:

*Ba lỗi nhân chẳng 5,
Nhân tướng lược kết hợp.
Chỗ sở y sai khác,
Kiến lập có nhiều thứ.*

Luận nói: Nếu có một kế chấp khác lập ra 6 thứ nhân là: đồng loại nhân, biến hành nhân, câu hữu nhân, tương ưng nhân, dị thực nhân và năng tác nhân. Như vậy trong 6 thứ, trừ dị thực nhân 5 nhân tính khác là không hợp lý, vì có 3 thứ lỗi. Những gì là 3? Như đồng loại nhân thì có 3 lỗi. Nếu nói nhân của cùng loại gọi là đồng loại nhân là đã thành lỗi rồi. Bởi vì sao? Nếu các pháp thiện v.v... thì thiện v.v... là thể tính đã thành tựu trước rồi còn dùng nhân làm gì? Nếu nói cùng loại tức là nhân gọi là đồng loại nhân thì tức là không quả. Thế là có lỗi không nhất định. Bởi vì sao? Không cho thấy rõ quả thì biết cái gì là nhân?

Lại nữa không quyết định nhân thể đồng loại thì pháp không tương tự đồng loại cũng là nhân, cho nên nếu nói không phải đồng loại tức là nhân, cũng là nhân của không phải đồng loại. Như vậy là có lỗi thiết lập trống rỗng. Nói nhân đồng loại là không có chủ, thiết lập vô dụng. Như vậy 3 thứ lỗi của 4 nhân khác cũng đúng như lý nói rộng.

Lại nữa, đã phá nhân không đúng lý, nay sẽ thiết lập nhân tướng đúng lý. Nếu lược nói có 2 thứ nhân: một là nhân của tướng

trói buộc, hai là nhân của tướng hòa hợp. Nhân của tướng trói buộc là phiền não tùy miên. Đây là dựa vào cái khả năng sinh hậu hữu mà nói. Nhân của tướng hòa hợp là nhân duyên hòa hợp thì các pháp sinh. Đây là dựa vào khả năng sinh lúc hiện tại mà nói.

Lại nữa đây là lược nói nhân. Tướng và dựa vào xứ sai biệt kiến lập lại có nhiều thứ.

Tướng, nghĩa là nêu do đây làm trước, đây là kiến lập, đây hòa hợp nên các pháp sinh, hoặc sinh, hoặc được, hoặc thành lập, hoặc làm xong, hoặc khởi tác dụng, phải biết nói như vậy tức là nhân đó.

Hỏi: Lấy cái gì làm trước, cái gì làm kiến lập, cái gì hòa hợp nên pháp gì sinh?

Đáp: Tự chủng tử làm trước, trừ ngoài sở y chung, các thứ khác như sắc, phi sắc sở y và nghiệp dùng làm kiến lập, bạn và sở duyên cảnh làm hòa hợp, cho nên như chỗ thích ứng, các pháp dục hệ, sắc hệ, vô sắc hệ và bất hệ sinh.

Hỏi: Lấy cái gì làm trước, cái gì làm kiến lập, cái gì hòa hợp nên được pháp gì?

Đáp: Chủng tính Thanh Văn, Độc Giác với Như Lai làm trước, sức nội nhân làm kiến lập, sức ngoại nhân làm hòa hợp nên chứng đắc phiền não ly hệ Niết-bàn. Trong đây sức nội nhân là như lý tác ý, thiếu dục, tri túc v.v... các nội phần thiện pháp. Lại nữa, được thân người sinh nơi thánh xứ, các căn không khiếm khuyết, không các nghiệp chướng, ở nơi Như Lai đủ tâm tịnh tín. Các pháp như vậy gọi là sức nội nhân. Sức ngoại nhân là chư Phật ra đời tuyên thuyết diệu pháp, những người ở trong chính pháp cùng làm bạn bè, dùng người có đủ bi và tín làm thí chủ. Những pháp như vậy gọi là sức ngoại nhân.

Hỏi: Lấy cái gì làm trước, cái gì làm kiến lập, cái gì hòa hợp nên pháp gì thành lập?

Đáp: Trong pháp sở tri, thắng giải dục lạc làm trước, lấy tông, nhân, thí dụ làm kiến lập, chúng không mâu thuẫn và tranh luận nhau làm hòa hợp, nên nghĩa muốn lập mới được thành lập.

Hỏi: Lấy cái gì làm trước, cái gì làm kiến lập, cái gì hòa hợp nên pháp gì làm xong?

Đáp: Trí công xảo làm trước, tùy theo sức cần lao làm kiến lập, công xảo, nghiệp xứ, công cụ làm hòa hợp, nên sau đó công xảo nghiệp xứ làm xong. Lại nữa, ái làm trước, do ăn ở nương tựa làm kiến lập, 4 cách ã làm hòa hợp nên hữu tình đã sinh ra được nuôi dưỡng và tồn tại.

Hỏi: Lấy cái gì làm trước, cái gì làm kiến lập, cái gì hòa hợp nên pháp gì có tác dụng?

Đáp: Tự chủng làm trước, tức đời trước làm kiến lập, sinh duyên làm hòa hợp, nên tự tác nghiệp là tự nơi tác dụng mà được làm xong. Tự chỗ tác nghiệp là như nghiệp thấy của mắt. Như vậy biết rằng các căn khác đều có tác nghiệp riêng biệt. Lại như đất có khả năng duy trì, nước có khả năng lưu lãng, lửa có khả năng thiêu đốt, gió có khả năng làm khô ráo. Các loại như vậy gọi là ngoại pháp, đều có tác nghiệp khác biệt.

Chỗ sở y, có 15 thứ nhân duyên chỗ sở y: 1. Tiếng nói. 2. Lãnh thụ. 3. Tập khí. 4. Chủng tử hữu nhuận. 5. Vô gián diệt. 6. Cảnh giới. 7. Căn. 8. Tác dụng. 9. Sĩ phu dụng. 10. Chân thật kiến. 11. Tùy thuận. 12. Công năng sai biệt. 13. Hòa hợp. 14. Chương ngại. 15. Không chương ngại.

Sai biệt, là 10 nhân, 4 duyên, 5 quả.

Mười nhân là tùy thuyết nhân, quán đãi nhân, khiên dẫn nhân, sinh khởi nhân, nhiếp thụ nhân, dẫn phát nhân, định biệt nhân, đồng sự nhân, tương vi nhân, bất tương vi nhân.

Bốn duyên là nhân duyên, đấng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên.

Năm quả là dị thực quả, đấng lưu quả, ly hệ quả, sử dụng quả, tăng thượng quả.

Trong đây, tùy tên gọi tất cả pháp làm trước nên tướng, tướng làm trước nên nói. Đó gọi là tùy thuyết nhân.

Nếu quán sát chờ đợi đây, hoặc nhân đây mà tìm cầu hoặc thủ lấy. Đó gọi là quán đãi nhân. Như quán sát chờ đợi cái tay nên cái tay là nhân khởi nghiệp cầm nắm. Quán sát chờ đợi cái chân thì chân là nhân nên khởi nghiệp đi lại. Quán sát chờ đợi khớp lóng thì khớp lóng là nhân nên khởi nghiệp co duỗi. Quán sát chờ đợi sự đói khát xảy đến nên đói khát là nhân mà tìm cầu cái ăn uống. Tùy theo những loại như vậy có vô lượng sở thụ. Phải biết đều gọi là quán đãi nhân. Nếu chúng tử ở nơi tự quả sau cùng tức là khiên dẫn nhân. Tức chúng tử này là sinh khởi nhân của tự quả. Trừ chúng tử ra, tất cả các duyên là nhiếp thụ nhân. Tức là quả của chúng tử này sau khi sinh rồi là dẫn phát nhân cho chúng tử dẫn đến quả. Cái nhân có thể tạo ra các loại khác nhau, gọi là định biệt nhân. Gồm chung các nhân như quán đãi nhân, khiên dẫn nhân, sinh khởi nhân, nhiếp thụ nhân, dẫn phát nhân, định biệt nhân như vậy gọi là đồng sự nhân. Nếu quả đã sinh rồi bị chướng ngại, gọi là tương vi nhân. Nếu lìa chướng ngại, gọi là bất tương vi nhân.

Chúng tử của các pháp là nhân duyên. Đấng vô gián duyên, nghĩa là nếu từ thức này bình đẳng không gián đoạn quyết định các thức sinh thì đây là đấng vô gián duyên của kia. Nếu các tâm, tâm sở hữu pháp duyên cảnh, đó là sở duyên duyên. Tăng thượng duyên là trừ chúng tử ra, các sở y như nhãn v.v... và các pháp cộng hữu nơi nhãn thức v.v..., cũng như vậy các căn khác v.v... ở nơi các thức khác v.v... lại nữa pháp thiện bất thiện nhiếp thụ quả ái bất ái, những loại như vậy là tăng thượng duyên.

Các pháp bất thiện chiêu báo ác thú, thiện pháp hữu lậu chiêu báo thiện thú. Đó gọi là quả dị thực. Nếu do tập bất thiện nên thích trụ nơi bất thiện, bất thiện tăng nhiều. Còn tu tập thiện thì thích an trụ nơi thiện, thiện pháp tăng nhiều. Lại nữa, tương tự với nghiệp trước, quả sau chuyển theo, đó gọi là quả đẳng lưu. Nếu do thánh bát chi đạo các phiền não diệt, đó là quả ly hệ. Nếu các phàm phu do thế gian đạo mà các phiền não diệt, chẳng phải chuyển một cách rất ráo cho nên không phải quả ly hệ. Nếu các thế gian, ở trong hiện pháp, tùy dựa vào một loại nghiệp xứ công xảo khởi sĩ phu dụng, nghĩa là kinh doanh nông nghiệp, thương mại, làm công chức, kế toán, in ấn v.v... do nhờ đây mà thu hoạch sung túc, được lợi nhuận thương mại v.v..., thành tựu các quả pháp như vậy gọi là quả sĩ dụng. Nhân thức là quả tăng thượng của nhân căn. Như vậy cho đến ý thức là quả tăngb thượng của ý căn. Lại nữa, thân chúng sinh không tan hoại là quả tăng thượng của mạng căn. Lại nữa, trong 22 căn tất cả đều có sức tăng thượng riêng biệt, cho nên quả nó được sinh. Phải biết những quả ấy đều gọi là quả tăng thượng.

Hỏi: Kiến lập như thế nào?

Đáp: Dựa vào chỗ dựa của tiếng nói kiến lập tùy thuyết nhân. Bởi vì sao? Do hệ pháp nơi Dục giới, hệ pháp nơi Sắc, Vô sắc giới và bất hệ pháp kiến lập. Tên gọi làm trước nên tưởng chuyển, tưởng trước nên khởi ngôn ngữ, do ngôn ngữ nên tùy theo chỗ thấy, nghe, hay, biết mà khởi các nói năng. Cho nên dựa vào chỗ dựa của lời nói mà kiến lập tùy thuyết nhân.

Dựa vào chỗ dựa của lãnh thụ kiến lập quán đãi nhân. Bởi vì sao? Người có ý muốn tìm cái vui nơi Dục giới, họ quán sát đây nên tìm kiếm cho được, hoặc cầu chứa đễ, hoặc cầu thụ dụng. Người có ý muốn tìm cái vui nơi Sắc, Vô sắc giới, họ quán sát đây nên đối với các duyên hoặc tìm kiếm cho được, hoặc cầu thụ dụng. Người có ý muốn tìm cái vui nơi không ràng buộc, họ quán sát đây nên đối với

các duyên hoặc cầu được hoặc cầu thụ dụng. Những người không muốn khổ quán sát đây nên đối với sự được duyên, đoạn duyên hoặc cầu xa lìa, hoặc cầu thụ dụng, cho nên dựa vào chỗ dựa của lãnh thụ kiến lập quán đãi nhân.

Dựa vào chỗ dựa của tập khí kiến lập khiên dẫn nhân. Bởi vì sao? Do nghiệp tịnh bất tịnh huân tập các hành trong 3 cõi nên ở trong các thú ái bất ái có thể cảm ái bất ái tự thân. Lại nữa, tức do sức tăng thượng đây những nhu yếu bên ngoài hoặc đầy đủ hoặc tồn giảm. Cho nên dựa vào chỗ dựa của tập khí các hành tịnh bất tịnh nghiệp kiến lập khiên dẫn nhân.

Dựa vào chỗ dựa của hữu nhuận chủng tử kiến lập sinh khởi nhân. Bởi vì sao? Các pháp thuộc cõi Dục và các pháp thuộc cõi Sắc, Vô sắc đều từ chủng tử của chính nó mà được sinh khởi. Ái là năng nhuận. Chủng là sở nhuận. Do các chủng tử sở nhuận này nên trước dẫn dắt các biệt tự thân nay được sinh khởi. Như kinh nói: “Nghiệp là cảm sinh nhân. Ái là sinh khởi nhân.” Cho nên dựa vào chỗ dựa của nhuận chủng tử kiến lập sinh khởi nhân.

Dựa vào chỗ dựa của vô gián diệt và chỗ dựa của tác dụng, sĩ dụng, chân thật kiến của cảnh giới căn kiến lập nhiếp thụ nhân. Bởi vì sao? Do các pháp thuộc cõi Dục vô gián diệt nhiếp thụ, cảnh giới nhiếp thụ, căn nhiếp thụ, tác dụng nhiếp thụ, sĩ dụng nhiếp thụ, nên các hành chuyển. Giống như các hành thuộc cõi Dục, các hành thuộc cõi Sắc, Vô sắc cũng vậy.

Vì nhiếp thụ chân thật kiến nên các hành không ràng buộc khác chuyển. Cho nên dựa vào chỗ dựa của vô gián diệt, cảnh giới, căn, tác dụng, sĩ dụng, chân thật kiến mà kiến lập nhiếp thụ nhân.

Dựa vào chỗ dựa của tùy thuận kiến lập dẫn phát nhân. Bởi vì sao? Thiện pháp thuộc cõi Dục có thể dẫn phát các thắng thiện pháp cõi Dục. Như vậy thiện pháp cõi Dục có thể dẫn phát các thắng thiện pháp thuộc cõi Sắc, Vô sắc vì tùy thuận theo chúng.

Như thiện pháp của Dục hệ, thiện pháp của Sắc hệ cũng như vậy có thể dẫn phát các thắng thiện pháp của Sắc hệ và Vô sắc hệ. Nếu các thiện pháp của bất hệ, như thiện pháp của Sắc hệ, như vậy thiện pháp của Vô sắc hệ có thể dẫn phát các thắng thiện pháp của Vô sắc hệ và thiện pháp của bất hệ. Như thiện pháp của Vô sắc hệ, như vậy thiện pháp bất hệ có thể dẫn phát các thắng thiện pháp của bất hệ và có thể dẫn phát pháp vô vi tác chứng.

Lại nữa, bất thiện pháp có thể dẫn phát thắng bất thiện pháp. Nghĩa là như dục tham v.v... có thể dẫn phát sân, si, mạn, kiến nghi, thân ác hành, ngữ ác hành, ý ác hành. Như dục tham, như vậy sân, si, mạn, kiến nghi cũng đều như thế. Như vậy pháp vô ký có thể dẫn phát thiện bất thiện vô ký pháp. Vì vậy mà thức A-lại-da có thể gìn giữ chủng tử thiện bất thiện vô ký.

Lại nữa, vô ký pháp có thể dẫn phát đồng loại thắng vô ký pháp. Nghĩa là đoàn thực có thể đưa đến hữu tình đã sinh ra khiến trụ không hoại và có thể dẫn phát sức mạnh vui thích khiến tăng trưởng vì tùy thuận chúng. Cho nên dựa vào chỗ tùy thuận kiến lập dẫn phát nhân.

Dựa vào chỗ dựa của công năng sai biệt kiến lập định biệt nhân. Bởi vì sao? Do công năng của tự thể pháp của Dục hệ có sai biệt nên có thể sinh pháp sai biệt của các thứ thể. Như pháp của Dục hệ, như vậy pháp của Sắc hệ, pháp của Vô sắc hệ và pháp của bất hệ cũng thế. Cho nên dựa vào chỗ dựa của công năng sai biệt kiến lập định biệt nhân. Dựa vào chỗ dựa của hòa hợp kiến lập đồng sự nhân. Bởi vì sao? Phải do đạt được tự sinh hòa hợp nên pháp Dục hệ sinh. Như pháp Dục hệ, pháp Sắc hệ, pháp Vô sắc hệ và bất hệ pháp cũng thế. Như sinh hòa hợp, như vậy đắc hòa hợp, thành lập hòa hợp, thành biện hòa hợp, tác dụng hòa hợp cũng thế. Cho nên dựa vào chỗ hòa hợp kiến lập đồng sự nhân.

Dựa vào chỗ có chương ngại kiến lập tương vi nhân. Bởi vì sao? Nếu pháp Dục hệ khi sắp sinh nếu có chương ngại hiện tiền thì

không khởi được. Như pháp Dục hệ, như vậy pháp Sắc, Vô sắc hệ và bất hệ pháp cũng thế. Như vì muốn sinh, như vậy vì muốn được, vì muốn thành lập, vì muốn làm xong, vì muốn tác dụng cũng thế. Cho nên dựa vào chỗ chứng ngại kiến lập tương vi nhân. Dựa vào chỗ không chứng ngại kiến lập bất tương vi nhân. Bởi vì sao? Nếu khi pháp của Dục hệ sắp sinh nếu không có chứng ngại hiện tiền thì liền được sinh khởi. Như pháp của Dục hệ, pháp của Sắc, Vô sắc hệ và bất hệ pháp cũng thế. Như sinh, như vậy đắc, thành lập, thành biện, tác dụng cũng thế. Như sinh, như vậy đắc, thành lập, thành biện, tác dụng cũng như thế. Cho nên dựa vào chỗ không chứng ngại kiến lập bất tương vi nhân.

Lại nữa dựa vào chỗ dựa của chủng tử duyên kiến lập nhân duyên. Dựa vào chỗ dựa của vô gián diệt duyên kiến lập đẳng vô gián duyên. Dựa vào chỗ dựa của cảnh giới duyên kiến lập sở duyên duyên. Dựa vào chỗ dựa của các duyên khác kiến lập tăng thượng duyên.

Lại nữa, dựa vào tập khí và tùy thuận nhân y xứ, duyên y xứ, kiến lập dị thực quả và đẳng lưu quả. Dựa vào chan thật kiến nhân y xứ duyên y xứ, kiến lập ly hệ quả. Dựa vào sĩ dụng nhân y xứ, duyên y xứ, kiến lập sĩ dụng quả. Dựa vào các nhân y xứ duyên y xứ khác kiến lập tăng thượng quả.

Lại nữa, nghĩa thuận ích là nghĩa của nhân. Nghĩa kiến lập là nghĩa của duyên. Nghĩa thành biện là nghĩa của quả.

Lại nữa có 5 tướng của nhân kiến lập.

Đó là nhân năng sinh, nhân phương tiện, nhân vô gián diệt, nhân diệt đã lâu xa. Nhân năng sinh, là nhân sinh khởi. Nhân phương tiện là các nhân khác. Nhân câu hữu là một phần của nhân nhiếp thụ. Như nhãn đối với nhãn thức. Như vậy nhĩ v.v... đối với các thức khác. Nhân vô gián diệt nghĩa là nhân sinh khởi. Nhân diệt đã lâu xa là nhân khiên dẫn.

Lại nữa có 5 tướng của nhân kiến lập.

Đó là nhân khả ái, nhân không khả ái, nhân tăng trưởng, nhân lưu chuyển, nhân hoàn diệt.

Lại nữa có 7 tướng của nhân kiến lập.

Đó là pháp vô thường là nhân tướng. Không có pháp thường, được gọi là nhân. Như sinh nhân, đắc nhân, thành lập nhân, thành biện nhân, tác dụng nhân.

Lại pháp vô thường khi làm nhân cho pháp vô thường làm nhân cho tính khác không phải tính củ chính nó, cũng làm nhân cho tự tính sau, không phải ngay nơi sát-na này.

Lại làm nhân cho tính khác và khi làm nhân cho tự tính sau, chắc chắn đã sinh chưa diệt, không phải chưa sinh đã diệt.

Lại làm nhân khi đã sinh chưa diệt ắt được các duyên, không phải không được.

Lại khi được các duyên chắc chắn thành đối khác, không phải chưa thành đối khác.

Lại khi thành đối khác chắc chắn có công năng tương ưng, không phải công năng thoái mất.

Lại khi công năng tương ưng chắc tương xứng tùy thuận, không phải không tương xứng không tùy thuận.

Như vậy 7 thứ tướng nhân, thích ứng thì kiến lập.

Lại nữa, nay sẽ nói về vô vi quyết trạch.

Tụng nói:

*Vì tâm sở duyên v.v...
 Vì thanh tịnh sở duyên,
 Vì 4 thứ ly hệ,
 Nên lập 8 vô vi.*

Luận nói: Tám thứ vô vi như đã nói trong phẩm Nhiếp sự. Hư không vô vi, nghĩa là do tâm duyên cảnh tướng tương tự, cho nên lập là thường, không phải duyên tâm kia, duyên cảnh giới kia mà có khi biến đổi. Do thanh tịnh duyên nên kiến lập chân như. Do chân như này như khi thanh tịnh duyên thể tướng thường trụ như vậy. Do 4 thứ ly hệ nên kiến lập 4 vô vi khác. Đó là phi trạch diệt v.v...4 thứ. Ly hệ, là duyên sai thoát tất cánh ly hệ, giản trạch phiền não cứu cánh ly hệ, khổ lạc tạm thời ly hệ, tâm tâm pháp tạm thời ly hệ.

Như vậy đã nói tất cả về quyết vtrạch giới sự. Nay sẽ nói quyết trạch.

Tụng nói:

*Cần phải biết 3 cõi,
Mười hai tướng sai biệt.
Sở trị và năng trị,
Chỉ làm tổn phục chúng.*

Luận nói: Phải biết 3 cõi Dục, Sắc, Vô sắc có 12 thứ tướng sai biệt:

1. Nhiều thứ sai biệt. Đây lại có 6 thứ là: nhiều thứ sở y, nhiều thứ tướng mạo, nhiều thứ xứ sở, nhiều thứ cảnh giới, nhiều thứ phiền não, nhiều thứ tác nghiệp.

2. Cõi đến sai biệt.

3. Khổ vui không khổ không vui và cả hai sai biệt.

4. Có nạn không nạn sai biệt. Nghĩa là ở Dục giới hoặc có nạn hoặc không có nạn, còn 2 cõi trên chỉ có nạn là thiếu công năng.

5. Xứ không thanh tịnh, thân không thanh tịnh sai biệt. Nghĩa là hoặc có xứ không thanh tịnh mà thân thanh tịnh, nghĩa là sinh ở Dục giới nơi không có tai nạn. Hoặc có xứ thanh tịnh thân thanh tịnh, tức là người đã kiến đế ở Sắc giới Vô sắc giới.

6. Thụ dụng sai biệt, nghĩa là Dục giới thụ dụng cảnh giới ngoại môn và thụ dụng 4 cách ăn. Hai giới trên thụ dụng cảnh giới nội môn và thụ dụng 3 cách ăn.

7. Thiện căn hơn kém sai biệt.

8. Thiện căn có xen tạp ác hành, thiện căn không xen tạp ác hành sai biệt.

9. Thô trọng, hậu bạc sai biệt.

10. Sinh sai biệt.

11. Được tự thể sai biệt. Nghĩa là ở Dục giới đủ 4 thứ được tự thể. Hai cõi trên chỉ có một thứ, do cõi kia không có nên tự hại cũng không tha hại.

12. Ngôn thuyết sai biệt. Nghĩa là trong Dục giới đủ 4 thứ ngôn thuyết. Sắc giới không giác, không suy đạc. Vô sắc giới tất cả không có.

Lại nữa, phải biết 3 cõi năng trị sở trị sai biệt. Nghĩa là Dục giới là sở trị Sắc giới là năng trị. Sắc giới là sở trị Vô sắc giới là năng trị. Lại nữa hạ địa là sở trị thượng địa là năng trị.

Như vậy đối trị chỉ là làm tổn làm đẽ bẹp chủng tử khiến nó suy yếu, không phải vĩnh viễn hại diệt để sinh.

Lại nữa tụng nói:

*Pháp vương vị nước biển,
Dục ác thú trường thọ.
Nhiều thế giới chung một,
Đều 2 thứ nhân duyên.*

Luận nói: Vì nhân duyên gì Diêm-ma quỷ vương gọi là pháp vương? Nghĩa là do nhiếp ích chúng sinh, vì 2 thứ nhân có thể nhiếp ích: 1. Khiến chúng sinh kia nghĩ nhớ đời trước đã làm, nay tự trách

chán ghét ác nghiệp đời trước. 2. Khiến người chết nơi địa ngục không tạo các nghiệp ác khác nữa, mau thoát ly khỏi địa ngục.

Vì nhân duyên gì nước các biển lớn đều có vị mặn? Vì do 2 nguyên nhân: 1. Nước sinh phúc lực chúng sinh tăng trưởng, nên khiến các chúng sinh khác không thể nhập vào. 2. Trên cạn sinh không phúc tăng thượng, nên khiến chúng sinh không được vào lấy châu báu. Vì nhân duyên gì một số chúng sinh trong cõi địa ngục, súc sinh có thọ mạng dài lâu hơn các chúng sinh có căn lành ở cõi Dục? Cõi ác sống lâu do 2 nguyên nhân: 1. Thiện pháp ở cõi Dục phải tư duy lựa chọn siêng năng cố gắng mới có thể sinh khởi. 2. Các pháp bất thiện thì không do tư duy lựa chọn mà tự nhiên khởi. Vì nhân duyên gì trong 3 ngàn Đại thiên thế giới này có nhiều thế giới, cho đến trời Sắc cứu cánh mà nói là đồng một thế giới cho đến Phạm thế? Nghĩa là do 2 nguyên nhân: một là cùng thành hoại, hai là kiến lập các hội.

QUYỂN 18 HẾT

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỀN 19

Phẩm 11 - 3: NHIẾP THẮNG QUYẾT TRẠCH

Luận nói: Như vậy đã nói giới sự quyết trạch xong. Trong tạp nhiễm sự thắng quyết trạch, nay sẽ nói trước phiền não tạp nhiễm thắng quyết trạch.

Luận nói:

*Ý tương ưng 4 hoặc,
Biến hành mà câu khởi.
Vô ký diệt sau cùng,
Tùy chỗ sinh ra tính.*

Luận nói: Phải biết ý tương ưng phiền não, biến hành khắp các vị, cùng tất cả tâm hữu lậu thiện, đồng thời khởi hiện hành mà không mâu thuẫn. Lại nữa phiền não này đồng thời cùng sinh, không phân biệt khởi. Tính của nó là hữu phú vô ký, không phải tính bất thiện. Cuối cùng đến định Kim cương dụ thì đoạn dứt một cách mau chóng. Lại nữa phiền não này có 4 thứ đó là vô minh, Tát-ca-da kiến, ngã mạn, ngã ái. Nếu Bồ-đặc-già-la sinh trong thế giới này thì ý này tương ưng phiền não, tức gồm nhiếp trong thể tính của thế giới này.

Lại nữa tụng nói:

*Tất cả sinh liên tục,
Hiện khởi cùng với duyên.*

*Tùy miên cảnh thô trọng,
Sai biệt có 20.*

Luận nói: Nếu sinh ở cõi này, tức cõi đất này thì tất cả phiền não sinh liên tục. Lại nữa, phiền não tạp nhiễm này hoặc hiện hành, hoặc duyên, hoặc tùy miên, hoặc duyên cảnh, hoặc thô trọng, phải biết có 20 tướng phiền não. Hiện hành có 20 thứ:

1. Tùy sở dục trói buộc hiện hành, là người tại gia.
2. Không tùy sở dục trói buộc hiện hành, là người xuất gia.
3. Không rõ ràng, là ở người thuyết pháp tồi.
4. Rõ ràng, là ở người thuyết pháp giỏi.
5. Tăng thượng lẫn nhau, là tham v.v... các hành.
6. Đều bình đẳng, là đẳng phần hành.
7. Vi bạc, là bạc trần hành.
8. Ngoại môn trói buộc hiện hành, là người chưa ly dục.
9. Nội môn trói buộc hiện hành, là người do thể gian đạo ly dục.
10. Tăng thượng trói buộc hiện hành, là các phạm phu.
11. Mất niệm trói buộc hiện hành, là các hữu học.
12. Phân biệt trói buộc hiện hành, là người chấp trước cứng nhắc.
13. Câu sinh trói buộc hiện hành, là người không chấp trước cứng nhắc.
14. Quán sát hiện hành, là người thích quán sát.
15. Không tự tại hiện hành, là người ngu.
16. Tự tại hiện hành, là người giác ngộ.
17. Không thể cứu được hiện hành, là người không có pháp Niết-bàn.

18. Có thể cứu được hiện hành, là người có pháp Niết-bàn.
19. Thủ tướng hiện hành, là người tư duy tìm kiếm tùy theo pháp mà thủ lấy tướng mạo.
20. Không thủ lấy tướng mạo hiện hành, là người không tư duy tìm kiếm theo pháp thủ lấy tướng mạo.

Phiền não có 20 thứ: 1. Vui. 2. Khổ. 3. Không khổ không vui. 4. Dục. 5. Tìm kiếm. 6. Xúc. 7. Trước đã tập quen. 8. Tùy miên. 9. Không gần gũi bạn lành. 10. Không nghe chính pháp. 11. Không tác ý như lý. 12. Không tin. 13. Biếng nhác. 14. Mất niệm. 15. Tán loạn. 16. Không biết đúng. 17. phiền não phóng túng. 18. Tính phạm phu. 19. Do ly dục. 20. Do thụ sinh.

Phiền não tùy miên có 20 thứ: 1. Tùy miên trong bất định. 2. Tùy miên trong định. 3. Tùy miên trong cảnh của chính nó. 4. Tùy miên theo cảnh khác. 5. Tùy miên bị tổn. 6. Tùy miên chưa bị tổn. 7. Tùy miên tùy thuận. 8. Tùy miên không tùy thuận. 9. Tùy miên đầy đủ. 10. Tùy miên khuyết giảm. 11. Tùy miên có thể hại. 12. Tùy miên không thể hại. 13. Tùy miên tăng thượng. 14. Tùy miên bình đẳng. 15. Tùy miên mong manh. 16. Tùy miên có giác tỉnh. 17. Tùy miên không giác tỉnh. 18. Tùy miên sinh nhiều khổ. 19. Tùy miên sinh ít khổ. 20. Tùy miên không sinh khổ.

Phiền não duyên cảnh có 20 thứ: 1. Duyên cảnh có sự. 2. Duyên cảnh không sự. 3. Duyên cảnh tự tướng. 4. Duyên cảnh tướng chung. 5. Duyên cảnh hiện thấy. 6. Duyên cảnh không hiện thấy. 7. Duyên cảnh ngoại môn. 8. Duyên cảnh nội môn. 9. Duyên cảnh phiền não tự loại. 10. Duyên cảnh phiền não loại khác. 11. Duyên cảnh chính nó. 12. Duyên cảnh khác. 13. Duyên cảnh không. 14. Duyên cảnh hữu lậu. 15. Duyên cảnh vô lậu. 16. Duyên cảnh hữu vi. 17. Duyên cảnh vô vi. 18. Duyên cảnh tự tâm phân biệt. 19. Duyên cảnh nghĩ nhớ phân biệt. 20. Duyên cảnh sự tướng.

Thô trọng có 20 thứ: 1. Tính chấp thô trọng. 2. Tính phiền não thô trọng. 3. Tính nghiệp thô trọng. 4. Phiền não chướng thô trọng. 5. Sở tri chướng thô trọng. 6. Định chướng thô trọng. 7. Nghiệp chướng thô trọng. 8. Báo chướng thô trọng. 9. Cái chướng thô trọng. 10. Bất chính tâm tư thô trọng. 11. Sầu não thô trọng. 12. Sợ sệt thô trọng. 13. Mệt nhọc thô trọng. 14. Ăn thô trọng. 15. Ngủ chiêm bao thô trọng. 16. Dâm dục thô trọng. 17. Đại chủng nghịch nhau thô trọng. 18. Giờ giấcthay đổi thô trọng. 19. Chết thô trọng. 20. Biến hành thô trọng.

Lại nữa, nếu lược nói biết phiền não là do 5 thứ tướng. Đó là tướng tự thể, tướng nhân, tướng phẩm loại, tướng tâm loạn cảnh và tướng quả.

Lại nữa thể nào là phiền não tùy miên và bất thiện?

Tụng nói:

*Là tùy thuận tự sinh,
Là chủng tử cố sự,
Là sinh 4 làm lỗi,
Là 3 nhân bất tịnh.*

Luận nói: Do 4 nhân nên gọi là tùy miên: 1. Tùy thuận tự sinh. Nghĩa là nếu phiền não tùy thuận với phiền não này. 2. Chủng tử tùy trói buộc. 3. Kia tăng thượng. 4. Sinh 4 lỗi làm. Bốn lỗi làm là: 1. Lỗi làm không tịch tĩnh. 2. Lỗi làm sai biệt. 3. Lỗi làm phát hành. 4. Lỗi làm tiếp nhận nhân. Trong đây 1 do 2 được rõ, 3 do 4 được rõ.

Hỏi: Làm sao biết tướng của bất thiện phiền não?

Đáp: Do 3 nhân. Đó là vì mãnh liệt quá, vì não loạn hữu tình, vì có khả năng chướng ngại thiện pháp.

Lại nữa, nay sẽ nói đến nghiệp tạp nhiễm thắng quyết trạch.

Tụng nói:

*Nghiệp tư và tư dĩ,
Sai biệt có 13.
Quả kia 6, 3 vị,
Nghiệp quyết định 5 thứ.*

Luận nói: Nếu lược nói, nghiệp có 2 thứ là tư và tư dĩ. Nghiệp này lại có 13 thứ khác nhau: 1. Nghiệp thân. 2. Nghiệp ngữ. 3. Nghiệp ý. 4. Nghiệp gồm trong luật và oai nghi. 5. Nghiệp không gồm trong luật và oai nghi. 6. Nghiệp đều không gồm cả hai. 7. Nghiệp phúc. 8. Nghiệp chẳng phải phúc. 9. Nghiệp bất động. 10. Nghiệp hắc hắc dị thực. 11. Nghiệp bạch bạch dị thực. 12. Nghiệp hắc bạch hắc bạch dị thực. 13. Nghiệp phi hắc bạch không dị thực có thể hết các nghiệp.

Như vậy nghiệp có 6 thứ quả và 3 thứ vị. Sáu thứ quả là quả khả ái, quả không khả ái, quả thanh tịnh, quả dị thực, quả đẳng lưu, quả tăng thượng. ba vị là tác dụng vị, tập khí vị, quả vị. Lại nữa, như vậy nghiệp có 5 thứ quyết định: 1. Hiện pháp chịu quyết định. 2. Sinh chịu quyết định. 3. Sau sai biệt chịu quyết định. 4. Chịu báo quyết định. 5. Tác nghiệp quyết định.

Lại nữa tụng nói:

*Tự nghiệp có 4 thứ,
Đây tiên thực cũng 4.
Lại phải biết 9 thứ,
Túc 2 thứ sai biệt.*

Luận nói: Như Bạc-già-phạm nói: Ma-nạp-bà phải biết tất cả hữu tình tự nghiệp, sở tác nghiệp là tránh bản, tòng nghiệp, sở sinh nghiệp là y thú. Như vậy nghiệp này, tự sở tác nghiệp có 4 thứ: tự có khả năng tương tục với quả, năng trị sở trị hiện tiền, từ đời quá khứ sinh đời hiện tại, vì vị lai hữu. Vì nghiệp hết nên gọi là nghiệp y thú.

Lại nữa nghiệp báo này có 4 thứ trước sau báo thực: Tiên hậu báo thực, tức là nghiệp nặng trước nhất báo thực. Tiếp đến là gần nhất. Tiếp đến là tập quen thường xuyên. Sau là tiên tác giả.

Lại nữa nghiệp không thể đoán là dị thực quyết định, nếu bất định nghiệp báo thì ở ly dục đoán không thể gây chướng ngại. Lại nữa các ngoại đạo khởi kiến như vậy, luận nói như vậy, tùy các chúng sinh tạo tác các nghiệp, hoặc lạc câu hành, hoặc khổ câu hành, chỗ chịu quả dị thực cũng như vậy. các ngoại đạo kia đều vọng chấp. Bởi vì sao? Vì đều chịu đủ cả hai. Nghĩa là các nghiệp thiện cũng chịu quả báo khổ cũng được quả báo vui, và nghiệp bất thiện cũng vậy.

Lại nữa, phải biết nghiệp dựa vào 2 căn nên thành tính thiện và bất thiện. Nghĩa là dựa vào thiện căn nên khởi các nghiệp thiện, dựa vào bất thiện căn nên khởi nghiệp bất thiện.

Lại nữa, phải biết tướng sai biệt của nghiệp thiện bất thiện là do 9 nhân: 1. Do nhân và ruộng, nghĩa là do căn thiện bất thiện và tôn trọng v.v... mà ruộng có sai biệt. 2. Do sự, nghĩa là do sự viên mãn không viên mãn. 3. Do phương tiện, nghĩa là do phương tiện ân trọng không ngót. 4. Do y chỉ, nghĩa là do y chỉ tịnh hoặc bất tịnh. 5. Do tác ý, nghĩa là do mãnh lợi tịnh tín và tăng thượng triền. 6. Do dục giải, nghĩa là hồi hướng nguyện cầu quả báo hơn kém. 7. Do trợ bạn, nghĩa là do nhiếp thụ các pháp thiện bất thiện khác. 8. Do nhiều tu tập, nghĩa là tự tu hành và dạy người tu hành, tán thán tùy hỷ, thấy người đồng đạo tâm sinh vui mừng. 9. Do nhiều người, nghĩa là cùng nhiều người cùng hành nghiệp này.

Lại nữa, nay sẽ nói về sinh tạp nhiễm thắng quyết trạch.

Tụng nói:

*Mạng chung định bất định,
Trung yếu do 6 nhân.*

*Minh liễu vị 3 tâm,
Trung hữu hoặc hữu vô.*

Luận nói: Có 2 thứ mạng chung: một quyết định, là Bắc thắng thượng châu, hai không quyết định, là các nơi khác. Lại nữa trung yếu là do 6 nhân: 1. Vì không lánh, bất bình. 2. Vì quên mất niệm. 3. Vì ý uất giận. 4. Vì thọ mạng chấm dứt. 5. Vì hết nghiệp. 6. Vì hết phúc. Lại nữa khi mạng chung có 3 thứ tâm là tâm thiện tâm bất thiện và tâm vô ký. Đây là trường hợp tâm đang sáng suốt rõ ràng. Nếu đến lúc không sáng suốt rõ ràng thì chắc chắn chỉ có vô ký. Lại nữa sau khi mạng chung hoặc có trung hữu, nghĩa là người sắp sinh cõi có sắc, hoặc không có trung hữu là người sắp sinh cõi vô sắc.

Lại nữa tụng nói:

*Y dư hữu sở duyên,
Tâm nhiễm ô sinh khởi,
Trong 4 thứ loài sinh,
Và tam giới ngũ thú.*

Luận nói: Y chỉ các trung hữu, duyên sinh xứ là cảnh. Tâm nhiễm ô sinh khởi khiến sinh có tương tục. Lại trong 4 loài sinh chịu các sinh tử là sinh trứng, sinh bào thai, sinh nơi ẩm ướt, biến hóa sinh. Lại nữa ở trong 3 cõi Dục, Sắc, Vô sắc và ở địa ngục v.v... ngũ thú chịu các sinh tử.

Như vậy hoặc chết, hoặc sinh, hoặc nơi ở, đã nói rõ nghĩa sinh tạp nhiễm thắng quyết trạch. Nay sẽ nói đến để sự quyết trạch.

Tụng nói:

*Phải biết thế tục đế,
Ý giải nghĩa và nói.
Tịnh sở duyên tính kia,
Phương tiện là thắng nghĩa.*

Luận nói: Tất cả ngôn thuyết và nhân đó ý hiểu được nghĩa, đều gọi là thế tục đế. Nếu thanh tịnh sở duyên, nếu tính thanh tịnh, nếu phương tiện đó, đều gọi là thắng nghĩa đế. Thanh tịnh sở duyên, là 4 thánh đế và chân như. Tính thanh tịnh, là diệt đế thanh tịnh. Phương tiện, là đạo đế.

Lại nữa tụng nói:

*Phải biết 4 thứ đây,
Gồm có tịnh và nhiễm.
Chưa thấy chưa từng thụ,
Như bệnh, bệnh diệt nhân.*

Luận nói: Phải biết 4 đế gồm 2 pháp nhiễm ô và thanh tịnh. Hai thứ nhiễm ô như quả, như nhân, thì thanh tịnh cũng vậy. Như vậy 4 đế, tất cả hữu tình từ vô thủy đến nay chưa như thật thấy 2 đế diệt đạo, cũng chưa từng trải. Lại như bệnh, bệnh diệt và 2 nhân kia kiến lập 4 đế: khổ đế như bệnh, tập đế như nhân của bệnh, diệt đế như bệnh diệt, đạo đế như nhân của bệnh diệt.

Lại nữa tụng nói:

*Phải biết 4 đế này,
Đều 4 tướng 4 hành.
Biết khắp cả 4 thứ,
Tính nhân quả sai biệt.*

Luận nói: Phải biết 4 thánh đế mỗi mỗi có 4 tướng.

Khổ đế có 4 tướng: 1. Khởi khổ. 2. Nội duyên khổ. 3. Ngoại duyên khổ. 4. Thô trọng khổ. Ban đầu là sinh khổ. Thứ 2 là lão, bệnh, tử khổ. Thứ 3 là oán ghét gặp nhau khổ, thương yêu chia lìa khổ, sở dục thiếu thôn khổ. Thứ 4 là 5 thủ uẩn khổ.

Tập đế có 4 tướng: 1. Tổng ái. 2. Hậu hữu ái. 3. Hỷ tham đồng hành ái. 4. Các xứ hỷ ái.

Diệt đế có 4 tướng: 1. Ái hết. 2ư. Lìa dục. 3. Diệt. 4. Niết-bàn.

Đạo đế có 4 tướng là khô, chậm, thông, đặng 4 thứ hành tích đã nói ở trước. Lại nữa phải biết mỗi đế đều có 4 hành, như đã nói trong phẩm Thành hiện quán. Lại nữa phải biết trong các đế có biến tri, vĩnh đoạn, tác chứng, tu đạo thể tính nhân quả. Ba cái trước là quả. Tu đạo là nhân. Nghĩa là nhân biến tri khô, nhân vĩnh đoạn tập, nhân của chứng diệt.

Vì sao thế tục v.v... gọi là đế?

Tụng nói:

*Cái biết không trái nghịch,
Tự nhiên. Chứng cũng vậy.
Đế 3 thứ chỉ thiện,
Lại phải biết 2 thứ.*

Luận nói: Cái biết tự nhiên không trái nghịch, nghĩa là ngu phu trong thế gian do pháp là tự nhiên nên cái biết đối với các pháp không trái nghịch, là tự nhiên của thế tục đế. Chứng cũng vậy, nghĩa là người đã kiến đế thì sự chứng pháp tính cũng không trái nghịch, đó là thắng nghĩa đế. Đạo lý này, đức Bạc-già-phạm nói: “Tất cả Thánh giả lấy đây làm chân lý nên gọi là thánh đế.” Lại nữa, phải biết khô v.v... 4 đế thì 2 thứ đầu thông cả 3 tính thiện bất thiện vô ký. Kỳ dư chỉ có thiện. Lại nữa thiện có 2 thứ là thế gian và xuất thế gian. Đây lại có 2 thứ là đoạn và đạo sở nhiếp.

Như vậy là đã nói về đế sự quyết trạch. Nay sẽ nói đến y chi quyết trạch.

Tụng nói:

*Phải biết 7 y chi,
Ba thứ tính sở y.
Thiện xảo ấy 2 thứ,
Bốn câu v.v...nói rộng.*

Luận nói: Phải biết do 3 thứ tính sở y nên đức Bạc-già-phạm nói 7 thứ y chỉ. Những gì là 3 thứ sở y? 1. Sở y của lậu tận. 2. Sở y của công đức phát khởi. 3. Sở y của hiện trụ pháp lạc. Lại nữa phải biết y chỉ này có 2 thứ thiện xảo: 1. Tam-ma-địa thiện xảo. 2. Tam-ma-bát-đề thiện xảo. Ở đây có 4 câu sẽ phân biệt rộng, như Bạc-già-phạm nói trong Ôn-đà-nam Già-tha:

*Hoặc có người tinh lự,
Tam-ma-địa thiện xảo,
Hoặc Tam-ma-bát-đề,
Hoặc câu, hoặc bất câu.*

Luận nói: Thế nào là Tam-ma-địa thiện xảo chẳng phải Tam-ma-bát-đề thiện xảo? Nghĩa là nơi không v.v... 3 Tam-ma-địa thiện xảo nên chẳng phải thắng xứ, biến xứ, diệt tận định v.v... thiện xảo. Thế nào là Tam-ma-bát-đề thiện xảo chẳng phải Tam-ma-địa thiện xảo? Nghĩa là nơi thắng xứ, biến xứ, vô tướng định v.v... hoặc nhập hoặc xuất Tam-ma-đề thiện xảo, nên chẳng phải nơi 3 Tam-ma-địa thiện xảo. Thế nào là câu thiện xảo? Nghĩa là đối với việc giải thuyết sự sai biệt của Tam-ma-địa và Tam-ma-bát-đề đều thiện xảo. Thế nào là câu phi thiện xảo? Nghĩa là đối với việc giải thuyết sự sai biệt của Tam-ma-địa và Tam-ma-bát-đề đều không thiện xảo. Lại nữa, Tam-ma-địa thiện xảo chẳng phải Tam-ma-bát-đề thiện xảo, là khéo biết rõ sự sai biệt về danh cú văn của sở nhập Tam-ma-địa, nên không khéo biết rõ tướng hành trạng của năng nhập Tam-ma-địa. Tam-ma-bát-đề thiện xảo chẳng phải Tam-ma-địa thiện xảo, nghĩa là như có người có khả năng khéo biết rõ tướng hành trạng của sở nhập Tam-ma-địa mà nhập định ấy. Không khéo biết rõ sự sai biệt danh cú văn của Tam-ma-địa này, mà nói ta nay nhập như thế như thế là Tam-ma-địa. Lại có Bồ-tát có khả năng nhập trăm Tam-ma-địa ngàn tam-ma-địa v.v... nhưng Bồ-tát ấy không có khả năng hiểu rõ sự sai biệt danh cú văn của định ấy mà nói ta nay nhập như thế như thế là

Tam-ma-địa, cho đến chưa theo chư Phật và được nghe đệ nhất cứu cánh Bồ-tát Ma-ha-tát, hoặc tự mình chưa được đệ nhất cứu cánh.

Hỏi: Thế nào là trụ định?

Đáp: Nghĩa là như có người có khả năng nhập định, có khả năng hiểu rõ thủ lấy tướng hành trạng, khéo hiểu rõ thủ lấy nên tùy chỗ muốn mà trụ vào định. Lại nữa khi nhập các Tam-ma-địa không thoái mất. Như vậy có 2 thứ trụ: 1. An trụ nơi định nên gọi là trụ. 2. Có khả năng không thoái mất nên gọi là trụ.

Hỏi: Thế nào là khởi định?

Đáp: Nghĩa là như có người có thể nhập định tướng hành trạng không tư duy nữa, chỉ dùng tướng phân biệt của bất định địa trong định địa đồng phần tác ý tư duy các pháp, nên từ Tam-ma-địa này khởi, hoặc nhân tùy sở tác khởi, hoặc nhân quyết định sở tác khởi, hoặc nhân kỳ nguyện sở tác khởi. Tùy sở tác, là nghiệp y bát các vật dụng. Quyết định sở tác, là các hạnh như đại tiểu tiện, cung kính sư trưởng, khát thực v.v... Kỳ nguyện sở tác, là như có một thời kỳ hứa vì người theo làm một việc gì, hoặc lại vì nhập một định khác, nên từ định khởi.

Hỏi: Thế nào là hành?

Đáp: Hành cảnh sở duyên mà nhập vào định nên gọi là hành, nghĩa là dựa vào Tam-ma-địa khởi các hành như thô tĩnh, bệnh, ung nhọt, tên bắn, vô thường v.v...

Hỏi: Thế nào là trạng?

Đáp: Như có người sắp nhập định, bấy giờ chắc chắn có định tướng sinh khởi. Do tướng này nên hành giả tự biết mình không lâu sẽ nhập định tướng như vậy như vậy. Hoặc là đã nhập. Lại nữa giáo thụ sư cũng biết hành giả này có khởi tướng như vậy như vậy, không bao lâu sẽ nhập định như vậy như vậy.

Hỏi: Thế nào là tướng?

Đáp: Tướng có 2 thứ: Một là cảnh tướng. Hai là nhân tướng. Cảnh tướng là tướng phân biệt, do duyên đó nên nhập định. Nhân tướng, là có những tư lương có thể nhập định, như tùy thuận ngôn giáo có đủ tâm chứa nhóm, tu tập, câu lạc, yếm ly, hiểu biết hết sức rõ ràng tướng loạn, không loạn, và không bị người xúc não, hoặc người hoặc phi nhân, hoặc do âm thanh hoặc do tác dụng tạo ra.

Hỏi: Thế nào là điều thuận?

Đáp: Nếu Tam-ma-địa bị các hành tướng câu chấp, giống như trì thủy tự nhiên bị chấp. Không tĩnh, không diệu chẳng phải đạo an ổn, không thể chứng đắc tâm định đạo. Phải biết bấy giờ Tam-ma-địa này không gọi là điều thuận. Không tùy ý trụ, mâu thuẫn với đây gọi là điều thuận.

Hỏi: Thế nào là sở hành?

Đáp: Nghĩa là cảnh giới Tam-ma-địa, nếu quá cảnh này chắc chắn không thể biết. Như nhập sơ tĩnh lự không thể tri kiến các việc của đệ nhị tĩnh lự. Như vậy căn độ và Bồ-đặc-già-la độ cung không tri kiến.

Hỏi: Thế nào là dẫn phát?

Đáp: Nghĩa là có khả năng lược nhiếp rộng nghiác của văn cú và có thể phát khởi các thắng công đức.

Hỏi: Những Tam-ma-địa nào gọi là khả ái?

Đáp: Nghĩa là đủ tầm quý, ái kính, tịnh tín, như lý tác ý, ức niệm chính tri, giữ gìn các căn, trì giới không hôn v.v..., cho đến cái vui tối hậu là vui nhập Tam-ma-địa. Phải biết ngược lại đây gọi là phi khả ái.

Hỏi: Thế nào là khả ái, không khả ái, gọi là tầm quý v.v...thiếu phần thành tựu thiếu phần không thành tựu? Nghĩa là đủ tầm quý, phi ái kính tương ưng v.v.... Cho đến nói rộng.

Hỏi: Thế nào là tăng?

Đáp: Nghĩa là Tam-ma-địa đã được tăng trưởng. Hỏi: Thế nào là giảm?

Đáp: Nghĩa là Tam-ma-địa đã thoái mất.

Hỏi: Thế nào là phương tiện?

Đáp: Là đường lối hướng đến hai.

Hỏi: Thế nào là Xa-ma-tha?

Đáp: Nghĩa là tương tác ý không phân biệt ảnh tượng.

Hỏi: Thế nào là chấp thủ?

Đáp: Nghĩa là do tùy một, hoặc tướng thanh tịnh, hoặc tướng quang minh, khởi chấp thủ tướng.

Hỏi: Thế nào là xả bỏ?

Đáp: Nghĩa là đối với thiện phẩm đã được tướng bình đẳng tăng thượng xả.

Lại nữa dựa vào các tĩnh lực, nay sẽ nói về thắng quyết trạch.

Tụng nói:

*Tĩnh lực nhiều chướng phân,
Và kiến lập rộng rãi.
Xa lìa nơi khổ động,
Sau phân chia thắng dị.*

Luận nói: Như trên có nói 4 thứ tĩnh lực. Vì sao chỉ có 4, không nhiều không ít? Do cứu cánh việc khổ lạc. Sở dĩ vì sao? Vì lần lượt cho đến tĩnh lực thứ tư, ưu khổ hỷ lạc được siêu độ.

Hỏi: Sơ tĩnh lực trị chướng như thế nào?

Đáp: Có 5 thứ: 1. Tham nhuế hại tâm. 2. Khổ. 3. Ưu. 4. Phạm giới. 5. Tán loạn.

Hỏi: Tĩnh lục thứ hai trị chướng như thế nào?

Đáp: Cũng có 5 thứ: 1. Sơ tĩnh lục tham. 2. Tâm tứ. 3. Khô. 4. Trao. 5. Định hạ liệt tính.

Hỏi: Tĩnh lục thứ ba trị chướng như thế nào?

Đáp: Có 4 thứ: 1. Tham của tĩnh lục thứ hai. 2. Hỷ. 3. Dững dước. 4. Định hạ liệt tính.

Hỏi: Tĩnh lục thứ tư trị chướng như thế nào?

Đáp: Cũng có 5 thứ: 1. Hơi thở ra vào. 2. Tham của tĩnh lục thứ ba. 3. Lạc. 4. Lạc tác ý. 5. Định hạ liệt tính.

Hỏi: Trong các tĩnh lục có bao nhiêu chi?

Đáp: Sơ tĩnh lục có 5 chi.

Những gì là 5? Là tâm, tứ, hỷ, lạc, tâm nhất cảnh tính. Tĩnh lục thứ 2 có 4 chi là nội đẳng tịnh, hỷ, lạc, tâm nhất cảnh tính.

Hỏi: Nội đẳng tịnh lấy pháp gì làm thể?

Đáp: Lấy niệm, chính tri và xả làm thể. Tĩnh lục thứ 3 có 5 chi là niệm, chính tri, xả, lạc, tâm nhất cảnh tính. Tĩnh lục thứ 4 có 4 chi là xả thanh tịnh, niệm thanh tịnh, bất khô bất lạc, tâm nhất cảnh tính.

Hỏi: Vì sao niệm, chính tri, xả, nhất thiết xứ hữu không nói trong sơ tĩnh lục?

Đáp: Mặc dầu không nói nhưng trong sơ tĩnh lục do tâm, tứ dẫn phát. Trong tĩnh lục thứ 2 có dững dước, sở tác nghiệp của tự thể và tâm sở có một phần ít phiền não che lấp, cho nên dùng tên chung là nội đẳng tịnh để hiển thị. Trong tĩnh lục thứ 3 tâm sở có phần ít phiền não kia đều xa lìa nên hiển lộ tự tướng của nó. Cho nên trong kinh nói “ xa lìa hỷ tham” . Trong sơ tĩnh lục, tuy xa lìa dục tham chưa lìa hỷ tham. Trong tĩnh lục thứ 2 tuy xa lìa tâm, tứ tham chưa lìa hỷ tham. Trong tĩnh lục thứ 4 tức xả niệm đây hiển rõ

cực kỳ thanh tịnh. Cho nên trong các tỉnh lỵ tùy chỗ thích hợp mà có sai biệt.

Hỏi: Vì sao trong 4 tỉnh lỵ lập ra 4 chi 5 chi?

Đáp: Vì trụ ở sở y, trụ thuận ích, trụ tự thể. Lại nữa vì cảnh giới tư duy, vì cảnh giới thụ dụng nên không tán loạn đối với cảnh. Lại nữa vì sở y thuận ích, vì sở y của tâm tăng thượng, vì sở y của tuệ tăng thượng. Lại nữa, vì đối trị 3 thứ não loạn trụ chướng. Ba thứ não loạn trụ là o nhiễm trụ, khổ trụ, mê loạn trụ. Lại nữa, như thụ dụng 5 dục thì có 3 thứ tác sự hiển thị các dục của thụ dụng kia: 1. Lấy chính phương tiện cầu thụ dụng. 2. Cầu được rồi chính thụ dụng. 3. Tự tại tùy chuyên. Như vậy người tu tỉnh lỵ dựa vào 3 thứ chính tác sự, tùy theo thích hợp mà kiến lập các chi phần. Lại nữa để đối trị sự tự khổ hành nên người tu tỉnh lỵ kiến lập các chi phần. Ở đây lại có 3 thứ đối trị: 1. Đối trị lia dục. 2. Đối trị chấm dứt sự bức não thân tâm. 3. Đối trị ngoại tâm tán loạn sự tịch tĩnh.

Hỏi: Vì sao trong sơ tỉnh lỵ nói lia dục rồi, lại nói xa lia pháp ác bất thiện?

Đáp: Vì để hiển thị tự tướng các dục và hiển thị tướng tội lỗi. Tướng tội lỗi nghĩa là các dục kia khởi ác hành rồi đọa nơi cực thấp, nên gọi là ác, sinh ra pháp trái với thiện nên gọi là bất thiện. Lại nữa, vì hiển thị khả năng đoạn phiền não tạp nhiễm, và hiển thị khả năng đoạn nghiệp tạp nhiễm tích tập từ trước. Lại nữa để hiển thị sự đoạn trừ các việc thụ dụng khiến phát sinh tham dục của người tại gia, và hiển thị việc đoạn trừ pháp khiến sinh tâm, tứ của người xuất gia. Lại nữa, để hiển thị sự đoạn trừ dục tâm, và hiển thị đoạn trừ nhuế tâm, hại tâm. Lại nữa, để cho thấy đồng với tướng sở đắc của tiên ngoại đạo kia, nên hiển thị đoạn trừ kia thoái rồi khởi ác chú.

Hỏi: Trong sơ tỉnh lỵ nói chưa đoạn khổ căn?

Đáp: Vì phẩm ấy thô trọng chưa xa lìa. Nếu người sơ tĩnh lự đã đoạn khổ căn thô trọng phẩm thì khi trụ tĩnh lự thứ 2 phải không sai biệt. Cho nên phải biết trong sơ tĩnh lự chưa đoạn khổ phẩm thô trọng.

Hỏi: Các pháp tâm tứ ở trong sơ tĩnh lự có khả năng làm thuận ích, nhiếp thụ tự tha khiến được thanh tịnh. Vì sao Như Lai nói nó là động?

Đáp: Vì nó cứ mong ngóng những cái khác nên nói là động, không phải trông vào tự địa.

Hỏi: Vì sao từ Dục giới và ở trong sơ tĩnh lự v.v... kiến lập các chi sau?

Đáp: Sơ lược có 3 nhân là năng trị sở trị, chứng lợi ích, chứng tự thể. Ba nhân này trong 4 tĩnh lự gồm có 5 chi, tùy theo thích ứng.

Hỏi: Tĩnh lự thứ 2 nhìn sơ tĩnh lự có gì khác có gì hơn?

Đáp: Tam-ma-địa viên mãn khác hơn.

Hỏi: Tĩnh lự thứ 3 nhìn tĩnh lự thứ 2 có gì khác hơn?

Đáp: Thuận ích viên mãn khác hơn.

Hỏi: Tĩnh lự thứ 4 nhìn tĩnh lự thứ 3 có gì khác hơn?

Đáp: Thanh tịnh viên mãn khác hơn.

Lại nữa tụng nói:

*Cận phần hỷ có động,
Chỉ sơ mới tận lậu.
Cũng 2 thứ duyên thanh,
Tám đẳng chỉ xả 8.*

Luận nói: Cận phần hỷ của sơ tĩnh lự có động, không như hỷ của căn bản tĩnh lự. Lại nữa sơ cận phần chưa đến sở nhiếp định, có thể hết các lậu không sót. Lại nữa sơ cận phần có 2 thứ là thế gian và xuất thế gian. Dư cận phần chỉ thế gian. Do đã được sơ căn bản vô

lậu tĩnh lự nên không phải vô lậu hiện tiền như các cận phần định ở thượng địa. Lại ở trong định khi thủ âm thanh bên ngoài có 2 thứ thủ: 1. Do hiểu rõ cảnh sở duyên của định và ý thức của các thứ cảnh sở duyên. 2. Do đây câu sinh với nhĩ thức. Tám đẳng chí xả 8, nghĩa là 8 thứ Tam-ma-đề có thể xả bỏ 8 việc. Những gì là 8? Là xả bỏ ngữ, tầm, hỷ, lạc, chứng 4 tĩnh lự Tam-ma-bát-đề. Là xả bỏ sắc, không, thức, vô sở hữu xứ tướng, chứng 4 vô sắc tam-ma-bát-đề.

Lại nữa tụng nói:

*Hiện pháp an lạc trụ,
Nhập được vào hiện quán.
Ca ngợi tướng giải thoát,
Phải biết 4 thứ nhân.*

Luận nói: Chỉ có các tĩnh lự là có tính hiện pháp an lạc trụ, có đủ 2 thứ an thân và tâm, không phải như vô sắc định không có thân an. Lại nữa dựa vào tĩnh lự có thể nhập hiện quán, không phải như vô sắc định, bởi Tì-bát-xá-na của các tĩnh lự cực kỳ mạnh mẽ sắc bén. Lại nữa tu tĩnh lự và các định, trong vô sắc giải thoát thường nhập thường xuất ca ngợi tướng ấy cực kỳ tịch tĩnh. Lại nữa các ngoại đạo, trong vô sắc định khởi tướng giải thoát nên thường thường ca ngợi. Lại nữa, dựa vào hữu tướng Tam-ma-địa giải thoát có thể hết các lậu, cho đến vô sở hữu xứ Tam-ma-địa cực kỳ mạnh mẽ sắc bén. Cho nên đức Bạc-già-phạm nói: “Chỉ dựa vào hữu tướng Tam-ma-bát-đề lãnh hội hiểu rõ thông đạt, chẳng phải ở các địa khác.” Bốn thứ nhân là các Tam-ma-bát-đề có thể làm 4 thứ y nhân của hiện pháp an lạc trụ. Nên biết theo thứ tự của nó.

Lại nữa tụng nói:

*Phải biết ái vị v.v...
Mười thứ, 6, 3 thứ.
Thoái tương tục chương trì,
Có nhiều thứ sai biệt.*

Luận nói: Ái vị tương ưng, thanh tịnh, vô lậu 3 thứ tĩn lự. Theo thứ tự của nó có 10 thứ, 6 thứ và 3 thứ. Thế nào là 10 thứ? Như trong phẩm Nhiếp sự đã nói. Thế nào là 6 thứ? Là 6 thứ thanh tịnh: 1. Dẫn phát thanh tịnh. 2. Thượng luyện thanh tịnh. 3. Hậu đắc thanh tịnh. 4. Cấu nhiễm thanh tịnh. 5. Nhiếp thanh tịnh. 6. Kham nhiệm thanh tịnh. Thế nào là 3 thứ? Là xuất thế gian vô lậu, ly hệ vô lậu và hậu đắc vô lậu.

Lại nữa từ ly dục thoái mất sự tương tục, thoái mất sự đối trị chướng kia đều có nhiều trường hợp. Nghĩa là hoặc do chỗ nương tựa bất bình đẳng nên thoái mất. Nghĩa là như có người gặp bệnh nặng mà thoái mất định. Như Tôn giả Phạt-lặc-ca-lê nói: “Tôi nay không thể chứng nhập Tam-ma-địa này, sẽ không ở trong Tam-ma-địa này vì nhiều thô trọng mà thoái mất ư? ” Lại như có người vì tính nhiều thô trọng, do túc tập đời trước, bởi nhiều thô trọng này mà thoái mất Tam-ma-địa. Hoặc do cảnh giới thắng diệu nên thoái mất. Nghĩa là như có người được cảnh giới thắng diệu hiện tiền nên thoái mất định. Như nghe có một người tiên ngoại đạo đã đạt được đến định phi tướng phi phi tướng xứ, do chạm vào thân một thiếu nữ đẹp dễ khả ái mà thoái mất định kia. Hoặc do kính dưỡng mà thoái mất. Như có người hiện tiền được kính dưỡng thắng diệu liền thoái mất định, như khen bằng trời. Hoặc do khinh chê mà thoái mất, như có người bị người giận chê bai trách mắng liền mất định, như các tiên ngoại đạo giận dữ bị thoát mất rồi hành các ác chú. Hoặc do kiêu mạn nên thoái mất. nghĩa là như có người nhân được định cao ngạo lãng mạ người khác mà thoái mất định. Hoặc do tăng thượng mạn mà thoái mất. Nghĩa là như có người, mình chưa được định mà khởi tăng thượng mạn nói là đã được, nên thoái mất định đã được. Hoặc do không tác ý nên mất. Nghĩa là như có người trước do các hành trạng tương như vậy được nhập các định, người ấy về sau lại không tư duy hành trạng tương này nên thoái mất định. Hoặc do không thuần thực nên thoái mất. Nghĩa là như có người tu tập thủy

nghiệp sáng phát thiện phẩm, hoặc do tự phiền não nhiều hiện ra nên thoái mất định. Nghĩa là như có người yêu thích thượng tinh lự, cho đến nghi hoặc thượng tinh lự nên thoái mất định. Hoặc do thọ mạng hết, phúc hết, nghiệp hết nên thoái mất. Nghĩa là như có người từ cõi trên xả mạng sinh xuống cõi dưới. Lại nữa, nếu hạ phẩm phiền não, hạ phẩm thiện căn thì Bồ-đặc-già-la do nhiều sát-na dụng công mới thoái, do nhiều sát-na dụng công mới được nhập định. Nếu hạ phẩm phiền não thượng phẩm thiện căn thì Bồ-đặc-già-la, do nhiều sát-na dụng công mới thoái, do một sát-na mau được nhập định. Nếu thượng phẩm phiền não, hạ phẩm thiện căn thì Bồ-đặc-già-la do một sát-na mau thoái mất định, nhiều niệm dụng công mới có thể nhập định. Nếu thượng phẩm phiền não thượng phẩm thiện căn thì Bồ-đặc-già-la do một sát-na mau thoái mất định, do một sát-na mau có thể nhập định.

Lại nữa tụng nói:

*Lợi căn và sinh chuyển
Phải biết không có thoái.
Y hạ địa phát định,
Vĩ ly dục hậu sinh.*

Luận nói: Như vậy người lợi căn thì không thoái định. Nếu chuyển sinh đời khác thì tuy người độn căn cũng không thoái mất. Lại nữa các định tinh lự ắt trước dựa vào hạ địa phát khởi. Bởi trước ở đây nhập định nhiên hậu mới sinh kia. Bởi vì sao? Vì trước phải lìa dục sau mới được sinh nơi kia.

Như vậy đã nói xong về y chỉ quyết trạch. Nay sẽ nói đến giác phần quyết trạch.

Tụng nói:

*Y nhị thừa Đại thừa,
Do 27 tướng.*

*Phải biết chính phương tiện,
Kiến lập nơi giác phần.*

Luận nói: Dựa vào Thanh Văn, Độc Giác 2 thừa, và dựa vào Đại thừa kiến lập giác phần. Phải biết do 27 thứ tướng chính phương tiện. Những gì là 27 thứ chính phương tiện? Là phương tiện chính quán hệ thuộc sở duyên, phương tiện nhiếp tịnh lìa bỏ nhiễm ô, phương tiện tu trị nội tâm điều thuận, phương tiện dẫn phát xuất thế chính pháp, phương tiện kia không gián khuyết, phương tiện hiện giác chân thật hiện, phương tiện chứng các tịch diệt, phương tiện nhập sở tri, phương tiện nhập đoạn, phương tiện thông đạt bất tịnh không vui có khổ, phương tiện học viên mãn, phương tiện đối với cảnh quán sát không tán loạn, phương tiện khôngn phá hoại Thánh giáo, phương tiện nhiếp tri sở tri quả, phương tiện nguyện, phương tiện thương xót hữu tình, phương tiện trí tu trị, phương tiện quán hiện pháp, phương tiện tiến đến năng trị sở tri, phương tiện tích tập hành trang phúc đức, phương tiện thành thực hữu tình, phương tiện nhiếp thụ tất cả Bồ-tát đạo, phương tiện dẫn phát oai đức, phương tiện dẫn phát ngôn giáo, phương tiện tích tập tâm rộng lớn rất sâu, phương tiện xa lìa nghiệp pháp không chán đủ, phương tiện an trụ 2 cõi hữu tình Niết-bàn.

Lại nữa tụng nói:

*Thân v.v... 3 sai biệt,
Ảnh tượng tùy quán kia.
Do nghe v.v... 3 trí,
Niệm pháp không mê hoặc.*

Luận nói: Phải biết thân v.v... đều có 3 thứ sai biệt. Ba thứ của thân là hoặc có phần của thân tự tính là bất tịnh, như phần nội tạng của thân. Hoặc có phần của thân tựa như thanh tịnh, như phần da của thân. Hoặc có phần của thân biến đổi rã nát bất tịnh, như thân người chết đã xanh bầm. Ba thứ của thụ là khổ, vui, không khổ không vui. Tâm có 3 thứ là vui v.v... Pháp tương ưng với thụ có 3 thứ là đen,

trắng, xen lẫn, ảnh tượng tùy quán kia, như tâm, tứ. Kinh nói: “ Thân kia v.v... ảnh tượng tùy quán, loại đồng phân với sở tri nên gọi là ảnh tượng.” Nói “tùy” nghĩa là tương tự. Lại nữa , tùy quán này tức là 3 trí: do nghe sinh trí, do tư duy sinh trí, do tu sinh trí. Như vậy 3 trí là do niệm lực, nên đối với các pháp Tu-đa-la tăng thượng duyên kia không mê hoặc. Cho nên gọi là niệm trụ, vì nơi thân thụ tâm pháp là do niệm lực trụ.

Lại nữa tụng nói:

*Sở tri kia 9 thứ,
Phải biết tác ý 2.
Tu sai biệt có 2,
Hai thứ không hoại mất.*

Luận nói: Phải biết các niệm trụ có 9 thứ sở tri chương: 1. Không chán bỏ. 2. Không tác ý. 3. Chỉ quán tùy phiền não. 4. Trầm hạ. 5. Không kham chịu. 6. Thiếu kém đối với tri túc. 7. Quên mất chỗ dạy dỗ. 8. Vi phạm giới hạnh. 9. Xả bỏ dục lạc tăng thượng mãnh liệt các diệu thiện hành. Lại nữa, nơi niệm trụ có 2 thứ tác ý là tác ý không hoãn, tác ý không nhiễm. Kinh nói: “ Người xí thịnh là hiển thị cái thứ nhất. Người chính trí nhớ nghĩ trừ tham ưu thế gian là hiển thị cái thứ hai.” Lại nữa cái thứ hai có thể trừ 3 thứ tạp nhiễm. Những gì là 3 thứ tạp nhiễm? 1. Nhân duyên phạm giới, tâm sinh thay đổi hối hận. Do chương này, có thể khiến lúc đầu tâm không được định. 2. Nội tâm hôn trầm. Do chương này nên tuy đã được định tâm nơi sở duyên nhưng rồi chìm sau quên mất. 3. Ngoại tâm tán loạn. Do chương này nên tuy chứng thắng pháp mà đắm trước tiếng tăm lợi dưỡng thế gian, hoặc chưa thể chứng pháp thắng tiến, tâm sainh sâu não. Tu sai biệt có 3 là tu các niệm trụ đều có 3 thứ. Nghĩa là ở trong cũng như ở ngoài đều là thân v.v... tùy quán. Lại nữa, ở nơi thân hoặc chỉ quán ảnh tượng, hoặc dùng ảnh tượng so sánh như thân, hoặc hòa hợp quán chung như 3 thứ ở nơi thân. Như vậy cho đến đối

với pháp cũng vậy. Lại nữa, có 2 thứ đối với các niệm trụ không hoại mất: 1. Ban đầu không hoại mất. Nghĩa là không tán loạn. Do sức này có thể phát khởi thiện. 2. Sau không hoại mất. Nghĩa là không tăng thượng mạn. Do sức này nên khéo tu cứu cánh.

Lại nữa tụng nói:

*Vì đoạn nơi trầm, trạo,
Tương ưng đạo 2 thứ.
Quán sát xả phiền não,
Và để hết 3 ái.*

Luận nói: Trong tu niệm trụ, để đoạn hôn trầm và trạo cử phải tu 2 thứ tương ưng đạo. Như Kinh Tì-kheo-ni và Kinh Thủ Tụ Tâm Tướng nói. Kinh Tì-kheo-ni nói thế nào? Kinh ấy nói:” Vì đoạn sự hôn trầm nên phải tư duy một phần ít tướng mạo khả ái thanh tịnh. Vì đoạn trừ trạo động nên phải lược giữ lấy.” Kinh Thủ Tụ Tâm Tướng nói thế nào? Kinh ấy nói:” Do không thủ tướng tự tâm nên khiến tâm chìm lặn. Do thủ lấy một phần ít tướng khả ái bên ngoài nên tùy phiền não hôn trầm tạm thời đoạn dứt.” nhưng tâm chưa được định lại phải lược giữ tâm ấy. Thấy lỗi hôn trầm thì phải thủ lấy tướng bên ngoài. Thấy lỗi trạo động thì phải thủ lấy tướng của tự tâm. Bấy giờ có thể đoạn dứt được tùy phiền não hôn trầm trạo cử, tâm được chính định, vì lược giữ tâm ấy, thủ lấy tướng tự tâm, lìa hôn trầm trạo cử.

Lại nữa, do tương ưng đạo quán sát nên có thể xả bỏ phiền não như Kinh Yển nói: Nói yển là dụ cho tâm người tu hành. Đi không nơi chốn nhất định dụ cho người hành giả kia tư duy cảnh giới đáng yêu thích. Bị con điều hâu bắt dụ cho người hành giả kia bị cái tham trói buộc. Con chim yển kêu than dụ tâm hành giả kia sinh hối hận. Tạm phóng thả dụ hành giả kia cái tham trói buộc tạm dứt. Cục đất dụ 5 thủ uẩn. Đại trường long dụ vô thường quán. Hang động dụ thông đạt chân như quán. Người kêu con điều hâu dụ quán sát tác

ý. Con điều hâu nhanh chóng đến dụ cái tham trói buộc kia sắp hiện tiền. Vào hang động dụ tư duy chân như quán. Con điều hâu tự khổ hại dụ tùy miên đoạn dứt.

Lại nữa, tương ưng đạo này có thể hết 3 ái là trợ bạn ái, lợi dưỡng ái, hậu hữu ái. Để đối trị đây nên hiển thị ngã và pháp không có sai biệt.

Lại nữa tụng nói:

*Vì đoạn tăng thượng mạn,
Vị sở y điên đảo.
Và 3 tâm nhập vào,
Tu tập nơi niệm trụ.*

Luận nói: Vì muốn đối trị tăng thượng mạn, vì muốn đối trị ái vị sở y định, và vì đối trị 4 điên đảo nên tu tập niệm trụ. Vì đối trị tăng thượng mạn, như kinh nói:” Chỉ nên nơi thân thụ tâm pháp này, nếu trụ ức niệm cho đến hoặc chỉ có trí, hoặc chỉ có kiến, hoặc chỉ buộc niệm.” Tăng thượng mạn này có 2 thứ là ở nơi thân chưa đoạn v.v... chướng thô trọng khởi, và nơi chưa viên mãn chỉ quán câu phẩm trị khởi. Vì đối trị điên đảo nên, như kinh nói:” Trong các thế gian không ít chấp thủ, do điên đảo đoạn nên không chấp trở lại 5 thủ uẩn là thường, là lạc, là ngã, là tịnh.” Lại nữa, vì 3 tâm hướng vào tu tập niệm trụ, nghĩa là khi đi du hành nơi làng xóm thì tâm hướng ra ngoài, khi ở nơi huyên náo ồn ào thì tâm hướng xa lìa, ở nơi tĩnh thât thì tâm hướng đến Niết-bàn. Lại nữa hướng đến ra khỏi sinh tử, hướng đến lìa phiền não, vui tịch diệt nên tâm hướng đến Niết-bàn.

QUYỂN 19 HẾT

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 20

Phẩm 11 - 4: NHIẾP THẮNG QUYẾT TRẠCH

Như vậy đã nói xong về giác phần quyết trạch. Nay sẽ nói đến Bỏ-đặc-già-la thắng quyết trạch.

Tụng nói:

*Do các căn sai biệt,
Kiến lập 5 chỉ 2.
Phải biết giả thiết 5,
Ba việc thành viên mãn.*

Luận nói: Phải biết do sai biệt của các căn nên kiến lập 5 thứ chỉ có 2. Như trong kinh nói:” Do duyên chỉ 2 căn nên chỉ có thể biết 2 tác ý, duyên chỉ 2 tác ý nên chỉ biết 2 tu, duyên chỉ 2 tu nên chỉ biết 2 hành, duyên chỉ 2 hành nên chỉ biết 2 Bỏ-đặc-già-la.” Hành, nghĩa là tập khí do tu dẫn đến. Lại nữa, nên biết giả thiết Bỏ-đặc-già-la do 5 thứ nhân: 1. Do chủng tính, nghĩa là có thể cứu không thể cứu. 2. Do xu hướng vào, tức là Thanh Văn thừa v.v... 3. Do học, tức hữu học vô học. 4. Do đạt được, nghĩa là trụ 4 quả và 3 hướng. 5. Do lỗi lầm, công đức, nghĩa là có chướng, không chướng, đủ trói buộc, không đủ trói buộc.

Lại do 3 việc nên kiến lập 3 thành mãn: 1. Căn mãn, tức pháp bất động. 2. Định mãn, tức được diệt định. 3. Quả mãn, tức A-la-hán.

Như vậy đã nói xong nghĩa quyết trạch của Bồ-đặc-già-la. Nay sẽ nói đến nghĩa quyết trạch của quả sự.

Tụng nói:

*Chứng chuyển y không khởi,
Hai nhân quả không thoái.
Ba nhân nên đoạn thường,
Ba quả 3 nhân ký.*

Luận nói: Do chứng chuyển y nên các phiền não không khởi. Phải biết chuyển y được gọi là đoạn. Lại do 2 thứ nhân nên quả không thoái mất. Nghĩa là nếu chưa vĩnh viễn hại chủng tử phiền não mà chứng A-la-hán là không đúng đạo lý. Nếu đã vĩnh viễn hại chủng tử phiền não, tức là ứng với phiền não chắc chắn định không sinh vì không có nhân của chủng tử. Lại nữa, vì 3 nhân duyên nên đoạn là tính của thường: 1. Vì không hý luận nên hiện thấy hý luận là tính vô thường. 2. Vì chân như thanh tịnh hiển hiện nên giống như tính điều nhu của vàng ròng. 3. Tính của phiền não không sinh, vì trước sau không khác. Lại nữa, 3 thứ quả là do 3 thứ nhân nên Như Lai ký biệt: 1. Chứng tịnh ký biệt. Nghĩa là quả dự lưu vì do kiến đạo, được 4 chứng tịnh. 2. Hỷ xứ ký biệt. Nghĩa là quả nhất lai vì sắp được căn bản định đã được một ít hoan hỷ. 3. Tùy niệm ký biệt. Nghĩa là quả bất hoàn vì đã được căn bản định, hiện thấy chư thiên chúng cùng Phạm chúng cùng luận bàn tùy niệm sở cầu, công đức của tự thừa chưa viên mãn.

Như vậy đã nói xong về quyết trạch quả sự. Nay sẽ nói đến công đức quyết trạch.

Tụng nói:

*Kiến lập các công đức,
Do 17 tầng thượng.
Sai biệt kia vô biên,
Vì sở trị, trị chướng.*

Luận nói: Phải biết do 17 thứ sức tăng thượng nên kiến lập công đức:

1. Do thương xót hữu tình tăng thượng, tức 4 vô lượng.

2. Do 6 chương tịnh tăng thượng, tức giải thoát thắng xứ biến xứ. Trong đây giải thoát là phương tiện, do dư nên thành mãn. Sáu chương tịnh là: 1. Biến hóa, chương thanh tịnh, do 2 giải thoát trước. 2. Trụ tối cực hiện pháp lạc, chương thanh tịnh, do giải thoát thứ 3 tịnh cùng bất tịnh đều hiển hiện thanh tịnh. 3. Vãng hoàn, chương thanh tịnh, do giải thoát thứ 4. 4. Dẫn vô tránh v.v...thánh công đức, chương thanh tịnh, do giải thoát thứ 5. 5. Các lậu và hữu, chương thanh tịnh, do giải thoát thứ 6, thứ 7. 6. Trụ tối cực tịch tĩnh, chương thanh tịnh. Phải biết do giải thoát thứ 8.

3. Do biết thời vãng tăng thượng, tức công đức vô tránh.

4. Do quán sát sở tri tăng thượng, tức là nguyện trí.

5. Do ngôn giáo tăng thượng, tức vô ngại giải.

6. Do 6 chỗ thiện xảo tăng thượng, tức 6 thần thông. Sáu chỗ thiện xảo là: 1. Dẫn nhiếp thiện xảo. 2. Thẩm thính ngôn ngữ thiện xảo. Do sự khéo léo này, dùng ngôn ngữ của đối phương bẻ gãy luận nạn của họ mà vì nói chính pháp. 3. Dục giải tùy miên thiện xảo. 4. Đến thiện xảo. 5. Đi thiện xảo. 6. Giải thoát thiện xảo.

7. Do tín tăng thượng khác, tức các tướng hảo.

8. Do 3 chương thanh tịnh tăng thượng, tức 4 thứ biến thanh tịnh. Ba chương là sở y chương, sở duyên chương, tâm trí chương.

9. Do tất cả vấn ký tăng thượng, tức các sức.

10. Do xô dẹp tất cả luận khác tăng thượng, tức các vô úy.

11. Do sự thống nhiếp chúng, không thiên vị tăng thượng, tức các bất hộ.

12. Do có khả năng nhiếp hóa đồ chúng tăng thượng, tức các niệm trụ.

13. Do trong mọi lúc hiển hiện tất cả trí sở tác tăng thượng, tức vĩnh viễn nhỏ bỏ tập khí.

14. Do chỗ hóa độ không quá thời tăng thượng, tức pháp không quên mất.

15. Do ngày đêm 6 lần quán sát thể gian tăng thượng, tức đại bi.

16. Do siêu quá Thanh Văn, Độc Giác tăng thượng, tức các bất cộng Phật pháp.

17. Do thành các sở tác của Như Lai tăng thượng, tức nhất thiết chủng diệu trí.

Lại nữa, các công đức này đối trị trị chướng sai biệt, nên phải biết vô biên sai biệt.

Lại nữa tụng nói:

*Tư duy nghĩa vui khổ,
Tác ý và an trụ.
Gian nan cùng tướng mạo,
Đặc thù phi đặc thù.*

Luận nói: Các công đức kia dù sở đối trị hay năng đối trị đều phải tư duy. Tư duy như thế nào? Nghĩa là hoặc nghĩa, hoặc vui, hoặc khổ, hoặc tác ý, hoặc an trụ, hoặc gian nan, hoặc tướng mạo, hoặc đặc thù phi đặc thù.

Trong đây tư duy nghĩa, nghĩa là nghĩa của tuệ đáo bỉ ngạn gồm sáu câu. Có 5 thứ làm nghĩa: 1. Nghĩa, vì nơi người nói khởi cung kính. 2. Nghĩa, vì thân nhiếp chúng. 3. Nghĩa, vì khởi tôn trọng đối với ngôn giáo. 4. Nghĩa, vì tự thuật sự. 5. Nghĩa, vì nơi nghĩa chân thật dạy khởi làm nhiều nghĩa.

Lại nữa, tất cả pháp có 3 thứ nghĩa, là nghĩa có thể tăng ích, nghĩa được tăng ích, và nghĩa của pháp tính. Cũng như sắc có 3 nghĩa, là sắc có thể tăng ích, sắc được tăng ích, và sắc pháp tính. Phải biết tất cả mọi nơi như vậy.

Lại có tam luân lý thú nghĩa tuyên tuyệt các pháp. Nghĩa là dựa vào lý thú của thế tục để có người tuyên thuyết, công cụ tuyên thuyết, tác nghiệp tuyên thuyết. Giống như người thí, hành thí, người thụ vật thí. Nghĩa là người làm việc thí do hành thí này và người thụ vật thí. Phải biết tất cả mọi nơi như vậy.

Lại có 4 thứ nghĩa của lý thú ngôn giáo: 1. Sai biệt lý thú ngôn giáo. 2. Kiến lập lý thú ngôn giáo. 3. Vô dị lý thú ngôn giáo. 4. Vô tác dụng lý thú ngôn giáo.

Trong đây sai biệt lý thú, nghĩa là sắc cho đến nhất thiết chủng trí, tính sai biệt.

Kiến lập lý thú, là 5 thứ kiến lập: 1. Thú nhập kiến lập. 2. Giáo thụ kiến lập. 3. Học kiến lập. 4. Chứng đắc kiến lập. 5. Tội lỗi công đức kiến lập.

Vô dị lý thú có 6 thứ: 1. Hữu phi hữu không khác. Nghĩa là sắc với tính sắc không. Phải biết tất cả mọi nơi như vậy. 2. Không khác lẫn nhau. Nghĩa là các uẩn tương vọng lẫn nhau. Phải biết tất cả mọi nơi như vậy. 3. Đồi không khác. Nghĩa là trong đời trước quán giữa và đời sau. Phải biết tất cả mọi nơi như vậy. 4. Bồ-đặc-già-la không khác. Nghĩa là các hữu tình lần lượt tương vọng nhau. 5. Chương trì không khác. Nghĩa là thường vô thường cho đến lưu chuyển tịch diệt. 6. Văn tự không khác. Nghĩa là danh thân v.v. . .

Vô tác dụng lý thú, là tam luân thanh tịnh. Tùy ở các nơi không có tác giả chân thật có thể có, không có tác cụ cũng không tác nghiệp, không có Bồ-đặc-già-la có thể nói, không có pháp được nói, không có Bồ-đặc-già-la có thể học, không có pháp được học, không có Bồ-

đặc-già-la năng chứng, không có pháp được chứng, không có Bồ-đặc-già-la có thể trụ nơi tội lỗi với công đức, cũng không chỗ trụ, không thủ, không pháp. Tất cả như vậy.

Lại có 2 thứ vô lượng nghĩa: 1. Phát khởi vấn luận vô lượng. 2. Hồi hướng vô sở đắc vô lượng.

Lại vì đối trị 3 thứ xứ sở, nói không nên trụ nơi nghĩa của sắc, cho đến không nên trụ ở nghĩa tất cả pháp. Ba thứ xứ sở là: 1. Xứ sở chấp trước. 2. Xứ sở tùy duyên. 3. Xứ sở hý luận tuệ hành.

Lại có 3 thứ nghĩa vô tướng: 1. Vô thể vô tướng. 2. Phi bỉ thể vô tướng. 3. Không hiển hiện vô tướng. Giống như vô tướng, như vậy không tính, không tự thể, không sinh, không diệt, không chỗ chấp trước, không chỗ làm, không chỗ nhiếp thụ cũng thế.

Lại có 3 thứ nghĩa có sở đắc: 1. Sự có sở đắc. 2. Có sở đắc cái có sở đắc. 3. Không sở đắc cái có sở đắc. Giống như có sở đắc, có chấp trước, làm, hý luận, thủ, kiến, kế chấp cũng như vậy.

Lại có 3 thứ nghĩa có sở đắc: 1. Tự thể có sở đắc. 2. Không xa lìa, có sở đắc. 3. Không suy tư phân tích, có sở đắc. Lại có 3 thứ nghĩa không sở đắc: 1. Tự thể không sở đắc. 2. Xa lìa, không sở đắc. 3. Suy tư phân tích, không sở đắc. Giống như không sở đắc, không chấp trước, không làm, không hý luận, không thủ, không kiến, không kế chấp cũng như vậy. Lại có 3 thứ nghĩa không sở đắc: 1. Hữu tính, không sở đắc. 2. Thể ấy, không sở đắc. 3. Không hiển hiện, không sở đắc. Không sở đắc, là suy tìm các pháp không thấy có tự tính, không phải tất cả mọi thứ đều không sở đắc, nhưng nơi tự tính biến kế sở chấp khi không có sở đắc cũng không quán tự tướng y tha của nó.

Lại nữa kinh nói: “Không sở đắc, tương ưng, là nếu không sở đắc kia có tương ưng không? Nên lập 4 câu. Hoặc không sở đắc, chẳng tương ưng, nghĩa là như có người đối với sự nghiệp rộng lớn đều không sở đắc. Hoặc có tương ưng, chẳng phải không sở đắc,

nghĩa là do thể gian đạo tu các thiện pháp. Hoặc không sở đắc cũng tương ưng, nghĩa là do xuất thể gian đạo tu các thiện pháp. Hoặc chẳng phải không sở đắc cũng chẳng phải tương ưng, nghĩa là pháp nhiệm ô và pháp vô ký hiện tiền.”

Lại có 5 thứ nghĩa bất chính thủ, là Bồ-đặc-già-la bất chính thủ, pháp bất chính thủ, biến dị bất chính thủ, tổn giảm bất chính thủ, sai biệt bất chính thủ.

Lại có 4 thứ nghĩa ngôn giáo: 1. Ngôn định ý bất định. 2. Ý định ngôn bất định. 3. Ngôn ý đều định. 4. Ngôn ý đều bất định.

Lại có 2 thứ nghĩa sở đối trị: 1. Giải thoát môn sở đối trị. Nghĩa là phân biệt tướng nguyện. 2. Đáo bỉ ngạn sở đối trị. Nghĩa là keo kiệt, phạm giới, giận tức, biếng nhác, tán loạn, ác tuệ.

Lại có 2 thứ nghĩa sở đối trị không. Nghĩa là 16 thứ tà tướng hiện hành và 14 thứ tướng trói buộc.

Lại có 2 thứ nghĩa hành đáo bỉ ngạn. Nghĩa là hành thể gian có sở đắc và hành xuất thể gian vô sở đắc. Lại nữa hành thể gian đáo bỉ ngạn chỉ là tương tự không phải chân thật. Giống như tương tự, có độc, có chướng, không phương tiện cũng như vậy. Phải biết hành xuất thể gian đáo bỉ ngạn trái ngược với đây.

Lại nữa nếu lược nói nghĩa của tự thể tuệ đáo bỉ ngạn thì phải biết do 3 thứ tướng: 1. Tướng sở y. 2. Tướng sở duyên. 3. Hành tướng. Tướng sở y, là tâm Bồ-đề. Tướng sở duyên, là sắc v.v... các pháp. Hành tướng có 2 thứ, là thể gian và xuất thể gian. Thể gian hành, là vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ung nhọt v.v... các hành. Xuất thể gian hành, là không sở đắc tương ưng hành. Lại có nghĩa của 3 thứ Ba-la-mật-đa khéo tích tập tu: 1. Dùng nhất thiết trí tính tương ưng tác ý cùng tất cả hữu tình cùng hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. 2. Dùng các Ba-la-mật-đa an trụ thật tế. 3. Ở nơi thật tế mà không tác chúng.

Lại nữa, như nói tâm này là không thể nghĩ bàn. Vì nhân duyên gì không thể nghĩ bàn? Nghĩa là do sở y này, do sở duyên này khiến tâm an trụ. Đây đều vô tính. Cho nên nếu là vô tính tức là thanh tịnh cũng không thể nghĩ bàn. Cái không thể nghĩ bàn này vì hoặc là hữu tính hoặc là vô tính và cùng với tâm kia hoặc là khác tính, hoặc là không khác tính.

Lại nữa, tất cả hành tướng hý luận là vì 3 nhân duyên khiến tâm lưu chuyển: 1. Do gần gũi. 2. Do nhân duyên. 3. Do kiến lập. Vì gần gũi, là khi được báo thì giữ lấy sở y. Vì sở duyên, là lãnh thụ các thứ cảnh giới và khởi làm các thứ gia hành. Vì kiến lập, là từ vô thủy đến nay huân tập vọng tưởng.

Lại có 4 thứ nghĩa phân biệt: 1. Có phân biệt. 2. Không phân biệt. 3. Hai phân biệt. 4. Không hai phân biệt.

Lại có 4 thứ nghĩa không phân biệt: 1. Ngu si không phân biệt. 2. Phi tình không phân biệt. 3. Không tác dụng không phân biệt. 4. Pháp tính không phân biệt.

Lại có 2 thứ nghĩa ngôn giáo là ngôn giáo thế tục và ngôn giáo thắng nghĩa. Ngôn giáo thế tục là sai biệt kiến lập 2 thứ lý thú. Ngôn giáo thắng nghĩa là 2 thứ lý thú không khác và không tác dụng.

Lại nữa, trong thắng nghĩa để không thể tuyên thuyết, phải biết trong ngôn thuyết có 3 thứ tướng: 1. Tướng của tướng. 2. Tướng tạp nhiễm. 3. tướng thanh tịnh.

Lại do 3 thứ tướng biến tri hiện quán các pháp. Ba thứ tướng là: 1. Giả lập. 2. Liễu biệt. 3. Kia chỉ có lượng. Chư Bồ-tát v.v... lấy gì làm vui? Nhiếp ích chúng sinh làm vui. Lấy gì làm khổ? Chúng sinh tổn não làm khổ. Lấy gì làm tác ý? Tư duy việc lợi ích tất cả chúng sinh làm tác ý. Lấy gì làm trụ? Lấy không chỗ phân biệt làm trụ.

Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát có 12 việc gian nan, Bồ-tát thông tuệ cần phải biết rõ: 1. Đối với chúng sinh trái vượt pháp thức, phạt

hay bỏ đó là việc khó khăn của Bồ-tát. 2. Phương tiện hiện làm việc khổ bức não, phòng hộ tự tâm khiến không khởi phiền não đó là việc khó khăn của Bồ-tát. 3. Vô lượng chúng sinh hiện tiền tìm cầu, hiện tại sở hữu các tài vật phi pháp đó là việc khó khăn của Bồ-tát. 4. Bồ-tát chỉ có một thân, vô lượng chúng sinh có việc cần làm, đồng hiện tiền xin giúp đỡ đó là việc khó khăn của Bồ-tát. 5. Ở nơi phóng dật, như nơi khả ái diệu định ở thế gian hay như sinh cõi trời khiến tâm thuận hợp đó là việc khó khăn của Bồ-tát. 6. Thường muốn làm hết các việc lợi ích chúng sinh mà không năng lực đó là việc khó khăn của Bồ-tát. 7. Với chúng sinh ngu si đần độn cang cường xảo trá, muốn vì chúng nói pháp khiến bỏ tính ấy đó là việc khó khăn của Bồ-tát. 8. Thường ở nơi sinh tử thấy tội lỗi lớn nhưng vì lợi chúng sinh mà không nỡ bỏ đó là việc khó khăn của Bồ-tát. 9. Chưa chứng tăng thượng thanh tịnh ý lạc, phần nhiều bị thất niệm mạng chung đó là việc khó khăn của Bồ-tát. 10. Chưa chứng tăng thượng thanh tịnh lạc, có người đến cầu xin điều mình ái trọng nhất, đó là việc khó khăn của Bồ-tát. 11. Nhiều hạng chúng sinh có ý kiến khác nhau, thích muốn khác nhau hiện có mặt, dạy bảo chúng xả bỏ đó là việc khó khăn của Bồ-tát. 12. Thường thực hành hạnh hết sức không phóng dật mà không đoạn hết tất cả phiền não, đó là việc khó khăn của Bồ-tát.

Nếu các Bồ-tát gặp những việc khó khăn như vậy phải quán sát cân nhắc nặng nhẹ mà lập phương tiện thích hợp, hoặc phải chọn lựa Bồ-đặc-già-la, hoặc phải gắng sức nhiếp thụ tùy chuyên nhân duyên, hoặc phát nguyện, hoặc chế ngự tâm không nao núng, hoặc phải trụ tâm quán sát mãnh liệt sắc bén không sinh chán nản mà tự chịu yên. Hoặc từ bi nên tâm sinh buông bỏ, hay là nên phát khởi tinh tiến mãnh liệt, hoặc tư duy khéo dùng phương tiện. Như vậy khéo léo đối trị đúng đắn, Bồ-tát Ma-ha-tát tuy gặp những việc khó khăn trước mặt như vậy có thể thoát khỏi mà không khiếp sợ.

Lại nữa, có 5 tướng Bồ-tát chân thật, do thành tựu đây mà nhập vào số Bồ-tát. Những gì là 5? Nghĩa là thương yêu chúng sinh thường nói lời ái ngữ, việc là dũng mãnh quả quyết, đưa tay ra ơn bố thí, khéo phân tích nghĩa lý sâu xa khúc chiết. Thương yêu có 2 chủng tính: 1. Lạc dục. 2. Chính hạnh. Nói lạc dục, nghĩa là Bồ-tát đối với chúng sinh khởi ý lợi ích và ý an lạc. Nói chính hạnh, nghĩa là các Bồ-tát ở nơi chúng sinh nếu chúng có những dục lạc gì thì tùy sức, tùy khả năng, dùng thân ngữ nghiệp mà nhiếp hóa chúng, thế gọi là thương yêu. Ái ngữ là vui vẻ an ủi dễ dàng, ban trái ân đức. Đó gọi là Bồ-tát thường nói ái ngữ cho chúng sinh. Chỗ làm dũng mãnh quả quyết, nghĩa là mạnh dạn không khiếp sợ, thành tựu thắng lợi. Đó gọi là chỗ làm mạnh mẽ quả quyết của Bồ-tát. Đưa tay ra ơn bố thí, nghĩa là các Bồ-tát làm việc bố thí rộng lớn, bố thí không nhiễm trước. Đó gọi là đưa tay huệ thí. Nếu các Bồ-tát khéo phát khởi được 4 hiểu biết không trở ngại, trí phương tiện đúng đắn, đó gọi là Bồ-tát có thể mổ xẻ phân tích chi tiết nghĩa sâu xa của tự thể.

Lại nữa có 5 tướng đặc thù và 5 tướng phi đặc thù của Bồ-tát, như đã nói trong phẩm Nhiếp tịnh ở trước.

Lại nữa, trong việc công đức, nay sẽ nói đến y chỉ thắng quyết trạch của Đại thừa.

Tụng nói:

*Như Lai nói chủng tính,
Nhều Phật với một thừa.
Năm thứ và 10 thứ,
Sáu sáu thứ đạo lý.*

Luận nói: Sự sai biệt chủng tính, ngôn giáo Đại thừa là Như Lai nói. Trong một thời gian có nhiều Phật ra đời và tính nhất thừa, thứ tự có 5 thứ, 10 thứ, 6 thứ 6 thứ đạo lý cần phải biết.

Hỏi: Thế nào là 5 thứ đạo lý của chủng tính sai biệt?

Đáp: Nghĩa là vì có sự sai biệt của tất cả cõi, nên hữu tình không có căn là không đúng lý, thí dụ đồng loại là không đúng lý, thí dụ khác loại là không đúng lý, chỉ đời hiện tại chẳng phải pháp Niết-bàn là không đúng lý.

Thế nào là tất cả cõi có sai biệt? Nghĩa là Phật nói các hữu tình giới có nhiều thứ, không phải có một hữu tình giới. Có cõi hữu tình hạ liệt hoặc thắng diệu. Có cõi hữu tình của chủng tính Thanh Văn thừa v.v... Bát-niết-bàn. Có cõi hữu tình của chủng tính không Bát-niết-bàn.

Hữu tình không căn, không đúng lý là thế nào? Nghĩa là không thể nói do đạo lý này mà cũng phải có hữu tình không căn. Bởi vì sao? Không căn là như ngoại địa v.v... chẳng phải hữu tình.

Thí dụ đồng loại không đúng lý là thế nào? Nghĩa là không nên nói như chủng loại Sát-đế-lị, phi Sát-đế-lị v.v... có thể chuyển, và thú tính Na-lạc-ca, phi Na-lạc-ca v.v... có thể chuyển. Như vậy chủng tính Bát-niết-bàn, không Bát-niết-bàn cũng phải có thể chuyển. Bởi vì sao? sát-đế-lị và na-lạc-ca v.v... đầy đủ tất cả chủng loại giới tính và các thú giới tính. Còn 2 thứ chủng tính Bát-niết-bàn và không Bát-niết-bàn là mâu thuẫn nhau. Cho nên nếu nó không có các giới tính, nó sẽ rất ráo không thể chuyển. Vì vậy nên thí dụ đồng loại là không đúng đạo lý.

Thí dụ khác loại không đúng lý là thế nào? Nghĩa là không thể nói như một nơi nào đó hoặc trước có các thứ chủng tính vật loại như vàng, bạc, đồng, sắt, muối v.v... sau lại không có, hoặc trước không sau có. Như vậy chủng tính của pháp Bát-niết-bàn cũng phải trước có sau không, hoặc trước không sau có. Bởi vì sao? Nếu có lý này thì thuận giải thoát phần phải không có quả. Cho nên thí dụ khác loại cũng không đúng lý.

Chỉ đời hiện tại chẳng phải pháp Bát-niết-bàn là không đúng lý, thế là thế nào? Nghĩa là không nên nói trong đời hiện tại tuy chẳng phải pháp Bát-niết-bàn, nhưng trong các đời khác lại có thể chuyển làm pháp Bát-niết-bàn. Bởi vì sao? Vì không có pháp chủng tính Bát-niết-bàn. Nếu trong đời này hoàn toàn chưa chứa nhóm thiện căn giải thoát phần thì làm sao đời sau có thể Bát-niết-bàn? Cho nên chắc chắn có hữu tình chẳng phải chủng tính Bát-niết-bàn.

Hỏi: Làm sao biết Đại thừa ngôn giáo là Phật nói?

Đáp: Do 10 nhân: 1. Vì trước không ký biệt. 2. Vì nay không thể biết. 3. Vì có nhiều chỗ làm. 4. Vì chướng rất nặng. 5. Vì chẳng phải cảnh giới tầm tứ. Nếu không trước nghe không thể tìm tòi suy đạt được. Cho nên nếu bảo rằng ai khác nói, là không đúng lý. 6. Vì chứng Đại giác. Nếu chưa thành Phật mà nói là Phật dạy là không đúng đạo lý. 7. Vì không có lỗi lầm của thừa thứ 3. 8. Nếu đây không có thì thành lỗi không có nhất thiết trí. 9. Vì duyên đây làm cảnh, như lý tư duy đối trị tất cả các phiền não. 10. Không nên nói vì lấy ý kia.

Hỏi: Làm sao biết được trong cùng một thời có nhiều Như Lai xuất hiện ra đời?

Đáp: Do 6 nhân: 1. Vì có vô lượng hữu tình cùng một lúc phát đại nguyện hiện đã đạt được. 2. Vì có vô lượng hữu tình đồng tu phương tiện Bồ-đề tư lương hiện đã đạt được. 3. Vì chướng ngại nhau là không đúng lý. 4. Vì Bồ-đề tư lương đồng thời viên mãn cùng xuất thế gian là đúng đạo lý. 5. Vì tuần tự xuất hiện là không đúng lý. 6. Vì cuối cùng không thành là không đúng lý.

Hỏi: Vì lý do gì Như Lai tuyên nói nhất thừa?

Đáp: Do 6 nhân: 1. Đúng về tướng không sai biệt mà nói các pháp. 2. Đúng về hành tướng không phân biệt mà nói. 3. Vì chúng sinh vô ngã và pháp vô ngã bình đẳng. 4. Vì giải thoát bình đẳng, vì cầu sai biệt hữu sự, hư vọng, phân biệt, phiền não, đối trị sở duyên

pháp tính không mâu thuẫn nhau. 5. Vì khéo trụ biến hóa. 6. Vì hành cứu cánh.

Lại nữa tụng nói:

*Chư Phật diệu công năng,
Quả kia cõi thanh tịnh.
Giải thoát và pháp thân,
Đẳng, bất tư, vô thượng.*

Luận nói: Tất cả Như Lai đối với tất cả việc làm công năng bình đẳng. Lại quả của công năng kia, cõi nước Phật thanh tịnh, giải thoát thân và pháp thân tất cả chư Phật đều bình đẳng, đều không thể nghĩ bàn và đều vô thượng.

Lại nữa tụng nói:

*Tuy không dùng gia hành,
Trước do nguyện lực dẫn.
Y vô vi phát khởi,
Chỗ làm không 2 tướng.*

Luận nói: Y chỉ vô vi pháp thân, tuy không dụng công gia hành mà do sức bản nguyện dắt dẫn nên phát khởi tự nhiên tất cả Phật sự Như Lai làm ra. Ví như hành giả từ diệt định khởi. Lại phải biết các Phật sự khởi lên là tướng vô tận, không phải tướng sinh tử cũng không phải tướng Niết-bàn.

Thế nào là tạng Tố-đất-lăm? Thế nào là tạng Tì-nại-da? Thế nào là tạng Ma-đát-lí-ca?

Tụng nói:

*Tuyên thuyết các sự pháp,
Biệt giải thoát phân biệt.
Các pháp tướng 11,
Là tạng kinh, luật, bản.*

Luận nói: Chư Phật Thế Tôn chỉ dựa vào nhiếp sự làm rõ các pháp. Đó gọi là tạng Tô-đất-lãm.

Hỏi: Những gì là nhiếp sự?

Đáp: Là 4 sự, 9 sự, 29 sự. Những gì là 4 sự? Là văn sự, quy thú sự, học sự, Bồ-đề sự. Chín sự là: 1. Việc giả lập hữu tình. 2. Việc hữu tình thụ dụng. 3. Việc hữu tình thụ sinh. 4. Việc hữu tình sinh rồi trụ. 5. Việc hữu tình nhiễm ô thanh tịnh. 6. Việc các sai biệt của hữu tình. 7. Việc người năng thuyết. 8. Việc pháp sở thuyết. 9. Việc chúng hội. Hai mươi chín sự là trong Kinh Biến Nhiếp Cửu Sự, Phẩm tạp nhiễm nói có 4 sự: 1. Việc gồm các hành. 2. Việc ngay nơi đây tuần tự chuyển. 3. Việc ngay nơi đây lập chúng sinh tướng, sau chuyển nhân. 4. Việc ngay nơi đây kiến lập pháp, sau chuyển nhân. Lại theo Phẩm thanh tịnh nói có 25 sự: 1. Việc an trụ cảnh sở duyên. 2. Việc cần cù nơi đây. 3. Việc tâm an trụ. 4. Việc trụ hiện pháp lạc. 5. Việc sở duyên phương tiện thoát tất cả khổ. 6. Việc biến tri. Đây có 3 thứ, là điền đảo y xứ biến tri, y hữu tình tướng nơi ngoài hữu tình tà hạnh y xứ biến tri, trong lia tăng thượng mạn y xứ biến tri. 7. Việc tu y xứ. 8. Việc tác chứng. 9. Việc tu tập. 10. Việc kiên cố. 11. Việc hành tướng. 12. Việc sở duyên. 13. Việc khéo léo quán đoạn chưa đoạn. 14. Việc tán loạn. 15. Việc không tán loạn. 16. Việc y xứ không tán loạn. 17. Việc không xa lia phương tiện tu tập không mệt mỏi. 18. Việc tu tập thắng lợi. 19. Việc kiên cố này. 20. Việc Phẩm nhiếp hiền thánh. 21. Việc xa lia Phẩm nhiếp hiền thánh. 22. Việc thông đạt chân thật. 23. Việc chứng Niết-bàn. 24. Việc khéo nói pháp luật được chính kiến thể gian vượt quá tất cả ngoại chính kiến. 25. Việc không tu tập thoái giảm này. Đây là do khéo nói pháp luật mà không tu tập nên gọi là thoái giảm chứ không do lỗi tà kiến.

Lại nữa Phật Thế Tôn vì các Thanh Văn và các Bồ-tát nói biệt giải thoát và rộng phân biệt pháp biệt giải thoát tương ưng. Đó gọi là tạng Tì-nại-da. Trong đây do 7 tướng gồm thâm biệt giải thoát của

Bồ-tát: 1. Tuyên thuyết thụ trì quỹ tắc. 2. Tuyên thuyết về Ba-la-xà-dĩ-ca. 3. Tuyên thuyết về hủy phạm. 4. Tuyên thuyết về thể tính của hủy phạm. 5. Tuyên thuyết về thể tính không phạm. 6. Tuyên thuyết về xuất sở hủy phạm. 7. Tuyên thuyết về việc xả luật nghi.

Lại nữa Phật Thế Tôn dùng 11 tướng làm rõ phân biệt khai thị các pháp. Đó gọi là tạng Ma-đát-lí-ca. Những gì là 11 tướng? 1. Tướng thế tục đế. 2. Tướng thắng nghĩa đế. 3. Tướng sở duyên pháp Bồ-đề phần. 4. Tướng hành đây. 5. Tướng tự thể đây. 6. Tướng được quả đây. 7. Tướng hiển rõ lãnh thụ đây. 8. Tướng pháp chương ngại đây. 9. Tướng pháp tùy thuận đây. 10. Tướng lỗi làm đây. 11. Tướng ngợi khen đây.

Tướng thế tục, là tuyên thuyết Bồ-đặc-già-la, tuyên thuyết biến kế sở chấp tự tính, tuyên thuyết tướng tác dụng, nghiệp cụ v.v... các pháp. Tướng thắng nghĩa, là tuyên thuyết 7 tướng chân như pháp Bồ-đề phần. Tướng sở duyên, là tuyên thuyết tất cả các thứ sở tri.

Tướng hành đây, là tuyên thuyết 8 quán sát hành. Những gì là 8? 1. Quán sát đế hành. 2. Quán sát kiến lập hành. 3. Quán sát tội lỗi hành. 4. Quán sát công đức hành. 5. Quán sát lý thú hành. 6. Quán sát lưu chuyển hành. 7. Quán sát đạo lý hành. 8. Quán sát rộng, sơ lược hành. Đế, là chân như. Kiến lập, là hoặc kiến lập Bồ-đặc-già-la, hoặc kiến lập biến kế sở chấp tự tính, hoặc kiến lập hoàn toàn phân biệt phản vấn trí ký luận, hoặc kiến lập ẩn mật hiển liễu ký luận. Tội lỗi, là Phật nói các pháp tạp nhiễm không phải một mà có nhiều thứ tội lỗi sai biệt. Công đức, là như Phật nói các pháp thanh tịnh không phải một mà có nhiều thứ thắng lợi sai biệt. Lý thú, là có 6 thứ lý thú như đã nói trong Phẩm nhiếp sự. Lưu chuyển, là 3 đời, 3 tướng hữu vi và 4 duyên. Đạo lý, là 4 thứ đạo lý: 1. Quán đăi đạo lý. 2. Tác dụng đạo lý. 3. Chứng thành đạo lý. 4. Pháp nhĩ đạo lý. Nếu do các nhân các duyên mà các hành sinh khởi và tùy hiển mà nói, đó là quán đăi đạo lý. Nếu do các nhân các duyên mà hoặc chứng đắc hoặc thành mãn các pháp,

nếu chúng đã sinh có thể khởi nghiệp dụng thì đó gọi là tác dụng đạo lý. Nếu do các nhân các duyên mà nghĩa lập ra, nói ra, nêu ra được thành lập được hiểu đúng, đó gọi là chứng thành đạo lý. Đây lại có 2 thứ: một, thanh tịnh, hai, không thanh tịnh. Thanh tịnh là do 5 thứ tướng, không thanh tịnh do 7 thứ tướng. Năm thứ tướng thanh tịnh là: 1. Tướng do hiện lượng được. 2. Tướng do y chỉ hiện lượng được. 3. Tướng dẫn thí dụ tự loại. 4. Tướng thành tự. 5. Tướng khéo thanh tịnh ngôn giáo. Trong đây tính vô thường của tất cả các hành, tính khổ của tất cả các hành, tính vô ngã của tất cả pháp đều do hiện lượng thể gian được. Những loại như vậy đều gọi là tướng sở đắc của hiện lượng. Nếu tính sát-na của tất cả hành, tính hiện hữu đời sau, tính tịnh bất tịnh không hoại mất thì đây là sở đắc dựa vào hiện lượng thô vô thường, là sở đắc dựa vào hiện lượng các thứ nghiệp sai biệt của hữu tình, và là sở đắc dựa vào hiện lượng nghiệp tịnh bất tịnh của hữu tình khổ vui. Do hiện lượng sở đắc này so với pháp không hiện thấy, nên gọi đó là tướng sở đắc do dựa vào hiện lượng. Nếu các hành ở trong ngoài dẫn tất cả thế gian đều biết đều được tướng sinh diệt, dẫn tất cả thế gian đều biết đều được tướng khổ như sinh v.v..., dẫn tất cả thế gian đều biết đều được tướng không tự tại, và trong ngoài sự dẫn tất cả thế gian đều biết đều được tướng hưng thịnh suy hoại, những loại như vậy gọi là tướng dẫn tự loại thí dụ. tức là tướng sở đắc của hiện lượng và tướng thí dụ của dẫn tự loại. Hai cái này nơi chỗ thành lập nó hoàn toàn quyết định, nên gọi là tướng thành tự. Nếu các ngôn giáo là những điều tất cả người trí nói, như nói Niết-bàn tịch tĩnh, những loại như vậy gọi là khéo nói tướng ngôn giáo thanh tịnh. Trong đây có 5 thứ tướng có thể biểu thị chân thật của tất cả người trí. Những gì là 5? 1. Nếu có tất cả người trí xuất hiện thế gian thì chính thật tiếng tăm lưu bố thế giới. 2. Đủ 32 tướng đại trượng phu. 3. Thành tự 10 sức, đoạn dứt lưới nghi các hữu tình. 4. Tự xưng đầy đủ 4 không sợ hãi, không bị tất cả luận nạn khác làm cho khuất phục, lại có thể xô bẹp tất cả ngoại luận. 5. Đối với pháp luật có thể đạt được 8 chi Thánh đạo

và 4 quả Sa-môn v.v... Xuất hiện như vậy, tướng tốt như vậy, đoạn nghi như vậy, lập phá như vậy đạo quả như vậy, do 5 tướng đây biểu thị chân thật tất cả người trí. Như vậy trong đạo lý chứng thành là do hiện lượng, do tỷ lượng, do thí dụ, do thành tựu, do chí giáo lượng. Do đó, 5 tướng gọi là thanh tịnh. Bảy tướng không thanh tịnh là: 1. Tướng sở đắc do phần dư đồng loại khác. 2. Tướng sở đắc do phần dư các khác loại. 3. Tướng sở đắc do tất cả đồng loại. 4. Tướng sở đắc do tất cả khác loại. 5. Tướng dẫn thí dụ khác loại. 6. Tướng không thành tựu. 7. Tướng ngôn giáo không thanh tịnh. Nếu tất cả pháp ý thức sở thức tính, đó là tướng sở đắc của tất cả đồng loại. Hoặc tướng mao, hoặc tự thể, hoặc nghiệp, hoặc pháp, hoặc nhân, hoặc quả v.v... tướng đồng dị, hoặc tùy một phần lại có tướng đồng dị lẫn nhau, đó là tướng sở đắc của phần dư đồng dị loại. Hoặc quyết định tướng khác nhau, đó gọi là tướng sở đắc của tất cả khác loại. Nếu thí dụ có tướng sở đắc của phần dư đồng loại, và có tướng sở đắc của tất cả khác loại, do tướng này nơi thành lập nghĩa không quyết định nên gọi là tướng không thành tựu. Nếu thí dụ có tướng sở đắc của phần dư khác loại, và tướng sở đắc của tất cả đồng loại, do tướng này nơi thành lập nghĩa không quyết định nên cũng gọi là tướng không thành tựu. Do không thành tựu nên gọi là quán đạo lý không thanh tịnh. Vì quán này không thanh tịnh nên không nên tu tập. Tướng ngôn giáo không thanh tịnh, nghĩa là các ngôn giáo mà tự tính không thanh tịnh. Pháp nhĩ đạo lý, nghĩa là Như Lai dù xuất thế dù không xuất thế, pháp tính pháp giới an trụ không biến đổi, đó gọi là pháp nhĩ đạo lý. Sơ lược, rộng, nghĩa là trước nói một câu pháp, sau cứ triển khai vô lượng câu phân biệt hiển rõ cứu cánh.

Tướng tự thể này, nghĩa là năng thủ hoặc hành, hoặc duyên pháp Bồ-đề phần, 4 niệm trụ v.v... đó gọi là tướng tự thể này. Được tướng của quả này, nghĩa là quả đoạn phiền não thế gian hoặc xuất thế gian, và dẫn phát công đức thế gian xuất thế gian, gọi là được tướng của quả này.

Tướng hiển rõ lãnh thụ này, nghĩa là do trí giải thoát nên lãnh thụ quả tướng sở đắc này, và rộng vì người khác nói rõ tướng ấy thì gọi là tướng hiển rõ sự lãnh thụ.

Tướng của pháp chướng ngại đây, nghĩa là nếu khi tu pháp Bồ-đề phần thì đó là pháp có thể làm chướng ngại sự nhiệm ô, đó gọi là tướng của pháp chướng ngại đây. Tướng của pháp tùy thuận đây, nghĩa là pháp Bồ-đề phần này có thể tùy thuận nhiều pháp sở tác, đó gọi là tướng của pháp tùy thuận đây. Tướng của lỗi lầm đây, nghĩa là có thể chướng ngại các lỗi lầm, đó gọi là tướng lỗi lầm đây.

Tướng ca ngợi đây, nghĩa là công đức của pháp tùy thuận. Đó là tướng ca ngợi đây. Tùy sở hữu xứ, chư Phật Thế Tôn dùng 11 tướng như vậy làm rõ, phân biệt, khai thị các pháp. Đó gọi là Ma-đát-lí-ca.

Lại nữa tụng nói:

*Các tướng với đoạn diệt,
Không hoại mất phương tiện.
Kia 2 quả sai biệt,
Lạc các kinh lược nghĩa.*

Luận nói: Phải biết nghĩa của các kinh lược nói có 5 thứ: 1. Tướng. 2. Đoạn diệt. 3. Không hoại mất phương tiện. 4. Hai quả kia. 5. Tướng v.v... sai biệt. Năm lược nói này, như Kinh Thiện Sinh:” Phật bảo Thiện Sinh: Tộc tính tử ! Có 2 việc đều là mỹ diệu.” Tướng mỹ diệu này có 2 thứ đoạn diệt là muốn thủ đoạn diệt và y sự. Thủ đoạn diệt, là đây nói gồm làm rõ 2 thứ không hoại mất phương tiện. Hai thứ không hoại mất phương tiện, là nếu cạo bỏ râu tóc, cho đến chẳng ở tại gia, nếu hết các lậu cho đến giác thụ: ” Đòi ta đã hết, cho đến nói rộng ...” Hai quả kia, là quả không hoại mất phương tiện. Tính tịch tĩnh sai biệt, là 5 thứ tịch tĩnh sai biệt: 1. Các triền tịch tĩnh. 2. Thế gian ly dục tịch tĩnh. 3. Thuận hạ phần tịch tĩnh. 4. Thuận thượng phần tịch tĩnh. 5. Y sự tịch tĩnh. Để làm rõ đây, kinh kia có nói Già-tha:

*Các Tì-khưu mỹ diệu,
Vững lạng lia các lậu.
Lìa dục lìa trói buộc,
Không chấp thụ Niết-bàn.
Tự giữ thân sau cùng,
Đẹp các ma sai khiến.*

Lại nữa tụng nói:

*Lược nói Du-già đạo,
Duyên chỗ nghi chính pháp.
Xa-ma-tha và quán,
Y ảnh tượng thành tựu.*

Luận nói: Nếu lược nói Du-già đạo, phải biết gồm nghe nhiều, chính pháp làm cảnh giới, Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na làm tự thể, y chỉ ảnh tượng và y chỉ sự thành tựu. Như Bạc-già-phạm nói có 5 pháp có thể gồm thâu các hành giả Du-già, các địa Du-già, đó là trì, trụ, minh, kính và chuyển y. Phải biết nghe chính pháp là trì, sở duyên là trụ, chỉ quán là minh, ảnh tượng là cảnh, sự thành tựu là chuyển y.

TRỌN BỘ 20 QUYỂN HẾT

SỐ 1603

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN TỤNG

*Vô Trước Bồ-tát tạo luận
Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm 1: NHIẾP SỰ

*Thiện Thệ giảng nói diệu tam thân,
Vô úy, vô lưu chứng giáo pháp.
Thượng thừa chân thật Mâu-ni tử,
Tôi nay chí thành xin tán lễ.
Khể thủ quy kính Đại từ tôn,
Sẽ nói chủng trí ngôi pháp vương.
Không dựa thế gian làm chỗ về,
Giảng nói Du-già sư địa luận.
Xưa ta Vô Trước theo thầy học,
Nay sẽ sắp xếp chỗ thiết yếu.
Hiển dương thánh giáo vì từ bi,
Văn gọn, nghĩa đủ mà dễ hiểu.
Nhiếp sự, tịnh nghĩa, thành thiện xảo,
Vô thường, khổ, không, cùng vô tính,
Hiện quán, Du-già, không nghĩ bàn,
Nhiếp thẳng, quyết trạch, 11 phẩm.
Tất cả giới tạp nhiễm,*

Đế y chỉ giác phần.
 Quả Bồ-đặc-già-la,
 Các công đức 9 việc.
 Tâm, tâm sở hữu sắc,
 Bất tương ưng, vô vi.
 Giới là như Dục, Sắc ...
 Và với ba ngàn cõi.
 Phiền não, nghiệp, sinh tính,
 Nên biết tướng tạp nhiễm.
 Các đế có 6 thứ.
 Y chỉ 8 và 2
 Giác phần có rất nhiều,
 Trước hết ba mươi bảy.
 Trí cùng giải thoát môn,
 Hành tích và chỉ quán.
 Cư xứ và sở y,
 Phát tâm với bi mẫn.
 Tính thông đạt các hành,
 Địa Ba-la-mật-đa
 Bồ-tát hành nhiếp sự,
 Và các Đà-la-ni,
 Các môn Tam-ma-địa,
 Các vô lượng tác ý.
 Tướng chân như tác ý,
 Tin hiểu không nghĩ bàn.
 A-thế-da rộng lớn
 Nên biết các tự số.
 Tùy tín hành bảy thứ,
 Và tám thứ nên biết.
 Cùng với cực thất phần,
 Có sáu thứ thoái pháp.

Nhuyến căn có bảy thứ,
Tại tục và xuất gia.
Thanh Văn thừa có ba,
Cứu được, không cứu được.
Nhập phương tiện có 9,
Sinh sai biệt nên 2.
Lại do các giới khác,
Thành ra 13 thứ.
Quả đoạn có 5 thứ,
Biến tri và thanh tịnh,
Tịnh quả giới Bồ-đề,
Vô học do tự số.
Đoạn nhiều nhân nên đoạn,
Thiết lập đoạn đi theo.
Do tác ý y tu,
Và được thứ lớp đoạn.
Đoạn sai biệt nên biết,
Và đoạn tướng lợi ích.
Như vậy theo chỗ nói,
Phải biết có nhiều thứ.
Vô lượng các giải thoát,
Thắng xứ và biến xứ.
Vô tránh diệu nguyên trí,
Vô ngại giải, thần thông.
Các tướng hảo thanh tịnh,
Và các lực vô úy,
Không hộ cùng niệm trụ,
Vĩnh đoạn các tập khí.
Không quên mất diệu pháp,
Và Như Lai đại bi,
Phật đức pháp không chung,

Tất cả thứ diệu trí.
 Phải biết trước 9 việc,
 Trước hết 2 sở y,
 Tiếp 2, sau 6 thứ,
 Gồm tạp nhiễm thanh tịnh.
 Nhiễm vì y sai biệt,
 Thanh tịnh do sở duyên.
 Vì tâm không lưu tán,
 Vì chính tu phương tiện,
 Vì vị kia sai biệt,
 Vì ngôn thuyết các nhân,
 Vì quả các công đức,
 Nhiều thứ lớp như vậy.
 Muốn tư lường vô lượng,
 Các hỏi đáp sai biệt,
 Do lời chư Phật nói,
 Gồm trong sự và tướng
 Câu mê hoặc hí luận,
 Trụ chân thật diệu tịnh,
 Tịch tĩnh tính đạo lý,
 Giả thi thiết hiện quán.
 Phương sở vị phân biệt,
 Tác, chấp trì, tăng giảm.
 Ám, ngữ, sở giác, thương,
 Viễn ly, chuyển, tạng hộ.
 Giải trạch và hiện hành,
 Thùy miên và tương thuộc.
 Các tương nhiếp, tương ưng,
 Thuyết, nhiệm trì, thứ đệ.
 Cảnh sở tác Du-già,
 Xa-ma-tha và quán,

*Các tác ý giáo thụ,
Đức Bồ-đề thánh giáo.
Nếu muốn chính tu hành,
Biết khắp các công đức,
Do 10 thứ pháp hành,
Và 6 thứ lý thú.*

Phẩm 2: NHIẾP TỊNH NGHĨA

*Trong các luận, Thắng luận
Cũng khéo nhập Du-già.
Phải biết nghĩa thanh tịnh
Do đủ 4 tịnh đức.
Vì gồm tất cả nghĩa,
Vì ngoại không hoại chúng.
Dễ nhập nên đã nhập,
Thì hành không hoại mất.
Chư Phật nói diệu pháp,
Chính dựa vào 2 đế.
Một gọi là thế tục,
Hai gọi là thắng nghĩa.
Trước nói ngã, pháp, dụng,
Là tùy theo mà nói.
Bảy thứ và 4 thứ,
Chân như là thắng nghĩa.
Kiến lập nghĩa tự tính,
Nhiều thứ lớp khéo léo.
Phải biết tướng sai biệt,
Hiển uẩn nghĩa thế tục.
Năm ba pháp chân thật,
Nên biết lại có bốn.*

Và bốn thứ tâm tư,
Bốn thứ như thật trí.
Ba tự thể thành lập,
Nghệp sai biệt ẩn kín.
Phương tiện gồm khác biệt,
Là đều có đa chủng.
Nghe mười hai phần giáo,
Ba tối thắng quy y.
Ba học ba Bồ-đề,
Là hữu tình tịnh thuyết.
Nghe, quy, học Bồ-đề,
Sáu, ba, mười, hai, năm.
Theo thứ tự danh số,
Cần phải rộng phân biệt.
Thánh hạnh vô thượng thừa,
Đại Bồ-đề công đức,
Dị luận luận pháp thích,
Nên biết có nhiều thứ.
Đặc thù chẳng đặc thù,
Tâm bình đẳng lợi ích.
Báo ân và hân tán,
Chẳng luống hành phương tiện.
Phương tiện không điên đảo,
Thoái đọa và thắng tiến,
Tương tự thật công đức,
Khéo điều phục hữu tình.
Các Bồ-tát thụ ký,
Rơi vào số quyết định,
Định làm, thường phải làm,
Phải biết pháp tối thắng.
Các thi thiết kiến lập,

Tất cả pháp tâm tư,
Và như thật biến trí,
Cùng với các vô lượng,
Tuyên thuyết quả lợi ích,
Tính Đại thừa và nhiếp,
Bồ-tát 10 phải biết,
Thiết lập các danh hiệu.
Chấp trong nhân có quả,
Hiển liễu có khứ lai,
Ngã thường tức tác nhân,
Tự tại các hại pháp,
Biên, vô biên, kiêu loạn,
Kiến vô nhân, đoạn, không,
Chấp thắng tịnh cát tường,
Là 16 dị luận.
Công năng không thể tính,
Gồm, không gồm, trái nhau,
Hữu dụng và vô dụng,
Là nhân thành tội lỗi.
Luận thể, luận xứ sở,
Luận cứ, luận trang nghiêm,
Luận phụ, luận xuất ly,
Luận nhiều pháp sở tác.
Thể thích văn nghĩa pháp,
Khởi nghĩa nan thứ sự,
Thuyết chúng thính tán Phật,
Lược rộng học thắng lợi.
Các địa, tướng, tác ý,
Y xứ, đức, phi đức,
Sở đối trị năng trị,
Phải biết nghĩa lược, rộng.

*Các địa, tướng, tác ý,
Y xứ, đức, phi đức,
Sở đối trị năng trị,
Phải biết nghĩa lược, rộng.*

Phẩm 3: THÀNH THIỆN XẢO

*Với các uẩn, giới, xứ,
Và các pháp duyên khởi,
Xứ phi xứ, căn, đế,
Là thiện xảo nên biết.
Nơi thân là đấng khởi,
Thật ngã sở trụ trì.
Lưu chuyển là tác giả,
Và các nghĩa tăng thượng.
Nhiễm ô hoặc thanh tịnh,
Khởi 7 thứ ngu si,
Đối trị đây nên biết,
Gồm 7 thứ thiện xảo.
Vọng chấp ngã thân là
Y chỉ các căn trụ.
Xoay vần trong cảnh giới,
Thụ dụng ái phi ái.
Ngôn thuyết sở y trụ,
Tác giả có giác giả.
Do nơi sai biệt uẩn,
Thấy chung là một thân.
Mê hoặc nhân ban đầu,
Chấp thường nhân, không nhân.
Ngã gìn giữ các căn
Có thể xúc và thụ.
Từ đây nơi sinh tử,*

Chấp có sự lưu chuyển.
Tạo ra pháp, phi pháp,
Và quả tăng thượng kia.
Với tu tập tá hạnh,
Thì chấp là nhiễm ô,
Với tu tập chính hạnh,
Vọng chấp là giải thoát.
Khi Phật chưa ra đời,
Ngu si chuyển như vậy.
Do Phật hiện thế gian,
Nói 7 thứ thiện xảo.
Biết các đời sai biệt,
Nên trừ tưởng hợp nhất.
Tức ly và giải thoát,
Chúng sinh không thể được.
Đa chủng và tổng lược,
Cùng có sai biệt chuyển.
Trí tăng ích, tổn giảm,
Uẩn thiện xảo nên biết.
Thấy 3 nhân sinh, nên
Gọi là giới thiện xảo.
Tự chủng từ vô thủy,
Sinh khởi ra nhiều thứ.
Do đây và nơi đây,
Thủ lấy không thể được.
Vì y tự trí thành,
Trừ được tính hạ liệt.
Biết các xúc các thụ,
Do 2 thứ sinh môn.
Vì y chỉ nơi xúc,
Phải biết xứ thiện xảo.

Như pháp xứ, thiên xứ,
 Về sau chỗ y chỉ,
 Vì do thế tục đế,
 Biết có 2 chủng tính.
 Biết chưa đoạn vô thường,
 Nhân hay sinh các quả.
 Tự tướng nói tương tự,
 Là duyên khởi thiện xảo.
 Chúng sinh không thể được,
 Mà có bỏ tiếp nối.
 Do hiểu rõ thậm thâm,
 Của 4 thứ duyên khởi.
 Không làm, không đến, được,
 Hai thể, khác không chuyển.
 Tịnh kiến vô dư nghiệp,
 Phi ngã, tự tại hai.
 Như vậy trí năng tri,
 Xứ phi xứ thiện xảo.
 Nơi tự quả định xứ,
 Khác đây là phi xứ.
 Nơi năng thủ sinh trụ,
 Và nhiễm ô thanh tịnh.
 Vô lý ngã quán khác,
 Nơi quả tăng thượng kia.
 Nơi phương tiện như vậy,
 Gọi là căn thiện xảo.
 Là nơi thủ sinh trụ,
 Nên nhiễm tịnh tăng thượng.
 Vì 2 tự tính khó,
 Hợp nên không đúng lý.

Do không nhân có nhân,
 Và 5 thứ thí dụ.
 Như vậy tùy giác nên
 Phải biết để thiện xảo.
 Tùy giác chưa từng thấy,
 Chưa thụ nghĩa nhân duyên.
 Phải biết các thiện xảo,
 Sai biệt hai mươi ba.
 Dị nhiếp luận làm đầu,
 Cuối cùng cực thanh tịnh.

Phẩm 4: THÀNH VÔ THƯỜNG

Vô thường là hữu vi,
 Tương ưng với 3 tướng.
 Nghĩa vô thường như ứng
 Sáu tám thứ nên biết.
 Vô tính, hoại, chuyển khác,
 Biệt ly, được, sẽ có,
 Sát-na liên tục bệnh v.v...
 Vì tâm khí thụ dụng.
 Phải biết sự đổi khác,
 Mười lăm thứ sai biệt.
 Đó là phần vị v.v...
 Bị 8 duyên bức bách.
 Hạ giới đủ tất cả,
 Trung giới là 3 môn.
 Đủ 3 thứ đổi khác,
 Thượng giới lại trừ khí.
 Nghĩa vô tính vô thường,
 Là biến kế sở chấp.

Các nghĩa vô thường khác,
 Đều thuộc y tha khởi.
 Các vô thường đều khổ,
 Vì các khổ xen tạp.
 Người ngu mê pháp tính,
 Bị hại mà không biết.
 Do bởi quả tâm kia,
 Sinh rồi tự nhiên diệt
 Rồi sau lại biến đổi,
 Mỗi niệm mỗi niệm diệt.
 Tâm huân tập tăng thượng,
 Định chuyển biến tự tại.
 Ảnh tượng sinh đạo lý,
 Và 3 thứ thánh giáo.
 Vì mâu thuẫn sinh nhân,
 Không trụ diệt 2 nhân.
 Tự nhiên thường trụ: lỗi.
 Phải biết tự nhiên diệt.
 Chẳng nước, lửa, gió diệt.
 Bởi vì đều khởi diệt.
 Tương ưng kia diệt rồi,
 Các biến đổi sinh nhân.
 Tương vi, tương tục đoạn,
 Hai tướng thành không tướng.
 Trái thế gian hiện thấy,
 Không pháp và nhân khác.
 Chẳng phải thân, sữa, rìng...
 Trước không có biến đổi,
 Cũng chẳng phải không hoại,
 Đến cuối cùng mới diệt.
 Vị tư phiền não phàn,

Vì phi thường biến đổi.
 Nếu đây không biến đổi,
 Thụ, tác, thoát phi lý.
 Vì không có công năng,
 Nhiếp không nhiếp trái nhau.
 Hữu dụng và vô dụng,
 Là nhân thành sai lầm.
 Tự tính biến đổi tướng,
 Hữu vô không hợp lý.
 Không sai biệt: vô thường,
 Có sai biệt: 5 lỗi.
 Không tướng cũng không nhân,
 Phi tự tính hằng biến.
 Trước không có biến đổi,
 Ngã phải thường giải thoát.
 Thường tạo không hợp lý,
 Vì do 2, 3 nhân.
 Tài hữu tình tăng thượng,
 Cực vi phi thường trụ.
 Vô thường: chỗ dựa kia,
 Lân lượt chuyển thành khác.
 Vì các thụ v.v...khác,
 Nên biết giác: vô thường.
 Với vô thường vô trí,
 Bốn điên đảo căn bản.
 Phải biết thế thượng tiến,
 Sức ngu si chuyển tăng.
 Do phóng dật, giải đãi,
 Kiến, ngu, thiếu tư lương,
 Bạo xấu, phi chính pháp,
 Đó là nhân vô trí.

Tác ý không như lý,
 Nghĩ nhớ chuyện đời trước,
 Tương tự tương tục chuyển,
 Vô thường chấp là thường.
 Sinh trước sau và giữa,
 Lấy tam hữu làm tướng.
 Vô thường trí điều phục,
 Phải biết do 2 nhân.
 Kia thấy có 6 thứ,
 Và 4 thứ duyên khởi.
 Tự chủng: chẳng phải khác,
 Đợi duyên: chẳng phải tự.
 Vô tác nên chẳng chung,
 Dụng nên chẳng vô nhân.

Phẩm 5: THÀNH KHỔ

Sinh là nhân dục ly,
 Diệt sinh hòa hợp dục.
 Đảo vô đảo chán lìa,
 Nhân ấy là tướng khổ.
 Y 3 thụ sai biệt,
 Thiết lập 3 tướng khổ.
 Nên nói tất cả thụ,
 Thể tính đều là khổ.
 Phải biết tính hành khổ,
 Điều tùy theo thô trọng.
 Lạc, xả, không hợp lý,
 Đồng lỗi không giải thoát.
 Mãnh lợi, sâu, chướng ngại,
 Y tiến trụ thừa không.
 Tính chấp trước hạ liệt,

Điên đảo và nhiễm ô.
Nhu ung nhọt hủi v.v...
Là 3 thụ sở y.
Hay phát ra 3 xúc,
Thủ lạc.v.v... tùy chuyển.
Tự tướng, tự phân biệt,
Không an ổn khó tính.
Phải biết năm mươi lăm,
Ba khổ đều thấu nhiếp.
Giới, duyên, thân, các thú,
Chủng loại, đế, 3 đời.
Thời, mạng, phẩm loại khác,
Dẫn các khổ sai biệt.
Chưa lìa Dục, Sắc v.v...
Phải biết có 3 bậc.
Dục giới đủ tất cả,
Sắc, Vô sắc trừ hai.
Thế tục có 2 thứ,
Thẳng nghĩa là biến hành.
Hai duyên chung bậc trên,
Phải biết không hiện nhiễm.
Vô sắc chẳng gánh nặng,
Biến hành trời thô trọng.
Và đế là sau cùng,
Ngoài 7 trên tùy phược.
Phải biết sinh v.v... khổ,
Đều 5 thứ sai biệt.
Khổ thô nặng tương ưng,
Chỗ y chỉ 3 khổ.
Sau cùng và sau cùng,
Đều 4 khổ sở y.

Là sinh, sinh căn bản,
Và khổ tính biến hoại.
Gồm ở trong 3 đời,
Hai duyên khổ chẳng trên.
Chỗ nói về các khổ,
Đều là ở cõi Dục.
Mất niệm không công dụng,
Loạn không chính tư duy.
Không hiểu rõ ngu si,
Và do các phóng dật.
Ngu muội nên yếu kém,
Và khởi các phóng dật.
Đoạn dứt sự nối tiếp,
Chuyển thành quên mất niệm.
Ngu muội nên phóng dật,
Vi bảo trong hiện pháp.
Không tin nên phải khổ,
Không công dụng phát thú.
Tương tự tương tục chuyển,
Đối trị vọng phân biệt.
Quán tập chung các thủ,
Khởi 4 thứ điên đảo.
Giới khác, duyên khởi khác,
Vị khác, thứ tự khác,
Và tương tục sai khác,
Phải biết có nhiều thứ.
Tín giải và tư trạch,
Không loạn, tâm chán lìa,
Kiến, tu và cứu cánh,
Lại như trước mười một.
Triền, nghi, bất lạc, ly,

*Trâm, ác thú các thú,
Hạ liệt hành khởi lên,
Khấp riêng hết các khổ.*

Phẩm 6: THÀNH KHÔNG

*Nếu ở đây không có,
Và đây có cái khác.
Tùy 2 thứ đạo lý,
Nói không tướng không hai.
Nên biết thậm thâm tướng,
Lấy bỏ không tăng giảm.
Sai biệt có rất nhiều,
Như nhiều lần đã nói.
Chỉ giả lập thành lỗi,
Là lỗi uẩn vô ngã,
Là ngã lỗi không thân,
Ba ngã không hợp lý.
Như chủ, lửa, sáng, không,
Dị hình, y tha lỗi.
Vô thường, vô nghiệp dụng,
Phi nhân, phi hữu ngã.
Ngã phải chỉ là giả,
Thí dụ không thể được.
Bấy dụ: vọng phân biệt,
Không thấy v.v...là 3 thứ.
Như chủng tử vô thường,
Tác giả trở thành giả.
Nếu thành tự thân thông,
Thế tục được tự tại.
Ngã như đất như không,
Là vô thường vô tính,*

Là như 2 vô tác,
Rõ ràng là có nghiệp.
Đốt cháy và cắt đứt,
Chỉ lửa v.v... làm được.
Ngã đối với thấy v.v...
Chẳng phải như dao, lửa.
Như ánh sáng năng chiếu,
Là sáng không gì khác.
Cho nên ở trong ngoài,
Thành nghĩa không vô ngã.
Như ngoại vật thể gian,
Là ngã có tồn ích.
Trong tuy không thật ngã,
Nghĩa nhiễm tịnh mới thành.
Vị tư phiền não phân,
Vị vô thường biến đổi.
Ngã thường không chuyển đổi,
Thụ, tác, thoát phải không.
Pháp tính tùy duyên sinh,
Lần lượt hiện tương tục.
Có nhân mà không trụ,
Biến đổi nên gọi chuyển.
Như thân, nha, hà, đấng,
Có các thứ tác dụng.
Ngã thường không biến đổi,
Chuyển hoàn không đúng lý.
Y ngã khởi danh, tướng,
Thấy hai thứ lỗi lầm.
Cho nên khắp tất cả,
Tính thật ngã đều không.
Vì muốn ngôn thuyết dễ,

Tùy thuận theo thế gian.
Vì đoạn trừ sợ hãi,
Làm rõ đức và lỗi.
Vội khởi loạn cái biết,
Thế gian hiên thấy được,
Biết là đầu tạo nghiệp,
Có mười thứ lỗi lầm.
Biết ngã nhân công dụng,
Và tự tại 2 thứ
Có nhân và không nhân.
Phải biết có 10 lỗi.
Không thăm quyết biến hành,
Tăng ích và vô sự.
Sợ hãi và vọng kiến,
Nên biết 5 thí dụ.
Vô thể và viễn ly,
Trừ bỏ dựa 3 thứ.
Đối trị tương trói buộc,
Mười sáu thứ khác nhau.
Tự tính và chấp trước,
Không hiểu rõ, mất niệm,
Khấp tất cả, một phần,
Ngu sai biệt lưu chuyển.
Pháp trụ cầu tự tâm,
Trụ tự tâm trừ phược.
Sợ không 2 nhiễm tịnh,
Chứng được lý chân không.
Tu sai biệt 18,
Hoặc hữu độc vô độc,
Đối trị 5 thứ chấp,
Sơ lược có 2 thứ.

*Tu quả cần phải biết,
 Công đức Tam-bồ-đề.
 Tính y chỉ chuyển y,
 Sở tác sự thành tựu.*

Phẩm 7: THÀNH VÔ TÍNH

*Phải biết 3 tự tính,
 Đầu: Biến kế sở chấp,
 Tiếp: Y tha khởi tính,
 Sau cùng: Viên thành thật.
 Phải biết 3 vô tính,
 Không là 3 tự tính.
 Do tướng vô, sinh vô,
 Và thắng nghĩa vô tính.
 Không gồm trong 5 việc,
 Ngoài ra lại cũng không.
 Vì tên chuyển theo nghĩa,
 Cả hai khách của nhau.
 Nơi tên trước không biết,
 Nhiều tên, không nhất định.
 Với có nghĩa, vô nghĩa,
 Chuyển thành nghĩa phi lý.
 Vì thủ đã lập tên,
 Ngoài ra không năng thủ.
 Như chúng sinh tà chấp,
 Tăng ích làm điên đảo.
 Do huân khởi y tha,
 Dựa đây sinh điên đảo.
 Như vậy duyên lẫn nhau,
 Lần lượt sinh liên tục.*

Tự tính và sai biệt,
Có giác ngộ, tùy miên.
Gia hành là biến kế,
Lại phải biết 5 thứ.
Phân biệt có 8 thứ,
Có thể sinh 3 việc.
Còn thể của phân biệt,
Hai cõi tâm tâm pháp.
Do 2 phược trói buộc,
Chấp chặt 2 tự tính.
Nên giải thoát 2 phược,
Là vô đắc vô kiến.
Giả có nhân sở y,
Nếu khác, hoại, 2 thứ.
Vì tạp nhiễm có được,
Nên biết có y tha.
Tướng thô trọng làm thể,
Lại duyên sinh cho nhau.
Chẳng phải tự nhiên có,
Nên nói: sinh vô tính.
Chẳng quyết định hữu vô,
Mọi thứ đều như vậy.
Thông giả thật, 2 tính,
Thế tục nói là hữu.
Nói là ngã và pháp,
Đều là nói thế tục.
Còn chân lý thắng nghĩa,
Gọi là 7 chân như.
Tự tính viên thành thật,
Hai nghĩa trí tối thắng.
Không có các hý luận,

Xa lìa tính một, khác.
 Sở duyên của thanh tịnh,
 Thường không có biến đổi.
 Tính thiện và tính lạc,
 Tất cả đều thành tựu.
 Thật thắng nghĩa vô tính,
 Vì hý luận, ngã không.
 Y tha không tướng ấy,
 Đây thắng nghĩa vô tính.
 Nên biết y 3 tướng,
 Thiết lập 5 thứ tướng.
 Nếu như kia thích hợp,
 Riêng biệt có 5 nghiệp.
 Pháp chấp nên người ngu
 Khởi chúng sinh chấp kia.
 Kia trừ, giác pháp tính,
 Giác pháp, ngã chấp dứt.
 Trước chấp nơi y tha,
 Huân tập thành tạp nhiễm.
 Không chấp, viên thành thật,
 Huân tập thành thanh tịnh.
 Tạp nhiễm tính hữu lậu,
 Thanh tịnh thì vô lậu.
 Phải biết chuyển y này,
 Hai thứ không nghĩ bàn.
 Chân thật và tự thể,
 Tịch tĩnh và công đức.
 Tất cả không nghĩ bàn,
 Phải biết do 4 lý.
 Thanh Văn có 2 thứ,
 Đến tịch, đến Bồ-đề.

Y chỉ biến hóa thân,
 Đến vô thượng chính giác.
 Các Thanh Văn chuyển y,
 Chán lia do tu được.
 Bồ-tát phương tiện tu,
 Y chỉ trí không hai.
 Vì không trụ sinh diệt,
 Chư Phật trí vô thượng.
 Lợi lạc các hữu tình,
 Không nghĩ bàn, không hai.

Phẩm 8 : THÀNH HIỆN QUÁN

Phải biết hiện phải quán,
 Có hạ trung thượng phẩm.
 Hữu lậu và vô lậu,
 Vị kiến, vị thụ, khắp.
 Thắng trí xuất thế gian,
 Trừ được kiến sở đoạn.
 Chúng đắc vô phân biệt,
 Chỉ dựa vào tinh lự.
 Cực khổ chẳng ác thú,
 Cực vui chẳng 2 trên.
 Người trời ở cõi Dục,
 Phật xuất thế hiện quán.
 Chưa ly dục, bội ly,
 Và người đã ly dục,
 Độc nhất chứng chính giác,
 Tối thắng ngã sở sinh.
 Ngã chẳng phải trí nhân,
 Chẳng phải cảnh tự thủ.
 Chẳng phải tự hiện quán,

Vì chấp ái tự ngã.
 Vô thường có cảnh giới,
 Đợi duyên trí sinh khởi.
 Đoạn các thô nặng 3,
 Nên y tâm hiện quán.
 Đã thành thực tương tục,
 Hoặc được nghe chính pháp.
 Tự nhiên cực như lý,
 Tác ý nên hiện quán.
 Buộc niệm nơi sở duyên,
 Tinh cần, tu tĩnh định.
 Tăng thượng sức thiện căn,
 Chứng thánh giác đạo phần.
 Từ đó nhập kiến đạo,
 Khởi chính kiến vô lậu,
 Vĩnh viễn đoạn 3 kết,
 Tức là chứng hiện quán.
 Tuy ác thú tạp nhiễm,
 Chấp là khởi hoặc đoạn,
 Cảnh, kiến, đạo sư v.v..
 Tùy sinh gồm trong 3.
 Do trí thể gian trước,
 Lựa chọn để cứu cánh.
 Với để không gia hành,
 Quyết định sinh khởi tướng.
 Trí cảnh hòa hợp tướng,
 Với sở tri cứu cánh,
 Phải biết để hiện quán,
 Nơi 10 thứ quyết định.
 Tính ngã không có 3,
 Bất diệt không có 2.

Vô phân biệt, vô bố,
Trong tự đoạn quyết định.
Phát khởi chứng đẳng lưu,
Thành mãn tuần tự 4.
Lại nữa, pháp trụ trí...
Tuần tự có 8 thứ.
Vô hối trụ sở duyên,
Thấy cảnh giới như thật.
Đạo sở y vô hoặc,
Thuần sai biệt hành đoạn.
Phải biết gồm 3 tịnh,
Giới tịnh và tâm tịnh.
Cảnh giới y chỉ đạo,
Là nói tuệ thanh tịnh.
Biết nhân duyên của thân ...,
Khéo đạt trong 3 đời.
Tiếp hiểu rõ 4 khổ,
Và cả đến 8 khổ.
Từ chính quán đế này,
Khởi 16 hành trí.
Đế trị 4 điên đảo,
Và sở y của sau.
Từ đây chuyển tu tập,
Nơi tâm đều chán lìa.
Đế, giản trạch, quyết định,
Cứu cánh giác sinh khởi.
Từ đây không gia hành,
Giải thoát trí 3 tâm.
Một trăm và 12,
Đoạn phiền não gồm 10.
Đây chứng Bồ-đề phần,

*Sáu thứ tịnh trí tướng.
 Vì hành không phân biệt,
 Tùy chỗ làm thiết lập.
 Bỏ-tát ở vị này,
 Trước tu sức thắng nhân.
 Nơi tự tha thân khổ,
 Khởi tâm tính bình đẳng.
 Đại ngã ý lạc này,
 Tự tính là vô đắc.
 Phải biết quang ý lạc,
 Hai tính không phân biệt.
 Tiếp trên 16 hành,
 Trí thanh tịnh thế gian.
 Vì đối trị giới địa,
 Cứu cánh sự thành tựu.
 Sai biệt hiện quán này,
 Có 6 hoặc 18.
 Tướng thắng lợi rất nhiều,
 Tùy theo kinh luận nói.*

Phẩm 9: THÀNH DU-GIÀ

*Bát-nhã độ Du-già,
 Đẳng chí, vô phân biệt,
 Nhất thiết, nhất thiết chủng,
 Vì vô hữu phân biệt.
 Nhất thiết, nhất thiết chủng,
 Tam tướng với tam luân,
 Gọi là tướng nhiễm tịnh,
 Và câu phi 2 thứ.
 Nơi pháp và pháp không,
 Không 2 thứ hý luận.*

Không phân biệt vô cùng,
 Trên đây không hợp lý.
 Nếu đều không sở thủ,
 Không tuệ cũng không độ.
 Đều thành thủ ly ngôn,
 Vì thuận phi vô dụng.

Phẩm 10: THÀNH BÁT TƯ NGHỊ

Chín việc bát tư nghị,
 Do y chỉ 5 chỗ.
 Vì có 5 thứ nhân,
 Đúc, thất đều 3 thứ.
 Không tư nghị không ghi,
 Phải biết do 4 nhân.
 Không nhất định, rất sâu,
 Dẫn vô nghĩa tương trụ.
 Không nghĩ ngã có không,
 Vì thành 2 lỗi lầm.
 Với người cũng 2 lỗi,
 Không nên nghĩ một, khác.
 Hai tuy không y kiến,
 Thành nên không nên nghĩ.
 Không nghĩ sinh như vậy,
 Vì 3 lỗi đi theo.
 Thiện thú và ác thú,
 Hai tác giả không định.
 Quá khứ thiện ác nghiệp,
 Xứ sự ... khó nghĩ bàn.
 Chân như tính vô lậu,
 Thành sở tác nghĩa lợi.
 Người tinh lự, Như Lai,

Không ví, vì tự tại.
 Những điều ngoại đạo nói,
 Dẫn đến không nghĩa lợi.
 Phi lý xa 4 chỗ,
 Vô ký không nên nghĩ.
 Phi xứ siêng dụng công,
 Hủy báng nơi đại nghĩa.
 Không tu thanh tịnh thiện,
 Nên thành ra 3 lỗi.
 Xa lia không nghĩ bàn,
 Nghĩ chỗ có thể nghĩ,
 Đủ 8 thứ công đức,
 Nên tư duy đúng lý.
 Những điều chư Phật nói,
 Biết khắp cả không trái.
 Vì 5 nhân 2 duyên,
 Nơi đây không nên nghĩ.

Phẩm 11 : Nhiếp thẳng quyết trạch

Số, tướng, biệt, hữu, xứ,
 Biên tế với sinh khởi,
 Tướng, thiện xảo, nhiếp v.v...
 Thẳng quyết trạch các việc.
 Tâm tính có 2 thứ,
 Dị thực cùng với chuyển.
 Trước thức A-lại-da,
 Chủng tử 2 nên biết.
 Chấp thụ, sơ, minh liễu,
 Chủng tử, nghiệp, thân thụ.
 Vô tâm định, mạng chung,
 Không đều không hợp lý.

Sở duyên cảnh, tương ưng,
Tính hai nhân cùng nhau.
Vớ thức ... cùng lưu chuyển,
Tạp nhiễm ô, hoàn diệt.
Sức sở y cảnh giới,
Kiến lập tâm sai biệt.
Lại do 7 thứ hành,
Phải biết tướng khó rõ.
Sở duyên không tự tại,
Trụ ác sở y chỉ.
Tùy theo sức duyên chuyển,
Phải biết tâm bị trôi.
Tán loạn và an trụ,
Sáu thứ, 15 thứ.
Duyên cảnh giới có 6...
Sở trị tâm chẳng một.
Dựa nhiều cảnh liễu biệt,
Đều là tự nghiệp sinh.
Tâm pháp không nên nghĩ,
Vì tương tự cảnh chuyển.
Dẫn tâm, 3 phân biệt,
Lãnh nạp, thâm liễu tướng.
Tội lỗi... các tạo tác,
Là tác ý ... các nghiệp.
Cõi trên không hương vị,
Đại, tạo, tùy theo đượ.
Cực vi không tự thể,
Bảy việc phi thật hữu.
Vi hòa hợp không rời,
Thiện ác không tự nhiên.
Ba tướng, ngoài tướng không,

Pháp xứ sắc 12.
 Phải biết bất tương ưng,
 Đều là giả lập có.
 Tính giả có 6 thứ,
 Kia đều do 3 lỗi.
 Ba lỗi nhân chẳng 5,
 Nhân tướng lược kết hợp.
 Chỗ sở y sai khác,
 Kiến lập có nhiều thứ.
 Vì tâm sở duyên v.v...
 Vì thanh tịnh sở duyên,
 Vì 4 thứ ly hệ,
 Nên lập 8 vô vi.
 Cần phải biết 3 cõi,
 Mười hai tướng sai biệt.
 Sở trị và năng trị,
 Chỉ làm tổn phục chủng.
 Pháp vương vị nước biển,
 Dục ác thú trường thọ.
 Nhiều thế giới chung một,
 Đều 2 thứ nhân duyên.
 Ý tương ưng 4 hoặc,
 Biến hành mà câu khởi.
 Vô ký diệt sau cùng,
 Tùy chỗ sinh ra tính.
 Tất cả sinh liên tục,
 Hiện khởi cùng với duyên.
 Tùy miên cảnh thô trọng,
 Sai biệt có 20.
 Là tùy thuận tự sinh,
 Là chủng tử cố sự,

Là sinh 4 làm lỗi,
Là 3 nhân bất tịnh.
Nghệp tư và tư dĩ,
Sai biệt có 13.
Quả kia 6, 3 vị,
Nghệp quyết định 5 thứ.
Tự nghiệp có 4 thứ,
Đây tiên thực cũng 4.
Lại phải biết 9 thứ,
Tức 2 thứ sai biệt.
Mạng chung định bất định,
Trung yếu do 6 nhân.
Minh liễu vị 3 tâm,
Trung hữu hoặc hữu vô.
Y dư hữu sở duyên,
Tâm nhiễm ô sinh khởi,
Trong 4 thứ loài sinh,
Và tam giới ngũ thú.
Phải biết thế tục đế,
Ý giải nghĩa và nói.
Tịnh sở duyên tính kia,
Phương tiện là thắng nghĩa.
Phải biết 4 thứ đây,
Gồm có tịnh và nhiễm.
Chưa thấy chưa từng thụ,
Như bệnh, bệnh diệt nhân.
Phải biết 4 đế này,
Đều 4 tướng 4 hành.
Biết khắp cả 4 thứ,
Tính nhân quả sai biệt.
Cái biết không trái nghịch,

Tự nhiên. Chứng cũng vậy.
 Đé 3 thứ chỉ thiện,
 Lại phải biết 2 thứ.
 Phải biết 7 y chỉ,
 Ba thứ tính sở y.
 Thiện xảo ấy 2 thứ,
 Bốn câu v.v...nói rộng.
 Hoặc có người tinh lự,
 Tam-ma-địa thiện xảo,
 Hoặc Tam-ma-bát-đề,
 Hoặc câu, hoặc bát câu.
 Tinh lự nhiều chương phân,
 Và kiến lập rộng rãi.
 Xa lìa nơi khổ động,
 Sau phân chia thắng dị.
 Cận phần hỷ có động,
 Chỉ sơ mới tận lậu.
 Cũng 2 thứ duyên thanh,
 Tám đẳng chí xả 8.
 Hiện pháp an lạc trụ,
 Nhập được vào hiện quán.
 Ca ngợi tướng giải thoát,
 Phải biết 4 thứ nhân.
 Phải biết ái vị v.v...
 Mười thứ, 6, 3 thứ.
 Thoái tương tục chương trị,
 Có nhiều thứ sai biệt.
 Lợi căn và sinh chuyển
 Phải biết không có thoái.
 Y hạ địa phát định,

Vì lý dục hậu sinh.
Y nhị thừa Đại thừa,
Do 27 tướng.
Phải biết chính phương tiện,
Kiến lập nơi giác phần.
Thân v.v... 3 sai biệt,
Ảnh tượng tùy quán kia.
Do nghe v.v... 3 trí,
Niệm pháp không mê hoặc.
Sở trị kia 9 thứ,
Phải biết tác ý 2.
Tu sai biệt có 2,
Hai thứ không hoại mất.
Vì đoạn nơi trầm, trạo,
Tương ưng đạo 2 thứ.
Quán sát xả phiền não,
Và để hết 3 ái.
Vì đoạn tăng thượng mạn,
Vị sở y điên đảo.
Và 3 tâm nhập vào,
Tu tập nơi niệm trụ.
Do các căn sai biệt,
Kiến lập 5 chỉ 2.
Phải biết giả thiết 5,
Ba việc thành viên mãn.
Chứng chuyển y không khởi,
Hai nhân quả không thoái.
Ba nhân nên đoạn thường,
Ba quả 3 nhân ký.
Kiến lập các công đức,

Do 17 tầng thượng.
 Sai biệt kia vô biên,
 Vì sở trị, trị chướng.
 Tư duy nghĩa vui khổ,
 Tác ý và an trụ.
 Gian nan cùng tướng mạo,
 Đặc thù phi đặc thù.
 Như Lai nói chủng tính,
 Nhêu Phật với một thừa.
 Năm thứ và 10 thứ,
 Sáu sáu thứ đạo lý.
 Chư Phật diệu công năng,
 Quả kia cõi thanh tịnh.
 Giải thoát và pháp thân,
 Đăng, bất tư, vô thượng.
 Tuy không dùng gia hành,
 Trước do nguyện lực dẫn.
 Y vô vi phát khởi,
 Chỗ làm không 2 tướng.
 Tuyên thuyết các sự pháp,
 Biệt giải thoát phân biệt.
 Các pháp tướng 11,
 Là tạng kinh, luật, bản.
 Các tướng với đoạn diệt,
 Không hoại mất phương tiện.
 Kia 2 quả sai biệt,
 Là các kinh lược nghĩa.
 Các Tì-khuru mỹ diệu,
 Vắng lặng là các lậu.
 Là dục là trói buộc,

*Không chấp thụ Niết-bàn.
Không chấp thụ Niết-bàn.
Tự giữ thân sau cùng,
Đẹp các ma sai khiến.
Lược nói Du-già đạo,
Duyên chỗ nghi chính pháp.
Xa-ma-tha và quán,
Y ảnh tượng thành tựu./.*

TRỌN MỘT QUYỂN HẾT

SỐ 1604
LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
QUYỂN 1

*Bồ-tát Vô Trước tạo luận
Đường, Thiên Trúc tam tạng Ba-la-phá-mật-đa dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm 1: DUYÊN KHỞI

Kệ nói:

*Nghĩa trí tạo các nghĩa,
Ngôn cú đều vô cấu.
Cứu tế chúng sinh khổ,
Vì từ bi là tính,
Khéo nói pháp phương tiện,
Đó là tối thượng thừa.
Vì người phát Đại tâm,
Lược bày tỏ 5 nghĩa.*

Giải thích: Nói Luận trang nghiêm kinh điển Đại Thừa thì ai có thể trang nghiêm? Đáp, nghĩa trí có thể trang nghiêm. Hỏi: Nghĩa trí làm sao trang nghiêm? Đáp: Khai mở các nghĩa. Hỏi: Lấy gì khai mở? Đáp: Dùng ngôn và cú, tức lời và câu. Hỏi: Dùng những lời như thế nào và những câu như thế nào? Đáp: Dùng những lời không cấu bản, câu không cấu bản. Lời không cấu bản, là lời nói có thể dẫn

dắt đến thành Niết-bàn. Câu không câu bản, là chữ và câu phù hợp. Nếu lia bỏ lời nói câu vẫn không câu bản thì không thể khai hiểu các nghĩa. Hỏi: Dùng nghĩa gì gọi là trang nghiêm? Đáp: Cứu tế chúng sinh. Hỏi: Chúng sinh tự khổ, nhân gì mà cứu tế? Đáp: Vì thể của Bồ-tát là đại bi phát sinh lòng yêu thương. Hỏi: Nếu cứu khổ chúng sinh thì trang nghiêm pháp gì? Đáp: Trang nghiêm pháp Như Lai khéo nói phương tiện. Hỏi: Những gì là pháp phương tiện? Đáp: Đó là tối thượng thừa. Hỏi: Vì ai mà trang nghiêm? Đáp: Vì người phát tâm Đại thừa. Hỏi: Dùng bao nhiêu nghĩa trang nghiêm? Đáp: Lược dùng 5 nghĩa trình bày. Hỏi: Năm nghĩa đó là gì?

Kệ nói:

*Như vàng làm đồ dùng,
 Như hoa nở đúng độ,
 Như thức ăn mỹ vị,
 Như hiểu rõ chữ nghĩa,
 Như mở hộp châu báu,
 Thì đều được hoan hỷ.
 Pháp 5 nghĩa trang nghiêm,
 Hoan hỷ cũng như vậy.*

Giải thích: Năm thí dụ trong đây ví cho 5 nghĩa trang nghiêm. Theo tuần tự đó có thể khiến người phát tâm Đại thừa tin tưởng hướng về, dạy dỗ, tư duy, tu tập và chứng đắc. Hỏi: Nghĩa ấy như thế nào? Đáp: Thí dụ vàng làm thành đồ vật, là khiến tin tưởng mà chuyển hướng tâm kia. Thí dụ hoa nở, là khiến tiếp nhận sự dạy dỗ khai thị. Thí dụ thức ăn mỹ vị, là khiến tư duy được pháp vị. Thí dụ hiểu rõ văn tự, là khiến tu tập không suy nghĩ gì khác. Thí dụ mở nắp hộp châu báu, là khiến chứng đắc pháp bảo Bồ-đề phần, tự giác chứng đắc. Do 5 nghĩa này phân biệt Đại thừa, có thể khiến người ấy được sinh vui mừng yêu thích. Hỏi: Nếu tự tính pháp ấy đầy đủ công đức thì còn cần nghĩa gì trang nghiêm nữa?

Đề đáp câu hỏi này,

Kệ nói:

*Như trang điểm sắc đẹp,
Soi gương sinh vui mừng.
Diệu pháp trang nghiêm mình,
Được vui mừng hơn hết.*

Giải thích: Ví dụ như người gia công trang điểm trước gương sinh vui mừng. Bởi vì sao? Vì có sự sung sướng. Bờ-tát cũng vậy, nghĩa của trang nghiêm diệu pháp nhập vào tự tâm thì sinh vui mừng khôn xiết. Bởi vì sao? Vì có câu hỏi hỏi pháp ấy có công đức gì phải trang nghiêm bắt người ta cung kính tin thụ ư?

Kệ nói:

*Ví như uống thuốc đắng,
Bệnh lành thì liền vui.
Ở nơi văn giải nghĩa,
Khổ vui cũng như vậy.
Ví như thờ vua khó,
Thờ vua được uy lực.
Cũng vậy nghĩa khó giải,
Nhờ giải, được pháp tài.
Ví như thấy vật báu,
Không biết thì không thích,
Nghe diệu pháp cũng vậy,
Không hiểu không vui mừng.*

Giải thích: Ba kệ này tuân tự hiển thị 3 công đức của diệu pháp: 1. Hiển thị công đức đoạn chương nhân. 2. Hiển thị công đức tự tại nhân. 3. Hiển thị công đức diệu hỷ nhân. Hỏi nghĩa này như thế nào? Đáp: Như uống thuốc đắng, lúc đầu đắng vì khó uống, sau vui vì bệnh lành. Pháp này cũng vậy. Trụ trước nơi văn thì khổ vì khó đạt

được lý, khi rõ nghĩa thì vui vì phá được bệnh chướng. Như việc thờ vua, ban đầu khổ vì khó được ý vua, sau vui vì được cho quyền lực. Pháp này cũng vậy, khi tư duy thì khổ vì sâu xa khó hiểu, tư duy đạt được thì vui, vì được Thánh tài dài lâu. Như thấy vật báu chưa chế luyện, khi chưa biết thì không ưa thích cho là vô dụng, khi biết rồi thì rất quý trọng vì biết là hữu dụng. Pháp này cũng vậy, khi tu hành thì không vui, cho là trống trơn vô dụng, khi tu đạt được thì rất vui mừng vì biết có công dụng lớn.

Xong Phẩm duyên khởi.

Phẩm 2: THÀNH TÔNG

Giải thích: Có người nghi Đại thừa không phải Phật nói, làm sao có được công đức này? Nay tôi quyết phá lưới nghi kia, thành lập Đại thừa chính là Phật nói.

Kệ nói:

*Không ký cũng đồng hành,
Không hành cũng thành tựu.
Thế, phi thế, năng trị,
Văn khác, 8 nhân thành.*

Giải thích: Thành lập Đại thừa, sơ lược có 8 nhân: 1. Không ký. 2. Đồng hành. 3. Không hành. 4. Thành tựu. 5. Thế. 6. Chẳng phải thế. 7. Năng trị. 8. Văn khác.

1. Không ký, nghĩa là giáo pháp đã diệt tận chính là lúc Phật sau ra đời. Nếu Đại thừa không phải chính pháp, thì vì sao ban đầu Thế Tôn không ký? Ví như vị lai có Thế Tôn khác sẽ được ký liền. Đây không ký cho nên biết là Phật nói.

2. Đồng hành, nghĩa là Thanh Văn thừa với Đại thừa chẳng phải trước chẳng phải sau mà đồng hành cùng lúc. Ông làm sao biết được riêng Đại thừa này chẳng phải Phật nói?

3. Không hành, nghĩa là Đại thừa sâu rộng, chẳng phải suy nghĩ ước đạt con người có thể tin được, hướng chi là có thể làm ra các luận ngoại đạo. Thứ đó là không thể có được, nên nói là không làm. Do chúng không làm, nên là Phật nói.

4. Thành tựu, nghĩa là nếu ông nói những người khác chứng đắc Bồ-đề nói có Đại thừa chứ không phải đức Phật hiện nay nói Đại thừa. Nếu chấp như vậy tức trở lại thành nghĩa của tôi. Những người kia chứng Bồ-đề nói, tức như vậy là Phật nói.

5. Thể, nghĩa là nếu ông nói các đức Phật khác có cái thể của Đại thừa, Phật này không có thể của Đại thừa. Nếu chấp như vậy thì cũng trở lại thành nghĩa của tôi, vì Đại thừa không có cái thể nào khác mà chỉ có một.

6. Chẳng phải thể, nghĩa là nếu ông nói Phật này không có thể của Đại thừa, thì Thanh Văn thừa cũng không có thể. Nếu ông nói Thanh Văn thừa là Phật nói nên có thể, Đại thừa không phải Phật nói nên không có thể. Nếu chấp như thế là có lỗi lớn. Nếu không Phật thừa mà có Phật xuất thế nói Thanh Văn thừa, thế là không đúng lý.

7. Năng trị, nghĩa là do y vào pháp này tu hành được trí vô phân biệt, do trí vô phân biệt có thể phá các phiền não, do nhân này nên không được nói là không Đại thừa.

8. Văn khác, nghĩa là Đại thừa rất sâu không như văn nghĩa bình thường, không nên một mực hoàn toàn theo văn lấy nghĩa mà nói là không phải lời Phật nói. Lại nữa, nếu ông nói ban đầu không ký, là do tâm vô công dụng Phật xả bỏ. Chấp như thế là không đúng nghĩa.

Kệ nói:

*Chư Phật 3 nhân duyên,
Hiện thấy, cũng hộ pháp.
Trí Như Lai vô ngại,
Xả bỏ là không đúng.*

Giải thích: Nếu nói Đại thừa chẳng phải Phật nói, đó là chương lớn. Chư Phật có 3 nhân duyên vì sao không ký? 1. Trí vô công dụng hằng khởi là mắt hằng thấy. 2. Hằng tác chính cần thủ hộ chính pháp. 3. Trí lực Như Lai không chướng ngại. Do 3 nhân này mà ông nói xả bỏ không ký, là không đúng đạo lý. Lại nữa, nếu ông nói Thanh Văn thừa là có thể, tức Thanh Văn thừa là thể của Đại thừa. Bởi vì sao? Tức vì dùng thừa này được Đại Bồ-đề. Nếu chấp như vậy là không đúng nghĩa.

Kệ nói:

*Chẳng toàn, chẳng không trái,
Chẳng hành, chẳng dạy dỗ.
Cho nên Thanh Văn thừa,
Tức chẳng phải Đại thừa.*

Giải thích: Có 4 nhân duyên không lấy Thanh Văn thừa làm thể của Đại thừa vì chẳng toàn, chẳng không trái, chẳng hành, chẳng giáo thụ. Chẳng toàn, là Thanh Văn thừa không có dạy dỗ lợi tha. Chỉ vì tự chán lia dục giải thoát mà dạy dỗ. Chẳng không trái, nghĩa là nói Thanh Văn thừa dùng phương tiện chính mình mà dạy dỗ người khác, tức là dạy dỗ lợi tha là không đúng nghĩa. Bởi vì sao? Tuy dùng tự lợi làm an ổn người khác, nhưng kia cũng tự cầu Niết-bàn mà cần hành phương tiện, nên không thể lấy đó đắc Đại Bồ-đề. Chẳng hành, nghĩa là nếu ông nói nếu thực hành lâu hạnh Thanh Văn thừa sẽ được quả Đại Bồ-đề thì không phải nghĩa như vậy. Vì chẳng phải phương tiện. Thanh Văn thừa chẳng phải Đại Bồ-đề. Phương tiện không thể thực hành lâu, chẳng phải phương tiện mới có thể được quả Đại thừa. Ví như vắt sừng lấy sữa là không thể có được. Chẳng dạy dỗ, nghĩa là như Đại thừa thì dạy dỗ, Thanh Văn thừa thì không. Cho nên Thanh Văn thừa không được tức là Đại thừa. Lại nữa, làm rõ thêm nghĩa mâu thuẫn cho ông thấy.

Kệ nói:

*Phát tâm và dạy dỗ,
 Phương tiện và trụ giữ .
 Thời tiết hạ thượng thừa,
 Năm việc khác tất cả.*

Giải thích: Thanh Văn thừa và Đại thừa có 5 thứ khác nhau: 1. Phát tâm khác. 2. Dạy dỗ khác. 3. Phương tiện khác. 4. Trụ trì khác. 5. Thời tiết khác.

Thanh Văn thừa phát tâm, dạy dỗ, hoặc siêng năng làm phương tiện đều vì tự mình được Niết-bàn nên trụ trì cũng ít, tích tụ phúc đức cũng nhỏ, thời tiết cũng ít, cho đến 3 đời được giải thoát.

Đại thừa không như vậy, phát tâm, dạy dỗ, cần hành phương tiện đều vì lợi tha nên trụ trì cũng nhiều, tích tụ phúc đức cũng lớn, thời tiết cũng nhiều, vì trải qua 3 Đại kiếp A-tăng-kì.

Đó là tất cả chỗ khác nhau. Cho nên không nên lấy việc thực hành Tiểu thừa mà được quả Đại thừa.

Lại nữa, nếu ông nói lời Phật nói có 3 tướng: 1. Nhập Tu-đà-la. 2. Hiện thị Tì-ni. 3. Không trái pháp không. Ông lấy tất cả pháp là không tự tính mà dạy dỗ, như vậy trái với 3 tướng này nên không phải Phật nói. Nếu chấp như vậy là không đúng nghĩa.

Kệ nói:

*Nhập tự Đại thừa kinh,
 Hiện tự phiền não diệt.
 Nghĩa rộng lớn rất sâu,
 Không trái tự pháp không.*

Giải thích: Nay Đại thừa này cũng không trái 3 tướng vì nhập tự Đại thừa, hiện tự phiền não Tì-ni do Bồ-tát lấy phân biệt làm phiền

não, nên rộng lớn rất sâu, tức là pháp không của Bồ-tát không trái với không này nên được Đại Bồ-đề. Cho nên thừa này không trái với 3 tướng. Lại nữa trước nói không hành, nay tôi lại hiển thị nghĩa này cho ông tin nhận.

Kệ nói:

*Có y và bất định,
Duyên tục cũng không khắp.
Người thoái khuất suy xét,
Đâu hiểu nghĩa Đại thừa.*

Giải thích: Do có 5 nhân người suy xét kia không thể nhập cảnh giới Đại thừa vì trí của họ có chỗ dựa, vì bất định, vì duyên tục, vì không phổ biến, vì thoái khuất.

Nói kia có chỗ dựa, là trí dựa vào giáo sinh, không phải là trí chứng. Nói bất định, là có lúc có trí khác sinh. Nói duyên tục, là suy xét thế đế không tới được đệ nhất nghĩa đế. Nói không phổ biến, là tuy duyên thế đế chỉ hiểu được ít, không hiểu tất cả. Nói thoái khuất, là tranh luận biện luận cùng đường thì lặng thinh. Người Đại thừa thì không chỗ dựa cho đến cuối cùng không thoái khuất. Không thoái khuất, là trong vô lượng kinh có trăm ngàn kệ nói pháp Đại thừa, do được pháp này mà tài biện luận vô tận, cho nên Đại thừa không phải là cảnh giới suy tư lượng đặc của người bình thường.

Hỏi: Ông nói Thanh Văn thừa không phải phương tiện Bồ-đề của Phật, nếu vậy là ai?

Kệ nói:

*Rộng lớn và rất sâu,
Thành thực không phân biệt.
Nói 2 phương tiện này,
Tức là vô thượng thừa.*

Giải thích: Rộng lớn, nghĩa là các thần thông do hết sức cần hành phương tiện khiến người khác tin hiểu. Rất sâu, nghĩa là trí vô phân biệt do khó thực hành nên theo tuần tự: 1. Vì thành thực chúng sinh. 2. Vì thành thực Phật pháp. Tức nói 2 pháp này là phương tiện vô thượng Bồ-đề. Hai phương tiện này tức là thể của vô thượng thừa.

Hỏi: Nếu vậy có người trong đó sợ hãi thì tội lỗi như thế nào?

Kệ nói:

*Không đáng sợ mà sợ,
Do sợ bị thiêu đốt.
Sợ đưa đến không phúc,
Tội lỗi khởi dài lâu.*

Giải thích: Nếu người ở chỗ không phải sợ hãi vọng sinh sợ hãi, người này liền đọa vào ác đạo cực nóng bị thiêu đốt. Bởi vì sao? Do sự sợ hãi này dẫn đến sinh nhiều điều không phúc to lớn. Do tội này có thể khiến người trải vô lượng kiếp chịu đại nhiệt nã.

Hỏi: Người kia do nhân gì sinh sợ hãi?

Kệ nói:

*Phi tính, phi pháp bạn,
Ít tuệ, ít sức nhân,
Sợ pháp thâm diệu này,
Thoái mất Đại Bồ-đề.*

Giải thích: Nếu người sinh sợ hãi là do 4 nhân duyên: 1. Phi chủng tính, vì lìa Bồ-tát tính. 2. Phi pháp bạn, vì lìa thiện tri thức. 3. Ít tuệ lực, vì chưa hiểu Đại thừa pháp không. 4. Ít sức nhân, vì đời trước không trồng các tự tính thiện căn Ba-la-mật. Do nhân duyên này đối với pháp thâm vi diệu sinh tưởng sợ hãi. Do tưởng sợ hãi này nên đối với 2 nhóm phúc trí Đại Bồ-đề phải được thì không

được. Đó gọi là thoái. Nay ông nên biết, tội lỗi thoái mất này hết sức sâu nặng.

Đã nói xong tội lỗi của sợ và nhân của sợ. Tiếp đến nói về không nên nhân sợ hãi.

Kệ nói:

*Không khác, tức đều không,
 Có khác, tức nơi hiểm.
 Không ví, nói nhiều thứ,
 Liên tục nói nhiều môn.
 Không phải như văn nghĩa,
 Thể chư Phật rất sâu.
 Người thông tuệ, chính quán,
 Phải biết không nên sợ.*

Giải thích: Không khác, tức đều không, nghĩa là nếu ông nói Thanh Văn thừa tức Đại thừa, không khác thể Đại thừa, nếu như vậy thì Thanh Văn, Bích-chi-phật thừa là không có thể. Bởi vì sao? Do đặc Phật, nên như vậy tất cả đều là Phật thừa, thì vì có gì sợ hãi? Có khác, tức nơi hiểm, nghĩa là nếu ông chấp nhận có khác với thể của Đại thừa, thể này tức đạo nhất thiết trí, là nơi hiểm bậc nhất. Do khó vượt qua nên phải tin, thì vì có gì sợ hãi? Không ví, nghĩa là trong một lúc không có 2 Đại thừa cùng xuất hiện có thể đem sánh ví, vậy có gì sợ một không sợ hai? Nói nhiều thứ, nghĩa là nay Đại thừa này không phải chỉ nói không, cũng nói đại phúc tụ, nên phải hiểu ý này, vậy có gì chỉ sợ không? Liên tục nói, nghĩa là trong tất cả mọi lúc quyết định liên tục nói không, không phải ông mới nghe, vậy có gì sợ? Nói nhiều môn, nghĩa là trong các kinh có nhiều môn nhiều thuyết khác nhau đại khái làm rõ cái dụng. Phá các phân biệt được trí vô phân biệt. Nếu nói khác đây không có đại dụng, nghĩa là Như Lai chỉ nên nói không, không nói như pháp tính, thật tế v.v... Đã nói có nhiều môn, vậy có

gì chỉ sợ không? Chẳng phải như văn nghĩa, nghĩa là Đại thừa rất sâu, không phải như văn nghĩa, vậy có gì theo văn lấy nghĩa mà sợ không? Thế chư Phật rất sâu, nghĩa là Phật tính rất sâu, cuối cùng khó biết nên cầu hiểu rõ, vậy có gì sợ? Do các nhân duyên như vậy, người thông tuệ chính quán không nên sợ hãi đối với Đại thừa.

Đã nói xong lý do không nên sợ hãi. Tiếp đến nói khả năng thực hành pháp trí này.

Kệ nói:

*Tuần tự văn tư tu,
Đắc pháp và đắc tuệ.
Trí này hành pháp này,
Chưa đắc chớ hủy bỏ.*

Giải thích: Nếu người ban đầu dựa vào thiện tri thức có thể khởi chính văn. Tiếp đến đối với nghĩa đúng có thể khởi nghĩ nhớ đúng. Tiếp đến được sinh chính trí nơi cảnh giới chân thật. Tiếp đến từ đó được chứng quả pháp. Tiếp đến từ đó sau khởi trí giải thoát. Trí này người này tùy sự thâm nhập sâu xa có thể thực hành pháp này. Nếu ông không có trí này, không nên nói một cách quả quyết rằng không phải lời Phật nói.

Đã nói xong về trí có thể thực hành pháp này. Tiếp đến pháp cú này ngăn chặn sự sợ hãi.

Kệ nói:

*Không hiểu, hiểu không sâu,
Sâu chẳng do suy lường.
Hiểu sâu được giải thoát,
Các sợ hãi không nên.*

Giải thích: Không hiểu, nghĩa là nếu ông nói pháp sâu như vậy chẳng phải pháp ta có thể hiểu, do đó sinh sợ hãi, thế là không đúng.

Hiểu không sâu, nghĩa là nếu ông nói Phật hiểu cũng không sâu, nếu hiểu sâu vì sao nói sâu, do đó sinh sợ hãi, thế là không đúng. Sâu chẳng phải do suy lường hiểu, nghĩa là nếu ông nói vì sao đây là sâu, chẳng phải cảnh giới của suy lường, do đó sinh sợ hãi, thế là không đúng. Hiểu sâu được giải thoát, nghĩa là nếu ông nói vì sao chỉ riêng hiểu nghĩa sâu có thể được giải thoát, do đó sinh sợ hãi là không đúng lý. Như vậy là đã ngăn chặn pháp cú sợ hãi này. Tiếp đến lấy sự không tin thành lập Đại thừa.

Kệ nói:

*Do tiểu tín, giới, bạn,
Không hiểu sâu Đại pháp.
Vì do ông không hiểu,
Thành ngã vô thượng thừa.*

Giải thích: Tiểu tín, nghĩa là sự tin hiểu hẹp hòi yếu kém. Tiểu giới, nghĩa là các tiểu chủng tử huân tập trong thức A-lê-da. Tiểu bạn, nghĩa là tương tự tín, giới làm quyến thuộc. Ba cái này nếu nhỏ thì không tin có Đại thừa. Do không tin này mà thành pháp vô thượng ta lập.

Đã nói xong sự thành lập Đại thừa, tiếp đến ngăn chặn sự hủy báng Đại thừa.

Kệ nói:

*Tùy theo nghe được giác,
Chưa nghe chớ nên chê.
Vô lượng điều chưa nghe,
Chê bai thành si nghiệp.*

Giải thích: Ông theo ít nghe được giác ngộ, không nên theo nghe lại sinh hủy báng. Ông chưa nghe không tin còn được. Bởi vì sao? Không tích thiện nên chưa nghe thì nhiều, cẩn thận chớ nên hủy

báng. Ông không phân biệt mà sinh hủy báng lại tăng thêm nghiệp si làm hư hoại những gì đã được nghe trước.

Đã ngăn chặn sự hủy báng, tiếp đến ngăn chặn sự suy nghĩ tà vạy.

Kệ nói:

*Khi theo văn lấy nghĩa,
 Sư tâm thoái chân tuệ.
 Báng thuyết và khinh pháp,
 Duyên đây tội lớn sinh.*

Giải thích: Sư tâm, nghĩa là kiến thủ của mình, chẳng phải trí, vì tìm kiếm nghĩa một bên. Thoái chân tuệ, nghĩa là hiểu đúng như thật chưa được thì thoái mất. Báng thuyết, nghĩa là hủy báng thiện thuyết. Khinh pháp, nghĩa là ghét những gì mình nghe, do đây chẳng có phúc báo, thân sau thụ đại khổ báo. Đó gọi là sinh khởi tội lớn. Đã ngăn chặn tà tư duy, tiếp đến ngăn chặn ác ý.

Kệ nói:

*Ác ý tự tính ác,
 Bất thiện không nên khởi,
 Huống dòi nơi thiện xứ,
 Vì nên bỏ tội lớn.*

Giải thích: Ác ý, nghĩa là tâm ghen ghét. Tự tính ác, nghĩa là tâm này là tội tự tính còn không thể khởi trong pháp tội lỗi huống chi là khởi trong pháp chẳng phải tội lỗi. Cho nên phải gấp rút xả bỏ tội lỗi lớn.

Xong phạm Thành tông.

Phẩm 3: QUY Y

Giải thích: Như thế đã thành lập Đại thừa, tiếp đến dựa vào Đại thừa giữ lấy thắng quy y.

Kệ nói:

*Nếu người quy Tam Bảo,
Đại thừa quy đệ nhất.
Tất cả khắp dưng mãnh,
Vi đắc quả bất cập.*

Giải thích: Tất cả trong quy y Tam Bảo, nên biết rằng quy y Đại thừa là nhất tất cả. Bởi vì sao? Vì do 4 thứ nghĩa lớn tự tính thắng. Những gì là 4 nghĩa? 1. Nghĩa biến khắp tất cả. 2. Nghĩa dưng mãnh. 3. Nghĩa đắc quả. 4. Nghĩa bất cập. Những nghĩa này sẽ nói sau. Do 4 nghĩa này có nhiều lưu nan. Những người quy y có người có khả năng có người không khả năng. Người có khả năng là thắng. Đã nói quy y thắng, tiếp đến khuyên thắng quy y.

Kệ nói:

*Khó khởi cũng khó thành,
Phải có ý chí lớn.
Vi thành tự tha lợi,
Thì phải thắng quy y.*

Giải thích: Khó khởi, là thắng nguyện do thế nguyện rộng lớn. Khó thành, là thắng hạnh do trải qua vô lượng kiếp. Do khó như vậy nên phải phát ý chí lớn. Bởi vì sao? Vì muốn thành tự lợi tha và tự lợi. Lợi tha, là nguyện hạnh, vì nguyện hạnh là nhân của danh văn. Tự lợi, là nghĩa lớn, vì nghĩa lớn là quả của tự thể.

Trước đã nói 4 nghĩa, nay sẽ nói nghĩa khắp tất cả.

Kệ nói:

*Chúng sinh khắp, thừa khắp,
Trí khắp, tịch diệt khắp.
Gọi là người trí tuệ,
Bốn thứ khắp tất cả.*

Giải thích: Quy y Đại thừa có 4 thứ thứ phổ biến tất cả: 1. Chúng sinh phổ biến tất cả, vì muôn độ tất cả chúng sinh. 2. Thừa phổ biến tất cả, vì hiểu rõ 3 thừa. 3. Trí phổ biến tất cả, vì thông đạt 2 vô ngã. 4. Tịch diệt phổ biến tất cả, vì thể của sinh tử Niết-bàn là một vị, tội ác công đức là vô phân biệt.

Đã nói nghĩa phổ biến tất cả, tiếp đến nói nghĩa dững mãi.

Kệ nói:

*Hy vọng Phật Bồ-đề,
Làm khó làm không thoái.
Chư Phật bình đẳng giác,
Dững mãi thắng có 3.*

Giải thích: Quy y Đại thừa có 3 thứ thắng dững mãi: 1. Nguyên thắng dững mãi, vì khi quy Phật cầu Đại Bồ-đề sinh nhiều hoan hỷ biết thắng công đức. 2. Hành thắng dững mãi, vì khi khởi tu hành làm những việc khó làm không thoái lui không khuất phục. 3. Quả thắng dững mãi, vì khi đến thành Phật giác ngộ bình đẳng với tất cả chư Phật. Lại nữa do dững mãi này, các Phật tử ấy hằng được sinh trưởng tốt.

Kệ nói:

*Phát tâm và trí độ,
Gồm đủ cùng đại từ.
Hạt giống và mẹ sinh,
Bào thai, sữa mẹ tốt.*

Giải thích: Bồ-tát sinh trưởng tốt có 4 nghĩa: 1. Hạt giống tốt, vì lấy tâm Bồ-đề làm hạt giống. 2. Mẹ sinh tốt, vì lấy Bát-nhã Ba-la-mật làm mẹ sinh. 3. Bào thai tốt, vì lấy 2 phúc trí hợp lại duy trì làm bào thai. 4. Sữa mẹ tốt, vì lấy đại bi làm sữa mẹ nuôi lớn. Lại nữa sinh ra và lớn lên tốt là do dững mãi nên hằng được thân tốt đẹp.

Kệ nói:

*Tướng tốt, sức sinh thành,
Vui lớn, phương tiện lớn.
Bốn thành tựu như trên,
Đó gọi là thân tốt.*

Giải thích: Bồ-tát có 4 thứ thân tốt: 1. Sắc thân tốt, được diệu tướng nghiêm thân, hơn cả tướng của Chuyển luân vương. 2. Sức lực tốt, vì được sức tự tại thành thực chúng sinh. 3. Niềm vui tốt, vì được niềm vui vô biên của thượng phẩm Phật địa tịch diệt. 4. Trí tuệ tốt, vì được phương tiện khéo léo cứu tất cả chúng sinh. Bốn thứ này thành tựu gọi là Phật tử sinh trưởng tốt. Đó là sắc thành tựu, lực thành tựu, lạc thành tựu, trí thành tựu. Lại nữa, do đũng mãnh này được tương tự như vương tử.

Kệ nói:

*Quang thụ, pháp tự tại,
Khéo nói khéo nhiếp trị.
Vì do 4 nhân đây,
Giống Phật không đoạn dứt.*

Giải thích: Có 4 nhân duyên dòng vua không đoạn dứt: 1. Lên ngôi thụ chức. 2. Tăng thượng không mâu thuẫn. 3. Khéo phán quyết. 4. Thường phạt phân minh. Phật tử sinh trưởng tốt cũng vậy: 1. Được quang thụ, nghĩa là được nhận đại quang minh của tất cả chư Phật. 2. Pháp tự tại, nghĩa là trí tuệ tự tại trong tất cả các pháp, không có gì mâu thuẫn. 3. Khéo nói, nghĩa là khéo nói pháp trong chúng Phật tử. 4. Khéo trị phạt, nghĩa là đối với người học giới có khả năng trị tội lỗi, có khả năng giữ gìn công đức. Lại nữa do đũng mãnh này được tương tự như đại thần.

Kệ nói:

*Nhập độ thấy giác phân,
Trì mật lợi chúng sinh.
Vì do 4 nhân đây,
Được tương tự đại thân.*

Giải thích: Có 4 thứ nhân là công đức của một đại thân: 1. Vào cấm cung của vua. 2. Xem báu vật của vua. 3. Dùng bí mật ngữ của vua. 4. Ban thưởng tự tại. Bồ-tát dũng mãnh cũng vậy: 1. Thường được khéo nhập các Ba-la-mật. 2. Thường thấy pháp bảo Đại Bồ-đề phân trong các kinh, do không quên pháp. 3. Thường hành trì Như Lai thân mật khẩu mật ý mật. 4. Thường có thể lợi ích vô biên chúng sinh.

Đã nói xong dũng mãnh nghĩa, tiếp nói về đặc quả nghĩa.

Kệ nói:

*Phúc đức và tôn trọng,
Có lạc, cũng khổ diệt.
Chứng lạc chứng pháp âm,
Tập hết có diệt xả.*

Giải thích: Quy y Đại thừa được 8 quả này: 1. Khi tin hiểu được đại phúc đức tự. 2. Khi phát tâm được 3 cõi tôn trọng. 3. Khi cố ý thụ sinh được an lạc trong 3 cõi. 4. Khi hiểu tự tha bình đẳng, diệt được đại khổ tự, cũng có sức diệt được khổ tất cả chúng sinh. 5. Khi nhập vô sinh nhẫn, giác chứng niềm vui tối thượng. 6. Khi đắc Bồ-đề chứng đại pháp âm. Pháp âm tức pháp thân. Như vậy pháp thân gọi là đại, gọi là thắng, gọi là thường, gọi là thiện tự. Vì là pháp tạng của vô biên Tu-đa-la nên gọi là đại, là cao tốt trong tất cả pháp nên gọi là thắng, vĩnh viễn không bao giờ hết nên gọi là thường, là sức không sợ hãi tích tụ thiện pháp nên gọi là thiện tự. 7. Được vĩnh viễn diệt hết các huân tập không sót. 8. Được hữu diệt xả. Hữu xả là không trụ sinh tử. Diệt xả là không trụ Niết-bàn.

Đã nói nghĩa của đặc quả, tiếp nói nghĩa của bất cập.

Kệ nói:

*Đại thể và đại nghĩa,
Vô biên và vô tận.
Do thiện thể xuất thể,
Vì thành thực thân thông.*

Giải thích: Quy y Đại thừa có các thiện căn là do 4 nhân mà tất cả Thanh Văn Bích-chi-phật không bì kịp: 1. Đại thể. 2. Đại nghĩa. 3. Vô biên. 4. Vô tận.

Hỏi: Thể là thể nào?

Đáp: Đại thể, nghĩa là thiện căn thể gian đã được vượt quá 2 thừa. Đại nghĩa, nghĩa là thiện căn xuất thể, xuất thể của 2 thừa chỉ tự lợi. Vô biên, nghĩa là thành thực thiện căn, vì có thể thành thực vô biên chúng sinh. Vô tận, nghĩa là thiện căn thân thông cho đến Niết-bàn vô dư cũng không hết.

Đã nói thẳng nghĩa của quy y, tiếp đến nói sai biệt của quy y.

Kệ nói:

*Hy vọng và đại bi,
Chủng trí cũng bất thoái.
Ba xuất và 2 đặc,
Sai biệt có 6 thứ.*

Giải thích: Sai biệt của quy y có 6 thứ: 1. Tự tính. 2. Nhân. 3. Quả. 4. Nghiệp. 5. Tương ưng. 6. Phẩm loại. Hy vọng là tự tính, vì chí tâm cầu Phật thể. Đại bi là nhân, vì tất cả chúng sinh. Chủng trí là quả, vì được vô thượng Bồ-đề. Bất thoái là nghiệp, vì làm việc lợi tha, làm việc khó làm không thoái lui không khuất phục. Ba xuất làm tương ưng, vì đầy đủ hạnh 3 thừa xuất ly. Hai đặc làm phẩm loại, vì thể tục đặc và pháp tính đặc thô tế khác nhau.

Đã nói về công đức sai biệt, tiếp nói về hạnh sai biệt.

Kệ nói:

*Quy y có nghĩa lớn,
Công đức tុ tăng trưởng.
Tâm bi khắp thế gian,
Rộng truyền Đại thánh pháp.*

Giải thích: Nghĩa lớn là hành tុ tha lợi. Hành tុ lợi nghĩa là công đức tăng trưởng lại có nhiều thứ, như tư duy lượng đặc, như thường thường, như thời tiết, đều không có lượng vì không thể tư duy lượng đặc, vì không thể đếm biết, rất ráo hằng hành vì không phân chia thời tiết. Hành lợi tha nghĩa là tác ý và tâm bi biến khắp tất cả chúng sinh, rộng rãi siêng năng dùng phương tiện lưu bố pháp của Đại thánh. Pháp của Đại thánh là nói pháp Đại thừa.

Xong Phẩm quy y.

Phẩm 4: CHỨNG TÍNH

Giải thích: Đã nói nghĩa quy y, tiếp đến nói sai biệt của chủng tính.

Kệ nói:

*Hữu, thắng, tính, tướng, loại,
Tội ác và công đức,
Ví vàng cùng ví báu,
Chín thứ đều 4 thứ.*

Giải thích: Chủng tính có 9 thứ sai biệt: 1. Hữu thể. 2. Tối thắng. 3. Tự tính. 4. Tướng mạo. 5. Phẩm loại. 6. Tội ác. 7. Công đức. 8. Ví dụ vàng. 9. Ví dụ báu vật. Như vậy 9 nghĩa, mỗi mỗi đều có 4 thứ sai biệt. Kệ này nêu chung, các kệ khác giải thích riêng. Trong đây trước tiên phân biệt hữu thể.

Kệ nói:

*Do giới và do tín,
Do hành và do quả.
Do 4 sai biệt này,
Nên biết có thể tính.*

Giải thích: Chủng tính có thể tính là do 4 thứ sai biệt: 1. Do giới sai biệt. 2. Do tín sai biệt. 3. Do hành sai biệt. 4. Do quả sai biệt. Do giới sai biệt, nghĩa là chúng sinh có vô lượng thể giới khác nhau. Như nhiều kinh nói, do thể giới khác nhau nên biết chủng tính 3 thừa có khác nhau. Do tín sai biệt, nghĩa là chúng sinh có nhiều thứ tin khác nhau, hoặc do sức nhân khởi, hoặc do sức duyên khởi, nên có thể trong 3 thừa tùy tin một thừa không phải tin tất cả. Nếu không có tính sai biệt thì cũng không có tín sai biệt. Do hành sai biệt, nghĩa là các hành của chúng sinh hoặc có khả năng tiến, hoặc không có khả năng tiến. Nếu không có tính sai biệt thì cũng không có hành sai biệt. Do quả sai biệt, nghĩa là chúng sinh Bồ-đề có bậc hạ trung thượng, quả cũng tương tự như vậy. Nếu không có tính sai biệt thì cũng không có quả sai biệt. Do 4 sai biệt này cho nên phải biết chủng tính là hữu thể.

Đã nói hữu thể của chủng tính, tiếp đến nói về tối thắng của chủng tính.

Kệ nói:

*Minh tịnh và bao gồm,
Đại nghĩa cũng vô tận.
Do thiện có 4 thắng,
Chủng tính được đệ nhất.*

Giải thích: Chủng tính Bồ-tát do 4 thứ nhân duyên được tối thắng: 1. Do thiện căn sáng suốt thanh tịnh. 2. Do thiện căn bao gồm tất cả. 3. Do thiện căn nghĩa lớn. 4. Do thiện căn vô tận. Bởi vì sao? Vì

không phải thiện căn các Thanh Văn v.v... sáng suốt thanh tịnh như vậy, không phải thiện căn tất cả mọi người bao gồm súc vô úy v.v..., vì thiện căn những người khác không lợi tha, vì thiện căn những người khác khi Niết-bàn là hết, còn thiện căn của Bồ-tát không như vậy. Do đó làm nhân mà chủng tính Bồ-tát vượt trội hơn cả.

Đã nói về chủng tính tối thắng, tiếp đến nói về tự tính của chủng tính.

Kệ nói:

*Tính chủng và tập chủng,
Sở y và năng y.
Phải biết hữu phi hữu,
Vì công đức độ nghĩa.*

Giải thích: Chủng tính Bồ-tát có 4 thứ tự tính: 1. Tính chủng tự tính. 2. Tập chủng tự tính. 3. Sở y tự tính. 4. Năng y tự tính. Tự tính ấy theo thứ tự như vậy. Lại nữa kia nói hữu là vì nhân thể hữu, nói phi hữu vì quả thể phi hữu.

Hỏi: Nếu vậy sao gọi là tính?

Đáp: Vì công đức độ nghĩa. Nói độ, là nghĩa xuất sinh công đức. Do đạo lý này nên gọi là tính.

Đã nói tự tính của chủng tính, tiếp nói tướng mạo của chủng tính.

Kệ nói:

*Đại bi và đại tín,
Đại nhẫn và đại hạnh.
Nếu có tướng như thế,
Gọi là tính Bồ-tát.*

Giải thích: Chủng tính Bồ-tát có 4 thứ tướng mạo: 1. Đại bi là tướng, vì thương xót tất cả chúng sinh khổ. 2. Đại tín là tướng, vì yêu

thích tất cả pháp Đại thừa. 3. Đại nhẫn là tướng, vì chịu đựng làm tất cả hạnh khó làm. 4. Đại hành là tướng, vì thực hành khắp cả các tự tính thiện căn Ba-la-mật.

Đã nói tướng mạo của chủng tính, tiếp nói phạm loại của chủng tính.

Kệ nói:

*Quyết định và bất định,
Không thoái và thoái đọa.
Gặp duyên như thứ lớp,
Có 4 thứ phạm loại.*

Giải thích: Phạm loại chủng tính của Bồ-tát lược nói có 4 thứ: 1. Quyết định. 2. Bất định. 3. Không thoái. 4. Thoái đọa. Như thứ tự thì quyết định là gặp duyên không thoái, bất định thì gặp duyên sẽ thoái đọa.

Đã nói xong phạm loại của chủng tính, tiếp nói tội lỗi của chủng tính.

Kệ nói:

*Nên biết tính Bồ-tát,
Lược nói có 4 lỗi.
Tập hoặc cùng bạn xấu,
Vi bản cùng, thuộc người.*

Giải thích: Tội lỗi chủng tính của Bồ-tát lược nói có 4 thứ: 1. Tập hoặc, vì không hành công đức hành nhiều phiền não. 2. Bạn xấu, vì gần gũi người xấu, xa lìa thiện tri thức. 3. Bản cùng, vì mọi thứ cần thiết đều thiếu thốn. 4. Thuộc người khác, vì lệ thuộc người khác không tự tại.

Đã nói tội lỗi của chủng tính, tiếp nói công đức của chủng tính.

Kệ nói:

*Công đức cũng 4 thứ,
Tuy đọa nơi ác đạo,
Vào chậm lại ra mau,
Khở mỏng và bi sâu.*

Giải thích: Chúng tính Bồ-tát tuy có tội lỗi như trước, nếu đọa ác đạo nên biết trong đó lại có 4 thứ công đức: 1. Vào chậm, vì không thường xuyên đọa. 2. Ra mau, vì không ở lâu. 3. Khở mỏng, vì sự bức nã nhẹ. 4. Bi sâu, vì cũng thành tựu tâm thương xót chúng sinh.

Đã nói công đức của chúng tính, tiếp nói chúng tính ví dụ vàng.

Kệ nói:

*Ví như tính vàng tốt,
Xuất sinh có 4 thứ.
Các thiện và các trí,
Các tịnh và các thông.*

Giải thích: Tính vàng tốt có 4 nghĩa: 1. Cực đa. 2. Quang minh. 3. Vô cấu. 4. Điều nhu. Chúng tính Bồ-tát cũng vậy: 1. Là y chỉ của vô lượng thiện căn. 2. Là y chỉ của vô lượng trí tuệ. 3. Là y chỉ cho tất cả phiền não chướng trí chướng được thanh tịnh. 4. Là y chỉ cho tất cả thân thông biến hóa.

Đã nói về chúng tính ví như tính vàng, tiếp nói chúng tính ví như các báu.

Kệ nói:

*Ví như tính các báu,
Bốn thứ thành tựu nhân.
Đại quả và đại trí,
Đại định và đại nghĩa.*

Giải thích: Tính các báu là thành tựu 4 thứ y chỉ: 1. Chân thật thành tựu y chỉ. 2. Sắc thành tựu y chỉ. 3. Hình thành tựu y chỉ. 4. Lượng thành tựu y chỉ. Chúng tính Bồ-tát cũng vậy: 1. Là nhân Đại Bồ-đề. 2. Là nhân đại trí. 3. Là nhân đại định, vì định do tâm trụ. 4. Là nhân đại nghĩa, vì thành tựu vô biên chúng sinh.

Đã rộng phân biệt tính vị, tiếp phân biệt vô tính vị.

Kệ nói:

*Một bề hành ác hạnh,
Dứt hết các bạch pháp.
Không có phần giải thoát,
Thiện ít, nhân cũng không.*

Giải thích: Vô Bát-niết-bàn pháp là vô tính vị. Đây lược có 2 thứ: 1. Thời biên Bát-niết-bàn pháp. 2. Tất cánh vô Niết-bàn pháp. Thời biên Bát-niết-bàn pháp có 4 loại người: 1. Cứ một bề làm ác. 2. Dứt hết các thiện pháp. 3. Không có thiện căn giải thoát phần. 4. Thiện căn không đầy đủ. Người hoàn toàn không có pháp Niết-bàn là vì không có nhân, người ấy không có tính Bát-niết-bàn. Đây gọi là người chỉ cầu sinh tử không ưa thích Niết-bàn.

Đã nói về vô tính, tiếp nói khiến nhập vào.

Kệ nói:

*Giảng sâu rộng đại pháp,
Khiến tin khiến cực nhẫn.
Cứu cánh Đại Bồ-đề,
Hai biết, 2 thắng tính.*

Giải thích: Giảng diễn sâu rộng pháp Đại thừa là vì lợi tha. Nghĩa là người vô trí khiến được tin Đại thừa, đã tin Đại thừa khiến thành tu cực nhẫn có thể tu hành không thoái lui. Người đã cực nhẫn khiến cứu cánh thành tựu vô thượng Bồ-đề. Hai hạng người

biết là phạm phu và Thanh Văn. Nếu được như vậy thì 2 hạng người kia biết tự tính, tính của tính đức viên mãn rất là thù thắng.

Hỏi: Thù thắng thế nào?

Kệ nói:

*Cây Bồ-đề tăng trưởng,
Sinh lạc và diệt khổ.
Tự tha lợi là quả,
Thù thắng là gốc tốt.*

Giải thích: Chúng tính như vậy có thể tăng trưởng công đức cực rộng cây Đại Bồ-đề, có thể được vui lớn, có thể diệt khổ lớn, có thể được tự tha lợi lạc, lấy làm đại quả. Cho nên tính này là trên hết. Ví như gốc cây cát tường, tính Bồ-tát cũng vậy.

Xong Phẩm chúng tính.

HẾT QUYỂN 1

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH

QUYỂN 2

Phẩm 5: PHÁT TÂM

Giải thích: Như nói đã phân biệt chủng tính Bồ-tát, tiếp phân biệt tướng phát tâm Bồ-đề của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Dũng mãnh và phương tiện,
Lợi ích và xuất ly.
Bốn lớn, 3 công đức,
Hai nghĩa nên tâm khởi.*

Giải thích: Bồ-tát phát tâm có 4 thứ lớn: 1. Dũng mãnh lớn. Nghĩa là trường thời gian tinh tiến thệ nguyện rộng lớn làm những việc khó làm. 2. Phương tiện lớn. Nghĩa là mặc áo giáo hoàng thệ luôn luôn dùng phương tiện siêng năng tinh tiến. 3. Lợi ích lớn. Nghĩa là tất cả mọi lúc làm lợi mình lợi người. 4. Xuất ly lớn. Nghĩa là vì cầu vô thượng Bồ-đề. Lại nữa 4 thứ lớn này được thể hiện trong 3 thứ công đức. Cái lớn thứ nhất và thứ hai hiển thị công đức sở tác của trượng phu. Cái lớn thứ ba hiển thị làm công đức đại nghĩa. Cái lớn thứ tư hiển thị công đức thụ quả. Ba công đức này lấy 2 nghĩa làm duyên. Hai nghĩa đó là vô thượng Bồ-đề và tất cả chúng sinh. Do tu duy như vậy nên phát tâm Bồ-đề.

Đã nói về tướng phát tâm, tiếp nói các phát tâm sai biệt.

Kệ nói:

*Tín hành cùng tín y,
Báo đắc và vô chướng.
Phát tâm y các địa,
Sai biệt có 4 thứ.*

Giải thích: Bồ-tát phát tâm, dựa vào các địa có 4 thứ khác nhau:

1. Tín hành phát tâm, đó là tín hành địa. 2. Tịnh y phát tâm, đó là 7 địa trước. 3. Báo đắc phát tâm, đó là 3 địa sau. 4. Vô chướng phát tâm, đó là Như Lai địa. Đã nói sự sai biệt, tiếp phải giải thích rộng.

Hỏi: Phát tâm như thế lấy gì làm căn bản, sở y vào đâu, tin vào pháp gì, duyên vào cái gì, thuộc thừa nào, trụ ở đâu, có những chướng nạn gì, được các công đức gì, có những tự tính gì, xuất ly những nơi nào, nơi nào là cứu cánh?

Kệ nói:

*Đại bi cùng lợi vật,
Đại pháp với chủng trí,
Thắng dục và đại hộ,
Thụ chướng và tăng thiện,
Phúc trí với tu độ,
Cùng với mối địa đủ.
Ban đầu đến rốt sau,
Theo thứ tự nên biết.*

Giải thích: Bồ-tát phát tâm lấy đại bi làm căn bản, lấy lợi vật làm y chỉ, lấy pháp Đại thừa làm nơi tin tưởng, lấy chủng trí làm sở duyên vì cầu đạt được, lấy thắng dục làm sở thừa vì muốn được vô thượng thừa, lấy đại hộ làm chỗ trụ vì trụ nơi giới Bồ-tát, lấy sự bị chướng ngại làm tai nạn vì khởi tâm với thừa khác, lấy tăng thiện làm

công đức, lấy phúc trí làm tự tính, lấy tu tập các độ làm xuất ly, lấy đầy đủ các địa làm cứu cánh. Do mỗi địa mỗi địa siêng dùng phương tiện phù hợp với chúng.

Như vậy đã phân biệt rộng, tiếp nói về thụ thể tục phát tâm.

Kệ nói:

*Sức bạn và sức nhân,
Sức căn và sức nghe.
Bốn sức chung 2 phát,
Không kiên và kiên cố.*

Giải thích: Nếu từ người khác nói mà được giác ngộ rồi phát tâm gọi là thụ thể tục phát tâm. Sự phát tâm này do 4 sức: 1. Do sức của bạn bè mà phát tâm, hoặc được thiện tri thức tùy thuận. 2. Do sức nhân mà phát tâm, hoặc quá khứ đã từng phát tâm. 3. Do sức của căn mà phát tâm, hoặc quá khứ từng làm các thiện căn được viên mãn. Do sức của nghe pháp mà phát tâm, hoặc nơi nơi khi thuyết pháp vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề. Lại nữa tu tập thiện căn là hoặc hiện tại như pháp thường nghe, thụ trì v.v... Lại nữa 4 sức phát tâm kia nói chung có 2 thứ: 1. Phát tâm không kiên cố. Nghĩa là do sức của bạn bè. 2. Phát tâm kiên cố. Nghĩa là nhân v.v... 3 sức phát tâm.

Đã nói về thể tục phát tâm, tiếp nói đệ nhất nghĩa phát tâm.

Kệ nói:

*Gần gũi Chính biến tri,
Khéo gom tụ phúc trí.
Với pháp không phân biệt,
Chân trí tối thượng sinh.*

Giải thích: Đệ nhất nghĩa phát tâm được hiển thị có 3 thứ vượt trội: 1. Giáo thụ vượt trội, vì thân cận bậc Chính biến tri. 2. Tùy

thuận vượt trội, vì khéo gồm tụ phúc trí. 3. Đắc quả vượt trội, vì sinh trí vô phân biệt. Phát tâm này gọi là bậc hoan hỷ địa, do hoan hỷ vượt trội.

Hỏi: Sự vượt trội này lấy gì làm nhân?

Kệ nói:

*Các pháp và chúng sinh,
Sở tác và Phật thể.
Nơi 4 bình đẳng này,
Nên được hoan hỷ thắng.*

Giải thích: Bốn bình đẳng là: 1. Pháp bình đẳng, vì do thông đạt pháp vô ngã. 2. Chúng sinh bình đẳng, vì được tự tha bình đẳng. 3. Sở tác bình đẳng, vì khiến người hết khổ cũng như mình hết khổ. 4. Phật thể bình đẳng, vì pháp giới và ta không gì khác biệt, quyết định có thể thông suốt.

Đã nói thắng nhân, tiếp nói thắng sai biệt.

Kệ nói:

*Sinh vị và nguyện vị,
Cũng mạnh cũng tịnh y.
Các xảo và các xuất,
Sáu thắng là như vậy.*

Giải thích: Đệ nhất nghĩa phát tâm lại có 6 thứ vượt trội: 1. Sinh vị vượt trội. 2. Nguyện vị vượt trội. 3. Dũng mãnh vượt trội. 4. Tịnh y vượt trội. 5. Dư xảo vượt trội. 5. Dư xuất vượt trội.

Hỏi: Sáu thứ này vì sao là vượt trội?

Kệ nói:

*Sinh vượt trội: 4 nghĩa,
Nguyện lớn có 10 thứ.*

*Dừng mãi thường không lui,
 Tịnh y 2 lợi sinh.
 Xảo tiện đến các địa,
 Xuất ly khéo tư duy.
 Do 6 đạo lý này,
 Mà thành 6 vượt trội.*

Giải thích: Bốn nghĩa của sinh vượt trội là: 1. Chúng tử vượt trội, vì tin pháp Đại thừa làm chúng tử. 2. Mẹ sinh vượt trội, vì Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ sinh. 3. Bào thai vượt trội, vì niềm vui đại thiên định là thai tạng. 4. Sữa mẹ vượt trội, vì đại bi nuôi lớn là sữa mẹ. Nguyên lớn có 10 thứ là 10 đại nguyện nói trong Kinh Thập Địa, vì phát nguyện này là thù thắng. Dừng mãi thường không lui, nghĩa là có thể làm việc khó làm hằng không lùi bước. Tịnh y 2 lợi sinh là: 1. Biết mình gần Bồ-đề. 2. Biết phương tiện lợi tha nên khéo tiến lên các địa khác, vì được phương tiện lên thượng địa. Xuất ly khéo tư duy, nghĩa là tư duy trụ trong các địa mà kiến lập pháp.

Hỏi: Tư duy như thế nào?

Đáp: Như kiến kiến lập biết bình đẳng, phân biệt, vì lấy cái phân biệt đó cũng biết không phân biệt.

Đã nói phát tâm, tiếp nói thí dụ để hiển thị phát tâm này.

Kệ nói:

*Như địa, như vàng ròng,
 Như trăng, như thêm lửa,
 Như kho, như hộp báu,
 Như biển, như kim cương,
 Như núi, như dược vương,
 Như bạn, như như ý,
 Như nắng, như nhạc hay,
 Như vua, như kho lẫm,*

*Như đường, như xe chở,
 Như suối, như tiếng mừng,
 Như chảy cũng như mây,
 Phát tâm ví như vậy.*

Giải thích: Phát tâm như vậy với các ví dụ này tương ứng với nghĩa gì? Đáp: Ví như lục địa lớn, phát tâm lúc mới đầu cũng như vậy, vì tất cả Phật pháp có thể phát sinh và duy trì. Ví như vàng ròng, phát tâm tương ứng y cũng như vậy, vì lợi ích an lạc không thoái lui không hư hoại. Ví như trăng non, phát tâm tương ứng cần cũng như vậy, vì tất cả thiện pháp dần dần tăng. Ví như thêm lửa, phát tâm tương ứng cực y cũng như vậy, vì càng thêm củi lửa càng cháy mạnh. Ví như kho tàng lớn, phát tâm tương ứng Đàn Ba-la-mật cũng như vậy, vì của cải chu cấp không hết. Ví như hộp báu vật, phát tâm tương ứng Thi Ba-la-mật cũng như vậy, vì công đức pháp bảo từ đó sinh. Ví như biển lớn, phát tâm tương ứng Sằn-đề Ba-la-mật cũng như vậy, vì các tâm trái nghịch không động. Ví như kim cương, phát tâm tương ứng Tì-lê-da Ba-la-mật cũng như vậy, vì dững mãnh kiên cường không thể hư hoại. Ví như dược vương, phát tâm tương ứng Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, vì đây có thể phá hoặc trí 2 bệnh, phát tâm tương ứng vô lượng cũng như vậy, vì tất cả mọi lúc không bỏ chúng sinh. Ví như ngọc như ý, phát tâm tương ứng thần thông cũng như vậy, vì tùy chỗ muốn hiện có thể thành tựu. Ví như trời nắng, phát tâm tương ứng nhiếp cũng như vậy, vì thành thực chúng sinh như trời nắng làm chín lúa thóc. Ví như nhạc hay, phát tâm tương ứng biện cũng như vậy, vì thuyết pháp giáo hóa thâm nhiếp chúng sinh. Ví như quốc vương, phát tâm tương ứng lượng cũng như vậy, vì có thể vì chính đạo không phá hoại nhân. Ví như kho lẫm, phát tâm tương ứng tụ cũng như vậy, vì gom chứa pháp tài phúc trí. Ví như đường vua đi, phát tâm tương ứng giác phần cũng như vậy, vì Đại thánh đi trước tùy tùng theo sau. Ví như xe chở, phát tâm tương ứng chỉ quán cũng như vậy, vì đủ 2 bánh yên ổn mà đi. Ví như suối

nước, phát tâm tương ưng tổng trì cũng như vậy, vì người nghe tuy nhiều nhưng pháp thì vô tận. Ví như tiếng mừng vui, phát tâm tương ưng pháp ấn cũng như vậy, vì đó là tiếng người cầu giải thoát thích nghe. Ví như con sông chảy, phát tâm tương ưng tự tính cũng như vậy, vì không tác ý mà đạo vô sinh hiển tự nhiên lưu xuất. Ví như mây lớn có thể thành thế giới, phát tâm tương ưng phương tiện cũng như vậy, vì thị hiện 8 tướng thành đạo giáo hóa chúng sinh. Như vậy 22 thí dụ ví cho phát tâm kia như Thánh giả nói rộng trong Kinh Vô Tận Tuệ.

Đã nói thí dụ phát tâm, tiếp nói tội lỗi không phát tâm.

Kệ nói:

*Tư lợi, được phương tiện,
Hiểu nghĩa và chứng chân.
Như vậy tứ thời vui,
Đến tịch thì liền xả.*

Giải thích: Bồ-tát có 4 cái vui: 1. Tư lợi: vui, tức khi tư duy lợi ích tha nhân. 2. Được phương tiện: vui, tức khi được phương tiện khéo léo. 3. Hiểu nghĩa: vui, tức khi hiểu rõ ý Đại thừa. 4. Chứng thật: vui, tức khi chứng nhân pháp vô ngã. Nếu người xả bỏ chúng sinh tìm đến tịch diệt, phải biết người ấy không được 4 cái vui của Bồ-tát.

Đã trách không phát tâm thì nên khen ngợi người phát tâm.

Kệ nói:

*Tối sơ phát đại tâm,
Khéo hộ vô biên ác,
Thiện tăng vì bi tăng,
Vui mừng, khổ cũng vui.*

Giải thích: Nếu Bồ-tát mới phát tâm Đại Bồ-đề, bấy giờ y vào vô biên chúng sinh liền được khéo giữ gìn không làm các ác. Vì thế

người này xa lìa, sợ thoái đọa ác đạo. Lại nữa do có điều thiện và tăng trưởng điều thiện cho nên đối với cái vui thường hoan hỷ, do có tâm bi và tăng trưởng tâm bi nên đối với cái khổ thường hoan hỷ. Vì thế người này xa lìa, sợ thoái mất thiện đạo. Đã khen ngợi phát tâm, tiếp nói nhân phát tâm này được bất tác hộ.

Kệ nói:

*Yêu người hơn yêu mình,
Quên mình lợi chúng sinh.
Không vì mình ghét người,
Sao làm nghiệp bất thiện.*

Giải thích: Nếu sơ lược trình bày nghĩa kia, Bồ-tát yêu người hơn yêu mình, do đó quên thân mạng mình vì lợi ích người khác. Không vì lợi mình mà tổn hại người, do đó có thể tuyệt dứt các ác nghiệp đối với chúng sinh.

Đã nói được bất tác hộ, tiếp nói được bất thoái tâm.

Kệ nói:

*Quán pháp biết như huyễn,
Quán sinh như vào vườn,
Dầu thành dầu bất thành,
Hoặc khổ đều không sợ.*

Giải thích: Bồ-tát quán các pháp biết tựa như huyễn, dầu khi thành tựu, đối với phiền não không sinh sợ hãi. Bồ-tát quán nơi mình sinh như vào vườn hoa, dầu khi không thành tựu, đối với khổ não cũng không sinh sợ hãi. Nếu như vậy thì còn ý gì mà thoái tâm Bồ-đề ư?

Lại có Kệ nói:

*Tự trang nghiêm, tự ăn,
Vườn hoa và vui chơi,*

*Như vậy có 4 việc,
Tâm bi không thừa khác.*

Giải thích: Bồ-tát lấy công đức mình mà tự trang nghiêm, lấy sự hoan hỷ lợi tha làm cái ăn của mình, lấy tác ý nơi sinh làm vườn hoa, lấy thần thông biến hóa làm vui chơi. Bốn việc như vậy chỉ Bồ-tát mới có, nhị thừa không có. Bồ-tát đã có 4 việc này làm sao thoái tâm Bồ-đề?

Đã nói tâm không thoái lui, tiếp ngăn chặn tâm sợ khổ.

Kệ nói:

*Rất siêng lợi chúng sinh,
Vị đại bi là tính.
Vô gián như chỗ vui,
Đâu còn sợ các khổ.*

Giải thích: Bồ-tát lấy đại bi làm thể cho nên rất siêng năng lợi tha, tuy vào địa ngục A-tì như vào chốn vui chơi. Bồ-tát như vậy ở trong các khổ đâu sinh sợ hãi mà vì sợ thoái tâm ư?

Kệ nói:

*Đại bi hằng trong tâm,
Người khổ là mình khổ.
Tự nhiên làm nên làm,
Đợi khuyển rất xấu hổ.*

Giải thích: Các Bồ-tát đại bi chính hạnh thường ở trong tâm. Nếu thấy chúng sinh chịu khổ tức mình sinh khổ. Do đạo lý này việc nên làm tự nhiên làm. Nếu đợi thiện hữu khuyển bảo thì sinh rất xấu hổ.

Kệ nói:

*Gánh vác thay chúng sinh,
Biếng nhác xấu không tốt.*

*Để cõi trời mình người,
Phải tinh tiến gấp trăm.*

Giải thích: Bồ-tát phát tâm gánh vác gánh nặng cho chúng sinh, nếu trì hoãn là việc xấu không phải là chúng sinh đoan chính nhất. Bồ-tát phải suy nghĩ. Hoặc mình hoặc người có các thứ trời buộc, nghĩa là sinh hoặc nghiệp, thì phải tinh tiến gấp trăm lần để cõi mở trời buộc này, hơn cả việc phải làm của Thanh Văn.

Xong Phẩm phát tâm.

Phẩm 6: HAI LỢI

Giải thích: Đã nói về phát tâm, tiếp nói theo phát tâm này tùy thuận tu hành tự lợi lợi tha.

Kệ nói:

*Đại y và đại hạnh,
Đại quả thứ lớp nói.
Đại thủ và đại nhẫn,
Đại nghĩa 3 việc thành.*

Giải thích: Đại y, nghĩa là y chỉ Đại Bồ-đề mà phát tâm. Đại hạnh, là vì tự lợi lợi tha mà phát hạnh nguyện lớn. Đại quả, là khiến được vô thượng Bồ-đề như thứ lớp. Đại thủ, là khi phát tâm gồm thấu tất cả chúng sinh. Đại nhẫn, là khi phát tâm tu hành thì nhẫn chịu tất cả cái khổ lớn. Đại nghĩa, là khi đắc quả nghiệp thành tự rộng lợi ích tất cả chúng sinh.

Đã nói xong thứ lớp, tiếp nói tự tha không sai biệt.

Kệ nói:

*Tự tha tâm bình đẳng,
Ái thì thắng hơn kia.
Như vậy có thắng tướng,
Hai lợi nào sai biệt.*

Giải thích: Bồ-tát được tâm tự tha bình đẳng, hoặc do tin mà được, nghĩa là khi thể tục phát tâm, hoặc do trí mà được, nghĩa là khi đệ nhất nghĩa phát tâm. Bồ-tát tuy có tâm này nhưng yêu thân người thì hơn thân mình. Đối với người đã có tướng thắng hơn như vậy thì không còn phân biệt cái gì là tự lợi, cái gì là lợi tha, vì đều không phân biệt.

Đã nói xong vô sai biệt, tiếp nói lợi tha hơn.

Kệ nói:

*Ở đời không nghiệp oán,
Lợi kia hằng tự khổ.
Bi tâm tự nhiên khởi,
Cho nên lợi tha hơn.*

Giải thích: Bồ-tát trong các thế gian nghiệp oán dứt đã lâu. Cho nên hằng vì lợi tha, tự thân chịu các cần khổ là do đại bi làm thể tự nhiên phát khởi. Do đạo lý này thì lợi tha là hơn.

Hỏi: Lợi tha như thế sao nói là tùy thuận?

Kệ nói:

*Khéo nói, khiến quy hướng,
Khiến nhập cũng khiến điếu.
Khiến thành cũng khiến trụ,
Khiến giác, khiến giải thoát.
Tập đức và sinh gia,
Được ký và thụ chức.
Đến thành trí Như Lai,
Lấy đó lợi quần sinh.*

Giải thích: Ba loại chúng sinh, nghĩa là trụ ở tính bậc hạ trung thượng. Bồ-tát đứng như chỗ sở trụ mà nhiếp thủ chúng, dùng 13 thứ tùy thuận lợi ích: 1. Khéo nói, do tùy giáo và ký tâm. 2. Khiến quy hướng, do sức thần thông. 3. Khiến nhập, do đã quy hướng rồi có

thể khiến tin thụ chính giáo. 4. Khiến điều, do đã nhập vào, đoạn các nghi. 5. Khiến thành, do thành thực thiện căn. 6. Khiến trụ, do dạy dỗ khiến tâm an trụ. 7. Khiến giác, do được trí tuệ. 8. Khiến giải thoát, do được thân thông v.v... các thắng công đức. 9. Tập đức, do gồm khắp phúc trí. 10. Sinh gia, do sinh vào Phật gia. 11. Được ký, do địa thứ 8 thụ ký. 12. Thụ chức, do thụ chức địa thứ 10. 13. Được trí Như Lai, do nhập Phật địa.

Hỏi: Sự tùy thuận này thành lập như thế nào?

Kệ nói:

*Không đảo và không cao,
Không nhiễm và thông đạt,
Năng nhẫn và điều thuận,
Đi xa và vô tận.
Nên biết 8 nghĩa này,
Thành tựu 13 kia.*

Giải thích: Không đảo, là như người đã trụ nơi tính, Bồ-tát tùy cơ thuyết pháp không nói bừa bãi. Không cao, là khi được quy hướng không ý thần thông mà tự cao. Không nhiễm, là khi vào chính pháp không nhiễm trước chúng sinh. Thông đạt, là vì đoạn dứt lưới nghi. Năng nhẫn, là vì khéo thành thực. Điều thuận, là tùy thuận dạy dỗ, không dạy dỗ không điều hòa. Đi xa, là tùy thuận sinh gia v.v... không nơi xa nào không đi khiến kia làm được. Vô tận, là Bồ-tát lợi ích chúng sinh tất cả mọi lúc đều không hết hạnh nguyện. Đó gọi là thành tựu.

Hỏi: Tùy thuận này thắng sai biệt như thế nào?

Kệ nói:

*Tập dục rất đáng sợ,
Hữu ái, động mà đảo.*

*Lạc diệt, đoạn phiền não,
Đại bi, cầu Phật pháp.*

Giải thích: Tập dục, là nói người cõi Dục. Rất đáng sợ, là thân tâm nhiều khổ và hướng đến ác thú. Hữu ái, là nói người cõi Sắc và Vô sắc. Đông mà đảo, là chúng yêu thích vô thường nên động, hành khổ nên điên đảo. Lạc diệt, là chỉ người tự lợi. Đoạn phiền não, là do phiền não nắm giữ nên khổ mãi không dứt. Vì để lìa khổ nên đoạn phiền não mà cầu tịch diệt. Đại bi, là nói người lợi tha. Cầu Phật pháp, là nói người này thường cầu tất cả pháp Phật vì muốn lợi ích tất cả chúng sinh.

Kệ nói:

*Thế gian cầu mình vui,
Không vui hằng cực khổ.
Bồ-tát làm người vui,
Hai lợi vui hơn cả.*

Giải thích: Thế gian ngu si thường tìm vui cho mình mà không được vui trở lại bị cực khổ. Bồ-tát không như vậy, thường siêng năng làm điều vui cho người mà thành tựu 2 lợi, lại được cái vui đệ nhất Đại Niết-bàn. Đây là thắng tùy thuận sai biệt của Bồ-tát.

Đã nói tùy thuận lợi tha, tiếp lấy đây làm hồi hướng chúng sinh.

Kệ nói:

*Dị căn nơi dị xứ,
Dị tác có dị hành,
Tất cả việc làm đó,
Hồi hướng lợi chúng sinh.*

Giải thích: Bồ-tát hồi hướng tùy nhãn v.v... các căn, làm nhiều nơi, làm nhiều oai nghi, làm các nghiệp lợi ích chúng sinh. Tất cả

các việc làm đó, nếu phù hợp và tương tự đều hồi hướng tất cả chúng sinh, như được nói rộng trong Kinh Hành Thanh Tịnh.

Đã nói về tâm hồi hướng, tiếp ngăn chặn tâm bất nhẫn.

Kệ nói:

*Chúng sinh không tự tại,
Thường tạo các ác nghiệp.
Nhẫn kia thêm tâm bi,
Không nã cũng không trái.*

Giải thích: Chúng sinh bị phiền não làm não loạn tâm không tự tại, cho nên làm các ác nghiệp. Trí tuệ Bồ-tát thường khởi đại nhân tăng trưởng đại bi, cho nên đối với chúng sinh không khởi tâm làm não hại, cũng không muốn làm việc gì không tùy thuận.

Đã ngăn chặn tâm bất nhẫn, tiếp hiển thị tùy thuận đại.

Kệ nói:

*Thắng xuất cùng tịch tĩnh,
Công đức và lợi vật.
Thứ tự y 4 nghĩa,
Nói đại có 4 thứ.*

Giải thích: Chư Bồ-tát có 4 thứ tùy thuận đại: 1. Thắng xuất đại, là vượt trội thoát ra khỏi tam hữu ngũ thú. Như Kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói: “Tu-bồ-đề ! Nếu sắc là hữu pháp không phải vô pháp thì Ma-ha-diễn không thể vượt trội thoát khỏi tất cả thế gian, trời, người, A-tu-la.” 2. Tịch tĩnh đại, vì tùy hướng vô trụ xứ Niết-bàn. 3. Công đức đại, vì phúc đức trí tuệ 2 nhóm tăng trưởng. 4. Lợi vật đại, vì thường y vào đại bi không bỏ chúng sinh.

Xong Phẩm nhị lợi.

Phẩm 7: CHÂN THẬT

Giải thích: Đã nói tùy thuận tu hành, tiếp nói tướng đệ nhất nghĩa.

Kệ nói:

*Phi hữu cũng phi vô,
Phi như cũng phi dị.
Phi sinh cũng phi diệt,
Phi tăng cũng phi giảm.
Phi tịnh phi bất tịnh,
Năm thứ không 2 tướng.
Gọi là đệ nhất nghĩa,
Người tu hành phải biết.*

Giải thích: Không 2 nghĩa, là đệ nhất nghĩa. Năm thứ thị hiện: Phi hữu, là vì không 2 tướng phân biệt và y tha. Phi vô, là vì có tướng chân thật. Phi như, là vì 2 tướng phân biệt và y tha không một thật thể. Phi dị, là vì 2 thứ kia như không có thể khác nhau. Phi sinh phi diệt, là vì vô vi. Phi tăng phi giảm, là vì 2 phần tịnh nhiễm khi khởi khi diệt pháp giới vẫn trụ đứng như vậy. Phi tịnh, là vì tự tính không nhiễm nên không cần phải tịnh. Phi bất tịnh, là vì đã bỏ khách trần. Như vậy 5 thứ không 2 tướng thì biết là tướng đệ nhất nghĩa.

Đã nói đệ nhất nghĩa, tiếp ngăn chặn điên đảo khởi.

Kệ nói:

*Ngã kiến phi ngã kiến,
Vô tướng phi vô duyên.
Vị khác 2 vô ngã,
Giải thoát chỉ hết mê.*

Giải thích: Ngã kiến phi ngã kiến, là vì không có ngã tướng. Bởi vì sao? Do ngã tướng chỉ là phân biệt. Phi vô duyên, là vì phiền não tập khí duyên 5 thụ ấm. Vị khác 2 vô ngã, nghĩa là nói 2 tức là

ngã kiến và 5 thụ âm cũng chẳng khác 2 thứ này mà có ngã tướng. Như vậy ngã kiến chỉ là mê lầm, thật không có ngã tướng có thể có được. Giải thoát chỉ hết mê, nghĩa là nếu duyên tự thân khởi giải thoát cũng chỉ hết mê, vì không có cái ngã nào khác gọi là giải thoát.

Đã ngăn chặn vọng kiến, tiếp trách điên đảo.

Kệ nói:

*Làm sao y ngã kiến,
Không thấy tự tính khổ,
Mê khổ và cái khổ,
Pháp tính cùng vô tính.*

Giải thích: Làm sao dựa vào ngã kiến không thấy tự tính của khổ? Than ôi ! Thế gian làm sao y chi? Ngã kiến khởi các mê không thể hiểu rõ các hành là tự tính của khổ mà thường theo đuổi ư? Mê khổ và cái khổ, pháp tính cùng vô tính, nghĩa là khổ tức là chịu cái cảm xúc khổ, cái khổ tức là khổ không dứt chẳng phải ta với khổ tương ưng gọi là cái khổ. Mê khổ nghĩa là không rõ tự tính của khổ. Mê cái khổ là khổ không rõ vô ngã. Pháp tính là chỉ có pháp, vì nhân vô ngã. Vô tính là phi pháp, vì pháp vô ngã.

Kệ nói:

*Làm sao duyên khởi thể,
Hiện thấy sinh dị kiến.
Ám nên không thấy có,
Và cũng không có thấy.*

Giải thích: Làm sao duyên khởi thể hiện thấy sinh dị kiến? Than ôi ! Thế gian làm sao hiện thấy các hành đều từ duyên khởi mà dựa vào thể đó sinh dị kiến một cách bừa bãi. Nghĩa là nhãn v.v... các căn, thể không phải duyên khởi. Vì tà chấp tối tăm nên không thấy có, và cũng không có thấy, do vô minh nên pháp duyên khởi là có mà không thấy có, ngã thể là không có mà có thấy.

Hỏi: Nếu vậy làm sao được Niết-bàn?

Kệ nói:

*Sinh tử cùng Niết-bàn,
Không 2, không chút khác.
Khéo trụ nơi vô ngã,
Hết sinh tử Niết-bàn.*

Giải thích: Sinh tử và Niết-bàn không 2, cho đến không khác tí nào. Bởi vì sao? Vì bình đẳng vô ngã. Nếu người khéo trụ nơi vô ngã mà tu thiện nghiệp thì sinh tử liền hết mà được Niết-bàn.

Như vậy đã ngăn chặn điên đảo, tiếp nên nói đối trị điên đảo kia.

Kệ nói:

*Phúc trí vô biên tế,
Sinh trưởng tất viên mãn.
Tur pháp quyết định rồi,
Thông đạt tính nghĩa loại.*

Giải thích: Kệ này hiển thị ý nghĩa của đệ nhất tập đại tụ vị. Phúc trí vô biên tế, là vì do sai biệt vô số và thời tiết vô biên. Sinh trưởng tất viên mãn, là vì Bồ-tát nhóm họp đại tụ này đáo bị ngạn. Tur pháp quyết định rồi, là y chỉ định tâm mà tư duy. Thông đạt tính nghĩa loại, là hiểu chỗ tư duy nghĩa loại các pháp, vì tất lấy ý ngôn làm tự tính.

Kệ nói:

*Đã biết tính nghĩa loại,
Khéo trụ chỉ tâm quang.
Vị hiện thấy pháp giới,
Giải thoát nơi 2 tướng.*

Giải thích: Kệ này hiển thị ý nghĩa của đệ nhị thông đạt phần vị, do hiểu tất cả các nghĩa chỉ là ý ngôn làm tính, thì hiểu rõ tất cả

các nghĩa tức là tâm sáng. Bồ-tát lúc bấy giờ gọi là khéo trụ duy thức. Từ đó về sau hiện thấy pháp giới, hiểu thấu suốt 2 tướng tức giải thoát năng chấp và sở chấp.

Kệ nói:

*Ngoài tâm không có vật,
Vật không tâm cũng không.
Bởi hiểu được 2 không,
Khéo trụ chân pháp giới.*

Giải thích: Kệ này hiển thị ý nghĩa đệ tam kiến đạo vị. Như kia hiện thấy pháp giới nên hiểu rõ ngoài tâm không có vật sở thủ. Vì không có vật sở thủ nên cũng không có tâm năng thủ. Do lia 2 tướng năng thủ sở thủ nên phải biết khéo trụ tự tính của pháp giới.

Kệ nói:

*Trí lực vô phân biệt,
Hằng bình đẳng biến hành.
Vì hoại quá tụ thế,
Như thuộc hay trừ độc.*

Giải thích: Kệ này hiển thị ý nghĩa của đệ tứ tu đạo vị. Bồ-tát nhập đệ nhất nghĩa trí chuyển y rồi, dùng trí vô phân biệt hằng hành bình đẳng và hành biến xứ. Bởi vì sao? Vì phá hoại chỗ y chỉ tính y tha huân tập quá dày đặc như rừng rậm.

Hỏi: Trí lực này như thế nào?

Đáp: Ví như thuốc A-già-đà có thể trừ tất cả các độc. Trí lực kia như thế.

Kệ nói:

*Duyên Phật khéo thành pháp,
Tâm căn an pháp giới.*

*Hiểu niệm chỉ phân biệt,
Mau cùng biển công đức.*

Giải thích: Kệ này hiển thị ý nghĩa của đệ ngũ cứu cánh vị. Duyên Phật khéo thành pháp, nghĩa là Bồ-tát trong việc khéo thành lập tất cả diệu pháp của Phật, làm tổng tụ duyên.

Hỏi: Tổng tụ duyên là thế nào?

Đáp: Tâm căn an pháp giới. Đây nói rõ nhập trí đệ nhất nghĩa. Do trí tuệ này an trụ pháp giới, nên tâm này gọi là căn.

Hỏi: Rồi sau thế nào?

Đáp: Hiểu niệm chỉ phân biệt. Nghĩa là từ đây về sau khởi quán như trước quán, xú xú niệm chuyên hiểu biết các niệm chỉ là phân biệt không phải thật hữu.

Hỏi: Biết như thế là đã được tiến đến vị gì?

Đáp: Mau chóng tận cùng biển công đức. Nghĩa là biết như vậy đã được quả Phật công đức như biển, vì có thể mau chóng đạt đến tận cùng bờ bên kia.

Xong Phẩm chân thật.

Phẩm 8: THẦN THÔNG

Giải thích: Nói nghĩa chân thật xong, tiếp hiển thị tướng thần thông của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Khởi diệt và ngôn âm,
Tâm hành cùng tiên trụ.
Hương kia khiến xuất ly,
Sáu trí tự tại thông.*

Giải thích: Khởi diệt là cảnh của sinh tử trí, vì biết các chúng sinh sinh tử. Ngôn âm, là cảnh của thiên nhĩ trí, vì kia khởi ngôn ngữ

gì thấy đều nghe biết. Tâm hành, là cảnh của tha tâm trí, vì có thể biết được tâm hành sai biệt của người khác. Tiên trụ, là cảnh của túc mạng trí, vì biết chỗ ở trước của người kia là nơi thiện, nơi ác. Hướng kia, là cảnh của như ý trí, vì tùy theo chỗ ở của người kia mà sang đó giáo hóa. Xuất ly, là cảnh của lậu tận trí, vì biết chúng sinh kia được hay không được xuất ly. Sáu trí này là 6 nghĩa sai biệt trong các thế giới. Biết khắp, không ngại, dũng mãnh, tự tại là tự tính thần thông của Bồ-tát.

Đã nói tự tính, tiếp nói tu tập.

Kệ nói:

*Đệ tứ cực tịnh thiên,
Gồm trí vô phân biệt.
Như chỗ lập phương tiện,
Y đây tịnh thân thông.*

Giải thích: Như thiên sở y, như trí sở nhiếp, như phương tiện sở lập, Bồ-tát tác ý tu tập thì được thân thông cao tột.

Đã nói tu thân thông, tiếp nói đắc quả.

Kệ nói:

*Ba trụ, trụ vô tỷ,
Sở trụ, thiện cúng dường.
Khiến kia được thanh tịnh,
Là nói quả thân thông.*

Giải thích: Có 3 thứ quả của thân thông: 1. Quả nơi ở thù thắng. Nơi trụ xứ này có 3 thứ một Thánh trụ hai Phạm trụ ba Thiên trụ, vì sở đắc là không thể so sánh, không có gì trên. 2. Quả thiện cúng dường, vì tùy chỗ trụ xứ, được chúng sinh thế gian đại cúng dường. 3. Quả khiến người thanh tịnh, vì có thể khiến người cúng dường được thanh tịnh.

Hỏi: Thần thông có 6 thứ nghiệp: 1. Tự nghiệp. 2. Tha nghiệp. 3. Quang nghiệp. 4. Hỷ nghiệp. 5. Hóa nghiệp. 6. Tịnh nghiệp.

Đây là thế nào?

Kệ nói:

*Việc thế, sinh, thành hoại,
Thấy như là ảo hóa.
Các thứ người ước muốn,
Tự tại tùy ý thành.*

Giải thích: Nửa trên bài kệ hiển thị tự nghiệp, vì thấy thế giới, chúng sinh hoặc thành hoặc hoại đều như ảo hóa. Nửa dưới hiển thị tha nghiệp. Nghĩa là làm cho đại địa rung động hay phóng ánh sáng là tùy theo ý muốn của người mà hiện ra tự tại. Mười thứ tự tại như có nói trong Kinh Thập Địa.

Kệ nói:

*Thần quang chiếu ác thú,
Khiến tin sinh thiện đạo.
Uy lực động thiên cung,
Khiến ma vương hoảng sợ.*

Giải thích: Kệ này hiển thị quang nghiệp. Quang nghiệp có 2 thứ một là cứu khổ hai là làm tà ma sợ hãi. Nửa kệ trên nói cứu khổ. Nghĩa là ánh sáng thần thông dưới chiếu đến ác đạo chúng sinh khiến phát tín tâm được sinh vào đường thiện. Nửa kệ dưới nói làm tà ma sợ hãi, nghĩa là trên chiếu đến thiên cung làm rung động cung điện khiến chúng ma hoảng sợ.

Kệ nói:

*Đạo chơi các Tam-muội,
Đứng đầu trong tăng chúng.*

*Hằng hiện 3 biến hóa,
Để làm lợi chúng sinh.*

Giải thích: Nửa kệ trên hiển thị hý nghiệp. Trong tạng chúng của Phật được các định du hý tự tại. Nửa kệ dưới hiển thị hóa nghiệp. Hóa có 3 thứ: 1. Nghiệp hóa, là xử lý tự tại nghề công xảo hóa độ chúng sinh. 2. Tùy hóa, tùy chỗ ước muốn của chúng sinh mà tự tại hóa độ. 3. Thượng hóa, là hiện trụ cung trời Đâu-suất thẳng diệu hóa độ chúng sinh. Lấy 3 pháp hóa độ hằng làm lợi ích.

Kệ nói:

*Trí lực khắp tự tại,
Cõi nước tùy muốn hiện.
Không Phật nay nghe Phật,
Cảnh Phật thấy trước mắt.*

Giải thích: Kệ này hiển thị tịnh nghiệp. Tịnh nghiệp có 2 thứ: 1. Cõi nước thanh tịnh. 2. Chúng sinh thanh tịnh. Nửa kệ trên nói cõi nước thanh tịnh, do trí tự tại, tùy chúng sinh muốn có thể hiện thế giới thanh tịnh như thủy tinh, lưu ly v.v... Nửa kệ dưới nói chúng sinh thanh tịnh, ở thế giới không có Phật có thể khiến nghe biết có Phật khởi tín tâm thanh tịnh sinh về thế giới có Phật.

Đã nói nghiệp dụng, tiếp nói tương ưng.

Kệ nói:

*Sức thành thực chúng sinh,
Chư Phật đều khen ngợi.
Mở lời đều đáng tin,
Đó là nói tương ưng.*

Giải thích: Có 3 thứ thần thông tương ưng: 1. Thành sinh tương ưng, như chim vừa mới mọc lông cánh. 2. Khen ngợi tương ưng, là

thường được chư Phật khen ngợi. 3. Tin thụ tương ưng, những gì nói ra người đều tin nhận.

Đã nói tương ưng, tiếp nói trụ các thần thông.

Kệ nói:

*Sáu trí và 3 minh,
Tám giải, 8 thắng xứ.
Mười biến các Tam-muội,
Dũng mãnh giúp thần thông.*

Giải thích: Bồ-tát trụ các thần thông có 6 thứ sai biệt: 1. Sáu trí. 2. Ba minh. 3. Tám giải thoát. 4. Tám thắng xứ. 5. Mười biến nhập. 6. Các Tam-muội. Sáu nghĩa đó là phân biệt các thần thông khác nhau.

Đã nói trụ các thần thông, tiếp nói thần thông lớn.

Kệ nói:

*Làm yên không tự tại,
Thường siêng năng lợi vật.
Việc làm không sợ sệt,
Dũng mãnh như sư tử.*

Giải thích: Thần thông của Bồ-tát có 3 thứ được gọi là đại: 1. Tự tại đại, vì chúng sinh do phiền não nên không được tự tại, trí lực của Bồ-tát có thể đặt chúng sinh vào chỗ tự tại. 2. Hoan lạc đại, vì do thường vui vẻ siêng năng làm lợi ích chúng sinh. 3. Vô úy đại, vì các việc làm trong 3 cõi hết sức dũng mãnh như sư tử.

Xong Phẩm thần thông.

Phẩm 9: THÀNH THỰC

Giải thích: Đã nói các thần thông của Bồ-tát. Chư Bồ-tát tự thành thực như thế nào?

Kệ nói:

*Dục, tín, xả, bi, nhẫn,
Niệm, lực, kiên, chi đủ.
Phải biết tự thành thực,
Chín thứ đều thượng phẩm.*

Giải thích: Bồ-tát có 9 pháp tự thành thực: 1. Dục thành thực, vì do mong cầu pháp Đại thừa. 2. Tín thành thực, vì do tịnh tâm nói. 3. Xả thành thực, vì do diệt lìa phiền não. 4. Bi thành thực, vì do thương xót chúng sinh. 5. Nhẫn thành thực, vì do có thể làm được việc khó làm. 6. Niệm thành thực, vì do tất cả thụ trì. 7. Lực thành thực, vì do đều có thể thông đạt. 8. Kiên thành thực, vì ác ma ngoại đạo không thể đoạt lấy. 9. Chi thành thực, do thiện phần viên mãn. Do 9 pháp này là cùng cực thượng vị nên gọi là tướng thành thực. Chín thành thực này mỗi mỗi có nhân có thể có nghiệp. Nay sẽ nói đến.

Kệ nói:

*Gần bạn nghe, tư duy,
Thắng dũng, thắng cứu cánh,
Nhiếp pháp và thụ pháp,
Là tướng dục thành thực.*

Giải thích: Gần gũi bạn lành, nghe chính pháp, như pháp tư duy. Ba cái này có thể khởi đại dục, đó gọi là dục nhân. Thượng đại tinh tiến, cứu cánh không nghi tất cả những chỗ không thể nghĩ bàn, đó gọi là dục thể. Ở trong pháp Đại thừa, nơi có tai họa có thể bảo hộ, những gì Bồ-tát nói tín tâm nhận lãnh, đó là dục nghiệp.

Kệ nói:

*Như Lai phúc trí tự,
Tịnh tâm không thể hoại.
Mau thụ quả định trí,
Là tướng tín thành thực.*

Giải thích: Đức Bà-già-bà đã nói rộng như vậy, gọi là tín nhân, được thanh tịnh không hoại, gọi là tín thể, được quả định trí, gọi là tín nghiệp.

Kệ nói:

*Khéo giữ gìn 6 căn,
Lìa ác khởi đối trị.
Ưu tu các thiện pháp,
Là tướng xả thành thực.*

Giải thích: Dùng niệm khéo hộ 6 căn là xả nhân, lia sự hiểu biết bất thiện, khởi vô gián đạo là xả thể, hằng thích tu tập tất cả thiện pháp là xả nghiệp.

Kệ nói:

*Thấy các chúng sinh khổ,
Thương xót lìa tiểu tâm.
Thụ thân thể gian thẳng,
Là tướng bi thành thực.*

Giải thích: Bồ-tát thấy chúng sinh khổ là bi nhân, khởi tâm rất thương xót lìa xa Tiểu thừa là bi thể, được tất cả thể gian thẳng các địa không thoái lui là bi nghiệp.

Kệ nói:

*Trì tính thường tu tập,
Cực khổ an nhẫn được.
Thiên căn hằng vui tiến,
Là tướng nhẫn thành thực.*

Giải thích: Giữ sự nhẫn nại thường tập thành tính là nhẫn nhân, có thể chịu đựng được các khổ như gió cực lạnh v.v... là nhẫn thể, tùy thẳng sinh xứ hằng tu thiện pháp là nhẫn nghiệp.

Kệ nói:

*Báo tịnh khéo tùy thuận,
Cực nhập nói thiện ác,
Hay khởi Đại Bát-nhã,
Là tướng niệm thành thực.*

Giải thích: Được thanh tịnh khí là niệm nhân, tùy chỗ nghe mà nói 2 nghĩa thiện ác, nghe rồi tư duy rồi tu tập hiểu sâu không quên là niệm thể, có thể sinh Bát-nhã xuất thế là niệm nghiệp.

Kệ nói:

*Hai nhóm giới viên mãn,
Quả khởi y tối thượng.
Thế gian được đệ nhất,
Là tướng lực thành tựu.*

Giải thích: Phúc trí 2 nhóm chủng tử đầy đủ là lực nhân, có thể được y chỉ tối thượng là lực thể, tùy ý thành thực nhất thế gian là lực nghiệp.

Kệ nói:

*Quán sâu lý diệu pháp,
Các ma không thể đoạt.
Cùng bộ khác lỗi lầm,
Là tướng kiên thành thực.*

Giải thích: Đạo lý diệu pháp làm tâm quán sát là kiên nhân, ác ma Ba-tuần không thể chướng ngại là kiên thể, có thể cùng bộ khác mà làm lầm lỗi là kiên nghiệp.

Kệ nói:

*Có các thiện căn tụ,
Y căn năng phát khởi.*

*Lìa ác và tu thiện,
Là tướng chi thành thực.*

Giải thích: Thành thực thiện căn tự là chi nhân, dựa vào nhân này có thể phát khởi tinh tiến lên là chi thể, lìa các bất thiện ưa tu thắng thiện là chi nghiệp.

Kệ nói:

*Như 9 thứ vật này,
Tự thực cũng thực tha.
Tăng thiện tăng pháp thân,
Như người thân trên đời.*

Giải thích: Dục v.v... 9 vật có thể tự thành thực và cũng thành thực người khác, thường tăng trưởng thiện căn và tăng trưởng pháp thân. Do 2 thứ tăng trưởng này nên tựa như người thân nhất trên thế gian.

Đã nói Bồ-tát tự được thành thực, tiếp nói Bồ-tát thành thực chúng sinh.

Kệ nói:

*Ung nhọt muối phải chữa,
Cơm chín thì ăn được.
Chúng sinh thực cũng vậy,
Vì 2 phần xả, dụng.*

Giải thích: Hai phần là chướng phần và trị phần. Chướng thực thì phải xả, như ung nhọt muối phải vỡ mủ. Trị thực thì phải dùng, như cơm chín thì ăn. Đó gọi là y chỉ của thành thực.

Tiếp nói sai biệt của thành thực.

Kệ nói:

*Xả, phổ, thắng, tùy, thiện,
Đắc, thường, tiệm là 8.*

*Như các thành thực đây,
Là nói sai biệt chúng.*

Giải thích: Tương thành thực người khác có 8 thứ: 1. Xả thành thực, vì khiến diệt phiền não. 2. Phổ thành thực, vì lấy 3 thừa giáo hóa. 3. Thắng thành thực, vì vượt hơn pháp ngoại đạo. 4. Tùy thành thực, vì ứng cơ mà nói. 5. Thiện thành thực, vì tâm cung kính. 6. Đắc thành thực, vì khiến không hiểu điên đảo. 7. Thường thành thực, vì khiến vĩnh viễn không thoái lui. 8. Tiệm thành thực, vì khiến tuần tự tăng trưởng.

Đã nói thành thực sai biệt, tiếp nói thành thực tâm thắng.

Kệ nói:

*Lợi con, lợi cha mẹ,
Lợi mình, 3 hơn hết.
Bồ-tát lợi tất cả,
Hơn kia không thể sánh.*

Giải thích: Ví như người đời hạnh phúc an lạc cho con cái mình, hạnh phúc an lạc cho cha mẹ mình, hạnh phúc an lạc cho bản thân mình, 3 cái tâm này là hơn hết. Bồ-tát muốn thành thực khắp tất cả chúng sinh còn hơn 3 tâm kia không thể so sánh. Cho nên tâm Bồ-tát thành thực chúng sinh là tối thắng.

Hỏi: Cái hơn này thành lập như thế nào?

Kệ nói:

*Người đời không yêu mình,
Huống chi yêu người khác.
Bồ-tát bỏ yêu mình,
Chỉ vì yêu người khác.*

Giải thích: Người đời dù muốn yêu mình còn không thể tự làm cho an ổn lợi lạc được huống chi có thể yêu người làm an ổn lợi lạc cho người. Bồ-tát không như vậy, xả bỏ tâm yêu mình chỉ vì yêu người khác, cho nên thành thực chúng sinh hơn kia.

Hỏi: Dùng tâm thẳng thẳng này thành thực như thế nào?

Kệ nói:

*Thân, tài, bỏ tất cả,
Bình đẳng và không chán.
Chỗ thiếu khiến sung túc,
An lập nơi thiện căn.*

Giải thích: Kệ này hiển thị ý nghĩa Đản Ba-la-mật thành thực chúng sinh. Đản có 3 thứ: 1. Tư sinh đản, vì trong ngoài thân mạng tài sản xả tất cả. 2. Bình đẳng đản, vì trong các ruộng thí lìa bỏ tâm cao hạ. 3. Vô yếm đản, vì dùng mãnh hằng thí không mệt mỏi. Dùng 3 đản này tùy nhiếp 2 đời: trong đời hiện tại đều khiến sung túc, trong đời vị lai thì an lập thiện căn.

Kệ nói:

*Thường với tính và mẫn,
Tự lạc không phóng dật,
Dẫn vào trong giới đủ,
Hai quả thường không hết.*

Giải thích: Kệ này hiển thị ý nghĩa Thi ba-la-mật thành thực chúng sinh. Bồ-tát có 5 thứ Thi-la: 1. Thường Thi-la, vì đời đời thường có. 2. Tự tính Thi-la, vì tâm vô công dụng trụ nơi thể chân thật. 3. Viên mẫn Thi-la, vì đều đầy đủ 10 thiện nghiệp đạo như Kinh Thập Địa nói. 4. Tự lạc Thi-la, vì hằng tự yêu thích. 5. Không phóng dật Thi-la, vì niệm niệm không phạm. Dùng 5 thứ Thi-la này tùy nhiếp 2 đời: nơi đời hiện tại an lập giới phẩm, nơi đời vị lai khiến công đức 2 quả không tuyệt dứt.

Kệ nói:

*Không ích và được ích,
Cực nhẫn hiểu phương tiện,*

*Khiến kia khởi tùy thuận,
Và trông các thiện căn.*

Giải thích: Kệ này hiển thị ý nghĩa Sần-đề Ba-la-mật thành thực chúng sinh. Nếu có người đem sự không làm lợi ích đến với Bồ-tát, Bồ-tát đối với người kia khởi cực nhẫn nhục khiến hiểu được sự làm lợi ích. Bởi vì sao? Do người kia tùy thuận khiến nhẫn Ba-la-mật của ta được tăng trưởng và cũng dùng nhẫn này tùy nhiếp 2 đời: nơi đời hiện tại khiến khởi quy hướng, nơi đời vị lai khiến trông thiện căn.

Kệ nói:

*Nhiều kiếp cần tinh tiến,
Lợi vật không thoái tâm.
Khiến sinh một niệm thiện,
Huống muốn thiện vô lượng.*

Giải thích: Kệ này hiển thị ý nghĩa Tì-lê-da Ba-la-mật thành thực chúng sinh. Bồ-tát trong ức trăm ngàn kiếp tu hành tinh tiến cao tột, vì thành thực vô biên chúng sinh tâm không thoái chuyển, lấy tinh tiến này tùy nhiếp 2 đời: nơi đời hiện tại chỉ khiến sinh được một niệm thiện tâm, huống chỉ nơi đời vị lai khiến vô lượng thiện căn đều được tăng ích.

Kệ nói:

*Đắc thượng tự tại thiên,
Lìa nhiễm và kiến mạn,
Hiện tại khiến quy hướng,
Vị lai thiện pháp tăng.*

Giải thích: Kệ này hiển thị ý nghĩa thiên Ba-la-mật thành thực chúng sinh. Thiên định Bồ-tát sở đắc xa lìa ái kiến, mạn v.v... nên được tự tại cao tột, dùng thiên định này tùy nhiếp 2 đời: nơi đời hiện tại khiến quy hướng đệ nhất diệu pháp, nơi đời vị lai khiến tăng trưởng tất cả thiện căn.

Kệ nói:

*Biết chân và biết ý,
Đoạn được tất cả nghi.
Với pháp khiến cung kính,
Tự tha công đức mãi.*

Giải thích: Kệ này hiển thị ý nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật thành thực chúng sinh. Biết chân, nghĩa là hiểu rõ pháp không điên đảo. Biết ý, nghĩa là rõ thấu tâm hành của chúng sinh đoạn nghi của chúng. Dem Bát-nhã này tùy nhiếp 2 đời: nơi đời hiện tại khiến hướng pháp Đại thừa thâm sinh cung kính, nơi đời vị lai khiến công đức tự thân và công đức tha thân đều được viên mãn.

Kệ nói:

*Thiện thú và 3 thừa,
Đại bi có 3 phẩm.
Đến hết đời vị lai,
Thành thực chúng sinh vậy.*

Giải thích: Kệ này hiển thị tướng của đại thành thực có 3 thứ: 1. Vị đại, nghĩa là cùng 4 vị an lập thiện đạo và 3 thừa. 2. Phẩm đại, nghĩa là bi cực 3 phẩm: hạ phẩm là tín hành địa, trung phẩm là sơ địa đến địa thứ 7, thượng phẩm là địa thứ 8, thứ 9, thứ 10. 3. Thời đại, nghĩa là thời tiết vô biên hết đời vị lai. Bồ-tát làm lợi ích chúng sinh như vậy gọi là tướng đại thành thực. Xong Phẩm thành thực.

HẾT QUYỂN 2

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH

QUYỂN 3

Phẩm 10: BỒ-ĐỀ

Giải thích: Đã nói Bồ-tát thành thực chúng sinh, tiếp nói đến Bồ-tát được nhất thiết chủng trí.

Kệ nói:

*Tất cả khó đã làm,
Tất cả thiện đã nhóm,
Tất cả thời đã độ,
Tất cả chướng đã đoạn.*

Giải thích: Kệ này hiển thị nhân viên mãn của nhất thiết chủng trí. Tất cả khó đã làm, nghĩa là do đã làm đầy đủ vô lượng trăm ngàn hạnh khó làm chưa từng mệt mỏi. Tất cả thiện đã nhóm, là do tập hợp đầy đủ tự tính thiện căn các Ba-la-mật. Tất cả thời đã độ, là do trải qua đầy đủ thời gian dài đại kiếp A-tăng-kì. Tất cả chướng đã đoạn, là do đoạn đầy đủ tất cả các chướng Đại thừa, tức là sở hữu các chướng vi tế trong các địa.

Kệ nói:

*Thành tựu nhất thiết chủng,
Đây tức là Phật thân.
Ví như mở hộp báu,
Báu vật đều hiện rõ.*

Giải thích: Kệ này cho thấy quả của nhất thiết chủng trí, viên mãn có 3 nghĩa phân biệt: 1. Chí đắc. 2. Tự tính. 3. Thí dụ. Thánh tự nhất thiết chủng, là chí đắc phân biệt. Tức là từ đây về sau thành tự nhất thiết chủng trí. Đây tức là Phật thân, là tự tính phân biệt. Tức nói nhất thiết chủng trí là thể của Phật thân. Ví như mở hộp báu, báu vật đều hiện rõ, là thí dụ phân biệt. Các báu Bồ-đề phân không thể nghĩ bàn đều hiện ra trước mắt.

Đã nói nhất thiết chủng trí là Phật thân, tiếp đến nói thân này không 2 tướng.

Kệ nói:

*Bạch pháp là Phật thân,
Phi vô, cũng phi hữu.
Phật là nhân pháp bảo,
Pháp là nhân thiện căn.*

Giải thích: Bạch pháp là Phật thân, nghĩa là chuyển 6 Ba-la-mật v.v... tất cả thiện pháp làm thể của Phật. Phi vô cũng phi hữu, là cái thể này chẳng phải không. Bởi vì sao? Vì chân như không riêng khác. Và cũng phi hữu. Bởi vì sao? Vì tự tính không thành tự. Đó gọi là không 2 tướng. Phật là nhân của pháp bảo, vì Phật nói tất cả pháp và dùng sức thần thông. Pháp là nhân của thiện căn, nghĩa là chúng sinh là ruộng thiện căn là lúa má. Như vậy pháp bảo giáo hóa ruộng chúng sinh, sinh trưởng lúa thiện căn.

Kệ nói:

*Đủ pháp cũng lìa pháp,
Như kho tàng như mây,
Sinh pháp mưa pháp vũ,
Nên thành thí dụ ấy.*

Giải thích: Kệ này làm rõ lại nghĩa trước. Đủ pháp cũng lìa pháp, nghĩa là chư Phật đầy đủ tất cả thiện pháp, xa lìa tất cả pháp bất

thiện. Như kho tàng cũng như mây, nghĩa là Phật bảo như kho tàng, pháp bảo như mây.

Hỏi: Đây là nghĩa gì?

Đáp: Sinh pháp mưa mưa pháp nên thành thí dụ ấy. Phật bảo có thể sinh ra pháp bảo, giống như kho chứa lớn. Pháp bảo có thể sinh trưởng tất cả thiện căn của chúng sinh, giống như đám mây lớn.

Đã nói Phật thân không 2 tướng, tiếp nói là vô thượng quy y.

Kệ nói:

*Chư Phật thường cứu hộ,
Chúng sinh 3 nhiễm ô.
Các hoặc, các ác hành,
Cùng với sinh già chết.*

Giải thích: Kệ này nói sơ lược nghĩa cứu hộ. Chư Phật thường cứu hộ vì cứu hộ rất ráo.

Hỏi: Cứu hộ pháp gì?

Đáp: Ba nhiễm ô của chúng sinh, đó là phiền não nhiễm ô, nghiệp nhiễm ô, sinh nhiễm ô. Các hoặc tức phiền não nhiễm ô. Các ác hành tức nghiệp nhiễm ô. Cùng với sinh già chết tức sinh nhiễm ô.

Hỏi: Thế nào là cứu hộ?

Đáp: Đối với 3 thứ nhiễm ô này của chúng sinh, tất cả mọi thời đều cứu hộ không bỏ, tức là nghĩa rất ráo.

Kệ nói:

*Tai họa và ác thú,
Thân kiến và Tiểu thừa,
Các chúng sinh như vậy,
Tất cả đều cứu hộ.*

Giải thích: Kệ này nói rộng về nghĩa cứu hộ. Các tai họa là những chúng sinh mù lòa cầm đuốc cuồng loạn thân hình tàn tật v.v... Do thần lực của Phật người mù thấy được, người điếc nghe được, người câm nói được, người cuồng hết cuồng, người loạn được định, người tàn tật được vẹn toàn, như vậy là cứu hộ. Ác thú, là chúng sinh trong địa ngục v.v... bị lửa thiêu đốt, khiến được thoát khổ không bị vào lại, như vậy là cứu hộ. Thân kiến, nghĩa là chúng sinh chấp ngã khiến hiểu được nhân vô ngã vào Niết-bàn nhị thừa, như vậy là cứu hộ. Tiểu thừa là chúng sinh bất định, có tính nhị thừa, phương tiện dẫn vào Đại thừa, như vậy gọi là cứu hộ.

Kệ nói:

*Phật: nơi thắng quy y,
Vô tử và vô thượng.
Như trước sợ đủ thứ,
Đều khiến thoát khỏi hết.*

Giải thích: Kệ này hiển thị ý nghĩa thắng quy y. Bởi Phật không thể lấy gì thí dụ được nên là vô thượng. Cho nên như trước đã nói 3 thứ chúng sinh nhiễm ô và bao nhiêu chúng sinh tai nạn, tất cả đều có thể cứu hộ.

Kệ nói:

*Chư Phật thân thiện mãn,
Hơn tất cả thế gian.
Diệu pháp hóa chúng sinh,
Để qua biển đại bi.*

Giải thích: Kệ này nói thắng nhân của quy y. Chư Phật thân thiện mãn hơn tất cả thế gian, đây là do tự lợi cứu cánh, do lực, vô úy v.v... đầy đủ tự tính các thiện công đức. Diệu pháp hóa chúng sinh để vượt qua biển khổ, là khéo dùng phương tiện giáo hóa và đưa chúng sinh qua bờ biển đại bi.

Kệ nói:

*Tận cùng đời vị lai,
Khấp tất cả chúng sinh,
Hằng thời làm lợi ích,
Là nói đại quy y.*

Giải thích: Kệ này hiển thị ý nghĩa đại quy y. Đại có 3 nghĩa: 1. Thời đại, là tận cùng sinh tử của tất cả chúng sinh. 2. Cảnh đại, là lấy tất cả chúng sinh làm cảnh đối tượng. 3. Sự đại, là hằng thường làm lợi ích cứu thoát khổ của chúng khiến được xuất ly.

Đã nói vô thượng quy y, tiếp nói tướng chuyển y của Như Lai.

Kệ nói:

*Hai thứ chướng thường theo,
Kia diệt cực, rộng, đoạn.
Vi bạch pháp viên mãn,
Y chuyển 2 đạo thành.*

Giải thích: Kệ này cho thấy chuyển y có ly và có đắc. Hai thứ chướng thường theo, kia diệt cực, rộng, đoạn, nghĩa là đây nói rõ viễn ly sở tri, là chủng tử 2 thứ phiền não chướng và trí chướng từ vô thủy đến nay hằng theo đuổi, nay được vĩnh diệt là cực, tất cả địa là rộng, tất cả mọi thứ đây đều đoạn. Vi bạch pháp viên mãn, y chuyển 2 đạo thành, là đây nói rõ thành tựu năng trị, nghĩa là thể của Phật tương ứng với bạch pháp viên mãn tối thượng. Bảy giờ y chuyển được thành tựu 2 đạo: 1. Được đạo xuất thế trí cực kỳ thanh tịnh. 2. Được đạo cảnh giới trí vô biên sở thức. Đó gọi là chuyển y.

Kệ nói:

*Nơi kia Như Lai trụ,
Bất động như núi chúa.*

*Thương người ưa tịch diệt,
Huống chi kẻ chấp hữu.*

Giải thích: Kệ này hiển thị chuyển y của Như Lai là vượt trội trong các chuyển y. Bởi vì sao? Như Lai chuyển y trụ ở nơi vô lậu. Như núi chúa trấn giữ đất đai an trụ bất động. Chuyển y như vậy rồi, thấy Thanh Văn Duyên Giác những người ưa tịch diệt còn sinh thương xót, huống chi những chúng sinh chịu khổ não ở nơi biên viễn hạ tiện.

Kệ nói:

*Tha lợi và vô thượng,
Bất chuyển và bất sinh,
Quảng đại với vô nhị,
Vô trụ cùng bình đẳng.
Thù thắng với biến thụ,
Là nói Như Lai chuyển.
Hiển thị 10 công đức,
Nên biết nghĩa sai biệt.*

Giải thích: Hai kệ này hiển thị sự chuyển y của Như Lai có 10 thứ công đức sai biệt. Những gì là 10? 1. Tha nghĩa chuyển, nghĩa là chuyển y rồi làm lợi tha. 2. Vô thượng chuyển, nghĩa là chuyển y rồi trong tất cả các pháp được tự tại hơn cả nhị thừa chuyển. 3. Bất chuyển chuyển, nghĩa là chuyển y rồi các nhân nhiễm ô không chuyển được đây mà bị đây chuyển. 4. bất sinh chuyển, nghĩa là chuyển y rồi tất cả pháp nhiễm ô rốt ráo không khởi. 5. Quảng đại chuyển, nghĩa là chuyển y rồi thị hiện được Đại Bồ-đề và Bát-niết-bàn. 6. Vô nhị chuyển, nghĩa là chuyển y rồi, sinh tử Niết-bàn không có hai. 7. Bất trụ chuyển, nghĩa là chuyển y rồi hữu vi vô vi đều không trụ. 8. Bình đẳng chuyển, nghĩa là chuyển y rồi cùng Thanh Văn Duyên Giác đồng giải thoát chướng phiền não. 9. Thù thắng

chuyên, nghĩa là chuyên y rồi, lục, vô úy v.v... tất cả Phật pháp đều không sánh bằng. 10. Biến thụ chuyên, nghĩa là chuyên y rồi hằng dùng tất cả thừa mà dạy dỗ.

Kệ nói:

*Như hư không biến khắp,
Phật cũng khắp tất cả.
Hư không khắp các sắc,
Phật biến khắp chúng sinh.*

Giải thích: Kệ này nói thể của Phật biến khắp tất cả như hư không. Hai câu đầu nói thẳng, hai câu sau giải thích. Ví như hư không biến khắp trong tất cả màu sắc, thể của Phật cũng vậy biến khắp trong chúng sinh. Nếu cho rằng chúng sinh hiện là chẳng phải Phật, nói thể của Phật không biến khắp là không đúng nghĩa, vì chưa thành tựu.

Kệ nói:

*Như đồ chứa nước vỡ,
Không thấy ánh trăng hiện.
Như vậy chúng sinh lỗi,
Cũng không thấy Phật hiện.*

Giải thích: Kệ này nói thể của Phật tuy phổ biến mà chúng sinh không thấy, ví như vật chứa nước vỡ không thấy được mặt trăng. Chúng sinh tội lỗi không thấy được Phật cũng nghĩa như vậy.

Kệ nói:

*Ví như tính của lửa,
Hoặc bùng cháy hoặc tắt.
Phật hóa hiện cũng vậy,
Xuất thế hoặc Niết-bàn.*

Giải thích: Kệ này nói chư Phật giáo hóa có xuất hiện có không xuất hiện, ví như tính lửa có lúc bùng cháy có lúc tắt tắt. Chư Phật giáo hóa cũng như vậy, có thời thị hiện xuất thế, có thời thị hiện Niết-bàn. Như vậy đã nói Như Lai chuyển y, tiếp nói Như Lai sự nghiệp hằng vô công dụng.

Kệ nói:

*Ngọc như ý, trống trời,
Tự nhiên mà thành sự.
Phật giáo hóa, Phật nói,
Cũng vô tư như thế.*

Giải thích: Đây hiển thị Phật sự là không dụng công. Ví như ngọc báu như ý, tuy vô tâm mà tự nhiên có thể biến hiện các thứ. Như Lai cũng vậy, tuy tâm vô công dụng mà tự nhiên có thể khởi các biến hóa. Ví như trống trời tuy vô tâm mà tự nhiên có thể phát ra các thứ âm thanh. Như Lai cũng vậy, tuy tâm vô công dụng mà tự nhiên có thể nói các thứ diệu pháp.

Kệ nói:

*Y không nghiệp không ngọt,
Mà nghiệp có tăng giảm.
Y giới sự không dứt,
Mà sự có sinh diệt.*

Giải thích: Kệ này hiển thị Phật sự không gián đoạn. Ví như thế gian y không mà tác nghiệp thì không lúc nào đoạn dứt. Chư Phật cũng vậy, y vào vô lậu giới mà làm Phật sự cũng không đoạn dứt. Ví như thế gian y vào không mà làm có tăng có giảm. Chư Phật cũng vậy, y vào vô lậu giới mà làm Phật sự cũng có sinh diệt.

Đã nói tâm vô công dụng không bỏ Phật sự, tiếp nói pháp giới vô lậu rất sâu.

Kệ nói:

*Như trước sau cũng vậy,
Và lìa tất cả chướng.
Phi tịnh phi bất tịnh,
Phật nói gọi là như.*

Giải thích: Kệ này hiển thị tướng thanh tịnh của pháp giới. Như trước sau cũng vậy, nghĩa là phi tịnh vì do tự tính không nhiễm. Và lìa tất cả chướng, nghĩa là phi bất tịnh vì về sau khách trần lìa bỏ. Phi tịnh phi bất tịnh Phật nói gọi là như, nghĩa là vì vậy cho nên Phật nói là như phi tịnh phi bất tịnh. Đó gọi là tướng thanh tịnh của pháp giới.

Kệ nói:

*Thanh tịnh không vô ngã,
Phật nói đệ nhất ngã.
Vì chư Phật ngã tịnh,
Nên Phật gọi Đại ngã.*

Giải thích: Kệ này hiển thị tướng Đại ngã của pháp giới. Thanh tịnh không vô ngã, nghĩa là vô lậu giới này do đệ nhất vô ngã làm tự tính. Phật nói đệ nhất ngã, nghĩa là đệ nhất vô ngã là thanh tịnh như. Cái thanh tịnh như kia tức là tự tính ngã của chư Phật. Vì chư Phật ngã tịnh, nên Phật gọi Đại ngã, nghĩa là do cái ngã này của Phật rất thanh tịnh nên gọi Phật bằng Đại ngã. Do ý nghĩa này, chư Phật trong cõi vô lậu kiến lập đệ nhất ngã. Đó gọi là tướng Đại ngã của pháp giới.

Kệ nói:

*Phi thể phi phi thể,
Như vậy nói Phật thể.
Cho nên làm luận này,
Định là pháp vô ký.*

Giải thích: Kệ này hiển thị tướng vô ký của pháp giới. Phi thể, là vì nhân pháp 2 tướng là bất khả thuyết. Phi phi thể, là vì như tướng thật hữu. Như vậy nói Phật thể, là do nhân duyên này nên nói Phật thể là phi thể phi phi thể. Cho nên làm luận này, định là pháp vô ký, nghĩa là vô ký là sau khi chết có Như Lai, sau khi chết không có Như Lai, sau khi chết cũng có Như Lai cũng không có Như Lai, sau khi chết chẳng phải có Như Lai chẳng phải không có Như Lai, 6 câu như vậy không thể ghi nhận. Vì vậy nên pháp giới là tướng vô ký.

Kệ nói:

*Ví như sắt hết nóng,
Ví như mắt hết nhắm.
Tâm trí dứt cũng vậy,
Không nói thể hữu vô.*

Giải thích: Kệ này hiển thị tướng giải thoát của pháp giới. Ví như sắt hết nóng, ví như mắt hết nhắm. Như vậy 2 việc hết nóng, hết nhắm có thể nói là phi thể phi phi thể. Bởi vì sao? Phi thể, là do cái nóng và sự nhắm mắt là không có tướng. Phi phi thể, là do dứt tướng hữu thể. Tâm trí dứt cũng vậy, không nói thể hữu vô, nghĩa là chư Phật tâm trí lấy tham làm cái nóng, lấy vô minh làm nhắm mắt. Hai cái đó nếu dứt cũng nói phi thể phi phi thể. Bởi vì sao? Vì phi thể, là do tham và vô minh dứt. Phi phi thể, là do có tâm tuệ giải thoát. Đó gọi là tướng giải thoát của pháp giới.

Đã nói tướng rất sâu, tiếp nói xứ rất sâu.

Kệ nói:

*Cõi vô lậu chư Phật,
Chẳng một cũng chẳng nhiều.
Vị thân trước tùy thuận,
Chẳng thân, như hư không.*

Giải thích: Kệ này hiển thị xứ rất sâu của pháp giới. Pháp giới vô lậu của chư Phật chẳng phải một chẳng phải nhiều. Bởi vì sao? Nói chẳng phải một là vì tiền thân tùy thuận, chẳng phải nhiều vì do chẳng phải thân.

Hỏi: Thế nào là chẳng phải thân?

Đáp: Vì như hư không.

Đó gọi là xứ rất sâu của pháp giới.

Đã nói xứ rất sâu, tiếp nói nghiệp rất sâu.

Kệ nói:

*Ví như kho báu lớn,
Nơi sở y các báu.
Cõi tịnh cũng như vậy,
Nơi Phật pháp y chỉ.*

Giải thích: Kệ này hiển thị pháp giới nơi nghiệp y chỉ. Do pháp giới thanh tịnh là nơi y chỉ của lực, vô úy v.v... các báu Bồ-đề phần.

Kệ nói:

*Ví như mây dày bủa,
Mưa xuống tốt lúa má.
Cõi tịnh cũng như vậy,
Tuôn căn lành lợi sinh.*

Giải thích: Kệ này hiển thị pháp giới thành thực nghiệp chúng sinh do từ pháp giới thanh tịnh lưu xuất các căn lành thành thực chúng sinh.

Kệ nói:

*Như mặt trời mặt trăng,
Trong sạch và tròn sáng.*

*Cõi tịnh cũng như vậy,
Thiện căn tụ đầy đủ.*

Giải thích: Kệ này hiển thị pháp giới nghiệp tụ đến cứu cánh. Nghĩa là phúc trí do pháp giới thanh tịnh. Như vậy 2 nhóm được viên mãn.

Kệ nói:

*Ví như mặt trời lên,
Chiếu sáng khắp tất cả.
Cõi tịnh cũng như vậy,
Thuyết pháp hóa quần sinh.*

Giải thích: Kệ này này hiển thị pháp giới là nghiệp thuyết chính pháp.

Kệ nói:

*Như ánh sáng mặt trời,
Đồng sự chiếu thế gian.
Cõi tịnh cũng như vậy,
Phật hợp đồng nghiệp hóa.*

Giải thích: Kệ này hiển thị tác nghiệp của pháp giới. Ví như nhiều mặt trời nhiều ánh sáng đồng thời hòa hợp làm một việc như làm khô ráo, làm chín hoa màu v.v... Cũng như vậy nhiều Phật nhiều trí đồng thời hòa hợp làm một nghiệp, như biến hóa v.v...

Kệ nói:

*Như mặt trời chiếu sáng,
Đồng thời và vô hạn.
Cõi tịnh Phật quang chiếu,
Hai việc cũng giống nhau.*

Giải thích: Kệ này hiển thị nghiệp không phân biệt của pháp giới. Ví như ánh sáng mặt trời chiếu khắp đồng thời và vô hạn. Ánh sáng của Phật đồng thời chiếu khắp và vô hạn cũng như vậy.

Kệ nói:

*Như các ánh sáng trời,
Nói là có mây che.
Cõi tịnh trí chư Phật,
Nói là chúng sinh chướng.*

Giải thích: Kệ này hiển thị pháp giới không tác nghiệp. Ví như ánh sáng mặt trời bị mây che nên không chiếu. Cũng như vậy ánh sáng của Phật bị tội lỗi chúng sinh chướng ngại vì nhiều 5 thứ ô trược nên không có sở tác.

Kệ nói:

*Ví như sức nước tro,
Nhuộm áo nhiều màu sắc.
Cõi tịnh hành nguyện lực,
Giải thoát các thứ trí.*

Giải thích: Kệ này giải thích trí nghiệp giải thoát của pháp giới. Ví như chiếc áo do sức của nước tro có chỗ được các màu, có chỗ không được các màu. Cõi tịnh trong 3 thừa cũng vậy, do sức hạnh nguyện giải thoát của chư Phật được nhiều thứ trí. Giải thoát của nhị thừa không được nhiều thứ trí.

Kệ nói:

*Cõi vô lậu rất sâu,
Tướng, xứ, nghiệp 3 thứ.
Chư Phật nói như vậy,
Như nhuộm, vẽ hư không.*

Giải thích: Kệ này nói rõ lại nghĩa của rất sâu ở trước. Cõi vô lậu rất sâu, tướng, xứ, nghiệp 3 thứ, nghĩa là cõi vô lậu này, Thế Tôn lược nói có 3 thứ rất sâu: 1. Tướng rất sâu. 2. Xứ rất sâu. 3. Nghiệp rất sâu. Tướng rất sâu có 4 thứ: 1. Tướng thanh tịnh.

2. Tướng Đại ngã. 3. Tướng vô ký. 4. Tướng giải thoát. Theo thứ tự đó, 4 kệ trước hiển thị xứ rất sâu một thứ., nghĩa là không trụ một không trụ nhiều. Kệ thứ 5 hiển thị nghiệp rất sâu, có 8 thứ: 1. Nghiệp báu y chỉ. 2. Nghiệp thành thực chúng sinh. 3. Nghiệp đến cứu cánh. 4. Nghiệp nói chính pháp. 5. Nghiệp hóa sở tác. 6. Nghiệp không phân biệt. 7. Nghiệp trí bất tác. 8. Nghiệp trí giải thoát. Theo thứ lớp đó, 8 kệ sau hiển thị điều chư Phật nói như vậy. Ví như nhuộm vẽ hư không, nghĩa là cõi vô lậu này không có hý luận, ví như hư không cho nên rất sâu. Như vậy là nói sai biệt rất sâu, ví như nhuộm, vẽ trong hư không, nên biết nghĩa như vậy.

Kệ nói:

*Tất cả không sai biệt,
Được “như” thanh tịnh vậy.
Nên nói các chúng sinh,
Gọi là Như Lai tạng.*

Giải thích: Kệ này hiển thị pháp giới là Như Lai tạng. Tất cả không sai biệt, nghĩa là tất cả chúng sinh, tất cả chư Phật là bình đẳng không sai biệt, cho nên gọi là “như”. Được cái “như” thanh tịnh, nghĩa là được cái “như” thanh tịnh làm tự tính nên gọi là Như Lai. Vì nghĩa đó có thể nói tất cả chúng sinh là Như Lai tạng. Đã nói cõi vô lậu rất sâu, tiếp nói chư Phật biến hóa.

Kệ nói:

*Thanh Văn và Duyên Giác,
Bồ-tát với Như Lai,
Mới hóa thoái thế gian,
Đến Phật thoái Bồ-tát.*

Giải thích: Kệ này hiển thị tầng thượng biến hóa. Tất cả biến hóa của thế gian biến hóa Thanh Văn, biến hóa có thể thoái lui. Tất

cả biến hóa của Thanh Văn biến hóa Duyên Giác, biến hóa có thể thoái lui. Tất cả biến hóa của Duyên Giác biến hóa Bồ-tát, biến hóa có thể thoái lui. Tất cả biến hóa của Bồ-tát biến hóa chư Phật, biến hóa có thể thoái lui. Không có biến hóa của một người nào có thể làm thoái lui biến hóa của chư Phật. Vì vậy biến hóa của Như Lai là tăng thượng bậc nhất.

Kệ nói:

*Như vậy Phật biến hóa,
Vô lượng không nghĩ bàn.
Tùy người, tùy thế giới,
Tùy thời hiện các thứ.*

Giải thích: Kệ này hiển thị sự biến hóa rất sâu. Cái rất sâu này có 2 nghĩa: một là vô lượng, hai là không thể nghĩ bàn.

Hỏi: Việc này như thế nào?

Đáp: Tùy người căn cơ nào, tùy thế giới nào, tùy thời tiết nào, như sai biệt kia hoặc nhiều hoặc ít, các biến hóa như vậy nhiều vô lượng và không thể nghĩ bàn. Cho nên biến hóa của Như Lai là rất sâu nhất. Từ đây trở xuống nói biệt chuyển biến hóa.

Kệ nói:

*Như vậy 5 căn chuyển,
Biến hóa được tăng thượng.
Các nghĩa biến sở tác,
Công đức ngàn hai trăm.*

Giải thích: Kệ này hiển thị chuyển 5 căn biến hóa. Biến hóa này được 2 thứ tăng thượng: 1. Được các nghĩa biến khắp sở tác. Nghĩa là mỗi một căn đều có thể hỗ tương tác dụng tất cả cảnh giới. 2. Được ngàn hai trăm công đức. Nghĩa là mỗi một căn đều được một ngàn hai trăm công đức.

Kệ nói:

*Như vậy ý căn chuyển,
Biến hóa được tăng thượng.
Cực tịnh không phân biệt,
Hằng tùy biến hóa hành.*

Giải thích: Kệ này hiển thị chuyển ý căn biến hóa. Ý căn là thức nhiễm ô. Do đây chuyển nên được trí cực tịnh không phân biệt. Hằng tùy tất cả biến hóa tùy hành cùng làm.

Kệ nói:

*Như vậy nghĩa thụ chuyển,
Biến hóa được tăng thượng.
Tịnh độ nếu như muốn,
Thụ dụng đều hiện tiền.*

Giải thích: Kệ này hiển thị chuyển nghĩa thụ biến hóa. Nghĩa, là 5 trần. Thụ, là 5 thức. Do 2 chuyển này cõi nước thanh tịnh, muốn gì đều hiện tiền tùy ý thụ dụng.

Kệ nói:

*Như vậy phân biệt chuyển,
Biến hóa được tăng thượng.
Các trí ra tác nghiệp,
Hằng thời không chướng ngại.*

Giải thích: Kệ này hiển thị chuyển phân biệt biến hóa. Phân biệt là ý thức. Do chuyển chuyển đây nên các trí sở tác tất cả mọi thời biến hóa không chướng ngại.

Kệ nói:

*Như vậy an lập chuyển,
Biến hóa được tăng thượng.*

*Trụ Phật, câu bất động,
Không trụ nơi Niết-bàn.*

Giải thích: Kệ này hiển thị chuyển an lập biến hóa. An lập là khí thể giới. Do chuyển đây nên trụ nơi pháp giới vô lậu bất động của Phật, được không Bát-niết-bàn, hằng khởi tăng thượng biến hóa.

Kệ nói:

*Như vậy muốn chuyển nhiễm,
Biến hóa được tăng thượng.
Trụ Phật vô thượng lạc,
Thị hiện thể vô nhiễm.*

Giải thích: Kệ này hiển thị chuyển dục nhiễm biến hóa. Do chuyển đây nên được 2 thứ biến hóa: một là được vô thượng lạc trụ, hai là được thể vô nhiễm.

Kệ nói:

*Như vậy không tưởng chuyển,
Biến hóa được vô thượng.
Tùy muốn được tất cả,
Đi đâu không tất nghện.*

Giải thích: Kệ này hiển thị chuyển không tưởng biến hóa. Do chuyển đây nên được 2 thứ biến hóa: Một là muốn gì đều được, vì được hư không tạng. Hai là Chỗ đi không tất nghện, vì được hư không giải.

Kệ nói:

*Như vậy vô lượng chuyển,
Như vậy vô lượng hóa,
Việc làm không nghĩ bàn,
Chư Phật y vô cấu.*

Giải thích: Kệ này tổng kết nghĩa trước. Do vô lượng chuyển nên được vô lượng biến hóa. Như vậy nghiệp chư Phật không thể nghĩ bàn. Tất cả đều y vào pháp giới vô lậu. Đó là nghĩa cần phải biết.

Đã nói chư Phật biến hóa, tiếp nói chư Phật thành thực chúng sinh.

Kệ nói:

*Khiến tập, khiến tăng trưởng,
Khiến thành thực, khiến thoát.
Thực thực không vô dư,
Vì thế gian vô tận.*

Giải thích: Kệ này hiển thị thứ tự nhân thành thực. Người chưa tập hợp thiện căn thì khiến tập hợp, người đã tập hợp thiện căn thì khiến tăng trưởng, người thiện căn đã lớn thì khiến thành thực, người đã thành thực thiện căn thì khiến giải thoát, khiến được thanh tịnh cùng tột. Như vậy 10 phương chư Phật đều nói thành thực rồi lại thành thực không Bát-niết-bàn. Bởi vì sao? Vì các thế gian không bao giờ là cùng tận.

Kệ nói:

*Khó được đã được đủ,
Nơi nơi là chỗ về.
Hiếm có chẳng hiếm có,
Do được phương tiện tốt.*

Giải thích: Kệ này hiển thị đã thành thực Bồ-tát hạnh chẳng phải tương hiếm có. Khó được đã được đủ, nơi nơi làm chỗ về, nghĩa là vô thượng Bồ-đề là công đức cao tột, cái chưa từng có này nay đã đầy đủ tương ưng. Do tương ưng này nên có thể trong 10 phương thế giới hằng làm nơi quy về. Hiếm có chẳng hiếm có, nghĩa là như vậy nơi nơi thành thực chúng sinh là hiếm có. Như vậy cái hiếm có này cũng chẳng phải hiếm có. Bởi vì sao? Do được phương tiện tốt. Phương tiện tốt, nghĩa là tùy cơ đạo tức là thanh tịnh hạnh.

Kệ nói:

*Chuyển pháp và pháp diệt,
Đắc đạo và Niết-bàn.
Nơi nơi khởi phương tiện,
Bất động chân pháp giới.*

Giải thích: Kệ này hiển thị nhân phổ biến thành thực. Chuyển pháp và pháp diệt, đắc đạo và Niết-bàn, nghĩa là trong một sát-na có nơi thị hiện chuyển vô lượng pháp luân, có nơi thị hiện chính pháp diệt tận, có nơi thị hiện được Đại Bồ-đề, có nơi thị hiện nhập Niết-bàn, đây là do hành nghiệp chúng sinh không đồng nhau. Nơi nơi khởi phương tiện, bất động chân pháp giới, nghĩa là nếu chúng sinh đáng phải thành thực, Như Lai tùy nơi trụ xứ của chúng sinh ấy mà nơi nơi giáo hóa, nhưng trong pháp giới vô lậu cũng không động.

Kệ nói:

*Không khởi ý phân biệt,
Thành thực trước, nay, sau.
Nơi nơi hóa chúng sinh,
Ba môn thường thị hiện.*

Giải thích: Kệ này hiển thị nhân tự nhiên thành thực. Không khởi ý phân biệt, thành thực khứ lai kim, nghĩa là tất cả chư Phật không có ý niệm ta từng thành thực chúng sinh, ta sẽ thành thực chúng sinh, ta nay thành thực chúng sinh. Bởi vì sao? Vì không phân biệt. Nơi nơi hóa chúng sinh 3 môn thường thị hiện, nghĩa là tuy vô công dụng mà tất cả mọi thời dùng các thiện căn trong 10 phương thế giới khắp dùng 3 môn thành thực chúng sinh. Ba môn, là giáo môn 3 thừa .

Kệ nói:

*Mặt trời tự nhiên sáng,
Phá tối, nuôi hoa màu.*

*Pháp Phật như mặt trời,
Diệt mê, thực chúng sinh.*

Giải thích: Thí dụ của bài kệ này hiển thị nghĩa tự nhiên. Ví như mặt trời chẳng phải siêng năng chẳng cần phương tiện tự nhiên phóng ánh sáng khắp nơi phá tan tối tăm làm chín trăm hoa màu. Chư Phật cũng vậy, tuy không dụng công mà giáo pháp như ánh sáng mặt trời khắp nơi diệt mê hoặc thành thực chúng sinh.

Kệ nói:

*Một đèn thấp nhiều đèn,
Tụ ánh sáng vô tận.
Một thực hóa nhiều thực,
Hóa vô tận cũng vậy.*

Giải thích: Kệ này hiển thị nhân lần lượt thành thực. Ví như một ngọn đèn chuyên thấp nhiều ngọn đèn thành một ngọn đèn cực lớn tập hợp vô lượng vô số vô tận. Chư Phật cũng vậy. Một Phật thành thực giáo hóa nhiều chúng sinh thành thực vô lượng vô số, mà sức giáo hóa cũng vô tận.

Kệ nói:

*Biển lớn nhận nước sông,
Không chán cũng không đầy.
Cõi Phật thấu các thiện,
Không đầy cũng không thêm.*

Giải thích: Kệ này hiển thị nhân thành thực không chán. Ví như biển lớn dung chứa nước trăm sông mà không chán đủ, cũng không tràn đầy vì sức chứa. Cõi Phật cũng vậy, thường thấu nhận vô lượng thiện căn mà không mãn túc cũng không tăng trưởng. Do hy hữu.

Đã nói chư Phật thành thực chúng sinh, tiếp nói pháp giới Phật thanh tịnh.

Kệ nói:

*Hai chướng đã vĩnh trừ,
Pháp như được thanh tịnh.
Các vật và duyên trí,
Tự tại và vô tận.*

Giải thích: Kệ này hiển thị nghĩa của pháp giới tính. Hai chướng vĩnh trừ, pháp như được thanh tịnh, là tướng thanh tịnh do phiền não chướng và trí chướng đã vĩnh viễn hết cả. Các vật và duyên trí, tự tại và vô tận, là tướng tự tại do các vật và duyên trí kia. Hai thứ tự tại vĩnh viễn vô tận.

Kệ nói:

*Tất cả chủng như trí,
Tu tịnh pháp giới nhân,
Lợi lạc hóa chúng sinh,
Quả này cũng vô tận.*

Giải thích: Kệ này hiển thị nghĩa của pháp giới nhân. Tất cả chủng như trí, tu tịnh pháp giới nhân, nghĩa là vì thanh tịnh pháp giới, trong tất cả mọi thời tu tất cả chủng như môn trí để làm nhân. Lợi lạc hóa chúng sinh, quả này cũng vô tận, nghĩa là vì giáo hóa chúng sinh, trong tất cả mọi thời cùng tất cả chúng sinh 2 quả lợi lạc hằng vô tận.

Kệ nói:

*Phát khởi thân, khẩu, tâm,
Ba nghiệp hằng thời hóa.
Hai môn và hai tự,
Phương tiện đều viên mãn.*

Giải thích: Kệ này hiển thị nghĩa của pháp giới nghiệp. Phát khởi thân, khẩu, tâm, ba nghiệp hằng thời hóa, nghĩa là khởi nghiệp

thân, nghiệp miệng, nghiệp tâm, tất cả mọi thời giáo hóa chúng sinh. Hai môn và hai tụ, phương tiện đều viên mãn, nghĩa là luận đầy đủ hai môn hai tụ làm phương tiện. Hai môn là Tam-muội môn và Đà-la-ni môn. Hai tụ là phúc đức tụ và trí tuệ tụ.

Kệ nói:

*Tự tính và pháp thực,
Biến hóa vị sai biệt.
Đây do pháp giới tịnh,
Là chư Phật đã nói.*

Giải thích: Kệ này hiển thị nghĩa của pháp giới vị. Tự tính và pháp thực, biến hóa vị sai biệt, nghĩa là tự tính thân thực, thân hóa, thân vị sai biệt. Đây do pháp giới tịnh, là chư Phật đã nói, nghĩa là nếu pháp giới không thanh tịnh thì vị này bất thành. Đã nói pháp giới chư Phật thanh tịnh, tiếp nói 3 thân của chư Phật.

Kệ nói:

*Tính thân và thực thân,
Hóa thân hợp ba thân.
Phải biết đệ nhất thân,
Là y chỉ của hai.*

Giải thích: Tất cả chư Phật có 3 thân: 1. Tự tính thân, do tướng chuyển y. 2. Thực thân, do làm pháp thực trong chúng đại tập hội. 3. Hóa thân, do làm lợi ích chúng sinh được hóa độ. Nên biết trong đây tự tính thân là y chỉ của thực thân và hóa thân, vì đây là gốc.

Kệ nói:

*Thực thân trong các cõi,
Thụ dụng có sai biệt.
Các cõi gọi thân nghiệp,
Tất cả đều khác nhau.*

Giải thích: Thực thân trong tất cả thế giới, các đồ chúng, các quốc độ, các tên gọi, các thân, các nghiệp như thế các việc thụ dụng đều không đồng nhau.

Kệ nói:

*Bình đẳng vi tế thân,
Thụ dụng thân hợp nhau.
Phải biết thụ dụng thân,
Là nhân của hóa thân.*

Giải thích: Bình đẳng là tự tính thân. Vì tất cả chư Phật đều bình đẳng không khác. Vi tế, là do thân này khó biết. Thụ dụng thân là thực thân. Thân này và bình đẳng thân hợp nhau do y khởi. Phải biết thụ dụng thân lại là nhân của hóa thân, do muốn thụ dụng tất cả thị hiện.

Kệ nói:

*Hóa Phật hóa vô lượng,
Cho nên gọi hóa thân.
Hai thân hai lợi thành,
Nhất thiết chủng kiến lập.*

Giải thích: Do hóa thân chư Phật trong tất cả mọi thời hóa ra vô lượng sai biệt. Phật do hóa này nên gọi hóa thân. Hai thân là thực thân và hóa thân. Hai lợi là tự lợi và tha lợi. Thực thân lấy tự lợi thành tựu làm tướng. Hóa thân lấy lợi tha thành tựu làm tướng. Như hai lợi này, tất cả chủng thành tựu nên lần lượt kiến lập thực thân và hóa thân.

Kệ nói:

*Công xảo và xuất sinh,
Đắc đạo Bát-niết-bàn.
Thị hiện phương tiện lớn,
Khiến kia được giải thoát.*

Giải thích: Lại nữa hóa thân, là trong tất cả mọi thời giáo hóa chúng sinh, hoặc hiện công xảo, hoặc hiện xuất sinh, hoặc hiện đặc Bồ-đề, hoặc hiện Bát-niết-bàn. Như vậy thị hiện các thứ phương tiện lớn đều khiến chúng sinh được giải thoát. Đây là tướng tha lợi thành tựu.

Kệ nói:

*Nên biết Phật ba thân,
Đều trong thân chư Phật.
Tự tha lợi y chỉ,
Thị hiện cả ba thân.*

Giải thích: Nên biết rằng ba thân này đều ở trong thân tất cả chư Phật, vì thị hiện y chỉ của tất cả tự lợi lợi tha.

Kệ nói:

*Do dựa vào tâm nghiệp,
Ba Phật đều bình đẳng.
Tự tính không gián đoạn,
Ba Phật cùng thường trụ.*

Giải thích: Ba thân kia theo thứ tự là vì: Tất cả chư Phật thấy đều bình đẳng do y. Tất cả chư Phật tự tính thân bình đẳng vì pháp giới không riêng khác mà do tâm. Tất cả chư Phật thực thân bình đẳng, vì Phật tâm không khác mà do nghiệp. Tất cả chư Phật hóa thân bình đẳng vì đồng một sở tác. Lại nữa tất cả chư Phật thấy đều thường trụ vì do tự tính thường. Tất cả chư Phật tự tính thân thường trụ vì rốt ráo vô lậu do thường không gián đoạn. tất cả chư Phật thực thân thường trụ vì thuyết pháp không đoạn dứt do thường liên tục. Tất cả chư Phật hóa thân thường trụ, tuy diệt nơi đây lại hiện nơi kia.

Đã nói các Phật thân, tiếp nói các Phật trí.

Kệ nói:

*Bốn trí kính không động,
Sở y của ba trí.
Tám, bảy, sáu, năm thức,
Vì lần lượt được chuyển.*

Giải thích: Bốn trí kính không động, sở y của ba trí, nghĩa là tất cả chư Phật có bốn thứ trí: 1. Kính trí. 2. Bình đẳng trí. 3. Quán trí. 4. Tác sự trí. Kính trí lấy không động làm tướng, hằng làm chỗ y chỉ cho ba trí kia. Bởi vì sao? Vì ba trí là động, thức thứ 8, 7, 6, 5 lần lượt được chuyển. Chuyển thức thứ 8 được kính trí. Chuyển thức thứ 7 được bình đẳng trí. Chuyển thức thứ 6 được quán trí. Chuyển 5 thức trước được tác sự trí.

Kệ nói :

*Kính trí duyên không phân,
Liên tục hằng không dứt.
Không ngu các sở thức,
Các tướng chẳng hiện tiền.*

Giải thích: Kệ này hiển thị chuyển thức thứ 8 được kính trí. Kính trí duyên không phân, nghĩa là trong tất cả cảnh giới duyên không phân đoạn. Liên tục hằng không dứt, là trong tất cả mọi thời thường hiện hành không dứt. Không ngu các sở thức, là hiểu biết tất cả cảnh giới, vĩnh viễn hết các chướng. Các tướng chẳng hiện tiền, là trong các cảnh giới lia hành tướng duyên vô phân biệt.

Kệ nói:

*Kính trí: nhân các trí.
Gọi là đại trí tàng.
Các thân và các trí,
Hiện tượng từ đây khởi.*

Giải thích: Kệ này hiển thị cái dụng của kính trí. Kính trí: nhân các trí, gọi là đại trí tàng, nghĩa là bình đẳng trí v.v... các trí tất cả đều lấy kính trí làm nhân, cho nên trí này ví như kho tàng lớn do các trí tàng chứa nơi đây. Các thân và các trí, hiện tượng từ đây khởi, nghĩa là các thân tức thụ dụng thân v.v..., các trí là bình đẳng trí v.v... Do thân tượng và trí tượng kia tất cả đều từ trí này sinh ra, cho nên Phật nói trí này là kính trí.

Kệ nói:

*Chúng sinh bình đẳng trí,
Tu tịnh chứng Bồ-đề.
Chẳng trụ ở Niết-bàn,
Vì lẽ không cứu cánh.*

Giải thích: Kệ này hiển thị chuyên thức thứ 7 được bình đẳng trí. Chúng sinh bình đẳng trí, tu tịnh chứng Bồ-đề, nghĩa là nếu chư Bồ-tát khi chứng pháp hiện tiền liền được trí bình đẳng tất cả chúng sinh, nếu tu tập trí này đến cực kỳ thanh tịnh thì được vô thượng Bồ-đề. Chẳng trụ ở Niết-bàn, vì lẽ không cứu cánh, nghĩa là do chúng sinh vô tận nên không rốt ráo, không rốt ráo nên không trụ Niết-bàn. Do nghĩa này nên nói là trí bình đẳng.

Kệ nói:

*Đại từ và đại bi,
Là hai hằng không tuyệt.
Nếu chúng sinh có tin,
Phật tượng liền hiện tiền.*

Giải thích: Kệ này hiển thị cái dụng của bình đẳng trí. Đại từ và đại bi, là hai hằng không tuyệt, nghĩa là chư Phật Như Lai trong mọi lúc theo sát chúng sinh. Bởi vì sao? Vì không đoạn tuyệt đại từ đại bi. Nếu chúng sinh có tin, Phật tượng liền hiện tiền, nghĩa là nếu chúng sinh tin thì liền tùy chúng sinh hiện. Cho nên có chúng sinh

thấy Như Lai sắc xanh, có chúng sinh thấy Như Lai sắc vàng. Như vậy tất cả là hai trí trước, tức pháp thân.

Kệ nói:

*Quán trí thức sở thức,
Hằng thời không có ngại.
Trí này như kho lớn,
Tổng trì Tam-muội y.*

Giải thích: Kệ này hiển thị chuyển thức thứ 6 được quán trí. Quán trí trong sở thức, tất cả cảnh giới cảnh giới hằng không chướng ngại. Ví như kho chứa lớn, làm nơi y chỉ cho tất cả Đà-la-ni môn và tất cả Tam-muội môn. Bởi vì sao? Vì hai môn đều từ trí này sinh.

Kệ nói:

*Hằng ở trong đại chúng,
Các thứ đều thị hiện.
Năng đoạn các lưới nghi,
Mưa cơn mưa đại pháp.*

Giải thích: Kệ này hiển thị nghĩa của công dụng của quán trí. Như kệ nói, quán trí này tức là thực thân.

Kệ nói:

*Sự trí trong các cõi,
Các thứ hóa sự khởi.
Vô lượng không nghĩ bàn,
Vì lợi ích quần sinh.*

Giải thích: Kệ này hiển thị chuyển 5 thức trước được tác sự trí. Trí tác sự kia làm tất cả các việc biến hóa vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn trong tất cả thế giới. Các nghiệp như vậy đều vì lợi ích tất cả chúng sinh. Tác sự trí này, tức là hóa thân.

Kệ nói:

*Nhiếp trì và đặng tâm,
Khai pháp và tác sự,
Như vậy y 4 nghĩa,
Lần lượt khởi 4 trí.*

Giải thích: Nhiếp trì, nghĩa là nghe pháp rồi gìn giữ hành trì. Đặng tâm, nghĩa là trong tất cả chúng sinh được tự tha bình đẳng. Khai pháp, nghĩa là diễn nói chính pháp. Tác sự, là khởi làm các nghiệp giáo hóa nên dựa vào nghĩa thứ nhất khởi kính trí, dựa vào nghĩa thứ hai khởi bình đẳng trí, dựa vào nghĩa thứ ba khởi quán trí, y vào nghĩa thứ tư khởi tác sự trí.

Kệ nói:

*Tính biệt và không hư,
Tất cả và vô thủy,
Không khác nên không một,
Y đồng nên không nhiều.*

Giải thích: Kệ này hiển thị chư Phật không một không nhiều. Không một, là do tính biệt, không hư, vô thủy, không khác. Tính biệt, là do vô biên chư Phật tính khác, nếu nói chỉ có một Phật mà có người sẽ được Bồ-đề là không đúng nghĩa. Cho nên Phật không phải một. Không hư, là nếu nhóm phúc đức trí tuệ mà hư thì bao nhiêu Bồ-tát sẽ không được Bồ-đề. Do hai nhóm không hư nên không phải vậy. Cho nên Phật không phải một. Tất cả, nghĩa là nếu nói chỉ một Phật thì Phật không làm lợi ích tất cả chúng sinh. Do Phật kiến lập tất cả chúng sinh thành Phật nên không phải nghĩa như vậy. Cho nên Phật không phải một. Vô thủy, là nếu nói ban đầu chỉ có một Phật thì vị Phật đó phải không có hai nhóm phúc trí mà được thành Phật, nghĩa đó không đúng. Cho nên Phật không phải một. Không khác, là nếu nói có Phật khác không có hai nhóm phúc trí là không đúng

nghĩa. Cho nên Phật không phải một. Không nhiều, là do y đồng. Tất cả pháp thân chư Phật do cùng y vô lậu giới.

Đã nói trí chư Phật, tiếp nói nhập Phật phương tiện.

Kệ nói:

*Phân biệt nếu hằng có,
Thì chân thật hằng không.
Phân biệt nếu hằng không,
Thì chân thật hằng có.*

Giải thích: Nếu tự tính phân biệt là hằng có thì tự tính chân thật là hằng không, vì không thể được. Nếu tự tính phân biệt là hằng không thì tự tính chân thật hằng có, vì có thể được.

Kệ nói:

*Muốn tu cái tu cao tốt,
Không thấy tu tất cả.
Muốn được cái được cao tốt,
Không thấy được tất cả.*

Giải thích: Tu cao tốt như thế kia thì tu kia là không thể được. Được cái được cao tốt như thế kia thì cái được kia không thể có được.

Kệ nói:

*Tôn trọng và dài lâu,
Quán Phật hy hữu pháp,
Duyên đây mau thành Phật,
Cách xa Phật Bồ-đề.*

Giải thích: Nếu có Bồ-tát đối Phật Thế Tôn cực kỳ tôn trọng và thời gian dài lâu chính cần quán Phật, pháp vị tăng hữu, duyên quán tâm đây và dài lâu tinh tiến, mà bảo rằng ta sẽ mau được vô thượng Bồ-đề, phải biết rằng Bồ-tát này còn cách Phật Bồ-đề rất xa. Bởi vì sao? Kia còn tâm ngã mạn.

Kệ nói:

*Quán pháp chỉ phân biệt,
Nghĩa này như trước biết.
Bồ-tát không phân biệt,
Là nói mau thành Phật.*

Giải thích: Nếu Bồ-tát quán tất cả pháp chỉ là phân biệt, quán phân biệt kia cũng không phân biệt, tức được nhập vô sinh nhẫn vị kia. Do nghĩa này nói là được Bồ-đề. Đã nói nhập Phật phương tiện, tiếp nói chư Phật đồng sự.

Kệ nói:

*Phải biết nước các sông,
Biệt y và biệt sự.
Nước ít thì trùng ít,
Vì chưa vào biển cả.
Tất cả vào biển cả,
Một y và một sự.
Nước nhiều thì trùng nhiều,
Và cũng thường vô tận.
Như vậy các biệt giải,
Biệt ý và biệt nghiệp.
Hiểu ít lợi ích ít,
Vì chưa nhập Phật thể.
Tất cả nhập Phật thể,
Một hiểu và một ý.
Hiểu nhiều lợi ích nhiều,
Cực tụ và vô tận.*

Giải thích: Nước các sông ví như sự hiểu biết khác nhau của các Bồ-tát. Biệt y, ví như biệt ý các Bồ-tát. Một thứ nước ví như một kiến giải của Như lai. Một y ví như một ý của Như Lai. Do nước các

sông khác nhau nên sự nghiệp của nước cũng khác. Do nước ít nên thụ dụng của loài thủy trùng cũng ít. Bởi vì sao? Vì chưa được cùng vào biển lớn. Chư Bồ-tát cũng vậy, do hiểu biết khác nhau nên tác nghiệp cũng khác. Do hiểu biết ít nên lợi ích chúng sinh cũng ít. Bởi vì sao? Vì chưa được cùng nhập Phật thể. Các sông nếu vào biển lớn, tức cùng một sở y, tức đồng một thể. Do sông có một nên sự nghiệp cũng có một. Do sông lớn nên thủy trùng thụ dụng cũng lớn. Nếu chư Bồ-tát đồng nhập Phật thể, tức đồng một ý, tức đồng một kiến giải, do kiến giải là một nên tác nghiệp cũng một. Do hiểu biết lớn nên lợi ích cũng lớn, cùng cực tất cả chúng sinh tụ cũng vô tận.

Như vậy đã nói thể dụng chư Phật, tiếp nói một kệ khuyên tiến đến mong cầu.

Kệ nói:

*Pháp viên bạch vô tử,
Nhân lợi lạc chúng sinh.
Lạc trụ vô tận tàng,
Người trí cầu phát tâm.*

Giải thích: Pháp viên bạch vô tử, nghĩa là vì Phật tự lợi thành tựu. Nhân lợi lạc chúng sinh, nghĩa là vì Phật lợi tha thành tu. Lạc trụ vô tận tàng, nghĩa là do thiện căn của Phật không có gì hơn, không có gì trên, là kho tàng vô tận của sự an lạc. Người trí nên cầu phát tâm, nghĩa là người có trí tuệ phải phát tâm Bồ-đề cầu tối thắng an lạc trụ như vậy.

Xong Phẩm Bồ-đề.

HẾT QUYỂN 3

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH

QUYỂN 4

Phẩm 11: MINH TÍN

Giải thích: Đã nói vô thượng Bồ-đề tùy thuận. Bồ-đề là tín. Nay sẽ nói tướng của tín.

Kệ nói:

*Đã sinh và chưa sinh,
Chính thụ và tự thụ,
Tha lực và tự lực,
Có mê và không mê,
Hiện tiền không hiện tiền,
Nghe pháp và cầu nghĩa,
Quán sát có 13,
Phân biệt nơi tướng tín.*

Giải thích: Tướng của tín có 13 thứ: 1. Đã sinh tín, nghĩa là quá khứ, hiện tại tín. 2. Chưa sinh tín. 3. Chính thụ tín, là nội tín. 4. Tự thụ tín, là ngoại tín. 5. Tha lực tín, là thô tín, vì do sức của thiện hữu sinh. 6. Tự lực tín, là tế tín, do tự lực sinh. 7. Mê tín, là ác tín, do điên đảo. 8. Không mê tín, là hảo tín, do không điên đảo. 9. Hiện tiền tín, là cận tín, do không chướng ngại. 10. Không hiện tiền tín, là viễn tín, do có chướng ngại. 11. Thính pháp tín, là văn tín, do nghe pháp sinh tín. 12. Cầu nghĩa tín, là tư tín, do tư duy sinh. 13. Quán sát tín, là tu tín, do tu sinh.

Đã nói tướng sai biệt của tín, tiếp nói sai biệt của các loại tin.

Kệ nói:

*Đoạt được, gián, vô gián,
Có nhiều và có ít,
Hữu phú và vô phú,
Tương ưng không tương ưng,
Có tụ và không tụ,
Cực nhập và viễn nhập,
Mười ba thứ nghĩa đây,
Phân biệt các loại tin.*

Giải thích: Có 13 loại tin khác nhau: 1. Tin có thể bị đoạt mất, đó là lòng tin ở bậc thấp. 2. Tin có gián đoạn, là lòng tin bậc trung. 3. Tin không gián đoạn, là lòng tin bậc cao. 4. Tin nhiều, là tin Đại thừa. 5. Tin ít, là tin Tiểu thừa. 6. Tin hữu phú, là tin có trở ngại không thể thắng tiến. 7. Tin vô phú, là tin không bị trở ngại có thể thắng tiến. 8. Tin tương ưng, là tin thuần thực tu hành thường hành và cung kính. 9. Tin không tương ưng, là tin không thuần thành vì lìa hai hạnh trên. 10. Tin có tụ, là tin có quả có thể được Đại Bồ-đề. 11. Tin không có tụ, là tin không có quả, không được Đại Bồ-đề. 12. Tin cực nhập, là có dụng công, tức từ sơ địa đến địa thứ 7. 13. Tin viễn nhập, là tin cực tịnh, tức từ địa thứ 8 đến Phật địa.

Đã nói các loại tin, tiếp nói các chương nạn của tin.

Kệ nói:

*Quên nhiều và lười biếng,
Hành mê và bạn xấu,
Thiện yếu và tà ức,
Phóng túng lại thiếu văn,
Văn hỷ và tư hỷ,
Nhân định tăng thượng mạn,*

*Phải biết các lỗi này,
Chướng ngại nơi tướng tin.*

Giải thích: Chướng, nghĩa là trái nghịch. Quên nhiều, là chướng ngại của lòng tin đã sinh. Lười biếng, là chướng ngại của lòng tin chưa sinh. Hành mê, là chướng ngại của lòng tin chính thụ, tự thụ, như chấp trước sở thụ năng thụ trước kia. Bạo xấu, là chướng ngại của lòng tin nơi tha lực vì khiến tiếp nhận pháp điên đảo. Thiện yếu, là chướng ngại đối với tự lực. Tà ức, là chướng ngại đối với không mê tín. Phóng túng, là chướng ngại đối với lòng tin hiện tại. Thiếu văn, là chướng ngại đối với lòng tin nghe pháp vì không nghe liễu nghĩa. Văn hỷ, là chướng ngại đối với lòng tin cầu nghĩa, vì ít tư duy. Tư hỷ và định mạn, là chướng ngại đối với lòng tin quán sát, vì ít tu và không quán sát tinh tế.

Hỏi: Chướng ngại nào làm chướng ngại các loại tin?

Kệ nói:

*Không chán và không tập,
Có chán và hữu phú,
Vô ung và vô tụ,
Là chướng các loại tin.*

Giải thích: Không tập, nghĩa là chướng ngại đối với khả đạt tín và hữu gián tín. Không chán là chướng ngại đối với Tiểu tín vì không chán sinh tử. Có chán là chướng ngại đối với Đại tín vì chán sinh tử. Hữu phú là chướng ngại đối với vô phú tín. Vô ung là chướng ngại đối với tương ung tín. Vô tụ là chướng ngại đối với hữu tụ tín.

Đã hiển thị các chướng nạn của tín, tiếp đến khen ngợi công đức của tín.

Kệ nói:

*Tin có phúc đức lớn,
Không hối và đại hỷ,*

*Không hoại và kiên cố,
Thăng tiến và đắc pháp,
Tự lợi cùng lợi tha,
Và mau chứng thần thông.
Bởi các công đức này,
Khen ngợi lợi ích tin.*

Giải thích: Phúc đức lớn, là tán thán lòng tin hiện tại. Không hoại, là tán thán lòng tin quá khứ không thay đổi. Đại hỷ, là khen ngợi sự tin thụ chân chính và tương tự chân chính vì tương ưng với định. Không hoại, là khen ngợi sức tin của bạn bè không phá hoại chính đạo. Kiên cố, là khen lòng tin tự lực không thoái không bỏ. Thăng tiến, là khen ngợi không mê tín, hiện tại tin, nghe pháp tin, cầu nghĩa tin, quán sát tin, tin có gián đoạn. Đắc pháp, là khen ngợi tin không gián đoạn. Tự lợi, là khen tin ít. Lợi tha, là khen tin nhiều. Mau được thần thông, là khen các tự phần tin, tức là vô phú tín, tương ưng tín, hữu tự tín, cực nhập tín, tốc nhập tín.

Kệ nói:

*Chó, rùa, nô tỳ, vua,
Lần lượt ví 4 tin.
Tập dục tập các định,
Lợi mình lợi người khác.*

Giải thích: Ví như chó đói đi kiếm ăn, tin của người tập dục cũng vậy trong một lúc tin đủ thứ. Ví như con rùa ở trong nước trôn ở 6 chỗ, tin của các người tu tập ngoại đạo cũng vậy, chỉ biết tu tập định thế gian. Ví như nô tỳ sợ chủ, tin của những người siêng làm các tự lợi cũng vậy, vì sợ sinh tử mà siêng làm phương tiện. Ví như đại vương tự tại ban các sắc chiếu, tin của những người lợi tha cũng vậy, tăng thượng việc giáo hóa không ngại nghĩ. Cho nên Bồ-tát tự mình hiểu các thứ tin và rộng phân biệt cho người khác được biết. Như vậy là khuyến khích các chúng sinh sinh lòng tin Đại thừa.

Đã tán thán công đức tin, tiếp ngăn chặn tâm hạ liệt.

Kệ nói:

*Thân người và phương xứ,
Thời tiết đều vô hạn.
Ba nhân được Bồ-đề,
Chớ khởi tâm hạ liệt.*

Giải thích: Nhân thân, phương xứ và thời tiết đều vô hạn, nghĩa là được vô thượng Bồ-đề có 3 nhân vô hạn: 1. Nhân thân vô hạn, do nhân đạo chúng sinh được vô hạn. 2. Phương xứ vô hạn, do 10 phương thế giới được vô hạn. 3. Thời tiết vô hạn, do tận đời vị lai sát-na sát-na được vô hạn. Ba nhân được Bồ-đề chớ khởi tâm hạ liệt, nghĩa là do 3 nhân vô hạn này nên chư Bồ-tát đối với vô thượng Bồ-đề không nên thoái khuất khởi tâm hạ liệt.

Đã ngăn chặn tâm hạ liệt, tiếp hiển thị phúc đức vượt trội.

Kệ nói:

*Được phúc là do thí,
Không do tự thụ dụng.
Y tha nói Đại thừa,
Không y tự nghĩa pháp.*

Giải thích: Được phú là do thí, không do tự thụ dụng, nghĩa là ví như đem cơm nước thí cho người thì được phúc lớn vì lợi tha. Không phải tự thụ dụng mà có được phúc lớn vì tự lợi.

Hỏi: Nếu vậy Bồ-tát làm thế nào được phúc?

Đáp: Y tha nói Đại thừa, không y tự nghĩa pháp. Chư Bồ-tát như vậy y vào người nói kinh Đại thừa được phúc đức lớn, không y vào tự lợi nói kinh Tiểu thừa được phúc đức lớn.

Đã nói phúc vượt trội, tiếp nói đắc quả.

Kệ nói:

*Đại pháp khởi đại tín,
Quả đại tín có 3:
Tín tăng và phúc tăng,
Được Phật công đức thể.*

Giải thích: Đại pháp khởi đại tín, quả đại tín có 3, nghĩa là người có trí đối với Đại thừa thánh pháp sinh lòng tin lớn. Do lòng tin lớn này được 3 thứ quả.

Hỏi: Được những quả gì?

Đáp: Tín tăng và phúc tăng được Phật công đức thể. Đây nói rõ một là được quả đại tín vì tín tăng trưởng, hai là được quả đại phúc vì phúc tăng trưởng, ba là được quả đại Bồ-đề vì công đức không gì bằng và Phật thể lớn.

Xong Phẩm minh tín.

Phẩm 12 -1: THUẬT CẦU

Giải thích: Như vậy đã nói các thứ tin., tiếp nói đem lòng tin cầu các pháp.

Kệ nói:

*Ba tạng hoặc gồm 2,
Thành 3 có 9 nhân.
Vì huân giác tịch thông,
Giải thoát sự sinh tử.*

Giải thích: Ba tạng hoặc gồm 2, nghĩa là 3 tạng tức tạng Tu-đà-la, tạng Tì-ni, tạng A-tì-đàm. Hoặc 2, nghĩa là 3 tạng này do hạ thừa thượng thừa sai biệt, hoặc cũng là tạng Thanh Văn và tạng Bồ-tát.

Hỏi: Kia 3 và 2 vì sao gọi tạng?

Đáp: Do gồm thâm. Nghĩa là gồm thâm tất cả nghĩa cần phải biết.

Hỏi: Thế nào là thành 3?

Đáp: Thành 3 là có 9 nhân. Lập Tu-đa-la là để đối trị nghi hoặc. Nếu có người trong nghĩa sinh nhiều chỗ nghi thì khiến người ấy được quyết định. Lập Tì-ni là để đối trị sự thụ dụng của nhị biên. Để lia bỏ bên lạc hạnh thì ngăn ngừa sự thụ dụng có tội lỗi. Để lia bỏ bên khổ hạnh thì cho thụ dụng mà không tội lỗi. Lập A-tì-đàm là để đối trị tự tâm kiến thủ. Đây có thể hiển thị không điên đảo pháp tướng. Lại nữa lập Tu-đa-la để nói 3 học. Lập Tì-ni để thành giới học. Tâm học do trì giới nên không hối. Do không hối nên tuân tự được định. Lập A-tì-đàm để thành tuệ học. Đây có thể quyết trạch nghĩa không điên đảo. Lại nữa lập Tu-đa-la để nói đúng pháp và nghĩa. Lập Tì-ni, là thành tựu pháp và nghĩa do siêng năng phương tiện diệt phiền não. Lập A-tì-đàm để thông đạt pháp và nghĩa do nhiều lựa chọn đây làm phương tiện. Do 9 nhân này nên lập 3 tạng.

Hỏi: Biệt dụng là như thế còn thông dụng thì sao?

Đáp: Vì huân giác tịch thông nên giải thoát sinh tử sự. Đây nói giải thoát sinh tử là thông dụng. Do nghe pháp nên huân tập. Do tư duy pháp nên giác ngộ. Do đình chỉ nên tịch tĩnh. Do quán sát nên thông suốt. Do 4 nghĩa đây vĩnh viễn giải thoát được việc sinh tử.

Kệ nói:

*Kinh, luật, A-tì-đàm,
Mỗi mỗi có 4 nghĩa.
Hiểu rõ thành chủng trí,
Một kệ được lậu tận.*

Giải thích: Nếu lược nói 3 tạng mỗi mỗi đều có 4 nghĩa, nếu Bồ-tát hiểu được nghĩa này thì thành tựu nhất thiết chủng trí. Nếu Thanh Văn có thể hiểu được một kệ thì được các lậu vĩnh tận.

Thế nào là mỗi mỗi có 4 nghĩa?

Kệ nói:

*Này y và này tướng,
Này pháp và này nghĩa,
Như vậy 4 nghĩa này,
Là nghĩa Tu-đa-la.*

Giải thích: Tu-đa-la có 4 nghĩa: 1. Y. 2. Tướng. 3. Pháp. 4. Nghĩa. Y là nơi ấy, người ấy, dụng ấy. Nghĩa là tùy theo cõi nước nào, tùy chư Phật nào, tùy theo chúng sinh nào, Như Lai y vào 3 trường hợp này mà nói kinh. Tướng, là tướng thế đế và tướng đệ nhất nghĩa đế. Pháp, là âm, giới, nhập, duyên sinh, đế, thực v.v... các pháp. Nghĩa, là giải thích sở dĩ.

Kệ nói:

*Này đối và này số,
Này phục và này giải,
Như vậy 4 nghĩa này,
Là nghĩa của Tì-đàm.*

Giải thích: A-tì-đàm có 4 nghĩa: 1. Đối. 2. Số. 3. Phục. 4. Giải. Đối, nghĩa là pháp hướng đến Niết-bàn, là nói về chân đế, Bồ-đề phần, giải thoát môn v.v... Số, là pháp tương tục, là nói về vô lượng sai biệt trong mỗi mỗi pháp như sắc, phi sắc, sắc thấy được, sắc không trông thấy được v.v... Phục, là pháp thắng thượng, là pháp nghĩa phán quyết, đẩy lui đối phương trong cuộc tranh luận. Giải, là pháp giải thích nghĩa, nhờ A-tì-đàm mà dễ hiểu được nghĩa kinh.

Kệ nói:

*Có tội, khởi, tịnh, xuất,
Có nhân, chế, giải, phán.
Bốn nghĩa lại 4 nghĩa,
Là nghĩa của Tì-ni.*

Giải thích: Tì-ni có 2 thứ 4 nghĩa. Bốn nghĩa đầu là: 1. Tội. 2. Khởi. 3. Tịnh. 4. Xuất. Tội, là tự tính của tội, như tội ngũ tỵ. Khởi, là duyên khởi của tội. Đây có 4 thứ: 1. Do không biết. 2. Do phóng túng. 3. Do phiền não bén nhạy. 4. Do tâm không cung kính. Tịnh, là tội được thanh tịnh trở lại do thiện tâm không do trị phạt. Xuất, là khỏi tội. Có 7 trường hợp: 1. Sám hối tội lỗi, nghĩa là vĩnh viễn ngăn ngừa không phạm lại. 2. Tùy thuận sự giáo thụ, nghĩa là cùng học Yết-ma trị phạt. 3. Mở cho, nghĩa là trước đã chế cấm, sau lại mở cho. 4. Xả, nghĩa là tăng hòa hợp cùng học xả, bấy giờ những điều phạm trước được thanh tịnh trở lại. 5. Chuyển y, nghĩa là Tì-khuru, Tì-khuru-ni, nam nữ chuyển căn xuất bất cộng tội. 6. Thật quán, nghĩa là pháp Ưu-đà-na do thâm quán sát. 7. Tính đặc, nghĩa là khi kiến đế các tội vi tế là vô thể do chứng pháp không, pháp tự nhiên được.

Lại có 4 nghĩa, là: 1. Người. 2. Chế. 3. Giải. 4. Phán. Người, là người phạm tội. Chế, là dựa vào trường hợp người phạm tội kia đại sư hợp chúng nói tội người kia rồi chế lập. Giải, là sau khi chế lập, lại phân biệt rộng các chi tiết. Phán, là phán quyết thế nào là trường hợp phạm tội, thế nào là trường hợp không phạm tội. Phải thụ trì như vậy.

Đã nói xong về câu pháp, tiếp nói câu duyên.

Kệ nói:

*Phật nói pháp sở duyên,
Trong, ngoài và cả hai.
Nghĩa được 2, không 2,
Cả 2 đều không được.*

Giải thích: Phải biết Phật nói pháp sở duyên có đủ trong và ngoài, nghĩa là Phật nói tất cả pháp sở duyên có 3 thứ: một là trong, hai là ngoài, ba là cả hai. Năng thủ tự tính thân v.v... là trong, sở thủ tự tính thân là ngoài, hợp 2 tự tính là đủ cả hai. Nghĩa được 2, không

2, cả 2 đều không được, nghĩa là ở đây trong ngoài 2 duyên theo thứ tự 2 nghĩa được và không.

Hỏi: Thế nào là được?

Đáp: Nếu không quán riêng biệt nghĩa sở thủ và nghĩa năng thủ, nếu không quán riêng biệt nghĩa năng thủ với nghĩa sở thủ, lại nữa hợp hai làm một, do trong ngoài 2 duyên được như như nên như vậy cái 2 kia không có 2 nghĩa, thì 2 duyên này cũng không thể được.

Hỏi: Đã nói về được duyên, thế nào là được trí?

Kệ nói:

*Ba duyên được 3 trí,
Tịnh trì ý ngôn cảnh,
Nghĩa liễu biệt rõ rồi,
Yên tâm chỉ có tên.*

Giải thích: Ba duyên là như trước nói trong, ngoài và cả hai là 3 cảnh. Ba trí là văn tư tu 3 tuệ. Do dựa vào 3 duyên có thể được 3 tuệ.

Hỏi: Được như thế nào?

Đáp: Nếu trong 3 duyên tịnh trì, ý ngôn, cảnh tức được văn tuệ. Ý ngôn, là phân biệt. Tịnh, là tin quyết định. Trì, là lựa chọn do được văn tuệ. Nếu trong 3 duyên, rõ được nghĩa liễu biệt rồi tức được tư tuệ. Nghĩa là biết nghĩa và sáng tỏ không khác ý ngôn do đó được tư tuệ. Nếu trong 3 duyên yên tâm chỉ có tên tức được tu tuệ. Nghĩa là biết nghĩa và sáng tỏ chỉ là cái tên do đây được tu tuệ. Như trước đã nói 2 duyên là không thể được, cho nên phải biết 3 duyên kia là chỗ y chỉ của văn tư tu 3 tuệ.

Đã nói xong về câu duyên, tiếp nói câu tác ý.

Kệ nói:

*Tối sơ là chủng tính,
Sở tác và y chỉ.*

*Tín an và dục sinh,
 Tác định và y trí,
 Biệt duyên, chủng chủng duyên,
 Thông đạt và tu chủng,
 Tự tính và công lực,
 Lãnh thụ và phương tiện,
 Tự tại, tiểu và đại,
 Như vậy 18 thứ,
 Gồm hết các tác ý,
 Hành giả phải siêng tu.*

Giải thích: 18 thứ tác ý là: 1. Chủng tính tác ý. 2. Sở tác tác ý. 3. Y chỉ tác ý. 4. Tín an tác ý. 5. Dục sinh tác ý. 6. Y định tác ý. 7. Y trí tác ý. 8. Biệt duyên tác ý. 9. Chủng chủng duyên tác ý. 10. Thông đạt tác ý. 11. Tu chủng tác ý. 12. Tự tính tác ý. 13. Công lực tác ý. 14. Lãnh thụ tác ý. 15. Phương tiện tác ý. 16. Tự tại tác ý. 17. Tiểu tác ý. 18. Đại tác ý.

Chủng tính tác ý, là do định tính Thanh Văn v.v... 3 thừa. Sở tác tác ý, là do phúc trí 2 tụ viên mãn. Y chỉ tác ý, là do tại gia xuất gia bức bách không bức bách khác nhau. Tín an tác ý, là do niệm Phật tương ưng. Dục sinh tác ý, là do tùy khi niệm Phật mà tín tâm tương ưng. Y định tác ý, là do có giác có quán v.v... các Tam Tam-muội tương ưng. Y trí tác ý, là do từ phương tiện văn tự tu lần lượt sinh. Biệt duyên tác ý, là đây có 5 thứ trong Tu-đa-la, Ưu-đà-na, Già-đà, A-ba-đà-na: 1. Thụ. 2. Trì. 3. Đọc. 4. Suy nghĩ. 5. Nói. Chủng chủng duyên tác ý, là đây có 7 thứ: danh duyên, cú duyên, tự duyên, nhân vô ngã duyên, pháp vô ngã duyên, sắc duyên, vô sắc duyên. Sắc duyên, là thân duyên. Vô sắc duyên, là thụ tâm pháp duyên. Thông đạt tác ý, là đây có 4 thứ: 1. Vật thông đạt, nghĩa là biết thể của khổ. 2. Nghĩa thông đạt, nghĩa là biết nghĩa của khổ, vô thường, không, vô ngã. 3. Quả thông đạt, nghĩa là biết giải thoát. 4. Giác thông đạt,

nghĩa là biết trí giải thoát. Tu chủng tác ý, là đây có 4 thứ tu và 37 thứ tu. Bốn thứ tu là nhân vô ngã chủng tu, pháp vô ngã chủng tu, kiến chủng tu, trí chủng tu. Ba mươi bảy thứ tu là bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã 4 thứ tu. Đó gọi là chủng tu 4 niệm xứ. Lại nữa được tập đoạn đối trị 4 thứ tu. Đó gọi là chủng tu 4 chính cần. Lại nữa để đối trị tri túc, loạn nghi, trạo động, trầm một 4 chướng nên dục, tiến, niệm, tuệ 4 thứ tu, đó gọi là chủng tu 4 thần túc. Lại nữa, trụ tâm, là để thành tựu xuất thế gian nên khởi tâm tín, cần, bất vọng, trụ, giản trạch 5 thứ tu, đó gọi là chủng tu 5 căn. Lại nữa, 5 thứ tu như vậy có thể đối trị 5 chướng, tức gọi là lực, đó gọi là chủng tu 5 lực. Lại nữa, trong Bồ-đề chính ức, giản trạch, dũng mãnh, khánh duyệt, điều nhu, tâm trụ, bình đẳng 7 thứ tu, gọi là chủng tu 7 giác phần. Lại nữa, vì được quyết định nên thành tịnh trì địa nghiệp, tư duy phân biệt, kham năng thụ trì 3 giới đã thụ, siêng năng tu tập đạo trước đã đắc, pháp trụ tướng, không quên, vô tướng tâm, trụ chuyên y, tu 8 thứ như vậy gọi là chủng tu 8 đạo phần. Tụ tính tác ý, đây có 2 thứ: 1. Xa-ma-tha. 2. Tì-bát-xá-na. Hai pháp này là tụ tính của đạo. Công lực tác ý, là lực có 2 thứ: 1. Bạt trừ huân tập. 2. Bạt trừ tướng kiến. Lãnh thụ tác ý, là tất cả các pháp được Phật Bồ-tát giáo thụ lưu bố thầy đều thụ trì. Phương tiện tác ý, là trong định có 5 hành xứ phương tiện: 1. Phương tiện hiểu số, là trong danh, cú, tự, số thầy đều thông suốt. 2. Phương tiện hiểu đạo cụ. Đạo cụ có 2 thứ: 1. Phân lượng cụ, tức các chữ. 2. Phi phân lượng cụ, tức danh từ, câu v.v... 3. Phương tiện hiểu phân biệt. Phân biệt có 2 thứ: 1. Y vào tên phân biệt nghĩa. 2. Y vào nghĩa phân biệt tên. Phi phân biệt là chữ. 4. Phương tiện hiểu thứ tự, nghĩa là trước lấybên, su chuyển lấy nghĩa. 5. Phương tiện hiểu thông suốt. Có 11 thứ thông suốt: 1. Thông suốt khách trần. 2. Thông suốt cảnh quang. 3. Thông suốt nghĩa bất khả đắc. 4. Thông suốt bất khả đắc bất khả đắc. 5. Thông suốt pháp giới. 6. Thông suốt nhân vô ngã. 7. Thông suốt pháp vô ngã. 8. Thông suốt tâm hạ liệt. 9. Thông suốt tâm tự cao tự đại. 10. Thông suốt pháp sở đắc. 11. Thông suốt pháp được

lập. Tự tại tác ý, là tự tại có 3 thứ: 1. Hoặc churongs rất thanh tịnh. 2. Hoặc trí 2 chương rất thanh tịnh. 3. Công đức rất thanh tịnh. Tiểu tác ý, là mới thanh tịnh. Đại tác ý, là sau 2 thanh tịnh.

Đã nói xong cầu tác ý, tiếp nói cầu nghĩa chân thật.

Kệ nói:

*Lìa 2 và mê y,
Không nói không hý luận.
Ba nên và 2 tịnh,
Hai tịnh 3 dụ rõ.*

Giải thích: Lìa 2 và mê y, không nói không hý luận, nghĩa là phải biết trong đây 3 tính đều là chân thật. Lìa 2, nghĩa là phân biệt tính chân thật, do năng thủ sở thủ là tất cảnh không. Mê y, nghĩa là y tha tính chân thật, vì do đây khởi các phân biệt. Không nói không hý luận, nghĩa là chân thật tính chân thật, do tự tính không hý luận nên là bất khả thuyết. Ba nên và 2 tịnh, 2 tịnh 3 dụ rõ, nghĩa là 3 nên là ban đầu chân thật nên biết, thứ hai là chân thật nên đoạn, thứ ba là chân thật nên tịnh. Hai tịnh, là: 1. Tự tính thanh tịnh, vì bản lai thanh tịnh. 2. Vô cấu thanh tịnh, vì lìa khách trần. Hai thanh tịnh này do 3 thí dụ có thể làm rõ là hư không, vàng, nước. Ba thí dụ này một là đều thí dụ cho tự tính thanh tịnh, vì hư không v.v... không cái gì chẳng tự tính thanh tịnh, hai là đều thí dụ cho vô cấu thanh tịnh, vì hư không v.v... không cái gì không lìa khách trần thanh tịnh.

Kệ nói:

*Pháp giới và thế gian,
Chưa hề khác chút nào.
Do chúng sinh quá mê,
Chấp không mà bỏ có.*

Giải thích: Pháp giới và thế gian chưa hề khác chút nào, nghĩa là pháp giới và thế gian chẳng có chút khác. Bởi vì sao? Vì pháp tính

với các pháp không sai biệt. Chúng sinh quá si mê chấp không mà bỏ có, nghĩa là do chúng sinh ngu si quá mạnh, trong thế gian không pháp không nên chấp mà khởi chấp, còn với như như là pháp có không nên bỏ mà bỏ.

Đã nói xong câu chân thật, tiếp nói thí dụ câu chân thật.

Kệ nói:

*Như kia khởi huyễn sự,
Vị hư đối phân biệt.
Như kia các huyễn sự,
Vị cho 2 thứ mê.*

Giải thích: Như kia khởi huyễn sự, vị hư đối phân biệt, nghĩa là ví như nhà ảo thuật dùng sức chú thuật biến hóa cây đá v.v... làm nhân mê. Tính y tha hư đối phân biệt cũng vậy, khởi các thứ phân biệt làm nhân điên đảo. Như các huyễn sự vị cho 2 thứ mê, nghĩa là ví như các hiện tượng ảo hóa như vàng v.v... hiển hiện nhiều thứ tướng mạo, tính phân biệt sở khởi cũng vậy, năng thủ sở thủ 2 mê lầm hằng thời hiển hiện.

Kệ nói:

*Như kia vì vô thể,
Được nhập đệ nhất nghĩa.
Như kia vì khả đắc,
Thông đạt thể đế thật.*

Giải thích: Như kia vì vô thể được nhập đệ nhất nghĩa, nghĩa là như kia các huyễn sự không có thật thể. Đây ví cho 2 tướng y tha và phân biệt cũng không có thật thể. Do đạo lý này liền được thông đạt đệ nhất nghĩa đế. Như kia vì khả đắc nên thông đạt cái thật của thể đế, nghĩa là khả đắc tức các huyễn sự thể của nó cũng có thể được. Đây ví cho cái hư đối phân biệt cũng vậy. Do đạo lý này tức được thông đạt sự thật của thể đế.

Kệ nói:

*Sự kia là vô thể,
Tức được cảnh chân thật.
Như vậy vì chuyển y,
Tức được nghĩa chân thật.*

Giải thích: Sự kia là vô thể tức được cảnh chân thật, nghĩa là nếu người hiểu rõ các việc ảo hóa kia là vô thể, tức biết được cảnh thật của nó là cây, đá v.v... Như vậy vì chuyển y tức được nghĩa chân thật, nghĩa là nếu chư Bồ-tát hiểu rõ 2 mê kia là vô thể thì khi được chuyển y liền được nghĩa của chân thật tính.

Kệ nói:

*Mê nhân vì vô thể,
Không mê tự tại hành.
Đảo nhân vì vô thể,
Không đảo tự tại chuyển.*

Giải thích: Mê nhân vì vô thể, không mê tự tại hành, nghĩa là người đời cây đá vốn vô thể mà vì mê nhân, nếu không mê thì hành tự tại mà không y tha. Đảo nhân vì vô thể, không đảo tự tại chuyển, nghĩa là như vậy y vào khi chưa chuyển thì tuy vô thể mà vì điên đảo nhân, nếu khi được chuyển thì không điên đảo nên thánh nhân cũng được y tự tại hành tự tại.

Kệ nói:

*Việc ấy nơi kia có,
Hữu thể kia cũng không.
Vì không có hữu thể,
Nên nói là ảo hóa.*

Giải thích: Việc ấy nơi kia có, hữu thể kia cũng không, nghĩa là đây hiển thị có những việc ảo hóa nhưng là phi hữu. Bởi vì sao? Có,

đó là hiện tượng ảo hóa, vì hiển hiện nơi kia. Nói phi hữu, vì không thể có được nhat thể. Vì không có hữu thể nên nói là ảo hóa, nghĩa là như vậy thì hữu thể với vô thể là không hai. Do nghĩa này nên nói kia là ảo hóa.

Kệ nói:

*Vô thể phi vô thể,
Phi vô thể tức thể.
Vô thể, thể, không hai,
Nên nói là ảo hóa.*

Giải thích: Vô thể phi vô thể, phi vô thể tức thể, nghĩa là đây nói sự ảo hóa không phải có mà có. Bởi vì sao? Nói không phải có, vì những thứ ảo hóa kia là vô thể, bởi không có thật thể. Nói mà có, vì những ảo hóa kia chẳng phải vô thể, bởi hiện tượng hiển hiện. Vô thể, thể, không hai, nên nói là ảo hóa, nghĩa là như vậy vô thể với thể là không hai. Do nghĩa này nên nói là ảo hóa.

Kệ nói:

*Nói có 2 thứ sáng,
Mà không 2 thể sáng.
Cho nên nói các sắc
Hữu thể tức vô thể.*

Giải thích: Nói có 2 thứ sáng, mà không 2 thể sáng, nghĩa là đây hiển thị sự hư vọng phân biệt, chẳng phải có mà có. Bởi vì sao? Nói chẳng phải có, là vì 2 thứ sáng kia là vô thể, bởi không có thật thể. Nói mà có, nghĩa là vì 2 thứ sáng kia chẳng phải vô thể, bởi ánh sáng hiển hiện. Cho nên nói sắc v.v... vô thể, hữu thể không hai, nghĩa là do nghĩa đó nên nói sắc v.v... vô thể với thể không có hai.

Hỏi: Thể với vô thể sao không nói nhất định là một mà nói hai không khác nhau?

Kệ nói:

*Với hữu biên: ngăn lập,
Với vô biên: ngăn chê.
Bỏ Đại hướng Tiểu diệt,
Ngăn chúng cũng như vậy.*

Giải thích: Theo tuần tự một là ngăn chấp hữu biên, hai là ngăn chấp vô biên, ba là ngăn khuynh hướng Tiểu thừa tịch diệt. Cho nên không được nói nhất định là một.

Hỏi: Thế nào là ngăn chấp hữu biên?

Đáp: Là ngăn không cho lập hữu biên. Đây nói rõ là vô thể, vì biết vô thể nên không được lập là có.

Hỏi: Thế nào là ngăn chấp vô biên?

Đáp: Là ngăn sự chê bai. Đây nói rõ cái biết hữu thể là thể đế, không nên chê bai là không.

Hỏi: Thế nào là ngăn khuynh hướng Tiểu thừa tịch diệt?

Đáp: Là ngăn thoái lui Đại thừa mà hướng tới Tiểu thừa tịch diệt cũng như vậy. Đây nói rõ bởi 2 kia không khác, nên không nên chán thể, nhập Tiểu Niết-bàn.

Kệ nói :

*Sắc thức là mê nhân,
Thức thức là mê thể.
Sắc thức, nhân không có,
Thức thức, thể cũng không.*

Giải thích: Sắc thức là mê nhân, thức thức là mê thể, nghĩa là cái thức mê cảnh gọi là sắc thức, nó cũng có thể mê thể gọi là phi sắc thức. Sắc thức là vô thể nên thức thức thể cũng không, nghĩa là vì sắc thức không, nên phi sắc thức cũng không. Bởi vì sao? Bởi không nhân nên quả cũng không.

Kệ nói :

*Ảo ảnh, bắt ảo ảnh,
Vì mê nói có hai.
Như vậy hai kia không,
Thế mà có được hai.*

Giải thích: Ảo ảnh, bắt ảo ảnh, vì mê nói có hai, nghĩa là người mê đối với ảo ảnh và sự đuổi bắt ảo ảnh, do mê nên nói có hai việc năng thủ sở thủ. Như vậy hai kia không, thế mà có được hai, nghĩa là hai kia tuy không, mà có được hai là do mê hiển hiện.

Hỏi: Thí dụ này muốn hiển thị điều gì?

Kệ nói :

*Cốt tượng và thủ cốt,
Do quán nên nói hai.
Không hai mà nói hai,
Nói được cũng như vậy.*

Giải thích: Cốt tượng và thủ cốt, do quán nên nói hai, nghĩa là người tu quán đối với cốt tượng và sự thủ cốt do quán nên nói có hai việc năng quán sở quán. Không hai mà nói hai, nói được cũng như vậy, nghĩa là hai kia tuy là không, mà có thể có được hai là do quán hiển hiện.

Hỏi: Quán như vậy rồi pháp gì là sở trị pháp gì là năng trị?

Kệ nói:

*Phải biết thể sở trị,
Là tướng mê pháp ấy.
Như vậy thể, vô thể,
Hữu , phi hữu như huyễn.*

Giải thích: Phải biết thể sở trị, là tướng mê của pháp ấy, nghĩa là trong đây thể sở trị tức là tướng mê của pháp. Tướng mê của pháp

là thể như thị như thị. Như vậy, thể, vô thể, hữu, phi hữu như huyễn, nghĩa là như vậy nói thể có, là do hư vọng phân biệt, nói thể chẳng phải có, là do hai thể năng thủ sở thủ không khác với thể và phi thể. Như vậy thì có cũng như huyễn, không cũng như huyễn, nên nói tướng này là như huyễn.

Kệ nói:

*Phải biết thể năng trị,
Niệm xứ v.v... các pháp,
Như vậy thể vô tướng
Như huyễn cũng như vậy.*

Giải thích: Phải biết thể năng trị, niệm xứ v.v... các pháp, trong đây thể năng trị tức là các pháp. Các pháp, là các pháp Phật nói như niệm xứ v.v... là thể như thị như thị. Như vậy thể vô tướng như huyễn cũng như vậy, nghĩa là thể kia cũng như huyễn. Bởi vì sao? Chỗ chấp thủ của phàm phu cho như vậy như vậy là hữu thể. Chư Phật nói như vậy như vậy là vô thể. Thể là vô tướng như vậy mà Phật Thế Tôn thị hiện nhập thai, đản sinh, vượt thành xuất gia, thành chính giác, vô tướng như vậy mà hào quang hiển hiện, cho nên là như huyễn.

Hỏi: Nếu các pháp đồng như huyễn thì vì nghĩa gì một là năng trị một là sở trị?

Kệ nói:

*Như một vua ảo mạnh,
Đuổi các vua ảo lui.
Như vậy pháp thanh tịnh,
Khiến pháp nhiễm tiêu hết.*

Giải thích: Ví như một vua ảo mạnh đuổi các vua ảo khác lui, nghĩa là tịnh pháp năng trị kia cũng như một ông vua ảo, do năng đối trị nhiễm pháp được tăng thượng. Nhiễm pháp sở trị cũng như vua ảo, do cảnh giới được tăng thượng. Như vậy pháp thanh tịnh

có thể làm cho các pháp ô nhiễm tiêu hết, như ông vua ảo có sức mạnh có thể đẩy lui các vua ảo khác. Bồ-tát cũng vậy, biết pháp như huyễn, có thể dùng tịnh pháp đối trị nhiễm pháp, cho nên không kiêu mạn.

Hỏi: Thế Tôn nhiều nơi nói như huyễn, như chiêm bao, như sóng nắng, như tượng, như ảnh, như tiếng vang, như trăng trong nước, như biến hóa. Tám thí dụ như thế hiển thị điều chi?

Kệ nói:

*Như huyễn đến như hóa,
Lần lượt ví các hành.
Hai sáu hai hai sáu,
Một một một có ba.*

Giải thích: Như huyễn cho đến như hóa, lần lượt ví các hành, nghĩa là huyễn ví với 6 nhập bên trong, vì các thể không có ngã chỉ hiển hiện ánh sáng. Chiêm bao ví với 6 nhập bên ngoài, vì thể của các trần thụ dụng là không có. Sóng nắng ví với 2 pháp là tâm và tâm số, do mê khởi. Tượng, lại ví với 6 nhập bên trong, do tượng của nghiệp đời trước. Ảnh, lại ví với 6 nhập bên ngoài, do ảnh nhập vào bên trong khởi nội nhập tăng thượng. Tiếng vang, ví với pháp nói ra, vì pháp ví như tiếng vang. Trăng trong nước ví với y định pháp định là như nước, pháp là như trăng, do pháp trừng tĩnh mà hiển hiện. Hóa, ví với Bồ-tát cố ý thụ sinh, vì không nhiễm tất cả việc mình làm. Hai sáu hai hai sáu, một một một có ba, nghĩa là hai sáu đầu là nội 6 nhập, ngoại 6 nhập. Huyễn và chiêm bao 2 thí dụ hiển thị 2 là tâm và tâm số, hiển thị bằng thí dụ sóng nắng. Lại nữa hai sáu là nội 6 nhập, ngoại 6 nhập, hiển thị bằng tượng, ảnh 2 thí dụ. Một một một là nói pháp Tam-muội thụ sinh, hiển thị bằng 3 thí dụ tiếng vang, mặt trăng, biến hóa.

Đã nói xong nghĩa chân thật, tiếp cầu trí năng tri.

Kệ nói:

*Không chân và giống chân,
Chân và giống không chân.
Như vậy 4 chủng trí,
Biết được tất cả cảnh.*

Giải thích: Không chân và giống chân, chân và giống không chân, nghĩa là: Không chân, là trí bất chân phân biệt, bởi không tùy thuận xuất thế trí phân biệt. Giống chân, là trí phi chân phi bất chân phân biệt, vì từ đầu tiên cực thông đạt phần do tùy thuận trí xuất thế. Chân, là trí xuất thế vô phân biệt, vì chứng chân như. Giống không chân, là trí phi phân biệt phi bất phân biệt, tức xuất thế hậu đắc thế trí. Như vậy 4 chủng trí có thể biết tất cả cảnh, nghĩa là do đầy đủ 4 trí này biết được tất cả cảnh giới.

Đã nói xong câu trí, tiếp nói câu nhiệm ô và thanh tịnh.

Kệ nói:

*Tự giới, và 2 quang,
Si cùng các hoặc khởi.
Như vậy các phân biệt,
Hai thật nên xa lìa.*

Giải thích: Tự giới và 2 quang cảnh, si cùng các hoặc khởi, là: Tự giới nghĩa là tự chủng tử của thức A-lê-da. Hai quang cảnh nghĩa là quang cảnh năng thủ và quang cảnh sở thủ. Các phân biệt này do cùng vô minh và các hoặc khác nên mới được sinh khởi. Như vậy nên xa lìa các phân biệt hai thật, nghĩa là 2 thật đó là thật của sở thủ và thật của năng thủ. Như vậy 2 thật nhiệm ô phải cầu lìa xa.

Kệ nói:

*Được 3 duyên kia rồi,
Tự giới xir nên học.*

*Như vậy 2 quang diệt,
Ví như cánh mũi tên.*

Giải thích: Được 3 duyên kia rồi, tự giới xứ nên học, nghĩa là: 3 duyên là nội, ngoại và cả hai như trước đã nói. Tự giới, là các phân biệt, nên giải thích như vậy. Xứ, là danh xứ, danh xứ này nên an tâm. Nên học, là tu chỉ quán 2 đạo. Như vậy 2 quang diệt, ví như cánh mũi tên, nghĩa là phân biệt 2 thứ quang cảnh dứt, ví như miếng da thực mềm làm cánh mũi tên điều chỉnh mũi tên đi thẳng, chuyển y cũng như vậy. Như chỉ, quán, mỗi mỗi đều phải tu, được tâm tuệ 2 giải thoát thì 2 quang cảnh không khởi. Như vậy thanh tịnh cầu đến được.

HẾT QUYỂN 4

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH

QUYỂN 5

Phẩm 12 - 2: THUẬT CẦU

Giải thích: Đã nói cầu nhiễm tịnh, tiếp nói cầu duy thức.

Kệ nói :

*Năng thủ và sở thủ,
 Đây 2 duy tâm quang,
 Tham quang và tín quang,
 Hai quang không 2 pháp.*

Giải thích: Năng thủ và sở thủ, đây duy tâm quang, nghĩa là người cầu duy thức nên biết năng thủ sở thủ chỉ là quang cảnh của tâm. Tham quang và tín quang, 2 quang không 2 pháp, nghĩa là tham v.v... các quang cảnh của phiền não và tín v.v... các quang cảnh của thiện pháp, 2 quang cảnh đó là 2 pháp không nhiễm tịnh. Bởi vì sao? Bởi vì tham v.v... tín v.v... các pháp nhiễm tịnh không là quang cảnh của tâm. Cho nên 2 quang cảnh cũng không 2 tướng.

Kệ nói:

*Các thứ tâm quang khởi,
 Các thứ tướng như vậy.
 Vì quang thể phi thể,
 Không được pháp thật kia.*

Giải thích: Các thứ tâm quang khởi các thứ tướng như vậy, nghĩa là các thứ tâm quang tức là các thứ sự tướng, hoặc khởi khác lúc hoặc khởi cùng lúc. Khởi khác lúc là như tham quang, sân quang v.v... Khởi cùng lúc là như tín quang, tiến quang v.v... Vì quang thể phi thể nên không được pháp thật kia, nghĩa là nhiệm vị tâm số, tịnh vị tâm số đều chỉ có quang tướng không có quang thể. Cho nên Thế Tôn không nói kia là pháp chân thật.

Đã nói xong câu duy thức, tiếp nói câu các tướng.

Kệ nói:

*Sở tướng và năng tướng,
Tướng sai biệt như vậy,
Vì lợi ích chúng sinh,
Chư Phật khai thị hiện.*

Giải thích: Tướng có 2 thứ: một sở tướng, hai năng tướng. Kệ này nêu chung, các kệ khác giải thích riêng biệt.

Kệ nói:

*Chung và tâm và kiến,
Và vị, và không chuyển.
Lược nói sở tướng 5,
Nói rộng thì vô lượng.*

Giải thích: Chung và tâm và kiến và vị và không chuyển, nghĩa là có 5 sở tướng: 1. Sắc pháp. 2. Tâm pháp. 3. Tâm số pháp. 4. Bất tương ưng pháp. 5. Vô vi pháp. Kia chung là sắc pháp, tâm là thức pháp, kiến là tâm số pháp, vị là bất tương ưng pháp, không chuyển là vô vi pháp như hư không v.v... Lược nói sở tướng 5, nói rộng thì vô lượng, nghĩa là thức kia thường khởi 5 tướng như vậy. Năm sở tướng này là Thế Tôn lược nói. Nếu nói rộng thì có vô lượng sai biệt.

Đã nói xong các tướng của sở tướng, tiếp nói các tướng của năng tướng.

Kệ nói:

*Ý ngôn và tập quang,
Danh nghĩa với quang khởi,
Phi chân nên phân biệt,
Gọi là phân biệt tướng.*

Giải thích: Năng tướng lược nói có 3 thứ là phân biệt tướng, y tha tướng và chân thật tướng. Kệ này hiển thị phân biệt tướng. Tướng này lại có 3 thứ: 1. Hữu giác phân biệt tướng. 2. Vô giác phân biệt tướng. 3. Tướng nhân phân biệt tướng. Ý ngôn, là nghĩa tướng. Nghĩa tức là cảnh của tướng. Tướng tức tâm số. Do tướng này đối với nghĩa có thể hiểu được ý ngôn như vậy như vậy. Đó là hữu giác phân biệt tướng. Tập quang, tập là chủng tử của ý ngôn. Quang, là từ chủng tử kia trực tiếp khởi nghĩa quang, chưa thể hiểu được ý ngôn như vậy như vậy. Đó là vô giác phân biệt tướng. Danh nghĩa với quang khởi, là dựa vào danh khởi nghĩa, quang dựa vào nghĩa khởi gọi là cảnh giới của quang. Phi chân chỉ là phân biệt thế gian, như danh, như nghĩa. Đó là tướng nhân phân biệt tướng. Như vậy 3 thứ tướng này đều là phân biệt phi chân, Đó gọi là phân biệt tướng.

Kệ nói:

*Sở thủ và năng thủ,
Hai tướng đều 3 quang.
Vì phân biệt không chân,
Nên gọi y tha tướng.*

Giải thích: Kệ này hiển thị y tha tướng. Trong tướng này tự nó có tướng sở thủ và tướng năng thủ. Tướng sở thủ có 3 quang: cú quang, nghĩa quang và thân quang. Tướng năng thủ có 3 quang: ý quang, thụ quang và phân biệt quang. Ý, là thức nhiễm ô trong mọi lúc. Thụ, là 5 thức thân. Phân biệt, là ý thức. Ba quang của tướng sở thủ và 3 quang của tướng năng thủ, các quang ấy đều là phân biệt không chân. Đó là y tha tướng.

Kệ nói:

*Vô thể, thể, không hai,
Phi tịch tĩnh, tịch tĩnh,
Vì bởi vô phân biệt,
Nên gọi chân thật tướng.*

Giải thích: Kệ này hiển thị chân thật tướng. Chân thật, nghĩa là như. Tướng này có 3 thứ: một tự tướng, hai nhiễm tịnh tướng, ba vô phân biệt tướng. Vô thể, thể không hai, là chân thật tự tướng. Vô thể, nghĩa là tất cả các pháp chỉ là phân biệt. Thể, lấy vô thể làm thể. Không hai, vì thể và vô thể không khác. Phi tịch tĩnh tịch tĩnh, là chân thật nhiễm tịnh tướng. Phi tịch tĩnh, là vì do khách trần phiền não. Tịch tĩnh, là vì do tự tính thanh tịnh. Vì bởi vô phân biệt, là chân thật vô phân biệt tướng, bởi phân biệt không hành cảnh giới, vì không hý luận. Đã nói xong 3 thứ năng tướng.

Lại nữa Kệ nói:

*Phải biết 5 học cảnh,
Chính pháp và chính ức,
Tâm giới hữu phi hữu,
Thứ 5 nói chuyển y.*

Giải thích: Năng tướng kia lại có 5 thứ học cảnh: 1. Năng trì. 2. Sở trì. 3. Kính tượng. 4. Minh ngộ. 5. Chuyển y. Năng trì, là chính pháp Phật nói, do pháp này hành trì năng duyên kia. Sở trì, là chính ức niệm, do chính pháp sở trì. Kính tượng, là tâm giới. Do đặc định nên an tâm pháp giới như trước có nói đều thấy là danh, định tâm là kính pháp giới là tượng. Minh ngộ, là xuất thế gian tuệ. Tuệ này hữu thì như thật thấy hữu, phi hữu thì như thật thấy phi hữu. Hữu là pháp vô ngã. Phi hữu là ở đây thấy rõ năng thủ sở thủ. Chuyển y là:

Kệ nói:

*Thánh tính chứng bình đẳng,
Việc giải thoát cũng một.
Thắng thì có 5 nghĩa,
Không giảm cũng không tăng.*

Giải thích: Thánh tính chứng bình đẳng, việc giải thoát cũng một, nghĩa là Thánh tính là cõi vô lậu. Chứng bình đẳng, là chư Thánh đều được như nhau. Việc giải thoát cũng một, nghĩa là Thánh tính của chư Phật với Thanh văn Duyên Giác là bình đẳng do đồng giải thoát. Thắng hơn thì có 5 nghĩa không giảm cũng không tăng. Tuy Thánh tính bình đẳng, nhưng chư Phật vượt trội hơn cả tự có 5 nghĩa: 1. Thanh tịnh thắng, do lậu tập đều hết. 2. Phổ biến thắng, do cõi nước thông thông nhau và thanh tịnh. 3. Thân thắng, do thân là pháp thân. 4. Thụ dụng thắng, do chuyên pháp luân thụ dụng không dứt. 5. Nghiệp thắng, do trụ nơi trời Đâu-suất v.v... hiện các việc hóa độ lợi ích chúng sinh. Không giảm, là khi phần nhiễm giảm. Không tăng, là khi phần tịnh tăng. Năm thứ học địa này giống nhau vì pháp giải thoát sở tướng và 3 thứ pháp năng tướng.

Đã nói xong sở tướng năng tướng, tiếp nói cầu giải thoát.

Kệ nói:

*Như vậy chủng tử chuyển,
Cú, nghĩa, thân quang chuyển.
Gọi là cõi vô lậu,
Ba thừa đồng sở y.*

Giải thích: Như vậy chủng tử chuyển, nghĩa là vì thức A-lê-da chuyển. Cú, nghĩa, thân quang chuyển, nghĩa là vì các thức chuyển. Gọi là cõi vô lậu, nghĩa là vì giải thoát. Ba thừa đồng sở y, nghĩa là Thanh văn, Duyên Giác cùng Phật đồng y chỉ.

Kệ nói:

*Ý, thụ, phân biệt, chuyển,
Bốn thứ được tự tại.
Lần lượt vô phân biệt,
Cõi nước, trí và nghiệp.*

Giải thích: Ý thụ phân biệt chuyển, 4 thứ được tự tại, nghĩa là hoặc y hoặc thụ hoặc phân biệt, 3 quang này nếu chuyển liền được 4 thứ tự tại.

Hỏi: Những gì là 4?

Đáp: Lần lượt vô phân biệt, cõi nước, trí và nghiệp. Một, được vô phân biệt tự tại. Hai, được cõi nước tự tại. Ba, được trí tự tại. Bốn, được nghiệp tự tại.

Kệ nói:

*Phải biết 3 địa sau.
Có 4 thứ tự tại.
Bất động địa có hai,
Địa khác đều có một.*

Giải thích: Phải biết 3 địa sau có 4 thứ tự tại, là Bất động địa, Thiện tuệ địa và Pháp vân địa thành tựu 4 thứ tự tại kia. Bất động địa có hai, địa khác đều có một, là Bất động địa có thứ nhất vô phân biệt tự tại, thứ hai cõi nước tự tại, do vô công dụng vô phân biệt, do cõi nước thanh tịnh. Thiện tuệ địa có thứ ba trí tự tại, do được 4 biện thiện xảo thắng. Pháp vân địa có thứ tư nghiệp tự tại, do các thông nghiệp không chướng ngại.

Kệ nói:

*Ba cõi hai vô ngã,
Hiểu nhập chân duy thức.*

*Cũng không duy thức quang,
Lìa được là giải thoát.*

Giải thích: Lại có giải thoát môn khác. Ba cõi hai vô ngã, hiểu nhập chân duy thức, nghĩa là do biết 2 vô ngã làm phương tiện nên Bồ-tát trong 3 cõi phân biệt nhân pháp đều không có hữu thể cho nên là vô ngã. Biết như vậy rồi cũng không phải một mực hoàn toàn đều không có hữu thể, vì lấy tất cả các pháp là chân duy thức. Cũng không duy thức quang, lìa được là giải thoát, nghĩa là Bồ-tát bấy giờ an tâm duy thức. Thức quang cũng không tức được giải thoát. Bởi vì sao? Vì lìa hữu sở đắc bởi nhân pháp là không thể đắc.

Kệ nói:

*Năng trì sở trì tụ,
Quán nên chỉ có tên.
Tên quán chẳng thấy tên,
Không tên được giải thoát.*

Giải thích: Lại có giải thoát môn khác. Năng trì sở trì tụ, nghĩa là năng trì là pháp được nghe, sở trì là chính nghĩ nhớ, tụ là đủ phúc đức. Do sức tụ trước mà có sở trì. Quán nên chỉ có tên, nghĩa là vì chỉ có ngôn thuyết không có nghĩa. Lại nữa chỉ có tên, là vì duy thức. Lại nữa chỉ có tên, là vì 4 âm phi sắc. Quán tên chẳng thấy tên, không tên được giải thoát, nghĩa là quán cái tên sở quán cũng không thấy tên đó, vì nghĩa vô thể, vì không thấy thức, vì cũng không thấy 4 âm phi sắc. Như vậy tên cũng không thể đắc, vì lìa hữu sở đắc, nên gọi là giải thoát.

Kệ nói:

*Ngã kiến huân tập tâm,
Lưu chuyển trong các thú.
An tâm trụ ở trong,
Ngược dòng là giải thoát.*

Giải thích: Lại có môn giải thoát khác. Ngã kiến huân tập tâm lưu chuyển trong các thú, nghĩa là có 2 thú ngã kiến ngu muội tăng trưởng nên gọi là huân tập. Do huân tập này là nhân nên lưu chuyển sinh tử. An tâm trụ ở trong, ngược dòng là giải thoát, nghĩa là nếu biết sở duyên là không thể đắc, đặt tâm vào trong giữ không cho tán loạn tức ngược dòng sinh tử kia là giải thoát.

Đã nói xong về câu giải thoát, tiếp câu vô tự thể.

Kệ nói:

*Tự không và thể không,
Và bởi thể không trụ.
Nếu như chấp không thể,
Pháp thành không tự thể.*

Giải thích: Tự không và thể không, và bởi thể không trụ, nghĩa là: Tự không, là các pháp tự nhiên không, do không tự khởi. Không tự khởi vì tùy thuộc nhân duyên. Thể không, là các pháp đã diệt thì không khởi trở lại. Và bởi thể không trụ, nghĩa là hiện tại các pháp sát-na sát-na không dừng trụ. Ba thứ không tự thể này phổ biến trong tất cả tướng hữu vi. Nếu như chấp không thể, thì pháp thành không tự thể, nghĩa là như chỗ chấp trước là thật không tự thể, do tự thể không thể, nên các phạm phụ đối với tự thể, chấp trước thường lạc ngã tịnh. Như vậy tướng phân biệt khác cũng lại không thể. Cho nên tất cả các pháp thành không tự thể.

Kệ nói:

*Không tự thể nên thành,
Trước là sau y chỉ.
Không sinh cũng không diệt,
Vốn tĩnh tính Niết-bàn.*

Giải thích: Không tự thể nên thành trước là sau y chỉ, nghĩa là do trước vô tính nên lần lượt thành lập sau cũng vô tính.

Hỏi: Thế là thế nào?

Đáp: Không sinh cũng không diệt, tính Niết-bàn vốn vắng lặng. Nếu vô tính thì không sinh, nếu không sinh thì không diệt, nếu không diệt là bản lai vắng lặng, nếu bản lai vắng lặng là tự tính Niết-bàn. Như vậy cứ thứ tự trước là y chỉ của sau mà nghĩa này được thành.

Đã nói xong câu vô tự tính, tiếp nói câu vô sinh nhãn.

Kệ nói:

*Bản lai và chân thật,
Tướng khác và tự tướng,
Tự nhiên và không khác,
Nhiễm ô sai biệt tám.*

Giải thích: Có 8 thứ pháp không khởi gọi là vô sinh pháp nhãn: 1. Bản lai không khởi, do sinh tử phi hữu bản khởi. 2. Chân thật không khởi, do pháp không có trước sau khác, không có pháp khởi trước. 3. Tướng khác không khởi, do không phải chỗ giống cũ được khởi lại. 4. Tự tướng không khởi, do tính phân biệt rốt ráo không khởi. 5. Tự nhiên không khởi, do tự tính của tính y tha không khởi. 6. Không khác không khởi, do tính chân thật chẳng có thể khác khởi. 7. Nhiễm ô không khởi, do khi được tận trí các kiến nhiễm ô không khởi trở lại. 8. Sai biệt không khởi, do pháp thân chư Phật chẳng có sai biệt khởi. Tám pháp không khởi này gọi là vô sinh pháp nhãn.

Đã nói xong câu vô sinh nhãn, tiếp nói câu nhất thừa.

Kệ nói:

*Pháp vô ngã giải thoát,
Vị đồng, vị tính khác,
Được 2 ý biến hóa,
Cứu cánh nói nhất thừa.*

Giải thích: Trong đây có 8 ý Phật nói nhất thừa: 1. Vì pháp đồng. Nghĩa là những người Thanh Văn v.v... không có pháp giới khác, vì chỗ thú hướng giống nhau, cho nên nói nhất thừa. 2. Vì vô ngã đồng. Nghĩa là những người Thanh văn v.v... đồng một thể vô ngã, vì những người thú hướng giống nhau, cho nên nói nhất thừa. 3. Vì giải thoát đồng. Nghĩa là những người Thanh Văn đồng diệt hoặc chướng, do xuất ly giống nhau, cho nên nói nhất thừa. 4. Vì tính khác. Nghĩa là dẫn những người có tính 3 thừa bất định vào Đại thừa, cho nên nói nhất thừa. 5. Vì chư Phật được đồng tự ý. Nghĩa là chư Phật được ý như thế này, như sở đắc của ta, tất cả chúng sinh đồng đắc như ta, do ý này nên nói nhất thừa. 6. Vì ý Thanh Văn đắc tác Phật. nghĩa là các Thanh văn xưa khi hành Đại Bồ-đề tụ đã định tác Phật tính. Khi ấy được Phật khen, được thắng nhiếp, được tự biết tác Phật ý, do người ấy trước sau liên tục không sai biệt, cho nên nói nhất thừa. 7. Vì biến hóa. Nghĩa là Phật thị hiện Thanh Văn mà Bát-niết-bàn vì để giáo hóa. Cho nên như Phật tự nói: Ta vô lượng vô số dùng Thanh Văn thị hiện Niết-bàn. Do lia phương tiện này, lại không có phương tiện hóa độ người tiêu căn nhập Đại thừa nên thật lý chỉ có một, cho nên nói nhất thừa. 8. Vì cứu cánh. Nghĩa là đến Phật thể thì không còn chỗ đi đến nữa, cho nên nói nhất thừa. Như vậy nhiều nơi trong kinh lấy ý đây Phật nói nhất thừa mà cũng không phải không có tam thừa.

Hỏi: Nếu vậy lại còn có nghĩa gì dùng ý kia mà nói nhất thừa?

Kệ nói:

*Dẫn tiếp các Thanh Văn,
Nhiếp trụ các Bồ-tát.
Nơi đây 2 bất định,
Chư Phật nói nhất thừa.*

Giải thích: Các ý kia có 2 nghĩa: một là vì dẫn tiếp các Thanh Văn, hai là vì nhiếp trụ các Bồ-tát. Nếu các Thanh Văn không nhất

định trong thừa tính của mình, Phật vì họ dẫn tiếp khiến nhập Đại thừa, cho nên nói nhất thừa. Nếu các Bồ-tát không nhất định trong thừa tính của mình, Phật vì họ nhiếp trụ khiến không thoái lui Đại thừa, cho nên nói nhất thừa.

Kệ nói:

*Thanh Văn 2 bất định,
Thấy nghĩa, không thấy nghĩa.
Thấy nghĩa không đoạn ái,
Đoạn ái đều nhuyển căn.*

Giải thích: Thanh Văn bất định lại có 2 thứ: 1. Thấy nghĩa thừa, là những người thấy để lý phát Đại thừa. 2. Không thấy nghĩa thừa, là những người không thấy để lý phát Đại thừa.. Thấy nghĩa lại có 2 thứ: 1. Đoạn ái, là những người đã lìa dục ở cõi Dục. 2. Không đoạn ái, là những người chưa lìa dục ở cõi Dục. Trong đây 2 hạng người thấy nghĩa phải biết đầy đủ nhuyển phẩm vì do độn căn.

Kệ nói:

*Hai người được Thánh đạo,
Hồi hướng nơi các hữu.
Hồi hướng không nghĩ bàn,
Vì 2 sinh tương ưng.*

Giải thích: Như vậy thấy nghĩa đắc Thánh đạo 2 người có thể đem Thánh đạo hồi hướng các hữu tình. Hồi hướng như vậy gọi là bất tư nghị sinh, vì do đem Thánh đạo hồi hướng chúng sinh. Như vậy 2 người với 2 sinh tương ưng.

Hỏi: Những gì là 2 sinh?

Kệ nói:

*Nguyên lực và hóa lực,
Tùy ý muốn thụ sinh.*

*Nguyên lực không đoan ái,
Hóa trụ A-na-hàm.*

Giải thích: Hai sinh là nguyên tự tại sinh và hóa tự tại sinh. Người đầu là người chưa lia dục. Người sau là A-na-hàm.

Hỏi: Như 2 người này thế nào là nhuyển phẩm?

Kệ nói:

*Do hai ưa Niết-bàn,
Nên thường thường tự chán.
Hai đều nói độn đạo,
Lâu mới được Niết-bàn.*

Giải thích: Do 2 người này trước có tâm ưa tịch diệt hằng khởi tâm tự chán, cho nên đạo của họ là đạo chậm, do không thể mau chóng được vô thượng Bồ-đề.

Kệ nói:

*Người việc làm chưa xong,
Sinh thế giới không Phật.
Tu thiền để hóa thân,
Dần được Đại Bồ-đề.*

Giải thích: Người việc làm chưa xong, là người kiến đế, chưa đoan ái, chưa được quả A-la-hán. Người này sinh vào thế giới không có Phật. Sinh rồi tự mình có thể siêng tu các thiền định để biến hóa. Người này dựa vào biến hóa này dần dần lại được vô thượng Bồ-đề. Ba vị như vậy, như Phật nói trong Kinh Thắng Man, là Thanh Văn tiếp đến được Duyên Giác, sau được tác Phật. Như trong Đại Thí Dụ nói một là trước kiến đế vị, hai là sinh thời không có Phật tự có thể tu thiền bỏ sinh thân thụ hóa thân, ba là sẽ được vô thượng Bồ-đề.

Đã nói xong cầu nhất thừa, tiếp nói cầu minh xứ.

Kệ nói:

*Bồ-tát tập ngũ minh,
Nói chung cầu chủng trí.
Giải, phục, tín, trị, nhiếp,
Là 5,5 cầu riêng.*

Giải thích: Bồ-tát tập ngũ minh, nói chung vì cầu chủng trí. Có 5 minh xứ: 1. Nội minh. 2. Nhân minh. 3. Thanh minh. 4. Y minh. 5. Xảo minh. Bồ-tát học ngũ minh này ý chung là cầu nhất thiết chủng trí. Nếu không siêng tập ngũ minh không được nhất thiết chủng trí.

Hỏi: Ý riêng thì thế nào?

Đáp: Giải, phục, tín, trị, nhiếp là 5. Năm cầu riêng học theo thứ tự đó. Nội minh là học cầu tự giải. Nhân minh là học để hàng phục chấp của ngoại đạo. Thanh minh học để khiến người tin. Y minh là học để trị bệnh. Xảo minh là để thâm nhiếp tất cả chúng sinh. Đã nói xong cầu minh xứ, tiếp nói cầu trường dưỡng thiện căn như tác ý, mãn túc các Ba-la-mật. Tác ý này có 44 thứ. Bắt đầu là tác ý biết nhân cho đến sau cùng là tác ý biết ngã. Các tác ý này nay sẽ nói rõ.

Kệ nói:

*Tri nhân và niệm y,
Cộng quả với tín giải,
Bốn ý theo thứ tự,
Tu tập các thiện căn.*

Giải thích: Kệ này có 4 thứ tác ý: 1. Tác ý tri nhân. 2. Tác ý niệm y. 3. Tác ý cộng quả. 4. Tác ý tín giải. Bồ-tát đầu tiên trụ tính mà khởi ý niệm như thế này: Ta nay tự thấy tính Ba-la-mật biết có thể tăng trưởng, đó là tác ý biết nhân. Tiếp đến khởi ý niệm: Ta đã phát đại tâm, các Ba-la-mật quyết định sẽ được viên mãn. Bởi vì sao? Bởi đại tâm này làm y chỉ, đó gọi là tác ý về ý niệm và y chỉ. Tiếp đến khởi ý niệm: Ta đã phát tâm vì lợi ích mình và người siêng

tu các Ba-la-mật. Quả này nếu cùng chung thì xin nguyện nhận, nếu không chung với người thì nguyện không nhận, đó gọi là tác ý về quả chung. Tiếp đến khởi ý niệm: Ta nay khi siêng làm các hạnh tự lợi lợi tha phải thông đạt phương tiện Niết-bàn chân thật, như không nhiễm tam luân như quá khứ chư Phật đã từng liễu giải, vị lai chư Phật sẽ liễu giải, hiện trụ chư Phật liễu giải, ta đều chính tín, đó là tác ý về tin hiểu. Nên biết các tác ý sau cũng như vậy, thứ tự cũng vậy.

Kệ nói:

*Đắc hỷ có 4 thứ,
Hai ác không thể lui.
Phải biết tùy tu ý,
Đây lại có 4 thứ.*

Giải thích: Kệ này có 3 thứ tác ý: 1. Tác ý đắc hỷ. 2. Tác ý bất thoái. 3. Tác ý tùy tu. Bồ-tát tiếp đến khởi ý niệm như thế này: Ta nay tin hiểu các Ba-la-mật, được 4 thứ vui mừng là vui mừng vì chướng đoạn, vui mừng vì tụ viên mãn, vui mừng vì được tự tha 2 lợi, vui mừng vì được 2 quả y báo. Đó gọi là tác ý đắc hỷ. Tiếp đến khởi ý niệm rằng: Ta nay vì thành tựu tự tha Phật pháp, khi tu hành các Ba-la-mật tuy gặp người ác trái nghịch, việc ác quấy nhiễu, hoàn toàn không thoái tâm. Đó gọi là tác ý bất thoái. Tiếp đến khởi ý niệm: Ta nay vì được vô thượng Bồ-đề, trong các Ba-la-mật phải khởi 4 thứ tùy tu, như phải sám hối các chướng 6 Ba-la-mật, phải tùy hỷ các hạnh 6 Ba-la-mật, phải khuyến thỉnh nghĩa 6 Ba-la-mật, phải đem 6 Ba-la-mật hồi hướng vô thượng Bồ-đề. Đó là tác ý tùy tu.

Kệ nói:

*Tịnh tín và lãnh thụ,
Lạc thuyết với mặc giáp.
Khởi nguyện và hy vọng,
Phương tiện có 7 thứ.*

Giải thích: Kệ này có 7 thứ tác ý: 1. Tác ý tịnh tín. 2. Tác ý lãnh thụ. 3. Tác ý lạc thuyết. 4. Tác ý mặc giáp. 5. Tác ý khởi nguyện. 6. Tác ý hy vọng. 7. Tác ý phương tiện. Tiếp đến Bồ-tát khởi ý niệm như thế này: Ta nay đối với pháp nghĩa các Ba-la-mật phải duy trì sức tin sâu. Đó là tác ý tịnh tín. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay đối với pháp nghĩa các Ba-la-mật phải một mực khởi tâm cầu, không sinh phỉ báng. Đó là tác ý lãnh thụ. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay phải đem pháp nghĩa các Ba-la-mật khai thị người khác. Đó là tác ý lạc thuyết. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay phải khiến các Ba-la-mật đầy đủ khởi đại dũng mãnh. Đó gọi là tác ý mặc áo giáp. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay vì để đầy đủ các Ba-la-mật nguyện xin đầy đủ các duyên. Đó là tác ý khởi nguyện. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay cầu chính thành tựu duyên. Đó gọi là tác ý hy vọng. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay tư duy phương tiện trợ giúp các nghiệp Ba-la-mật. Đó là tác ý phương tiện. Trong đây các tác ý như tác ý mặc áo giáp, tác ý khởi nguyện, tác ý hy vọng, trong khi giáo thụ dạy dỗ cần phải phân biệt.

Kệ nói:

*Dũng mãnh và thương xót,
Như vậy 2 tác ý,
Phải biết 2 sai biệt,
Mỗi mỗi có 4 thứ.*

Giải thích: Kệ này có 2 thứ tác ý: tác ý dũng mãnh và tác ý thương xót. Hai thứ này đều có 4 thứ sai biệt. Bồ-tát tư duy phương tiện rồi, tiếp đến khởi ý niệm như thế này: Ta nay phải khởi 4 thứ dũng mãnh kiên cường để thành thực, để cúng dường, để gần gũi. Để kiên cường có 6 là tu 6 Ba-la-mật, như 6 thí cho đến 6 trí. Sáu thí là thí thí cho đến thí trí. Giới v.v... 6 thứ cũng như vậy. Để thành thực thì đem các Ba-la-mật làm phương tiện nhiếp vật thành thực chúng sinh. Để cúng dường thì lấy đàn làm cúng dường lợi ích, lấy giới v.v... làm cúng dường tu hành. Để gần gũi thì gần gũi không điên đảo dạy dỗ

giáo thụ người các Ba-la-mật. Đó gọi là tác ý dừng mãnh. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay nên khởi 4 tâm vô lượng, khi các Ba-la-mật hiện tiền phải khởi tâm từ, khi xan v.v... hiện tiền phải khởi tâm bi, khi các Ba-la-mật hiện tiền nơi người khác phải khởi tâm hỷ, khi người khác tin các Ba-la-mật phải khởi tâm không nhiễm. Đó là tác ý thương xót.

Kệ nói:

*Không hổ cũng không vui,
Và bởi tâm không khuất,
Tu trị và ngợi khen,
Đây lại là 5 thứ.*

Giải thích: Kệ này có 5 thứ tác ý: 1. Tác ý có hổ thẹn. 2. Tác ý có niềm vui. 3. Tác ý không khuất phục. 4. Tác ý tu trị. 5. Tác ý ngợi khen. Bồ-tát tiếp đến khởi ý niệm như thế này: Ta nay đối với các Ba-la-mật lười biếng, không làm, và làm sai phải rất sinh xấu hổ, phải chuyên đàn v.v... không chuyên. Đó là tác ý có xấu hổ. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta đối với cảnh giới sở duyên các Ba-la-mật phải giữ tâm không loạn. Đó là tác ý có niềm vui. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay đối với phương tiện làm thoái lui các Ba-la-mật phải tưởng như là oan gia. Đó là tác ý không khuất phục. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay đối với các luận tương ưng với các Ba-la-mật phải khéo tập hợp tu trị. Đó là tác ý tu trị. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay vì sinh hiểu khác, phải đúng căn khí, phải tán dương pháp nghĩa các Ba-la-mật. Đó là tác ý ngợi khen.

Kệ nói:

*Y độ được Bồ-đề,
Chẳng theo các Tự Tại.
Tội lỗi và công đức,
Cả hai đều nên biết.*

Giải thích: Kệ này có 2 tác ý: tác ý y độ và tác ý nên biết. Bồ-tát như trước đã ca ngợi rồi, tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay y chỉ vào các

Ba-la-mật được Đại Bồ-đề, chẳng phải dựa vào các trời Tự Tại. Đó là tác ý y độ. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay phải biết tội lỗi chướng các Ba-la-mật và công đức các Ba-la-mật. Đó là tác ý nên biết.

Kệ nói:

*Hỷ tập và kiến nghĩa,
Lạc cầu, cầu 4 thứ:
Bình đẳng, vô phân biệt,
Hiện trì, và đương duyên.*

Giải thích: Kệ này có 3 thứ tác ý: tác ý hỷ tập, tác ý kiến nghĩa, tác ý lạc cầu. Bồ-tát biết rồi, tiếp nghĩ rằng: Ta nay phải hoan hỷ tập hợp 2 nhóm phúc trí. Đó là tác ý hỷ tập. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay thấy tự tính các Ba-la-mật, có thể được lợi ích vô thượng Bồ-đề. Đó là tác ý kiến nghĩa. Tiếp đến nghĩ rằng: Nay thấy lợi này phải mong cầu 4 việc: 1. Mong cầu bình đẳng, tu chỉ quán cả hai. 2. Cầu vô phân biệt, vì tam luân thanh tịnh. 3. Cầu hiện trì, cầu gìn giữ có thể thành pháp nghĩa các độ. 4. Cầu đương duyên, cầu vị lai thành tựu duyên các độ. Đó gọi là tác ý lạc cầu.

Kệ nói:

*Bảy kiến phi hữu thủ,
Bốn thứ hy hữu tướng.
Ngược đây phi hy hữu,
Tướng này cũng có 4.*

Giải thích: Kệ này có 3 thứ tác ý: 1. Tác ý thấy phi hữu thủ. 2. Tác ý tướng hy hữu. 3. Tác ý phi hy hữu tướng. Bồ-tát lạc cầu rồi, tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay phải thấy 7 thứ phi hữu thủ: 1. Phi hữu là hữu phi hữu thủ. 2. Quá thật là phi thật phi hữu thủ. 3. Công đức là phi đức phi hữu thủ. 4. Phi thường là thường phi hữu thủ. 5. Phi lạc là lạc phi hữu thủ. 6. Phi ngã là ngã phi hữu thủ. 7. Tịch diệt là phi diệt phi hữu thủ. Như Lai vì đối trị 7 phi hữu thủ này, lần lượt nói không

v.v... Tam Tam-muội và nói 4 thứ pháp Ưu-đà-na. Đó gọi là tác ý thấy phi hữu thủ. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay đối với các Ba-la-mật phải khởi 4 tướng hy hữu, như là tướng vĩ đại, tướng rộng lớn, tướng không cầu trả ơn, tướng không kỳ vọng quả báo. Đó là tác ý tướng hy hữu. Tiếp đến nghĩ rằng: Ngược lại hy hữu này, đối với các Ba-la-mật cũng có 4 thứ tướng phi hy hữu, như là do các Ba-la-mật quảng đại nên có thể được vô thượng Bồ-đề, có thể trụ tự tha bình đẳng, có thể không cầu tất cả thế gian cúng dường, có thể không cầu quá các thế gian thắng thân thắng tài. Đó là tác ý phi hy hữu tướng.

Kệ nói:

*Lìa đọa chúng sinh biên,
Đại nghĩa và chuyển thí,
Cứu cánh và vô gián,
Như vậy có 5 thứ.*

Giải thích: Kệ này có 5 thứ tác ý: 1. Tác ý ly biên. 2. Tác ý đại nghĩa. 3. Tác ý chuyển thí. 4. Tác ý cứu cánh. 5. Tác ý vô gián. Bồ-tát tiếp đến khởi ý niệm rằng: Ta nay nên dùng các Ba-la-mật chuyển hóa tất cả chúng sinh. Đó là tác ý ly biên. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay nên dùng các Ba-la-mật rộng làm lợi ích tất cả chúng sinh. Đó là tác ý đại nghĩa. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay có bao nhiêu công đức Ba-la-mật nguyện thí tất cả chúng sinh. Đó là tác ý chuyển thí. Tiếp đến nghĩ rằng: Nguyện tất cả chúng sinh có các Ba-la-mật 3 nơi cứu cánh là Bồ-tát địa cứu cánh, Như Lai địa cứu cánh, lợi ích chúng sinh cứu cánh. Đó là tác ý cứu cánh. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nên tu tập các Ba-la-mật trong tất cả mọi thời không gián đoạn. Đó là tác ý vô gián.

Kệ nói:

*Phương tiện hằng tùy nhiếp,
Tâm trụ không điên đảo.
Khi thoái thì không vui,
Tiến thì sinh hoan hỷ.*

Giải thích: Kệ này có 3 thứ tác ý: 1. Tác ý tùy nhiếp. 2. Tác ý không vui. 3. Tác ý hoan hỷ. Bồ-tát tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay nên trụ tâm không điên đảo, đối với những tri kiến Phật thì dùng các Ba-la-mật hằng thời gìn giữ. Đó là tác ý tùy nhiếp. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay đối với những người thoái khuất Ba-la-mật không nên sinh tâm mừng vui. Đó là tác ý không vui. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay đối với những người tăng tiến các Ba-la-mật nên sinh tâm vui mừng. Đó là tác ý hoan hỷ.

Kệ nói:

*Tương tự không muốn tu,
Chân thật muốn tu tập.
Không theo và muốn được,
Muốn được có 2 thứ.*

Giải thích: Kệ này có 4 thứ tác ý: 1. Tác ý không muốn tu. 2. Tác ý muốn tu. 3. Tác ý không theo. 4. Tác ý muốn được. Bồ-tát tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay không nên tu tập các pháp tương tự Ba-la-mật. Đó là tác ý không muốn tu. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay phải siêng năng tu tập các pháp chân thật Ba-la-mật. Đó là tác ý muốn tu. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay phải đoạn trừ chướng ngại đối với các Ba-la-mật. Đó là tác ý không theo. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay đối với các Ba-la-mật muốn được thụ ký vị, muốn được quyết định địa. Đó là tác ý muốn được.

Kệ nói:

*Định làm hạnh vị lai,
Thường quán kia hạnh đủ.
Tin hiểu từ đệ nhất,
Biết thể là vô thượng.*

Giải thích: Kệ này có 3 thứ tác ý: 1. Tác ý định làm. 2. Tác ý quán kia. 3. Tác ý ta hơn. Bồ-tát tiếp đến nghĩ rằng: Ta thấy các nẻo thú

đòi sau, dùng trí phương tiện quyết định sẽ thực hành tất cả Ba-la-mật. Đó là tác ý định làm. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay nên quán 10 phương các đại Bồ-tát khi đầy đủ các Ba-la-mật, nguyện ta cũng được đầy đủ, vì đồng một việc. Đó là tác ý quán kia. Tiếp đến nghĩ rằng: Ta nay tự tin thực hành các Ba-la-mật, là bậc nhất hơn cả trong các hạnh. Bởi vì sao? Ta quán cái thể này không còn gì trên. Đó là tác ý ta hơn.

Kệ nói:

*Dem các tác ý này,
Tu tập trong các độ,
Bồ-tát trong mọi thời,
Thiện căn được viên mãn.*

Giải thích: Kệ này tổng kết các nghĩa trước.

Đã nói xong về trường dưỡng thiện căn, tiếp nói cầu pháp sai biệt.

Kệ nói:

*Cầu pháp là tăng trưởng,
Thượng ý và quảng đại,
Có chướng và không chướng,
Và dùng các thần thông,
Không thân và có thân,
Được thân và mãn thân,
Mạn nhiều và mạn ít,
Cùng với không có mạn.*

Giải thích: Cầu pháp có 13 thứ khác nhau: 1. Cầu tăng trưởng, là lấy sự nghe chính pháp tăng trưởng lòng tin. 2. Cầu thượng ý, là ở bên Phật thụ nhận dòng pháp. 3. Cầu quảng đại, là được thần thông Bồ-tát xa nghe pháp của chư Phật đầy đủ. 4. Cầu có chướng, là người mới tăng trưởng lòng tin. 5. Cầu không chướng, là người cầu thượng ý. 6. Cầu thân thông, là người cầu quảng đại. 7. Cầu không thân, là

văn tư tuệ không pháp thân. 8. Cầu có thân, là tu tuệ có đa văn chủng tử thân. 9. Cầu được thân, là sơ địa đến 7 địa. 10. Cầu mãn thân, là 8, 9, 10 địa. 11. Cầu nhiều mạn, là Tín hành địa. 12. Cầu ít mạn, là sơ thất địa. 13. Cầu không mạn, là 3 địa sau.

Đã nói xong các sai biệt của cầu pháp, tiếp nói nhân duyên cầu pháp.

Kệ nói:

*Vì sắc vì phi sắc,
Vì thông vì chính pháp,
Tướng tốt và bệnh lành,
Tự tại, nhân vô tận.*

Giải thích: Có 4 nhân duyên cầu pháp: 1. Vì sắc. 2. Vì phi sắc. 3. Vì thân thông. 4. Vì chính pháp. Vì sắc, là nhân tướng tốt. Vì phi sắc, là nhân diệt bệnh phiền não. Vì thân thông, là nhân tự tại. Vì chính pháp, là nhân vô tận. Như trong Kinh Phạm Thiên Hỏi Phật, có nói: Bồ-tát cầu pháp có đầy đủ 4 tướng: Một là tướng như báu vật, vì khó được. Hai là tướng như thuốc hay, vì có nghĩa trị bệnh. Ba là tướng như của cải vật chất, vì nghĩa không phân tán. Bốn tướng như Niết-bàn, vì nghĩa khổ diệt. Do pháp Phật là nhân trang nghiêm tướng hảo, nên tướng như báu vật. Do pháp Phật là nhân diệt bệnh phiền não, nên tướng như thuốc hay. Do pháp Phật là nhân của thân thông tự tại, nên tướng như của cải vật chất. Do pháp Phật là nhân của chính pháp vô tận, nên tướng như Niết-bàn.

Đã nói xong nhân duyên cầu pháp, tiếp nói phân biệt cầu xa lìa.

Kệ nói:

*Vô thể, thể, tăng, giảm,
Một, khác, tự, biệt tướng.
Như tên, như nghĩa, là
Có 10 thứ phân biệt.*

Giải thích: Có 10 thứ phân biệt: 1. Phân biệt vô thể. 2. Phân biệt hữu thể. 3. Phân biệt tăng ích. 4. Phân biệt tổn giảm. 5. Phân biệt một tướng. 6. Phân biệt khác tướng. 7. Phân biệt tự tướng. 8. Phân biệt biệt tướng. 9. Phân biệt như tên khởi nghĩa. 10. Phân biệt như nghĩa khởi tên. Trong Kinh Bát-nhã Ba-la-mật, vì khiến chư Bồ-tát xa lìa 10 thứ phân biệt này nên nói 10 thứ đối trị. Để đối trị phân biệt vô thể nên kinh nói có Bồ-tát, Bồ-tát. Để đối trị phân biệt hữu thể nên kinh nói không thấy có Bồ-tát v.v... Để đối trị phân biệt tăng ích nên kinh nói: “Xá-lợi-phất ! Tự tính của sắc là không”. Để đối trị phân biệt tổn giảm nên kinh nói chẳng phải sắc diệt không. Để đối trị phân biệt một tướng nên kinh nói như sắc không chẳng phải sắc. Để đối trị phân biệt khác tướng nên kinh nói không không khác sắc, sắc không khác không, không tức là sắc. Để đối trị phân biệt tự tướng nên kinh nói sắc này chỉ có tên. Để đối trị phân biệt biệt tướng nên kinh nói sắc không sinh không diệt chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh v.v... Để đối trị phân biệt như tên khởi nghĩa nên kinh nói tất cả tên không thể thấy, vì không thể thấy nên chấp tên như nghĩa.

Đã nói xong câu xa lìa phân biệt, tiếp nói câu pháp lớn.

Kệ nói:

*Bồ-tát thẳng dững mãinh,
Hai câu được chân thật.
Tùy thuận các thế gian,
Công đức đầy như biển.*

Giải thích: Câu pháp có 3 cái lớn: 1. Phương tiện lớn. Do tinh tiến cùng tốt cầu chân lý thế gian, chân lý đệ nhất nghĩa, chân thật không điên đảo. 2. Lợi tha lớn. Do làm nơi nương cậy cho thế gian, an trí vào đệ nhất nghĩa. 3. Tự lợi lớn. Do tất cả công đức đầy như biển.

Xong Phẩm Thuật cầu.

HẾT QUYỂN 5

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH

QUYỂN 6

Phẩm 13: HOẰNG PHÁP

Giải thích: Đã nói cầu pháp, tiếp phải đem pháp diễn nói cho người.

Kệ nói:

*Khó được lại không chắc,
Thương khổ hằng vui thí.
Huống đem pháp lợi đời,
Tăng trưởng cũng không hết.*

Giải thích: Kệ này trước ngăn sự keo kiệt đối với pháp thí. Khó được lại không chắc, là nói thân mạng tài sản. Thương khổ hằng vui thí, là Bồ-tát do từ bi còn có thể trong mọi thời bỏ 3 pháp không keo kiệt này thí cho chúng sinh khổ ách. Huống đem pháp lợi đời, tăng trưởng cũng vô tận, nghĩa là huống chi được đại pháp không khó mà sinh keo kiệt. Cho nên Bồ-tát nên đem pháp này rộng làm lợi ích thế gian. Bởi vì sao? Pháp được tăng trưởng cũng vô tận. Đã ngăn chặn sự keo kiệt pháp thí, tiếp nói lợi ích.

Kệ nói:

*Tự chứng không thể nói,
Dẫn vật nói pháp tính.*

*Pháp thân miệng tịch diệt,
Bi lưu như trần hút.*

Giải thích: Tự chúng không thể nói, dẫn vật nói pháp tính, nghĩa là Thế Tôn không nói pháp tự sở chúng, vì pháp đó là không thể nói. Vì để dẫn tiếp chúng sinh nên lại dùng phương tiện mà nói pháp tính.

Hỏi: Thế nào là phương tiện?

Đáp: Pháp thân miệng tịch diệt, từ bi lưu xuất như con trần hút. Nghĩa là chư Phật lấy pháp tính làm thân, tịch diệt làm miệng. Cự rộng thanh tịnh lia 2 chướng nên lấy đại từ bi lưu xuất giáo pháp ví như cái lưới dẫn tiếp chúng sinh. Ví như con trần lớn mở miệng rộng thu hút các vật, tất cả chư Phật thân khẩu từ bi đồng dẫn tiếp cũng vậy, vì rốt ráo đại bi vô tận.

Kệ nói:

*Kia tu đắc quả nên
Tu, nói, chẳng vô nghĩa.
Chỉ nghe và không nghe,
Tu, nói, là vô lý.*

Giải thích: Kia tu đắc quả nên tu, nói, chẳng phải vô nghĩa, nghĩa là chư Phật dùng phương tiện nói tự sở chúng dẫn tiếp thế gian, do năng hành, sức tu tự tại mà đắc quả. Cho nên kia tu và chỗ Phật nói không phải vô nghĩa. Chỉ nghe và không nghe, tu, nói là vô lý, nghĩa là nếu chỉ nghe pháp mà được thấy chân nghĩa, thì “tu” là không lợi ích. Nếu không nghe pháp mà tu được, thì “nói” là không lợi ích.

Đã nói lợi ích thuyết pháp, tiếp nói sai biệt của thuyết pháp.

Kệ nói:

*A-hàm nói, chúng nói,
Là miệng, sức thần thông.*

*Thần thông là tướng hảo,
Các sắc và hư không.*

Giải thích: Chư Bồ-tát thuyết pháp có 2 loại khác nhau: 1. A-hàm nói, tức dùng miệng nói. 2. Chứng nói, tức dùng sức thần thông nói. Sức thần thông nói lại có nhiều thứ, hoặc tướng hảo nói, hoặc cây rừng nói, hoặc nhạc khí nói, hoặc trong không trung nói.

Đã nói xong về cách nói pháp khác nhau, tiếp nói thành tựu của thuyết pháp.

Kệ nói:

*Vô úy và đoạn nghi,
Khiến tin và hiển thật.
Như vậy các Bồ-tát
Là thuyết pháp thành tựu.*

Giải thích: Các Bồ-tát thuyết pháp thành tựu do 4 nghĩa: 1. Vô úy. 2. Đoạn nghi. 3. Khiến tin. 4. Hiển thật. Như Kinh Vua Phạm Thiên Hỏi Phật, có nói: Bồ-tát đầy đủ 4 pháp thì có thể mở rộng đại pháp thí. Những gì là 4? 1. Nhiếp trị diệu pháp. 2. Tự tuệ minh tịnh. 3. Làm thiện nghiệp trọng phu. 4. Hiện thị niễm tịnh. Trong đó thứ nhất đa văn nên được vô úy. Thứ hai đa tuệ có thể đoạn nghi. Thứ ba không dựa danh lợi nên khiến người tin thụ. Thứ tư do thông đạt thể đế, đệ nhất nghĩa đế nên có thể hiển thị 2 thứ chân thật, là tướng niễm chân thật và tướng tịnh chân thật.

Kệ nói:

*Lời đẹp và lìa say,
Vô thoái, vô bất tận,
Nhiều thứ và tương ưng,
Khiến hiểu, phi câu lợi
Và lại khắp dạy dỗ,
Là thành tựu thuyết pháp.*

Giải thích: Lời đẹp, là khi người giận mắng không đem lời xấu đáp lại. Lìa say, có 2 thứ say: 1. Khi người khen ngợi thì say sưa ngây ngất. 2. Khi mình thành tựu thì say sưa ngây ngất. Nghĩa là nhà cửa, tài sản v.v... thành tựu sinh yêu thích. Lìa, là tâm diệt đối với 2 cái say này. Vô thoái, vì không lười biếng. Vô bất tận, là lìa sự keo kiệt đối với pháp, nói hết tất cả. Nhiều thứ, là không nói trùng lặp. Tương ưng, là không trái hiện, tỷ lượng. Khiến hiểu, là có thể hiểu chữ, câu. Phi cầu lợi, là không vì tài lợi mà khiến người tin. Khấp dạy dỗ, là dạy khắp 3 thừa. Đã nói thành tựu của thuyết pháp, tiếp nói ngôn ngữ thành tựu.

Kệ nói:

*Bất tế và điều hòa,
Thiện xảo và minh liễu,
Ứng cơ và lìa cầu,
Phân lượng và vô tận.*

Giải thích: Bất tế, là khắp đồ chúng. Điều hòa, là đẹp ý vừa lòng. Thiện xảo, là khai thị chữ, câu rõ ràng khiến dễ hiểu. Ứng cơ, là tùy nghi nói. Lìa cầu, là không vì cầu danh lợi mà nói. Phân lượng, là thích nghe không chán. Vô tận, là không cùng.

Đã nói xong thành tựu ngôn ngữ, tiếp nói thành tựu chữ.

Kệ nói:

*Nêu tên và giải nghĩa,
Tùy thừa và uyển chuyển,
Dễ hiểu mà ứng cơ,
Xuất ly mà tùy thuận.*

Giải thích: Nêu tên, là phù hợp các chữ, câu không trái kinh nghiêm. Giải nghĩa, là giải thích các chữ câu không nghịch lý. Tùy thừa, là các chữ, câu tùy theo mỗi thừa, không trái 3 thừa. Uyển chuyển, là tránh chữ, câu khó, không trái âm thanh. Dễ hiểu, là tập

hợp các chữ, câu được nghĩa dễ. Ứng cơ, là chữ, câu, ngắt câu tùy nghi thích ứng với sự việc. Xuất ly, là không ở nơi các chữ các câu mà hướng tới Niết-bàn. Tùy thuận, là chính hành các chữ các câu, tùy thuận 8 chi Thánh đạo.

Kệ nói:

*Bồ-tát thành tựu chữ,
Nghĩa như trước nên biết,
Thanh có 60 thứ,
Là nói việc Như Lai.*

Giải thích: Như Lai có 60 thứ âm thanh không thể nghĩ bàn. Như trong Kinh Phật Bí Mật có nói: Tịch tĩnh tuệ Như Lai đầy đủ 60 thứ thanh ngữ, như là nhận trách, nhu nhuyễn, khả ý, ý lạc, thanh tịnh như vậy cho đến nói rộng. Trong đây tiếng nhuận trách, là chúng sinh thiện căn có thể gìn giữ. Tiếng dịu dàng, là hiện tiền nghe pháp được tiếp xúc các niềm vui. Tiếng đẹp ý, là do ý nghĩa hay. Tiếng thích ý, là do chữ hay. Tiếng thanh tịnh, là do vô thượng xuất thế hậu đắc. Tiếng vô cầu, là do không tương ưng với các hoặc tập khí. Tiếng trong trẻo rõ ràng, là do chữ câu dễ hiểu. Tiếng có sức thiện, là do đầy đủ công đức, phá các ác tà kiến của ngoại đạo. Tiếng thích nghe, là vì tin thuận xuất ly. Tiếng không dứt, là vì tất cả ngoại đạo không thể đoạn dứt. Tiếng điều phục, là vì có thể đối trị tham v.v... các phiền não. Tiếng không kích thích, là vì phương tiện an lạc chế giới. Tiếng không rấp, là vì khiến người phạm giới được chính xuất. Tiếng khéo điều hòa, là vì giáo hóa dạy dỗ. Tiếng thuận tai, là vì đối trị loạn tâm. Tiếng thân dựa, là vì có thể dẫn Tam-ma-đề. Tiếng tâm rõ, là vì có thể dẫn Tì-bát-xá-na. Tiếng tâm vui, là vì khéo đoạn nghi. Tiếng sinh hỷ lạc, là vì quyết định đánh bạt tà. Tiếng không nhiệt não, là vì tin nhận không hối tiếc. Tiếng có thể giữ trí, là vì trí y chỉ thành tựu nhân của nghe. Tiếng không ẩn giấu, là vì không keo kiệt pháp mà nói. Tiếng khả ái, là vì khiến được quả

tự lợi. Tiếng khao khát, là vì người đã đắc quả rất nguyên ưa thích. Tiếng dạy bảo, là vì nói chính pháp bất tư nghị. Tiếng khiến hiểu, là vì nói chính pháp tư nghị. Tiếng tương ưng, là vì không trái kinh nghiệm. Tiếng hữu ích, là vì giảng dạy chỉ dẫn thích hợp. Tiếng không trùng lặp, là vì không nói suông. Tiếng sư tử, là vì ngoại đạo sợ hãi. Tiếng voi, là vì chấn động lớn. Tiếng sấm, là vì sâu nghe xa. Tiếng rỗng, là vì khiến tin thụ. Tiếng Khẩn-na-la, vì tiếng ca nhạc hay. Tiếng Ca-lăng-tần-già, vì âm vận trong trẻo. Tiếng Phạn, vì đi ra xa. Tiếng chim mạng mạng, vì mới được lành tốt mọi sự thành tựu. Tiếng vua trời, vì không dám trái. Tiếng trống trời, vì phá ma. Tiếng lìa kiêu mạn, vì khen chê không công cao. Tiếng nhập tất cả, vì nhập tất cả chủng tướng của Luận Tì-già-la. Tiếng lìa bất chính, vì nhớ không quên. Tiếng ứng thời, vì tất cả mọi thời khởi việc giáo hóa. Tiếng không xấu hổ, vì không dựa vào lợi dưỡng. Tiếng không sợ hãi, vì lìa xấu hổ. Tiếng hoan hỷ, vì nghe không chán. Tiếng tùy xả, vì khéo léo vào tất cả minh xứ. Tiếng bạn tốt, vì thành tựu lợi ích tất cả chúng sinh. Tiếng thường lưu xuất, vì liên tục không dứt. Tiếng trang nghiêm, vì hiển hiện các thứ. Tiếng mãn túc, vì một âm có vô lượng thanh thuyết pháp. Tiếng chúng sinh căn hỷ, vì một lời hiển hiện vô lượng nghĩa. Tiếng không chê bai, vì tin thuận chỗ lập nghĩa. Tiếng không tăng giảm, vì ứng thời lượng nói. Tiếng không vội gáp, vì không vội vã nói. Tiếng khắp tất cả, vì đồ chúng gần xa đều y chỉ. Tiếng thành tựu nhất thiết chủng, vì pháp nghĩa thế gian đều thí dụ khiến hiểu rõ.

Đã nói xong về thành tựu chữ, tiếp nói cái vĩ đại của thuyết pháp.

Kệ nói:

*Khai diễn và thi thiết,
Kiến lập và nêu chung.
Nói riêng và đoạn nghị,
Lược rộng đều khiến hiểu.*

Giải thích: Khai diễn, là diễn nói. Thi thiết, là các câu. Kiên lập, là khéo tương ứng. Như vậy là phân biệt khai thị, theo tuần tự nêu chung, nói riêng biệt, đoạn nghi, khiến nghĩa trở nên gần gũi dễ hiểu, làm cho người nghe lãnh thụ pháp được quyết định. Lược, nghĩa là nói một lần người lợi căn hiểu được liền. Rộng là nói nhiều lần khiến người độn căn thông thả hiểu được.

Kệ nói:

*Người nói, pháp được nói,
Người nhận: 3 luân tịnh.
Lại là 8 thứ lỗi,
Người nói tịnh phải biết.*

Giải thích: Người nói, pháp được nói, người nhận: 3 luân tịnh. Những gì là 3 luân? 1. Là người nói, tức chư Phật Bồ-tát. 2. Pháp được nói, tức nói chung tên, chữ v.v... các thứ. 3. Người nghe nhận, tức như trước nói người nói sơ lược hiểu được và người nói rộng nhiều lần mới hiểu. Lại là 8 thứ lỗi, người nói tịnh phải biết, nghĩa là người nói thanh tịnh phải biết là 8 thứ lỗi.

Hỏi: Tám thứ là gì?

Kệ nói:

*Lười biếng và không hiểu,
Cực tuyệt không khai nghĩa,
Và không đoạn trừ nghi,
Đoạn nghi không kiên cố,
Chán thoái và keo kiệt,
Như vậy 8 thứ lỗi,
Chư Phật không thể kia,
Nên thành vô thượng thuyết.*

Giải thích: Tám thứ lỗi là: 1. Lười biếng. 2. Không hiểu nghĩa. 3. Từ chối sự cầu thỉnh. 4. Không khai nghĩa. 5. Không đoạn nghi.

6. Đoạn nghi không quyết định. 7. Tâm thoái lui chán nản, không sẵn sàng nói trong mọi lúc. 8. Có tâm keo kiệt, không tận tình khai thị. Tất cả chư Phật đều xa lìa 8 lỗi như vậy. Cho nên được thành vô thượng thuyết pháp.

Đã nói xong cái vĩ đại của nói pháp, tiếp nói nghĩa thành tựu.

Kệ nói:

*Pháp này tùy thời thiện,
Sinh tín, hỷ, giác nhân.
Nghĩa đúng và lời hay,
Năng khai 4 phạm hạnh.*

Giải thích: Pháp này tùy thời thiện, sinh tín, giác, hỷ nhân, nghĩa là tùy thời thiện là sơ trung hậu thiện, như thứ tự khi văn tư tu là tín nhân, là hỷ nhân, là giác nhân. Là giác nhân, tức là định tâm quán sát đạo lý pháp này được trí như thật. Nghĩa đúng và lời hay, có thể khai mở 4 phạm hạnh, nghĩa là nghĩa đúng là thiện nghĩa và diệu nghĩa, vì tương ứng với thể đệ nhất nghĩa đế. Lời hay, là dễ nhận và dễ hiểu do văn nghĩa hiển rõ. Do đó có thể khai thị 4 thứ phạm hạnh.

Hỏi: Những gì là 4?

Kệ nói:

*Không cùng khác tương ứng,
Đủ đoạn hoặc 3 cõi.
Tự tính và vô cấu,
Là 4 thứ hạnh ấy.*

Giải thích: Bốn phạm hạnh là: 1. Độc. 2. Mãn. 3. Thanh. 4. Bạch. Không cùng khác tương ứng, là nghĩa của độc một mình. Do hạnh này không cùng đồng hành với ngoại đạo. Đủ đoạn hoặc 3 cõi, là nghĩa của mãn. Do hạnh này đủ đoạn phiền não 3 cõi. Tự tính, là nghĩa của thanh. Do hạnh này tự tính vô lậu tịnh. Vô cấu, là nghĩa

của bạch. Do hạnh này ở nơi thân lậu tận, chủng loại được vô cấu tịnh. Đã nói xong về thành tựu nghĩa của thuyết pháp, tiếp nói các tiết mục của thuyết pháp.

Kệ nói:

*Đó là tiết khiến nhập,
Tiết tướng, tiết đối trị,
Cùng với tiết bí mật,
Gọi là 4 tiết mục.*

Giải thích: Chư Phật nói pháp không lia 4 tiết mục: 1. Tiết khiến nhập. 2. Tiết tướng. 3. Tiết đối trị. 4. Tiết bí mật.

Hỏi: Bốn tiết này dựa vào nghĩa gì?

Kệ nói :

*Thanh Văn và tự tính,
Đoạn lỗi và lời sâu.
Lần lượt dựa 4 nghĩa,
Nói tiết có 4 thứ.*

Giải thích: Tiết khiến nhập, là phải biết dạy các Thanh Văn vào trong pháp nghĩa khiến được không sợ hãi, vì nói sắc v.v... là có. Tiết tướng, là phải biết trong phân biệt v.v... 3 tự tính là vô thể, là không khởi, vì nói tất cả pháp tự tính thanh tịnh. Tiết đối trị, là phải biết dựa vào việc đoạn các lỗi đối trị 8 thứ chướng. Như trong Đại thừa nói thụ trì 2 kệ được công đức ấy đều là đối trị nên nói. Đối trị này sau sẽ giải thích. Tiết bí mật, là phải biết dựa vào các câu nói ý sâu, do đảo câu nói lại mới được nghĩa. Như một bài kệ trong kinh Đại thừa nói: Không kiên cố, kiên cố. Khéo trụ nơi điên đảo. Bị phiền não quấy nhiễu. mau được Đại Bồ-đề. Trong tiết này, không kiên cố hiểu là kiên cố, nghĩa là không kiên cố tức tâm chúng sinh không loạn. Ở đây “không loạn” hiểu là “kiên cố”. Cái hiểu tối thắng này có thể được Bồ-đề. Loạn thì

tâm giống ruồi chấp trước kiên cố không thể đến được Bồ-đề. Đây là đệ nhất cú nghĩa. Khéo trụ nơi điên đảo, nghĩa là điên đảo là chấp thường lạc ngã tịnh. Nếu người có thể ở trong điên đảo mà hiểu được vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh, khéo trụ không thoái chuyển tức có thể mau được Bồ-đề, không vậy thì không được. Đây là đệ nhị cú nghĩa. Bị phiền não quấy nhiễu, nghĩa là thời gian dài lâu siêng tu các khổ hạnh khó làm, do cực nhọc mệt mỏi mới được Bồ-đề, không vậy thì không được. Đây là đệ tam cú nghĩa.

Đã nói tiết mục của thuyết pháp, tiếp nói đến ý thuyết pháp.

Kệ nói:

Bình đẳng và biệt nghĩa,

Biệt thời và biệt dục.

Y vào 4 ý đây,

Đó là chư Phật nói.

Giải thích: Chư Phật nói pháp không lia 4 ý: 1. Bình đẳng ý. 2. Biệt nghĩa ý. 3. Biệt thời ý. 4. Biệt dục ý.

Bình đẳng ý, là như Phật nói thuở xưa Phật Tì-bà-thi tức thân ta. Vì pháp thân không sai biệt. Nói như vậy là ý bình đẳng.

Biệt nghĩa ý, là như Phật nói tất cả các pháp không tự tính nên không sinh. Nói như vậy là ý nói với một nghĩa riêng khác.

Biệt thời ý, là như Phật nói nếu người nguyện thấy Phật A-di-đà, tất cả đều được vãng sinh. Đây là do một thời gian khác được sinh nên nói như vậy. Nói như vậy là ý nói vào một thời gian khác.

Biệt dục ý, là người kia có thiện căn như vậy, Như Lai có khi khen ngợi, có lúc chê trách do được chút ít thiện căn liền cho là đủ. Nói như vậy là nói với ý dục riêng khác.

Đã nói xong về ý của thuyết pháp, tiếp nói công đức thụ trì Đại thừa.

Kệ nói:

*Khinh Phật và khinh pháp,
Lười biếng thiếu tri túc,
Tham hành và mạn hành,
Hối hành cùng bất định.
Như vậy 8 thứ chướng,
Đại thừa nói đối trị.
Như vậy các chướng đoạn,
Là người nhập chính pháp.*

Giải thích: Hai kệ này hiển thị công đức đoạn chướng của Đại thừa. Tám chướng là: 1. Khinh Phật. 2. Khinh pháp. 3. Lười biếng. 4. Thiếu tri túc. 5. Tham. 6. Mạn. 7. Hối. 8. Bất định.

Để đối trị chướng khinh Phật, kinh Đại thừa nói: Thuở xưa Phật Tì-bà-thi tức thân ta đó. Để đối trị chướng khinh pháp, kinh Đại thừa nói: Ở nơi vô lượng hằng sa Phật tu hành Đại thừa mới được sinh giải. Để đối trị chướng lười biếng, kinh Đại thừa nói: Nếu có chúng sinh nguyện sinh cõi nước An lạc, tất cả sẽ được vãng sinh, xưng niệm danh hiệu Phật Vô Cấu Nguyệt Quang quyết định sẽ được thành Phật. Để đối trị chướng thiếu tri túc, kinh Đại thừa nói có nơi khen ngợi hạnh bố thí, có nơi chê trách hạnh bố thí v.v... Để đối trị chướng tham, kinh Đại thừa nói: Các cõi nước Phật cực diệu an lạc. Để đối trị chướng kiêu mạn, kinh Đại thừa nói có cõi Phật thành tựu tối thắng. Để đối trị chướng hối, kinh Đại thừa nói: Nếu có chúng sinh đối với Phật Bồ-đề khởi việc không nhiều ích được sinh đường nẻo thiện. Để đối trị chướng bất định, kinh Đại thừa nói: Chư Phật thụ ký Thanh Văn sẽ được thành Phật nói nhất thừa. Đó gọi là thụ trì Đại thừa được lia 8 chướng.

Kệ nói:

*Hoặc văn và hoặc nghĩa,
Hai kệ siêng thụ trì.*

Công đức đến mấy mươi,
 Gọi là người thắng tuệ.
 Giống thiện được viên mãn,
 Khi chết hoan hỷ thắng.
 Thọ sinh tùy ý muốn,
 Niệm sinh trí cũng thành.
 Đòi đòi hằng gặp Phật,
 Nghe pháp được tín tuệ.
 Xa lìa nơi 2 chướng,
 Mau thành đạo vô thượng.

Giải thích: Ba kệ này nói thụ trì Đại thừa nhóm họp được công đức. Công đức này có 10 thứ: 1. Thành tựu tất cả chủng tử thiện căn viên mãn y chỉ. 2. Khi lâm chung được niềm vui vô thượng. 3. Được tùy nguyện thọ sinh ở mọi nơi. 4. Ở tất cả nơi sinh được tự tính niệm sinh trí. 5. Nơi sinh hằng được gặp Phật. 6. Hằng ở bên Phật nghe pháp Đại thừa. 7. Thành tựu tín căn tăng thượng. 8. Thành tựu tuệ căn tăng thượng. 9. Được xa lìa hoặc trí 2 chướng. 10. Mau được thành tựu Bồ-đề vô thượng. Nếu có người đối với tất cả kinh điển Đại thừa, hoặc văn kinh, hoặc nghĩa cho đến một câu, chân chính siêng năng thụ trì thì được 10 công đức như vậy. Trong này, trong đời hiện tại được 2 công đức đầu tiên, trong đời vị lai được 8 thứ công đức khác dần dần tăng thắng.

Đã nói xong công đức thụ trì pháp, tiếp nói đến công đức thuyết pháp.

Kệ nói:

Tuệ thiện và bất thoái,
 Đại bi tiếng khen xa.
 Khéo léo nói các pháp,
 Như nhật chiếu thế gian.

Giải thích: Nếu các Bồ-tát đầy đủ 5 nhân thì gọi là giỏi thuyết pháp: 1. Nói không điên đảo, do tuệ thiện. 2. Thường xuyên nói, do không thoái lui. 3. Nói không cầu mong gì khác, do đại bi. 4. Nói để khiến tin, do tiếng khen xa. 5. Tùy cơ nói, do phương tiện khéo léo. Do 5 nhân này có thể nói pháp tốt, dắt dẫn chúng sinh nhiều đời cung kính, ví như mặt trời lên chiếu sáng thế gian.

Xong Phẩm Hoằng pháp.

Phẩm 14: TÙY TU

Giải thích: Đã nói Bồ-tát, tiếp nói Bồ-tát tùy pháp tu hành. Trong đây tùy tu có biết nghĩa, có biết pháp, có tùy pháp, có đồng đức, có tùy hành. Nay sẽ tuần tự nói rõ.

Kệ nói:

*Nơi biết 2 vô ngã,
Nơi 3 lìa tà chính.
Bồ-tát hiểu như vậy,
Gọi là người biết nghĩa.*

Giải thích: Kệ này nói rõ Bồ-tát biết nghĩa. Nơi biết 2 vô ngã, là biết 2 thứ nhân pháp là vô ngã, vì biết năng thủ sở thủ không có hữu thể. Nơi 3 lìa tà chính, nghĩa là 3 là 3 thứ Tam-muội, tức không, vô tướng, vô nguyện. Do không Tam-muội biết không có hữu thể, vì hiểu là tính phân biệt. Do vô tướng, vô nguyện Tam-muội biết không có tự thể, vì hiểu là tính y tha, chân thật. Lìa tà chính, nghĩa là 3 Tam-muội đây dẫn xuất thế trí nên không tà, là thế gian nên không chính. Bồ-tát hiểu như vậy gọi là người biết nghĩa. Nếu Bồ-tát biết 2 thứ nhân pháp vô ngã, có thể biết 3 thứ Tam-muội, lìa tà lìa chính. Đây tức là biết nghĩa.

Kệ nói:

*Như vậy biết nghĩa rồi,
Biết pháp cũng như bè.*

*Nghe pháp không nên mừng,
Xả pháp là biết pháp.*

Giải thích: Kệ này nói rõ Bồ-tát biết pháp. Sơ học Bồ-tát biết nghĩa rồi, tiếp đến phải biết pháp. Nghĩa là có thể biết kinh pháp Tu-đà-la v.v... ví dụ như bè qua sông, không nên chỉ nghe suông mà sinh hoan hỷ. Bởi vì sao? Vì pháp ấy phải xả, ví như chiếc bè vậy. Đó gọi là biết pháp.

Kệ nói:

*Phàm phu có 2 trí,
Tức thông 2 vô ngã.
Đề thành tựu trí kia,
Nên nói tùy pháp hành.*

Giải thích: Kệ này nói Bồ-tát tùy pháp. Phàm phu có 2 trí là trí biết nghĩa và trí biết pháp. Tức thông 2 vô ngã, nghĩa là do 2 trí này nên cũng có thể thông đạt 2 thứ nhân pháp 2 thứ vô ngã. Đề thành tựu trí kia nên nói tùy pháp hành, nghĩa là Bồ-tát vì thành tựu 2 thứ trí kia nên theo chỗ thuyết pháp tùy thuận tu hành. Đó gọi là tùy pháp.

Kệ nói:

*Khi thành tựu trí kia,
Xuất thế gian vô thượng.
Tất cả người sơ địa,
Chỗ được đều đồng đắc.*

Giải thích: Kệ này nói chỗ đồng chứng đắc của Bồ-tát. Khi thành tựu trí kia, xuất thế gian vô thượng, nghĩa là do thể của trí kia là tối thắng, nên sơ địa gọi là Hoan hỷ địa. Đó là sở đắc công đức của tất cả Bồ-tát trụ Hoan hỷ địa, vì những người mới nhập địa cũng đều được như vậy.

Kệ nói:

*Người kiến đạo diệt hoặc,
Tất cả đều đã hết.
Thứ lớp tu các địa,
Là để đoạn trừ chướng.
Ở trong các địa này,
Kiến lập vô phân biệt.
Thứ tự vô gián khởi,
Như vậy nói tùy hành.*

Giải thích: Kệ này nói Bồ-tát tùy hành. Trong đây kiến đạo diệt phiền não khi nhập sơ địa tất cả đều hết. Cho nên tu tập các địa khác chỉ để đoạn trừ trí chướng. Nhưng ở các địa có 2 trí: một là vô phân biệt trí, hai là địa kiến lập trí. Bồ-tát nếu ở trong chính quán, trong mỗi sát-na được pháp như vậy mà không phân biệt. Đó gọi là vô phân biệt trí. Bồ-tát sau khi xuất quán phân biệt trong quán được phần số pháp như vậy như vậy. Đó gọi là địa kiến lập trí. Hai trí này không được khởi cùng một lúc và xen khởi trong các pháp khác, hằng hành không gián đoạn gọi là Bồ-tát tùy hành. Bồ-tát có thể tùy hành như vậy có 4 thứ bất phóng dật luân: 1. Thắng độ luân. 2. Thiện nhân luân. 3. Tự chính luân. 4. Tiên phúc luân. Như vậy 4 luân này sẽ tuần tự nói.

Kệ nói:

*Dễ cầu, bảo hộ tốt,
Đất lành và bạn lành.
Vắng lặng thắng độ này,
Bồ-tát tức vắng sinh.*

Giải thích: Kệ này nói rõ thắng độ luân. Cõi nước thù thắng có 5 nhân duyên: 1. Dễ cầu. nghĩa là 4 việc cung cấp cho thân không khó được. 2. Bảo hộ tốt. Nghĩa là quốc vương đúng như luật pháp

không cho người ác và trộm cắp giặc giã không được ở trong nước.
 3. Đất lành. Xứ sở điều hòa không dịch bệnh. 4. Bạn lành. Nghĩa là bạn cùng giữ giới luật đồng kiến giải. 5. Vắng lặng. Nghĩa là ban ngày không ồn ào, ban đêm yên lặng.

Kệ nói:

*Đa văn và kiến đế,
 Khéo nói và thương xót.
 Đáng trọng phu không thoái,
 Bô-tát thắng y chỉ.*

Giải thích: Kệ này nói rõ thiện nhân luân. Người thiện cũng đủ 5 nhân duyên: 1. Đa văn, vì thành tựu A-hàm. 2. Kiến đế, vì đắc Thánh quả. 3. Khéo nói, vì có thể phân biệt pháp. 4. Thương xót, vì không tham lợi. 5. Không thoái, vì không mệt mỏi.

Kệ nói

*Thiện duyên và thiện tự,
 Thiện tu và thiện thuyết.
 Thiện xuất, 5 thứ này,
 Gọi là tự chính thắng.*

Giải thích: Kệ này nói rõ tự chính luân. Tự chính cũng đủ 5 nhân duyên: 1. Thiện duyên, diệu pháp là thiện duyên. 2. Thiện tự, là phúc trí đầy đủ. 3. Thiện tu, là tu khi chỉ quán tương ưng. 4. Thiện thuyết, là vì không cầu lợi. 5. Thiện xuất, là cung kính tu các thượng pháp.

Kệ nói:

*Khả lạc và không khó,
 Không bệnh và tịch tĩnh,
 Quán sát, 5 thứ này,
 Vì trước trồng thiện căn.*

Giải thích: Kệ này thuyết minh về tiên phúc luân. Phúc đời trước cũng đủ 5 nhân duyên: 1. Khả lạc. 2. Không khó. 3. Không bệnh. 4. Tam-muội. 5. Trí tuệ. Việc thứ nhất do ở cõi thù thắng làm nhân. Việc thứ hai do gặp người thiện làm nhân. Ba việc sau do chính thành tựu làm nhân.

Đã nói xong 4 thứ bất phóng dật luân, tiếp nói phiền não xuất phiền não.

Kệ nói :

*Xa lìa nơi pháp giới,
Không có pháp tham riêng.
Cho nên chư Phật nói
Tham xuất tham, đều vậy.*

Giải thích: Như Phật trước có nói: Ta không nói có pháp khác tham có thể xuất phát từ tham, san si cũng vậy. Bởi lìa pháp giới thì không có cái thể nào riêng khác. Cho nên tính của pháp tham v.v... được gọi tên là tham v.v... Đây nói tính của pháp tham v.v... có thể xuất phát ra tham v.v... nghĩa này là chỉ thú của kinh.

Kệ nói:

*Do lìa ngoài pháp tính
Không có pháp riêng khác.
Cho nên nói như vậy,
Phiền não tức Bồ-đề.*

Giải thích: Như trong kinh nói vô minh với Bồ-đề đồng là một. Đây gọi là pháp tính vô minh lập ra tên Bồ-đề. Nghĩa này là chỉ thú của kinh.

Kệ nói:

*Nơi tham khởi chính tu,
Nơi tham được giải thoát.*

*Nên nói tham xuất tham,
Sân, si xuất cũng vậy.*

Giải thích: Nếu người từ nơi tham khởi chính tu quán sát, như vậy biết mình được giải thoát nơi tham. Cho nên nói dùng tham mà xuất ly khỏi tham. Xuất ly sân si cũng vậy.

Đã nói xong phiền não xuất phiền não, tiếp nói xa lìa tâm nhị thừa.

Kệ nói:

*Bồ-tát nơi địa ngục,
Vì vật không từ khổ.
Xả hữu, phát tiểu tâm,
Khổ này là dữ dội.*

Giải thích: Bồ-tát từ bi vì chúng sinh vào địa ngục không từ khổ thống. Nếu công đức diệt tam hữu mà khởi tâm Tiểu thừa, Bồ-tát lấy đây làm nỗi khổ rất nặng.

Hỏi: Nghĩa này như thế nào?

Kệ nói:

*Tuy hằng ở địa ngục,
Không chướng Đại Bồ-đề.
Nếu khởi tâm tự lợi,
Là chướng Đại Bồ-đề.*

Giải thích: Bồ-tát tuy vì chúng sinh thời gian dài nhập đại địa ngục không lấy làm khổ. Bởi vì sao? Vì đối với Bồ-đề quảng đại thanh tịnh không bị chướng. Nếu có tâm khởi thừa khác chấp vui Niết-bàn mới là khổ lớn. Bởi vì sao? Vì nó chướng ngại với vui trụ Đại thừa. Kệ này làm rõ nghĩa của kệ trước.

Đã nói ngăn tâm nhị thừa, tiếp nói ngăn tâm sợ hãi.

Kệ nói:

*Vô thể và khả đắc,
Việc này giống như huyễn.
Tĩnh tịnh và vô cầu,
Việc này là như không.*

Giải thích: Vô thể và khả đắc, việc này giống như huyễn, nghĩa là tất cả các pháp không có tự tính, nên nói là vô thể, mà lại thấy có tướng mạo hiển hiện, cho nên nói là khả đắc. Những người phạm phu đối 2 chỗ này sinh sợ hãi là không nên. Bởi vì sao? Vì huyễn ảo là tương tự, ví như ảo hóa v.v... không có hữu thể mà hiển hiện có thể thấy được. Cái khả đắc của các pháp vô thể cũng như vậy. Cho nên đối với 2 chỗ này không nên sợ hãi. Tĩnh tịnh với vô cầu, việc này là như không, nghĩa là pháp giới bản lai thanh tịnh nên nói là tĩnh tịnh. Về sau lia khách trần được thanh tịnh nên nói là vô cầu. Các phạm phu đối với 2 chỗ này cùng sinh sợ hãi là không nên. Bởi vì sao? Vì tương tự như không. Ví như hư không bản tính thanh tịnh. Về sau cũng nói lia khách trần được thanh tịnh. Tĩnh tịnh và vô cầu của pháp giới cũng như vậy. Cho nên đối với 2 chỗ này không nên sợ hãi. Lại nữa cũng có thí dụ tương tự người thợ vẽ, có thể ngăn chặn 2 sự sợ hãi trước.

Kệ nói:

*Ví như người thợ vẽ,
Bằng phẳng vẽ lời lõm.
Do hư vọng phân biệt,
Không, thấy có năng sở.*

Giải thích: Ví như người thợ vẽ giỏi có thể vẽ nơi bức tường bằng phẳng thành tướng lời lõm, thật sự không có cao thấp lời lõm mà thấy có cao thấp lời lõm. Không chân phân biệt cũng như vậy, nơi pháp giới bình đẳng không 2 tướng mà thường thấy có 2 tướng năng

sở, cho nên không nên sợ hãi. Trong đây tương tự cũng có thí dụ với nước, có thể ngăn chặn 2 sợ hãi sau.

Kệ nói:

*Như nước trong bị đục,
Trừ bản trở lại trong.
Tâm thanh tịnh cũng vậy,
Chỉ cần lìa khách trần.*

Giải thích: Ví như nước trong , bản vào thành đục. Sau nếu trong là chỉ trừ bản. Cái trong treo không phải từ ngoài đến mà bản tính là trong treo. Cho nên tâm phương tiện tịnh cũng như vậy. Tâm tính vốn sạch, vì khách trần nên nhiễm. Về sau thanh tịnh là do trừ khách trần. Cái sạch không phải từ ngoài đến mà bản tính là sạch. Cho nên không nên sợ hãi.

Kệ nói:

*Đã nói tâm tính tịnh,
Mà bị khách trần nhiễm.
Không lìa tâm chân như,
Riêng có tâm tính tịnh.*

Giải thích: Ví như tính nước tự trong mà bị khách trần làm đục. Cũng vậy tâm tính tự tịnh mà bị khách trần làm nhiễm. Nghĩa này đã thành. Do nghĩa này nên không lìa chân như của tâm riêng có một tâm khác, gọi tướng y tha là tự tính thanh tịnh. Trong đây phải biết rằng nói tâm chân như, gọi đó là tâm. Tức nói cái tâm này là tự tính thanh tịnh. Tâm này tức là thức A-ma-la.

Đã ngăn chặn sự sợ hãi, tiếp ngăn chặn tội tham.

Kệ nói:

*Bồ-tát nghĩ chúng sinh,
Yêu đến tận xương tủy,*

*Hằng thời làm lợi ích,
Vì đũa con duy nhất.*

Giải thích: Chư Bồ-tát yêu chúng sinh, đây gọi là tham. Ngoài ra như kệ nói.

Kệ nói:

*Do ý lợi quần sinh,
Khởi tham không đắc tội.
Nhưng giận thì trái kia,
Vì muốn tổn người khác.*

Giải thích: Nếu bảo Bồ-tát yêu các chúng sinh khởi tham là tội thì đây không phải nghĩa như vậy. Bởi vì sao? Vì cái tham này là nguyên nhân hằng làm lợi ích chúng sinh.

Kệ nói:

*Như bồ câu thương con,
Chăm sóc và che chở,
Người có tâm từ bi,
Yêu chúng sinh cũng vậy.*

Giải thích: Ví như chim bồ câu hết sức thương yêu con, Bồ-tát nhiều từ bi ái hộ chúng sinh cũng vậy.

Kệ nói:

*Tâm từ trái tâm giận,
Dứt khổ khổ tâm nghịch.
Lợi nghịch không lợi,
Không sợ trái tâm sợ.*

Giải thích: Bồ-tát đối với chúng sinh do có tâm từ nên trái nghịch với tâm giận. Do có tâm dứt khổ nên trái với tâm gây khổ. Do có tâm lợi ích nên trái với tâm không lợi. Do có tâm không sợ hãi nên trái với tâm gây sợ hãi. Cho nên Bồ-tát khởi tâm tham

như thế là không gọi là tội. Đã ngăn tội tham, tiếp nói các tu hành sai biệt.

*Với sinh tử tu hành,
Như bệnh uống thuốc đắng.
Với chúng sinh tu hành,
Như thầy thuốc chữa bệnh.
Với tự tâm tu hành,
Như điều khiển người dõ.
Với dục trần tu hành,
Như khách buôn lão luyện.
Với 3 nghiệp tu hành,
Như người khéo giặt áo.
Khéo tu không hại người,
Như cha hiền thương con.
Khéo thực hành tu tập,
Như dùi cây lấy lửa.
Khéo thực hành Tam-muội,
Như tiền với người tin.
Khéo tu hành Bát-nhã,
Như ảo thuật biết thuật.
Đó là các Bồ-tát,
Tu hành các cảnh giới.*

Giải thích: Các Bồ-tát tu hành có 9 thứ sai biệt: 1. Tu hành đối với sinh tử, ví như người bệnh uống thuốc đắng, chỉ vì lành bệnh không sinh tham nhiễm. Bồ-tát cũng vậy, gần gũi sinh tử chỉ vì suy nghĩ khích lệ không vì nhiễm trước. 2. Tu hành đối với chúng sinh ví như thầy thuốc gần gũi bệnh nhân. Bồ-tát cũng vậy, vì từ bi không bỏ chúng sinh bệnh khổ phiền não. 3. Tu hành đối với tự tâm ví như người chủ có trí khéo điều khiển người làm chưa thành thạo. Bồ-tát cũng vậy, khéo điều phục tâm chưa điều phục. 4. Tu hành đối với dục

trần, ví như khách buôn buôn bán giỏi. Bồ-tát cũng vậy, đối với bố thí v.v... các Ba-la-mật tăng trưởng của cái. 5. Tu hành 3 nghiệp, ví như người thợ giặt áo khéo trừ các vết bẩn. Bồ-tát cũng vậy, tu trị 3 nghiệp làm cho thanh tịnh. 6. Tu hành không nào hại chúng sinh, ví như cha hiền yêu thương con nhỏ, tuy vậy bản cũng không gớm. Bồ-tát cũng vậy, chúng sinh làm suy tổn cũng không hề giận buồn. 7. Thực hành các tu tập, ví như dùi cây lấy lửa, chưa thấy lửa không ngừng tay. Bồ-tát cũng vậy tu tập thiện pháp chưa hề có tâm gián đoạn. 8. Khéo tu Tam-muội, ví như bỏ tiền ra cho người đáng tin cậy ngay ngày sinh lợi. Bồ-tát cũng vậy, tu tập các định không loạn không mê muội công đức tăng trưởng. 9. Khéo tu Bát-nhã, ví như nhà ảo thuật biết các trò ảo thuật là không thật. Bồ-tát cũng vậy, đối với các pháp quán được không điên đảo. Đó gọi là Bồ-tát tu hành sai biệt.

Đã nói xong tu hành sai biệt, tiếp nói tam luân thanh tịnh.

Kệ nói:

*Thường siêng đại tinh tiến,
Thục 2 khiến thanh tịnh.
Tịnh giác vô phân biệt,
Dần dần được Bồ-đề.*

Giải thích: Thường siêng năng đại tinh tiến, thục 2 khiến thanh tịnh, nghĩa là Bồ-tát dùng sức đại tinh tiến siêng thực hành tự tha 2 lợi. Cho nên chúng sinh và chính mình đều được thành thục, vì vậy gọi là thanh tịnh. Tịnh giác vô phân biệt, dần dần được Bồ-đề, nghĩa là pháp vô ngã trí. Trí này không phân biệt 3 luân là người tu, sở tu và chính tu, nên được thanh tịnh. Do thanh tịnh này dần dần được thành vô thượng Bồ-đề.

Xong Phẩm Tùy tu.

HẾT QUYỂN 6

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH

QUYÊN 7

Phẩm 15: GIÁO THỤ

Giải thích: Đã nói BỒ-tát tùy tu, tiếp nói Như Lai giáo thụ.

Kệ nói:

*Tu hết một tăng-kì,
Tin dài lâu tăng thượng.
Các thiện theo tín nhóm,
Cũng đủ như biển đầy.*

Giải thích: Tu hành hết một A-tăng-kì, dài lâu khiến tin tăng thượng, nghĩa là nếu các hạnh BỒ-tát tu hành hết một kiếp A-tăng-kì, bấy giờ trưởng dưỡng nơi tín mới đến thượng phẩm.

Hỏi: Chỉ riêng tín tăng ư?

Đáp: Các thiện theo tín nhóm cũng đủ như biển đầy, nghĩa là khi nơi tín tăng tất cả các thiện theo tín nhóm hợp cũng được đầy đủ như nước biển lớn trong tròng đầy đủ.

Kệ nói:

*Tụ tập phúc đức rồi,
Phật tử tối sơ tịnh.
Cực trí và nhuyển tâm,
Siêng tu các chính hạnh.*

Giải thích: Tu tập phúc đức rồi, nghĩa là như trước đã nói tụ tập. Phật tử tối sơ tịnh, nghĩa là khiến giữ gìn thanh tịnh và có tri kiến chính trực nơi Đại thừa, không lấy nghĩa điên đảo. Cực trí, là vì được đa văn. Nhuyễn tâm, là vì lia các chướng. Siêng tu các chính hạnh, là vì có khả năng kham nổi.

Kệ nói:

*Từ sau nhờ chư Phật,
Pháp truyền mà dạy dỗ.
Tăng ích trí tịch tĩnh,
Tiến đến Đại thừa rộng.*

Giải thích: Từ sau nhờ chư Phật, giáo pháp lưu truyền mà dạy dỗ, nghĩa là chư Bồ-tát từ đây về sau mong nhờ chư Phật Như Lai nói giáo pháp các Tu-đa-la, như nói Kinh Thập Địa. Tăng ích trí tịch tĩnh, tiến đến Đại thừa rộng, nghĩa là Bồ-tát này nếu được dạy dỗ thì tăng ích trí Xa-ma-tha, đối với Đại thừa rộng lớn có thể tiến tu. Như vậy được giáo thụ rồi, tiếp khởi 6 thứ tâm.

Kệ nói:

*Tướng danh và liễu cú,
Tur nghĩa và nghĩa tri,
Pháp tổng và nghĩa cầu,
Sáu tâm tuần tự khởi.*

Giải thích: Sáu tâm là: 1. Tâm căn bản. 2. Tâm tùy hành. 3. Tâm quán sát. 4. Tâm thật giải. 5. Tâm tổng tụ. 6. Tâm hy vọng.

Tướng danh, là tâm căn bản. Ban đầu quán sát các pháp trong Tu-đa-la không thấy có 2 nghĩa, chỉ có nhóm các tướng và tên gọi mà thôi. Liễu cú, là tâm tùy hành. Tiếp đến tùy theo các câu, quyết định rõ sự sai biệt và thư tự. Tur nghĩa, là tâm quán sát. Tiếp đến tư duy đúng đắn trong nghĩa của nó. Nghĩa tri, là tâm thật giải. Biết như thật nghĩa của tư duy ấy. Pháp tổng, là tâm tổng tụ. Tụ hợp các pháp

trước rồi quán sát chung. Nghĩa cầu, là tâm hy vọng. Cầu được nghĩa và ý thú. Như vậy khởi 6 tâm rồi, tiếp khởi 11 thứ tác ý.

Kệ nói:

*Có cầu và có ý,
 Một vị với chỉ đạo.
 Quán đạo và 2 đũa,
 Bạt trầm và ngăn trạo.
 Chính trụ và vô gián,
 Ở trong cũng tôn trọng.
 Đặt tâm tất cả duyên,
 Tác ý có 11.*

Giải thích: Mười một thứ tác ý là: 1. Tác ý có giác có quán. 2. Tác ý không giác có quán. 3. Tác ý không giác không quán. 4. Tác ý Xa-ma-tha. 5. Tác ý Tì-bát-xá-na. 6. Tác ý 2 tương ưng. 7. Tác ý khởi tướng. 8. Tác ý nhiếp tướng. 9. Tác ý xả tướng. 10. Tác ý hằng tu. 11. Tác ý cung kính.

Có cầu, là tác ý có giác có quán. Tác ý này dùng ý ngôn liên tục quán sát các pháp. Có quán, là tác ý không giác có quán. Tác ý này tuy lìa giác mà vẫn dùng ý ngôn liên tục quán sát các pháp. Một vị, là tác ý không giác không quán. Tác ý này lìa ý ngôn mà liên tục quán sát các pháp. Chỉ đạo, là tác ý Xa-ma-tha. Tác ý này chỉ duyên tên gọi các pháp. Quán đạo, là tác ý Tì-bát-xá-na. Tác ý này chỉ duyên nghĩa các pháp. Hai đũa, là tác ý 2 tương ưng. Tác ý này có thể một lúc duyên tên gọi và nghĩa. Bạt trầm, là tác ý khởi tướng. Tác ý này nếu khi duyên tên gọi mà tâm hôn trầm tức có thể giục dậy. Ưc trạo, là tác ý nhiếp tướng. Tác ý này nếu khi duyên nghĩa mà tâm tán loạn tức có thể nhiếp giữ. Chính trụ, là tác ý xả tướng. Tác ý này nếu tâm bình đẳng có thể trụ nơi tâm xả. Vô gián, là tác ý hằng tu. Tác ý này có thể y vào chính trụ tu tập

không bỏ. Tôn trọng, là tác ý cung kính, có thể khi luyện tập tôn trọng danh nghĩa. Như vậy khởi 11 thứ tác ý rồi, lại phải tu tập 9 thứ trụ tâm.

Kệ nói:

*Phồn duyên rồi tốc nhiếp,
Nội lược và lạc trụ.
Điều yếm cùng dứt loạn,
Hoặc khởi diệt cũng vậy.
Sở tác tâm tự lưu,
Bấy giờ được vô tác.
Bồ-tát lại phải tập,
Chín trụ tâm như đây.*

Giải thích: Chín trụ tâm, là 1. Tâm an trụ. 2. Tâm nhiếp trụ. 3. Tâm giải trụ. 4. Tâm chuyên trụ. 5. Tâm phục trụ. 6. Tâm tức trụ. 7. Tâm diệt trụ. 8. Tâm tính trụ. 9. Tâm trì trụ. Chín trụ tâm phương tiện giáo thụ này, phải biết phồn duyên, là tâm an trụ. An tâm không rời nơi sở duyên. Tốc nhiếp, là tâm nhiếp trụ. Nếu giác tâm loạn thì mau nhiếp giữ. Nội lược, là tâm giải trụ. Giác tâm ngoài thì rộng trong thì sơ lược. Lạc trụ, là tâm chuyên trụ. Công đức kiến định chuyển thành lạc trụ. Điều yếm, là tâm phục trụ. Tâm nếu không an lạc thì phải chiết phục. Dứt loạn, là tâm tức trụ. Khi kiến loạn lỗi làm khiến chấm dứt. Hoặc khởi diệt cũng vậy, là tâm diệt trụ. Tham ái v.v... khởi liền khiến diệt. Sở tác tâm tự lưu, là tâm tính trụ. Những gì tạo tác ra tự nhiên thành tự tính. Bấy giờ được vô tác, là tâm trì trụ. Vì không do tác ý được tổng trì. Như vậy tu tập được trụ tâm rồi, tiếp khiến tâm này được tối thượng nhu nhuyễn.

Kệ nói:

*Dựa dưới tu, khiến tiến,
Để tiến tập bản định.*

*Tịnh thiên là thần thông,
Sẽ thành tâm thắng nhuuyến.*

Giải thích: Dựa dưới tu, khiến tiến, để tiến tập bản định, nghĩa là Bồ-tát khi được trụ tâm là đã được hạ phẩm thân ý tâm ý. Để tăng tiến sự nương tựa này phải tu căn bản thiên định.

Hỏi: Lại phải tu căn bản định để được công đức gì?

Đáp: Tịnh thiên là thần thông, sẽ thành tâm thắng nhuuyến. Chư Bồ-tát vì khởi các thần thông, vì muốn thành tựu tâm tối thắng nhuuyến nên tiến tu căn bản định.

Hỏi: Khởi các thần thông để làm gì, tâm thắng nhuuyến để thành gì?

Kệ nói:

*Thần thông đạo các cõi,
Trải thờ các Thế Tôn,
Được tâm nhuuyến vô thượng,
Để cúng dường chư Phật.*

Giải thích: Thần thông đạo các cõi, trải thờ chư Thế Tôn, nghĩa là chư Bồ-tát muốn qua vô lượng thế giới, muốn trải qua vô lượng kiếp số, muốn khắp vô lượng chư Phật, muốn thừa sự cúng dường và nghe chính pháp, vì việc này nên khởi các thần thông.

Hỏi: Vì sao làm việc này?

Đáp: Vì tâm tối thượng nhuuyến được cúng dường chư Phật. Do nhân cúng dường chư Phật nên được thành tựu tâm đệ nhất thắng nhuuyến. Như vậy được thắng tâm rồi, liền được chư Phật khen ngợi.

Kệ nói:

*Trước chưa nhập tịnh tâm,
Được 5 thứ khen ngợi.*

*Vì khí thể thành tịnh,
Kham tiến vô thượng thừa.*

Giải thích: Trước chưa nhập tịnh tâm, được 5 thứ khen ngợi, nghĩa là Bồ-tát này trước khi được địa tịnh tâm đã được Như Lai khen ngợi 5 thứ công đức kia.

Hỏi: Sự khen ngợi này đối với Bồ-tát có lợi ích gì?

Đáp: Khí thể thành tịnh, nên kham tiến vô thượng thừa. Bồ-tát này được Như Lai khen ngợi rồi liền thành tựu khí thể thanh tịnh, có khả năng tiến vào vô thượng thừa.

Hỏi: Như Lai khen ngợi Bồ-tát kia 5 thứ công đức gì?

Kệ nói:

*Niệm niệm dung các tập,
Thân ý và tâm ý,
Viên minh cùng kiến tướng,
Mãn tịnh các pháp thân.*

Giải thích: Năm công đức là: 1. Dung tập. 2. Thân ý. 3. Tâm ý. 4. Viên minh. 5. Kiến tướng.

Dung tập, là mỗi mỗi sát-na tiêu tan tất cả các tập khí. Thân ý, là vì tu tập khinh an biến khắp thân. Tâm ý cũng vậy. Viên minh, là hiểu rõ trọn vẹn tất cả các thứ không, lìa phần số. Kiến tướng, là thấy tướng vô phân biệt làm nhân thanh tịnh sau này. Mãn tịnh các pháp thân, là để đầy đủ, để thanh tịnh tất cả thứ pháp thân, thường làm 5 nhân như vậy.

Hỏi: Khi nào mãn, khi nào tịnh?

Đáp: Khi được thập địa thì mãn, khi được Phật địa thì tịnh. Trong đây phải biết 5 thứ công đức, 3 công đức trước thuộc Xa-ma-tha, 2 công đức sau thuộc Tì-bát-xá-na. Bồ-tát trong lúc này đối với

các pháp thế gian đều được đầy đủ. Như vậy đã được khen ngợi rồi, tiếp khởi thông đạt phân thiện căn.

Kệ nói:

*Bấy giờ Bồ-tát này,
Lần lượt được định tâm.
Vì chỉ thấy ý ngôn,
Không thấy tất cả nghĩa.*

Giải thích: Bồ-tát này mới được định tâm, lìa ý ngôn, không thấy tất cả các nghĩa của tự tướng tổng tướng. Chỉ thấy ý ngôn, cái thấy này tức Bồ-tát ở noãn vị. Địa vị này gọi là minh. Như trong Kinh Khôi Hà, Phật có nói rõ minh này gọi là kiến pháp nhãn.

Kệ nói:

*Để tăng trưởng pháp minh,
Kiên cố tinh tiến khởi.
Pháp minh tăng trưởng rồi,
Thông đạt duy tâm trụ.*

Giải thích: Trong đây Bồ-tát để tăng trưởng pháp minh nên khởi kiên cố tinh tiến, trụ pháp minh này thông đạt duy tâm. Thông đạt này tức là đỉnh vị của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Các nghĩa đều là sáng,
Vì do thấy duy tâm,
Đoạn được sở chấp loạn,
Tức là trụ nơi nhãn.*

Giải thích: Trong đây nếu Bồ-tát thấy các nghĩa đều là tâm quang, ngoài tâm quang không có cái thấy nào khác. Bấy giờ được diệt sở chấp loạn. Cái thấy này tức Bồ-tát ở nhãn vị.

Kệ nói:

*Chỗ chấp loạn tuy đoạn,
Nhưng hãy còn năng chấp.
Đoạn đây lại mau chứng,
Vô gián Tam-ma-đề.*

Giải thích: Trong đây Bồ-tát vì đoạn năng chấp loạn nên lại mau chứng vô gián Tam-ma-đề.

Hỏi: Vì nghĩa gì gọi Tam-ma-đề này là vô gián?

Đáp: Do khi năng chấp loạn diệt, bấy giờ nhập vô gián nên có tên này. Nhập vô gián này tức địa vị thế gian đệ nhất pháp của Bồ-tát. Theo tuần tự nói noãn v.v... các vị xong, tiếp nói khởi kiến đạo.

Kệ nói:

*Xa lia 2 chấp kia,
Xuất thế gian vô thượng.
Vô phân biệt ly cấu,
Trí này lúc này được.*

Giải thích: Xa lia 2 chấp, vì sở chấp năng chấp không hòa hợp. Xuất thế gian vô thượng, vì được vô thượng thừa. Vô phân biệt, tức không có 2 chấp phân biệt kia. Ly cấu, vì kiến đạo đoạn, phiền não diệt. Bồ-tát bấy giờ gọi là viên trần ly cấu được pháp nhãn tịnh.

Kệ nói:

*Đây tức là chuyển y,
Bởi đã được sơ địa.
Sau trái vô lượng kiếp,
Y tịnh mới viên mãn.*

Giải thích: Đây tức là chuyển y, bởi đã được sơ địa, nghĩa là ly cấu này tức là chuyển y vị của Bồ-tát. Bởi vì sao? Vì được sơ địa.

Hỏi: Y cực tịnh chăng?

Đáp: Sau trải vô lượng kiếp y tịnh mới viên mãn, không phải ở nơi sơ địa này được ngay cực thanh tịnh. Vì sau trải vô lượng kiếp Tăng-kì, cái y này mới được thanh tịnh viên mãn.

Kệ nói:

*Bấy giờ thông pháp giới,
Tâm tự tha bình đẳng.
Bình đẳng có 5 thứ,
Vì 5 không sai biệt.*

Giải thích: Bấy giờ thông pháp giới, tâm tự tha bình đẳng, nghĩa là Bồ-tát ở sơ địa liền được thông đạt pháp giới bình đẳng. Do thông đạt này nên có thể quán tha thân tức tự thân cũng được bình đẳng.

Hỏi: Bấy giờ được bao nhiêu tâm bình đẳng?

Đáp: Bình đẳng có 5 thứ, vì 5 không sai biệt.

Những gì là 5? 1. Bình đẳng vô ngã. Nghĩa là nơi tự tha liên tục không thấy có ngã, vì không sai biệt. 2. Bình đẳng có khổ. Nghĩa là nơi tự tha liên tục có các khổ, vì không sai biệt. 3. Bình đẳng sở tác. Nghĩa là nơi tự tha liên tục muốn làm việc đoạn khổ, vì không sai biệt. 4. Bình đẳng không cầu. Nghĩa là nơi tự tha làm điều gì không cầu báo đáp lại, vì không sai biệt. 5. Bình đẳng đều được. Nghĩa là ta cũng được như bao nhiêu Bồ-tát khác, vì không sai biệt.

Kệ nói:

*Các hành hư phân biệt,
Tịnh trí rõ không 2.
Giải thoát kiến đạo diệt,
Như vậy nói kiến đạo.*

Giải thích: Các hành hư phân biệt, tịnh trí rõ không 2, nghĩa là trong đây Bồ-tát đối với các hành trong 3 cõi chỉ thấy là không

chân thật, là phân biệt. Bởi trí cực tịnh hoàn toàn không 2 thứ kia. Tịnh trí, là vì xuất thế gian. Không 2, vì không 2 chấp. Cái không 2 thể, tức pháp giới. Giải thoát kiến đạo diệt, như vậy nói kiến đạo, nghĩa là giải thoát kiến đạo diệt phiền não. Pháp giới tức là giải thoát. Nếu khi thấy giải thoát diệt phiền não thì gọi là Bồ-tát mới được kiến đạo.

Kệ nói:

*Vô thể, thể tương tự,
Tự tính hợp 3 không.
Ở đây hiểu 3 không,
Thì gọi là hiểu không.*

Giải thích: Ba không là: 1. Vô thể không, là tính phân biệt, tướng của nó là vô thể. 2. Tự thể không, là tính y tha, tướng này vô thể như tính phân biệt. 3. Tự tính không, là tính chân thật, tự thể không tự thể. Kệ này hiển thị Bồ-tát được không giải thoát môn.

Kệ nói:

*Phải biết duyên vô tướng,
Đều hết các phân biệt.
Trong đây duyên vô nguyện,
Không chân phân biệt hết.*

Giải thích: Nửa trên kệ này nói được vô tướng giải thoát môn. Nửa dưới nói được vô nguyện giải thoát môn. Phải biết trong đây Bồ-tát vđược đủ 3 giải thoát môn.

Kệ nói:

*Bấy giờ pháp đạt được,
Tất cả Bồ-đề phân.
Phải biết Bồ-tát kia,
Đều được như kiến đạo.*

Giải thích: Tất cả Bồ-đề phân là 4 niệm xứ v.v... Bồ-tát kia khi được kiến đạo cũng được pháp này.

Kệ nói:

*Giác thể chỉ các hành,
Vô ngã chỉ khổ trước.
Vô nghĩa tự ngã diệt,
Đại nghĩa y đại ngã.*

Giải thích: Giác thể chỉ các hành, vô ngã chỉ khổ trước, nghĩa là Bồ-tát này giác ngộ các thể gian chỉ là các hành, thật sự không có ngã, chúng sinh chấp trước chỉ chấp trước khổ mà thôi. Vô nghĩa tự ngã diệt, nghĩa là thấy thân nhiễm ô diệt. Đại nghĩa, là lợi ích tất cả chúng sinh. Đại ngã, là lấy tất cả chúng sinh làm chính mình. Trong đây Bồ-tát diệt cái kiến chấp tự ngã, dựa vào kiến giải đại ngã làm lợi ích chúng sinh. Đó gọi là đại nghĩa y đại ngã.

Kệ nói:

*Vô ngã, lại ngã kiến,
Không khổ cũng cực khổ,
Lợi người không cầu báo,
Vì chính lợi tự ngã.*

Giải thích: Trong đây các Bồ-tát, nói vô ngã nghĩa là không tự thân, không có nghĩa là ngã kiến. Lại ngã kiến, nghĩa là có tha thân có kiến giải đại nghĩa ngã. Không khổ, là không có tự thân khởi các khổ. Cũng cực khổ, là có tha thân khởi các khổ. Lợi người không cầu báo, vì không trông mong. Bởi vì sao? Vì chính đó là lợi mình. Chư Bồ-tát khi làm lợi ích chúng sinh tức lợi ích chính mình, cho nên không trông mong từ bên ngoài.

Kệ nói:

*Tâm tự thoát trên hết,
Tha phục thì kiên rộng.*

*Khổ biên không thể hết,
Nhu vậy nên siêng làm.*

Giải thích: Tâm tự thoát, nghĩa là diệt tự kiến đạo đoạn phiền não. Trên hết, nghĩa là giải thoát này do vô thượng thừa. Tha phục thì kiên rộng, nghĩa là do tất cả chúng sinh liên tục khởi các phiền não. Khổ biên không thể hết, nghĩa là chúng sinh giới như hư không, không có biên giới. Như vậy nên siêng làm, nghĩa là chúng sinh khổ như vậy Bồ-tát phải vì chúng sinh đoạn khổ. Vì bên tạo tác, tạo tác rồi lại tạo tác, vì thế Bồ-tát không nên thôi nghỉ.

Kệ nói:

*Khổ mình không tự chịu,
Lẽ nào chịu khổ khổ người.
Đời này đến cùng sinh,
Ngược chúng là Bồ-tát.*

Giải thích: Chúng sinh trong một thời kỳ sống khổ và đến tận cùng sinh tử, khổ không thể nghĩ bàn và không thể nhịn chịu. Ngược lại với chúng, Bồ-tát có thể vì chúng nhịn chịu tất cả, cho nên nói ngược chúng là Bồ-tát.

Kệ nói:

*Vời tha hạnh thương yêu,
Lợi chúng không thoái chuyển.
Hy hữu, phi hy hữu,
Lợi tha là tự lợi.*

Giải thích: Vời tha hạnh thương yêu, lợi chúng không thoái chuyển, nghĩa là hạnh Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh là thương yêu bình đẳng tâm không phân biệt. Nếu cầu vui lợi ích, nếu làm vui lợi ích, khi cầu khi làm không thoái chuyển tâm lợi ích. Hy hữu, phi hy hữu, lợi tha là tự lợi, nghĩa là việc không thoái chuyển này là cao tột trong các điều hy hữu ở thế gian. Nhưng sự hynhữu này cũng chẳng

phải hy hữu. Bởi vì sao? Vì khi người khác được lợi ích thì cũng là BỒ-tát tự được lợi ích.

Kệ nói:

*Các địa nói các đạo,
Hai trí siêng tu tập.
Kiến lập không phân biệt,
Tịnh pháp và chúng sinh.*

Giải thích : Các địa khác, là nói 9 địa sau.

Hỏi: Các địa khác tu những gì?

Đáp: Siêng tu tập 2 trí. Hai trí là: 1. Trí vô phân biệt. 2. Trí như chỗ kiến lập. Trí vô phân biệt là xuất thế trí. Trí như chỗ kiến lập là hậu đắc thế trí.

Hỏi: Hai trí này có công năng gì?

Đáp: Tịnh pháp và chúng sinh. Trong đây trí vô phân biệt thành thực Phật pháp là công năng của nó. Trí như chỗ kiến lập thành thực chúng sinh là công năng của nó.

Kệ nói:

*Tu vị 2 Tăng-kì,
Sau cùng được thụ chức,
Nhập kim cương định kia,
Phá hết các phân biệt.*

Giải thích: Tu vị 2 Tăng-kì, sau cùng được thụ chức, nghĩa là 2 Tăng-kì tức đại kiếp A-tăng-kì thứ hai và thứ ba. Sau cùng, tức là tu cứu cánh. Ở tu vị này mới thụ chức.

Hỏi: Thụ chức rồi còn phải làm gì?

Đáp: Nhập kim cương định kia, phá hết các phân biệt.

Hỏi: Vì nghĩa gì gọi là kim cương định?

Đáp: Vì có thể phá phân biệt tùy miên nên định này gọi là kim cương dụ.

Kệ nói:

*Chuyển y cứu cánh tịnh,
Thành tựu nhất thiết chủng.
Trụ đây làm các việc,
Chỉ vì lợi quần sinh.*

Giải thích: Chuyển y cứu cánh tịnh, là vì vĩnh viễn lia tất cả phiền não chướng và tri chướng. Thành tựu nhất thiết chủng, là do vô thượng, được nhất thiết chủng trí. Trụ nơi đây làm việc, là trụ ở vị này cho đến tận cùng sinh tử của chúng sinh thị hiện thành đạo và hiện Niết-bàn.

Hỏi: Việc này để làm gì?

Đáp: Chỉ vì lợi quần sinh. Tất cả những việc như thế hoàn toàn chỉ vì lợi ích tất cả chúng sinh. Từ đây trở xuống nói nhân đại giáo thụ được đại nghĩa lợi.

Kệ nói:

*Đức Mâu-ni khó gặp,
Thường gặp, được đại nghĩa.
Nhờ nghe pháp vô đẳng,
Tịnh tín nuôi dưỡng tâm.*

Giải thích: Kệ này nói Bồ-tát nhân đại giáo thụ thường được hiện tiền thấy Phật, thường nghe chính pháp không gì sánh bằng, thường khởi lòng tin thanh tịnh rất sâu khắp trong tâm. Đây là nói lúc đầu được đại nghĩa lợi.

Kệ nói:

*Nếu trong khi giáo thụ,
Như muốn trụ pháp môn,*

*Như người cứu hiểm nạn,
Phật khuyên cũng như vậy.*

Giải thích: Nếu trong khi giáo thụ, như muốn trụ pháp môn, nghĩa là có các Bồ-tát trong lúc giáo thụ, hoặc tâm muốn an lạc trụ trong pháp môn của Như Lai. Như người cứu hiểm nạn, Phật khuyên cũng như vậy, nghĩa là ví như có người rơi xuống hầm sâu nếu có thể túm tóc kéo lên bờ cao, Phật cũng khuyên làm như vậy. Nếu các Bồ-tát kia muốn an lạc trụ nơi hầm sâu tịch diệt, chư Phật Như Lai cũng cưỡng ép mà đặt họ lên bờ cao của Phật quả. Đây là nói được đại nghĩa lợi thời kỳ tiếp theo.

Kệ nói:

*Thế gian cực tịnh nhãn,
Thẳng giác vô phân biệt.
Ví như mặt trời lên,
Trừ tối, sáng thế gian.*

Giải thích: Nếu chư Bồ-tát khi thành Phật, vĩnh viễn thoát lui tất cả pháp thế gian nên mắt được vô cu gf thanh tịnh. Lúc bấy giờ gọi là được thẳng giác vô phân biệt. Ví như vàng mặt trời to lớn xuất hiện có thể trừ tối tăm chiếu sáng thế gian. Đây là nói được đại nghĩa lợi khi cứu cánh.

Như vậy đã nói xong về nghĩa rộng, tiếp dùng một kệ tổng kết nghĩa trước.

Kệ nói:

*Phật tử khéo gom đủ,
Thành tựu định rất rộng.
Hằng thụ Thế Tôn dạy,
Tận cùng biển công đức.*

Giải thích: Kệ này nghĩa đã rõ như văn.

Xong Phẩm giáo thụ.

Phẩm 16: NGHIỆP BẠN

Giải thích: Đã nói Như Lai đại giáo thụ. Bồ-tát khởi nghiệp lấy phương tiện làm bạn. Nay sẽ thuyết minh.

Kệ nói:

*Ví như đại địa chủng,
Nhiệm trì 4 thứ vật.
Như vậy 3 thứ nghiệp,
Kiến lập tất cả thiện.*

Giải thích: Kệ này hiển thị Bồ-tát gom khởi nghiệp phương tiện. Ví như đại địa chủng, nhiệm trì 4 thứ vật. Bốn vật là gì? 1. Biển lớn. 2. Các núi. 3. Cây cỏ. 4. Chúng sinh. Đó gọi là 4 vật. Như vậy 3 thứ nghiệp kiến lập tất cả thiện, nghĩa là biển v.v... 4 vật ví như tất cả thiện pháp. Như vậy 3 nghiệp của Bồ-tát có thể gom góp tất cả các thiện, như bồ thí v.v... các Ba-la-mật và tất cả pháp Bồ-đề phần.

Kệ nói:

*Làm được nghiệp khó làm,
Ứng hình vô lượng kiếp.
Thân khẩu tâm tự tính,
Cứu kia không thoái chuyển.*

Giải thích: Kệ này hiển thị phương tiện Bồ-tát cứu tha nghiệp. Làm được nghiệp khó làm, ứng hình vô lượng kiếp, nghĩa là thế nào là nghiệp khó làm? Nghĩa là chúng sinh muốn được Tiểu thừa xuất ly. Đối với điều đó Bồ-tát rất đại khổ, muốn khiến chúng chuyển đổi tâm dị thừa, nên ứng hiện các thứ thân hình trong vô lượng thế giới trải vô lượng kiếp số cần khổ làm các nghiệp khó làm. Thân khẩu tâm tự tính, cứu kia không thoái chuyển, nghĩa là Bồ-tát vì cứu giúp chúng nên tuy cần khổ ở nhiều nơi mà không thoái khuất tự tính 3 nghiệp.

Kệ nói:

*Như người sợ 4 hại,
 Đề phòng cho tự thân,
 Bồ-tát sợ 2 thừa,
 Giữ nghiệp cũng như vậy.*

Giải thích: Kệ này hiển thị phương tiện Bồ-tát tự bảo hộ nghiệp. Như người sợ 4 hại đề phòng cho tự thân, nghĩa là, 4 hại là gì? 1. Chất độc. 2. Binh khí. 3. Thức ăn xấu. 4. Oán cừ. Đó là 4 hại. Đề phòng là vì lợi ích tự thân. Bồ-tát sợ 2 thừa, giữ nghiệp cũng như vậy, nghĩa là độc v.v... 4 cái hại ví như phương tiện các nghiệp của người 2 thừa. Bồ-tát sợ đó nên rất tự phòng hộ sợ khởi tâm 2 thừa. Bởi vì sao? Vì đoạn dứt giống Đại thừa. Vì thiện căn Đại thừa chưa khởi khiến không khởi, đã khởi khiến diệt mất và làm chướng ngại Phật quả.

Kệ nói:

*Tác giả nghiệp sở tác,
 Tam luân không phân biệt,
 Được độ biển tịnh nghiệp,
 Công đức là vô biên.*

Giải thích: Kệ này hiển thị phương tiện thanh tịnh nghiệp của Bồ-tát. Tác giả nghiệp sở tác, tam luân không phân biệt, nghĩa là thế nào là tam luân? 1. Tác giả. 2. Nghiệp. 3. Sở tác. Đó gọi là tam luân. Không phân biệt, là vì 3 cái này là bất khả đắc, cho nên do đó tam luân được thanh tịnh. Tam luân thanh tịnh nên nghiệp thanh tịnh. Được độ biển tịnh nghiệp, công đức không bờ bến, nghĩa là đến được bờ kia của nghiệp. Công đức vô biên là công đức không hết.

Xong Phẩm Nghiệp bạn.

Phẩm 17: ĐỘ NHIỆP

Giải thích: Đã nói phương tiện khởi nghiệp, nay sẽ nói nghiệp tụ tập các Ba-la-mật. Trong đây trước nói kệ Ưu-đà-na.

Kệ nói:

*Số, tướng, thứ đệ, danh,
Tu tập, sai biệt, nhiếp,
Trị chướng, đức, hổ hiển,
Độ 10 nghĩa phải biết.*

Giải thích: Trong đây 6 Ba-la-mật có 10 nghĩa: 1. Chế số. 2. Hiển tướng. 3. Thứ tự. 4. Giải thích tên. 5. Tu tập. 6. Sai biệt. 7. Nhiếp hành. 8. Trị chướng. 9. Công đức. 10. Hổ hiển. Trong đây có 6 kệ chế lập số của 6 Ba-la-mật chỉ có 6.

Kệ nói:

*Tư sinh thân quyền thuộc,
Phát khởi trước 4 thành.
Thứ 5 hoặc không nhiếp,
Thứ 6 nghiệp không đảo.*

Giải thích: Kệ này hiển thị vì nhiếp tự lợi 3 việc, cho nên lập số Ba-la-mật chỉ có 6: 1. Tăng tiến. 2. Không nhiếp. 3. Không đảo.

Bốn Ba-la-mật đầu theo thứ tự có thể khiến 4 việc tăng tiến: 1. Tư sinh thành tựu, do bố thí. 2. Tự thân thành tựu, do trì giới. 3. Quyền thuộc thành tựu, do nhẫn nhục, vì người thực hành nhẫn nhục được nhiều người yêu. 4. Phát khởi thành tựu, do tinh tiến, tất cả sự nghiệp do đây thành.

Thứ năm Thiền Ba-la-mật có thể khiến phiền não không nhiếp, chiết phục phiền não là do sức này.

Thứ sáu Bát-nhã Ba-la-mật khiến nghiệp không điên đảo, vì biết như thật tất cả việc làm.

Kệ nói:

*Thí kia và không nã,
Nhẫn nã là lợi tha.
Có nhân và tâm trụ,
Giải thoát là tự lợi.*

Giải thích: Kệ này hiển thị vì nhiếp 2 lợi 6 việc nên lập số Ba-la-mật chỉ có 6. Ban đầu là nhiếp lợi tha 3 việc cho nên lập 3 Ba-la-mật trước khiến khởi chính cần, như theo thứ tự: 1. Thí kia. 2. Không nã. 3. Nhẫn nã kia, sau là nhiếp tự lợi. Ba việc nên phải lập. Ba Ba-la-mật sau khiến khởi chính cần, như theo thứ tự: 1. Có nhân, do dựa vào tinh tiến, 2. Tâm trụ, do tâm bất định khiến định. 3. Giải thoát, do tâm đã định khiến giải thoát.

Kệ nói:

*Không thiếu cũng không nã,
Nhẫn nã và không thoái,
Quy hướng với khéo nói,
Lợi tha tức tự thành.*

Giải thích: Kệ này hiển thị vì nhiếp lợi tha 6 việc nên lập số Ba-la-mật chỉ có 6. Bồ-tát khi tu hành 6 Ba-la-mật, theo thứ tự đối với kia khiến thụ dụng không thiếu thốn, không nã hại kia, nhẫn chịu kia nã hại, giúp kia việc làm không thoái lui, dùng thần lực khiến quy hướng, dùng khéo nói pháp đoạn kia nghi ngờ, Bồ-tát lợi tha như vậy tức tự lợi, vì làm cho người tức làm cho mình, do nhân duyên này được Đại Bồ-đề.

Kệ nói:

*Không nhiễm và rất kính,
Không thoái có 2 thứ,
Và 2 không phân biệt,
Gồm đủ nhân Đại thừa.*

Giải thích: Kệ này hiển thị vì gồm 4 nhân Đại thừa nên lập số Ba-la-mật chỉ có 6: 1. Không nhiễm. 2. Rất kính. 3. Không thoái. 4. Không phân biệt.

Bồ-tát khi tu hành thí, đối với của cải không nhiễm, không luyến tiếc. Khi thụ trì giới, đối với các học xứ khởi tâm rất kính. Khi hành nhẫn nhục tinh tiến không thoái 2 thứ này: Nhẫn đối với chúng sinh, chẳng phải chúng sinh gây khổ nên được không thoái lui. Tinh tiến đối với khi tu hành thiện được không thoái lui. Khi hành thiên, Bát-nhã không phân biệt 2 pháp này: Xa-ma-tha và Tì-bát-xá-na bình đẳng nhiếp giữ. Như vậy 4 nhân này gồm hết tất cả nhân Đại thừa.

Kệ nói:

*Không trước và không loạn,
Không bỏ và tăng tiến.
Tịnh hoặc và trí chướng,
Là đạo đều thâm nhiếp.*

Giải thích: Kệ này hiển thị vì nhiếp Đại thừa 6 đạo nên lập số Ba-la-mật chỉ có 6.

Hỏi: Đạo là nghĩa gì?

Đáp: Có phương tiện là đạo. Trong đây Đàn Ba-la-mật đối với của cải không đắm trước là đạo, bởi khi thí đối cảnh lìa nhiễm trước. Thi Ba-la-mật, trong các cảnh giới không loạn là đạo, bởi khi cầu thụ giới nhiếp giữ khiến trụ tất cả tâm loạn, và Tì-khưu trụ hộ khi cầu cảnh giới tất cả nghiệp loạn không thể chuyển. Sằn-đề Ba-la-mật đối với chúng sinh không bỏ là đạo, do tất cả việc không nhiều ích không sinh chán. Tì-lê-da Ba-la-mật đối với tu các thiện căn tăng trưởng là đạo, do tinh tiến phát khởi khiến tăng trưởng. Thiên Ba-la-mật đối với phiền não chướng khiến thanh tịnh là đạo. Bát-nhã Ba-la-mật đối với trí tuệ chướng khiến thanh tịnh là đạo. Như vậy 6 thứ đạo gồm hết tất cả Đại thừa đạo.

Kệ nói:

*Vì gồm thâu 3 học,
Nói độ có 6 thứ.
Đầu 3, 2, rồi 1,
Sau 2, 2, 1, 3.*

Giải thích: Kệ này hiển thị vì gồm thâu 3 thứ tăng thượng học, nên lập số Ba-la-mật chỉ có 6. Trong đây lập 3 Ba-la-mật đầu là thuộc 1 đầu tiên giới tăng thượng. Giới có 2 thứ gọi là tự và quyền thuộc. Thi-la là tự, đàn và Sằn-đề là quyền thuộc. Bởi vì sao? Vì khi thí đối với cầu xin không tiếc tiền của, khi nhẫn đối với hộ trì thì đánh mắng cũng không đáp trả. Trong đây 2 Ba-la-mật sau, theo thứ tự để nhiếp tâm và tuệ 2 tăng thượng học. Trong đây lập 1 Ba-la-mật thứ tư là gồm đủ 2 tăng thượng học, bởi tất cả 3 học đều lấy tinh tiến làm bản. Đã chế lập xong 6 số Ba-la-mật, tiếp đến hiển thị tướng của 6 Ba-la-mật.

Kệ nói:

*Phân biệt thể 6 độ,
Mỗi mỗi có 4 tướng.
Trị chướng và hợp trí,
Mãn nguyện và thành sinh.*

Giải thích: Chư Bồ-tát tu các Ba-la-mật, mỗi mỗi đều có 4 tướng: 1. Trị chướng. 2. Hợp trí. 3. Mãn nguyện. 4. Thành sinh.

Trị chướng, là đàn v.v... 6 hạnh theo thứ tự để đối trị xan tham, sân giận, biếng nhác, loạn tâm, ngu si.

Hợp trí, là tất cả đồng hành với trí vô phân biệt do thông đạt pháp vô ngã.

Mãn nguyện, là thí cho người cầu tiền của tùy theo ý muốn mà cung cấp cho. Giới đối với người cầu giới thì tùy theo ý muốn mà dùng thân khẩu ý hộ trì dạy dỗ cho. Nhẫn đối với kẻ hời hởi thì cho sự

hoan hỷ. Tinh tiến đối với người tác nghiệp thì tùy ý muốn mà giúp đỡ. Định đối với người học định thì tùy ý muốn mà dạy cho thiền pháp. Trí đối với người có nghi ngờ thì tùy ý muốn mà quyết đoán.

Thành sinh, là trước dùng thí mà thâm nhiếp, sau đúng pháp 3 thừa tùy theo thích ứng mà thành thực họ. Trước an lập trong giới v.v..., sau dùng 3 thừa thành thực cũng vậy. Đã nói rõ tướng 6 Ba-la-mật, tiếp nói thứ tự 6 ba-la-mật.

Kệ nói:

*Trước sau và trên dưới,
Thô tế lần lượt khởi,
Như vậy nói 6 độ,
Không loạn có 3 nhân.*

Giải thích: Sáu Ba-la-mật tuần tự có 3 nhân: 1. Trước sau. 2. Dưới trên. 3. Thô tế.

Trước sau, nghĩa là dựa vào cái trước mà khởi được cái sau. Bởi vì sao? Vì do không để ý tiền của nên thụ trì giới, thực hành trì giới có thể khởi nhẫn nhục, nhẫn nhục có thể khởi tinh tiến, tinh tiến có thể khởi thiền định, thiền định có thể hiểu pháp chân thật.

Dưới trên, nghĩa là cái trước là dưới cái sau là trên. Dưới là thí trên là giới, cho đến dưới là định trên là trí.

Thô tế, nghĩa là cái trước là thô cái sau là tế. Thô là thí tế là giới, cho đến thô là định tế là trí. Vì sao thô dễ vào? Vì dễ làm. Vì sao tế khó vào? Vì khó làm.

Đã nói tuần tự 6 Ba-la-mật, tiếp giải thích tên 6 Ba-la-mật.

Kệ nói:

*Trì nghèo và trong sạch,
Bỏ giận, làm điều thiện,*

*Giữ tâm và hiểu đúng,
Là nói nghĩa 6 hạnh.*

Giải thích: Có thể trừ được nghèo cùng nên gọi thí. Có thể khiến trong sạch nên gọi giới. Do đủ giới nên trong tương cảnh giới dứt được phiền não nung đốt. Có thể phá bỏ sự giận dữ nên gọi nhẫn, vì nhẫn có khả năng phá hết các giận dữ. Có thể làm điều thiện nên gọi là tiến. Vì xây dựng thiện pháp là do sức này. Có thể giữ được cái tâm nên gọi là định. Vì nhiếp giữ ý bên trong. Có thể hiểu pháp chân thật nên gọi là tuệ. Vì hiểu rõ chân lý đệ nhất nghĩa. Đã giải thích xong tên 6 Ba-la-mật, tiếp nói về tu tập 6 Ba-la-mật.

Kệ nói:

*Vật với tư và tâm,
Phương tiện cùng thể lực,
Phải biết tu 6 hạnh,
Nói có 5 y chỉ.*

Giải thích: Chư Bồ-tát tu tập các Ba-la-mật có 5 chỗ y chỉ: 1. Y chỉ vật. 2. Y chỉ tư duy. 3. Y chỉ tâm. 4. Y chỉ phương tiện. 5. Y chỉ thể lực.

Y chỉ vật tu các Ba-la-mật có 4 thứ: 1. Y chỉ nhân, vì dựa vào sức chủng tính mà tu tập. 2. Y chỉ báo, là dựa vào sức thành thực của tự thân mà tu tập. 3. Y chỉ nguyện, tức dựa vào nguyện lực xưa kia mà tu tập. 4. Y chỉ số, là dựa vào sức trí tuệ mà tu tập.

Y chỉ tư duy tu các Ba-la-mật cũng có 4 thứ: 1. Tín tư duy, là đối với các giáo pháp tương ứng với Ba-la-mật sinh tín tâm. 2. Vị tư duy, là thấy mùi vị công đức trong các Ba-la-mật. 3. Tùy hỷ tư duy, là đối với tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới có các Ba-la-mật đều sinh tâm tùy hỷ. 4. Hy vọng tư duy, là đối với tự thân và người khởi hy vọng tương lai sẽ được Ba-la-mật thù thắng.

Y chỉ tâm tu các Ba-la-mật có 6 thứ: 1. Tâm không nhàm chán. 2. Tâm rộng lớn. 3. Tâm thắng hỷ. 4. Tâm thắng lợi. 5. Tâm không nhiễm. 6. Tâm thiện tịnh.

Sao gọi là 6 thứ tâm tu thí? Là nếu Bồ-tát đem thân mạng và 7 báu trong thế giới nhiều như số cát sông Hằng, trong một sát-na thí cho một chúng sinh, cũng như vậy cho đến hết cõi chúng sinh để nguyện thành thực vô thượng Bồ-đề dùng pháp môn thí này tâm không chán đủ. Tướng tâm này gọi là tâm tu thí không chán. Nếu tướng thí của Bồ-tát như vậy, từ lúc mới bắt đầu liên tục cho đến khi thành Phật không một sát-na nào ngớt hay giảm. Tướng tâm này gọi là tâm tu thí rộng lớn. Nếu Bồ-tát khi dùng thí nhiếp hóa người khác tâm sinh cực hoan hỷ còn hơn cả sự vui mừng của người nhận. Tướng tâm như vậy gọi là tâm tu thí thắng hỷ. Nếu khi Bồ-tát dùng thí nhiếp hóa người thấy người nhận vật rất nhiều ích ta, chẳng phải ta tự thụ dụng là nhiều ích. Bởi vì sao? Do thí nhiếp hóa người khiến ta thành tựu nhân vô thượng Bồ-đề. Tướng tâm như vậy gọi là tâm tu thí thắng lợi. Nếu Bồ-tát bố thí rộng rãi như vậy mà không cầu báo ân và báo quả, tướng tâm như vậy gọi là tâm tu thí không nhiễm. Nếu Bồ-tát bố thí rộng rãi như vậy mà sinh phúc đức được quả báo thì nguyện thí tất cả chúng sinh, không vì tự mình nhận, và cùng tất cả chúng sinh hồi hướng vô thượng Bồ-đề. Tướng tâm như vậy gọi là tâm tu thí thiện tịnh.

Thế nào là 6 thứ tâm tu giới v.v...?

Nếu Bồ-tát có hằng hà sa số tự thân, mỗi một thân lại có hằng hà sa số kiếp sống, trong mỗi kiếp sống lại thiếu thốn tất cả những gì cần thiết cho sự sống. Trong sự nghèo thiếu đó lại có lửa đồng đây khắp 3 ngàn đại thiên thế giới, Bồ-tát dùng nhiều thân mạng này btrải nhiều số kiếp ở nơi lửa đồng này khởi 4 oai nghi, trong một sát-na chỉ tu một giới. Như vậy cho đến hết các giới tự, cho đến hết các trí tự có thể được vô thượng Bồ-đề, tâm Bồ-tát tu không bao giờ chán đủ.

Tướng tâm như vậy gọi là tâm tu giới v.v... không chán. Nếu Bồ-tát từ lúc mới tu giới cho đến tu trí, an tọa đạo tràng không gian đoạn, tướng tâm như vậy gọi là tâm tu giới rộng lớn. Nếu Bồ-tát tu giới v.v... nhiếp hóa người khác tâm sinh cực hoan hỷ còn hơn cả sự vui mừng của người thụ sự nhiếp hóa được lợi ích sinh vui mừng. Tướng tâm như vậy gọi là tâm tu giới thắng hỷ. Nếu khi Bồ-tát tu giới v.v... nhiếp hóa người thấy người được lợi rất nhiều ích ta, chẳng phải ta tự lợi là nhiều ích. Tướng tâm như vậy gọi là tâm tu giới thắng lợi. Nếu Bồ-tát khi tu giới v.v... như vậy mà không cầu báo ân và báo quả, tướng tâm như vậy gọi là tâm tu giới v.v... không nhiễm. Nếu Bồ-tát tu giới v.v... rộng rãi, sinh phúc đức được quả báo thì nguyện thí tất cả chúng sinh, không vì tự mình nhận, lại cùng tất cả chúng sinh hồi hướng vô thượng Bồ-đề. Tướng tâm như vậy gọi là tâm tu giới v.v.. thiện tịnh.

Y chỉ phương tiện tu các Ba-la-mật có 3 thứ. Ba thứ đó là tam luân thanh tịnh. Vì thanh tịnh này là do trí vô phân biệt làm phương tiện. Dùng phương tiện này tất cả tác ý đều được thành tựu.

Y chỉ thế lực tu các Ba-la-mật cũng có 3 thứ: 1. Thế lực của thân. 2. Thế lực của hành động. 3. Thế lực của lời nói. Thế lực của thân, là tự tính thân và thụ dụng thân của Phật. Thế lực của hành động, là hóa thân của Phật. Dùng hóa thân này trong tất cả hình tướng vì tất cả chúng sinh thị hiện tất cả thiện hạnh. Thế lực của lời nói, là diễn nói 6 Ba-la-mật tất cả mọi thứ không trở ngại.

HẾT QUYỂN 7

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH

QUYỂN 8

Phẩm 17 – 2: ĐỘ NHIẾP

Giải thích: Đã nói tu tập 6 Ba-la-mật, tiếp nói sai biệt của 6 Ba-la-mật. Sai biệt của 6 Ba-la-mật mỗi thứ đều có 6 nghĩa: 1. Tự tính. 2. Nhân. 3. Quả. 4. Nghiệp. 5. Tương ưng. 6. Phẩm loại.

Kệ nói:

*Thí kia và cộng tư,
Hai thành và 2 nhiếp.
Vị cụ trụ không xan,
Pháp tài vô úy 3.*

Giải thích: Kệ này nói 6 nghĩa của Đàn Ba-la-mật. Thí kia, là tự tính của thí vì dùng vật của mình thí cho người nhận. Cộng tư, là nhân của thí vì thiện căn không tham với tư duy cùng sinh. Hai thành, là quả của thí vì tài thành tựu và thân thành tựu. Nói thân thành tựu, là gồm cả mạng v.v... 5 việc, như trong kinh có nói thí thực được 5 việc: 1. Được mạng sống. 2. Được nhan sắc. 3. Được sức mạnh. 4. Được vui. 5. Hoàn tất. Hai nhiếp, là nghiệp của thí vì tự tha 2 gồm đủ và đầy đủ Đại Bồ-đề. Cụ trụ không keo kiệt, là tương ưng của thí vì đầy đủ trong tâm người không keo kiệt. Pháp tài vô úy 3, là phẩm loại của thí. Phẩm loại có 3: 1. Pháp thí. 2. Tài thí. 3. Vô úy thí. Đó là 6 nghĩa người trí phải biết và tu tập.

Kệ nói:

*Sáu chi, diệt hữu biên,
Thiện đạo và trì đặng.
Vi phúc tụ đầy đủ,
Hai được là 2 thứ.*

Giải thích: Kệ này nói 6 nghĩa của Thi Ba-la-mật. Sáu chi, là tự tính của giới, vì trụ đầy đủ giới cho đến học đầy đủ các thụ học. Diệt hữu biên, là nhân của giới. Diệt, là Niết-bàn. Vì cầu Niết-bàn, vượt các hữu biên, thụ và thực hành giới. Thiện đạo, là quả của giới vì thiện đạo và không hối v.v... lần lượt 5 trụ tâm đều do giới mà được. Trì đặng, là nghiệp của giới. Giới có 3 công năng: 1. Công năng duy trì, như đại địa có thể giữ gìn một cách tự nhiên tất cả công đức. 2. Công năng vắng lặng, do có thể chặn dứt tất cả lửa phiền não. 3. Công năng không sợ hãi, do công năng không khởi tất cả sự sợ hãi, ganh ghét v.v... các tội duyên làm sinh khởi sự sợ sệt, sinh khởi các tội. Vi phúc tụ đầy đủ, là tương ưng của giới, do trong mọi lúc thân khẩu ý nghiệp đều hành thiện hạnh. Hai được là 2 thứ, là phẩm loại của giới. Hai được là được thụ nhận và được pháp. Được nhận, là gồm Ba-la-đề-mộc-xoa hộ. Được pháp, là gồm thiền hộ và vô lưu hộ.

Kệ nói:

*Tính không báo, nại, trí,
Đại bi và pháp y
Năm đức và 2 lợi,
Cụ thắng kia 3 thứ.*

Giải thích: Kệ này nói 6 nghĩa của Sằn-đề Ba-la-mật. Tính không báo, nại, trí, là tự tính của nhẫn. Một là không báo, hai là nại, ba là trí. Ba tính này lần lượt là 3 tự tính của nhẫn. Tự tính không báo, là người khác chê thì nhin chịu không đáp trả. Tự tính nại, là yên tâm nhẫn nại cái khổ. Tự tính trí, là quán pháp nhẫn. Đại bi và pháp

y, là nhân của nhân. Một, đại bi là nhân. Hai, pháp y là nhân. Pháp y, nghĩa là thụ giới và học hỏi nghe pháp nhiều. Năm đức, là quả của nhân. Như trong kinh nói, nhân được 5 thứ quả: 1. Được ít tính ganh ghét. 2. Được tính không phá hoại ý người khác. 3. Được niềm vui. 4. Được trước khi chết không hối hận. 5. Được sau khi chết sinh cõi trời. Hai lợi, là nghiệp của nhân. Do 3 nhân nên có thể làm 2 nghiệp tự lợi và lợi tha. Như một bài kệ trong kinh nói: “Làm kia 2 nghĩa, tự lợi lợi tha. Nếu biết kia giận, nơi kia tự dứt.” Cụ thắng, là tương ưng của nhân. Nhân khó thực hành nên gọi nó là tối thắng. Đầy đủ tối thắng là tương ưng. Như trong kinh nói nhân là khó thực hành nhất. Kia 3 thứ, là phẩm loại của nhân. Người kia có 3 phẩm: 1. Người chê, nhân. 2. Yên chịu khổ, nhân. 3. Quán pháp nhân.

Kệ nói:

*Dững với thiện và chính,
Vì có tin có muốn.
Niệm tăng và đối trị,
Đủ đức kia 7 thứ.*

Giải thích: Kệ này nói 6 nghĩa của Tì-lê-da Ba-la-mật. Dững với thiện và chính, là tự tính của tinh tiến. Vì dững mãnh trong việc ngăn các nghiệp nên nói là thiện, dững mãnh trong việc trừ ngoại đạo, giải thoát nên nói là chính. Vì có tin có muốn, là nhân của tinh tiến, do tin và mong cầu nên được tinh tiến. Niệm tăng, là quả của tinh tiến, vì công đức của niệm định v.v... lại do tinh tiến khởi. Đối trị, là nghiệp của tinh tiến. Như kinh nói người khởi tinh tiến có thể được lạc trụ, vì không xen tạp các pháp ác bất thiện. Đủ đức, là tương ưng của tinh tiến vì đủ công đức của không tham v.v... Kia 7 thứ, là phẩm loại của tinh tiến. Người kia có 7 phẩm tinh tiến: 1. Học giới tinh tiến. 2. Học định tinh tiến. 3. Học tuệ tinh tiến. 4. Thân tinh tiến. 5. Tâm tinh tiến. 6. Vô gián tinh tiến. 7. Tôn trọng tinh tiến.

Kệ nói:

*Tâm trụ và niệm tiến,
Lạc sinh và thông trụ.
Là đứng trên các pháp,
Chủng loại 3 rồi 3.*

Giải thích: Kệ này nói 6 nghĩa của Thiên Ba-la-mật. Tâm trụ, là tự tính của định, do tâm trụ bên trong. Niệm tiến, là nhân của định. Có niệm nên không quên duyên. Dựa vào tiến nên thiền định khởi. Lạc sinh, là quả của định, vì lìa thoái phược tiện lìa quả không hư. Thông trụ, là nghiệp của định. Thông, là 5 thông. Trụ, là 3 trụ: Thánh trụ, Thiên trụ, Phạm trụ. Thiên định có thể khiến 5 thông và 3 trụ được trụ tự tại. Là đứng trên các pháp, là tương ưng của định. Như kinh nói: Tam-ma-đề là trên hết các pháp. Chủng loại kia 3 rồi 3, là phẩm loại của định. Người kia có 2 thứ 3 phẩm: Một là có giác có quán, không giác có quán và không giác không quán 3 phẩm. Hai là hỷ đủ, lạc đủ, xả đủ 3 phẩm.

Kệ nói:

*Chọn đúng và giữ định,
Khéo thoát và mạng thuyết.
Là đứng trên các pháp,
Kia cũng có 3 loại.*

Giải thích: Kệ này nói 6 nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật. Chọn đúng, là tự tính của tuệ do lìa tà nghiệp và nghiệp theo hiểu biết thế gian. Vì lựa chọn đúng pháp xuất thế gian. Giữ định, là nhân của tuệ, do giữ định mà tuệ hiểu pháp như thật. Khéo thoát, là quả của tuệ. Nghĩa là trong nhiệm ô được khéo giải thoát. Bởi vì sao? Bởi thế gian, xuất thế gian, đại xuất thế gian lựa chọn đúng. Mạng thuyết, là nghiệp của tuệ do tuệ mạng và thiện thuyết. Tuệ mạng là do lấy sự lựa chọn đúng dẫn vô thượng kia làm mạng. Thiện thuyết là nói đúng

chính pháp. Đứng trên các pháp, là tương ưng của tuệ. Như kinh nói Bát-nhã là trên hết trong các pháp. Kia cũng có 3 thứ, là phẩm loại của tuệ. Người kia có sự lựa chọn đúng đắn 3 phẩm: thể gian, xuất thể gian và đại xuất thể gian.

Đã nói xong sự sai biệt của 6 Ba-la-mật, tiếp nói nhiếp hạnh của 6 Ba-la-mật.

Kệ nói:

*Tất cả pháp bạch tịnh,
Loạn, định, và đủ hai.
Sáu độ chung 3 cặp,
Là loại đều gồm đủ.*

Giải thích: Tất cả pháp bạch tịnh, là Đàn v.v... các hành pháp. Phải biết các hành pháp ấy gồm chung có 3 loại: một là loạn, hai là định và ba là đủ cả hai. Nói loạn kia, là 2 Ba-la-mật trước gồm thí và giới không nhất định. Nói định, là 2 Ba-la-mật sau gồm thiền và thật tuệ định. Nói đủ hai, là 2 Ba-la-mật giữa gồm nhẫn và tinh tiến gồm định và bất định.

Đã nói xong nhiếp hành của 6 Ba-la-mật, tiếp nói trị chướng của 6 Ba-la-mật.

Kệ nói:

*Đàn lìa 7 đấm trước,
Nên nói 7 không đấm.
Phải biết 5 độ kia,
Chướng trị đều có 7.*

Giải thích: Đàn lìa 7 sự đấm trước, nên nói là 7 không đấm trước. Đối với Đàn có 7 thứ gọi là đấm trước: 1. Tham trước tiền của. 2. Tham trước sự lười biếng. 3. Đấm trước thiên chấp. 4. Chấp trước sự báo ân. 5. Chấp trước quả báo. 6. Chấp trước chướng ngại.

7. Chấp trước tán loạn. Trong đây chấp trước chương ngại, là Đản đối trị tham vì tùy miên không dứt. Về chấp trước tán loạn, có 2 thứ tán loạn: một là hạ ý tán loạn vì cầu Tiểu thừa, hai là phân biệt tán loạn vì phân biệt tam luân. Do Bồ-tát khi tu hành Đản, xa lìa 7 thứ đấm trước này cho nên nói là 7 không đấm trước. Phải biết 5 độ kia trị chương 7 thứ đều như vậy. Phải biết giới v.v... 5 Ba-la-mật, mỗi mỗi cũng đều có 7 thứ đấm trước. Lìa 7 đấm trước nên cũng nói là 7 không đấm trước. Trong đây chỗ khác nhau là chuyển đổi Đản Ba-la-mật là lìa sự tham trước về tiền của. Tức là giới v.v... 5 Ba-la-mật lìa thứ nhất là như giới là lìa đấm trước phá giới, nhẫn lìa đấm trước giận dữ, tinh tiến lìa đấm trước lười biếng, thiền định lìa đấm trước tán loạn, trí tuệ lìa đấm trước ngu si. Giới v.v... lìa đấm trước chương ngại, vì chương tùy miên đều đoạn trừ. Giới v.v... lìa đấm trước phân biệt, vì không phân biệt tam luân.

Đã nói xong trị chương của 6 Ba-la-mật, tiếp nói công đức 6 Ba-la-mật. Trong đây, trước nói công đức lợi tha.

Kệ nói:

*Hằng thời xả thân mạng,
Lìa cầu vì thương người.
Do thí tạo Bồ-đề,
Có trí thí vô tận.*

Giải thích: Kệ này hiển thị công đức lợi tha của Đản Ba-la-mật. hằng thời xả thân mạng, nghĩa là chư Bồ-tát bất cứ lúc nào cũng có thể thí thân mạng mình cho tất cả ai cần cầu đến. Lìa cầu vì thương người, nghĩa là không cầu trả ơn và nhắm đến quả, mà do đại bi làm nhân. Do thí tạo Bồ-đề, nghĩa là nhân thí này đã xây dựng tất cả chúng sinh trong 3 thừa Bồ-đề. Có trí thí vô tận, nghĩa là thí này do thuộc trí vô phân biệt, cho đến Niết-bàn vô dư, phúc ấy không hết, lợi ích vô cùng cho tất cả chúng sinh.

Kệ nói:

*Thường giữ giới cấm cần,
Lìa giới và thiện thú.
Do giới tạo Bồ-đề,
Có trí giới vô tận.*

Giải thích: Kệ này nói công đức lợi tha của Thi Ba-la-mật. Thường giữ giới cấm cần, là nói Bồ-tát có 3 nhóm giới: một là giới luật nghi, hai là giới nhiếp thiện pháp và ba là giới nhiếp chúng sinh. Nhóm giới đầu tiên lấy sự cấm ngăn làm thể. Hai nhóm giới sau lấy sự siêng năng và dũng mãnh làm thể. Và chư Bồ-tát trong tất cả mọi thời hằng giữ gìn. Lìa giới và thiện thú, có nghĩa là không chấp trước vào sự đặc giới và không cầu ái quả.

Kệ nói:

*Thường nhịn người hủy báng,
Lìa cầu, sợ không thể,
Do nhẫn tạo Bồ-đề,
Có trí, nhẫn vô tận.*

Giải thích: Kệ này nói công đức lợi tha của Sằn-đề Ba-la-mật. Thường nhịn người hủy báng, nghĩa là chư Bồ-tát trong mọi lúc nếu tất cả chúng sinh đem tất cả những tức giận đến hủy báng Bồ-tát, Bồ-tát đều có thể nhẫn nhịn. Lìa cầu sợ không thể, nghĩa là không cầu trả ơn, không cầu mình sinh về nẻo thiện, không vì sợ hãi, không vì không năng lực.

Kệ nói:

*Thường thể siêng năng làm,
Giết giặc vì vô thượng.
Do tiến tạo Bồ-đề,
Có trí tiến vô tận.*

Giải thích: Kệ này nói công đức lợi tha của Tì-lê-da Ba-la-mật. Thường thì siêng năng làm, nghĩa là chư Bồ-tát tu tinh tiến có 2 tự tính không thể so sánh: một là thế nguyện rộng lớn làm tự tính, hai là phương tiện siêng năng làm tự tính. Giết giặc vì vô thượng, là Bồ-tát tu hành tinh tiến chỉ vì giết giặc phiền não của mình và người để được vô thượng Bồ-đề.

Kệ nói:

*Thường thời tập các định,
Bỏ thiên, sinh hạ xứ.
Do định tạo Bồ-đề,
Có trí định vô tận.*

Giải thích: Kệ này nói công đức lợi tha của Thiên Ba-la-mật. Thường thời tập các định, nghĩa là Bồ-tát có vô biên Tam-ma-đề để tu tập. Bỏ thiên, sinh hạ xứ, nghĩa là xả bỏ sự an lạc trụ ở vô thượng thiên mà đến thụ sinh những nơi thấp kém. Bởi vì sao? Là vì tâm đại bi.

Kệ nói:

*Thường rõ chân các cảnh,
Phật đoạn còn không đấm.
Do trí tạo Bồ-đề,
Có bi trí vô tận.*

Giải thích: Kệ này nói công đức lợi tha của Bát-nhã Ba-la-mật. Thường rõ chân các cảnh, nghĩa là rõ chân tức tướng đệ nhất nghĩa để bình đẳng vì trí nhân pháp 2 vô ngã. Các cảnh, nghĩa là vô biên vì danh tướng sai biệt. Phật đoạn còn không đấm, nghĩa là Phật đoạn là chỉ Niết-bàn. Chư Bồ-tát tu Bát-nhã còn không đấm trước Niết-bàn của Phật hướng chi là cầu sinh tử. Trong đây 5 Ba-la-mật bao gồm trí vô phân biệt nên công đức vô tận cho đến vô dư Niết bàn. Bát-nhã Ba-la-mật bao gồm đại bi nên công đức vô tận hằng không bỏ chúng sinh.

Sáu kệ nói riêng công đức lợi tha xong, tiếp một kệ nói chung các nghĩa trước.

Kệ nói:

*Rộng lớn và không cầu,
Tối thắng và vô tận.
Phải biết mỗi một độ,
Đủ 4 đức như nhau.*

Giải thích: Bốn công đức là: 1. Công đức rộng lớn. 2. Công đức không cầu. 3. Công đức tối thắng. 4. Công đức vô tận. Sáu kệ trước câu thứ nhất nói công đức rộng lớn vì lợi nhiều chúng sinh. Câu thứ hai nói công đức không cầu. Câu thứ ba nói công đức tối thắng. Câu thứ tư nói công đức vô tận. Lại nữa 6 Ba-la-mật lại có công đức thanh tịnh.

Kệ nói:

*Được thấy và toại nguyện,
Cầu hợp 3 vui mừng.
Bồ-tát đổi tướng vui,
Kia thoái bi rất mực.*

Giải thích: Kệ này nói công đức thanh tịnh của Đàn Ba-la-mật. Kia cầu xin thì đổi với Bồ-tát sinh 3 vui mừng: 1. Vui mừng khi được thấy. 2. Vui mừng khi toại nguyện. 3. Vui mừng khi thấy cầu và cầu toại nguyện. Bởi khi không thấy, khi không toại nguyện thì không sinh vui mừng. Bồ-tát trong mọi lúc đổi với người cầu xin thì đổi lấy 3 cái vui mừng của người kia sinh vui mừng của mình: 1. Vui mừng được thấy người kia. 2. Vui mừng khi làm người kia toại nguyện. 3. Vui mừng khi cầu thấy cầu toại nguyện. Trong đây phải biết 3 cái vui mừng của người cầu xin kia không bằng 3 cái vui mừng của Bồ-tát. Bởi vì sao? Vì Bồ-tát đầy đủ đại bi.

Kệ nói:

*Tự thân, của, quyền thuộc,
Do bi hằng vui thí.
Kia 3 hạnh xa lìa,
Do gì không giữ cấm?*

Giải thích: Dưới đây nói công đức thanh tịnh của Thi Ba-la-mật. Kệ này nói xa lìa 3 ác hạnh của thân. Bồ-tát đối với thân mạng mình, của cải của mình, quyền thuộc của mình, vì lòng đại bi còn vui vẻ muốn thí cho người, huống chi là thân mạng người, của cải của người, quyền thuộc của người mà không giữ cấm xa lìa 3 thứ ấy ư?

Kệ nói:

*Bất cố và bình đẳng,
Không sợ và khắp cho.
Tâm bi lớn thì lý gì
Hại người mà vọng ngữ?*

Giải thích: Kệ này nói xa lìa ác hạnh vọng ngữ. Phạm khởi vọng ngữ có 4 nhân duyên: 1. Vì tự lợi do luyện ái thân mạng. 2. Vì lợi tha do lợi sinh ái. 3. Vì sợ hãi do sợ pháp vua. 4. Vì cầu của cải do cần thiết. Bồ-tát thì không như vậy: 1. Không quan tâm không luyện tiếc thân mạng. 2. Bình đẳng coi thân người như thân mình. 3. Không sợ hãi vì lìa 5 thứ sợ hãi. 4. Cho khắp vì đem tất cả vật sở hữu cho tất cả. Tâm bi của Bồ-tát hằng sâu thì có lý do gì khởi vọng ngữ?

Kệ nói:

*Bình đẳng làm lợi ích,
Đại bi sợ người khổ.
Siêng thành thực chúng sinh,
Sợ 3 lỗi ngữ nghiệp.*

Giải thích: Kệ này nói xa lìa 3 ác hạnh khác của ngữ nghiệp. Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh hằng làm lợi ích bình đẳng, lẽ nào muốn phá hoại quyền thuộc của người mà nói lời đâm thọc? Đại bi của Bồ-tát hằng muốn cứu vớt khổ cho tất cả chúng sinh. Bồ-tát rất sợ người khổ, lẽ nào muốn làm khổ người khác mà nói lời thô ác. Bồ-tát hằng tu hành siêng năng chân chính, hằng muốn thành thực tất cả chúng sinh, lẽ nào muốn không thành thực người mà nói lời xảo quyệt? Cho nên Bồ-tát có thể lìa rất xa 3 lỗi ngữ nghiệp này.

Kệ nói:

*Khấp cho và tâm bi,
Rất giỏi pháp duyên khởi,
Vì sao không thể nhẫn,
Ba phiền não của ý?*

Giải thích: Kệ này nói xa lìa 3 ác hạnh của ý nghiệp. Bồ-tát do khấp cho tất cả vật sở hữu của mình nên lìa tham phiền não, do đại bi nên lìa sân phiền não, do rất giỏi pháp duyên khởi nên lìa tà kiến phiền não. Như vậy đối trị tất cả phá giới sai biệt là công đức thanh tịnh giới của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Người tổn được tướng ích,
Việc khổ sinh tướng vui.
Bồ-tát đã như vậy,
Nhẫn ai nhẫn việc gì?*

Giải thích: Kệ này nói công đức thanh tịnh của Sân-đề Ba-la-mật. Người tổn được tướng ích, nghĩa là Bồ-tát đối với người không làm ích lợi cho mình thì nghĩ mình được ích lợi nên cần phải nhẫn nhục. Bởi vì sao? Vì thành cái nhân nhẫn nhục. Việc khổ sinh tướng vui, nghĩa là Bồ-tát trong khi chịu khổ lại sinh ý tưởng vui mừng.

Bởi vì sao? Vì thành tựu cái nhân lợi tha. Bồ-tát đã không đâu khởi tướng không lợi ích, không đâu khởi tướng khổ thì khởi nhân với ai khởi nhân việc gì?

Kệ nói:

*Bồ-tát đoạn tha tướng,
Yêu người hơn yêu mình.
Với người, việc khó làm,
Tinh tiến tức không khó.*

Giải thích: Kệ này nói công đức thanh tịnh của Tì-lê-da Ba-la-mật. Bồ-tát vì người làm việc khó làm thì tinh tiến nên thành không khó. Bởi vì sao? Vì đoạn tha tướng, và trong mọi lúc yêu người hơn yêu mình. Bồ-tát vì người tinh tiến như vậy, lẽ nào lại có chuyện khó làm? Cho nên thanh tịnh tinh tiến.

Kệ nói:

*Thiếu lạc, 2 tự lạc,
Vì trước, thoái, tận, si.
Là thiên 3 hạng người,
Thiên Bồ-tát khác chúng.*

Giải thích: Kệ này nói công đức thanh tịnh của Thiên Ba-la-mật. Thiếu lạc, là thiên thế gian. Hai tự lạc, là thiên Thanh Văn và thiên Duyên Giác. Thiên thế gian thì chấp trước kiến giải của mình. Thiên nhị thừa thì chấp trước Niết-bàn. Thoái, là nói thiên thế gian. Tận, là nói thiên nhị thừa, vì khi đến vô dư Niết-bàn là hết. Si, là thiên của 3 hạng người theo chỗ thích ứng có nhiễm si và không nhiễm si. Thiên Bồ-tát khác chúng, nghĩa là ngược lại với thiên của 3 hạng người kia. Bởi vì sao? Vì nhiều vui, vì mình vui người vui, vì không chấp trước, vì không thoái lui, vì không hết, vì không si. Đó gọi là công đức thanh tịnh của thiên định.

Kệ nói:

*Tôi đưng và 2 đèn,
Trí 3 người như vậy.
Như mặt trời chiếu sáng,
Trí Bồ-tát khôn sánh.*

Giải thích: Kệ này nói công đức thanh tịnh của Bát-nhã Ba-la-mật. Ví như trong tối dùng tay đưng chạm đồ vật, trí phàm phu cũng như vậy. Bởi vì sao? Vì chỉ được một ít cảnh, không rõ ràng, không hằng định. Ví như 2 ngọn đèn chiếu đồ vật trong nhà, trí người Thanh Văn và trí Duyên Giác cũng như vậy. Bởi vì sao? Vì chỉ được một ít cảnh, sáng tỏ dần dần, chưa triệt để thanh tịnh. Ví như ánh sáng mặt trời chiếu vạn vật, trí Bồ-tát cũng vậy. Bởi vì sao? Vì được mãn khắp tất cả, vì sáng rõ, vì cực kỳ thanh tịnh. Không gì có thể so sánh như vậy, đó là công đức thanh tịnh Bát-nhã của Bồ-tát.

Lại có 8 thứ công đức vô thượng hậu hữu của 6 Ba-la-mật.

Kệ nói:

*Y, loại, duyên, hồi hướng,
Nhân, trí, điền, y chỉ.
Tám tối thắng như vậy,
Đó là nghĩa vô thượng.*

Giải thích: Tám vô thượng là: 1. Y. 2. Loại. 3. Duyên. 4. Hồi hướng. 5. Nhân. 6. Trí. 7. Điền. 8. Y chỉ.

Hỏi: Tám cái này đối với 6 độ vì sao được vô thượng?

Đáp: Đàn y, là dựa vào Bồ-tát. Đàn loại, là có 3 thứ: 1. Vật thí, bởi xả thân mạng mình. 2. Vô úy thí, bởi cứu tế sự sợ hãi sinh tử trong ác đạo. 3. Pháp thí, bởi nói pháp Đại thừa. Đàn duyên, là lấy đại bi làm duyên khởi. Đàn hồi hướng, là để cầu Đại Bồ-đề. Đàn nhân, là bởi nghiệp thí đời trước huân tập chủng tử làm nhân. Đàn trí,

là dùng trí vô phân biệt quán sát tam luân, không phân biệt người thí, người nhận và tài vật. Đàn điền, là ruộng có 5 người: 1. Người cầu. 2. Người khỏ. 3. Người không nương tựa. 4. Người làm ác. 5. Người đủ đức. Phải biết trong đây lấy người đủ đức thắng làm tối thượng. Đàn y chỉ, là do 3 thứ y chỉ: 1. Y chỉ tín hướng. 2. Y chỉ tư duy. 3. Y chỉ Tam-muội. Y chỉ tín hướng, nghĩa là như trong phân biệt tu có nói tín tư duy. Y chỉ tư duy, nghĩa là như trong phân biệt tu có nói vị tư duy, tùy hỷ tư duy, hy vọng tư duy. Y chỉ Tam-muội, nghĩa là y vào Kim cương tạng các định v.v... như trong thế lực y chỉ tu có nói. Như vậy y v.v... là vô thượng nên Đàn được vô thượng. Như Đàn 8 vô thượng, giới v.v... 5 Ba-la-mật 8 vô thượng cũng vậy. Trong đây phẩm loại vô thượng của giới là giới BỒ-tát. Phẩm loại vô thượng của nhẫn, là đến giết BỒ-tát là thấp hèn liệt nhục. Phẩm loại vô thượng của tinh tiến, là tu các Ba-la-mật, đoạn dứt đối trị. Phẩm loại vô thượng của thiên, là Tam-ma-đề của BỒ-tát. Phẩm loại vô thượng của trí, là duyên cảnh như như. Giới v.v... do thắng điền vô thượng, là pháp Đại thừa. Ngoài ra 6 vô thượng khác như nói trong đàn.

Lại nữa, đàn và tinh tiến lại có các công đức sai biệt không chung.

Hỏi: Sai biệt của đàn như thế nào?

Kệ nói:

*Thí một khiến được vui,
Nhiều kiếp tự chịu khổ.
Còn thí vì yêu sâu,
Huống chi lại được lợi.*

Giải thích: Nếu các BỒ-tát thí cho một chúng sinh khiến kia được vui mà tự thân phải chịu nhiều kiếp bần cùng cũng vẫn thí không keo kiệt vì thương yêu sâu. Thương yêu sâu, là bi sai biệt. Huống chi thí cho một chúng sinh khiến kia được vui, tự thân nhiều kiếp được phúc lợi lớn.

Kệ nói:

*Người xin tùy ý muốn,
Bồ-tát xả tất cả.
Kia cầu vì bản thân,
Lợi kia trăm thứ thí.*

Giải thích: Nửa kệ trên nói tổng quát, nghĩa là tùy người kia cần gì Bồ-tát đều xả tất cả. Nửa kệ dưới giải thích, nghĩa là người xin vì lợi cho mình nên muốn được tất cả. Bồ-tát vì lợi tha nên trăm thứ đều xả hết.

Kệ nói:

*Xả thân còn không khổ,
Huống chi là của cải.
Vì được vui xuất thế,
Khởi khổ là vô thượng.*

Giải thích: Khi Bồ-tát xả thân, do tâm nên không sinh khổ. Tâm này hiển thị tâm xuất thế gian của Bồ-tát. Bởi vì sao? Vì được hoan hỷ.

Hỏi: Niềm vui này được từ đâu?

Đáp: Được từ khởi khổ. Cho nên khởi khổ là vô thượng của Bồ-tát. Cho nên Bồ-tát là ở trên xuất thế gian.

Kệ nói:

*Người xin được tất cả,
Được vui chẳng vui lớn.
Bồ-tát xả tất cả,
Vui kia là vui lớn.*

Giải thích: Những gì người xin cần, Bồ-tát đều thí. Người xin được vui. Cái vui này chẳng phải vui lớn. Hỏi: Vì sao? Đáp: Vì Bồ-tát đều xả, vui vì người kia được của cải. Cái vui này lớn hơn cái vui kia.

Kệ nói:

*Người xin được tất cả,
Của của chẳng thấy giàu,
Bồ-tát xả tất cả,
Không của mà đại phú.*

Giải thích: Kệ này hiển thị sai biệt của cái vô tận của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Người xin được tất cả,
Chẳng tưởng được lợi lớn.
Bồ-tát xả tất cả,
Là được ích lợi lớn.*

Giải thích: Đây hiển thị sai biệt đại bi của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Người xin lấy tự nhiên,
Như hái trái bên đường.
Bồ-tát hành đại xả,
Người khác không làm được.*

Giải thích: Đây hiển thị sai biệt về sự không tham trước của Bồ-tát.

Hỏi: Đã nói sai biệt về công đức không chung của Đàn, vậy sai biệt về công đức không chung của tinh tiến thế nào?

Kệ nói:

*Thắng, nhân, y, nghiệp, chủng,
Đối trị, có khác nhau.
Như vậy có 6 nghĩa,
Của sai biệt tinh tiến.*

Giải thích: Tinh tiến có 6 thứ sai biệt: 1. Thắng sai biệt. 2. Nhân sai biệt. 3. Y chỉ sai biệt. 4. Nghiệp sai biệt. 5. Chủng sai

biệt. 6. Đối trị sai biệt. Kệ này nêu tổng quát. Các kệ khác giải thích riêng.

Kệ nói:

*Bạch pháp tiến trên hết,
Tiến cũng là thắng nhân.
Và được các thiện pháp,
Thì tiến là y chỉ.*

Giải thích: Kệ này nói thắng sai biệt, nhân sai biệt vì y chỉ sai biệt của tinh tiến. Bạch pháp tiến trên hết, là nói tối thắng sai biệt, vì trong tất cả thiện pháp tinh tiến được nói là tối thắng. Tiến cũng là thắng nhân, là nói nhân sai biệt, vì tinh tiến được nói là nhân vô thượng. Và được các thiện pháp, thì tiến là y chỉ. Đây là nói y chỉ sai biệt, vì do y chỉ tinh tiến mà được tất cả thiện pháp.

Kệ nói:

*Hiện lạc cùng thế pháp,
Xuất thế và của cải.
Động tĩnh và giải thoát,
Bồ-đề 7 là nghiệp.*

Giải thích: Kệ này nói nghiệp sai biệt của tinh tiến. Nghiệp sai biệt này có 7 thứ: 1. Được trụ trong niềm vui hiện pháp. 2. Được pháp thế gian. 3. Được pháp xuất thế gian. 4. Được của cải. 5. Được động tĩnh. Động tính là do thế gian không cứu cánh. 6. Được giải thoát, do đoạn thân kiến. 7. Được Bồ-đề. Bồ-đề là do Đại Bồ-đề.

Kệ nói:

*Tăng giảm và tăng thượng,
Xả chướng và nhập chân,
Chuyển y và đại lợi,
Là 6 thứ tinh tiến.*

Giải thích: Kệ này nói các thứ sai biệt của tinh tiến. Chung sai biệt có 6 thứ: 1. Tăng giảm tinh tiến, là 4 chính căn, vì giảm 2 ác pháp, tăng 2 thiện pháp. 2. Tăng thượng tinh tiến, là 5 căn, vì có nghĩa tăng thượng đối với pháp giải thoát. 3. Xả chướng tinh tiến, là 5 lực, vì chướng ngại kia không thể chướng ngại. 4. Nhập chân tinh tiến, là 7 giác phần, vì do kiến đạo thiết lập. 5. Chuyển y tinh tiến, là 8 thánh đạo phần, vì do tu đạo là nhân chuyển y cứu cánh. 6. Đại lợi tinh tiến, là 6 Ba-la-mật, vì tự lợi lợi tha.

Kệ nói:

*Chung lại có 5 khác,
Hoằng thệ rồi phát hành,
Vô hạ và bất động,
Thứ 5 là vô yếm.*

Giải thích: Năm khác là: 1. Hoằng thệ tinh tiến, là muốn phát khởi hạnh. 2. Phát tinh tiến, là các thiện hiện hành. 3. Vô hạ tinh tiến, là được quả lớn vì không có hạ thể. 4. Bất động tinh tiến, là các khổ lạnh nóng v.v...không làm lay động. 5. Vô yếm tinh tiến, là không vì được chút ít cho là đủ. Năm thứ này như trong kinh nói có hoằng thệ tinh tiến, có hiện khởi tinh tiến, có dừng mãi tinh tiến, có kiên cố tinh tiến và có tinh tiến không bỏ Phật đạo. Trong các thiện pháp, nên biết theo thứ tự ấy.

Kệ nói:

*Ba thứ hạ trung thượng,
Là do y 3 thừa.
Và 2 hạ thượng giác,
Vì lợi có tiểu đại.*

Giải thích: Tinh tiến y nhân sai biệt kia lại có 3 thứ và 2 thứ. Ba thứ là y sai biệt của hành nhân 3 thừa theo thứ tự tinh tiến hạ trung thượng.

Hỏi: Vì nguyên nhân gì lại có 2 thứ?

Đáp: Vì hạ thượng giác. Hạ giác, là y hành nhân nhị thừa, thượng giác, là y hành nhân Đại thừa, theo thứ tự nói tiểu lợi và đại lợi. Bởi vì sao? Vì tự lợi và vì tha lợi.

Kệ nói:

*Tài trước, phiền não trước,
Yém trước, tri túc trước.
Bốn trước không thể lui,
Đối trị chia 4 thứ.*

Giải thích: Kệ này nói đối trị sai biệt của tinh tiến do đối trị 4 thứ nhiễm trước. Có 4 thứ không thoái lui nên nói 4 thứ đối trị sai biệt.

Hỏi: Đây là thể nào?

Đáp: Đản v.v... các hạnh do 4 thứ nhiễm trước làm chướng ngại mà không tiến hành được: 1. Tài trước, là rất đắm trước bốn sèn tiền của. 2. Phiền não trước, là khởi nhiễm trước với tiền của. 3. Yém trước, là đối với hạnh bố thí v.v...sinh chán nản. 4. Tri túc trước, là bố thí v.v... được chút ít thì vui mừng cho là đủ. Người tu hạnh tinh tiến đối trị 4 thứ đắm trước này có thể không thoái lui, nên nói là 4 thứ đối trị sai biệt.

Đã nói xong công đức của 6 Ba-la-mật, tiếp nói sự hiển thị lẫn nhau của 6 Ba-la-mật.

Kệ nói:

*Tương nhiếp và sai biệt,
Y pháp và làm nhân,
Sáu độ tác thành nhau,
Phân biệt nhất thiết chủng.*

Giải thích: Sáu Ba-la-mật tác thành cho nhau, tự có 4 nghĩa: 1. Tương nhiếp. 2. Sai biệt. 3. Y pháp. 4. Làm nhân.

Tương nhiếp, nghĩa là như vô úy thí bao gồm giới và nhẫn 2 độ, do 2 độ này có thể cho sự không sợ hãi. Pháp thí bao gồm định và trí 2 độ, do 2 độ này có thể cho pháp. Cả 2 thí ở trong tinh tiến 1 độ, do một độ này có thể thực hành 2 thí.

Hỏi: Giới gồm bao nhiêu thứ?

Đáp: Gồm giới thiện pháp, tất cả thí v.v... đều gồm. Cũng như vậy nhẫn v.v... bao gồm lẫn nhau theo chỗ nên làm.

Sai biệt, nghĩa là đàn v.v... 6 thứ tức là 6 thí, như thí thí, giới thí ... cho đến Bát-nhã thí vì đối với cái khác liên tục thiết lập đàn v.v...

Y pháp, nghĩa là có các kinh là có hiển thị các nghĩa của đàn v.v..., có các nghĩa của đàn là có các kinh hiển thị. Mọi nơi đều thâm nhiếp lẫn nhau.

Làm nhân, nghĩa là đàn là nhân của giới v.v... Bởi vì sao? Vì không nặng tiền của mới có thể tu hành giới v.v... Giới cũng là nhân của thí v.v... Bởi vì sao? Vì Ti-khuru thụ hộ có thể xả tất cả những gì đã thụ. Trụ giới, là có thể đầy đủ nhẫn v.v... Lại nữa thụ giới nhiếp thiện pháp là đàn v.v.. nên như vậy nhẫn v.v... làm nhân cho nhau theo chỗ nên làm.

Như vậy đã nói xong nghĩa của 6 Ba-la-mật, tiếp nói hạnh tứ nhiếp.

Kệ nói:

*Bố thí và ái ngữ,
Lợi hành và đồng lợi.
Thí bình và kia nói,
Kiến lập và tự hành.*

Giải thích: Tứ nhiếp là: 1. Bố thí nhiếp. 2. Ái ngữ nhiếp. 3. Lợi hành nhiếp. 4. Đồng lợi nhiếp. Thí bình, tức bố thí nhiếp. Kia nói, là

ái ngữ nhiếp, vì nói nghĩa của Ba-la-mật. Kiến lập, là lợi hành nhiếp, vì kiến lập chúng sinh trong Ba-la-mật. Tự hành, là đồng lợi nhiếp, vì kiến lập cho người rồi tự mình cũng tu hành như vậy.

Hỏi: Vì sao nói thể của tứ nhiếp này?

Đáp: Đây là nói các phương tiện nhiếp hóa người.

Kệ nói:

*Nhiếp hóa 4 phương tiện,
Tức là tính 4 nhiếp.
Tùy nhiếp và nhiếp thủ,
Chính chuyển và tùy chuyển.*

Giải thích: Bồ thí là phương tiện tùy nhiếp, vì do tài thí tùy theo người khởi nhiếp. Ái ngữ, là phương tiện nhiếp thủ, vì do vô tri, nghi ngờ nên khiến tiếp nhận nghĩa. Lợi hành, là phương tiện chính chuyển, vì do tu hạnh này các thiện chuyển. Đồng lợi, là phương tiện tùy chuyển, vì Bồ-tát tự làm như đã nói, chúng sinh biết rồi nhưng trước chưa làm thiện Bồ-tát cũng theo chúng mà làm.

Hỏi: Nghiệp của tứ nhiếp như thế nào?

Kệ nói:

*Thành khí và khiến tin,
Khiến làm, khiến giải thoát.
Như vậy làm 4 việc,
Là nghiệp của tứ nhiếp.*

Giải thích: Bồ thí, là có thể khiến pháp thành khí, do tùy thuận tài mà có thể kham thụ pháp. Ái ngữ, là có thể khiến từ pháp khởi lòng tin, do nghĩa của giáo pháp mà nghi kia đoạn dứt. Lợi hành, là có thể khiến từ pháp khởi tu hành, do dựa theo pháp mà thực hành. Đồng lợi, là có thể khiến kia được giải thoát, do tu hành thanh tịnh thời gian lâu được lợi ích. Đó là nghiệp của tứ nhiếp.

Hỏi: Thế Tôn cũng nói nhị nhiếp. Đó là nghĩa thế nào?

Kệ nói:

*Bốn thế nói 2 nhiếp,
Tà nhiếp và pháp nhiếp.
Tài 1 pháp có 3,
Tuần tự gồm 4 nhiếp.*

Giải thích: Thế của 4 nhiếp này Thế Tôn các nơi khác có nói là 2 nhiếp. Đó là tài nhiếp và pháp nhiếp. Tức lấy 2 nhiếp này bao gồm 4 nhiếp. Tài nhiếp là 1 nhiếp đầu. Pháp nhiếp gồm 3 nhiếp sau.

Hỏi: Thế nào là gồm 3 sau?

Đáp: Pháp có 3 thứ: 1. Pháp sở duyên. 2. Pháp sở hành. 3. Pháp sở tịnh, theo tuần tự đó gồm 3 nhiếp sau.

Kệ nói:

*Hạ trung thượng sai biệt,
Như vậy tứ nhiếp chủng,
Bội vô và bội hữu,
Thuần hợp có 3 ích.*

Giải thích: Tứ nhiếp chủng có 3 sai biệt là hạ trung và thượng, do các Bồ-tát gồm người 3 thừa sai biệt. Do 3 thứ sai biệt này tuần tự có 3 ích: 1. Bội vô ích. 2. Bội hữu ích. 3. Thuần hữu ích. Bội vô ích, là gồm Bồ-tát trong giải hành địa. Bội hữu ích, là gồm Bồ-tát nhập đại địa. Thuần hữu ích, là gồm Bồ-tát từ bát địa trở lên. Do quyết định đó có thể khiến chúng sinh thành tựu.

Kệ nói:

*Bồ-tát nhiếp chúng sinh,
Y 4 phương tiện đây,
Lợi lớn và dễ thành,
Nên được khen 3 ích.*

Giải thích: Nếu các Bồ-tát muốn nhiếp hóa đồ chúng, tất cả đều phải dựa vào tứ nhiếp này làm phương tiện. Bởi vì sao? Bởi tất cả lợi ích lớn được thành tựu. Bởi đó là phương tiện dễ dàng. Bởi được chư Phật khen ngợi.

Kệ nói:

*Tứ nhiếp trong 3 đời,
Luôn nhiếp hóa chúng sinh,
Thành tựu chúng sinh đạo,
Không gì ngoài tứ nhiếp.*

Giải thích: Tứ nhiếp pháp này trong 3 đời đã nhiếp hóa, sẽ nhiếp hóa, đang nhiếp hóa tất cả chúng sinh. Cho nên pháp tứ nhiếp này là con đường thành thực chúng sinh, không con đường nào khác, vì các con đường khác là vô thể.

Đã nói riêng 4 nhiếp trong 6 độ xong, tiếp dùng một kệ tổng kết các nghĩa trước.

Kệ nói:

*Không đắm và vắng lặng,
Nhẫn nại, ý chí mạnh,
Bất động và lia tướng,
Gồm nhiếp hóa chúng sinh.*

Giải thích: Kệ trên 3 câu đầu tổng kết nghĩa của 6 độ. Một câu dưới kết nghĩa của 4 nhiếp. Hiểu nghĩa kệ như đã giải thích ở trước, Bồ-tát dùng 6 hạnh này thực hành 4 pháp nhiếp hóa này. Hiện thị 6 Ba-la-mật, thành tựu tự lợi lợi tha, thành tựu tứ nhiếp cũng như vậy. Cho nên theo thứ tự đó trước nói 6 độ, sau nói 4 nhiếp.

Xong Phẩm độ nhiếp.

HẾT QUYỂN 8

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH

QUYỂN 9

Phẩm 18: CÚNG DƯỜNG

Giải thích: Đã nói về nghiệp tụ tập các hành, chưa nói cúng dường Như Lai. Nay sẽ nói về cúng dường.

Kệ nói:

*Y, vật, duyên, hồi hướng,
Nhân, trí, ruộng, y chỉ.
Như vậy 8 cúng dường,
Cúng dường chư Như Lai.*

Giải thích: Cúng dường chư Như Lai lược nói có 8 thứ: 1. Y cúng dường. 2. Vật cúng dường. 3. Duyên khởi cúng dường. 4. Hồi hướng cúng dường. 5. Nhân cúng dường. 6. Trí cúng dường. 7. Ruộng cúng dường. 8. Y chỉ cúng dường.

Hỏi: Tám thứ này có nghĩa như thế nào?

Kệ nói:

*Hiện tiền không hiện tiền,
Y phục cùng ẩm thực ...
Thâm khởi thiện tịnh tâm,
Vì mãn nơi 2 tụ.*

*Thường nguyện sinh đời Phật,
Tam luân không phân biệt,
Thành thực các chúng sinh,
Tối hậu 11 thứ.*

Giải thích: Hai bài kệ 8 câu này hiển thị 8 nghĩa ở trước. Hiện tiền không hiện tiền, nghĩa là y cúng dường, tức y vào hiện tại và quá khứ vị lai chư Phật mà cúng dường. Y phục âm thực v.v..., là vật cúng dường vì dùng các thứ y phục v.v... mà cúng dường. Thâm khởi thiện tịnh tâm, là duyên khởi cúng dường, vì đem tâm tịnh tín sâu sắc mà cúng dường. Vì mãn nơi 2 tụ, là hồi hướng cúng dường, vì đầy đủ phúc trí 2 tụ mà cúng dường. Thường nguyện sinh đời Phật, là nhân cúng dường, do đời trước có nguyện sinh vào đời có Phật, khiến ta cúng dường có ích chứ chẳng luống không. Tam luân không phân biệt, là trí cúng dường. Thiết cúng, thụ cúng và vật cúng 3 việc là bất khả đắc. Thành thực các chúng sinh, là ruộng cúng dường. Chúng sinh là ruộng, vì dạy chúng cúng dường khiến trồng căn lành. Tối hậu 11 thứ, là y chỉ cúng dường. Y chỉ này có 11 thứ: 1. Y chỉ vật, do dựa vào tài vật mà cúng dường. 2. Y chỉ tư duy, là do dựa vào vị tư duy, tùy hỷ tư duy, hy vọng tư duy. 3. Y chỉ tín, là do tin Đại thừa mà phát tâm Bồ-đề. 4. Y chỉ nguyện, là do phát thệ nguyện rộng lớn. 5. Y chỉ bi, là do thương xót chúng sinh. 6. Y chỉ nhẫn, là do làm được việc khó làm. 7. Y chỉ hành, là do các Ba-la-mật. 8. Y chỉ chính niệm, là do như pháp không điên đảo. 9. Y chỉ chính kiến, là do như thật hiểu rõ. 10. Y chỉ giải thoát, là do phiền não Thanh Văn diệt. 11. Y chỉ chân thật, là do được Đại Bồ-đề.

Hỏi: Các loại cúng dường sai biệt như thế nào?

Kệ nói:

*Nhân quả và trong ngoài,
Thô tế và lớn nhỏ.*

*Xa và gần sai biệt,
Là các loại cúng dường.*

Giải thích: Đồi v.v... sai biệt là các loại cúng dường sai biệt. Kia quá khứ là nhân, hiện tại là quả, hiện tại là nhân vị lai là quả. Như vậy nhân quả là quá khứ vị lai hiện tại. Trong , là mình tự cúng dường. Ngoài, là khiến người cúng dường. Thô, là lợi cúng dường. Tế, là tùy thuận cúng dường. Nhỏ, là liệt cúng dường. Lớn, là thắng cúng dường. Có tâm ngã mạn là liệt, không ngã mạn là thắng vì tam luân không phân biệt. Xa, là muốn sau sẽ cúng dường. Gần, là cúng dường ngay hiện bây giờ. Lại nữa, cách đời cúng dường là xa. Cúng dường không gián đoạn là gần. Lại nữa, phát nguyện muốn cúng dường vào đời vị lai là xa. Phát nguyện cúng dường ngay hiện tại là gần.

Hỏi: Những gì cúng dường Như Lai được cho là trên hết?

Kệ nói:

*Cúng dường chư Như Lai,
Trên hết do tự ý.
Tín, tâm, thông, phương tiện,
Hòa hợp là 5 thắng*

Giải thích: Có 5 thứ tự ý cúng dường Như Lai. Cúng dường này là cúng dường trên hết. Những gì là 5? Một là tịnh tín. Hai là thâm tâm. Ba là Thần thông. Bốn là phương tiện. Năm là hòa hợp.

Tịnh tín, là nơi pháp Đại thừa nói cúng dường sinh tín tâm thanh tịnh. Thâm tâm có 9 thứ: một tâm một vị, hai tâm tùy hỷ, ba tâm hy vọng, bốn tâm không chán, năm tâm rộng lớn, sáu tâm thắng hỷ, bảy tâm thắng lợi, tám tâm không nhiễm, chín tâm thiện tịnh. Chín tâm này như nói trong tu các Ba-la-mật. Thần thông, nghĩa là dựa vào Hư không tạng v.v... các Tam-ma-đề. Phương tiện, nghĩa là

gồm trong phương tiện trí vô phân biệt. Hòa hợp, nghĩa là tất cả các Đại Bồ-tát hòa hợp một quả vào tất cả quả.

Xong Phẩm cúng dường.

Phẩm 19: THÂN CẬN

Giải thích: Đã nói cúng dường Như Lai, thế nào là thân cận thiện tri thức?

Kệ nói:

*Như trước cúng dường Phật,
Lược nói có 8 thứ.
Thân cận thiện tri thức,
Phải biết cũng 8 thứ.*

Giải thích: Phải biết gần gũi thiện tri thức cũng có y v.v... 8 thứ.

Hỏi: Tám nghĩa trong đây như thế nào?

Kệ nói:

*Điều, tĩnh, trừ, đức tăng,
Có dừng A-hàm giàu,
Giác chân giỏi nói pháp,
Bi sâu là thoái giảm.*

Giải thích: Kệ này nói về đệ nhất y thân cận. Nếu thiện tri thức đầy đủ 10 thứ công đức thì nên gần gũi. Những gì là 10? 1. Điều phục. 2. Tịch tĩnh. 3. Hoặc trừ. 4. Đức tăng. 5. Có dừng mãnh. 6. Hiểu kinh. 7. Giác chân. 8. Khéo diễn thuyết. 9. Tâm bi sâu. 10. Là thoái.

Điều phục, là tương ứng với giới do căn điều hòa. Tịch tĩnh, là tương ứng với định do nhiếp trì bên trong. Hoặc trừ, là tín niệm tương ứng với tuệ, phiền não đoạn dứt. Đức tăng, là vì giới định tuệ đầy đủ không khuyết giảm. Có dừng mãnh, là khi làm lợi ích cho

người không biết mệt mỏi. Hiểu kinh vì học hỏi nhiều. Giác chân là vì rõ thật nghĩa. Khéo diễn thuyết vì không điên đảo. Tâm bi sâu, là tuyệt dứt mong cầu. Lìa thoái, là trong mọi lúc diễn nói một cách cung kính.

Kệ nói:

*Kính dưỡng và cấp thị,
Thân tâm cùng tương ưng,
Nguyện lạc và đúng thời,
Chiều ý làm duyên khởi.*

Giải thích: Nửa trên kệ này hiển thị vật thân cận, nửa dưới hiển thị duyên khởi thân cận. Vật thân cận có 3: 1. Cửa cái, nghĩa là cung kính cúng dường. 2. Thân, tùy thuận cung cấp hầu hạ. 3. Tâm, khi cung cấp hầu hạ thân và tâm tương ưng. Duyên khởi thân cận cũng có 3 thứ: 1. Vui vẻ tình nguyện. 2. Biết đúng lúc. 3. Trừ tâm kiêu mạn.

Kệ nói:

*Vì lìa nơi tham đắm,
Vì cầu hạnh tùy thuận,
Tùy thuận như được dạy,
Làm cho người hoan hỷ.*

Giải thích: Nửa trên kệ này hiển thị hồi hướng thân cận. Nửa dưới hiển thị nhân thân cận. Hồi hướng thân cận, nghĩa là không vì tham đắm lợi dưỡng mà chỉ vì tùy thuận tu hành. Nhân thân cận, nghĩa là Bồ-tát tùy thuận tu hành như đã được dạy là nguyên nhân thân cận thiện tri thức. Bởi vì sao? Bồ-tát do sự tùy thuận này khiến thiện tri thức tâm sinh hoan hỷ.

Kệ nói:

*Hiểu rõ nơi 3 thừa,
Khiến thừa mình thành tựu.*

*Thành sinh và tịnh độ,
Vi pháp không vì của.*

Giải thích: Kệ này hiển thị trí điền y chỉ 3 thứ thân cận. Hiểu rõ nơi 3 thừa, khiến thừa mình thành tựu, đây là hiển thị trí thân cận vì hiểu rõ 3 thừa là do trí. Thành sinh và tịnh độ là hiển thị điền thân cận. Điền là ruộng, có 2 thứ: 1. Ruộng chúng sinh. 2. Ruộng cõi Phật.

Hỏi: Hai thứ này sao gọi là ruộng?

Đáp: Vì từ chỗ nghe pháp mà liên tục xây dựng cho chúng sinh, tùy ở nơi cõi Phật mà tu nhân thanh tịnh. Vì pháp không vì của, là hiển thị y chỉ thân cận. Bỏ-tát chỉ lấy pháp lợi đầy đủ làm y chỉ, cho nên thân cận thiện tri thức, chứ không lấy tài lợi đầy đủ làm y chỉ.

Hỏi: Thân cận thiện tri thức có các sai biệt gì?

Kệ nói:

*Nhân quả và tùy pháp,
Trong ngoài và thô tế,
Hơn kém và xa gần,
Là các thứ sai biệt.*

Giải thích: Sai biệt nhân quả, nghĩa là quá khứ thân cận là nhân hiện tại thân cận là quả, hiện tại thân cận là nhân vị lai thân cận là quả. Sai biệt tùy pháp, nghĩa là thiện tri thức lưu bố các pháp môn tùy theo sai biệt đó mà tu hành. Sai biệt trong ngoài, nghĩa là tự mình thân cận là trong, khiến người khác thân cận là ngoài. Sai biệt thô tế, nghĩa là tự mình nghe là thô, nội tâm tư duy là tế. Sai biệt hơn kém, nghĩa là thân cận mà có tâm kiêu mạn là kém, thân cận mà không có tâm kiêu mạn là hơn.. sai biệt xa gần, nghĩa là thân cận trong cõi hiện tại là gần, thân cận trong cõi lai sinh thụ báo là xa. Lại nữa, thân cận trong cõi sinh báo là gần, thân cận trong cõi hậu báo là xa. Lại nữa, thân cận liên tục không gián cách là gần, thân cận cách đời là xa. Lại

nữa, nguyện thân cận nơi hiện tại là gần, nguyện thân cận nơi vị lai là xa.

Hỏi: Những thân cận thiện tri thức như thế nào được gọi là cao tốt?

Kệ nói:

*Thân cận thiện hữu hơn,
Tự ý 5 như trước.
Tín, tâm, thông, phương tiện,
Hòa hợp v.v... khác nhau.*

Giải thích: Như trước cúng dường chư Phật, do 5 thứ tự ý nên được vượt trội hơn cả. Đó là tịnh, tín, thâm tâm, thần thông, phương tiện, hòa hợp. Trong đây thân cận thiện tri thức vượt trội hơn cả cũng vậy. Do tịnh tín, nghĩa là đối với việc nói kinh Đại thừa, thân cận sinh xứ tịnh tín. Do thâm tâm, nghĩa là nói tâm cũng có 9 thứ, đó là vị tâm cho đến thiện tịnh tâm do thân cận tu hành. Do thần thông, nghĩa là y vào Hư không tạng v.v... Tam-ma-đề mà thân cận. Do phương tiện, nghĩa là dựa vào trí vô phân biệt mà nhiếp thủ. Do hòa hợp, nghĩa là chư Đại Bồ-tát dùng một quả nhập vào tất cả quả.

Xong Phẩm thân cận.

Phẩm 20: PHẠM TRỤ

Giải thích: Bồ-tát tu 4 phạm trụ như thế nào?

Kệ nói:

*Phạm trụ có 4 thứ,
Mỗi mỗi có 4 tướng:
Trị chướng và hợp trí,
Chuyển cảnh và thành sinh.*

Giải thích: Phạm trụ là 4 vô lượng, tức từ, bi, hỷ, xả. Trong đây phải biết 4 vô lượng của Bồ-tát mỗi mỗi đều có 4 tướng: 1. Trị chướng, do đối trị đoạn trừ. 2. Hợp trí, được trí vô phân biệt đối trị thắng. 3. Chuyển cảnh, do chúng sinh duyên, pháp duyên, vô duyên. 4. Thành sinh, do thắng tác nghiệp thành tựu chúng sinh.

Hỏi: Những chúng sinh nào là chúng sinh duyên? Những pháp và vô duyên nào là pháp duyên và vô duyên?

Kệ nói:

*Lạc khổ hỷ phiền não,
Đó là chúng sinh duyên.
Pháp duyên, nói pháp ấy,
Vô duyên tức như kia.*

Giải thích: Bốn nhóm chúng sinh là chúng sinh duyên: 1. Nhóm chúng sinh cầu lạc. 2. Nhóm chúng sinh có khổ. 3. Nhóm chúng sinh có vui mừng. 4. Nhóm chúng sinh phiền não. Từ thì đối với nhóm chúng sinh cầu lạc khởi cho lạc hạnh. Bi thì đối với nhóm chúng sinh có khổ khởi cứu vớt khổ hạnh. Hỷ thì đối với nhóm chúng sinh có vui mừng khởi hạnh không lìa. Xả thì đối với nhóm chúng sinh thụ các phiền não khởi hạnh khiến lìa bỏ. Đó gọi là chúng sinh duyên. Pháp duyên, tức nói 4 thứ pháp Phạm trụ gọi là pháp duyên. Vô duyên, tức là như kia vì vô phân biệt nên gọi là vô duyên.

Kệ nói:

*Và như nghĩa kia nên
Nhẫn vị được thanh tịnh.
Gồm cả thân khẩu nghiệp
Cũng hết các phiền não.*

Giải thích: Phải biết 4 thứ hạnh kia. Vô duyên từ, là vì như duyên nên khi được vô sinh pháp nhẫn ở địa thứ 8 thì tất cả thiện

căn cũng được viên mãn vì kia thanh tịnh. Và từ gồm 2 nghiệp thân khẩu sở y, các phiền não cũng hết. Như phiền não sở duyên, nói ý tự thể các phiền não đoạn vì sở duyên đoạn. Trong Tu-đa-la nói như vậy.

Hỏi: Bốn Phạm trụ kia có những hạnh sai biệt gì?

Kệ nói:

*Có động và không động,
Cũng ăn và không ăn.
Phải biết 4 Phạm trụ,
Hành sai biệt như vậy.*

Giải thích: Phải biết 4 Phạm trụ kia có 4 hành sai biệt: 1. Có động. 2. Không động. 3. Ăn. 4. Không ăn.

Động là thoái phần, nghĩa là có thể thoái lui. Không động là trụ phần và thắng phần, không thể thoái lui. Ăn, nghĩa là nhiễm ô, tham đắm mùi lạc thú không có tâm rộng lớn. Không ăn, nghĩa là không nhiễm ô. Các hạnh như thoái v.v... này là sai biệt của Phạm trụ. Chư Bồ-tát trụ trong không động và không ăn, không trụ trong động và ăn.

Hỏi: Chủng loại của Phạm trụ sai biệt như thế nào?

Kệ nói:

*Trước 6 và trước 2,
Hạ địa và hạ tâm,
Tương tự v.v.... là hạ,
Ngược hạ tức là thượng.*

Giải thích: Thượng hạ sai biệt, nghĩa là tự tính bất định địa kia 6 phẩm trước là hạ. Tất cả định địa thì 2 phẩm trước là hạ. Nghĩa là duyên duyên, duyên trung, hạ địa cũng là hạ. Nghĩa là Bồ-tát dưới địa thứ 7 quán thượng địa nên hạ tâm cũng gọi là hạ. Nghĩa là

các Thanh Văn tương tự cũng là hạ. Nghĩa là vì chưa được Bồ-tát vô sinh pháp nhẫn. Như đã nói, ngược lại đây tức là thượng.

Hỏi: Bốn Phạm trụ này được bao nhiêu quả?

Kệ nói:

*Quả báo sinh cõi Dục,
Mãn tụ và thành sinh,
Không lia và lia chướng,
Đầy đủ 5 là quả.*

Giải thích: Bồ-tát trụ các Phạm trụ làm nhân đủ được 5 quả: 1. Sinh trong chúng sinh cõi Dục, là quả báo quả. 2. Hai tụ viên mãn, là tăng thượng quả. 3. Thành thực chúng sinh, là trượng phu quả. 4. Tất cả nơi sinh không lia Phạm trụ, là y quả. 5. Nơi sinh ra hằng lia các chướng kia, là tương ly quả.

Hỏi: Trong Phạm trụ này có những việc gì là tướng của Bồ-tát?

Kệ nói:

*Dẫu gặp nhân duyên chướng nặng,
Và do tự phóng dật,
Muốn biết tướng Bồ-tát,
Phạm tâm không thoái chuyển,*

Giải thích: Bồ-tát có 2 việc Phạm tâm không động là tướng Bồ-tát: 1. Dẫu gặp nhân duyên chướng nặng tâm hoàn toàn không đổi khác, đó là tướng Bồ-tát. 2. Dẫu tự phóng dật, nghĩa là nghĩa là có thể đổi trị lúc không hiện tiền, tâm cũng không đổi khác, đó là tướng Bồ-tát, huông chi lúc vô lượng hiện tiền.

Hỏi: Phạm trụ chướng ngại thế nào?

Kệ nói:

*Bốn Phạm có 4 chướng,
Là sân, nã, ưu dục.*

*Bồ-tát đũa chướng này,
Nhiều thứ tội lỗi khởi.*

Giải thích: Bốn Phạm đối trị đủ 4 chướng theo thứ tự: 1. Sân. 2. Não. 3. Ưu. 4. Dục. Do chướng như vậy nên Phạm là vô thể, nếu có 4 cái này thì lại sinh nhiều thứ tội lỗi.

Hỏi: Nhiều lỗi như thế nào?

Kệ nói:

*Như vậy các phiền não,
Khởi thì có 3 hại.
Tự hại và hại người,
Và hại cả Thi-la.*

Giải thích: Kệ này hiển thị tội lỗi 3 hại: 1. Tự hại là tự khổ tư. 2. Tha hại là làm khổ tư người khác. 3. Thi-la hại là làm đủ khổ tư.

Kệ nói:

*Có hối và mất lợi,
Mất hộ và sự xả,
Trí phạt và tiếng dữ,
Như vậy 6 quả trách.*

Giải thích: Kệ này nói bị 6 thứ quả trách tội lỗi: 1. Tự trách vì lo buồn hối hận. 2. Người quả trách vì mất lợi dưỡng. 3. Chư thiên quả trách do mất sự ủng hộ. 4. Đại sư quả trách do đại sư bỏ. 5. Phạm hạnh quả trách do người trí tuệ Phạm hạnh đúng như pháp trị phạt. 6. Người 10 phương quả trách vì tiếng dữ lan truyền.

Kệ nói:

*Thân sau đọa các nạn,
Phạm trụ nay thoái lui,
Tâm số và bị khổ,
Lại nữa sinh 3 lỗi.*

Giải thích: Kệ này nói sau bị 3 thứ tội lỗi: 1. Đọa vào các nạn do ác nghiệp này đời sau bị ác báo. 2. Thoái hành do đã được thì thoái mất và chưa được thì sẽ thoái mất Phạm trụ hiện tại và vị lai. 3. Khổ sinh do tâm số pháp từ đó sinh đại ưu khổ.

Hỏi: Đã nói tội lỗi vậy những gì là công đức?

Kệ nói:

*Người khéo trụ Phạm trụ,
Xa lìa các ác kia,
Sinh tử không ô nhiễm,
Không bỏ cứu quần sinh.*

Giải thích: Người trụ Phạm trụ được 2 công đức: 1. Xả phiền não, như trước đã nói tội lỗi thấy đều lìa xa. 2. Không bỏ chúng sinh, vì thành thực chúng sinh, sinh tử không thể nhiễm ô.

Hỏi: Đã biết công đức, nhưng làm sao biết công đức này là tối tôn tối thượng?

Kệ nói:

*Như người có một con,
Có đức rất yêu thương,
Bồ-tát đối tất cả,
Khởi Phạm thắng hơn kia.*

Giải thích: Do quá hơn thí dụ này nên hiển thị 4 thứ Phạm trụ của Bồ-tát là tối tôn tối thượng.

Hỏi: Đại bi lấy những chúng sinh nào làm sở duyên?

Kệ nói:

*Nung đốt và oán thắng,
Khổ bức và tối che,
Trụ hiểm và trói chặt,
Ăn độc và mất đạo.*

*Lại có trụ phi đạo,
Và những kẻ gây guộc.
Mười chúng sinh như vậy,
Tâm đại bi sở duyên.*

Giải thích: Bồ-tát đại bi đại khái lấy 10 loại chúng sinh làm cảnh giới: 1. Chúng sinh nung đốt, nghĩa là bị nung đốt bởi dục nhiễm khoái lạc. 2. Chúng sinh oán thắng, nghĩa là khi tu thiện bị ma chướng ngại. 3. Chúng sinh bị khổ bức bách, tức chúng sinh trong tam đồ. 4. Chúng sinh bị tối tăm che khuất, nghĩa là hằng làm nghiệp bất thiện do không biết nghiệp báo. 5. Chúng sinh ở nơi hung hiểm, nghĩa là không thích Niết-bàn do không đoạn tuyệt đường hiểm sinh tử. 6. Chúng sinh trói buộc chặt, nghĩa là ngoại đạo tà kiến do muốn đến giải thoát mà bị các tà kiến trói chặt. 7. Chúng sinh ăn phải chất độc, nghĩa là ăn mùi vị thiên định, ví như thức ăn ngon nhưng lại có xen độc chất có thể hại người. Thiện định cũng vậy, vì tham đắm nên thoái mất. 8. Chúng sinh lạc mất đường, nghĩa là người tăng thượng mạn do mê lầm con đường chân thật giải thoát. 9. Chúng sinh trụ phi đạo, nghĩa là những người hạ thừa bất định do có thoái lui. 10. Chúng sinh gây guộc, nghĩa là chư Bồ-tát chưa đầy đủ trong 2 tụ. Mười loại chúng sinh như vậy là cảnh giới sở duyên của đại bi Bồ-tát. Tiếp nói đại bi đặc quả.

Kệ nói:

*Chướng đoạn và giác nhân,
Dữ lạc và ái quả,
Tự lưu, 5 y quả,
Là người ở gần Phật.*

Giải thích: Chướng đoạn, là tương ly quả vì chướng kia đoạn. Giác nhân, là tăng thượng quả vì lợi ích chúng sinh. Dữ lạc, là trượng phu quả vì trượng phu tạo tác. Ái quả, là quả báo quả vì được báo khả ái. Tự lưu, là y quả vì cùng vị lai thắng bi. Như vậy 5 quả đều

y vào đại bi mà được. Phải biết Bồ-tát như vậy thì cách Phật Bồ-đề không xa.

Đã nói đại bi đặc quả, tiếp nói đại bi không trụ.

Kệ nói:

*Khổ sinh tử làm thể,
Và vô ngã làm tính,
Không chán cũng không sâu,
Vì đại bi thắng giác.*

Giải thích: Tất cả sinh tử lấy khổ làm thể, lấy vô ngã làm tính. Bồ-tát đối với khổ biết được như thật, đối với vô ngã được vô thượng giác. Như vậy được biết giác rồi do đại bi nên trong sinh tử không chán lìa, do thắng giác nên không bị phiền não quấy nhiễu. Cho nên Bồ-tát được không trụ Niết-bàn cũng không trụ sinh tử.

Đã nói đại bi không trụ, tiếp nói công đức của đại bi.

Kệ nói:

*Khi thấy tự tính khổ,
Biết khổ sinh bi khổ.
Cũng biết xả phương tiện,
Hằng tu không chán sinh.*

Giải thích: Bồ-tát quán cái khổ của thế gian, khi thấy tự tính của nó tức sinh bi tâm đối với cái khổ. Nếu xa lìa phương tiện mà cầu biết như thật, biết rồi hằng tu không chán, đó là công đức của đại bi.

Đã nói công đức của đại bi, tiếp nói sai biệt của đại bi.

Kệ nói:

*Tự tính và số trạch,
Túc tập và chương đoạn.*

*Là bi của Bồ-tát,
Bốn sai biệt như thế.*

Giải thích: Đại bi này tùy theo thứ tự có 4 sai biệt: 1. Tự tính, vì thành tự nhiên. 2. Số trách, vì thấy công đức và tội lỗi. 3. Túc tập, vì do tu hành nhiều đời trước. 4. Chương đoạn, vì do được lia dục, đoạn sở tri, não chương thanh tịnh. Lại có 6 thứ sai biệt.

Kệ nói:

*Phi đẳng cũng phi thường,
Phi thâm cũng phi thuận,
Phi đạo, phi bất đắc,
Nghịch 6 đó là bi.*

Giải thích: Ngược lại 6 thứ sai biệt phi đại bi, tức là 6 thứ sai biệt của đại bi: 1. Bình đẳng. 2. Thường hằng. 3. Rất sâu. 4. Tùy thuận. 5. Tịnh đạo. 6. Không được.

Bình đẳng, nghĩa là trong các cảm thụ lạc mà chúng sinh cảm thụ, biết đều là khổ. Thường hằng, là nói cho đến vô dư Niết-bàn cũng không hết. Rất sâu, nghĩa là các Bồ-tát nhập địa đều được tự tha bình đẳng. Tùy thuận, nghĩa là như lý cứu tế tất cả chúng sinh khổ. Tịnh đạo, là đối trị não loạn được đoạn trừ. Không được, nghĩa là khi được pháp nhãn vô sinh thì tất cả pháp là bất khả đắc.

Đã nói xong sai biệt của đại bi, tiếp nói đại bi như cây.

Kệ nói:

*Bi, nhãn, tư, nguyện, sinh,
Thành thực, thứ tự nói.
Gốc lớn đến quả lớn,
Cây bi 6 việc thành.*

Giải thích: Cây đại bi này do 6 việc thành tựu: 1. Đại bi. 2. Nhãn nhục. 3. Tư duy. 4. Thắng nguyện. 5. Thắng sinh. 6. Thành thực. Đây tức 6 vị là gốc, chồi, nhánh, lá, hoa, quả.

Hỏi: Việc này là nghĩa thế nào?

Đáp: Cây này lấy đại bi làm gốc, lấy nhân nhục làm chồi, lấy tư duy lợi ích chúng sinh làm nhánh, lấy nguyện thắng sinh làm lá, lấy sở đắc thắng sinh làm hoa, lấy thành thực chúng sinh làm quả.

Hỏi: Vì sao 6 việc tuần tự trước sau như vậy?

Kệ nói:

*Không bi thì không nhân,
Như vậy 6 tuần tự.
Thắng sinh nếu không được,
Không thành thực chúng sinh.*

Giải thích: Nếu không có đại bi không thể nhân các khổ lớn khó nhân. Nếu không nhân các khổ lớn khó nhân thì không thể khởi tư duy lợi ích chúng sinh. Nếu không tư duy lợi ích chúng sinh thì không thể nguyện thắng sinh. Nếu không nguyện thắng sinh thì không thể đến nơi thắng sinh. Nếu không đến nơi thắng sinh thì không thể thành thực chúng sinh.

Hỏi: Trước sau tương tự như vậy, còn thành lập tương tự như thế nào?

Kệ nói:

*Gốc sinh cho từ nhuận,
Đâm chồi cho rộng vui,
Chính niệm thì nhánh nhiều,
Nguyện tiếp thì lá lớn,
Ngoại duyên thành trở hoa,
Ngoại duyên thành kết trái.
Phải biết gốc bi v.v...
Thứ tự như vậy thành.*

Giải thích: Trong đây thành lập tương tự, nghĩa là tâm bi do tâm từ làm phát sinh tươi tốt. Do có tâm từ thấy người khổ đã sinh

bi khổ, cho nên lấy tâm bi làm gốc. Nhẫn là lấy cái tướng vui có thể khiến nhỏ bỏ. Nghĩa là Bô-tát lợi tha, khổ thì sinh tướng vui, sinh tướng vui rồi có thể khiến đức tính nhẫn nhục được rộng lớn, cho nên lấy nhẫn làm chồi. Tư duy bằng chính niệm có thể khiến tăng tiến. Do nhẫn đã rộng rồi, có thể khởi chính niệm trong các việc lợi tha, cho nên lấy tư duy làm nhánh. Nguyện thì lấy sự liên tục có thể khiến trưởng thành, do trước diệt thì sau sinh ví như lá dài rụng thì lá mới nhú ra, cho nên lấy nguyện làm lá. Sinh thì lấy nội duyên thành, do tự thân thành thực thì thụ sinh không hỏng, cho nên lấy sinh làm hoa. Thành thực thì lấy ngoại duyên làm thành, do tha thân thành thực thì lợi ích không hỏng, cho nên lấy thành thực chúng sinh làm quả. Phải biết thanh lập theo tuần tự như vậy.

Đã nói đại bi như cây, tiếp ca ngợi công đức của đại bi.

Kệ nói:

*Đại bi làm lợi ích,
Ai đối tha không khởi.
Nơi khổ thắng lạc sinh,
Lạc sinh vì bi tâm.*

Giải thích: Nghĩa này như lời kệ nói. Đã tán thán công đức đại bi, tiếp nói đại bi không đấm trước.

Kệ nói:

*Bô-tát bi tự tại,
Vắng lặng thường không trụ.
Đời vui và thân mạng,
Yêu thích khởi chi đâu?*

Giải thích: Tất cả thế gian đều yêu thích khoái lạc thế gian và thân mạng mình. Tất cả Thanh Văn Duyên Giác tuy không yêu thích

đòi khoái lạc và tự thân mạng nhưng đối với Niết-bàn thì khởi tâm bám trụ. Bồ-tát không như vậy, vì đại bi tự tại, nơi Niết-bàn còn không trụ hưởng chi trụ trong 2 yêu thích kia.

Đã nói đại bi không đấm trước, tiếp nói ái thắng của đại bi.

Kệ nói:

*Tham ái chẳng không chướng,
Thế bi, cũng thế gian.
Bồ-tát khởi bi ái,
Chướng hết, và quá thế.*

Giải thích: Bi ái tối thắng tự có 2 nghĩa: một là chướng hết, hai là siêu quá thế gian. Tự thể của yêu thân thuộc và tham là chướng, còn thực hành thế gian bi tâm tuy thể không phải chướng nhưng là thế gian. Bi ái của Bồ-tát tự thể đã hết chướng mà còn siêu quá thế gian, cho nên là tối thắng.

Hỏi: Thế nào là chướng hết?

Kệ nói:

*Có khổ và không trí,
Đại hải và đại ám,
Cứu tế dùng phương tiện,
Làm sao chướng không hết?*

Giải thích: Có khổ là như biển lớn. Không trí tuệ là như sự tối tăm to lớn. Đại bi là phương tiện có thể cứu vớt. Bi ái này thì chướng hết.

Hỏi: Sao gọi là quá thế?

Kệ nói:

*La-hán và Duyên Giác,
Là không có bi ái,*

*Hướng chi các thế gian,
Lẽ nào không siêu quá.*

Giải thích: A-la-hán, Bích-chi-phật còn không có đại bi ái, hướng chi người thế gian mà có được. Nếu vậy không phải vượt quá thế gian sao? Đã nói xong sự vượt trội của đại bi ái, tiếp nói đại bi không chán.

Kệ nói:

*Các Bồ-tát được bi,
Xả khổ mà khởi khổ.
Mới khởi thì sợ khổ,
Khi chứng rất mừng vui.*

Giải thích: Xả khổ, nghĩa là chư Bồ-tát vì đại bi nên muốn xả cái khổ cho người khác. Mà khởi khổ, nghĩa là do xả cái khổ cho người khác mà sinh khởi cái khổ cho chính mình. Mới khởi thì sợ khổ, nghĩa là nói mới tức nói Bồ-tát ở tín hành địa. Các Bồ-tát này trong khi khởi khổ sinh khiếp sợ, do chưa thấy tự tha bình đẳng, do chưa chạm đến như thật của cái khổ. Khi chứng rất vui mừng, nghĩa là nói khi chứng là nói Bồ-tát ở tịnh tâm địa. Các Bồ-tát ấy trong khi khởi khổ sinh rất vui mừng, do thấy được tự tha bình đẳng, do đã chạm đến như thật của khổ. Đã nói xong đại bi không chán, tiếp nói đại bi khổ thắng.

Kệ nói:

*Bi khổ rất hy hữu,
Khổ thắng tất cả vui.
Lại vui vì bi sinh,
Làm xong đâu còn nữa.*

Giải thích: Bi khổ rất hy hữu, nghĩa là từ cái khổ của người khác mà sinh đại bi, từ đại bi mà sinh cái khổ tự mình. Như vậy bi

và khổ có gì hy hữu, mà được quá hơn đây cho nên nói là rất hy hữu. Khổ thắng tất cả vui, nghĩa là cái bi khổ đây hơn tất cả cái vui của thế gian. Hỏi vì sao? Đáp vì lại vui thì bi sinh nên chư Bồ-tát đây lại lấy cái bi khổ làm vui, do khổ này từ đại bi sinh. Làm xong , đâu còn nữa, nghĩa là cái vui đã làm xong kia còn không có hướng cho có những cái khác của thế gian. Đã nói đại bi khổ thắng, tiếp nói đại bi thí thắng.

Kệ nói:

*Thí và bi cùng khởi,
 Khiến Bồ-tát được vui.
 Cái vui trong 3 cõi,
 So đây chẳng phần nào._*

Giải thích: Nếu bố thí với đại bi cùng khởi thì có thể khởi cái vui thù thắng của Bồ-tát. Nghĩa là các cái vui trong 3 cõi nếu so với cái vui tạo ra của đại bi bố thí thì không có một phần nào tương đương được. Đã nói đại bi thí thắng, tiếp đến nói đại bi nhẫn khổ.

Kệ nói:

*Sinh tử khổ tự tính,
 Không bỏ vì tâm bi.
 Khởi khổ do lợi tha,
 Làm sao bỏ không tập?*

Giải thích: Tất cả khổ thấy đều nhập vào trong khổ sinh tử. Chư Bồ-tát do đại bi không bỏ sinh tử, cho nên Bồ-tát khởi khổ là nhân lợi tha. Khi Bồ-tát không bỏ sinh tử tức không bỏ tất cả khổ. Đã nói đại bi nhẫn khổ, tiếp nói đại bi thí quả.

Kệ nói:

*Bi thí tài 3 quả,
 Bi là hằng tăng trưởng.*

*Ái sinh và nhiếp sinh,
Tư sinh có 3 vui.*

Giải thích: Bi thí tài 3 quả, bi là hằng tăng trưởng, nghĩa là Bồ-tát đại bi có thể tăng trưởng 3 thứ quả: 1. Tăng bi, do tu tập nên có thể khiến tự thể tăng trưởng. 2. Tăng thí, do bi tự tại có thể khiến thí được tăng trưởng. 3. Tăng của cải, do thí tự tại nên có thể khiến của cải được tăng trưởng. Ái sinh và nhiếp sinh, tư sinh lại có 3 cái vui, nghĩa là từ 3 quả này lại sinh 3 cái vui: 1. Do bi làm nhân sinh ái sinh vui. 2. Do thí làm nhân sinh nhiếp sinh vui. 3. Do của cải làm nhân sinh vốn sinh vui. Đã nói đại bi tăng quả, tiếp nói đại bi khuyến tiến.

Kệ nói:

*Bi lớn và thí tăng,
Thành sinh và vui khởi,
Nhọc đến rồi lại đi,
Đại bi khuyến như vậy.*

Giải thích: Đại bi khuyến tiến Bồ-tát thực hành 6 thứ công đức. Đại Bi Nghĩa nói: Bồ-tát, người tu tập ta khiến ta tốt tươi thêm lớn. Người xả của cải khiến thí tăng tiến. Người hãy dùng thí thành thực chúng sinh. Người nên dùng thí khiến khởi niềm vui chính mình. Nếu người thí sẽ dẫn đến 2 tụ Đại Bồ-đề và ngoài ra khiến hướng đến mình. Nếu người thí sẽ đem lại 2 tụ và ngoài ra khiến đi đến Đại Bồ-đề. Đã nói đại bi khuyến tiến, tiếp nói đại bi lạc thắng.

Kệ nói:

*Người khổ bi các khổ,
Không thí làm sao vui?
Để khiến mình được vui,
Thí vui cứu khổ người.*

Giải thích: Người khổ bi các khổ, nghĩa là chư Bồ-tát dùng bi khởi các khổ, cho nên gọi là người khổ. Không thí làm sao vui, nghĩa là Bồ-tát đại bi nên lấy cái khổ của người làm cái khổ của mình. Nếu không thí vui cho người làm sao có được cái vui cho mình. Để khiến mình vui nên thí vui cứu khổ người, nghĩa là Bồ-tát khi thí vui cho chúng sinh khổ tức Bồ-tát làm vui cho mình. Đã nói xong đại bi lạc thẳng, tiếp nói đại bi giáo thụ.

Kệ nói:

*Bi là dạy tự thí,
Thí người chớ tự cầu.
Thí báo nguyện không thụ,
Có nguyện lại đem thí.*

Giải thích: Kệ này dạy hạnh thí không cầu. Bi là dạy tự thí, thí người chớ tự cầu. Đại Bi Nghĩa nói: Khi người thí cho người chớ nên cầu vui cho mình. Không có cái vui cho người thì cũng không có cái vui cho mình. Bởi vì sao? Cái vui không có vui riêng. Thí báo nguyện không thụ, có nguyện lại đem thí, nghĩa là nếu có quả thí của ta cũng xin không nhận, dầu khi có quả thì dùng đó đem bố thí.

Kệ nói:

*Thí cho đến quả thí,
Khấp thí cho tất cả.
Người vui là ta vui,
Thí người, ta không cần.*

Giải thích: Kệ này dạy hạnh thí quả thí, nghĩa là thí và thí cái quả mình đạt được, khắp thí cho tất cả chúng sinh. Bởi vì sao? Vì bi là lấy cái vui của người làm cái vui của mình, cho nên Bồ-tát có quả cũng đều bố thí tất cả chúng sinh. Dạy đại bi là dạy như vậy.

Kệ nói:

*Khinh của cải đem thí,
Đến nhiều lại đến tốt.
Chẳng dùng mà tự đến,
Lại dùng bố thí nữa.*

Giải thích: Kệ này dạy hạnh chán của cải thí. Nếu người chán của cải mà hành thí thì người này tuy không muốn của cải mà của cải tự đến. Đạo lý cực rộng cực vi diệu là như vậy. Vì đại tâm cho nên nếu có được như vậy thì lại đem dùng bố thí. Đó là của cải đến rồi lại đến. Bỏ-tát thì thí rồi lại thí. Bởi vì sao? Vì chẳng phải cầu vui cho chính mình mà muốn thí thí vô cùng.

Kệ nói:

*Bi là dùng đại bi,
Thí hết và thường thí
Phải hành thí như vậy
Chớ nên cầu quả thí.*

Giải thích: Kệ này dạy hạnh thí không gián đoạn.

Kệ nói:

*Nếu ta không vui thí,
Thí quả không thí thời,
Thí không một sát-na,
Vì lẽ yêu vô thí.*

Giải thích: Kệ này dạy hạnh thí không chán.

Kệ nói:

*Không làm không cho quá,
Cho quá cùng với làm,
Là lỗi nghĩ đến ơn,
Với ta thật chẳng giống.*

Giải thích: Kệ này dạy hành thí bỏ ý nghĩ trả ơn. Bồ-tát ngữ thí nói: Nếu có người làm cho ông, ông mới cho quả, vậy là ông có lỗi mong đợi sự trả ơn. Tôi thì không như vậy. Như thế là ông không giống tôi. Lại nữa, nếu có người làm cho ông, ông chỉ cho quả người này, vậy ông là người mong đợi sự trả ơn. Tôi không như vậy. quả của sự hành thí là cho tất cả chúng sinh. Như thế là ông không giống tôi. Đã nói xong về đại bi dạy bố thí, tiếp nói đại bi hành thí.

Kệ nói:

*Không chướng và tịnh cú,
Lợi kia và tự lượng.
Không cầu cũng không đấm,
Bi là thí như vậy.*

Giải thích: Không chướng, nghĩa là không lấy vật người khác mà hành thí. Tịnh cú, là như pháp tài hành thí, nghĩa là không dùng vật độc hại, vũ khí, rượu v.v... mà bố thí. Lợi kia, là dùng thí nhiếp hóa người đến với thiện căn. Tự lượng, nghĩa là không khiến cho quyền thuộc mình phải thiếu thốn. Không cầu, nghĩa là chúng sinh hoặc vô tâm cầu, hoặc không mở miệng cầu, thấy kia thiếu thốn thì tự nhiên thí và không chọn lựa phúc điền. Không đấm trước, là không cầu trả ơn và quả báo.

Kệ nói:

*Tận, quảng, thắng, thường, hỷ,
Lìa trước và thanh tịnh.
Hồi hướng nơi 2 chỗ,
Bồ-đề và thiện căn.*

Giải thích: Tận, là thí hết vật nội ngoại. Quảng, là thí nhiều vật. Thắng, là thí vật tốt. Thường, là tghí thường xuyên. Hỷ, là thí lìa bỏ sân giận. Nghĩa là người cầu xin khi làm việc không ích lợi cũng

nhẫn nại mà hoan hỷ thí. Lìa trước, là không trông mong, mong đợi, như đã nói không chấp trước. Thanh tịnh, là dùng như pháp, như đã nói tịnh cú ở trước. Hồi hướng Bồ-đề, là hồi hướng Đại Bồ-đề. Hồi hướng thiện căn, là hồi hướng tùy thuận thiện căn khí. Đã nói xong đại bi hành thí, tiếp nói đại bi thụ dụng sai biệt.

Kệ nói:

*Có của mà tự dụng,
Và thí cho chúng sinh,
Được hỷ thí hỷ thắng,
Ba vui nuôi dưỡng tâm.*

Giải thích: Bồ-tát sinh vui vì thụ dụng của cải của mình và sinh vui vì dùng của cải bố thí chúng sinh. So sánh 2 cái vui này thì vui vì bố thí là hơn. Bởi vì sao? Vì 3 cái vui nuôi dưỡng tâm. Ba cái vui là: 1. Vui bố thí. 2. Vui nhiếp hóa người khác. 3. Vui đầy đủ Tam Bồ-đề. Đã nói xong đại bi thụ dụng sai biệt, tiếp nói đại bi tăng trưởng các độ.

Kệ nói:

*Xan, ác, sân, phóng dật,
Duyên trước và tà trước,
Như vậy 6 ngăn che,
Bi khiến 6 độ tăng.*

Giải thích: Xan, là vật ít không thể xả. Ác, là phá giới và nỡ hại người khác. Sân, là không được lợi một chút thì nổi giận dữ. Phóng dật, là không siêng năng làm các thiện pháp. Duyên trước, là 5 dục loạn tâm. Tà trước, là ngoại đạo không trí tuệ. Như vậy ở trong 6 thứ ngăn che, đại bi thương xót nói các lỗi lầm ấy khiến 6 Ba-la-mật được tăng trưởng. Đã nói xong đại bi tăng trưởng các độ. Đại bi này từ 4 duyên sinh, cũng nên nói rõ.

Kệ nói:

*Khổ vui, không khổ vui,
Sức nhân và thiện hữu.
Tự thể luôn nói tiếp,
Nghĩa 4 duyên đại bi.*

Giải thích: Khổ vui, không khổ vui, là hiển thị duyên duyên cụ duyên. Ba thụ 3 khổ đều khởi bi.

Hỏi: Xả thụ thì sao khổ?

Đáp: Do hành khổ.

Sức nhân, là hiển thị nhân duyên. Thiện hữu, là hiển thị tăng thượng duyên. Tự thể luôn nói tiếp, là hiển thị thứ đệ duyên.

Hỏi: Đại bi đã sinh như vậy làm sao được bình đẳng?

Kệ nói:

*Hành tướng và tư duy,
Tùy thuận và lia chướng,
Bất đắc và thanh tịnh,
Sáu nghĩa bi bình đẳng.*

Giải thích: Đại bi bình đẳng có 6 thứ: 1. Hành tướng bình đẳng, do chúng sinh trong 3 thụ vị đều khổ bình đẳng. 2. Tư duy bình đẳng, do thương xót bình đẳng. 3. Tùy thuận bình đẳng, do bình đẳng cứu tế. 4. Lia chướng bình đẳng, do bình đẳng không nào. 5. Bất đắc bình đẳng, là do tự tha và bi là tam luân bình đẳng vì bất khả đắc. 6. Thanh tịnh bình đẳng, do khi được vô sinh nhân ở địa thứ 8 thì được bình đẳng.

Hỏi: Như vậy đã nói riêng đại bi rồi, 4 Phạm trù này làm sao tu tập khiến được vô thượng?

Kệ nói:

Từ v.v. khiến vô thượng,

Tự ý tu có 5.

Tín, tâm, thông, phương tiện,

Hòa hợp như trước nói.

Giải thích: Như trước đã nói cúng dường chư Phật, thân cận thiện hữu đều có 5 thứ tự ý tu tập khiến được vô thượng. Phạm trụ cũng vậy. Do tịnh tín, nghĩa là trong kinh Đại thừa nói nơi Phạm trụ sinh tịnh tín. Do thâm tâm, là dùng 9 thứ tâm tu Phạm trụ. Do thần thông, là y hư không định v.v... mà tu tập. Do phương tiện, là y vô trí vô phân biệt nhiếp giữ. Do hòa hợp, là lấy một quả nhập vào tất cả quả.

Xong Phẩm Phạm trụ.

HẾT QUYỂN 9

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH

QUYỀN 10

Phẩm 21 – 1: GIÁC PHẦN

Giải thích: Chư Bồ-tát có tướng hổ thẹn. Nay sẽ nói đến.

Kệ nói:

*Trị chướng và hợp trí,
Duyên cảnh với thành sinh,
Bồ-tát tướng hổ thẹn,
Có 4 thứ sai biệt.*

Giải thích: Kệ này hiển thị Bồ-tát có 4 tướng hổ thẹn: 1. Tự tính. 2. Bạn loại. 3. Cảnh giới. 4. Tác nghiệp. Trị chướng, là lia sự không xấu hổ, đây tức là tự tính xấu hổ. Hợp trí, là tương ưng với cái biết không phân biệt. Tria này là bạn loại của xấu hổ. Duyên cảnh, là Bồ-tát lấy chúng sinh tiểu vô chướng làm cảnh đáng xấu hổ, tức Thanh Văn, Duyên Giác. Tiểu là nói đối với Đại thừa. Vô chướng, là phá phiền não chướng. Thành sinh, là Bồ-tát có xấu hổ vì kiến lập chúng sinh làm nghiệp. Đây là 4 thứ tướng có xấu hổ.

Hỏi: Chư Bồ-tát có xấu hổ khởi trong hạnh gì?

Kệ nói:

*Bồ-tát trong 6 độ,
Chướng tăng và trị giảm,*

*Không siêng và siêng làm,
Nơi đây xấu hổ khởi.*

Giải thích: Chư Bồ-tát rất sinh xấu hổ trong 4 việc: 1. Trong các độ khi chướng tăng rất sinh xấu hổ. 2. Trong các chướng trị khi giảm rất sinh xấu hổ. 3. Khi tu các độ mà biếng nhác rất sinh xấu hổ. 4. Khi siêng làm các pháp tùy thuận phiền não rất sinh xấu hổ, như các căn thường mở mà không giữ cấm.

Hỏi: Bồ-tát có các xấu hổ sai biệt như thế nào?

Kệ nói:

*Sáu phẩm và 2 phẩm,
Bảy địa với 2 thừa.
Cũng tương tự là hạ,
Nghịch đây mới là thượng*

Giải thích: Sáu phẩm, là trong bất định địa, 6 phẩm trước có xấu hổ là hạ. Hai phẩm, là trong các định địa, 2 phẩm trước có xấu hổ là hạ. Bảy địa, là trong 10 địa của Bồ-tát, 7 địa trước có xấu hổ là hạ. Hai thừa, là hạ tâm chúng sinh có xấu hổ là hạ, do có tăng thượng mạn. Cũng tương tự, nghĩa là Bồ-tát chưa được vô sinh pháp nhẫn nếu có xấu hổ cũng là hạ. Ngược lại các bậc dưới có xấu hổ này thì biết các bậc trên có xấu hổ.

Hỏi: Pháp gì là chướng ngại sự có xấu hổ và chướng ngại kia có mấy lỗi làm?

Kệ nói:

*Không hổ hoặc không đoạn,
Ba hại 6 quả trách,
Đọa nạn thoái khổ 3,
Như trước 12 lỗi.*

Giải thích: Không hổ, nghĩa là có chướng sự hổ thẹn. Nếu có cái chướng này thì phiền não không đoạn. Phiền não không đoạn thì trước sinh 3 cái hại: 1. Tự hại, nghĩa là không chính tư duy, do tự não hại. 2. Hại người khác, nghĩa là sân và xả bỏ, do não hại người khác.

Hỏi: Giận dữ là não hại chúng sinh còn được, xả sao nói là não hại chúng sinh?

Đáp: Bồ-tát phải hóa độ chúng sinh, xả bỏ mà không giáo hóa tức là hại. Câu hại, nghĩa là phá Thi-la do não hại tự tha. Khởi 3 hại rồi thì đối với hiện pháp bị 6 sự quả trách, do nghi hối, mất lợi, mất hộ, vất bỏ, trị phạt, tiếng xấu, tùy theo thứ tự bị 6 thứ quả trách, như tự trách cho đến người 10 phương quả trách. Như vậy sau lại có 3 thứ tội lỗi sinh: 1. Thoái đọa nơi các hiểm nạn. 2. Thoái mất các thiện pháp đã được và chưa được. 3. Từ đó chịu các khổ lớn. Đó gọi là không xấu hổ sinh 12 thứ tội lỗi.

Hỏi: Đã biết chướng và tội lỗi, còn công đức của có xấu hổ là gì?

Kệ nói:

*Tất cả các ác này,
Bồ-tát có xấu hổ,
Phải biết tất cả hết,
Vì khởi kia đối trị.
Trời người thông tuệ sinh,
Mau đủ nơi 2 tụ,
Thành sinh không thoái chuyển,
Lìa không lìa là quả.*

Giải thích: Bài kệ đầu hiển thị công đức lìa lỗi của có xấu hổ. Như các lỗi trước, Bồ-tát có xấu hổ thì tất cả sẽ không có. Bài kệ sau hiển thị có xấu hổ thì tập hợp được công đức, vì tập hợp đầy đủ 5 thắng quả. Trời người thông tuệ sinh, là được quả báo quả,

nghĩa là sinh lên cõi trời và trong cõi người thường được trí tuệ thông minh. Mau đủ 2 tụ, là được tăng thượng quả, nghĩa là được 2 tụ Đại Bồ-đề. Thành sinh không thoái chuyển, là được trọng phu quả, vì trọng phu tạo ra. Lìa, là được tương ly quả, vì lìa chướng kia. Không lìa, là được y quả, vì tất cả nơi sinh ra không lìa đối trị chướng kia.

Hỏi: Công dụng của sự có xấu hổ thí dụ như thế nào?

Kệ nói:

*Có áo lại có bản,
Phàm phu không xấu hổ.
Áo trời thì không bản,
Như Bồ-tát xấu hổ.
Bồ-tát đủ xấu hổ,
Như hư không không bản.
Dục thắng chư Bồ-tát,
Lấy xấu hổ trang nghiêm.
Như mẹ hiền thương con,
Xấu hổ hộ chúng sinh.
Quán sinh và hóa sinh,
Là do xấu hổ khởi.*

Giải thích: Trong đây bài kệ thứ nhất nói sự xấu hổ như y phục. Bởi vì sao? Vì người có xấu hổ, là quá bản không thể bản. Nửa trên bài kệ thứ hai nói xấu hổ như hư không. Bởi vì sao? Vì người có xấu hổ tuy gặp 8 pháp thế gian cũng không bị nhiễm. Nửa dưới bài kệ thứ hai nói sự xấu hổ như vật trang sức. Bởi vì sao? Vì người có xấu hổ đoạn chính hơn các Bồ-tát khác. Bài kệ thứ ba nói sự xấu hổ như mẹ hiền. Bởi vì sao? Vì người có xấu hổ ủng hộ sinh tử tất cả tội lỗi như voi ngựa quân lính quán sinh, hóa sinh đều do đây khởi. Y phục ví cho sự xấu hổ có thể đối trị trừ các phiền não. Hư không ví cho sự xấu hổ có thể đối trị 8 pháp nhiễm trước. Trang nghiêm ví cho sự

xấu hổ có thể tùy thuận đồng hành. Mẹ hiền ví cho sự xấu hổ có thể thành thực chúng sinh.

Hỏi: Bồ-tát tu hành hạnh xấu hổ có hiện tướng gì?

Kệ nói:

*Bất nhẫn và không làm,
Cũng nhẫn và cũng làm.
Phải biết 4 thứ này,
Là tướng hạnh xấu hổ.*

Giải thích: Kệ này nói 4 tướng của hạnh xấu hổ: 1. Bất nhẫn. 2. Không làm. 3. Nhẫn. 4. Làm. Bởi vì sao? Vì người có xấu hổ, đối với tất cả tội ác thì có 2 tướng trước, là bất nhẫn và không làm; đối với tất cả công đức thì có 2 tướng sau, là nhẫn và làm.

Hỏi: Thế nào là xấu hổ được vô thượng?

Kệ nói:

*Dạy tập tính xấu hổ
Cũng khởi 5 tự ý.
Vì tín pháp đẳng biệt,
Vô thượng như trước biết.*

Giải thích: Như trước biết, nghĩa là như trước trong kinh Đại thừa có nói: Vì nơi xấu hổ phát sinh tịnh tín. Vì dùng 9 thứ thâm tâm tu tập. Vì y hư không đẳng định tu tập. Vì gồm trí vô phân biệt. Vì dùng một quả nhập vào tất cả quả. Đã nói xong Bồ-tát có xấu hổ, tiếp nói Bồ-tát vô úy.

Kệ nói:

*Chư Bồ-tát vô úy,
Thể tướng và sai biệt.
Kiên cố và thù thắng.
Nay sẽ lần lượt giải.*

Giải thích: Có 4 nghĩa giải thích đức tính vô úy của Bồ-tát: 1. Thê tướng. 2. Sai biệt. 3. Kiên cố. 4. Thù thắng.

Hỏi: Thê tướng như thế nào?

Kệ nói:

*Tiến, định, tuệ 3 khởi,
Dũng, kiên, cần, mãnh, làm,
Là nói tướng vô úy,
Cũng hiển thị các tên.*

Giải thích: Tinh tiến, thiền định, Bát-nhã, 3 cái này nếu khởi là thê tướng của vô úy. Dũng, kiên, cần và mạnh, 4 cái này là các tên của vô úy.

Hỏi: Ba cái này trong hạnh nào gọi là vô úy?

Kệ nói:

*Trong sở tác các hữu,
Hạ, động, ngu thì sợ,
Là 3, 3 quyết định,
Gọi là an, không sợ.*

Giải thích: Bồ-tát nêu trong các việc làm mà tâm hạ, hoặc động, hoặc ngu thì sinh sợ. Bởi vì sao? Hạ tâm, là vì Bồ-tát ấy không siêng tu. Động tâm, là vì tâm không trụ. Ngu tâm, là vì không phương tiện. Ba đối trị kia theo thứ tự là tinh tiến, thiền định, Bát-nhã. Cho nên tinh tiến v.v...3 thứ nếu được quyết định thì gọi là vô úy.

Hỏi: Quyết định như thế nào?

Đáp: Ba đối trị này hiện tiền một cách tự nhiên thì gọi là quyết định.

Hỏi: Đã nói thê tướng, còn sai biệt thế nào?

Kệ nói:

*Tự tính và đại nguyện,
Bất cố và bất thoái,
Văn thâm và năng hóa
Đặt họ nơi Phật thân.
Cũng hành các khổ hạnh,
Không ruồng bỏ sinh tử.
Sinh tử không thể nhiễm,
Đây là 10 sai biệt.*

Giải thích: Hai kệ này tuân tự nói vô úy có 10 thứ sai biệt: 1. Tự tính, nghĩa là tính thành tựu thì được vô úy. 2. Đại nguyện, nghĩa là phát tâm Bồ-đề thì được vô úy. 3. Bất cố, nghĩa là khi siêng năng tự lợi không kể thân mạng thì được vô úy. 4. Bất thoái, nghĩa là khi siêng năng lợi tha có gặp trái nghịch cũng được vô úy. 5. Văn thâm, nghĩa là khi nghe hiểu thật nghĩa thì được vô úy. 6. Năng hóa, nghĩa là với chúng sinh khó giáo hóa thì dùng sức thần thông giáo hóa được vô úy. 7. Đặt họ nơi thân Phật, nghĩa là kiến lập chúng sinh nơi Đại Bồ-đề nên được vô úy. 8. Cũng hành các khổ hạnh, nghĩa là làm các thứ khổ hạnh khó làm nên được vô úy. 9. Không bỏ sinh tử, nghĩa là cố ý thụ sinh được vô úy. 10. Sinh tử không thể nhiễm, nghĩa là ở nơi ô nhiễm không bị ô nhiễm nên được vô úy.

Đã nói sai biệt, vậy thế nào là kiên cố?

Kệ nói:

*Bạn ác và khổ nặng,
Nghe sâu không thối lui.
Như châu châu đập cánh,
Chẳng động Tu-di biển,*

Giải thích: Vô úy của Bồ-tát có 3 nhân duyên không làm lay động: 1. Gặp bạn ác. 2. Gặp khổ nặng. 3. Nghe pháp sâu. Ví như con

châu chấu đập cánh không làm biến động núi chuyển. Ba nhân duyên kia không làm động tâm Bồ-tát cũng như vậy. Cho nên sức vô úy của Bồ-tát là kiên cố.

Hỏi: Đã nói kiên cố, còn thù thắng là thế nào?

Kệ nói:

*Nói trong các vô úy,
Vô úy Bồ-tát trên.
Khác kiên cố thù thắng,
Chẳng giống các thứ kia.*

Giải thích: Do trước nói 3 nghĩa hơn, thì vô úy của Bồ-tát trong các thuyết kia là thù thắng hơn hết. Đã nói vô úy của Bồ-tát, tiếp nói Bồ-tát không thoái lui.

Kệ nói:

*Bồ-tát không thoái lui
Phẩm loại có 3 thứ:
Đối với nghe, tiến, khổ,
Tàm, dũng làm y chỉ.
Dục lạc Đại Bồ-đề,
Là tính không thoái lui.
Chưa thành, thành, hoàn thành,
Sai biệt các địa rõ.*

Giải thích: Hai kệ này hiển thị phẩm loại của bất thoái y chỉ vào tự tính sai biệt. Các phẩm loại kia có 3 thứ: 1. Nghe pháp không chán không thoái lui. 2. Thường đại tinh tiến không thoái lui. 3. Sinh tử khổ não không thoái lui. Y chỉ có 2 thứ: một là tàm, tức sự xấu hổ, hai là dũng, tức sự mạnh mẽ. Người có xấu hổ thì không thoái lui vì thoái lui là xấu hổ. Người có sức mạnh không thoái lui, vì thoái lui là không sức mạnh. Tự tính là dục lạc Đại

Bồ-đề. Dục lạc nếu quay đi tức thoái lui. Sai biệt có 3 thứ: 1. Chưa thành, là Bồ-tát tín hành địa không thoái lui. 2. Thành, là Bồ-tát sơ địa đến địa thứ 7 không thoái lui. 3. Hoàn thành, là Bồ-tát địa thứ 8 trở lên không thoái lui. Đã nói xong Bồ-tát bất thoái, tiếp nói Bồ-tát biết pháp.

Kệ nói:

*Biết pháp biết pháp nghiệp,
Biết tướng biết vô tận.
Đắc quả và 2 môn,
Thành sinh và trụ pháp.*

Giải thích: Biết pháp, là biết ngũ minh: 1. Nội minh. 2. Nhân minh. 3. Thanh minh. 4. Y minh. 5. Xảo minh. Biết 5 luận này gọi là biết pháp. Biết pháp nghiệp, là biết tự lợi lợi tha, lấy đó làm nghiệp. Biết nội luận để tự tu và giảng nói cho người khác. Biết nhân luận để triển khi nghĩa của mình và khuất phục nghĩa của đối phương. Biết thanh luận, là để tự hoàn thiện âm thanh của mình khiến người tin thụ. Biết y luận để trừ tật bệnh cho người. Biết xảo luận để khiến người hiểu. Biết tướng luận, nghĩa là biết 5 luận này được có 5 nhân là biết tướng luận của Bồ-tát: 1. Được nghe. 2. Được thụ trì. 3. Được tập tụng. 4. Được tư duy. 5. Được thông suốt. Bồ-tát trước tiên đối với luận là có nghe, nghe rồi thụ trì, thụ trì rồi tập tụng, tập tụng rồi chính tư duy, tư duy rồi thông suốt. Người thông đạt là người biết đây là công đức đây là tội lỗi đây là lời nói thiện đây là lời nói ác. Biết vô tận, nghĩa là biết như vậy cho đến vô dư Niết-bàn cũng vô tận. Đắc quả, nghĩa là tự biết được nhất thiết chủng trí. Hai môn, là Tam-muội môn và Đà-la-ni môn. Biết luận Bồ-tát dùng Tam-muội môn thành thực chúng sinh, vì tùy chúng sinh nhiếp hóa; dùng Đà-la-ni môn thành thực Phật pháp, vì tùy chỗ đắc pháp đều có thể thụ trì. Đã nói xong Bồ-tát biết pháp, tiếp nói Bồ-tát biết thế gian.

Kệ nói:

*Thân biết với khẩu biết,
Và dùng thật để biết.
Bồ-tát biết thế gian,
Tối thắng không gì bằng.*

Giải thích: Bồ-tát có 3 thứ biết thế gian: 1. Thân biết thế gian. 2. Miệng biết thế gian. 3. Chân lý biết thế gian.

Hỏi: Thế nào là thân biết, thế nào là miệng biết?

Kệ nói:

*Thân biết thì thư thái,
Miệng biết thì nói trước.
Vì để thành khí nên
Chính pháp tùy tu hành.*

Giải thích: Thư thái, là cười vui hoan hỷ, đó, là thân biết thế gian. Nói trước, là hỏi han khen ngợi, đó là miệng biết thế gian.

Hỏi: Biết này để làm gì?

Đáp: Để khiến thành khí.

Hỏi: Khiến thành khí gì?

Đáp: Là khiến thành khí cụ tùy theo chính pháp tu hành.

Hỏi: Chân lý biết thế gian là thế nào?

Kệ nói:

*Hai biết biết thế sinh,
Hai biết biết thế diệt.
Để dứt cũng để được,
Chân lý biết siêng tu.*

Giải thích: Hai biết biết thế sinh, là biết 2 chân lý khổ tập thì biết thế gian thường sinh, vì do sinh và phương tiện sinh. Hai biết

biết thể diệt, là biết 2 chân lý diệt và đạo thì biết thể gian có thể diệt, vì do diệt và phương tiện diệt.

Hỏi: Biết chân lý thể gian để làm gì?

Đáp: Để dứt cũng để được trí chân lý siêng tu hành. Dứt là dứt khổ tập đế, được là được diệt đạo đế. Chư Bồ-tát để dứt khổ tập đế, để được diệt đạo đế cho nên quán các chân lý tu trí đầy đủ. Như vậy là biết thể gian, tức là biết thể gian nghiệp. Đã nói Bồ-tát biết thể gian, tiếp nói Bồ-tát tu tập 4 lượng.

Kệ nói:

*Năng thuyên và nghĩa ý,
Liễu nghĩa và vô ngôn.
Phải biết 4 thứ đây,
Là nói tởng 4 lượng.*

Giải thích: Năng thuyên, là 12 bộ kinh Như Lai nói. Đây pháp là lượng, không phải người là lượng. Nghĩa ý, là trong văn thì nghĩa là lượng, không phải lời là lượng. Liễu nghĩa, là thể gian có thể tin, và được Phật ấn khả. Đây liễu nghĩa là lượng, không phải không liễu nghĩa là lượng. Vô ngôn, là xuất thể chứng trí. Đây trí là lượng, không phải thức là lượng.

Hỏi: Vì sao Thế Tôn nói 4 lượng này?

Kệ nói:

*Chê pháp và phi nghĩa,
Tà tư và khả ngôn.
Ngăn chặn 4 việc này,
Thứ tự nói 4 lượng.*

Giải thích: Nói pháp năng thuyên là lượng để ngăn chặn sự hủy báng nói người nói. Ý nghĩa là lượng để ngăn chặn nói những câu văn phi nghĩa. Liễu nghĩa là lượng để ngăn chặn các

tà tư duy, hiểu điên đảo. Trí là lượng để ngăn chặn cái trí có thể nói.

Hỏi: Y vào 4 lượng này có công đức gì?

Kệ nói:

*Tín tâm và nội tư,
Chính văn và chứng trí.
Bồ-tát không thể hoại,
Là công đức y lượng.*

Giải thích: Y lượng thứ nhất thì tín tâm không thể hoại. Y lượng thứ hai thì chính tư duy không thể hoại. Y lượng thứ ba thì chính văn không thể hoại. Y lượng thứ tư thì thể trí không thể hoại. Đã nói xong Bồ-tát tu tập 4 lượng, tiếp nói Bồ-tát 4 vô ngại giải.

Kệ nói:

*Với môn, tướng, ngôn, trí,
Thông đạt nghĩa vô tỷ,
Đây tức là Bồ-tát
Bốn thứ vô ngại giải.*

Giải thích: Thứ nhất là trí biết môn, có thể biết trong nghĩa có các danh môn sai biệt. Thứ hai là trí biết tướng, có thể biết nghĩa này thuộc tên này. Thứ ba là trí biết ngôn ngữ, có thể biết tiếng của vùng đất khác. Thứ tư là trí biết trí, có thể biết khả năng mình thuyết pháp. Biết 4 thứ này là vô ngại giải.

Kệ nói:

*Năng thuyết và sở thuyết,
Thuyết cụ hợp ba việc.
Bốn hai lại hai thứ,
Lần lượt ba việc nhân.*

Giải thích: Năng thuyết , sở thuyết và thuyết cụ, 3 việc này đều có nhân duyên. Năng thuyết có 4 nhân duyên: 1. Trí giáo thụ. 2. Trí thành thực. 3. Trí tụ mãn. 4. Trí khiến giác ngộ. Sở thuyết có 2 duyên: 1. Pháp. 2. Nghĩa. Bốn trí hữu dụng với 2 thứ này. Thuyết cụ, tức công cụ để nói, có 2 nhân duyên: 1. Lời. 2. Trí. Vì do 2 thứ này mà nói được thành.

Kệ nói:

*Cử pháp và thích pháp,
Khiến hiểu và tránh nạn.
Thiết lập 4 vô ngại,
Chính là lấy nghĩa này.*

Giải thích: Nêu pháp thì dùng môn, giải thích pháp thì dùng tướng, khiến hiểu thì dùng lời, tránh nạn thì dùng trí. Trong đây lấy sở thuyết là pháp và nghĩa, lấy thuyết cụ là lời và trí tuần tự thiết lập 4 vô ngại giải.

Hỏi: Thế nào là vô ngại giải? Vô ngại giải có nghiệp gì?

Kệ nói:

*Nội chứng và ngoại giác,
Nên gọi vô ngại giải.
Đoạn được tất cả nghi,
Đây tức là nghiệp đó.*

Giải thích: Nửa trên kệ này lập tên, nửa dưới hiển thị nghiệp. Tên, là do chư Bồ-tát đầu tiên lấy trí xuất thế gian hiểu được bình đẳng các pháp nội chứng. Sau được thế trí ngoại giác, hiểu các pháp môn sai biệt đối với các pháp. Do đạo lý này gọi là vô ngại giải. Nghiệp, là do sự hiểu này có thể dứt được tất cả lưới nghi của tất cả chúng sinh. Đó gọi là nghiệp. Đã nói xong 4 vô ngại giải của Bồ-tát, tiếp nói 2 nhóm công đức của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Phúc trí là 2 nhóm,
Thắng báo không nhiễm ô.
Tất cả chư Bồ-tát,
Thắng tướng đều như vậy.*

Giải thích: Phúc trí là 2 nhóm. Hai nhóm là nhóm phúc và nhóm trí. Thắng báo không nhiễm ô, là Bồ-tát ở trong sinh tử do nhóm phúc làm nhân thành tựu thắng báo, do nhóm trí làm nhân không nhiễm ô, cho nên thắng tướng của Bồ-tát không gì bằng.

Hỏi: Hai nhóm gồm trong 6 độ như thế nào?

Kệ nói:

*Đầu 2 là phúc thể,
Thứ 6 tức là trí,
Còn 3 nhân 2 nhóm,
Năm cũng thành nhóm trí.*

Giải thích: Đầu 2 là phúc thể, nghĩa là thí và giới 2 Ba-la-mật là thể của nhóm phúc. Thứ 6 tức là trí, nghĩa là Bát-nhã Ba-la-mật là thể của nhóm trí. Còn 3 nhân 2 nhóm, nghĩa là nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định 3 Ba-la-mật là nhân chung của 2 nhóm, vì cùng làm tác nhân. Năm cũng thành nhóm trí, nghĩa là do Bát-nhã có thể hồi hướng nên tất cả các Ba-la-mật đều thành nhóm trí.

Hỏi: Sao gọi là nhóm? Làm sao nhóm họp thành nghiệp?

Kệ nói:

*Tu đúng, tu thường xuyên,
Tu lương thiện là nhóm,
Tự lợi và lợi tha,
Thành tựu gọi là nghiệp.*

Giải thích: Nửa trên kệ này giải thích tên, nửa dưới hiển thị nghiệp. Tên, tức là Tam-bà-la gọi là nhóm. Tam, nghĩa là tu đúng. Bà-la, nghĩa là tu thường xuyên. Do tu đúng và tu thường xuyên thiện pháp nên được tư lương tăng trưởng. Do tư lương tăng trưởng nên gọi là nhóm. Nghiệp, là do nhóm này nên có thể thành tựu tự lợi lợi tha, đó gọi là nghiệp.

Hỏi: Hai nhóm sai biệt thế nào?

Kệ nói:

*Nhập địa nhập vô tướng,
Và nhập vô công dụng,
Thụ chức và cứu cánh,
Lần lượt nhân 2 nhóm.*

Giải thích: Trong đây chúng loại sai biệt là: Nhóm tín hành địa là nhân nhập địa. Trong 6 địa, nhóm là nhân nhập vô tướng. Vô tướng là nhóm trong địa thứ 7, vì tướng của nó không khởi. nhóm của địa thứ 7 là nhân nhập vô công dụng. Nhóm trong địa thứ 8 thứ 9 1f nhân nhập thụ chức. Nhóm trong địa thứ 10 là nhân nhập cứu cánh. Cứu cánh là ở trong Phật địa. Đã nói xong 2 nhóm công đức của Bồ-tát, tiếp nói Bồ-tát tu tập 4 niệm xứ.

Kệ nói:

*Y chỉ và đối trị,
Nhập đế với duyên duyên,
Tác ý và chí đắc,
Tùy thuận với tùy chuyển,
Giác cảnh và thụ sinh,
Hạn cực và tối thượng,
Trường thời và hậu chứng,
Thắng tu 14 thứ.*

Giải thích: Hai kệ này nói rõ 4 niệm xứ của Bồ-tát có 14 thứ thắng tu: 1. Y chỉ thắng tu. 2. Đối trị thắng tu. 3. Nhập đế thắng tu. 4. Duyên duyên thắng tu. 5. Tác ý thắng tu. 6. Chí đặc thắng tu. 7. Tùy thuận thắng tu. 8. Tùy chuyển thắng tu. 9. Giác cảnh thắng tu. 10. Thụ sinh thắng tu. 11. Hạn cực thắng tu. 12. Tối thượng thắng tu. 13. Trường thời thắng tu. 14. Hậu chứng thắng tu.

Y chỉ thắng tu, là y Đại thừa kinh khởi văn tư tu tuệ làm tự thể. Đối trị thắng tu, là có thể đối trị 4 tướng điên đảo của pháp bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã, do nhập thân v.v... pháp là vô ngã. Nhập đế thắng tu, nghĩa là theo tuần tự đó nhập vào khổ tập diệt đạo đế, tự nhập và tha nhập như được nói trong Luận Trung Biên Phân Biệt. Duyên duyên thắng tu, nghĩa là duyên tất cả thân chúng sinh v.v... làm cảnh giới. Tác ý thắng tu, nghĩa là thân v.v... là bất khả đặc. Chí đặc thắng tu, nghĩa là thân v.v... không lìa không hợp. Tùy thuận thắng tu, nghĩa là phạm phu và nhị thừa tu niệm xứ cũng gồm tùy chuyển làm giáo thụ. Giác cảnh thắng tu, nghĩa là biết thân như huyễn sắc, biết thụ như chiêm bao đều là tà giác, vì biết tâm như không, tự tính thanh tịnh, biết pháp như khách. Khách là cấu uế trói buộc. Ví như hư không có khói mây bụi sương mù. Thụ sinh thắng tu, là cố ý thụ sinh thành tựu Chuyển luân vương v.v... tối thắng vì thân thụ tâm pháp cũng không nhiễm. Hạn cực thắng tu, là tu hạ phẩm niệm xứ cũng quá hơn những người tu tối thượng phẩm vị tự tính lợi. Tối thượng thắng tu, là có thể không làm dụng công chung riêng tu tập 4 niệm xứ. Trường thời thắng tu, là tu cho đến vô dư Niết-bàn cũng không hết. Hậu chứng thắng tu, là trong 10 địa và Phật địa đều có thể chứng đắc. Đã nói xong Bồ-tát tu tập 4 niệm xứ, tiếp nói Bồ-tát tu tập 4 chính cần.

Kệ nói:

*Ba xả và nhập địa,
Trụ tịch và đắc ký,*

*Thành sinh và thụ chức,
Tịnh độ và viên mãn.*

Giải thích: Đề đối trị các chương của 4 niệm xứ nên Bồ-tát tu 4 chính cần. Nếu nói rộng các đối trị này thì có 10 thứ sai biệt do đối trị 10 hành chương. Mười hành là: 1. Xả trước hành, nghĩa là trong thụ hữu thắng báo mà không nhiễm trước. 2. Xả cái hành, nghĩa là lia tất cả chương cái. 3. Xả hạ hành, nghĩa là lia tác ý nhị thừa. 4. Nhập địa hành, nghĩa là nhập 6 địa đầu. 5. Trụ tịch hành, nghĩa là nhập địa thứ 7. 6. Đắc ký hành, nghĩa là nhập địa thứ 8. 7. Thành sinh hành, nghĩa là nhập địa thứ 9. 8. Thụ chức hành, nghĩa là nhập địa thứ 10. 9. Tịnh độ hành, nghĩa là thứ 8, thứ 9, thứ 10, 3 địa. 10. Viên mãn hành, nghĩa là nhập Phật địa. Bồ-tát đề đối trị 10 hành chương này nên tu tập 4 chính cần. Đó là nói rộng về sai biệt.

Hỏi: Nghĩa của tu 10 sai biệt này thế nào?

Kệ nói:

*Vì y chỉ nơi dục,
Khởi cần khởi tinh tiến,
Nhiếp tâm và chính trì,
Mười trị tu như vậy.*

Giải thích: Nghĩa của tu, là y nơi dục mà khởi cần, y vào cần khởi tinh tiến, nhiếp tâm chính trì, là nghĩa của tu. Trong đây có bình đẳng tu, có hữu tướng tu, có tinh tiến tu. Bình đẳng tu, nghĩa là do chính cần có thể khiến chỉ quán bình đẳng. Hữu tướng tu, nghĩa là hợp tu 3 tướng: chỉ, cử, xả. Tinh tiến tu, nghĩa là tinh tiến để đoạn 2 chương là một và trạo trong chỉ quán.

Hỏi: Thế nào là khởi tinh tiến?

Đáp: Là nhiếp tâm và chính trì. Nhiếp tâm là Xa-ma-tha. Chính trì nghĩa là nếu tâm bình đẳng thì cứ trụ như vậy cứ giữ đúng như vậy. Dùng 3 cách tu này mà tu 10 hạnh ở trước, gọi là tu chính

cần. Đã nói Bồ-tát tu tập 4 chính cần xong, tiếp nói Bồ-tát tu tập 4 thần túc.

Kệ nói:

*Phân biệt 4 thần túc,
Lược dùng 3 việc giải.
Y chỉ và phương tiện,
Và cùng với thành tựu.*

Giải thích: Trong đây sơ lược lấy 3 việc phân biệt 4 thần túc: 1. Y chỉ. 2. Phương tiện. 3. Thành tựu.

Hỏi: Thế nào là y chỉ?

Kệ nói:

*Thiền định y chỉ vào,
Sai biệt có bốn túc.
Một dục, hai tinh tiến,
Ba tâm, bốn tư duy.*

Giải thích: Phải biết chỗ y chỉ của Thiền Ba-la-mật có 4 túc sai biệt này.

Hỏi: Thế nào là phương tiện?

Kệ nói:

*Khởi tác và tùy nhiếp,
Hệ phược và đối trị.
Tùy thứ tám đoạn hành,
Ba một hai hai thành.*

Giải thích: Khởi tác và tùy nhiếp, hệ phược và đối trị, nghĩa là phương tiện cũng có 4 thứ : 1. Phương tiện khởi làm. 2. Phương tiện tùy theo đó nhiếp hóa. 3. Phương tiện trói buộc. 4. Phương tiện đối trị.

Hỏi: Bốn thứ phương tiện này mỗi thứ dùng những gì làm thành?

Đáp: Tùy thứ tám đoạn hành, ba một hai hai thành. Tám đoạn hành, là: 1. Tín. 2. Dục. 3. Cần. 4. Ý. 5. Niệm. 6. Trí. 7. Tư. 8. Xả. Trong đây tùy theo thứ lớp dùng tín, dục, cần 3 hành thành lập phương tiện khởi làm. Do tín khởi dục, do dục khởi cần, vì thứ lớp như vậy nên dùng ý một hành thành lập phương tiện tùy nhiếp. Do ý dứt rồi, định được sinh nên dùng niệm, trí 2 hành thành lập phương tiện trói buộc. Do chính niệm nên tâm trong định không lìa sở duyên. Do chính trí nên tâm lìa sở duyên, giác rồi tùy nhiếp, dùng tư, xả 2 hành thành lập phương tiện đối trị. Do tư nên đối trị một triền. Do xả nên đối trị tạp triền. Hai cái này là các phiền não đối trị.

Hỏi: Thế nào là thành tựu?

Kệ nói:

*Năng kiến và năng thụ,
Du hý và du nguyện,
Tự tại và đắc pháp,
Thành tựu 6 thứ đây.*

Giải thích: Sáu thành tựu là : 1. Thành tựu năng kiến. 2. Thành tựu năng thụ. 3. Thành tựu du hý. 4. Thành tựu du nguyện. 5. Thành tựu tự tại. 6. Thành tựu đắc pháp.

Thành tựu năng kiến, nghĩa là thành tựu 5 thứ mắt: nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Thành tựu năng thụ, là thành tựu 6 thứ thần thông dựa vào đó có thể giáo hóa. Theo thứ tự thân thông đi qua chỗ kia. Thiên nhĩ thông nghe âm thanh kia mà vì nói pháp. Tha tâm thông biết được có chướng hay không mà vì đoạn trừ. Túc trụ thông biết việc quá khứ, mượn sức khiến biết khiến sinh tin. Thiên nhãn thông biết chết đây sinh kia khiến kia sinh chán. Lậu tận thông vì đó nói pháp khiến được giải thoát. Thành tựu du hý, là đây có nhiều thứ, như là biến hóa v.v... các

định. Thành tựu du nguyện, là nhập nguyện lực đạo qua các nguyện quả, như là phóng ánh sáng, phát âm thanh v.v... không thể kể hết, rộng như trong Kinh Thập Địa có nói. Thành tựu tự tại, là 10 tự tại, như trong Kinh Thập Địa có nói. Thành tựu đặc pháp, là được sức vô sở úy và pháp không chung. Đã nói xong Bồ-tát tu tập 4 thần túc, tiếp nói Bồ-tát tu tập 5 căn.

Kệ nói:

*Giác hạnh nghe chỉ quán.
Tín...các căn sở duyên.
Tăng thượng là căn nghĩa.
Vì thành tựu lợi ích.*

Giải thích: Tín căn lấy Bồ-đề làm sở duyên. Tiến căn lấy Bồ-tát hạnh làm sở duyên. Niệm căn lấy việc nghe pháp Đại thừa làm sở duyên. Định căn lấy Xa-ma-tha làm sở duyên. Tuệ căn lấy như thật trí làm sở duyên.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của căn?

Đáp: Tín v.v... nơi sở duyên tăng thượng nên gọi là căn, vì có thể thành tựu lợi ích. Đã nói xong Bồ-tát tu tập 5 căn, tiếp nói Bồ-tát tu tập 5 lực.

Kệ nói:

*Phải biết tín ...các căn,
Nhập vào trong sơ địa,
Như chương 5 căn trước,
Có hại nên gọi lực.*

Giải thích: Trong đây khi 5 căn nhập vào sơ địa có thể làm cho không tin, biếng nhác, mất niệm, loạn tâm, vô tri, suy yếu, nên gọi là lực. Đã nói Bồ-tát tu tập 5 lực, tiếp nói Bồ-tát tu tập 7 giác phần.

Kệ nói:

*Bồ-tát nhập sơ địa,
Kiến lập nơi giác phần.
Các pháp và chúng sinh,
Nơi đây được bình đẳng.*

Giải thích: Chư Bồ-tát khi nhập sơ địa giác ngộ pháp ấy nên kiến lập giác phần.

Hỏi: Sao gọi là giác?

Đáp: Đối với tất cả pháp và tự tha thân giác ngộ được bình đẳng, như thế gọi là giác. Như pháp vô ngã và nhân vô ngã.

Kệ nói:

*Như vua Luân vương đi,
Có 7 báu dẫn đầu.
Bồ-tát đến chính giác,
Bảy phần thường viên mãn.*

Giải thích: Đây nói 7 giác phần của Bồ-tát tương tự như 7 báu của Chuyển luân thánh vương.

Hỏi: Phần nào tương tự với báu nào?

Kệ nói:

*Niệm đề bệ các cảnh,
Trạch pháp phá phân biệt.
Tiến nhanh vô dư giác,
Minh tăng hỷ khắp mình.
Chướng hết ý mà lạc,
Các việc từ định sinh.
Tùy thời sở dục trụ,
Bỏ lấy đều do xả.*

Giải thích: Thứ nhất niệm giác phần tương tự với luân bảo. Chưa hàng phục cõi nước luân bảo có thể hàng phục. Chưa đê bệp được cảnh giới thì niệm có thể đê bệp. Thứ hai trạch pháp giác phần tương tự với voi quý, vì các nước kinh địch thì voi có thể đạp đổ. Như trạch pháp có thể phá phân biệt thảng oán. Thứ ba tinh tiến giác phần tương tự với ngựa quý. Đại địa bao la ngựa có thể chạy nhanh đến cùng. Chân như vô hạn, tinh tiến có thể mau đến giác ngộ. Thứ tư hỷ giác phần tương tự với châu báu. Châu ngọc chiếu sáng đem lại niềm hoan hỷ. Giáo pháp sáng suốt phá tối tăm tràn đầy hoan hỷ. Thứ năm ý giác phần tương tự với nữ bảo vua thụ khoái lạc. Trí thoát chướng não ý dứt ác. Thứ sáu định giác phần tương tự với tạng thần bảo, vua cần từ thần mà ra, như trí cần thì từ định sinh ra. Thứ bảy xả giác phần tương tự với binh bảo. Chủ binh duyệt chúng bỏ yếu lấy mạnh tùy ở nơi Chuyển luân thánh vương không mệt mỏi. Bò-tát tu hành bỏ ác lấy thiện, tùy nơi trí vô phân biệt vô công dụng. Thành lập 7 giác phần tương tự với 7 báu là nghĩa như vậy.

Kệ nói:

*Y chỉ và tự tính,
Xuất ly với công đức,
Thứ năm nói không nhiễm,
Phần này có 3 thứ.*

Giải thích: Bảy giác phần theo thứ tự niệm là y chỉ phần, vì tất cả Bò-đề phần đều y vào đây mà thực hành. Trạch là tự tính phần, vì tất cả Bò-đề đều lấy đây làm tự thể. Tiến là xuất ly phần, vì đây có thể khiến Bò-tát đến cứu cánh. Hỷ là công đức phần, vì đây có thể khiến tâm đầy niềm vui. Ý, định, xả 3 thứ là bất nhiễm phần, vì ý là nhân không nhiễm, định là y chỉ của không nhiễm, xả là tự tính của không nhiễm. Đã nói Bò-tát tu tập 7 giác phần, tiếu nói Bò-tát tu tập 8 chính đạo phần.

Kệ nói:

*Một chuyển như giác trước,
Lập chia hai cũng vậy.
Tiếp ba ba nghiệp tịnh,
Sau ba ba chương đoạn.*

Giải thích: Một chuyển như giác trước, nghĩa là phần thứ nhất như trong vị trước như thật giác, sau tùy chuyển gọi là chính kiến. Lập chia hai cũng vậy, nghĩa là phần thứ hai như trong vị trước tự sở lập phần mà giải thích. Vào trong kinh Phật, như Phật đã lập là tha phân biệt gọi là chính tư duy. Tiếp ba ba nghiệp tịnh, nghĩa là tiếp theo ba là chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng; ba nghiệp là ngữ nghiệp, thân nghiệp, câu nghiệp. Theo thứ tự lấy ba chính nhiếp ba nghiệp này. Sau ba ba chương đoạn, nghĩa là sau ba là chính cần, chính niệm, chính định; ba chương là trí chương, định chương, tự tại chương. Theo thứ tự lấy ba chính sau đối trị ba chương này. Do tu chính cần thời gian lâu không thoái lui nên trí chương đoạn. Do tu chính niệm, trạo, một là vô thể nên định chương đoạn. Do tu chính định, thắng đức thành tựu nên tự tại chương đoạn. Phải biết kiến lập 8 chính đạo phần là như vậy.

HẾT QUYỂN 10

MỤC LỤC

SỐ 1598: NHIỆP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH	5
Quyển 6.....	5
4 - Ngộ Nhập Tướng Sở Tri.....	5
Quyển 7.....	28
5 - Ngộ Nhập Nhân Quả.....	28
6 - Tu Tập Sai Biệt	43
7 - Tăng Thượng Giới Học.....	55
Quyển 8.....	59
8 - Tăng Thượng Tâm Học	59
9 - Tăng Thượng Tuệ Học.....	68
Quyển 9.....	90
10 - Quả Đoạn.....	90
11 - Quả Trí.....	94
Quyển 10.....	122
11 - Quả Trí	122
SỐ 1599: LUẬN TRUNG BIÊN PHÂN BIỆT	147
Quyển Thượng.....	147
Phẩm 1: Tướng.....	147
Phẩm 2: Chương	157
Phẩm 3: Chân Thật.....	164
Quyển Hạ.....	177
Phẩm 4: Đối Trị Tu Tập	177
Phẩm 5: Tu Trụ.....	183
Phẩm 6: Đắc Quả	185
Phẩm 7: Vô Thượng Thừa.....	187
SỐ 1600: LUẬN BIỆN TRUNG BIÊN.....	203
Quyển Thượng.....	203
Phẩm 1: Biện Tướng	203
Phẩm 2: Biện Chương.....	213
Quyển Trung.....	223
Phẩm 3: Biện Chân Thật	223
Phẩm 4: Biện Tu Đối Trị.....	236
Phẩm 5: Biện Tu Phần Vị.....	243

Quyển Hạ.....	246
Phẩm 6: Biện Đắc Quả.....	246
Phẩm 7: Biện Vô Thượng Thừa.....	247
SỐ 1601: BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG.....	265
Phẩm 1: Biện Tướng.....	265
Phẩm 2: Biện Chương.....	268
Phẩm 3: Biện Chân Thật.....	270
Phẩm 4: Biện Tu Đối Trị.....	273
Phẩm 5: Biện Tu Phần Vị.....	275
Phẩm 6: Biện Đắc Quả.....	276
Phẩm 7: Biện Vô Thượng Thừa.....	276
SỐ 1602: LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO.....	281
Quyển 1.....	281
Phẩm 1: Nhiếp Sự.....	281
Quyển 2.....	301
Phẩm 1-2: Nhiếp Sự.....	301
Quyển 3.....	320
Phẩm 1-3: Nhiếp Sự.....	320
Quyển 4.....	343
Phẩm 1- 4: Nhiếp Sự.....	343
Quyển 5.....	362
Phẩm 2- 1: Nhiếp Tịnh Nghĩa.....	362
Quyển 6.....	382
Phẩm 2 - 2: Nhiếp Tịnh Nghĩa.....	382
Quyển 7.....	400
Phẩm 2 - 3: Nhiếp Tịnh Nghĩa.....	400
Quyển 8.....	417
Phẩm 2- 4: Nhiếp Tịnh Nghĩa.....	417
Quyển 9.....	434
Phẩm 2- 5: Nhiếp Tịnh Nghĩa.....	434
Quyển 10.....	452
Phẩm 2- 6: Nhiếp Tịnh Nghĩa.....	452
Quyển 11.....	470
Phẩm 2- 7: Nhiếp Tịnh Nghĩa.....	470
Quyển 12.....	487
Phẩm 2- 8: Nhiếp Tịnh Nghĩa.....	487
Quyển 13.....	503
Phẩm 2- 9: Nhiếp Tịnh Nghĩa.....	503
Quyển 14.....	521
Phẩm 3: Thành Thiện Xảo.....	521
Phẩm 4: Thành Vô Thường.....	533

Quyển 15.....	547
Phẩm 5: Thành Khổ.....	547
Phẩm 6: Thành Không.....	557
Quyển 16.....	571
Phẩm 6: Thành Không (Tiếp).....	571
Phẩm 7: Thành Vô Tính.....	574
Phẩm 8 – 1: Thành Hiện Quán.....	587
Quyển 17.....	596
Phẩm 8 Tiếp: Thành Hiện Quán.....	596
Phẩm 9: Thành Du-Già.....	601
Phẩm 10: Thành Bất Tư Nghị.....	603
Phẩm 11 – 1: Nhiếp Thắng Quyết Trạch.....	607
Quyển 18.....	620
Phẩm 11 - 2: Nhiếp Thắng Quyết Trạch.....	620
Quyển 19.....	641
Phẩm 11 - 3: Nhiếp Thắng Quyết Trạch.....	641
Quyển 20.....	664
Phẩm 11 - 4: Nhiếp Thắng Quyết Trạch.....	664
SỐ 1603: HIỀN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN TỤNG.....	683
Phẩm 1: Nhiếp Sự.....	683
Phẩm 2: Nhiếp Tịnh Nghĩa.....	687
Phẩm 3: Thành Thiện Xảo.....	690
Phẩm 4: Thành Vô Thường.....	693
Phẩm 5: Thành Khổ.....	696
Phẩm 6: Thành Không.....	699
Phẩm 7: Thành Vô Tính.....	702
Phẩm 8 : Thành Hiện Quán.....	705
Phẩm 9: Thành Du-Già.....	708
Phẩm 10: Thành Bất Tư Nghị.....	709
Phẩm 11 : Nhiếp Thắng Quyết Trạch.....	710
SỐ 1604: LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH.....	718
Quyển 1.....	718
Phẩm 1: Duyên Khởi.....	718
Phẩm 2: Thành Tông.....	721
Phẩm 3: Quy Y.....	730
Phẩm 4: Chứng Tính.....	736
Quyển 2.....	743
Phẩm 5: Phát Tâm.....	743
Phẩm 6: Hai Lợi.....	752
Phẩm 7: Chân Thật.....	757
Phẩm 8: Thần Thông.....	761
Phẩm 9: Thành Thực.....	765

Quyển 3.....	774
Phẩm 10: Bồ-Đề.....	774
Quyển 4.....	805
Phẩm 11: Minh Tín.....	805
Phẩm 12 -1: Thuật Cầu.....	810
Quyển 5.....	827
Phẩm 12 - 2: Thuật Cầu.....	827
Quyển 6.....	849
Phẩm 13: Hoàng Pháp.....	849
Phẩm 14: Tùy Tu.....	861
Quyển 7.....	872
Phẩm 15: Giáo Thụ.....	872
Phẩm 16: Nghiệp Bản.....	887
Phẩm 17: Độ Nhiếp.....	889
Quyển 8.....	897
Phẩm 17 – 2: Độ Nhiếp.....	897
Quyển 9.....	920
Phẩm 18: Cúng Dường.....	920
Phẩm 19: Thân Cận.....	923
Phẩm 20: Phạm Trụ.....	926
Quyển 10.....	947
Phẩm 21 – 1: Giác phần.....	947